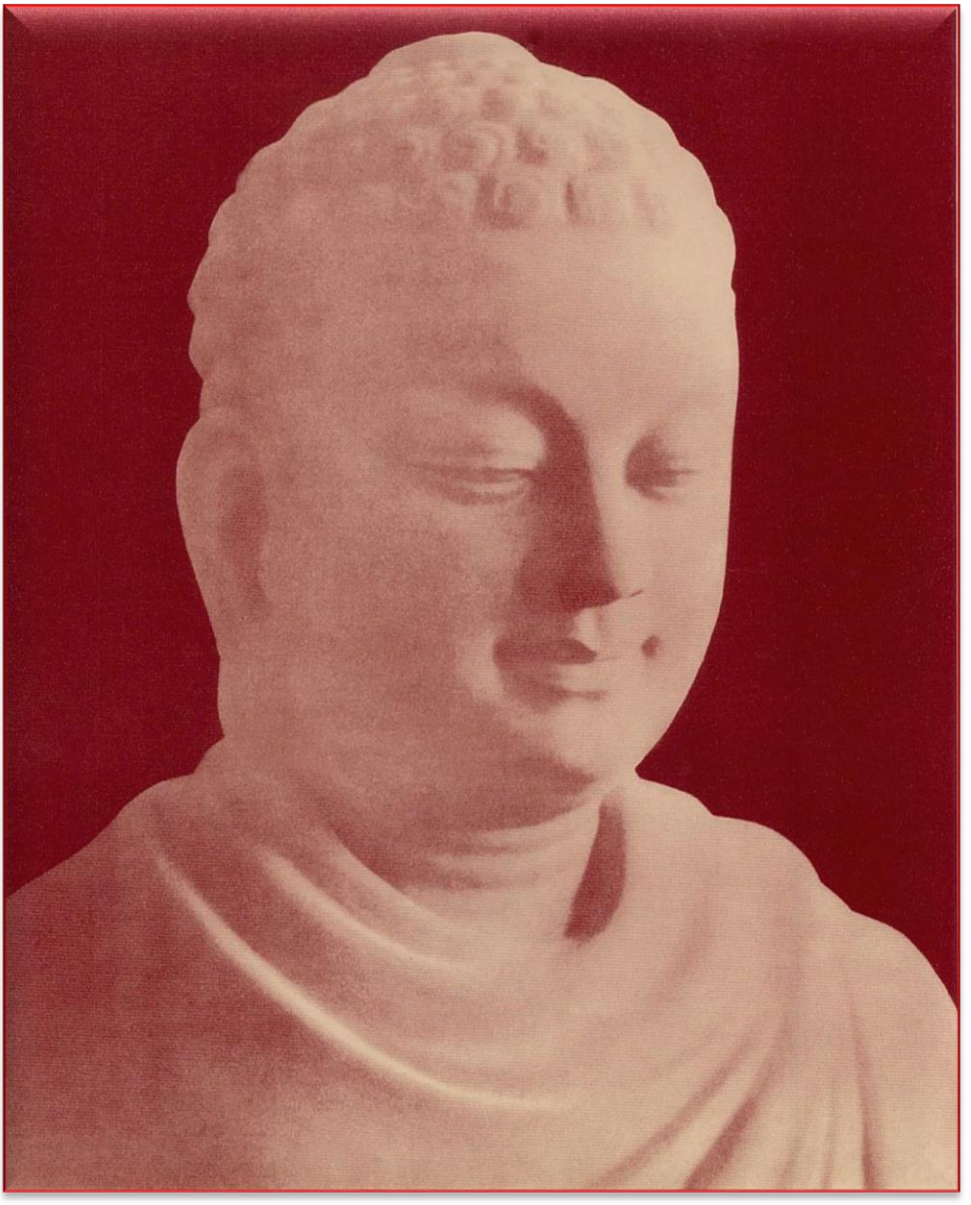

NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 44

BỘ BẢO TÍCH

III

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật- đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 44

BỘ BẢO TÍCH 3

SỐ 310 (Q.91 → 120)

&

SỐ 311 → 312

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
BỘ BẢO TÍCH 3 – T044

SỐ 310 (TT) 3
KINH ĐẠI BẢO TÍCH 3
QUYỂN 91 3
PHÁP HỘI 25: PHÁT THẮNG CHÍ LẠC (PHẦN 1) 3
QUYỂN 92 15
PHÁP HỘI 25: PHÁT THẮNG CHÍ LẠC (PHẦN 2) 15
QUYỂN 93 36
PHÁP HỘI 26: BỒ-TÁT THIỆN TÝ (PHẦN 1) 36
QUYỂN 94 48
PHÁP HỘI 26: BỒ-TÁT THIỆN TÝ (PHẦN 2) 48
QUYỂN 95 59
PHÁP HỘI 27: BỒ-TÁT THIỆN THUẬN 59
QUYỂN 96 72
PHÁP HỘI 28: TRƯỞNG GIẢ DŨNG MÃNH THỌ 72
QUYỂN 97 84
PHÁP HỘI 29: VUA ƯU-ĐÀ-DIÊN 84
QUYỂN 98 104
PHÁP HỘI 30: ĐỒNG NỮ DIỆU TUỆ 104
PHÁP HỘI 31: ƯU-BÀ-DI HẰNG HÀ THƯỢNG 112
QUYỂN 99 116
PHÁP HỘI 32: BỒ-TÁT VÔ ÚY ĐỨC 116
QUYỂN 100 138
PHÁP HỘI 33: BỒ-TÁT VÔ CẤU THÍ ỨNG HIỆN 138
Phẩm 1: TỰA 138
Phẩm 2: THANH VĂN 146
Phẩm 3: BỒ-TÁT 149
Phẩm 4: BỒ-TÁT HẠNH 156
Phẩm 5: THỌ KÝ 168
QUYỂN 101 172
PHÁP HỘI 34: BỒ-TÁT CÔNG ĐỨC BẢO HOA PHU 172
PHÁP HỘI 35: THIÊN TỬ THIỆN ĐỨC 176
QUYỂN 102 196
PHÁP HỘI 36: THIÊN TỬ THIỆN TRỤ Ý (PHẦN 1) 196
Phẩm 1: DUYÊN KHỞI 196
QUYỂN 103 212
PHÁP HỘI 36: THIÊN TỬ THIỆN TRỤ Ý (PHẦN 2) 212

Phẩm 2: KHAI THỰC NGHĨA 212
Phẩm 3: VĂN-THÙ THẦN BIẾN 216
Phẩm 4: PHÁ MA 219
Phẩm 5: BỒ-TÁT THÂN HÀNH 226
QUYỂN 104 233
PHÁP HỘI 36: THIÊN TỬ THIỆN TRỤ Ý (PHẦN 3) 233
Phẩm 6: PHÁ TƯỚNG BỒ-TÁT 233
Phẩm 7: PHÁ TƯỚNG NHỊ THỪA (Phần 1) 239
QUYỂN 105 249
PHÁP HỘI 36: THIÊN TỬ THIỆN TRỤ Ý (PHẦN 4) 249
Phẩm 7: PHÁ TƯỚNG NHỊ THỪA (Phần 2) 249
Phẩm 8: PHÁ TƯỚNG PHÀM PHU 252
Phẩm 9: THẦN THÔNG CHỨNG THUYẾT 258
Phẩm 10: XƯNG TÁN PHÓ PHÁP 263
QUYỂN 106 268
PHÁP HỘI 37: VƯƠNG TỬ A-XÀ-THẾ 268
PHÁP HỘI 38: ĐẠI THỪA PHƯƠNG TIỆN (PHẦN 1) 274
QUYỂN 107 291
PHÁP HỘI 38: ĐẠI THỪA PHƯƠNG TIỆN (PHẦN 2) 291
QUYỂN 108 303
PHÁP HỘI 38: ĐẠI THỪA PHƯƠNG TIỆN (PHẦN 3) 303
QUYỂN 109 316
PHÁP HỘI 39: TRƯỞNG GIẢ HIỀN HỘ (PHẦN 1) 316
QUYỂN 110 347
PHÁP HỘI 39: TRƯỞNG GIẢ HIỀN HỘ (PHẦN 2) 347
QUYỂN 110 0 365
QUYỂN 111 384
PHÁP HỘI 40: TỊNH TÍN ĐỒNG NỮ 384
PHÁP HỘI 41: BỒ-TÁT DI-LẶC HỎI TÁM PHÁP 402
PHÁP HỘI 42: BỒ-TÁT DI-LẶC HỎI NHỮNG ĐIỀM NGHI 404
QUYỂN 112 419
PHÁP HỘI 43: BỒ-TÁT PHỔ MINH 419
QUYỂN 113 446
PHÁP HỘI 44: BẢO LƯƠNG TỤ (PHẦN 1) 446
Phẩm 1: TỨ SA-MÔN 446
Phẩm 2: TỲ-KHEO 452
Phẩm 3: SA-MÔN CHIÊN-ĐÀ-LA 455
Phẩm 4: DOANH SỰ TỲ-KHEO 459
QUYỂN 114 463

PHÁP HỘI 44: BẢO LƯƠNG TỤ (PHẦN 2) 463
Phẩm 5: TỲ-KHEO A-LAN-NHÃ 463
Phẩm 6: TỲ-KHEO KHẤT THỰC 468
Phẩm 7: PHẤN TẢO Y TỲ-KHEO 470
QUYỂN 115 475
PHÁP HỘI 45: BỒ-TÁT VÔ TẬN TUỆ 475
PHÁP HỘI 46: VĂN-THÙ-SƯ-LỢI THUYẾT BÁT-NHÃ (PHẦN 1) 481
QUYỂN 116 491
PHÁP HỘI 46: VĂN-THÙ-SƯ-LỢI THUYẾT BÁT-NHÃ (PHẦN 2) 491
QUYỂN 117 508
PHÁP HỘI 47: BỒ-TÁT BẢO KẾ (PHẦN 1) 508
QUYỂN 118 535
PHÁP HỘI 47: BỒ-TÁT BẢO KẾ (PHẦN 2) 535
QUYỂN 119 562
PHÁP HỘI 48: THẮNG MAN PHU NHÂN 562
QUYỂN 120 583
PHÁP HỘI 49: TIÊN NHÂN QUẢNG BÁC 583
SỐ 311 607
KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG TAM GIỚI 607
QUYỂN 1 607
QUYỂN 2 621
QUYỂN 3 648
SỐ 312 681
PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA BÍ MẬT CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI 681
QUYỂN 1 681
Phẩm 1: THÂN MẬT CỦA BỒ-TÁT (Phần 1) 681
QUYỂN 2 688
Phẩm 1: THÂN MẬT CỦA BỒ-TÁT (Phần 2) 688
QUYỂN 3 696
Phẩm 2: MẬt NGỮ CỦA BỒ TÁT 696
Phẩm 3: MẬT TÂM CỦA BỒ-TÁT (Phần 1) 702
QUYỂN 4 705
Phẩm 3: MẬT TÂM CỦA BỒ-TÁT (Phần 2) 705
Phẩm 4: BỒ TÁT CHẤN HỐNG ÂM THANH ĐẾN HỘI 706
Phẩm 5: TRÌ QUỐC LUÂN VƯƠNG ĐI TRƯỚC (Phần 1) 707
QUYỂN 5 712
Phẩm 5: TRÌ QUỐC LUÂN VƯƠNG ĐI TRƯỚC (Phần 2) 712
QUYỂN 6 719

Phẩm 6: BỒ-ĐỀ ĐẠO 719
Phẩm 7: MẬT THÂN CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI (Phần 1).... 720
QUYỂN 7 728
Phẩm 7: MẬT THÂN CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI (Phần 2)..... 728
Phẩm 8: MẬT THÂN CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI (Phần 1)..... 730
QUYỂN 8 736
Phẩm 8: MẬT THÂN CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI (Phần 2)..... 736
QUYỂN 9 745
Phẩm 8: MẬT THÂN CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI (Phần 3)..... 745
Phẩm 9: MẬT THÂN CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI 746
Phẩm 10: TÁN THÁN CÔNG ĐỨC CỦA BỒ-TÁT KIM CANG THỦ ĐẠI BÍ MẬT CHỦ 748
Phẩm 11: BỒ TÁT KHỔ HẠNH SIÊU XUẤT THÙ THẮNG, Mượn Duyên Thọ Thực Để Thành Thục Chúng Sinh 749
QUYỂN 10 752
Phẩm 12: BỒ-TÁT ĐẾN BỒ-ĐỀ TRÀNG 752
QUYỂN 11 762
Phẩm 13: HÀNG MA 762
Phẩm 14: CHUYỂN PHÁP LUÂN (Phần 1) 765
QUYỂN 12 769
Phẩm 14: CHUYỂN PHÁP LUÂN (Phần 2) 769
Phẩm 15: ĐỐI TƯỢNG DUYÊN (Phần 1) 771
QUYỂN 13 776
Phẩm 15: ĐỐI TƯỢNG DUYÊN (Phần 2) 776
Phẩm 16: THỌ KÝ ĐẠI BÍ MẬT CHỦ BỒ-TÁT KIM CANG THỦ (Phần 2) 779
QUYỂN 14 783
Phẩm 16: THỌ KÝ ĐẠI BÍ MẬT CHỦ BỒ-TÁT KIM CANG THỦ (Phần 2) 783
Phẩm 17: KHÔNG CÓ HAI, KHÔNG NGÔN THUYẾT 785
Phẩm 18: VÀO THÀNH LỚN KHOÁNG DÃ THỌ THỰC (Phần 1) 789
QUYỂN 15 792
Phẩm 18: VÀO THÀNH LỚN KHOÁNG DÃ THỌ THỰC (Phần 2) 792
QUYỂN 16 797
Phẩm 19: HỘ THẾ (Phần 1) 797
QUYỂN 17 803
Phẩm 19: HỘ THẾ (Phần 2) 803
Phẩm 20: KHỨ LAI 805
QUYỂN 18 811

Phẩm 21: BỒ-TÁT DŨNG LỰC ĐI TRƯỚC 811
Phẩm 22: VUA A-XÀ-THẾ HỎI ĐÁP (Phần 1) 815
QUYỂN 19 819
Phẩm 22: VUA A-XÀ-THẾ HỎI ĐÁP (Phần 2) 819
Phẩm 23: THIÊN TỬ HIỀN VƯƠNG 824
Phẩm 24: NÓI THÍ DỤ KHEN NGỢI CÔNG ĐỨC TỔNG TRÌ VÔ TẬN (Phần 1) 827
QUYỂN 20 830
Phẩm 24: NÓI THÍ DỤ KHEN NGỢI CÔNG ĐỨC TỔNG TRÌ VÔ TẬN (Phần 2) 830
Phẩm 25: CHÚC LỤY CHÁNH PHÁP 832

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 44

BỘ BẢO TÍCH 3

SỐ 310 (tt)

(QUYỂN 91 → 120)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 310 (tt)

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 91

Hán dịch: Đời Đại Đường, Tam tạng
Pháp sư Bồ-đề-lưu-chí.

PHÁP HỘI 25: PHÁT THẮNG CHÍ LẠC (PHẦN 1)

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở thành Ba-la-nại, chỗ Tiên nhân ở trong vườn Thí lộc cùng chúng đại Tỳ-kheo một ngàn người và năm trăm Bồ-tát.

Lúc ấy trong chúng có nhiều Bồ-tát nghiệp chướng sâu nặng, các căn ám độn, thiện pháp kém ít, ưa thích nơi ồn ào luận nói việc đời, thích ngủ nghỉ, nhiều hý luận, rộng lo nhiều việc, tham trước các thứ, làm những sự chẳng nên làm, quên mất chánh niệm tu tập tà tuệ, cần mẫn với việc hạ liệt, làm sự mê hoặc.

Bồ-tát Di-lặc ở trong pháp hội thấy các Bồ-tát như vậy liền nghĩ rằng: "Các Bồ-tát ấy đều đã thoái chuyển nơi đạo phần viên mãn Vô thượng Bồ-đề. Nay ta nên làm cho họ giác ngộ, mở tỏ sinh lòng vui mừng". Suy nghĩ như vậy xong, lúc sáng sớm từ thiền định dậy, Bồ-tát Di-lặc đến chỗ các Bồ-tát ấy thăm hỏi rồi dùng lời dịu dàng mà nói pháp yếu cho họ vui mừng. Nhân đó Bồ-tát Di-lặc bảo họ rằng:

– Các ông ở nơi đạo phần viên mãn Vô thượng Bồ-đề được tăng trưởng mà chẳng thoái chuyển chăng?

Các Bồ-tát ấy đồng bạch:

– Bạch Tôn giả! Nơi đạo phần viên mãn Vô thượng Bồ-đề chúng tôi chẳng tăng trưởng chỉ có thoái chuyển. Vì sao? Vì tâm chúng tôi thường bị nghi hoặc che ngăn nên nơi Vô thượng Bồ-đề, chẳng hiểu biết được. Thế nào là chúng tôi sẽ làm Phật hay chẳng làm Phật ư? Nơi pháp đọa lạc, chúng tôi cũng chẳng rõ được. Thế nào là chúng tôi sẽ đọa lạc hay chẳng đọa lạc ư? Vì những lẽ ấy nên thiện pháp muốn sinh, thường bị nghi hoặc làm rối mờ.

Bồ-tát Di-lặc bảo:

– Các ông nên cùng tôi đến trước Đức Như Lai Ứng Chánh Biến Tri. Đức Như Lai là Đấng biết tất cả, thấy tất cả, thành tựu đầy đủ trí vô ngại, tri kiến giải thoát. Đức Phật dùng sức phương tiện biết rõ sở hành của tất cả chúng sinh, sẽ vì các ông theo căn tánh mỗi người mà nói pháp cho.

Trong chúng năm trăm người, có sáu mươi Bồ-tát cùng Bồ-tát Di-lặc đến chỗ Phật cùng quỳ lạy dưới chân Phật, buồn cảm rơi lệ chẳng dậy được. Bồ-tát Di-lặc kính lễ Phật xong lui qua một bên.

Đức Phật dạy:

– Các thiện nam nên đứng dậy, chớ có buồn khóc sinh nhiệt não nhiều. Thuở xưa các ông gây tạo nghiệp ác, đối với các chúng sinh các ông ưa thích giận mắng hủy nhục chướng não tổn hại, tùy ý mình mà phân biệt, chẳng biết được nghiệp báo sai khác, thế nên nay các ông bị nghiệp chướng ràng buộc ngăn che, mà ở nơi thiện pháp chẳng tu hành được.

Nghe lời Đức Phật dạy, các Bồ-tát ấy đứng dậy trịch áo, vai phải gối phải chấm đất, chắp tay cung kính bạch rằng:

– Bạch Thế Tôn! Xin Như Lai vì chúng mà nói nghiệp chướng ấy. Chúng con biết tội sẽ tự điều phục. Từ nay chúng chẳng dám tái phạm.

Đức Phật dạy:

– Này các thiện nam! Thuở xưa trong pháp của Đức Như Lai Câu-lưu-tôn , các ông từng xuất gia tu hành, các ông tự thị đa văn tu trì tịnh giới, thường có lòng kiêu mạn phóng dật. Các ông lại tu hành Đầu-đà thiểu dục tri túc, ở trong công đức này lại sinh chấp trước. Bấy giờ có hai Tỳ-kheo thuyết pháp, có nhiều thân hữu danh tiếng lợi dưỡng. Với hai Pháp sư ấy, vì lòng tham ganh mà các ông vọng ngôn gièm chê là làm việc dâm dục. Các thân hữu của hai Pháp sư, ấy bị các ngươi ly gián, nói phạm trọng tội, nên mọi người đều nghi hoặc chẳng còn lòng tín thọ. Các người ấy đối với hai Pháp sư không lòng tùy thuận dứt mất căn lành. Do ác nghiệp ấy, các ông đã phải đọa địa ngục A-tỳ trong sáu mươi trăm ngàn năm, ác nghiệp chưa hết lại đã đọa địa ngục Đẳng hoạt bốn mươi trăm ngàn năm, kế đọa địa ngục Hắc thằng hai mươi trăm ngàn năm, kế đọa địa ngục Thiêu nhiệt sáu mươi trăm ngàn năm, rời khỏi địa ngục được thân người trong năm trăm đời, sinh làm người đui mù, vì nghiệp tàn dư nên đời đời nhiều ngu độn quên mất chánh niệm, che chướng căn lành phước đức kém ít, hình dung thô xấu thiếu khuyết chẳng ai thích nhìn, thường bị chê bai khinh tiện cợt đùa khi ghét, luôn luôn sinh tại biên địa bần cùng hạ tiện, tài vật hao mất, sinh sống gian nan. Từ thân hiện nay chết, thời kỳ pháp sắp diệt đời

mạt thế năm trăm năm sau lại sinh làm người tại biên địa hạ liệt, thiếu thốn lạnh đói bị người khinh chê quên mất chánh niệm, chẳng tu pháp lành, dù có tu hành cũng bị nhiều ương nạn, dù tạm thời phát khởi ánh sáng trí tuệ, nhưng vì nghiệp chướng nên liền ẩn mất. Sau năm trăm năm mạt thế ấy, các nghiệp chướng mới tiêu diệt, sau đó các ông sẽ được sinh về thế giới Cực lạc, Đức Phật A-di-đà sẽ vì các ông mà thọ ký Vô thượng Bồ-đề.

Nghe lời Đức Phật dạy, các Bồ-tát ấy cả mình lông dựng lên rất hối hận, bèn tự gạt lệ bạch rằng:

– Bạch Thế Tôn! Nay con phát lộ sám hối tội lỗi. Chúng con thường đối với người hành Bồ-tát thừa, khinh mạn ganh ghét và các nghiệp chướng khác, nay đối trước Phật sám hối tội lỗi. Chúng con ở trước Thế Tôn phát hoằng thệ nguyện:

Bạch Thế Tôn! Từ ngày nay đến tận đời vị lai, nếu chúng con đối với người hành Bồ-tát thừa, thấy có trái phạm mà nêu bày lỗi người, là khi dối Đức Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Từ ngày nay đến tận đời vị lai, nếu chúng con đối với người hành Bồ-tát thừa, mà cợt đùa chê ghét khủng bố khinh tiện, là khi dối Đức Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Từ ngày nay đến tận đời vị lai, nếu chúng con đối với Bồ-tát tại gia, Bồ-tát xuất gia dùng năm dục lạc vui hưởng, chúng con hoàn toàn chẳng rình tìm lỗi họ, mà thường kính tin tưởng họ là những bậc thầy dạy dỗ, nếu chẳng như vậy là khi dối Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Từ ngày nay đến tận đời vị lai, đối với người hành Bồ-tát thừa, nếu chúng con bỏn xẻn mà thân hữu và các lợi dưỡng đem đến não nhiễu thân tâm cho họ khổ sở, là khi dối Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Từ ngày nay đến tận đời vị lai, với người hành Bồ-tát thừa, nếu chúng con dùng một lời thô làm cho họ chẳng vui, là khi dối Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Từ ngày nay đến tận đời vị lai, với người hành Bồ-tát thừa, nếu chúng con ngày đêm sáu thời chẳng siêng lễ kính họ, là khi dối Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Từ ngày nay đến tận đời vị lai, vì bảo hộ những hoằng thệ này nên chúng con chẳng tiếc thân mạng, nếu chẳng như vậy là khi dối Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Từ ngày nay đến tận đời vị lai, với hàng Thanh văn và Bích-chi-phật nếu chúng con dùng lòng khinh mạn bảo họ chẳng hơn con, là khi dối Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Từ ngày nay đến tận đời vị lai, nếu chúng con chẳng khéo điều phục thân mình, tưởng là hạ liệt như hạng Chiên-đà-la và như loài chó, là khi dối Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Từ ngày nay đến tận đời vị lai, nếu chúng con tự khen và chê người, là khi dối Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Từ ngày nay đến tận đời vị lai, nếu chúng con chẳng ghê sợ chỗ đấu tranh, liền đi tránh xa trăm do-tuần mau như gió thổi mạnh là khi dối Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Từ ngày nay đến tận đời vị lai, ở nơi những công đức trì giới đa văn, tu hạnh Đầu-đà thiểu dục tri túc, nếu chúng con tự khoe khoang là khi dối Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Từ ngày nay đến tận đời vị lai, tu pháp lành, chúng con chẳng tự kiêu căng, phạm tội nghiệp mà chẳng biết hổ thẹn phát lộ như vậy, là khi dối Như Lai.

Đức Phật khen:

– Lành thay, lành thay! Các thiện nam khéo nói pháp giác ngộ như vậy, khéo phát thệ nguyện rộng lớn như vậy. Hay dùng tâm quyết định như vậy, để an trụ trong ấy, thì tất cả nghiệp chướng đều tiêu diệt, vô lượng căn lành cũng sẽ tăng trưởng.

Phật lại bảo Đại Bồ-tát Di-lặc:

– Này Di-lặc! Nếu có Bồ-tát muốn tịnh trừ các nghiệp chướng nên phát thệ nguyện rộng lớn như vậy.

Bồ-tát Di-lặc bạch:

– Bạch Thế Tôn! Có thiện nam, thiện nữ nhân hộ trì và thệ nguyện ấy sẽ được viên mãn quả vị không thoái chuyển chăng?

Đức Phật dạy:

– Này Di-lặc! Nếu có thiện nam, thiện nữ hành đạo Bồ-tát, hộ trì thệ nguyện ấy, thì họ thà bỏ thân mạng chớ trọn không để kém khuyết thoái chuyển.

Bồ-tát Di-lặc lại bạch:

– Bạch Thế Tôn! Đời mạt thế năm trăm năm sau, lúc pháp sắp diệt, Bồ-tát hành bao nhiêu pháp để an ổn không não nhiễu, mà được giải thoát?

Đức Phật dạy:

– Này Di-lặc! Đời mạt thế năm trăm năm sau, lúc pháp sắp diệt, Bồ-tát thành tựu bốn pháp, thì an ổn không nhiễu não, mà được giải thoát:

Đối với các chúng sinh, chẳng tìm lỗi họ.

Thấy các Bồ-tát có chỗ trái phạm, hoàn toàn chẳng nêu lên

Nơi nhà thân hữu và thí chủ chẳng chấp trước

Dứt hẳn lời thô lỗ, cộc cằn.

Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa ấy liền nói kệ rằng:

Chẳng tìm lỗi lầm người
Cũng chẳng nêu tội người
Rời thô lỗ bỏn xẻn
Người này được giải thoát.

Này Di-lặc! Lúc pháp sắp diệt, Bồ-tát nên thành tựu bốn pháp thì được an ổn không não nhiễu mà được giải thoát:

Chẳng nên thân cận người giải đãi.

Bỏ rời tất cả chúng ồn náo, riêng ở chốn nhàn tịnh.

Thường tu tinh tấn.

Dùng phương tiện khéo để điều phục thân mình.

Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa ấy mà nói kệ rằng:

Nên rời bỏ giải đãi
Xa lìa những ồn náo
Tịch tĩnh thường tri túc
Người này sẽ giải thoát.

Nói kệ xong Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Này Di-lặc! Vì thế nên thuở mạt thế năm trăm năm sau, Bồ-tát muốn tự mình không nhiễu não được giải thoát, người muốn trừ diệt tất cả các nghiệp chướng, phải nên rời bỏ chỗ ồn náo ở trong rừng tịch tĩnh A-lan-nhã, đối với cái chẳng nên tu mà tu hành, cùng với những người thuộc về lười nhác biếng trễ, đều nên xa lìa, chỉ tự xét mình chẳng tìm lỗi người, thích điềm tĩnh nín lặng, siêng tu công hạnh tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa, đối với các chúng sinh nếu muốn thương xót làm lợi ích nhiều cho họ, thì phải dùng tâm không hy vọng thuyết pháp thanh tịnh.

Lại nữa, này Di-lặc! Nếu lúc Bồ-tát dùng tâm không hy vọng, mà hành pháp thí, chẳng đắm trước tiếng khen lợi dưỡng quả báo, lấy sự lợi ích khác làm trên hết, thường vì chúng sinh mà rộng tuyên chánh pháp, thì sẽ được thành tựu hai mươi thứ lợi ích, đó là chánh niệm thành tựu, trí tuệ đầy đủ, có sức kiên trì, tu hạnh thanh tịnh, sinh tâm giác ngộ, được trí xuất thế, chẳng tạo cơ hội thuận lợi cho các ma, ít tham dục, không có sân hận, cũng chẳng ngu si, được chư Phật ghi nhớ, phi nhân thủ hộ, vô lượng chư Thiên giúp thêm oai đức, quyến thuộc thân hữu không ai ngăn phá được,

lời nói ra người đều tín thọ, chẳng bị oan gia rình tìm dịp thuận tiện, được vô sở úy nhiều sự khoái lạc, được các người trí khen ngợi, giỏi thuyết pháp mọi người kính ngưỡng.

Bồ-tát như vậy, lại được thành tựu hai mươi thứ lợi ích, đó là biện tài chưa sinh mà được sinh, biện tài đã sinh hoàn toàn không quên mất, thường siêng tu tập, được Đà-la-ni, dùng ít công dụng khéo hay, lợi ích vô lượng chúng sinh, dùng ít công dụng khiến các chúng sinh khởi tâm tăng thượng cung kính tôn trọng, được thân, khẩu, ý thanh tịnh luật nghi, siêu quá tất cả ác đạo bố úy, lúc mạng chung tâm được hoan hỷ, hiển dương chánh pháp, xô dẹp dị luận, tất cả hào quý oai đức tôn nghiêm còn chẳng thể rình tìm được, huống là các chúng sinh ít phước hạ liệt, các căn thành tựu không ai biết được, đầy đủ nhiếp thọ ý lạc thù thắng, được Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, các hạnh khó làm đều được viên mãn, phát khởi tinh tấn, hộ trì toàn diện chánh pháp, mau được quả vị không thoái chuyển, trong tất cả công hạnh tùy thuận an trụ.

Lại nữa, này Di-lặc! Ông quan sát đời mạt thế năm trăm năm sau, có các Bồ-tát rất vô trí, lúc họ hành pháp thí, nếu được lợi dưỡng thì sinh lòng vui mừng, lúc chẳng được lợi dưỡng thì chẳng vui. Lúc họ vì người thuyết pháp, họ nghĩ rằng làm sao khiến các thân hữu đàn-việt quy thuộc tôi. Họ lại nghĩ làm sao khiến các Bồ-tát tại gia, xuất gia, đối với tôi họ sinh lòng tịnh tín, cung kính cúng dường y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc thang. Các Bồ-tát này vì tài lợi, mà vì người thuyết pháp, nếu không được lợi dưỡng thì họ chán nản.

Này Di-lặc! Ví như có người tâm thích sạch sẽ, hoặc bị đem thây rắn chết chó chết, người chết sình thối mủ máu đeo vào cổ, người này khổ não rất gớm nhàm mê muội chẳng an. Cũng vậy, người thuyết pháp đời mạt thế năm trăm năm sau, nơi chỗ không lợi dưỡng không thuận lòng họ không có thú vị, họ sinh lòng chán mỏi bỏ đi mà nghĩ rằng ở nơi đây ta thuyết pháp vô ích. Vì sao? Vì các người nơi đây đối với bốn việc cần dùng của tôi họ chẳng lo đến, ở đây nói pháp làm gì cho nhọc mệt uổng công. Các Pháp sư này tự cầu cúng dường, cung cấp tôn trọng mà nhiếp thọ chúng xuất gia và tại gia chớ chẳng vì pháp và sự lợi ích cho người mà nhiếp thọ. Các Pháp sư này tự cầu bốn việc lợi dưỡng, mà dối hiện tướng khác là vào vương thành, quốc ấp, thôn xóm, chớ chẳng vì lợi ích thành thục chúng sinh mà làm pháp thí.

Này Di-lặc! Đức Phật chẳng nói người có mong cầu là làm pháp thí thanh tịnh. Vì sao? Vì lòng có mong cầu thì pháp không bình đẳng. Đức

Phật chẳng nói người tâm tham cầu mà hay thành thục được chúng sinh. Vì sao? Vì tự mình chưa thành thục mà có thể thành thục người là việc không bao giờ có.

Đức Phật chẳng nói người tôn trọng, cúng dường an lạc tự thân, tham nhiếp vật bất tịnh mà làm sự lợi ích. Vì sao? Vì người cầu tự thân an ổn đầy đủ vui sướng, mà nhiếp thọ chúng hội thì chẳng thể khiến người an trụ chánh tín.

Đức Phật chẳng nói người dối trá là ở A-lan-nhã tịch tĩnh, người phước đức mỏng ít là thiểu dục, người tham vị ngon là tri túc, cầu nhiều thức ăn ngon là khất thực.

Đức Phật chẳng nói người khất cầu các thứ y phục đẹp là trì phấn tảo y.

Đức Phật chẳng nói người mà hàng tại gia, xuất gia không ai quen biết là người lìa ồn náo.

Đức Phật chẳng nói người siểm nịnh gặp Phật ra đời mà tìm lỗi dở của người là tu hành đúng lý, người làm nhiều sự tổn hại là giới tụ thanh tịnh, người tăng thượng mạn là Đa văn đệ nhất.

Đức Phật chẳng nói người ưa bè đảng là trụ Luật nghi, người tâm cống cao là tôn kính Pháp sư, người ỷ ngữ khinh đùa là thuyết pháp giỏi, người cùng thế tục giao tạp là có thể ở trong Tăng chúng, mà rời lìa các lỗi lầm.

Đức Phật chẳng nói bỏ bớt thắng phước điền, là bố thí chẳng mong báo, người cầu báo ân là nhiếp các sự việc tốt, người cầu cung kính lợi dưỡng là chí thích thanh tịnh, người nhiều vọng chấp là xuất gia.

Đức Phật chẳng nói người phân biệt ta người là ưa trì giới; người chẳng tôn kính và nghe pháp; người ưa thích sách thế tục, chú ếm ngôn luận là yêu chánh pháp.

Đức Phật chẳng nói người ở nơi tánh không, chẳng có thắng giải là có thể xa lìa sinh tử; người nhiều chấp trước là rời lìa các hành.

Đức Phật chẳng nói người ở nơi Bồ-đề phần, an trụ phương tiện khéo léo là chứng trí.

Đức Phật chẳng nói người không thế lực là thành tựu nhẫn nhục; người không bị quấy nhiễu là mặc giáp nhẫn nhục; người ít phiền não là luật nghi thanh tịnh, người hành phương tiện tà là tu hành đúng pháp.

Đức Phật chẳng nói người thích luận đàm là an trụ nhất tâm; người ưa kinh doanh sự đời là chẳng tổn chánh pháp; người chí nguyện thanh tịnh

là đọa các ác đạo; người tu tập trí tuệ là làm hạnh ồn náo.

Đức Phật chẳng nói phương tiện tương ưng là siểm nịnh; chẳng cầu lợi dưỡng là vọng ngữ; không chấp trước là hủy báng chánh pháp; người hộ chánh pháp mà tiếc thân mạng; việc làm hạ liệt là không thắng mạn.

Này Di-lặc! Đời mạt thế sau sẽ có Bồ-tát độn căn tiểu trí siểm nịnh hư cuốn an trụ nơi tặc hạnh, ông phải nên thủ hộ họ.

Bồ-tát Di-lặc bạch:

– Bạch Thế Tôn! Đời mạt thế trong năm trăm năm sau, chỉ có sáu mươi Bồ-tát này bị nghiệp chướng trói buộc, hay là còn các Bồ-tát khác.

Đức Phật dạy:

– Này Di-lặc! Đời mạt thế năm trăm năm sau có các Bồ-tát phần nhiều bị nghiệp chướng trói buộc. Các nghiệp chướng ấy hoặc có tiêu diệt hoặc lại tăng trưởng.

Này Di-lặc! Trong hàng năm trăm Bồ-tát đây, có hai mươi Bồ-tát nghiệp chướng kém ít, năm trăm năm sau sẽ sinh lại nơi thành ấp, thôn xóm chợ phố núi đồng này, dòng giống hào quý có oai đức lớn, thông minh trí tuệ phương tiện khéo hay, tâm ý điều nhu, thường có lòng từ mẫn làm nhiều lợi ích, dung mạo đoan nghiêm, biện tài xuất chúng, số thuật công xảo đều giỏi, tự ẩn giấu tài đức mình mà an trụ hạnh Đầu-đà công đức, sinh chỗ nào đều bỏ nhà vì đạo, đã ở trong vô lượng a-tăng-kỳ câu-chi kiếp tích tập Vô thượng Bồ-đề, hộ trì chánh pháp chẳng tiếc thân mạng, ở A-lan-nhã trong rừng tịnh vắng, thường siêng tu tinh tấn chẳng cầu lợi dưỡng, khéo hòa nhập vào tâm hành của tất cả chúng sinh, chú thuật ngôn luận đều biết rõ cả, đối với các nghĩa lý nghe ít hiểu nhiều, biện tài trí tuệ đều đầy đủ. Đối với pháp này, các Bồ-tát ấy siêng năng tu tập, được Đà-la-ni vô ngại biện tài, ở trong hàng bốn chúng tuyên nói chánh pháp, do sức oai đức gia bị của Phật nên ở nơi pháp của Phật, nói mười hai bộ kinh, đều được thông thạo biện tài tự tại. Hai mươi Bồ-tát tài giỏi ấy ở nơi Hòa thượng A-xà-lê được nghe vô lượng trăm ngàn Khế kinh đều có thể thọ trì, sẽ nói thế này: "Pháp môn này của tôi là tôi đích thân nghe thọ với Hòa thượng A-xà-lê ấy không có nghi hoặc".

Này Di-lặc! Vào thời kỳ ấy, có hàng Bồ-tát tại gia, Bồ-tát xuất gia vì không có trí tuệ phương tiện khéo léo, nên đối với pháp được nói bởi Bồ-tát thọ trì chánh pháp này, họ chê cười khinh hủy phỉ báng rằng: Pháp như vậy là do các người dùng lời khôn khéo tùy ý chế tạo ra, thực chẳng phải của Như Lai tuyên nói, chúng tôi đối với pháp ấy chẳng thể tin ưa mà phát tâm hy hữu. Do đây nên có vô lượng chúng sinh đối với các Pháp sư này

đều sinh lòng phỉ báng, bỏ đi mà bảo nhau rằng: "Các Tỳ-kheo ấy không có hủy phạm nhiều tà thuyết, chẳng y cứ Khế kinh, chẳng y cứ vào Giới luật, như tuồng ca hát xướng, mọi người chớ nên tin ưa phát tâm hy hữu, chẳng phải là chánh pháp vậy".

Này Di-lặc! Những người ngu ấy bị ma nó nhiếp trì, đối với pháp này họ chẳng hiểu được mà cho là chẳng phải của Như Lai nói, với các Tỳ-kheo trì pháp, họ phỉ báng tạo nghiệp hoại pháp, do đây họ sẽ đọa ác đạo.

Này Di-lặc! Vì lẽ ấy nên các Bồ-tát có trí tuệ thiện xảo, muốn hộ chánh pháp phải ẩn tài đức mình, với các chúng sinh nhiều phân biệt, phải cần hộ niệm chớ để họ sinh lòng ác, bất thiện.

Bồ-tát Di-lặc bạch:

– Bạch Thế Tôn! Đời mạt thế năm trăm năm sau, có các Bồ-tát rất vô trí ở trong đại chúng, phỉ báng chánh pháp và người trì pháp, nơi trong ấy sẽ có biện tài và Đà-la-ni mà họ chẳng tín thọ được.

Bạch Thế Tôn! Ví như có người khát nước đi đến suối ao để uống, trước đó người ấy đã đem phân nhơ đổ xuống ao này rồi, lúc sắp uống họ ngửi nước ao nghe mùi hôi thối nên chẳng uống. Đây là họ tự làm ô uế mà lại đổ lỗi tại nước, đến đỗi bảo rằng, rất lạ sao nước này quá hôi thối. Họ chẳng biết lỗi tại họ, mà trở lại oán trách nước ao.

Bạch Thế Tôn! Như nước ao, là ví dụ cho các Tỳ-kheo trì pháp, được thần lực Phật mà khéo giải thuyết trong Pháp nhãn này. Còn người ngu si đem phân nhơ đổ xuống ao rồi, không nhớ biết, sau đó muốn uống, lại trách nước hôi, là dụ cho các Bồ-tát vô trí trong đời mạt thế năm trăm năm sau, đối với chánh pháp và người trì pháp sinh lòng phỉ báng, rồi sau đó lại đến người trì pháp nghe thuyết chánh pháp, họ chẳng tự biết lỗi, vì nghi hoặc ô nhiễm ý căn, nên họ khi dể chê cười Pháp sư, khinh hủy chánh pháp, tìm tòi chỗ dở, nói lời ô nhục nhàm chán bỏ đi.

Đức Thế Tôn khen:

– Lành thay, lành thay! Di-lặc khéo nói ví dụ như vậy. Này Di-lặc! Nên biết có bốn biện tài, mà tất cả chư Phật đều tuyên nói; lại có bốn biện tài, mà tất cả chư Phật đều cấm ngăn.

Những gì là bốn biện tài được chư Phật tuyên nói? Đó là tương ưng với lợi ích, chẳng phải tương ưng với bất lợi, tương ưng với chánh pháp, chẳng phải tương ưng pháp, tương ưng với phiền não diệt tận, chẳng phải tương ưng với phiền não tăng trưởng, tương ưng với Niết-bàn công đức chẳng phải tương ưng sinh tử rất lậu hoặc, đây là bốn biện tài được chư Phật tuyên nói. Nếu các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, người

muốn thuyết pháp nên an trụ nơi biện tài này. Các thiện nam, thiện nữ có lòng tín thuận, đối với người như vậy nên sinh ý tưởng như Phật, coi là giáo sư và thính thọ chánh pháp nơi người ấy. Vì sao? Vì những gì được người ấy nói, chính là những gì được Như Lai tuyên thuyết, là lời thành thật của tất cả chư Phật vậy.

Này Di-lặc! Nếu có ai phỉ báng bốn biện tài này cho rằng chẳng phải Phật nói, chẳng có lòng cung kính tôn trọng, người này do lòng oán ghét, nên đối với bốn biện tài của tất cả chư Phật Như Lai đã nói, sinh lòng phỉ báng, họ phỉ báng pháp rồi gây nghiệp hoại pháp, tạo nghiệp hoại pháp rồi họ phải đọa ác đạo.

Vì thế, nên này Di-lặc! Nếu có thiện nam tịnh tín, vì muốn thoát khỏi tội nghiệp phỉ báng chánh pháp, nên chẳng vì ghét bỏ người mà ghét bỏ chánh pháp, chẳng vì người có lỗi, mà quy lỗi nơi chánh pháp, chẳng vì oán người mà oán cả chánh pháp.

Này Di-lặc! Thế nào là bốn thứ biện tài mà tất cả Như Lai ngăn cấm; đó là tương ưng với phi lợi ích mà chẳng tương ưng với lợi ích; tương ưng với phi pháp mà chẳng tương ưng với pháp; tương ưng với phiền não mà chẳng tương ưng với phiền não diệt tận; tương ưng với sinh tử mà chẳng tương ưng với công đức Niết-bàn.

Bồ-tát Di-lặc bạch:

– Bạch Thế Tôn! Như lời Phật đã dạy, nếu có biện tài tăng trưởng sinh tử, thì chẳng phải là những gì được Như Lai tuyên thuyết, tại sao Phật nói các phiền não hay làm sự lợi ích của Bồ-tát, Phật lại khen ngợi nhiếp thủ sinh tử mà hay viên mãn pháp Bồ-đề phần, những biện thuyết ấy há chẳng phải là những gì được Như Lai tuyên thuyết ư?

Đức Phật dạy:

– Này Di-lặc! Nay Phật hỏi ông tùy ý ông đáp. Nếu có lời nói rằng Bồ-tát vì viên mãn thành tựu Bồ-đề phần, mà nhiếp thủ sinh tử, lại nói dùng các phiền não làm sự lợi ích. Lợi nói trên đây là tương ưng với lợi ích hay với phi lợi ích, là tương ưng với pháp hay với phi pháp?

Bồ-tát Di-lặc bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nếu là chính thuyết thì tương ưng với lợi ích và pháp, vì hay làm cho pháp phần Bồ-đề của Bồ-tát được viên mãn.

Đức Phật dạy:

– Này Di-lặc! Nếu có Bồ-tát vì viên mãn pháp phần Bồ-đề, mà nhiếp thủ sinh tử, lại nói các phiền não hay làm sự lợi ích của Bồ-tát, biện thuyết

như vậy là những gì được Như Lai tuyên thuyết. Tại sao? Này Di-lặc! Các Bồ-tát ấy được pháp tự tại các phiền não được phát khởi không có lầm lỗi, đây là phương tiện khéo léo của Bồ-tát, chẳng phải là cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác.

Này Di-lặc! Nếu có phiền não chẳng làm lợi ích được cho người, chẳng hay làm viên mãn Bồ-đề phần chẳng tương ưng với lợi ích, chẳng tương ưng với pháp, lúc nó phát khởi chỉ làm nhân duyên cho thiện căn hạ liệt, trong trường hợp này, Bồ-tát thà bỏ thân mạng chớ chẳng tùy theo các phiền não ấy mà thực hành.

Này Di-lặc! Có Bồ-tát khác, vì được trí lực nên đối với các phiền não hiện có phan duyên, có Bồ-tát khác vì không trí lực, nên đối với các phiền não tăng trưởng chấp trước.

Bồ-tát Di-lặc bạch:

– Bạch Thế Tôn! Như tôi hiểu nghĩa của Phật nói, nếu các Bồ-tát ở đời mạt thế năm trăm năm sau, muốn lìa sự trói buộc của các nghiệp chướng, tự không tổn hại mà được giải thoát, người này sẽ sinh tín giải sâu ở trong hạnh Bồ-tát, vì lỗi lầm của người chẳng sinh phân biệt, chí cầu công đức chân thật của Như Lai.

Đức Phật dạy:

– Đúng vậy! Này Di-lặc! Vì thế nên phải sinh tín giải sâu ở trong phương tiện hạnh của các Bồ-tát. Vì sao? Vì phương tiện hạnh của tuệ hành Bồ-tát rất khó tín giải vậy.

Này Di-lặc! Ví như vị Tu-đà-hoàn thị hiện hạnh Phàm phu. Hàng Phàm phu với Tu-đà-hoàn ngôi vị đều sai biệt. Người Phàm phu vì bị sự trói buộc của tham, sân, si mà đọa ác đạo, mà người Tu-đà-hoàn hay khéo liễu đạt tham, sân, si, hoàn toàn chẳng bị sa đọa ba đường ác.

Tuệ hành Bồ-tát cũng vậy, ở nơi tập khí tham, sân, si chưa dứt mà cũng khác với sơ nghiệp Bồ-tát. Vì sao? Vì tâm của tuệ hành Bồ-tát chẳng bị phiền não che lấp, chẳng đồng với các sơ nghiệp Bồ-tát.

Độn hành Bồ-tát không có thiện xảo, đồng với phàm phu chẳng xuất ly được.

Này Di-lặc! Tất cả trọng tội, tuệ hành Bồ-tát dùng sức trí tuệ đều tiêu diệt, cũng chẳng vì nó mà đọa ác đạo. Ví như có người đem củi gỗ ném vào khối lửa lớn, luôn luôn thêm củi, do đó ngọn lửa càng thêm sáng không hề tắt. Cũng vậy, này Di-lặc! Tuệ hành Bồ-tát dùng lửa trí tuệ, đốt củi phiền não luôn luôn thêm củi gỗ phiền não, do đó khối lửa trí tuệ thêm sáng mãi không hề tắt.

Này Di-lặc! Đúng vậy! Sức trí tuệ phương tiện khéo léo của tuệ hành Bồ-tát rất khó biết rõ.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 92

Hán dịch: Đời Đại Đường, Tam tạng
Pháp sư Bồ-đề-lưu-chí.

PHÁP HỘI 25: PHÁT THẮNG CHÍ LẠC (PHẦN 2)

Khi ấy Bồ-tát Di-lặc bạch:

– Bạch Thế Tôn! Hàng Bồ-tát sơ nghiệp đã xuất gia rồi, mà chưa được sức trí tuệ, nay muốn được thì nên xả bỏ pháp gì nên tu pháp gì, để cho tuệ lực, chưa sinh thì được sinh, tuệ lực đã sinh thì tăng trưởng?

Đức Phật dạy:

– Này Di-lặc! Hàng Bồ-tát sơ nghiệp đã xuất gia rồi, muốn tuệ lực được tăng trưởng, nên đối với lợi dưỡng biết rõ tội lỗi của nó và cần xả ly. Với những lỗi thích ồn náo nói chuyện thế tục, ưa ngủ nghỉ làm nhiều công việc, thích hý luận đều phải xa rời. Phải bỏ lợi dưỡng mà tập thiểu dục, bỏ nơi ồn náo mà thích vắng lặng, bỏ chuyện đời mà quán thật nghĩa, đầu hôm cuối đêm phải xa rời ngủ nghỉ, để quán sát tư duy tùy hành tu tập, xả bỏ các việc chúng và các hý luận mà tu đạo xuất thế, thương nhớ chúng sinh.

Này Di-lặc! Hàng Bồ-tát sơ nghiệp đã xuất gia rồi, chưa được tuệ lực mà muốn được, thì phải bỏ và tu như vậy. Vì sao? Vì chẳng bỏ lợi dưỡng, để tu thiểu dục mà muốn sinh tuệ lực, chưa sinh muốn tăng trưởng tuệ lực đã sinh, thì chẳng bao giờ có. Chẳng bỏ ồn náo chẳng thích ở vắng lặng chẳng bỏ chuyện đời chẳng quán thật nghĩa, mà muốn sinh vào trưởng tuệ lực, cũng chẳng bao giờ có. Đầu hôm cuối đêm ham thích ngủ nghỉ chẳng giác ngộ nhiếp niệm tư duy, chẳng bỏ việc chúng, thích hý luận, chẳng tu đạo xuất thế, với chúng sinh chẳng thương nhớ, mà muốn sinh tuệ lực chưa sinh và trưởng tuệ lực đã sinh, cũng đều chẳng bao giờ có. Vì sao? Vì trí Bồ-tát lực từ nhân duyên sinh, nếu không nhân duyên thì trọn chẳng sinh được. Nhân duyên hòa hợp mới được sinh sức trí tuệ.

Bồ-tát Di-lặc bạch:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là lỗi của lợi dưỡng, nếu lúc quán sát hay

khiến các Bồ-tát thích xa lìa chẳng phát sinh nhiệt não?

Đức Phật dạy:

– Này Di-lặc! Hàng Bồ-tát sơ nghiệp nên quan sát lợi dưỡng vì sinh tham dục; nên quan sát lợi dưỡng, vì lợi dưỡng làm hư mất chánh niệm sinh giận tức; nên quan sát lợi dưỡng, vì quan niệm được mất sinh ngu si; nên quan sát lợi dưỡng, vì hay sinh tâm cao thấp tật đố; nên quan sát lợi dưỡng vì ở nơi nhà thân hữu bỏn xẻn, ham thích sinh cuống hoặc; nên quan sát lợi dưỡng vì gây nên ưa thích sinh siểm nịnh; nên quan sát lợi dưỡng vì bỏ bốn Thánh chủng, không tàm quý; nên quan sát lợi dưỡng vì tất cả chư Phật chẳng cho phép, quen phóng dật sinh cao mạn; nên quan sát lợi dưỡng, vì bỏ thắng phước điền, khởi khinh mạn làm ma đảng; nên quan sát lợi dưỡng vì là căn bản các điều ác, mà phá hư các điều lành; nên quan sát lợi dưỡng vì nhiều sự tham trước như sương tuyết; nên quan sát lợi dưỡng vì ở nơi nhà thân hữu, xem chờ nhan sắc sinh ưu não; nên quan sát lợi dưỡng, vì yêu mến đồ vật tổn hoại, bị lòng lo rầu nhiễu loạn; nên quan sát lợi dưỡng, vì đối với bốn Niệm xứ nhiều quên mất làm kém hao bạch pháp; nên quan sát lợi dưỡng, vì đối với bốn Chánh cần có nhiều sự thoái thất, hay khiến tất cả luận ngoại đạo thắng thế; nên quan sát lợi dưỡng, vì tự khoe nói đã được thần thông trí tuệ, sinh sự sai quấy; nên quan sát lợi dưỡng, vì trước sau mất lòng tin sinh lòng oán ghét; nên quan sát lợi dưỡng, vì giận ghét nhau nói lỗi lầm nhiều giác quán; nên quan sát lợi dưỡng vì lo sinh sống mà kinh doanh nghiệp đời, so tính suy tư giảm mất sự an lạc; nên quan sát lợi dưỡng vì với những căn lành, cho đến thiền định giải thoát Tam-muội Tam-ma-bát-đề, lòng như dâm nữ hay thoái thất; nên quan sát lợi dưỡng, vì bỏ rời trí đức đoạn đức, đọa vào các ác đạo địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ; nên quan sát lợi dưỡng, vì cùng Đề-bà-đạt-đa và Ô-đà-lạc-ca đồng pháp đồng trụ, phải đọa ác đạo.

Này Di-lặc! Hàng Bồ-tát sơ nghiệp quan sát tội lỗi của lợi dưỡng như vậy rồi, thích ưa thiểu dục chẳng sinh nhiệt não. Vì sao? Vì Bồ-tát thiểu dục, thì chẳng sinh tất cả tội lỗi, có thể làm pháp khí thanh tịnh của Phật, chẳng liên quan tại gia hay xuất gia, an trụ ý nguyện chân thật tối thắng, chẳng làm ty hạ, cũng chẳng kinh sợ, vì rời lìa sự lo sợ đọa lạc ác đạo vậy, không gì che lấp được, vì bỏ sự say đắm, vì được thoát khỏi các cảnh giới ma, được tất cả chư Phật ngợi khen, chư Thiên và mọi người cũng sẽ kính mến, với các thiền định cũng chẳng nhiễm trước, vì an trụ biên tế vậy, lòng dạ chất trực không siểm nịnh, ở trong năm dục chẳng phóng dật vì thấy lỗi của nó, tu hành đúng pháp hay an trụ Thánh chủng, người đồng phạm hạnh

cũng sẽ mến ưa.

Này Di-lặc! Nếu có trí Bồ-tát tuệ thông sáng ở nơi công đức này có thể biết như vậy, do ý nguyện thù thắng nên bỏ lợi dưỡng, do ý nguyện thù thắng an trụ thiểu dục, vì dứt tham ái mà phát khởi vậy.

Bồ-tát Di-lặc bạch:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là lỗi ở trong ồn náo, lúc quan sát, Bồ-tát ở riêng vắng lặng chẳng sinh nhiệt não.

Đức Phật dạy:

– Này Di-lặc! Hàng Bồ-tát sơ nghiệp nên quán sát lỗi của ồn náo có hai mươi thứ, lúc quán sát hay khiến Bồ-tát ở riêng vắng lặng chẳng sinh nhiệt não.

Thế nào thích nơi ồn náo có hai mươi điều lỗi?

1. Chẳng hộ thân nghiệp.
2. Chẳng hộ khẩu nghiệp.
3. Chẳng hộ ý nghiệp.
4. Nhiều tham dục.
5. Thêm ngu si.
6. Ưa nói chuyện đời.
7. Rời lìa xuất thế.
8. Với phi pháp tôn trọng tu tập.
9. Bỏ lìa chánh pháp.
10. Thiên ma được dịp tiện.
11. Nơi hạnh bất phóng dật chưa từng tu tập.
12. Nơi hạnh phóng dật thường có lòng nhiễm trước.
13. Nhiều giác quán.
14. Tổn giảm đa văn.
15. Chẳng được thiền định.
16. Không có trí tuệ.
17. Mau chóng được các phi phạm hạnh.
18. Chẳng mến Phật.
19. Chẳng mến Pháp.
20. Chẳng mến Tăng.

Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa ấy nói kệ rằng:

Bỏ rời những tham, sân

Chẳng ở nơi ồn náo
Nếu có chuyện ở đó
Là lỗi chẳng nên làm.
Kiêu mạn và giác quán
Đều do ồn náo sinh
Người không giới không hạnh
Khen tặng nơi ồn náo.
Kẻ ngu thích thế luận
Thoái thất Đệ nhất nghĩa
Phóng dật nhiều giác quán
Lỗi này chẳng nên làm.
Tỳ-kheo bỏ Đa văn
Ngôn luận chẳng đúng lý
Tổn giảm các Thiền định
Thường tư duy thế gian.
Người ham ưa tư duy
Làm sao được tịch tĩnh
Lòng họ thường phóng dật
Lìa hẳn các Chỉ quán.
Mau được phi phạm hạnh
Ồn ào không Luật nghi
Họ chẳng mến nơi Phật
Cũng chẳng mến Thánh chúng.
Vất bỏ pháp lìa dục
Say mê lời phi pháp
Ta thường bỏ ngàn thân
Tay chân và đầu mắt.
Vì cầu đạo Vô thượng
Nghe pháp không chán đủ
Các người phi pháp này
Nghe chút ít liền bỏ.
Xưa ta làm quốc vương
Vì cầu bốn câu kệ
Cả vợ con của báu
Đều hay đem bố thí.
Nào có bậc Trí giả
Mà chẳng siêng nghe pháp
Ta thường bỏ tất cả

Những hý luận phi pháp.
Vì trong trăm ngàn kiếp
Khó được giải thoát vậy
Các ông nên ưa thích
Chí cầu pháp vi diệu.
Nếu người ưa giải thoát
Các công đức tối thắng
Những sự nghiệp thế gian
Đều chẳng nên hỏi đến.
Áo cơm không lợi tốt
Cũng chẳng chứng Niết-bàn
Nên ngợi khen tối thắng
Thiện lai, Tỳ-kheo!
Phải trải tòa mời ngồi
Cùng nhau nói pháp yếu
Thân người rất khó được
Tùy phần tu bạch pháp,
Đọc tụng và thiền định
Ông phải hỏi như vậy
Đức Phật nhập Niết-bàn
Chánh pháp sẽ hoại diệt.
Tỳ-kheo nhiều phóng dật
Ưa đông bỏ nhàn tịnh
Vì uống ăn lợi dưỡng
Ngày đêm luận sự đời.
Người ngu ở trong mộng
Kinh sợ và trôi đắm
Tự biết phạm tội nhiều
Sẽ đọa ba đường ác.
Nên sinh lòng hoan hỷ
Ở riêng chốn thanh nhàn
Hoặc ở A-lan-nhã
Chí cầu đạo Vô thượng.
Chẳng nên thấy lỗi người
Tự khoe tôn thắng nhất
Kiêu căng gốc phóng dật
Chớ khinh kẻ hạ liệt,
Họ ở trong chánh pháp

Lần lượt sẽ giải thoát.
Tỳ-kheo tuy phá giới
Mà sâu tin Tam bảo
Đây là nhân giải thoát
Chẳng nên lấy lỗi họ.
Khó dẹp phục tham, sân
Chớ kinh sợ phóng dật
Thói quen nên phải vậy
Vì thế chẳng nên nói.
Nếu Tỳ-kheo thanh tịnh
Rình tìm lỗi của người
Rất là chẳng chân thật
Chẳng gọi tu chánh pháp
Người tu hành đúng pháp
Phải nên tự quan sát.
Chúng Tỳ-kheo cầu đạo
Bỏ rời ngôn luận ác
Thường dùng tâm hoan hỷ
Ở riêng chốn thanh nhàn.

Bồ-tát Di-lặc bạch:

– Bạch Thế Tôn! Ham thích ồn ào, bèn có vô lượng tội lỗi như vậy, thoái thất công đức không được lợi ích, thêm lớn phiền não, sa đọa ác đạo, rời lìa bạch pháp. Nào có Bồ-tát cầu pháp lành được nghe tội lỗi này mà chẳng thích ở riêng chốn thanh nhàn.

Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là lỗi của sự nói chuyện đời, nếu lúc quan sát, Bồ-tát nên an trụ nghĩa quyết định, do quán sát nghĩa ấy mà chẳng sinh nhiệt não?

Đức Phật dạy:

– Này Di-lặc! Hàng Bồ-tát sơ nghiệp phải nên quán sát nói chuyện đời có hai mươi điều lỗi, lúc quán sát có thể làm cho Bồ-tát an trụ quyết định nghĩa, do quán nghĩa ấy mà chẳng sinh nhiệt não.

Những gì gọi là ưa nói chuyện đời có hai mươi điều lỗi?

1. Lòng sinh ngạo mạn, chẳng kính đa văn.

2. Ở nơi các tranh luận sinh nhiều chấp trước.

3. Mất chánh niệm tác ý đúng lý.

4. Làm chỗ chẳng nên làm thân nhiều tháo động.

5. Tâm cao hạ nhanh chóng thất thường tổn hoại pháp nhẫn.

6. Tâm thường cương cường chẳng huân tu thiền định trí tuệ.

7. Nói phi thời bị ngôn luận ràng buộc.

8. Chẳng thể kiên cố chứng Thánh trí.

9. Chẳng được Thiên Long cung kính.

10. Bị người biện tài thường có lòng khinh rẻ.

11. Bị người thân chứng quở trách.

12. Chẳng an trụ chính tín thường có lòng hối hận.

13. Lòng nhiều nghi hoặc dao động chẳng an.

14. Như hàng xướng kỹ âm thanh khéo.

15. Nhiễm trước các dục lạc theo cảnh lưu chuyển.

16. Chẳng quan sát chân thật, phỉ báng chánh pháp.

17. Có mong cầu điều chi, thường chẳng được toại nguyện.

18. Tâm chẳng điều thuận bị người chê bỏ.

19. Chẳng biết pháp giới tùy thuận ác hữu.

20. Chẳng rõ các căn hệ thuộc phiền não.

Này Di-lặc! Đây là hai mươi điều lỗi do ưa nói chuyện đời mà Bồ-tát nên quán sát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa ấy mà nói kệ rằng:

Kiêu ngạo nơi đa văn
Chấp trước các tranh luận
Mất niệm, chẳng chánh biết
Đây là lỗi chuyện đời.
Xa rời chánh tư duy
Thân tâm chẳng tịch tĩnh
Thoái thất nơi pháp nhẫn
Đây là lỗi chuyện đời.
Tâm họ chẳng điều thuận
Xa rời Xa-ma-tha
Và Tỳ-bát-xá-na
Đây là lỗi chuyện đời.
Chẳng tôn kính Sư trưởng
Ưa thích các thế luận
Trí tuệ chẳng kiên cố
Đây là lỗi chuyện đời.
Chư Thiên chẳng cung kính

Long thần cũng như vậy
Thoái thất nơi biện tài
Đây là lỗi chuyện đời.
Bậc Thánh thường quở trách
Các người đam mê ấy
Luống uổng thọ mạng mình
Đây là lỗi chuyện đời.
Các hành đều khuyết giảm
Xa lìa đại Bồ-đề
Mạng chung sinh ưu não
Đây là lỗi chuyện đời.
Nghi hoặc tâm dao động
Như gió thổi động cỏ
Trí tuệ chẳng kiên cố
Đây là lỗi chuyện đời.
Ví như người ca xướng
Khen nói là dũng kiện
Người ấy cũng như vậy
Đây là lỗi chuyện đời.
Chạy theo ngữ ngôn đời
Nhiễm trước các cảnh dục
Thường làm những tà đạo
Đây là lỗi chuyện đời.
Mong cầu lòng chẳng toại
Siểm nịnh nhiều tranh luận
Xa rời các Thánh hạnh
Đây là lỗi chuyện đời.
Người ngu được chút lợi
Lòng họ thường dao động
Như khỉ vượn tháo nhiễu
Đây là lỗi chuyện đời.
Nhiều thoái thất trí tuệ
Không có lòng giác ngộ
Bị kẻ ngu nhiếp trì
Đây là lỗi chuyện đời.
Mê hoặc nơi mắt, tai
Cho đến ý cũng vậy
Thường cùng phiền não chung

Đây là lỗi chuyện đời.
Kẻ ngu ưa chuyện đời
Trọn đời thường uổng phí
Chẳng bằng suy một nghĩa
Được lợi ích vô biên.
Ví như vị ngọt mía
Dù chẳng rời vỏ đốt
Mà được vị ngọt ngon
Vỏ đốt như nói chuyện,
Nghĩa lý như vị ngọt
Vì thế bỏ hư ngôn
Suy gẫm nơi thật nghĩa
Trí tuệ của Bồ-tát
Hay biết lỗi chuyện đời
Nên thường thích suy gẫm
Công đức Đệ nhất nghĩa.
Pháp vị và nghĩa vị
Giải thoát vị đệ nhất
Ai là người có trí?
Mà lòng chẳng ưa thích .
Vì thế nên phải bỏ
Các ngôn luận vô lợi
Thường ưa siêng suy gẫm
Đệ nhất nghĩa thù thắng.
Pháp đệ nhất như vậy
Được chư Phật ngợi khen
Vì thế người trí sáng
Nên vui siêng tu tập.

Bồ-tát Di-lặc bạch:

– Bạch Thế Tôn! Như Lai khéo hay nói lỗi của chuyện thế gian và công đức lợi ích suy gẫm nghĩa thù thắng, nào có Bồ-tát chí cầu trí tuệ chân thật của Phật mà lại còn ưa chuyện trò sự đời hư cuống.

Bạch Thế Tôn! Thế nào là lỗi của ngủ nghỉ, nếu lúc quán sát, Bồ-tát phải phát khởi tinh tấn chẳng sinh nhiệt não như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Này Di-lặc! Hàng Bồ-tát sơ nghiệp nên quán sát ngủ nghỉ, có hai mươi điều lỗi, lúc quán sát có thể làm cho Bồ-tát phát khởi tinh tấn ý

nguyện chẳng mỏi. Này Di-lặc! Những gì là hai mươi điều lỗi do ham ngủ nghỉ?

1. Giải đãi lười nhác.
2. Thân thể trầm trọng.
3. Nhan sắc tiều tụy.
4. Thêm tật bệnh.
5. Hơi nóng ấm kém yếu.
6. Ăn chẳng tiêu hóa.
7. Thân thể sinh mụn ghẻ.
8. Chẳng siêng tu tập.
9. Thêm lớn ngu si.
10. Trí tuệ yếu kém.
11. Da dẻ đen đủi.
12. Phi nhân chẳng kính.
13. Việc làm ngu độn.
14. Phiền não ràng buộc.
15. Phiền não che lấp tâm trí.
16. Chẳng thích pháp lành.
17. Bạch pháp tổn giảm.
18. Làm việc hạ tiện.
19. Ghét ganh tinh tấn.
20. Bị người khinh rẻ.

Này Di-lặc! Đây là hai mươi điều do lỗi ngủ nghỉ do Bồ-tát quán sát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Không kiềm chế được mình
Giải đãi ít kham nhận
Nhan sắc không tươi sáng
Là lỗi ưa ngủ nghỉ.
Người ấy nhiều bệnh não
Tích tập nhiều phong nhiệt
Bốn đại ngược trái nhau
Là lỗi ưa ngủ nghỉ.
Ăn uống không tiêu hóa
Thân thể không sáng đẹp
Tiếng nói chẳng trong suốt

Là lỗi ưa ngủ nghỉ.
Thân họ sinh ghẻ chốc
Ngày đêm thường say ngủ
Các trùng độc nảy sinh
Là lỗi ưa ngủ nghỉ.
Thoái thất hạnh tinh tấn
Thiếu hụt các của báu
Nhiều mộng không giác ngộ
Là lỗi ưa ngủ nghỉ.
Lưới si mê thêm lớn
Thích ưa các kiến chấp
Lửa mạnh khó đối trị
Là lỗi ưa ngủ nghỉ.
Tổn giảm các trí tuệ
Thêm lớn các ngu si
Chí ý thường hạ liệt
Là lỗi ưa ngủ nghỉ.
Họ ở A-lan-nhã
Mà lòng thường biếng lười
Quỷ thần được tiện lợi
Là lỗi ưa ngủ nghỉ.
Mù mờ mất chánh niệm
Phúng tụng chẳng thông thuộc
Thuyết pháp nhiều lãng quên
Là lỗi ưa ngủ nghỉ.
Do si sinh mê lầm
An trụ trong phiền não
Lòng họ chẳng an vui
Là lỗi ưa ngủ nghỉ.
Công đức đều tổn giảm
Thường sinh lòng lo buồn
Thêm lớn các phiền não
Là lỗi ưa ngủ nghỉ.
Xa rời các bạn lành
Cũng chẳng cầu chánh pháp
Thường đi trong phi pháp
Là lỗi ưa ngủ nghỉ.
Chẳng mong cầu pháp lạc

Tổn giảm các công đức
Xa rời các bạch pháp
Là lỗi ưa ngủ nghỉ.
Tâm người ấy khiếp nhược
Ít khi có hoan hỷ
Tay chân thường ốm gầy
Là lỗi ưa ngủ nghỉ.
Tự biết mình giải đãi
Ghét ganh người tinh tấn
Thích rao nói lỗi người
Là lỗi ưa ngủ nghỉ.
Người trí hiểu lỗi ấy
Thường xa rời ngủ nghỉ
Kẻ ngu thêm kiến chấp
Vô ích tổn công đức.
Người trí thường tinh tấn
Siêng tu đạo thanh tịnh
Thoát khổ được an lạc
Chư Phật thường ngợi khen.
Các kỹ nghệ thế gian
Và công xảo xuất thế
Đều do sức tinh tấn
Người trí phải tu tập.
Nếu người hướng Bồ-đề
Biết rõ lỗi ngủ nghỉ
An trụ sức tinh tấn
Giác ngộ sinh hổ thẹn.
Vì thế những người trí
Thường sinh lòng tinh tấn
Bỏ rời sự ngủ nghỉ
Gìn giữ giống Bồ-đề.

Bồ-tát Di-lặc bạch:

– Bạch Thế Tôn! Kẻ ưa ngủ nghỉ có vô lượng lỗi lầm như vậy. Nếu người nào được nghe mà chẳng sinh lòng lo lắng nhàm lìa, để phát khởi tinh tấn, nên biết rằng người này rất ngu si.

Nếu Bồ-tát có chí cầu Vô thượng Bồ-đề, nghe nói cú nghĩa chân thật công đức lợi ích như vậy, mà đối với pháp lành chẳng phát khởi tinh tấn an

trụ các phần Bồ-đề, lại sinh lòng giải đãi, thì không bao giờ có.

Bạch Thế Tôn! Thế nào là lỗi trong các công việc mà lúc quan sát khiến các Bồ-tát chẳng kinh doanh nó?

Đức Phật dạy:

– Này Di-lặc! Hàng Bồ-tát sơ nghiệp phải nên quan sát người thích công việc kinh doanh, có hai mươi điều lỗi, lúc quan sát như vậy có thể làm cho Bồ-tát chẳng kinh doanh nó, mà siêng tu tập Phật đạo.

Những gì là hai mươi lỗi về công việc kinh doanh?

1. Ham thích nghiệp hạ liệt thế gian.
2. Bị các Tỳ-kheo chuyên đọc tụng tu hành khinh rẻ.
3. Bị các Tỳ-kheo siêng tu thiền định quở trách.
4. Tâm thường phát khởi nghiệp sinh tử lưu chuyển từ vô thỉ.
5. Luống thọ sự cúng thí của các cư sĩ có tín tâm.
6. Lòng tham ưa tài vật.
7. Thường ưa rộng mở sự vụ thế gian.
8. Tưởng nhớ gia nghiệp mà lòng thường lo lắng.
9. Tánh tình hung dữ phát ngôn thô lỗ.
10. Lòng thường tưởng nhớ gia nghiệp.
11. Ham thích món ngon thêm lớn tham dục.
12. Các nơi không lợi dưỡng thì chẳng sinh lòng hoan hỷ.
13. Hay sinh nghiệp não hại chướng ngại.
14. Thường ưa thân cận các Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di.
15. Chỉ nhớ ăn mặc, để cho ngày đêm luống qua vô ích.
16. Luôn hỏi việc làm ăn thế gian.
17. Thường ưa nói lời phi pháp.
18. Cậy mình làm công việc kinh doanh mà sinh kiêu mạn.
19. Chỉ tìm lỗi người, mà chẳng tự quan sát mình.
20. Đối với người thuyết pháp, ôm lòng khinh rẻ.

Này Di-lặc! Đây là hai mươi lỗi về việc thích kinh doanh mà Bồ-tát nên quán sát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

An trụ nghiệp hạ liệt
Rời xa hạnh thù thắng
Thoái thất lợi ích lớn

Ấy là lỗi các việc.
Bị các đại Tỳ-kheo
Tụng kinh và tham thiền
Khinh khi và quở trách
Ấy là lỗi các việc.
Thường tạo nghiệp sinh tử
Xa rời nhân giải thoát
Nhận tín thí uổng phí
Ấy là lỗi các việc.
Thích nhận các của báu
Chẳng được thì lo khổ
An trụ hạnh hạ liệt
Ấy là lỗi các việc.
Người ấy nhiều ái nhiễm
Qua lại nhà dâm nữ
Như chim chui vào lồng
Ấy là lỗi các việc.
Thường lo rầu gia nghiệp
Luôn ôm lòng nóng khổ
Lời nói người chẳng tin
Ấy là lỗi các việc.
Chẳng thích nghe Thầy dạy
Chống trả lại khinh tiện
Hủy phạm giới thanh tịnh
Ấy là lỗi các việc.
Lòng họ nhiều nhớ tưởng
Siêng toan lo nghiệp đời
Chẳng thể tu định tuệ
Ấy là lỗi các việc.
Lòng tham thường hẫy hừng
Thích ưa những ngon đẹp
Không hề biết tri túc
Ấy là lỗi các việc.
Được lợi lòng vui mừng
Mất lợi lòng buồn lo
Tham lẫn không Từ tâm
Ấy là lỗi các việc.
Hại người không xót thương

Thêm lớn những nghiệp ác
Dây ái cột chặt nhau
Ấy là lỗi các việc.
Xa rời các Sư trưởng
Gần gũi các bạn dữ
Chê đuổi người trì giới
Ấy là lỗi các việc.
Ngày đêm không tưởng khác
Chỉ nhớ đến ăn mặc
Chẳng thích các công đức
Ấy là lỗi các việc.
Thường hỏi chuyện thế gian
Chẳng ưa lời xuất thế
Say mê các tà thuyết
Ấy là lỗi các việc.
Tự thị biết công việc
Khinh mạn các Tỳ-kheo
Chẳng khác kẻ cuồng say
Ấy là lỗi các việc.
Thường rình tìm lỗi người
Chẳng thấy lỗi của mình
Khinh chê người có đức
Ấy là lỗi các việc.
Người ngu si như vậy
Không có phương tiện hay
Khinh mạn người thuyết pháp
Ấy là lỗi các việc.
Sự nghiệp hạ liệt ấy
Có đủ những lỗi lầm
Đâu có người trí tuệ
Lại ưa học tập nó.
Nghiệp thanh tịnh thù thắng
Đầy đủ các công đức
Đây là chỗ người trí
Ưa thích thường học tập.
Nếu kẻ ưa sự đời
Người trí nên quở trách
Như người bỏ bảy báu

Tham lấy những sỏi đá.
Thế nên người trí sáng
Nên bỏ sự nghiệp đời
Phải cầu pháp thắng thượng
Chư Phật thường khen ngợi.

Bồ-tát Di-lặc bạch:

– Bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát ấy bỏ rời hạnh nghiệp tinh tấn thù thắng, mà phát khởi công việc hạ liệt của thế gian, nên biết họ là kẻ kém trí, giác tuệ cạn kém.

Đức Phật dạy:

– Này Di-lặc! Nay ta bảo thật ông: Nếu có Bồ-tát chẳng tu công hạnh, chẳng dứt phiền não, chẳng tập thiền tụng kinh, chẳng cầu Đa văn, ta gọi người ấy chẳng phải người xuất gia.

Này Di-lặc! Nếu có người siêng tu công hạnh trí đoạn, trí xuất sinh, trí thành tựu, chẳng làm các nghiệp thế gian, ta gọi người này an trụ trong lời dạy Như Lai. Nếu là Bồ-tát thì chẳng nên ưa làm mọi việc thế gian. Nếu ưa làm thì ta gọi là kẻ an trụ sinh tử. Vì thế nên các Bồ-tát phải rời xa.

Này Di-lặc! Nếu có Bồ-tát kinh doanh nhiều công việc, xây tạo tháp bảy báu khắp cõi đại thiên cũng chẳng làm cho ta hoan hỷ, cũng chẳng phải cung kính cúng dường ta.

Này Di-lặc! Nếu có Bồ-tát ở nơi pháp tương ưng với Ba-la-mật-đa, cho đến thọ trì một bài kệ bốn câu, rồi đọc tụng tu hành giảng nói cho người, đây nói là cung kính cúng dường ta. Vì sao? Vì chư Phật Bồ-đề, từ Đa văn mà xuất sinh chớ chẳng phải từ các việc thế gian.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát kinh doanh nhiều công việc khiến các Bồ-tát trì tụng tu hành giảng thuyết công việc đồng kinh doanh, nên biết đó là tăng trưởng nghiệp chướng không có phước lợi. Vì sao? Vì ba thứ phước nghiệp đã được nói, đều từ trí tuệ mà phát sinh. Vì thế nên Bồ-tát công việc kinh doanh, đối với các Bồ-tát trì tụng tu hành diễn thuyết, chẳng nên làm chướng ngại. Các Bồ-tát trì tụng diễn thuyết đối với các Bồ-tát tu thiền định chẳng nên làm chướng ngại lưu nạn.

Này Di-lặc! Công việc kinh doanh của các Bồ-tát trong Diêm-phù-đề nên cúng dường thân cận thừa sự một Bồ-tát đọc tụng tu hành diễn thuyết. Các Bồ-tát trong Diêm-phù-đề đọc tụng tu hành diễn thuyết nên thân cận thừa sự cúng dường một Bồ-tát chuyên cần tu thiền định. Thiện nghiệp như vậy được Như Lai tùy hỷ, được Như Lai cho phép. Nếu thừa sự cúng dường Bồ-tát siêng tu trí tuệ sẽ được phước đức vô lượng. Vì sao? Vì nghiệp trí

tuệ là vô thượng tối thắng siêu hơn tất cả hành nghiệp trong ba cõi. Vì thế nên có Bồ-tát nào phát khởi tinh tấn thì nên siêng tu tập trí tuệ.

Bồ-tát Di-lặc bạch:

– Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai đã khéo nói những lỗi lầm của hàng Bồ-tát sơ nghiệp thích ồn ào, nói chuyện thế gian, ngủ nghỉ và nhiều công việc.

Bạch Thế Tôn! Thế nào là lỗi của hý luận, mà khi quan sát khiến các Bồ-tát sẽ an trụ tịch tĩnh, không có những tranh luận.

Đức Phật dạy:

– Này Di-lặc! Hàng Bồ-tát sơ nghiệp hý luận có vô lượng, vô biên lỗi lầm, nay ta lược nói hai mươi lỗi. Những gì là hai mươi lỗi?

1. Hiện tại sinh nhiều khổ não.
2. Tăng trưởng sân khuể thoái thất nhẫn nhục.
3. Bị kẻ oán thù làm hại.
4. Ma và dân ma đều vui mừng.
5. Căn lành chưa sinh đều chẳng sinh.
6. Căn lành đã sinh hay bị thoái thất.
7. Thêm lòng oán ghét đấu tranh.
8. Gây nghiệp địa ngục ác thú.
9. Sẽ mắc quả xấu ác.
10. Lưỡi chẳng dịu mềm nói năng cộc cằn.
11. Giáo pháp được thọ chẳng thể ghi nhớ.
12. Với kinh chưa từng nghe khi nghe không hiểu được.
13. Bị chư Thiện tri thức bỏ rời.
14. Mau gặp các ác tri thức.
15. Tu hành đạo hạnh khó được xuất ly.
16. Thường phải nghe lời không vừa ý.
17. Sinh vào chỗ nào cũng nhiều nghi lầm.
18. Thường sinh chỗ nạn chẳng được nghe chánh pháp.
19. Tu hành bạch pháp thì bị chướng ngại.
20. Chỗ thọ dụng bị nhiều oán ghét.

Này Di-lặc! Bồ-tát ham hý luận có hai mươi lỗi như vậy.

Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

Hiện đời thường khổ não

Mất nhẫn nhiều sân hận
Oán thù sinh lòng hại
Là lỗi ưa hý luận.
Ma và quyến thuộc ma
Đều sinh lòng hoan hỷ
Hư mất các pháp lành
Là lỗi ưa hý luận.
Lành chưa sinh chẳng sinh
Thường ở trong đấu tranh
Gây tạo nghiệp ác đạo
Là lỗi ưa hý luận.
Thân hình nhiều thô xấu
Sinh vào nhà hạ liệt
Phát ngôn lời bừa bãi
Là lỗi ưa hý luận.
Nghe pháp chẳng nhớ được
Hoặc nghe chẳng lọt tai
Thường xa rời bạn lành
Là lỗi ưa hý luận.
Gặp gỡ các bạn ác
Tu hành khó ra khỏi
Thường nghe lời trái ý
Là lỗi ưa hý luận.
Tùy họ sinh chỗ nào
Thường ôm lòng nghi lầm
Chẳng hiểu được giáo pháp
Là lỗi thích hý luận.
Thường sinh trong tám nạn
Xa rời chỗ không nạn
Có đủ sự vô ích
Là lỗi ưa hý luận.
Pháp lành nhiều chướng ngại
Hư mất chánh tư duy
Thọ dụng bị oán ghét
Là lỗi ưa hý luận.
Các lỗi lầm như vậy
Đều do nơi hý luận
Vì thế nên người trí

Phải mau xa rời nó.
Những người ưa hý luận
Khó chứng đại Bồ-đề
Vì thế nên người trí
Cũng chẳng nên thân cận.
Chỗ hý luận tranh cãi
Phát sinh nhiều phiền não
Người trí phải xa rời
Cách xa trăm do-tuần,
Cũng chẳng cất nhà ở
Gần những chỗ hý luận
Vì thế người xuất gia
Chẳng ở nơi tranh luận.
Xuất gia không ruộng nhà
Vợ con và tôi tớ
Cũng không có chức vị
Cớ chi sinh tranh luận?
Xuất gia ở tịch tĩnh
Thân mặc toàn Pháp phục
Tiên thần đều kính thờ
Phải tu tâm nhẫn nhục
Những người ưa hý luận
Thêm lớn lòng độc hại
Sẽ phải đọa ác thú
Vì thế phải nhẫn nhục.
Giam cầm và xiềng xích
Hình phạt và đánh khảo
Các sự khổ như vậy
Đều do nơi tranh luận.
Những người ưa hý luận
Thường gặp ác tri thức
Danh tiếng bị hư mất
Luôn không lòng hoan hỷ.
Nếu người bỏ tranh luận
Không ai rình gặp dịp
Quyến thuộc chẳng trái lìa
Thường được gặp bạn lành.
Nơi đạo được thanh tịnh

Nghiệp chướng hết không thừa
Xô dẹp các quân ma
Siêng tu hạnh nhẫn nhục.
Tranh luận nhiều tội lỗi
Không tranh nhiều công đức
Nếu là người tu hành
Phải an trụ nhẫn nhục.

Bồ-tát Di-lặc bạch:

– Hy hữu thay! Bạch Thế Tôn! Có thể khéo nói lỗi lầm hý luận như vậy, khiến các Bồ-tát sinh lòng giác ngộ.

Bạch Thế Tôn! Đời mạt thế sau trong năm trăm năm, có Bồ-tát nghe nói lỗi hý luận như vậy, thường sinh lòng ưu hối rời lìa phiền não chăng?

Đức Phật dạy:

– Này Di-lặc! Đời mạt thế sau trong năm trăm năm, ít có Bồ-tát hay sinh ưu hối lìa phiền não, có nhiều Bồ-tát tâm cang cường chẳng tôn kính nhau, ôm lòng tăng thượng mạn, phải trái lẫn nhau, họ nghe nói nghĩa lý sâu xa công đức thù thắng như vậy, dù họ thọ trì đọc tụng diễn thuyết, nhưng vì nghiệp chướng sâu nặng nên chẳng sinh được công đức thù thắng, nên họ chẳng tin, nghi hoặc kinh điển này rồi, chẳng còn thọ trì diễn thuyết. Bấy giờ, ma Ba-tuần thấy sự ấy, muốn gạt gẫm liền hiện hình Tỳ-kheo đến chỗ họ bảo rằng: "Các kinh điển ấy là do người thế tục giỏi văn từ chế tạo ra, chẳng phải do Như Lai tuyên nói. Vì sao? Vì công đức lợi ích trong kinh ấy nói các vị đều chẳng được. Do lời gạt gẫm của ma Ba-tuần mà họ sinh lòng nghi hoặc đối với Khế kinh sâu xa, tương ưng với nghĩa lợi tánh không này rồi, phát khởi tranh luận chẳng còn thọ trì, đọc tụng, diễn thuyết.

Này Di-lặc! Các người ngu si ấy chẳng biết được rằng, do nghiệp chướng của họ nên chẳng được công đức thù thắng, lúc nghiệp chướng tiêu rồi họ quyết định sẽ được.

Bồ-tát Di-lặc bạch:

– Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói công đức lợi ích của Đức Phật A-di-đà và thế giới Cực lạc. Nếu có chúng sinh phát mười tâm nguyện, tùy mỗi tâm nguyện niệm A-di-đà Phật, khi mạng chung người ấy sẽ được vãng sinh thế giới Cực lạc.

Bạch Thế Tôn! Những gì là phát mười tâm nguyện, do tâm ấy niệm Phật A-di-đà mà sẽ được vãng sinh thế giới Cực lạc của Đức Phật ấy?

Đức Phật dạy:

– Này Di-lặc! Mười tâm nguyện như vậy chẳng phải kẻ phàm phu bất thiện đủ phiền não mà phát được.

Những gì là mười tâm nguyện?

1. Đối với tất cả chúng sinh phát khởi tâm đại Từ không làm tổn hại.

2. Đối với tất cả chúng sinh phát khởi tâm đại Bi không làm bức não.

3. Đối với chánh pháp của Phật phát khởi tâm ưa thích thủ hộ chẳng tiếc thân mạng.

4. Đối với tất cả pháp phát sinh thắng nhẫn không có tâm chấp trước.

5. Phát tâm nguyện thanh tịnh cung kính tôn trọng chẳng tham lợi dưỡng.

6. Phát tâm cầu Phật Nhất thiết chủng trí không hề quên mất bất luận thời gian nào.

7. Đối với tất cả chúng sinh phát tâm tôn trọng cung kính không hạ liệt.

8. Chẳng ham thế luận đối với Bồ-đề phần sinh tâm quyết định.

9. Tâm thanh tịnh trồng các căn lành không tạp nhiễm.

10. Đối với chư Phật Như Lai rời bỏ các tướng phát khởi tâm tùy niệm.

Này Di-lặc! Đây là mười tâm nguyện. Do phát mười tâm nguyện ấy mà Bồ-tát sẽ được vãng sinh thế giới Cực lạc của Đức Phật A-di-đà.

Này Di-lặc! Trong mười tâm nguyện ấy, tùy thành tựu một tâm nào rồi muốn thích sinh về thế giới Cực lạc của Phật A-di-đà, nếu người này chẳng được vãng sinh thì không bao giờ có.

Tôn giả A-nan bạch rằng:

– Hy hữu thay! Thế Tôn hay khai thị diễn nói công đức chân thật của Như Lai, phát khởi chí nguyện thù thắng của Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn! Kinh này sẽ đặt tên là gì? Chúng con sẽ thọ trì như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Kinh này tên là kinh Phát Khởi Bồ-tát Chí Nguyện Thù Thắng, cũng gọi là kinh Bồ-tát Di-lặc Sở Vấn. Các ông nên thọ trì như vậy.

Đức Phật nói kinh này rồi, Bồ-tát Di-lặc và chúng Thanh văn tất cả thế gian, Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà… nghe lời Phật dạy, đều rất vui mừng tín thọ phụng hành.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 93

Hán dịch: Đời Hậu Tần, Tam tạng
Pháp sư Cưu-ma-la-thập.

PHÁP HỘI 26: BỒ-TÁT THIỆN TÝ (PHẦN 1)

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật tại vườn trúc Ca-lan-đà, nơi thành Vương xá. Bấy giờ có Đại Bồ-tát tên Thiện Tý đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lạy xuống ngay chân Phật, rồi ngồi qua một bên.

Phật bảo Bồ-tát Thiện Tý:

– Này thiện nam! Sáu pháp Ba-la-mật-đa này, Bồ-tát phải nên có đủ: Bố thí ba-la-mật-đa, Trì giới ba-la-mật-đa, Nhẫn nhục ba-la-mật-đa, Tinh tấn ba-la-mật-đa, Thiền định ba-la-mật-đa và Bát-nhã ba-la-mật-đa. Này Thiện Tý! Thế nào là Bồ-tát thực hành trọn vẹn Bố thí ba-la-mật-đa?

Này Thiện Tý! Bồ-tát ở trong xóm làng, cầu tài bằng chánh mệnh, không cầu bằng tà mệnh, tùy thuận chẳng nghịch. Bồ-tát không bắt ép chúng sinh để cầu tài vật mà hành Bố thí. Bồ-tát hành Bố thí chẳng phải vì cung kính cúng dường hay vì lợi dưỡng… Chẳng phải vì e dè sợ sệt, không vì quả báo, không vì sinh lên cõi trời, cũng chẳng do dua nịnh. Đối với những ai phá giới, Bồ-tát không nêu lên chỉ trích. Những ai được Bồ-tát biết hay không biết, đối với những người như vậy, Bồ-tát đều ứng xử với tâm bình đẳng, cung kính cúng dường, ca ngợi bằng tấm lòng trân trọng. Cũng vậy, đối với người trì giới hay phá giới, dù thân hay không thân, dù biết hay chẳng biết, dù oán hay không oán, Bồ-tát luôn lấy lòng ái kính thâm sâu, mến yêu tin tưởng. Những gì được sở hữu của Bồ-tát ấy, luôn là sự bố thí đúng như cần thiết. Có ít thí ít, có nhiều thí nhiều, có thô thí thô, có tế thí tế, có diệu thí diệu, có chẳng diệu thí chẳng diệu. Hoặc đem đồ ăn đồ dùng ngon ngọt giá trị trăm ngàn bố thí cho người, hoặc một phần mười sáu của một tiền đem thí cho người, lòng Bồ-tát hoan hỷ đồng đều không sai khác.

Này thiện nam! Bồ-tát ấy đối với những kẻ hành khất, người cần ăn thì cho món ăn vì đầy sức Nhất thiết trí. Người cần uống thì cho thức uống vì đầy đủ năng lực dứt trừ sự khát ái của chúng sinh. Người cần y phục thì cho y phục, vì được y phục tàm quý vô thượng. Người cần xe cộ thì cho xe cộ, vì được Bồ-tát thừa, Phật thừa. Người cần hương thơm thì cho hương thơm, vì được hương Trì giới Chánh giác. Người cần hoa đẹp thì cho hoa đẹp, vì được hoa bảy Giác chi của Như Lai. Người cần hương bột thì cho hương bột, vì được hương diệt trừ tất cả điều bất thiện cho chúng sinh. Người cầu hương xoa thì cho hương xoa, vì được thân giới hương viên mãn. Người cần dù thì cho dù, vì dứt trừ được lửa phiền não cho chúng sinh. Người cần dép giày thì cho giày dép vì thọ vui Trí tuệ vô lượng. Người cần giường nằm thì cho giường nằm, vì khiến chúng sinh được sức khoái lạc của giường nằm Đế Thích, Phạm vương và chư Thánh. Người cần chỗ ngồi thì cho chỗ ngồi, vì ngồi được chỗ ngồi ở dưới cội Bồ-đề mà các ma kiết sử chẳng phá hoại hay nhiễu loạn được. Người cần nhà thì cho nhà, vì khiến chúng sinh được nơi che chở không bị kinh sợ mà được sức vô ngã. Đem vườn tược, đền miếu tốt đẹp cúng dường cho Phật và chư Tăng vì được sức thiền định tịch tĩnh cao tột, đem các loại đồ cúng vi diệu trang nghiêm tháp miếu Phật vì được sức Đại trượng phu có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Thắp đèn sáng trong tháp Phật hoặc nơi đường tối vì được Phật nhãn soi sáng vô lượng, đem những kỹ nhạc cúng dường Tam bảo vì được Thiên nhĩ vô lượng. Đem y bát bố thí vì được Trì giới đoan nghiêm vô thượng. Đem quạt và chậu rửa tắm cho người, vì khiến chúng sinh được mát mẻ trong sạch. Đem giấy viết mực và tòa cao cho vì được trí tuệ lớn vô thượng. Đem thuốc cho người bệnh vì trừ bệnh kiết sử cho chúng sinh. Đem ruộng đất cho người khiến chúng sinh được thế giới cam lộ của Tam thừa. Xây tạo tháp và hình tượng vì khiến chúng sinh nghe chánh pháp, có bao nhiêu đồ vật mau đem cho người vì được sức thần thông mau lẹ. Bố thí thanh tịnh vì ở trong đạo vô thượng không bị gây khó dễ. Luôn bố thí không ngừng vì được sức biện tài vô ngại chẳng dứt, tùy ý bố thí vì khiến chúng sinh được sức đại Bi, chẳng bức người lấy của rồi đem dùng bố thí vì khiến các ma ngoại đạo chẳng hoại loạn được mà tự nhiên đắc thành đạo Vô thượng.

Muốn bố thí, Bồ-tát phải nên đúng như pháp mà hành Bố thí như đã được nói ở trên. Nếu không có tài vật, Bồ-tát nên sinh lòng bố thí, muốn được khai thị cho tất cả vô lượng, vô biên chúng sinh, có sức hay không có sức, bố thí như trên là hạnh lành, là diệu thắng của ta, là bảo vật của ta hay khiến tất cả chúng sinh đều được thành tựu mọi sự khoái lạc thế gian. Đó

là được niềm vui hòa hợp hay xả bỏ tất cả, không có hồ nghi, bao nhiêu nguyện cầu đều được thành tựu, được hạnh an lạc.

Nếu các chúng sinh ở trong thế gian này hy vọng được những vật cần dùng, ta sẽ cho họ đầy đủ, vàng bạc, trân bảo, y phục, tiền của chất cao như núi, đồ ăn thức uống như biển cả vô lượng, vô biên.

Trong ngày đêm sáu thời, Bồ-tát ấy đem công đức phước báo do mình tài thí, pháp thí đã được nguyện cùng chung với tất cả chúng sinh, khiến quá khứ, vị lai, hiện tại tất cả chúng sinh có hạnh nghiệp đều được sinh thế giới vi diệu và được niềm vui xuất thế.

Mặc dù Bồ-tát ấy làm bố thí như vậy mà hoàn toàn chẳng mong cầu phước báo cho mình, khai thị phương tiện như vậy để giáo hóa chúng sinh vào pháp lành.

Lúc bố thí, Bồ-tát ấy nguyện cho chúng sinh được độ, được giải thoát vì đắc Nhất thiết trí, đầy đủ tất cả pháp Phật. Hoặc sau khi bố thí rồi cũng nguyện cho chúng sinh được độ, được giải thoát vì đắc Nhất thiết trí đầy đủ tất cả Phật pháp.

Bố thí như vậy, nếu không đủ sức thì không thể học như vậy, không thể xả tài vật, Bồ-tát nên suy nghĩ: "Nay ta phải siêng năng tinh tấn thêm, dần dần sẽ dứt trừ những cấu uế tham lam bỏn xẻn, ta phải siêng tinh tấn thêm, dần dần học xả thí tài vật cũng thường khiến tâm bố thí của ta thêm rộng lớn, hoàn toàn không lười biếng lui sụt, lòng thường hoan hỷ".

Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, niệm tâm Bồ-đề, tu tâm Bồ-đề, hy vọng Bồ-đề, nguyện cầu Bồ-đề như vậy.

Đây gọi là Bồ-tát vô lượng, vô số đại thí đại xả, đại xuất ly. Vì sao? Vì bố thí như vậy, trong các thứ bố thí là thù thắng đệ nhất, khiến đời vị lai ở trong tất cả chúng sinh thế gian, ta sẽ làm mưa pháp vũ, mưa cam lộ, bố thí mưa pháp, thí mưa cam lộ, xuất mưa pháp, xuất mưa cam lộ.

Này Thiện Tý! Thực hiện bố thí như vậy Đại Bồ-tát chẳng những không cho là khó mà còn lấy làm vui, mau đầy đủ Bố thí ba-la-mật-đa.

Thiện nam, Bồ-tát chẳng thể tự mình đem thân thể tay chân thịt xương mà bố thí cho người đến xin, hoặc tự cắt hay bảo người cắt. Vì sao? Vì nếu thành nghiệp ấy thì sẽ khiến người đến xin kia thọ vô lượng tội nơi đại địa ngục. Đại Bồ-tát chẳng nên tự tiếc thân thể tay chân. Vì sao? Vì muốn khiến người đến xin xa rời nghiệp bất thiện rộng lớn vậy.

Nếu có người xin, đến Bồ-tát cầu thức ăn đồ dùng, nếu mình không có, Bồ-tát chẳng nên ép bức cha mẹ vợ con quyến thuộc thân thích tôi tớ để lấy tài vật khiến họ thêm nghèo thiếu, rồi đem bố thí. Vì sao? Vì Đại

Bồ-tát ao ước thực hành tâm đại Từ bi bình đẳng đối với tất cả chúng sinh. Nếu Đại Bồ-tát không ép buộc cha mẹ, vợ con quyến thuộc, thân thích, tôi tớ mà đem tài vật cúng dường như pháp, thì bấy giờ Bồ-tát ở trong chúng sinh được tâm Từ bi.

Thiện nam, Bồ-tát không nên có lòng bỏn xẻn với chúng sinh khác, bức ép chúng sinh khác để lấy tài vật bố thí, việc làm này chẳng được chư Phật khen ngợi, huống là tự cắt từng thớ thịt trên thân mình để thí cho người. Đây gọi là Bồ-tát đầy đủ Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Thiện Tý! Thế nào là Đại Bồ-tát đầy đủ Trì giới ba-la-mật-đa? Này Thiện Tý! Đối với tất cả chúng sinh, cho đến trọn đời, Bồ-tát tự không sát sinh dạy người không sát sinh và nguyện không sát sinh; tự không trộm cướp dạy người không trộm cướp và nguyện chẳng trộm cướp; tự không tà dâm dạy người không tà dâm, nguyện không tà dâm, tự không vọng ngữ, dạy người không vọng ngữ, nguyện không vọng ngữ; tự không uống rượu, dạy người không uống rượu, nguyện không uống rượu. Trong năm giới ấy Bồ-tát kiên trì chuyên niệm chẳng trễ, chẳng thiếu, siêng năng tinh tấn. Như vậy, Bồ-tát sẽ vĩnh viễn không còn sợ hãi bị người khác bắt trói, giam nhốt cầm tù đánh đập khảo hình. Cho đến nói dối, nói lời thêu dệt, nói hai lưỡi, nói các lời cũng đều như vậy.

Bồ-tát suy nghĩ: "Với tất cả chúng sinh, ta phải thương nhớ họ như cha mẹ thương nhớ con một. Nếu cha mẹ ta dùng các hình cụ gây khổ như cung tên, dao gậy để giết hại ta, ta trọn đời chẳng sinh báo oán. Ta đối với tất cả chúng sinh phải như cha mẹ thương nhớ đứa con duy nhất. Ví như cha mẹ, vợ con ly biệt đã lâu, một mai gặp mặt thì lòng vui mừng hớn hở vô lượng, Bồ-tát thấy chúng sinh, lòng Bồ-tát cũng vui mừng như vậy".

Bồ-tát trì giới không sát sinh, vì muốn khiến chúng sinh được an trụ giới không sát sinh như bậc Vô học. Bồ-tát trì giới không trộm cắp vì muốn chúng sinh được an trú giới không trộm cắp như bậc Vô học. Bồ-tát trì giới không dâm dục vì muốn chúng sinh được an trú giới không dâm dục như bậc Vô học. Bồ-tát trì giới không nói dối vì muốn chúng sinh an trụ lời nói thật, như bậc Vô học. Bồ-tát trì giới không uống rượu vì muốn chúng sinh được an trụ giới không uống rượu như bậc Vô học. Bồ-tát trì giới không sợ hãi vì muốn được thành Kim cang định. Bồ-tát trì giới không bắt trói vì muốn chúng sinh đứt mọi sự ràng buộc của các kiết sử. Bồ-tát trì giới không nhốt tù vì muốn chúng sinh ra khỏi năm đường. Bồ-tát trì giới không đánh đập vì muốn xa rời sự nhiễu loạn của các ma kiết sử để được pháp định. Bồ-tát trì giới chẳng khảo hình vì khiến thân, khẩu, ý được nghiệp chẳng

còn phải ràng buộc. Bồ-tát trì giới không nói hai lưỡi vì được chúng hòa hợp chẳng hoại. Bồ-tát trì giới không nói lời thô ác vì được năm thứ Phạm âm thanh. Bồ-tát trì giới không nói lời hoa mỹ vì muốn được phát ngôn thuyết pháp không chướng ngại. Bồ-tát trì giới tìm cầu sự sợ chết của chúng sinh vì khiến chúng sinh thoát ly, sinh, già, bệnh, chết, sầu bi, khổ ưu não không còn sợ hãi. Bồ-tát trì giới yêu thích gìn giữ tài vật người khác chẳng cho rớt mất vì được định giác ngộ Bồ-đề. Nếu có vợ con phụ nữ của chúng sinh khác bị bắt bớ, thì Bồ-tát cứu thoát họ để được định không thiếu pháp. Bồ-tát khuyên người buông thả vì được tâm tự tại. Bồ-tát hoặc tự mình phóng xả hay khuyên người phóng xả vì ngồi dưới gốc Bồ-đề phá hoại tất cả ma kiết sử.

Thấy chúng sinh bị tù ngục, Bồ-tát hoặc tự phóng thích hay khuyên người phóng thích vì được tâm tự tại không chướng ngại. Thấy chúng sinh sẽ bị đánh đập. Bồ-tát tự mình phóng thích hay khuyên người phóng thích được bốn Vô sở úy. Thấy chúng sinh bị khảo hình, Bồ-tát hoặc tự mình phóng thích hay khuyên người phóng thích vì được bốn thứ Pháp thân. Bồ-tát trì giới không nói dối vì ngồi tòa Sư tử nơi cội Bồ-đề, khiến tất cả các ma kiết sử không nhiễu loạn được mà đắc pháp định. Bồ-tát giỏi hòa đấu tranh, sinh tâm hoan hỷ vì được đại Thánh chúng chẳng chỉ trích. Bồ-tát trì giới nói lời ngon ngọt vì muốn chúng sinh tai nghe những lời tốt, tâm sinh vui mừng ưa thích. Bồ-tát thuận theo lời triều mến để nói, vì muốn lời nói không hư dối. Bồ-tát trì giới nói lời ca ngợi chư Phật, vì được oai đức Thánh nhân thành tựu đại chúng. Bồ-tát thọ trì, trong ba thời, năm vóc quy mạng hết thảy vô lượng, vô biên chư Phật, Pháp, Tăng và Bồ-tát giới trong ba đời, vì được ngồi tòa Sư tử nơi cội Bồ-đề không thể phá hoại, chuyên an trú tín, tinh tấn, chánh niệm, thiền định và trí tuệ, đắc được pháp định.

Bồ-tát thọ trì giới, trong ba thời, quét dọn, nhiễu tháp vì được đầy đủ tất cả Phật pháp. Bồ-tát thọ trì giới, tán thán pháp Phật, vì được chuyển pháp luân vô thượng. Bồ-tát thọ trì giới tán thán Tăng, vì được đại chúng nhiễu quanh. Bồ-tát thọ trì giới ba thời quy y Tam bảo, vì muốn khiến tất cả chúng sinh được quy y vô thượng. Bồ-tát thọ trì giới trong ba thời, nguyện cho tất cả thế gian thường có Phật, Pháp, Tăng và Bồ-tát Tăng chẳng lúc nào không, vì muốn được vui Vô thượng Bồ-đề. Bồ-tát thọ trì giới trong ba thời khuyên thỉnh tất cả chư Phật, thuyết tất cả pháp vì được ở mười chỗ mưa pháp vũ. Bồ-tát thọ trì giới trong ba thời sám hối các tội, trừ bỏ các thứ ô uế, dứt trừ tất cả tập khí ái nhiễm. Bồ-tát thọ trì giới trong ba thời hòa hợp tất cả căn lành, khiến tất cả Ba-la-mật-đa đều đầy đủ. Bồ-tát thọ trì giới trong ba thời tưởng nhớ bao nhiêu điều nguyện tốt lành của

chư Phật, Thanh văn, Duyên giác và Thánh chúng Bồ-tát cho dưới đến sáu đường chúng sinh, suốt ba đời khắp tất cả mọi nơi mọi chỗ ở thế gian, vì được diệu dụng Vô thượng Bồ-đề.

Bồ-tát thọ trì giới trong ba thời nguyện cầu Bồ-đề, vì được chánh quyết định Vô thượng Bồ-đề. Bồ-tát thọ trì giới tất cả căn lành vô thượng đạo, vì được định lực không sợ hãi của Như Lai. Bồ-tát thọ trì giới cung phụng Cha mẹ, Sư trưởng vì được pháp định không gì hơn. Nếu thấy người nghèo cùng kinh sợ Bồ-tát liền thọ trì giới Bố thí, không sợ hãi vì được phương tiện luận nghị không bị phá hoại trở nạn. Bồ-tát thọ trì giới cứu hộ kẻ bị nạn quan quyền giặc cướp nước lửa vì được các Lực ba-la-mật-đa. Bồ-tát nếu thấy thần túc của Phật, Bồ-tát, Thanh văn và Duyên giác liền trì giới tùy duyên, vì được biến hóa sức thần túc vô thượng. Bồ-tát thọ trì giới hộ trì ở nghiệp thân, khẩu, ý của mọi người, vì được năng lực biết vô lượng tâm của người khác, của Như Lai. Bồ-tát nếu thấy người phóng dật, quên niệm như quên mất diệu nghĩa của ba thừa trong hiện tại vị lai, liền phát nguyện ghi nhớ thọ trì chẳng để lỡ mất cơ hội, Bồ-tát thọ trì giới nghe pháp tích động pháp và thuyết pháp, vì được đầy đủ bốn biện tài không ngần ngại. Bồ-tát thọ trì giới tất cả ba nghiệp thân, khẩu, ý nhiếp thọ phụng hành tất cả căn lành vì muốn cho tất cả chúng sinh được độ, được giải thoát, vì đắc Nhất thiết trí đầy đủ tất cả Phật pháp. Những căn lành như vậy nguyện vì tất cả chúng sinh mà nhiếp thọ phụng hành, khiến chúng sinh được giải thoát, đắc Nhất thiết trí, đầy đủ tất cả Phật pháp.

Bồ-tát trì giới không thiếu sót, không phá hoại, không hoang dật như vậy. Nếu là người không lực thế tu học được thì nên suy nghĩ như vầy: "Nay tôi sẽ siêng năng cần mẫn tinh tấn, hằng ngày dần dần xa rời các sự sát hại bất thiện. Nay tôi lại cố gắng nỗ lực tinh tấn, hằng ngày từng bước học trì giới cho tốt hơn, cho đến trọn đời chẳng hề lười biếng, chẳng hề lo sầu.

Này Thiện Tý! Đại Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, niệm tâm Bồ-đề, tu đạo Bồ-đề, hy vọng Bồ-đề, nguyện cầu Bồ-đề như vậy, thì gọi là căn lành trì giới vô lượng, vô biên. Vì sao? Vì trì giới như vậy, là tối thắng đệ nhất trong tất cả thiện giới. Bồ-tát thọ trì giới này muốn cho tất cả thế gian có bao nhiêu chúng sinh đều phát khởi giới vô lậu, phát khởi giới vô học, sinh khởi giới vô lậu, sinh khởi giới vô học.

Này Thiện Tý! Đại Bồ-tát trì giới như vậy, chẳng cho là gian nan mà lấy làm vui thích mau hoàn mãn Giới ba-la-mật-đa.

Thế nào là Đại Bồ-tát hoàn mãn Nhẫn nhục ba-la-mật-đa?

Này Thiện Tý! Hoặc tự quyến thuộc hay chúng sinh khác đến đoạt mạng sống của Bồ-tát, trong sự ấy Bồ-tát hoàn toàn không sinh tâm sân hận báo thù. Hoặc có người đến đoạt tài vật của Bồ-tát, cho đến đoạt vợ con hay dùng các sự việc ác, sự khổ hại Bồ-tát, như nói lời ác độc, nói hai lưỡi, nói dối trá, nói lời thêu dệt, sợ hãi, bắt trói, giam nhốt, cầm tù, đánh đập khảo hình, bấy giờ Bồ-tát cũng chẳng sinh tâm sân hận báo thù.

Đối với các sự việc ác khổ làm hại mình, Bồ-tát suy nghĩ rằng: "Đây là nghiệp báo bất thiện do tôi làm ác mà có, tôi tự gây tôi tự thọ. Hoặc đời trước hoặc đời nay tôi đã làm ra, nên bây giờ thọ lấy quả báo, tại sao ở nơi quả báo của mình mà tôi lại giận người".

Lại nữa, này Thiện Tý! Bồ-tát suy nghĩ: "Nếu có kẻ khác đến đoạt mạng sống của tôi cho đến tài vật và vợ con, hoặc nói lời hai lưỡi, lời ác độc, lời dối trá, lời thêu dệt, hoặc gây ra sự sợ hãi như bắt trói, giam nhốt, cầm tù, đánh đập khảo hình, trong các sự khổ ác ấy tôi chẳng nên giận hại lại người. Vì sao? Vì đời nay bị chút khổ não đã không vui vẻ, không chịu đựng được, mà trở lại giận hại người, để rồi đời sau sẽ phải chịu lây tội báo vô lượng, vô biên trăm ngàn vạn ức nhiều sự khổ não hơn".

Lại nữa, này Thiện Tý! Bồ-tát lại suy nghĩ: "Vì có mạng sống nên đoạn mạng sống, vì có tài vật nên đoạt tài vật, vì có vợ con nên đoạt vợ con, vì có nhĩ căn nên nghe nói lời ác độc, nói hai lưỡi, nói dối trá, nói lời thêu dệt, sợ hãi, bắt trói, giam nhốt, cầm tù, đánh đập khảo hình. Nay tôi tự thọ lấy sự khổ của mạng sống của nhĩ căn và thân thể của mình tại sao lại giận hại người?"

Lại nữa, này Thiện Tý! Bồ-tát suy nghĩ: "Thân thể này tất cả sáu căn, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tức là địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại tức là vật của mình, là pháp giới, là tự tánh tức là vật của mình là pháp giới là tự tánh, tức là pháp phá hoại pháp dứt diệt pháp hư mất, là pháp khổ, pháp khổ xúc là pháp thọ khổ, nay ở nơi pháp hoại, pháp khổ này sao tôi lại sinh lòng giận thù hại người. Vì sao? Vì tức là vật của mình là pháp giới là tự tánh".

Lại nữa, này Thiện Tý! Bồ-tát lại suy nghĩ: "Bên trong mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý chẳng phải ta chẳng phải của ta; bên ngoài của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng chẳng phải ta, của ta, người có trí sáng suốt sao lại ở nơi sáu căn nội ngoại chẳng phải ta, của ta này mà trang nghiêm ái nhiễm, sinh ra sân hận mà làm hại người".

Lại nữa, này Thiện Tý! Bồ-tát suy nghĩ: "Trong loài người khổ ít, ngạ

quỷ khổ nhiều, súc sinh khổ nhiều hơn, địa ngục khổ não vô lượng, vô biên không thể kể hết. Bồ-tát còn chẳng muốn thọ khổ ít trong loài người, huống là thọ khổ vô lượng trong ba ác đạo, vì thế tôi không nên giận thù hại người".

Lại nữa, này Thiện Tý! Bồ-tát lại suy nghĩ: "Nay tôi nếu có thể làm lợi ích cho một người còn chẳng nên có lòng hận thù hại, gây thù chuốt oán với người, huống là tôi sẽ đem pháp nghĩa thâm sâu lợi ích cho tất cả thế gian vô lượng chúng sinh mà phát đại trang nghiêm, đại trang nghiêm xong được Phật thọ ký thẳng lên Đại thừa được đầy đủ Phật pháp vô thượng. Trong Phật pháp ấy nên nhẫn chịu, chẳng nên giận thù hại ganh ghét, tranh chấp với người mà nên hành nhẫn nhục lợi ích cho người, khéo hòa giải tranh chấp chẳng hề ganh ghét".

Này Thiện Tý! Nếu thiện nam, thiện nữ dù bị thọ vô lượng khổ ở nơi địa ngục vô gián, đối với oan gia còn chẳng nên giận thù trả oán làm tổn hại người, lẽ nào ở trong loài người bị khổ chút ít mà sinh lòng giận thù hại người. Đối với kẻ đến gây hại mắng chửi bêu xấu hủy báng, thiện nam, thiện nữ này đều phải nhịn chịu và còn phát khởi lòng Từ bi thuần tịnh không cấu uế, vì muốn đắc Phật tâm.

Nếu bị dọa nạt bắt bớ đánh đập giam tù, Bồ-tát đều phải nhịn chịu và nên phát khởi lòng Từ bi, vì muốn trong một niệm phá vỡ màn hắc ám vô minh.

Bồ-tát nhẫn nhục chịu khổ lại còn phát khởi lòng Từ bi vì muốn tất cả chúng sinh dứt trừ sân ái.

Lúc bị cắt tai, Bồ-tát phát khởi lòng Từ bi nhẫn nhục vì muốn tất cả chúng sinh nghe chánh pháp sinh lòng tin.

Lúc bị xẻo mũi, Bồ-tát phát khởi lòng Từ bi nhẫn nhục vì thọ trì giới hương đoan nghiêm vô thượng.

Lúc bị chặt chân, Bồ-tát phát khởi lòng Từ bi nhẫn nhục vì được bốn Thần túc của Như Lai.

Lúc bị chặt tay, Bồ-tát phát khởi lòng Từ bi nhẫn nhục vì muốn nhiếp thủ tất cả chúng sinh được tịch tĩnh.

Lúc bị cắt rời thân thể, Bồ-tát phát khởi lòng Từ bi nhẫn nhục vì muốn hoàn mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa.

Lúc bị móc mắt, Bồ-tát phát khởi lòng Từ bi nhẫn nhục vì muốn được Tuệ nhãn.

Lúc bị chặt đầu, Bồ-tát phát khởi lòng Từ bi nhẫn nhục vì muốn được

trí tuệ dẫn đạo của Phật.

Bồ-tát nhẫn nhục như vậy, chỉ có ước nguyện cho tất cả chúng sinh được độ được giải thoát, đắc Nhất thiết trí, được đầy đủ tất cả Phật pháp. Nhẫn nhục như vậy là hoàn mãn không thể phá hoại và không mê muội.

Nếu không có năng lực như thế thì chẳng thể học tập như vậy, Bồ-tát này nên suy nghĩ: "Nay tôi nên siêng năng nỗ lực tinh tấn, dần dần xa rời đoạn diệt các pháp không nhẫn nhục và dần dần siêng năng tinh tấn tu tập nhẫn nhục, khiến tâm nhẫn nhục của tôi thêm tăng trưởng, cho đến trọn đời không hề lười biếng, ưu sầu".

Đại Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, niệm tâm Bồ-đề, tu tâm Bồ-đề, hy vọng Bồ-đề, nguyện cầu Bồ-đề như vậy. Bồ-tát này phát khởi chánh hạnh vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ căn lành nhẫn nhục như vậy, vì muốn cho tất cả chúng sinh ở trong thế gian phát khởi vô lậu nhẫn nhục, phát khởi vô học nhẫn nhục, sinh khởi vô lậu nhẫn nhục, sinh khởi vô học nhẫn nhục".

Này Thiện Tý! Đại Bồ-tát hành nhẫn nhục như vậy chẳng lấy làm khó mà còn sinh vui mừng để mau đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật-đa.

Thế nào là Đại Bồ-tát đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật-đa?

Này Thiện Tý! Bồ-tát phải suy nghĩ như vầy: "Trong mười phương này mỗi phương đều có vô lượng thế giới, mỗi thế giới có vô lượng, vô biên chúng sinh tu tập không có giới hạn, nay tôi nên phát trang nghiêm khiến chúng sinh này được lợi ích rộng lớn, được vui rộng lớn. Lại vì quan sát biết vô lượng, vô biên chúng sinh do pháp sở duyên mà sinh lợi ích khoái lạc và phát khởi pháp thiện căn, nên tôi trong vô lượng ngày đêm, hoặc tâm phóng dật, hoặc khởi tạp niệm, hoặc lúc ngủ nghỉ, trong mỗi niệm thường tăng trưởng phước đức, trong mỗi niệm phát khởi vô lượng, vô biên căn lành Bồ-đề. Nay tôi nên biết vì trong mỗi niệm phát khởi thêm lớn vô lượng căn lành Bồ-đề thì thành Vô thượng Bồ-đề không khó. Do duyên cớ này mà tôi thấy Bồ-tát rất là dễ được. Vì thế nên người muốn được đạo Vô thượng thì trọn đời chẳng nên lười biếng".

Này Thiện Tý! Đại Bồ-tát lại suy nghĩ: "Ở trong vô lượng, vô biên thế giới; nếu Bồ-tát có thể làm cho chúng sinh trong một thế giới được xa rời tất cả khổ, tôi còn ở trong mỗi niệm phát khởi thêm lớn vô lượng căn lành, huống là có thể làm cho chúng sinh trong vô lượng, vô biên thế giới xa lìa những khổ ba ác, là đạo sinh, già, bệnh, chết, thương xa lìa, oán gặp gỡ".

Lại nữa, này Thiện Tý! Đại Bồ-tát suy nghĩ: "Trong một niệm, nếu Đại Bồ-tát muốn cho chúng sinh trong vô lượng, vô biên thế giới xa lìa tất

cả khổ, Bồ-tát này cũng ở trong một niệm phát khởi thêm lớn được vô lượng căn lành, huống là muốn khiến suốt đời vị lai sau này tất cả chúng sinh trong vô lượng, vô biên, vô số thế giới xa lìa những khổ ba ác đạo là sinh, già, bệnh, chết, thương xa lìa, oán gặp gỡ".

Lại nữa, này Thiện Tý! Bồ-tát phải suy nghĩ: "Nếu có người muốn được pháp Thanh văn, Duyên giác, trong mỗi niệm, người này còn phát khởi thêm lớn vô lượng, vô biên căn lành, huống là người muốn có thiện nam, thiện nữ thành tựu đầy đủ Phật pháp vô lượng, vô biên oai lực. Người này do bốn nhân, bốn duyên, bốn cảnh giới trong ngày đêm, hoặc tâm phóng dật hoặc sinh niệm khác hoặc lúc ngủ nghỉ, trong từng mỗi niệm tu tập bốn vô lượng, vô biên căn lành , phát khởi thêm lớn tư lương Bồ-đề. Nay tôi nên biết trong mỗi niệm phát khởi thêm lớn bốn vô lượng căn lành, thì dễ dàng thành Vô thượng Bồ-đề và tôi quan niệm Bồ-đề rất dễ đắc. Thế nên người muốn đắc đạo Bồ-đề, thì trọn đời chẳng nên lười biếng".

Ví như bốn biển lớn, hoặc Nam, Bắc, trên, dưới, đều dễ biết được bến bờ, biển lớn tư lương Bồ-đề bốn vô lượng căn lành rất khó biết ngằn mé, nay tôi vì sao lại chẳng ở trong mỗi niệm phát khởi thêm lớn tư lương Bồ-đề bốn vô lượng căn lành. Do đó nên người muốn thành đạo vô thượng, thì trọn đời chẳng nên lười biếng.

Lại nữa, này Thiện Tý! Bồ-tát suy nghĩ: "Ngay cả những chúng sinh như sư tử, chồn sói, kên khách, quạ chim, muỗi ruồi, rận chét đã được đạo Vô thượng rồi, ta nay sinh trong loài người mà lại lười biếng được sao. Vì thế nên người muốn thành đạo Vô thượng thì trọn đời chẳng nên lười biếng".

Này Thiện Tý! Bồ-tát suy nghĩ: "Đã có hàng trăm hàng ngàn người thành đạo Vô thượng rồi, mà nay riêng mình tôi chưa thành được. Mười phương thế giới hiện tại vị lai có hằng sa chư Phật Thế Tôn hiện thành sẽ thành, thế nên nay tôi trọn đời chẳng nên lười biếng".

Này Thiện Tý! Bồ-tát này nên suy nghĩ: "Nếu có chánh pháp do Phật nói hoặc do Thanh văn hay do Bồ-tát nói cho đến hoặc do kẻ cuồng ngu vì Phật mà nói, như là Bố thí ba-la-mật-đa, Trì giới ba-la-mật-đa, Nhẫn nhục ba-la-mật-đa, Tinh tấn ba-la-mật-đa, Thiền định Ba-la-mật-đa, Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì Bồ-tát này hoàn mãn Phật pháp muốn thành đạo Vô thượng, muốn đắc Nhất thiết trí, ở nơi chánh pháp ấy siêng tu tinh tấn như cứu lửa cháy đầu, thọ trì đọc tụng thuộc lòng, suy gẫm nhận hiểu vì người mà giải nói, trí tuệ tinh tấn nhất tâm tư duy. Nếu trong tất cả chúng sinh có chỗ nào Phật pháp được tuyên thuyết, thì dù cho bị nạn đao gậy, Bồ-tát này vẫn nỗ

lực đi đến chỗ ấy để nghe thuyết pháp. Hoặc có chúng sinh tu nghiệp báo vui, hoặc vui hiện đời hay vui đời sau, bấy giờ Bồ-tát liền dùng pháp lành diệu nghĩa đúng như pháp để tá trợ, với pháp lành ấy tự mình cũng lại siêng năng tinh tấn hơn".

Bồ-tát này tự đem thân thể mình bố thí cho chúng sinh khiến họ được tự tại; ví như bốn đại, trong ấy tất cả chúng sinh được tự tại tùy ý thọ dụng, Bồ-tát đem thân thể bố thí cho người, tự tại thọ dụng cũng như vậy, trí tuệ tinh tấn nhất tâm tư duy.

Bồ-tát này dù cho có nạn đao gậy, vẫn thường trụ trong Tam bảo và đối với các Sư trưởng gầy ốm, già bệnh khổ, nghèo cùng, luôn cung kính cúng dường, siêng năng tinh tấn như cứu lửa cháy đầu.

Tùy tâm chúng sinh, Bồ-tát này dùng Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành và Đồng sự, tùy theo chỗ nên mà nhiếp thủ họ. Người muốn được Thanh văn thừa thì điều phục an trí họ trụ Thanh văn thừa, người muốn được Duyên giác thừa thì điều phục an trí họ trụ Duyên giác thừa, người muốn được Bồ-tát thừa thì điều phục an trí họ trong Bồ-tát thừa, Bồ-tát thực hành trí tuệ, tinh tấn như cứu lửa cháy đầu.

Vị thiện pháp và vì nhân duyên sáu pháp Ba-la-mật-đa nên Bồ-tát chẳng kể lạnh nóng, đói khát, muỗi mòng gió thổi, nắng đốt người hại, mắng nhiếc chê bai, mỏi nhọc ngủ nghỉ các sự khổ não, trong những trạng thái ấy, cho đến trọn đời Bồ-tát chẳng hề bám niệm đến. Bồ-tát thực hành trí tuệ, tinh tấn như cứu lửa cháy đầu, dù bị nạn dao gậy cũng chẳng hề lười biếng.

Vì nhân duyên đạo Vô thượng nên Bồ-tát này có thể chịu các sự khổ, như là ác đạo A-tu-la trong nhân gian, Bồ-tát chẳng cho đó là khó, Bồ-tát trí tuệ, tinh tấn như cứu lửa cháy đầu. Bồ-tát này bền vững tinh tấn ý chí vững chắc muốn ra khỏi thế gian thành sức tinh tấn vô thượng của Phật, muốn được Tinh tấn ba-la-mật-đa, hướng đến Tinh tấn ba-la-mật-đa, nguyện cho chúng sinh đắc độ giải thoát, vì đắc Nhất thiết trí hoàn mãn tất cả Phật pháp vậy. Bồ-tát tự nghĩ rằng: "Nay tôi hướng đến Tinh tấn ba-la-mật-đa, nguyện cho chúng sinh đắc độ giải thoát để đắc Nhất thiết trí đầy đủ tất cả Phật pháp vậy. Tinh tấn như thế là đầy đủ, không thể phá hoại, không mê muội".

Nếu là người không đủ năng lực học tập hoàn mãn thì nên suy nghĩ rằng: "Nay tôi phải siêng năng tinh tấn mãi mãi, dần dần dứt trừ lười biếng và càng siêng năng tinh tấn hơn, dần dần khéo học tinh tấn làm cho tinh tấn ấy lần lần rộng lớn đầy đủ, trọn đời chẳng lười biếng chẳng ưu tư phiền

muộn”.

Bồ-tát phát khởi tâm Bồ-đề, niệm tâm Bồ-đề, tu tâm Bồ-đề, hy vọng Bồ-đề như vậy. Đây gọi là vô lượng, vô biên, vô số thiện Tinh tấn ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì tinh tấn như vậy là tối thắng đệ nhất trong những thiện pháp tinh tấn khác, muốn tất cả chúng sinh ở thế gian này, ở khắp mọi nơi đều phát khởi vô lậu tinh tấn, phát khởi vô học tinh tấn, khởi sinh vô lậu tinh tấn, sinh khởi vô học tinh tấn.

Này Thiện Tý! Bồ-tát như vậy hành tinh tấn chẳng cho là gian khó mà lấy làm vui thích, mau hoàn mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 94

Hán dịch: Đời Hậu Tần, Tam tạng
Pháp sư Cưu-ma-la-thập.

PHÁP HỘI 26: BỒ-TÁT THIỆN TÝ (PHẦN 2)

Thế nào là Đại Bồ-tát hoàn mãn Thiền định ba-la-mật-đa?

Này Thiện Tý! Bồ-tát nếu mắt thấy sắc chẳng lấy tướng sắc, hoặc có lúc nhãn căn bị ngoại cảnh lôi cuốn thì phải chánh hạnh thủ hộ chẳng để bám theo, chẳng để cho tâm si mê tham trước thế gian. Hộ trì giới này, bấy giờ Bồ-tát hoàn mãn nhãn căn giới. Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc giác, ý biết pháp, Bồ-tát cũng chánh hạnh thủ hộ như vậy.

Lúc đi, đứng, nằm, ngồi, nói pháp và im lặng, Bồ-tát này chẳng xa rời tâm tịch định, khéo gìn giữ tay chân không có tán loạn, thường có lòng xấu hổ khéo gìn giữ khẩu nghiệp, an tường nhìn thẳng lòng luôn tịch tĩnh, chẳng ưa cười đùa, khéo ngự phục nghiệp thân, khẩu, ý khiến thường tịch tĩnh. Ở chỗ khuất vắng hay nơi hiển lộ đều không tâm niệm khác. Với bốn vật dụng như y phục, đồ ăn uống, đồ nằm và thuốc thang lòng thường biết đủ, dễ nuôi, dễ đủ, dễ sai dễ bảo. Khéo thực hành tịch tĩnh, xa rời ồn náo. Với những lợi suy, hủy dự, xưng cơ, khổ lạc không tâm niệm sai khác, chẳng cao chẳng thấp, mạng và phi mạng cũng không tâm sai khác, không giận không thương, bình đẳng xem oán thân đồng như con đỏ. Nơi nhẫn và chẳng nhẫn lòng thường bình đẳng. Với tiếng Thánh, tiếng Phàm, tiếng tĩnh lặng, tiếng loạn động cũng bình đẳng không tâm niệm sai khác. Ở trong sự yêu ghét về sắc, lòng chẳng cao thấp, xa lìa nhiễm ái và giận ghét. Ở trong thanh, hương, vị, xúc và pháp cũng như vậy, tâm thường bình đẳng không sai khác.

Bồ-tát này xem sắc dục như bộ xương, Bồ-tát quán rằng do tưởng nhớ sai lệch mà phát khởi tâm sắc dục. Xem sắc dục như khối thịt nhiều oán ghét, xem sắc dục như lửa đuốc nóng khổ khiến bị rời xa an lạc, xem sắc dục như trái trên cây nhiều kẻ ham ưa, xem dục như là sự vay mượn không được tự tại, xem dục như mộng giây phút hoại diệt, xem dục như

nhọt độc trong điên đảo khổ mà tưởng là vui, xem dục như lưỡi câu làm các ác nghiệp đọa vào ác đạo, xem dục như sông tro thêm nhiều dục nhiễm chẳng biết chán đủ. Bồ-tát quan sát như vậy rồi xa lìa pháp dục ác bất thiện, có giác có quán, xả ly mà sinh hỷ lạc, thành hạnh Sơ thiền. Lìa giác quán nội tâm định tĩnh ở một chỗ, không giác không quán định sinh hỷ lạc thành hạnh thiền thứ hai. Lìa Hỷ, hành Xả niệm, chánh trí nhất tâm thân hành lạc, năng hành năng xả như chư Thánh nhân, thành hạnh thiền thứ ba. Bỏ ý khổ lạc, trước dứt ưu hỷ hành xả niệm tịnh thành hạnh thiền thứ tư. Với tất cả chúng sinh suy tưởng được vui, thành tựu tâm trí vô lượng, vô biên. Với tất cả chúng sinh suy tưởng giải thoát khổ thành tựu tâm Bi vô lượng, vô biên. Với tất cả chúng sinh suy tưởng, tùy hỷ thành tựu tâm hỷ vô lượng, vô biên. Với tất cả chúng sinh suy tưởng xả bỏ khổ lạc thành tựu tâm xả vô lượng, vô biên.

Bồ-tát này chẳng suy nghĩ đến tướng sắc, thành tựu hạnh không xứ tịch tĩnh. Chẳng tư duy tướng không, thành tựu hạnh thức xứ tịch tĩnh. Chẳng tư duy tướng thức, thành tựu hạnh vô sở hữu xứ tịch tĩnh. Chẳng tư duy tướng vô sở hữu xứ, thành tựu hạnh phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ tịch tĩnh.

Bồ-tát này ở nơi hơi thở ra vào, hoặc tùy theo hoặc an trụ, lúc dài biết dài, lúc ngắn biết ngắn, thành tựu chánh hạnh tức tịch tĩnh.

Bồ-tát này tư duy quán tướng thân bất tịnh, thành tựu hạnh bất tịnh tịch tĩnh. Tư duy tướng vô thường vượt qua sinh, già, bệnh, chết, thành tựu hạnh vô thường tịch tĩnh. Tư duy trong món ăn khởi phát tướng vô lượng lỗi lầm, thành tựu hạnh tướng món ăn bất tịnh. Tư duy rõ ràng trong các thế giới thành ấp, thôn xóm các thứ trang sức là tướng quyết chắc sẽ hư hoại, thành tựu hạnh thế gian chẳng đáng vui tịch tĩnh.

Bồ-tát này quán tưởng bên trong có tướng sắc, quán tưởng bên ngoài sắc ít, hoặc đẹp hoặc xấu chấp giữ tướng mạo ấy, thành tựu hạnh Sơ thắng xứ.

Quán tưởng bên trong có tướng sắc, quán tưởng bên ngoài sắc nhiều hoặc đẹp hoặc xấu chấp giữ tướng mạo ấy, thành tựu hạnh Thắng xứ thứ hai.

Bồ-tát này tư duy thân thể mình, hoặc chết hoặc thiêu thành tro thành đất, bị nước cuốn trôi hoặc nát mất mòn mất hoặc dứt ba cõi, đây gọi là bên trong không tướng sắc, bên ngoài quán sắc ít hoặc đẹp hoặc xấu chấp giữ tướng mạo ấy, thành tựu hạnh Thắng xứ thứ ba. Bên trong không tướng sắc, bên ngoài quán sắc nhiều hoặc đẹp hoặc xấu chấp giữ

tướng mạo ấy, thành tựu hạnh thắng xứ thứ tư. Bên trong không tướng sắc bên ngoài quán sắc xanh vô lượng, vô biên ưa thích chấp giữ tướng ấy, thành tựu hạnh thắng xứ thứ năm. Bên trong không tướng sắc, bên ngoài quán sắc đỏ vô lượng, vô biên ưa thích chấp giữ tướng ấy, thành tựu hạnh thắng xứ thứ sáu. Bên trong không tướng sắc, bên ngoài quán sắc vàng vô lượng, vô biên ưa thích chấp giữ tướng ấy, thành tựu hạnh thắng xứ thứ bảy. Bên trong không tướng sắc bên ngoài quán sắc trắng vô lượng, vô biên ưa thích chấp giữ tướng ấy, thành tựu hạnh thắng xứ thứ tám.

Bồ-tát này nhập vào Nhất thiết xứ vô lượng, vô biên đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, hư không và thức, chẳng niệm tưởng tướng khác, thành tựu hạnh Nhất thiết xứ ban đầu.

Lúc nhập pháp khổ, Bồ-tát này tâm duyên tất cả căn lành, những là đại Từ, đại Bi, nhiếp trì chánh pháp, chẳng dứt ngôi Tam bảo, trang nghiêm thân Phật thanh tịnh Phạm âm, xưa đã thệ nguyện giáo hóa chúng sinh thanh tịnh thế giới Phật, ngồi gốc Bồ-đề chuyển diệu pháp luân, dứt trừ tất cả kiết sử của chúng sinh. Tâm Bồ-tát duyên lấy cảnh giới như vậy.

Lúc Bồ-tát này nhập Thiền định, rời lìa chỗ an trụ của bốn thức, chẳng y tựa nơi địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, không đại, thức đại, cũng chẳng y tựa đời nay đời sau, nhập định như vậy đều không chỗ y tựa.

Bồ-tát này lúc nhập thiền định lòng sinh ưa thích, vì muốn nhập vào Định giải thoát vô thượng.

Bồ-tát này tu hành Thiền định, vì nguyện cho tất cả chúng sinh được độ giải thoát, vì muốn đắc Nhất thiết trí hoàn mãn tất cả Phật pháp.

Hoặc đang tư duy hoặc lúc tư duy rồi, vì nguyện cho tất cả chúng sinh được độ giải thoát, vì đắc Nhất thiết trí hoàn mãn tất cả Phật pháp.

Với Thiền định này, nếu là người không đủ năng lực học tập, thì phải suy nghĩ rằng: "Tôi lúc nào cũng phải dần dần, siêng tinh tấn thêm để xa rời tâm loạn động, lúc nào cũng phải dần dần, tinh tấn thêm nhất tâm chuyên học, khiến nhất tâm ấy phát triển lớn rộng đầy đủ, trọn đời không lười biếng không ưu tư rầu".

Bồ-tát này phát khởi tâm Bồ-đề, niệm tâm Bồ-đề, tu tâm Bồ-đề, hy vọng Bồ-đề, nguyện cầu Bồ-đề. Đây gọi là Đại Bồ-tát vô lượng, vô biên căn lành thiền định, muốn khiến tất cả chúng sinh khắp thế gian phát khởi vô lậu thiền định, phát khởi vô học thiền định, sinh khởi vô lậu thiền định, sinh khởi vô học thiền định.

Đại Bồ-tát hành thiền định này, chẳng cho là khó mà lấy làm vui thích

mau chóng hoàn mãn Thiền định ba-la-mật-đa.

Này Thiện Tý! Thế nào là Đại Bồ-tát hoàn mãn Trí tuệ ba-la-mật-đa?

Nếu có người thông minh trí tuệ, học rồi có thể thọ trì, nghe rồi thuộc lòng, giỏi học tướng nghĩa sâu xa của các pháp và cũng hay phân biệt, đúng như pháp được nghe, nghe rồi hay tư duy ý nghĩa ấy.

Có những người được như trên đây, thì Bồ-tát phải thân cận cung kính cúng dường tôn trọng tán thán, dù đến bị dao gậy cũng chẳng xa rời. Bồ-tát này vì học vấn, vì liễu nghĩa, vì tư duy nghĩa, vì cúng dường cung kính Sư trưởng, Hòa thượng, cho dù đến chết cũng hoàn toàn chẳng sợ, chẳng lẫn tránh các sự khổ não khổ nạn, như là đói khát rét nóng, muỗi mòng trùng độc, gió thổi nắng phơi đánh đập mắng nhiếc chê bai.

Bồ-tát này đối với chánh pháp, tưởng là khối châu báu, với người thuyết pháp tưởng là kho châu báu, với người nghe pháp tưởng là khó gặp, với người gạn hỏi tưởng là tuệ mạng, với người học nhiều tưởng là trừ vô minh sinh trí tuệ, với người phân biệt các pháp, tưởng là trăm ngàn đời sinh Tuệ nhãn.

Bồ-tát này nghe các pháp ấy xong, thọ trì tu học, phân biệt rộng ra biết nhập ấm giới bốn Đế, mười hai Nhân duyên, ba thừa ba đời và được cái biết như vậy. Thế nào là biết giới, biết hai giới? Hữu vi giới và vô vi giới gọi là hai giới. Nếu là pháp sinh trụ diệt là hữu vi giới. Nếu pháp không sinh trụ diệt là vô vi giới. Như vậy là biết hữu vi và vô vi giới.

Thiện giới là gì? Bồ-tát này lại biết ba giới: Thiện giới bất thiện giới và vô ký giới. Thiện giới, đó là nếu chẳng tham với chẳng tham, chẳng sân với chẳng sân, chẳng si với chẳng si thì gọi là thiện giới. Nếu tham với tham, sân với sân, si với si thì gọi là bất thiện giới. Trừ thiện và bất thiện các pháp khác gọi là vô ký giới.

Lại nữa, biết ba giới là gì? Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Dục giới là địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, A-tu-la, nhân loại, trời Tứ thiên vương, trời Tam thập tam, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, ở trong đây nếu vì dục nhiễm tham trước sân nhuế ngu si ước vọng, vì lòng tham muốn mà gây tạo nghiệp thì gọi là Dục giới. Sắc giới là Phạm thiên, trời Phạm phụ, trời Đại phạm, trời Quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Quang âm, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Thiểu quả, trời Quảng quả, trời Vô lượng quả, trời Vô tướng, trời Vô nhiệt, trời Vô não, trời Thiện kiến, trời Diệu thiện kiến, trời A-ca-nhị-tra. Nếu ở trong các cõi sau đây mà vì sắc nên bị nhiễm ngu si ước vọng, vì lòng ham muốn mà gây tạo nghiệp thì gọi là Sắc giới. Vô sắc giới là trời

Không xứ, trời Thức xứ, trời Vô sỡ hữu xứ, trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu ở trong đây vô sắc nhiễm ô các thứ ngu si, ước vọng, vì lòng ham muốn mà gây tạo nghiệp thì gọi là Vô sắc giới. Như vậy gọi là ba cõi.

Lại nữa biết bốn giới là gì? Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và Vô vi giới. Như vậy gọi là biết bốn giới.

Lại nữa biết sáu giới là gì? Dục giới, oán giận giới, hại giới, xuất ly giới, không oán giận giới và bất hại giới. Như vậy gọi là biết sáu giới.

Lại nữa biết sáu giới là gì? Địa, thủy, hỏa, phong, không và thức giới. Như vậy gọi là sáu giới. Quan sát địa giới đến thức giới là tướng vô thường biến hoại, không bền không chắc, nếu vô thường thì vô thường là khổ, nếu khổ thì khổ là vô ngã, đây gọi là biết sáu giới.

Bồ-tát này nghe pháp như vậy rồi, thọ trì tu học rộng phân biệt xong thì biết năm ấm tức sắc, thọ, tưởng, hành và thức ấm. Sắc như bọt nước; thọ như bóng nước; tưởng như ngựa hoang; hành như cây chuối; thức như huyễn hóa; tất cả đều là sinh diệt chẳng trụ được bền lâu, đây gọi là biết về năm ấm.

Bồ-tát này nghe pháp như vậy rồi, thọ trì tu học rộng phân biệt xong thì biết sáu nội nhập: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý nhập, gọi là sáu nội nhập. Từ nhãn căn cho đến ý căn đều là pháp khổ, già, chết, không, vô ngã, vô ngã sở, ba độc bốc cháy sinh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não cũng hay hừng cháy các pháp khổ não, đây gọi là biết sáu nội nhập.

Lại biết sáu ngoại nhập: Sắc được mắt thấy, tiếng được tai nghe, hương được mũi ngửi, vị được lưỡi nếm, xúc được thân cảm giác và pháp được ý biết. Gọi là sáu ngoại nhập. Sắc cho đến pháp, tánh chẳng bền chắc không nơi nương tựa cũng không thế lực, tất cả vô thường chẳng phải thật, chẳng như thật như huyễn như hóa, đây gọi là biết sáu nhập bên ngoài.

Bồ-tát này nghe pháp như vậy rồi thọ trì tu học rộng phân biệt xong thì biết bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt và Đạo thánh đế.

Tu là Khổ thánh đế, năm ấm, sáu giới, sáu nội nhập và sáu ngoại nhập gọi là Khổ đế. Khổ ấy vô thường như oán tặc, như nhọt, như tên độc, như ngục trói nhốt, như đồ vật bể hư, chẳng tự tại, là vô ngã, hiểu rõ như vậy thì gọi là biết Khổ thánh đế.

Những gì là Tập thánh đế? Đó là tham, sân, si mạn, ngã mạn, hay vin vào ngã, quyết định chấp ngã là thường trụ chẳng hư hoại, ngã tức là sắc, ngã khác với sắc, ngã tức là tưởng, ngã khác với tưởng, ngã là tưởng phi tưởng, ngã khác tưởng phi tưởng, ngã là ấm, ngã khác với ấm, trong ngã có ấm trong ấm có ngã, ngã là giới nhập, ngã khác giới nhập, trong ngã có giới

nhập, trong giới nhập có ngã, ngã là thụ ngã khác với thụ, ngã là vô thụ, ngã khác vô thụ, ngã là thức ngã khác với thức, ngã là ít sắc, ngã khác với ít sắc, ngã là nhiều sắc, ngã khác với nhiều sắc, ngã là thường, ngã là vô thường, ngã là thường vô thường, ngã là không phải thường không phải vô thường, ngã là hữu biên, ngã là vô biên, ngã là hữu biên vô biên, ngã là phi hữu biên phi vô biên, sau khi chết như đi, sau khi chết chẳng như đi, sau khi chết như đi cũng chẳng như đi, sau khi chết không như đi, không phải như không như đi, mạng tức là thân, thân tức là mạng, chúng sinh này từ nơi nào đến, đi đến nơi nào, các chúng sinh này tức là đoạn diệt chẳng phải có tương tục, tự tác tự thọ tha tác tha thọ, chấp có ngã thì có ngã sở, có ngã sở tức là có ngã, như vậy nhiếp thọ chấp có ngã kiến có thân kiến, hoặc kiết hoặc sử, hoặc ngã hoặc ngã sở, ngã thọ ba căn bản phiền não là tham, sân, si, hoặc tổng ba nghiệp thân, khẩu, ý, hoặc tội nghiệp, hoặc phước nghiệp, hoặc nghiệp Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, đây gọi là Tập thánh đế.

Thế nào là Diệt thánh đế? Nếu dứt hết tham, sân, si, ngã và ngã sở, thọ lấy ba cõi được dứt hết thì gọi là Diệt thánh đế.

Những gì là Đạo thánh đế? Nếu thấy Khổ, Tập, Diệt tận, suy gẫm tất cả lỗi họa hữu vi, thấy Niết-bàn tịch tĩnh chỗ làm đã xong, lúc an trụ pháp Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định như vậy, đây gọi là Đạo thánh đế.

Biết bốn Thánh đế như vậy, lúc Bồ-tát tư duy phân biệt bốn Thánh đế thấy pháp hữu vi là khổ, là vô thường, là không, là vô ngã, thấy pháp vô vi có thể làm chỗ che chở, là nhà ở, là chỗ nương tựa, dù quan sát như vậy mà chẳng chứng Niết-bàn. Bồ-tát biết bốn Thánh đế như vậy.

Bồ-tát này nghe pháp như vậy, rồi thọ trì tu học, rộng phân biệt xong, thì biết mười hai nhân duyên: Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử. Nếu chẳng biết, chẳng thấy bốn thánh đế và mười hai nhân duyên thì gọi là vô minh. Nếu có ba nghiệp thân, khẩu, ý nghiệp, phước nghiệp, tội nghiệp, sự trói buộc Dục giới, trói buộc Sắc giới, Vô sắc giới thì gọi là hành. Nếu có tâm ý và thức thì gọi là thức. Nếu có thọ tưởng tư xúc tư duy thì gọi là danh. Nếu có bốn đại, sắc do bốn đại tạo ra từ Ca-la-la cho đến hóa sinh, hoặc tác sắc chẳng phải tác sắc thì gọi là sắc, vì danh và sắc hợp nhau nên gọi là danh sắc. Nếu có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý thì gọi là sáu căn. Nếu nhãn duyên sắc sinh ra nhãn thức cho đến ý duyên pháp sinh ra ý thức, ba thứ hòa hợp sinh ra xúc thì gọi là xúc. Nếu có khổ thọ lạc thọ và

bất khổ bất lạc thọ thì gọi là thọ. Nếu có ái nhiễm thì gọi là ái. Nếu có ái kiến giới thủ thì gọi là thủ. Nếu có sắc, thọ, tưởng, hành, thức thì gọi là hữu. Nếu hữu này phát khởi thì gọi là sinh. Nếu có suy biến thì gọi là lão. Nếu có diệt hoại thì gọi là tử. Bồ-tát phân biệt tư duy mười hai nhân duyên như vậy, thấy nghe hay biết địa, thủy, hỏa, phong, hư không và thức, cả sáu đại giới ấy chẳng phải là ngã, ta chẳng sinh ái trước, ngã chẳng phải là sáu đại giới chẳng sinh ái trước, cũng chẳng hy vọng. Thấy nghe hay nhận thức Niết-bàn chẳng phải ngã, chẳng sinh ái trước, ngã chẳng phải Niết-bàn, chẳng sinh ái trước, cũng chẳng phải hy vọng, Bồ-tát này thấy các pháp do nhân duyên mà khởi lên, liền biết ba giải thoát môn, rộng tu học thấy không, vô tướng và vô tác. Bồ-tát này thấy các pháp từ nhân duyên khởi lên liền biết sự an lạc của tịch diệt. Siêng năng tu học rộng phân biệt rồi, thì vô minh diệt, vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sinh diệt thì lão tử diệt. Bồ-tát này dù quán mười hai nhân duyên khởi diệt mà chẳng chứng tịch diệt. Bồ-tát biết mười hai nhân duyên như vậy.

Bồ-tát này nghe pháp như vậy rồi nhất tâm thọ trì tu học, phân biệt rộng ra thì biết được ba đời: Quá khứ, vị lai và hiện tại. Nếu pháp sinh rồi diệt mất thì gọi là đời quá khứ. Nếu pháp chưa sinh chưa khởi thì gọi là đời vị lai. Nếu pháp sinh rồi mà chưa diệt mất thì gọi là đời hiện tại. Bồ-tát này nghĩ đến đời quá khứ các bất thiện căn, khinh hủy đáng ghét, trái bỏ lìa nó, ở đời vị lai các bất thiện căn sẽ đưa đến thọ quả báo bất thiện, chẳng thích, chẳng ưa, chẳng thể vừa ý, ở đời hiện tại đối với các bất thiện căn, nếu khiến nó chẳng sinh khởi. Bồ-tát này hay nhiếp hộ ba nghiệp thân, khẩu, ý và sáu tình căn thường phát khởi thiện nghiệp không để gián đoạn.

Với các thiện căn quá khứ, Bồ-tát này phát tâm Bồ-đề, chuyên niệm tâm Bồ-đề, hy vọng Bồ-đề muốn đắc Bồ-đề. Dùng lòng yêu mến sâu nặng vui nguyện cho tất cả chúng sinh được độ, được giải thoát, vì đắc Nhất thiết trí, hoàn mãn tất cả Phật pháp.

Ở đời vị lai, hiện tại cũng vậy, Bồ-tát này thường chẳng lìa tâm ấy, hoàn toàn chẳng lười biếng thất niệm phóng dật. Nếu nhập, ấm, giới ở đời quá khứ… tức là diệt tận, chẳng thật chẳng còn, không ngã không ngã sở, nếu nhập, ấm, giới ở đời vị lai… là chưa sinh, chưa khởi, không ngã, không ngã sở, nếu nhập, ấm, giới ở đời hiện tại… là niệm niệm chẳng dừng ở. Vì sao? Vì đối với các pháp ở các đời không có một niệm an trụ. Nếu có một niệm, thì trong một niệm ấy cũng có sinh, trụ và diệt, chính sinh, trụ, diệt này cũng chẳng an trụ. Như trong sinh, trụ, diệt có ấm, giới, nhập bên trong bên ngoài thì bên trong lẫn bên ngoài ấm, giới, nhập này cũng có sinh, trụ,

diệt. Nếu chẳng an trụ như vậy tức là chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Nếu đời quá khứ diệt mất chẳng thật, chẳng tồn tại thì chẳng phải ngã ngã sở, nếu đời vị lai chưa sinh chưa khởi thì chẳng phải ngã ngã sở, nếu đời hiện tại niệm niệm chẳng trụ thì chẳng phải ngã ngã sở. Nếu thấy ba đời chẳng phải ngã chẳng phải ngã sở thì gọi là người trí tuệ chân thật. Thấy ngã ngã sở không phải là ngã ngã sở, thì ở nơi các cõi, hành không ngã không ngã sở, hành tưởng ly dục, hành tưởng đoạn dứt, hành tưởng diệt mất. Dù hành như vậy mà chẳng chứng Niết-bàn. Đây gọi là Bồ-tát biết ba đời.

Bồ-tát này nghe pháp như vậy rồi, thọ trì tu học rộng phân biệt xong thì biết ba thừa: Thiên thừa, Phạm thừa và Thánh thừa.

Thiên thừa là gì? Thiền thứ nhất, Thiền thứ hai, Thiền thứ ba và Thiền thứ tư gọi là Thiên thừa.

Phạm thừa là gì? Từ, Bi, Hỷ và Xả gọi là Phạm thừa.

Thánh thừa là gì? Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định gọi là Thánh thừa.

Bồ-tát này luôn luôn tu tập ba thừa ấy, giáo hóa chúng sinh khiến họ an trụ ba thừa, mà tự thân Bồ-tát chẳng chứng giải thoát. Đây gọi là Bồ-tát biết ba thừa.

Bồ-tát này lại còn biết ba thừa: Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Đại thừa.

Thế nào là Thanh văn thừa? Người căn lực nhu nhuyễn giải thoát, trong một niệm rời lìa nhà, thích muốn xuất thế, muốn được Niết-bàn, thấy chỗ tịch diệt, chuyên cần tinh tấn như cứu lửa cháy đầu, nếu là người chưa hiểu bốn Thánh đế, muốn dùng mũi tên trí tuệ bắn trúng đích bốn Thánh đế muốn chứng, muốn hiểu, dùng lòng ưa muốn tinh tấn, đây gọi là Thanh văn thừa.

Thế nào là Duyên giác thừa? Người có căn giải thoát bậc trung muốn được tịch tĩnh ở riêng một chỗ, để tự lợi ích nhập định tịch tĩnh, phương tiện phân biệt mười hai nhân duyên, muốn được đạo Duyên giác, muốn chứng Duyên giác, đây gọi là Duyên giác thừa.

Thế nào là Đại thừa? Người căn giải thoát bậc thượng, muốn khiến tất cả chúng sinh được độ được giải thoát, vì đắc Nhất thiết trí hoàn mãn tất cả sáu pháp Ba-la-mật-đa của Phật pháp, muốn lợi ích tất cả thế giới, muốn dứt tất cả khổ não chúng sinh, đối với năm dục lạc của tất cả thế giới tâm thường khinh tiện. Hơn nữa tại thế gian vô lượng khổ, muốn cho chúng

sinh trì giới vô thượng, muốn được thấy nghe kinh Đại thừa, thọ trì phân biệt tư duy tu tập đọc tụng thông thuộc, chuyên cần tinh tấn, nếu có Bồ-tát tu bốn nhiếp pháp, phải đến thân cận, vì muốn khiến cho chúng sinh nhiếp lấy chân trí tuệ, an trụ trong bốn Nhiếp pháp, thường muốn được nghe các pháp trọng yếu thâm sâu thọ trì phân biệt, vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh nhập thiền định, tự bỏ sự vui của mình để lợi ích chúng sinh, muốn dùng sức của mình tùy theo sở thích của người, mà làm cho họ an trụ trong ba thừa, dù giáo hóa ba thừa mà tự mình an trụ trong đạo vô thượng, tâm như Kim cang không hoại không động, thường nguyện được Vô thượng Bồ-đề, nguyện cầu Bồ-đề, đây gọi là Đại thừa.

Đây gọi là Bồ-tát thấu triệt ba thừa.

Bồ-tát này nghe pháp như vậy rồi thọ trì tu học rộng phân biệt xong, thì lãnh ngộ phương tiện, nơi Phật, Pháp, Tăng, năm vóc gieo sát đất dùng làm hạnh nghiệp, những gì được mình thực hành, thì nguyện cầu đạo Vô thượng, quy y như vậy phát tâm Bồ-đề. Lúc đi đứng ngồi nằm, ăn uống tắm rửa đều không có tâm niệm khác, mà chỉ nguyện cầu Vô thượng Bồ-đề, thường tu học rộng lớn như vậy. Bồ-tát này lúc mới nhập định hay nhập định rồi, thường nguyện tất cả chúng sinh được độ được giải thoát, vì đắc Nhất thiết trí hoàn mãn tất cả Phật pháp. Ở trong tất cả thế giới muốn được tôn trọng, muốn điều phục tất cả chúng sinh, muốn trong tất cả chúng sinh không ai hơn mình được, muốn được tối thắng, muốn giáo giới tất cả chúng sinh, muốn tất cả chúng sinh được tịch diệt, muốn ở trong tất cả pháp được thành Chánh giác, hoàn mãn tất cả Phật pháp, phát tâm Bồ-đề, thường tu học rộng lớn như vậy. Bồ-tát này làm được bao nhiêu căn lành đều nguyện cho tất cả chúng sinh rời lìa sợ hãi, ra khỏi ba ác đạo, diệt sạch vô lượng khổ, đoạn trừ các phiền não, để đắc Niết-bàn. Hiện tại, vị lai ai muốn được Thanh văn thừa, nguyện cho họ được đầy đủ. Hiện tại, vị lai ai muốn được Duyên giác thừa, nguyện cho họ được đầy đủ. Hiện tại, vị lai ai muốn được Đại thừa, nguyện cho họ được đầy đủ. Nguyện thỉnh cầu hiện tại, vị lai tất cả chư Phật Như Lai trụ thế một kiếp thuyết pháp. Nguyện Thánh chúng theo Phật trụ thế luôn được hòa hợp. Bồ-tát này suy nghĩ như vầy: "Ở khắp mọi nơi, nếu có chúng sinh nào tu các thiện căn, hoặc muốn sinh trong nhân loại hay sinh lên chư Thiên, hoặc muốn an trụ trong ba thừa, hay muốn học hành và pháp bố thí, nói lời êm dịu làm lợi ích cho mọi người, tôi đều nguyện cho họ được đầy đủ cả".

Bồ-tát dùng pháp này ở trong ba thời, luôn đọc tụng thông thuộc suy nghĩ pháp ấy. Nay tôi ở khắp thế gian, ở mọi phương xứ, quy y tất cả chư

Phật, tôn Pháp, chư hiền Thánh tăng và các Bồ-tát, đầu mặt lễ kính. Oai đức của Chư Phật là siêu thắng, tướng Phật rất đẹp. Bồ-tát này thường thường nguyện cho Phật, Pháp, Tăng ở khắp mọi nơi, luôn luôn đầy đủ không có thiếu sót, để tôi khuyến thỉnh trụ thế một kiếp tuyên nói pháp vi diệu. Thường quở trách các điều ác hoặc đã, hay đang làm, nay tôi đã rời lìa tất cả sự ác dù là trong khoảng một niệm. Nguyện đem tất cả thiện căn khiến các chúng sinh được thọ mạng vô lượng, an trụ ở trong tất cả thiện pháp, mau chuyển pháp luân như các Bồ-tát. Khiến chư Thánh nhân được giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Nguyện cho Phật pháp thường trụ tại thế gian để lợi ích chúng sinh. Kẻ sinh trong năm đường đều được thiện căn và biết kính lễ chư Phật, thường cầu nguyện như vậy. Bồ-tát này có bao nhiêu nguyện lành đều khiến các chúng sinh cùng bản thân họ được oai đức vi diệu, oai đức thiện diệu. Tất cả Phật, Pháp, Tăng Tam bảo hiện tại và vị lai đều khiến trụ thế một kiếp không các lưu nạn, trân bảo của các Bồ-tát mau được đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa, mau thành Vô thượng Bồ-đề cũng không lưu nạn. Muốn cho tất cả chúng sinh dứt trừ lo sợ khổ não, hành các hỷ lạc, dứt trừ tất cả những căn bất thiện, thành tựu tất cả thiện căn, theo đúng sở nguyện thành tựu ba thừa, mau đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa, thọ mạng vô lượng và được giải thoát, thành đạo Vô thượng. Bồ-tát kính lễ chư Phật thường cầu nguyện như vậy.

Bồ-tát này thường nguyện cho tất cả chúng sinh dứt các khổ não. Tất cả chư Phật cho đến Pháp thân ở khắp mọi nơi trong thế gian này. Nguyện đem thân mình phụng thí chư Phật, muốn cho tất cả chúng sinh được độ thành đạo vô thượng, tại chỗ thọ sinh, tín kính Tam bảo, dùng hương hoa trời cúng dường hằng sa chư Phật Thế Tôn, cũng cúng dường Pháp, Tăng và các Bồ-tát, khiến đồ hiến cúng như núi Tu-di. Trong tất cả thế gian, nơi nào có chúng sinh, nếu có cần dùng bảy báu, phòng nhà, y phục, đồ uống ăn, thuốc men, giường nệm, đều cung cấp đầy đủ không để thiếu. Nếu có người thích nhẫn nhục, tinh tấn trì giới, tôi sẽ tùy theo sở thích của họ mà thực hành giải thoát khiến cho họ thành tựu thắng pháp, cho Tam bảo đầy đủ, tu sáu pháp Ba-la-mật-đa mau thành Phật đạo, xa lìa ác pháp, khéo hành thật nghĩa, thân, khẩu, ý ba nghiệp chẳng thoái nơi quả Bồ-đề, thích nơi Bồ-đề, mọi nơi mọi chỗ, được gặp Phật và Bồ-tát, thường học thiện căn. Đặt chúng sinh trong thiện pháp, Bồ-tát này tự biết hướng đến những thiện căn của người, hướng đến trí tuệ, tư duy trí tuệ, vì muốn cho tất cả chúng sinh đắc độ được giải thoát, để đắc Nhất thiết trí, hoàn mãn tất cả Phật pháp. Bồ-tát này có trí tuệ như vậy.

Nếu là người không đủ năng lực tu học như vậy thì phải tự tư duy:

"Nay tôi nên chuyên cần tinh tấn hơn, luôn dứt trừ vô minh một cách lần hồi, dần dần học được trí tuệ ấy, khiến trí tuệ ấy thêm rộng lớn đầy đủ, đến trọn đời không hề lười biếng ưu phiền".

Bồ-tát phát tâm Bồ-đề như vậy, niệm tâm Bồ-đề như vậy, tu tâm Bồ-đề như vậy, hy vọng tâm Bồ-đề như vậy. Bồ-tát này có vô lượng, vô biên thiện trí tuệ. Vì sao? Vì trí tuệ này là tối thắng đệ nhất trong các thiện trí tuệ, khiến tất cả chúng sinh ở thế gian phát khởi vô lượng trí tuệ, phát khởi trí tuệ vô học, sinh khởi trí tuệ vô lậu, sinh khởi trí tuệ vô học.

Này Thiện Tý! Bồ-tát hành trí tuệ đó chẳng cho là khó, mà lấy làm vui thích mau hoàn mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đức Phật nói kinh này rồi, Bồ-tát Thiện Tý vui mừng khen ngợi:

– Lành thay, lành thay! Xin tín thọ phụng hành.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 95

Hán dịch: Đời Đại Đường, Tam tạng
Pháp sư Bồ-đề-lưu-chí.

PHÁP HỘI 27: BỒ-TÁT THIỆN THUẬN

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc tại nước Xá-vệ, cùng các đại chúng: Năm trăm Thanh văn, mười ngàn Bồ-tát cung kính vây quanh.

Bấy giờ trong thành Xá-vệ có một Bồ-tát tên Thiện Thuận, đã ở nơi vô lượng Phật quá khứ gieo trồng các căn lành, kính thờ cúng dường được không thoái chuyển nơi Vô thượng Bồ-đề, an trụ đại Từ, lòng chẳng giận hờn, an trụ đại Bi rộng cứu không mỏi, an trụ đại Hỷ, khéo an pháp giới, an trụ đại Xả khổ vui bình đẳng, điều lượng ăn đúng giờ, muốn ít biết đủ, thường được chúng sinh mến nhìn, luôn đem năm giới và tám trai giới ở trong thành ấy thương xót giáo hóa, sau đó lại khuyến hóa mọi người thực hành Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, Từ, Bi, Hỷ, Xả phạm hạnh thanh tịnh.

Bấy giờ Bồ-tát Thiện Thuận vì khiến chúng sinh thấy Phật nghe pháp nên cùng đại chúng sau trước vây quanh, sắp đi đến chỗ Đức Phật.

Thiên đế Thích dùng Thiên nhãn thấy Bồ-tát Thiện Thuận thường tinh tấn hành hạnh Đầu-đà đầy đủ tịnh giới tế độ vững chắc, Thiên đế nghĩ rằng nay Bồ-tát Thiện Thuận ấy ở nơi Phạm hạnh chẳng hề biếng trễ, phải chăng là vì cầu ngôi Đế Thích hay muốn làm vua và hưởng dục lạc? Nghĩ như vậy rồi Thiên đế hóa làm bốn người trai tráng đến trước Bồ-tát Thiện Thuận nói lời xấu ác mắng nhiếc rồi lại dùng dao gậy chém đập và lấy ngói đá ném chọi vào Bồ-tát. Bồ-tát Thiện Thuận trụ sức từ cho đến nỗi chịu đựng những sự gia hại ấy mà không hề giận hờn. Thiên đế lại hóa làm bốn người trai tráng khác đến bảo Bồ-tát:

– Ôi, thưa ngài Thiện Thuận! Bọn người ác kia đánh mắng ngài thậm

tệ nếu ngài bảo chúng tôi báo thù cho ngài thì chúng tôi sẽ vì ngài mà giết chết bọn ác ấy.

Bồ-tát Thiện Thuận liền nói với bốn trai tráng ấy:

– Này các thiện nam! Các anh chớ nói như vậy, nếu giết hại thì thành ác nghiệp. Dù cho có người đến chém nát thân thể tôi như lá táo, tôi hoàn toàn chẳng sinh lòng giận thù giết hại. Vì sao? Vì kẻ giết hại bị đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cho đến dù được thân người họ cũng chẳng yêu thương cha mẹ đẻ của họ, thường bị mọi người ghét bỏ. Này các thiện nam! Tất cả pháp đều có hai loại thiện và bất thiện. Do pháp bất thiện mà đọa ác đạo. Nếu y theo pháp thiện thì được phước lợi.

Bồ-tát Thiện Thuận vì muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Thiện ác như giống trồng
Đều theo nghiệp mà sinh
Nào có hạt giống đắng
Mà sinh trái chín ngọt
Hiện thấy pháp như vậy
Người trí phải suy xét
Khổ báo đền ác nghiệp
Làm lành thường an vui.

Bị từ chối, bọn người này liền bỏ đi.

Bấy giờ Thiên đế lại hóa ra khối vàng bạc châu báu, rồi sai các trai tráng đến nói với Bồ-tát ấy rằng:

– Ngài có thể phương tiện lấy của báu ấy tùy ý tiêu dùng.

Bồ-tát Thiện Thuận bảo rằng:

– Các anh chớ nói như vậy. Vì sao? Vì nghiệp trộm cắp hay khiến chúng sinh nghèo cùng hạ tiện không chỗ nương tựa. Dẫu tôi có nghèo đến không đủ sống, tôi cũng không bao giờ trộm cắp. Kẻ Phàm phu ngu mê tham cầu trộm cắp. Nào có người trí lại làm nghiệp ác ấy đâu.

Bồ-tát nói kệ rằng:

Chứa của đến ngàn ức
Lòng tham lam chẳng xả
Người trí nói người ấy
Thường nghèo khổ ở đời.
Người dù không một vật
Mà lòng luôn xả ly
Người trí nói kẻ ấy
Ở đời rất giàu sang.

Người trí lìa các ác
Tất cả đều đoan nghiêm
Người ngu do tạo nghiệp
Toàn thân đều thô xấu.
Người trí khuyên làm lành
Người ngu luôn làm ác
Thà bị người trí mắng
Chẳng cần người ngu khen.

Nghe Bồ-tát nói như vậy các người ấy liền bỏ đi.

Thiên đế lại tự thân đến chỗ Bồ-tát tay cầm trăm ngàn lượng vàng bảo rằng:

– Vừa rồi ở trước vua Ba-tư-nặc trong thành Xá-vệ, tôi và người tranh luận, nên cần có một người làm chứng, nếu ngài có thể làm chứng nhân cho tôi, thì tôi xin tặng cả số vàng này.

Bồ-tát Thiện Thuận nói với Thiên đế:

– Ngài nên biết rằng, vọng ngữ là nghiệp bất thiện, đã tự lừa dối mình, còn dối cả Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già. Vọng ngữ có thể làm gốc cho tất cả điều ác cảm lấy ác báo: Hư tịnh giới, hoại sắc thân, hơi miệng hôi thối, lời nói ra bị người coi rẻ.

Bồ-tát Thiện Thuận nói kệ rằng:

Người phạm vọng ngữ
Hơi miệng thường hôi
Vào ác đạo khổ
Không ai cứu được.
Phàm người vọng ngữ
Tự dối lấy mình
Cũng gạt trời, rồng
Bát Bộ, Quỷ thần.
Nên biết vọng ngữ
Là gốc những ác
Phá giới thanh tịnh
Chết đọa ba đường.
Dù ông cho tôi
Vàng đầy Diêm-phù
Tôi trọn chẳng thể
Làm người vọng ngữ.

Nghe những lời trên, Thiên đế bỏ đi rồi lại sai phu nhân Xá-chi, phu

nhân Nhật quang và Ngũ kế, các phu nhân lại đến chỗ Bồ-tát Thiện Thuận thử phá tịnh giới của Bồ-tát ấy. Đêm khuya ấy, các phu nhân cùng năm trăm thanh nữ ướp hương đeo hoa đến trước Bồ-tát nói rằng:

– Các nữ nhân tôi sắc đẹp trẻ trung tình nguyện hầu dưới gối cùng ông hoan lạc.

Bồ-tát Thiện Thuận dùng mắt vô nhiễm quan sát các nữ nhân mà bảo họ rằng:

– Những kẻ cuồng loạn, những kẻ tà tâm ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh say đắm mủ máu hôi dơ bất tịnh, các La-sát hung ác là thân hữu của các người chớ chẳng phải quyến thuộc của chư Thiên thanh tịnh.

Bồ-tát Thiện Thuận nói kệ rằng:

Người ngu hôn mê nhớ bất tịnh
Nhiễm trước thân mủ máu hôi nhơ
Dục lạc mau hết đều vô thường
Đọa mãi địa ngục, súc, ngạ quỷ
Dù có biến hóa như các người
Thân hình xinh đẹp đầy thế gian
Ta trọn không sinh một niệm nhiễm
Thường tưởng như mộng như oán thù.

Các phu nhân Xá-chi… dù dùng mọi cách để quyến rủ mà Bồ-tát ấy không hề đắm nhiễm, nên cùng trở về Thiên cung thưa với Thiên đế rằng:

– Chúng tôi thấy Thiện Thuận chí nguyện vững chắc sẽ thành Chánh giác chắc chắn không nghi ngờ gì nữa. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy đối với chúng tôi không có chút niệm tham ái, chỉ có tâm chán lìa.

Dù nghe nói như vậy nhưng Thiên đế vẫn lo buồn như bị trúng tên độc sợ người ấy sẽ đoạt ngôi vị của mình. "Ta nên đến xem lại thử, ông ấy thật sự nguyện cầu sự gì?" Nghĩ xong Thiên đế đến trước Bồ-tát ấy bỏ kiêu mạn đảnh lễ dưới chân rồi nói kệ hỏi:

Nay ngài siêng tu hạnh thanh tịnh
Trong các ước nguyện cầu những gì?
Là cầu Thích, Phạm, các Thiên vương
Hay cầu các ngôi vua ba cõi.

Bồ-tát Thiện Thuận nói kệ đáp Thiên đế:

Tôi xem Thích, Phạm, các Thiên vương
Ngôi vua loài người báu ba cõi
Tất cả vô thường không vững chắc
Nào có người trí cầu như vậy.

Thiên đế lại nói:

– Như lời ngài nói thì Ngài cầu sự gì?

Bồ-tát Thiện Thuận nói kệ đáp Thiên đế:

Tôi vốn chẳng tham vui thế gian
Chỉ cầu được thân bất sinh diệt
Siêng tu phương tiện cứu quần sinh
Nguyện cùng lên đường Bồ-đề kia.

Nghe kệ xong lòng Thiên đế an vui, biết chắc Bồ-tát chẳng cầu ngôi Thiên đế, vui mừng hớn hở nói kệ rằng:

Ngài nói tế độ các chúng sinh
Tâm ấy rộng lớn không gì bằng
Nguyện phá ma quân chứng cam lộ
Do đó hằng chuyển diệu pháp luân.

Nói kệ tán thán xong, Thiên đế cung kính đi nhiễu vòng quanh lạy dưới chân Bồ-tát rồi bỗng ẩn mất.

Sáng sớm Bồ-tát Thiện Thuận vào thành Xá-vệ, du hóa qua lại được cái chuông bằng vàng Diêm-phù thuở kiếp sơ. Cái chuông vàng ấy giá trị hơn cõi Diêm-phù. Bồ-tát cầm chuông vàng ấy đứng tại ngã tư đường to tiếng xướng rằng:

– Ai là người nghèo cùng nhất nơi thành Xá-vệ tôi sẽ thí cho cái chuông vàng này.

Bấy giờ có vị tối thắng lão cựu trưởng giả, vội chạy đến nói:

– Trong thành này tôi là kẻ nghèo cùng nhất, xin thí cho cái chuông ấy.

Bồ-tát nói:

– Ông chẳng phải người nghèo cùng, vì trong thành này còn có một thiện nam nghèo nhất trong các người nghèo sẽ được thí cho cái chuông này.

Trưởng giả hỏi:

– Người đó là ai vậy?

Bồ-tát đáp:

– Chính là vua Ba-tư-nặc.

Trưởng giả nói:

– Vua Ba-tư-nặc giàu sang nhất, kho tàng đầy dẫy dùng không cùng tận sao ông lại bảo là nghèo nhất trong các kẻ nghèo?

Ở giữa đại chúng Bồ-tát Thiện Thuận nói kệ đáp:

Dù có kho ngầm hơn ngàn ức
Do lòng tham ái không chán đủ
Dường như biển cả nuốt trăm sông
Người ngu như vậy nghèo cùng nhất.
Do đó lại khiến thêm lòng tham
Xoay vần tràn lan nối nhau sinh
Trong đời hiện tại và vị lai
Người vô trí ấy thường nghèo thiếu.

Nói kệ xong, Bồ-tát Thiện Thuận cùng đại chúng đi đến chỗ vua Ba-tư-nặc. Nhằm lúc nhà vua ấy với năm trăm trưởng giả đại thần đang tính lường các kho tàng, của báu. Bồ-tát liền đến trước nhà vua tâu rằng:

– Vừa rồi tôi qua lại du hóa trong thành này được cái chuông vàng Diêm-phù từ kiếp sơ giá trị hơn cả châu Diêm-phù. Tôi muốn đem chuông này thí cho người nghèo nhất trong thành đây. Tôi lại nghĩ rằng: "Người nghèo cùng không hơn ai nhà vua", nên tôi đem cái chuông vàng này đến dâng. Nhà vua đã là người nghèo cùng nhất xin nhận lấy cái chuông vàng này.

Tâu xong Bồ-tát Thiện Thuận lại nói kệ rằng:

Nếu người nhiều tham cầu
Chứa của không chán đủ
Người cuồng loạn như vậy
Gọi là nghèo cùng nhất.
Vua luôn thâu thuế nhiều
Phạt oan kẻ vô tội
Tham mến nơi quốc thành
Chẳng thấy nghiệp đời sau.
Ở đời được tự tại
Chẳng giúp đỡ chúng sinh
Thấy các người nghèo khổ
Không hề biết thương xót.
Say mê các nữ nhân
Chẳng sợ đọa ác đạo
Tà loạn chưa từng tỉnh
Há chẳng phải nghèo cùng.
Nếu người biết tịnh tín
Quy y Phật, Pháp, Tăng
Với thân mạng của cải

Thường nghĩ là chẳng bền.
Biết là chẳng bền rồi
Chẳng mê hoặc thân của
Nên được thân mạng tài
Vĩnh viễn thường vững chắc.
Nếu siêng tu Niệm xứ
Ưa thích không phóng túng
Người này gọi là giàu
Của nhiều thường an vui.
Như lúc lửa cháy mạnh
Chẳng chê chán rừng cây
Nay vua cũng như vậy
Tham ái không chán đủ.
Nước chẳng chán mây mù
Biển chẳng chán nhiều nước
Nhà vua cũng như vậy
Có lúc nào chán đủ.
Trời, trăng thường luân chuyển
Chẳng chán đi bốn phương
Nhà vua cũng như vậy
Đến chết không thôi dứt.
Như lúc lửa cháy lên
Chẳng chán bỏ cỏ cây
Người trí cũng như vậy
Luôn luôn làm điều lành.
Như nước chẳng chán mây
Như biển chẳng chán nước
Người trí cũng như vậy
Chẳng chán tăng trưởng lành.
Ngôi vua dù tự tại
Rốt ráo cũng vô thường
Tất cả đều bất tịnh
Người trí nên xả ly.

Nghe xong nhà vua hổ thẹn bảo Bồ-tát rằng:

– Lành thay, thưa ngài! Dù ngài khuyên điều lành mà tôi còn chưa tin. Theo những điều ngài vừa nói đó là ngài tự nói hay có người chứng minh.

Bồ-tát Thiện Thuận nói:

– Nhà vua chẳng nghe ư? Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác Nhất Thiết Trí nay hiện ở ngoài thành Xá-vệ tại vườn Cấp cô độc, cùng vô lượng Trời, Người, Càn-thát-bà, A-tu-la,… sẽ chứng minh đại vương là người nghèo cùng.

Vua Ba-tư-nặc nói:

– Tôi xin cùng ngài đến chỗ Phật để được nghe lời răn dạy và quy y cúng dường.

Bồ-tát Thiện Thuận nói với vua:

– Đại vương nên biết! Cảnh giới Như Lai chẳng phải hàng phàm phu lường biết được. Đức Phật đã phá trừ mạn phiền não thương xót chúng sinh thành tựu Thánh trí hay biết rõ đời nay và đời sau. Nếu người có ý nguyện căn lành thù thắng thì dù ở rất xa Đức Phật cũng thường được gia hộ. Nếu Đức Phật biết lòng tôi muốn được đại vương tin nơi lòng tôi, Đức Phật sẽ đến đây tác chứng cho tôi.

Bồ-tát liền để hở vai áo bên phải, gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính nói kệ thỉnh Phật:

Như Lai chân thật trí
Thương yêu các quần sinh
Nguyện biết thâm tâm tôi
Đoái thương đến tác chứng.

Lúc Bồ-tát tuyên kệ thỉnh xong, đại địa bỗng rúng động nứt ra, năm trăm Thanh văn, mười ngàn Bồ-tát, Thích, Phạm các trời, cùng chúng Quỷ thần và vô lượng chúng sinh từ dưới đất hiện lên vây quanh Đức Như Lai. Bồ-tát Thiện Thuận đến trước Đức Phật chắp tay cung kính bạch rằng:

– Bạch Thế Tôn! Vừa rồi con đi du hóa trong thành Xá-vệ này được cái chuông vàng ở Diêm-phù từ kiếp sơ, giá trị hơn cả châu Diêm Phù. Con muốn đem chuông này cho người nghèo cùng nhất trong thành Xá-vệ. Con lại nghĩ rằng: "Vua Ba-tư-nặc là người nghèo cùng nhất trong thành này. Vì sao? Vì cậy ngôi vua nên đối với các chúng sinh chưa từng thương xót, tàn hại bóc lột cướp đoạt xâm tổn của người, bị tham ái che lấp chẳng biết chán đủ". Con cho rằng nhà vua là người nghèo cùng nhất, nên đem chuông vàng dâng lên vua. Nhà vua ấy hỏi con ông bảo tôi nghèo có ai chứng minh chăng? Con đáp rằng Đức Như Lai Đại Sư Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác dứt bỏ phiền não một cách tuyệt đối, bình đẳng thương yêu chúng sinh, sẽ chứng minh lời của tôi. Ngưỡng mong Đức Thế Tôn dạy bảo cho được lợi ích vui mừng.

Vì muốn điều phục nên Đức Phật nói với vua Ba-tư-nặc:

– Hoặc có ở nơi pháp, Thiện Thuận nghèo cùng, còn nhà vua thì giàu sang, hoặc có ở nơi pháp vua nghèo cùng mà Thiện Thuận thì giàu sang. Như thân lên ngôi vua tự tại vàng bạc, châu báu kho tàng đầy dẫy, bấy giờ vua thì giàu sang mà Thiện Thuận thì nghèo cùng. Như siêng tu phạm hạnh thích tịnh giới xuất gia đa văn lìa phóng dật, đem năm giới, tám trai giới cứu tế không biết mỏi, thì vua nghèo cùng mà Thiện Thuận thì giàu sang.

Đại Vương nên biết rằng! Tất cả tài vật của tất cả chúng sinh trong nước Kiều-tát-la, đem so với năm giới, tám trai giới của Thiện Thuận thọ trì kiên cố thanh tịnh không bằng một phần trăm ngàn.

Vua Ba-tư-nặc nghe lời dạy chân thật của Đức Như Lai, liền bỏ kiêu mạn chắp tay ân cần chiêm ngưỡng Thiện Thuận mà nói kệ rằng:

Lành thay xô dẹp ngã mạn tôi
Sẽ được thân Phật rất tối thắng
Tôi đem ngôi vua xả cho ngài
Nguyện hằng làm chúng Bồ-đề ngài.
Thực tôi nghèo cùng ngài thì giàu
Nay biết lời này chẳng phải dối
Ngôi vua luống làm nhân gây khổ
Trái với pháp lành sinh ác đạo.

Nói kệ xong, vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nay con phát tâm Vô thượng đại Bồ-đề nguyện cho chúng sinh an lạc giải thoát sinh tử trói buộc. Nay tôi nguyện đem kho tàng vàng bạc tài vật chia làm ba phần: Một phần cúng dường Như Lai và chúng Tỳ-kheo; một phần thí cho người nghèo cùng khổ não không nơi nương tựa trong thành Xá-vệ; một phần tài vật lưu dụng việc nước. Tất cả vườn ao hoa quả của tôi đều nguyện dâng lên Đức Như Lai và chúng Tỳ-kheo. Mong Như Lai đoái thương nạp thọ.

Bấy giờ năm trăm trưởng giả nước Kiều-tát-la thấy sự việc như vậy đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Bồ-tát Thiện Thuận bạch Phật:

– Ngưỡng mong Thế Tôn vì hàng đại chúng tuyên thuyết tinh hoa của pháp, khiến các chúng sinh, những người được gặp Phật không uổng phí.

Đức Phật dạy:

– Các thiện nam! Có ba tư lương vô lượng công đức, dù chư Như Lai có tuyên nói cũng chẳng hết được, huống là hàng Thanh văn, Duyên giác,

những gì là ba tư lương?

1. Hộ trì chánh pháp.

2. Phát tâm Bồ-đề.

3. Khuyên các chúng sinh khởi nguyện vô thượng.

Lại còn có ba mươi hai pháp, nếu các thiện nam, thiện nữ có thể siêng tu tập thì là chẳng luống uổng thấy Đức Như Lai. Những gì là ba mươi hai pháp?

1. Ở nơi chư Phật sinh lòng tin bất hoại.

2. Hộ trì chánh pháp cho dài lâu.

3. Đối với Tăng tôn trọng, chẳng khinh mạn.

4. Đối với Bậc Ứng cúng thì cung kính thân cận.

5. Nơi thương nơi ghét tâm thường bình đẳng.

6. Đối với chánh pháp là cung kính thích nghe.

7. An trụ nơi vắng vẻ xa lìa nơi ồn ào.

8. Ở nơi Phật thừa diễn nói không mỏi.

9. Lúc thuyết pháp chẳng vì danh lợi.

10. Chí cầu chân thật đúng lý siêng tu.

11. Xả thí.

12. Trì giới.

13. Nhẫn nhục.

14. Tinh tấn.

15. Chánh định.

16. Chánh tuệ.

17. Đối với chúng sinh tùy hỷ hộ niệm.

18. Thành thục chúng sinh chẳng quên mất chánh pháp.

19. Ở nơi tự thân khéo tự điều phục.

20. Dùng pháp yếu lành điều phục mọi người.

21. Chẳng nhiễm phiền não.

22. Thường thích xuất gia.

23. Ở A-lan-nhã.

24. Biết đủ đối với bốn Thánh chúng.

25. Siêng tu Đầu-đà.

26. Bỏ pháp bất thiện.

27. Hoằng thệ vững chắc.

28. Vắng vẻ không lười biếng.

29. Trồng các gốc lành.

30. Thường chẳng phóng dật.

31. Xa rời kiến chấp Nhị thừa.

32. Tán thán Đại thừa.

Nghe pháp này năm trăm Tỳ-kheo xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn tịnh và một vạn hai ngàn chúng sinh đồng phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Đem pháp giáo hóa khiến các chúng sinh được thiện lợi xong, Đức Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo và chúng Bồ-tát đột nhiên ẩn mất. Vua Ba-tư-nặc thấy sự ấy rồi vui mừng hớn hở liền đem hai cái y giá trị trăm ngàn lượng vàng dâng cúng cho Bồ-tát Thiện Thuận mà thưa rằng:

– Lành thay! Thưa ngài, xin thương tôi mà nạp thọ.

Bồ-tát Thiện Thuận nói với vua:

– Tâu đại vương! Tôi chẳng nên nhận hai cái y này. Vì sao? Vì tôi đã có bá nạp thường máng lên nhánh cây như là đựng trong rương tủ, tất cả mọi người không có ý tưởng trộm lấy. Tôi đã tự không lòng tham tiếc, cũng làm cho người chẳng sinh lòng ái trước, có ai bố thí thì gọi là thanh tịnh bố thí.

Vua Ba-tư-nặc lại nói nếu ngài chẳng nhận thì xin vì tôi mà đạp lên hai y này, khiến tôi mãi mãi an lạc lợi ích.

Bồ-tát liền vì vua nên hai chân đạp lên hai cái y ấy.

Vua Ba-tư-nặc lại bảo Bồ-tát:

– Nay hai cái y ấy đã được chính thân ngài vì tôi mà nhận rồi, tôi nên dùng nó làm việc gì?

Bồ-tát Thiện Thuận nói với vua rằng:

– Đại vương đem hai cái y này thí cho kẻ nghèo cùng không chỗ nương tựa trong thành.

Vua Ba-tư-nặc y lời Bồ-tát hội họp chúng người nghèo lại rồi đem hai cái y ấy thí cho họ. Các người nghèo chạm đến hai cái y ấy, người cuồng được tỉnh, người điếc được nghe, người mù được thấy, người thiếu căn được đủ căn, đó là do sức oai thần của Bồ-tát. Mọi người đồng lên tiếng rằng:

– Chúng tôi lấy gì báo ân Bồ-tát.

Trên hư không có tiếng bảo:

– Các người nên biết đối với Bồ-tát Thiện Thuận chẳng thể dùng hoa

hương, thức ăn uống báo ân được, chỉ phải mau phát tâm Bồ-đề thôi.

Năm trăm người nghèo nghe tiếng nói trên không, họ đều nói kệ rằng:

Nay đây chúng tôi
Phát tâm Bồ-đề
Sẽ thành Chánh giác
Tuyên thuyết thắng pháp .
Ở nơi chúng sinh
Ban cho an lạc
Tôi thích Bồ-đề
Vì được Phật pháp.

Vua Ba-tư-nặc nói với Bồ-tát rằng:

– Lành thay, thưa ngài! Nếu lúc nào ngài muốn đến gặp Đức Phật xin báo cho tôi biết tôi sẽ xin đi theo.

Bồ-tát Thiện Thuận nói:

– Đại vương nên biết! Chư Phật khó gặp chánh pháp khó nghe, lẽ nào có riêng mình nhà vua đi đến chỗ Đức Phật được sao, đại vương nên cùng chúng sinh làm bạn lành. Đại vương nên truyền lệnh cho tất cả người ở thành Xá-vệ đều đi theo, người nào trái lệnh thì dùng pháp luật trị phạt. Vì sao? Vì các Bồ-tát còn có quyến thuộc vây quanh huống là Đại vương.

Vua Ba-tư-nặc hỏi:

– Ai là quyến thuộc của Bồ-tát?

Bồ-tát Thiện Thuận đáp:

– Khuyên phát tâm Bồ-đề là quyến thuộc của Bồ-tát vì làm cho giác ngộ. Khuyên thấy Đức Như Lai là quyến thuộc của Bồ-tát vì chẳng hư vọng. Khuyên nghe chánh pháp là quyến thuộc của Bồ-tát vì được đa văn. Khuyên thấy Thánh chúng là quyến thuộc của Bồ-tát vì được bạn lành. Bốn Nhiếp pháp là quyến thuộc của Bồ-tát, vì thâu nhiếp tất cả chúng sinh. Sáu pháp Ba-la-mật-đa là quyến thuộc của Bồ-tát, vì tăng trưởng Bồ-đề. Ba mươi bảy phẩm Trợ đạo là quyến thuộc của Bồ-tát, vì hướng đến đạo tràng. Bồ-tát có ngần ấy quyến thuộc trang nghiêm thị vệ hay dẹp quân ma đến sư tử hống lên tòa tối thượng.

Vua Ba-tư-nặc cùng đại chúng vui mừng hớn hở, chín ngàn chúng sinh lìa cấu phiền não được mắt thanh tịnh.

Đức Phật nói kinh này rồi, Bồ-tát Thiện Thuận, vua Ba-tư-nặc cùng hàng Trời, Người, Càn-thát-bà, A-tu-la… nghe lời Phật nói hoan hỷ tín thọ

phụng hành.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 96

Hán dịch: Đời Đại Đường, Tam tạng
Pháp sư Bồ-đề-lưu-chí.

PHÁP HỘI 28: TRƯỞNG GIẢ DŨNG MÃNH THỌ

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở nước Xá-vệ tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, cùng chúng đại Tỳ-kheo ngàn hai trăm năm mươi người cùng hội họp, đều là những bậc A-la-hán các lậu đã hết không còn phiền não, được điều phục cao tột như con rồng lớn, việc nên làm đã làm xong, bỏ những gánh nặng xuống, đã được lợi mình, hết kiết sử các cõi, chánh trí giải thoát, tâm được tự tại, cao tột đáng được cúng dường, mọi người đều biết, chỉ có ngài A-nan còn ở tại bậc Hữu học. Tên của các vị ấy là: A-nhã Kiều-trần-như, Đại Ca-diếp, Đại Ca-chiên-diên, Đại Ca-thấp-ba, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Đại Kiếp-tân-na, Đại Câu-si-la, Đại Phạm-phả, La-hầu-la, Nan-đà… đều là bậc Thượng thủ.

Lại có năm trăm Đại Bồ-tát cùng hội họp, đều được Tam-muội và Đà-la-ni.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có trưởng giả tên Dũng Mãnh Thọ, giàu có nhiều của báu, kho đụn đầy tràn, những vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, ma-ni, trân châu, voi, ngựa, bò, dê, kẻ hầu người hạ, các loại buôn bán tất cả đều nhiều. Trưởng giả Dũng Mãnh Thọ cùng năm trăm trưởng giả cùng đến hội họp bàn bạc rằng:

– Này các vị! Phật xuất thế khó, được thân người khó, gặp Phật cũng khó, ở trong Phật pháp do lòng tin xuất gia cũng khó, thành thánh Tỳ-kheo lại càng khó, đúng phép tu hành cũng khó, biết ân báo ân, mang chút ân chẳng quên, người này khó có, ở nơi Phật pháp có thể sinh lòng tin ưa người này khó được, tin ưa thành tựu việc này lại khó, trang nghiêm Phật pháp việc này cũng khó, giải thoát sinh tử càng khó gấp bội. Chúng ta vì Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa mà cầu diệt độ hay sẽ phát tâm tối thượng Phật thừa.

Mọi người đều xướng lên:

– Chúng ta phải ở trong vô thượng Phật đạo mà chứng Niết-bàn.

Chúng trưởng giả quyết định xong, cùng đến rừng cây Kỳ-đà đảnh lễ chân Phật, đi vòng quanh Phật ba vòng rồi ngồi qua một bên.

Đức Thế Tôn tuy biết nhưng cố ý hỏi:

– Các trưởng giả có duyên gì nay đến chỗ Phật?

Trưởng giả Dũng Mãnh Thọ cùng năm trăm trưởng giả đứng dậy, bày hở vai áo bên phải, gối bên phải quỳ sát đất chắp tay cung kính bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con cùng nhau tụ tập và hội nghị rằng: Phật xuất thế khó, thân người khó được, cho đến giải thoát sinh tử càng khó gấp bội, chúng ta đang ở trong hàng Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa mà cầu diệt độ, sẽ phát tâm Phật thừa vô thượng"., chúng con đồng xướng lên rằng: "Chúng ta phải ở trong Phật đạo vô thượng mà chứng Niết-bàn". Do quyết nghị ấy mà chúng con đến chỗ Đức Như Lai Đẳng Chánh Giác.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát chí cầu Vô thượng Bồ-đề, phải học thế nào? Phải trụ thế nào? Phải tu thế nào?

Đức Phật dạy:

– Lành thay, lành thay! Các ông phát tâm dũng mãnh hướng về Vô thượng Bồ-đề, đến chỗ Phật phải lắng nghe kỹ, khéo nghĩ nhớ lấy. Các Đại Bồ-tát nên học, nên trụ, nên tu đúng như thế nào? Ta sẽ vì các ông mà giảng nói.

Các trưởng giả vâng lời dạy lắng nghe.

Đức Phật dạy:

– Này các trưởng giả! Đại Bồ-tát ở trong Vô thượng Bồ-đề mà có chí nguyện thù thắng phải đối với tất cả chúng sinh, thì phải khởi tâm đại Bi, phải rộng tu hành, phải siêng năng huân tập. Vì thế nên Bồ-tát đối với thân thể, sinh mạng, tài sản, vợ con, kho tàng, nhà cửa, uống ăn, y phục, xe cộ, mền nệm, hoa hương, tất cả đồ dùng đều không được ái trước. Vì sao? Vì chúng sinh chấp trước nơi thân mà tạo nghiệp ác, do nghiệp ác mà đọa trong địa ngục. Nếu đối với chúng sinh khởi tâm đại Bi, thì chẳng chấp trước thân mạng tài sản và sẽ sinh vào đường lành. Đại Bồ-tát ở trong Vô thượng Bồ-đề, có chí nguyện thù thắng, đối với chúng sinh khởi Từ bi rồi phải tu đại Xả mà chẳng cầu báo, người chẳng cầu báo phải an trụ nơi giới luật, ba giới thanh tịnh rồi phải đủ nhẫn nhục, hay nhẫn các điều ác hại rồi nên phát khởi tinh tấn, chẳng tiếc thân mạng, nên tu nhất tâm an trụ thiền

định, nên tu trí tuệ thiện xảo phương tiện, đối với ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng đều phải xả ly. Vì chúng sinh, nên hành bố thí, thọ trì cấm giới, vì chúng sinh nên tu nhẫn nhục, phát khởi tinh tấn, vì chúng sinh nên nhập thiền định tu tập trí tuệ phương tiện thiện xảo.

Bấy giờ, các trưởng giả bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đối với thân mạng và vợ con, tất cả tài vật, lòng chúng con thường mến tiếc. Đại Bồ-tát quan sát thế nào đối với thân mạng tài có thể không tham?

Đức Phật dạy:

– Này thiện nam! Đại Bồ-tát có chí nguyện thù thắng trong Vô thượng Bồ-đề, phải quan sát thân này có vô lượng sai lầm và tai họa, các vi trần tích tập sinh, trụ, dị, diệt, niệm niệm dời đổi, chín lỗ bài tiết dơ bẩn như hang rắn độc, trong ấy vốn vô chủ, như xóm hoang vắng, rốt ráo phá hoại như ngói bình chưa nung, nước dơ đầy tràn như chậu phân giãi, chứa những bất tịnh như hầm tiêu, chẳng động chạm đến được như nhọt dữ, tham ngon bị họa như món ăn lộn chất độc, chẳng biết ân đức như Vị Sinh Oán, khi dối mọi người như ác tri thức, bị si ái hại như làm bạn khỉ vượn, dứt mạng trí tuệ như sát nhân, đoạt các pháp lành như trộm cướp, thường tìm dịp hại như oán thù, không có Từ tâm như người hàng thịt, khó phục vụ và thân cận như kẻ bạo ác, như tên cắm vào thân động tới thì đau, như nhà hư mục phải luôn sửa sang, như xe cũ hư khó dùng, như hộp rắn độc khó gần, như quán trọ chỗ họp của kẻ mệt khổ, như nhà cô độc không bị nhiếp thuộc, như lính ngục chuyên hại, như vua lo nước, như thành trì biên giới phải phòng sợ, như ác quốc nhiều tai họa, như chén bể khó cầm, như thờ lửa không chán, như sóng nắng hư dối, như huyễn hóa mê hoặc người, như lột cây chuối không lõi cứng, như khối bọt nước chẳng nắm cầm được, như bong bóng nước mau sinh mau diệt, như cây bên bờ sông lâm nguy lay động, như dòng sông chảy xiết và đều chảy vào biển chết.

Bồ-tát lại quan sát thân này, nhân duyên trước sau của nó, ban đầu do dục ái hòa hợp mà sinh, vì nuôi lớn nên nuốt đồ ăn vào đến sinh tạng đàm ấm tiêu hóa, kế vào đến huỳnh tạng lúc sắp chứa thì biến làm chất chua, kế vào đến phong tạng do phong lực chia ra nước và cặn bã lưu hành riêng thành đại tiện tiểu tiện. Nước biến ra máu, máu biến thành thịt, trong thịt sinh mỡ, nơi mỡ sinh xương, trong xương sinh tủy. Nhân duyên của thân thể trước sau đều bất tịnh như vậy.

Khi quan sát như trên Bồ-tát lại nên suy nghĩ: “Thân này của Bồ-tát là do một trăm sáu mươi khối xương ráp thành như nhà mục hư, các lóng

đốt chi trì, dùng bốn lưới mạch giăng bủa giáp vòng, năm trăm phần thịt như bùn tô trét, sáu mạch cột nhau, năm trăm gân ràng rịt, bảy trăm mạch nhỏ dùng làm lạc bện, mười sáu mạch to đan kết liền nhau, có hai sợi dây thịt dài ba tầm rưỡi vấn gút nơi trong, mười sáu trường vị vây quanh sinh tạng thục tạng, hai mươi lăm mạch hơi như kẻ song, một trăm lẻ bảy cửa huyệt như bình bể nát, tám vạn lỗ lông như cỏ loạn trùm, năm căn, bảy khiếu đầy tràn chất nhơ, bảy lớp da gói ghém, lục vị nuôi lớn như thờ lửa nuốt thâu chẳng chán".

Thân thể như vậy tất cả hôi nhơ bẩn, tánh chất thối rã. Nó như vậy thì có ai cần ái trọng mà sinh kiêu mạng? Chỉ nên quan sát nó như giữ cái bình, như gìn chiếc xe, nuôi dưỡng nó để được đến Bồ-đề. Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Thân này là chậu bẩn
Dường như bình đựng phân
Phàm phu không trí tuệ
Cậy sắc sinh kiêu mạn.
Trong mũi hằng chảy mũi
Hơi miệng luôn hôi hám
Mắt ghèn thân đầy trùng
Ai lại tưởng khởi sạch.
Như người cầm hòn than
Mài giũa muốn trắng bóng
Dù mài đến mòn hết
Thể sắc than không đổi.
Dù muốn thân mình sạch
Rửa hết cả nước sông
Thân hoàn toàn chẳng sạch
Vì thể chất vốn bẩn.

Này các thiện nam! Nếu Bồ-tát phát chí nguyện thù thắng hướng đến Vô thượng Bồ-đề, thì nên quan sát thân thể này gồm có bốn mươi bốn thứ. Những gì gọi là bốn mươi bốn thứ?

1. Thân này đáng chán, vì tánh không hòa hợp vậy.
2. Thân này hôi hám, vì máu mủ thường chảy.
3. Thân này chẳng bền, vì rốt ráo bại hoại vậy.
4. Thân này yếu đuối, vì chi tiết níu giữ nhau.
5. Thân này chẳng sạch, vì chất dơ dáy đầy tràn.
6. Thân này như ảo thuật, vì dối gạt phàm phu.

7. Thân này như miệng nhọt, vì chín lỗ thường chảy.
8. Thân này lửa cháy, vì lửa dục hừng thịnh.
9. Thân này là lửa, vì lửa giận mạnh.
10. Thân này cháy khắp, vì lửa si cháy khắp.
11. Thân này tối tăm, vì tham, sân, si.
12. Thân này sa lưới, vì bị lưới ái bao trùm.
13. Thân này là khối, ung nhọt vì đầy ung nhọt.
14. Thân này chẳng an, vì bốn trăm lẻ bốn bệnh.
15. Thân này là chỗ ở của côn trùng, vì tám vạn hộ trùng.
16. Thân này vô thường, vì cuối cùng phải chết.
17. Thân này ngoan si, vì không rõ các pháp vậy.
18. Thân này như đồ sành, vì sinh trụ hoại.
19. Thân này bị bức bách, vì nhiều lo sầu.
20. Thân này không được cứu hộ, vì chắc hoại diệt.
21. Thân này rất hiểm ác, vì gian xảo khó biết.
22. Thân này như hố không đáy, vì tham muốn không chán.
23. Thân này như lửa nhận củi, vì tham sắc chẳng nhàm chán.
24. Thân này không nhàm đủ, vì tham thọ năm dục.
25. Thân này như bị đập đánh, vì bị tổn hại.
26. Thân này bất định, vì thạnh suy tăng giảm.
27. Thân này chuyển theo tâm, vì chẳng chánh tư duy.
28. Thân này chẳng biết ân, vì hẳn đem bỏ gò mả.
29. Thân này bị kẻ khác ăn, và chồn sói kiến mối ăn.
30. Thân này như bộ máy, vì gân xương chi trì.
31. Thân này chẳng đáng nhìn, vì máu mủ phân nhơ.
32. Thân này chẳng tự do, vì phải nương uống ăn.
33. Thân này hư vọng gói cột, vì hoàn toàn hư hoại.
34. Thân này bạn ác, vì nhiều nghịch hại.
35. Thân này kẻ giết hại, vì nó tự tàn hại.
36. Thân này đồ khổ họa, vì nhiều khổ bức bách.
37. Thân này khối khổ, vì năm uẩn sinh.
38. Thân này không có chủ, vì các duyên sinh.
39. Thân này không có mạng, vì rời lìa tướng nam nữ.

40. Thân này rỗng không, vì phải quán uẩn giới xứ.

41. Thân này hư vọng, vì như chiêm bao.

42. Thân này chẳng thật, vì như huyễn hóa.

43. Thân này huyễn hoặc, vì như bóng chớp.

44. Thân này khi dối, vì như bóng tượng trong gương.

Đây là bốn mươi bốn thứ mà Bồ-tát nên quán sát như thế. Đối với những vật sở hữu như thân mạng, ái dục, chấp trướng, vợ con, nhà cửa, ăn uống, y phục, xe cộ, hương hoa, tất cả vật dụng ưa thích, Bồ-tát đều lìa chán không còn ái luyến, mau thành tựu sáu pháp Ba-la-mật-đa, sớm được Vô thượng Bồ-đề.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Được thân người tốt rất là khó
Chớ vì thân này tạo nghiệp ác
Rốt lại gò hoang nuôi chồn sói
Chớ vì ác kiến sinh tham ái.
Phàm ngu mê hoặc vì cuồng si
Do ái thân này tạo ác nghiệp
Thân này cũng lại chẳng biết ân
Ngày đêm chỉ thêm duyên khổ họa.
Cơ quan động chuyển thường mỏi nhọc
Mũi dãi tiện lợi hằng tràn đầy
Đói khát nóng rét luôn bức ngặt
Người trí nào mà lại thương thân.
Thân này không nhàm như hố sâu
Luống hay nuôi lớn những oán hại
Do nơi thân này thường làm ác
Phải thọ khổ báo vô lượng kiếp.
Nên nhớ già chết siêng tu phước
Chánh tín được sinh trong Phật pháp
Uống ăn, y phục, các hương thoa
Dưỡng nuôi thân này đã từ lâu,
Ai hay nắm giữ cho chẳng hoại
Phải biết vô ích chớ đam mê
Đức Phật Như Lai rất khó gặp
Trong vô lượng kiếp một lần hiện.
Đối với Phật pháp nên tin sâu
Ác đạo đáng sợ chớ theo nó

Dù cho sống lâu ngàn ức năm
Còn sợ vô thường sinh lòng chán,
Huống là giây lát chẳng bảo đảm
Phải bị trầm luân trong ác đạo
Hoặc có ác hữu đến khuyên bảo
Thân người khó được nay đã được.
Cầu nhiều của báu hưởng dục lạc
Kịp thuở khỏe mạnh vui chơi thỏa
Có ai cầu của mà sung sướng
Dù được giữ gìn vẫn khổ nhọc.
Người ngu như vậy luống vọng ngôn
Thế nên người trí phải quan sát
Tài vật như huyễn cũng như mộng
Chúng sinh ngu si bị phỉnh lầm.
Trong sát-na được, sát-na mất
Đâu có người trí lại mến luyến
Như nhà ảo thuật hóa việc ảo
Thành Càn-thát-bà nhiều hình sắc.
Của báu cũng vậy gạt phàm phu
Ở trong hư vọng nào có thật
Chịu nhiều khổ não cầu tài lợi
Nước lửa vua giặc thường xâm đoạt.
Do đây hay làm nhân duyên khổ
Đâu có người trí sinh mến luyến
Có những kẻ thường hoài tham ái
Chạy theo tài lợi không biết chán.
Đối với cha mẹ không Từ tâm
Cho đến thân thuộc sinh oán hại
Lời nói thuận hành lòng sâu độc
Gây tạo nhiều nghiệp duyên khi dối.
Hoặc học tà luận tà chú thuật
Dối khoe tài nghệ như dâm nữ
Hoặc lại siểm cuống hiện nhu hòa
Hoặc lại kiên cường hiện oai mãnh.
Vô lượng ác nghiệp nhiều như vậy
Không gì chẳng do tài lợi sinh
San hô, vàng ngọc, châu ma-ni
Vật ấy xưa nay như bọt bóng,

Chẳng biết được nó như ảo hóa
Vì vật hư giả đọa ba đường
Thời kỳ Di-lặc Phật xuất thế
Bổ xứ thành Phật nối Thích-ca.
Cõi nước vàng ròng lót mặt đất
Những thứ ấy do từ đâu đến
Kiếp tận thế gian bị thiêu hoại
Tu-di sông biển khô cháy hết,
Cứu cánh hư mất hoàn hư không
Những của báu này đi về đâu
Gây tạo nghiệp ác cầu tài vật
Nuôi nấng vợ con cho rằng vui.
Đến lúc lâm chung khổ bức thân
Hoặc vợ hoặc con không cứu được
Ở trong ba đường đáng sợ kia
Chẳng thấy vợ con cùng thân thuộc,
Ngựa xe của báu thuộc người khác
Thọ khổ có ai chia sớt được
Cha mẹ anh em cùng vợ con
Bè bạn, nô bộc và của cải
Chết đi không một ai cùng kề
Chỉ có ác nghiệp thường theo sát
Người trí trọn chẳng vì thân ái
Mà tạo nghiệp ác đọa A-tỳ
Chỉ khi hết nghiệp mới thoát khỏi
Thân thuộc không ai thay thế được
Diêm-la sứ giả chỉ khảo nghiệp
Chẳng hỏi thân quyến và bằng hữu,
Ngươi được thân người chẳng bỏ ác
Khổ sở nay phải cam nhận chịu
Diêm-la thường bảo người tội ấy
Ta không gia tội cho ngươi được,
Ngươi tự tạo tội nay tự đến
Nghiệp báo tự chiêu không ai thế
Cha mẹ, vợ con không cứu được
Chỉ nên siêng tu nhân xuất thế.
Thế nên phải bỏ nghiệp xích xiềng
Khéo biết xa lìa cầu an lạc

Với vợ con nhà nên biết sợ
Hằng nương Phật giáo chánh tu hành.
Tại gia phừng thạnh là gốc khổ
Dường như lò lửa rất đáng sợ
Thân tâm nóng bức bị đốt cháy
Đâu có người trí sinh tham ái,
Ưa thích tu hành các Phật pháp
Không hề doanh cầu là khoái lạc
Phàm phu ngu tối chẳng biết hay
Nhà là gốc khổ lại tham ái.
Nơi khối da xương gân thịt kia
Mê lầm vọng tưởng là chồng vợ
Chẳng biết thân thể như ảo hóa
Phàm phu ngu tối sinh tham ái.
Người trí biết thân là lỗi họa
Dục lạc trong đời đều vất bỏ
Cầu pháp phải như cầu lương dược
Phải mau bỏ lìa dây tại gia.

Khi nghe pháp xong năm trăm trưởng giả được Vô sinh nhẫn, vui mừng hớn hở nói kệ rằng:

Mừng thay được lợi lớn
Tối thượng trong lợi ích
Chúng tôi đối Phật pháp
Đều sinh lòng vui thích!
Phát hướng đại Bồ-đề
Lợi lạc cho chúng sinh
Pháp lành dùng nuôi mạng
Giác tuệ tự an tâm.
Thương xót các chúng sinh
Nguyện sẽ thành Phật đạo
Chúng tôi đều đã phát
Tâm Bồ-đề vô thượng.
Thân vàng tướng trang nghiêm
Chiếu sáng khắp thế giới
Người thích tâm Bồ-đề
Sẽ được thân Như Lai.
Tâm Bồ-đề đại tâm
Tối thượng trong các tâm

Giải thoát mọi trói buộc
Đầy đủ các công đức.
Các chúng sinh ít phước
Nơi đây không ưa thích
Chẳng nhìn khổ sinh tử
Chẳng thích tâm Bồ-đề.
Tâm Bồ-đề công đức
Nếu có sắc phương phần
Rộng khắp cõi hư không
Không gì dung chứa được.
Trong cõi nước chư Phật
Nhiều như cát sông Hằng
Giả sử trải trân báu
Dùng cúng dường chư Phật,
Có người hay chắp tay
Hồi hướng tâm Bồ-đề
Phước đây hơn phước trên
Chẳng thể suy tính được,
Nào riêng phước cúng dường
Phước khác cũng như vậy
Tâm Bồ-đề như vậy
Đấng Tối Thắng tuyên nói.
Tâm Bồ-đề tối thắng
Như thuốc A-già-đà
Trừ được tất cả bệnh
Cho tất cả an vui.
Tôi thấy các chúng sinh
Bị ba độc nhiệt não
Bậc trí vô lượng kiếp
Cần khổ thường tu tập ,
Như Y Vương dũng mãnh
Đầy đủ hạnh Bồ-đề
Cứu vớt chúng sinh khổ
Lìa hẳn các ưu não.
Tất cả chỗ thọ sinh
Trọn chẳng bỏ tâm này
Siêng tu các hạnh nguyện
Dũng mãnh cầu Phật pháp,

Chúng tôi được lợi lành
Chúng tôi lòng vui thích
Nay gặp Phật Thích-ca
Sẽ được thân Như Lai.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền mỉm cười, từ diện môn của Phật phóng ra những thứ tia sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía, trong suốt như pha lê chiếu đến vô lượng, vô biên thế giới, cho đến trời Phạm thế, oai quang của mặt trời và mặt trăng đều bị ẩn khuất, rồi những ánh sáng ấy trở về nhiễu quanh ba vòng, rồi nhập đảnh Phật.

Tôn giả A-nan đứng dậy để bày vai áo bên phải, gối phải quỳ sát đất chắp tay bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Có nhân duyên gì mà Đức Phật mỉm cười?

Tôn giả liền ở trước Phật nói kệ rằng:

Chư Phật là Đạo Sư tối thượng
Chẳng không duyên cớ hiện mỉm cười
Đấng thương xót lợi ích thế gian
Xin nói nhân duyên của sự ấy?
Chúng sinh nghèo thiếu không pháp tài
Nên ban nói thừa lớn tối thượng
Hay làm mắt sáng cho thế gian
Xin nói nhân duyên Phật cười mỉm!

Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Ông có thấy năm trăm trưởng giả nay ở trước Phật phát tâm Vô thượng Bồ-đề chăng?

– Bạch Thế Tôn! Vâng, con đã thấy.

– Này A-nan! Năm trăm trưởng giả này thuở xưa đã ở nơi trăm ngàn ức na-do-tha chư Phật, thừa sự cúng dường, trồng các căn lành, nay nghe ta nói pháp đều được Vô sinh nhẫn. Các trưởng giả này về sau chẳng còn sinh ác đạo, thường thọ khoái lạc trong trời, người. Đời sau ở chỗ Phật Di-lặc, các trưởng giả này thân cận cúng dường cung kính tôn trọng tán thán, với tất cả chư Phật trong hiền kiếp cũng như vậy, ở chỗ chư Phật nghe chánh pháp thọ trì đọc tụng vì người mà giảng nói. Quá hai mươi lăm kiếp, các trưởng giả này sẽ ở trong các cõi nước của Phật, thành Vô thượng Bồ-đề, đều đồng một danh hiệu Thắng Liên Hoa Tạng Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Hy hữu thay, Thế Tôn! Hy hữu thay, Thiện Thệ! Nên đặt tên pháp

môn quảng đại này là gì, chúng con phải thọ trì thế nào?

Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Pháp môn này tên là Du-già-sư-địa, cũng gọi là Dũng Mãnh Thọ Trưởng Giả Sở Vấn, ông nên thọ trì.

Đức Phật nói kinh này rồi, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo, năm trăm trưởng giả, các chúng Bồ-tát, Trời, Người, A-tu-la… nghe lời Phật dạy đều rất vui mừng tín thọ phụng hành.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 97

Hán dịch: Đời Đại Đường, Tam tạng
Pháp sư Bồ-đề-lưu-chí.

PHÁP HỘI 29: VUA ƯU-ĐÀ-DIÊN

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở nước Câu-diêm-di tại vườn Cù-sư-la cùng đại Tỳ-kheo ngàn hai trăm năm mươi người cùng hội họp.

Bấy giờ Đệ nhất phu nhân của vua Ưu-đà-diên tên Xá-ma đối với Đức Như Lai và hàng Thánh chúng thân tín cung kính thân cận cúng dường và thường ca ngợi công đức của Như Lai.

Đệ nhị phu nhân tên Đế Nữ có lòng ghen ghét đến vua, nói dối là Đức Như Lai và hàng đệ tử có chỗ phi pháp, đối với đại phu nhân, vua nghe như vậy, lửa giận bừng bừng, bèn lấy cung tên bắn phu nhân Xá-ma. Vì thương xót vua, phu nhân Xá-ma nhập Từ Tam-muội, mũi tên bắn ra liền quay trở lại dừng tại trên không ngay đỉnh đầu vua, mũi tên ấy cháy đỏ như khối lửa rất đáng sợ. Vua bắn ba phát tên cũng đều như vậy.

Vua Ưu-đà-diên thấy sự việc ấy toàn thân lông tóc đều dựng lên kinh sợ hối hận nói với phu nhân rằng:

– Bà có phải là Thiên nữ hay Long nữ chăng? Hay bà là Dạ-xoa nữ, Càn-thát-bà nữ, Tỳ-xá-giá nữ, La-sát nữ chăng?

Phu nhân Xá-ma nói:

– Thiếp chẳng phải Thiên nữ cũng chẳng phải La-sát nữ. Đại vương nên biết thiếp nghe Đức Phật thuyết pháp thọ trì năm giới làm Ưu-bà-di. Vì thương vua nên thiếp nhập Từ Tam-muội. Dù vua đối với thiếp sinh lòng bất thiện, nhưng do sức nguyện Từ tâm nên thiếp không bị thương tổn.

Lành thay! Đại vương! Đức vua nên đối với Đức Như Lai quy mạng đảnh lễ chắc sẽ được an vui.

Vua nghĩ rằng phu nhân nghe pháp làm Ưu-bà-di còn có sức oai thần dường ấy huống là Đức Như Lai Đẳng Chánh Giác.

Vua Ưu-đà-diên liền đến chỗ Phật lễ chân, đi vòng quanh bên phải ba vòng, trình bày lại sự việc trên rồi bạch rằng:

– Ngưỡng mong Như Lai và hàng Thánh chúng hoan hỷ cho con sám hối, khiến tội lỗi ấy sớm tiêu diệt.

Phật nói:

– Như lời vua tự thuật vì lầm cho rằng Như Lai và hàng Thánh chúng giống phàm phu ngu si nhiều lỗi lầm, nên vua sinh lòng giận oán. Nay vua nếu có thể dựa vào Phật pháp, luật tự ăn năn tội lỗi chẳng có lòng che giấu, cho đến tận đời vị lai chẳng tái phạm, thì ta sẽ nhiếp thọ cho vua tăng trưởng thiện pháp.

Vua bạch rằng:

– Bạch Thế Tôn! Vì con bị nữ nhân mê hoặc cuồng loạn điên đảo không hiểu biết, nên phát sinh giận dữ, tội nghiệp này sẽ đọa địa ngục. Ngưỡng mong Đức Như Lai vì an lạc chúng sinh mà xót thương khai thị lỗi họa gian nịnh hư dối của nữ nhân, chớ để chúng con thân cận nữ nhân, hầu sẽ được mãi mãi thoát các sự khổ lụy.

Đức Phật nói:

– Hãy để sự ấy lại đi, sao vua cần hỏi sự ấy mà chẳng hỏi sự khác?

Vua bạch:

– Con không hỏi sự khác. Vì nữ nhân khiến con tạo tội địa ngục, nay con chỉ muốn biết lỗi họa nữ nhân gian nịnh hư dối tà mị. Mong Đức Thế Tôn khai thị cho.

Vua Ưu-đà-diên ba lần thỉnh hỏi như vậy.

Đức Phật dạy:

– Đại vương! Trước tiên phải biết tai họa và sai lầm của trượng phu, rồi sau sẽ quan sát tai họa và sai lầm của nữ nhân.

Vua bạch:

– Vâng, bạch Thế Tôn! Con rất muốn được nghe.

Đức Phật nói:

– Tất cả trượng phu đều do bốn thứ lỗi lầm bất thiện nên bị nữ nhân làm cho mê loạn.

1. Ở nơi dục nhiễm đắm trước không bao giờ chán sự ưa thích nữ nhân cho nên phóng túng, chẳng biết gần gũi Sa-môn và Bà-la-môn đủ tịnh giới tu phước nghiệp. Vì chẳng thân cận những bậc như vậy, nên những tịnh tín, giới, đa văn, bố thí, trí tuệ đều thoái thất. Do vì không có tín giới văn thí tuệ nên người ấy chẳng phải người chồng tốt, tạo ra nghiệp đạo ác,

không có trí tuệ say mê dục lạc, bị dục bắt, bị dục trói, lấy dục làm mạng sống, gần kẻ ngu xa người trí, làm bạn với kẻ ác tạo tội lỗi, tham ưa cảnh bất tịnh của nữ nhân, liền bị nữ nhân chế phục như nô lệ, lệ thuộc sa ngã ở chỗ nữ nhân, không biết hổ thẹn, gần kề đến với cửa ghẻ lở, máu mủ hôi tanh, mũi dãi thường chảy như cảnh bất tịnh ở bãi tha ma. Thậm chí trái bỏ cha mẹ chẳng biết ân dưỡng dục. Bỏ lìa Sa-môn, Bà-la-môn, chẳng có lòng tôn trọng cung kính cúng dường. Với Phật pháp và Tăng chúng tín kính sẽ mất hẳn chủng tánh Niết-bàn. Hạng trượng phu này sẽ đọa vào địa ngục Chúng hợp và địa ngục A-tỳ, cũng sẽ phải đọa ngạ quỷ súc sinh không ai cứu được. Dù nghe lời dạy của Phật, nhưng vẫn mãi nhớ tưởng nữ nhân ca vũ đùa cười chẳng biết chán lìa. Người này quen thói ngu ác chẳng thích tu hành các đức tánh và hành tướng của Thiện trượng phu. Đại vương nên biết lúc trượng phu thân cận nữ nhân chính là lúc thân cận nghiệp ác đạo. Đây là sai lầm và tai họa thứ nhất của trượng phu.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Cảnh dục đều khổ
Hạ liệt nhơ xấu
Máu mủ tanh hôi
Rất đáng chán sợ,
Là chỗ chứa họp
Nhiều thứ lỗi họa
Nào có người trí
Ưa thích cảnh này?
Như trong hầm tiêu
Ô uế đầy tràn
Cũng như chó sinh
Như dã can chết,
Như rừng thây ma
Đầy những uế dơ
Dục nhiễm ô uế
Đáng chán cũng vậy.
Những người ngu si
Ái luyến nữ nhân
Như chó sinh con
Chưa từng bỏ lìa,
Cũng như ruồi thấy
Đồ ăn ói mửa,
Lại như bầy heo

Ham chỗ dơ dáy.
Nữ nhân hay phá
Giới cấm thanh tịnh
Cũng lại làm hư
Công đức danh văn.
Làm nhân địa ngục
Chướng ngại sinh Thiên
Nào có người trí
Lại thích cảnh dục.
Lại như có người
Uống ăn thuốc độc
Thân tâm đau khổ
Chẳng vận động được,
Do dục nhân này
Hay làm gốc khổ
Như thân có độc
Ngu chẳng hay biết.
Cũng như chẳng rõ
Pháp thuật ảo hóa
Vọng theo tìm cầu
Luống tự khổ nhọc,
Người ngu cũng vậy
Đối với dục nhiễm
Thường khổ tham cầu
Phải đọa địa ngục.
Hoặc thiết tiệc tùng
Ca vũ kỹ nhạc
Cưới con gái người
Về làm vợ mình,
Tích tụ nhiều thứ
Khổ chẳng lợi ích
Người ngu gây tạo
Nghiệp khổ vô lợi,
Thêm lớn các tội
Lui mất căn lành
Trong việc vô lợi
Chẳng tiếc thân mạng.
Do đây sa đọa

Hố sâu ác đạo
Đọa vào địa ngục
Hòn sắt cháy đỏ,
Núi dao lưỡi nhọn
Tên độc các khổ
Nữ nhân hay họp
Nhiều sự việc khổ,
Giả mượn hoa hương
Để chưng diện đẹp
Người ngu ở đây
Vọng lầm tham cầu,
Gần kề ngợi khen
Cảnh sắc hạ liệt
Thoái thất trí tuệ
Rớt xuống ba đường,
Đây do ngu si
Nên bị mê hoặc
Như chim biển mệt
Mê mất hướng bờ,
Lại như người ngu
Lấy dây sắt nóng
Đeo vào cổ mình
Như trâu mang ách,
Cảnh dục như rượu
Làm say cuồng người
Tại sao người ngu
Chẳng biết gốc khổ.
Hoặc với cha mẹ
Chẳng biết ân dưỡng
Đều do dục nhiễm
Sinh họa lỗi này,
Thường với tà dục
Các pháp như vậy
Ca ngợi tập làm
Chẳng biết hổ thẹn.
Họ do ngu si
Nên bị mê loạn
Tạo tội ấy rồi

Sẽ đến ba đường,
Người tối cuồng say
Đam mê cảnh dục
Dù ân cha mẹ
Họ cũng bỏ được.
Nếu người tham nhiễm
Gần kề cảnh dục
Thì là chống trái
Ruộng phước vô thượng,
Vô lượng câu-chi
Vọng tưởng phiền nhiễu
Xoay vần bức não
Từ đây mà sinh.
Hoặc lại mong cầu
Danh lợi thế gian
Đem phi pháp ấy
Khuyên dụ lẫn nhau,
Do đây hiện tại
Mang lấy họa khổ
Chết chắc phải đọa
Địa ngục A-tỳ.
Hiện thấy những khổ
Nhóm họp trên thân
Bạn lành lìa xa
Cung trời mất hẳn.
Nào có người trí
Ưa thích nơi đây
Thà vào địa ngục
Chạy trên núi dao
Nằm trong lò lửa
Chẳng gần nữ sắc.
Nếu người thường nhiễm
Ham mê tà dục
Hư mất rất nhiều
Những sự lợi lạc,
Người nữ hay làm
Nhân các sự khổ
Tham dục hay hoại

Tất cả an lạc,
Ác pháp chứa họp
Bạn lành xa lìa
Đều do căn bản
Tham cầu người nữ.
Nếu người được nghe
Lời Phật răn dạy
Đối với nữ nhân
Hay sinh chán lìa
Thì là trang nghiêm
Báo trời thanh tịnh
Cũng sẽ mau chứng
Vô thượng Bồ-đề.

2. Lại nữa, này đại vương! Luận về cha mẹ đều muốn cho con mình được lợi lạc, nên hay làm việc khó, có thể làm nhẫn sự khó nhẫn, dù tất cả thứ bất tịnh dơ uế đều chịu được cả. Lại muốn thân thể sắc lực của con mình mau tăng trưởng, nên khiến nó thấy những sự thắng diệu trong Diêm-phù, bú mớm nuôi nấng không có lòng mỏi nhàm, lại vì muốn cho con mình được vui sướng, nên kinh doanh cầu tìm tài vật để cung cấp đầy đủ cho con và đến nhà người cầu hôn cưới con gái cho con. Hôn thú xong đứa con ái luyến vợ quên mất cha mẹ. Hoặc nó thấy cha mẹ lần suy già nên khinh khi trái nghịch lãng phí tài vật, hoặc dời cha mẹ cho ở chỗ khác. Tất cả đây, đều do tham dục làm mê hoặc điên đảo, nên với cha mẹ thì vất bỏ không kính thương nuôi dưỡng, với con gái nhà người thì trân trọng cung cấp không biết mỏi nhàm, đây là thành tựu gốc địa ngục, cũng là tai họa mắc phải thứ hai của trượng phu vậy.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Các ông nên biết
Đối với cha mẹ
Tôn trọng cúng dường
Người này thường được
Thích, Phạm, Hộ thế
Hộ vệ phò trì,
Hay khiến ở nhà
An ổn khoái lạc
Hoặc nhân buôn bán
Đi biển phương xa
Qua lại an ổn

Được những tài lợi,
Chính đây gọi là
Đại bảo vô giá
Hay cho hiện quả
Tên Tối thượng điền.
Như vậy hiện đời
Quả báo trân bảo
Đều do cúng dường
Cha mẹ mà được,
Còn ở đời sau
Sẽ được xa rời
Thân hình lừa, ngựa
Mang nặng sai khiến
Cũng chẳng sa đọa
Ngục phẩn, sông tro
Núi đao, mũi nhọn
Đồng sôi, sắt đỏ.
Lại ở đời kế
Sinh trong loài người
Giàu có của báu
Thóc lụa dư thừa,
Vợ con quyến thuộc
Thảy đều hòa thuận
Hoặc đến đương lai
Được sinh lên trời
Cung điện vườn tược
Âm nhạc tự nhiên
Tha hồ vui chơi
Hưởng thụ diệu lạc.
Đâu có người trí
Nghe pháp âm này
Với ruộng cha mẹ
Chẳng siêng cúng dường.

3. Lại này, này đại vương! Nếu là trượng phu do nơi tà kiến chẳng biết thân mình mau diệt hoại, nên gây tạo nghiệp ác và tự khi dối. Người ngu si này lãng phí thời giờ, như gỗ đá chạm trổ làm thành, dù hình giống người mà không hiểu biết quen thực hành tham dục, thế là thành tựu nghiệp nhân ác đạo. Đây là lỗi lầm mắc phải thứ ba của trượng phu.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Trượng phu vì dục
Làm cho mê loạn
Nên thường gây tạo
Các thứ tội ác,
Điên đảo tối tăm
Che chướng tâm họ
Nhân đó sẽ sinh
Ngục tù ác đạo.
Những kẻ tà hạnh
Sẽ còn xa lìa
Tất cả Thánh hiền
Cũng chẳng cung kính,
Các hàng Sa-môn
Do điên đảo kiến
Cho đến quy mạng
Núi sông tà mị.
Do vì tham dục
Hoặc lại giết hại
Các loài cầm thú
Thờ tế thần kỳ,
Nhân vì đảo kiến
Phi pháp cầu phước
Do đây lìa hẳn
Tất cả an lạc.
Nếu ở trong hàng
Người tạo ác này
Chẳng biết tịnh tín
Hung hiểm không thẹn,
Những người như vậy
Lìa hẳn Thánh hiền
Họ chắc sẽ đọa
Địa ngục Kêu la
Hoặc vì tham dục
Bức khổ người khác
Sẽ đọa địa ngục
Đốt cháy tột độ.
Lại vì đảo kiến

Với Phật, Pháp, Tăng
Chẳng thể thân cận
Cung kính cúng dường
Pháp bảo chánh giáo,
Mà chẳng lắng nghe
Xa lìa Thánh hiền
Sa đọa ác thú.
Vì thế người trí
Đã được thân người
Chớ nên lầm lẫn
Điên đảo vọng kiến,
Nên tu bố thí
Và giữ tịnh giới
Sẽ được sinh thiên
Chứng đạo Bồ-đề.

4. Lại nữa, này đại vương! Hoặc có trượng phu vì thân mạng mình mà quá lao nhọc tích chứa tài vật, rồi bị nữ nhân ràng buộc phải cung phụng như tôi đòi, nên lại càng tham cầu của báu chẳng bố thí cho Sa-môn và Bà-la-môn, họ cũng cam chịu luật vua trị phạt. Thấy nữ nhân buồn rầu họ liền tự nghĩ nay tôi phải làm sao cho nàng vui vẻ? Những trượng phu này là tôi tớ của tham dục, với cảnh hạ liệt bất tịnh ấy lại tưởng là tịnh mà sinh lòng ái nhiễm. Lúc gần kề nữ nhân như vậy chính là tạo thành nghiệp ác đạo. Đây là lỗi lầm thứ tư mắc phải của trượng phu vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

Người tham dục say mê
Họ thật không an lạc
Vì gần kề ác pháp
Chẳng gọi Thiện trượng phu.
Nếu người tự phóng dật
Không biết giữ cấm giới
Tùy tâm ý mà làm
Hư mất những phước lợi,
Người không trí tuệ kia
Hành các pháp súc sinh
Chạy đuổi theo nữ sắc
Như heo thích phân nhơ,
Người ngu chẳng biết xem
Lỗi họa của dục nhiễm

Vọng tưởng là ân trọng
Như người mù lòa kia.
Bị sắc dục trói buộc
Thêm lớn lòng ái dục
Dường như loài chồn hoang
Chẳng rời khỏi tha ma,
Nơi thanh, hương, vị, xúc
Mà sinh lòng ái nhiễm
Luân chuyển trong sinh tử
Như con khỉ bị cột,
Vì vô minh bao che
Bị nữ nhân mê loạn
Như kẻ chợ cầu lợi
Dối gạt người thân cận.
Người ngu thân cận dục
Là vào cảnh giới ma
Dường như Ế-đồ-ca
Thèm ưa mùi phân nhơ,
Cũng như trận mưa đá
Hay tổn hại lúa mạ
Thợ gốm thường gần lửa
Phần nhiều bị phỏng nóng.
Những người chưa kiến Đế
Bị dục mất pháp lành
Như gió thổi cám nhuyễn
Nghĩa ấy cũng như vậy.
Giả như Thiện trượng phu
Bị kẻ sát nhân bắt
Thà chịu khổ nạn này
Chẳng nên gần nữ nhân.
Nếu ham thích nữ sắc
Lòng tham cầu càng nhiều
Người phàm phu mê tướng
Thêm lớn lòng ái dục,
Như trong mùa hạ nóng
Đi lâu trong đồng hoang
Khát quá uống nước mặn
Uống xong khát càng tăng,

Người chưa thấy chân thật
Ngu si luống sinh sống
Thân cận cùng nữ nhân
Tham dục ái vững chắc.
Nếu người chạm rắn độc
Thì bị rắn làm hại
Người phàm phu phạm dục
Bị dục hại cũng vậy.
Ví như bình màu đẹp
Trong đựng toàn chất độc
Trong bình thật đáng sợ
Mặt ngoài hiện đoan nghiêm.
Trang sức cho nữ nhân
Bảo họ là xinh đẹp
Thân họ rất dơ dáy
Như túi da đầy phân.
Lại như lấy lụa màu
Quấn gói lưỡi dao bén
Trang sức cho nữ nhân
Nghĩa ấy cũng như vậy.
Như lửa đầy hố sâu
Không khói hay đốt cháy
Nữ nhân cũng như vậy
Bạo ác không xót thương.
Như thây chó thây rắn
Xấu bẩn mà rã thối
Cũng như đốt phẩn dơ
Mọi người đều gớm nhờm.
Thây chó rắn cùng phân
Dù rất đáng gờm nhớm
Nhưng các nữ nhân kia
Lại càng đáng gớm hơn.
Ví như thuở kiếp hoại
Đại địa đều nổi lửa
Rừng rậm những cỏ cây
Tất cả đều bị cháy,
Loài vật to ở biển
Nước cạn không lần hết

Tu-di các núi báu
Thế giới bị cháy khắp.
Thuở kiếp thiêu như vậy
Đốt cháy cả núi biển
Không có chúng sinh nào
Mà có người cứu được.
Do ái dục nữ nhân
Đốt hại các ngu phu
Dường như kiếp hỏa tai
Tất cả bị cháy hết,
Thân bất tịnh thường chảy
Mũi dãi, đàm, máu mủ
Sao kẻ ngu mê kia
Lại ái luyến thân ấy,
Gân xương kết chỏi nhau
Gói ghém nhờ da thịt
Hôi hám rất đáng gớm
Như đồ ăn ôi thiu,
Cũng như của kho vựa
Trấu rơm thường bừa bãi
Thân này nhiều nhơ nhớp
Đầy dẫy những thứ ấy.
Gan, mật, cật, tỳ, vị
Tim, phổi, ruột, phẩn dơ
Cùng óc, tủy, mủ máu
Tám vạn hộ trùng nhỏ
Ở đó thường ăn nút
Các người ngu tối tăm
Lưới si thường quấn trùm
Không hiểu rõ điều ấy.
Ăn uống cặn bã thừa
Chín lỗ thường chảy luôn
Thân tội lỗi như vậy
Do nghiệp xấu đời trước,
Người ngu ham nữ nhân
Ái luyến nơi thanh sắc
Do đây sinh nhiễm trước
Chẳng từng biết như thật.

Như ruồi thấy ói mửa
Liền sinh lòng ưa thích
Người ngu ưa nữ nhân
Cảnh giới cũng như vậy.
Tham đắm nơi nữ sắc
Thường ô uế thân mình
Tại sao người ngu kia
Thích gần kề nơi ấy?
Như chim chóc kiếm ăn
Chẳng biết tránh lưới bẫy
Tham ái nơi nữ nhân
Bị hại cũng như vậy.
Ví như cá trong nước
Lội bơi trước người chài
Liền bị họ bắt được
Há chẳng là tự hại.
Nữ nhân như người chài
Dối nịnh khác gì lưới
Nam tử đồng với cá
Bị bắt cũng như vậy.
Dao bén của sát nhân
Dù cũng là đáng sợ
Dao bén nữ nhân kia
Tổn hại lại còn hơn.
Như bướm đáp lửa đèn
Và lúc nhà bị cháy
Côn trùng bị thiêu đốt
Không ai cứu vớt nó,
Mê say nơi nữ nhân
Bị lửa dục đốt cháy
Do đây đọa ác thú
Không được cứu cũng vậy.
Những người ngu tà hạnh
Ái luyến thê thiếp người
Vọng sinh tưởng ưa thích
Dường như gà trống nhà.
Cũng như chim trĩ rừng
Lầm vào chỗ giết hại

Do đó tự tổn thương
Mà không ai cứu giúp.
Bỏ rời Phật chánh pháp
Gần kề nữ nhân kia
Do nghiệp nhân duyên này
Sa đọa ba đường ác.
Lại như bầy khỉ kia
Chuyền nhảy trong gộp cây
Tất sẽ bị tổn thương
Chẳng vì tham ngu sao.
Cũng vậy người tham dục
Với các nữ nhân kia
Bị lưới si chụp bắt
Luôn bị khổ sinh tử,
Như người tội thế gian
Bị xử giáo nhọn đâm
Kẻ mê say dâm dục
Thường luyến rừng gươm nhọn.
Như dùng ngọn lửa mạnh
Đốt nấu vạc nước sôi
Đem bắp mè ném vào
Theo nước sôi trôi chìm,
Cũng vậy người tham dục
Chẳng hiểu biết thiện ác
Chết sẽ đọa ác đạo
Bị nấu trong vạc sôi.
Số lớn của vạc sôi
Sáu mươi bốn câu-chi
Những kẻ gây nghiệp ác
Lấy đó làm chỗ ở.
Mỗi mỗi vạc như vậy
Rộng lớn một do-tuần
Lửa mạnh đốt khắp bề
Đáy và bốn bên vạc,
Có kẻ mãn trăm năm
Hoặc hai, ba, bốn năm
Chịu khổ nung nấu nóng
Đều do nghiệp mình tạo,

Ngục tốt cầm móc bén
Thỉnh thoảng lại móc ra
Da thịt đều nhừ rã
Chỉ còn lại xương trắng.
Bấy giờ các ngục tốt
Lại đem đến chuồng sắt
Lấy chày đâm giã nát
Không ai cứu giúp được.
Bấy giờ các xương tủy
Đều nát nhỏ như bụi
Do gió nghiệp thổi đến
Chết rồi mà sống lại.
Nếu có kẻ xâm bức
Vợ con của kẻ khác
Sẽ phải nằm gai sắt
Và bị nạn búa chày,
Thiết xoa ba chĩa chọn
Hoặc có bốn, năm chĩa
Xâm bức vợ con người
Sẽ bị hình phạt ấy.
Lại có quạ mỏ sắt
Mổ moi lấy tủy óc
Các bầy sói chồn hoang
Tranh đến táp liếm ăn,
Ngươi tà dục như vậy
Sẽ đọa địa ngục phân
Hoặc chạy trên mũi dao.
Cũng phải trèo núi dao
Người tà dục như vậy
Sẽ đọa ngục nóng đốt
Đã bị khổ cháy thiêu
Rồi đày qua ngục băng.
Người tà dục như vậy
Cũng đọa ngục cực nhiệt
Hào khiếu và Đại khiếu
Cùng qua ngục Hắc thằng.
Người tà dục như vậy
Sẽ chìm sông hèm nóng

Lại trải qua ngục tro
Chưa tới đáy đã chết.
Có ngục Tật-lê-sắc
Năm gốc gai nhọn bén
Bị chó sắt rượt cắn
Sợ chạy vào rừng gai,
Ái luyến nơi nữ nhân
Đọa vào chỗ đại bố
Hoặc phải nuốt hòn sắt
Hoặc phải uống nước đồng,
Có hai núi sắc nóng
Kia đây ép vào nhau
Người tham dục ngày xưa
Nay bị khổ trong ấy,
Lúc bị khổ như vậy
Đều không ai cứu giúp
Bị tội báo khổ ấy
Đều do nghiệp mình gây.
Người đồng vui ngày trước
Nay nào thấy họ đâu
Chỉ riêng mình chịu khổ
Họ chẳng đến cứu nhau.
Do vì ở đời trước
Tự gây tạo tội nghiệp
Dù cho đến cha mẹ
Cũng chẳng cứu nhau được.
Do vì ở đời trước
Tự gây tạo tội nghiệp
Dù cho đến con cái
Cũng chẳng cứu nhau được.
Do vì ở đời trước
Tự gây tạo tội nghiệp
Dù cho đến anh em
Cũng chẳng cứu nhau được.
Do vì ở đời trước
Tự gây tạo tội nghiệp
Dù cho đến chị em
Cũng chẳng cứu nhau được.

Do vì ở đời trước
Tự gây tạo tội nghiệp
Dù cho đến bằng hữu
Cũng chẳng cứu nhau được
Kẻ ngu và tà dục
Tham tìm cầu nữ nhân.
Nơi địa ngục vô gián
Bị những khổ như vậy
Nói nữ nhân bất tịnh
Dơ xấu nhiều như vậy.
Chỗ kẻ ngu đến gần
Người trí đều lìa xa
Thân cận nữ nhân kia
Rất thấp kém tột bật,
Là ác trong những ác
Nào có đáng vui ưa
Các phàm phu tham dục
Thường ôm ấp túi phân,
Do nghiệp nhân duyên này
Sẽ nhận vô lượng khổ
Người ngu vì nữ nhân
Cam chịu những hình phạt,
Tù trói và đánh đập
Vẫn không lòng chán lìa
Người ngu vì nữ nhân
Bị các thứ thiêu hại,
Hay nhịn chịu khổ đau
Vẫn không lòng chán lìa
Hoặc đặt trên cây nhọn
Hoặc giết hoặc nhận nước,
Hoặc ném vào hố to
Chịu đủ mọi khổ độc
Dù thấy khổ như vậy
Còn ở trong dâm dục
Khen ngợi các nữ nhân
Chưa hề biết chán lìa
Hoặc có người trí ít
Biết là gốc sự khổ

Biết mà vẫn thân cận
Như keo sơn gặp lửa.
Nghe lời Phật răn dạy
Dù có lòng tin nhận
Vẫn nuôi chứa nữ nhân
Chúng kia như bầy dê
Hoặc nghe lời Phật dạy
Vừa khởi lòng hối nhàm
Giây lát lại sinh tham
Như bệnh độc lại phát,
Dường như heo bị bố
Tạm dừng trong giây lát
Nếu thấy vũng phân nhơ
Lòng tham ái lại sinh.
Người ngu nghe pháp rồi
Tạm thời lòng kinh sợ
Lúc sau thấy sắc dục
Lòng tham ái lại sinh.
Dường như có trượng phu
Từ trên thân đầu mình
Lột bỏ vòng hoa vàng
Lại đội nón sắt nóng.
Người ngu vì tham dục
Ném bỏ lời Phật dạy
Tham cầu pháp hạ liệt
Gây tạo các tội nghiệp.
Người say mê sắc dục
Đọa trong cõi Diêm-la
Thường nuốt hoàn sắt nóng
Lại uống nước đồng sôi.
Người say mê sắc dục
Bỏ lành mà làm quấy
Bỏ rời chỗ thanh lương
Đến hẳn cõi Diêm-la.
Nếu người có trí tuệ
Nghe Phật nói pháp này
Phải bỏ tất cả dục
Mau cầu đạo xuất ly.

Đức Thế Tôn nói kệ rồi, vua Ưu-đà-diên bạch rằng:

– Bạch Thế Tôn! Những lời con vừa được nghe đây thật là hy hữu, hy hữu! Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác khéo nói sự sai lầm do sắc dục gây ra. Nay con quy y Phật, Pháp, Tăng Tam bảo. Từ đây đến trọn đời con quy y Phật, Pháp, Tăng làm Ưu-bà-tắc, ngưỡng mong Đức Thế Tôn nhiếp thọ con.

Đức Phật nói kinh này rồi, vua Ưu-đà-diên và các đại chúng, tất cả các thế gian, trời, người, A-tu-la, Càn-thát-bà,… nghe lời Đức Phật dạy, tất cả đều hoan hỷ tín thọ phụng hành.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 98

Hán dịch: Đời Đại Đường, Tam tạng
Pháp sư Bồ-đề-lưu-chí.

PHÁP HỘI 30: ĐỒNG NỮ DIỆU TUỆ

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại thành Vương xá trong núi Kỳ-xà-quật cùng chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người và mười ngàn Đại Bồ-tát cùng hội họp.

Bấy giờ thành Vương xá có nữ trưởng giả tên Diệu Tuệ, mới tám tuổi dung mạo đoan chánh xinh đẹp, hình dáng tuyệt đẹp, ai thấy đều vui thích, đã từng thân cận cúng dường trồng các căn lành nơi vô lượng chư Phật quá khứ. Đồng nữ Diệu Tuệ đến lễ chân Đức Như Lai, đi nhiễu ba vòng quỳ chắp tay bạch rằng:

Đấng Vô Thượng Chánh Giác
Làm đèn sáng thế gian
Xin cho phép con hỏi
Sở hành của Bồ-tát.

Đức Phật dạy:

– Nay cho ngươi tùy ý hỏi, Phật sẽ giải thuyết để dứt lưới nghi.

Diệu Tuệ liền nói kệ thỉnh hỏi:

Làm sao được thân đẹp
Đại phú và tôn quý?
Lại do nhân duyên gì
Quyến thuộc khó trở hoại?
Thế nào thấy thân mình
Được thọ biến hóa sinh?
Ngồi hoa sen ngàn cánh
Phụng sự ngay Thế Tôn?
Thế nào chứng nhập được

Tự tại thắng thần thông
Đến khắp vô lượng cõi
Kính lễ lạy chư Phật?
Thế nào được không oán
Lời nói được người tin
Trừ sạch các pháp chướng
Lìa hẳn các ma nghiệp?
Thế nào lúc mạng chung
Được thấy chư Phật hiện
Nghe nói pháp thanh tịnh
Chẳng bị khổ não bức?
Đấng Đại Bi vô thượng
Xin thương giải thích cho.

Đức Phật bảo Diệu Tuệ:

– Lành thay, lành thay! Khéo hỏi được nghĩa thâm diệu ấy. Lắng nghe kỹ và khéo suy gẫm, Phật sẽ nói cho.

Diệu Tuệ bạch:

– Vâng, bạch Thế Tôn! Con xin muốn được nghe.

Đức Phật dạy:

– Này Diệu Tuệ! Bồ-tát thành tựu bốn pháp, thì được thọ thân tướng đoan chánh. Những gì là bốn?

1. Chẳng khởi lòng giận hờn đối với bạn xấu ác.

2. An trụ đại Từ.

3. Rất thích chánh pháp.

4. Tạo hình tượng Phật.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Chớ tăng trưởng sân, hoại căn lành
Từ tâm thích pháp tạo hình Phật
Sẽ được thân đủ tướng trang nghiêm
Tất cả chúng sinh thường ưa thấy.

Lại nữa, này Diệu Tuệ! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì được thân phú quý. Những gì là bốn?

1. Bố thí đúng thời.

2. Không lòng khinh mạn.

3. Vui mừng mà cho.

4. Chẳng mong quả báo.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Đúng thời bố thí không khinh mạn
Hoan hỷ đem cho chẳng mong cầu
Với bốn hạnh này thường siêng tu
Thọ sinh sẽ được đại phú quý.

Lại nữa, này Diệu Tuệ! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì được quyến thuộc chẳng cản trở phá hoại. Những gì là bốn?

1. Khéo rời bỏ lời nói ly gián.

2. Làm cho chúng sinh tà kiến an trụ chánh kiến.

3. Chánh pháp sắp diệt hộ trì cho bền lâu.

4. Dạy chúng sinh hướng đến Phật Bồ-đề.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Bỏ rời ly gián và tà kiến
Chánh pháp sắp diệt hay hộ trì
Khiến chúng sinh trụ đại Bồ-đề
Sẽ được quyến thuộc không hư hoại.

Lại nữa, này Diệu Tuệ! Bồ-tát thành tựu bốn pháp sẽ được hóa sinh ở trước chư Phật ngồi tòa liên hoa. Những gì là bốn?

1. Đem hoa quả đẹp ngon và hương thơm dâng cúng chư Phật và các chùa tháp.

2. Hoàn toàn không làm tổn hại kẻ khác.

3. Tạo tượng Phật ở trên đài sen.

4. Với Phật Bồ-đề hay sinh lòng tin thanh tịnh.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Hoa hương cúng Phật và chùa tháp
Chẳng hại kẻ khác và tạo tượng
Rất tin hiểu nơi Phật Bồ-đề
Được ngồi hoa sen sinh trước Phật.

Lại nữa, này Diệu Tuệ! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì được thần thông thù thắng từ một cõi Phật đến một cõi Phật khác. Những gì là bốn?

1. Thấy người tu pháp lành thì chẳng làm chướng não.

2. Lúc người thuyết pháp trọn chẳng làm trở ngại.

3. Thắp đèn sáng cúng dường tháp Phật.

4. Siêng tu tập các môn Thiền định.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Thấy người tu hành thuyết chánh pháp
Chẳng chỉ trích chẳng gây trở ngại
Tháp thờ Như Lai cúng đèn sáng
Siêng tu Thiền định dạo cõi Phật.

Lại nữa, này Diệu Tuệ! Bồ-tát thành tựu bốn pháp, thì ở đời không oán thù. Những gì là bốn?

1. Dùng lòng không nịnh bợ mà gần gũi bạn lành.

2. Đối với pháp thù thắng của người, không đem lòng ganh tỵ.

3. Người được danh dự lòng vui mừng theo.

4. Đối với hạnh Bồ-tát hoàn toàn không khinh chê.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Chẳng lòng dua nịnh gần bạn lành
Người có hơn ta không ganh ghét
Người được danh dự thường hoan hỷ
Chẳng chê Bồ-tát được không oán.

Lại nữa, này Diệu Tuệ! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì lời nói được người tin. Những gì là bốn?

1. Lời nói và hạnh tu thường khiến tương ưng.

2. Ở chỗ bạn lành chẳng giấu sự sai lầm của mình.

3. Pháp được nghe chẳng tìm lỗi sai.

4. Với người thuyết pháp chẳng sinh ác tâm.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Ngôn hạnh thường luôn tương ưng
Chẳng giấu tội mình với bạn lành
Nghe kinh chẳng tìm lỗi nhân pháp
Tất cả lời nói được người tin.

Lại nữa, này Diệu Tuệ! Bồ-tát thành tựu bốn pháp, thì có thể xa lìa pháp chướng, mau được thanh tịnh. Những gì là bốn?

1. Thâm tâm ưa thích nhiếp trì ba luật nghi.

2. Nghe kinh sâu xa chẳng sinh lòng hoài nghi chỉ trích.

3. Thấy Bồ-tát mới phát ý thì sinh tâm Nhất thiết trí.

4. Đối với hữu tình có tâm đại Từ bình đẳng.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Dùng thâm ý nguyện nhiếp luật nghi
Nghe kinh thậm thâm hay tin hiểu

Kính sợ phát tâm tưởng là Phật
Tâm từ độ khắp tiêu chướng nạn.

Lại nữa, này Diệu Tuệ! Bồ-tát thành tựu bốn pháp, thì hay xa lìa các ma nghiệp. Những gì là bốn?

1. Biết rõ pháp tánh bình đẳng.

2. Phát khởi tinh tấn.

3. Thường siêng niệm Phật.

4. Tất cả căn lành đều hồi hướng Vô thượng Bồ-đề.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Biết được các pháp tánh bình đẳng
Thường khởi tinh tấn niệm Như Lai
Hồi hướng tất cả các căn lành
Chúng ma không thể được dịp hại.

Lại nữa, này Diệu Tuệ! Bồ-tát thành tựu bốn pháp, thì lúc lâm chung được chư Phật hiện ra trước mắt. Những gì là bốn?

1. Người có cầu muốn gì, thì bố thí cho đầy đủ.

2. Đối với các pháp lành, sinh tin hiểu sâu.

3. Với các Bồ-tát thí cúng đồ trang nghiêm.

4. Ở nơi Tam bảo siêng lo cúng dường.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Người có cầu dùng thí cho đủ
Tin hiểu pháp sâu cúng trang nghiêm
Tam bảo phước điền siêng cúng dường
Khi mạng chung thời thấy Phật hiện.

Đồng nữ Diệu Tuệ bạch rằng:

– Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy về hạnh Bồ-tát, con sẽ phụng hành. Trong bốn mươi hạnh ấy nếu con thiếu tu một hạnh nào, thì là trái lời Phật dạy, là lừa dối và xem nhẹ Như Lai.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bảo đồng nữ Diệu Tuệ:

– Hạnh Bồ-tát rất khó thực hiện, nay ngươi phát nguyện lớn thù thắng ấy, có phải là ngươi đã được tự tại nơi nguyện ấy chăng?

Diệu Tuệ bạch Tôn giả:

– Nếu hoằng nguyện của tôi chân thật chẳng hư, có thể làm cho các hạnh Bồ-tát được viên mãn, thì xin cõi tam thiên đại thiên này chấn động sáu cách, trời mưa hoa đẹp, trống trời tự kêu.

Đồng nữ nguyện xong, hư không tung hoa như mưa, trống trời kêu vang, cả đại thiên thế giới chấn động sáu cách.

Diệu Tuệ lại bạch Tôn giả rằng:

– Do lời phát nguyện chân thật ấy, đời vị lai tôi sẽ thành Phật như Đức Thích-ca Như Lai. Cõi nước tôi không có các ma sự và tên ác thú nữ nhân. Nếu lời tôi nói đây không hư vọng thì nguyện cho thân thể đại chúng đều thành sắc vàng.

Đồng nữ nói xong cả chúng đều thành sắc vàng.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên rời chỗ ngồi đứng dậy, để hở vai áo bên phải, đảnh lễ chân Phật mà bạch rằng:

– Bạch Thế Tôn! Nay con trước tiên xin lạy Bồ-tát mới phát tâm và chúng Đại Bồ-tát.

Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử hỏi Diệu Tuệ:

– Ngươi an trụ pháp gì mà phát nguyện thành thực ấy?

Đồng nữ Diệu Tuệ đáp rằng:

– Bạch Văn-thù-sư-lợi! Lời hỏi ấy chẳng phải. Vì sao? Vì trong pháp giới không có chỗ trụ.

Lại hỏi:

– Thế nào gọi là Bồ-đề?

Đáp:

– Không phân biệt pháp, đây gọi là Bồ-đề.

Lại hỏi:

– Thế nào gọi là Bồ-tát?

Đáp:

– Tất cả các pháp đồng tướng hư không, đây gọi là Bồ-tát.

Lại hỏi:

– Thế nào gọi là hạnh Bồ-đề?

Đáp:

– Hạnh dường như sóng nắng trên đường, âm vọng trong hang, đây là hạnh Bồ-đề.

Lại hỏi:

– Y cứ mật ý gì mà nói như vậy?

Đáp:

– Ở trong đây tôi không thấy có chút pháp mật chẳng phải mật.

Lại hỏi:

– Nếu như vậy thì tất cả phàm phu lẽ ra là Bồ-đề?

Đáp:

– Ngài cho rằng Bồ-đề khác với phàm phu ư, chớ quan niệm như vậy. Vì sao? Vì đồng một tướng pháp giới chẳng giữ, chẳng bỏ, không có thành hoại.

Lại hỏi:

– Trong nghĩa này người hiểu rõ được số ấy có bao nhiêu?

Đáp:

– Như bao nhiêu lượng tâm tâm sở huyễn hóa, thì có bao nhiêu chúng sinh huyễn hóa hay hiểu rõ nghĩa này.

Lại hỏi:

– Huyễn hóa vốn không có, sao lại có tâm, tâm sở như vậy?

Đáp:

– Pháp giới cũng vậy chẳng có chẳng không, cho đến Như Lai cũng chẳng có chẳng không.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đồng nữ Diệu Tuệ này thật rất hy hữu hay thành tựu được pháp nhẫn như vậy.

Đức Phật dạy:

– Đúng như vậy! Thật như lời Văn-thù-sư-lợi nói. Nhưng thuở quá khứ đồng nữ này đã phát tâm Bồ-đề, trải qua ba mươi kiếp rồi ta mới phát sinh hướng Vô thượng Bồ-đề. Đồng nữ này cũng làm cho Văn-thù-sư-lợi an trụ Vô sinh nhẫn.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền quay lại đảnh lễ đồng nữ Diệu Tuệ và bạch:

– Thuở quá khứ vô lượng kiếp trước tôi đã từng cúng dường đồng nữ, chẳng ngờ ngày nay lại được thân cận.

Diệu Tuệ nói:

– Bạch ngài Văn-thù-sư-lợi! Ngài chớ sinh khởi phân biệt như vậy. Vì sao? Vì do không phân biệt mà được Vô sinh nhẫn.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại hỏi đồng nữ Diệu Tuệ:

– Nay đồng nữ vẫn chưa chuyển đổi thân nữ nhân ư?

Diệu Tuệ nói:

– Tướng nữ nhân trọn chẳng thể được, thì có thể chuyển đổi những

gì. Bạch ngài Văn-thù-sư-lợi! Tôi sẽ vì ngài mà dứt trừ nghi hoặc. Do vì tôi nói lời chân thật như vầy: "Đời đương lai lúc tôi được Vô thượng Bồ-đề, trong chánh pháp của tôi, các hàng Tỳ-kheo nghe lời giảng truyền, khéo đến xuất gia nhập đạo. Trong quốc độ tôi, tất cả các thân của hội chúng thân đều kim sắc, ăn mặc đồ dùng như cung trời thứ sáu, đều tùy niệm hiện ra, không có ma sự và các ác đạo, cũng không có tên nữ nhân, có tòa bảy báu, trên giăng lưới báu, hoa sen bảy báu trùm với tướng báu, như cõi thanh tịnh trang nghiêm của Văn-thù-sư-lợi được thành, cùng nhau không khác". Nếu lời tôi nói trên đây không hư vọng, thì nay toàn đại chúng thân đều sắc vàng, thân nữ nhân của tôi biến thành nam tử như Tỳ-kheo Tri Pháp ba mươi tuổi.

Đồng nữ nói xong, toàn đại chúng thân đều sắc vàng. Diệu Tuệ chuyển thành nam tử như Tỳ-kheo Tri Pháp ba mươi tuổi.

Bấy giờ chư Thiên Địa cư chuyền nhau ca ngợi:

– Lành thay, lành thay! Đại Bồ-tát Diệu Tuệ có thể thuở vị lai lúc thành Bồ-đề cõi nước nghiêm tịnh công đức như vậy.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Bồ-tát Diệu Tuệ này! Đời đương lai thành Phật hiệu là Thù Thắng Công Đức Bảo Tạng Như Lai.

Đức Phật nói lời này có ba mươi câu-chi chúng sinh an trụ không thoái chuyển nơi Vô thượng Bồ-đề, tám mươi câu-chi chúng sinh xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn tịnh, tám ngàn chúng sinh được trí chứng. Năm ngàn Tỳ-kheo hành Bồ-tát thừa lòng muốn thoái chuyển nay vì thấy Bồ-tát Diệu Tuệ ý nguyện căn lành oai đức thù thắng, nên đều cởi thượng y đang mặc dâng lên Đức Như Lai, rồi phát hoằng thệ rằng:

– Do căn lành này chúng con quyết định thành Vô thượng Bồ-đề.

Vì các Tỳ-kheo này đem căn lành hồi hướng Vô thượng Bồ-đề nên vượt thoát chín mươi kiếp khổ sinh tử, được không thoái chuyển nơi Vô thượng Bồ-đề.

Đức Phật liền thọ ký cho năm ngàn Tỳ-kheo ấy rằng:

– Đời đương lai qua sau một ngàn kiếp, trong kiếp Vô cấu quang minh, thế giới Dương diệm, cõi nước Nam nhẫn, trong một kiếp nối kế nhau thành Phật đồng một hiệu là Biện Tài Trang Nghiêm Như Lai.

Đức Phật dạy tiếp:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Pháp môn như vậy có đại oai đức hay khiến các Bồ-tát và các nhân vật Thanh văn thừa được lợi ích lớn.

Này Văn-thù-sư-lợi! Hoặc có thiện nam, thiện nữ vì cầu Bồ-đề mà không phương tiện thiện xảo, hành sáu pháp Ba-la-mật-đa mãn ngàn kiếp. Lại có người trong nửa tháng biên chép đọc tụng kinh này, thì phước đức đây hơn phước đức trên ngàn muôn ức lần, cho đến không thể toán số thí dụ.

Này Văn-thù-sư-lợi! Pháp môn vi diệu như vậy là căn bản của các Khế kinh Đại thừa, ta đem phó chúc cho ông, đời đương lai ông thọ trì đọc tụng giảng giải cho người.

Ví như vua Chuyển luân thánh vương ra đời, thì bảy báu đều hiện ra tại trước vua. Sau khi vua mất thì bảy báu cũng mất theo.

Pháp môn vi diệu này lưu hành tại thế gian thì tức là Pháp nhãn của bảy phần Bồ-đề… của Như Lai chẳng mất. Nếu không lưu hành thì chánh pháp sẽ mất.

Vì thế nên, này Văn-thù-sư-lợi! Nếu người muốn cầu Bồ-đề thì nên phát khởi tinh tấn biên chép kinh này, thọ trì đọc tụng vì người mà giải thuyết. Đây là lời dạy của Đức Phật, chớ để đời sau phải sinh lòng hối hận.

Đức Phật nói kinh này rồi, Bồ-tát Diệu Tuệ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và cả đại chúng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà,… nghe lời Phật dạy đều rất vui mừng tín thọ phụng hành.

□

PHÁP HỘI 31: ƯU-BÀ-DI HẰNG HÀ THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở nước Xá-vệ tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc. Bấy giờ thành Xá-vệ có Ưu-bà-di tên Hằng Hà Thượng từ nhà đến chỗ Đức Phật đảnh lễ chân Phật rồi lui ngồi một bên.

Khi ấy, Đức Thế Tôn hỏi Hằng Hà Thượng:

– Người từ đâu đến?

Vị Ưu-bà-di kia liền bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nếu hỏi người huyễn hóa rằng: "Người từ đâu đến?" Hỏi như vậy thì phải trả lời thế nào?

– Này Ưu-bà-di! Luận về người huyễn hóa không có vãng lai cũng không sinh diệt, đâu nên nói là có từ chỗ nào mà đến.

– Bạch Thế Tôn! Các pháp chẳng phải đều huyễn hóa cả ư?

– Này Ưu-bà-di! Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói!

– Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều như hóa thì sao lại hỏi rằng "người từ đâu đến"?

– Này Ưu-bà-di! Người huyễn hóa ấy chẳng đến ác đạo, chẳng sinh lên trời, chẳng chứng Niết-bàn. Này Hằng Hà Thượng! Ngươi cũng như vậy sao?

– Bạch Thế Tôn! Nếu con thấy thân khác với huyễn hóa, mới nên nói là qua ác đạo, sinh thiện đạo, chứng Niết-bàn. Còn con chẳng thấy thân khác với huyễn hóa, thì sao lại nói là qua ác đạo, sinh thiện đạo, chứng Niết-bàn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Như tánh Niết-bàn cứu cánh chẳng còn sinh thiện đạo ác đạo và Bát-niết-bàn, con xem thân mình cũng như vậy.

– Này Ưu-bà-di! Ngươi chẳng phải hướng đến Niết-bàn giới ư?

– Bạch Thế Tôn! Nếu đem lời hỏi này mà hỏi đối với vô sinh thì nên trả lời như thế nào?

– Này Ưu-bà-di! Vô sinh tức là Niết-bàn.

– Bạch Thế Tôn! Các pháp chẳng phải đều đồng Niết-bàn ư?

– Này Ưu-bà-di! Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói!

– Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đồng Niết-bàn thì sao lại hỏi ngươi chẳng phải hướng đến Niết-bàn giới ư?

– Lại nữa, bạch Thế Tôn! Ví như người huyễn hóa hỏi người huyễn hóa, ngươi chẳng phải hướng đến Niết-bàn giới ư? Họ sẽ phải đáp thế nào?

– Này Ưu-bà-di! Họ hỏi như vậy là không có cơ sở.

– Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai sao lại dùng sự níu kéo để nêu lời hỏi ấy?

– Này Ưu-bà-di! Lời ta hỏi cũng không níu kéo, nhưng vì trong pháp hội đây có thiện nam, thiện nữ đáng được thành thục nên ta phát lời hỏi ấy. Vì sao? Vì Như Lai ở nơi danh tự của các pháp ấy, chẳng những chẳng thể nắm bắt, thì nào có các pháp và kẻ hay hướng đến Niết-bàn kia.

– Bạch Thế Tôn! Nếu vậy thì cớ sao lại vì Bồ-đề mà tích tập căn lành, vì các Bồ-tát và căn lành đều chẳng thể nắm bắt được.

– Này Ưu-bà-di! Lúc tích tập tức vô tâm vậy, lúc chẳng phải tích tập cũng như vậy.

– Bạch Thế Tôn! Vô tâm được nói ấy là muốn thuyết minh nghĩa gì?

– Này Ưu-bà-di! Pháp ấy chẳng phải tư duy biết được cũng chẳng

phải tư duy mà với đến được. Vì sao? Vì trong ấy tâm chẳng thể nắm bắt được là pháp được tâm sinh. Do vì tâm chẳng thể nắm bắt nên gọi là chỗ chẳng thể nghĩ bàn. Chỗ chẳng thể nghĩ bàn ấy chẳng phải chứng đắc, chẳng phải nhiễm, chẳng phải tịnh. Vì sao? Vì Như Lai thường nói các pháp như hư không không có chướng ngại.

– Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp như hư không sao Thế Tôn lại nói có các sắc, thọ, tưởng, hành, thức cùng các giới xứ mười hai nhân duyên, hữu lậu vô lậu là nhiễm, là tịnh, là sinh tử Niết-bàn?

– Này Ưu-bà-di! Như nói: Ngã, dù có lời nói mà thật không có tướng ngã để chứng đắc. Ta nói các sắc cũng thật không có tướng sắc để chứng đắc, cho đến nói Niết-bàn cũng không có tướng Niết-bàn để chứng đắc.

Này Ưu-bà-di! Trong pháp của ta, những người tu phạm hạnh thấy tất cả pháp đều không có chỗ chứng, mới được gọi là người chân tu phạm hạnh. Còn người tăng thượng mạn nói có chỗ chứng đắc thì chẳng gọi là an trụ chân phạm hạnh. Người tăng thượng mạn như vậy, nghe pháp sâu xa này, sinh lòng quá kinh nghi, họ chẳng giải thoát được sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.

– Này Ưu-bà-di! Sau khi ta diệt độ, có người hay diễn thuyết pháp đoạn dứt lưu chuyển thậm thâm này, có kẻ ngu si vì ác kiến nên đối với Pháp sư sinh lòng sân hận, do đây họ bị sa đọa địa ngục.

– Bạch Thế Tôn! Như Phật nói pháp dứt lưu chuyển, do nghĩa gì mà gọi tên là dứt lưu chuyển?

– Này Ưu-bà-di! Dứt lưu chuyển là nói thật tế chẳng thể nghĩ bàn giới, pháp này chẳng thể soi đục ngăn chặn hủy hoại, nên gọi tên là Pháp dứt lưu chuyển.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vui vẻ mỉm cười, trên khuôn mặt phóng ra những tia sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía, pha lê, chiếu suốt khắp vô lượng thế giới trên đến trời Phạm thế, rồi quay lại nhập vào đảnh Đức Như Lai.

Tôn giả A-nan thấy sự ấy liền đứng dậy để hở vai áo bên phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Đức Phật hiện tướng mỉm cười?

Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Ta nhớ quá khứ có ngàn Đức Như Lai cũng ở nơi đây nói pháp như vậy, trong các chúng hội kia cũng đều có Ưu-bà-di Hằng Hà

Thượng làm Thượng thủ. Ưu-bà-di kia và các đại chúng nghe chư Như Lai kia nói pháp này rồi, đều xuất gia trụ trong Vô dư Niết-bàn mà được diệt độ.

Tôn giả A-nan bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nên đặt tên kinh này là gì, chúng con phải thọ trì thế nào?

Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Kinh này tên là Vô Cấu Thanh Tịnh, các ông nên thọ trì như vậy.

Lúc nói kinh này, có bảy trăm Tỳ-kheo và bốn trăm Tỳ-kheo-ni hết hẳn các lậu, tâm được giải thoát.

Chư Thiên cõi Dục đem các thứ hoa trời rải lên Đức Phật mà nói rằng:

– Ưu-bà-di này rất hy hữu! Có thể cùng Đức Như Lai đối đáp được không sợ sệt. Người này đã từng ở chỗ vô lượng chư Phật, thân cận cúng dường vun trồng các căn lành.

Đức Phật nói kinh này rồi, Ưu-bà-di Hằng Hà Thượng và hàng đại chúng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà,… nghe lời Phật dạy, đều rất vui mừng tín thọ phụng hành.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 99

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Tam tạng
Pháp sư Phật-đà-phiến-đa.

PHÁP HỘI 32: BỒ-TÁT VÔ ÚY ĐỨC

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở thành Vương xá trong núi Kỳ-xà-quật cùng năm trăm Tỳ-kheo đều đến hội họp. Các Đại Bồ-tát vô lượng, vô biên có tám ngàn Đại Bồ-tát làm Thượng thủ, đều được Tam-muội và Đà-la-ni, khéo nhập ba môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, các thần thông thiện xảo, được Vô sinh pháp nhẫn, danh hiệu các vị là: Bồ-tát Di-lâu, Bồ-tát Đại Di-lâu, Bồ-tát Thường Nhập Định, Bồ-tát Thường Tinh Tấn, Bồ-tát Bảo Thủ, Bồ-tát Thường Hỷ Căn, Bồ-tát Bạt-đà-bà-la, Bồ-tát Bảo Tướng, Bồ-tát La-hầu, Bồ-tát Thích Thiên, Bồ-tát Thắng Ý, Bồ-tát Tăng Thượng Ý, có tám ngàn Đại Bồ-tát như vậy đều làm Thượng thủ.

Đức Thế Tôn ở thành Vương xá được nhà vua và các vương tử, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ tôn trọng tán thán cúng dường. Đức Thế Tôn có đủ vô lượng trăm ngàn vạn chúng cung kính vây quanh mà vì họ thuyết pháp.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Tu-bồ-đề, Tôn giả Phú-lâu-na, Tôn giả Di-đa-la-ni Tử, Tôn giả Ly-bà-đa, Tôn giả A-thấp-bà, Tôn giả Ưu-bà-ly, Tôn giả La-hầu-la, Tôn giả A-nan, vô lượng các đại Thanh văn như vậy, buổi sáng chỉnh y cầm bát vào thành Vương xá, đến từng nhà đúng như pháp mà khất thực không có duyên gì khác, lần lần đi đến trước cung điện của vua A-xà-thế, cùng đứng yên lặng chẳng nói khất thực hay chẳng khất thực.

Vua A-xà-thế có người con gái tên Vô Úy Đức, đoan chánh xinh đẹp vô song, thành tựu công đức tối thắng thù diệu, mới mười hai tuổi mang guốc báu bằng vàng, đang ngồi trên cung lầu thấy các Thanh văn mà chẳng đứng dậy vẫn yên lặng ngồi tại chỗ. Vua A-xà-thế thấy vậy mới bảo rằng:

– Con chẳng thấy các vị ấy là đệ tử thượng túc của Đức Thích-ca Như Lai, các vị đã thành tựu đại pháp làm phước điền cho thế gian vì thương chúng sinh mà các vị đi khất thực. Nay con được thấy các vị, sao con chẳng đứng dậy nghênh đón lễ kính hay hỏi han, lại chẳng nhường chỗ ngồi. Con thấy sự gì mà chẳng đứng dậy nghênh tiếp?

Vô Úy Đức tâu phụ vương:

– Chẳng hay phụ vương có thấy, có nghe Chuyển luân thánh vương, thấy các tiểu vương mà đứng dậy nghênh tiếp chăng?

Vua A-xà-thế nói:

– Không dậy nghênh tiếp.

Vô Úy Đức lại tâu:

– Phụ vương có thấy, có nghe lúc sư tử chúa của muông thú, thấy các loài chồn hoang liền đứng dậy nghênh tiếp chăng?

Vua A-xà-thế nói:

– Không có sự ấy.

Vô Úy Đức lại tâu:

– Phụ vương có thấy, có nghe vua trời Đế Thích nghênh tiếp chư Thiên tử; vua Đại Phạm thiên, lễ kính Thiên chúng chăng?

Vua A-xà-thế nói:

– Không có sự ấy.

Vô Úy Đức lại tâu:

– Phụ vương có thấy, có nghe thần biển lớn, lễ kính các thần sông, thần ao chăng?

Vua A-xà-thế nói:

– Không có sự ấy.

Vô Úy Đức lại tâu:

– Phụ vương có thấy, có nghe vua núi Tu-di lễ kính các vua núi khác chăng?

Vua A-xà-thế đáp:

– Không có sự ấy.

Vô Úy Đức lại tâu:

– Phụ vương có thấy có nghe thần mặt trăng, mặt trời lễ kính côn trùng đom đóm chăng?

Vua A-xà-thế nói:

– Không có sự ấy.

Vô Úy Đức tâu:

– Phụ vương nên biết! Bồ-tát phát tâm hướng đến Vô thượng Bồ-đề, thực hiện đại Từ bi, sao lại lễ kính hàng Thanh văn rời lìa tâm đại Bi, đâu có sư tử vương Bồ-tát cầu đạo Vô thượng Chánh chân Chánh giác lại lễ các chồn hoang Tiểu thừa. Đâu có Bồ-tát đã cầu đạo đại phạm thanh tịnh tiến lên Vô thượng Bồ-đề, lại nên thân cận hàng Thanh văn căn lành kém ít. Đâu có người muốn đến biển lớn đại trí, muốn cầu khéo biết khối đại pháp mà lại còn cầu dấu chân trâu, vì hàng Thanh văn nghe âm thanh từ nơi người khác. Đâu có người muốn đến núi Phật Tu-di để cầu sắc thân vô biên của Như Lai, mà lại cầu sức Không Tam-muội trong hạt cải của hàng Thanh văn mà đi lễ họ. Đâu có người đã được nghe công đức trí tuệ của chư Phật, như Nhật Nguyệt Quang lại lễ kính hàng Thanh văn để cầu lửa sáng đom đóm, vì hàng Thanh văn chỉ có thể tự lợi tự soi từ người khác nghe âm thanh mà được như vậy.

Tâu phụ vương, sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, còn chẳng lễ kính hàng Thanh văn huống là nay Đức Thế Tôn còn tại thế gian. Vì sao? Vì nếu người nào thân cận hàng Thanh văn tất phát tâm Thanh văn, người nào thân cận hàng Duyên giác tất phát tâm Duyên giác, có ai gần gũi Đấng Chánh Chân Chánh Giác tất phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Nói xong, Vô Úy Đức liền dùng kệ tâu với phụ vương A-xà-thế:

Ví như người đến biển
Mà lấy một đồng tiền
Con thấy cũng như vậy
Sở hành cũng như thế
Đến biển đại pháp rồi
Bỏ khối báu Đại thừa
Mà khởi tâm hẹp kém
Tu hành đạo Tiểu thừa,
Như người thân cận vua
Xuất nhập không chướng ngại
Theo vua xin một tiền
Uổng phí được gần vua.
Cung kính gần Luân vương
Xin của vật trăm ngàn
Giúp vô lượng kẻ nghèo
Đây là khéo gần vua.
Như người xin một tiền

Thanh văn cũng như vậy
Chẳng cầu chân giải thoát
Mà lấy tiểu Niết-bàn.
Nếu khởi tâm hẹp kém
Tự lợi không tự tha
Giống như thầy thuốc nhỏ
Chỉ hay trị thân mình.
Ví như đại y vương
Trị bệnh rất nhiều người
Khéo sinh lòng Từ bi
Được cung kính danh tiếng.
Y sư được lợi thế
Vì được biết phương thuốc
Tự độ chẳng độ tha
Người trí không cung kính.
Như y vương thiện xảo
Thông đạt các phương thuốc
Cứu vô lượng ngàn ức
Các chúng sinh bệnh khổ.
Y vương được thế gian
Cung kính và danh tiếng
Người phát tâm Bồ-đề
Khắp trị bệnh phiền não.
Như rừng Tỳ-ma kia
Hoa hương bóng chẳng tốt
Thanh văn như Tỳ-ma
Chẳng phát tâm cứu thế.
Như chỗ thọ vương lớn
Nhiều người được lợi ích
Các Bồ-tát cũng vậy
Hay lợi ích mọi người.
Chẳng dùng nắng mùa thu
Hay cạn dòng nước nhỏ
Đến tại biển cả rồi
Hay chứa vô lượng chúng.
Đạo Thanh văn kém hẹp
Dường như dấu chân trâu
Chẳng dứt được tất cả

Phiền não của chúng sinh.
Chẳng phải lên núi nhỏ
Mà hiện Thân kim sắc
Chỉ lên núi Tu-di
Đều thấy Thân kim sắc.
Nên biết các Bồ-tát
Cũng như núi Tu-di
Do Bồ-tát trụ thế
Thế gian được giải thoát
Đều là một sắc thân
Đầy đủ Nhất thiết trí.
Trí Thanh văn chẳng vậy
Dường như sương buổi sáng
Chẳng lợi được cho đời
Vì họ chẳng chứng pháp.
Như mưa lớn tăng trưởng
Lợi ích vô lượng loài
Thanh văn như sương mai
Bồ-tát như mưa lớn,
Thân cận được đại pháp
Như sức biển nhận nhiều.
Như hoa héo ném bỏ
Không còn hương thơm đẹp
Mọi người chẳng thích nó
Chỉ ưa hoa Chiêm-bặc.
Như cầu hoa sen xanh
Đẹp thơm rất kỳ diệu
Hoa bỏ như Thanh văn
Trí hẹp chẳng lợi người.
Như hoa Chiêm-bặc kia
Bồ-tát cũng như vậy
Vì thương mến chúng sinh
Hay hóa độ chúng sinh.
Phụ vương có từng biết
Gì là đại kỳ đặc
Một người tại đồng hoang
Lợi ích nhiều người vậy.
Nếu muốn an ổn tốt

Độ vô lượng chúng sinh
Phải phát tâm Bồ-đề
Chớ theo đạo Tiểu thừa.
Trong thế gian đồng hoang
Hay cứu chúng lạc đường
Như nhà hướng đạo kia
Bồ-tát cũng như vậy.
Phụ vương có từng thấy
Bè nhỏ qua biển lớn?
Chỉ ngồi thuyền to lớn
Hay đưa vô lượng chúng.
Thanh văn là bè nhỏ
Bồ-tát như thuyền to
Tu pháp đạo xong rồi
Khiến vượt biển đói khát.
Phụ vương có từng thấy
Cỡi lừa ra chiến trận
Chỉ thấy ngồi voi ngựa
Chiến đấu mà đắc thắng.
Thanh văn như xe lừa
Bồ-tát như Long tượng
Hàng ma ngồi đạo thọ
Độ vô lượng chúng sinh.
Như hư không giữa đêm
Chẳng thấy tinh tú hiện
Ví trăng tròn sáng rỡ
Chiếu khắp châu Diêm-phù.
Thanh văn như tinh tú
Bồ-tát như trăng tròn
Vì thương mến chúng sinh
Thị hiện đạo Niết-bàn.
Lửa sáng đom đóm kia
Không thể dùng làm việc
Trời, trăng chiếu Diêm-phù
Làm được mọi sự việc.
Thanh văn như lửa đóm
Chẳng được lợi ích nhiều
Phật có sáng giải thoát

Thương xót các chúng sinh.
Tiếng chồn hoang kêu la
Chẳng làm muông thú sợ
Chỉ có sư tử chúa
Gầm lên chim bay rớt.
Nên biết hàng Thanh văn
Không phát tâm Bồ-đề
Chẳng vì lợi chúng sinh
Trừ tất cả phiền não.
Vì thấy biết như vậy
Chẳng phát tâm Thanh văn
Đã phát tâm lớn rồi
Sao lại còn khởi nhỏ,
Đã được thân người tốt
Nên phát tâm Vô thượng
Cứu độ tất cả chúng
Vứt bỏ đạo Tiểu thừa.
Khéo được thân thế gian
Lại được lợi thế gian
Khéo đến tại thế gian
Mà phát tâm vô thượng,
Mong cầu đạo Vô thượng
Cứu độ các chúng sinh
Hay tự lợi, lợi tha
Người này đáng được khen,
Cũng được đời tôn trọng
Và được đạo cứu cánh
Vì thế hôm nay con
Chẳng lễ kính Thanh văn.

Vua A-xà-thế bảo Vô Úy Đức:

– Con đại ngã mạn, sao thấy đại Thanh văn lại chẳng phụng nghênh?

Vô Úy Đức tâu:

– Phụ vương chớ bảo như vậy. Phụ vương cũng ngã mạn, sao phụ vương chẳng phụng nghênh những người nghèo cùng trong thành Vương xá này?

Vua nói:

– Họ chẳng đồng hàng với ta, sao ta lại phụng nghinh?

Vô Úy Đức tâu:

– Hàng Bồ-tát mới phát tâm cũng như vậy, tất cả Thanh văn và Duyên giác chẳng đồng hàng.

Vua nói:

– Con lẽ nào không thấy các Bồ-tát lễ kính tất cả chúng sinh ư?

Vô Úy Đức nói:

– Bồ-tát vì độ các chúng sinh kiêu mạn, não hại, khiến họ phát khởi tâm hồi hướng đại đạo, nên lễ kính tất cả chúng sinh, vì tăng trưởng căn lành cho các chúng sinh mà Bồ-tát lễ kính. Nhưng nay chư Thanh văn không tâm sân hận, lại cũng chẳng tăng trưởng căn lành được. Dù trăm ngàn chư Phật vì họ mà nói diệu pháp nhưng nơi giới định, tuệ họ đã được vẫn không tăng thêm. Thanh văn như khối lưu ly, Bồ-tát như chiếc bình báu lớn. Bình nếu đã đầy lúc trời mưa không chứa thêm được một giọt. Cũng vậy, dù trăm ngàn chư Phật vì hàng Thanh văn nói diệu pháp họ cũng chẳng được lợi ích chẳng tăng thêm giới, định, tuệ, họ chẳng thể làm cho chúng sinh phát tâm đến Nhất thiết trí. Ví như biển lớn có thể nhận nước của tất cả sông và mưa mây, tại sao, vì biển lớn là cái bình vô lượng. Các Đại Bồ-tát lúc diễn thuyết pháp tùy chỗ người được nghe, được phước lợi lớn, tăng trưởng tất cả các căn lành. Vì sao? Vì các Bồ-tát là chiếc bình giảng thuyết vô biên vậy.

Vua A-xà-thế nghe Vô Úy Đức nói những lời trên thì im lặng ngồi yên.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất tự nghĩ: "Vô Úy Đức này được đại biện tài, có thể giảng thuyết vô tận như vậy, nay ta đến hỏi nàng ít lời xem nàng có đắc nhẫn chăng". Tôn giả liền đến hỏi Vô Úy Đức:

– Nay cô an trụ Thanh văn thừa ư?

Đáp:

– Không ạ.

Hỏi:

– Nay cô an trụ Duyên giác thừa ư?

Đáp:

– Không ạ.

Hỏi:

– Nay cô an trụ Đại thừa ư?

Đáp:

– Không ạ.

Hỏi:

– Nếu như vậy thì cô an trụ thừa nào mà có thể như tiếng rống sư tử?

Đáp:

– Giả sử nay tôi có thể an trụ, thì tất chẳng thể làm sư tử rống, do tôi không chỗ trụ nên tôi có thể làm sư tử rống. Nhưng Xá-lợi-phất nói an trụ thừa nào, như pháp được ngài chứng đắc, pháp ấy sao lại có thừa sai khác ư, là Thanh văn thừa, là Duyên giác thừa, là Đại thừa?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Cô nghe tôi nói, pháp tôi được chứng không có tướng thừa chẳng phải thừa sai khác, vì là nhất tướng, nghĩa là vô tướng vậy.

Vô Úy Đức hỏi:

– Nếu pháp vô tướng thì cầu thế nào được?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Pháp chư Phật cùng pháp phàm phu có tướng thắng phụ sai biệt gì?

Vô Úy Đức nói:

– Không và tịch tĩnh có sai biệt gì?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Không có sai biệt.

Vô Úy Đức nói:

– Như không và tịch tĩnh không có tướng sai biệt, pháp chư Phật cùng pháp phàm phu không có tướng thắng phụ sai biệt. Lại như hư không hay thọ các sắc mà không có sai biệt, pháp chư Phật cùng pháp phàm phu không có tướng sai biệt, cũng không có dị tướng.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Vô Úy Đức:

– Cô thấy Phật pháp cùng Thanh văn pháp có sai khác gì, mà nay cô thấy hàng đại Thanh văn, cô chẳng khởi dậy tiếp đón, chẳng nhường giường ghế?

Đồng nữ Vô Úy Đức đáp lời Tôn giả Mục-kiền-liên:

– Giả sử tinh tú đầy trời cũng chẳng chiếu sáng thế gian. Hàng Thanh văn cũng vậy, vì lúc nhập định mới có trí thấy biết, lúc chẳng nhập định thì không hay biết.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói:

– Nếu chẳng nhập định thì chẳng biết được tâm chúng sinh.

Vô Úy Đức nói:

– Đức Phật chẳng nhập định mà có thể ở trong hằng hà sa thế giới, tùy chỗ nên mà thuyết pháp độ các chúng sinh, vì khéo biết tâm họ. Đây là thắng sự của chư Phật Như Lai. Hàng Thanh văn như tinh tú ánh sáng kém yếu làm sao so sánh được.

Lại nữa, thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Tất cả Thanh văn có ai biết được bao nhiêu thế giới thành, bao nhiêu thế giới hoại chăng?

Mục-kiền-liên đáp:

– Chẳng biết được.

Đồng nữ hỏi:

– Hàng Thanh văn có ai biết được bao nhiêu chư Phật đã nhập Niết-bàn, bao nhiêu chư Phật vị lai sẽ nhập và bao nhiêu chư Phật hiện tại nay nhập Niết-bàn chăng?

Mục-kiền-liên đáp:

– Chẳng biết được.

Đồng nữ hỏi:

– Hàng Thanh văn có ai biết được bao nhiêu chúng sinh nhiều tham dục, bao nhiêu chúng sinh nhiều sân hận, bao nhiêu chúng sinh nhiều ngu si và bao nhiêu chúng sinh nhiều đẳng phần chăng?

Mục-kiền-liên đáp:

– Chẳng biết được.

Đồng nữ hỏi:

– Hàng Thanh văn có ai biết được bao nhiêu chúng sinh thọ Thanh văn thừa, bao nhiêu chúng sinh thọ Duyên giác thừa và bao nhiêu chúng sinh thọ Phật thừa chăng?

Mục-kiền-liên đáp:

– Chẳng biết được.

Đồng nữ hỏi:

– Hàng Thanh văn có ai biết được bao nhiêu chúng sinh được Thanh văn độ, bao nhiêu chúng sinh được Duyên giác độ và bao nhiêu chúng sinh được chư Phật độ được chăng?

Mục-kiền-liên đáp:

– Chẳng biết được.

Đồng nữ hỏi:

– Hàng Thanh văn có ai biết được bao nhiêu chúng sinh tại định tụ? Bậc Chánh Kiến này có biết có bao nhiêu chúng sinh tại tà định tụ chăng?

Mục-kiền-liên đáp:

– Chẳng biết được.

Vô Úy Đức nói với Tôn giả Mục-kiền-liên:

– Này Đại Mục-kiền-liên! Chỉ có Đức Như Lai Chánh Chân Chánh Giác khéo biết như thật chúng sinh giới, mà vì họ thuyết pháp. Sự việc như vậy chẳng phải cảnh giới Thanh văn, Duyên giác huống là các chúng sinh khác. Nên biết đây là sự việc thù thắng của Đức Như Lai, vì Đức Như Lai có đủ Nhất thiết trí. Tất cả Thanh văn và Duyên giác không có được.

Thưa Đại Mục-kiền-liên! Đức Thế Tôn thọ ký ngài là thần thông đệ nhất, thần thông của ngài có thể đến thế giới Hương tượng, biết trong thế giới ấy tất cả các cây đều sản xuất hương chiên-đàn thượng diệu chăng?

Tôn giả đáp:

– Nay tôi mới nghe tên thế giới ấy thì làm sao có thể đến đó được. Đức Phật tại đó hiệu là gì?

Vô Úy Đức nói:

– Đức Phật hiệu Phóng Hương Quang Minh Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác trụ tại thế giới ấy thuyết pháp.

Tôn giả hỏi:

– Làm thế nào được thấy Đức Phật ấy?

Vô Úy Đức chẳng rời chỗ ngồi chẳng động oai nghi mà thệ nguyện rằng: "Nếu Bồ-tát lúc mới phát tâm có thể hơn hàng Thanh văn và Duyên giác, nguyện Đức Phóng Hương Quang Minh Như Lai hiện thân nơi đây, cũng khiến hàng Thanh văn, Duyên giác thấy thế giới Hương tượng và ngửi mùi cây hương chiên-đàn thượng diệu".

Vô Úy Đức phát thệ nguyện xong, Đức Phóng Hương Quang Minh Như Lai từ nơi thân phóng quang. Do Đức Phật ấy phóng quang nên chư Thanh văn đây đều được thấy thế giới Hương Tượng và Đức Phật có chúng Bồ-tát vây quanh, lưới báu che giăng, Đức Phật ấy vì chúng mà thuyết pháp. Do thần lực của Đức Phật ấy nên đại chúng đây còn được ngửi hơi hương chiên-đàn thượng diệu của cây ở thế giới.

Bấy giờ Đức Phật Phóng Hương Quang Minh nói rằng:

– Đúng như vậy! Như lời nói của Vô Úy Đức, Bồ-tát lúc mới phát tâm đã hơn cảnh giới hàng Thanh văn và Duyên giác.

Lúc ấy tại núi Kỳ-xà-quật, Bồ-tát Di-lặc bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Hương thơm vi diệu này từ đâu đến?

Đức Phật nói:

– Này Di-lặc! Vô Úy Đức cùng chư Thanh văn luận nghị như pháp và phát thệ nguyện. Đức Phóng Hương Quang Minh dùng thần lực hiện thân và thế giới Hương tượng cùng hơi hương cây chiên-đàn, nên mùi hương thượng diệu ấy khắp cõi tam thiên đại thiên này.

Vô Úy Đức bảo Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

– Nếu đã thấy các công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn như vậy mà còn có thể phát tâm Thanh văn Tiểu thừa hẹp kém chỉ tự độ, thì nên biết là căn lành rất nhỏ ít. Ai là người đã thấy sự việc Bồ-tát thành tựu vô lượng công đức mà chẳng phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Ngài có biết thế giới Hương tượng ấy cách đây bao nhiêu chăng?

Tôn giả đáp:

– Chẳng biết.

Vô Úy Đức nói:

– Ngài dùng thần thông trải qua trăm ngàn kiếp cũng không thể biết không thể thấy thế giới ấy. Như tất cả tre lau lùm rừng cõi này làm con số không thể tính đếm, qua khỏi các Phật thế giới như số trên đây mới có thế giới Hương tượng ấy.

Bấy giờ Đức Phật ấy thâu nhiếp quang minh, thế giới Hương tượng ấy và chúng Bồ-tát bỗng chẳng còn hiện.

Tôn giả Đại Ca-diếp nói với Vô Úy Đức rằng:

– Cô đã từng thấy thế giới Hương tượng và Đức Phóng Hương Quang Minh Như Lai rồi phải chăng?

Vô Úy Đức nói:

– Thưa ngài Ca-diếp! Như Lai có thể thấy được chăng? Như lời Phật dạy: "Nếu dùng sắc thấy ta và dùng âm thanh cầu ta, người ấy đều hành đạo tà chẳng thấy được Như Lai". Vì thân chư Như Lai là pháp thân, pháp chẳng thấy nghe thì sao thấy nghe được. Tùy phương tiện nào mà chúng sinh thích hợp thì Phật vì họ mà thị hiện, thân Phật không chướng ngại vì an trụ phương tiện. Nhưng ngài Đại Ca-diếp hỏi tôi có thấy Đức Phật và thế giới ấy chăng? Thưa ngài Đại Ca-diếp! Tôi thấy Đức Phật ấy chẳng phải thấy bằng Nhục nhãn vì chẳng phải là sắc được thấy bởi Nhục nhãn; chẳng phải thấy bằng Thiên nhãn vì không có thọ; chẳng phải thấy bằng Tuệ nhãn vì rời lìa tưởng tướng; chẳng phải thấy bằng Pháp nhãn vì rời lìa các hành; chẳng phải thấy bằng Phật nhãn vì rời lìa thức thấy vậy. Thưa ngài Ca-diếp! Tôi thấy Đức Như Lai cũng như chỗ thấy của Tôn giả Ca-diếp vì đã diệt trừ tâm vô minh ái kiến vậy.

Thưa ngài Đại Ca-diếp! Tôi thấy Đức Phật ấy cũng như chỗ thấy của Tôn giả Đại Ca-diếp. Lại cũng còn thấy ngã, ngã sở…

Tôn giả hỏi:

– Nếu pháp không hoàn toàn tại sao phát khởi vô minh ái và tướng ngã ngã sở, vì tất cả chúng sinh chẳng thấy được vậy?

Vô Úy Đức nói:

– Thưa ngài Đại Ca-diếp! Tất cả pháp không có hẳn thì nó được thấy thế nào?

Tôn giả nói:

– Nếu tất cả Phật pháp cứu cánh là không có, thì được thấy thế nào?

Vô Úy Đức nói:

– Thưa ngài Đại Ca-diếp! Ngài có thấy Phật, Pháp, Tăng trưởng nghĩa chăng?

Tôn giả nói:

– Tôi còn chẳng biết phàm phu pháp huống nữa là Phật pháp.

Vô Úy Đức nói:

– Vì thế nên, Thưa ngài Đại Ca-diếp! Pháp ấy chẳng thành tựu thì thế nào có đứt nối mà người chẳng chứng kia thấy. Thưa ngài Đại Ca-diếp! Các pháp không có hẳn, chẳng biện bày được, vì thế nên tất cả pháp đều không. Nếu bản pháp không có thì thế nào thấy được pháp giới thanh tịnh ấy. Thưa ngài Đại Ca-diếp! Nếu ai muốn thấy tịnh pháp này của Như Lai, thì thiện nam, thiện nữ ấy phải tịnh tự tâm.

Tôn giả hỏi Vô Úy Đức:

– Thế nào khéo tịnh tự tâm?

Vô Úy Đức nói:

– Như tự thân chân như và tất cả pháp chân như, nếu tin nơi ấy chẳng tạo tác chẳng quên mất, thấy như vậy thì tự tâm thanh tịnh.

Tôn giả hỏi:

– Tự tâm lấy gì làm thể?

Vô Úy Đức nói:

– Lấy không làm thể. Nếu chứng không ấy thì tin tự thân không, vì tin tự thân không nên tin chân như không, vì tất cả pháp tánh tịch tĩnh vậy.

Tôn giả hỏi:

– Cô theo Đức Phật nào nghe pháp như vậy mà được chánh kiến. Như Phật từng dạy: Người phát chánh kiến có hai nhân duyên: Một là nghe pháp

nơi người, hai là tự tư duy trong nội tại.

Vô Úy Đức nói:

– Nhờ âm thanh ngoài mà có nghe, vì nghe âm thanh ngoài nên sau đó nội tư duy. Thưa ngài Đại Ca-diếp! Bồ-tát Đại sĩ chẳng nhờ người nói chẳng mượn âm thanh sao lại bảo là an trụ nội tư duy.

Tôn giả nói:

– Vì cô theo pháp được nghe mà quan sát nên gọi là quán hạnh.

Tôn giả lại hỏi Vô Úy Đức:

– Thế nào là Bồ-tát tự nội tư duy?

Vô Úy Đức nói:

– Thưa ngài Đại Ca-diếp! Nếu cùng các Bồ-tát thuyết pháp đồng sự mà chẳng phát khởi tướng chúng sinh. Bồ-tát nội quán như vậy thì gọi là thành tựu nội quán. Thưa ngài Đại Ca-diếp! Tất cả các pháp đầy đủ đoạn đầu, giữa, rốt sau, vì tất cả pháp lấy chân như làm thể. Vì tất cả pháp hiện tại chân như thể vậy. Nếu quán như vậy, Bồ-tát này gọi là thành tựu nội quán.

Tôn giả nói:

– Cô an trụ các pháp ấy thế nào?

Vô Úy Đức nói:

– Phải làm như chân như ấy thấy không trói buộc, không giải thoát.

Tôn giả nói:

– Thấy thế nào thì gọi là Chánh kiến?

Vô Úy Đức nói:

– Nếu xa lìa sự thấy hai bên, chẳng làm, chẳng phải chẳng làm, thấy mà chẳng thấy như vậy thì gọi là Chánh kiến. Thưa ngài Đại Ca-diếp! Pháp ấy chỉ có danh tự, mà vì lìa danh tự, vì vĩnh viễn chẳng chứng.

Tôn giả lại hỏi:

– Thế nào được tự thấy?

Vô Úy Đức nói:

– Như chỗ thấy của Đại Ca-diếp.

Tôn giả nói:

– Tôi chẳng thấy tự thân và ngã sở?

Vô Úy Đức nói:

– Phải nên thấy tất cả pháp như vậy, vì không có ngã và ngã sở vậy.

Lúc Vô Úy Đức nói pháp ấy, Tôn giả Tu-bồ-đề lòng rất vui mừng mà nói với Vô Úy Đức rằng:

– Cô khéo được lợi lành mà hay thành tựu biện tài ấy.

Vô Úy Đức nói:

– Thưa ngài Tu-bồ-đề! Pháp có được, có chẳng được mà có thể cầu ư, sao ngài bảo tôi khéo được biện tài. Tôi có biện thuyết này: Nếu tôi nói không có chỗ hiểu biết hoặc nội, hoặc ngoại thì là có biện tài.

Tôn giả hỏi:

– Cô chứng được gì, đắc pháp gì mà có diệu biện như vậy?

Vô Úy Đức nói:

– Vì chẳng tự biết vì chẳng từ người mà biết, chẳng thấy có tướng sai khác về pháp thiện, pháp bất thiện, biết pháp như vầy: chẳng thấy nhiễm tịnh, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, thế gian, xuất thế gian và pháp phàm phu, vì pháp thể ấy chẳng thể thấy vậy, là Phật pháp, mà đắc Phật pháp, chẳng thấy Phật pháp. Thưa ngài Tu-bồ-đề! Nếu không chỗ biết thấy như vậy thì có biện tài này.

Tôn giả hỏi:

– Thế nào là biện tài?

Vô Úy Đức nói:

– Thưa ngài Tu-bồ-đề! Như chỗ sở đắc tịch diệt của ngài.

Vô Úy Đức nói với Tôn giả Tu-bồ-đề:

– Như pháp thể ấy không nghe không được mà có chỗ nói.

Vô Úy Đức hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

– Thưa ngài Tu-bồ-đề! Pháp thể trụ được chăng, lại có thể tăng giảm chăng mà có biện tài như vậy?

Tôn giả nói:

– Nếu chứng vô lậu và pháp không có sai biệt không có biện thuyết, vì pháp không có sai biệt không có biện thuyết, vì pháp thể ấy chẳng thể nói được vậy.

Vô Úy Đức nói:

– Thưa ngài Tu-bồ-đề! Ở nơi tất cả pháp sao ngài lại sinh niệm rằng được lợi lành, được biện tài như vậy?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

– Cô do được biện tài mà nói hay chẳng được biện tài mà nói?

Vô Úy Đức nói:

– Thưa ngài Tu-bồ-đề! Ngài có tin lời Đức Phật dạy tất cả các pháp như âm hưởng chăng?

Tôn giả nói:

– Tôi tin sự ấy.

Vô Úy Đức nói:

– Âm hưởng ấy là có hay không có biện tài?

Tôn giả nói:

– Do nơi nội thanh mà có ngoại hưởng.

Vô Úy Đức nói:

– Thưa ngài Tu-bồ-đề! Do vì có thanh mà có hưởng ấy, hưởng ấy mà có thì là tánh tướng gì? Nhưng hưởng ấy không có tánh tướng. Vì sao? Vì nếu do duyên sinh thì hưởng ấy không có nghĩa sinh.

Tôn giả nói:

– Tất cả pháp duyên sinh.

Vô Úy Đức nói:

– Thưa ngài Tu-bồ-đề! Tất cả pháp thể tánh chẳng sinh.

Tôn giả nói:

– Nếu tất cả pháp thể tánh cứu cánh không có như vậy, sao Đức Như Lai dạy rằng hằng hà sa chư Phật sẽ thành Chánh giác?

Vô Úy Đức nói:

– Thưa ngài Tu-bồ-đề! Pháp giới là có thể sinh được chăng?

Tôn giả nói:

– Chẳng thể sinh được?

Vô Úy Đức nói:

– Tất cả chư Phật Như Lai đều là pháp giới tánh tướng.

Tôn giả nói:

– Chẳng thấy tất cả pháp giới vậy.

Vô Úy Đức nói:

– Bao nhiêu lời được nói, ngôn ngữ vô tánh, mà nói hằng hà sa chư Phật sẽ thành Chánh giác, lời nói này có nghĩa gì. Vì sao? Vì pháp giới bất sinh, bất diệt nên tất cả thuyết chẳng phải thuyết vì cứu cánh thanh tịnh vậy. Vì kia chẳng phải sự chẳng thể giảng thuyết được, rời lìa nơi thực tế.

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

– Rất lạ! Vô Úy Đức là cô gái tại gia mà hay thiện xảo thuyết pháp,

lại có biện tài vô tận như vậy!

Vô Úy Đức nói:

– Thưa ngài Tu-bồ-đề! Các Bồ-tát không có giữ lấy hay chẳng giữ lấy, nghe hay chẳng nghe hoặc tại gia hoặc xuất gia mà có biện tài. Vì sao? Vì tâm thanh tịnh vậy. Do tâm tịnh nên trí hiển, do trí hiển nên hiểu biện tài.

Vô Úy Đức bảo Tôn giả Tu-bồ-đề rằng:

– Nay nên khéo nói hạnh của Bồ-tát.

Tôn giả nói:

– Cô nói đi, tôi lắng nghe.

Vô Úy Đức nói:

– Bồ-tát thành tựu tám thứ pháp hạnh nên chẳng được nói là tại gia, xuất gia. Những gì là tám?

1. Bồ-tát được tâm thanh tịnh quyết định tin Bồ-đề.

2. Bồ-tát thành tựu đại Từ, đại Bi nên chẳng bỏ chúng sinh.

3. Vì thành tựu đại Từ bi nên thiện xảo tất cả sự thế gian.

4. Hay xả bỏ thân mạng chi phần và thành tựu phương tiện thiện xảo.

5. Thiện xảo vô lượng phát nguyện.

6. Thành tựu Bát-nhã ba-la-mật-đa hạnh vì xa lìa tất cả kiến chấp.

7. Đại dũng mãnh tinh tấn vì tu các thiện nghiệp mà không chán đủ vậy.

8. Được vô ngại trí vì được Vô sinh pháp nhẫn vậy.

Thưa ngài Tu-bồ-đề! Các Bồ-tát do thành tựu tám pháp như vậy nên chẳng được gọi là tại gia hay xuất gia, tùy theo oai nghi nào cũng an trụ trong Bồ-đề không hề chướng ngại.

Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la bảo Vô Úy Đức rằng:

– Lời nói ấy là giảng thuyết bất tịnh. Cô mang guốc báu ngồi tòa cao mà luận nghị qua lại cùng các đại Thanh văn. Cô lẽ nào chẳng nghe Đức Phật dạy rằng: "Là người bất tịnh thì chẳng được thuyết pháp và cũng chẳng được thuyết pháp cho người ngồi tòa cao ư?"

Vô Úy Đức nói:

– Thưa ngài La-hầu-la! Ngài có thật biết tịnh và bất tịnh chăng? Thưa ngài La-hầu-la! Thế gian này là tịnh chăng?

Tôn giả nói:

– Không tịnh chẳng tịnh.

Vô Úy Đức nói:

– Như Lai chế giới theo đó mà thọ hành rồi phạm giới đó là tịnh và bất tịnh. Nếu lại có người chẳng phạm giới đó là chẳng phải tịnh và bất tịnh.

Thưa ngài La-hầu-la! Thôi đi chớ có nói như vậy. Nếu người y như thuyết pháp y như chế giới mà tu hành, thì người ấy nói bất tịnh. Nhưng vì người ấy chứng được pháp vô lậu, thì người ấy không có phạm và chẳng phạm nên cũng không có tịnh bất tịnh và bất tịnh. Vì sao? Vì chư đại Thanh văn đã vượt qua các văn thuyết pháp của bậc Hữu học đến trong ba cõi nên vì họ thuyết pháp, vì họ chế giới. Như các đại Thanh văn ấy đã vượt qua ba cõi. Do đây nên nói qua hay chẳng qua ba cõi.

Do vì họ chẳng biết được giới nên nói tịnh và bất tịnh. Như hư không chỉ có giảng thuyết duy trí lực thấy biết, thế nên được nói tịnh và bất tịnh.

Tôn giả La-hầu-la hỏi:

– Tịnh và bất tịnh có sai biệt gì?

Vô Úy Đức nói:

– Ví như vàng thật rời lìa hẳn cấu uế làm những đồ trang sức và chẳng làm, màu sắc vàng thật có sai biệt gì?

Tôn giả nói:

– Không có sai biệt.

Vô Úy Đức nói:

– Tịnh cùng bất tịnh chỉ có văn tự thuyết pháp để làm sai biệt mà không có sai biệt gì khác. Vì sao? Vì tất cả pháp tánh lìa tất cả cấu uế không nhiễm không trước vậy.

Thưa ngài La-hầu-la, người ngồi tòa cao rộng chẳng nên thuyết pháp. Bồ-tát ngồi tòa trải có hơn người ngồi tòa cao hơn cả đại Thanh văn ngồi tại Phạm thiên.

Tôn giả nói:

– Cô nói vậy là có nghĩa gì?

Vô Úy Đức nói:

– Thưa ngài La-vân! Ngài có thấy Bồ-tát ngồi trên tòa gì mà thành Vô thượng Bồ-đề chăng?

Tôn giả nói:

– Ngồi trên tòa cỏ.

Vô Úy Đức nói:

– Bồ-tát ngồi tòa cỏ mà trong đại thiên thế giới tất cả Phạm thiên, Đế Thích, Tứ Thiên vương cùng chư Thiên tử cho đến trời Sắc cứu cánh đều đến đảnh lễ chắp tay lạy ngang chân Bồ-tát.

Tôn giả nói:

– Đúng như vậy.

Vô Úy Đức nói:

– Do thành tựu pháp như vậy mà Bồ-tát ngồi tòa cỏ hơn người ngồi tòa cao rộng lớn, hơn đại Thanh văn ở tại Phạm thiên.

Vua A-xà-thế bảo Vô Úy Đức rằng:

– Con lẽ nào chẳng biết Tôn giả La-hầu-la đây là con trai của Đức Thích-ca Như Lai ở trong hàng học giới là tối đệ nhất ư?

Vô Úy Đức nói:

– Phụ vương chớ nói như vậy. Phụ vương có thấy nghe sư tử chúa sinh con là chồn hoang chăng?

Vua nói:

– Không hề thấy.

Vô Úy Đức nói:

– Phụ vương có thấy có nghe Chuyển luân thánh vương lễ kính các Tiểu vương chăng?

Vua nói:

– Không có.

Vô Úy Đức nói:

– Đúng vậy. Như Lai Sư Tử Vương chuyển đại pháp luân chư Thanh văn cung kính vây quanh.

Nếu y chánh pháp thì ai là chân tử của Đức Như Lai? Thì nên đáp rằng chính là các Bồ-tát. Vì thế chẳng nên nói Đức Như Lai có con hay Đức Như Lai không con.

Nếu nói Đức Như Lai có chân tử thì nên nói ai phát tâm Vô thượng Bồ-đề là chân tử của Đức Như Lai.

Lúc nói pháp trên đây, trong cung vua A-xà-thế có hai vạn nữ nhân phát tâm Bồ-đề, hai vạn Thiên tử đầy đủ pháp ấy nghe Vô Úy Đức sư tử hống rồi, đều phát tâm Bồ-đề.

Vua A-xà-thế lại nói:

– Đây là con trai của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại lìa hẳn phiền não học giới Thanh văn, thế nào chẳng phải chân tử?

Chư Thiên vì cúng dường Vô Úy Đức nên rải hoa lên Đức Phật khắp thành Vương xá.

Bấy giờ Vô Úy Đức rời tòa ngồi đến lễ kính các đại Thanh văn rồi dâng cúng các thực phẩm đúng như pháp. Cúng dường xong, Vô Úy Đức bạch rằng:

– Chẳng biết chư Tôn giả đại Thanh văn cớ chi sáng sớm rời xa Đức Phật mà đến chốn này, phải nên nghe Đức Phật thuyết pháp rồi sẽ đi khất thực. Chư Tôn giả về đi, trong giây lát đây tôi sẽ đến chỗ Đức Phật.

Vô Úy Đức cùng phụ vương A-xà-thế và vương mẫu vô lượng nhân chúng vây quanh ra khỏi thành đến chỗ Đức Phật, cùng đảnh lễ chân Phật rồi ngồi một bên.

Các Thanh văn ấy cũng đến lễ chân Phật rồi ngồi qua một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất tác lễ bạch rằng:

– Bạch Thế Tôn! Vô Úy Đức, cô gái nhỏ đây rất kỳ lạ, được phước lợi rất lớn.

Đức Phật dạy:

– Này Xá-lợi-phất! Vô Úy Đức đây đã ở nơi chín mươi ức Phật quá khứ, phát tâm Bồ-đề vun trồng căn lành để cầu vô thượng Phật đạo.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch rằng:

– Bạch Thế Tôn! Vô Úy Đức đây có thể chuyển thân nữ ấy chăng?

Đức Phật dạy:

– Này Xá-lợi-phất! Ông thấy Vô Úy Đức là nữ nhân ư? Ông chớ có thấy như vậy. Vì sao? Vì Bồ-tát này phát nguyện lực mà thị hiện thân nữ nhân để độ chúng sinh.

Vô Úy Đức phát thệ rằng:

– Nếu tất cả pháp chân thật, chẳng phải nam, chẳng phải nữ thì khiến nay tôi hiện thân trượng phu cho tất cả đại chúng được thấy.

Thệ xong, liền diệt tướng nữ hiện thân trượng phu, bay lên hư không cao bằng bảy cây Đa-la rồi dừng ở tại đó không xuống.

Đức Phật dạy:

– Này Xá-lợi-phất! Ông có thấy Bồ-tát Vô Úy Đức trụ tại hư không chẳng xuống ấy chăng?

Tôn giả bạch:

– Bạch Thế Tôn! Con đã thấy.

Đức Phật dạy:

– Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát Vô Úy Đức này trải qua bảy ngàn a-tăng-kỳ kiếp được thành Chánh giác hiệu Ly Cấu Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, thế giới tên Quang minh, Đức Phật ấy thọ trăm kiếp, chánh pháp trụ thế mười kiếp, thuần Bồ-tát Tăng ba vạn không thoái chuyển Bồ-tát, thế giới ấy đất bằng lưu ly thanh tịnh, đường sá tám hướng trang nghiêm phủ bởi hoa sen báu, không có tên các ác đạo, trời, người đông đầy thọ diệu lạc và thắng pháp vị như trời Đâu-suất.

Mẹ của Vô Úy Đức là Nguyệt Quang phu nhân cùng vua A-xà-thế đồng chắp tay hướng Phật bạch rằng:

– Bạch Thế Tôn! Con được đại lợi, chín tháng hoài thai người con này, nay đại Sư tử hống như vậy. Nay tôi đem căn lành ấy hồi hướng Vô thượng Bồ-đề, sau này tại thế giới Quang minh của Phật Ly Cấu, con sẽ thành đạo Vô thượng Chánh chân Chánh giác.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Này Xá-lợi-phất! Nguyệt Quang phu nhân đây sau khi xả thân người, sẽ sinh làm Thiên tử trời Đao-lợi hiệu là Quang Minh Tăng Thượng. Lúc Phật Di-lặc xuất thế sẽ là con trai lớn của đại vương thời ấy, cúng dường Phật Di-lặc rồi xuất gia, hay ghi nhớ thọ trì tất cả pháp của Phật Di-lặc tuyên thuyết. Từ đó tuần tự gặp chư Phật Hiền kiếp và đều cúng dường. Đến thời kỳ Phật Ly Cấu xuất thế, sẽ hiện thân làm đại vương hiệu Trì Địa có đủ bảy báu cúng dường Đức Ly Cấu Như Lai, sau đó thành Phật hiệu Biến Quang Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, thành tựu thế giới trang nghiêm như thế giới Quang minh của Phật Ly Cấu.

Nghe Đức Phật thọ ký, Nguyệt Quang phu nhân vui mừng hớn hở, liền cởi chuỗi báu anh lạc giá trị trăm ngàn lượng vàng dâng lên cúng dường Đức Phật, xin phép vua A-xà-thế, rồi xuất gia thọ đủ năm trăm chánh giới tu tập phạm hạnh.

Bồ-tát Vô Úy Đức ở trước Đức Phật bạch rằng:

– Do nhân duyên sức thệ nguyện này khiến thuở vị lai lúc con thành Phật, chúng Bồ-tát đều mặc pháp phục tất cả hóa sinh. Nếu thệ nguyện trên đây không hư dối, thì khiến nay con sẽ hiện thân như niên thiếu Tỳ-kheo tám lạp.

Phát nguyện xong, Bồ-tát Vô Úy Đức liền hiện thân mặc pháp phục thành Tỳ-kheo đầy đủ oai nghi.

Vô Úy Đức Bồ-tát nói với phụ vương A-xà-thế rằng:

– Tâu phụ vương! Tất cả các pháp đều như vậy, tức thì bỗng hóa sinh tướng rời các tướng được phân biệt sinh khởi, không các điên đảo. Tâu phụ

vương, lại liền bây giờ hiện trở lại thân nữ nhân, phụ vương có thấy chăng?

Vua nói:

– Đã thấy. Nhưng ta chẳng phải do tướng sắc thân để thấy. Nay ta thấy hiện thân Tỳ-kheo rồi lại thấy thân nữ nhân trở lại.

Đức Phật hỏi vua:

– Này đại vương! Thân nào là thực? Đại vương phải nên học như vậy an trụ chánh kiến đối với tất cả pháp. Các chúng sinh vì bị phiền não thiêu đốt nên chẳng đạt pháp lực. Vì chẳng đạt nên chẳng phải chỗ nghi mà sinh lòng nghi hối. Phải nên thường thân cận Như Lai và Đồng tử Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, vì do sức oai đức của Bồ-tát ấy mà khiến cho đại vương được nhận sự hối quá.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Này A-nan! Ông thọ trì pháp môn Bồ-tát Vô Úy Đức thọ ký này đọc tụng chớ quên.

Này A-nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ đầy đủ bảy báu đem cúng thí chư Phật Như Lai đầy khắp đại thiên thế giới, được công đức không bằng có người hay thọ trì một câu một kệ pháp môn này, huống là người thọ trì đủ hoặc đọc hoặc tụng rộng vì người giảng nói và như pháp tu hành.

Đức Phật Thế Tôn nói kinh này rồi, phu nhân Nguyệt Quang, mẹ của Vô Úy Đức, cùng chúng Trời, Rồng, A-tu-la,… nghe Đức Phật dạy xong, đều rất vui mừng tín thọ phụng hành.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 100

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Thanh Tín
Sĩ Nhiếp Đạo Chân.

PHÁP HỘI 33: BỒ-TÁT VÔ CẤU THÍ ỨNG HIỆN

Phẩm 1: TỰA

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở nước Xá-vệ tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, cùng với một trăm vị đại Tỳ-kheo đều đến hội họp. Những vị đó đều là A-la-hán, các lậu đã hết không còn phiền não, ở trong các pháp đều được tự tại, chỗ nên làm đã làm xong, xả bỏ gánh nặng, đã được tự lợi, hết kiết sử ba cõi, được chánh tri giải thoát, tâm thiện giải thoát, tuệ thiện giải thoát, tâm điều phục như đại tượng vương, tâm được tự tại, đến bờ giải thoát, nhập được tám giải thoát, chỉ trừ một mình ngài A-nan.

Lại có các Đại Bồ-tát đều là những bậc đại trang nghiêm được mọi người biết, họ là những bậc không thoái chuyển được Nhất sinh bổ xứ. Các vị hiệu là Bồ-tát Bảo Thủ, Bồ-tát Đức Tạng, Bồ-tát Tuệ Nghiêm, Bồ-tát Xứng Ý, Bồ-tát Quán Thế Âm, Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử, Duyệt Âm Pháp vương tử, Bất Tư Nghị Giải Thoát Hạnh Pháp vương tử, Tư Duy Chư Pháp Vô Chướng Ngại Pháp vương tử, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Thí Vô Ưu, Bồ-tát Vô Si Kiến, Bồ-tát Ly Ác Thú, Bồ-tát Vô Si Hành, Bồ-tát Đoạn U Minh, Bồ-tát Trừ Chư Cái, Bồ-tát Biện Nghiêm, Bồ-tát Bảo Đức Trí Oai, Bồ-tát Kim Hoa Quang Minh Đức, Bồ-tát Tứ Vô Ngại, một vạn hai ngàn Đại Bồ-tát như vậy cùng hội họp.

Sáng sớm tám Đại Bồ-tát và tám đại Thanh văn: Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử, Bồ-tát Vô Si Kiến, Bồ-tát Bảo Tướng, Bồ-tát Ly Ác Thú, Bồ-tát Trừ Chư Cái, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Biện Nghiêm, Bồ-tát Vô Si Hành, Đại đức Xá-lợi-phất, Đại đức Đại Mục-kiền-liên, Đại đức Ma-ha Ca-diếp, Đại đức Tu-bồ-đề, Đại đức Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, Đại đức Ly Việt, Đại đức A-na-luật và Đại đức A-nan, các vị đắp y cầm bát muốn vào

thành Xá-vệ khất thực. Giữa đường các vị tự nghĩ và cùng tuyên bố.

Đại đức Xá-lợi-phất nói:

– Tôi sẽ nhập định như vậy, rồi đến thành Xá-vệ khất thực, nguyện tất cả chúng sinh trong thành được nghe bốn Thánh đế.

Đại đức Đại Mục-kiền-liên nói:

– Tôi sẽ nhập định như vậy, rồi đến thành Xá-vệ khất thực, nguyện tất cả chúng sinh trong thành xa lìa ma sự.

Đại đức Ma-ha Ca-diếp nói:

– Tôi sẽ nhập định như vậy rồi đến thành Xá-vệ khất thực nguyện cho người cúng thí tôi được phước báo vô tận dẫn đến chứng đắc Niết-bàn.

Đại đức Tu-bồ-đề nói:

– Tôi sẽ nhập định như vậy, rồi đến thành Xá-vệ khất thực, nguyện cho chúng sinh nào thấy tôi, thì sẽ được thọ hưởng khoái lạc trong loài người hay trên cõi trời được dứt hết khổ tế vi.

Đại đức Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử nói:

– Tôi sẽ nhập định như vậy, rồi đến thành Xá-vệ khất thực, nguyện cho trong thành tất cả ngoại đạo, Phạm chí, Ni-kiền Tử… đều được chánh kiến.

Đại đức Ly Việt nói:

– Tôi sẽ nhập định như vậy, rồi đến thành Xá-vệ khất thực, nguyện trong thành tất cả chúng sinh được sự vui vô tránh.

Đại đức A-na-luật nói:

– Tôi sẽ nhập định như vậy, rồi đến thành Xá-vệ khất thực, nguyện trong thành tất cả chúng sinh biết được nghiệp báo đời trước.

Đại đức A-nan nói:

– Tôi sẽ nhập định như vậy, rồi đến thành Xá-vệ khất thực, nguyện cho trong thành tất cả chúng sinh với pháp đã được nghe đều hiện ra trước mắt.

Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử khởi ý nghĩ nói:

– Tôi sẽ khiến trong thành Xá-vệ tất cả nhà cửa, tường vách, khí vật, cây cối, nhánh lá, bông trái, y phục, anh lạc đều phát xuất tiếng Không, Vô tướng, Vô nguyện, không sở hữu, không có ngã, không hý luận, không tánh.

Bồ-tát Vô Si Kiến khởi ý nghĩ nói:

– Tôi sẽ khiến trong thành Xá-vệ, những chúng sinh đáng được Vô

thượng Bồ-đề, thấy vật gì đều biến thành tượng Như Lai và khiến họ quyết định nơi Vô thượng Bồ-đề.

Bồ-tát Bảo Tướng khởi ý nghĩ nói:

– Tôi sẽ khiến trong thành Xá-vệ trong tất cả nhà cửa của các tộc tánh, bảo tàng đầy đủ bảy báu từ đất hiện ra.

Bồ-tát Ly Ác Thú khởi ý nghĩ nói:

– Tôi sẽ khiến trong thành Xá-vệ, những chúng sinh đáng phải đọa ác đạo đều làm cho hiện đời chịu tội nhẹ mau thoát khổ não.

Bồ-tát Trừ Chư Cái khởi ý nghĩ nói:

– Tôi sẽ khiến trong thành Xá-vệ, chúng sinh trừ hết năm thứ ngăn che.

Bồ-tát Quán Thế Âm khởi ý nghĩ nói:

– Tôi sẽ khiến trong thành Xá-vệ, chúng sinh bị tù giam xiềng xích mau được thoát khỏi, kẻ sắp bị giết sẽ được cứu mạng, kẻ bị khủng bố liền được không sợ hãi.

Bồ-tát Khởi Biện Nghiêm khởi ý nghĩ nói:

– Tôi sẽ khiến trong thành Xá-vệ, ai thấy tôi đều được biện tài dùng diệu kệ vấn đáp nhau.

Bồ-tát Vô Si Hành khởi ý nghĩ nói:

– Tôi sẽ khiến trong thành Xá-vệ, ai thấy tôi đều được trí sáng không tà kiến và quyết định nơi Vô thượng Bồ-đề. Tám Đại Bồ-tát và tám đại Thanh văn cùng luận sự việc như trên, rồi đến cửa thành Xá-vệ.

Bấy giờ Vô Cấu Thí, con gái vua Ba-tư-nặc lên tám tuổi dung mạo xinh đẹp đoan nghiêm, nhằm mùng tám tháng hai sau Phật xuất hiện, cùng với năm trăm Bà-la-môn cầm bình đầy nước ra khỏi thành để tắm gội Thiên tượng. Các vị Bà-la-môn thấy các Tỳ-kheo đứng ngoài cửa thành, họ cho là chẳng tốt, vị trưởng túc Bà-la-môn, một trăm hai mươi tuổi, tên Phạm Thiên bảo Vô Cấu Thí nói rằng:

– Nay các Tỳ-kheo đứng ngoài cửa thành là việc chẳng lành, chúng ta trở vào thành chẳng nên gặp họ. Nếu gặp họ thì sự tế tự đáng lẽ lành tốt lợi ích thì nay sẽ thành chẳng tốt chẳng lành vậy.

Vô Cấu Thí liền nói kệ đáp Bà-la-môn rằng:

Tỳ-kheo không ái nhiễm
Đệ nhất đáng khen ngợi
Hay vì các chúng sinh
Rửa trừ tất cả ác.

Các vị đây thanh tịnh
Đều thấy bốn Thánh đế
Ngoại đạo chẳng thanh tịnh
Bị si tối che đậy.
Ruộng phước Lưỡng Túc Tôn
Cúng thí được báo lớn
Gieo giống vào ruộng này
Hưởng phước lạc vô tận.
Đầy đủ tịnh giới hạnh
Ra khỏi bùn không nhiễm
Ở đời như lương y
Cứu trị bệnh chúng sinh .
Phật tối thắng trong đời
Là vua của các pháp
Chúng đây là Phật tử
Đã thành A-la-hán,
Thực hành Bồ-tát đạo
Người đời nên khen ngợi
Trí tuệ hành diệu hạnh
Nên gần sao lại tránh?
Chúng đây là Tuệ nhãn
Lâu xa thường bố thí
Phạm chí kính chúng đây
Các sự quyết định tốt,
Khen chúng đủ tướng này
Tâm tịnh ruộng phước tốt
Phạm chí nếu tin được
Vui mừng không lo khổ.

Các Phạm chí nói kệ đáp Vô Cấu Thí rằng:

Chớ theo lòng ngu dại
Cúng thờ và cầu phước
Chớ thấy và chớ gần
Sa-môn cạo râu tóc,
Cha mẹ cô chẳng vui
Chúng ta cũng hổ thẹn.
Nếu cô muốn bố thí
Sự ấy cũng chẳng tốt
Lành thay chớ cung kính

Các chúng Tỳ-kheo này.

Vô Cấu Thí nói kệ đáp các vị Phạm chí rằng:

Nếu tôi đọa ác đạo
Cha mẹ cùng quyến thuộc
Của báu và thế tục
Đều không thể cứu được
Trừ chúng oai đức đây
Ai có thể cứu tôi
Vì kính Phật, Pháp, Tăng
Nên xả bỏ thân mạng
Ngoại trừ Tam bảo ra
Không còn chỗ nương tựa.

Các Phạm chí hỏi Vô Cấu Thí rằng:

– Cô chưa từng thấy Phật và Tăng, cũng chưa từng nghe Pháp, do đâu mà cô có lòng tin như vậy?

Vô Cấu Thí đáp:

– Lúc tôi sinh được bảy ngày, đang ở tại giường chân bằng vàng, trên điện cao thấy năm trăm Thiên tử bay trên hư không nói vô lượng công đức, ca ngợi Phật, Pháp, Tăng, lúc ấy tôi được nghe. Đồng thời lại có một Thiên tử chưa từng thấy Phật nghe Pháp, cũng chưa thấy chúng Tăng, hỏi chư Thiên tử:

– Phật là ai và như thế nào?

Các Thiên tử biết tôi chí tâm và để đáp lời hỏi ấy cho được sự vui đẹp nên nói kệ rằng:

Tóc Phật màu biếc xanh
Trong sạch xoắn bên phải
Mặt Phật như trăng tròn
Màu hoa sen trăm cánh,
Bạch hào như ngọc tuyết
Xoắn bên phải rất đẹp
Óng đen nhiễu sen xanh
Mày mắt Phật cũng vậy.
Má tròn như Sư tử
Mắt nháy như ngưu vương
Môi như trái Tần-bà
Răng trắng khít đều bằng,
Đi như vua ngỗng trắng

Lưỡi rộng trùm khắp mặt
Phát âm rất thanh tịnh
Người nghe đều vui mừng.
Tiếng khổng tước, nga nhạn
Tiếng đàn cầm lưu ly
Tiếng Khẩn-na chuông vàng
Tiếng Ca-lăng-tần-già
Tiếng chim Câu-na-la
Cộng mạng chim Cát-la
Tiếng âm nhạc vi diệu
Âm thanh Phật cũng vậy.
Phật hống như sư tử
Hay dẹp trừ tranh cãi
Trừ bỏ các nhơ khổ
Thật ngữ dứt kiến chấp.
Phật ở giữa đại chúng
Hay giải quyết nghi vấn
Chẳng sai mà nhu hòa
Làm vừa đẹp lòng chúng ,
Bỏ lìa cả hai bên
Chánh thuyết đúng trung đạo
Hằng nói lời thích ý
Người nghe đều vui mừng.
Lời Phật không siểm khúc
Người nghe đều được hiểu
Lời Phật tuệ trang nghiêm
Như vòng hoa thơm đẹp,
Cổ tròn tay dài thẳng
Bàn tay bằng luân tướng
Ngón tay vót dài đẹp
Móng như màu đồng đỏ,
Thân Phật vững đầy ngay
Eo nhỏ hông sư tử
Tròn đẹp và đầy đặn
Âm tàng như mã vương
Vóc hình như núi vàng
Một lỗ mọc một lông
Hữu truyền hướng lên trên

Ví dụ như long tượng
Vế bắp như lộc vương
Chân bằng xương Câu-tỏa
Chân bằng hiện luân tướng
Ngàn bức luân phân minh.

Này các vị Phạm chí, lúc ấy chư Thiên nói kệ như vậy, để ca ngợi Đức Như Lai. Lại nữa, Đức Như Lai Ứng Cúng độ tất cả chúng sinh đến bờ giải thoát, có đại Từ bi như Đại y vương, cứu hộ các chúng sinh chẳng hề nhiễm tánh yêu ghét như hoa sen trong nước. Với công đức của Đức Như Lai, tôi chỉ ca ngợi phần ít thôi.

Này các Phạm chí! Tôi mới sinh bảy ngày, được nghe công đức chân thật của Đức Như Lai như vậy, từ đó đến nay hằng không ngủ nghỉ, cũng không có lòng tham dục, lòng sân hận, lòng tổn não, từ đó đến nay, với cha mẹ, anh chị em, thân thuộc của báu, anh lạc, y phục, thành ấp, vườn tược và thân mạng của mình, tôi đều không có lòng luyến ái, chỉ trừ niệm Phật. Nơi nào xứ nào Đức Như Lai thuyết pháp, tôi đều nhiếp tâm đến nghe và đều thọ trì hoặc văn, hoặc nghĩa chẳng mất một câu.

Này các Phạm chí! Ngày đêm chưa có lúc nào chẳng thấy Đức Thế Tôn. Tôi quán Phật không chán, nghe pháp không đủ, cúng Tăng không mỏi.

Nghe Vô Cấu Thí ca ngợi công đức của Phật, Pháp và Tăng, năm trăm Phạm chí đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Vô Cấu Thí xuống xe đi bộ đến trước các Bồ-tát và chư Thanh văn đảnh lễ ngang chân, dùng lòng cung kính tôn trọng đến đứng trước Tôn giả Xá-lợi-phất bạch rằng:

– Con là nữ nhân trí tuệ kém cõi, nhiều phiền não và nhiều phóng dật, ưa sự ti tiện bị những tư tưởng chẳng thuận tốt kéo dắt. Lành thay! Đại đức Xá-lợi-phất! Vì thương xót con mà nói diệu pháp, con được nghe xong mãi mãi được lợi ích, thêm nhiều an vui.

Vừa lúc ấy vua Ba-tư-nặc đến nghe lời trên, vua bảo Vô Cấu Thí rằng:

– Đối với con các khoái lạc đều không hề thiếu, sao con có sắc lo mà chẳng ngủ nghỉ chẳng ưa sự vui trong đời?

Vua Ba-tư-nặc vì con gái mình mà nói kệ rằng:

Đoan nghiêm như Thiên nữ
Tắm gội ướp hương thơm
Anh lạc đều đầy đủ

Lo gì mà chẳng ngủ?
Nước giàu nhiều của báu
Cha mẹ được tự tại
Có gì là chẳng vui
Mà chẳng ngủ nghỉ vậy?
Con đẹp lòng song thân
Mọi người đều kính vọng
Cha trang nghiêm mọi thứ
Cớ sao con chẳng vui?
Con thấy nghe sự gì
Mà ôm lòng buồn lo?
Lành thay! Con cầu gì?
Con nói cha sự ấy.
Vô Cấu Thí nói kệ bạch phụ vương:
Cha chẳng rõ trong nhà
Ấm, giới, nhập các pháp
Thế gian như huyễn hóa
Mạng sống không tạm dừng,
Uống độc ai ngủ được
Sắp chết ai vui được
Sa hố đâu mong sống
Sự đời đều như vậy.
Như người ở gần rắn
Nào còn ngủ với ham
Bốn đại như rắn độc
Nào có lòng hoan lạc.
Bị kẻ thù vây quanh
Như đói nào có vui
Bị các nước thù địch
Phụ Vương đâu có vui
Từ con thấy Thế Tôn
Phát tâm nguyện thành Phật
Con chưa hề nghe thấy
Bồ-tát tạm phóng dật.

□

Phẩm 2: THANH VĂN

Bấy giờ Vô Cấu Thí bạch Tôn giả Xá-lợi-phất rằng:

– Bạch Đại đức! Con có chút việc muốn hỏi, xin Đại đức thương con mà diễn giải: Đức Thế Tôn thọ ký Đại đức là đệ nhất trong hàng trí tuệ. Vậy trí tuệ ấy là hữu vi hay là vô vi? Nếu là hữu vi thì là pháp hư dối không thực, nếu là vô vi thì pháp vô vi không có sinh, pháp không sinh thì không có khởi, vì không khởi thì trí tuệ ấy là vô sở hữu.

Tôn giả Xá-lợi-phất yên lặng. Thấy vậy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Sao Đại đức chẳng đáp lời hỏi của Vô Cấu Thí?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Cô ấy chẳng hỏi pháp hữu vi mà hỏi Đệ nhất nghĩa. Trong Đệ nhất nghĩa không có giảng thuyết, nên tôi không thể dùng lời nói để đáp.

Vô Cấu Thí hỏi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

– Bạch Đại đức! Đức Thế Tôn thọ ký Đại đức là Thần túc đệ nhất. Lúc Đại đức vận hành thần túc là tưởng niệm chúng sinh hay là tưởng niệm nơi pháp? Nếu an trụ chúng sinh tưởng thì chúng sinh không thật, thần túc ấy cũng không thật, nếu an trụ nơi pháp tưởng thì pháp không đổi khác, nếu không đổi khác thì vô sở đắc, nếu vô sở đắc thì không phân biệt.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên yên lặng. Thấy vậy Tôn giả Ma-ha Ca-diếp hỏi:

– Sao Đại đức chẳng đáp lời hỏi của Vô Cấu Thí?

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói:

– Cô ấy chẳng hỏi phân biệt thần túc mà hỏi pháp của chư Phật. Pháp của chư Phật không tạo tác, không phân biệt, không giảng thuyết được.

Vô Cấu Thí hỏi Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

– Bạch Đại đức! Đức Thế Tôn thọ ký Đại đức là Đầu-đà đệ nhất. Đại đức vì thương chúng sinh nên đã nhập tám giải thoát rồi, mà thọ cúng thí, cho đến một niệm thọ người cúng thí. Vậy Đại đức dùng thân báo ân hay dùng tâm báo ân họ. Nếu dùng thân báo ân thì thân tánh vô ký không khác cỏ cây, tường vách, ngói sạn, tất cả không thể báo ân cúng thí, nếu dùng tâm báo ân thì tâm niệm niệm chẳng dừng cũng chẳng báo ân được, nếu trừ thân tâm thì là pháp vô vi, ai có thể báo ân được?

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp yên lặng. Thấy vậy Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

– Sao Đại đức chẳng đáp lời hỏi của Vô Cấu Thí?

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói:

– Cô ấy hỏi pháp chân tế, lý ấy chẳng thể dùng lời để đáp.

Vô Cấu Thí hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

– Bạch Đại đức! Đức Thế Tôn thọ ký Đại đức là Vô tránh đệ nhất. Hạnh vô tránh ấy nhập hữu tánh hay nhập như tánh? Nếu nhập như tính thì như chẳng phải tướng sinh, tướng diệt, nếu chẳng có tướng sinh diệt thì là bình đẳng, nếu bình đẳng thì như vậy, nếu như vậy thì không tạo tác, nếu không tạo tác thì không giảng thuyết, nếu không giảng thuyết thì chẳng thể nghĩ bàn, nếu chẳng thể nghĩ bàn thì chẳng thể tuyên bày được. Còn nếu nhập tại hữu tánh thì hư dối chẳng phải Thánh hạnh.

Tôn giả Tu-bồ-đề yên lặng. Thấy vậy Tôn giả Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử hỏi:

– Sao Đại đức chẳng đáp?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

– Ở nơi lý tôi chẳng nên có đối đáp, chỉ có yên lặng là chỗ mà tôi lạc trụ. Cô ấy hỏi pháp không hý luận, nếu có giảng thuyết thì phát sinh sai lầm, pháp tánh vô thuyết, là hạnh vô tránh vậy.

Vô Cấu Thí hỏi Tôn giả Phú-lâu-na:

– Bạch Đại đức! Đức Thế Tôn thọ ký Đại đức là Thuyết pháp đệ nhất. Vậy lúc thuyết pháp là thuyết pháp có cảnh giới hay thuyết pháp không cảnh giới. Nếu thuyết pháp có cảnh giới thì đồng với phàm phu. Vì sao? Vì phàm phu nói pháp có cảnh giới, vậy thì Đại đức chẳng rời pháp phàm phu. Còn nếu pháp không cảnh giới thì là vô sở hữu, lấy gì gọi là đệ nhất trong hàng thuyết pháp?

Tôn giả Phú-lâu-na yên lặng. Thấy vậy Tôn giả Ly Việt bảo rằng:

– Sao Đại đức chẳng đáp?

Tôn giả Phú-lâu-na nói:

– Cô ấy chẳng hỏi pháp hữu vi mà hỏi Đệ nhất nghĩa. Trong Đệ nhất nghĩa không có giảng thuyết, thế nên không có lý để đáp.

Vô Cấu Thí hỏi Tôn giả Ly Việt:

– Bạch Đại đức! Đức Thế Tôn thọ ký Đại đức là người Hành thiền đệ nhất. Lúc Đại đức hành thiền là nương nơi thiền có tâm, hay thiền không tâm? Nếu nương như tâm nhập thiền thì tâm như huyễn hóa chẳng thật, định ấy cũng chẳng thật, còn nếu vô tâm nhập thiền thì cỏ cây… cũng lẽ ra đắc thiền, vì nó cũng đồng vô tâm vậy.

Tôn giả Ly Việt yên lặng. Thấy vậy Tôn giả A-na-luật hỏi:

– Sao Đại đức chẳng đáp?

Tôn giả Ly Việt nói:

– Cô ấy hỏi chỗ sở hành của chư Phật, chẳng phải hàng Thanh văn giải đáp.

Vô Cấu Thí nói:

– Chư Phật pháp cùng Thanh văn pháp có khác chăng? Nếu có khác nhau thì vô vi có hai chăng? Chư Hiền thánh đều hành vô vi, pháp vô vi không có sinh, nếu không có sinh thì không có hai, nếu không có hai thì như vậy, như vậy không hai, thế sao Đại đức Ly Việt lại nói lời như trên?

Vô Cấu Thí hỏi Tôn giả A-na-luật:

– Bạch Đại đức! Đức Thế Tôn thọ ký Đại đức Thiên nhãn đệ nhất. Chỗ Đại đức dùng Thiên nhãn thấy là có vật hay không có vật? Nếu thấy có vật thì là kiến thường, còn thấy không có vật thì là kiến đoạn. Nếu rời cả hai bên thì là không có thấy.

Tôn giả A-na-luật yên lặng. Thấy vậy Tôn giả A-nan hỏi:

– Sao Đại đức không đáp?

Tôn giả A-na-luật nói:

– Lời cô ấy hỏi là để phá giả danh, nên không thể dùng giả danh để đáp.

Vô Cấu Thí hỏi Tôn giả A-nan:

– Bạch Đại đức! Đức Thế Tôn thọ ký Đại đức là Đa văn đệ nhất. Đa văn ấy là thật nghĩa hay là văn tự? Nếu là thật nghĩa thì nghĩa ấy chẳng thể nói, nếu là pháp chẳng thể nói thì chẳng phải chỗ nghe biết của nhĩ thức, nếu chẳng phải nhĩ thức thì lại là chẳng thể nói. Còn nếu do văn tự, như lời Đức Thế Tôn dạy: "Y theo liễu nghĩa chẳng y theo văn tự". Thế nên Đại đức A-nan chẳng phải đa văn cũng chẳng phải liễu nghĩa.

Tôn giả A-nan yên lặng. Thấy vậy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Sao Đại đức chẳng đáp lời hỏi của Vô Cấu Thí?

Tôn giả A-nan nói:

– Chỗ nói đa văn của cô ấy rời lìa văn tự, đây chẳng thể dùng âm thanh để vấn đáp với bình đẳng, bình đẳng chẳng phải tâm thức vì rời lìa tướng của tâm vậy. Đây chẳng phải là pháp của hàng học địa, tôi đâu đáp được, đây là chỗ mà Đức Như Lai Pháp Vương đến bờ giải thoát.

□

Phẩm 3: BỒ-TÁT

Bấy giờ, Vô Cấu Thí hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đức Thế Tôn thọ ký Bồ-tát là thâm giải tối đệ nhất trong hàng Bồ-tát. Vậy là lấy mười hai nhân duyên sâu thực hành hay lấy chân như sâu thực hành?

Nếu lấy mười hai nhân duyên sâu thực hành thì không có chúng sinh thành mười hai nhân duyên sâu. Vì sao? Vì mười hai nhân duyên sâu không đến không đi, chẳng phải chỗ biết của sáu thức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, trong thâm sâu ấy, mười hai nhân duyên chẳng phải là hành pháp. Còn nếu lấy chân như thâm sâu, mà thực hành sâu thì chân như chẳng phải sâu cũng không ai được chân thật sâu xa.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Do thủy tế sâu nên sâu.

Vô Cấu Thí nói:

– Thủy tế thì chẳng phải tế. Thế nên sự biết của Bồ-tát cũng chẳng phải biết.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Do vô tri mà được vô đắc, nên nói là thủy tế vậy.

Vô Cấu Thí nói:

– Trong vô đắc ấy không có ngôn ngữ, vượt qua phạm trù ngôn ngữ, thì không có chỗ nói.

Vô Cấu Thí nói:

– Chư Phật Bồ-đề siêu việt văn tự ngôn thuyết, thế nên Bồ-đề thì chẳng thể nói được.

Bấy giờ Vô Cấu Thí hỏi Bồ-tát Vô Si Kiến:

– Bạch Bồ-tát Vô Si Kiến! Bồ-tát nói mình đến thành Xá-vệ nguyện cho trong thành những ai đáng được Vô thượng Bồ-đề, phàm họ thấy vậy, đều thuần túy biến thành tượng Phật cả và khiến họ quyết định nơi Vô thượng Bồ-đề.

Bạch Bồ-tát! Nếu lúc thấy Như Lai là dùng Sắc thân thấy hay dùng Pháp thân thấy? Nếu do Sắc thân thì không thấy Phật. Vì sao? Vì như Đức Thế Tôn từng dạy: "Nếu thấy sắc thân ta nghe âm thanh ta, người này biên kiến chẳng phải thấy ta". Còn nếu do Pháp thân thì Pháp thân chẳng thể thấy được. Vì sao? Vì Pháp thân rời kiến văn chẳng thể thấy

được, thế nên chẳng thể thấy nghe Pháp thân Phật.

Bồ-tát Vô Si Kiến liền yên lặng. Bồ-tát Bảo Tướng hỏi:

– Sao ngài chẳng đáp?

Bồ-tát Vô Si Kiến nói:

– Cô ấy hỏi là hỏi pháp vô tánh, pháp vô tánh ấy chẳng thể nói nên tôi không đáp.

Vô Cấu Thí nói:

– Bạch Bồ-tát! Tôi không hỏi pháp vô tánh, pháp vô tánh chẳng thể hỏi. Học rồi mà đáp thì không có ngại gì.

Vô Cấu Thí hỏi Bồ-tát Bảo Tướng:

– Bạch Bồ-tát Bảo Tướng! Bồ-tát nói rằng lúc tôi vào thành nguyện cho trong thành những nhà cửa của các tộc tánh, bảo tàng hiện lên đầy đủ bảy báu. Tâm bố thí bảy báu ấy có nhiễm trước hay không nhiễm trước? Nếu có nhiễm trước thì đồng với kẻ phàm ngu. Vì sao? Vì phàm ngu có ái trước. Còn nếu không ái trước thì trong ái trước không có bố thí bảy báu.

Bồ-tát Bảo Tướng liền yên lặng.

Vô Cấu Thí hỏi Bồ-tát Ly Ác Thú:

– Bạch Bồ-tát Ly Ác Thú! Bồ-tát nói rằng lúc tôi vào thành, nguyện cho trong thành những ai đáng đọa ác đạo đều khiến thọ tội nhẹ, tại hiện đời mau thoát khổ não. Bạch Bồ-tát! Đức Như Lai nói nghiệp chẳng thể nghĩ bàn. Nghiệp chẳng thể nghĩ bàn này có thể mau dứt chăng. Nếu dứt được thì trái với lời của Đức Như Lai. Còn nếu chẳng dứt thì sao lại thọ nhẹ mau dứt. Nếu có thể dứt thì trong pháp không có chủ vậy ai là chủ? Và nếu có thể dứt thì cũng chẳng thể dứt.

Bồ-tát Ly Ác Thú nói:

– Vì tôi dùng nguyện lực nên hay khiến thọ nhẹ dứt mau.

Vô Cấu Thí nói:

– Bạch Bồ-tát! Các pháp như tánh chẳng thể dùng nguyện lực mà thọ được.

Bồ-tát Ly Ác Thú liền yên lặng.

Vô Cấu Thí hỏi Bồ-tát Trừ Chư Cái:

– Bạch Bồ-tát Trừ Chư Cái! Bồ-tát nói: "Tôi nguyện cho chúng sinh trong thành đều trừ hết năm triền cái". Bồ-tát nói nhập định ấy rồi có thể khiến chúng sinh chẳng bị năm triền cái che chướng?

Bạch Bồ-tát! Ở trong thiền định ấy, mình tự tại hay là người tự tại?

Nếu mình tự tại thì không do đâu mà đến với người, tất cả pháp không pháp nào đến kia cả, sao lại nhập thiền định trừ được năm triền cái cho người? Nếu là người khác tự tại thì chẳng thể lợi ích cho người.

Bồ-tát Trừ Chư Cái nói:

– Hạnh này dùng Từ làm đầu.

Vô Cấu Thí nói:

– Bạch Bồ-tát! Chư Phật đều thực hành Từ hạnh. Bạch Bồ-tát! Có Đức Phật nào nhân nơi chúng sinh chẳng lấy năm triền cái làm mối lo đó chăng?

Bồ-tát Trừ Chư Cái liền yên lặng.

Vô Cấu Thí hỏi Bồ-tát Quán Thế Âm:

– Bạch Bồ-tát Quán Thế Âm! Bồ-tát nói rằng nguyện cho chúng sinh trong thành những kẻ bị ngục trói nhốt mau được giải thoát, kẻ sắp bị giết được cứu sống, kẻ bị khủng bố được vô úy. Bạch Bồ-tát! Xét về bố úy ấy là có bám chấp hay không bám chấp. Nếu có bám chấp thì kẻ phàm ngu cũng có bám chấp, vì thế nên chẳng phải. Còn nếu là không bám chấp thì không chỗ bố thí. Trong pháp không bố thí đâu được có trừ dứt.

Bồ-tát Quán Thế Âm liền yên lặng.

Bồ-tát Biện Nghiêm hỏi Bồ-tát Quan Thế Âm:

– Sao Bồ-tát không giải đáp lời hỏi của Vô Cấu Thí?

Bồ-tát Quan Thế Âm nói:

– Cô ấy chẳng hỏi pháp sinh diệt nên không thể đáp được.

Vô Cấu Thí hỏi Bồ-tát Quán Thế Âm:

– Bạch Bồ-tát! Có pháp không sinh, không diệt để hỏi chăng?

Quan Thế Âm Bồ-tát nói:

– Không có.

Vô Cấu Thí nói:

– Trong pháp không sinh, không diệt thì không văn tự, ngôn thuyết. Người trí tuệ ở nơi không văn tự mượn văn tự nói, mà không chấp văn tự, pháp tánh vô ngại. Vì thế người trí tuệ chẳng ngại văn tự.

Vô Cấu Thí hỏi Bồ-tát Biện Nghiêm:

– Bạch Bồ-tát Biện Nghiêm! Bồ-tát nói rằng tôi nguyện những ai trong thành thấy tôi đều được biện tài dùng diệu kệ hỏi đáp nhau. Bạch Bồ-tát! Biện tài được Bồ-tát thí cho ấy là do giác mà khởi, hay do ái mà khởi, nếu do giác khởi thì tất cả pháp hữu vi đều do giác quan khởi, thế nên chẳng

phải tịch tĩnh. Nếu do ái khởi thì chỗ thí cho ấy, chỉ là hư dối uổng công.

Bồ-tát Biện Nghiêm nói:

– Đó là lúc tôi ban đầu mới phát tâm Bồ-đề, nguyện ai thấy tôi đều được biện tài, dùng diệu kệ hỏi đáp nhau.

Vô Cấu Thí hỏi:

– Bạch Bồ-tát! Hiện nay chính Bồ-tát có tâm nguyện Bồ-đề chăng? Nếu chính hiện có thì là thường kiến. Còn nếu hiện nay không có thì chẳng thể đem thí cho người, thì sở nguyện luống hư.

Bồ-tát Biện Nghiêm liền yên lặng.

Vô Cấu Thí hỏi Bồ-tát Vô Si Hành:

– Bạch Bồ-tát Vô Si Hành! Bồ-tát nói: Nguyện cho chúng sinh trong thành ai thấy tôi thì được vô si kiến, quyết định nơi Vô thượng Bồ-đề. Bạch Bồ-tát! Bồ-đề ấy là có hay là không? Nếu là có thì là hữu vi Bồ-đề chấp nơi biên kiến. Nếu là không thì là hư vọng, cũng rớt vào biên kiến.

Bồ-tát Vô Si Hành nói:

– Bồ-đề ấy gọi là trí.

Vô Cấu Thí nói:

– Trí ấy gọi là sinh hay gọi là vô sinh? Nếu gọi là sinh thì chẳng phải khéo thuận tư duy mà sinh, là hữu vi trí, là chỗ biết của phàm phu. Nếu gọi là không sinh thì trong không sinh không có sở hữu, nếu không có sở hữu là không phân biệt. Bồ-đề của Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát và Như Lai đều không phân biệt. Kẻ phàm phu phân biệt Bồ-đề, người trí tuệ thì không phân biệt.

Bồ-tát Vô Si Hành liền yên lặng.

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề bảo các đại Thanh văn và các Đại Bồ-tát rằng:

– Này các vị! Chúng ta nên trở về mà chẳng nên vào thành Xá-vệ khất thực. Vì sao? Vì nàng Vô Cấu Thí này nói tức là thức ăn bằng pháp thực của người trí tuệ. Nay chúng ta vui thích thức ăn bằng pháp thực mà chẳng cần thức ăn được vo tròn.

Vô Cấu Thí nói với Tôn giả Tu-bồ-đề:

– Bạch Đại đức! Như nói các pháp không thượng, không hạ, trong pháp ấy sẽ cầu mong gì mà đi hành khất ư?

Bạch Đại đức! Pháp chẳng hý luận là sở hành của Tỳ-kheo, chẳng nên ưa hý luận. Đây là pháp không chỗ nương, chẳng phải sở hành của người nương tựa vào, đây là sở hành của Hiền thánh không có thoái chuyển.

Bấy giờ tám đại Thanh văn, tám Đại Bồ-tát, chúng Phạm thiên…, năm trăm Bà-la-môn, Vô Cấu Thí, vua Ba-tư-nặc và hàng đại chúng đều đồng đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ chân Đức Phật đi quanh bên phải ba vòng, rồi ngồi một phía.

Vô Cấu Thí thì khác, vì cô đi quanh bên phải Phật đến bảy vòng lễ chân Phật, chắp tay đứng nói kệ hỏi Phật:

Xin hỏi Đấng Vô Đẳng
Ứng Cúng Vô Thượng Giác
Ban cam lộ chúng mừng
Bồ-tát hành thế nào?
Thế nào lại đạo thọ
Phá ma hàng lao oán?
Thế nào động trời đất
Núi đồi và rừng cây?
Thế nào phóng ánh sáng
Hiển phát vô lượng xưng?
Nguyện đại Bi Thế Tôn
Nói đúng hạnh Bồ-tát
Thế nào được Tổng trì
Như Lai diệu âm thanh?
Thế nào hay tu trì
Định thắng diệu thanh tịnh?
Thế nào các người tu
Hay được sức Thần túc?
Nay khuyến thỉnh Thế Tôn
Giảng Bồ-tát thực hạnh
Thế nào được chuyên niệm
Và với tâm kiên cố?
Thế nào được ứng biện
Vi diệu thành cụ túc?
Thế nào được thuận lý
Gồm đầy đủ các nghĩa?
Khéo nói pháp vi diệu
Trí giả không chỗ ngại
Thế nào ưa Bố thí
Tịnh giới và Nhẫn nhục
Khéo Tinh tấn, Thiền định
Trí tuệ soi thế gian?

Thế nào nhớ Túc mạng
Thiên nhãn minh thấy rõ
Thiên nhĩ, Tha tâm trí
Thần túc đến các cõi?
Thế nào chẳng ở thai
Hóa sinh trong hoa sen
Hằng ở trước chư Phật
Khen pháp không vô ngã?
Thế nào oán thân đồng
Dứt ái và nhiễm uế
Chí hành không cao hạ
Dường như là gió đất
Lợi suy cùng hủy dự
Xứng cơ và khổ lạc?
Thế nào bỏ tám pháp
Ở đời như mặt trời?
Thế nào chẳng siểm tránh
Trừ ngã bỏ kiêu mạn
Tịch tĩnh ở thiền định
Trí giả ưa thật nghĩa?
Thế nào chẳng ưa thích
Vợ con và tài bảo?
Thế nào người tu hành
Thích ở chỗ vắng lặng?
Thế nào như chim bay
Cũng như lân một sừng?
Thế nào ưa chánh pháp
Và ưa tâm hỷ duyệt?
Thế nào các người trí
Quán đất, nước, lửa, gió
Không khuynh động phân biệt
Trụ thiền như hư không
Chẳng làm hạnh phi pháp
Chẳng ưa nhìn việc người
Thà xả bỏ thân mạng
Hoàn toàn không bỏ pháp?
Thế nào nơi Bồ-đề
Tưởng niệm như Thế Tôn

Tưởng như Thế Tôn rồi
Hay phát nguyện Bồ-đề?
Thế nào được Tịnh độ
Và cùng thanh tịnh Tăng
Trí giả được trường thọ
Danh xưng và an lạc
Phương tiện đến bờ kia
Thấy Đế không thủ chứng
Hay độ vô lượng chúng
Khuyên ưa tu căn lành?
Thế nào được đoan chánh
Và được nơi hóa sinh
Được trí tuệ tài bảo
Hay biết tâm mọi người?
Thế nào nhớ đời trước
Thường hội cùng chư Phật
Trong ngàn vạn ức kiếp
Hằng chẳng sinh chỗ nạn?
Thế nào được tùy hảo
Ba mươi hai tướng tốt?
Thế nào được từ biện
Và được nơi ứng biện?
Thế nào tu Tịnh độ
Thành tựu chúng Tỳ-kheo
Tùy thích nguyện nước nào
Hay được sinh nước ấy?
Bồ-tát tu hạnh gì
Hay được sắc danh xưng
Được mọi lực tinh tấn
Thế nào được bất hoại
Thế nào là dứt khoát
Hay làm hạnh Bồ-tát
Bỏ lìa các điệu hối
Vì chúng sinh thuyết pháp
Ở trong Phật, Pháp, Tăng?
Thế nào được tối thắng
Thà xả thân mạng mình
Mà chẳng hủy báng pháp?

Phật không gì chẳng biết
Đời nay và vị lai
Nguyện đại trí Thế Tôn
Tuyên thuyết hạnh Bồ-tát.

□

Phẩm 4: BỒ-TÁT HẠNH

Đức Thế Tôn khen rằng:

– Lành thay, lành thay Vô Cấu Thí! Vì nhiều an lạc lợi ích chúng sinh và vì thương xót trời, người thế gian mà ngươi hỏi Đức Như Lai bao nhiêu hạnh của Đại Bồ-tát như vậy. Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ ta sẽ vì người mà giảng nói.

Vô Cấu Thí cùng đại chúng cùng xướng: Hay thay! Nguyện mong muốn được nghe.

Đức Thế Tôn dạy:

– Này Vô Cấu Thí! Bồ-tát thành tựu bốn pháp hay phá các ma. Những gì là bốn?

1. Với lợi dưỡng của người chẳng sinh lòng ganh ghét.

2. Lìa bỏ việc nói hai lời.

3. Khuyên nhiều chúng sinh tu căn lành.

4. Với tất cả chúng sinh phát lòng Từ bi.

Này Vô Cấu Thí! Đó là bốn pháp mà Bồ-tát thành tựu có khả năng phá trừ ma oán.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên nên nói kệ:

Chẳng sinh lòng ghen ghét
Lìa bỏ lời lưỡng thiệt
Hay dạy nhiều chúng sinh
Trồng gốc cây pháp lành
Hay tu tâm Từ rộng
Khắp đến cả mười phương
Khéo làm bốn điều này
Dẹp được các ma oán.

Này Vô Cấu Thí! Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì hay phóng quang minh đến vô lượng cõi Phật. Những gì là bốn?

1. Hay cúng thí đèn sáng.

2. Lúc pháp sắp diệt hay hộ trì chánh pháp.

3. Vì chúng sinh phóng dật và sa chỗ nạn mà thuyết pháp.

4. Hay đem anh lạc bảo sức cúng tháp miếu Phật.

Đây là bốn pháp mà Bồ-tát thành tựu thì có thể phóng quang minh đến tận mười phương cõi Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

Nếu hay thí đèn sáng
Trong mạt pháp hộ pháp
Khai thị nạn phóng túng
Bảo sức cúng tháp Phật
Do đây mà Bồ-tát
Hay phóng tịnh quang minh
Đến vô lượng cõi Phật
Chiếu soi không bờ mé
Nhờ quang minh được vui
Đều phát tâm vô thượng.

Này Vô Cấu Thí! Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp, thì hay chấn động vô lượng, vô biên cõi nước của chư Phật. Những gì gọi là bốn?

1. Như thuyết tu hành chứng được pháp nhẫn thâm sâu.

2. Kiên trì thiện pháp.

3. Giáo hóa vô lượng chúng sinh.

4. Hành đạo Vô thượng Bồ-đề.

Đây là bốn pháp mà Bồ-tát thành tựu có thể làm chấn động vô lượng, vô biên cõi nước của chư Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn làm rõ lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Theo điều giảng tu hành
Khéo hiểu pháp nhẫn sâu
Muốn được pháp bạch tịnh
Kiên trì các diệu hạnh
Hay dạy vô lượng chúng
Phát tâm đại Bồ-đề
Thực hành bốn pháp này
Hay chấn động thế giới.

Này Vô Cấu Thí! Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì được Đà-la-ni. Những gì gọi là bốn?

1. Hay thí cho các thứ cần dùng tịnh diệu.

2. Trang sức các thể nữ ai cần thì thí cho.

3. Thường dùng các thứ pháp tán thán chư Như Lai.

4. Thân cận người nhiều tu tập Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đây là bốn pháp mà Bồ-tát thành tựu sẽ đắc các pháp Đà-la-ni.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn giảng rõ lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Làm các thứ bố thí
Hay được Đà-la-ni
Trang nghiêm thể nữ đẹp
Tùy ý người cần dùng,
Đều cấp đầy đủ cả
Thường ca ngợi Như Lai
Tu những thật trí tuệ
Được Thế Tôn hứa khả.
Do nơi bốn điều này
Hay được Đà-la-ni
Trong trăm ngàn ức kiếp
Nghe pháp trọn chẳng quên
Mười phương Phật thuyết pháp
Hay ghi nhớ thọ trì.

Này Vô Cấu Thí! Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì hay được Tam-muội. Những gì gọi là bốn?

1. Rất chán sợ sinh tử.

2. Thường ưa chỗ nhàn tịnh.

3. Thường siêng tinh tấn.

4. Khéo thành tựu được các việc làm.

Đây là bốn pháp mà Bồ-tát thành tựu có thể được Tam-muội.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Bỏ rời các loài sinh
Đi riêng như kỳ lân
Thiện nam siêng tinh tấn
Thành tựu các công việc.
Trí giả hay thành tựu
Bốn pháp thắng diệu này

Thân cận với Bồ-đề
Cầu được pháp tối thắng.
Người có tâm tịch tĩnh
Hay được các Tam-muội
Giác ngộ thắng Bồ-đề
Được chư Phật thực hiện.

Này Vô Cấu Thí! Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì có thể được Thần túc. Những gì gọi là bốn?

1. Thân nhẹ nhàng.

2. Tâm nhẹ nhàng.

3. Không nương tựa trong tất cả pháp.

4. Tiếp thọ bốn giới làm không giới.

Đây là bốn pháp mà Bồ-tát thành tựu thì có thể đắc Thần túc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

Thân nhẹ, tâm cũng nhẹ
Trí giả chẳng trước pháp
Tiếp thọ bốn giới này
Cùng không giới bằng đồng.
Người đủ bốn pháp này
Hay được thừa thần thông
Một niệm đến ức cõi
Cúng dường vô lượng Phật.

Này Vô Cấu Thí! Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì hay thành tựu đoan chánh đẹp lạ. Những gì gọi là bốn?

1. Trừ bỏ tham dục chẳng sân hận.

2. Ưa làm sạch tháp miếu Phật dùng đồ thơm đẹp để cúng dường

3. Trụ oai nghi trì giới, thường vui vẻ hỏi thăm.

4. Chẳng chê người thuyết pháp, luôn tưởng như Thế Tôn.

Đây là bốn pháp mà Bồ-tát thành tựu sẽ được đoan chánh, xinh đẹp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Chẳng sân hại người khác
Bỏ lìa hạnh tham dục,
Quét rửa tháp miếu Phật
Cung kính dâng thơm đẹp.
Thường chấp trì tịnh giới
Pháp ý hỏi thăm trước,

Với Pháp sư kính trọng
Có ý tưởng như Phật
Hành bốn điều lành này
Thì gọi người dũng kiện
Đoan chánh xinh đẹp nhất
Ai thấy cũng đều khen.

Này Vô Cấu Thí! Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì hay được hóa sinh. Thế nào gọi là bốn?

1. Khắc chạm hoa sen đặt tượng Phật ngồi lên

2. Dùng các hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng và những hoa thơm đẹp khác bụm đầy tay rải lên Phật và tháp miếu

3. Chí nguyện lợi ích vô lượng chúng sinh hằng hòa thuận kính yêu chẳng chê người dở.

4. Mình gieo trồng căn lành để lợi ích an lạc nhiều chúng sinh thoát sinh tử khổ não vì nguyện thành Vô thượng Bồ-đề.

Đây là bốn pháp mà Bồ-tát thành tựu có thể được hóa sinh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Khắc họa đặt tượng Phật
Các thứ hoa cúng dường
Lợi ích chẳng hại người
Được hóa sinh cõi Phật
Hằng phát hoằng thệ nguyện
Độ mười phương chúng sinh
Dùng bốn diệu hạnh này
Vĩnh viễn sinh cõi Phật.

Này Vô Cấu Thí! Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì hay được giàu có lớn. Thế nào gọi là bốn?

1. Chẳng nghịch ý người xin.

2. Với đồ vật thí cho chẳng luyến tiếc.

3. Luôn cầu nguyện chúng sinh được nhiều của báu.

4. Bỏ rời kiến chấp, thuận nơi chánh tín.

Đây là bốn pháp mà Bồ-tát thành tựu sẽ được giàu có lớn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Bố thí chẳng trái nghịch
Nơi của không luyến tiếc
Tin hiểu các Phật pháp

Đời đời được của báu
Tin hiểu không nịnh ganh
Chẳng rêu rao lỗi người
Chuyên lòng một niềm tin
Do đây được của báu.

Này Vô Cấu Thí! Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì hay được trí Tuệ. Thế nào gọi là bốn?

1. Ở trong pháp khác chẳng ganh ghét.

2. Nói pháp diệt trừ sai lầm khiến không nghi ngờ hối hận.

3. Với người siêng tinh tấn khuyên họ chẳng chối bỏ.

4. Tự mình tu pháp không một cách tinh tấn.

Đây là bốn pháp mà Bồ-tát thành tựu sẽ được đại trí tuệ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Chẳng ghét chánh pháp khác
Dạy người trừ nghi hối
Thường dìu dắt chúng sinh
Tu hạnh không của Phật.
Trí giả thích pháp này
Được trí tuệ danh xưng
Khéo hiểu lời Phật nói
Mau thành Lưỡng Túc Tôn.

Này Vô Cấu Thí! Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì ghi nhớ túc mạng. Thế nào gọi là bốn?

1. Học vấn tụng tập, mà có người quên sót thì làm cho họ nhớ biết.

2. Người quên thì nói lại cho họ, hằng phát lời thích ý hay cho người ưa nghe.

3. Thường hành pháp thí chẳng để thôi bỏ.

4. Vì thoát sinh tử, hướng đến Niết-bàn, nguyện như Thiện Tài nhập Thiền phương tiện.

Đây là bốn pháp mà Bồ-tát thành tựu có thể ghi nhớ túc mạng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Người quên khiến nhớ biết
Hằng nói lời thích ý
Thuyết pháp chẳng mỏi mệt
Thường tu các chính định.
Do nơi bốn pháp này

Đều được túc mạng trí
Nhớ được vô lượng kiếp
Mau ngộ Phật sở hành.

Này Vô Cấu Thí! Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì thường gặp chư Phật. Thế nào gọi là bốn?

1. Thà bỏ thân mạng chớ chẳng hủy báng chánh pháp.

2. Thà bỏ thân mạng chớ chẳng hủy báng Bồ-tát.

3. Thà bỏ thân mạng chớ chẳng thân cận ác tri thức.

4. Nhớ tưởng chư Phật không hề chán đủ.

Đây là bốn pháp mà Bồ-tát thành tựu thì thường được gặp chư Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Chẳng hủy báng Bồ-đề
Cũng chẳng hủy Bồ-tát
Niệm Phật không mệt mỏi
Đại đức hành hạnh này
Thường được gặp chư Phật
Lúc chưa được thành Phật
Hằng cùng chư Phật nói.

Này Vô Cấu Thí! Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì được thân ba mươi hai tướng. Thế nào gọi là bốn?

1. Mang các trân bảo dâng cúng tháp miếu Phật.

2. Dùng các thứ dầu thơm xoa nền tòa tháp Phật và dùng vòng hoa đẹp nghiêm sức tháp miếu.

3. Dùng các thứ kỹ nhạc để cúng dường.

4. Thường hầu cận Hiền thánh không hề rời xa.

Đây là bốn pháp mà Bồ-tát thành tựu sẽ được ba mươi hai tướng tốt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Mang báu vật cúng khắp
Dầu thơm xoa nền đài
Hoa đẹp các kỹ nhạc
Hầu hạ gần hiền thánh
Đủ tướng tốt nghiêm thân
Đoan chánh, đẹp đặc thù
Do đây được các tướng
Để trang nghiêm thân Phật.

Này Vô Cấu Thí! Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì được tám mươi

vẻ đẹp kèm theo. Thế nào gọi là bốn?

1. Cởi y thắng diệu để trải pháp tòa cung cấp hầu hạ tất cả trọn không nhàm chán.

2. Đến chỗ thuyết pháp không có lòng tranh luận hơn người.

3. Cung kính đại chúng chỉ tưởng như Phật.

4. Khuyên nhiều chúng sinh phát tâm Bồ-đề.

Đây là bốn pháp mà Bồ-tát thành tựu sẽ được tám mươi vẻ đẹp kèm theo.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Diệu y phục trải tòa
Cúng dường không chán mỏi
Chẳng tranh luận Pháp sư
Khuyên chúng phát đạo tâm
Có thể hành pháp này
Mau được các tướng tốt
Bồ-tát thành hạnh này
Đủ tám mươi vẻ đẹp.

Này Vô Cấu Thí! Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì được khéo ứng biện. Những gì là bốn?

1. Thọ trì thân cận Bồ-tát Pháp tạng.

2. Ngày đêm sáu thời tụng kinh Tam Âm.

3. Chư Phật Bồ-đề không sinh, không diệt đời khó tin mà có thể thọ trì đọc tụng.

4. Vì người giảng nói một cách rộng rãi khiến họ vui thích chẳng tiếc thân mạng.

Đây là bốn pháp mà Bồ-tát thành tựu sẽ được khéo ứng biện.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Hộ trì Bồ-tát tạng
Dũng mãnh tụng Tam Âm
Vô sinh đời khó tin
Phương tiện nói khiến mừng
Chẳng mến tiếc thân mạng
Trì chánh pháp của Phật
Thực hành không nghỉ lực
Tối thượng thắng Bồ-đề
Tu pháp sâu xa này

Thì hay được ứng biện
Ví như vòng hoa đẹp
Trời, người đều ưa nhìn.

Này Vô Cấu Thí! Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì được cõi nước thanh tịnh. Thế nào là bốn?

1. Chẳng ghen ghét.

2. Tâm bình đẳng.

3. Hộ trì hạnh Bồ-đề.

4. Chẳng thân cận bốn bộ chúng.

Đây là bốn pháp mà Bồ-tát thành tựu sẽ được cõi nước thanh tịnh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Chẳng ganh với người khác
Thấy người lợi vui mừng
Tâm bình đẳng hành Từ
Hóa chúng không nhiễm trước
Hành bốn vô lượng này
Người trí khéo giữ gìn
Được tịnh độ không khó
Mau thành Vô thượng đạo.

Này Vô Cấu Thí! Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì được đồ chúng thanh tịnh. Thế nào là bốn?

1. Chẳng hy vọng đồ chúng của người.

2. Kẻ chẳng hòa thuận thì nhiếp khiến hòa giải.

3. Với người học vấn tụng tập thì cung cấp đồ dùng.

4. Rời bỏ nói hai lưỡi.

Đây là bốn pháp mà Bồ-tát thành tựu sẽ được đồ chúng thanh tịnh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Trọn không vọng chúng người
Kẻ ly làm cho hợp
Cấp người học thiếu thốn
Chẳng chia lìa chúng sinh
Làm được bốn hạnh này
Thì được thanh tịnh chúng
Vì tịnh chúng nên làm
Cực khổ cũng chẳng bỏ.

Này Vô Cấu Thí! Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì nguyện muốn

sinh về cõi Phật nào liền tùy nguyện vãng sinh. Thế nào là bốn?

1. Đối với lợi dưỡng danh dự của người chẳng sinh lòng ganh ghét.

2. Chuyên tâm tu tập sáu pháp Ba-la-mật-đa.

3. Với tất cả Bồ-tát tưởng như Phật.

4. Từ lúc mới phát tâm cho đến lúc ngồi đạo tràng, thường dùng tâm bình đẳng quan sát, hoàn toàn chẳng vì lợi dưỡng danh dự mà nói quanh co khen tặng không chân thật.

Đây là bốn pháp mà Bồ-tát thành tựu sẽ được tùy nguyện vãng sanh Tịnh độ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Chẳng ganh danh lợi người
Cầu thanh tịnh sáu Độ
Xem Bồ-tát như Phật
Trọn chẳng nịnh cầu danh,
Bồ-tát hành điều này
Hay thấy mười phương cõi
Tùy tâm mình sở nguyện
Liền được sinh Tịnh độ.

Bấy giờ Vô Cấu Thí bạch Đức Phật rằng:

– Bạch Thế Tôn! Như hạnh Bồ-tát đã được nói, con sẽ phụng hành. Trong những hạnh Bồ-tát đã được Đức Thế Tôn dạy, nếu có một hạnh không làm thì tức là khi dối chư Phật thuyết pháp ở mười phương.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bảo Vô Cấu Thí rằng:

– Cô dám ở trước Đức Phật mà rống lên tiếng rống sư tử như vậy, lẽ nào chẳng biết rằng hạnh Bồ-tát khó làm được và hoàn toàn chẳng do từ nữ thân mà được Vô thượng Bồ-đề ư?

Vô Cấu Thí nói:

– Nay tôi ở trước Đức Phật phát nguyện thành thật rằng: Nếu đời vị lai tôi sẽ được thành Phật Như Lai Đẳng Chánh Giác đủ mười đức hiệu thì nguyện khiến cõi đại thiên chấn động sáu cách, không làm não loạn các chúng sinh. Như các hạnh Bồ-tát đã được Đức Thế Tôn dạy tôi trọn đời thực hành, nguyện khiến hư không mưa các hoa trời, trăm ngàn kỹ nhạc chẳng đánh mà tự kêu và xin khiến nữ thân tôi đây biến thành đồng tử mười sáu tuổi.

Vô Cấu Thí phát nguyện thành thật xong, cõi đại thiên liền chấn động sáu cách, hư không mưa hoa trời, trăm ngàn nhạc trời tự kêu và Vô Cấu

Thí biến thành đồng tử mười sáu tuổi.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên để hở vai áo bên phải, gối phải quỳ sát đất chắp tay bạch Phật rằng:

– Nay con quy mạng chư Phật, các Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến quy mạng đạo tràng.

Bạch Thế Tôn! Cô gái này mà có sức oai thần túc lớn như vậy, hay phát đại nguyện, đã phát nguyện rồi tùy nguyện đều thành.

Đức Phật dạy:

– Đúng như vậy! Này Đại Mục-kiền-liên! Các Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến đạo tràng, được trời, người lễ kính như tháp miếu Phật, là phước điền vô thượng của Thanh văn và Bích-chi-phật.

Liền đó Đức Thế Tôn vui vẻ mỉm cười. Theo thường pháp lúc chư Phật mỉm cười thì có ánh sáng nhiều màu xanh vàng đỏ trắng hồng tía pha lê từ miệng Đức Phật phóng ra chiếu suốt vô lượng, vô biên thế giới, làm cho ánh sáng của cung điện Thiên ma và mặt trời, mặt trăng đều bị ẩn khuất. Đức Phật nhiếp ánh sáng ấy về nhập đảnh Đức Phật.

Tôn giả A-nan chỉnh y phục lại trịch y vai hữu, gối hữu chấm đất, chắp tay hướng lên Phật nói kệ rằng:

Thiên, Long, Phạm âm sư tử hống
Ca-lăng-tần-già tiếng sấm nổ
Trừ tham, sân, si sinh vui đẹp
Nguyện Đấng Thập Lực nói duyên cười.
Chấn động sáu cách không não loạn
Mưa hoa trời đẹp vui lòng chúng
Thế Tôn xô dẹp các ngoại đạo
Dường như Sư tử phục chồn hoang.
Ngưỡng mong Thế Tôn vì con nói
Do nhân duyên gì mà Phật cười mỉm?
Ánh sáng trời, trăng châu vạn ức
Ánh sáng Trời, Rồng cùng Phạm vương,
Thích-ca miệng phóng tịnh quang minh
Thắng hơn ánh sáng của chư Phật
Bạch hào chặng mày như ngọc trắng
Viên mãn mềm mịn như áo trời.
Bạch hào phóng quang chiếu vô lượng
Xin nói cớ chi phóng quang này
Thế Tôn răng trắng sạch không nhơ

Vuông bằng khít đều như ngọc tuyết.
Miệng Phật phóng ra sáng nhiều màu
Xanh vàng đỏ trắng tía pha lê
Giả sử thế giới nhật nguyệt hoại
Đất đầy hư không chẳng chỗ trống.
Tánh nước biến được làm thành lửa
Tánh lửa cũng biến được thành nước
Biển cả đều làm cho khô cạn
Phật ngữ vĩnh viễn chẳng hai lời.
Tất cả chúng sinh trong mười phương
Giả sử đồng thời thành Duyên giác
Mỗi mỗi Duyên giác hợp lời hỏi
Trăm ngàn vạn thứ trải ức kiếp,
Đồng tập hợp nhau trước Thế Tôn
Đều dùng dị âm đồng thời hỏi
Như Lai liền dùng nhất âm đáp,
Đều dứt hết tất cả chỗ nghi
Thành tựu trí tuệ đến bờ kia
Tất cả trí tuệ được trang nghiêm
Đấng Tối Thắng đủ ba hai tướng
Đấng oai đức lớn xin giải đáp
Thế Tôn cớ chi hiện mỉm cười?
Thọ ký Bồ-đề cho ai đây?
Chư Thiên người đời đều muốn nghe
Mong được Như Lai tuyên dạy rõ.

Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Ông có thấy Vô Cấu Thí này phát nguyện thành thật làm chấn động cõi đại thiên chăng?

A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, con đã thấy!

– Này A-nan! Bồ-tát Vô Cấu Thí này từ lúc phát tâm đến nay đã tám vạn a-tăng-kỳ kiếp tu hạnh Vô thượng Bồ-đề. Bồ-tát Vô Cấu Thí này tu hạnh Bồ-tát đến sáu mươi kiếp rồi, sau đó Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử mới phát tâm Bồ-đề. Này A-nan! Như Văn-thù-sư-lợi… tám vạn bốn ngàn Đại Bồ-tát có bao nhiêu công đức trang nghiêm Phật độ. Bồ-tát Vô Cấu Thí cũng đồng như vậy không khác.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Bồ-tát Vô Cấu Thí:

– Này thiện nam! Từ lâu ngài đã phát tâm Bồ-đề sao ngài chẳng chuyển thân nữ nhân?

Bồ-tát Vô Cấu Thí bảo Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

– Đức Thế Tôn thọ ký Tôn giả là Thần túc đệ nhất sao Tôn giả chẳng chuyển hóa thân nam?

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền yên lặng.

Bồ-tát Vô Cấu Thí nói:

– Này Tôn giả! Chẳng do thân nữ được Vô thượng Bồ-đề, cũng chẳng do nam thân được Vô thượng Bồ-đề. Vì sao? Vì Bồ-đề vô sinh nên chẳng thể được.

□

Phẩm 5: THỌ KÝ

Bấy giờ Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử bạch Phật rằng:

– Bạch Thế Tôn! Thật chưa từng có, Bồ-tát Vô Cấu Thí này hay khéo hiểu pháp sâu xa, dùng sức thệ nguyện làm thành các sở nguyện.

Phật bảo:

– Đúng như lời Văn-thù-sư-lợi nói. Bồ-tát Vô Cấu Thí này đã từng ở chỗ sáu mươi ức chư Phật tu Không Tam-muội, ở chỗ tám mươi ức chư Phật mà tu Vô sinh pháp nhẫn, ở chỗ ba mươi ức chư Phật mà hỏi pháp sâu xa, đã từng đem y phục, ẩm thực cúng dường tám mươi ức chư Phật và hỏi về Phân biệt biện ấn Tam-muội này.

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Nếu có thiện nam, thiện nữ do vì Bồ-đề đem đồ trân bảo đầy trong hằng hà sa thế giới bố thí chẳng bằng thọ trì kinh này, đọc tụng thông thuộc, giảng giải chi tiết và rộng rãi cho người, cho đến biên chép, thì được công đức tối thượng tối thắng, huống là tu hạnh Bồ-đề của các Bồ-tát vậy.

Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Kinh này được gọi là gì và thọ trì thế nào?

Đức Phật dạy:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Nên gọi là kinh Phân Biệt Thuyết Ứng Biện, cũng gọi là kinh Thuyết Tam-muội Môn. Nên phụng trì như vậy.

Lúc Đức Phật nói kinh này, tám vạn ức chúng sinh chư Thiên và

người đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề quyết định chẳng thoái chuyển.

Bấy giờ Bồ-tát Biện Nghiêm bạch Phật:

– Bồ-tát Vô Cấu Thí này thời gian nào sẽ thành Vô thượng Bồ-đề?

Đức Phật dạy:

– Này Biện Nghiêm! Bồ-tát Vô Cấu Thí này quá số kiếp cúng dường quá số chư Phật xong sẽ được thành Phật hiệu Vô Cấu Quang Tướng Vương Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, đủ mười đức hiệu, thế giới hiệu Vô lượng đức trang nghiêm, thuần Đại thừa Bồ-tát không có hàng Nhị thừa Thanh văn, Bích-chi-phật, cõi ấy nghiêm sức vi diệu hơn các cõi trời.

Bồ-tát Vô Cấu Thí nghe Đức Phật thọ ký, tâm thanh tịnh hớn hở hiện lên hư không cao bằng tám mươi ức cây Đa-la, phóng ánh sáng lớn chiếu trăm ngàn ức thế giới chư Phật. Ngay trên đảnh Đức Thế Tôn hóa làm tám vạn bốn ngàn các thứ lọng báu trang nghiêm đẹp lạ bằng thiên bảo. Liền ở trong hư không dùng sức vô lượng thần túc cúng dường lễ bái vô lượng chư Phật mười phương, rồi trở về chỗ Đức Phật đứng sang một bên.

Bấy giờ Bà-la-môn Phạm Thiên và năm trăm Bà-la-môn nghe Đức Phật thọ ký Vô thượng Bồ-đề cho Bồ-tát Vô Cấu Thí và thấy sức vô lượng thần túc, đều hớn hở vui mừng đồng thanh nói kệ ca ngợi Đức Phật:

Người hay cung kính Phật
Được lợi ích đệ nhất
Phát tâm cầu Bồ-đề
Là Phật trí đệ nhất.
Xưa chúng tôi tạo ác
Nay sinh nhà tà kiến
Thấy Phật và chúng Tăng
Miệng phát ra lời ác.
Nay con thành tâm hối
Tội ác khẩu đã phạm
Thấy chư Phật tử hiền
Cho là điềm chẳng tốt.
Nếu chẳng thấy Như Lai
Tối tôn trong trời, người
Thì uổng thọ thân người
Uổng ăn uống để sống.
Con và Vô Cấu Thí
Xuất thành đi tế tự
Vô Cấu thấy Phật tử

Kính trọng và tán thán.
Chúng con thấy tán thán
Liền quở chỗ được khen
Chúng con liền hỏi cô
Đã từng thấy Phật chưa?
Cô ấy đáp chúng con
Mới sinh được bảy ngày
Nghe chư Thiên khen Phật
Cô ca ngợi Như Lai
Chân thật không sai khác
Chúng tôi nghe khen xong
Liền phát tâm tối thắng.
Cầu Bồ-đề Vô thượng
Vì tôi nghe hiệu Phật
Được tỏ ngộ túc nghiệp
Liền đến lạy Thế Tôn
Để cầu pháp tối thắng
Thấy Phật kính lạy rồi
Nghe pháp tối vô thượng
Thấy Đấng Thiên Nhân Tôn
Cầu thoát ly khổ tế
Pháp được Đức Phật nói
Chân thật hay độ đời
Chúng tôi học pháp ấy
Để được pháp vô thượng,
Nghe công hạnh Bồ-tát
Để được chư Phật pháp
Chúng tôi cũng nên tập
Để được thành Phật đạo.
Nói pháp môn xuất yếu
Hạnh của Bồ-tát làm
Tôi cũng hướng môn ấy
Được thế gian kính lễ.
Phật biết kia thành tâm
Vui vẻ mà mỉm cười
A-nan liền bạch Phật
Xin nói duyên cớ cười.
Đức Phật nói kệ bảo A-nan:

Năm trăm Bà-la-môn
Cùng Phạm chí Phạm Thiên
Đồng chung trong một kiếp
Kế nhau thành Chánh giác
Từng ở đời quá khứ
Cúng đủ năm trăm Phật
Từ nay do tu hành
Sẽ thấy ức số Phật
Trong tám mươi ức kiếp
Trọn chẳng sa nạn xứ
Ở trong mỗi mỗi kiếp
Sẽ thấy ức số Phật
Rồi sau đó sẽ thành
Đấng Tối Thắng Lưỡng Túc
Đều sẽ đồng một hiệu
Phạm Quang Minh Như Lai
Thọ mạng cũng đều đồng
Đủ tám mươi ức năm
Cõi nước đều đồng bằng
Đều tám mươi ức Tăng
Hóa độ vô lượng chúng
Lợi ích chúng sinh rồi
Sẽ nhập đại Niết-bàn
Chứng tịch tĩnh diệt độ.

Đức Phật nói kinh ấy rồi, Bồ-tát Vô Cấu Thí và đại chúng, Phạm chí Phạm Thiên năm trăm Bồ-tát Đại sĩ, vua Ba-tư-nặc, các đại Thanh văn, chúng trời cùng tám bộ chúng, người và hàng phi nhân, nghe lời Đức Phật dạy đều rất vui mừng tín thọ phụng hành.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 101

Hán dịch: Đời Đại Đường, Tam tạng
Pháp sư Bồ-đề-lưu-chí.

PHÁP HỘI 34: BỒ-TÁT CÔNG ĐỨC BẢO HOA PHU

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở thành Vương xá tại núi Kỳ-xà-quật cùng đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo và lại có vô lượng chúng Đại Bồ-tát cùng hội họp.

Bấy giờ trong pháp hội có Bồ-tát tên Khai Phu Công Đức Bảo Hoa đứng dậy bày vai áo bên phải, quỳ gối phải sát đất chắp tay hướng về phía Đức Phật mà bạch:

– Bạch Thế Tôn! Con có điều muốn bạch hỏi nơi Đức Thế Tôn, mong thương xót cho phép.

Đức Phật dạy:

– Này thiện nam! Cho phép ông hỏi, ta sẽ diễn giải cho.

Bồ-tát Công Đức Hoa bạch:

– Bạch Thế Tôn! Trong mười phương thế giới đã có chư Phật Như Lai hiện tại, nếu thiện nam, thiện nữ thọ trì danh hiệu mau được Vô thượng Bồ-đề chăng?

Đức Phật dạy:

– Lành thay, lành thay! Này Công Đức Hoa, ông có thể vì an lạc lợi ích cho trời, người thế gian và chúng sinh đời vị lai mà bạch hỏi Như Lai nghĩa của việc như vậy. Hãy lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ ta sẽ diễn giải cho.

Bồ-tát Công Đức Hoa bạch:

– Vâng, bạch Thế Tôn! Con xin rất thích muốn nghe.

Đức Phật dạy:

– Này Công Đức Hoa! Phương Đông có thế giới tên Nhất thiết pháp

công đức trang nghiêm, kiếp tên Phổ tập nhất thiết lợi ích, hiện có Phật hiệu Vô Lượng Công Đức Bảo Trang Nghiêm Oai Đức Vương Như Lai thọ mạng vô số, chúng hội vô lượng, vô biên đều là các Đại Bồ-tát thanh tịnh. Nếu thiện nam, thiện nữ tịnh tín thọ trì danh hiệu Đức Phật ấy, liền có thể diệt trừ sáu mươi ngàn kiếp tội sinh tử, chuyển thân được Đà-la-ni tên Nhạo thuyết vô ngại, lúc người này thuyết pháp thường được mười câu-chi thế giới chư Phật Thế Tôn ban cho biện tài, khiến được vô úy.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Nếu người thọ trì danh Phật ấy
Sẽ được các công đức như vậy
Cũng hay thành tựu thắng pháp khác
Mau chứng Vô thượng Phật Bồ-đề.

Lại nữa, này Công Đức Hoa! Phương Nam có thế giới tên Công đức bảo trang nghiêm, kiếp tên Quảng đại công đức, hiện có Phật hiệu Công Đức Bảo Thắng Trang Nghiêm Oai Đức Vương Như Lai. Nếu có thiện nam, thiện nữ tịnh tín thọ trì danh hiệu Đức Phật ấy, khi chuyển thân sẽ được Tam-muội tên Nhất luân quang minh biến chiếu, tùy nguyện sinh về các cõi Phật, cũng sẽ nhiếp thọ vô lượng công đức trang nghiêm ở cõi nước Phật, sinh về cõi kia rồi, người ấy đủ ba mươi hai tướng, được biện tài vô ngại, chuyển thân sẽ được Vô thượng Bồ-đề.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Nếu người thọ trì danh Phật ấy
Chuyển thân sẽ đắc định khó bàn
Dùng ba mươi hai tướng trang nghiêm
Một đời sẽ chứng quả Bồ-đề.

Lại nữa, này Công Đức Hoa! Phương Tây có thế giới tên Ly nhất thiết ưu ám, kiếp tên Năng thắng vương, hiện có Đức Phật hiệu Nhất Thiết Pháp Thù Thắng Biện Tài Trang Nghiêm Như Lai. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào tinh tấn thọ trì danh hiệu Đức Phật ấy thì độc không thể làm hại, đao không thể làm thương tổn, lửa không thể thiêu cháy, nước không thể cuốn chìm, xả bỏ thân này rồi sẽ được thọ thân hóa sinh, hộ trì Đà-la-ni tên là Bách toàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Nếu người thọ trì danh Phật ấy
Nước, lửa, dao, độc không hại được
Chuyển thân sẽ thọ báo hóa sinh
Thành tựu Bách Toàn Đà-la-ni.

Lại nữa, này Công Đức Hoa! Phương Bắc có thế giới tên Lý trần ám, kiếp tên Trì đại danh xưng, hiện có Phật hiệu Tích Tập Vô Lượng Biện Tài Trí Tuệ Như Lai, nếu có thiện nam, thiện nữ tịnh tín thọ trì danh hiệu Phật ấy, thì người ấy phụng sự sáu mươi câu-chi na-do-tha Phật, được Đà-la-ni tên Biến nhất thiết xứ, Đà-la-ni tên Vô tận tạng, cho đến lúc chưa thành Vô thượng Bồ-đề, hoàn toàn không đọa vào ba ác đạo, thường được vãng sinh cõi nước chư Phật, tu hạnh Bồ-tát, độ thoát vô lượng chúng sinh ác đạo, sẽ được chẳng thoái chuyển nơi Vô thượng Bồ-đề.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Nếu người thọ trì danh Phật ấy
Sẽ được công đức vô biên lượng
Quyết định sẽ được Đà-la-ni
Thành tựu quả Bồ-đề Vô thượng.

Lại nữa, này Công Đức Hoa! Phương Đông Nam có thế giới tên Thắng diệu trang nghiêm, kiếp tên Xuất sinh công đức, hiện có Phật hiệu Thiên Vân Lôi Hống Thanh Vương Như Lai, nếu có thiện nam, thiện nữ tịnh tín thọ trì danh Phật ấy, thì chuyển thân sẽ được bốn sự không sợ hãi của Phật, bốn Thần túc, đại Từ, đại Bi, mười tám pháp Bất cộng, được cõi nước công đức trang nghiêm, cũng như thế giới Cực lạc phương Tây. Nếu có nữ nhân hay thọ trì danh hiệu Đức Phật ấy, thì chuyển thân sẽ được thân trượng phu.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Nếu người thọ trì danh Phật ấy
Được công đức thắng chẳng nghĩ bàn
Họ thường được thấy vô lượng Phật
Nữ nhân sẽ chuyển thân trượng phu.

Lại nữa, này Công Đức Hoa! Phương Tây nam có thế giới tên Vô lượng trang nghiêm, kiếp tên Năng sinh diệu pháp, hiện có Phật hiệu Tối Thượng Diệu Sắc Thù Thắng Quang Minh Như Lai. Nếu có thiện nam, thiện nữ tịnh tín thọ trì danh Phật ấy, tức là người đó phụng sự chín mươi câu-chi chư Phật Như Lai, được Tam-muội tên Độ thoát nhất thiết chúng sinh. Tại sao tên là Độ thoát nhất thiết chúng sinh? Lúc thiện nam, thiện nữ y Tam-muội này mà thuyết pháp, thì có thể khiến cho chúng sinh ác đạo trong tam thiên đại thiên thế giới được giải thoát, sinh vào cõi trời, người, tất cả đều được an lạc, quyết định đắc chứng Vô thượng Bồ-đề, đúng như chúng sinh trong cõi của Như Lai Duyệt Ý, thường thụ hưởng an lạc.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Nếu người thọ trì danh Phật ấy
Sinh ra thường có đại oai đức
Các căn sắc lực đều thù thắng
Trí tuệ vô biên vô sở trước.

Lại nữa, này Công Đức Hoa! Phương Tây bắc có thế giới Ly cấu, kiếp tên Quảng tộc, hiện có Phật hiệu Chủng Chủng Thắng Quang Minh Oai Đức Vương Như Lai. Nếu có thiện nam, thiện nữ tịnh tín thọ trì danh Phật ấy, thì chuyển thân được vô lượng biện tài trang nghiêm Đà-la-ni, hay thọ trì pháp đã được tuyên thuyết của tám mươi câu-chi Đức Phật, được cõi nước công đức trang nghiêm như thế giới Cực lạc ở phương Tây.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Nếu người thọ trì danh Phật ấy
Quốc độ như cõi Vô Lượng Thọ
Thành tựu pháp trí rất sâu xa
Một đời sẽ chứng Phật Bồ-đề.

Lại nữa, này Công Đức Hoa! Phương Đông bắc có thế giới tên Vô ưu, kiếp tên Biện tài trang nghiêm, hiện có Phật hiệu Vô Số Kiếp Tích Tập Bồ-đề Như Lai. Nếu có thiện nam, thiện nữ tịnh tín thọ trì danh Phật ấy, tức là người ấy cúng dường tám mươi câu-chi Phật Thế Tôn, chuyển thân đầy đủ sáu mươi thứ ngôn âm biện tài.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Nếu người thọ trì danh Phật ấy
Trí tuệ vô biên đến bờ kia
Như cúng sáu mươi câu-chi Phật
Chuyển thân sẽ chứng diệu biện tài.

Lại nữa này Công Đức Hoa! Phương trên có thế giới tên Vô lượng công đức trang nghiêm oai đức, kiếp tên Vô lượng hống thanh, hiện có Phật hiệu Hư Không Hống Thanh Tịnh Diệu Trang Nghiêm Quang Minh Chiếu Như Lai. Nếu có thiện nam, thiện nữ tịnh tín thọ trì danh Phật ấy, thì nơi sinh ra là chủng tộc tôn quý được mẫn, tuệ, thông đạt văn từ thế tục, phát ngôn được người tín thọ, trong các địa đầy đủ thanh tịnh giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, có Túc mạng trí, được năm thần thông, cũng sẽ được mười tám pháp Bất cộng của Phật, mau thành Vô thượng Bồ-đề.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Nếu người thọ trì danh Phật ấy
Sinh ra chưa hề rời chư Phật

Có đủ tám thứ Phạm âm thanh
Mau chứng quả Bồ-đề Vô thượng.

Lại nữa, này Công Đức Hoa! Phương dưới có thế giới tên Chủng chủng âm thanh, kiếp tên Tích tập trí tuệ, hiện có Phật hiệu Nhất Thiết Pháp Môn Thần Biến Oai Đức Quang Minh Chiếu Diệu Như Lai. Nếu có thiện nam, thiện nữ tịnh tín thọ trì danh Phật ấy, thì chuyển thân sẽ được Đà-la-ni tên Thành tựu chánh giác, người ấy có thể thọ trì pháp được nói của chín mươi câu-chi Đức Phật Như Lai, một đời sẽ được Vô thượng Bồ-đề.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Nếu người thọ trì danh Phật ấy
Được thành Chánh giác Đà-la-ni
Hay trì chánh pháp vô lượng Phật
Một đời chứng được đại Bồ-đề.

Bấy giờ Bồ-tát Khai Phu Công Đức Bảo Hoa và Bồ-tát Nhất Thiết Công Đức Biện Tài Âm được môn Đà-la-ni, tám vạn câu-chi Bồ-tát đều hướng đến Vô thượng Bồ-đề, đắc không thoái chuyển, ba na-do-tha chúng trời và người, đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Đức Phật nói kinh này rồi, Bồ-tát Công Đức Hoa và đại chúng cùng tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà… nghe lời Phật dạy đều rất vui mừng tín thọ phụng hành.

□

PHÁP HỘI 35: THIÊN TỬ THIỆN ĐỨC

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở nước Xá-vệ tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc cùng đại chúng một ngàn vị Tỳ-kheo đều hội họp, mười ngàn Đại Bồ-tát với Thiên tử Thiện Đức đồng ở trong pháp hội.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Ông nên vì chư Thiên đại chúng và Bồ-tát mà diễn nói cảnh giới sâu xa của chư Phật.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Vâng, bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ muốn biết cảnh giới Phật, thì nên biết là chẳng phải cảnh giới của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, chẳng phải cảnh giới sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp.

Bạch Thế Tôn! Chẳng phải cảnh giới là cảnh giới Phật. Vì nghĩa ấy nên như Vô thượng Bồ-đề của Phật đã được là cảnh giới gì ư?

Đức Phật dạy:

– Cảnh giới không, vì các nhận thức đều bình đẳng, cảnh giới vô tướng vì tất cả tướng bình đẳng, cảnh giới vô nguyện vì ba cõi bình đẳng, cảnh giới vô tác vì hữu tác bình đẳng, cảnh giới vô vi vì hữu vi bình đẳng.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là cảnh giới vô vi?

Đức Phật dạy:

– Vô niệm là cảnh giới vô vi.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Bạch Thế Tôn! Nếu vô vi… là cảnh giới Phật mà tất cả là vô niệm thì nương vào đâu để nói, vì không chỗ nương nên không chỗ giảng thuyết, vì không sự thuyết nên chẳng thể nêu bày.

Bạch Thế Tôn! Cảnh giới chư Phật là chẳng thể nêu bày.

Đức Phật dạy:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Cảnh giới Phật sẽ phải cầu ở đâu?

Bạch Thế Tôn! Nên ở trong phiền não của tất cả chúng sinh mà cầu. Vì sao? Vì tánh phiền não của chúng sinh chẳng thể nắm bắt, chẳng phải chỗ biết của Thanh văn, Duyên giác, đây gọi là cảnh giới chư Phật.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cảnh giới Phật có tăng có giảm chăng?

– Bạch Thế Tôn! Không tăng không giảm.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào biết rõ bản tánh phiền não của chúng sinh?

– Bạch Thế Tôn! Như cảnh giới Phật không tăng không giảm, bản tánh phiền não cũng không tăng không giảm.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là bản tánh phiền não?

– Bạch Thế Tôn! Bản tánh phiền não là bản tánh cảnh giới Phật. Bạch Thế Tôn! Nếu bản tánh phiền não khác cảnh giới Phật, thì chẳng nói Đức Phật an trụ trong tất cả pháp có yếu tánh bình đẳng. Vì tánh phiền não là yếu tánh cảnh giới Phật, nên nói Đức Phật an trụ yếu tánh bình đẳng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ông thấy Như Lai an trụ bình đẳng gì?

– Bạch Thế Tôn! Như chỗ con hiểu thì hiện hành tham, sân, si của chúng sinh, chỗ trụ của nó bình đẳng, là chỗ trụ của Phật.

Này Văn-thù-sư-lợi! Hiện hành tam độc phiền não của chúng sinh trụ

bình đẳng gì?

– Bạch Thế Tôn! Trụ trong yếu tánh của bình đẳng Không, Vô tướng, Vô nguyện.

– Này Văn-thù-sư-lợi! Trong tánh không ấy sao lại có tham, sân, si?

– Bạch Thế Tôn! Ở trong sự hiện hữu ấy, tánh không hiện hữu, tánh không có tham, sân, si hiện hữu.

Này Văn-thù-sư-lợi! Trong cái hiện hữu nào nói có tánh không?

– Bạch Thế Tôn! Trong văn tự ngữ ngôn nói có tánh không. Vì có tánh không nên có tham, sân, si. Như Phật đã nói: "Này các Tỳ-kheo! Có vô sinh, vô vi, vô tác, vô khởi. Nếu vô sinh, vô vi, vô tác, vô khởi mà chẳng có thì cũng chẳng thể nói có hữu sinh, hữu vi, hữu tác, hữu khởi. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Do có vô sinh, vô vi, vô tác, vô khởi nên được nói hữu sinh hữu vi, hữu tác, hữu khởi".

Bạch Thế Tôn! Như vậy nếu không có tính không vô tướng vô nguyện thì chẳng thể nói tham, sân, si… tất cả kiến chấp.

– Này Văn-thù-sư-lợi! Do nghĩa ấy nên như lời ông nói trụ phiền não là trụ tánh không.

– Bạch Thế Tôn! Nếu người quán hạnh mà lìa phiền não để cầu tánh không thì chẳng tương ưng, sao lại có tánh không khác với phiền não. Nếu quán phiền não tức là tánh không, thì là chánh tu hành vậy.

– Này Văn-thù-sư-lợi! Ông trụ phiền não hay lìa phiền não?

– Bạch Thế Tôn! Tất cả phiền não thảy đều bình đẳng, bình đẳng như vậy, đấy là chánh tu hành của con, vào bình đẳng ấy, thì chẳng lìa phiền não, chẳng trụ phiền não.

Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn tự cho mình ly dục, mà thấy phiền não của người, thì mắc phải hai kiến chấp: Một là có phiền não là thường kiến; hai là nói không phiền não là đoạn kiến.

Bạch Thế Tôn! Người chánh tu hành chẳng thấy có các tướng mình, tướng người, tướng có, tướng không. Vì sao? Vì sáng tỏ tất cả pháp vậy.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nương vào đâu để chánh tu hành?

– Bạch Thế Tôn! Người chánh tu hành là không có chỗ nương.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chẳng nương nơi đạo để tu hành ư?

– Bạch Thế Tôn! Nếu có chỗ nương mà tu hành thì là hữu vi, nếu hành hữu vi thì chẳng phải bình đẳng, là chẳng lìa sinh trụ diệt.

Này Văn-thù-sư-lợi! Trong vô vi phải chăng có số ư?

– Bạch Thế Tôn! Nếu vô vi có số thì là hữu vi chẳng gọi là vô vi.

– Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu Thánh giả chứng được vô vi, thì pháp này hiện hữu, há không số sao?

– Bạch Thế Tôn! Vì pháp không số, nên Thánh giả xa lìa số, vì không số vậy.

– Này Văn-thù-sư-lợi! Ông chứng Thánh pháp hay chẳng chứng?

– Bạch Thế Tôn! Nếu hỏi người huyễn hóa rằng, ông chứng Thánh pháp hay chẳng chứng thì người đó sẽ đáp thế nào?

– Này Văn-thù-sư-lợi! Xét về người huyễn hóa thì không thể nói có chứng hay không chứng.

– Bạch Thế Tôn! Đức Phật đã chẳng dạy rằng tất cả pháp đều như huyễn sao?

– Này Văn-thù-sư-lợi! Đúng như vậy.

– Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp như huyễn, sao lại hỏi rằng ông chứng thánh pháp hay chẳng chứng?

– Này Văn-thù-sư-lợi! Trong ba thừa ông chứng bình đẳng nào?

– Bạch Thế Tôn! Phật giới bình đẳng, con chứng như vậy.

– Này Văn-thù-sư-lợi! Ông được cảnh giới Phật ư?

– Bạch Thế Tôn! Nếu Thế Tôn được thì con được.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Đức Như Lai chẳng đắc cảnh giới Phật ư?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Tôn giả có đắc chăng trong cảnh giới Thanh văn?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

– Sự giải thoát của Thánh giải, chẳng phải đắc chẳng phải không đắc.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Đúng như vậy. Như Lai giải thoát chẳng phải có cảnh giới chẳng phải không cảnh giới.

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

– Ngài chẳng sẽ vì giữ gìn bảo hộ Bồ-tát ban đầu mới phát tâm, mà thuyết pháp chứ!

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Ý Tôn giả thế nào, nếu có vị y sĩ vì thủ hộ bệnh nhân, mà chẳng cho uống thuốc đắng cay chua chát, thì việc ấy là chữa lành hay là để chết?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

– Đó là để chết khổ, chớ chẳng phải ban cho an vui.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Cũng vậy, người thuyết pháp nếu thủ hộ người nghe, e rằng họ kinh sợ mà giấu các nghĩa sâu xa, như vậy chỉ dùng văn từ câu nghĩa tạp cạn để diễn thuyết, thì là trao cho chúng sinh những khổ sinh, già, bệnh, chết, mà chẳng ban cho họ Niết-bàn an lạc.

Lúc nói pháp này, có năm trăm Tỳ-kheo chẳng thọ các pháp lậu tận tâm tỏ ngộ, tám ngàn chư Thiên xa rời trần cấu, ở trong các pháp, được Pháp nhãn thanh tịnh, bảy trăm Thiên tử phát tâm Vô thượng Bồ-đề, phát nguyện rằng đời vị lai chúng tôi sẽ được biện tài như Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Ngài lẽ nào chẳng dùng pháp Thanh văn để vì người Thanh văn mà nói ư?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Tất cả pháp của các thừa tôi được thừa trên đó.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

– Ngài là Thanh văn, là Bích-chi-phật hay là Chánh Đẳng Giác?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Tôi là Thanh văn vì chẳng do nơi âm thanh của người khác mà sinh hiểu biết vậy. Tôi là Bích-chi-phật vì chẳng bỏ đại Bi, Vô sở úy vậy. Tôi là Chánh đẳng giác vì chẳng bỏ bản nguyện vậy.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

– Ngài là Thanh văn thế nào?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Các chúng sinh kia chưa từng được nghe pháp, vì khiến họ được nghe nên tôi làm Thanh văn.

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

– Ngài làm Bích-chi-phật thế nào?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Pháp chúng sinh giới vì làm cho họ hiểu nên gọi tôi là Bích-chi-phật.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

– Ngài làm Chánh đẳng giác thế nào?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Tất cả các pháp, pháp giới bình đẳng, vì biết rõ như vậy nên tôi làm Chánh đẳng giác.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

– Ngài quyết định trụ địa nào?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Tôi trụ tất cả địa vậy.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

– Ngài cũng trụ phàm phu địa chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Tôi cũng quyết định trụ phàm phu địa.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

– Có mật ý gì mà ngài nói như vậy?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Vì tất cả pháp tự tánh bình đẳng nên tôi nói như vậy.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

– Nếu tất cả pháp tự tánh bình đẳng, thì ở chỗ nào mà lập thành các pháp: Đây là Thanh văn địa, là Bích-chi-phật địa, là Bồ-tát Phật địa ư?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Như trong mười phương hư không giới, mà nói rằng đây là Đông phương hư không, đây là Nam, Tây, Bắc bốn góc, trên, dưới phương hư không. Nói có các phương hư không sai biệt như vậy, chẳng phải ở nơi hư không có khác nhau. Vì thế, nên thưa Tôn giả, y cứ trong tất cả pháp, rốt ráo không, mà lập thành tướng các địa, cũng chẳng phải không tánh có sai khác.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

– Ngài đã chứng nhập Chánh tánh ly sinh rồi chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Tôi đã chứng nhập nhưng cũng lại xuất.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

– Sao đã chứng nhập mà lại còn xuất?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Tôn giả nên biết! Đây là trí tuệ phương tiện của Bồ-tát, ở nơi chánh tánh ly sinh như thật, chứng nhập rồi, tiện mà xuất là phương tiện vậy. Ví

như có người rất giỏi thuật bắn tên, có một kẻ oán thù, bậc thầy bắn tên này nghĩ muốn giết hại. Xạ sư lại có một con trai rất thương yêu. Bấy giờ con trai ấy đang ở trong đồng hoang, xạ sư nhận lầm là kẻ thù, buông tên ra, đứa con la lên, xạ sư có sức thần tốc vọt đến bên con bắt lấy mũi tên ấy. Cũng vậy, vì điều phục Thanh văn, Bích-chi-phật nên Bồ-tát nhập chánh vị rồi từ đó mà xuất, chẳng sa vào Thanh văn địa, Bích-chi-phật địa, do nghĩa này mà gọi là Phật địa.

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

– Thế nào mà Bồ-tát được địa ấy?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Nếu các Bồ-tát trụ tất cả địa, mà không có chỗ trụ, thì được địa này. Nếu hay diễn nói tất cả địa, mà chẳng trụ địa hạ liệt, là được địa này. Nếu có tu hành vì hết tất cả chúng sinh phiền não, mà pháp giới vô tận, dù trụ vô vi mà hành hữu vi, ở trong sinh tử tưởng như vườn nhà chẳng cầu Niết-bàn là được địa này. Có bao nhiêu chí nguyện đều khiến viên mãn, được vô ngã nhẫn thành thục chúng sinh là được địa này, có trí tuệ Phật, mà chẳng sinh lòng sân hận đối với kẻ vô trí là được địa này, vì người cầu pháp mà chuyển pháp luân, nhưng ở nơi pháp giới không có sai biệt tu hành như vậy là được địa này.

Lại nữa, nếu các Bồ-tát xô dẹp ma oán, mà hiện làm bốn ác ma là được địa này.

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

– Hạnh Bồ-tát ấy, tất cả thế gian rất khó tin được.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Đúng như lời Tôn giả, hạnh Bồ-tát ấy vượt hẳn pháp thế gian.

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

– Bồ-tát nên vì tôi mà nói pháp vượt hẳn thế gian ấy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Luận về thế gian thì thế gian gọi là năm uẩn. Trong các uẩn ấy, sắc là tánh chất của khối bọt nước, thọ là tánh chất của bong bóng nước, tưởng là tánh chất của sóng nắng, hành là tánh cây chuối, thức là tánh ảo huyễn. Như vậy nên biết bốn tánh thế gian là khối bọt, bóng nước, sóng nắng, cây chuối, ảo huyễn, trong ấy không có uẩn, không có danh tự uẩn, không có chúng sinh không có danh tự chúng sinh, không có thế gian pháp, vượt hẳn thế gian. Ở nơi năm uẩn nếu nhận thức đúng như vậy, thì gọi là thắng giải. Nếu chính thắng giải thì bản lai giải thoát. Nếu bản lai giải thoát thì chẳng

tham trước thế gian. Nếu chẳng trước thế pháp, thì đó là pháp siêu việt thế gian.

Lại nữa, này Tôn giả Tu-bồ-đề! Năm uẩn bản tánh không, nếu bản tánh không, thì không có ngã ngã sở, nếu không có ngã ngã sở tức là không hai. Nếu vốn là không hai, thì không có lấy hoặc bỏ, vì không có lấy hoặc bỏ nên không đắm trước, vì không đắm trước nên pháp siêu việt thế gian.

Lại nữa, này Tôn giả Tu-bồ-đề! Năm uẩn ấy thuộc nhân duyên, nếu thuộc nhân duyên thì chẳng thuộc ngã, chẳng thuộc chúng sinh, nếu chẳng thuộc ngã chúng sinh tức là vô chủ, vô chủ thì vô thủ, vô thủ thì vô tránh. Vô tránh luận là pháp Sa-môn, như tay vẽ trong hư không chẳng có chạm đụng. Tu hành không, bình đẳng tánh như vậy, thì pháp siêu việt thế gian.

Lại nữa, này Tôn giả Tu-bồ-đề! Năm uẩn pháp giới đồng nhập pháp giới tức là không có giới. Nếu không có giới thì không có các giới đất nước gió lửa, không ngã, chúng sinh thọ mạng, không Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, không hữu vi, vô vi, sinh tử, Niết-bàn giới. Nhập giới này rồi thì cùng chung với thế gian mà không sở trụ. Nếu không sở trụ thì pháp siêu việt thế gian.

Lúc nói pháp siêu việt thế gian, có hai trăm Tỳ-kheo chẳng thọ các pháp lậu tận, tâm tỏ ngộ, đồng cởi y Uất-đa-la-tăng choàng lên mình Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mà đồng thanh xướng rằng:

– Nếu người chẳng tin hiểu pháp môn này thì người ấy không chỗ được cũng không chỗ chứng.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi các Tỳ-kheo:

– Các Trưởng lão! Các vị được chứng chút ít, được đắc chút ít nào chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Nếu là kẻ tăng thượng mạn thì có thể nói là có đắc, có chứng. Pháp của Sa-môn không tăng thượng mạn thì không đắc, không chứng. Họ ở đâu mà động niệm ấy? Tự cho rằng tôi được như vậy, tôi chứng như vậy. Nếu ở trong đây mà sinh động niệm là ma nghiệp.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

– Này các Trưởng lão! Như chỗ hiểu của các vị thì được gì chứng gì mà nói như vậy?

Các Tỳ-kheo nói:

– Chỉ có Đức Thế Tôn và Văn-thù-sư-lợi biết chỗ được chỗ chứng của tôi. Bạch Tôn giả! Như chỗ tôi hiểu, nếu chẳng biết rõ tướng Khổ,

tướng Tập, tướng Diệt, tướng Đạo, mà nói rằng Khổ ấy tôi phải biết tức là tăng thượng mạn, Tập ấy phải dứt, Diệt ấy phải chứng, Đạo ấy phải tu đều là tăng thượng mạn. Họ chẳng biết rõ tướng Khổ, Tập, Diệt, Đạo, mà nói rằng Khổ tôi đã biết, Tập tôi đã dứt, Diệt tôi đã chứng và Đạo tôi đã tu, tất cả đều là tăng thượng mạn.

Thế nào là Khổ tướng? Đó là vô sinh tướng; Tập, Diệt, Đạo tướng cũng vậy.

Nếu là vô sinh tướng thì là vô tướng, trong ấy vô sở đắc, không có chút Khổ để biết, Tập để dứt trừ, Diệt để chứng và Đạo để tu trì. Nếu ở trong nghĩa Thánh đế được nói đây, mà chẳng kinh chẳng sợ, thì chẳng phải tăng thượng mạn, còn nếu có kinh có sợ là tăng thượng mạn.

Đức Thế Tôn khen các Tỳ-kheo:

– Lành thay, lành thay! Này Tu-bồ-đề, trong thời chánh pháp của Phật Ca-diếp, các Tỳ-kheo ấy đã được nghe Văn-thù-sư-lợi diễn nói pháp sâu xa ấy. Vì thuở xưa đã tu pháp sâu xa, nên nay được nghe liền tùy thuận, hiểu rõ một cách mau chóng. Ở trong pháp của ta, theo tuần tự như vậy, người nghe pháp sâu xa ấy mà có thể tin hiểu, tất cả sẽ quy nhập trong số đại chúng thuộc về pháp của Phật Di-lặc.

Bấy giờ Thiên tử Thiện Đức bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Bồ-tát luôn luôn thuyết pháp tại Diêm-phù-đề, chúng tôi xin thỉnh Bồ-tát đến cung Đâu-suất. Các Thiên tử nơi ấy cũng đã trồng căn lành rộng lớn từ lâu, họ được nghe pháp sẽ được hiểu rõ. Vì họ ham vui nên không thể đến chỗ Phật nghe pháp để phải mất lợi ích.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền hiện thần biến, khiến Thiên tử Thiện Đức và tất cả chúng hội đều tự thấy mình vào cung trời Đâu-suất, thấy vườn rừng cung điện lâu đài nơi ấy báu đẹp trang nghiêm. Các đài báu từng cấp cao rộng đến hai mươi từng, các màn lưới báu và các hoa trời bủa khắp mọi nơi, các loài chim lạ bay lượn reo hót trong hư không có các Thiên nữ rải hoa Mạn-đà-la, ca vịnh khen tặng du hý khoái lạc.

Thấy vậy Thiên tử Thiện Đức bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Rất hy hữu! Bạch Bồ-tát! Sao chúng tôi đến cung trời Đâu-suất quá mau như vậy? Thấy những lâu đài và chư Thiên, mong Bồ-tát vì họ mà thuyết pháp.

Tôn giả Tu-bồ-đề bảo Thiên tử Thiện Đức:

– Ông chẳng rời lìa pháp hội mà đến chỗ khác, đó là Văn-thù-sư-lợi biến hóa khiến Bồ-tát tự thấy mình vào cung trời Đâu-suất.

Thiên tử Thiện Đức bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Rất hy hữu! Văn-thù-sư-lợi du hí Tam-muội thần thông biến hóa, trong một sát-na liền khiến toàn đại hội này, đều nhập cung trời Đâu-suất.

Đức Phật dạy:

– Này Thiên tử Thiện Đức! Thiên tử đâu thấy thần thông biến hóa của Văn-thù-sư-lợi. Như chỗ ta biết thì Văn-thù-sư-lợi nếu muốn đem hằng sa cõi Phật công đức trang nghiêm, tập hợp tại một cõi Phật thì liền có thể thực hiện được. Bồ-tát ấy hoặc dùng đầu ngón tay, cất hằng sa cõi Phật qua khỏi hằng sa cõi Phật ở phương trên, rồi đặt tại hư không. Hoặc có thể đem nước của tất cả biển lớn trong các cõi Phật để vào một lỗ lông, mà loài thủy tộc không hề thấy chật hẹp và đều tự thấy chẳng rời khỏi biển. Hoặc có thể đem tất cả núi Tu-di trong các thế giới để vào trong một hạt cải, mà chư Thiên ở núi Tu-di đều tự cho mình vẫn ở bản cung. Hoặc có thể đem tất cả năm đường của chúng sinh trong các thế giới, đặt trong bàn tay, rồi cho hưởng đồ dùng đẹp báu như cõi nước Nhất thiết lạc trang nghiêm. Hoặc có thể đem tất cả khối lửa trong các thế giới để vào trong một khăn bông Đâu-la. Hoặc có thể dùng một lỗ lông có thể che đậy tất cả mặt trời, mặt trăng của các thế giới. Tùy chỗ đáng làm Bồ-tát đều làm được cả.

Lúc bấy giờ ác ma hóa làm Tỳ-kheo bạch:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con muốn thấy Văn-thù-sư-lợi hiện tiền, làm những thần thông biến hóa ấy, cần gì phải tuyên lời nói suông như vậy, khiến các thế gian khó tin được.

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Ông nên ở trong chúng hội này mà hiện thần biến.

Văn-thù-sư-lợi chẳng rời chỗ ngồi, nhập tâm tự tại Nhất thiết pháp trang nghiêm Tam-muội, liền thị hiện thần biến đúng như lời Đức Phật đã trình bày.

Lúc đó, ma cùng chúng hội và Thiên tử Thiện Đức đều thấy. Đại chúng khen chưa từng có và đồng nói:

– Lành thay, lành thay! Do Phật xuất hiện mà hiện hữu vị Chánh sĩ này ở trong thế gian mà có thể khai thị pháp môn, hiển lộ các thần diệu.

Do oai thần của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, nên ác ma bạch:

– Bạch Thế Tôn! Rất hy hữu! Văn-thù-sư-lợi có thần thông như vậy, nay chúng hội này cũng đều hy hữu, vì tin hiểu được thần thông biến hóa của Văn-thù-sư-lợi. Bạch Thế Tôn! Dù cho có hằng hà sa ác ma cũng chẳng

lưu nạn được các thiện nam, thiện nữ tin hiểu này. Con cũng là ác ma Ba-tuần hằng tìm dịp hại Phật, não loạn chúng sinh. Từ đây về sau con lập thệ nguyện: Nếu xứ nào có pháp môn này lưu hành, mà có người tin hiểu ưa thích thọ trì đọc tụng diễn nói, thì ngoài trăm do-tuần bốn phía chỗ ấy, con chẳng đi qua trong đó.

Bạch Thế Tôn! Nhưng quyến thuộc nếu có kẻ muốn đoạn diệt pháp Như Lai nên khiến người tu hành tâm niệm tán loạn, vì hàng phục họ nên con nói chú Đà-la-ni. Nếu thiện nam, thiện nữ ở nơi pháp môn này, biên chép, đọc tụng vì người diễn thuyết, chư Thiên ma sẽ được lợi lành, khiến người thuyết pháp thân tâm vui đẹp siêng năng tu tập, cũng ban cho biện tài vô ngại và Đà-la-ni, cùng với việc thừa sự cung cấp y phục, ẩm thực, giường nằm, thuốc thang chẳng để thiếu thốn.

Ba-tuần liền nói chú:

– Đát diệt tha. A mạt lệ. Tì mạt lệ. Thế đa đê. A yết tì. Thị đa thiết đỗ rô. Thệ duệ đỗ dã phiệt đê. Bộ đa phiệt đê già mễ lệ. Phiến đê. Tô phổ đê. Phổ phổ tế. Địa rị tô khê. Vị đề. Khả nghệ. Mễ tẩy lễ. Ương củ lệ bạt lệ. Hô lô hốt lê. Sách hê. Thâu thú mễ đề địa rị. A na phiệt đê để sử tra nệ. Khất lợi đa rị đê. Khất rị đa phí đê. Phì lô giá đô phí để mạn đát ra bột trì na đà lộ ca. Á bạt la mục đa ế phạ tô rị gia.

Bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ chuyên tinh thọ trì Đà-la-ni này, thì tâm họ chẳng tán loạn, thường được Trời, Rồng, Thần, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già… thủ hộ, tất cả ác quỷ không làm hại được.

Lúc ma Ba-tuần nói chú ấy, tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách.

Đức Thế Tôn khen ma Ba-tuần:

– Lành thay, lành thay! Này Ba-tuần! Khá khen sự biện tài của ông, ông nên biết đó là cảnh giới thần thông của Văn-thù-sư-lợi.

Lúc Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hiện thần thông và ma Ba-tuần nói chú, có ba vạn hai ngàn chư Thiên phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nhiếp thần lực lại, khiến đại chúng tự thấy như cũ.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo Thiên tử Thiện Đức:

– Ông đến trời Đâu-suất phổ cáo cho Thiên chúng hay rằng tôi sẽ đến đó.

Thiên tử Thiện Đức cùng quyến thuộc đảnh lễ chân Phật và Bồ-tát,

Thanh văn đại chúng rồi, bỗng ẩn mất, giây lát về đến cung trời Đâu-suất phổ cáo khắp Thiên chúng:

– Thiên chúng nên biết! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vì thương xót Thiên chúng nên muốn đến đây. Thiên chúng phải nên bỏ các dục lạc lìa xa kiêu mạn, cung kính tôn trọng tùy thuận nghe pháp.

Thiên tử Thiện Đức trang nghiêm đạo tràng đúng theo pháp rồi chắp tay thỉnh:

– Bạch ngài Văn-thù-sư-lợi! Nay đã đến giờ.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng một vạn Bồ-tát và năm trăm đại Thanh văn cùng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà… lễ chân Đức Phật rồi ẩn, hiện đến cung trời Đâu-suất theo thứ tự ngồi nơi đạo tràng. Các đại chúng đều nghe trời Tứ Thiên vương, trời Đao-lợi, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa lạc, trời Tha hóa, trời Ma chúng, Phạm chúng đến trời Hữu đảnh xướng:

– Nay Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở tại cung trời Đâu-suất, chánh pháp sẽ được tuyên giảng.

Chư Thiên nghe lời xướng này, có vô số trăm ngàn đồng đến tập hội, cả cung trời Dục giới không đủ chỗ dung chứa. Do thần lực của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi khiến chư Thiên chúng tự thấy rộng rãi không trở ngại nhau.

Thiên tử Thiên Đức bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Đại chúng đã vân tập xong xin Bồ-tát thuyết pháp cho.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo Thiên tử Thiện Đức:

– Có bốn pháp Bồ-tát an trụ chẳng phóng dật, thì có thể nhiếp thủ tất cả Phật pháp. Những gì là bốn?

1. An trụ giới luật, đủ đa văn.

2. An trụ thiền định mà hành trí tuệ.

3. An trụ thần thông mà khởi đại trí.

4. An trụ tịch tĩnh mà thường quan sát.

Này Thiên tử! Có tám pháp quy nhập giới luật. Những gì là tám?

1. Thân thanh tịnh.

2. Ngữ thanh tịnh.

3. Ý thanh tịnh.

4. Kiến thanh tịnh.

5. Đầu-đà công đức thanh tịnh.

6. Mạng thanh tịnh.

7. Bỏ lìa tất cả dị tướng.

8. Đem lợi cầu lợi thanh tịnh và chẳng xả bỏ tâm Nhất thiết trí thanh tịnh.

Đây là tám pháp quy nhập giới luật.

Lại có tám pháp nhập Đa văn. Những gì là tám?

1. Tôn trọng.
2. Khiêm hạ.
3. Phát khởi tinh tấn.
4. Chẳng mất chánh niệm.
5. Nghe pháp liền thọ trì.
6. Tâm khéo quan sát.
7. Đem pháp được nghe, dạy lại kẻ khác.
8. Chẳng tự khen, mà chê người

Đây là tám pháp quy nhập Đa văn.

Lại có tám pháp quy nhập Thiền định. Những gì là tám?

1. Tịch tĩnh, ở A-lan-nhã.
2. Bỏ lìa ồn ào.
3. Chẳng nhiễm cảnh giới.
4. Thân tâm khinh an.
5. Tâm duyên định cảnh.
6. Tuyệt các tướng âm thanh.
7. Bớt ăn uống, ăn vừa nuôi thân.
8. Chẳng chấp giữ Thánh lạc.

Đây là tám pháp quy nhập Thiền định.

Lại có tám pháp quy nhập Trí tuệ. Những gì là tám?

1. Uẩn thiện xảo.
2. Giới thiện xảo.
3. Xứ thiện xảo.
4. Các duyên khởi thiện xảo.
5. Đế thiện xảo.
6. Ba đời thiện xảo.
7. Tất cả thừa thiện xảo.
8. Tất cả Phật pháp thiện xảo.

Đây là tám pháp quy nhập Trí tuệ.

Lại có tám pháp quy nhập Thần thông. Những gì là tám?

1. Thiên nhãn thông vì thấy không chướng ngại.
2. Thiên nhĩ thông vì nghe không chướng ngại.
3. Tha tâm thông vì quan sát tâm tất cả chúng sinh.
4. Túc mạng thông vì ghi nhớ tiền tế.
5. Thần túc thông vì thị hiện tất cả thần biến.
6. Lậu tận thông vì hết sạch tất cả lậu chúng sinh.
7. Chẳng trụ phiền não, chẳng thủ giải thoát vì phương tiện lực,
8. Chẳng theo Thanh văn giải thoát mà nhập Niết-bàn.

Đây là tám pháp quy nhập thần thông.

Lại có tám pháp hay quy nhập trí. Những gì là tám?

1. Khổ trí.
2. Tập trí.
3. Diệt trí.
4. Đạo trí.
5. Nhân trí.
6. Duyên trí.
7. Thế trí.
8. Nhất thiết trí.

Đây là tám pháp hay quy nhập Trí.

Lại có tám pháp quy nhập tịch tĩnh. Những gì là tám?

1. Nội tịnh tĩnh.
2. Ngoại tịch tĩnh.
3. Ái tịch tĩnh.
4. Thủ tịch tĩnh.
5. Hữu tịch tĩnh.
6. Sinh tịch tĩnh.
7. Tất cả phiền não tịch tĩnh.
8. Tam giới tịch tĩnh.

Đây là tám pháp quy nhập Tịch tĩnh.

Lại có tám pháp quy nhập quan sát. Những gì là tám?

1. Giới.
2. Văn.

3. Thiền định.

4. Trí tuệ.

5. Thần thông.

6. Trí.

7. Tịch diệt.

8. Bất phóng dật.

Đây là tám pháp quy nhập quan sát.

Này Thiên tử! Vì Bồ-tát an trụ bốn pháp, chẳng phóng dật ấy, nên chư Phật Bồ-đề và pháp phần Bồ-đề đều sẽ được tất cả. Thế nên y nơi bất phóng dật này mà an trụ.

Này chư Thiên tử! Nương nơi không phóng dật thì ba điều vui mừng chẳng tổn giảm, đó là trạng thái an lạc của vị trời, trạng thái an lạc của Thiền định và trạng thái Niết-bàn an lạc.

Này chư Thiên tử! Nương nơi không phóng dật mà an trụ, lại lìa được ba thứ khổ, đó là: Khổ khổ, hành khổ và hoại khổ. Lại vượt qua được ba thứ khủng bố sợ hãi, đó là địa ngục, súc sinh và ngạ quỷ. Lại vượt qua được ba cõi, đó là cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Lại lìa được ba cấu, đó là tham cấu, sân cấu và si cấu. Lại sẽ được viên mãn ba học xứ, đó là tăng thượng giới, tăng thượng tâm và tăng thượng tuệ. Lại thường được cúng dường Tam bảo, đó là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo. Lại được xa lìa ba thứ gây chướng Ba-la-mật-đa, đó là tự bỏn xẻn, ganh ghét người bố thí và tùy thuận kẻ bỏn xẻn. Tự phá giới, ghét người trì giới và tùy thuận kẻ phá giới. Tự sân, ghét người nhẫn nhục và tùy thuận kẻ sân. Tự lười biếng, ghét người tinh tấn và tùy thuận kẻ lười biếng. Tự tán loạn, ghét người Thiền định và tùy thuận kẻ tán loạn. Tự không trí tuệ, ghét người trí tuệ và tùy thuận kẻ không trí tuệ. Này các Thiên tử! Nhờ dựa vào sự không phóng dật, mà được rời xa ba thứ chướng ngại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, này các Thiên tử! Nương nơi không phóng dật mà an trụ, thì sẽ được ba thứ hỗ trợ Ba-la-mật-đa. Đó là: Bố thí tăng trưởng, chẳng cầu quả báo và hồi hướng Bồ-đề. Giới tăng trưởng, chẳng cầu sinh thiên và hồi hướng Bồ-đề. Nhẫn nhục tăng trưởng, yêu thương với tất cả chúng sinh và hồi hướng Bồ-đề. Tinh tấn tăng trưởng, trồng các thiện căn không nhàm đủ và hồi hướng Bồ-đề. Thiền định tăng trưởng, tâm chẳng tán loạn và hồi hướng Bồ-đề. Trí tuệ tăng trưởng, thường tu thiện nghiệp và hồi hướng Bồ-đề.

Này các Thiên tử! An trụ pháp không phóng dật, thì tăng trưởng tất cả thiện pháp, được Đức Phật ấn khả.

Lại tất cả pháp như hư không, bốn pháp Chánh cần, đây phải thường quan sát. Những gì là bốn?

1. Các pháp vô tác các pháp, bất thiện chưa sinh, vì chẳng sinh nên phát khởi tinh tấn.

2. Pháp tánh thanh tịnh, mà pháp bất thiện đã sinh, vì trừ diệt cho nên phát khởi tinh tấn.

3. Pháp tánh tịch tĩnh, điều thiện chưa sinh vì khiến được sinh nên phát khởi tinh tấn.

4. Pháp tánh vô xứ vô hành, điều thiện đã sinh và an trụ chẳng mất mà phát khởi tinh tấn.

Đây là bốn pháp Chánh cần của Bồ-tát được Phật ấn khả.

Lại nữa, này các Thiên tử! Pháp tánh bình đẳng không sinh, không diệt, vì nương vào pháp tánh vô sở đắc này mà chẳng làm các điều ác, vì thuận pháp tánh mà siêng tu các điều lành. Tu như vậy là vô sở tu.

Lại nữa, trong tất cả pháp chẳng giữ chẳng bỏ, đây gọi là chánh cần.

Lại nữa, này các Thiên tử! Nên quán bốn Niệm xứ: Đó là không thân trụ xứ, không thọ trụ xứ, không tâm trụ xứ, không pháp trụ xứ. Không chỗ trụ, không chỗ kiến lập, đây gọi là Niệm xứ.

Lại nên quán bốn pháp Như ý túc:

1. Thân tâm chẳng lười biếng vì thích tu các pháp lành.

2. Vì thành thục các chúng sinh mà phát khởi tinh tấn, dứt tham dục.

3. Vì tất cả pháp chẳng thể nắm bắt mà chứng các Phật pháp.

4. Vì tâm như huyễn hóa pháp vô sở y nên vượt quá tất cả các bám luyến và chấp trước.

Lại nên quán năm Căn:

1. Tín căn, vì an trụ một cách dứt khoát trong các pháp làm thượng thủ.

2. Tinh tấn căn, vì tu khắp các hạnh để thành tựu Phật thân.

3. Niệm căn, vì đầy đủ các pháp, khéo léo điều phục tâm, không quên mất.

4. Định căn, vì xa rời tất cả dựa nương, chẳng tùy theo hôn trầm thùy miên.

5. Tuệ căn, vì quyết đoán các pháp chánh quán hiện tiền chẳng theo

người khác.

Lại nên quán năm Lực, đó là an trụ trong các pháp tánh như vậy, thì tất cả phiền não, không gây hư hoại được, nên gọi là Lực.

An trụ các lực ấy bèn được thắng pháp như thật, biết rõ phi dị phi như nên gọi là giác phần.

Nếu trong các pháp tùy thuận biết rõ, do nơi đạo hạnh ấy mà tuần tự tu hành, thông đạt bí mật pháp bất động, thì gọi là Thánh đạo.

Này các Thiên tử! Vì thế nên phải tu ba mươi bảy phẩm Bồ-đề phần pháp như vậy, vượt hơn các công hạnh không còn chướng ngại, trí tuệ sáng rỡ rốt ráo tịch diệt.

Thế nào gọi là rốt ráo tịch diệt? Nghĩa là các pháp không khởi không tận, vì không tận nên không tác, vì không tác nên cũng chẳng phải không tác, không thọ, không kẻ thọ, không thi thiết. Đây gọi là rốt ráo tịch diệt.

Lúc Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói pháp này, có một vạn hai ngàn Thiên tử ở trong các pháp được Pháp nhãn thanh tịnh.

Thiên tử Thiện Đức hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Bồ-tát tu tập đạo thế nào?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Này Thiên tử! Nếu Bồ-tát chẳng bỏ sinh tử, mà làm cho chúng sinh nhập Niết-bàn, chẳng bỏ ái thủ mà độ chúng sinh, làm cho họ an lập trong Thánh đạo, thì gọi là Bồ-tát tu tập trong đạo tràng.

Vả lại, bậc tu tập trong đạo là khéo léo an trụ tánh không thanh tịnh. Vì sao? Vì Bồ-tát dùng tâm tịch tĩnh thấy tất cả pháp tự tánh thanh tịnh, vì các chúng sinh khổ vui do chấp kiến, an trụ tùy miên không có phương tiện, nên Bồ-tát diễn nói các pháp tự tánh Không. Vì sao? Vì các chúng sinh ấy ở trong tự tánh Không mà sinh chấp kiến.

Bồ-tát này dùng Vô tướng, Vô nguyện, tự tánh của tất cả pháp vốn bất sinh, vì các phàm phu từ lâu quen theo phiền não sinh diệt chấp kiến, ở nơi vô sinh này, làm cho họ tin ưa, mà cả trong sinh diệt cũng không chỗ động. Đây gọi là Bồ-tát tu tập trong đạo.

Này Thiên tử! Nên thấy đạo đến, đi của Bồ-tát.

– Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là đạo đến đi của Bồ-tát?

– Này Thiên tử! Các Bồ-tát vì chứng Bồ-đề mà đi, vì như chỗ nên thuyết pháp mà đến. Vì được các Thiền định giải thoát mà đi, vì hiện sinh trong Dục giới mà đến. Vì nhập vào Thánh đạo nên đi, vì đại Bi thành thục chúng sinh nên đến. Vì được Vô sinh pháp nhẫn mà đi, vì nhẫn thọ chúng

sinh nên đến. Vì nơi tất cả pháp xuất ly nên đi, vì độ chúng sinh nên đến. Vì thệ nguyện kiên cố mà đi, vì thệ nguyện không tự tánh mà đến. Vì ba giải thoát môn mà đi, vì thọ sinh mà đến. Vì Bồ-đề đạo tràng nên đi, vì an lập chúng sinh nơi Bồ-đề nên đến. Đây gọi là đạo đến, đi của Bồ-tát.

Lúc nói đạo Bồ-tát này, có năm trăm Bồ-tát chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn.

Thiên tử Thiện Đức hỏi:

– Bạch Văn-thù-sư-lợi! Chúng tôi có được nghe thế giới tên là Nhất thiết công đức quang minh. Thế giới ấy ở đâu, Đức Như Lai nào hiện thuyết pháp nơi ấy?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Này Thiên tử! Thế giới Nhất thiết công đức quang minh ấy, ở phương Trên cách đây mười hai hằng hà sa cõi Phật, Đức Phổ Hiền Như Lai đang thuyết pháp ở đó.

Chư Thiên tử đồng thanh nói:

– Chúng tôi muốn thấy thế giới ấy và Đức Phổ Hiền Như Lai.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền nhập ánh Quang minh trang nghiêm Tam-muội, do sức Tam-muội phóng ánh sáng lớn chiếu qua mười hai hằng hà sa thế giới chiếu khắp thế giới Nhất thiết công đức quang minh. Các Bồ-tát ở đó hỏi duyên cớ ánh sáng ấy. Đức Phổ Hiền Như Lai bảo rằng ở phương Dưới quá mười hai hằng hà sa cõi Phật, có thế giới tên Sa-bà, Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác hiện đang thuyết pháp. Nơi đó có Bồ-tát tên Văn-thù-sư-lợi nhập Quang minh trang nghiêm Tam-muội, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp vô lượng cõi Phật mười phương, ánh sáng ấy chiếu đến nơi này.

Các Bồ-tát bạch Phổ Hiền Như Lai rằng:

– Chúng con muốn thấy Phật Thích-ca Mâu-ni và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.

Đức Phổ Hiền Như Lai liền phóng ánh sáng lớn chiếu mười hai hằng hà sa thế giới phương Dưới, đến Sa-bà thế giới cho các Bồ-tát ấy đều thấy rõ Phật và chúng hội bên này.

Phổ Hiền Như Lai hỏi các Bồ-tát:

– Ai có thể qua được thế giới Sa-bà kia?

Đại Bồ-tát Trì Pháp Cự bạch:

– Con có thể qua được.

Phổ Hiền Như Lai bảo:

– Nay đã đến giờ.

Bồ-tát Trì Pháp Cự cùng với mười ức Bồ-tát ẩn nơi ấy mà hiện đến cung trời Đâu-suất, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp thế giới.

Cả chúng hội Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Thích, Phạm, Hộ Thế các Thiên tử và Thanh văn, Bồ-tát đều được chưa từng có đồng nói:

– Các Bồ-tát này du hý thần thông rất là hy hữu.

Lúc đó, do ánh sáng ấy, chúng hội thấy thế giới Nhất thiết công đức quang minh và cõi trang nghiêm của Phổ Hiền Như Lai, cõi trang nghiêm ấy dù nói trong một kiếp cũng chẳng hết được.

Trong lúc Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hiện thần biến, có bảy na-do-tha Thiên tử phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Bồ-tát Trì Pháp Cự nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nên cùng đến đảnh lễ Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi với chư Thiên tử đáng được độ thì đều độ rồi, liền cùng Bồ-tát Trì Pháp Cự và đại chúng về đến chỗ Phật lễ chân Phật xong đứng qua một phía.

Bồ-tát Trì Pháp Cự bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Phổ Hiền Như Lai thăm hỏi Thế Tôn ít bệnh, ít não, đi đứng nhẹ nhàng, sở hành an lạc chăng?

Đức Phật bảo chúng hội:

– Này đại chúng! Văn-thù-sư-lợi và Trì Pháp Cự đây thần thông biến hóa trí tuệ ánh sáng thành thục chúng sinh, phụng sự chư Phật, tất cả Bồ-tát chẳng biết được ngằn mé trí tuệ phương tiện thâm nhập của hai Chánh sĩ này. Các thiện nam phải nên học những thần thông trí tuệ phụng sự chư Phật thành thục chúng sinh của Văn-thù-sư-lợi và Trì Pháp Cự cùng các Đại Bồ-tát. Các vị Chánh sĩ này đã vô số kiếp từ một cõi Phật này đến một cõi Phật khác thường làm Phật sự.

Nếu có chúng sinh nào đi vào cảnh giới của các vị Chánh sĩ này, thì đương lai chẳng còn đọa nơi ma giới.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

– Này A-nan! Ông khéo thọ trì pháp môn ấy để chẳng dứt giống Tam bảo vậy.

Bấy giờ, Bồ-tát Trì Pháp Cự từ pháp hội dậy cùng các quyến thuộc trở về bản quốc.

Đức Phật nói kinh này rồi, Thiên tử Thiện Đức, Trưởng lão A-nan,

tất cả thế gian, Trời, Rồng, Càn-thát-bà, A-tu-la… nghe lời Phật dạy, đều rất vui mừng tín thọ phụng hành.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 102

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Pháp sư
Đạt-ma-cấp-đa, người xứ Thiên Trúc.

PHÁP HỘI 36: THIÊN TỬ THIỆN TRỤ Ý (PHẦN 1)

Phẩm 1: DUYÊN KHỞI

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở thành Vương xá trong núi Kỳ-xà-quật cùng chúng Tỳ-kheo sáu vạn hai ngàn người cùng hội họp, đều là bậc Đại đức có đủ thần thông, các bậc đại Thanh văn làm Thượng thủ.

Còn có bốn vạn hai ngàn vị Đại Bồ-tát, tên các vị là: Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Sư Tử Tràng, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Quan Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí, Bồ-tát Đại Biện Tụ Vương, Bồ-tát Đà-la-ni Tự Tại Vương, Bồ-tát Thiện Trượng Phu, Bồ-tát Tu-di Đảnh, Bồ-tát Tu-di Tràng, Bồ-tát Bất Khả Động, Bồ-tát Thiện Tư Nghĩa, Bồ-tát Thiện Tư Nghĩa Ý, Bồ-tát Thiện Tư Duy, Bồ-tát Tư Tâm, Bồ-tát Dũng Ý, Bồ-tát Thiện Tư, Bồ-tát Bảo Kế, Bồ-tát Sơn Tướng Kích Vương, Bồ-tát Bảo Thủ, Bồ-tát Bảo Ý, Bồ-tát Bảo Ấn, Bồ-tát Thường Cử Thủ, Bồ-tát Thường Hạ Thủ, Bồ-tát Thường Tinh Tấn, Bồ-tát Độ Chúng Sinh, Bồ-tát Thượng Tinh Tấn, Bồ-tát Như Ngôn Hành, Bồ-tát Thượng Nguyện, Bồ-tát Đăng Thủ, Bồ-tát Tâm Bình Đẳng, Bồ-tát Trừ Ác Đạo, Bồ-tát Trừ Chư Ưu Ám, Bồ-tát Bất Xả Trọng Đảm, Bồ-tát Nhật Tạng, Bồ-tát Nguyệt Tạng, Bồ-tát Kim Cương Bộ, Bồ-tát Vô Biên Bộ, Bồ-tát Vô Lượng Bộ, Bồ-tát Bất Động Hành Bộ, Bồ-tát Hư Không Tạng, Bồ-tát Thắng Ý, Bồ-tát Ích Ý, Bồ-tát Tăng Thượng Ý, Bồ-tát Thành Hạnh, Bồ-tát Trì Địa, Bồ-tát Nguyệt Quang, Bồ-tát Nguyệt Tràng, Bồ-tát Quang Đức, Bồ-tát Minh Chiếu, Bồ-tát Dũng Bộ, Bồ-tát Sư Tử Phấn Tấn Hống Âm, Bồ-tát Vô Ngại Biện, Bồ-tát Tương Ưng Biện, Bồ-tát Thiệp Tật Biện, Bồ-tát Tối Thắng, Bồ-tát Ế Nhật Nguyệt Quang, Bồ-tát Vô Phan Duyên, Bồ-tát Vô Trước Ý, Bồ-tát Thường Tiếu, Bồ-tát Hỷ Căn, Bồ-tát Trừ Chư Chướng Cái, Bồ-tát Chuyển Nữ Thân, Bồ-tát Ma-ni Châu, Bồ-tát

Đăng Minh, Bồ-tát Tỳ-lô-giá-na, Bồ-tát Hỏa Diệm, Bồ-tát Chúng Thắng Vương, Bồ-tát Thâm Thuyết Giả, các Đại Bồ-tát như vậy đều làm Thượng thủ.

Còn có đại vương Tứ Thiên, Đao-lợi Thiên vương, chủ cõi Ta-bà Đại phạm Thiên vương cùng sáu vạn chư Thiên cùng đến hội họp.

Còn có Thiên tử Thiện Trụ Ý, Thiên tử Thiện Đức, Thiên tử Đại Tự Tại cùng ba vạn vị Thiên tử tập hội. Các vị Thiên tử này đã an trụ lâu nơi Bồ-tát đạo.

Còn có hai vạn A-tu-la vương, La-hầu A-tu-la vương và Tu-di A-tu-la vương làm Thượng thủ, cũng đã an trụ lâu nơi Bồ-tát đạo.

Còn có sáu vạn đại Long vương, A-na-bà-đạt-đa Long vương và Thắng Nguyệt Long vương là Thượng thủ, cũng đã an trụ Bồ-tát đạo.

Ngoài ra còn vô lượng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già ức trăm ngàn chúng, cho đến tất cả Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, vô lượng đại chúng đều đến tập hội.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn do vô lượng trăm ngàn đại chúng như vậy vây quanh lúc đang thuyết pháp, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đang ở nơi tịnh thất, nhập Tam-muội tên Vô tránh trừ tâm yên lặng bất động. Văn-thù-sư-lợi nhất tâm an tường từ Tam-muội khởi dậy, liền đó vô lượng, vô biên thế giới chấn động sáu cách.

Văn-thù-sư-lợi từ Tam-muội dậy rồi suy nghĩ rằng: "Trong vô lượng, vô biên thế giới ấy, mới có một Phật Như Lai xuất thế, như hoa Ưu-đàm ít khi xuất hiện. Chư Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác như vậy, rất hy hữu rất khó gặp, pháp được nói ra rất hy hữu rất khó nghe, pháp được nói ra dứt hết sinh tử tịch diệt Niết-bàn chẳng thể nghĩ lường, không có phân biệt, rất sâu không thể dụ, khó hiểu khó biết. Nhưng vì chư Phật chẳng xuất thế thì chẳng được nghe. Vì chẳng được nghe pháp nên chúng sinh khổ khó cùng tận được. Nay tôi nên đến chỗ Đức Như Lai để hỏi nghĩa ấy. Do hỏi nghĩa ấy mà khiến các chúng sinh thành tựu căn lành, cũng làm cho tất cả người hành Bồ-tát đạo, trong các Phật pháp sâu xa chẳng thể nghĩ bàn, nghĩa ấy không còn nghi hoặc và đều được thành mãn Phật Bồ-đề sự. Nhưng các chúng sinh ở thế giới Ta-bà này nhiều tham dục, sân hận, ngu si, dứt pháp lành ngoan độn dối trá không có hổ thẹn, ngã mạn cống cao, xa rời chư Phật, trái Pháp, chống Tăng, khiến họ được nghe pháp sâu xa như vậy, để được trí nhãn thanh tịnh. Nay tôi còn phải vân tập chúng Bồ-tát mười phương, để đều được nghe Đức Như Lai nói pháp môn vi diệu ấy

mà chứng pháp nhẫn sâu xa".

Suy nghĩ như vậy rồi, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền nhập Tam-muội tên Phổ quang vô cấu trang nghiêm, phóng ánh sáng lớn, chiếu phương Đông hằng hà sa cõi Phật, cũng chiếu cả phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên, dưới hằng hà sa cõi Phật, trong ấy bao nhiêu chỗ u ám ẩn khuất, gộp núi rừng cây, các núi lớn nhỏ như núi Mục-chân-lân-đà, núi Ma-ha Mục-chân-lân-đà, núi Thiết vi, núi Đại thiết vi và các núi Hắc, núi Tu-di, núi Đại Tu-di, ánh sáng ấy chiếu suốt không chướng ngại.

Nơi hằng hà sa thế giới mười phương ấy hiện có Phật thuyết pháp, đệ tử thị giả đều bạch hỏi Phật mình về nhân duyên có ánh sáng lớn như vậy:

– Bạch Thế Tôn! Nhân duyên gì mà có ánh sáng mang điềm tốt lớn như vậy hiện ra thế gian. Bạch Thế Tôn! Con từ xưa chưa từng nghe thấy ánh sáng như vậy thanh tịnh vi diệu. Bạch Thế Tôn! Đó là ánh sáng gì mà làm cho chúng con rất hoan hỷ tâm được thanh tịnh cũng khiến các chúng sinh không còn tham, sân, si các ác phiền não. Ánh sáng này ai làm ra ai gia trì nó mà chiếu đến đây?

Mười phương chư Phật kia yên lặng không đáp.

Lúc ấy tất cả âm thanh trong mười phương thế giới, như là âm thanh của Trời, âm thanh của Rồng, âm thanh của Dạ-xoa, âm thanh của Càn-thát-bà, âm thanh của A-tu-la, âm thanh của Ca-lâu-la, âm thanh của Khẩn-na-la, âm thanh của Ma-hầu-la-già, âm thanh của Nhân, âm thanh của Phi nhân, âm thanh của voi ngựa, hoặc âm thanh của các loài cầm thú… đều ngưng bặt. Tất cả âm thanh của gió, lửa, nước, sóng biển, âm nhạc, ca vịnh đều do thần lực của Phật lúc ấy đều ngưng bặt.

Các đệ tử thị giả lại bạch chư Phật:

– Bạch Thế Tôn! Ngưỡng mong đại Từ vì thương xót tất cả trời, người, vì an lạc tất cả trời, người, vì lợi ích tất cả trời, người và vì chúng con tuyên nói ánh sáng ấy từ đâu chiếu khắp các cõi Phật?

Bấy giờ mười phương chư Phật liền dùng tất cả âm thanh của Đức Phật trong hằng hà sa thế giới, đều đồng Phạm âm như từ một miệng Như Lai tuyên diễn, sự việc được nói cũng không sai khác, đều dùng diệu âm truyền cho các đệ tử thị giả của mình. Ngay khi các Đức Phật ấy tuyên dạng, tất cả thế giới chấn động sáu cách, trăm ngàn kỹ nhạc đồng thời trỗi lên, cho đến tất cả âm nhạc của Trời, Người, A-tu-la… chẳng đánh mà đều tự kêu. Trong tất cả tiếng nhạc ấy đều phát ra Pháp âm. Đó là tiếng vô thường, tiếng khổ, tiếng vô ngã, tiếng Không, Vô tướng, Vô nguyện, tiếng ly dục, tiếng giải thoát, tiếng pháp giới, tiếng như như, tiếng thật tế, tiếng

Bố thí ba-la-mật-đa, Trì giới ba-la-mật-đa, Nhẫn nhục ba-la-mật-đa, Tinh tấn ba-la-mật-đa, Thiền ba-la-mật-đa, Bát-nhã ba-la-mật-đa, tiếng đại Từ, Bi, Hỷ, Xả, tiếng hòa hợp, tiếng lợi ích, tiếng xuất ly, phát ra tiếng trăm ngàn Phật pháp như vậy. Lúc Pháp âm phát xuất như vậy, có vô lượng a-tăng-kỳ ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề và đều an trụ nơi địa vị không thoái chuyển, cũng có người thành Bích-chi-phật, thành Thanh văn, thành Phạm vương, Đế Thích, Chuyển luân vương.

Mười phương chư Phật đều bảo thị giả đệ tử mình:

– Này thiện nam! Ông chớ thỉnh hỏi sự ấy. Vì sao? Vì nhân duyên ánh sáng ấy chẳng phải cảnh giới của hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, nếu nay ta nói thì thế gian, Trời, Người, A-tu-la sẽ mê muội. Vì vậy mà ông chớ nên thỉnh hỏi sự ấy. Chư Phật Thế Tôn nếu nói nhân duyên của ánh sáng ấy, thì hay sinh và thành tựu chẳng thể nghĩ bàn các thắng thiện căn. Cũng do chẳng thể nghĩ bàn các thắng thiện căn, mà xuất sinh những hạnh Ba-la-mật-đa như Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ. Các hạnh như vậy chính là do ánh sáng ấy xuất sinh và thành tựu. Chư Phật chúng ta hoặc một kiếp, hay giảm một kiếp, ngợi khen công đức ánh sáng ấy luôn không cùng tận. Lại đem các năng lực thiện căn Từ, Bi, Hỷ, Xả như vậy, cùng chung huân tu khiến ánh sáng ấy hay sinh hoan hỷ.

Thị giả đệ tử của chư Phật mười phương, lại hai ba phen ân cần thưa thỉnh:

– Ngưỡng mong Thế Tôn vì thương xót hàng trời, người, vì an lạc hàng trời, người, vì lợi ích hàng trời, người, vì thành thục các thiện căn cho các Bồ-tát và vì chúng con nói nhân duyên của ánh sáng ấy.

Chư Phật mười phương đến bảo các thị giả:

– Thiện nam! Ông nên lắng nghe sẽ vì ông mà nói.

– Vâng, bạch Thế Tôn! Chúng con nguyện thiết tha nghe.

Chư Phật mười phương đều bảo thị giả mình rằng:

– Này thiện nam! Có thế giới tên Ta-bà, Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác xuất hiện đời năm trược. Chúng sinh cõi ấy phần đông nhiều tham dục, sân hận, ngu si phiền não khổ bách, không cung kính chẳng hổ thẹn làm nhiều việc bất thiện. Đức Phật ấy hay ở trong đời ác năm trược như vậy, mà thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hiện đang thuyết pháp cho đại chúng tại đó. Phật Thích-ca Mâu-ni có một đại đệ tử Bồ-tát Ma-ha-tát tên Văn-thù-sư-lợi, có đại công đức đủ đại trí tuệ, tinh tấn dũng mãnh, có oai thần lớn. Hay khiến các Bồ-tát hoan hỷ, hay khiến các Bồ-tát tu hành trọn vẹn, hay khiến các Bồ-tát

phát dũng mãnh cần mẫn, hay khéo phân biệt tất cả pháp cú, hay đạt vô ngại Trí tuệ ba-la-mật-đa, hay đầy đủ vô ngại biện tài, nơi các Đà-la-ni được tự tại, đã hoàn toàn thành thục tất cả công đức chẳng thể nghĩ bàn của Bồ-tát. Nay Bồ-tát ấy sắp muốn thỉnh hỏi Thích-ca Mâu-ni Như Lai pháp môn sâu xa để các Bồ-tát thiện căn thành thục, để hành Bồ-tát thừa đầy đủ các Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn ấy. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi phóng ánh sáng này là muốn vân tập vô lượng a-tăng-kỳ các chúng Bồ-tát ở thập phương thế giới, để cho các Bồ-tát đắc thắng pháp. Do đó mà Bồ-tát phóng ánh sáng lớn, chiếu các Phật độ như vậy.

Các thị giả lại bạch hỏi Phật mình:

– Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ấy trụ Tam-muội nào để phóng ánh sáng lớn như vậy?

Chư Phật mười phương đều bảo thị giả mình:

– Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nhập Tam-muội, tên là Phổ minh vô cấu trang nghiêm mà phóng ánh sáng ấy.

Các thị giả bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con chưa bao giờ được thấy ánh sáng, rất thanh tịnh hay khiến thân tâm hoan hỷ như vậy.

Chư Phật lại bảo thị giả mình:

– Phải chăng Bồ-tát ấy muốn dạy các Bồ-tát phát khởi tu hành, phải chăng Bồ-tát ấy muốn vân tập chúng Bồ-tát, phải chăng Bồ-tát ấy muốn vân tập chúng Bồ-tát để tuyên nói kinh điển vi diệu như thế này.

Bấy giờ vô lượng chẳng thể nghĩ bàn hằng hà sa thế giới, trong mỗi thế giới có vô lượng a-tăng-kỳ chúng Bồ-tát, đều đến chỗ Phật mình mà bạch hỏi nhân duyên ánh sáng ấy và đều mong muốn đến thế giới Ta-bà để được lễ kính Phật Thích-ca Mâu-ni và nghe Phật thuyết pháp và được thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và chúng hội Bồ-tát, chư Phật đều bảo chúng Bồ-tát mình:

– Này các thiện nam! Muốn đi thì tùy ý, nay đã đến lúc.

Mười phương vô lượng, vô số không thể nghĩ được, không thể đếm được, không thể lường được ức na-do-tha trăm ngàn tần-bà-la, các Đại Bồ-tát liền ẩn nơi thế giới mình, rồi như trong thời gian của lực sĩ co duỗi cánh tay các vị đó, hiện ra tại thế giới Ta-bà, đến trước Thích-ca Mâu-ni Như Lai. Trong lúc ấy có vị mưa các thứ hương: Hương xoa, hương bột, hương kết thành vòng. Có vị mưa các thứ hoa vi diệu: Hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lị, hoa Chiêm-ba-ca, hoa Ba-tra-

lợi, hoa Đà-nô-ca-lợi, hoa A-tha-mục-đa-ca, hoa Tô-ma-ha, hoa Bà-lợi-sự-ca, hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa Ba-lô-sa, hoa Ma-ha ba-lô-sa, hoa Chiên-đàn-la, hoa Ma-ha chiên-đà-la, hoa Vi diệu chiên-đà-la, hoa Chước-ca-la, hoa Ma-ha chước-ca-la, hoa Tối diệu chước-ca-la và các thứ vòng hoa. Có vị phát xuất trăm ngàn âm thanh thượng diệu. Có vị dùng một âm thanh vang khắp tam thiên đại thiên thế giới ca tụng công đức của Đức Phật. Các Bồ-tát mười phương dùng nhiều thứ trang nghiêm như vậy, đi đến chỗ Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai.

Lúc các Bồ-tát mười phương vân tập nơi thế giới Ta-bà này, các chúng sinh địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ đều yên tĩnh, thân tâm an lạc, không có tham dục, sân não, ngu si, đều sinh lòng Từ hoàn toàn hoan hỷ. Vì sao? Vì do thần lực của chúng Bồ-tát mười phương khiến có sự như vậy.

Chúng Bồ-tát mười phương đến lễ chân Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai đi quanh bên phải ba vòng, ở trên hư không nhập Tam-muội tên là Bồ-tát ẩn thân. Nhập Tam-muội rồi, cho tùy ý sinh ra vô lượng trăm ngàn các thứ tòa hoa sen lớn, màu sắc vi diệu, kiết già ngồi lên trên và đều ẩn thân chẳng còn hiện.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp thấy sự đại thần thông hiện điềm tốt hy hữu thù đặc ấy, lại thấy mưa to hương và hoa, cũng nghe vô lượng âm nhạc, cũng thấy phong ánh sáng lớn, cũng thấy khắp cõi Đại thiên đều mưa diệu hoa dầy lên gối, cũng thấy tất cả chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân và Phi nhân, cho đến chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tất cả đều thành tựu thân tướng kim sắc, liền đứng dậy giữ đúng oai nghi để hở vai áo bên phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính nói kệ khen Đức Phật:

Hoan hỷ thương ban tất cả vui
Dung nhan viên mãn không cấu tịnh
Mười lực hùng mãnh các Đại nhân
Đầy đủ Kim cang tướng trăm phước
Dạo trong ba cõi khắp trời, người
Tất cả không ai bằng Phật được
Chẳng thể nghĩ bàn khó đo lường
Ngưỡng mong dứt trừ lòng nghi con.
Quá na-do-tha trăm ngàn kiếp
Thường làm bố thí nhiếp thế gian
Lìa xa chấp trước không chỗ nương
Trì đủ cấm giới không ai sánh.

Nhẫn nhục hoàn toàn vượt thế gian
Trong tất cả lực, mười Lực nhất
Công đức đầy đủ không ai hơn
Ngưỡng mong dứt hẳn lòng con nghi.
Quá trăm ngàn kiếp tu các hạnh
Bởi thấy chúng sinh thọ nhiều khổ
Dũng tấn hoàn toàn không nhàm chán
Thường sinh vô lượng lòng hoan hỷ.
Đầu, mắt, óc, tủy đem cho người
Xả bỏ con cái và thê thiếp
Chán lìa quốc thành và vật dụng
Ngưỡng mong cởi mở lưới nghi con.
Thuở xưa Thế Tôn lúc bố thí
Voi ngựa, xe cộ nhiều vô số
Quá na-do-tha thượng y phục
Với lòng hoan hỷ cho thế gian.
Thế Tôn thường dùng lòng thí trước
Ban cho đồ vật và trân bảo
Uống ăn thuốc men và ruộng nhà
Vì thế nên nay con thưa hỏi.
Xưa Phật cắt thân và mũi tai
Trong lòng tươi vui không chút hận
Có ai hỏi pháp liền tuyên dạy
Còn hay nói khéo sức nhẫn nhục,
Do vì thâm đạt pháp không, sâu
Tâm ý vi diệu khó cân lường
Người hay ban vui đủ công đức
Vì thế nay con hỏi thanh tịnh.
Phiền não dứt tuyệt khổ đều trừ
Thấy nhiều chúng sinh chìm biển khổ
Hạng si ngu bị tối tăm che
Sinh lòng phiền não chấp ngã nhân .
Phật thương chúng sinh khởi lòng Từ
Quá trăm ngàn kiếp siêng tu hành
Khai phát Chánh giác Bồ-đề đạo
Ngưỡng mong dứt trừ lòng nghi con
Khéo hay xuất nhập môn thần thông
Ẩn hiện tự tại đi đứng khéo

Chứng được vô ngã, phá ngã tướng
Hủy hoại các pháp cũng chẳng không
Phật ở trong đời không nhiễm trước
Chân thật chánh hạnh, chánh tư duy
Vi diệu tịch diệt rời phiền não
Ngưỡng mong vì con quyết nghi này.
Thế Tôn thuở xưa lúc tu hành
Thí, Giới, Nhẫn, Tấn không tạm bỏ
Thiền định, Trí tuệ cũng thường tu
Lợi ích quần sinh không ai sánh,
Các khối công đức khó nghĩ lường
Sâu lớn như biển không cùng tận
Khéo hay qua lại cũng khéo dừng
Ngưỡng mong vì con làm chỗ nương.
Thuở xưa Đức Phật tu đại Từ
Chim câu sợ cầu cứu không bỏ
Lóc thịt đem cân không tiếc thân
Trao cho chim ưng thế chim nhỏ
Toàn thân lên cân mong bằng chim
Mà chim câu kia vẫn nặng hơn
Đấng sáng suốt lớn làm hạnh Từ
Ngưỡng mong vì con giải nghi hoặc.
Tu-di dao động tinh tú rơi
Cung điện chư Thiên đều sụp hư
Nước bốn biển cả một buổi khô
Cung A-tu-la ở trên trời,
Giả sử mặt trời rớt xuống đất
Trăng sáng trên không bỗng tối đen
Chư Phật Chánh Giác Lưỡng Túc Tôn
Tuyên dạy chân thành không sai khác.

Nói kệ khen Phật xong, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp lại bạch:

– Bạch Thế Tôn! Tại sao thế gian có ánh sáng vi diệu này, lại do cớ gì bỗng hiện nhiều thoại tướng chưa từng có?

Đức Phật dạy:

– Này Ma-ha Ca-diếp! Nay ông chớ nên gạn hỏi sự ấy. Vì sao? Vì cảnh giới như vậy chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác biết được. Nếu nay ta vì ông mà nói nghĩa của ánh sáng ấy, thì tất cả thế gian trời, người

sẽ kinh nghi mê mẫn. Vì vậy ông chớ nên hỏi.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp lại bạch thỉnh:

– Chỉ xin Thế Tôn đại Từ thương xót hàng trời, người, vì lợi ích cho tất cả, vì an lạc cho tất cả mà nói nhân duyên sâu xa của ánh sáng ấy cho con được hiểu.

Đức Phật dạy:

– Này Ma-ha Ca-diếp! Ông phải lắng nghe khéo suy nghĩ, ta sẽ vì ông mà nói.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bạch:

– Lành thay, bạch Thế Tôn! Con xin thích muốn được nghe, mong Đức Thế Tôn thương xót diễn bày.

Đức Phật dạy:

– Này Ma-ha Ca-diếp! Nay Văn-thù-sư-lợi của Ta nhập Phổ minh vô cấu trang nghiêm Tam-muội, do sức Tam-muội ấy phóng ánh sáng như vậy, chiếu khắp mười phương quá hằng hà sa cõi Phật, để vân tập vô lượng, vô biên không thể đếm, không thể lường, vô số chư Phật, Bồ-tát đến thế giới Ta-bà này. Chúng Bồ-tát ấy đã đảnh lễ chân ta, đi vòng quanh ba vòng rồi ở hư không cao một cây Đa-la và đều ngồi kiết già trên tòa hoa sen lớn được họ thị hiện.

Tôn giả lại bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nay có những Đại Bồ-tát nào, dùng sức công đức oai thần làm mưa các thứ hương, các thứ hoa vi diệu và phát xuất trăm ngàn âm nhạc như vậy?

Đức Phật dạy:

– Này Ma-ha Ca-diếp! Đó là sức oai thần của chúng Đại Bồ-tát ở mười phương vân tập đến, làm mưa vô lượng hoa hương vi diệu và khắp hư không phát xuất trăm ngàn âm nhạc.

Tôn giả lại bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nay con chẳng thấy có một ai, sao Thế Tôn dạy rằng có chúng Đại Bồ-tát mười phương vân tập ngồi kiết già trên tòa hoa sen lớn ở trên hư không?

Đức Phật phán dạy:

– Này Ma-ha Ca-diếp! Tất cả hàng Thanh văn, Bích-chi-phật hoàn toàn chẳng thấy được chúng Đại Bồ-tát ấy. Tại sao? Này Ma-ha Ca-diếp! Vì hàng Thanh văn, Duyên giác đối với đại Từ bi chẳng phải là chỗ an trụ của họ. Nếu có thể an trụ trong đại Từ bi thì có thể làm những sự lợi tha,

cũng hay làm Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ và các Ba-la-mật-đa. Nếu người đã thọ chánh vị thì hoàn toàn chẳng thể làm được chỗ mà các Đại Bồ-tát làm.

Này Ma-ha Ca-diếp! Các Đại Bồ-tát ấy đều nhập Ấn thân Tam-muội nên tất cả Thanh văn và Bích-chi-phật chẳng thấy được vậy. Chỉ trừ chư Phật và các Đại Bồ-tát an trụ trong trạng thái đó, mới thấy được. Hàng Bồ-tát mới trụ Đại thừa còn chẳng thấy được huống là Thanh văn và Duyên giác mà có thể thấy sao.

Tôn giả bạch:

– Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát có đủ bao nhiêu pháp tu thiện căn, được công đức gì, mà đắc nhập Ấn thân Tam-muội?

Đức Phật dạy:

– Này Ma-ha Ca-diếp! Đại Bồ-tát thành tựu mười pháp thì có thể được Ấn thân Tam-muội. Những gì là mười?

1. Chí tánh nhu hòa thâm trụ chánh tín.

2. Luôn trụ trong thấu triệt tất cả chúng sinh.

3. Rốt ráo thành mãn tâm đại Từ bi.

4. Giác liễu tất cả chẳng chấp trước các tướng.

5. Dù suy nghĩ mong cầu tất cả Phật pháp mà chẳng vọng tưởng nắm lấy.

6. Chẳng tư tưởng đến trí của tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật.

7. Tất cả sở hữu thế gian đều có thể xả thí hết, cho đến thân mạng còn không lẫn tiếc, huống là các vật khác mà chẳng thí xả.

8. Dù hành vô lượng sinh tử phiền não, mà chẳng nhiễm trước các hạnh hữu vi.

9. Thường tư duy vô lượng Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ mà chẳng phân biệt các Ba-la-mật-đa.

10. Thường sinh tâm như vầy: "Tôi sẽ an lập tất cả chúng sinh trong Bồ-đề rồi, tôi mới ngồi dưới cội Bồ-đề, nhưng chẳng nắm lấy tướng Bồ-đề và tướng chúng sinh".

Này Ma-ha Ca-diếp! Đó là mười pháp mà Đại Bồ-tát thành tựu thì sẽ được Ấn thân Tam-muội.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp lại bạch:

– Hy hữu Thế Tôn tuyên nói sự ấy rất hay! Bạch Thế Tôn! Tất cả Thanh văn và Bích-chi-phật còn chưa từng phát tâm như vầy: "Tôi sẽ an

trụ chúng sinh trong A-la-hán địa, huống là Phật địa".

Đức Phật dạy:

– Đúng như lời ông nói. Này Ma-ha Ca-diếp! Vì lẽ ấy nên tất cả Thanh văn, Duyên giác đều không nhập được Ấn thân Tam-muội của Bồ-tát. Với Tam-muội này, họ còn chẳng biết huống là đắc nhập.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nay chúng con rất mong được thấy các Đại Bồ-tát ấy. Vì sao? Vì chư Đại sĩ ấy rất khó được gặp.

Đức Phật dạy:

– Này Ma-ha Ca-diếp! Ông nên ở đó, cần phải chờ Văn-thù-sư-lợi đến đây, các Đại Bồ-tát ấy sẽ xuất định, rồi các ông mới được thấy. Tuy nhiên ông cũng đã được vô lượng môn Tam-muội, nay ông nên nhiếp tâm tìm cầu các Đại Bồ-tát ấy ở chỗ nào, trụ oai nghi gì, làm sự nghiệp gì?

Được Phật dạy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp thừa oai thần của Phật và sức thần thông của mình, nhập hai vạn môn Tam-muội để xét tìm các Đại Bồ-tát ấy, nay ở chỗ nào, trụ oai nghi gì, có phải đang di hành đi chăng, đang an lập chăng, đang nằm dựa chăng, đang an tọa chăng? Thế nhưng, Tôn giả cũng đều chẳng thấy. Cho đến cũng chẳng biết nói gì làm gì từ đâu đến và đi đến đâu. Tôn giả xuất định đến thưa:

– Bạch Thế Tôn! Rất lạ, rất lạ. Con đã trải qua hai vạn môn chánh định, tìm các Đại Bồ-tát ấy, mà hoàn toàn chẳng thấy. Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát ấy còn chưa chứng biết chỗ Tát-bà-nhã, mà đã được Tam-muội vi diệu như vậy, huống là sẽ chứng Vô thượng Bồ-đề.

Bạch Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ nào được thấy nghe thần biến này, mà chẳng mau phát tâm Vô thượng Bồ-đề thì chẳng bao giờ có.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát, có thể được Ấn thân Tam-muội như vậy, vì muốn độ các chúng sinh mà mặc áo giáp tinh tấn, nhưng hoàn toàn chẳng lìa chánh định vi diệu ấy.

Đức Phật dạy:

– Đúng vậy! Đúng như lời ông nói! Trong đây còn chẳng phải cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác huống là chúng sinh khác.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất nghĩ rằng: "Đức Thế Tôn khen tôi là trí tuệ đệ nhất trong hàng Thanh văn, nay con nên tìm xem các Bồ-tát ấy ở đâu trụ oai nghi gì và làm gì? Nếu thấy được há chẳng hay lắm ư!"

Tôn giả Xá-lợi-phất nghĩ như vậy rồi thừa oai thần của Phật và sức thần thông của mình liền nhập ba vạn môn Tam-muội, suy tìm khắp nơi mà

hoàn toàn chẳng thấy.

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề nghĩ rằng: "Nay tôi cũng tìm xem các Đại Bồ-tát ấy ở đâu và đang làm gì? Nếu thấy được thì hay lắm". Nghĩ như vậy rồi Tôn giả liền nhập bốn vạn môn Tam-muội, tìm khắp mọi nơi mà hoàn toàn chẳng thấy. Tôn giả xuất định đến Phật đảnh lễ bạch:

– Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai thọ ký con là được Vô tránh Tam-muội đệ nhất trong hàng Thanh văn. Bạch Thế Tôn! Nếu lúc còn nhập định ấy, giả sử có đại thần lực hay đem trăm ức bốn thiên hạ hợp làm một cái trống lớn, lấy tòa núi Tu-di làm một cái dùi lớn rồi sai một người to lớn đứng trước tôi cầm dùi lớn ấy khua đánh trống lớn ấy không tạm dừng mãi đến cả kiếp, tiếng trống lớn như vậy còn chẳng lọt vào tai con huống là có thể làm loạn tâm khiến con xuất định. Nay con chẳng những được chánh định Vô tránh rộng lớn như vậy, mà còn trải qua bốn vạn môn Tam-muội, tìm cầu cùng khắp mà hoàn toàn chẳng thấy các Đại Bồ-tát ấy, cho đến chẳng thấy một người tạm thời vãng lai.

Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát nguyện cầu trí chẳng thể nghĩ bàn như vậy, nên vì mỗi mỗi chúng sinh mà các ngài sinh trong địa ngục cả hằng hà sa kiếp chịu đủ mọi thống khổ. Vì cầu Bồ-tát đạo, nên chịu nhiều thống khổ, mà các ngài chẳng bỏ rời trí sâu xa chẳng thể nghĩ bàn ấy.

Bạch Thế Tôn! Ngày nay nếu con tâm hữu lậu chưa hết, chưa được giải thoát, trong Phật pháp có chỗ chưa biết, khiến con ở đương lai thường tại sinh tử chẳng bỏ rời Đại thừa vi diệu chẳng thể nghĩ bàn ấy.

Đức Phật khen Tôn giả Tu-bồ-đề:

– Lành thay, lành thay! Thật như lời ông nói. Ông do nơi tín tâm mà nói như vậy, khiến thân này của ông chẳng thủ Niết-bàn. Do công đức này mà đời đương lai quá hằng sa kiếp, ông sẽ làm Chuyển luân thánh vương, dùng chánh pháp trị đời, rồi sau sẽ được thành Vô thượng Bồ-đề.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề, nay trong tam thiên đại thiên thế giới này, các số loại chúng sinh chừng có nhiều chăng?

– Bạch Thế Tôn! Rất là nhiều.

– Này Tu-bồ-đề! Giả sử tất cả chúng sinh ấy thành tựu trí tuệ như Xá-lợi-phất, giải không đệ nhất như Tu-bồ-đề, khổ hạnh siêu luân như Đại Ca-diếp, tất cả cùng chung tri kiến tìm cầu các Đại Bồ-tát ấy, hoặc một kiếp trăm kiếp ngàn kiếp đến vô lượng hằng sa kiếp cũng chẳng thấy được. Vì sao? Vì chỗ làm của các Đại Bồ-tát ấy chẳng phải cảnh giới sở hành của tất cả Thanh văn và Bích-chi-phật, vì thế nên hàng Nhị thừa hoàn toàn chẳng thấy được.

Lúc nói pháp này, trong hội có tám vạn bốn ngàn trời, người đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Cõi đại thiên chấn động sáu cách.

Bấy giờ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở tại tư thất nghĩ rằng: "Nay mười vạn ức trăm ngàn số các Đại Bồ-tát mười phương đều đã tập họp, con sẽ lại triệu đại chúng chư Thiên đều vân tập".

Nghĩ như vậy xong, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền dùng thần lực như ý, hóa làm tám vạn bốn ngàn ức na-do-tha Diệu bảo liên hoa, lớn như bánh xe, vàng ròng làm cọng, bạc trắng làm cánh hoa, màn lưới bằng thắng tạng Tỳ-lưu-ly bảo. Trong hoa ấy đều có Hóa Phật và các Bồ-tát ngồi kiết già trên đài hoa sen, thân màu tử kim, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp kèm theo, oai đức nguy nguy ánh sáng chiếu khắp. Các hoa sen báu ấy bay lên trời Tứ vương, trời Đao-lợi, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa lạc, trời Tha hóa và các Phạm thiên đến trời Hữu đảnh, khắp tam thiên đại thiên thế giới không chỗ nào không có hoa sen báu ấy bay đến.

Các Hóa Phật và chúng Hóa Bồ-tát ấy phát thanh lớn tuyên cáo khắp tam thiên đại thiên thế giới với bài kệ rằng:

Thế Tôn mặt trời tuệ
Hy hữu xuất thế gian
Ví hoa Ưu-đàm kia
Khó gặp còn hơn hoa.
Thích sư tử nhân hùng
Nay xuất hiện thế gian
Ban tuyên pháp thâm diệu
Dứt hẳn nguồn thống khổ.
Chư Thiên dù khoái lạc
Ai bảo đảm lâu dài
Theo nghiệp vào ba đường
Trở lại thọ nhiều khổ,
Quen làm các dục lạc
Riêng tăng tưởng tham ái
Ba cõi vốn không vui
Mà kẻ ngu tham trước.
Đã gặp sự khó gặp
Đó là Phật xuất thế
Người ngu si phóng dật
Đâu biết khổ chẳng dứt.
Các người nên mau cầu

Thấy Phật nghe chánh pháp
Nếu Phật Niết-bàn rồi
Dù ăn năn đâu kịp.
Lưới ma rất đáng sợ
Các người mãi phóng dật
Đã bị nó phủ trùm
Đâu có kỳ giải thoát.
Riêng có cầu Phật pháp
Các người giúp chúng sinh
Các người phải mau cầu
Ba mươi hai diệu tướng.
Phật hay cứu thế gian
Chỗ khác không nương được
Thế Hùng rất hy hữu
Đại Từ khó nghĩ lường.
Vô lượng ức số kiếp
Chỗ làm chẳng lường được
Hợp công đức trí tuệ
Thành tựu Thích Sư Tử,
Xiển dương pháp vi diệu
Sâu xa khó hiểu biết
Chỗ nào có chúng sinh
Và ngã, nhân, thọ mạng,
Phá thường kiến như vậy
Dứt hẳn không còn thừa
Phóng xả tất cả tướng
Vì chúng sinh thuyết pháp.
Tuyên rõ chân thật tế
Thế gian tuyệt tâm hành
Chỉ Không, Vô tướng kia
Vô nguyện cũng vô tác
Hư không vốn vô hình
Chẳng khởi cũng chẳng diệt
Không đến cũng không đi
Lời nói của người trí
Vô tận và vô sinh
Bản tịnh vô sở hữu
Không tướng mạo thấy được

Không tư tưởng nói được.
Chúng sinh vốn vô sinh
Sao được nói là chết
Tịch diệt không chúng sinh
Chúng sinh ở chỗ nào,
Lời nói để thuyết pháp
Pháp chẳng tại lời nói
Cũng chẳng ở văn tự
Thế Tôn nói như vậy.
Các chỗ khắp tìm cầu
Chẳng thấy gió, nước, lửa
Đất cũng không phân biệt
Tuệ nhãn tuyên rõ đó.
Sắc thọ và trí tưởng
Hành thức đồng hư không
Giả nói là năm uẩn
Kỳ thật không tích tụ,
Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân
Tâm ý cả sáu căn
Dù nói bản tánh không
Không cũng chẳng nắm bắt.
Sắc, thanh, hương, nếm, chạm
Và với các thứ pháp
Sinh ra do phân biệt
Thể phân biệt vốn tịch,
Dục giới và Sắc giới
Cùng trời Vô sắc kia
Đều nói như huyễn hóa
Hư ngụy chẳng chân thật.
Các Thế Tôn như vậy
Vì chúng sinh thuyết pháp
Muốn cầu thoát các khổ
Mau quy Đại Đạo Sư.

Lúc các vị Hóa Phật tuyên cáo như vậy, khắp tam thiên đại thiên thế giới đều được nghe trọn vẹn, có chín mươi sáu ức chư Thiên cõi Dục, xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh, hai vạn Thiên tử chán lìa dục nhiễm, ba vạn hai ngàn Thiên tử đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề, một vạn Thiên tử tu Bồ-tát thừa, được vô sinh pháp nhẫn.

Bấy giờ vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ ức na-do-tha trăm ngàn chư Thiên và đại chúng được Hóa Phật tuyên triệu trong giây lát đều vân tập trước Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, lễ chân Phật, đi vòng quanh Phật ba vòng rồi lui ở một phía, đem các thứ hoa hương cõi trời, những là hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi, hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la và các vòng hoa, cùng hương bột, hương thoa phụng rải lên Đức Thế Tôn và chúng hội để cúng dường. Còn dùng các thứ âm nhạc vi diệu cõi trời ca vịnh khen ngợi đầy khắp hư không.

Lúc này đại chúng vân tập quá đông khó tính kể được đầy chật cả bốn thiên hạ không có một chỗ trống nào dù chỉ bằng đầu gậy. Hàng trời, người đủ đại oai đức, hoa trời được rải khắp bốn thiên hạ phủ đến đầu gối.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 103

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Pháp sư
Đạt-ma-cấp-đa, người xứ Thiên Trúc.

PHÁP HỘI 36: THIÊN TỬ THIỆN TRỤ Ý (PHẦN 2)

Phẩm 2: KHAI THỰC NGHĨA

Trong chúng đại tập bấy giờ có các vị trời Thượng thủ: Đó là Thiên tử Thiện Trụ Ý, Thiên tử Thiện Tịch, Thiên tử Tàm Quý, cùng chín mươi sáu ức Thiên tử như vậy đều đến hội họp, tất cả đều hành đạo Bồ-tát, cùng đến chỗ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Đến ngoài cửa thất, đi vòng quanh bên phải bảy vòng rồi rải hoa trời Mạn-đà-la che khắp hư không mười do-tuần tạo thành đài hoa hình như bảo tháp. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, cầm đài hoa ấy cúng dường Đức Thế Tôn. Cúng dường xong, dùng thần lực khiến lưới hoa giăng khắp hư không của tất cả các cõi nước trong tam thiên đại thiên thế giới. Ánh sáng của hoa ấy chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới, tất cả đều rất chói sáng lại còn mưa thêm hoa trời Mạn-đà-la nữa.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nhàn nhã an tường ra khỏi tư thất, lại dùng thần lực khiến chỗ đất ấy ở tự nhiên có tòa ngồi bằng bảy báu vi diệu, tòa ấy cao vọi đầy đủ trang nghiêm, Bồ-tát ung dung chỉnh y phục lên ngồi trên bảo tòa ấy.

Thiên tử Thiện Trụ Ý thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lên ngồi trên tòa báu xong, liền đến đảnh lễ chân Bồ-tát, rồi lui ở một phía. Tất cả các Thiên tử cũng đều đảnh lễ chân Bồ-tát.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi suy nghĩ rằng: "Hôm nay ai là người có thể ở trước Đức Thế Tôn cùng tôi hỏi đáp về pháp sâu xa, ai là pháp khí có thể nhận câu chẳng thể nghĩ bàn ấy, câu rất khó chứng, câu không xứ sở, câu không chấp trước, câu không hý luận, câu chẳng thể nắm bắt, câu chẳng thể nêu bày, câu sâu xa, câu chân thật, câu vô ngại, câu không thể hoại, câu không, câu vô tướng, câu vô nguyện, câu như như, câu thật tế, câu pháp giới, câu không có hình mạo, câu không giữ, câu không bỏ, câu Phật, câu

Pháp, câu Tăng, câu trí tuệ đầy đủ, câu ba cõi bình đẳng, câu tất cả pháp vô sở đắc, câu tất cả pháp không sinh, câu sư tử, câu dũng mãnh, câu vô cú. Nói những câu như vậy ai có thể nghe ư?"

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại nghĩ rằng: "Nay chỉ có Thiên tử Thiện Trụ Ý từ quá khứ đã cúng dường nhiều Phật, nhập pháp nhẫn sâu diệu, có đủ biện tài sẽ có thể cùng tôi ở trước Phật cùng đàm luận thực nghĩa". Suy nghĩ rồi, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo Thiên tử Thiện Trụ Ý:

– Này Thiên tử! Nay Thiên tử đã được pháp nhẫn thâm diệu và có đủ Vô ngại biện tài, nay sẽ cùng tôi đến chỗ Đức Thế Tôn để cùng đối luận nghĩa thâm diệu ấy có được chăng?

Thiên tử Thiện Trụ Ý đáp:

– Bạch Đại sĩ! Tôi nói như vầy: "Người ấy nếu đối với tôi không có ngữ ngôn, không vì diễn thuyết, chẳng có hỏi han, cũng không trả lời, không Phật, Pháp, Tăng, dứt tuyệt ba thừa, không sinh tử, không Niết-bàn, không hợp, không tan, chẳng phải chẳng phát, chẳng xuất thanh âm trừ các văn tự, người nói như vậy thì tôi sẽ cùng đàm luận".

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Này Thiên tử! Tôi nói như vầy: "Người ấy có thể ở nơi tôi không lắng, không nghe, không đọc, không tụng, không thọ, không trì, chẳng suy tư, chẳng niệm tưởng, chẳng giữ, chẳng bỏ, chẳng giác, chẳng tri, chẳng nghe tôi nói, chẳng vì người mà giảng. Vì sao? Vì chư Phật Bồ-đề vốn không văn tự, không tâm lìa tâm, không có giác ngộ, dù giả danh để nói mà danh ấy cũng không".

Thiên tử Thiện Trụ Ý lại nói:

– Bạch Đại sĩ! Nay nên vì các Thiên tử mà nói. Các Thiên tử này đối với chỗ nói của Đại sĩ rất thích muốn nghe.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Này Thiên tử! Tôi hoàn toàn chẳng vì người thích nghe mà nói, cũng chẳng vì người nghe nhận mà nói. Vì sao? Vì hễ có nghe nhận thì có chấp trước. Chấp trước những gì? Đó là chấp có ngã, chấp có nhân, chấp có chúng sinh, chấp có thọ mạng, chấp có sĩ phu. Vì chấp trước mà có nghe nhận. Nghe nhận như vậy nên biết người ấy trụ trong ba thứ trói buộc. Thế nào là ba?

1. Kiến chấp ngã trói buộc.

2. Kiến chấp chúng sinh trói buộc.

3. Kiến chấp pháp trói buộc.

Này Thiên tử! Nếu người không có ba loại kiến chấp ấy trói buộc mà nghe pháp thì nên biết người ấy an trụ trong ba thứ tịnh. Thế nào là ba?

1. Chẳng thấy thân mình, chẳng phân biệt, chẳng tư niệm, chẳng chứng biết.

2. Chẳng thấy người thuyết pháp, chẳng phân biệt, chẳng tu niệm, chẳng chứng biết.

3. Chẳng thấy pháp được nói, chẳng phân biệt, chẳng tư niệm, chẳng chứng biết.

Này Thiên tử! Nếu ai có thể nghe pháp như vậy, thì đó là cái nghe bình đẳng.

Bấy giờ, Thiên tử Thiện Trụ Ý khen Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Lành thay, lành thay! Lời ấy rất hay. Bạch Đại sĩ! Nếu ai có thể nói như vậy thì nên biết là thuyết không thoái chuyển.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Thôi đi Thiên tử! Nay Thiên tử chẳng nên vọng tưởng phân biệt Bồ-tát thoái chuyển. Vì sao? Vì giả sử Bồ-tát mà có thoái chuyển thì họ hoàn toàn chẳng thành được Vô thượng Chánh giác. Vì sao? Vì trong Bồ-đề ấy không có pháp thoái chuyển.

Thiên tử Thiện Trụ Ý nói:

– Bạch Đại sĩ! Nếu như vậy thì sẽ ở đâu có thoái chuyển ấy?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Này Thiên tử! Phải biết từ tham dục mà có thoái chuyển, từ sân hận mà có thoái chuyển, từ ngu si mà có thoái chuyển, từ hữu ái mà có thoái chuyển, từ vô minh mà có thoái chuyển, cho đến từ mười hai hữu phần sinh tử mà có thoái chuyển, từ nhân duyên mà có thoái chuyển, từ kiến chấp mà có thoái chuyển, từ danh từ sắc mà có thoái chuyển, từ Dục giới từ Sắc giới từ Vô sắc giới mà có thoái chuyển, từ Thanh văn mà có thoái chuyển, từ Bích-chi-phật mà có thoái chuyển, từ phân biệt mà có thoái chuyển, từ chấp trước mà có thoái chuyển, từ tướng mà có thoái chuyển, từ thủ tướng mà có thoái chuyển, từ đoạn kiến mà có thoái chuyển, từ thường kiến mà có thoái chuyển, từ thủ mà có thoái chuyển, từ xả mà có thoái chuyển, từ ngã tưởng mà có thoái chuyển, từ chúng sinh tưởng mà có thoái chuyển, từ thọ mạng tưởng mà có thoái chuyển, từ sĩ phu tưởng mà có thoái chuyển, từ Bổ-đặc-già-la mà có thoái chuyển, từ tư tưởng mà có thoái chuyển, từ cột buộc mà có thoái chuyển, từ điên đảo mà có thoái chuyển, từ ngã kiến mà có thoái chuyển, từ ngã kiến làm căn bản cho sáu mươi hai kiến mà có thoái

chuyển, từ năm triền cái mà có thoái chuyển, từ ngũ ấm mà có thoái chuyển, từ các căn mà có thoái chuyển, từ các giới mà có thoái chuyển, từ Phật tưởng mà có thoái chuyển, từ Pháp tưởng mà có thoái chuyển, từ Tăng tưởng mà có thoái chuyển, cho đến tôi sẽ thành Phật tôi sẽ thuyết pháp, tôi độ chúng sinh, tôi sẽ phá ma, tôi được trí tuệ, từ các tưởng ấy mà có thoái chuyển.

Này Thiên tử! Nếu có thể chẳng phân biệt Như Lai mười Lực, chẳng phân biệt bốn Vô sở úy, chẳng phân biệt mười tám pháp Bất cộng, chẳng phân biệt tất cả Căn, Lực, Giác, Đạo, chẳng phân biệt các tướng tốt, chẳng phân biệt trang nghiêm cõi Phật, chẳng phân biệt Thanh văn, chẳng phân biệt Bồ-tát, cho đến chẳng phân biệt tất cả phân biệt thoái chuyển, thì gọi là không thoái chuyển.

Thiên tử Thiện Trụ Ý nói:

– Bạch Đại sĩ! Nếu như vậy thì sẽ ở đâu để được không thoái chuyển?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Này Thiên tử! Phải biết từ thông đạt Phật tuệ mà được không thoái chuyển, từ Không, Vô tướng, Vô nguyện mà được không thoái chuyển, từ như như, từ pháp tánh, từ thoái tế, từ bình đẳng mà được không thoái chuyển.

Thiên tử Thiện Trụ Ý nói:

– Bạch Đại sĩ! Nếu nói như vậy thì phân biệt cùng không phân biệt hai thứ không sai khác. Vì sao? Vì đều là từ tư duy phân biệt mà sinh, vì thế nên được nói là có thoái chuyển.

Bạch Đại sĩ! Thoái chuyển như vậy, là có pháp hay không pháp?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Chẳng phải có chẳng phải không có thoái chuyển ấy.

Thiên tử Thiện Trụ Ý nói:

– Bạch Đại sĩ! Nếu như vậy thì chỗ nào có thoái chuyển?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Này Thiên tử! Nếu có hoặc nếu không chấp lấy là hư vọng, là lấy điên đảo, là lấy bất như, kia là chẳng lấy, cũng chẳng phải chẳng lấy, do nghĩa ấy mà được nói là thoái chuyển. Nhưng pháp thoái chuyển ấy, chẳng thể nói có, chẳng thể nói không. Vì sao? Vì nếu trong có không mà có thoái chuyển thì rơi vào thường kiến, nếu không pháp thoái chuyển, thì rơi vào đoạn kiến. Nhưng Đức Thế Tôn nói, chẳng ở trong thường, chẳng ở trong đoạn. Chẳng phải đoạn, chẳng phải thường, đó là lời nói của Như Lai. Này

Thiên tử! Nếu họ ở nơi các tưởng chẳng chân thật trước ấy, mà họ chứng biết thì gọi là chẳng phải đoạn, chẳng phải thường. Này Thiên tử! Đây là pháp môn thoái chuyển của Bồ-tát vậy.

Lúc nói pháp này có mười ngàn Thiên tử được Vô sinh pháp nhẫn.

Phẩm 3: VĂN-THÙ THẦN BIẾN

Bấy giờ Thiên tử Thiện Trụ Ý bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Bạch Đại sĩ! Nay nên cùng đến chỗ Đức Như Lai, thân cận đảnh lễ thỉnh hỏi những điều chưa nghe, cũng nhân thời gian ấy như pháp mà chất vấn.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Này Thiên tử! Thiên tử chớ phân biệt thủ trước Như Lai.

Thiện Trụ Ý nói:

– Bạch Đại sĩ! Như Lai ở tại đâu mà bảo chớ thủ trước?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Chính tại hiện tiền.

– Bạch Đại sĩ! Nếu như vậy, sao tôi chẳng thấy?

– Này Thiên tử! Nếu nay Thiên tử có thể tất cả chẳng thấy thì gọi là chân thật thấy Như Lai.

– Bạch Đại sĩ! Nếu là hiện tiền sao bảo tôi chớ thủ trước Như Lai?

– Này Thiên tử! Thiên tử cho rằng nay đây hiện tiền có gì?

– Bạch Đại sĩ! Có hư không giới.

– Này Thiên tử! Đúng vậy! Nói là Như Lai chính là hư không giới. Tại sao? Vì các pháp bình đẳng như hư không. Thế nên hư không tức là Như Lai, Như Lai tức là hư không. Hư không và Như Lai không hai không khác. Này Thiên tử! Do ý nghĩa ấy nên ai muốn cầu thấy Như Lai phải quan sát như vầy: Chân tế như thật, biết rõ trong ấy không có một vật có thể phân biệt được.

Bấy giờ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại dùng thần lực hóa làm ba mươi hai tòa nhà báu nhiều từng, mái hiên đầy đủ, bốn mặt vuông vức, bốn góc có trụ, có bao lơn bao quanh lưới báu giăng xen rất đẹp, vi diệu cao vọi nguy nga, hoàn toàn trang nghiêm, rất đáng ưa thích. Trong nhà đều có giường

báu thù thắng trải với thiên y, trên giường đều có Hóa Bồ-tát ngồi đủ ba mươi hai tướng Đại nhân.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hiển hiện tất cả sự trang nghiêm như vậy rồi, cùng Hóa Phật trên hoa sen, các vị Hóa Bồ-tát và các chúng Bồ-tát trong lâu đài sang trọng này đồng đến chỗ Phật, đi vòng quanh bên phải bảy vòng, cũng đi vòng bên phải chúng Tỳ-kheo, rồi bay vút lên hư không tỏa ánh sáng, chiếu khắp chúng hội đạo tràng, an trụ bốn phía.

Lúc ấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đi sau Thiên tử Thiện Trụ Ý mà bỗng đến chỗ Phật trước, còn Thiên tử Thiện Trụ Ý lại đến sau. Thiên tử Thiện Trụ Ý hỏi:

– Bạch Đại sĩ! Tôi đi trước mà đến sau. Đại sĩ từ con đường nào đến đây?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Này Thiên tử! Giả sử có người cúng dường hằng hà sa Như Lai cúi đầu đảnh lễ cũng vẫn không thấy được việc tôi qua lại đi đứng.

Bấy giờ các Hóa Bồ-tát trên hoa đài và các chúng Bồ-tát trong nhà báu đồng thanh nói kệ ca ngợi Đức Như Lai:

Đã từng cúng dường quá hằng sa
Chẳng thể nghĩ bàn các Thế Tôn
Dũng mãnh tu hành cầu Bồ-đề
Thế nên siêu xuất hàng trời, người
Ánh sáng sắc đẹp hơn ba cõi
Mâu-ni tướng tốt thật diệu kỳ
Vì chúng tuyên nói pháp sâu xa
Không có thọ mạng, không nhân ngã.
Thế Tôn hành Thí, trì Tịnh giới
Nhẫn nhục, Tinh tấn, đủ Thiền định
Trí tuệ thanh tịnh sáng ba cõi
Con lạy Đấng Thắng Ba-la-mật-đa.
Có ai phát tâm cầu Bồ-đề
Thì nhận cúng dường của trời, người
Nếu nơi thâm không chẳng nghi hoặc
Sẽ nối Pháp Vương xuất thế gian
Quá khứ chư Phật Đẳng Chánh giác
Hiện tại tất cả Lưỡng Túc Tôn
Thường nói các pháp không như vậy
Bản lai không tướng cũng không tác.

Chúng sinh thể tánh chẳng nắm bắt,
Nào có kẻ sinh và tử diệt
Vốn đã không lai cũng không khứ
Tất cả các pháp như hư không.
Như các hóa nhân xem sự việc
Dù lại thị hiện mà không thật
Thế Tôn thuyết pháp cũng như vậy
Đều là hư giả đồng ảo mộng.
Hằng sa thế giới đầy châu báu
Mang đem bố thí tất cả người
Nếu hay tu nhẫn khéo nói không
Thí pháp như đây hơn tài thí.
Lại trong số kiếp như hằng sa
Cúng dường chư Phật trên trời, người
Dâng cúng hương hoa và vật dụng
Vì cầu Bồ-đề lìa thế gian.
Được nghe chánh pháp rất sâu này
Không có ngã, chúng sinh, thọ mạng
Nên biết người này được tịnh nhẫn
Đây là cúng dường mười phương Phật .
Trong vô số kiếp hành bố thí
Y thực, ngựa voi và châu báu
Nên biết chẳng phải nhân giải thoát
Bởi có tưởng ngã, nhân, chúng sinh.
Quy mạng Đấng Vô Thượng Niết-bàn,
Cứu tế chúng sinh số vô lượng
Các pháp đều không vốn thanh tịnh
Giải thoát như vậy trí trang nghiêm.
Chư Phật xuất thế rất khó gặp
Được nghe chánh pháp sinh tin khó
Thân người khó được nay đã được
Lành thay Phật pháp người thuận tu!
Đã được bỏ trừ tám chướng nạn
Tuyệt hẳn chật hẹp ở không nhàn
Nơi các chánh pháp được tín hành
Phải nên dũng mãnh phát tinh tấn.
Nếu nghe pháp rồi phải chánh tư
Chẳng nên nghe tiếng liền nắm lấy

Các người thường tu A-lan-nhã
Chắc sẽ mau chóng thành Nhân hùng.
Gần Thiện tri thức và Pháp sư
Phải mau xa rời các bạn ác
Đối với chúng sinh tưởng bình đẳng
Cẩn thận chớ khởi tâm ngã nhân.
Thường thích đa văn trì cấm giới
Lìa bỏ cửa nhà ngồi trong rừng
Thuốc hư trị bệnh chớ dối tốt
Cũng luôn khất thực nhận phấn tảo.
Tất cả hữu vi tức vô vi
Đồng đều một tướng như sóng nắng
Nếu rõ thực tế thấy chân như
Mau thành Vô thượng Bồ-đề đạo.
Nên quán năm ấm dường mộng ảo
Các nhập trong ngoài như nhà hoang
Thế Tôn thường nói pháp như đây
Pháp cũng mộng ảo chớ chấp trước.
Tham dục, sân giận, tánh tự không
Ngu si, ngã mạn phân biệt khởi
Pháp ấy đã diệt nay cũng không
Biết được như vậy thì thành Phật.

Lúc các Hóa Bồ-tát nói kệ này, trong chúng hội có hai vạn hai ngàn chúng sinh phát tâm Vô thượng Bồ-đề, năm trăm Tỳ-kheo lậu tận ý giải, tâm được giải thoát, năm trăm Tỳ-kheo-ni xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn tịnh, bảy ngàn Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hai vạn năm ngàn Thiên tử cũng đều được lìa trần cấu được Pháp nhãn tịnh, ba trăm Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn. Cả đại địa tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách như rung động, rung động khắp, rung động đều khắp, vang động, vang động khắp, vang động đều khắp; vọt lên, vọt lên khắp, vọt lên đều khắp; cho đến gầm rống, khởi lên, thức tỉnh các thứ cũng đều như vậy.

□

Phẩm 4: PHÁ MA

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nay điềm tướng này do ai làm mà có thể làm cho đại địa trong tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách, lại có các vị Bồ-tát trên tòa hoa sen trong lâu đài cung điện phóng ánh sáng lớn soi sáng chúng hội, diễn nói các pháp sâu xa vi diệu, khiến vô lượng trăm ngàn chư Thiên tử đều đến hội họp và trăm ngàn các Bồ-tát cũng vân tập đến?

Khi ấy Đức Phật dạy:

– Này Xá-lợi-phất! Đây là năng lực oai thần của Văn-thù-sư-lợi, hiện ra những sự vi diệu trang nghiêm như vậy, cũng khiến các Bồ-tát và chư Thiên vân tập. Vì sao? Vì Này Xá-lợi-phất! Văn-thù-sư-lợi cùng Thiên tử Thiện Trụ Ý sẽ dẫn đại chúng muốn đến chỗ Phật thỉnh hỏi về pháp môn Phá tán chư ma Tam-muội để thành tựu đầy đủ các Phật pháp sâu xa chẳng thể nghĩ bàn.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy vì lý do gì tôi xem khắp đại chúng mà trọn chẳng thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi?

Đức Phật dạy:

– Này Xá-lợi-phất! Ông hãy chờ xem, nay Văn-thù-sư-lợi đã làm cho tất cả Ma vương, tất cả Ma chúng, tất cả ma cung hiển bày sự suy hao lớn, đó là thần biến cực vi diệu trang nghiêm, sắp đến chỗ ta, ông sẽ tự thấy.

Lúc này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nhập Tam-muội Phá tán chư ma, do sức Tam-muội, ngay lúc ấy hàng trăm ức cung điện của ma trong tam thiên đại thiên thế giới liền cũ mục tối tăm như sắp tan rã lụi tàn, sự biến đổi đó đã hiện ra không còn uy quang nữa, làm cho tất cả ma không ưa thích chỗ mình ở, họ đều thấy thân hình mình già suy ốm gầy, chống gậy mà đi, hàng Thiên nữ biến thành bà già. Thấy sự biến đổi như vậy, tất cả ma rất ưu sầu, cả mình rởn ốc, hãi sợ suy nghĩ rằng: "Đây là biến quái gì mà khiến cho trong ngoài của ta đầy những bất thường, phải chăng là sắp chết mất đến lúc bị quả báo suy tán ư? Hay là thế gian sắp bị hoại kiếp ư?

Lúc chúng ma đang lo sợ suy nghĩ như trên, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, dùng thần lực hiện ra trăm ức Thiên tử đứng trước chúng ma mà bảo:

– Các người chớ lo sợ, đây chẳng phải tai họa của các người, cũng chẳng phải kiếp hoại. Vì sao có hiện tượng đó? Nay, sự kiện này vừa rồi có Bồ-tát Đại sĩ đang trụ địa vị không thoái chuyển, thần uy vĩ đại đạo đức siêu việt thế gian tên là Văn-thù-sư-lợi đang nhập Tam-muội Phá tán chư ma, do uy thần Tam-muội của Đại sĩ mà hiện tượng đó xảy ra, không có việc gì khác.

Các ma vương và ma chúng nghe các hóa Thiên tử nói đến tên Bồ-

tát Văn-thù-sư-lợi, họ càng tăng thêm kinh sợ run rẩy chẳng an, tất cả cung điện ma đều chấn động dữ dội.

Các ma vương thưa với các hóa Thiên tử:

– Xin ngài đại Từ cứu khỏi tai ách cho chúng tôi.

Các hóa Thiên tử nói:

– Chớ sợ chớ sợ, các người mau đến chỗ Đức Thích-ca Mâu-ni Phật. Vì sao? Vì Đức Phật Như Lai ấy có đại Từ bi, nếu chúng sinh nào có nhiều nỗi lo âu sợ hãi bức bách khổ sở thì chỉ đến quy y với Phật đều được an lạc trừ hết lo khổ.

Nói xong, các hóa Thiên tử bỗng ẩn mất.

Các ma vương và ma chúng nghe lời chỉ bảo trên, tất cả đều vui mừng, cùng nhau chống gậy đi trong khoảnh khắc đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni, đồng thanh bạch:

– Đại Đức Thế Tôn! Xin được cứu hộ, xin được cứu hộ khỏi tai quái khốn khổ đại họa này.

Bạch Thế Tôn! Thà chúng con thọ trì danh hiệu của trăm ngàn vạn ức chư Phật, chớ chẳng mong nghe một tên Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Vì sao? Vì khi chúng con một lần nghe đến tên Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thì rất kinh sợ như sắp bị tán mạng.

Khi ấy Đức Phật dạy:

– Này Ba-tuần! Nay sao các ông bỗng thốt ra lời như vậy. Vì sao vậy? Trong khi đó, những việc khai đạo làm lợi ích chúng sinh mà vị Đại sĩ ấy làm, ngay cả hàng ức trăm ngàn Đức Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai cũng không làm việc đó, mà chỉ có Văn-thù-sư-lợi thường vì chúng sinh mà kiến lập đại sự ấy trong cả ba thời gian, quá khứ hiện tại và vị lai, cho đến khi chúng sinh thành thục rồi đạt đến trạng thái giải thoát. Vì vậy, các ông tuy nghe hàng trăm ngàn danh hiệu Phật vẫn không khổ não, kinh sợ. Nhưng sao các ông lại nói chúng con nghe tên một vị Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đều rất kinh sợ?

Các ma bạch rằng:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con thật hổ thẹn với thân hình già xấu này thêm quá kinh sợ nên nói như vậy.

Bạch Thế Tôn! Từ nay chúng con quy y Đấng Chánh Giác, ngưỡng mong thương xót hoàn phục thân hình cho.

Đức Phật dạy:

– Các ông chờ giây lát, Văn-thù-sư-lợi đến đây rồi sẽ trừ hết sự xấu

hổ cho các ông.

Bấy giờ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi từ Tam-muội dậy cùng vô lượng trăm ngàn Thiên chúng, vô lượng trăm ngàn Đại Bồ-tát và vô lượng trăm ngàn các Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già trước sau vây quanh, lại trỗi vô lượng trăm ngàn âm nhạc, lại mưa vô lượng bông hoa vi diệu, như hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi vi diệu, đủ đại trang nghiêm, có đại thần thông oai đức vô cực, đồng đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ chân Phật đi vòng quanh Phật ba vòng, rồi lui ở một bên.

Đức Phật dạy:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Có phải ông đã nhập Phá tán chư ma Tam-muội chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Vâng, Thế Tôn! Con đã có nhập.

Đức Phật dạy:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Từ Đức Phật nào mà ông được nghe dạy Tam-muội ấy và ông tu bao lâu được thành mãn?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Lúc con chưa phát tâm Bồ-đề, được nghe Tam-muội ấy nơi Đức Phật.

Đức Phật hỏi:

– Đức Phật nói Tam-muội ấy cho ông nghe danh hiệu là gì?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Con nhớ thuở quá khứ vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ kiếp chẳng thể nghĩ bàn, thuở ấy có Đức Phật hiệu Mạn-đà-la Hoa Hương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự, Thượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn xuất hiện thế gian tuyên nói Phá tán chư ma Tam-muội ấy, lúc ấy con sơ khởi được lắng nghe.

Đức Phật bảo:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Tam-muội như vậy tu thế nào để được?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát thành tựu đủ hai mươi pháp thì được Phá ma Tam-muội ấy.

Hai mươi pháp ấy là gì?

1. Quở trách tham dục, phá hoại lòng tham.

2. Quở trách sân nộ, phá hoại lòng sân.

3. Quở trách ngu si, phá hoại lòng si.

4. Quở trách tật đố, phá hoại lòng ghen ghét.

5. Quở trách kiêu mạn, phá hoại lòng kiêu mạn.

6. Quở trách các thứ ngăn che, phá hoại lòng ngăn che.

7. Quở trách nhiệt não, phá hoại lòng não.

8. Quở trách tưởng niệm, phá hoại lòng tưởng.

9. Quở trách các kiến, phá hoại lòng kiến chấp.

10. Quở trách phân biệt, phá hoại lòng phân biệt.

11. Quở trách thủ sự, phá hoại lòng chấp thủ.

12. Quở trách chấp trước, phá hoại lòng chấp trước.

13. Quở trách các tướng, phá hoại tâm tướng.

14. Quở trách pháp có, phá hoại lòng có.

15. Quở trách pháp thường, phá hoại lòng thường.

16. Quở trách pháp đoạn, phá hoại lòng đoạn.

17. Quở trách các ấm, phá hoại lòng ấm.

18. Quở trách các nhập, phá hoại lòng nhập.

19. Quở trách các giới, phá hoại lòng giới.

20. Quở trách ba cõi, phá hoại lòng trong ba cõi.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát đủ hai mươi pháp này thì thành tựu Tam-muội ấy.

Bạch Thế Tôn! Lại có bốn pháp, Bồ-tát tu hành đầy đủ thì thành tựu Tam-muội ấy. Thế nào là bốn?

1. Kiến lập tâm hành thanh tịnh điều nhu.

2. Tâm tánh thuần trực không có các siểm khúc.

3. Tâm không phan duyên nhập thâm pháp nhẫn.

4. Nội ngoại sở hữu hay xả thí tất cả.

Đây là bốn pháp mà Bồ-tát có đầy đủ sẽ thành tựu Tam-muội ấy.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát còn có bốn pháp có thể được Tam-muội ấy. Thế nào là bốn?

1. Có đức tin sâu xa tuyệt đối.

2. Nói chân thật chính xác.

3. Thường thích không nhàn.

4. Chẳng nắm lấy các tướng.

Đây là bốn pháp mà Bồ-tát có đầy đủ sẽ thành tựu Tam-muội ấy.

Đại Bồ-tát còn có bốn pháp có thể được Tam-muội ấy. Thế nào là bốn?

1. Gần gũi bạn lành.

2. Luôn luôn biết dừng, đủ.

3. Ngồi một mình tư duy.

4. Chẳng thích ồn ào.

Đây là bốn pháp mà Bồ-tát có đầy đủ sẽ thành tựu Tam-muội ấy.

Đại Bồ-tát còn có bốn pháp có thể được Tam-muội ấy. Thế nào là bốn?

1. Giới chẳng phá hoại.

2. Giới chẳng khuyết phạm.

3. Giới không chỗ nương.

4. Giới chẳng vọng báo.

Đây là bốn pháp mà Bồ-tát có đầy đủ sẽ thành tựu Tam-muội ấy.

Đại Bồ-tát còn có bốn pháp có thể được Tam-muội ấy. Thế nào là bốn?

1. Bỏ tâm Thanh văn.

2. Lìa tâm Duyên giác.

3. An trụ Bồ-tát nhẫn.

4. Giới chẳng bỏ chúng sinh.

Đây là bốn pháp mà Bồ-tát có đầy đủ sẽ thành tựu Tam-muội ấy.

Đại Bồ-tát còn có bốn pháp có thể được Tam-muội ấy. Thế nào là bốn?

1. Tu không trừ ngã.

2. Lìa tướng, không có tướng.

3. Vô nguyện, trừ nguyện.

4. Xả bỏ các sở hữu.

Đây là bốn pháp mà Bồ-tát có đầy đủ sẽ thành tựu Tam-muội ấy.

Bạch Thế Tôn! Thuở ấy Đức Như Lai Mạn-đà-la Hoa Hương tuyên nói pháp môn Phá tán chư ma ấy, con được nghe và bắt đầu tu tập.

Kế lại có Phật hiệu Nhất Thiết Bảo Điện Tế Nhật Nguyệt Quang Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Giác, bấy giờ ở nơi Tam-muội ấy, con thành

tựu đầy đủ. Đức Thế Tôn ấy tuyên nói pháp môn này trong chúng hội ấy, có mười ngàn Bồ-tát thành tựu pháp môn Phá tán chư ma Tam-muội.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Đức Phật:

– Hy hữu thay! Thế Tôn! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi này có thể từ thuở xa xưa thành tựu Hàng ma Tam-muội, do oai lực Tam-muội, khiến Ba-tuần và ma chúng tóc bạc già nua hình chí đều suy tàn.

Đức Phật dạy:

– Này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ sao? Phải chăng ông cho rằng vị Văn-thù-sư-lợi này chỉ biến chúng ma ấy trong tam thiên đại thiên thế giới này làm cho già suy như thế này thôi sao? Ông chớ quan niệm như vậy. Vì sao? Vì hiện nay trong mười phương hằng hà sa cõi Phật tất cả chúng ma đều biến hoại như vậy cả, đều do oai lực của Văn-thù-sư-lợi làm ra.

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nay ông nên nhiếp thần lực của ông lại khiến tất cả chúng ma hoàn phục bản hình.

Tuân lời của Phật, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo chúng ma:

– Các nhân giả có thật chán sợ thân hình này chăng?

Chúng ma bạch:

– Vâng, bạch Đại sĩ!

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo:

– Nếu như vậy thì các ngươi cũng nên chán sợ tham dục chớ luyến tiếc.

Chúng ma bạch:

– Lành thay! Đại sĩ! Kính nghe lời dạy tốt nào dám sai trái, chỉ mong nương chút oai thần để dẹp trừ sự khổ sở xấu hổ này.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền nhiếp thần lực khiến chúng ma trả nợ thân hình chư Thiên trang nghiêm như cũ rồi bảo chúng ma:

– Này Ba-tuần! Ở đây những thuộc tánh về con mắt của ngươi, cái gì là con mắt? Cái gì là tưởng thuộc con mắt, là tướng trạng thuộc mắt, là tư duy thuộc mắt, là ngã thuộc mắt, là sự nương nơi thuộc mắt, là sự vui thích thuộc mắt, là lý luận thuộc mắt, là ngã sở thuộc mắt, là sự gìn giữ thuộc mắt, là sự suy niệm thuộc mắt, là sự xả bỏ thuộc mắt, là sự phân biệt thuộc mắt, là sự nghĩ lường thuộc mắt, là thành tựu thuộc mắt, là sự sinh khởi thuộc mắt, là sự diệt tận thuộc mắt, là sự đến và đi thuộc mắt, các pháp như vậy là cảnh giới tạo nghiệp ma của các ngươi, gây nên cản trở chướng ngại.

Như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng như vậy.

Lại nữa, sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp là cảnh giới tạo nghiệp ma của các ngươi gây nên cản trở chướng ngại, cũng đều như vậy. Các ngươi cần phải biết rõ chính xác như thật.

Lại nữa, này Ba-tuần! Còn có các thuộc tánh về con mắt của ngươi, tức là những thứ không phải thuộc con mắt, cũng chính là không có con mắt thì không có tưởng về con mắt, không có sự dính mắt thuộc mắt, không có tướng trạng thuộc mắt, không có sự bám víu thuộc mắt, không có sự chướng ngại thuộc mắt, không có tư duy thuộc mắt, không có ngã thuộc mắt, không có sự nương tựa thuộc mắt, không có sự ưa thích thuộc mắt, không có lý luận thuộc mắt, không có ngã sở thuộc mắt, không có sự gìn giữ thuộc mắt, không có suy niệm thuộc mắt, không có sự nắm giữ thuộc mắt, không có xả bỏ thuộc mắt, không có phân biệt thuộc mắt, không có sự nghĩ lường thuộc mắt, không có sự quyết định thuộc mắt, không có sự sinh khởi thuộc mắt, không có sự diệt tận thuộc mắt, không có sự đi hay sự đến thuộc mắt. Như vậy, các pháp ấy không phải cảnh giới của các ngươi, các ngươi ở trong ấy không thể làm chủ được; không có pháp, không có năng lực nên không được tự tại và cũng không nắm giữ, dính mắc.

Như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng đều như vậy. Và cho đến sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp cũng lại như vậy. Các ngươi cần phải biết rõ chính xác như thật.

Lúc Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thuyết pháp ấy, trong chúng có một vạn ma vương Ba-tuần đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Tám vạn bốn ngàn các ma quyến thuộc xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh.

□

Phẩm 5: BỒ-TÁT THÂN HÀNH

Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con nguyện thỉnh Văn-thù-sư-lợi làm cho chúng con xem thấy các Đại Bồ-tát. Vì chư Đại sĩ ấy khó được gặp gỡ vậy.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Ông nên biết nay đại chúng đều khát ngưỡng mong thấy mười phương vân tập các Đại Bồ-tát. Hiện đã phải lúc ông nên hiển hiện.

Tuân lời Phật dạy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo các Đại Bồ-tát mười

phương vân tập đến như là Bồ-tát Pháp Luân, Bồ-tát Nguyệt Quang, Bồ-tát Hàng Ma, Bồ-tát Diệu Âm, Bồ-tát Ly Cấu, Bồ-tát Tịch Diệt, Bồ-tát Tuyển Trạch, Bồ-tát Pháp Vương Hống, vô lượng chúng Đại Bồ-tát:

– Này các Đại sĩ! Nay các vị đều nên ở tại cung điện tự hiện thân mình rõ ràng đúng như hình trạng tại bản quốc của các vị.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi phát ra lời ấy xong, các Đại Bồ-tát từ Tam-muội dậy đều hiện bản thân khiến tất cả đại chúng đều thấy.

Hoặc có Bồ-tát thân cao lớn như núi Tu-di vương, hoặc có Bồ-tát thân lớn tám vạn bốn ngàn do-tuần, hoặc trăm ngàn do-tuần, hoặc chín mươi ngàn do-tuần cho đến năm mươi ngàn, bốn mươi ngàn, ba mươi ngàn, hai mươi ngàn, hoặc có thân lớn mười ngàn do-tuần, cho đến hoặc có thân năm ngàn, bốn ngàn, ba ngàn, hai ngàn; hoặc có thân lớn một ngàn do-tuần, cho đến có thân năm trăm, bốn trăm, ba trăm, hai trăm do-tuần; hoặc có thân lớn một trăm do-tuần, cho đến hoặc có thân năm mươi, bốn mươi, ba mươi, hai mươi; hoặc có thân lớn mười do-tuần, cho đến có thân chỉ có năm, bốn, ba, hai, một do-tuần, như vậy cho đến hoặc có các vị Bồ-tát vóc dáng thân hình lớn nhỏ, cao thấp rộng hẹp như thân thể con người thuộc thế giới Ta-bà này không khác. Khi ấy, tam thiên đại thiên thế giới này đầy cả đại chúng, không có một khoảng trống nhỏ dù chỉ bằng đầu gậy.

Tất cả chúng Đại Bồ-tát ấy đều là công đức nguy nguy, trí tuệ sâu xa, đầy đủ oai lực, thành tựu thần thông, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp mười phương vô lượng trăm ngàn cõi Phật.

Cho đến chư Thiên đại oai đức cùng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân và Phi nhân, các đại vương, các tiểu vương đều đông đủ.

Bấy giờ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đứng dậy chỉnh y phục để hở vai áo bên phải gối phải quỳ xuống đất chắp tay hướng Phật mà bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nay muốn thưa hỏi Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác chút ít để giải quyết lòng nghi, chẳng biết Thế Tôn có thương cho phép chăng?

Đức Phật dạy:

– Cho phép ông hỏi, Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác sẽ giải thích quyết dứt lòng nghi cho ông, khiến ông vui mừng.

Văn-Thù-sư-lợi bạch:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Con xin lắng nghe tiếp nhận những lời

tuyên thuyết.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát? Nói Bồ-tát đó có những nghĩa gì?

Đức Phật dạy:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Ông hỏi thế nào là Bồ-tát và Bồ-tát có nghĩa gì? Do vì có thể biết rõ tất cả pháp nên gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát vậy!

Này Văn-thù-sư-lợi! Tất cả pháp mà Bồ-tát biết rõ đó là ngôn thuyết.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát biết rõ tất cả pháp? Những là biết rõ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là vị Bồ-tát biết rõ mắt, biết rõ tai… cho đến biết rõ ý? Này Văn-thù-sư-lợi! Điều ấy có nghĩa là vị Bồ-tát biết rõ bản tánh của Pháp nhãn là không.

Như vậy, biết rõ tai… cho đến biết rõ ý cũng đều biết rõ bản tánh của chúng là không. Biết rõ như vậy rồi, Bồ-tát cũng không sinh ý niệm: "Tôi có thể giác tri, biết rõ như vậy rồi trọn chẳng sinh niệm rằng tôi có thể giác tri".

Biết rõ nhãn… như vậy rồi, Bồ-tát lại biết rõ tự bản tánh của sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp là không. Biết rõ như vậy rồi Bồ-tát cũng chẳng phân biệt rằng: "Tôi có thể giác tri".

Đây là Bồ-tát biết rõ tất cả pháp.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát biết rõ năm ấm thế nào? Bồ-tát xem thấy năm ấm thể tánh vốn tự Không. Vì biết rõ như vậy nên quán Vô tướng. Vì biết rõ như vậy nên quán Vô nguyện. Vì biết rõ như vậy nên quán không có dục. Vì biết rõ như vậy nên quán tịch tĩnh. Vì biết rõ như vậy nên quán viễn ly. Vì biết rõ như vậy nên quán không sở hữu. Vì biết rõ như vậy nên quán không thật. Vì biết rõ như vậy nên quán không động. Vì biết rõ như vậy nên quán không sinh. Vì biết rõ như vậy nên quán không đến. Vì biết rõ như vậy nên quán không đi. Vì biết rõ như vậy nên quán không chân. Vì biết rõ như vậy nên quán không chủ. Vì biết rõ như vậy nên quán không chứng. Vì biết rõ như vậy nên quán không biết. Vì biết rõ như vậy nên quán không kiến chấp. Vì biết rõ như vậy nên quán không có người. Vì biết rõ như vậy nên quán không có tưởng. Vì biết rõ như vậy nên quán không thể nêu bày. Vì biết rõ như vậy nên quán chỉ có tên. Vì biết rõ như vậy nên quán vô ngã. Vì biết rõ như vậy nên quán phân biệt khởi. Vì biết rõ như vậy nên quán từ duyên sinh. Vì biết rõ như vậy nên quán như huyễn. Vì biết rõ như vậy nên quán như huyễn hóa. Vì biết rõ như vậy nên quán như mộng. Vì biết rõ như vậy nên quán như bóng trong gương. Vì biết rõ như

vậy nên quán như âm vang. Vì biết rõ như vậy nên quán như cây chuối. Vì biết rõ như vậy nên quán không tồn tại lâu dài. Vì biết rõ như vậy nên quán không vững chắc. Vì biết rõ như vậy nên quán hư vọng. Vì biết rõ như vậy nên quán không có vật. Vì biết rõ như vậy nên gọi là Bồ-tát biết rõ tất cả pháp.

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Đại Bồ-tát biết rõ tham, sân, si? Bồ-tát biết rõ tham dục kia do vì phân biệt mà khởi, biết rõ sân khuể kia do vì phân biệt mà khởi, biết rõ ngu si kia do vì phân biệt mà khởi, nhưng cũng biết rõ cái phân biệt kia là không, không sở hữu, không vật, không hý luận, nên chẳng thể nêu bày, chẳng thể chứng đắc. Đây là Bồ-tát biết rõ tất cả pháp.

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát biết rõ ba cõi? Bồ-tát biết rõ cõi Dục không ngã, nhân; cõi Sắc không có tạo tác; cõi Vô sắc không vô hữu. Biết rõ ba cõi kia đều viễn ly. Đây là Bồ-tát biết rõ tất cả pháp.

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát biết rõ chúng sinh hành? Bồ-tát biết rõ chúng sinh này tham dục hành, chúng sinh này sân khuể hành, chúng sinh này ngu si hành, chúng sinh này đẳng phần hành. Biết rõ như vậy chứng tri như vậy, vì chúng sinh mà giảng thuyết như vậy, giáo hóa như vậy, khiến được giải thoát như vậy. Đây là Bồ-tát biết rõ tất cả pháp.

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát biết rõ chúng sinh? Bồ-tát biết rõ chúng sinh chỉ có danh tự, rời lìa danh tự ấy thì không có chúng sinh riêng, thế nên tất cả chúng sinh tức là một chúng sinh, một chúng sinh kia tức là tất cả chúng sinh, chúng sinh như vậy tức là chẳng phải chúng sinh. Nếu ai có thể không phân biệt như vậy đó là Đại Bồ-tát biết rõ tất cả pháp.

Lại nữa, biết rõ tất cả pháp thế nào? Có thể biết rõ Bồ-đề đạo như vậy đó là Đại Bồ-tát biết rõ tất cả pháp.

Thuyết minh lại nghĩa này, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Biết rõ mắt với tai
Tự thể thường không tịch
Chẳng nói tôi hay giác
Thì gọi là Bồ-tát.
Quán mũi cùng với lưỡi
Bản tánh không sở hữu
Chẳng phân biệt tôi giác
Thì gọi là Bồ-tát.

Trí tuệ quan sát thân
Cũng giác ý tự nhiên
Giác rồi nói dạy người
Thì gọi là Bồ-tát.
Sắc, thanh, hương, vị, xúc
Ý chỗ thích trần cảnh
Biết rõ bản tánh không
Thì gọi là Bồ-tát.
Biết sắc cùng thọ, tưởng
Hành ấm và thức tâm
Tất cả đồng như huyễn
Thì gọi là Bồ-tát.
Năm ấm tụ như mộng
Biết nó không một tướng
Chẳng phân biệt tôi biết
Thì gọi là Bồ-tát.
Chẳng sinh cũng chẳng xuất
Không tác cũng không nói
Chỉ có danh tự thôi
Danh ấy cũng không vật.
Biết tham dục sân khuể
Đều do phân biệt khởi
Phân biệt ấy không thể
Cứu cánh trọn tự không;
Si cũng phân biệt sinh
Phân biệt nhân duyên sinh
Duyên đây sinh kiến chấp
Kiến chấp chẳng nắm bắt.
Biết khắp ba cõi không
Tất cả không chân thật
Nơi kia chẳng thể động
Nên gọi là Bồ-tát.
Cõi Dục chẳng thành tựu
Đều do phân biệt khởi
Cõi Sắc, cõi Vô sắc
Tất cả chẳng bền vững.
Sở hành của chúng sinh
Người trí đều biết rõ

Tham dục cùng sân khuể
Và ngu si kia thảy.
Tất cả các chúng sinh
Tức là một chúng sinh
Trí giả không sở giác
Chẳng niệm chúng sinh kia.
Các pháp được sinh khởi
Đều nhân điên đảo sinh
Biết rõ điên đảo ấy
Biết chân tướng điên đảo
Trí tuệ rất vi diệu
Chẳng nắm giữ âm thanh,
Biết rồi không chấp trước
Nên gọi là Bồ-tát.
Hay xả thịt thân mình
Cũng trọn không nương tựa
Biết chân thật như vậy
Mới gọi là Bồ-tát.
Đến trì giới Bỉ ngạn
Cũng chẳng niệm Bỉ ngạn
Biết rõ giới hạnh pháp như
Không sinh cũng không tận.
Từ tâm khắp chúng sinh
Chẳng được tướng chúng sinh
Biết rõ chúng sinh tế
Chỉ do giả ngôn tuyên.
Dũng mãnh đại tinh tấn
Thâm tâm chán hữu vi
Thấy ba cõi không hư
Chứng Vô thượng Đẳng giác.
Thường nhập thiền vi diệu
Không đắm, không chỗ nương.
Không trụ, không phan duyên
Trí giả định như vậy,
Hay dùng dao trí bén
Dứt trừ các dây kiến
Quan sát tánh pháp giới
Không đứt cũng không tổn

Nếu người thật biết rõ
Tất cả pháp như thật
Liền đó lợi chúng sinh
Mới gọi là Bồ-tát.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 104

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Đạt-ma-cấp-đa, người xứ Thiên Trúc.

PHÁP HỘI 36: THIÊN TỬ THIỆN TRỤ Ý (PHẦN 3)

Phẩm 6: PHÁ TƯỚNG BỒ-TÁT

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy Bồ-tát mới phát tâm ấy, do nghĩa gì mà gọi là mới phát tâm?

Đức Phật dạy:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu có Bồ-tát bình đẳng xem ba cõi của tất cả tưởng sinh như vậy, được nói ban đầu phát tâm. Đây gọi là Bồ-tát mới phát tâm.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bạch:

– Bạch Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa của Phật nói: Nếu có Bồ-tát tâm tham dục sinh là mới phát tâm, tâm sân khuể sinh là mới phát tâm, tâm ngu si sinh là mới phát tâm. Lời Đức Thế Tôn nói phải chăng bảo đó là mới phát tâm?

Thiên tử Thiện Trụ Ý hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Bạch Đại sĩ! Nếu các Bồ-tát khởi tham, sân, si mà gọi là mới phát tâm thì tất cả phàm phu đủ mọi sự ràng buộc đều là Bồ-tát mới phát tâm. Vì sao? Vì từ xưa đến nay các phàm phu ấy thường phát ba độc tâm tham, sân, si như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Này Thiên tử! Thiên tử nói tất cả phàm phu ấy từ xưa đến nay thường phát được ba độc tâm ấy, nghĩa đó không đúng. Vì sao? Vì tất cả phàm phu tâm lực kém yếu chẳng thể phát khởi tham, sân, si ấy. Duy chỉ có chư Phật Thế Tôn, tất cả A-la-hán, Bích-chi-phật, các vị Bồ-tát ở địa vị không thoái chuyển, mới hay phát khởi tham, sân, si thôi. Vì thế nên phàm

phu chẳng phát được.

Thiên tử Thiện Trụ Ý nói:

– Bạch Đại sĩ! Nay Đại sĩ cớ chi nói như vậy, khiến chúng hội này chẳng hiểu, chẳng biết sa vào lưới nghi rất đáng kinh sợ.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Này Thiên tử! Như chim kia bay qua lại trong hư không, dấu chân chim ấy tại hư không là có hiện khởi hay không có hiện khởi?

– Bạch Đại sĩ! Chẳng phải không hiện khởi.

– Này Thiên tử! Đúng như vậy! Do nghĩa ấy nên tôi nói nếu có người phát khởi tham, sân, si, thì duy chư Phật Thế Tôn, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát không thoái mới có thể dứt trừ sự phát khởi ấy được thôi.

Này Thiên tử! Không có y xứ đó gọi là phát, không có thủ trước đó gọi là phát. Đã không y xứ lại không thủ trước thì tức là không lập câu, đây gọi là phát; là câu vô phân biệt, đây gọi là phát; là câu chẳng thể sinh, đây gọi là phát; là câu bất thiện đây gọi là phát; là câu chẳng phải vật, đây gọi là phát; là câu chẳng phải đến, đây gọi là phát; là câu chẳng phải sinh, đây gọi là phát; là câu vô sinh, đây gọi là phát; là câu vô phan duyên, đây gọi là phát; là câu vô chứng, đây gọi là phát; là câu bất tránh, đây gọi là phát; là câu bất tư, đây gọi là phát; là câu bất hoại, đây gọi là phát; là câu vô ngôn, đây gọi là phát; là câu bất phá, đây gọi là phát; là câu vô tự, đây gọi là phát; là câu vô chấp, đây gọi là phát; là câu vô trụ, đây gọi là phát; là câu bất thủ, đây gọi là phát; là câu bất xả, đây gọi là phát; là câu bất bạt, đây gọi là phát. Này Thiên tử! Nên biết đây là Bồ-tát mới phát tâm.

Này Thiên tử! Bồ-tát phát tâm, nếu ở nơi tất cả pháp như vậy mà chẳng ái trước, chẳng tư tưởng, chẳng thấy, chẳng biết, chẳng nghe, chẳng hiểu, chẳng lấy, chẳng bỏ, chẳng sinh, chẳng diệt, thì gọi là chân thật phát tâm.

Này Thiên tử! Đại Bồ-tát, nếu hay nương nơi pháp giới như vậy, bình đẳng như vậy, thật tế như vậy, phương tiện như vậy, thì tham dục sân khuể, ngu si kia phát. Lại nếu quyết hay nương tựa như vậy, thì nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý kia phát, thì sắc thủ uẩn, thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn kia phát, như vậy thì tất cả kiến chấp phát, vô minh hữu ái phát, mười hai nhân duyên hữu phần phát, năm dục các sự phát, ái trước ba cõi phát, ngã kiến phát, ngã sở kiến phát, sáu mươi hai kiến phát, ngã kiến làm căn bản nên Phật tưởng phát, Pháp tưởng phát, Tăng tưởng phát, tự tưởng phát, tha tưởng phát, địa, thủy, hỏa, phong, không thức đại tưởng phát, bốn điên đảo phát, bốn thức trụ phát, năm cái phát, tám tà phát, chín phiền não phát,

mười điều ác đạo phát. Tóm lại, Thiên tử nên biết! Tất cả phân biệt, tất cả đối tượng phân biệt, tất cả ngữ ngôn, tất cả các tướng, tất cả đều nhằm đến tất cả hy cầu, tất cả thủ trước, tất cả tư tưởng, tất cả ý niệm, tất cả chướng ngã, các Bồ-tát đều phải phát cả, Thiên tử nên biết như thật.

Này Thiên tử! Do nghĩa ấy, nếu nay Thiên tử có thể ở nơi các pháp này mà chẳng ái trước, chẳng tư tưởng, thì gọi là chân thật.

Đức Thế Tôn khen:

– Lành thay, lành thay! Này Văn-thù-sư-lợi! Nay ông có thể vì các Bồ-tát mà tuyên đủ những nghĩa mới phát tâm như vậy. Từ quá khứ ông đã từng cúng dường vô lượng, vô biên hằng sa chư Phật Thế Tôn nên ông có thể tuyên nói như vậy.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nay những điều Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói về tối sơ phát tâm và được Vô sinh pháp nhẫn của Bồ-tát, trước sau hai sự việc bình đẳng không khác ư?

Đức Phật dạy:

– Đúng như vậy! Này Xá-lợi-phất! Thuở xưa Đức Nhiên Đăng Thế Tôn thọ ký ta rằng: "Ma-na-bà, đời vị lai trải qua a-tăng-kỳ kiếp ông sẽ được thành Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác".

Này Xá-lợi-phất! Lúc ấy ta cũng chẳng lìa tâm này mà được Vô sinh pháp nhẫn. Ông nên biết nghĩa mới phát tâm của tất cả Bồ-tát đúng như lời Văn-thù-sư-lợi nói không có sai khác.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa của Phật nói đều là sơ phát. Vì sao? Vì như lời Phật nói tất cả sơ phát tức là chẳng phát, chẳng phát ấy tức là Bồ-tát tối sơ phát tâm.

Lúc nói pháp này, có hai vạn ba ngàn Bồ-tát chứng Vô sinh nhẫn, năm ngàn Tỳ-kheo ở trong các pháp được lậu tận giải thoát, sáu mươi ức chư Thiên tử xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn tịnh.

Tôn giả Đại Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nay Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại còn làm được việc khó làm, tuyên nói pháp môn sâu xa như vậy, khiến các chúng sinh được nhiều lợi ích.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Này Tôn giả Đại Ca-diếp! Thật tôi chẳng làm việc khó làm. Vì sao? Vì tất cả pháp đều không có chỗ làm, cũng không có đã làm, nay làm, sẽ

làm. Thưa Đại Ca-diếp! Đối với các pháp, tôi chẳng có gì làm hay không làm, ý nghĩ đó như trên.

Lại nữa, này Tôn giả! Với chúng sinh tôi không có độ thoát cũng không trói buộc. Vì sao? Vì tất cả các pháp vô sở hữu vậy. Sao Tôn giả ở trước Phật nói là hay làm việc khó làm.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Tôi không có đối tượng làm, vậy hãy thận trọng, đừng nói tôi có thể làm những việc khó khăn.

Lại nữa, này Tôn giả! Thật ra tôi chẳng làm. Chẳng phải riêng tôi chẳng làm mà tất cả Như Lai cũng chẳng làm, Bích-chi-phật cũng chẳng làm, A-la-hán cũng chẳng làm.

Lại nữa, này Tôn giả Đại Ca-diếp! Có những hạng người nào hay làm việc khó làm? Nếu muốn nói đúng hay làm sự khó làm thì chỉ có tất cả anh nhi, phàm phu kia nói như vậy là khéo nói. Vì sao? Vì như chư Phật không có cái đã được, nay được hay sẽ được, cho đến tất cả Thanh văn tất cả Bích-chi-phật cũng vô sở đắc, chỉ có phàm phu kia tất cả đều được.

Tôn giả Đại Ca-diếp hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Bạch Đại sĩ! Tất cả chư Phật chẳng được những gì?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Tất cả chư Phật, chẳng được ngã, chẳng được nhân, chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu; chẳng được đoạn thường, chẳng được ấm, nhập, giới, chẳng được các danh sắc; chẳng được Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; chẳng được phân biệt, tư duy, niệm xứ; chẳng được nhân sinh, chẳng được điên đảo, chẳng được tham, sân, si, chẳng được đời này, đời kia; chẳng được ngã, ngã sở; cho đến chẳng được tất cả các pháp.

Này Tôn giả! Tất cả các pháp tuần tự chẳng được như vậy, cũng lại chẳng mất, chẳng trói chẳng mở, chẳng lấy chẳng bỏ, chẳng xa chẳng gần. Vì thế nên phải biết rõ pháp môn như vậy.

Nếu chư Phật Thế Tôn đều chẳng thể, thì tất cả pháp chẳng phải pháp chẳng phải nghe. Còn phàm phu tất cả đều đắc nên phàm phu hay làm sự khó làm, mà chẳng phải chư Phật làm, chẳng phải Bích-chi-phật làm, chẳng phải A-la-hán. Đây gọi là phàm phu hay làm vậy.

Tôn giả lại hỏi:

– Bạch Đại sĩ! Làm những gì?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Làm đoạn làm thường, làm nhiễm trước, làm nương tựa, làm ức niệm, làm thủ xả cho đến làm tất cả hý luận phân biệt tùy thuận các sự việc

cao thấp.

Vì các pháp như vậy, chư Phật Thế Tôn đều không làm, không có đã làm nay làm hay sẽ làm, mà chỉ có phàm phu kia hay làm sự khó làm.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Vô sinh nhẫn được nói ấy, thế nào gọi là Vô sinh nhẫn? Bạch Thế Tôn! Lại do nghĩa gì mà còn gọi là pháp Vô sinh nhẫn, Bồ-tát làm thế nào được pháp nhẫn ấy?

Đức Phật dạy:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Thật không có người ở trong sinh pháp mà được Vô sinh nhẫn. Nói là được ấy, chỉ có ngữ ngôn danh tự. Vì sao? Vì Vô sinh pháp chẳng thể được, vì lìa phan duyên vậy nên chẳng được pháp nhẫn; được cái không chỗ được nên không được không mất do đây mà gọi là được Vô sinh pháp nhẫn.

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Vô sinh pháp nhẫn ấy nghĩa là vì tất cả pháp vô sinh nên nhẫn như vậy; vì tất cả pháp không đến nên nhẫn như vậy; vì tất cả pháp không đi nên nhẫn như vậy; vì tất cả pháp không có ngã, không có chủ nên nhẫn như vậy; vì tất cả pháp không giữ, không bỏ nên nhẫn như vậy; vì tất cả pháp không sở hữu, không thật có nên nhẫn như vậy; vì tất cả pháp không bằng, không gì sánh bằng nên nhẫn như vậy; vì tất cả pháp không so sánh nên nhẫn như vậy, vì tất cả pháp không nhiễm như hư không nên nhẫn như vậy, vì tất cả pháp không phá hoại nên nhẫn như vậy, vì tất cả pháp không đoạn mất nên nhẫn như vậy; vì tất cả pháp không nhơ, không sạch nên nhẫn như vậy; vì tất cả pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện nên nhẫn như vậy, vì tất cả pháp lìa tham, sân, si nên nhẫn như vậy; vì tất cả pháp như như, pháp tánh, thật tế nên nhẫn như vậy; vì tất cả pháp không phân biệt, không tương ưng, không ức niệm, không hý luận, không tư duy nên nhẫn như vậy; vì tất cả pháp không tạo tác, không năng lực gầy kém hư cuống, như ảo, như mộng, như âm vang, như ảnh, như bóng trong gương, như cây chuối, như bọt tụ, như bong bóng nước nên nhẫn như vậy. Cái bị được nhẫn cũng không có được nhẫn, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp, chỉ dùng danh tự nói lên pháp ấy thôi. Mà danh tự ấy cũng chẳng thể nắm bắt được, bản tánh tự lìa. Nói nhẫn như vậy tin hiểu thích vào không nghi hoặc, không kinh bố, không động, không mất, đầy khắp nơi thân rồi chính thọ mà hành chẳng được, thân mình cũng không chỗ trụ. Đây là Đại Bồ-tát ở trong các pháp được Vô sinh nhẫn cho đến chẳng hành tất cả tưởng.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nói rằng nhẫn ấy, thế nào là nhẫn cho đến chẳng bị cảnh giới phá hoại nên gọi là nhẫn.

Thiên tử Thiện Trụ Ý hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Bạch Đại sĩ! Những gì chẳng bị cảnh giới phá hoại?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Này Thiên tử! Đó là nhãn. Pháp nào hoại nhãn? Đó là sắc đẹp sắc xấu kia hay làm hoại nhãn. Như sắc hoại nhãn, các thứ thanh hoại nhĩ, hương hoại tỷ, vị hoại thiệt, xúc hoại thân và pháp hoại ý cũng như vậy.

Này Thiên tử! Nếu Bồ-tát mắt thấy sắc chẳng nắm lấy tướng, chẳng ham tốt, chẳng phân biệt, chẳng tư tưởng, chẳng ưa thích, chẳng nhàm chán, biết bản tánh là không, chẳng có niệm tưởng, chẳng bị các sắc làm hư hại, cho đến ý đối với pháp cũng như vậy.

Này Thiên tử! Nếu sáu căn ấy không dính mắc, không ràng buộc, không hoại, không hại, Bồ-tát này an trụ nơi pháp nhẫn. Vì an trụ pháp nhẫn nên đối với tất cả pháp không phân biệt không có sinh hay bất sinh, không có lậu hay bất lậu, không có thiện hay bất thiện, không có làm hay không làm, chẳng truy niệm thế pháp và xuất thế pháp, chẳng phân biệt chẳng tư duy thì gọi là Vô sinh pháp nhẫn.

Lúc nói pháp này, có sáu vạn ba ngàn chúng sinh phát tâm Vô thượng Bồ-đề, một vạn hai ngàn Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn.

Thiên tử Thiện Trụ Ý lại bạch hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Bạch Đại sĩ! Thế nào là Đại Bồ-tát phát khởi thắng hạnh, siêu việt chuyển dần lên nhập vào các địa?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Này Thiên tử! Trong ấy ai có thể phát khởi thắng hạnh mà cho rằng các địa có người siêu chuyển ư?

– Bạch Đại sĩ! Đại sĩ lẽ nào chẳng biết các Bồ-tát tu hành thù thắng càng tăng cho đến siêu việt hay viên mãn mười địa sao?

– Này Thiên tử! Chẳng phải vậy. Như tôi được nghe Đức Phật dạy rằng tất cả các pháp như huyễn hóa, Thiên tử có tin chăng?

– Bạch Đại sĩ! Lời chân thành của Đức Phật ai dám chẳng tin.

– Này Thiên tử! Như huyễn nhân ấy và sự huyễn, lẽ nào lại có thắng hạnh siêu việt chuyển nhập cho đến đầy đủ mười địa ư?

– Bạch Đại sĩ! Không có.

– Này Thiên tử! Như vậy, giả sử nếu huyễn nhân và sự huyễn hay có thắng hạnh siêu việt chuyển nhập thì các Bồ-tát chúng tôi sẽ siêu việt

chuyển nhập như vậy. Vì sao? Vì như Đức Thế Tôn nói tất cả pháp như huyễn hóa nên không có chuyển nhập. Vì thế nên nếu nói chư địa có người chuyển nhập tức là chẳng phải chuyển nhập.

Tôi cũng chẳng nói địa có chuyển nhập. Vì sao? Vì tất cả pháp không có chuyển nhập vậy. Vì thế nên pháp ở trong pháp chẳng được chuyển nhập, nghĩa là sắc ở trong thụ chẳng được chuyển nhập, thọ ở trong sắc chẳng được chuyển nhập, tưởng ở trong hành không được chuyển nhập, hành ở trong tưởng không được chuyển nhập, thức ở trong sắc không được chuyển nhập, sắc ở trong thức không được chuyển nhập. Như vậy, cho đến tất cả pháp đều như thế mà hình thành thuyết tứ cú. Lại nữa, mắt không ở trong tai mà chuyển nhập, tai không ở trong mắt mà chuyển nhập, thân không ở trong ý mà chuyển nhập, ý không ở trong thân mà chuyển nhập. Vì sao? Vì tất cả pháp, mỗi cái đều có đặc tính riêng biệt tự vận động trong cảnh giới của nó, ngu si vô tri không có giác thức, cũng như cỏ cây ngói đá tường vách, như tượng trong gương, như huyễn như hóa chẳng chứng xúc được, một tướng không có tướng. Do ý nghĩa ấy nên tất cả các pháp không có siêu chuyển, chẳng xuất chẳng nhập, không đến cũng không đi.

Này Thiên tử! Nếu các Bồ-tát hiểu biết tất cả pháp không siêu chuyển như vậy thì chẳng lẽ lại còn có các địa sai khác, cũng không có nhập đạo, không có xả địa, cũng không thoái chuyển, ở trong Bồ-đề siêu chuyển ấy không có dứt mất. Vì sao? Vì nếu người thấy những ấm giới nhập kia là chân thật thì không có siêu chuyển. Vì sao? Vì thể tánh tất cả pháp vốn trong sạch. Đây gọi là Bồ-tát siêu việt đạo địa.

Này Thiên tử! Như huyễn sư hóa làm mười thứ xe cộ cung điện rồi sai hóa nhân ở trong đó. Này Thiên tử! Ý Thiên tử thế nào, hóa nhân cung điện ấy có định sở chăng?

– Bạch Đại sĩ! Không có chỗ nhất định.

– Này Thiên tử! Đúng như vậy! Người thấy Bồ-tát địa có siêu chuyển, cũng như vậy.

Phẩm 7: PHÁ TƯỚNG NHỊ THỪA (Phần 1)

Bấy giờ, Thiên tử Thiện Trụ Ý lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Bạch Đại sĩ! Nếu lúc có người đến chỗ Đại sĩ để cầu xuất gia, thì đáp thế nào? Vì họ nói pháp xuất gia giải thoát thế nào? Thụ giới và bảo trì giới thế nào?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Này Thiên tử! Nếu có người đến chỗ tôi cầu xuất gia, tôi sẽ dạy họ rằng: "Này các thiện nam! Các ông chẳng nên phát tâm xuất gia. Nếu các ông chẳng phát tâm xuất gia thì tôi sẽ dạy các ông pháp chân xuất gia. Tại sao? Này Thiên tử! Nếu cầu xuất gia, thì cầu Dục giới, cũng cầu Sắc giới, cũng cầu Vô sắc giới, lại cầu năm dục lạc thế gian và cầu các sự quả báo ở đương lai. Nếu thiện nam mà có sở cầu thì họ chẳng chứng pháp, vì chẳng chứng pháp, nên họ thấy có tâm. Này Thiên tử! Nếu vô sở thủ thì họ chứng pháp, vì chứng pháp thì chẳng thấy có tâm, vì chẳng có tâm thì chẳng xuất gia, vì chẳng xuất gia thì không tâm xuất gia, vì không tâm xuất gia nên họ chẳng phát, vì chẳng phát nên không có sinh, vì vô sinh nên họ tận khổ, vì tận khổ nên cứu cánh tận, vì cứu cánh tận nên họ vô tận, vì vô tận nên chẳng thể cùng tận, chẳng thể cùng tận đó tức là hư không". Này Thiên tử! Tôi sẽ dạy thiện nam cầu xuất gia kia như vậy.

Lại nữa, này Thiên tử! Nếu có người đến chỗ tôi cầu xuất gia, tôi sẽ dạy họ như vậy: Này thiện nam! Nay ông chớ phát tâm xuất gia. Vì sao? Vì tâm ấy vô sinh không phát được. Ông chớ làm cách gì khác mà bảo thủ tâm ấy.

Này Thiên tử! Nếu có người đến tôi cầu xuất gia, tôi lại bảo người cầu xuất gia ấy rằng: "Nay nếu ông chẳng cạo bỏ râu tóc thì ông xuất gia chân thật".

Bấy giờ Thiên tử Thiện Trụ ý hỏi:

– Bạch Đại sĩ! Tại sao lại nói như vậy?

Văn-thù đáp:

– Này Thiên tử! Vì Đức Phật nói tất cả các pháp không chỗ dứt trừ.

Thiên Trụ ý hỏi:

– Những pháp nào không đoạn cũng không trừ.

Văn-thù đáp:

– Đó là sắc pháp chẳng đoạn cũng chẳng trừ, thọ, tưởng, hành, thức chẳng đoạn cũng chẳng trừ.

Này Thiên tử! Nếu có người cho rằng: Tôi trừ bỏ râu tóc mới là xuất gia, thì nên biết người ấy có ngã tướng, vì có ngã tướng nên chẳng thấy

bình đẳng. Lại vì thấy ngã nên thấy chúng sinh, vì thấy Chúng sinh nên thấy râu tóc, vì thấy râu tóc nên có ý nghĩ trừ bỏ.

Này Thiên tử! Nếu họ chẳng thấy có ngã tướng thì không thấy tha tướng, vì không tha tướng nên không ngã mạn, vì không ngã mạn thì không thấy có cái ngã là ta, vì không thấy cái ngã là ta, nên không phân biệt, vì không phân biệt nên không dao động, vì không dao động nên không hý luận, vì không hý luận nên không thủ xả, vì không thủ xả, nên không có tác bất tác, không có đoạn bất đoạn, không ly không hợp không giảm không tăng, không tập không tán, không tư không niệm, không thuyết không ngôn, như đây thì gọi là an trụ chân thật.

Thiên tử Thiện Trụ Ý bạch:

– Bạch Đại sĩ! Nghĩa chân thật thế nào?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Này Thiên tử! Nói chân thật ấy tức là hư không, hư không như vậy được gọi là thật tức không khởi, không tận, không giảm, không tăng. Vì nghĩa ấy mà hư không là thật, tánh không là thật, như như là thật, pháp giới là thật, thật tế là thật, thật như vậy cũng là chẳng thật. Vì sao? Vì trong thật ấy chẳng thể nắm bắt được vậy nên gọi là bất thật.

Lại nữa, này Thiên tử! Nếu có người đến chỗ tôi cầu xuất gia, tôi sẽ dạy họ rằng: Nay nếu ông có thể chẳng thủ trước y ca-sa ấy thì tôi cho rằng ông là chân thật xuất gia.

Thiên trụ ý hỏi:

– Vì sao lại nói như vậy?

Văn-thù đáp:

– Vì chư Phật Thế Tôn không có thủ trước, hễ có chỗ thuyết pháp đều không được thủ trước.

Thiên Trụ ý hỏi:

– Không nắm giữ những gì?

Văn-thù đáp:

– Này Thiên tử! Đó là chẳng thủ sắc là thường hay vô thường, cho đến chẳng thủ thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường. Chẳng thủ nhãn là thường hay vô thường, cho đến chẳng thủ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý là thường hay vô thường. Chẳng thủ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; chẳng thủ tham dục, sân khuể, ngu si; chẳng thủ điên đảo, cho đến tất cả pháp đều chẳng thủ, mà cũng chẳng xả, chẳng hợp, chẳng lìa.

Này Thiên tử! Nếu thủ trước ca-sa, thì nên biết họ có kiến chấp lớn.

Vì thế nên tôi nói chẳng do thủ trước ca-sa mà được thanh tịnh và được giải thoát. Vì sao? Vì đối với Đại Bồ-đề của chư Phật. Thế Tôn không có ca-sa.

– Bạch Đại sĩ! Pháp gì là ca-sa?

Này Thiên tử! Ngài hỏi pháp gì là ca-sa? Chính tham dục là ca-sa, sân khuể là ca-sa, ngu si là ca-sa, nhân là ca-sa, kiến là ca-sa, danh sắc là ca-sa, vọng tưởng là ca-sa, chấp trước là ca-sa, thủ tướng là ca-sa, ngữ ngôn là ca-sa, như vậy cho đến hý luận tất cả các pháp là ca-sa cả. Nếu biết các pháp không có thiện bất thiện, không tư không niệm thì gọi là không có ca-sa. Nếu không ca-sa thì vô sở hữu, nếu vô sở hữu thì không cấu trược, nếu không cấu trược thì không chướng ngại, nếu không chướng ngại thì không có tác, đây gọi là suy lường.

Thiên Trụ ý hỏi:

– Được gọi là suy lường, vậy suy lường ấy, vì sao gọi là suy lường?

Văn-thù đáp:

– Này Thiên tử! Suy lường ấy đối với pháp bình đẳng không tăng không giảm không có tác bất tác, đây gọi là suy lường.

Này Thiên tử! Nếu có thể đối với các pháp không làm tăng giảm, chẳng nên lại khởi tưởng niệm phân biệt, đúng như lời Đức Phật dạy thì gọi là suy lường vậy.

– Bạch Đại sĩ! Những gì gọi là chẳng làm tăng giảm?

Này Thiên tử! Quá nơi bình đẳng, quá bình đẳng rồi pháp chẳng thể nắm bắt, đó là quá khứ chẳng thể nắm bắt, vị lai chẳng thể nắm bắt, hiện tại chẳng thể nắm bắt, pháp ấy chẳng phải như như, không có tăng giảm làm, không có cái ngã cho là ta làm, không tha nhân làm, không chúng sinh làm, không thọ mạng làm, không có đoạn làm, không có thường làm, không có phân biệt ấm, nhập, giới làm, không có phân biệt Phật, Pháp, Tăng làm, cũng không có quan niệm trì giới làm, phá giới làm, phiền não làm, thanh tịnh làm, đắc quả làm, Tu-đà-hoàn làm, Tư-đà-hàm làm, A-na-hàm làm, A-la-hán làm, Bích-chi-phật làm, cho đến không có quan niệm là cái Không làm, là Vô tướng làm, là Vô nguyện làm, là minh giải thoát làm, là ly dục làm.

Như vậy, này Thiên tử! Đây đều là vì kẻ vô văn phàm phu ấy mà tư lương phân biệt nói pháp này thôi, Thiên tử cần phải biết. Đây là người tối hạ ngu si cầu muốn đắc pháp hư vọng thủ trước. Nên Đức Như Lai vì đoạn trừ sự chấp trước của họ mà diễn nói sự tư lương phân biệt tác bất tác ấy.

Thiên tử Thiện Trụ Ý khen Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Lành thay! Đại sĩ hay nói pháp môn sâu xa như vậy.

Đức Phật cũng khen Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Lành thay, lành thay! Văn-thù-sư-lợi, nay ông có thể tuyên nói như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại nói với Thiên tử Thiện Trụ Ý:

– Này Thiên tử! Nếu có người đến tôi cầu xuất gia, tôi sẽ dạy họ rằng: "Này thiện nam! Nay nếu ông chẳng thọ giới cụ túc thì gọi là chân xuất gia".

Thiên Trụ ý hỏi:

– Vì sao lại nói như vậy?

Văn-thù-sư-lợi:

– Này Thiên tử! Vì Đức Phật dạy: Chỉ có hai hạng thọ pháp cụ giới: Một là thọ giới chánh bình đẳng, hai là thọ giới tà bất đẳng.

Trong đây những gì là giới tà bất đẳng? Nghĩa là rơi vào ngã kiến, rơi vào nhân kiến, rơi vào chúng sinh kiến, rơi vào thọ mạng kiến, rơi vào sĩ phu kiến, rơi vào đoạn kiến, rơi vào thường kiến, rơi vào tà kiến, rơi vào kiêu mạn, rơi vào tham muốn, rơi vào sân giận, rơi vào ngu si, rơi vào Dục giới, rơi vào Sắc giới, rơi vào Vô Sắc giới, rơi vào thủ trước phân biệt.

Này Thiên tử! Đây là lược nói rơi vào trong tất cả pháp bất thiện, theo kẻ ác tri thức vọng chấp lấy tất cả pháp, rơi vào nơi chẳng hiểu biết sự giải thoát cốt yếu nhất. Đây gọi là thọ giới tà bất đẳng.

Này Thiên tử! Trong đây thế nào là thọ giới chánh bình đẳng? Không là bình đẳng, Vô tướng là bình đẳng, Vô nguyện là bình đẳng. Nếu có thể nhập ba môn giải thoát như vậy, giác tri như thật chẳng phân biệt, chẳng tư niệm, đối với tất cả pháp không có thoái chuyển. Đây gọi là thọ giới chánh bình đẳng.

Lại nữa, này Thiên tử! Nếu tham dục phát, nếu sân khuể phát, nếu ngu si phát, nếu ái vô minh phát, ngã kiến phát. Lấy ngã kiến làm căn bản nên sáu mươi hai kiến phát, ba tà hạnh phát, bốn điên đảo phát, cho đến tám tà, chín phiền não, mười nghiệp đạo bất thiện phát, nên gọi là thọ chánh giới vậy. Ví như tất cả chủng tử cỏ cây rừng bụi đều nương nơi đại địa mà được sinh trưởng. Đất ấy bình đẳng không có tâm niệm làm như vậy. Cũng vậy, trong Phật pháp, nếu thọ chánh giới thì thành tựu cụ túc.

Này Thiên tử! Nếu tất cả chủng tử cỏ cây nương đại địa được hiện hữu tồn tại, mà được tăng trưởng như chủng tử giới kia cũng lại như vậy. Phải nên như vậy mà thọ cụ chánh giới. Vì sao? Vì an trụ nơi giới mà đạo

pháp được tăng trưởng. Lại như chủng tử tăng trưởng được gọi là thành tựu, như vậy vì an trụ nơi giới nên tất cả pháp trợ Bồ-đề phần xuất sinh tăng trưởng nên gọi là thành tựu.

Này Thiên tử! Đây là chư Phật Thế Tôn tất cả Thanh văn quá khứ, vị lai, hiện tại, tất cả Thanh văn thọ chánh giới vậy, đó được gọi là nhập vào ba môn giải thoát ấy, nơi mà tất cả hý luận ngữ ngôn dứt diệt.

Này Thiên tử! Phải biết nếu người có thể thọ cụ giới như vậy thì gọi là thọ chánh giới, chẳng phải chẳng chánh giới.

Này Thiên tử! Nay tôi lại đối với người xuất gia như vậy, thọ cụ như vậy mà dạy họ: Các thiện nam! Nếu nay ông có thể chẳng trì cấm giới thì chính là chân thật thọ trì.

Thiên Trụ ý hỏi:

– Vì ý nghĩa gì lại nói vậy?

Văn-thù đáp:

– Này Thiên tử! Vì tất cả pháp đều không có chỗ chấp giữ nên không chỗ trì, cớ sao riêng nơi giới này mà có trì.

Này Thiên tử! Nếu giới có thể trì thì là trì nơi ba cõi.

Này Thiên tử! Ý ông thế nào, lấy gì làm giới?

– Bạch Đại sĩ! Nếu có thể đầy đủ Ba-la-đề-mộc-xoa thì gọi là giới.

– Này Thiên tử! Thế nào gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa?

– Bạch Đại sĩ! Đó là trì thân và khẩu ý, ba nghiệp đầy đủ thì gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa.

– Này Thiên tử! Ý Thiên tử thế nào? Nay đang là hiện tiền, vậy nơi nào hiện hữu thân nghiệp có thể tạo tác ấy? Như vậy, phải chăng quá khứ và vị lai cũng không có hữu tác, bởi chúng đều vô tác nên không có hình tượng tướng mạo để có thể khẳng định là có, hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ hoặc trắng hoặc trong suốt như pha-lê?

– Bạch Đại sĩ! Đều không vậy.

– Này Thiên tử! Nó gọi là gì và nói thế nào?

– Bạch Đại sĩ! Nó gọi là vô vi thật không thể nói vậy. Cho đến ý tác cũng lại như vậy.

– Này Thiên tử! Ý Thiên tử thế nào, vô vi kia có thể làm hữu vi được chăng?

– Bạch Đại sĩ, không!

– Này Thiên tử! Nếu nói giới học tăng thượng, tâm học tăng thượng,

tuệ học tăng thượng đó là học thật tế phải nên biết, vì không chỗ trì nên nói tuệ học tăng thượng, vì không đối tượng biết nên nói tâm học tăng thượng; vì không đối tượng thấy nên nói tuệ học tăng thượng; vì tâm không phân biệt, chẳng ức niệm, chẳng sinh khác lạ nên gọi là tâm học tối thượng, giới học và tuệ học cũng vậy.

Này Thiên tử! Nếu chẳng được tâm thì chẳng niệm giới. Nếu không niệm giới thì chẳng tư tuệ. Nếu chẳng tư tuệ thì không còn khởi tất cả nghi hoặc, đã không nghi hoặc thì chẳng trì giới, nếu chẳng trì giới thì gọi là chân thật trì giới.

Này Thiên tử! Người trì giới ấy thì không chỗ mong muốn, vì không mong muốn nên không thoát hoàn, vì không thoát hoàn thì thanh tịnh, vì thanh tịnh nên giải thoát, vì giải thoát nên tinh tấn, vì tinh tấn nên vô lậu, vì vô lậu nên an trụ chính hạnh, vì trụ chính hạnh nên không tượng mạo, vì không tượng mạo nên tức là hư không. Vì sao? Vì hư không kia không có hình mạo vậy. Vì thế nên, này Thiên tử! Nếu có người học được như vậy là chẳng học, vì vô học nên là chân học. Ở chỗ nào học? Là không chỗ học. Thế nào không có chỗ? Đó là hư không bình đẳng. Nếu có thể chính trụ hư không bình đẳng thì gọi là chân trụ giới học.

Lại nữa, này Thiên tử! Nếu là người có thể xuất gia như vậy, có thể thọ cụ như vậy, tôi sẽ dạy họ như vầy:

– Này thiện nam! Nay nếu ông có thể lãnh thọ cúng dường của tất cả đàn-việt trong tam thiên đại thiên thế giới mà ở trong ấy chẳng khởi phân biệt, chẳng nghĩ báo ân thì mới gọi là thanh tịnh trì giới.

Thiên Trụ ý hỏi:

– Vì sao lại nói như vậy?

Văn-thù-sư-lợi:

– Vì này Thiên tử! Nếu người nắm lấy kẻ thí kẻ thọ và tài vật, ba sự đó là báo ân. Lại nếu thấy nếu tư duy nếu phân biệt ba sự ấy đó là báo ân. Còn nếu chẳng nắm lấy chẳng thấy chẳng tư duy, chẳng phân biệt ba sự ấy thì có gì báo ân được. Vì sao? Vì báo ân như vậy từ xưa nay rốt ráo thanh tịnh.

Này Thiên tử! Nếu là người nắm lấy, nếu thấy, nếu tư duy, nếu phân biệt, nếu nghĩ nhớ báo ân thì là phàm phu chớ chẳng phải A-la-hán. Vì hàng phàm phu trong tất cả thời gian luôn thủ trước, tư lương phân biệt, đây thọ nhận kia ban cho, kia nhơ đây sạch, do phân biệt mà có báo ân. Thế nào là báo ân? Đó là hàng phàm phu ở trong cõi sinh tử lấy thân đời sau nên ở nơi kia muốn làm sự báo ân. Này Thiên tử! Hàng A-la-hán chẳng thọ thân sau,

cứu cánh chẳng thấy, chẳng tư lương, chẳng phân biệt, không có đây kia, chẳng còn thọ thân thì sẽ ở chỗ nào để báo ân.

Này Thiên tử! Nếu thọ người thí nên hành ba sự thanh tịnh rồi sau mới thọ. Những gì là ba sự thanh tịnh?

1. Chẳng thấy tha nhân tức không người thí.

2. Chẳng thấy tự thân tức không người thọ.

3. Chẳng thấy tài vật tức không có sự bố thí.

Này Thiên tử! Ba sự thanh tịnh như vậy là cứu cánh thanh tịnh, thanh tịnh như đây thì còn cần gì báo ân. Do nghĩa này mà tôi nói rằng nếu thọ lãnh đồ thí của tất cả đàn-việt trong tam thiên đại thiên thế giới mà chẳng phân biệt chẳng nghĩ báo ân, người này được gọi là phước điền chân thật thù thắng ở thế gian, là chân xuất gia, là tịnh trì giới.

Lại nữa, này Thiên tử! Tôi làm cho người ấy xuất gia như vậy, trì giới như vậy rồi, tôi sẽ còn dạy họ:

– Này thiện nam! Nay nếu ông có thể chẳng hành A-lan-nhã, chẳng ở tụ lạc, chẳng ở gần, chẳng ở xa, chẳng ngồi một mình, chẳng ở trong đại chúng, chẳng nói nhiều, chẳng nín lặng, chẳng khất thực, chẳng thọ thỉnh, chẳng dùng y phấn tảo, chẳng nhận y bát của người, chẳng ăn nhiều, chẳng thiểu dục, chẳng cầu nhiều, chẳng tri túc, chẳng ngồi dưới cây, chẳng ngồi chỗ trống, chẳng uống thuốc đã quá hạn, chẳng dùng thịt và tô lạc.

Này thiện nam! Nếu ông đối với tất cả hạnh Đầu-đà chẳng khởi phân biệt, hành như vậy thì gọi là hành viên mãn hạnh Đầu-đà. Vì sao? Vì nếu dùng ghi nhớ phân biệt để hành tức là ngã mạn, nơi tâm còn thấy có các tướng.

Này Thiên tử! Nếu thực hành như vậy tất sẽ suy nghĩ: "Tôi thọ y phấn tảo, tôi khất thực, tôi ở dưới cây, tôi ngồi chỗ trống, tôi hành A-lan-nhã, tôi uống thuốc đã quá hạn, tôi thiểu dục, tôi tri túc, tôi hành Đầu-đà". Nếu thấy có, thật không có sự kiện đó.

Này Thiên tử! Nếu là người chánh hành thì chẳng sinh niệm tưởng như vậy. Vì sao? Vì người này không có tất cả phân biệt vậy. Người này còn chẳng thấy có ngã huống là có thấy công đức Đầu-đà. Vì lẽ ấy nên, này Thiên tử! Nếu có người hành hạnh Đầu-đà mà chẳng ghi nhớ, chẳng phân biệt, như vậy thì tôi cho là chân Đầu-đà. Vì sao? Vì người như vậy thì phủi bỏ tham dục, sân khuể, ngu si, phải bỏ ba cõi, phủi bỏ năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, tôi nói là chân Đầu-đà. Vì sao? Vì Đầu-đà ấy chẳng giữ, chẳng bỏ, chẳng tư chẳng niệm, chẳng tu chẳng hành phi pháp phi phi pháp. Vì thế nên tôi nói là chân Đầu-đà.

Lại nữa, này Thiên tử! Tôi làm cho người ấy xuất gia như vậy thực hành như vậy rồi, tôi sẽ dạy họ:

– Nay nếu ông có thể chẳng quán bốn Thánh đế, chẳng tu bốn Niệm xứ, chẳng tu bốn Chánh cần, chẳng tu bốn Như ý túc, chẳng tu năm Căn, năm Lực, chẳng tu bảy Giác phần, tám Thánh đạo cho đến chẳng tu ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề phần, chẳng chứng ba môn giải thoát. Vì sao? Vì Thánh đế ấy nhập vào tướng vô sinh, không thể nhớ biết, chẳng thể tu chứng. Vì sao? Vì trong vô sinh, thế nào nói là chứng. Vì thế, nên tôi nói luận về niệm xứ là chẳng niệm, chẳng tư, tất cả pháp nên gọi là Niệm xứ.

Này Thiên tử! Nếu Tỳ-kheo chẳng trụ Dục giới, chẳng trụ Sắc giới, chẳng trụ Vô sắc giới thì gọi là Tỳ-kheo chẳng trụ nơi bốn Niệm xứ mà tư tu bốn Niệm xứ. Thế nào là tư tu? Như trên kia nói chẳng tư chẳng tu thì gọi là tư tu. Và theo thứ lớp như vậy cho đến ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần nên biết như vậy.

Này Thiên tử! Nếu thiền hành Tỳ-kheo ấy đối với tất cả pháp đều vô sở đắc, vì vô sở đắc nên chẳng tư niệm, chẳng phân biệt, chẳng tu, chẳng chứng. Vì sao? Vì các pháp ấy chỉ có danh tự thôi. Như ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề, dù có danh tự mà chẳng thể nắm bắt, chỉ do nhân duyên phân biệt mà sinh, là nhất tướng vô tướng. Do danh tự như vậy nên nói như vậy, lời nói ấy cũng không. Nên dù do danh tự chứng biết mà trọn chẳng thể nắm bắt. Đây gọi là như thật giác tri ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề.

– Bạch Đại sĩ! Thế nào gọi là thiền hành Tỳ-kheo?

– Này Thiên tử! Nếu Tỳ-kheo ấy đối với tất cả pháp chỉ lấy một hạnh rồi tùy thuận tột mức, nghĩa là vô sinh, đây gọi là thiền hành. Lại không có một chút pháp để nắm lấy, đây gọi là thiền hành. Chẳng lấy pháp gì? Đó là chẳng lấy đời này đời kia, chẳng nắm bắt ba cõi cho đến chẳng nắm bắt tất cả pháp, bình đẳng như vậy thì gọi là thiền hành.

Này Thiên tử! Như thiền hành ấy, cho đến không có một pháp tương ưng, không hợp không tán, đây là thiền hành.

Bấy giờ trong pháp hội có đa số vô lượng trăm ngàn chúng sinh đều nghi ngờ:

– Nay Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói như vậy làm sao tương ưng với lời của Đức Phật đã dạy. Vì sao? Vì như Đức Thế Tôn thường nói: Nếu người nhập được ba môn giải thoát thì gọi là Niết-bàn. Đức Thế Tôn lại nói: Nếu ai hay tu tập ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề thì có thể chứng Niết-bàn. Nhưng nay Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bảo, chẳng nên tu ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề, cũng chớ nhập ba môn giải thoát. Có phải Văn-thù-sư-lợi vọng thuyết

ư?

Biết sự nghi ngờ của các Tỳ-kheo và đa số chúng hội, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Này Tôn giả! Nay Tôn giả rất nên chứng tín. Đức Phật nói Tôn giả là bậc Trí tuệ đệ nhất. Này Tôn giả! Ý Tôn giả thế nào? Nơi đâu mà ngài là bậc chứng được pháp ly dục? Đương lúc chứng ấy lẽ nào chẳng thấy bốn Thánh đế ư?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

– Chẳng có.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Lẽ nào chẳng tu ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề?

Tôn giả đáp:

– Chẳng có.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

– Lẽ nào chẳng nhập ba môn giải thoát?

Tôn giả đáp:

– Chẳng có. Thưa Đại sĩ! Lúc ấy đối với tôi, cho đến không có một pháp có thể thấy, có thể trừ, có thể tu, có thể chứng, có thể tuyển trạch được. Vì sao? Vì tất cả pháp vô vi, vô sinh, vô ngôn đều là không. Nếu đã là không thì có gì để chứng đắc được.

Lúc nói pháp này, trong chúng có ba vạn Tỳ-kheo đối với pháp các lậu đều được đoạn tận, tâm được giải thoát vô ngại.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 105

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Đạt-ma-cấp-đa, người xứ Thiên Trúc.

PHÁP HỘI 36: THIÊN TỬ THIỆN TRỤ Ý (PHẦN 4)

Phẩm 7: PHÁ TƯỚNG NHỊ THỪA (Phần 2)

Lúc bấy giờ Thiên tử Thiện Trụ Ý khen ngợi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Lành thay, lành thay! Thưa Đại sĩ! Nay Đại sĩ chân thật thông biện lợi trí khéo nói không nhẫn sâu xa như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Này Thiên tử! Tôi chẳng phải thông biện lợi trí như vậy. Luận về lợi trí là của tất cả phàm phu trẻ con kia. Vì sao? Này Thiên tử! Vì phàm phu mới gọi là lợi trí. Những gì là lợi trí? Đó là địa ngục lợi trí, súc sinh lợi trí, ngạ quỷ lợi trí, Diêm-ma lợi trí, cho đến ba cõi tất cả lợi trí. Tương ưng chấp trước như vậy được gọi là lợi trí. Vì sao? Vì chẳng biết khoảng đầu của sinh tử phiền não, do đây mà các phàm phu chấp trước lợi tham dục, chấp trước lợi sân khuể, chấp trước lợi ngu si, cho đến thủ trước tương ưng với các kiến chấp danh sắc, nên gọi là lợi trí. Chẳng phải nói chư Phật, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát đắc nhẫn có lợi trí như vậy. Mà ở đây được gọi là lợi trí thủ tướng của tất cả phàm phu.

Thiên tử Thiện Trụ Ý hỏi:

– Bạch Đại sĩ! Phải chăng nay Đại sĩ muốn hiển bày trí ư?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Chẳng có.

Thiên tử Thiện Trụ Ý hỏi:

– Ngài muốn tùy hành ư?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Chẳng có.

Thiên tử Thiện Trụ Ý hỏi:

– Ngài muốn tùy văn cú ư?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Đúng như vậy! Này Thiên tử! Tôi do nơi tự cú.

Thiên tử Thiện Trụ Ý hỏi:

– Bạch Đại sĩ! Nay cớ chi mà Đại sĩ nói như vậy?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Này Thiên tử! Dù các Bồ-tát đối với một chữ, một câu chưa bao giờ di động, nhưng đều như thật biết rõ các nghĩa môn xa gần sâu cạn của chữ của câu ấy. Đó là biết chỗ Không, chỗ Vô tướng, chỗ Vô nguyện, biết chỗ viễn ly, chỗ vô sở hữu, chỗ vô sinh, chỗ như như, mà ở trong ấy không có thọ không có tác, không có giải không có tri. Do đó mà được nói là "duy tự cú".

Đức Thế Tôn khen:

– Lành thay, lành thay! Văn-thù-sư-lợi! Nay ông vì đã được Đà-la-ni nên mới phân biệt nói được như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Con thật ra chẳng được Đà-la-ni ấy. Vì sao? Vì nếu có ai được Đà-la-ni ấy thì gọi là phàm phu ngu si mà chẳng phải chư Phật Thế Tôn và các Bồ-tát được Đà-la-ni. Vì sao? Vì Bạch Thế Tôn! Các chúng sinh phàm phu ngu si ấy có thủ trước nên có được Đà-la-ni. Thủ trước những gì? Đó là thủ trước ngã mà được Đà-la-ni; thủ trước nhân mà được Đà-la-ni, thủ trước thọ mạng mà được Đà-la-ni, thủ trước trượng phu mà được Đà-la-ni, thủ trước đoạn diệt mà được Đà-la-ni; thủ trước thường hằng mà được Đà-la-ni; thủ trước tham dục mà được Đà-la-ni, thủ trước sân khuể mà được Đà-la-ni, thủ trước ngu si mà được Đà-la-ni, thủ trước vô minh mà được Đà-la-ni, thủ trước hữu ái mà được Đà-la-ni; thủ trước thân kiến mà được Đà-la-ni, thủ trước ngũ ấm mà được Đà-la-ni, thủ trước mười hai nhập mà được Đà-la-ni, thủ trước mười tám giới mà được Đà-la-ni; thủ trước ức niệm mà được Đà-la-ni, thủ trước phân biệt mà được Đà-la-ni, thủ trước sáu mươi hai chấp kiến mà được Đà-la-ni; như thế cho đến thủ trước tất cả các hành mà được Đà-la-ni, vì lẽ này nên phàm phu được Đà-la-ni. Vì sao? Vì nếu là pháp bị ngu si ấy thủ trước là sở đắc của phàm phu mà chẳng phải chư Phật chứng đắc, chẳng phải Thanh văn chứng đắc, chẳng phải Bích-chi-phật chứng đắc, chẳng phải Bồ-tát chứng đắc, do nghĩa ấy nên chỉ có phàm phu kia được Đà-la-ni. Vì sao? Vì phàm phu kia do vì ngu si mà nói có thủ đắc mà chẳng phải chư Phật, Bồ-tát.

Thiên tử Thiện Trụ Ý lại bạch Văn-thù-sư-lợi:

– Bạch Đại sĩ! Nếu Đại sĩ chẳng đắc Đà-la-ni không sa vào địa vị ngoan độn kia ư.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Đúng vậy, này Thiên tử! Tôi chân thật ngoan độn. Vì sao? Vì luận về ngoan độn là vô sở tri, chỗ sở hành của tôi chẳng thể biết được, vì thế nên tất cả chư Phật và Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát đều sa vào ngoan độn mà chẳng phải phàm phu. Vì sao? Vì tất cả phàm phu không ở tại trong số ngoan độn, các bậc Trí giả khác đều trụ vào ngoan độn. Như Tu-đà-hoàn vì chướng ngại hành nên tâm tham dục hành còn không sa vào trong số ngoan độn huống là các phàm phu ngu si mà chẳng phải trong số vậy. Vì thế nên, này Thiên tử! Tôi là ngoan độn, tôi chẳng được Đà-la-ni. Vì sao? Vì cho đến một pháp, tôi chẳng có chỗ đắc.

Lúc nói pháp này, trong đại chúng có năm trăm Tỳ-kheo nghe pháp như vậy chẳng thể tín thọ, sinh tâm khủng bố, khởi lòng phỉ báng bỏ đi, họ liền tự thấy thân mình rơi vào đại địa ngục.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Bồ-tát nên thôi, chớ nói kinh điển sâu xa như vậy. Vì sao? Vì trong hội này có năm trăm Tỳ-kheo nghe pháp môn ấy chẳng thể tín thọ, khởi lòng phỉ báng liền tự thấy thân mình ở đại địa ngục.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Nay Tôn giả chẳng nên vọng sinh phân biệt. Vì sao? Vì cho đến không có một pháp đọa địa ngục, vì tất cả các pháp vô sở sinh. Nay sao Tôn giả bỗng bảo tôi thôi chớ tuyên pháp môn ấy. Này Tôn giả! Nếu có thiện nam, thiện nữ nương nơi ngã kiến, nương nơi nhân kiến, nương nơi chúng sinh, nương nơi thọ mạng kiến, nương nơi các kiến chấp, thì dù có trọn đời cúng dường tất cả bảo vật đồ dùng cho chư Phật và Tỳ-kheo Tăng mà chẳng được nghe pháp sâu xa này thì trọn chẳng giải thoát mau chứng Niết-bàn. Nếu lại có người nghe tôi nói pháp thậm thâm không, vô tướng, vô nguyện, vô tác, tịch tĩnh, vô sinh, vô diệt, vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ mạng, vô thường, khổ, vô ngã, họ nghe rồi không tín thọ phỉ báng mà đọa địa ngục, nhưng, này Tôn giả! Vì họ được nghe pháp sâu xa nên dù đọa địa ngục sau khi ra khỏi địa ngục mau được Niết-bàn.

Nếu có thiện nam, thiện nữ nào tuy cúng dường các Đức Như Lai, Bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Giác nhiều như số cát sông Hằng, nhưng vì thủ trước ngã, không được nghe pháp sâu xa như vậy, cuối cùng không được giải thoát mau chứng Niết-bàn.

Đức Phật khen:

– Lành thay, lành thay! Đúng như lời của Văn-thù-sư-lợi! Nếu ai được nghe kinh điển sâu xa này thì cũng như được gặp Đức Phật xuất thế. Vì sao? Vì người muốn chứng Tu-đà-hoàn quả cần phải do kinh này, người muốn chứng Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán cần phải nghe kinh này. Vì sao? Vì chẳng chấp ngã mới chứng được pháp. Vì lúc chứng pháp không có sở kiến không có sở đắc vậy.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Ông nên biết năm trăm Tỳ-kheo ấy dù đọa địa ngục, sau này ra khỏi địa ngục, họ mau chứng Niết-bàn, chẳng phải kẻ phàm phu ngu si kia chìm nơi kiến chấp sa vào lòng nghi cúng dường Như Lai có thể được giải thoát.

Này Xá-lợi-phất! Các Tỳ-kheo ấy còn nhân nghe pháp sâu xa này ngày sau sẽ được giải thoát, mau chứng Niết-bàn, chẳng phải người khác mau được giải thoát. Vì sao? Vì chẳng được nghe pháp sâu xa này vậy.

Này Xá-lợi-phất! Nếu thiện nam, thiện nữ được nghe pháp môn sâu xa này một lần qua tai, dù họ chẳng tín thọ, bị đọa địa ngục, nhưng sẽ mau được giải thoát. Còn kẻ chấp kiến bị đọa địa ngục thì chưa giải thoát được.

□

Phẩm 8: PHÁ TƯỚNG PHÀM PHU

Bấy giờ Thiên tử Thiện Trụ Ý lại bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Bạch Đại sĩ! Nay Đại sĩ có hứa cho tôi tu phạm hạnh chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Phải, này Thiên tử! Nếu nay Thiên tử có thể chẳng nghĩ tác cầu, chẳng nghĩ tiến thú, thì tôi sẽ hứa cho Thiên tử tu phạm hạnh.

– Bạch Đại sĩ! Đại sĩ nói như vậy là có nghĩa gì?

– Này Thiên tử! Nếu hữu vi tạo tác có thể gọi phạm hạnh, nếu vô vi tạo tác thì có gì gọi là phạm hạnh? Lại nếu có thấy được có thể gọi là phạm hạnh, nếu không thấy được thì có gì gọi là phạm hạnh?

– Bạch Đại sĩ! Nay lẽ nào Đại sĩ không phạm hạnh ư?

– Này Thiên tử! Đúng như vậy! Tôi không phạm hạnh. Vì sao? Vì xét về phạm hạnh thì chẳng phải phạm hạnh, vì chẳng phải phạm hạnh nên tôi gọi phạm hạnh.

Thiên tử Thiện Trụ Ý khen:

– Lành thay, lành thay! Bạch Đại sĩ! Đại sĩ có đầy đủ ưa nói biện tài hay tuyên nói vô ngại như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Này Thiên tử! Nếu tôi có đủ vô ngại biện thì thành chướng ngại. Vì sao? Vì phàm phu đắm trước ngã và ngã sở đều do phân biệt, vì tất cả phân biệt không gì chẳng phải là chướng ngại vậy.

Này Thiên tử! Nay nếu Thiên tử có thể giết chết tất cả chúng sinh mà chẳng cầm dao, chẳng cầm gậy, chẳng nắm tảng, chẳng nắm khối để hành sự thì tôi sẽ đồng cùng với ông tu phạm hạnh.

– Bạch Đại sĩ! Lại do nghĩa gì mà Đại sĩ nói như vậy?

– Này Thiên tử! Nói là chúng sinh ấy, ý Thiên tử thế nào?

– Bạch Đại sĩ! Theo tôi thì chúng sinh ấy và cho đến tất cả chỉ có danh tự vì đều là tưởng chấp thôi.

– Này Thiên tử! Vì thế nên tôi nói nay Thiên tử phải cần giết hại ngã tưởng, giết hại nhân tưởng, giết chúng sinh tưởng, giết thọ mạng tưởng, cho đến diệt trừ tưởng danh tự… phải giết hại như vậy.

– Bạch Đại sĩ! Nên dùng dụng cụ gì để giết hại?

– Này Thiên tử! Tôi thường dùng dao bén trí tuệ ấy để hành sát. Lúc hành sát nên cầm dao trí tuệ như vậy, nên giết như vậy, nhưng cũng không có ý tưởng cầm nắm và giết hại. Do nghĩa này nên Thiên tử phải khéo biết giết hại ngã tưởng và chúng sinh tưởng, đây gọi là chân thật sát hại tất cả chúng sinh. Được như vậy tôi sẽ hứa cho Thiên tử phạm hạnh.

– Này Thiên tử! Nay tôi lại bảo rằng: Nếu Thiên tử tu hành mười ác nghiệp đạo, Thiên tử lại hay thành tựu pháp đen trược cấu uế, bỏ mười thiện nghiệp, phá hoại ly tán pháp trong trắng thanh bạch thì tôi sẽ cùng Thiên tử tu phạm hạnh.

– Bạch Đại sĩ! Do nghĩa gì mà Đại sĩ nói như vậy?

– Này Thiên tử! Tất cả những nhiễm trược thanh bạch đều bình đẳng. Với bình đẳng ấy tôi được đồng với phạm hạnh của Thiên tử.

– Này Thiên tử! Ý Thiên tử thế nào? Thiên tử lấy pháp gì làm nhiễm trược bình đẳng?

– Bạch Đại sĩ! Do chẳng tham, chẳng làm, chẳng thoái thất, chuyển đọa, đây gọi là nhiễm trước bình đẳng.

– Này Thiên tử! Lại do pháp gì mà thanh bạch bình đẳng?

– Bạch Đại sĩ! Do như pháp tánh và cùng thật tế ba môn giải thoát,

đây là thanh bạch bình đẳng.

– Này Thiên tử! Như tôi khiến Thiên tử ở trong chân pháp giới đầy đủ tu hành xoay vòng qua lại, sự ấy có được chăng?

– Bạch Đại sĩ! Chẳng được.

– Vì lẽ ấy nên, này Thiên tử! Tôi nói nhiễm trược thanh bạch tất cả bình đẳng rồi sau mới có thể cùng tu phạm hạnh.

– Này Thiên tử! Nay nếu Thiên tử có thể tay nắm người đáng chết rồi cầm dao bén chém đầu người ấy, tôi sẽ hứa cho Thiên tử phạm hạnh như vậy.

– Bạch Đại sĩ! Do nghĩa gì mà Đại sĩ lại nói như vậy?

– Này Thiên tử! Kẻ đáng chết là ai? Cái gì là cái đầu? Ai có thể thực hành việc sát hại?

– Này Thiên tử! Cần phải giết tham dục, sân khuể, ngu si, cho đến cần phải giết những ngã mạn, tật đố, khi dối, siểm khúc, chấp trước thủ tướng và thọ, tưởng…, đây là những kẻ đáng giết.

– Này Thiên tử! Nếu người nhất tâm chuyên tinh tự thủ, lúc tâm tham dục phát khởi liền phải hay biết phương tiện trừ tan nó khiến trở lại tịch tĩnh.

Trừ tan nó thế nào? Nên suy nghĩ như vầy: "Đây là không là bất tịnh, tìm chỗ sinh chỗ diệt của tâm dục ấy, từ đâu đến, đi đến đâu, trong đây ai nhiễm, ai thọ nhiễm, gì là pháp nhiễm".

Quan sát như vậy chẳng thấy chủ thể bị nhiễm, chẳng thấy đối tượng để nhiễm, chẳng thấy sự nhiễm. Vì chẳng thấy nên không có nắm giữ. Vì không nắm giữ nên không có xả bỏ. Vì không xả bỏ nên không có thọ. Chẳng xả chẳng thọ thì gọi là lìa dục tịch diệt Niết-bàn. Cho đến tất cả tâm thọ cũng đều quan sát như vậy.

Này Thiên tử! Phải biết pháp giết hại như vậy, liền giết liền sinh, nên được nói là lúc hành sát ấy trước hết chặt đầu nó. Đây là chân thật sát vậy. Vì ý nghĩa này nên tôi như vậy.

Lại nữa, này Thiên tử! Nay nếu Thiên tử có thể chống trái chư Phật hủy báng pháp và Tăng, tôi sẽ đồng phạm hạnh với Thiên tử.

– Bạch Đại sĩ! Nay sao Đại sĩ lại nói như vậy?

– Này Thiên tử! Ý Thiên tử thế nào, lấy gì làm Phật?

– Bạch Đại sĩ! Như như pháp giới, tôi nói là Phật.

– Này Thiên tử! Ý Thiên tử thế nào, như như pháp giới có thể nhiễm trước chăng?

– Bạch Đại sĩ! Không được.

– Này Thiên tử! Vì nghĩa ấy mà tôi nói nếu Thiên tử có thể chống trái chư Phật thì tôi sẽ đồng phạm hạnh với Thiên tử.

Này Thiên tử! Ý Thiên tử thế nào, lấy gì làm pháp?

– Bạch Đại sĩ! Lìa dục tịch tĩnh tôi gọi là pháp.

– Này Thiên tử! Ý Thiên tử thế nào, pháp tịch tĩnh ấy có thể nhiễm trước được chăng?

– Bạch Đại sĩ! Không được.

– Này Thiên tử! Vì nghĩa ấy mà tôi nói nếu nay Thiên tử có thể hủy báng chánh pháp thì tôi sẽ đồng phạm hạnh như vậy.

Này Thiên tử! Ý Thiên tử thế nào, lấy gì làm Tăng?

– Bạch Đại sĩ! Pháp vô vi ấy gọi là Thánh tăng, như Đức Thế Tôn dạy rằng tất cả Thánh nhân do vô vi mà được tên, nên pháp vô vi gọi là Thanh văn Tăng.

– Này Thiên tử! Ý Thiên tử thế nào? Pháp vô vi ấy có thể chấp trước được chăng?

– Bạch Đại sĩ! Không được.

– Này Thiên tử! Vì nghĩa ấy nên tôi nói nếu nay Thiên tử có thể phá hoại Thánh tăng thì tôi sẽ đồng phạm hạnh như vậy.

Này Thiên tử! Nếu người thấy Phật là họ trước Phật, thấy Pháp là chấp trước Pháp, thấy Tăng là chấp trước Tăng. Vì sao? Vì Phật, Pháp, Tăng chẳng thể nắm bắt. Nếu người chẳng thấy Phật, chẳng nghe Pháp, chẳng biết Tăng, thì người ấy chẳng trái Phật, chẳng hủy báng Pháp, chẳng phá Tăng vậy. Vì sao? Vì người ấy chẳng có được Phật, Pháp, Tăng.

Này Thiên tử! Nếu người ái Phật, ái Pháp, ái Tăng, người ấy là nhiễm trước Phật, Pháp, Tăng. Phải biết nếu người chẳng nhiễm trước Phật, Pháp, Tăng, thì gọi là ly dục tịch diệt. Do nghĩa này mà tôi nói nếu nay Thiên tử chẳng nhiễm trước Phật, Pháp, Tăng thì tôi sẽ đồng phạm hạnh như vậy.

Thiên tử Thiện Trụ Ý nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Hy hữu, hy hữu! Đại sĩ hay tuyên nói nghĩa lý sâu xa như vậy. Đối với Đại sĩ tôi lấy gì để báo ân.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Này Thiên tử! Chớ báo ân.

Thiên tử Trụ Thiện Ý nói:

– Bạch Đại sĩ! Làm sao không báo ân được?

Văn-thù đáp:

– Này Thiên tử! Chẳng cần báo ân. Vì sao? Vì có thể chẳng báo ân như vậy tức là chân báo ân.

– Bạch Đại sĩ! Nay Đại sĩ liệu có thể không báo ân chăng?

– Đúng như vậy, này Thiên tử! Tôi chẳng báo ân cũng chẳng phải là chẳng báo ân.

– Bạch Đại sĩ! Do nghĩa gì mà ngài nói như vậy?

– Này Thiên tử! Kẻ phàm phu tạo nhiều sự, khởi nhiều kiến chấp làm nhiều hạnh. Bởi họ làm những kiến những hạnh như vậy nên họ nghĩ rằng tôi sẽ báo ân. Đây chẳng phải là người chánh hạnh. Người có chánh hạnh thì chẳng có chút gì để làm, hoặc làm hay chẳng làm, người này trọn chẳng hề nói tôi nhớ báo ân.

Lại nữa, này Thiên tử! Người chẳng báo ân như Đức Phật Thế Tôn tuyên nói bình đẳng. Nghĩa là tất cả pháp không có sở tác không có chỗ làm đều nhập vào bình đẳng không có thoái chuyển, cũng không siêu việt, chẳng phải tự chẳng phải tha, không có tác bất tác. Vì thế nên tôi không báo ân.

– Bạch Đại sĩ! Trụ chỗ nào mà nói như vậy? Trụ nhẫn mà nói hay trụ pháp mà nói?

– Này Thiên tử! Chỗ tôi trụ chẳng phải nhẫn chẳng phải pháp.

– Bạch Đại sĩ! Thật trụ chỗ nào mà nói như vậy?

– Này Thiên tử! Tôi không chỗ trụ, như thân hóa nhân, tôi trụ như vậy.

– Bạch Đại sĩ! Hóa nhân ấy lại nương nơi đâu để trụ?

– Này Thiên tử! Như như như trụ, hóa nhân trụ như vậy. Này Thiên tử! Nếu là như vậy sao Thiên tử lại hỏi an trụ tại chỗ nào, là tại nhẫn hay tại pháp? Này Thiên tử! Vì thế nên tôi nói nhẫn chỉ có danh tự. Danh tự không có chỗ trụ. Pháp cũng như vậy, không có chỗ trụ không có động chuyển cũng không có phân biệt. Thiên tử nên biết! Tất cả các pháp đều không có chỗ trụ, mà nói chỗ trụ ấy là Đức Phật vì các chúng sinh mà nói. Vì sao? Như Đức Phật nói: "Như Lai trụ trong pháp như như ấy, tất cả chúng sinh cũng như vậy trụ trong như như ban đầu chẳng hề di động. Như chúng sinh như tức là Như Lai như, Như Lai như tức là chúng sinh như, chúng sinh và Như Lai không hai không khác".

– Bạch Đại sĩ! Nói rằng: "Sa-môn na" Sa-môn na ấy có nghĩa gì?

– Này Thiên tử! Nếu chẳng phải Sa-môn chẳng phải Bà-la-môn thì

gọi là chân Sa-môn. Vì sao? Vì họ chẳng trước Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới nên gọi chân Sa-môn.

Lại nữa, này Thiên tử! Nếu mắt chẳng lậu; tai, mũi, lưỡi, thân và ý chẳng lậu, tôi gọi là chân Sa-môn.

Này Thiên tử! Nếu chẳng nương nơi thuyết, chẳng nương nơi chứng, chẳng nương nơi xứ sở, tôi lại gọi là chân Sa-môn.

Này Thiên tử! Nếu không chỗ đi, không chỗ đến, không tổn, không hại, tôi lại nói là chân Sa-môn.

Này Thiên tử! Vì thế nên câu nói trên kia chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Bà-la-môn tôi mới nói là chân Sa-môn.

Thiên tử Thiện Trụ Ý khen Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Lành thay, lành thay! Thật chưa từng có! Chí Bồ-tát như Kim cang, lời Bồ-tát tuyên nói không có chương cú cũng không có xứ sở, tâm đều liễu đạt không có sót thừa.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Này Thiên tử! Tâm tôi chẳng cang. Vì sao? Vì tôi tự phóng ý lòng an nhu nhẫn nên chẳng cang.

– Bạch Đại sĩ! Nghĩa ấy thế nào?

– Này Thiên tử! Tôi thả lỏng tâm nhập địa xứ Thanh văn, cảnh Duyên giác nên gọi là phóng ý. Tôi lại thả lỏng tâm vào trong các trần lao sinh tử mà cũng chẳng hề chán ghét họa hại phiền não tham, sân, si nên gọi là phóng ý.

Thiên tử Thiện Trụ Ý lại khen Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Lành thay, lành thay! Hy hữu Đại sĩ! Do trong quá khứ đã từng cúng dường chư Phật trồng các cội đức lành nên Đại sĩ có thể tuyên nói vi diệu ấy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Này Thiên tử! Tôi không cúng Phật, không trồng cội lành. Vì sao? Vì tôi không hề thấy thuở xưa đã qua, cũng chẳng biết vị lai sẽ làm. Dù có làm cũng không có làm. Đối với các Phật pháp, tôi chưa hề kiến lập thì sao lại hay trồng các cội công đức lành.

□

Phẩm 9: THẦN THÔNG CHỨNG THUYẾT

Bấy giờ, Thiên tử Thiện Trụ Ý lại bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Bạch Đại sĩ! Trước kia tôi có nghe nói như huyễn Tam-muội, xin Đại sĩ thương mà hiển bày chánh thọ ấy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Này Thiên tử! Thiên tử muốn thấy nghe cảnh giới sâu xa của như huyễn Tam-muội ư?

– Bạch Đại sĩ! Tôi thành tâm muốn thấy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi theo lời thỉnh cầu mà nhập như huyễn Tam-muội. Liền đó mười phương hằng hà sa cõi Phật, tất cả cảnh giới tự nhiên hiện ra.

Thiên tử Thiện Trụ Ý thấy phương Đông hằng hà sa cõi Phật, trong ấy có nhiều sự việc: Hoặc thấy chúng Tỳ-kheo xưng dương tuyên nói kinh điển như vậy, hoặc thấy cảnh tượng chúng Tỳ-kheo-ni, cảnh tượng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hoặc thấy Đại phạm Thiên vương, Thiên đế Thích, đại vương Tứ Thiên, hoặc thấy nhân gian Chuyển luân thánh vương, hoặc thấy Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, hoặc thấy tất cả điểu thú hình mạo đẹp xấu đều nói pháp được. Như phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên và dưới, tất cả mười phương đều có hằng hà sa cõi Phật tất cả sự nghiệp cũng đồng hiển hiện, như phương Đông không khác, đều là do sức oai thần của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.

Được thấy cảnh giới mười phương cõi Phật như vậy, Thiên tử Thiện Trụ Ý vui mừng hớn hở chẳng tự kềm giữ được. Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi từ Tam-muội dậy. Thiên tử Thiện Trụ Ý nhất tâm kính ngưỡng bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Bạch Đại sĩ! Vừa rồi thấy cảnh giới của vô lượng cõi Phật mười phương, Phật sự sai khác mà đều diễn nói kinh điển sâu xa như đây cả.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Này Thiên tử! Ý Thiên tử thế nào? Vừa rồi thấy tất cả cảnh giới mười phương cõi Phật có thể gọi là thật chăng?

Thiên tử Thiện Trụ Ý nói:

– Bạch Đại sĩ! Chẳng thật, tất cả đều hư giả. Vì sao? Vì tất cả các pháp vốn không có sinh dường như huyễn hóa khi dối thế gian. Tất cả các pháp chuyển biến đổi dời không thường còn, đều là hư vọng hiện lên, gạn cùng thật thể của nó thì trọn chẳng có được, nó vốn là chẳng tác, chẳng

sinh, chẳng khởi, chẳng diệt.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi khen Thiên tử Thiện Trụ Ý:

– Lành thay, lành thay! Này Thiên tử! Đúng như lời Thiên tử nói!

Lúc ấy trong đại hội có năm trăm Bồ-tát đã được bốn thiền thành tựu năm thần thông, các Bồ-tát này y nơi thiền nhập xuất dù chưa được pháp nhẫn nhưng không phỉ báng. Do Túc mạng thông, các Bồ-tát này tự thấy đời trước mình tạo nghiệp ác, hoặc giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, hoặc hủy phá tự viện Phật, phá Pháp, phá Tăng. Các vị thấy rõ ác nghiệp trước của mình như vậy rất lo lắng ăn năn, nơi pháp sâu xa chẳng chứng nhập được. Vì nặng lòng phân biệt chẳng quên tội ác trước nên chẳng thể được thâm pháp nhẫn sâu xa.

Vì muốn diệt trừ tâm phân biệt của năm trăm Bồ-tát ấy, Đức Thế Tôn dùng oai thần cảnh giác Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Thừa oai thần của Phật, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đứng dậy để hở vai áo phải, tay cầm gươm bén tiến đến trước Phật muốn làm sự nghịch hại. Đức Thế Tôn vội bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Ông đứng lại, đứng lại, chẳng nên tạo nghịch chớ được hại Phật. Ta chắc bị hại là bị hại lành. Vì sao? Vì Văn-thù-sư-lợi từ nào tới giờ không ngã, không nhân, không trượng phu, chỉ là nội tâm thấy có ngã nhân, lúc nội tâm khởi lên thì ông ấy đã là hại ta rồi, liền gọi đó là hại.

Nghe Đức Phật nói xong, năm trăm Bồ-tát đều suy nghĩ rằng: "Tất cả các pháp đều như huyễn hóa, trong ấy không có ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng; không có trượng phu, không ma-nô-xà, không ma-na-bà; không cha, không mẹ, không A-la-hán, không Phật, Pháp, Tăng, không có nghịch không người tạo nghịch, làm sao có đọa nghịch. Vì sao? Vì nay đây Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thông minh thành đạt trí tuệ siêu luân. Chư Phật khen ngợi là đã được pháp nhẫn vô ngại sâu xa, là đã từng cúng dường vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha chư Phật Thế Tôn, nơi Phật pháp khéo biết rành rẽ, hay nói pháp chân thật như vậy, đối với chư Phật Như Lai, hết lòng cung kính, mà nay bỗng cầm gươm muốn bức hại Đức Như Lai.

Đức Phật vội bảo:

– Đứng lại, đứng lại! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ông chớ hại ta, nếu quyết hại đó thì phải hại lành. Vì sao? Vì trong ấy nếu có một pháp hòa hợp tập tụ, quyết định thành tựu, được gọi là Phật, là Pháp, là Tăng, là cha, là mẹ, là A-la-hán chắc chắn có thể nắm lấy được thì chẳng nên diệt tận, nhưng nay đây tất cả các pháp không thể tánh, không chân thật, hư vọng, điên đảo, chẳng phải có, là không như huyễn hóa, vì thế nên trong ấy không người

mắc tội, không tội bị mắc, vậy ai là người giết mà lại chịu tội khổ? Quan sát biết rõ như vậy rồi, năm trăm Bồ-tát ấy liền được Vô sinh pháp nhẫn, tất cả đều vui mừng hớn hở, bay vút lên hư không cao bằng bảy cây Đa-la nói kệ tán thán:

Các pháp như huyễn hóa
Đều do phân biệt khởi
Trong ấy không sở hữu
Tất cả pháp đều không.
Điên đảo hư vọng tưởng
Ngu si lòng chấp ngã
Nhớ tội xưa của tôi
Quá ác trong ác nghiệp.
Quá khứ tạo đại nghịch
Giết cha mẹ, Thánh nhân
Phá tháp chùa, phá Tăng
Đó là cực ác nghịch.
Do ác nghiệp trước ấy
Tôi sẽ thọ khổ lớn
Chúng tôi ngập lưới nghi
Nghe pháp trừ nghi hối.
Thế Tôn nhổ tên độc
Phá tan lòng con nghi
Con giác ngộ pháp giới
Tội ác không thật có
Chư Phật phương tiện khéo
Giỏi biết ý chúng con
Phương tiện độ chúng sinh
Giải trừ lưới nghi hoặc.
Nơi nào có Phật, Pháp
Và Tăng cũng đều không
Cha mẹ vốn tự không
A-la-hán không tịch
Chỗ ấy không có giết
Sao lại có nghiệp quả?
Như huyễn không có sinh
Các pháp tánh như vậy.
Ngài Đại trí Văn-thù
Sâu đạt pháp nguyên để

Tự tay cầm gươm bén
Đến bức hại thân Phật,
Như gươm, Phật cũng vậy
Nhất tướng không có hại.
Vô tướng nên không sinh
Trong ấy sao lại giết.

Lúc nói pháp môn vi diệu cầm kiếm ấy, mười phương hằng hà sa cõi Phật chấn động sáu cách, chư Phật mười phương lúc ấy hiện tiền thuyết pháp, Thị giả của các Đức Phật ấy mỗi vị ở trong chúng hội của mỗi cõi nước từ chỗ ngồi đứng dậy, tác lễ bạch Phật mình:

– Bạch Thế Tôn! Nay do thần thông oai đức của ai mà cả đại địa đều chấn động sáu cách?

Chư Phật mười phương đều nói với thị giả mình:

– Này thiện nam! Nay có thế giới tên Ta-bà, nơi ấy có Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác hiện tại thuyết pháp, ở thế giới ấy có một vị thượng thủ Bồ-tát Ma-ha-tát tên Văn-thù-sư-lợi đã lâu chẳng thoái chuyển Vô thượng Bồ-đề, vì muốn phá hoại tâm chấp trước của hàng Bồ-tát mới học nên đã cầm gươm bén chạy đến trước Phật Thích-ca Mâu-ni hiển phát pháp môn sâu xa, do đó mà đại địa mười phương đều chấn động như vậy. Chư Phật mười phương nhân gươm trí tuệ ấy mà nói pháp sâu xa khiến vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ chúng sinh được Pháp nhãn thanh tịnh, tâm được giải thoát, chứng Pháp nhẫn sâu xa an trụ Bồ-đề.

Lúc Đức Thế Tôn kiến lập đại thần biến ấy, Phật dùng sức phương tiện khiến hàng Bồ-tát mới học thiện căn kém ít, chưa rời phân biệt còn nắm giữ tướng chúng sinh đều chẳng nghe lời thuyết pháp ấy và cũng chẳng thấy sự việc cầm gươm ấy.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Bạch Đại sĩ! Nay Đại sĩ tạo ác nghiệp cực trọng muốn hại Đấng Thiên Nhân Đại Sư, nghiệp ấy nếu chín mùi sẽ tội nơi nào?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Này Tôn giả! Như lời Tôn giả nói, nay tôi chỉ có thể tạo nghiệp cực ác như vậy, mà thật ra tôi chẳng biết ở chỗ nào chịu tội. Nhưng, này Tôn giả! Như chỗ tôi thấy thì sẽ như hóa nhân, lúc huyễn nghiệp thục tôi chịu tội như vậy. Vì sao? Vì hóa nhân ấy không có tâm phân biệt không có niệm tưởng, vì tất cả pháp đều là huyễn hóa.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nay tôi hỏi Tôn giả, tùy ý Tôn giả đáp:

– Này Tôn giả! Thật thấy gươm bén chăng?

– Bạch Đại sĩ, không!

– Này Tôn giả! Lại quyết định thấy ác nghiệp ấy có thể được chăng?

– Bạch Đại sĩ, không!

– Này Tôn giả! Lại quyết định thấy kia chịu quả báo chăng?

– Bạch Đại sĩ, không!

– Đúng vậy, này Tôn giả! Gươm ấy đã không có, lại không có nghiệp báo. Vậy ai tạo nghiệp ấy, ai là kẻ chịu báo, mà Tôn giả lại hỏi tôi chỗ chịu báo?

– Bạch Đại sĩ! Do nghĩa gì mà Đại sĩ lại nói lời ấy?

– Này Tôn giả! Theo như chỗ thấy của tôi thì thật không có pháp gì là nghiệp báo chín muồi. Vì sao? Vì tất cả pháp không nghiệp không báo không có nghiệp báo chín muồi.

Bấy giờ các Đại Bồ-tát từ mười phương thế giới đến dự hội đồng cầu thỉnh Đức Phật:

– Ngưỡng mong Đức Thế Tôn dùng sức oai đức khiến Văn-thù-sư-lợi đến mười phương cõi Phật diễn nói pháp sâu xa ấy làm cho các chúng sinh kia đều được thấy nghe như chúng tôi đã được thấy được nghe.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với các Bồ-tát trong mười phương kia.

– Nay các vị hãy nhất tâm quan sát thế giới Phật của mình.

Các Đại Bồ-tát nghe lời Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đều quan sát thế giới Phật của mình, đều thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đang ở trước Phật mình vì đại chúng mà diễn nói pháp sâu xa ấy, cũng đều thấy có Thiên tử Thiện Trụ Ý hỏi về pháp môn ấy, cũng thấy mười phương các Đại Bồ-tát đồng vân tập cùng với số đông chư Thiên tử và cũng đều thấy cõi Phật mình thanh tịnh trang nghiêm vi diệu như đây không khác.

Quan sát thấy như vậy, các Đại Bồ-tát sinh lòng thù đặc được chưa từng có đồng thanh khen:

– Rất lạ, rất lạ! Nay Văn-thù-sư-lợi đạo đức nguy nguy, ở an bất động tại thế giới Ta-bà này mà có thể hiện thân khắp trước chư Phật mười phương.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với các vị Bồ-tát:

– Nay các vị nên lắng nghe đây! Như các nhà ảo thuật đã học tập giỏi rồi, chẳng rời chỗ mình ngồi mà có thể làm ảo thuật ra các thứ hình sắc. Cũng vậy, Đại Bồ-tát đã học giỏi pháp như huyễn Bát-nhã ba-la-mật-đa rồi liền ở trong các pháp như huyễn, nơi các cõi Phật trong mười phương tùy

ý hiện các hình tượng để làm Phật sự. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều như huyễn hóa, do đó mà chỗ làm đều theo như ý muốn. Như mặt trời, mặt trăng kia lơ lửng nơi hư không chẳng hề đi xuống chui vào trong các đồ vật mà ánh sáng của nó chiếu khắp mọi nơi. Cũng vậy, Bồ-tát an trụ bất động mà tùy tâm hiện thân khắp trước chư Phật mười phương hoặc hiện các thân Thanh văn, Duyên giác, hoặc hiện các tướng Phạm vương, Đế Thích, hoặc hiện các sự đại vương Tứ Thiên, Chuyển luân thánh vương, hoặc hiện quốc chủ Đại thần chính hóa, cho đến hoặc hiện tất cả ác đạo chúng sinh các hình các loại đều tùy ý, nhưng cũng không hề có ý tưởng hưng tác lúc ban đầu.

□

Phẩm 10: XƯNG TÁN PHÓ PHÁP

Đức Phật dạy:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu được nghe pháp môn Tu-đa-la sâu xa này thì đồng với gặp Phật xuất thế.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu được nghe kinh này thì đồng với chứng Tu-đà-hoàn, đồng với chứng Tư-đà-hàm, đồng với chứng A-na-hàm, đồng với chứng A-la-hán không khác. Vì sao? Vì như như ấy không khác vậy.

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Nếu được nghe kinh này, sinh lòng tin hiểu thì đồng với bậc hậu thân Bồ-tát ngồi đạo tràng dưới cội Bồ-đề nhất định thành Chánh giác. Vì sao? Vì pháp môn này là yếu đạo của ba đời chư Phật vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Đúng như vậy! Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, như Không chẳng khác, như Vô tướng chẳng khác, như vô nguyện chẳng khác, như như như chẳng khác, như pháp giới chẳng khác, như thật tế chẳng khác, như bình đẳng chẳng khác, như giải thoát chẳng khác, như ly dục chẳng khác. Duy nguyện Như Lai hộ trì pháp môn như vậy, ở thời kỳ mạt thế năm trăm năm sau sẽ khiến kinh này lưu hành khắp Diêm-phù-đề cho các chúng sinh đều được nghe đều được biết.

Lúc Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thỉnh Phật như vậy, khắp tam thiên đại thiên thế giới tất cả âm nhạc không đánh tự kêu, tất cả cây cối tự nhiên sum suê, tất cả thứ hoa đều đua nở, cả tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách, phóng ánh sáng chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới hơn cả ánh

sáng mặt trời, mặt trăng. Trăm ngàn vạn ức chư Thiên hớn hở vui mừng được chưa từng có, ở trên hư không mưa Thiên hương, Thiên hoa, các thứ hoa, các thứ vòng hoa, hương bột, hương thoa tuôn xuống như mưa mùi thơm ngào ngạt khắp mười phương, trỗi âm nhạc trời hòa nhã dịu dàng. Tất cả chư Thiên ấy đều vòng tay chắp tay ca ngợi rằng:

– Hy hữu, hy hữu! Pháp môn kỳ đặc, nay đây Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi thuyết pháp chúng tôi được nghe, chúng tôi làm phước hội, từ lúc sơ sinh đến nay tái ngộ Diêm-phù-đề chuyển đại pháp luân tại, các chúng sinh có đủ căn lành mới được nghe pháp môn thâm diệu này. Nếu các chúng sinh nghe rồi tín thọ phụng hành thì nên biết họ đã từng cúng dường tất cả chư Phật và cũng đã được pháp nhẫn sâu xa. Nếu có chúng sinh nghe kinh điển này mà chẳng kinh sợ chẳng thoái thất, thâm tâm ưa thích thì nên biết người này chẳng phải từ căn lành Nhị thừa mà đến.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nay điềm ứng kỳ lạ này phải chăng là pháp môn này sẽ lưu hành khắp Diêm-phù-đề trong đời vị lai mà còn mãi chẳng diệt mất sao.

Đức Phật dạy:

– Đúng như vậy! Vừa rồi hiện điềm ứng là chỉ để vì kinh này lưu hành khắp Diêm-phù-đề còn mãi chẳng mất.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Bạch Thế Tôn! Ngưỡng mong Phật lại lập lời thành thật cho kinh này lưu hành hưng thịnh chẳng diệt mất tại thế gian.

Đức Phật dạy:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu ba môn giải thoát có thể chứng Niết-bàn là lời thành thật thì đời mạt thế năm trăm năm sau kinh pháp này lưu hành tại Diêm-phù-đề hưng thịnh chẳng diệt là lời thành thật.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu khổ, vô thường, nếu không, vô ngã là lời thành thật, đời mạt thế năm trăm năm sau kinh pháp này lưu truyền rộng khắp Diêm-phù-đề hưng thịnh chẳng diệt là lời thành thật.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy không có ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, trượng phu; không có ma-nô-xà, ma-na-bà; không có phiền não; không có thanh tịnh là lời thành thật, đời mạt thế năm trăm năm sau kinh pháp này hoằng truyền khắp Diêm-phù-đề hưng thịnh chẳng diệt là lời thành thật.

Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy không có sinh tử, không có Niết-bàn, không có tham dục, sân khuể, ngu si, không có danh sắc, không có nhân quả, không có hữu, không có sự biết, không có thân, không có thân chứng, không có tâm, không có tâm quả, không có niệm, không có niệm xứ, không có phát, không có phát xứ; không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp; không có Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, không đoạn không thường, các pháp được nói như vậy là lời thành thật, đời mạt thế năm trăm năm sau kinh pháp này hoằng truyền khắp Diêm-phù-đề hưng thịnh chẳng diệt là lời thành thật.

Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy không có Tu-đà-hoàn, không có quả Tu-đà-hoàn; không có Tư-đà-hàm, không có quả Tư-đà-hàm; không có A-na-hàm, không có quả A-na-hàm; không có A-la-hán, không có các pháp A-la-hán; không có Bích-chi-phật, không có các pháp Bích-chi-phật; không có Như Lai, không có các pháp Như Lai; không có chứng quả… không lực, không úy, không trí quả, không Thánh chứng; không có Không, Vô tướng, Vô nguyện; không có ly dục xứ, không có được bản tánh, không có bình đẳng, không có chứng xứ, không có tối sáng, không có trót mở, không có bờ giải thoát, không có thứ ngạn và trung gian, không có niệm không có giác, các pháp được Phật nói như vậy là lời thành thật, đời mạt thế năm trăm năm sau pháp môn của kinh này hoằng truyền Diêm-phù-đề lưu hành khắp nơi hưng thịnh chẳng diệt là lời thành thật.

Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy ở nơi các pháp môn không có chúng sinh tín giải đắc quả tương ưng chẳng tương ưng chẳng hợp, chẳng tan, các pháp như vậy là lời thành thật, đời mạt thế năm trăm năm sau pháp môn của kinh này hoằng truyền Diêm-phù-đề lưu hành khắp nơi hưng thịnh chẳng diệt là lời thành thật.

Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy chư Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác thuở quá khứ đã nói không có một pháp nào có thể làm cho chúng sinh ở trong sinh tử diệt trừ phiền não được giải thoát Niết-bàn, cũng không chúng sinh có pháp sinh diệt, cho đến không có tội lỗi không xuất không động, như chư Phật quá khứ đã nói, chư Phật vị lai và hiện tại cũng nói như vậy, nếu các pháp ấy là lời thành thật, đời mạt thế năm trăm năm sau pháp môn của kinh này lưu hành Diêm-phù-đề truyền bá khắp nơi hưng thịnh không diệt là lời thành thật.

Lại như lúc Thế Tôn nói pháp này không có Bồ-tát được Tam-muội các Đà-la-ni, cũng không có ngữ ngôn cú nghĩa được chư Phật ấy nói cho

đến chẳng nói một câu một chữ, không có người lắng nghe không có người được hiểu, không có người thành Phật, các pháp như vậy là lời thành thật, đời mạt thế năm trăm năm sau pháp môn của kinh này lưu hành Diêm-phù-đề hoằng truyền khắp nơi hưng thạnh chẳng diệt là lời thành thật.

Như Thế Tôn nói không có giới thân, không có Tam-muội, không có trí tuệ, không có giải thoát, không có giải thoát tri kiến, các pháp như vậy là lời thành thật, đời mạt thế năm trăm năm sau pháp môn kinh này lưu hành Diêm-phù-đề hoằng truyền khắp nơi hưng thịnh chẳng diệt là lời thành thật.

Như Thế Tôn nói các Bồ-tát chẳng hành bố thí, chẳng trì cấm giới, chẳng tu nhẫn nhục, chẳng phát tinh tấn, chẳng nhập thiền định chẳng được Bát-nhã, chẳng cầu Bồ-đề, chẳng chuyển các địa, chẳng đạt được Phật đạo, chẳng được mười Lực, chẳng được bốn Vô úy, chẳng được các tướng hảo, chẳng được biện tài, chẳng chuyển pháp luân, chẳng độ chúng sinh khiến được Chánh giác, các pháp như vậy là lời thành thực, đời mạt thế năm trăm năm sau pháp môn kinh này lưu hành Diêm-phù-đề hoằng truyền khắp nơi hưng thịnh chẳng diệt là lời thành thật.

Lúc Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tuyên lời thệ thành thật, đại địa khắp tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách.

Bồ-tát Di-lặc bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nay duyên cớ gì mà thế giới chấn động?

Đức Phật dạy:

– Này Di-lặc! Nay ông không nên hỏi sự kiện như vậy. Vì sao? Vì chúng sinh thời mạt thế căn tánh chậm lụt, tín căn ít nên không thể hiểu, sẽ sa vào đêm dài nghi nạn không an ổn.

Di-lặc bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Mong được nói lên điều đó. Mong Thế Tôn vì lợi ích số đông đại chúng chư Thiên và loài người.

Đức Phật dạy:

– Này Di-lặc! Kinh điển như vậy thuở trước đã có bảy mươi bốn ức trăm ngàn na-do-tha chư Phật Thế Tôn ở địa phương này xưng dương tuyên nói, đều nhân Văn-thù-sư-lợi cùng Thiên tử Thiện Trụ Ý các người hỏi đáp luận bàn.

Bồ-tát Di-lặc bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và Thiên tử Thiện Trụ Ý này được nghe pháp môn như vậy đã bao lâu?

Đức Phật dạy:

– Này Di-lặc! Quá khứ bảy a-tăng-kỳ kiếp có Đức Phật xuất thế hiệu Phổ Hoa Tối Thượng Sư Tử Du Bộ Thắng Công Đức Tụ Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác, Văn-thù-sư-lợi và Thiên tử Thiện Trụ Ý ở chỗ Đức Phật ấy ban đầu nghe kinh này.

Lúc nói kinh này, trong chúng có hằng sa chúng sinh phát tâm Vô thượng Bồ-đề, lại có chúng sinh nhiều gấp bội được an trụ bất thoái chuyển nhẫn, lại có chúng sinh gấp bội nữa xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn tịnh.

Đức Phật nói kinh này rồi, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Thiên tử Thiện Trụ Ý cùng các Bồ-tát mười phương, chúng chư Thiên, các Tôn giả Xá-lợi-phất, Ma-ha Ca-diếp và chúng Tỳ-kheo cho đến tất cả Trời, Người, A-tu-la cùng tất cả chúng Rồng, Quỷ, Thần… nghe lời Đức Phật dạy đều rất vui mừng tín thọ phụng hành.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 106

Hán dịch: Đại Đường, Tam tạng
Pháp sư Bồ-đề-lưu-chí.

PHÁP HỘI 37: VƯƠNG TỬ A-XÀ-THẾ

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở thành Vương xá trong núi Kỳ-xà-quật cùng đại chúng Tỳ-kheo ngàn hai trăm năm mươi người đều đến hội họp.

Bấy giờ con trai yêu quý của vua A-xà-thế là Vương tử Sư Tử cùng chung đồng bạn năm trăm người đều đã hướng đến Vô thượng Bồ-đề, mỗi người cầm tràng phan bảo cái xuất thành Vương xá qua núi Kỳ-xà-quật đến chỗ Đức Như Lai lễ lạy cúng dường.

Vương tử Sư Tử chắp tay cung kính bạch Đức Phật:

– Ngưỡng mong Đức Thế Tôn vì con mà tuyên nói các hạnh Bồ-tát.

Vương tử liền nói kệ rằng:

Thế nào được đoan chánh,
Hóa sinh trong hoa sen?
Thế nào biết túc mạng?
Nguyện Phật tuyên dạy cho.

Lúc bấy giờ Đức Như Lai đã chứng đạt các hành, giác ngộ viên mãn, tùy theo đó mà đáp kệ:

Nhẫn nhục được đoan chánh
Bố thí sen hóa sinh
Pháp thí biết túc mạng
Ông nên biết như vậy.
Vương tử nói kệ:
Thế nào được thành tựu,
Tam-muội Đà-la-ni?
Khi có nói lời gì
Mọi người đều tín thọ.

Đức Thế Tôn đáp kệ:
Tu tâm được Tam-muội
Nhẫn được Đà-la-ni
Kính trọng các chúng sinh
Phát ngôn người tín thọ.
Vương tử liền nói kệ:
Thế nào được chính niệm
Đầy đủ sinh trí tuệ
Như pháp mà tu hành
Kiên cố chẳng hư hoại?

Đức Thế Tôn liền đáp kệ:

Chẳng siểm được chánh niệm
Quán khéo sinh trí tuệ
Tôn trọng chỗ tu hành
Đắc pháp tâm kiên cố.
Vương tử hỏi kệ:
Thế nào thành diệu tướng
Đầy đủ ba mươi hai
Tám mươi tùy hình hảo
Người nhìn thích chẳng chán?
Đức Thế Tôn đáp kệ:
Bố thí được tướng tốt
Từ bi được hình đẹp
Với chúng sinh bình đẳng
Người nhìn không chán đủ.

Vương tử nói kệ:

Thế nào được Phạm âm
Tiếng Ca-lăng-tần-già
Thế nào khiến thế gian
Người thấy đều vui mừng?
Đức Thế Tôn nói kệ:
Lời thật được Phạm âm
Ca-lăng do nhuyễn ngữ
Lìa ỷ ngôn, lưỡng thiệt
Người thấy đều vui mừng.

Vương tử hỏi kệ:

Do tác hạnh nghiệp gì

Được sinh trước chư Phật
Hay thỉnh nghĩa vi diệu
Ngưỡng mong Như Lai dạy?

Đức Thế Tôn đáp kệ:

Ở trong các pháp thí
Chẳng từng bị chướng ngại
Do đây nên thường được
Gặp gỡ chư Như Lai.

Vương tử hỏi kệ:

Thế nào rời các nạn
Mà sinh nơi thiện đạo
Thế nào tất cả đời
Tánh siêng không phóng dật?

Đức Thế Tôn đáp kệ:

Tịnh tín lìa các nạn
Trì giới sinh thiện đạo
Do tu tập pháp không
Đời đời không phóng dật.

Vương tử hỏi kệ:

Thế nào được thần thông
Và chứng túc mạng trí
Hay sạch hết các lậu?
Nguyện Phật khai diễn cho!

Đức Thế Tôn đáp kệ:

Thí xe được thần thông
Giáo thọ thành túc mạng
Bỏ rời cả hai bên
Do đây hết các lậu.

Vương tử hỏi kệ:

Thế nào tịnh nghiệp thành
Lưới ma chẳng chụp được
Mà trong tất cả đời
Được mọi người kính yêu?

Đức Thế Tôn đáp kệ:

Thắng giải thành tịnh nghiệp
Tinh tấn xô dẹp ma
Như thuyết mà tu hành

Đời đời được người yêu.

Vương tử hỏi kệ:

Thế nào được trường thọ
Thân ít sinh bệnh tật
Được quyến thuộc vững bền
Nguyện Mâu-ni tuyên nói?

Đức Thế Tôn đáp kệ:

Chẳng hại được trường thọ
Trừ khổ lo cho người
Thân tráng kiện ít bệnh
Hòa giải quyến thuộc vững.

Vương tử Sư Tử lại bạch hỏi:

Thế nào được của giàu
Đồ dùng không tổn giảm?
Đời đời sinh chỗ nào
Thành tựu oai đức lớn?

Đức Thế Tôn đáp kệ:

Chẳng ganh được của giàu
Chẳng tham đồ dùng Tăng
Khiêm hạ thành tôn quý
Có oai đức tự tại.

Vương tử hỏi kệ:

Thế nào được Đại lực
Chúng ma chẳng hại được
Oai thế thường siêu thắng
Xin nguyện Thế Tôn dạy?

Đức Thế Tôn đáp kệ:

Hằng thí món ăn ngon
Kẻ sợ khiến an ổn
Do đây được Đại lực
Oai thế thường siêu thắng.

Vương tử hỏi kệ:

Thế nào được thành tựu
Thiên nhãn và Thiên nhĩ?
Thế nào biết rõ được
Các tâm của chúng sinh?

Đức Thế Tôn đáp kệ:

Thí đèn cảm Thiên nhãn
Cúng nhạc thành Thiên nhĩ
Xa rời chấp hai bên
Nên được Tha tâm trí.

Vương tử hỏi kệ:

Thế nào được tịnh độ
Và pháp chúng viên mãn
Được tùy thân viên quang?
Xin Đấng trọn đức dạy.

Đức Thế Tôn đáp kệ:

Tịnh nguyện được tịnh độ
Nhẫn lực pháp chúng thành
Thí các trưởng báu đẹp
Được viên quang chiếu khắp.

Vương tử lại bạch hỏi kệ:

Thế nào chỗ sinh ra
Tâm Bồ-đề chẳng hư
Cho đến trong mộng mơ
Cũng vẫn không quên mất?

Đức Thế Tôn liền đáp kệ:

Có du hành xứ nào
Trong thành ấp tụ lạc
Dạy người phát đại tâm
Bồ-đề tâm chẳng hư.

Vương tử lại bạch hỏi kệ:

Thế nào Đại Mâu-ni
Được đại chúng kính yêu
Nhiếp thủ tất cả pháp?
Duy nguyện Thế Tôn dạy.

Đức Thế Tôn đáp rằng:

Thắng chí nguyện đầy đủ
Chẳng thoái tâm Bồ-đề
Do đây nhiếp các pháp
Được đại chúng kính yêu.

Vương tử và đại chúng nghe Đức Phật nói kệ xong, cùng bạch Đức Phật:

– Như lời Thế Tôn dạy các hạnh vi diệu ấy, từ nay chúng con đều sẽ

tu học hết.

Đức Thế Tôn liền hiện mỉm cười phóng ánh sáng lớn chiếu khắp vô lượng, vô biên thế giới.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Đức Thế Tôn hiện tướng mỉm cười, duy nguyện tuyên nói trừ nghi hoặc cho chúng con.

Đức Phật dạy:

– Này Di-lặc! Vương tử Sư Tử đây cùng đồng bạn năm trăm người thuở xưa vì cầu Vô thượng Bồ-đề nên đã cúng dường mười na-do-tha tám mươi ức chư Phật, thời kỳ Phật Nhiên Đăng, ta làm Bà-la-môn Tử thành thục cho họ. Các người ấy thuở vị lai ở chỗ Phật Di-lặc và chư Thế Tôn thường thọ hóa sinh thân cận vâng thừa sự cúng dường. Các người ấy phụng sự mười ức Như Lai như vậy mãn ba trăm kiếp, Phật tối hậu ấy hiệu Vô Biên Trí Như Lai biết tâm nguyện của họ nên tùy sở ưng đều thọ ký Vô thượng Bồ-đề đồng ở trong kiếp An lạc quang nghiêm thành Đẳng chánh giác đều đồng hiệu là Trí Tuệ Tràng Tướng, cõi Phật trang nghiêm như nước Cực lạc của Vô Lượng Thọ Như Lai ở Tây phương không khác.

Này Di-lặc! Nếu có chúng sinh nghe lời nói này mà tin hiểu phát nguyện sẽ thành đại Bồ-đề, thì phải biết người này sẽ được công đức ở trong ba đời không gì sánh bằng.

Này Di-lặc! Nếu có người trong sáu trăm kiếp thường có thể đem các châu báu đến khắp các cõi Phật cúng thí chư Như Lai, lại nếu có người nghe kinh điển này phát sinh căn lành hơn công đức người trước, toán số so tính chẳng bằng được.

Lúc Đức Phật nói kinh pháp này, trong chúng có tám mươi ức chúng sinh đều hướng đến Vô thượng Bồ-đề, tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động, trời mưa hoa đẹp.

Được nghe Đức Phật thọ ký rồi, Vương tử Sư Tử và năm trăm đồng bạn vui mừng hớn hở đều nghĩ rằng: "Chúng ta nhất định thành Vô Thượng Giác".

Vương tử và đồng bạn đã cúng dường xong liền được năm thần thông, ở trước Phật biến hiện nhiều cách rồi cùng nhau xuất gia tu hành.

Các Đại Bồ-tát và chúng chư Thiên hướng đến đại Bồ-đề thấy Vương tử và đồng bạn tùy chỗ thích của đại chúng mà hiện thần biến đều rất vui mừng mà đồng nói:

– Vương tử Sư tử hỏi các điều nghi, Đức Như Lai Thế Tôn đều giải quyết dứt trừ nghi. Như vậy, Đức Thế Tôn chẳng thể nghĩ bàn, chánh pháp của Như Lai và người tín thọ, cho đến quả báo chẳng thể nghĩ bàn, công đức của Đức Như Lai vô lượng, vô biên, đối với tất cả pháp không pháp gì chẳng thấu tỏ, Như Lai là Đạo Sư của đời độ người chưa độ, khắp mười phương thế giới đều rõ biết các pháp ba đời.

Ai là người có trí được nghe những thành tựu về công đức sinh xứ an lạc như vậy mà chẳng phát khởi đức tin ưa mãnh lợi, hướng về cầu Vô thượng Bồ-đề.

Đức Phật nói kinh này rồi, Vương tử Sư tử cùng đồng bạn năm trăm người, tất cả đại chúng đều vui mừng phụng hành.

□

PHÁP HỘI 38: ĐẠI THỪA PHƯƠNG TIỆN (PHẦN 1)

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Cư sĩ Trúc-nan-đề, người xứ Thiên Trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở nước Xá-vệ tại tinh xá Kỳ-thọ Cấp cô độc cùng đại Tỳ-kheo tám ngàn người cùng đến hội họp, các vị ấy đều là các bậc Học và Vô học, chúng đại Thanh văn.

Đại Bồ-tát một vạn hai ngàn người, đều được thần thông, các vị tri thức đã được Đà-la-ni vô ngại biện tài, được các pháp nhẫn, vô lượng công đức đều thành tựu cả.

Bấy giờ Đức Như Lai từ Tam-muội khởi dậy, vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng sinh cung kính vây quanh mà vì thuyết pháp.

Lúc ấy trong đại chúng có Đại Bồ-tát tên Trí Thắng đứng dậy để hở vai áo bên phải, gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay hướng Phật mà bạch:

– Bạch Thế Tôn! Con muốn hỏi một việc xin được cho phép, nếu Phật cho phép con mới dám thỉnh hỏi.

Đức Phật dạy:

– Này Trí Thắng! Cho phép ông hỏi, ta sẽ giải đáp trừ chỗ nghi cho ông.

Trí Thắng Bồ-tát bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nói là phương tiện ấy, những gì là phương tiện của Bồ-tát, Đại Bồ-tát hành các phương tiện thế nào?

Đức Phật khen:

– Lành thay, lành thay! Này Trí Thắng! Ông vì các Đại Bồ-tát mà thỉnh hỏi nghĩa phương tiện đem lại nhiều lợi ích nhiều an lạc cho cả trời và người trong thế gian, để nhiếp lấy trí tuệ của Bồ-tát ở đời vị lai và các Phật pháp quá khứ, vị lai, hiện tại vậy. Lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ nói cho ông phải khéo suy nghĩ nhớ đó.

Bồ-tát Trí Thắng thọ giáo vui mừng lắng nghe.

Đức Phật dạy:

– Này Trí Thắng! Bồ-tát hành phương tiện dùng một vắt cơm bố thí cho tất cả chúng sinh. Vì sao? Vì Bồ-tát hành phương tiện đem một vắt cơm cho đến bố thí xuống đến loài súc sinh nguyện cầu Nhất thiết trí, do Bồ-tát này cùng chung với tất cả chúng sinh hồi hướng Vô thượng Bồ-đề dùng hai nhân duyên sau đây để nhiếp thủ tất cả chúng sinh: Một là cầu Nhất thiết trí tâm, hai là nguyện phương tiện. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Lại nữa, này Trí Thắng! Đại Bồ-tát hành phương tiện, nếu thấy người bố thí thì sinh lòng tùy hỷ, đem căn lành tùy hỷ này nguyện cùng chung với tất cả chúng sinh hồi hướng Vô thượng Bồ-đề, cũng nguyện người thí, kẻ thọ chẳng rời Nhất thiết trí tâm, dù người thọ nhận là hàng Nhị thừa cũng nguyện họ chẳng rời Nhất thiết trí tâm. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Trí Thắng! Đại Bồ-tát hành phương tiện nếu thấy trong thế giới mười phương có các thứ cây hoa và các thứ hương vô chủ, liền nguyện họp lại cúng dường chư Phật, hoặc thấy trong thế giới mười phương có các thứ hoa hương có chủ hoặc hương hoặc lá bị thổi gió bay liền nguyện họp lại cúng dường chư Phật mười phương, hoặc tự làm hoặc vì chúng sinh mà làm, để được Nhất thiết trí tâm, do căn lành này nên được vô lượng giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Lại nữa, này Trí Thắng! Đại Bồ-tát hành phương tiện nếu thấy trong thế giới mười phương các chúng sinh thọ các quả báo an vui, Bồ-tát thấy rồi liền suy nghĩ rằng: "Nguyện tất cả chúng sinh được vui Nhất thiết trí". Nếu thấy các chúng sinh thọ quả báo khổ, Bồ-tát liền vì các chúng sinh mà sám hối tội nghiệp, nguyện rằng: "Những khổ não mà chúng sinh phải chịu

như vậy, tôi đều thay họ lãnh chịu cho họ được an vui. Đem căn lành này nguyện thành Nhất thiết trí, trừ dứt khổ não cho tất cả chúng sinh, do nhân duyên này mà rốt ráo chẳng thọ tất cả khổ, thấm thuần tất cả lạc. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện".

Lại nữa, này Trí Thắng! Nếu Đại Bồ-tát hành phương tiện, nếu ở nơi một Đức Phật kính lễ cúng dường tôn trọng tán thán, suy nghĩ như vầy: "Tất cả Như Lai cùng một pháp giới, một pháp thân, một giới, một định, một tuệ, một giải thoát, một giải thoát tri kiến, vậy thì phải biết rằng nếu lễ kính cúng dường, tôn trọng tán thán một Đức Phật tức là lễ kính cúng dường tán thán tôn trọng tất cả chư Phật, nếu cúng dường một Đức Phật tức là cúng dường chư Phật mười phương". Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Trí Thắng! Bồ-tát hành phương tiện nếu là độn căn thì chớ nên tự khinh, cho đến nếu có thể đọc thuộc một bài kệ bốn câu, suy nghĩ như vầy: "Nếu hiểu nghĩa một bài kệ bốn câu tức là biết tất cả Phật pháp, tất cả Phật pháp đều nhiếp trong nghĩa một bài kệ, thông đạt như vậy rồi lòng chẳng biếng nhác, nếu đi đến thành ấp, tụ lạc dùng lòng Từ bi mà rộng giải nói cho mọi người chẳng cầu lợi dưỡng, tiếng tăm danh văn tán thán, nguyện rằng bài kệ bốn câu này nguyện cho người khác được nghe, đem căn lành này nguyện cho tất cả chúng sinh đều đa văn như A-nan và được biện tài Như Lai". Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Trí Thắng! Nếu sinh trong nhà bần cùng cho đến khất thực được một vắt cơm cầm đem thí cúng chư Tăng, nếu cúng thí một người chẳng lấy đó làm thẹn, nên suy nghĩ rằng: "Như lời Phật dạy tâm tăng thượng quảng đại thí hơn dùng của bố thí, của cải tôi bố thí dù ít mà do Nhất thiết trí tâm nguyện căn lành này thành Nhất thiết trí khiến các chúng sinh đều được bảo thủ như Đức Phật Thế Tôn, do nhân duyên ấy nên đầy đủ thí giới thiền định phước đức". Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Lại nữa, này Trí Thắng! Bồ-tát hành phương tiện nếu thấy hàng Thanh văn, Duyên giác được nhiều lợi dưỡng tôn trọng tán thán, Bồ-tát này tự dùng hai điều để an ủi tâm mình: Một là nhân nơi Bồ-tát mà có Như Lai; hai là nhân nơi Như Lai mà có Thanh văn, Duyên giác, tư duy như vậy hàng Nhị thừa dù được lợi dưỡng mà tôi vẫn hơn họ, vật họ ăn dùng là vật của cha tôi, tại sao ở nơi ấy tôi sinh lòng hy vọng. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Lại nữa, này Trí Thắng! Lúc Bồ-tát hành thí đủ cả sáu pháp Ba-la-mật-đa. Thế nào là sáu? Lúc thấy người xin, Bồ-tát trừ lòng xan tham, đầy

đủ đại thí xả, đây gọi là Đàn ba-la-mật-đa. Bồ-tát tự trì giới thí người trì giới, thấy người phá giới thì khuyên họ trì giới rồi sau cấp thí cho, đây gọi là Thi la ba-la-mật-đa. Bồ-tát tự trừ sân khuể khởi lòng Từ mẫn, không uế trược, làm lợi ích chúng sinh, bình đẳng bố thí, đây gọi là Sằn-đề ba-la-mật-đa. Nếu Bồ-tát bố thí ẩm thực thuốc thang tức thì đầy đủ, thân tâm tinh tấn qua lại đến đi, có duỗi cúi ngước, đây gọi là Tỳ-lê-da ba-la-mật-đa. Nếu Bồ-tát hành thí rồi tâm được định vui vẻ sung sướng chuyên niệm bất loạn, đây gọi là Thiền ba-la-mật-đa. Bồ-tát bố thí rồi phân biệt các pháp: Ai là người thí, ai là người thọ, ai là người thọ báo, quan sát như vậy rồi không có một pháp nào gọi là người bố thí, người lãnh thọ và người thọ báo, đây gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa.

Bồ-tát Trí Thắng bạch:

– Bạch Thế Tôn! Thật chưa từng có, Đại Bồ-tát hành phương tiện, do sức phương tiện nên lúc hành bố thí nhiếp tất cả Phật pháp và các chúng sinh.

Đức Phật dạy:

– Này Trí Thắng! Như lời ông nói, Đại Bồ-tát hành phương tiện, do sức phương tiện mà nên dù hành chút ít bố thí mà được phước đức vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ.

Này Trí Thắng! Đại Bồ-tát dù đến bậc không thoái chuyển cũng dùng phương tiện mà thực hành bố thí, đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Trí Thắng! Có lúc ác tri thức bảo Bồ-tát: "Ông cần gì ở mãi nơi sinh tử nên từ thân này mà sớm nhập Niết-bàn".

Bồ-tát biết là ác tri thức liền phải xa rời họ và suy nghĩ rằng: "Tôi phát đại thệ nguyện giáo hóa tất cả chúng sinh, người này làm lưu nạn tôi. Nếu không ở trong sinh tử thì làm sao có thể giáo hóa vô lượng chúng sinh".

Bồ-tát Trí Thắng bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh do vì vọng tưởng mà phạm bốn trọng tội.

Đức Phật dạy:

– Này Trí Thắng! Nếu Bồ-tát xuất gia do vọng tưởng mà phạm bốn trọng tội, Bồ-tát hành phương tiện đều có thể dứt trừ hết, nay ta cũng nói không có phạm tội và người thọ báo.

Trí Thắng Bồ-tát bạch:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào Bồ-tát phạm tội?

Đức Phật dạy:

– Này Trí Thắng! Bồ-tát dù hành giới giải thoát, trong trăm ngàn kiếp ăn trái, ăn rau hay nhẫn nhịn lời thiện ác của các chúng sinh, nếu cùng chung tư duy pháp với hàng Thanh văn, Duyên giác, đây gọi là Đại Bồ-tát phạm trọng tội.

Này Trí Thắng! Như hàng Thanh văn và Duyên giác phạm trọng cấm thì chẳng phải thân này được nhập Niết-bàn. Còn Bồ-tát chẳng trừ bỏ việc cùng chung với hàng Thanh văn, Duyên giác tư duy pháp, không xả không hối thì trọn chẳng được thành Vô thượng Bồ-đề vậy. Nếu được Phật pháp, không có sự kiện này.

Bấy giờ Tôn giả A-nan bạch:

– Bạch Thế Tôn! Sáng nay con vào thành Xá-vệ tuần tự mà khất thực thấy Bồ-tát Chúng Tôn Vương cùng với một nữ nhân đồng ngồi một giường.

Tôn giả A-nan vừa nói xong, tức thì đại địa chấn động sáu cách. Bồ-tát Chúng Tôn Vương ở trong đại chúng bay vút thăng lên hư không cao bằng bảy cây Đa-la, bảo A-nan:

– Này Tôn giả! Có ai phạm tội mà có thể dừng ở hư không được chăng? Tôn giả nên đem sự này hỏi Đức Thế Tôn thế nào là tội? Thế nào chẳng phải tội?

Tôn giả A-nan ưu sầu hướng Phật gối phải quỳ xuống lễ chân Phật bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nay tôi sám hối, bậc Đại long như vậy mà con nói phạm tội, Bồ-tát như vậy mà con tìm cầu tội lỗi. Nay con sám hối xin Phật hứa khả.

Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Ông chớ nên tìm cầu tội lỗi nơi bậc Đại sĩ Đại thừa. Này A-nan! Hàng Thanh văn các ông nơi chướng nạn hành tịch diệt định, lưu nạn không còn đoạn tất cả kiết sử. Này A-nan! Bồ-tát hành phương tiện thành tựu tâm Nhất thiết trí, dù ở trong cung cùng thể nữ vui đùa mà chẳng khởi ma sự và các lưu nạn mà sẽ được Vô thượng Bồ-đề. Tại sao? Này A-nan! Bồ-tát hành phương tiện không bao giờ ở nơi chúng sinh thọ lạc như vậy mà chẳng đem Tam bảo hoặc Vô thượng Bồ-đề giáo hóa họ.

Này A-nan! Nếu thiện nam, thiện nữ học Đại thừa nào không xa rời tâm Nhất thiết trí khi thấy năm dục khả ý liền ở trong ấy cùng chung thụ lạc. Này A-nan! Ông nên suy tưởng như vầy: "Bồ-tát như vậy tức là có thể

thành tựu căn bản Như Lai".

Này A-nan! Ông nên lắng nghe do duyên cớ gì mà Bồ-tát Chúng Tôn Vương cùng nữ nhân ấy cùng ngồi chung giường?

Này A-nan! Nữ nhân ấy từ quá khứ đã từng năm trăm đời làm vợ của Bồ-tát Chúng Tôn Vương. Do tập khí cũ ấy, nàng thấy Bồ-tát Chúng Tôn Vương liền sinh lòng yêu thương ràng buộc chẳng thôi. Do sức trì giới nên Bồ-tát Chúng Tôn Vương có oai đức đoan chánh. Nàng ấy thấy rồi vui mừng hớn hở ngồi riêng một mình sinh tâm, nếu Bồ-tát Chúng Tôn Vương có thể đến ngồi chung giường với tôi thì tôi sẽ phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Này A-nan! Vì biết tâm niệm của nàng ấy, nên sáng sớm Bồ-tát Chúng Tôn Vương đắp y cầm bát vào thành Xá-vệ tuần tự khất thực đến nhà nàng ấy liền vào và liền suy nghĩ pháp môn như vầy: Địa đại bên trong hay địa đại bên ngoài chúng là đại địa đồng nhất. Dùng tâm địa đại ấy cầm tay nữ nhân cùng ngồi chung giường. Bồ-tát Chúng Tôn Vương liền từ chỗ ngồi ấy nói kệ rằng:

Đức Phật chẳng khen ngợi
Hàng phàm phu hành dục.
Ly dục ly tham ái
Mới thành Thiên Nhân Sư.

Này A-nan! Nàng ấy nghe kệ rồi rất vui mừng hớn hở vô lượng, liền đứng dậy lạy chân Bồ-tát Chúng Tôn Vương mà nói kệ rằng:

Tôi chẳng tham ái dục
Tham dục bị Phật quở.
Ly dục ly tham ái
Mới thành Thiên Nhân Sư.

Nói kệ xong nàng ấy thưa rằng:

– Trước tôi sinh lòng ái dục nay nên sám hối.

Nàng ấy liền sinh thiện dục phát tâm Bồ-đề nguyện muốn lợi ích tất cả chúng sinh.

Này A-nan! Lúc ấy Bồ-tát Chúng Tôn Vương khuyến hóa nữ nhân phát tâm Vô thượng Bồ-đề rồi liền đi.

Này A-nan! Ông quan sát phước báo của nữ nhân chuyên tâm ấy. Nay ta dùng Chánh Biến Tri thọ ký cho nữ nhân ấy nơi đây mạng chung được chuyển thân nữ sẽ thành nam tử, đời sau chín mươi chín kiếp cúng dường trăm ngàn vô lượng a-tăng-kỳ chư Phật, đầy đủ tất cả Phật pháp được thành Phật hiệu Vô Cấu Phiền Não Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, khi Đức Phật ấy thành đạo rồi, trong thời gian cõi nước ấy, không có

một người nào khởi tâm bất thiện.

Này A-nan! Ông nên biết rằng Bồ-tát hành phương tiện nhiếp lấy quyến thuộc trọn chẳng đọa ba ác đạo.

Bấy giờ Bồ-tát Chúng Tôn Vương từ hư không hạ xuống lễ Phật bạch:

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát hành phương tiện nếu vì một người mà phát tâm đại Bi họp tập thiện pháp hoặc có vẻ như phạm tội hay thật phạm tội trong trăm ngàn kiếp đọa đại địa ngục. Bồ-tát này kham chịu được các việc tồi tệ và nỗi khổ sở của địa ngục, do vì căn lành ấy mà nguyện chẳng bỏ một chúng sinh.

Đức Phật khen:

– Lành thay, lành thay! Này Chúng Tôn Vương, Bồ-tát thành tựu tâm đại Bi như vậy dù thọ hưởng năm dục mà chẳng phạm trọng tội được, lìa các tội và xa tất cả nghiệp đọa ác đạo.

Này Chúng Tôn Vương! Ta nhớ quá khứ a-tăng-kỳ kiếp, lại quá số kiếp ấy, bấy giờ có Phạm chí tên Thọ Đề bốn mươi hai ức năm ở trong rừng vắng thường tu phạm hạnh. Quá năm ấy, Phạm chí Thọ Đề ra khỏi rừng vào thành Cực lạc. Vào thành, thấy một nữ nhân. Lúc nữ nhân ấy thấy Phạm chí nghi dung đoan nghiêm liền sinh dục tâm chạy đến ôm chân Phạm chí.

Phạm chí hỏi nữ nhân:

– Chị tìm cầu gì?

Nữ nhân đáp:

– Tôi cầu Phạm chí.

Phạm chí nói:

– Tôi chẳng hành dục.

Nữ nhân nói:

– Nếu không theo ý tôi nay tôi sẽ chết.

Phạm chí Thọ Đề suy nghĩ: "Sự này chẳng phải pháp của tôi cũng chẳng phải thời của tôi. Tôi đã bốn mươi hai ức năm tu tịnh phạm hạnh nay sao lại hủy hoại". Phạm chí cố gắng giằng co rồi rời đi được bảy bước. Đi được bảy bước rồi sinh lòng xót thương suy nghĩ như vầy: "Tôi dù phạm giới bị đọa ác đạo, tôi có thể chịu được khổ địa ngục, nay tôi chẳng nỡ thấy nữ nhân này thọ khổ não, chớ để nàng vì tôi mà chết".

Này Trí Thắng! Bấy giờ Phạm chí suy nghĩ như vậy rồi, liền trở lại lấy tay phải nắm lấy nữ nhân, nói:

– Chị dậy đi, tùy ý chị muốn.

Sau mười hai năm cùng nữ nhân ấy làm chồng vợ, Phạm chí Thọ Đề lại xuất gia, tức thì lại có đủ bốn Vô lượng tâm, mạng chung sinh trong cõi trời Phạm thiên.

Này Trí Thắng! Ông chớ có nghi. Thuở ấy Phạm chí Thọ Đề tức là thân ta, nữ nhân kia tức là Cù-di hiện nay.

Này Trí Thắng! Thuở ấy vì lòng dục của nữ nhân kia mà ta tạm khởi tâm đại Bi liền được siêu việt khổ sinh tử trăm vạn kiếp.

Này Trí Thắng! Ông xem các chúng sinh khác do vì ái dục mà đọa địa ngục, còn Bồ-tát hành phương tiện do đó mà sinh Phạm thiên. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Phật lại bảo Trí Thắng Bồ-tát:

– Này Trí Thắng! Nếu Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên… hành phương tiện thì chẳng khiến Cù-già-ly phải đọa địa ngục.

Này Trí Thắng! Ta nhớ thuở quá khứ thời kỳ Phật Câu-lưu-tôn có một Tỳ-kheo tên Vô Cấu ở tu trong hang động nơi khu rừng vắng. Gần hang ấy có năm Tiên nhân. Một hôm trời bỗng mưa to, có cô gái nghèo đi đường bị mưa lạnh và kinh sợ liền vào hang của Vô Cấu ẩn núp, tạnh mưa rồi Tỳ-kheo Vô Cấu cùng cô gái cùng ra khỏi hang. Năm Tiên nhân thấy bảo nhau:

– Tỳ-kheo Vô Cấu lòng gian siểm làm hạnh bất tịnh.

Biết vậy, Tỳ-kheo Vô Cấu liền vọt thân lên hư không cao bảy cây Đa-la. Năm Tiên nhân thấy thế lại bảo nhau:

– Chúng ta được thấy kinh luận có ghi rằng nếu người làm hạnh bất tịnh thì không thể bay lên hư không như vậy, còn người tu tịnh hạnh thì bay được như vậy. Năm Tiên nhân liền hướng Tỳ-kheo Vô Cấu, năm vóc gieo xuống đất chắp tay phát lồ sám hối, không dám che giấu.

Này Trí Thắng! Nếu lúc ấy Tỳ-kheo Vô Cấu không phương tiện bay lên hư không thì năm Tiên nhân ấy sẽ bị đọa địa ngục.

Thuở ấy Tỳ-kheo Vô Cấu tức là Bồ-tát Di-lặc.

Này Trí Thắng! Nếu các ông Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên phương tiện bay lên hư không thì Tỳ-kheo Cù-già-ly chẳng đọa địa ngục. Nay ông nên biết những phương tiện được thực hành của Đại Bồ-tát, các hàng Thanh văn và Duyên giác không có.

Này Trí Thắng! Ví như dâm nữ giỏi biết sáu mươi bốn thái độ, vì tài bảo mà mị ngôn dụ người, dối nói xả thân không tiếc, lúc đã được tài bảo rồi liền xua đuổi người đi chẳng có lòng ân hận.

Bồ-tát hành phương tiện có thể biết thực hành thích hợp tùy theo hoàn cảnh đối với các phương tiện để giáo hóa tất cả chúng sinh như vậy, tùy theo những ước muốn của họ mà hiện thân, đối với các vật dùng không hề ham tiếc, cho đến xả thân vì chúng sinh, ưa thích thiện căn chẳng cầu quả báo, khi biết chúng sinh đã làm căn lành, lòng không thoái chuyển rồi liền xả ly, nơi năm dục được hiện lên, không hề luyến tiếc.

Này Trí Thắng! Như trong loài súc sinh, con ong đen kia lấy phấn mật trong các bông hoa mà không có ý tưởng cư trụ trong hoa, không luyến ái hoa, chẳng mang hoa đi.

Vì giáo hóa chúng sinh, nên Bồ-tát hành phương tiện ở nơi năm dục, thấy pháp vô thường, chẳng tưởng là thường mà sinh ái nhiễm, lại chẳng hại mình, cũng chẳng hại người.

Này Trí Thắng! Ví như hạt giống nhỏ, dù nảy mầm nhưng bản chất không kém tổn, chẳng sinh vật gì khác. Cũng vậy, chủng tử trí tuệ không, vô tướng, vô tác, vô ngã, Bồ-tát dù hiện phiền não vui thú trong năm dục lạc, mà chẳng sinh mầm ba ác đạo, chẳng tổn bản chất căn lành, cũng chẳng thoái chuyển.

Này Trí Thắng! Ví như ngư ông, dùng vật thực trét lưới ném xuống vực sâu, lúc thỏa mãn chỗ mong cầu thì kéo lưới lên. Cũng vậy, Bồ-tát hành phương tiện, dùng Không, Vô tướng, Vô tác, vô ngã trí tuệ huân tu tâm mình, kết thành mạng lưới, tâm Nhất thiết trí dùng làm vật thực trét, dù ném vào vực sâu bùn lầy năm dục, lúc thỏa bản nguyện liền kéo lên khỏi Dục giới, sau khi mạng chung sinh trời Phạm thế.

Này Trí Thắng! Ví như có người giỏi biết chú thuật, bị quan bắt gông cùm xiềng xích trói nhốt, người ấy dùng sức chú thuật làm đứt rã gông xiềng tùy ý mà đi. Cũng vậy, Đại Bồ-tát hành phương tiện dù ở trong năm dục cùng nhau vui thú, vì hóa độ chúng sinh như chỗ mong cầu, mà dùng sức chú thuật Nhất thiết trí làm đứt rã năm dục, sinh trời Phạm thế.

Này Trí Thắng! Ví như sĩ phu giỏi biết chiến pháp, giấu kín một con dao bén hộ tống người du hành. Trong chúng ấy không ai biết sĩ phu có mưu lạ nên coi thường và xót thương không có lòng kính trọng, họ bảo nhau rằng:

– Sĩ phu này đã không khí giới lại không bạn đảng, chẳng phải dũng sĩ, lại không thế lực tự thân còn không tự giải cứu thì làm sao bảo vệ người khác, hoặc đánh đuổi giặc cướp, tất sẽ bị khốn ách. Sĩ phu ấy đi đến khu đầm hoang vắng giặc cướp ào ra, sĩ phu ấy liền rút dao bén được giấu kín ra vung lên, giặc cướp đều tán mạng. Phá tan giặc cướp xong, sĩ phu ấy lại

giấu kín dao bén. Cũng vậy, Đại Bồ-tát hành phương tiện, giấu dao trí tuệ mà dùng phương tiện ở trong năm dục cùng nhau vui thú để hóa độ chúng sinh. Hàng Thanh văn thấy vậy sinh lòng khinh rẻ, hoặc lòng xót thương, cho là người phóng dật và bảo rằng: Người như vậy còn chưa tự độ, huống là cứu vớt tất cả chúng sinh, không thể phá hoại bốn ma. Bồ-tát ấy khéo dùng dao phương tiện trí tuệ, lúc đã thỏa mãn sở nguyện, liền chặt đứt phiền não, khiến dứt hết, rồi mang dao trí tuệ sang tịnh độ nơi không có nữ nhân và không có một niệm tưởng tham dục.

Bấy giờ có một Bồ-tát tên Ái Tác vào thành Xá-vệ tuần tự khất thực, đi lần đến nhà một trưởng giả. Con gái trưởng giả tên Đức Tăng ở trên lầu cao nghe tiếng Bồ-tát, liền mang vật thực ra khỏi nhà, thấy hình dung tướng hảo và thanh âm của Bồ-tát, lòng dục nổi dậy, bị dục niệm bức thiêu nên nàng ấy liền chết, từng đốt xương rời ra.

Bồ-tát Ái Tác thấy nàng ấy cũng khởi ác niệm dâm dục, Bồ-tát liền tự suy nghĩ rằng: "Những thứ ấy là gì mà ái trước? Cặp mắt đó ư, gì là mắt, tính chất của con mắt ấy chẳng phải có biết, chỉ là cục thịt, nó chẳng yêu, chẳng biết, chẳng suy, chẳng hiểu, không phân biệt gì, tánh nó vốn không. Như mắt, cả tai mũi lưỡi thân và ý cũng vậy, da mỏng da dày, máu thịt, mỡ, gân, tóc, lông, móng, răng, xương, tủy, gân mạch, quan sát từ chân đến đầu như vậy rồi, hoặc trong hay ngoài không có một pháp gì đáng để ưa thích được hoặc sân hay si được". Đối với tất cả pháp, Bồ-tát quan sát như thật, liền lìa tâm ái dục được Vô sinh nhẫn. Được Vô sinh nhẫn rồi lòng rất vui mừng hớn hở vô lượng, liền bay lên hư không, cao bằng một cây Đa-la, bay nhiễu thành Xá-vệ bảy vòng.

Lúc ấy Đức Thế Tôn thấy Bồ-tát Ái Tác bay trên hư không vô ngại như ngỗng chúa. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Này A-nan! Ông có thấy Bồ-tát Ái Tác bay trên hư không vô ngại như ngỗng chúa chăng?

Tôn giả bạch:

– Vâng, bạch Thế Tôn! Con đã thấy.

Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Bồ-tát Ái Tác ấy do vì khởi tâm dâm dục liền suy xét các pháp, phá được chúng ma và sẽ chuyển pháp luân.

Còn nàng Đức Tăng sau khi chết sinh lên cung trời Đao-lợi, chuyển thân nữ thành thân nam, ở cung điện bằng bảy báu, tự nhiên ngang rộng mười hai do-tuần có một vạn bốn ngàn Thiên nữ thị vệ.

Thiên tử Đức Tăng ấy có trí túc mạng suy xét do nghiệp gì ở đời trước

mà nay được sinh nơi đây? Liền thấy thân trước làm con gái nhà trưởng giả trong thành Xá-vệ thấy Bồ-tát Ái Tác sinh lòng dâm dục, vì lòng dục bốc lên nên chết được chuyển thân nữ sinh làm Thiên tử này. Tôi do sự việc ấy mà được vô lượng thần lực.

Thiên tử Đức Tăng lại suy nghĩ rằng: "Nhân khởi tâm dâm dục mà được báo như vầy, nay đối với Bồ-tát Ái Tác, tâm tôi rất thanh tịnh, cung kính cúng dường, nay nếu tôi còn có lòng ưa thích năm dục, thì chẳng phải sự thích nghi của tôi. Tôi nên đến chỗ Đức Như Lai và muốn lễ kính cúng dường Bồ-tát Ái Tác".

Lúc ấy, Thiên tử Đức Tăng cùng quyến thuộc, cầm hoa hương và các thứ hương thoa, hương bột của cõi trời, đầu hôm đến chỗ Đức Phật, tự dùng ánh sáng của mình chiếu khắp tinh xá Kỳ hoàn vào lễ chân Phật, Bồ-tát Ái Tác và đại chúng, rồi rải hoa hương cúng dường, đi quanh ba vòng rồi chắp tay hướng Phật mà nói kệ rằng:

Đấng Thiên Nhân Sư
Chẳng thể nghĩ bàn
Công hạnh Bồ-tát
Cũng chẳng nghĩ bàn.
Giáo pháp Như Lai
Chẳng thể nghĩ bàn,
Đấng Đại Danh Xưng
Cũng chẳng nghĩ bàn.
Xưa tại Xá-vệ
Tôi làm đồng nữ
Con nhà trưởng giả
Tên là Đức Tăng.
Tuổi còn thơ bé
Tướng mạo đoan chánh
Cha mẹ cưng yêu
Nuôi nấng giữ gìn.
Đức Phật Thế Tôn
Không có khinh đùa.
Phật tử Ái Tác
Có oai đức lớn
Vào thành Xá-vệ
Tuần tự khất thực
Lần đến trước nhà
Của chúng tôi ở.

Lúc ấy tôi nghe
Âm thanh hay tốt
Lòng rất vui mừng
Liền mang cơm ra
Hướng đến trước mặt
Người tu đại tâm.
Bồ-tát Ái Tác
Con của Như Lai.
Lúc thấy Bồ-tát
Tôi đã để tâm
Nhìn xem tướng đẹp
Sinh lòng dục nhiễm
Nếu tôi chẳng được
Toại lòng sở nguyện
Chắc sẽ tức thời
Thân mạng chết mất.
Tôi lúc bấy giờ
Miệng chẳng thể nói
Tay cầm vật thực
Chẳng thể trao cho
Trong lòng nóng đốt
Phát tưởng dâm dục,
Thân bị nóng bức
Dứt hơi liền chết.
Sau khi mạng chung
Trong khoảng một niệm
Liền được sinh lên
Cung trời Đao-lợi
Lìa khỏi thân nữ
Tối ư hạ liệt
Được thành Thiên tử.
Mọi người ngợi khen
Cung điện thắng diệu
Tự nhiên xuất hiện
Đủ các thứ báu
Vi diệu hy hữu
Có đủ một vạn
Bốn ngàn Thiên nữ

Quyến thuộc như vậy
Của tôi sở hữu.
Do duyên cớ ấy
Tôi suy đời trước
Mà tự tư duy
Liền biết nghiệp xưa
Do phát lòng dục
Được báo như vầy
Tôi dùng tâm dục
Nhìn ngó Ái Tác.
Do thấy Bồ-tát
Được hỷ ánh sáng
Thân tôi phát sinh
Ngọn lửa ánh sáng
Do nghiệp duyên ấy
Được báo trời này
Tôi trọn chẳng muốn
Cầu nơi Nhị thừa
Chỗ tôi nguyện cầu
Chỉ có Phật biết.
Nhiễm tâm dâm dục
Được báo còn vậy
Huống là có thể
Tâm tốt cúng dường.
Như tôi hôm nay
Hướng về Thế Tôn
Phát nguyện như vầy
Cầu Nhất thiết trí
Dù phải tu hành
Số kiếp hằng sa
Trọn chẳng thoái chuyển.
Nơi trí tuệ Phật
Gặp Thiện tri thức
Bồ-tát Ái Tác.
Nay tôi sẽ dùng
Chân pháp cúng dường
Những cúng dường khác
Chẳng phải cúng dường.

Chỉ phát Bồ-đề
Là chân cúng dường,
Tu hạnh Bồ-đề
Tối thắng tối tôn,
Chẳng còn lòng dục
Nhìn ngó nữ nhân
Tôi nguyện như vậy
Rời lìa thân nữ
Hướng chư Phật nói
Bốn Vô sở úy.
Cha mẹ Đức Tăng
Tìm thấy con gái
Thân hình tiều tụy
Buồn khổ kêu khóc
Cha mẹ gọi con
Nơi chỗ Tỳ-kheo
Than trách khóc la
Liền mắng Tỳ-kheo
Phật dùng thần lực
Khiến Thiên tử kia
Đến chỗ cha mẹ
Khuyên can chớ mắng
Vị Tỳ-kheo ấy
Chớ sinh lòng giận
Đêm dài tối tăm
Thọ các khổ não
Nàng Đức Tăng kia
Sau khi mạng chung
Liền được sinh lên
Cung trời Đao-lợi
Xa lìa thân nữ
Được thành thân nam
Làm thân Thiên tử
Ánh sáng chói lọi
Nay cha mẹ đến
Chỗ Đức Như Lai
Chư Phật Thế Tôn
Không còn người nào

Đáng kính quy y
Dùng tâm vô úy
Khuyên can cha mẹ
Được nghe danh Phật
Cùng đến cúng dường
Trước Phật Thích-ca
Mâu-ni Thế Tôn
Đến trước Phật rồi
Cung kính đảnh lễ
Bậc Lưỡng Túc Tôn
Nay xin sám hối
Tội lỗi trước kia
Cúi đầu quy mạng
Đầu mặt kính lễ.
Bạch Đức Thế Tôn
Xin Ngài chỉ dạy
Thế nào cúng dường
Cúng Phật, Pháp, Tăng?
Thế nào tu tập
Hành trì hạnh lành?
Nguyện Phật thương xót
Chỉ dạy cho con.
Nếu nghe lời dạy
Nguyện gắn tu trì
Phật biết như vậy
Tâm ý của người
Là Thầy Trời Người
Nên dạy như vậy.
Nếu muốn cúng dường
Chư Phật Thế Tôn
Chuyên lòng kiên cố
Phát tâm Bồ-đề.
Cha mẹ nàng ấy
Cùng hàng quyến thuộc
Đầy đủ vô số
Cả thảy năm trăm,
Nghe lời Phật dạy
Đều cùng nhất tâm

Phát Đại Bồ-đề
Lập lời thề nguyện.
Bấy giờ Đức Phật
Bảo ngài A-nan
Nay ông lắng nghe
Những lời ta nói,
Công hạnh Bồ-tát
Chẳng thể nghĩ bàn
Trí tuệ cao tột
Đầy đủ phương tiện.
Bồ-tát Ái Tác
Thường phát lời nguyện
Nữ nhân thấy tôi
Nếu khởi lòng dục
Liền lìa khỏi thân
Đối với thân nữ
Biến thành thân nam
Vì người tôn kính
Quán thân La-hán
Oai đức như vậy.
Nếu phạm phi pháp
Bị đọa ác đạo
Hành Đại sĩ đó
Phá hoại chúng ma
Khiến kia sinh Thiên
Được làm trời, người.
Nay Thiên tử ấy
Lại cúng dường ta
Phát lòng cung kính
Chánh hướng Bồ-đề
Cúng dường như thế
Vô lượng Thế Tôn
Như Lai thành Phật
Hiệu là Thiện Giác
Cùng năm trăm người
Hướng đến Bồ-đề
Cũng sẽ thành Phật
Là Thầy Trời Người

Phật có oai đức
Chẳng phải nữ nhân
Chẳng hai, chẳng ba
Vô lượng trăm ngàn
Na-do-tha ức
Thấy Ái Tác kia
Khởi tâm dâm dục
Sau khi mạng chung
Biến thành nam tử.
Đại Dược y vương
Tên gọi như thế
Chính là Bồ-tát
Tuy không tôn kính
Hay khiến tâm dục
Còn được hỷ lạc
Huống là Bồ-tát
Hết lòng cung kính.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 107

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Cư sĩ Trúc-nan-đề, người xứ Thiên Trúc.

PHÁP HỘI 38: ĐẠI THỪA PHƯƠNG TIỆN (PHẦN 2)

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Ví như núi Tu-di, nếu các vật tạp sắc đến bên núi thì đồng một sắc vàng ròng. Nếu có chúng sinh đến bên Bồ-tát, hoặc tâm dục tâm sân hoặc tịnh tâm, tất cả đều đồng một tâm Nhất thiết trí. Từ nay với các Bồ-tát, con sinh lòng tôn trọng, xem như núi Tu-di vậy.

Bạch Thế Tôn! Ví như thuốc Dược vương tên là Tất kiến. Người sân tâm, người tịnh tâm nếu uống thuốc ấy đều được lành cả, thuốc ấy hay trừ tất cả độc. Cũng vậy, người sân tâm, người tịnh tâm đến chỗ Bồ-tát đều có thể được trừ sạch tất cả bệnh tham, sân, si.

Đức Thế Tôn khen:

– Lành thay, lành thay! Này A-nan! Đúng như lời ông nói!

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bạch:

– Bạch Thế Tôn! Thật chưa từng có, bậc Đại Bồ-tát tối tôn đệ nhất, nếu các Đại Bồ-tát tu tập thiền định, tu thiền định xong trở vào Dục giới giáo hóa chúng sinh. Dù Bồ-tát thực hành không, vô tướng, vô tác, dùng đó để giáo hóa chúng sinh khiến họ thành Thanh văn, Duyên giác, mà do đại Từ bi nên tự mình trọn chẳng rời Nhất thiết trí tâm. Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát hành phương tiện chẳng thể nghĩ bàn, dù thọ, sắc, thanh, hương, vị, xúc mà không ái trước trong ấy. Nay con dùng lạc thuyết biện tài nói chút phần công đức của Bồ-tát.

– Bạch Thế Tôn! Ví như chầm hoang đói rộng lớn, có tường cao đến cõi Vô sắc, chỉ có một cửa ngõ, trong chầm ấy có nhiều chúng sinh. Cách chầm chẳng xa, có một thành lớn giàu có vui sướng tịnh diệu trang nghiêm, nếu có ai vào trong thành ấy thì sẽ không còn già, bệnh, chết. Con đường từ chầm hoang vào thành ngay thẳng chỉ rộng một thước. Chúng nhân trong

chầm có một người trí thông thái bỗng khởi tâm đại Từ bi, muốn lợi ích an lạc tất cả chúng sinh, liền ở giữa chầm to tiếng xướng rằng: Mọi người nên biết! Cách đây không xa có một thành lớn, giàu vui an ổn, các hàng trời, người ở trong thành ấy, nếu ai được vào trong thành, thì sẽ không còn già, bệnh, chết và cũng hay nói pháp lìa già, bệnh, chết. Mọi người nên cùng đi đến thành ấy, tôi sẽ là người dẫn đường.

Trong chầm hoang ấy, có những chúng sinh hạ liệt sinh lòng hy vọng, muốn được tìm hiểu, họ nói rằng:

– Nếu có thể khiến tôi ở trong chầm này tôi sẽ chấp nhận lời khuyến giáo, còn muốn khiến tôi ra khỏi chầm này thời tôi chẳng chấp nhận.

Có những chúng sinh hạng thượng nói:

– Tôi sẽ cùng ngài đến thành ấy. Có những chúng sinh bạc phước nghe lời xướng trên chẳng tin nên chẳng theo người trí.

Bạch Thế Tôn! Bấy giờ người trí ra khỏi tường chầm, trông bốn phía thấy chỉ có một con đường thẳng rộng một thước, quá nhỏ hẹp, hai bên là hố lớn sâu trăm ngàn thước. Người trí dùng ván be hai bên đường, người đi phải bò mà tiến chẳng ngó hai bên, kẻ oán tặc khủng bố phía sau, người bò đi cũng chẳng ngoái nhìn lại, lòng họ kiên định dũng mãnh chẳng còn sợ hãi, lần lần qua được đường hẹp, thấy thành lớn. Đã thấy thành rồi, không còn lo sợ, liền đi vào thành. Sau khi vào thành rồi không còn già, bệnh, chết, cũng làm lợi ích lớn cho vô lượng chúng sinh, vì họ mà nói pháp lìa già, bệnh, chết.

Bạch Thế Tôn! Chầm lớn hoang đói ấy là sinh tử. Tường cao lớn đến cõi Vô sắc ấy là vô minh hữu ái. Nhiều chúng sinh ở trong chầm ấy là tất cả phàm phu sinh tử. Đường thẳng hẹp dẫn đến thành chỉ rộng một thước ấy là nhất chi đạo. Người trí trong chầm ấy là Đại Bồ-tát. Chúng sinh hạ liệt, hy vọng muốn biết nhưng ở yên bất động, ấy là Thanh văn, Duyên giác. Những chúng sinh hạng thượng nói sẽ cùng đi đến đại thành ấy là các Bồ-tát khác. Những chúng sinh bạc phước chẳng tin ấy là tất cả ngoại đạo tà kiến và các đệ tử của họ vậy. Ra khỏi chầm hoang ấy là siêng tu tâm Nhất thiết trí. Đường chật hẹp một xích ấy là môn pháp tánh. Hai bên đường có hố lớn sâu trăm ngàn thước, ấy là Nhị thừa Thanh văn và Duyên giác. Lấy ván be hai bên đường hẹp ấy là trí tuệ phương tiện vậy. Bò mà đi tới ấy là Bồ-tát dùng bốn Nhiếp pháp nhiếp lấy chúng sinh. Phía sau có oán tặc theo khủng bố ấy là ma và ma dân, chúng sinh khởi sáu mươi hai kiến chấp và kẻ khinh báng Bồ-tát. Chẳng ngoái ngó lại phía sau ấy là Nhẫn nhục ba-la-mật-đa, chuyên tâm trọn vẹn. Chẳng nhìn hai bên ấy là chẳng

khen Nhị thừa. Thành lớn ấy là tâm Nhất thiết trí. Lần lần qua khỏi thấy thành lớn lòng không bố úy ấy là Bồ-tát thấy Phật và những gì Phật làm, nhất tâm kính ngưỡng trí tuệ oai đức của Phật, khéo học Bát-nhã ba-la-mật-đa phương tiện, lần lần tùy nghi gần gũi tất cả chúng sinh không có nghi nan. Vào trong thành rồi không già, bệnh, chết ấy là Bồ-tát lợi ích vô lượng chúng sinh lìa già, bệnh, chết. Người thuyết pháp ấy là Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác.

Bạch Thế Tôn! Nay tôi kính lễ tất cả Bồ-tát.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói lời này rồi, có mười ngàn trời, người phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Đức Thế Tôn khen:

– Lành thay, lành thay! Này Ma-ha Ca-diếp! Ông hay khuyến phát các Đại Bồ-tát, ông hay thành tựu vô lượng công đức.

Nếu là việc làm hay tự hại và hại người thì Đại Bồ-tát trọn chẳng làm. Hoặc lời nói có thể tự hại mình hại người, Đại Bồ-tát cũng hoàn toàn chẳng nói.

Bấy giờ Bồ-tát Đức Tăng bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nếu là việc làm hay lời nói có thể tự hại mình hại người, tất cả Bồ-tát đều trọn chẳng làm, thì tại sao xưa kia, thời Đức Phật Ca-diếp, Đức Thế Tôn còn làm Bồ-tát Đại thừa một đời làm đại Phạm chí tên Thọ Đề nói:

– Đạo Bồ-đề rất là khó được, đâu có kẻ ô trược mà làm nên việc ấy, tôi chẳng muốn thấy.

Bạch Thế Tôn! Thuở xưa Phạm chí Thọ Đề nói như vậy là có nghĩa gì?

Đức Phật dạy:

– Này Đức Tăng! Đối với Như Lai và Bồ-tát ông chớ nên nghi ngờ. Vì Phật và Bồ-tát thành tựu phương tiện chẳng thể nghĩ bàn. Phật và Bồ-tát an trụ các thứ phương tiện giáo hóa chúng sinh.

Này Đức Tăng! Ông nên lắng nghe khéo suy nghĩ, có kinh tên Phương Tiện Ba-la-mật-đa, ta sẽ nói cho ông. Bồ-tát từ thuở Phật Nhiên Đăng đến nay lần lần học phương tiện, nay cũng sẽ vì ông mà khai thị phân biệt một phần nhỏ.

Này Đức Tăng! Lúc Đại Bồ-tát thấy Phật Nhiên Đăng liền được Vô sinh pháp nhẫn, từ đó đến nay không có sai lầm chơi cười mất chánh niệm, cũng không có tâm bất định, trí tuệ chẳng tổn giảm.

Này Đức Tăng! Đại Bồ-tát như bản nguyện của mình được Vô sinh nhẫn, sau bảy ngày thì có thể được thành Vô thượng Bồ-đề, nếu muốn trăm kiếp cũng có thể được thành. Vì chúng sinh mà Đại Bồ-tát thọ tất cả thân, tùy ở chỗ nào, mà dùng năng lực trí tuệ và tùy theo sự mong cầu đều được trọn sở nguyện, rồi sau mới thành Vô thượng Bồ-đề.

Này Đức Tăng! Đại Bồ-tát dùng sức phương tiện trong vô lượng kiếp ở các thế giới cũng không ưu sầu vì chẳng chán lìa. Đây gọi là Bồ-tát hành phương tiện.

Lại nữa, này Đức Tăng! Bao nhiêu thiền định nếu người Thanh văn nhập thân tâm bất động bèn tự cho là đã nhập Niết-bàn, còn Bồ-tát nhập thì thân tâm tinh tấn không có giải đãi, dùng bốn nhiếp pháp nhiếp lấy chúng sinh, do đại Bi nên dùng sáu pháp Ba-la-mật-đa giáo hóa chúng sinh. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Lại nữa, này Đức Tăng! Như bản nguyện mình, Bồ-tát ở cung trời Đâu-suất mà có thể được Vô thượng Bồ-đề chuyển đại pháp luân, chẳng phải là không được. Nhưng Bồ-tát ở cung trời Đâu-suất suy nghĩ rằng: "Người Diêm-phù-đề không thể lên Thiên cung để nghe lãnh giáo pháp, còn chư Thiên Đâu-suất có thể xuống Diêm-phù-đề nghe pháp". Do đây Đại Bồ-tát rời cung trời Đâu-suất mà ở Diêm-phù-đề thành Phật. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Lại nữa, này Đức Tăng! Như bản nguyện của mình, Đại Bồ-tát từ Đâu-suất xuống cõi Diêm-phù-đề chẳng vào thai mẹ cũng có thể thành Phật. Nhưng nếu không vào thai mẹ sẽ có các chúng sinh nghi rằng: Bồ-tát này từ đâu đến là Trời, là Rồng, là Quỷ Thần, là Càn-thát-bà hay biến hóa ra? Nếu họ nghi ngờ thì họ chẳng thể nghe lãnh giáo pháp, chẳng thể tu hành để dứt phiền não. Thế nên Đại Bồ-tát chẳng phải chẳng vào thai mẹ mà thành Phật. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Đức Tăng! Chớ nghĩ rằng Bồ-tát thực ở thai mẹ. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát thực chẳng ở thai mẹ. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát nhập vô cấu định, chẳng xuất định ấy mà rời Đâu-suất thiên xuống Diêm-phù-đề, cho đến ngồi cội Bồ-đề. Chư Thiên Đâu-suất cho rằng Bồ-tát đã mạng chung chẳng còn trở lại đây. Nhưng lúc ấy Bồ-tát ở Đâu-suất thiên tự bất động mà hiện vào thai, thọ năm dục, hoặc xuất gia và khổ hạnh. Tất cả chúng sinh cho đó là thực, nhưng với Bồ-tát đều là sự biến hóa cả. Bồ-tát biến hóa vào thai, thọ năm dục, hiện tự vui thú, xuất gia khổ hạnh, tất cả đều là Bồ-tát biến hóa làm ra. Vì sao? Vì Bồ-tát bấy giờ sở hành thanh tịnh chẳng còn nhập thai, vì từ lâu đã chán lìa. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Đức Tăng! Do duyên cớ gì mà hiện thân tợ voi trắng sáu ngà vào thai mẹ?

Này Đức Tăng! Trong tam thiên đại thiên thế giới này, Bồ-tát tối tôn nhất, vì đã thành tựu pháp bạch tịnh nên hiện tợ bạch tượng vương vào thai mẹ, không có Trời, Rồng, Quỷ Thần nào làm như vậy mà nhập thai mẹ. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Đức Tăng! Do duyên cớ gì mà Bồ-tát ở thai mẹ đủ mười tháng rồi sau mới xuất thai? Vì có các chúng sinh hoặc cho rằng chẳng đủ mười tháng thì thân đồng tử chẳng đầy đủ. Vì thế nên Bồ-tát hiện ở trong thai đủ mười tháng, từ lúc mới vào đến mãn mười tháng, thời gian giữa ấy thường có chư Thiên đến bên mẹ lễ kính đi vòng quanh, bấy giờ chư Thiên thấy thân Bồ-tát ở lầu cao bảy báu trang nghiêm hơn cả cung trời. Thấy cảnh tốt ấy, có hai vạn bốn ngàn Thiên tử phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Đức Tăng! Do duyên cớ gì mà Bồ-tát từ hông bên phải của mẹ mà nhập thai? Hoặc có chúng sinh nghi rằng Bồ-tát do tinh huyết cha mẹ mà sinh. Vì dứt sự nghi ấy và hiện hóa sinh nên từ hông bên phải mà vào. Đã từ hông mẹ vào rồi không có vết vào và Ma Gia Phu Nhân thân tâm khoái lạc từ trước chưa từng có. Đây gọi là Bồ-tát hành phương tiện.

Này Đức Tăng! Do duyên cớ gì mà Bồ-tát khi sinh ra ở tại vườn vắng vẻ chớ chẳng sinh tại trong nhà và trong thành? Từ trước đến giờ Bồ-tát thường ưa thích chỗ vắng vẻ và tán thán chỗ vắng vẻ, tán thán chỗ núi rừng nhàn tĩnh và hành pháp tịch diệt. Nếu Bồ-tát sinh tại trong nhà thì Trời, Rồng, Quỷ Thần, Càn-thát-bà chẳng mang hoa hương kỹ nhạc đến cúng dường. Nhân dân thành Ca-tỳ-la-vệ hoang mê phóng dật tự cao chẳng có thể cúng dường Bồ-tát. Vì thế nên Bồ-tát sinh tại chỗ vắng vẻ mà chẳng ở nhà và trong thành. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Đức Tăng! Do duyên cớ gì mà mẹ Bồ-tát ngước vịn cành cây Vô-ưu mà sinh Bồ-tát? Hoặc có chúng sinh nghi lúc sinh Bồ-tát, phu nhân Ma-gia cũng đau đớn khổ não như các nữ nhân khác, nên thị hiện thọ khoái lạc lúc sinh Bồ-tát, vì thế mà phu nhân Ma-gia ngước vịn cành cây Vô-ưu mà sinh Bồ-tát. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Đức Tăng! Do duyên cớ gì mà lúc sinh, Bồ-tát từ hông bên phải của mẹ chánh niệm xuất hiện mà chẳng từ thân phần khác? Trong tam thiên đại thiên thế giới, Bồ-tát tối tôn tối thắng, chẳng nhân nữ căn trụ, chẳng nhân nữ căn xuất. Đây là Nhất sinh bổ xứ Bồ-tát thị hiện như vậy, chẳng phải các người phạm hạnh khác. Vì thế mà Bồ-tát từ hông

bên phải xuất hiện, khi ra rồi, không còn dấu vết, trước sau như vậy. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Đức Tăng! Do duyên cớ gì mà Bồ-tát lúc sơ sinh được vị trời Thích Đề-hoàn Nhân dùng y báu hứng lấy mà chẳng phải trời, người khác? Thích Đề-hoàn Nhân khi xưa phát nguyện này: Bồ-tát lúc sơ sinh tôi sẽ dùng y báu hứng lấy". Do Bồ-tát thiện căn vi diệu làm tăng lợi ích chư Thiên, tin kính cúng dường. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Đức Tăng! Do duyên cớ gì lúc vừa sinh ra Bồ-tát đi bảy bước mà chẳng sáu chẳng tám? Quyết định Bồ-tát có đại thần lực, siêng năng tinh tấn và tướng đại trượng phu, muốn thị hiện cho chúng sinh mà người khác chẳng thị hiện được như vậy. Nếu do bảy bước lợi ích chúng sinh thì Bồ-tát đi sáu bước, nếu do tám bước lợi ích chúng sinh thì Bồ-tát đi bảy bước. Vì thế nên không ai đỡ dắt Bồ-tát tự đi bảy bước chẳng phải sáu chẳng phải tám. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Đức Tăng! Do duyên cớ gì Bồ-tát đi bảy bước rồi xướng lời như vầy: "Ở trong thế giới, ta tối tôn tối thắng lìa già, bệnh, chết". Lúc bấy giờ trong chúng hàng Đế Thích, Phạm vương, chư Thiên và chư Thiên tử có lòng kiêu mạn tự cho mình là tôn quý nhất trong thế giới, rồi họ cao ngạo không lòng cung kính. Bồ-tát nghĩ rằng các Thiên tử này có tâm kiêu mạn, do kiêu mạn họ sẽ mãi mãi chịu khổ đọa ba ác đạo. Vì thế nên Bồ-tát phát lời nói trên: "Trong thế giới, ta tối tôn tối thắng, lìa già, bệnh, chết". Lúc Bồ-tát xướng như vậy, âm thanh vang khắp tam thiên đại thiên thế giới. Hoặc có chư Thiên, Bồ-tát chưa tập họp nghe tiếng xướng ấy đều vân tập đến. Lúc ấy chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc chắp tay cung kính hướng Bồ-tát mà hành lễ, đều bảo nhau: "Chưa từng có".

Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Đức Tăng! Do duyên cớ gì mà Bồ-tát đi bảy bước rồi cười lớn? Bồ-tát chẳng do ham muốn mà cười, chẳng do khinh mạn mà cười. Bấy giờ Bồ-tát suy nghĩ: "Các chúng sinh này trước kia có tham, sân, si và các phiền não nay cũng có như vậy. Trước kia ta đã khuyên họ phát tâm Bồ-đề, nay ta đã thành mà các chúng sinh ấy biếng lười nên vẫn ở trong sinh tử khổ não chưa dứt được phiền não. Các chúng sinh này xưa cùng ta đồng thời phát tâm Bồ-đề, nay ta đã thành Vô thượng Bồ-đề mà các chúng sinh này vì biếng lười nên còn ở trong sinh tử khổ não. Các chúng sinh hạ liệt này vì lợi dưỡng mà chẳng siêng tu tinh tấn cầu Nhất thiết trí. Các chúng sinh này nay còn cung kính lễ bái cúng dường ta. Thuở ấy ta sinh tâm đại Bi nay

ta đã mãn sở nguyện". Do duyên cớ này mà Bồ-tát cười lớn. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Đức Tăng! Do duyên cớ gì mà lúc sơ sinh thân thể Bồ-tát sạch sẽ không cấu uế, mà Đế Thích và Phạm vương còn tắm rửa Bồ-tát? Vì muốn cho Đế Thích, Phạm vương và chư Thiên dâng cúng dường và cũng do thế pháp anh nhi sơ sinh phải tắm rửa nên dù thân sạch sẽ không dơ mà Bồ-tát khiến Thích, Phạm tắm rửa. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Đức Tăng! Do duyên cớ gì mà lúc ở chỗ không nhàn, Bồ-tát chẳng liền đến đạo tràng mà trở lại vào cung? Vì Bồ-tát muốn các căn đầy đủ nên hiện ở cung điện tự vui năm dục rồi sau đó bỏ thiên hạ mà đi xuất gia. Lại muốn khuyến hóa người rời bỏ năm dục cạo râu tóc mặc pháp phục xuất gia nên thị hiện trở về cung điện mà chẳng ở chỗ không nhàn liền đến đạo tràng. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Đức Tăng! Do duyên cớ gì mà Bồ-tát vừa sinh được bảy ngày, phu nhân Ma-gia mạng chung? Đây là thọ mạng của phu nhân hết chẳng phải lỗi nơi Bồ-tát. Trước kia lúc ở cung trời Đâu-suất, Bồ-tát dùng Thiên nhãn thấy phu nhân Ma-gia mạng căn mãn mười tháng rồi còn lại bảy ngày, Bồ-tát bèn rời cung trời Đâu-suất. Bồ-tát dùng phương tiện biết mạng căn phu nhân sắp hết nên đến hạ sinh, chẳng phải lỗi Bồ-tát. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Đức Tăng! Do duyên cớ gì mà Bồ-tát học các kỹ nghệ sách luận, bắn cung, cỡi ngựa hành quân mưu lược? Vì học thế pháp vậy. Trong tam thiên đại thiên thế giới không một sự việc gì mà Bồ-tát chẳng biết. Hoặc thi kệ, hoặc từ biện, ứng biện, hoặc chú thuật, hoặc hý tiếu, hoặc ca vũ đánh nhạc, hoặc công xảo, lúc sinh ra Bồ-tát đã biết giỏi tất cả. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Đức Tăng! Do duyên cớ gì mà Bồ-tát nạp vương phi thể nữ quyến thuộc? Bồ-tát chẳng vì lý do ái dục. Vì sao? Vì Bồ-tát là bậc trượng phu ly dục. Lúc ấy nếu chẳng thị hiện có vợ con, thì có chúng sinh sẽ bảo Bồ-tát chẳng phải nam tử trượng phu, nếu nghi như vậy thì chúng sinh sẽ mắc vô lượng tội. Vì muốn dứt sự nghi ấy nên cưới Thích chủng nữ thị hiện có La-hầu-la. Chớ cho rằng La-hầu-la là cha mẹ hòa hợp sinh ra. Chính La-hầu-la từ Thiên cung mạng chung xuống nhập thai chẳng phải do cha mẹ hòa hợp. Lại do vì La-hầu-la có bản nguyện làm con trai của Nhất sinh bổ xứ Bồ-tát. Còn nàng Cù-di thì thuở Phật Nhiên Đăng lúc trao bảy cành hoa sen cho Phạm chí có nguyện rằng:

– Từ đây về sau, cho đến Nhất sinh bổ xứ, Phạm chí này sẽ luôn là

chồng tôi, tôi là vợ của y.

Phạm chí nhận bảy cành hoa sen ấy rồi nói rằng:

– Dù tôi chẳng nhận mà nay nên thỏa mãn sở nguyện của thiện nữ này.

Nguyện như vậy rồi chẳng lìa thiện căn bảy hoa sen, vì thế nên Bồ-tát nạp nàng Cù-di làm vợ. Lại Nhất sinh Bồ-tát thành tựu thị hiện ở trong cung điện thể nữ. Lúc ấy Bồ-tát thành tựu diệu sắc, chư Thiên cúng dường, thành tựu xuất gia. Thích chủng nữ đều thấy các sự đầy đủ như vậy tâm nàng chuyên nhất lập nguyện phát Bồ-đề tâm, nguyện tôi có đủ các sự vi diệu như vậy. Vì khiến Cù-di phát tâm nguyện ấy mà Bồ-tát nạp nàng làm vợ. Lại còn có đại tâm chúng sinh cư gia thọ năm dục lạc cùng các quyến thuộc. Vì khiến họ xả năm dục xuất gia nên Bồ-tát thị hiện ở cung điện giàu sang thọ năm dục lạc rồi bỏ quyến thuộc đi xuất gia. Chúng sinh ấy thấy vậy nghĩ rằng: "Bồ-tát thọ năm dục tối diệu vô thượng mà còn có thể bỏ được đi xuất gia, huống là chúng ta mà chẳng đi xuất gia".

Lại nữa, vợ con quyến thuộc ấy vốn đều là lúc Bồ-tát hành đạo dùng thiện pháp hóa độ họ, mà họ cũng từng phát nguyện thường làm quyến thuộc của Bồ-tát cho đến Nhất sinh bổ xứ. Vì muốn tăng ích pháp bạch tịnh cho các người ấy nên Bồ-tát thị hiện cùng họ làm quyến thuộc. Lại nữa, vì muốn giáo hóa bốn vạn hai ngàn thể nữ cho họ phát tâm Bồ-đề và cũng làm cho nhiều kẻ khác chẳng đọa ác đạo mà Bồ-tát thị hiện ở cung điện với quyến thuộc. Lại nữa, tất cả nữ nhân đều bị lửa dục thiêu đốt, nếu họ thấy Bồ-tát liền lìa dâm dục. Lại nữa, Bồ-tát biến hóa nhiều thân nhan mạo như nhau. Các nữ nhân kia cùng vui với Hóa Bồ-tát mà đều tưởng là thực Bồ-tát. Lúc ấy Bồ-tát thường tại thiền định tu an lạc hạnh. Như Hóa Bồ-tát thọ năm dục không có tưởng dục, thực Bồ-tát cũng vậy từ thuở Phật Nhiên Đăng đến nhất sinh đã rời lìa dâm dục. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện Xa-nặc và Kiền-trắc bản nguyện cũng như vậy.

Này Đức Tăng! Do duyên cớ gì mà Bồ-tát ngồi dưới cội cây Diêm-phù-đề tư duy? Đó là vì muốn hóa độ bảy ức chư Thiên. Lại cũng muốn cha mẹ biết Bồ-tát tất định cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục xuất gia. Lại cũng muốn thị hiện tăng ích trí tuệ, bóng cây Diêm-phù-đề theo che mát là vì muốn cho thiện căn chúng sinh tăng ích. Do những cớ ấy mà Bồ-tát ngồi thiền tư duy dưới cây Diêm-phù-đề. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Đức Tăng! Do duyên cớ gì mà Bồ-tát chẳng thích năm dục

xuất thành dạo xem? Vì Bồ-tát muốn thị hiện thấy người già bệnh chết vậy. Vì khiến quyến thuộc biết Bồ-tát do sợ già bệnh chết mà xuất gia học đạo, chẳng phải vì cống cao tổn giảm quyến thuộc mà xuất gia, chính vì muốn lợi ích quyến thuộc mà Bồ-tát xuất gia, Bồ-tát thấy lỗi họa tại gia nên xuất gia. Nhưng Bồ-tát vì hiển bày nỗi khổ già bệnh chết của tất cả chúng sinh nên thị hiện chẳng ưa năm dục xuất thành dạo xem. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Đức Tăng! Do duyên cớ gì mà giữa đêm Bồ-tát vượt thành xuất gia? Vì muốn lợi ích thiện căn cho chúng sinh, Bồ-tát tùy ở chỗ nào đều tăng ích thiện căn cho chúng sinh. Cũng vì pháp bạch tịnh nên xa lìa năm dục chẳng bảo quyến thuộc mà đi xuất gia, rời lìa những hoan lạc mà trọn chẳng lìa pháp bạch tịnh, vì các lẽ trên đây mà Bồ-tát nữa đêm vượt thành xuất gia. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Đức Tăng! Do duyên cớ gì mà Bồ-tát dùng giấc ngủ trùm che cung nhân thể nữ rồi mới đi xuất gia? Vì muốn mọi người đổ lỗi xuất gia cho chư Thiên. Bồ-tát nghĩ rằng: "Sau khi ta đi xuất gia, trong hàng thân thuộc hoặc có người sinh lòng sân hận, họ sẽ gây tội đọa ác đạo nên muốn họ tưởng do chư Thiên khiến cung nhân thể nữ ngủ say rồi mở cửa thành dẫn đường bay trên không mà đi, do đây đối với Bồ-tát họ càng sinh lòng kính tin". Vì thế mà Bồ-tát thị hiện dùng giấc ngủ che trùm cung nhân thể nữ rồi đi xuất gia. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Đức Tăng! Do duyên cớ gì mà Bồ-tát sai Xa-nặc dắt ngựa trắng mang y báu anh lạc đưa về cung? Vì muốn quyến thuộc biết Bồ-tát chẳng tham tại gia danh y thượng phục và những châu ngọc anh lạc. Bồ-tát cũng muốn người khác học theo bỏ rời những sở hữu mà xuất gia trong Phật pháp, trì hạnh bốn Thánh chủng, duy chẳng được đi xuất gia nếu cha mẹ chẳng cho phép. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Đức Tăng! Do duyên cớ gì mà Bồ-tát lấy dao tự cắt tóc? Trong tam thiên đại thiên thế giới không có Trời, Rồng, Quỷ Thần, Càn-thát-bà, Nhân phi nhân nào có thể đương cận oai đức của Bồ-tát huống là có thể kham cắt tóc của Bồ-tát. Lại muốn cho chúng sinh thâm tín rằng vì muốn xuất gia mà Bồ-tát tự cầm dao cắt tóc mình. Lại vì hộ niệm cho Tịnh Phạn vương: "Vua Tịnh Phạn sinh ác tâm tự thị oai quyền mà truyền rằng ai cạo tóc Thái tử con trai ta sẽ bị tru lục". Lúc vua nghe tin Thái tử tự cầm dao cắt tóc mình, ác tâm của vua liền dứt. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Đức Tăng! Ông nên lắng nghe! Do duyên cớ gì mà Bồ-tát khổ

hạnh sáu năm? Đây chẳng phải do túc nghiệp dư báo mà Bồ-tát chịu khổ ấy. Vì muốn cho các chúng sinh ở trong tất cả ác nghiệp báo hay sinh lòng lo sợ mà quy hướng Bồ-tát. Lại thuở Phật Ca-diếp, Bồ-tát có thốt lời như vầy: "Tôi chẳng muốn thấy đạo nhân đầu trọc ấy, đâu có người trọc mà có thể được Bồ-đề, đạo Bồ-đề sâu xa khó được. Việc này cũng là phương tiện của Bồ-tát nên biết ý nghĩa của nó. Do duyên cớ gì mà Bồ-tát phát lời thô ác ấy?"

Này Đức Tăng! Thuở Phật Ca-diếp xuất thế, có Bà-la-môn Tử tên Thọ Đề có năm thân hữu đều là con trai của đại Bà-la-môn trước đã học Đại thừa rồi vì lâu ngày thân cận ác tri thức mà mất tâm Bồ-đề. Năm người này phụng sự ngoại đạo chẳng tin Phật pháp, hiểu ngoại đạo ngữ chẳng hiểu Phật ngữ, hiểu ngoại đạo pháp chẳng hiểu Phật pháp. Ngoại đạo sư, thầy của năm người này được năm người phụng sự, tự nói ta là Phật Thế Tôn là Nhất thiết trí, ta cũng có đạo Bồ-đề. Lúc ấy Bà-la-môn Tử Thọ Đề muốn dùng phương tiện dẫn dụ năm thân hữu trở lại thành bảo khí chuyển đổi tà tâm ngoại đạo của họ, nên đến nhà ngõa sư nói:

– Nay tôi muốn thấy đạo nhân đầu trọc, đâu có người trọc mà có thể được Bồ-đề, đạo Bồ-đề sâu xa khó được. Ít lúc sau, Thọ Đề cùng năm thân hữu cùng ở chỗ vắng, ngõa sư đến hướng Thọ Đề tán thán Phật Ca-diếp Như Lai Ứng Chánh Biến Tri và bảo Thọ Đề cùng đến chỗ Phật. Thọ Đề suy nghĩ rằng năm thân hữu này thiện căn chưa thuần thục, nếu tôi khen Phật mà chê ngoại đạo sư thì họ sẽ nghi ngờ, vậy chưa nên đến chỗ Phật. Suy nghĩ rồi Thọ Đề vì tự hộ bản nguyện, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa báo hành phương tiện nên nói với ngõa sư rằng:

– Tôi chẳng muốn thấy đạo nhân đầu trọc ấy, đâu có người trọc mà có thể được Bồ-đề, đạo Bồ-đề sâu xa khó được.

Này Đức Tăng! Thế nào là Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa báo?

Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, không có niệm tưởng Bồ-đề không có niệm tưởng Phật, bấy giờ chẳng thấy Phật chẳng thấy Bồ-đề, cũng chẳng ở trong thấy Bồ-đề cũng chẳng ở ngoài thấy Bồ-đề, cũng chẳng ở trong ngoài thấy Bồ-đề, như vậy biết rằng Bồ-đề là không, không có pháp. Vì Thọ Đề biết tất cả pháp không có vì hành phương tiện nên nói:

– Tôi chẳng muốn thấy đạo nhân đầu trọc, đâu có người trọc mà có thể được Bồ-đề, đạo Bồ-đề sâu xa khó được.

Này Đức Tăng! Lúc khác, Thọ Đề cùng năm người đến bên sông, do thần lực của Phật để hóa độ năm người nên ngõa sư đến Thọ Đề nói:

– Ông nên cùng tôi đồng đến chỗ Phật cúng dường lễ bái tôn trọng tán thán, Phật xuất thế rất là khó gặp.

Thọ Đề nghe vị ngõa sư tán thán nên chẳng chịu đi. Ngõa sư liền nắm tóc Thọ Đề kéo đi theo mình thẳng đến chỗ Phật. Năm thân hữu thấy vậy nghĩ rằng: "Theo quốc pháp nếu ai bị người nắm tóc kéo mà cáo quan thì người nắm tóc kéo bị tử tội. Nay Đức Phật ấy có công đức gì mà khiến ngõa sư chẳng kể tử tội, nắm tóc Thọ Đề kéo đến chỗ Phật lễ bái cúng dường cung kính tôn trọng và tán thán". Vì suy nghĩ như vậy, nên năm người khuynh tâm đi theo đến chỗ Phật Ca-diếp, đã thấy Phật rồi bản nguyện liền phát, sinh lòng kính tin? Sinh lòng kính tin rồi liền ở trước Phật trách Thọ Đề:

– Đức Thế Tôn đây có oai đức như vậy, trước anh đã nghe sao chẳng có lòng kính tin.

Năm người ấy thấy oai Đức Phật, lại nghe thuyết pháp, nên trở lại phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Phật Ca-diếp thấy năm người ấy tâm ý chuyên nhất, vì họ mà trình tự nói Bồ-tát tạng không thoái chuyển luân Đà-la-ni Kim cang cú Vô sinh pháp nhẫn. Năm người ấy nghe pháp liền được vô sinh pháp nhẫn.

Này Đức Tăng! Thuở ấy nếu Thọ Đề tán thán Phật Ca-diếp mà chẳng tán thán ngoại đạo sư thì năm người ấy sẽ chẳng chịu đến gặp Phật huống là sinh lòng kính tin.

Này Đức Tăng! Vì giáo hóa năm người ấy cho họ học Đại thừa nên Thọ Đề dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa quả báo thực hành phương tiện mà nói:

– Tôi chẳng muốn thấy đạo nhân đầu trọc, đâu có người trọc mà có thể được Bồ-đề, đạo Bồ-đề rất sâu khó được.

Này Đức Tăng! Bất thoái Bồ-tát đối với Phật không nghi, đối với Bồ-đề không nghi, đối với Phật pháp không nghi. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Lại nữa, Bồ-tát vì giáo hóa năm người và tự hiển thị nghiệp báo do nghiệp chướng nên hiện khổ hạnh sáu năm. Chẳng phải như những chúng sinh khác chẳng thấy chẳng biết đối với Sa-môn, Bà-la-môn trì giới nói lên lời ác ngôn như vậy. Hoặc biết, chẳng biết, hoặc hiểu chẳng hiểu, những chúng sinh ấy mãi mãi thọ khổ chẳng được lợi ích, phải đọa ba ác đạo. Vì những chúng sinh ấy tự hiện tạo nghiệp cũng tự hiện chịu báo, nên Đức Như Lai thị hiện chịu báo ấy.

Này Đức Tăng! Đại Bồ-tát không có tất cả chướng ngại nghiệp báo. Do vì có chúng sinh chê bai các Sa-môn, Bà-la-môn trì giới mà phải ưu não

che lấp tâm chẳng được giải thoát, chẳng đắc đạo quả, muốn trừ lòng ưu não của họ nên Bồ-tát thị hiện thọ nghiệp báo như vậy. Chúng sinh thấy rồi họ sẽ nghĩ rằng: "Bậc Nhất sinh bổ xứ Bồ-tát phỉ báng Phật Ca-diếp mà còn được giải thoát đắc quả, huống là ta chẳng biết mà nói ác ngôn, nay ta nên tự hối quá, chẳng còn tạo ác nghiệp nữa".

Này Đức Tăng! Lại vì hàng phục ngoại đạo mà Bồ-tát khổ hạnh sáu năm chớ chẳng phải nghiệp báo chướng ngại. Vì sao? Vì ở thế gian có các Sa-môn, Bà-la-môn mỗi ngày họ ăn một hạt mè một hạt gạo, họ tự cho được thanh tịnh giải thoát. Vì điều phục họ mà Bồ-tát thị hiện mỗi ngày ăn một hạt mè, một hạt gạo. Nếu Bồ-tát ăn vật thực thô rít còn chẳng thể được Thánh đạo huống là thanh tịnh giải thoát. Vì thế nên Bồ-tát nói tôi chẳng muốn thấy đạo nhân đầu trọc, đâu có người trọc mà có thể được Bồ-đề, đạo Bồ-đề rất sâu khó được. Do duyên cớ này mà Bồ-tát hiện sáu năm khổ hạnh để điều phục năm mươi hai trăm ngàn thô hạnh chư Thiên và ngoại đạo thần tiên, các thô hạnh Bồ-tát. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 108

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Cư sĩ Trúc-nan-đề, người nước Thiên Trúc.

PHÁP HỘI 38: ĐẠI THỪA PHƯƠNG TIỆN (PHẦN 3)

Này Đức Tăng! Do duyên cớ gì mà Bồ-tát sau khi ăn món thượng diệu rồi khí lực sung túc đến cây Bồ-đề mà chẳng để thân gầy ốm đến cây Bồ-đề?

Này Đức Tăng! Bồ-tát có thể chẳng ăn uống, thân thể gầy ốm mà thành Vô thượng Bồ-đề huống là có ăn mè ăn gạo. Lúc ấy vì thương các chúng sinh vị lai mà Bồ-tát ăn món thượng diệu ấy. Vì sao? Vì các chúng sinh thiện căn chưa thuần thục, không ăn uống mà muốn cầu đạo, bởi các chúng sinh ấy còn bị khổ đói khát chẳng thể được trí tuệ, nếu hạnh an lạc thì được trí tuệ chiếu rõ các pháp chớ chẳng phải khổ hạnh. Vì thế nên Bồ-tát khai thị cho chúng sinh hành an lạc hạnh mà được trí tuệ, cũng vì thương chúng sinh vị lai muốn khiến chúng sinh bắt chước ta ăn món thượng diệu ấy, do các cớ ấy mà Bồ-tát hiện ăn món thượng diệu của nàng Tu-xá-khư rồi thành tựu ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề, được Vô thượng Chính đẳng Chánh giác. Cô gái thí thực cũng thành tựu pháp trợ Bồ-đề. Lại nên biết Bồ-tát ở trong một thiền định sinh tâm hoan hỷ suốt trăm ngàn kiếp chẳng ăn uống vẫn có thể an trụ. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Đức Tăng! Do duyên cớ gì mà Bồ-tát xin cỏ nơi Thiên tử Cát An trải chỗ ngồi? Vì chư Phật quá khứ trải tòa giải thoát chẳng dùng vật tốt lụa là và cũng vì muốn Thiên tử Cát An thành tựu pháp trợ Bồ-đề. Lúc Cát An trao cỏ cho Bồ-tát rồi phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Này Đức Tăng! Nay ta thọ ký cho Thiên tử Cát An ấy ở đời vị lai sẽ được thành Phật hiệu Vô Cấu Như Lai Ứng Chánh Biến Tri. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Đức Tăng! Do duyên cớ gì mà Bồ-tát ngồi dưới cây Bồ-đề khiến ác ma Ba-tuần đến chẳng muốn Bồ-tát liền thành Vô thượng Bồ-đề?

Này Đức Tăng! Ma vốn chẳng thể tự đến dưới cây Bồ-đề nếu Bồ-tát chẳng nghĩ đến. Lúc ấy Bồ-tát ngồi dưới cây Bồ-đề suy nghĩ như vầy:

"Trong bốn thiên hạ ai là Bậc chí tôn nhất, bốn thiên hạ này hiện nay thuộc về ai?" Bồ-tát liền biết: "Ác ma Ba-tuần là tối tôn trong Dục giới, nay ta đấu với ma, nếu ma chẳng bằng ta thì tất cả chúng sinh trong Dục giới đều chẳng bằng". Bấy giờ sẽ có chư Thiên đại chúng hòa hợp đến dưới cây Bồ-đề, họ đến rồi sẽ ắt sinh lòng tin. Ma chúng, Trời, Rồng, Quỷ Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, tất cả đại chúng như vậy đến vây quanh cây Bồ-đề, thấy Bồ-tát Sư Tử du hý hoặc phát tâm Vô thượng Bồ-đề, hoặc phát tâm Thanh văn, Duyên giác, hoặc sinh tín tâm, cho đến thấy Bồ-tát, do nhân duyên này thảy đều được giải thoát.

Này Đức Tăng! Suy nghĩ như vậy rồi, Bồ-tát phóng ánh sáng nơi tướng lông trắng giữa lông mày làm cho cung điện Ba-tuần tối đen. Bấy giờ do ánh sáng bạch hào chiếu khắp nên cả tam thiên đại thiên thế giới đều rất sáng. Trong ánh sáng ấy phát ra tiếng như vầy:

– Con trai dòng Thích-ca ấy xuất gia học đạo nay sẽ thành Vô thượng Bồ-đề quá cảnh giới ma, thắng chúng ma, giảm tổn tất cả ma chúng đương lai, nay Bồ-tát ấy chiến đấu với ma. Nghe âm thanh này Ba-tuần rất ưu sầu như bị tên bắn vào tim. Ma Ba-tuần nghiêm bị bốn chủng binh chật ba mươi sáu do-tuần đến bao cây Bồ-đề muốn hại Bồ-tát. Bấy giờ Bồ-tát trụ đại Từ, đại Bi trí tuệ, dùng tay kim sắc báo thân của trí tuệ chỉ xuống đất, tất cả ma chúng liền tan rã, tám vạn bốn ngàn ức Trời, Rồng, Quỷ Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Cưu-bàn-trà thấy Bồ-tát oai đức thân thể đẹp lạ dung nhan đoan nghiêm, oai lực dũng kiện, đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Đây gọi là Đại Bồ-tát hành phương tiện.

Này Đức Tăng! Do duyên cớ gì mà Như Lai trong bảy ngày, bảy đêm chẳng xả kiết già ngồi xem cây Bồ-đề mắt chẳng nháy? Này Đức Tăng! Lúc ấy có chư Thiên Sắc giới tu hạnh tịch diệt. Chư Thiên này thấy Như Lai ngồi kiết già, họ sinh lòng hoan hỷ và nghĩ rằng: Nay chúng ta tìm coi tâm của Sa-môn Cù-đàm y cứ nơi đâu. Suốt bảy ngày bảy đêm chư Thiên ấy tìm xem mà chẳng tìm được chỗ y cứ của một tâm niệm của Như Lai. Chư Thiên ấy càng vui đẹp hơn, có ba vạn hai ngàn Thiên tử phát tâm Vô thượng Bồ-đề nguyện rằng: "Đời vị lai chúng tôi cũng sẽ được hạnh tịch diệt nhìn cây Bồ-đề như vậy. Vì thế nên khi thành Phật đạo rồi Như Lai suốt bảy ngày bảy đêm ngồi kiết già nhìn cây Bồ-đề mắt chẳng nháy". Đây gọi là phương tiện của Như Lai.

Này Đức Tăng! Lúc hành Bồ-tát đạo trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nguyện ban vui giải thoát cho tất cả chúng sinh, mà do duyên cớ gì sau khi thành Phật đạo chờ Phạm vương thỉnh rồi Như Lai mới thuyết pháp?

Này Đức Tăng! Như Lai biết có số đông chư Thiên quy y và tôn trọng Phạm vương, họ nhận rằng Phạm Thiên vương hóa sinh chúng sinh, là tối tôn trong thế giới, ngoài Phạm Thiên vương không ai có thể tạo được thế giới. Vì muốn chư Thiên chúng sinh lòng chánh tín nên Như Lai chờ Phạm Thiên vương đến thỉnh thuyết pháp. Một khi Phạm vương cúi đầu thì chư Thiên đã quy y Phạm vương đều quy y Phật và họ cùng nhau nói:

– Phạm vương khuyến thỉnh Như Lai thuyết pháp.

Này Đức Tăng! Như Lai có đại oai đức nên Phạm vương đến chỗ Phật thỉnh chuyển pháp luân. Này Đức Tăng! Nếu Như Lai không dùng thần lực thì Phạm Thiên vương ấy không thể có tâm thỉnh Phật chuyển pháp luân được. Do vì có các chúng sinh quy y Phạm vương, Đức Như Lai muốn các chúng sinh ấy rời Phạm vương nên chờ Phạm vương đến khuyến thỉnh thuyết pháp để lấy Phạm vương chứng minh vậy.

Này Đức Tăng! Lúc Phạm Thiên vương thỉnh Phật chuyển pháp luân, có sáu mươi tám trăm ngàn Phạm thiên phát tâm Vô thượng Bồ-đề nói:

– Đây thật là Phật ở trong chúng sinh là tối tôn tối thắng, nguyện tôi đời sau được trí tuệ oai đức như vậy. Đây gọi là Như Lai phương tiện.

Này Đức Tăng! Trước kia ta thuyết pháp thị hiện chúng sinh mười nghiệp đạo nhân duyên, hoặc là Bồ-tát, hoặc là Như Lai, trong mười nghiệp ấy thị hiện phương tiện chỉ có hàng trí giả mới biết nghĩa ấy.

Này Đức Tăng! Ông chớ nên nghĩ rằng Bồ-tát còn có tội nghiệp vi tế. Nếu Bồ-tát còn có pháp bất thiện vi tế thì không bao giờ có sự ngồi đạo tràng thành Vô thượng Bồ-đề. Vì sao? Vì Như Lai thành tựu tất cả thiện pháp, dứt tất cả pháp bất thiện, không có tập khí nghiệp báo sinh tử, không bao giờ còn có sót thừa chẳng dứt diệt, huống là có nghiệp báo chướng ngại.

Này Đức Tăng! Nếu có các chúng sinh cho rằng không nghiệp báo, họ chẳng tin nghiệp báo, thì vì chúng sinh ấy mà Như Lai thị hiện nhân duyên nghiệp báo. Như Lai thực không có nghiệp báo. Ta là Pháp Vương còn chịu nghiệp báo huống là các chúng sinh khác mà chẳng chịu. Vì chúng sinh ấy mà thị hiện như vậy. Thế nên Như Lai tự hiện nghiệp duyên.

Này Đức Tăng! Như Lai không có tất cả nghiệp chướng. Ví như thư sư học giỏi thư luận, dạy các tuổi thơ tùy theo các tuổi thơ mà khen các thư chương, chẳng phải thư sư ấy có chướng ngại nơi các thư chương. Thư sư ấy nghĩ rằng, các ấu đồng đây theo học với tôi, tôi nên xướng như vậy cho chúng nó học theo. Thư sư ấy chẳng phải vì chẳng thông đạt mà xướng như vậy.

Này Đức Tăng! Cũng vậy, Như Lai học giỏi nơi tất cả pháp rồi nói như vậy, thị hiện như vậy để khiến các chúng sinh hành nghiệp thanh tịnh.

Này Đức Tăng! Ví như đại y sư giỏi trị lành được tất cả các bệnh, tự mình không bệnh mà ở trước bệnh nhân tự uống thuốc đắng, các bệnh nhân thấy vậy bắt chước uống thuốc đều được lành bệnh.

Này Đức Tăng! Cũng vậy, Như Lai tự trừ tất cả bệnh phiền não rồi, với tất cả pháp không có chướng ngại hay thị hiện tất cả pháp, do nghiệp bất thiện như vậy mắc báo như vậy, hiện nhân duyên như vậy để khiến chúng sinh trừ bỏ nghiệp chướng thân, khẩu, ý mà tu hành tịnh hạnh.

Này Đức Tăng! Ví như con trai nhỏ của trưởng giả hay cư sĩ, cha mẹ thương yêu giao nó cho nhũ mẫu, bấy giờ nhũ mẫu không có bệnh mà vì đứa trẻ nên tự uống thuốc đắng để cho sữa được tốt.

Này Đức Tăng! Cũng vậy, Như Lai là cha lành của tất cả thế giới tự mình không bệnh mà vì chúng sinh thị hiện có bệnh. Như Lai vì giáo hóa các chúng sinh chẳng biết nghiệp báo nên thị hiện do nghiệp như vậy nên mắc báo như vậy. Chúng sinh nghe biết rồi lòng họ kinh sợ trừ bỏ ác nghiệp chẳng làm ác duyên.

Bấy giờ Đức Phật lại bảo Trí Thắng Bồ-tát:

– Này Trí Thắng! Thuở quá khứ thời kỳ ta gặp Phật Nhiên Đăng xuất thế có năm trăm khách buôn vì tìm châu báu mà vào biển lớn. Trong bọn có một ác nhân nhiều gian ngụy thường làm ác nghiệp không hề ăn năn. Người này giỏi võ hằng làm giặc cướp, đoạt tài sản người khác, gây dựng sự nghiệp, nay giả làm khách buôn cùng đi chung một thuyền. Lúc được nhiều châu báu trở về, người ác này muốn giết tất cả năm trăm khách buôn trên thuyền để cướp tất cả châu báu làm của riêng mình. Bấy giờ hướng Đạo sư trong đoàn khách buôn tên Đại Bi chiêm bao thấy thần biển đến mách rằng: "Trong đoàn của ông có tên ấy là ác nhân hằng làm giặc cướp đoạt của người, nay nó sinh ác tâm muốn giết cả năm trăm người để lấy trọn châu báu. Nếu để nó giết cả năm trăm người này thì nó gây thành nghiệp đại nghịch. Vì sao? Vì năm trăm người này là Bồ-tát không thoái chuyển hướng Vô thượng Bồ-đề, nếu ác nhân ấy giết họ mắc tội đại nghịch thì trong thời gian mỗi người này từ lúc mới phát tâm đến thành Phật, ác nhân ấy phải thường ở tại địa ngục. Ông là Đạo Sư phải có phương tiện gì khiến ác nhân ấy chẳng phạm tội đọa địa ngục, mà năm trăm Bồ-tát này cũng được toàn thân mạng". Sau khi được thần biển mách, Đạo sư Đại Bi suy nghĩ: "Ta phải dùng phương tiện gì làm cho ác nhân ấy khỏi đọa địa ngục mà năm trăm khách buôn cũng được toàn thân mạng?" Suy nghĩ như

vậy rồi, Đạo sư giữ kín không nói sự ấy với một ai.

Bấy giờ thuyền chờ gió bảy ngày sau sẽ trở về Diêm-phù-đề. Bảy ngày đã qua, Đạo sư tự nghĩ không còn có phương tiện nào khác ngoài việc phải trừ tên ác nhân ấy mới cứu thoát đoàn khách buôn năm trăm người này. Nếu ta nói sự này cho người khác biết thì năm trăm khách buôn này sẽ sinh ác tâm giết tên ác nhân ấy và họ sẽ phải đọa ác đạo. Nay ta nên tự mình giết ác nhân ấy, dù do cớ giết này mà ta phải đọa địa ngục chịu khổ ta có thể nhẫn thọ được, chớ nên để ác nhân ấy gây nghiệp đại nghịch hại năm trăm Bồ-tát mà nó phải đọa địa ngục mãi mãi chịu khổ.

Này Trí Thắng! Khi suy nghĩ như vậy rồi, Đạo sư Đại Bi sinh lòng thương xót rằng: "Tôi hộ mạng năm trăm người và cam chịu khổ địa ngục thế cho ác nhân mà hại tên ác nhân ấy". Đạo sư liền cầm mâu nhọn đâm chết ác nhân khiến đoàn khách buôn an ổn về đến Diêm-phù-đề.

Này Trí Thắng! Ông chớ có nghi, thuở ấy, Đạo sư Đại Bi chính là thân ta, năm trăm khách buôn là năm trăm Bồ-tát tại Hiền kiếp này và sẽ thành Phật cũng tại kiếp này.

Này Trí Thắng! Thuở ấy vì ta hành đại Bi phương tiện nên được siêu việt trăm ngàn kiếp nạn sinh tử. Còn ác nhân ấy, sau khi chết, sinh lên cõi trời.

Này Trí Thắng! Ông nên biết! Chớ có nghĩ rằng Bồ-tát có nghiệp báo chướng ngại như vậy mà được siêu việt trăm ngàn kiếp nạn sinh tử. Sự việc thuở ấy chính là sức phương tiện của Bồ-tát.

Này Trí Thắng! Vì hóa độ tất cả chúng sinh mà Như Lai sử dụng phương tiện thị hiện cho cây giáo vàng đâm vào chân mình. Đó là do thần lực của Phật khiến giáo đâm vào chân. Vì sao? Vì thân Kim cương của Như Lai không gì làm lủng đứt được.

Này Trí Thắng! Ngày trước trong thành Xá-vệ có hai mươi người đều là bậc tối hậu thân. Hai mươi người này lại có hai mươi kẻ thù đều nghĩ, tôi sẽ làm thân hữu đến nhà nó, để thừa dịp giết nó chẳng cho ai biết. Do thần lực của Phật, cả bốn mươi người đều đến chỗ Phật. Vì muốn điều phục bốn mươi người ấy, nên Phật ở giữa đại chúng bảo Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

– Này Đại Mục-kiền-liên! Nay trong chỗ đất này có cây giáo vàng muốn đâm vào chân phải của ta.

Cây giáo vàng liền từ đất trồi lên độ một cánh tay. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bạch rằng:

– Bạch Thế Tôn! Nay tôi sẽ lấy cây giáo này ném nó qua thế giới

phương khác.

Đức Phật dạy:

– Này Đại Mục-kiền-liên! Chẳng phải khả năng của ông. Nay cây giáo này còn cắm trong đất sức ông không thể nhổ lên được.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên dùng đại thần lực đến nhổ cây giáo ấy, cả tam thiên đại thiên thế giới đều đại chấn động mà chẳng lay động được cây giáo ấy. Bấy giờ Như Lai dùng sức thần thông thăng lên trời Tứ Thiên vương, cây giáo vàng ấy cũng bay theo Phật. Đức Phật thăng lên trời Đao-lợi, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại cho đến trời Phạm thiên, cây giáo vàng ấy cũng vẫn bay theo Phật. Phật lại từ Phạm thiên trở xuống Diêm-phù-đề trong thành Xá-vệ, nơi chỗ ngồi trước, cây giáo ấy cũng trở về chỗ đất cũ dựng đứng hướng mũi về phía Phật. Phật dùng tay mặt nắm lấy cây giáo, tay trái đặt trên đất rồi lấy chân phải đạp lên mũi giáo. Cả tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động mạnh.

Tôn giả A-nan đứng dậy để hở vai áo bên phải tác lễ bạch:

– Bạch Thế Tôn! Thuở xưa Như Lai tạo nghiệp gì mà nay chịu báo này?

Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Vì đời quá khứ trong lúc đi thuyền vào biển ta cầm mâu đâm chết người. Do nghiệp duyên ấy mà bị báo này.

Thuật đến đây, Đức Phật bảo Bồ-tát Trí Thắng:

– Lúc ta nói nghiệp báo nhân duyên như vậy, hai mươi người thù ác kia tự nghĩ rằng Đức Như Lai Pháp Vương còn mắc báo ác nghiệp như vậy huống là bọn ta chẳng chịu ác báo, hai mươi người này liền đảnh lễ Phật bạch: "Nay chúng con hướng Phật hối quá chẳng dám che giấu. Bạch Thế Tôn! Con trước có ác tâm muốn giết hại những người ấy, nay con lại hối quá chẳng dám che giấu".

Này Trí Thắng! Lúc ấy Đức Phật vì hai mươi người đó mà nói về tạo tác nghiệp duyên và tận diệt nghiệp duyên. Nghe pháp xong, hai mươi người đó được chánh giải và trong đại chúng lúc ấy cũng có bốn vạn người được chánh giải. Vì cớ sự ấy mà Như Lai thị hiện cây giáo vàng đâm vào chân phải. Đây gọi là Như Lai phương tiện.

Này Trí Thắng! Do duyên cớ gì mà Như Lai vốn không bệnh lại cầu hoa sen xanh nơi thần y Kỳ Vức để ngửi để xổ? Lúc ấy Như Lai chế giới giải thoát chưa bao lâu có năm trăm Tỳ-kheo là bậc tối hậu thân thường ở

trong các khu rừng tu tập. Các Tỳ-kheo ấy bị bệnh, thuốc cũ hư mục không chữa trị được. Các Tỳ-kheo ấy kính thuận giới Phật chế, chẳng tìm thuốc khác, chẳng uống thuốc khác. Như Lai liền nghĩ: "Làm cách nào để các Tỳ-kheo nghe theo mà uống các thuốc khác. Nếu ta thuận theo thì các Tỳ-kheo kia sẽ tìm và uống các loại thuốc. Vì sao? Nếu ta không thuận theo thì những người đời sau sẽ phạm Thánh pháp, biết như vậy nên hành phương tiện cầu hoa Ưu-bát-la nơi thần y Kỳ Vức để ngửi cho xổ".

Bấy giờ Tịnh cư thiên đến chỗ các Tỳ-kheo bệnh mà bảo:

– Các Đại đức nên tìm thuốc khác chớ giữ bệnh mà chết.

Các Tỳ-kheo đáp:

– Chúng tôi chẳng dám trái lời dạy của Đức Thế Tôn. Chúng tôi chưa được tự tại, chúng tôi thà chết chớ chẳng trái lời Phật, chúng tôi chẳng tìm thuốc tốt đầy dư.

Tịnh cư thiên nói:

– Này các Đại đức! Đức Như Lai Pháp Vương tìm thuốc tốt khác mà bỏ thuốc cũ hư, vậy các Đại đức nên tìm thuốc khác.

Các Tỳ-kheo nghe xong hết nghi nên tìm thuốc khác, uống thuốc khác sau đó được lành bệnh. Được lành bệnh rồi, không quá bảy ngày chứng quả A-la-hán.

Này Trí Thắng! Nếu Đức Như Lai chẳng tìm thuốc khác thì các Tỳ-kheo bệnh ấy cũng chẳng tìm thuốc khác. Nếu họ chẳng tìm và uống thuốc khác thì chẳng bao giờ hết bệnh và chứng quả A-la-hán. Đây gọi là Như Lai phương tiện.

Này Trí Thắng! Do duyên cớ gì mà Đức Như Lai vào thành khất thực mang bát không trở ra?

Này Trí Thắng! Đức Như Lai không có nghiệp chướng. Lúc ấy Đức Như Lai thương xót các Tỳ-kheo đương lai hoặc có người vào thành ấp khất thực vì kém phước đức mà khất thực chẳng được, họ sẽ nghĩ rằng: Như Lai Thế Tôn công đức thành tựu vào thành khất thực còn mang bát không trở ra huống là chúng ta thiện căn kém mỏng. Chúng ta chẳng nên vì khất thực chẳng được mà sinh phiền muộn, do vì thương người sau như vậy nên Đức Như Lai thị hiện vào thành khất thực mang bát không trở ra.

Này Trí Thắng! Ông chớ cho rằng ác ma Ba-tuần có thể che đậy tâm của các trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn trong thành khiến họ chẳng bố thí thực phẩm. Vì sao? Vì ác ma Ba-tuần không có khả năng đoạn tuyệt thực phẩm của Như Lai. Đó là do thần lực của Phật khiến Ba-tuần che đậy tâm các

trưởng giả cư sĩ chớ chẳng phải năng lực ác ma làm được. Phật cũng hoàn toàn không có nghiệp chướng, vì hóa độ chúng sinh mà Phật thị hiện bát không trở ra. Lúc ấy Phật và các vị Tỳ-kheo chẳng được ăn, tất cả Thiên ma và chư Thiên khác nghĩ: "Phật và chúng Tăng chẳng được ăn chừng đó ưu sầu chăng?" Đêm ấy họ thấy Phật và chúng Tăng chẳng có một niệm ưu não, tâm cũng chẳng thay đổi trước sau, vẫn bình đẳng. Thấy vậy, có bảy ngàn Thiên tử đối với Như Lai sinh lòng kính tin. Phật vì họ thuyết pháp, tất cả đều được Pháp nhãn tịnh.

Này Trí Thắng! Sau đó trong thành các trưởng giả, cư sĩ liền đến chỗ Phật đảnh lễ sám hối. Phật vì họ thuyết pháp bốn Thánh đế, có hai vạn người nơi tất cả pháp được Pháp nhãn tịnh. Đây gọi là Như Lai phương tiện.

Này Trí Thắng! Do duyên cớ gì mà cô gái Bà-la-môn Chiên-già dùng chậu gỗ cột nơi bụng phỉ báng Như Lai rằng: "Do Sa-môn Cù-đàm làm cho tôi có thai phải cung cấp tôi áo chăn ăn uống?"

Này Trí Thắng! Trong sự việc ấy Như Lai không có nghiệp chướng. Nếu có, Như Lai có thể ném nàng ấy ra ngoài hằng hà sa thế giới. Do phương tiện mà Như Lai thị hiện nghiệp chướng ấy để hóa độ các chúng sinh chẳng hiểu biết. Vì sao? Vì đời đương lai sẽ có các Tỳ-kheo xuất gia học đạo trong Phật pháp, hoặc có người bị kẻ khác phỉ báng rồi sinh lòng hổ thẹn chán nản mà xả giới hoàn tục. Do vì Như Lai đã thị hiện duyên sự ấy, các Tỳ-kheo đời sau nếu có bị phỉ báng họ nên nghĩ rằng: "Đức Như Lai thành tựu tất cả thiện pháp đủ đại oai đức mà còn bị phỉ báng huống là chúng ta". Do suy nghĩ như vậy, họ sẽ không hổ thẹn chán nản và sẽ tu tập tịnh diệu phạm hạnh.

Này Trí Thắng! Cô gái Bà-la-môn Chiên-già ấy thường bị ác nghiệp che chướng nên nhiều bất tín, nay nàng ấy ở trong Phật pháp chẳng điều phục, luôn bị ác nghiệp che chướng, cho đến trong giấc mộng cũng sinh lòng phỉ báng lúc thức dậy vui mừng, nàng ấy mạng chung sẽ đọa địa ngục.

Này Trí Thắng! Ta có thể dùng phương tiện khác trừ các nghiệp bất thiện của nàng ấy cứu nàng khỏi sinh tử. Hoặc có lúc Như Lai chẳng cứu người khác. Vì sao? Vì Như Lai đối với tất cả chúng sinh không có tâm thiên lệch. Đây gọi là Như Lai phương tiện.

Này Trí Thắng! Do duyên cớ gì mà các Bà-la-môn giết cô gái Bà-la-môn Tôn-đà-lợi rồi chôn trong hào vườn Kỳ hoàn?

Này Trí Thắng! Lúc ấy Như Lai biết rõ sự việc trên mà bỏ chẳng nói. Như Lai thành tựu Nhất thiết trí, tâm không chướng ngại, có thể dùng thần

lực làm cho lưỡi dao ấy chẳng phạm vào thân cô gái. Như Lai biết cô gái Tôn-đà-lợi mạng căn sắp hết tất bị người giết, do đó phương tiện khiến các ngoại đạo lộ bày nghiệp ác và đọa vào chỗ khổ não. Sự việc như vậy duy có Phật biết, an trụ sự ấy, khiến nhiều chúng sinh phát tâm thanh tịnh thêm lớn thiện căn.

Lúc ấy trong bảy ngày Như Lai chẳng vào thành Xá-vệ, thời gian này Như Lai điều phục sáu mươi ức chư Thiên.

Quá bảy ngày chư Thiên và mọi người cùng tụ họp đến chỗ Phật. Như Lai vì họ thuyết pháp. Nghe pháp rồi có tám vạn bốn ngàn người nơi tất cả pháp được Pháp nhãn tịnh. Đây gọi là Như Lai phương tiện.

Này Trí Thắng! Do duyên cớ gì mà Như Lai và chúng Tăng trong ba tháng tại tụ lạc của Bà-la-môn Tỳ-lan-nhã ăn lúa ngựa? Lúc ấy ta biết trước Bà-la-môn đó tất sẽ quên bỏ sự thỉnh Phật và Tăng mà chẳng cung cấp uống ăn nhưng ta vẫn cố ý thọ thỉnh. Vì sao? Vì muốn độ năm trăm ngựa vậy. Bầy ngựa ấy đời trước đã từng học Bồ-tát thừa rồi, đã từng cúng dường chư Phật quá khứ, do gần ác tri thức tạo ác nghiệp nên đọa súc sinh. Trong bầy có một ngựa lớn tên Nhật Tạng, là Đại Bồ-tát. Đời quá khứ, Bồ-tát Nhật Tạng ở trong nhân đạo đã từng khuyến hóa năm trăm người, nay là năm trăm ngựa nhỏ, phát tâm Bồ-đề, nay vì muốn độ năm trăm ngựa nhỏ nên thị hiện sinh trong loài ngựa. Do oai đức của ngựa lớn khiến năm trăm ngựa nhỏ tự biết túc mạng và trở lại được bản tâm nguyện đã từng mất.

Này Trí Thắng! Vì ta thương năm trăm Bồ-tát đọa trong loài ngựa muốn chúng được thoát ly súc sinh nên Như Lai biết trước mà vẫn nhận thỉnh.

Này Trí Thắng! Trong ba tháng, giảm nửa phần lúa ăn mỗi ngày của năm trăm ngựa nhỏ cúng dường chúng Tăng, giảm nửa phần lúa ăn mỗi ngày của ngựa lớn cúng dường Như Lai. Ngựa lớn, Bồ-tát Nhật Tạng, dùng tiếng loài ngựa thuyết pháp cho năm trăm ngựa nhỏ, cũng dạy sám hối lễ Phật và Tỳ-kheo-tăng cùng phát tâm cúng dường nửa phần ăn cho chúng Tăng. Năm trăm ngựa nhỏ sám hối rồi sinh lòng tịnh tín đối với Phật, Pháp, Tăng. Sau đó chẳng lâu bầy ngựa chết sinh cung trời Đâu-suất. Năm trăm Thiên tử này liền từ Thiên cung đến chỗ Phật tác lễ cúng dường nghe Phật thuyết pháp, nghe rồi chắc chắn đều được không thoái chuyển nơi Vô thượng Bồ-đề. Lúc ấy, năm trăm con ngựa khéo đều điều phục tâm ý, đời sau sẽ thành Bích-chi-phật. Bồ-tát Nhật Tạng đời sau sẽ cúng dường vô lượng chư Phật và sẽ thành tựu pháp trợ Bồ-đề sẽ được

thành Phật hiệu Thiện Điều Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Này Trí Thắng! Trong thế gian này không có thượng phẩm mỹ vị nào mà Như Lai chẳng được. Trong tam thiên đại thiên thế giới không có mỹ vị nào giống được mỹ vị của Như Lai đã ăn. Vì sao? Vì Như Lai được tướng đại nhân tên là Vị trung thượng vị. Dù là món ăn cực thô để vào miệng Như Lai liền thành thượng vị hơn cả diệu thực của chư Thiên. Do đây nên biết món ăn của Như Lai tối thắng tối diệu.

Này Trí Thắng! Lúc ấy A-nan lòng buồn phiền nghĩ rằng dòng Chuyển luân vương xuất gia học đạo mà như kẻ hạ tiện ăn gạo lúa ngựa này. Ta biết tâm niệm A-nan liền trao cho A-nan một hạt bảo rằng: "Ông nếm hạt cơm này xem mùi vị nó thế nào?" A-nan nếm xong sinh lòng hy hữu bạch rằng:

– Bạch Thế Tôn! Tôi sinh trong vương gia lớn lên trong vương gia mà chưa từng được nếm mùi vị thượng diệu này. Ăn hạt cơm ấy xong, trọn bảy ngày bảy đêm A-nan chẳng ăn chẳng uống mà không thấy đói khát. Do đây mà biết rằng sự việc trên là phương tiện của Như Lai chớ chẳng phải nghiệp chướng.

Này Trí Thắng! Có Sa-môn, Bà-la-môn trì giới thọ người thỉnh như ta rồi biết thỉnh chủ hoang mê chẳng thể cung cấp hoặc họ chẳng chịu ở. Do cớ ấy mà Như Lai đã có chỗ hứa khả thị hiện thọ thỉnh đến ở và đồng thời thị hiện nghiệp báo nhân duyên.

Này Trí Thắng! Ông nên biết thường pháp của Như Lai là dù nhận người thỉnh rồi chẳng được cung cấp cũng chẳng để cho thỉnh chủ mang tội đọa ác đạo.

Này Trí Thắng! Lại vì trong năm trăm Tỳ-kheo cùng Như Lai an cư ăn gạo lúa ngựa ấy có bốn trăm Tỳ-kheo hễ thấy ngon tốt thì sinh lòng tham dục. Các Tỳ-kheo này nếu ăn ngon thì thêm lòng dục. Nếu ăn đồ thô xấu thì chẳng sinh lòng dục. Quá ba tháng an cư ấy rồi, bốn trăm Tỳ-kheo rời lìa tâm dâm dục chứng quả A-la-hán.

Này Trí Thắng! Vì điều phục năm trăm Tỳ-kheo và độ năm trăm Bồ-tát mắc báo súc sinh mà Đức Như Lai dùng sức phương tiện nhận ba tháng ăn gạo lúa ngựa chớ chẳng phải là nghiệp báo. Đây gọi là Như Lai phương tiện.

Này Trí Thắng! Do duyên cớ gì mà ngày thứ mười lăm lúc thuyết giới, Như Lai bảo Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp: "Hôm nay ta đau lưng, ông nói bảy pháp Giác phần?"

Này Trí Thắng! Ngày ấy có tám ngàn Thiên tử do pháp Thanh văn

mà tự điều phục hòa hợp cùng ngồi trong chúng. Chư Thiên tử này thuở quá khứ được Đại Ca-diếp giáo hóa kính tin Phật, Pháp, Tăng không còn buông lung, nhiều lần nghe Tỳ-kheo Đại Ca-diếp giảng bảy pháp giác phần.

Này Trí Thắng! Trừ Ma-ha Ca-diếp, dù có trăm ngàn Đức Phật thuyết pháp cũng không làm cho tám ngàn Thiên tử này hiểu được.

Lúc ấy Đại Ca-diếp tuân lời Phật thuyết pháp, tám ngàn Thiên tử ấy nghe rộng nghĩa bảy pháp Giác phần liền ở nơi tất cả pháp được Pháp nhẫn tịnh.

Này Trí Thắng! Nếu có chúng sinh thân mắc bệnh khổ không đến chỗ thuyết pháp được để cung kính nghe pháp. Họ nên nghĩ rằng: "Đức Phật là Pháp Vương, còn nghe thuyết bảy pháp Giác phần mà lành bệnh, huống là chúng ta mà chẳng đến nghe pháp, chẳng cung kính pháp".

Này Trí Thắng! Vì điều phục chư Thiên và trừ bệnh khổ cho người cũng hiển bày kính trọng nơi pháp nên Như Lai bảo Đại Ca-diếp: Hôm nay ta đau lưng, ông nên thuyết bảy pháp Giác phần". Vì sao? Vì tôn trọng pháp, nên biết Như Lai không có thân tứ đại thô trọng, huống là có bệnh hoạn. Đây gọi là Như Lai phương tiện.

Này Trí Thắng! Do duyên cớ gì lúc dòng Thích-ca bị phá, Đức Như Lai tự nói đau đầu?

Này Trí Thắng! Hoặc có chúng sinh nói: "Thế Tôn chẳng thể lợi ích thân tộc, cũng chẳng thương xót, chẳng muốn an ổn, xuất gia rồi dứt ý tưởng dòng họ, chẳng muốn cứu hộ". Vì chẳng biết mà họ nói như vậy.

Này Trí Thắng! Như Lai đã sạch hết gốc khổ. Vì biết tâm niệm của các chúng sinh ấy nên Như Lai ngồi dưới cây xá gia tự nói đau đầu.

Này Trí Thắng! Hôm ấy ta nói với A-nan là ta đau đầu. Bấy giờ có ba ngàn Thiên tử đoạn kiến, lại có vô lượng chúng sinh hiếu sát cùng tập họp chỗ Phật. Vì họ mà ta thị hiện nghiệp chướng nói rằng: "Ta do thấy người khác sát sinh mà có lòng tùy hỷ nên mắc báo đau đầu". Nghe lời này, có bảy ngàn trời và người được điều phục. Đây gọi là Như Lai phương tiện.

Này Trí Thắng! Do duyên cớ gì mà Bà-la-môn Phả-la-đọa dùng năm trăm cách chửi mắng Phật, Phật nghe mà vẫn nhẫn nhịn?

Này Trí Thắng! Đức Như Lai có thể dùng thần lực ném Bà-la-môn ấy để ở thế giới khác cũng có thể dùng thần lực khiến Bà-la-môn ấy chẳng thốt được một lời.

Này Trí Thắng! Lúc ấy có số đông người và trời thấy Đức Như Lai hay nhẫn được lời chửi mắng mà chẳng nói chẳng đáp, luôn an trụ nơi tâm

xả, tâm bình đẳng, tâm lợi ích, tâm kham nhẫn, trước như sau sau như trước. Lúc ấy, có bốn ngàn trời, người phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Như Lai thấy được sự kiện này. Còn Bà-la-môn Phả-la-đọa dùng đủ lời mắng chửi, thấy Thế Tôn không một lời đáp trả mà còn khởi tâm buông xả, thấy vậy, cũng sinh lòng kính tin, quy y Phật, Pháp, Tăng, gieo giống giải thoát. Đây gọi là Như Lai phương tiện.

Này Trí Thắng! Đề-bà-đạt-đa cùng Bồ-tát đời đời chung sinh một chỗ, đây cũng là phương tiện của Như Lai. Vì sao? Vì nhân nơi Đề-bà-đạt-đa mà ta được đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa cũng lợi ích vô lượng chúng sinh. Làm thế nào biết như vậy? Này Trí Thắng! Thuở nọ các chúng sinh hưởng thọ sung sướng chẳng biết làm việc bố thí, Bồ-tát hiện làm Chuyển luân vương muốn dạy họ làm việc bố thí, bấy giờ Đề-bà-đạt-đa hiện làm Phạm chí sinh tâm ganh ghét, đi đến chỗ Bồ-tát cầu xin quốc thành, vợ con và đầu mắt, tay chân, Bồ-tát đều hoan hỷ bố thí cả. Vô lượng chúng sinh thấy vậy tin hiểu việc bố thí mà nói rằng như Bồ-tát bố thí, tôi cũng bố thí như vậy, nguyện thành Bồ-đề.

Này Trí Thắng! Đề-bà-đạt-đa hoặc thấy Bồ-tát trì giới thanh tịnh muốn phá giới của Bồ-tát thọ trì, Bồ-tát vẫn chẳng hủy phạm tịnh giới. Vô lượng chúng sinh thấy Bồ-tát trì giới cũng bắt chước trì giới Bồ-tát.

Này Trí Thắng! Đề-bà-đạt-đa thấy Bồ-tát tu nhẫn nhục hoặc khinh chê mắng chửi, Bồ-tát vẫn chẳng sinh ác tâm mà đầy đủ Sằn-đề ba-la-mật-đa. Vô lượng chúng sinh thấy Bồ-tát dùng nhẫn nhục điều tâm cũng bắt chước tu nhẫn nhục.

Này Trí Thắng! Nên biết Đề-bà-đạt-đa làm lợi ích lớn cho Bồ-tát.

Như nay Đề-bà-đạt-đa thả voi lớn say muốn hại Như Lai cũng như ở núi Kỳ-xà-quật xô đá lớn, đều là phương tiện của Như Lai thị hiện chẳng phải tội nghiệp báo. Vì sao? Vì do phương tiện ấy mà lợi ích vô lượng chúng sinh.

Này Trí Thắng! Như Lai tổng nói nhân duyên mười nghiệp đều là Như Lai phương tiện thị hiện chẳng phải là nghiệp báo. Vì sao? Vì chúng sinh chẳng rõ nghiệp nhân cảm vời quả báo, nên vì chúng sinh mà Như Lai thị hiện nghiệp báo như vậy. Tạo nghiệp ấy rồi mắc báo như vậy. Nghiệp kia được tạo rồi mắc báo như vậy. Chúng sinh nghe xong họ lìa nghiệp ấy mà tạo nghiệp kia: họ lìa ác nghiệp mà tu tập thiện nghiệp.

Này Trí Thắng! Nay Đức Như Lai nói phương tiện rồi thị hiện phương tiện rồi, các phương tiện này phải giữ chặt cất kín chẳng nên nói với hạng người hạ liệt thiện căn kém mỏng. Vì sao? Vì kinh này chẳng phải

chỗ hành của hàng Thanh văn, Bích-chi-phật huống là phàm phu hạ liệt mà có thể tin hiểu được. Kinh phương tiện này chẳng phải chỗ dùng của họ, chẳng phải các phàm khí thọ trì được. Chỉ có Bồ-tát là hay thuyết hay học kinh phương tiện này.

Này Trí Thắng! Ví như đêm tối thắp đèn sáng lớn thấy được tất cả đồ vật trong nhà. Cũng vậy, Bồ-tát nghe kinh này rồi thì thấy được tất cả đạo sở hành của Bồ-tát, trong tất cả pháp này là những pháp mà mình phải học. Đối với tất cả sở hành của Như Lai của Bồ-tát đều đã đến bờ giải thoát. Người giỏi hành đạo Bồ-tát chẳng lấy đó làm khó.

Này Trí Thắng! Nay ta sẽ nói về người muốn được đạo Bồ-đề và các thiện pháp, nghĩa là các thiện nam, thiện nữ nghe tin quá trăm ngàn do-tuần có chỗ giảng thuyết kinh phương tiện này thì nên đến đó để nghe. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát được nghe kinh phương tiện này thì được ánh sáng hạnh, ở trong tất cả pháp trừ hết tâm nghi hối.

Lúc nói kinh này bốn chúng và các trời, người đều thành bảo khí đều nghe đều biết, kẻ chẳng phải bảo khí dù ở tại hội cũng chẳng nghe chẳng biết. Đối với trong kinh này tai còn chẳng nghe huống là miệng nói được, vì chẳng phải bảo khí, chẳng nhờ thần lực của Phật.

Lúc nói kinh này, có bảy vạn hai ngàn người phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Bấy giờ Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Kinh này tên gì, phụng trì thế nào?

Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Kinh này tên là Phương Tiện Ba-la-mật-đa, cũng tên là Chuyển Phương Tiện Phẩm, cũng tên là Thuyết Phương Tiện Điều Phục, các ông nên phụng trì như vậy.

Đức Phật nói kinh này rồi, trí Thắng Bồ-tát lòng sinh vui mừng, cùng những hàng học Thanh văn thừa, học Bích-chi-phật thừa, học Bồ-tát thừa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và Trời, Rồng, Quỷ Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân tất cả đại chúng nghe Phật nói như thế rồi, khen rằng:

– Lành thay, lành thay! Nay Phật đã nói xong kinh Đại thừa phương tiện.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 109

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Pháp sư
Xà-na-quật-na, người xứ Thiên Trúc.

PHÁP HỘI 39: TRƯỞNG GIẢ HIỀN HỘ (PHẦN 1)

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở thành Vương xá tại tinh xá Trúc viên của trưởng giả Ca-lan-đà cùng chúng Tỳ-kheo ngàn hai trăm năm mươi người đều đến hội họp, đều là bậc việc làm đã xong, chẳng thọ thân sau. Trưởng lão Xá-lợi-phất làm Thượng thủ. Các Tỳ-kheo vây quanh Đức Thế Tôn muốn nghe pháp, thân tâm họ điều thuận chẳng có chút mệt mỏi.

Bấy giờ Đức Như Lai Thế Tôn dung mạo đoan trang sắc mặt như mặt trời mọc, như hoa sen nở, đoan nghiêm rạng rỡ vui vẻ mỉm cười. Các Tỳ-kheo nghĩ rằng nay Đấng Bà-già-bà muốn tuyên nói pháp môn gì mà trên sắc mặt rực rỡ như vậy.

Lúc ấy có một đại phú trưởng giả tên Hiền Hộ cùng quyến thuộc một ngàn người vây quanh, oai lực dường như chấn động đại địa, an tường chậm rãi đi về phía Đức Thế Tôn.

Trưởng giả Hiền Hộ do phước đời trước nên nay thọ quả báo trời, thân thể nhu nhuyến như cành hoa búp non. Hiền Hộ đến trước Đức Phật, thấy Đức Như Lai dung nhan tối thắng tối diệu, thân công đức tạng tịch tĩnh trừng định như cội cây vàng sáng chói rực rỡ khắp cả rừng Trúc sinh lòng tịnh tín đối với Đức Phật, chắp tay suy nghĩ: "Trong thế gian được đại danh xưng thật chẳng hư thuyết, cho rằng Nhất Thiết Trí Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác là chân thật". Hiền Hộ liền cúi đầu quỳ lạy sát chân Phật rồi quỳ gối cất đầu nhất tâm nhìn kỹ Đức Thế Tôn không chớp mắt.

Lúc chiêm ngưỡng Đức Như Lai, thân trưởng giả nghiễm nhiên chẳng nghiêng chẳng động.

Thấy lòng Hiền Hộ khát ngưỡng như vậy, Đức Như Lai lại phóng diệu quang nơi thân. Lúc diệu quang chiếu ra Hiền Hộ liền được không sợ

sệt, đứng dậy đi nhiễu ba vòng quanh Phật rồi lại đảnh lễ dưới chân Phật quỳ gối chắp tay bạch:

– Bạch Thế Tôn! Xin Phật thương xót con, xin Phật dạy bảo con! Đại Thánh Thế Tôn! Ở bên Phật con sinh lòng tin chưa lâu, vì thế Đức Phật chỉ nên vì con mà theo sự hiện tại nói một pháp môn, nay con khát ngưỡng muốn nghe pháp, vì trong sinh tử bị phiền não bức ngặt có nhiều nghi hoặc, tâm luôn phân biệt, do đó, xin Thế Tôn Từ bi xót thương thuyết pháp khiến con dứt trừ mối nghi. Đại Thánh Thế Tôn! Vì con không biết chính xác nên còn mê hoặc chẳng biết ra khỏi bờ mé biển sinh phiền não, già, bệnh, chết Như Lai Thế Tôn là Đấng Nhất Thiết Trí, cũng như ngọc ma-ni, là một vật hiếm có ở thế gian, có thể ban cho tất cả chúng sinh những điều vui. Thế Tôn lại như cha mẹ làm cho tất cả chúng sinh được quả báo lành đó là căn bản.

Đức Phật dạy:

– Này Hiền Hộ! Nếu ông có nghi cho phép ông hỏi, ta sẽ phân biệt giải thuyết cho.

Trưởng giả Hiền Hộ được Phật hứa khả, lòng vui mừng muốn hỏi điều nghi trong lòng, liền đứng dậy ở qua một bên, thân oai quang viên mãn đầy đủ.

Trưởng lão A-nan thấy Hiền Hộ như vậy, liền bạch:

– Hy hữu thay, Thế Tôn! Trưởng giả Hiền Hộ này thân quang oai lực hơn các đại vương, đẹp tuyệt lạ thường, đoan chánh khả ái, trong thế gian độc nhất vô song.

Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Nay ông có muốn nghe những sự vui đẹp trong nhà của trưởng giả Hiền Hộ chăng? Nếu nói đủ quả báo sung sướng của Hiền Hộ thì dù Đế Thích Thiên vương tại trời Đao-lợi còn chẳng bằng huống là nhân gian nơi Diêm-phù-đề này, duy trừ một người là trưởng giả tử Chân Nguyệt.

Trưởng lão A-nan bạch:

– Bạch Thế Tôn! Trưởng giả Hiền Hộ này, trong nhà có gì thù thắng mà Thế Tôn khen ngợi.

Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Ông nên lắng nghe! Trưởng giả này có những của cải căn lành rộng lớn, nay ta vì ông mà lần lượt tuyên nói.

Này A-nan! Trưởng giả Hiền Hộ này có sáu vạn thương chủ lớn nhất

thường theo sau ông. Mỗi thương chủ ấy đều có vô lượng của báu lạ thường.

Trong nhà Hiền Hộ thường trần thiết sáu vạn giường nằm lục hợp thượng diệu, trên trải mền nệm tạp sắc, có gối dựa lụa tạp sắc để cặp hai bên.

Diệu y tạp sắc bằng lụa kiều-xa-gia…, mỗi nơi đều đủ bốn bộ và những y phục, những vật đẹp lạ sản xuất từ bốn phương đều có đủ trang nghiêm nhà ấy. Những y phục ấy đều mịn nhuyễn sạch sẽ bóng sáng, như bàn tay sạch tươi nhuận sáng bóng thanh khiết.

Nhà Hiền Hộ, khắp mọi nơi đều treo trân châu anh lạc để trang sức.

Còn có sáu vạn thể nữ đoan chánh đẹp tuyệt, thân thể mềm mại, mảnh mai mịn màng, giỏi cười đùa khéo nói năng, tư thái diệu mỹ biết chiều tiếp ý người. Kẻ giận phiền thấy họ liền vui vẻ, kẻ lo rầu gặp họ thì thư thái, lời nói âm thanh cợt đùa của họ làm cho người mở lòng đẹp mắt, họ đều hòa thuận tin tưởng chồng mình có tư cách để làm tròn bổn phận người vợ, xa lìa dục tâm đối với nam tử khác. Hoặc có lúc họ tự biết hổ thẹn chắp tay ngó xuống khom mình cung kính chuyên tâm nơi chồng mà không còn ngó chỗ khác. Hoặc có lúc vì yêu riêng đối với chồng mà họ ghen ganh tranh đấu ghét nhau nhíu mày nhăn trán, họ giả bộ để đùa kỳ thật họ không có lòng ganh ghen. Ngón móng của họ thon dài tròn đều, cườm tay mắt chân đầy đặn nhỏ kín, thân như say lả liếc nhìn đắm đuối, bước đi tường tự, đứng ngồi đoan trang, tóc màu xanh biếc, mịn láng dịu mềm, chải gỡ khéo làm mê hoặc người. Các thể nữ ấy hoặc hầu hạ hoặc cưng yêu cung phụng chồng mình, tiếng đồn trong sạch lưu rộng khắp nơi. Các thể nữ ấy dòng họ rất lớn ở trong nhà họ cũng có tiếng tốt đều kham làm vợ chính các nhà quyền quý. Có những sự trang nghiêm như vậy trong nhà to rộng của Hiền Hộ chẳng thể kể hết.

Lúc trưởng giả Hiền Hộ muốn ăn thì có sáu vạn thứ cơm canh thơm ngon vi diệu như thức ăn cõi trời. Thực phẩm ấy sắc vị hoàn hảo đủ tám công đức, tùy ý ăn vào miệng liền tiêu, ăn rồi thuận thích không làm chướng ngại, vì quả báo lành chiêu cảm nên tự nhiên vừa ý, thân thể sáng sạch không hôi hám.

Trong nhà Hiền Hộ còn có sáu vạn kiệu và xe đều trang nghiêm với những trân kỳ châu báu, đều có diệu y giăng che bên trên. Mặt đất rải hoa thơm đẹp, nước thơm tưới khắp, không có bụi bặm, sạch sẽ bóng láng.

Trong nhà Hiền Hộ còn có những âm nhạc tối thượng: Tay đánh ngón gảy miệng thổi, thanh âm vi diệu, thánh thót nhập thần, ca khúc êm dịu,

người nghe thích ý. Những thứ vi diệu như vậy làm đẹp trang nghiêm cả tòa nhà.

Nơi nhà Hiền Hộ còn có vườn rừng cây cối tươi tốt sum suê, cỏ lạ hoa thơm đủ màu tươi sáng. Trong vườn cây có nhiều chim lạ, phát ra âm thanh hòa nhã như nhạc trời. Cảnh trí thanh âm không khác Thiên cung. Châu báu hợp thành như núi Tu-di, như hang rồng không khác.

Trong nhà Hiền Hộ còn các thứ đèn sáng không bị gió thổi lay, sáng thấu khắp nơi đêm như ngày không khác.

Lại cõi nước nơi nhà Hiền Hộ có sáu vạn thành, đường sá, lâu đài đều trang nghiêm đầy đủ. Những thành ấy mọi nơi đều có thương nhân các nước tụ tập, nhiều hình dạng, nhiều ngôn ngữ, nhiều trân kỳ, nhiều hàng báu cùng đổi chác nhau, chợ búa trăm ngàn vạn người cũng không thể đếm kể.

Giáp vòng bốn phía thành ấy có vườn tược cây cối trăm ngàn thứ, hoa trái sum suê cành lá rậm rạp, bầy ong đua bay lấy mật lấy phấn.

Các thành ấy có nhiều voi ngựa và xe cộ.

Trong các thành ấy có rất nhiều đại phú, trưởng giả, cư sĩ, thương chủ và thương nhân thường nhất tâm cùng ca ngợi công đức của trưởng giả Hiền Hộ, họ đồng chắp tay đảnh lễ tán thán, huống là danh tiếng của Hiền Hộ họ đều vui được nghe, muốn được mắt thấy trưởng giả Hiền Hộ.

Vua nước ấy là vua Ba-tư-nặc, thấy sự giàu có hình thế phước đức của Hiền Hộ, tự thấy mình thua kém không khác bần nhân, nhà vua khen của báu của Hiền Hộ.

Này A-nan! Ông trưởng giả Chân Nguyệt kia mỗi lúc ăn có ngàn thứ trân vị, sớm tối tả hữu, đồ dùng tự nhiên, còn có năm ngàn thể nữ vây quanh cung phụng vui thú. Sánh với trời Đế thích thì trưởng giả Chân Nguyệt hưởng thọ sung sướng hơn ngàn lần, nhưng so với trưởng giả Hiền Hộ thì chẳng bằng một phần trăm về dung mạo của báu, cũng như hưởng thọ sung sướng.

Này A-nan! Trưởng giả Hiền Hộ có một cỗ xe vi diệu tên là Đoạt ý kỳ xảo tráng lệ, nhân gian đều không có. Trong xe ấy có tòa Thiên bảo, xe ấy thuần trang hoàng với những châu báu cõi trời. Những thiên bảo mã não, kim cương, trân châu, bảo bối, ánh sáng chói lòa như các tinh tú trên không gian. Xe ấy đi mau như gió.

Này A-nan! Lúc ý của Hiền Hộ muốn đến trong biển nhặt châu báu, ngồi lên xe ấy tùy ý liền đến, thọ khoái lạc xong, muốn về nhà thì liền về đến nhà.

Trưởng lão A-nan đảnh lễ chân Phật bạch:

– Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Trưởng giả Hiền Hộ thuở trước tạo căn lành gì mà đời nay thọ quả báo này?

Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Ông muốn biết thì phải lắng nghe. Nhân duyên này đều do quá khứ ở bên Phật tạo căn lành nay được quả báo thắng thượng như vậy.

Này A-nan! Ta nhớ thuở xưa có Phật xuất thế hiệu Lạc Quang Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Lúc ấy Hiền Hộ ở bên Đức Phật làm Tỳ-kheo tên Pháp Kế, trì giới không nghiêm túc, có nhiều thiếu sót mà giỏi tuyên nói giáo pháp của Đức Phật, khai thị người chưa nghe. Đại Pháp sư ấy đa văn tổng trì tạng Tu-đa-la cũng trì Luật tạng, thường thuyết pháp yếu cho các chúng sinh, hiểu rộng biện tài nghĩa vị sâu xa, âm thanh rành rẽ, khiến người đều thích nghe. Người được nghe pháp đều sinh lòng hoan hỷ chẳng còn bị đọa ác đạo.

Này A-nan! Do nhân duyên pháp thí như vậy nên ông ấy trong chín mươi mốt kiếp hằng sinh lên cõi trời, trong cõi người, đoan chánh giàu sang.

Này A-nan! Nhân duyên được báo xe vi diệu, ta sẽ nói cho ông.

Lúc làm Pháp sư thời kỳ Phật Lạc Quang, ông ấy thấy các Tỳ-kheo tu phạm hạnh trì giới mà ốm gầy, bệnh hoạn thì cung cấp tất cả đồ dùng luôn cả giày dép đều vui vẻ bố thí, do đó mà nay được quả báo xe vi diệu như ý.

Này A-nan! Thuở xưa có Phật hiệu Ca-diếp Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Đức Phật Ca-diếp ấy bảo trưởng giả:

– Đời vị lai có Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri sẽ thọ ký cho ông.

Này A-nan! Nay ta cần dạy cho Hiền Hộ được tỏ ngộ.

Trưởng lão A-nan bạch:

– Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Trưởng giả này giàu có lớn như vậy mà tính nhu hòa chẳng cống cao ngã mạn, ở trong năm dục mà lòng chẳng nhiễm.

Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Phàm là người trí thì chẳng vì giàu có mà kiêu ngạo và nhiễm năm dục.

Trưởng giả Hiền Hộ này do nhân duyên diệu pháp nhiều đời mà thọ

phước báo vô tận.

Bấy giờ trưởng giả Hiền Hộ đã được Đức Phật hứa khả muốn thỉnh hỏi chỗ nghi, liền nhất tâm ở trước Phật quỳ dài chắp tay bạch:

– Đại Từ Đức Thế Tôn nhiếp thọ tất cả chúng sinh, thương xót tất cả chúng sinh. Nay lòng con có chỗ nghi muốn hỏi, xin Thế Tôn giải thuyết cho con được hết nghi.

Đức Phật dạy:

– Này Hiền Hộ! Nếu lòng ông có nghi mà muốn dứt trừ thì nay là phải lúc, ta cho phép ông hỏi, ta sẽ vì ông mà phân biệt giải nói.

Trưởng giả Hiền Hộ bạch:

– Bạch Thế Tôn! Các chúng sinh biết mình có thần thức. Mà thần thức này như là cái tráp báu lúc chưa mở ra chẳng biết trong ấy có báu gì.

Bạch Thế Tôn! Thần thức ấy tướng mạo ra sao? Do duyên gì mà gọi là thần thức? Lúc mạng chung các căn sắp diệt bốn đại sắp phân tán, thần thức ấy không tay chân mặt mắt làm sao từ trong thân dời ra được. Thần thức ấy màu gì hình gì? Từ trong thân làm sao rời lìa được thần thức ấy? Thế nào xả bỏ thân này mà thành tựu thân khác? Thế nào xả bỏ các đại các nhập này mà hướng đến đời sau? Thế nào thành tựu nhiều thân sai khác? Nay người đã chết các nhập vị lai thế nào tùy thuận? Thế nào đời này tạo căn lành đời vị lai thọ quả báo? Thế nào đời nay các ấm nhập này tạo các căn lành mà đời sau các ấm nhập khác thọ lấy quả báo? Thế nào thần thức này được thân nơi chỗ kia? Thế nào các nhập hình thể theo chỗ kia?

Đức Phật dạy:

– Lành thay, lành thay! Đúng như lời ông hỏi. Này Hiền Hộ! Nay ông nên chí tâm lắng nghe mà lãnh thọ. Ta sẽ vì ông mà nói thần thức đến đi dời dứt.

Này Hiền Hộ! Ví như phong đại không hình sắc chẳng nhìn thấy được, nhưng do nhân duyên mà hiện hình sắc, nó hiện hình sắc thế nào? Như gió thổi động các cây cối, thổi chạm vách núi bờ sông phát ra tiếng, do nhân duyên lạnh nóng sinh ra gió nên có thể cảm thọ được, mà hình thể gió ấy chẳng thấy được, cũng chẳng thấy được tay chân mặt mắt ra sao, nhưng trên các hình sắc, nó có tác dụng tăng thêm phần công ích hơn lên, hoặc đen, hoặc trắng.

Thần thức giới này cũng vậy, chẳng thể dùng màu sắc thấy được cũng chẳng dùng đến hình sắc, chỉ do chỗ sở nhập làm ra hình thể mà hiển hiện màu sắc.

Tại sao nơi chỗ kia thức giới này được tên là thọ xúc pháp giới ư? Lại thế nào thức giới này bỏ thân này rồi sau đó thọ ái xúc… ư?

Ví như phong giới hay dời hơi hương nên biết mùi hoa này theo gió thổi lại. Nhưng thật ra phong giới ấy chẳng mang mùi hoa đến, cũng chẳng phải không gió mà mùi hoa hay đến. Hương ấy không có sắc, gió ấy cũng không có sắc, căn ngửi mùi kia cũng không sắc.

Cũng vậy, người chết kia thần thức sắp dời giữ lấy xúc thọ… và các giới rồi có đời kia, do phụ mẫu hòa hợp rồi sau biết được có thức, do có thức thì biết có thọ có xúc hòa hợp mà thành.

Ví như người khỏe mạnh, thức cường thắng, nên có căn ngửi hương, vì căn ngửi hương mạnh, nên có hương mạnh. Vì có hai thân thắng nên có hai sự thắng có thể thấy được. Hai sự thắng là sắc và xúc.

Ví gió kia nhiều nên mùi hoa cũng nhiều. Cũng vậy, vì thức lớn nên thọ cũng lớn, vì thọ lớn nên thức cũng lớn, vì thức lớn nên các giới cũng lớn mà biết đây là thiện đây là ác vậy.

Ví như họa sư đã thành tựu giỏi tốt rồi thì bản họa, tùy ý muốn phát xuất để làm liền có thể thành ý hiểu tốt nên tùy màu sắc đều làm được. Nhưng họa sư ấy nếu không có màu sắc thì không thể hiện thành màu sắc.

Cũng vậy, thức ấy thành tựu sáu sắc căn, những là nhân nhãn thấy sắc mà có thức biết, nhân nhãn thấy sắc ấy thật ra không có sắc. Nhân nhĩ nghe thanh ấy cũng không có sắc; nhân tỷ ngửi hương ấy cũng không có sắc; nhân thiệt nếm vị ấy cũng không có sắc; nhân thân giác xúc ấy cũng không có sắc, nhân ý có các đại ấy cũng không có sắc, những cái được biết ấy cũng không có sắc. Nên biết trong cảnh giới ấy cũng không có sắc. Theo tuần tự như vậy nên biết thức ấy cũng không có sắc. Phải quan sát như vậy.

Này Hiền Hộ! Ông hỏi thức này bỏ thân đến đời kia thế nào?

Này Hiền Hộ! Lúc chưa mạng chung, thức này do nghiệp nắm giữ. Lúc nghiệp và mạng ấy hết, ví như người nhập tịch diệt Tam-muội có thức thân thể, thức thân thể này diệt rồi sau nhập ở trong tịch diệt định, cũng vậy, thức này ở bên người chết xả thân và các đại Xả rồi, chỉ có niệm lực mới biết như vầy: Tôi là như thế. Phàm khi người xả thân có hai thứ xúc chánh niệm: Một là chánh niệm; hai là xúc, mà lúc người ấy mạng chung nên thân có xúc hai thọ: Một là thân thọ; hai là niệm thụ, sau khi chết niệm có xúc.

Lại nữa ông hỏi thức ấy nghĩa là gì?

Này Hiền Hộ! Như có hạt giống hay mọc mầm, từ trí sinh thức thì gọi là niệm. Thế nên trí hay sinh gọi là thức rồi sau trở lại thọ nơi xúc. Vì

trí biết khổ lạc nên gọi là thức, sau lại thọ thiện ác, cũng có thể biết cảnh giới thiện ác nên gọi là thức, như hạt mọc mầm, thân ấy thành tựu, nên gọi là thức.

Lại nữa, thức này thế nào bỏ thân rồi dời đến kia?

Này Hiền Hộ! Ví như trong gương soi hiện thân hình, lại như trong khuôn đất đúc ra thân hình, lại như lúc mặt trời mọc hay diệt trừ tối tăm mặt trời ấy lặn thì tối trở lại, nhưng mà tối ấy không có chỗ thường định chẳng phải không có chỗ thường định, nhưng tối ấy không có sắc, không thọ, chẳng thấy được. Cũng vậy thức này sinh thân rồi như tối rời sáng, thân sinh cũng vậy, người ấy chẳng thấy thức này mà thức thọ thân này. Ví như người đàn bà thọ thai mà chẳng biết thai tôi mang đây là nam là nữ, là đen là trắng, các căn đủ hay chẳng đủ, tay chân ngay thẳng hay chẳng ngay, mà kẻ ở trong thai hoặc vì thức ăn nóng chạm xúc nên liền máy động. Cũng vậy, thức này đến đi co duỗi cùng chung với mắt mở nhắm, do các nghiệp được tạo từ trước nên có những cảnh giới cười, nói… các việc phát sinh mà biết được thức an trụ trong sắc thân. Nhưng các chúng sinh chẳng biết thức ở trong sắc thân ta có hình thể gì.

Này Hiền Hộ! Vì thức này khéo thành tựu nên dời đến tất cả các cõi mà chẳng nhiễm trước các cõi.

Này Hiền Hộ! Các cõi và thức cảnh giới sáu căn là sáu giới xứ, có bốn đại xứ, có năm ấm xứ. Ông nên biết cảnh giới thức… như vậy.

Này Hiền Hộ! Ví như người gỗ do một cơ quan mà tác động tất cả việc chạy nhảy và hiện ra các thứ nhảy múa. Ý ông thế nào, có duyên cớ gì mà người gỗ làm các việc ấy?

– Bạch Thế Tôn! Chỗ hỏi của Đức Như Lai chẳng phải cảnh giới của con, con không có trí để đáp được.

– Này Hiền Hộ! Sự việc kia là do sức trí tuệ khéo mà làm ra các sự việc, mà việc khó ấy không có sắc, do trí sinh ra. Cũng vậy, thân người này do thức khéo mà sinh, mà các thứ thân do thức làm ra, thức này tạo thân nên sinh ra, nhưng thức này không thể cùng tận. Như do pháp giới huân tu nên các thân xưa trước ý ức niệm thành tựu. Ví như ánh sáng mặt trời soi đến các tử thi tanh hôi nhơ bẩn mà không bị ô nhiễm, nhưng sự hôi bẩn ấy chẳng lìa ánh sáng mặt trời. Cũng vậy, thức này sơ sinh tại hôi bẩn ăn uống các vật bất tịnh, lại ở trong bụng chó heo mà thọ thai, mà thức này chẳng bị ô nhiễm.

Lại nữa, này Hiền Hộ! Thức này xả thân rồi tùy theo nghiệp thiện ác đã làm. Nghĩa này là sao? Sau khi bỏ thân thể này, thức liền thọ lấy tội

phước kia. Ví như phong giới từ đầu núi phát xuất đến rừng Chiêm-bặc, vì xúc chạm nên gió ấy thọ mùi hương vi diệu rồi đến chỗ hôi bẩn chỗ các tử thi, tùy đến nhiều chỗ, gió ấy nhận lấy nhiều mùi đến kia thành nhiều. Như gió ấy mang các mùi kia đi qua, mà gió ấy không sắc, các mùi kia cũng không sắc. Cũng vậy, xả thân này rồi thức ấy mang thiện ác mà dời theo tuần tự mà đi. Thức ấy muốn dời đi, dường như người chiêm bao biết có tất các vật mà thân chẳng dời bản xứ. Cũng vậy, có phước cũng sinh, lúc thức muốn dời đi, dường như chiêm bao thấy có các sự vật, nhưng thức ấy chẳng từ yết hầu đi ra, chẳng từ lỗ lông đi ra, lúc thức ấy ra cũng chẳng tìm các lỗ.

Trưởng giả Hiền Hộ đảnh lễ dưới chân Phật bạch:

– Bạch Thế Tôn! Như trứng gà trứng ngỗng, thức ở trong vỏ, vỏ ấy không có lỗ, làm sao biết có thức riêng khác, trứng ấy không vỡ thức ấy làm sao dời đi?

Đức Phật dạy:

– Này Hiền Hộ! Ví như dùng các thứ hoa Chiêm-bặc… ướp mè đen cho thục rồi ép lấy dầu mà gọi là dầu hoa Chiêm-bặc… Hơi hương của hoa chẳng phá hoại hạt mè đen mà hơi hương dời vào, hương ấy chẳng dính lấy mè, nhân nơi mè và hoa cùng hòa hợp mà hơi hương dính lấy nhau mà hơi hương chẳng tìm lỗ bên hạt mè để chui vào. Nhân nơi hai thứ hoa và mè mà hơi hương dời đổi. Cũng vậy, thức này chẳng phá hoại vỏ trứng mà nó chuyển dời, ông phải biết như vậy.

Lại thức ấy chẳng dời đổi, ví như ánh sáng của mặt trời lửa và ma-ni báu…, phải thấy biết như vậy.

Lại thức ấy dời đổi dường như hạt giống gieo trong đất mọc ra mầm cây lá hoa quả hoặc trắng hoặc đỏ hoặc đen đều riêng tự có vị lực thành thục, mà địa giới ấy vẫn là một, thủy hỏa và phong cũng vẫn là một. Cũng vậy, thức này có một pháp giới mà thành tựu thân trong tất cả các cõi rồi sau mới sinh hoặc đen hoặc trắng hoặc đỏ các màu sắc, hoặc bản tánh cang cường, hoặc bản tánh điều nhu.

Lại lúc mạng chung, thần thức này xả thân rồi thành chủng tử của thân sau sắp làm thành thân thể tay chân… mà đang lúc ấy chưa có các bộ phận thân thể, nó bỏ địa phần mà lấy pháp giới phần, các giới ấy cùng hòa hợp với niệm, nhưng niệm ấy do sức tín kính nên hòa hợp với niệm pháp giới, giữ lấy thức chẳng rời lìa thức mà pháp giới có thể thấy được, cũng chẳng rời pháp giới mà thức có nhân, nhưng thức ấy được phong lực trợ giúp, tự có các pháp giới khác đều là vi diệu, đó là niệm giới, thọ giới, pháp

giới, sắc giới vậy.

– Bạch Thế Tôn! Thức ấy thế nào có sắc?

– Này Hiền Hộ! Có hai thứ sắc nội sắc với ngoại sắc. Nội sắc là gì? Đó là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý. Ngoại sắc là gì? Đó là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp.

Này Hiền Hộ! Như người mù tối ban đêm trong chiêm bao thấy những sắc đẹp tối thắng tối thượng cõi trời, thấy rồi người này sinh lòng hỉ lạc tối thắng. Thức giấc không còn thấy, đến sáng nói với mọi người rằng: trong đêm rồi tôi chiêm bao thấy thân hình phụ nữ đoan chánh tối diệu tối thượng, lại thấy trượng phu số đông trăm ngàn, tôi còn thấy vườn hoa rừng cây… Người mù bẩm sinh ấy thuật rõ cảnh tượng người vật đã được thấy trong chiêm bao mà mọi người chẳng thấy. Ý ông thế nào? Người mù bẩm sinh ấy ngủ chiêm bao tại sao được thấy?

– Lành thay! Bạch Thế Tôn! Xin vì con mà nói sự ấy, tại sao được thấy.

– Này Hiền Hộ! Bởi nhục nhãn nhân trí lực mà người mù bẩm sinh ấy ở trong chiêm bao được thấy, chẳng phải thật mắt thấy.

Này Hiền Hộ! Như người chiêm bao thấy sắc chánh niệm chốc lát, người chết thấy nội sắc cũng như vậy.

Này Hiền Hộ! Ta lại vì ông mà giải nói thần thức người chết dời đổi như chủng tử.

Ví như chủng tử gieo xuống đất thọ lấy tứ đại, thần thức này thụ chánh niệm rồi, thọ xúc, thọ rồi, thọ thiện và bất thiện rồi, xả thân rồi, sau đó mới dời.

– Bạch Thế Tôn! Thế nào thần thức này thọ thiện và bất thiện rồi sau đó thần thức này mới dời?

– Này Hiền Hộ! Ví như ma-ni bảo theo bóng sắc mà biến đổi. Nếu để nơi bóng đen thì hình ma-ni biến thành đen, nếu để trong bóng trắng thì nó biến thành trắng. Tùy ở chỗ bóng hình thế nào thì ma-ni bảo ấy liền biến đồng màu sắc ấy. Thần thức này thọ thiện và ác mà liền dời đi cũng như vậy.

– Bạch Thế Tôn! Thần thức này thể chất như thế nào mà hiện?

– Này Hiền Hộ! Thần thức này vô hình, không có chỗ tụ họp không có chỗ tích trữ, cứu cánh không thể được, chẳng thể nói được. Thần thức này có sinh có diệt có khổ não cũng chẳng thể nói được.

Ví như từ hạt sinh mầm cũng chẳng thể được. Chẳng phải hạt mục

hạt hư sinh mầm mà hạt tốt kia mới sinh mầm được. Ý ông thế nào? Mầm của hạt ấy tồn tại ở chỗ nào? Là ở tại thân cây hay ở tại lá hay ở tại rễ hoặc ở tại nhánh? Cũng vậy, thần thức này ở tại thân thể không có nương ở chỗ nào, nó chẳng ở tại mắt, chẳng ở tại tai, chẳng ở tại mũi, lưỡi, thân hay ý.

Cũng như từ hạt sinh mầm, hạt sinh mầm ấy lấy thủ thọ làm gốc, vì chỗ kia thủ nên liền thọ thai, thụ thai rồi liền có xúc. Như sinh mầm rồi y theo thời tiết mà có nhánh lá quả liền có hạt. Cũng vậy thần thức này trước tiên thành tựu thân thể, thân thể được thành tựu rồi thần thức này không có nơi trú nhất định mà cũng chẳng rời thần thức có thân thể.

Như từ trái chín có hạt giống chẳng phải từ trái sống. Cũng vậy, lúc thân này mạng chung, từ trong thân thể thần thức này hiển hiện. Do thụ hòa hợp, do ái trói buộc, do niệm nắm lấy cùng hòa hợp với thiện phan duyên hay với bất thiện phan duyên, do phong giới giữ lấy, trí huân theo nghiệp, nhân phụ mẫu hòa hợp sau đó thần thức này hiển hiện.

Ví như gương sáng tốt soi thấy hình mặt, chẳng phải không có mặt mình mà thấy được hình mặt, cũng chẳng phải không gương sáng mà có được hình mặt. Do gương sáng và mặt hai duyên hòa hợp nên có bóng mặt, mà bóng mặt ấy không có sắc cũng không có thọ, không có thức. Tùy theo thân chuyển động thì bóng hình trong gương cũng chuyển động, như thân nói năng dời đổi chuyển động co duỗi cúi ngửa, tùy theo động tác của thân bóng hình trong gương cũng có những tướng dạng như vậy hiển hiện.

Này Hiền Hộ! Ý ông thế nào, bóng mặt ấy do sự gì mà hiện trong gương?

– Bạch Thế Tôn! Do thân thể người đối với gương nên có bóng hình hiện trong gương. Tùy theo thân diện có sắc như vậy, bóng hình cũng sắc như vậy, hoặc các căn đủ hay chẳng đủ, trong gương cũng hiện ra bóng hình như vậy.

– Này Hiền Hộ! Như trong gương sáng hiện có bóng hình, do vì có thân người mà bóng hình hiện ra trong gương sáng. Cũng vậy, thân này nhân nơi thức mà có thọ, có thủ, có thức, có các hành tư niệm thành tựu thân thể.

Nói gương sáng ấy là nói duyên nơi phụ mẫu hòa hợp.

Nên biết như thân diệt rồi không có thức hình, như gương sáng kia đã hiện bóng mặt xong rồi ở nơi nước trong lại thấy bóng mặt, cũng vậy, thức này xả thân này rồi đến nơi kia lại thọ các ấm khác.

Ví như hạt cây Ni-câu-đà, hoặc hạt cây Ưu-đàm-bà-la…, dù hạt ấy nhỏ bé mà hay sinh ra cây nhánh rất lớn. Sinh ra cây nhánh rất lớn rồi hạt

lại bỏ rời cây ấy mà đến sinh cây chỗ khác. Cũng vậy, thức này vi tế không có hình sắc nhất định, sinh ra thân rồi lại bỏ, để sinh ra các thân thể khác nữa.

Ví như các thứ hạt lớn nhỏ đại mạch, tiểu mạch, mè đen…. Tùy gieo tại địa phương nào, nó liền ở trong địa phương ấy bén rễ. Cũng vậy, thức này ở trong thân chúng sinh dời đến chỗ kia liền có thủ có thọ mà ở tại đó, hoặc thọ phước, hoặc thọ tội, từ đời này dời đến đời kia.

Như con ong mật, nó tìm mật trong hoa lấy mật rồi bỏ hoa ấy lại dời đến hoa khác, hoặc bỏ hoa xấu dời đến hoa tốt, đậu trên hoa rồi, vui say hoa ấy lấy vị mật của hoa. Cũng vậy, thần thức này do nhiều căn lành hoặc thọ thân trời, bỏ thân trời rồi do nghiệp ác hoặc thọ các thân địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, thọ rồi lại thọ thân khác nữa.

Nhưng thần thức này phải quan sát nó thế nào?

Như hạt Uất kim hương, hay hạt hoa hồng lam, hay hoa phân-đà-lợi, hình thể nó tùy theo phần sắc bất định, mà trong hạt nó chẳng thể thấy mầm cũng không sắc nhất định. Nhưng hạt ấy xuống đất được nước thấm nhuần liền sinh mầm, có mầm cây rồi sau mới sinh hoa, mà sắc hoa không thể thấy được nơi hạt, cũng chẳng rời lìa hạt mà có mầm cây và màu sắc. Cũng vậy, thần thức này xả thân này rồi muốn thành thân kia, trong khối thịt kia còn chưa có các căn huống là có các nhập, đã không các căn các nhập đâu được có Thiên nhãn, Thiên nhĩ và thể chất hương vị xúc để được có biết. Đâu có thể biết rằng tôi ở lúc ấy làm nghiệp như vậy thân thể quá khứ của tôi như vậy, chỉ nhân nơi thức mà thọ.

Như con tằm, từ thân miệng nó nhả ra chỉ tơ làm kén bọc quấn thân nó rồi bỏ thân tằm đổi thành thân khác. Cũng vậy, thức này sinh thân rồi trở lại tạo nghiệp liền tự diệt thân dời đến nơi kia.

Như hoa sen sinh trong nước có sắc đẹp hương thơm, nhưng trong hoa không có thể chất nước ấy có thể thấy được. Hoa sen ấy diệt rồi có địa phương nào đặt hạt nó trong đó thì có sắc hương ở đó. Cũng vậy, chỗ thần thức này được dời, các căn cảnh giới chẳng cùng nó dời, thọ cũng không dời, cái được dời ấy chỉ có pháp giới.

Như châu như ý, tùy đến chỗ nào có cần vật gì thì tùy ý được có. Như ánh sáng mặt trời tự theo mặt trời, mặt trời đến đâu ánh sáng ấy cũng chiếu đến đó. Cũng vậy, chỗ mà thần thức này được dời đến thì pháp giới của thọ tưởng… cũng theo nó chẳng rời lìa.

Lại nữa, thần thức này bỏ thân này rồi lấy tất cả các hữu tụ họp lại, lấy rồi không thịt không xương dời đến thân sau. Nó lấy các hữu và các

xúc… các việc, dùng Thiên nhãn xem thấy thọ và thủ thiện ác.

Ví như những trái tiểu táo, thiên niên táo, am-ma-la, ca-tỳ-đà…, lúc nó thành tựu đều riêng có một vị, hoặc đắng hoặc chua hoặc ngọt hoặc mặn… Những trái ấy chín rồi tùy ở tại địa phương nào thì vị nó ở trong trái ấy. Hạt nó dời đến chỗ kia thì đều riêng có vị ấy. Cũng vậy, thần thức này dời đến chỗ nào thì nó tự có xúc theo dõi, phước và vô phước do hữu và niệm tự theo nó mà dời.

Lại nữa, thần thức này lúc xả thân nó nghĩ như vầy: "Nay tôi bỏ thân này", nên gọi niệm thức này là thức. Vì biết nghiệp thiện nghiệp bất thiện, biết nghiệp này theo tôi mà đi, biết tôi theo nghiệp này mà đi, do vì biết như vậy nên gọi là thức. Lại vì thân này biết tạo tất cả nghiệp nên gọi là thức.

Ví như phong giới, hoặc có lúc lạnh có lúc nóng, hoặc có lúc theo hôi mà có mùi, hoặc nhân thơm mà có mùi, nên biết đó là gió. Cũng vậy, thể chất của thức này không có sắc, hoặc do sắc do thủ sắc làm nhân, hoặc dục thủ làm nhân, hoặc kiến thủ làm nhân, hoặc trì giới cầu báo thủ làm nhân cho đến hữu và thọ, nhân nơi thọ mà thọ thân thể sắc thành tựu nên gọi là thức.

Bấy giờ trong đại chúng có một trưởng giả tử tên Chân Nguyệt đứng dậy đảnh lễ sát chân Đức Phật, chắp tay bạch:

– Bạch Thế Tôn! Cần phải quan sát sắc ấy, thủ ấy, dục thủ ấy, kiến thủ ấy và giới thủ ấy thế nào?

Đức Phật dạy:

– Này Chân Nguyệt! Phàm là người trí muốn biết những điều ông hỏi, thì nên biết như vầy:

Này Chân Nguyệt! Nếu có thiện sắc hay có phi thiện sắc từ nơi khối thịt phải quan sát gân, máu, mạch và khí mạch, sọ đầu túm lấy óc, ruột già, ruột non, phổi, tim, gan, cật, tỳ, mật, các tạng phủ, mỡ, thịt, tủy, máu, đàm, nước mũi, nước bọt, hôi thúi dơ bẩn đáng sợ, lông tóc râu ria da thứa gói che tụ hợp, tụ rồi tất cả các sắc đều do bốn đại làm thành. Bốn đại ấy nắm lấy sắc để làm thành thân thể nên gọi là thủ sắc.

Này Chân Nguyệt! Thân thể ấy do phụ mẫu hòa hợp thành, cứng rắn đó là địa đại, chất ướt lỏng đó là thủy đại, hơi ấm nóng đó là hỏa đại, động tác chuyển lay co duỗi đó là phong đại, có bị hay biết đó gọi là thanh, hương, vị, xúc các giới, hay nhớ biết nên gọi là thức.

– Bạch Thế Tôn! Thế nào lúc chết xả sắc giới ấy? Thế nào thức ấy ra khỏi từ thân ấy? Thế nào thân ấy lúc xả rồi nhớ biết như vầy: Đây là thân

của tôi?

– Này Chân Nguyệt! Thọ thân này lúc đương còn, thân nghiệp đã hết thì xả các đại.

Ví như đem sữa hòa với nước dùng lửa đun nấu. Do vì được hơi nóng mà sữa và nước đều riêng biệt, nhưng nước ấy có vị mỡ nhờn, nó không có sắc. Cũng vậy, người chết thân khác, các đại có khác, thần thức cũng có khác, nhưng thần thức ấy nắm lấy các đại và nắm lấy pháp giới rồi dùng pháp giới huân nơi niệm, nắm lấy thiện và bất thiện đến nơi đời kế sau.

Ví như thuốc dầu tô Ma-ha ca-lương-na, lấy dầu tô cùng các thứ vị thuốc dùng lửa đun nấu, trong ấy hoặc có cay có đắng, hoặc có chát có mặn, hoặc có lạt có ngọt, nấu lấy các vị rồi nhập vào dầu tô thành có các vị sắc hương… dầu tô ấy bỏ tự thể chuyển đổi mà thành vị thuốc.

Cũng vậy, xả thân rồi thần thức ấy nắm lấy thiện và ác và nắm lấy pháp giới dời đi đến đời kế sau.

Nói thể chất dầu tô là để ví dụ cho thân thể. Nói các vị thuốc kia hòa hợp tụ tập là ví dụ các căn. Nói dầu thuốc sắc, hương, vị, xúc là ví dụ thức ấy dời đi.

Nói sắc sai khác là thiện sắc và ác sắc. Nếu lúc uống thuốc vào thân mà tiêu hóa lành mạnh là dụ cho thiện nghiệp. Nếu uống thuốc dầu tô ấy vào thân mà hiện ra héo vàng là dụ cho ác nghiệp.

Nên quan sát thức này như thuốc dầu tô Ma-ha ca-lương-na.

Như dầu tô nắm lấy sắc vị của các món thuốc, lấy xong thành thuốc dầu tô Ma-ha ca-lương-na, nhưng dầu tô ấy không có tay chân và các căn chỉ lấy vị của các món thuốc. Cũng vậy, thức này xả thân rồi và xả các giới chỉ lấy pháp giới, thủ thọ rồi mang lấy thiện và ác mà đi.

Này Chân Nguyệt! Người ấy xả thân rồi ở đời kế sau được chánh niệm, được thiện niệm, hoặc thấy chư Thiên sáu tầng trời cõi Dục, hoặc thấy mười sáu địa ngục lớn, hoặc thấy thân thể các căn đầy đủ. Lúc ấy họ biết như vầy: Đây là thân của tôi.

Lúc người ấy mạng chung, họ nhớ thấy các sự tướng, hoặc thấy xe cộ vi diệu, hoặc thấy vườn rừng vi diệu, trong vườn rừng ấy có các thứ cây mới sinh sum suê khả ái, hoặc có ao nước vi diệu, hoặc thấy các sự thành tựu, thấy rồi họ sinh lòng hoan hỷ. Sinh lòng hoan hỷ rồi họ an ổn như pháp thọ sinh mạng chung, mà thần thức của họ dường như cõi ngựa, nên quan sát như vậy.

Nói cõi ngựa ấy, ví như có người ở giữa chiến trường, thân mặc giáp

chắc tốt, giỏi cầm cương ngựa ruổi chạy nhanh lẹ. Cũng vậy, thần thức này mặc giáp phan duyên thiện quả báo, mau chóng nương trên hơi thở ra vào, xả các giới các nhập, xả rồi thọ sinh Phạm thiên cho đến Sắc cứu cánh thiên, các xứ vi diệu vậy.

Bấy giờ trong hội có vị trưởng giả đồng chân tên là Nguyệt Thật từ chỗ ngồi đứng dậy chắp tay bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Làm thế nào thấy được nhân tố tồn tại của sắc? Làm thế nào thấy được nhân tố tồn tại của dục? Làm thế nào thấy được nhân tố tồn tại của kiến thủ? Và làm thế nào thấy được nhân tố tồn tại của giới cấm thủ?

Đức Phật dạy:

– Này Nguyệt Thật! Kẻ trí sẽ gặp hoàn cảnh trí, kẻ ngu sẽ gặp hoàn cảnh ngu. Bậc trí nhìn một cô gái có nhan sắc diễm lệ, biết rõ rằng đây là vật ghê tởm, chỉ là một khúc thịt, gồm có: Mủ, máu, gân, xương, mạch lớn, mạch nhỏ, ruột già, ruột non, dịch mỡ, màng não, thận, tim, lá lách, mật, gan, phổi, dạ dày, nước vàng, đàm mũi, tóc lông, móng và các bài tiết đại tiểu tiện, toàn là những thứ bất tịnh nhầy nhụa hiện dưới lớp da mỏng ấy, thật đáng kinh tởm. Nên biết rằng những sắc gì tồn tại đều do bốn đại hình thành, đấy là nhân tố tồn tại của sắc.

Này Nguyệt Thật! Như thân do cha mẹ sinh ra, những bộ phận nào thuộc tánh cứng đặc là địa đại; những bộ phận lưu chảy có tánh thấm ướt là thủy đại; hơi ấm có tánh nóng là hỏa đại; hoạt tánh khí động là phong đại. Sự hiện hữu cảm giác tri nhận, ức niệm và các đối tượng của chúng: Sắc, âm thanh, mùi, vị, xúc… các giới, đây đều là thức.

Nguyệt Thật bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Khi sắp chết, thức xả bỏ thân như thế nào? Thức chuyển dời khỏi thân như thế nào? Và làm sao thức biết được nay đang xả bỏ thân này?

Này Nguyệt Thật! Chúng sinh tùy nghiệp nhận lấy quả báo. Như một dòng chảy, thức này nắm giữ thân thể liên tục không dứt, cho đến khi kết thúc một thời kỳ quả báo chấm dứt, thức sẽ vứt bỏ thân mạng và nó sẽ theo nghiệp chuyển dời để tiếp thọ thân khác. Cũng như nấu hỗn hợp sữa và nước, do sức nóng của lửa, nước, sữa và chất mỡ béo mỗi thứ sẽ tự tách ra. Cũng vậy, này Nguyệt Thật! Sinh mạng chúng sinh chấm dứt, do nghiệp lực, hình hài, thức và các nhập, giới mỗi thứ tự phân tán, thức đóng vai trò sở y nắm lấy pháp giới và truy niệm về pháp giới, gồm các nghiệp thiện ác rồi chuyển dời đi tiếp thọ quả báo khác. Này Nguyệt Thật! Cũng như Đại

cát thiện tô, một loại thuốc quý tốt, do dùng các vị thuốc tốt hay bào chế thành. Đại cát thiện tô và các nhãn hiệu như thế không quan trọng, mà năng lực dược tánh tuyệt vời của nó mới chủ yếu. Sáu chất vị: Cay, đắng, chua, mặn, chát, ngọt dùng bổ trợ thân thể, giúp cho thân thể tốt đẹp hoàn chỉnh. Cũng vậy, thức bỏ thân này rồi, mang theo nghiệp thiện hoặc ác và các pháp quả để chuyển đổi tiếp nhận báo thân khác.

Này Nguyệt Thật! Chất Tô như thân, còn các vị thuốc hòa hợp là Đại cát thiện. Các pháp và các căn hòa hợp xúc tác hình thành nghiệp, cũng như các vị thuốc hỗn hợp, bào chế thành tô. Như nghiệp tư nhuận thức, nếu uống Đại cát thiện, sự khoan khoái dễ chịu thấm nhuận tràn đầy, làm cho thân sắc tươi sáng tốt đẹp, yên ổn không bệnh hoạn. Cũng vậy, với nghiệp thiện tư nhuận, thức sẽ nhận các quả báo an lạc. Nếu uống tô không hợp cách, dung nhan thay đổi tiều tụy xấu xí, đau đớn không còn huyết khí, thân sắc trắng bệch như chết; cũng vậy, với nghiệp ác tư nhuận, thức sẽ lãnh chịu các quả báo khổ.

Này Nguyệt Thật! Thiện bảo Tô không có tay chân mắt mà có thể giữ lấy năng lực dược tánh sắc, hương, vị của vị thuốc hay, cũng vậy thức nắm lấy pháp giới tiếp nhận các nghiệp thiện, khi bỏ thân này thọ nhận trung ấm được niệm tuyệt diệu của cõi trời, thấy được sáu tầng trời cõi Dục và mười sáu cảnh địa ngục. Thấy rồi, tay chân đoan nghiêm các căn tươi đẹp, nhìn thây chết vừa lìa bỏ, nghĩ rằng: "Đây là thân cuộc sống vừa rồi của ta". Ngay khi ấy lại thấy cung điện cõi trời thắng diệu tuyệt bậc, có các thứ cây cỏ hoa trái trang nghiêm, giây leo giăng phủ, ánh sáng chói ngời diễm lệ, như vàng tinh luyện cho mới thành các thứ trang sức. Kẻ ấy thấy cảnh tượng này rồi, tâm sinh hoan hỷ, vì tâm vui thích nên thức liền thác sinh vào cảnh giới đó. Người có thiện nghiệp này khi xả thân và thọ thân khác an lạc không khổ, như kẻ cỡi ngựa bỏ con này để rồi cỡi con khác. Ví như chàng tráng sĩ, võ nghệ đầy đủ, khi gặp quân địch đến, khoác áo giáp, cỡi con thiên lý mã tung bay không chút gì sợ hãi. Thức được căn lành tư nhuận, khi bỏ hơi thở ra vào, xả chiếc thân giới nhập để chuyển đổi tiếp nhận cảnh giới an lạc thù thắng cũng lại như vậy, hoặc thân cõi Phạm, thân các cõi trời khác, cho đến thân cõi trời Hữu đảnh mà sống trong các cõi đó.

Bấy giờ trong đại chúng có một Đại Bồ-tát, Vương tử Đại Dược, đứng dậy chỉnh y phục chắp tay bạch:

– Bạch Thế Tôn! Thần thức này từ thân này dời đi, nó sẽ có màu sắc gì?

Đức Phật dạy:

– Này Vương tử Đại Dược! Sự nghĩa được ông hỏi ấy rất sâu, là cảnh giới của chư Phật, chỉ có chư Phật biết được thôi, thức ấy trừ Phật ra không còn có ai biết được.

Trưởng giả Hiền Hộ bạch:

– Bạch Thế Tôn! Rất hy hữu! Vương tử Đại Dược này có thể hỏi sự sâu xa cùng cực, bí mật sâu xa vô cùng nơi chỗ sâu xa ấy.

Đức Phật dạy:

– Đúng như vậy! Này Hiền Hộ! Vì Đại Dược đây thuở xưa đã từng cúng dường Phật Tỳ-bà-thi gieo trồng căn lành.

Này Hiền Hộ! Xưa năm trăm đời Vương tử Đại Dược đây từng làm ngoại đạo, thuở ấy đã từng suy nghiệm ý nghĩa của thức này: Thức này như thế nào? Thế nào là thức? Nhưng suốt năm trăm đời ông ấy cũng chẳng biết rõ được thức này đến đâu, đi đâu và chẳng biết được đầu mối. Nay ta sẽ vì ông ấy mà quyết rõ nghĩa đó.

Trưởng giả Hiền Hộ khen Vương tử Đại Dược:

– Lành thay, lành thay! Vương tử Đại Dược có trí tuệ rộng lớn, không có biên tế, mới có thể hỏi nghĩa rất sâu xa nơi Đức Thế Tôn. Nay tôi khuyến thỉnh Đại Dược, xin hãy hỏi Đức Thế Tôn về nghĩa ấy. Chớ để ông Chân Nguyệt vui sướng chút việc mà hỏi Phật trước. Vì sao? Vì ông ấy luôn luôn não loạn chẳng khéo hỏi Đức Thế Tôn. Chỉ do Đức Phật Thế Tôn xuất thế rất khó, nơi thế gian mà tụ họp pháp hội như vầy lại càng khó, nên nay ngài phải khuyến thỉnh Đức Thế Tôn giải thích nghĩa chỗ sâu xa ấy.

Bồ-tát Đại Dược chiêm ngưỡng Thế Tôn, thấy Thế Tôn vui vẻ thanh tịnh như hoa sen đầu mùa thu vừa nở. Thấy rồi lòng vui mừng hớn hở, một lòng chắp tay bạch:

– Bạch Thế Tôn! Vì con khát ngưỡng, thích nghe chánh pháp sâu xa, lo sợ Thế Tôn chẳng nói rõ đủ pháp yếu cho con, chẳng quyết nghi cho con. Lại lo sợ chẳng bao lâu Thế Tôn sẽ nhập Niết-bàn con không còn nghe chánh pháp mà các chúng sinh đời mạt trược, ngu muội chẳng biết nghiệp báo thiện ác và đối với sự thành thục và chưa thành thục của nghiệp thiện và ác cũng không thể biết rõ hằng chịu sinh tử phiền não chẳng bỏ rời được.

Đức Phật dạy:

– Này Đại Dược! Chánh pháp Như Lai khó gặp khó được. Thuở xa xưa, vì một bài kệ mà ta gieo mình từ trên núi lớn để bố thí; vì cầu chánh pháp, ta lại thực hành vô lượng, vô biên khổ hạnh khó làm trăm ngàn ức các thứ sự việc.

Này Đại Dược! Ông có điều gì nghi nên hỏi Phật chớ có ngần ngại, ta theo ý ông mà phân biệt giải nói.

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tướng trạng của thức ấy như thế nào, mong Thế Tôn khai thị.

Đức Phật dạy:

– Này Đại Dược! Như hình bóng người hiện trong nước, hình tượng đó không thể nắm bắt được, nó chẳng phải có hay không, như hình tượng sô-lạc-già, như tượng khát ái.

Vương tử Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là khát ái?

Đức Phật dạy:

– Như một người đối với sắc khả ý, nhãn căn liền hướng đến sắc ấy, đây gọi là khát ái. Cũng như người cầm gương soi thấy mặt mình, nếu cất gương đi thì hình tượng ấy không hiện hữu nữa. Sự chuyển vận dời đi của thức cũng lại như vậy. Hình ảnh nghiệp thiện ác và sắc tượng thức, tất cả đều không thể thấy. Ví như một người mù, mặt trời mọc hay lặn, ngày hay đêm, tối hay sáng đều không hay biết. Thức cũng như vậy chẳng thể thấy được. Những khát ái, thọ, tưởng và niệm trong thân, không thể thấy được. Các đại, các nhập và các ấm, chúng đều là thức. Các hữu sắc thể: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, sắc, thanh, hương, vị, xúc… cùng các vô sắc thể: Tâm thọ khổ lạc, tất cả đều là thức.

Này Đại Dược! Như người do thiệt căn mà biết các vị: Hoặc đắng hoặc cay, ngọt, chua, mặn, chát mà lưỡi kia có sắc còn các vị thì không sắc. Trong thân này những xương tủy, máu thịt là có sắc còn cảm thọ kia thì không sắc, đây gọi là thức, là cái lãnh thọ tội phước.

Trưởng giả Hiền Hộ đảnh lễ sát chân Đức Phật rồi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Cái chịu tội phước ấy là ai?

Đức Phật dạy:

– Này Hiền Hộ! Ông lắng nghe nhận kỹ, ta sẽ nói cho ông. Người thấy chân thật thì họ thấy thức này, mà thức này chẳng thể được thấy, như trái A-ma-lặc trong bàn tay có thể thấy được. Thức này không ở trong con mắt… nếu ở trong con mắt, khi mổ xẻ con mắt, lẽ tất nhiên phải thấy được thức.

Như hằng hà sa số Như Lai thấy thức này, ta cũng vậy, chỉ vì hàng phàm phu ngu si chẳng biết chẳng thấy nên ta vì họ mà nói chỉ có tên thức

chẳng thể thấy nó được.

Này Hiền Hộ! Thức này chịu tội phước, ta sẽ nói cho ông, ông nên lắng nghe.

Ví như có người mắc phải Quỷ thần, hoặc các Thiên thần hoặc Càn-thát-bà, Tắc-kiến-đà… Này Hiền Hộ! Ý ông nghĩ thế nào, người bị mắc phải quỷ thần ấy, nơi thân thể có tìm thấy sự mắc phải ấy không?

– Bạch Thế Tôn, không! Quỷ thần ở nơi thân thể của người bị bệnh, không sắc không hình, ở trong hay ngoài thân đều tìm không thể thấy.

Này Hiền Hộ! Như người mắc phải đại Thiên thần có phước báo thù thắng thì phải dùng các loại hương thơm nổi tiếng thiêu đốt, bày biện các loại thức ăn uống thơm ngon, các thứ công cụ để tế giải phải trong sạch thơm ngon. Thức này cũng như vậy, khi được phước tư nhuận thì sẽ được quả báo an lạc tôn quý, hoặc làm nhân chủ, hoặc làm phụ tướng, hoặc làm người hào vọng tôn trọng, hoặc làm người giàu có tự tại, hoặc làm trưởng giả, hoặc làm đại thương chủ, hoặc được thân cõi trời hưởng thụ các quả báo thắng diệu, bởi vì thức này được phước tư nhuận nên thân thụ hưởng quả báo an lạc. Cũng như vị Thiên thần có phước thắng diệu mắc vào thân người nào thì sẽ được hưởng thọ các thứ hoa hương thù diệu và các thức ăn tuyệt mỹ, liền được vui vẻ, bệnh được an ổn. Nay được làm nhà hào phú tôn quý tự tại thì nên biết rằng đây đều do phước tư nhuận thức mà thân thọ hưởng quả báo an lạc.

Này Hiền Hộ! Nếu bị mắc phải các loại quỷ thần xấu ác thấp kém như loài Phú-đơn-na… thì chỉ thích các thứ bất tịnh phân nhơ, hủ bại, đàm dãi. Dùng các thứ này mà tế giả thì vui vẻ, lành bệnh. Người ấy do năng lực quỷ thần, tùy theo ý muốn của quỷ thần mà ưa thích phân nhơ hôi hám bất tịnh. Cũng lại như vậy, thức được tội nghiệp tư nhuận, hoặc sinh vào chốn bần cùng, hoặc sinh vào trong các loài ngạ quỷ và các loài súc sinh ăn đồ dơ dáy, hoặc sinh vào các cõi ác. Đây chính là do tội nghiệp tư nhuận thức nên thân chịu lấy quả báo khổ.

Này Hiền Hộ! Vị Thiên thần dựa vào thân thể của ai, tuy không chất không hình nhưng vẫn thọ được các thứ hương tinh khiết cúng dường. Thức do phước tư nhuận không hình thể nhưng vẫn thọ quả báo an lạc thù thắng cũng như vậy. Nếu ai bị các loài quỷ thần hạ liệt xấu ác như Phú-đơn-na dựa vào thì chỉ thọ các thức ăn uống bất tịnh dơ dáy. Thức do tội nghiệp tư nhuận thì sẽ chịu lấy các quả báo khổ đau cũng như thế.

Này Hiền Hộ! Nên biết rằng thức không hình chất, tùy theo phước tội tư nhuận mà thọ lạc hay khổ, cũng như có người bị quỷ thần dựa vào

tùy theo loài quỷ thần tốt xấu mà thọ ẩm thực ngon hay dở.

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Làm thế nào thấy được nhân của dục?

Đức Phật dạy:

– Này Đại Dược! Sự liên quan của các nhân tố nên dục sinh, như dùi cọ cây lấy lửa, do dùng dùi bằng gỗ, khúc cây và sức người dùi cọ ma sát mà lửa sinh. Như vậy, vì có thức và vì có nam, có nữ, hay có sắc, thanh, hương, vị, xúc mà dục sinh. Ví như nhân nơi hoa mà sinh ra quả, trong hoa không có quả, khi quả sinh, hoa liền diệt. Như vậy, nhân nơi thân, thức hiển lộ, nhưng nắm lấy thân tìm thức thì không thể thấy; quả nghiệp thức sinh ra thân liền tàn diệt, nhờ có thức mà thân xương tủy… các vật bất tịnh đều tụ lại hoặc tán ra. Như hạt giống, tự thân nó gìn giữ tính chất của trái trong tương lai nếu đem nó đi gieo trồng. Cũng lại như vậy, thức khi bỏ thân này mang theo thọ tưởng tác ý thuộc nghiệp thiện hay ác mà thọ báo đời sau.

Như đôi nam nữ ân ái sinh khoái lạc, sau cuộc gặp gỡ giao hoan rồi sẽ phân ly bỏ đi. Thức và thân hòa hợp luyến kết ái trước các mùi vị, rong chơi, keo lẫn; đến khi quả báo hết, thức và thân phân ly theo nghiệp mà thọ báo. Do nhân duyên giao hợp của cha mẹ, thức trung ấm đối xúc việc đó, do nghiệp lực, nảy sinh thức mà thọ thân. Ái tình và nghiệp đều không có hình chất, dục và sắc làm nhân tố cho nhau mà sinh ra dục, đây là nhân của dục.

Này Đại Dược! Làm thế nào thấy được nhân của việc nắm giữ giới? Giới là do các bậc Thầy chế định, như các hành nghiệp: Không giết hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Thủ nghĩa là nắm giữ các giới này, cần phải có tri kiến như vầy: Nhân gìn giữ giới này mà sẽ được các quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, do nhân ấy mà được sinh vào các cõi thắng diệu, thọ nhận trời, người. Đây đều là cái thiện hữu lậu, chẳng phải cái thiện vô lậu. Thiện vô lậu không còn thọ quả dị thục các ấm. Nay, giới thủ này là hạt giống hữu lậu gieo vào tâm thức thì sẽ được quả báo nghiệp thiện ác. Thức không thuần tịnh là do phiền não nên chịu cái khổ phiền não thiêu đốt. Đây là thấy được nhân của giới thủ.

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Làm thế nào thức thọ thân cõi trời cho đến thọ thân địa ngục?

Đức Phật dạy:

– Này Đại Dược! Thức cùng với pháp giới gìn giữ nên có cái thấy vi

diệu, chẳng phải con mắt thịt sở y cho là nhân của cái thấy. Cái thấy vi diệu này cùng với cảnh giới phước báo tương hợp nên thấy được thú vui dục lạc của cung trời. Thấy rồi sinh vui mừng, thức liền đắm trước, bèn khởi niệm như vầy: "Ta sẽ đến cõi kia". Chánh niệm nhiễm luyến ái ấy làm nhân của các cõi. Thức ấy lại thấy thân cũ nằm bỏ nơi nghĩa địa, liền khởi lên ý niệm: "Tử thi này là đại Thiện tri thức, nhờ nó tích tập các nghiệp thiện nên làm cho ta hôm nay được quả báo cõi trời".

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thức này đối với thây chết còn luyến ái nặng như vậy, sao không nương gá vào?

Đức Phật dạy:

– Này Đại Dược! Ví như dùng kéo cắt tóc, tuy thấy tóc rơi xuống đen tuyền bóng mượt, nhưng có thể làm cho nó dính lại trên đầu được không?

– Bạch Thế Tôn! Không thể được. Tóc đã cắt bỏ rồi thì không thể làm cho dính lại trên đầu.

– Đúng vậy! Này Đại Dược! Thây chết đã vứt bỏ, thức cũng không thể gá lại để thọ báo

Đại Dược lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thức này huyền vi tịch mịch thăm thẳm, không hình chất có thể nắm bắt, không trạng thái có thể suy tầm thì làm thế nào nó có thể nắm giữ thân to lớn như voi… hoặc thân cứng chắc như kim cang, nó còn có thể nhập vào thân của tráng sĩ trượng phu, sức mạnh có thể địch lại chín voi?

– Này Đại Dược! Ví như một trận gió lớn không chất không hình thổi vào u cốc hoặc qua khe hở rít lên âm thanh ghê rợn, hoặc có thể thổi bạt cả núi Tu-di xoáy thành cát bụi.

Này Đại Dược! Núi Tu-di và cơn gió lớn ấy sắc tướng ra sao?

– Bạch Thế Tôn! Cơn gió lớn ấy không chất không hình nhưng thật vi diệu.

Này Đại Dược! Cơn gió lớn không chất không hình ấy thật vi diệu. Thức cũng lại như vậy, không chất không hình nhưng quả thật vi diệu, thân dẫu to hay nhỏ nó đều có thể nắm giữ: Nhỏ như thân muỗi hoặc lớn như thân voi, nó đều có thể thọ trì. Ví như ngọn đèn sáng, ánh lửa ấy thật tuyệt vời, nếu đặt trong nhà, tùy theo căn nhà lớn nhỏ, bóng tối tiêu trừ. Thức cũng như vậy, tùy theo nghiệp nhân mà nó hứng nhận nắm giữ thân lớn hay nhỏ.

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tính chất và tướng trạng của nghiệp, chúng như thế nào? Do nhân duyên gì mà chúng hiển hiện?

Đức Phật bảo Đại Dược:

– Này Đại Dược! Được sinh vào các cõi trời, được ăn các thức ăn thượng diệu của cõi trời, sống trong cảnh an ninh khoái lạc, đây đều do nghiệp quả đưa đến. Ví như có hai người khát nước đang đi nơi chốn hoang vu, trong ấy một người gặp được nước mát ngọt, còn một người không gặp được nước ngọt nên cơn khát càng làm khổ. Kẻ được uống nước ấy không phải có người nào đó đem đến cho, còn người không được nước ấy không bị cản trở không cho nước, mà chính mỗi người do nghiệp nhân nên chịu quả báo khổ hay vui. Này Đại Dược! Cần phải thấy được nghiệp thiện ác như vậy. Cũng như mặt trăng lơ lửng trên không trung có hai phần sáng tối. Lại như quả còn sống, nhờ dùng lửa nấu chín nên quả đổi thành màu khác. Thân này cũng vậy, nhờ phước tăng trưởng nên sinh vào gia tộc tôn quý, tư sản đầy đủ, vàng bạc đầy ắp, thắng tướng hiển vinh; hoặc sinh vào cõi trời hưởng thụ khoái lạc tự tại. Đây đều do tướng trạng phước báo của nghiệp thiện hiển hiện. Ví như đem hạt giống gieo xuống đất, qua thời gian sau kết trái đầy trên cây. Song hạt giống ấy không phải chuyển từ cành này vào cành khác rồi đến ngọn cây. Nếu chặt và chẻ thân ra sẽ không tìm thấy hạt. Cũng không phải ai đó đem hạt cấy vào cành, nơi thân cây hay nơi rễ, tìm hạt giống ấy không thể thấy. Như vậy, các nghiệp thiện và ác đều nương nơi thân, nhưng tìm nghiệp ấy nơi thân tuyệt nhiên không thấy. Như từ hạt giống rồi mới có hoa, trong hạt giống không có hoa, nhân nơi hoa mới có quả, trong hoa không có quả, hoa quả phát triển trình tự qua lại, sự phát triển ấy cũng không thấy. Cũng vậy, từ nơi thân mà có nghiệp, nhân nơi nghiệp mà có thân; trong thân không có nghiệp, trong nghiệp không có thân. Như hoa nở đến kỳ rụng thì trái hiển hiện. Thân đến thời kỳ tàn diệt thì nghiệp quả mới hiện ra. Như nhờ có hạt mới có hoa có trái, cũng vậy có thân nhân nghiệp thiện ác mới có đầy đủ quả báo của các nghiệp ấy, không hình mạo cũng không tướng trạng cụ thể. Như có thân người mới có bóng, bóng ấy không có chất, không ngại, không thể nắm bắt, không thể buộc ràng dính nơi con người, những việc đi đứng qua lại của bóng tùy thuộc vào sự vận động của thân. Cái bóng ấy, cũng không thấy từ nơi thân mà ra, nghiệp và thân cũng như vậy. Có thân tất có nghiệp nhưng không thấy được nghiệp, nó buộc dính nơi thân không rời khỏi thân, nhưng nghiệp vẫn hiện hữu. Như các vị khác nhau của các loại thuốc đắng, chát, cay, có thể điều

tịnh thân thể trừ tất cả bệnh tật làm cho thân thể khỏe mạnh, nhan sắc tươi nhuận, người khác nhìn thấy liền biết uống thuốc tốt, vị thuốc có thể biết được, còn kỹ thuật luyện bào chế thuốc thì vô hình, không thể nhìn thấy được, dẫu có làm gì cũng không thể thấy biết được, nhưng nó có thể bồi đắp cơ thể con người làm cho da dẻ hồng hào dung mạo tươi trẻ. Cũng vậy, nghiệp không hình chất nhưng có thể tư nhuận sắc thân. Nếu nghiệp thiện tư nhuận, các thức uống ăn y phục, các tư trang trong ngoài chung quanh đều mỹ lệ, tay chân đoan chánh, dung hình đẹp đẽ, nhà cửa hoa lệ xa xỉ, châu ngọc vàng bạc các thứ quý báu chất chứa tràn đầy, an vui khoái lạc, sung sướng thích ý, nên biết rằng đây là tướng trạng của nghiệp thiện. Nếu sinh vào nhà nghèo nàn nơi vùng biên địa hạ tiện, đồ dùng thiếu thốn, mong mỏi thêm muốn cái vui của kẻ khác, đồ ăn uống thô xấu hoặc không có cái ăn, dung mạo xấu xí, chỗ ở thấp hèn, nên biết rằng đây là hiện tướng của nghiệp ác. Ví như dùng gương sáng soi mặt thấy đẹp xấu, hình tượng trong gương không hình chất có thể nắm giữ, cũng vậy, thức được nghiệp thiện hay ác tư nhuận thì hoặc sẽ sinh trong trời, người, hoặc sinh trong các cõi địa ngục, súc sinh. Này Đại Dược! Cần phải tri kiến nghiệp và thức hòa hợp biến dịch như thật.

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Làm sao thức nhỏ nhiệm này có thể giữ gìn các căn, có thể giữ lấy thân to lớn?

Đức Phật dạy:

– Này Đại Dược! Ví như thợ săn vào rừng núi, mang cung cầm tên độc bắn voi. Chất độc nơi mũi tên ngấm vào máu, độc tố phát tán chuyển vận khắp thân voi làm cho các chi và thân thể bị tê liệt, căn cảnh tán mất. Độc tố lưu dẫn phát tán hủy hại làm thân có sắc đỏ xanh, giống như máu bầm, chất độc giết hại voi rồi liền biến chuyển. Này Đại Dược! Ông nghĩ thế nào? Chất độc ấy cùng voi, cái nào nhiều cái nào ít, cái nào lớn cái nào nhỏ? Có thể so sánh được không?

– Bạch Thế Tôn! Chất độc và thân voi, cái nào nhiều ít, cái nào lớn nhỏ, khối lượng của nó chênh lệch rất xa, sự so sánh như thế không đối xứng, giống như đem hạt cải so sánh với núi Tu-di.

– Này Đại Dược! Cũng vậy, thức khi bỏ thân này để nắm giữ các căn, bỏ các giới này mà tùy theo nghiệp mà biến dịch.

– Bạch Thế Tôn! Thức nhỏ nhiệm này làm sao nhận lấy giữ gìn thân to lớn mà không có mỏi mệt?

– Này Đại Dược! Núi chúa Tu-di cao tám vạn bốn ngàn do-tuần. Núi

ấy có hai vị Long vương là Nan-đà và Ô-ba-nan-đà, mỗi Long vương quấn quanh ngọn núi ba vòng, hơi thở của hai vị Long vương này làm chấn động cả núi Tu-di và làm cho nước trong biển đều biến thành chất độc. Hai Long vương này có thân dài lớn có sức mạnh và các long vương Tu-cát và Đức-xoa-ca, cả hai đều có thân thể và sức mạnh cũng như Nan-đà và Ô-ba-na-đà, ý ông nghĩ thế nào. Này Đại Dược! Thức của bốn đại Long vương ấy cùng với thức của muỗi mòng có khác nhau không?

– Bạch Thế Tôn! Thức của bốn đại Long vương và con muỗi mòng không khác.

– Này Đại Dược! Có một loại độc chất tên là bạt-thố-na-bà, chỉ cần một giọt nhỏ cho vào miệng của bốn Long vương thì bốn long vương sẽ chết ngay lập tức. Này Đại Dược! Ý ông nghĩ thế nào? Một giọt nhỏ độc chất na-bà và chất độc trong miệng Long vương, chất độc nào có lượng nhiều hơn?

– Bạch Thế Tôn! Chất độc trong miệng Long vương nhiều hơn còn chất độc na-bà kia quá ít.

– Này Đại Dược! Chúng sinh có thân to lớn, có sức địch chín voi, thức vi diệu này không sắc không hình, nó không phân biệt thân lượng lớn hay nhỏ, chỉ tùy nghiệp mà thọ nhận và giữ gìn thân to hay nhỏ. Như hạt Ni-cù-đà rất nhỏ được gieo xuống đất phát triển thành cây bà-ta thân to, cành lá cao tỏa rộng. Vậy ý ông nghĩ thế nào, hạt ấy và thân cây, cái nào lớn nhỏ?

– Bạch Thế Tôn! Loại cây ấy và thân cây, thể lượng lớn nhỏ chênh lệch nhau. Như lỗ ngó sen đem so với hư không.

Như vậy, này Đại Dược! Ở trong hạt không thể tìm thấy cây, nếu không có hạt thì không sinh ra cây. Hạt Ni-cù-đà nhỏ bé có thể sinh trưởng cây to lớn. Cũng vậy, thức vi tế ấy có thể sinh ra thân to lớn. Trong thức tìm thân không thể được, nếu bỏ thức, thân không có.

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Làm sao thức chẳng thể hoại cứng chắc như kim cang mà lại nương náu trong chiếc thân nguy hiểm dễ vỡ chóng tàn?

Đức Phật dạy:

– Này Đại Dược! Ví như có người nghèo gặp được ngọc báu như ý. Nhờ năng lực của ngọc mà có được nhà cao cửa rộng, có cung điện chạm trổ cực kỳ diễm lệ sang trọng, có vườn rừng hoa trái sum suê, có voi ngựa, có gái đẹp hầu hạ, của cải đồ dùng tự nhiên tuôn vào. Nếu người ấy đánh mất ngọc báu như ý, thì các đồ dùng của cải có được tất cả sẽ bị tiêu tan.

Thần châu quý như ý tinh khiết kiên cố, dẫu hàng ngàn kim cương vẫn không thể hủy hoại công năng sinh ra đồ dùng của cải. Nhưng các thứ ấy là vô thường tạm bợ không bền, sẽ mau chóng tiêu tan hủy diệt. Cũng như vậy, thức kiên cố bất hoại, thân do nó sinh ra mau chóng tàn lụi và hoại diệt.

– Bạch Thế Tôn! Thức nhu nhuyến diệu kỳ ấy làm sao đi xuyên vào trong các sắc thô cứng?

Đức Phật dạy:

– Này Đại Dược! Thể của nước là chí nhu, nhưng với một dòng nước chảy xiết hay con thác đổ có thể xuyên cả núi. Ý ông nghĩ thế nào, tính chất của nước và đá, cái nào cứng cái nào mềm?

– Bạch Thế Tôn! Đá quả thật cứng rắn gần như kim cương, còn nước nhu nhuyến, làm cho ai cũng thích tiếp xúc.

– Này Đại Dược! Thức cũng vậy, rất nhiệm mầu, rất nhu nhuyến, nó có thể xuyên vào trong các sắc thân to lớn cứng chắc mà thọ báo.

– Bạch Thế Tôn! Vậy chúng sinh khi bỏ thân này rồi làm thế nào sinh vào trong các cõi trời hay sinh vào trong các cảnh giới địa ngục?

– Này Đại Dược! Khi lâm chung, những ai do phước nghiệp tư nhuận sẽ bỏ được cái thấy cũ mà được cái thấy vi diệu của cõi trời. Nhờ cái thấy vi diệu ấy liền thấy được sáu tầng trời cõi Dục, thấy bất kỳ nơi nào, thậm chí thấy thân dao động nơi sáu nẻo, thấy cung điện cõi trời và các khu hoan hỷ viên và tạp hoa viên. Lại thấy cung điện hoa sen nơi chư Thiên ở, có các Thiên nữ diễm kiều hầu hạ nói cười nô đùa vui vẻ, có hoa tai phục sức kiều-xa-da, tay đeo vòng xuyến các loại, hoa luôn luôn nở, các thứ đồ dùng bày biện đầy đủ. Do thấy được chư Thiên, Thiên nữ, tâm liền luyến ái, hoan hỷ dung nhan hiện vẻ thích ý tươi vui, mặt như hoa sen, mắt nhìn không thác loạn, mũi không tắc nghẹt, hơi miệng không hôi, khí sắc của mắt tươi sáng như lá sen xanh, các lóng đốt nơi thân thể không đau đớn. Mắt, tai, mũi, miệng không chảy máu, không són đại tiểu tiện, không có hiện tướng lỗ chân lông sợ hãi, bàn tay không sắc vàng như chết, móng không đen xanh, tay chân không cào đạp loạn xạ cũng không co quắp, các tướng tốt hiển hiện, lại thấy trong hư không có cung điện cao lớn, rường cột rực rỡ có trăm ngàn băng trướng thêu khắc hoa lệ, trang hoàng, phong linh mắc khắp khi gió thổi vào khua động âm thanh thanh thoát trỗi lên. Có các thứ hoa thơm trang nghiêm bảo điện. Các Thiên đồng tử dùng các bảo vật trang nghiêm thân thể dạo chơi trong bảo điện. Thấy rồi lòng sinh vui mừng, miệng mỉm cười hé nụ răng hiển lộ ra như hoa quân đồ, tiếng nói nhu hòa, thân không

cảm thấy quá lạnh hay quá nóng. Thân nhân quyến thuộc vây quanh cũng không có lo âu đau xót. Đến khi mặt trời vừa ló dạng liền xả thọ mạng. Những gì thấy được rõ ràng, không có các cảnh tượng tối tăm, mùi hương lạ thơm ngào ngạt rạo rực từ bốn phương bay đến, thấy nghi dung tôn quý của Đức Phật liền vui vẻ kính trọng. Thấy các cảnh tượng như vậy rồi, nói lời thân ái vui mừng ra đi, giống như muốn nói tạm ra đi rồi sẽ trở về, an ủi cho người thân biết, không để cho họ ưu não, nói lên tính chất thường hằng của pháp là có sinh tất phải có chết, không nên suy nghĩ miên man mà sinh khổ não.

Này Đại Dược! Một người với thiện nghiệp khi sắp lâm chung, có ai ưa thích bố thí hoặc các lời kệ, hoặc những lời tán tụng, hoặc xác định rõ các nhân tố, hoặc các lời dạy xưng thuyết về chánh pháp, người ấy như đang ngủ mà không phải ngủ an ổn xả thọ mạng. Khi sắp xả bỏ thọ mạng, có Thiên phụ và Thiên mẫu đến cùng trên một tòa ngồi, trong tay Thiên mẫu tự nhiên xuất hiện đóa hoa. Thiên mẫu thấy hoa quay lại nhìn Thiên phụ bảo: "Thật là phước lành, thật là thắng quả kỳ lạ hiếm có, Thiên phụ nên biết! Thời điểm vui mừng Thiên tử xuất hiện sẽ không còn bao lâu nữa".

Thiên mẫu dùng hai tay nâng đóa hoa mân mê, trong lúc đang mân mê đóa hoa, người ấy mạng chung. Thức không hình tướng này xả bỏ các căn, chỉ giữ lấy nghiệp cảnh, xả bỏ các giới chỉ giữ lấy giới sự, dịch chuyển đi thọ quả báo khác. Giống như người cỡi ngựa, hết cỡi con này đến cỡi con khác, như mặt trời chiếu các tia nắng, như cây sinh lửa, như bóng trăng in trên dòng nước lặng trong. Thức được thiện nghiệp tư nhuận dịch chuyển đi thọ quả báo cõi trời, như mạch phong di động, trong giây lát gá trong đóa hoa, Thiên phụ và Thiên mẫu cùng ngồi nhìn, gió dục cam lồ thổi vào đóa hoa bảy ngày, thân Thiên đồng hiện ra tinh khiết với các báu vật trang nghiêm ánh sáng phát ra chói lòa rực rỡ trên tay Thiên mẫu.

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thức vô hình ấy bằng cách nào nương nhờ năng lực nhân duyên mà sinh ra hình chất? Làm sao cái hữu hình chỉ nằm trong nhân duyên?

Đức Phật dạy:

– Này Đại Dược! Như dùng hai cây khoan lỗ cọ xát nhau lấy lửa. Lửa này ngay nơi cây tìm không thể được, nhưng bỏ cây ra thì lửa cũng không có, phải biết rằng do nhân duyên hòa hợp nên có lửa. Nếu nhân duyên

không hội tụ đủ thì lửa không sinh. Trong cây tìm ngọn lửa cụ thể chắc chắn không thể thấy. Song, điều hiển nhiên đều thấy rõ, từ trong cây lửa xuất hiện. Như vậy, này Đại Dược! Thức nương gá các yếu tố nhân duyên hòa hợp nơi cha mẹ mà sinh ra thân hữu tình, trong thân hữu tình ấy tìm thức sẽ không thấy, nhưng lìa thân hữu tình cũng không có thức.

– Này Đại Dược! Khi lửa chưa phát ra thì tướng lửa không hiện, cũng không có nóng ấm, tất cả tướng trạng đều không có. Như vậy, này Đại Dược! Nếu khi chưa có thân, thì thức và các tướng trạng như thọ tưởng hành đều không hiện hữu. Này Đại Dược! Như mắt người bình thường nhìn mặt trời chỉ thấy ánh sáng chói lòa mà không thấy vầng mặt trời, không biết nó màu đen hay màu trắng, là vàng trắng hay vàng đỏ, nhưng vì nó tỏa nhiệt và chiếu sáng, cứ mọc rồi lại lặn xoay vần, qua các tác dụng đó mà biết có mặt trời. Thức cũng như vậy, nhờ vào các tác dụng của nó mà biết có thức.

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tác dụng của thức như thế nào?

Đức Phật bảo:

– Này Đại Dược! Các hình thái cảm thọ, tri giác, tưởng, hành, tư ưu khổ não, đây là tác dụng của thức. Còn có các nghiệp thiện và bất thiện, huân tập thành chủng tử tác dụng mà hiển bày tính chất của thức.

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Làm sao thức rời bỏ thân cũ mà ngay lập tức đi thọ thân mới? Trong khi thức vừa bỏ thân cũ chưa thọ thân mới, trong khoảng thời gian ấy, thức mang tướng trạng gì?

Đức Phật đáp:

– Này Đại Dược! Ví như có chàng dũng sĩ khoác áo giáp cỡi ngựa phi nhanh như gió xông vào chiến trận. Trong lúc giao chiến, tâm loạn ngã ngựa, nhưng nhờ giỏi võ nghệ, lẹ làng nhảy lên lưng ngựa. Thức, cũng lại như vậy, khi bỏ thân này tức tốc đi thọ thân khác. Ví như có kẻ nhát gan gặp quân địch, sợ hãi giục ngựa bỏ chạy. Thức được thiện nghiệp tư nhuận, khi thấy Thiên phụ và Thiên mẫu cùng ngồi chung một chỗ ngồi, mau chóng gá sinh vào họ. Này Đại Dược! Vấn đề ông vừa đặt ra là thức bỏ thân cũ chưa thọ thân mới, trong khoảng thời gian ấy, thức mang tướng trạng ra sao?

Này Đại Dược! Ví như bóng người ảnh hiện trong nước không có thực chất có thể nắm lấy, mặc dù tay chân mặt mắt và các hình trạng cùng với thân người thật không khác, như vậy thể chất và các sự kiện khác ở

trong bóng đều không có thật, như không có lạnh, không có nóng và không có những xúc cảm khác, không có mệt mỏi, cái thân thịt bốn đại cũng không có, không có tiếng nói, không có tiếng động của thân thể, không có âm thanh vui sướng hay đau khổ. Thức bỏ thân cũ, thân mới chưa thọ trong khoảng thời gian ấy tướng trạng của nó cũng như vậy. Này Đại Dược! Đó là thức được nghiệp thiện tư nhuận sinh vào cõi trời.

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thức này khi sinh vào địa ngục như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Này Đại Dược! Kẻ làm nghiệp ác sẽ rơi vào địa ngục. Ông hãy lắng nghe! Này Đại Dược! Trong đây chúng sinh tích tập các điều bất thiện, đến khi mạng chung liền khởi niệm như vầy: Nay ta, nơi thân này sẽ chết, đau khổ muôn phần khi phải bỏ cha mẹ, xa lìa người thân và những gì ưa thích, liền thấy các cảnh địa ngục, thấy thân của mình, thêm vào đó những điều ứng hợp với hiện tượng này như thấy chân lộn lên đầu, đầu lộn dưới chân. Lại thấy một nơi đất toàn là máu, khi thấy hiện tướng máu này tâm sinh nếm mùi vị, do nếm mùi vị tâm thức liền sinh vào chốn địa ngục, nhận năng lực của mùi xú uế của nước nhơ bẩn hủ mục, thức liền gá vào trong đó. Ví như nơi hôi thối đầy phân nhơ làm cho vị tô lạc hay mỹ tửu cũng hôi thối, do năng của các đồ hôi thối mà các loài trùng sinh trong đó. Tâm thức rơi vào địa ngục gá vào vật hôi thối rồi sinh cũng lại như vậy.

Bấy giờ trưởng giả Hiền Hộ chắp tay bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chúng sinh trong địa ngục mang sắc tướng gì? Thân thể như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Này Hiền Hộ! Chúng sinh kia do thích huyết địa nên sinh vào địa ngục, toàn thân là huyết quang, thân có màu sắc như máu. Những chúng sinh nào sinh vào địa ngục Thang hoàng, thân thể họ giống như mây đen. Những chúng sinh nào sinh vào dòng sông Khổng thang, thì thân họ lốm đốm bao nhiêu là tạp sắc. Ở cõi đó thân thể họ vô cùng mềm nhũng, ví như thân thể của trẻ thơ được yêu thương quý mến. Những thân tướng đó dài và lớn hơn tám khuỷu tay, tóc râu và lông của bản thân họ buông dài lòa xòa, tay chân mặt mắt của họ lồi lõm bất toàn, chúng sinh của cõi Diêm-phù-đề trông thấy họ từ xa liền chết sững.

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Ở địa ngục, chúng sinh ăn như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Này Đại Dược! Cái ăn của họ hoàn toàn đau khổ, cái ăn của họ trong sợ hãi chạy loạn, từ xa thấy nước đồng đỏ, tưởng đó là máu nên chạy xô đến, lại có tiếng la to: "Những kẻ đói kia, mau đến đây ăn". Họ liền chạy đến hướng gọi, đến rồi thấy vậy lấy tay che miệng. Bọn ngục tốt dùng tay ép uống nước đồng nóng chảy. Nước đồng vào bụng, gân cốt bừng lửa đốt cháy toàn thân.

Này Đại Dược! Những vật được chúng sinh ở cõi địa ngục ấy ăn, chỉ tăng thêm sự đau khổ, không có một chút vui, sự thống khổ của chúng sinh ở chốn địa ngục là như vậy đó. Thần thức không tuông bỏ cũng không bị hủy hoại, thân thể như khối sương mù mà thần thức cứ trụ không rời, nếu thân thống khổ của nghiệp báo không tận dứt thì thần thức không xả ly. Ở cõi địa ngục, những thống khổ của đói khát bức bách như vậy, chúng sinh ở đó liền thấy vườn rừng, trái hoa nở rộ bát ngát khắp nơi, họ thấy rồi cười vui bảo nhau, vườn ấy sum suê gió lành nhẹ thổi, chúng ta vào ngay vườn để tạm vui giây lát. Hoa quả lá cây bỗng biến gươm dao chém đâm những kẻ tội đồ, có kẻ bị phân thây ra làm hai khúc, hoặc có kẻ kêu la chạy loạn tứ phía. Bọn ngục tốt chạy đến, hoặc cầm gậy Kim cang, hoặc cầm gậy sắt, búa sắt, trượng sắt, nhe răng thịnh nộ, thân tuôn lửa dữ, đánh đập tội nhân không cho chạy thoát. Những người ấy đều do nghiệp của mình mà hứng chịu lấy những trạng huống như thế. Sau đó, ngục tốt tùy theo tội đồ, nói với họ rằng, các người ở đây chớ đi đâu, đừng mong đào thoát, nghiệp của các ngươi nay trang nghiêm vườn này, có thể thoát đi được chăng?

Vậy đó, này Đại Dược! Chúng sinh ở cõi địa ngục nhận chịu bao đau đớn, chết bảy ngày rồi lại cứ sinh vào địa ngục, vì nghiệp lực như vậy, như loài ong bay đi, hút nhụy hoa rồi lại về chỗ cũ. Tội nghiệp của chúng sinh như thế nào thì phải vào địa ngục như thế đó. Khi mới chết, thấy những trói buộc truy đuổi của sự chết, thân tâm quá khổ bị đưa vào chốn quá tối tăm mù mịt, như bị giặc cướp truy đuổi, kéo lôi. Họ liền nói như vầy: "Hỡi ôi họa thay, khổ thay! Ta nay bỏ cõi Diêm-phù-đề với bao quyến thuộc, bè bạn mến yêu mà vào trong địa ngục, ta nay chẳng thấy đường lên cõi trời, chỉ thấy toàn sự khổ, như tằm nhả tơ buộc lấy thân mình đến chết, nay tội ta làm, nghiệp buộc thân ta, ta bị truy bức kéo lôi cột trói vào trong địa ngục".

Này Hiền Hộ! Chúng sinh tạo tội sinh địa ngục, hình thức khổ như vậy đấy.

Khi ấy, Hiền Hộ cùng với vương tử Đại Dược, nghe nói thế, lông

thân dựng đứng, đồng đứng chắp tay, nói như vầy:

– Nay chúng con xin quy y Phật, phát nguyện: "Nhờ nhân duyên nghe pháp này ở trong sinh tử phiền não lưu chuyển, nguyện chớ sinh ác đạo chớ thụ khổ địa ngục".

Trưởng giả Hiền Hộ lại bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nay con còn muốn hỏi Thế Tôn về các điều nghi trước.

Đức Phật dạy:

– Này Hiền Hộ! Nếu có nghi điều chi, ta cho phép ông hỏi.

– Bạch Thế Tôn! Cái gì gọi là Tụ? Cái gì gọi là Tích? Cái gì gọi là Ấm? Cái gì gọi là Di?

– Này Hiền Hộ! Cảnh giới của trí, của nhận thức, của ý tưởng, của phân xét, thân này lấy bốn cảnh giới đó mà thành. Bốn cảnh giới được gọi là tích tụ, đó là sáu giới, sáu căn và sáu đối tượng căn. Nhân của ba cảnh giới và hai căn là tóc râu lông móng, da thịt máu mủ, nước miếng, đờm dãi, mỡ, tủy dịch, tay chân mặt mắt, các thành phần chi tiết lớn nhỏ, hòa hợp hội tập, nên gọi là Tụ. Còn đất, nước, gió, lửa, hư không và thức được gọi là sáu căn thức; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp được gọi là đối tượng của sáu căn, tức là tham, sân, si gọi là nhân ba cõi. Lại nữa, phong, hoàng, đàm cũng gọi là ba nguyên nhân. Còn hai căn gọi là giới và tín. Lại có hai nguyên nhân gọi là thiện và bất thiện. Lại có hai nguyên nhân gọi là xả và thí. Lại có hai nguyên nhân gọi là tinh tấn và định. Còn thọ tưởng hành và thức, được gọi là vô sắc ấm nhận lãnh và cảm thọ những tướng được gọi là khổ vui… cùng với các tướng không khổ không vui.

Tưởng đó là biết các hình thái của khổ vui. Hành gọi đó là hiện niệm tác ý tức sinh khởi ý niệm khi gặp đối tượng cùng với xúc.

Thức là chủ của thân biến hành các thể. Thân có được những điều như vậy đều do ở thức.

Cái gọi là bất di, đó là sự thanh tịnh của thân, khẩu, ý, chứng đắc đạo quả. Người này chết rồi buông bỏ ấm hữu vi, không thọ trở lại các hữu vi, không lưu chuyển vào trong sáu nẻo. Cực vui mà "Di", chẳng lại "Di" thêm lần nữa "Bất di" là tên đó.

Khi ấy Hiền Hộ và vương tử Đại Dược, lễ dưới chân Phật bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nhất thiết trí của Phật tuyên thuyết pháp tụ như vậy, sẽ mang lại lợi lạc lớn cho chúng sinh vào thời vị lai.

Đức Phật dạy:

– Pháp tụ của Như Lai vĩnh viễn trụ không bao giờ dứt. Nhất thiết trí là biết mà chẳng tạo tác. Ta đã trải qua vô lượng kiếp cần khổ tích tập ánh sáng của trí tuệ, nay nói kinh này, mặt trời chánh pháp này, vì các chúng sinh mà chiếu soi ánh sáng vĩ đại, tiếng thơm của đức chảy hoàn toàn vào biển Nhất thiết trí. Nói như vậy là vì có thể điều phục được tâm thức lưu chuyển trong sinh tử. Chỗ nào mà kinh này được tuyên giảng, giải thích đọc tụng, thì nơi đó, chư Thiên, Quỷ Thần, A-tu-la, Ma-hầu-la-già đều đến lễ lạy và hoàn toàn ủng hộ. Những tai họa khủng khiếp của nạn vua, cướp bóc và nước lửa đều không thể hại. Các vị Tỳ-kheo từ nay trở đi, đối với những ai không tin chớ nên nói ra kinh này, cũng nên cẩn thận không chỉ cho những ai phạm lỗi lầm khi đến cầu bản kinh này. Đối với bộ phái Ni-kiền và Ni-kiền-tử và đối với ngoại đạo cũng chớ truyền dạy. Đối với những ai không cung kính tận lực thỉnh cầu, cũng chẳng nên vì họ mà nói. Nếu không như vậy thì vi phạm giáo pháp của ta, hoại phá pháp sự, người này chính là kẻ làm tổn hoại Như Lai. Nếu có các Tỳ-kheo cung kính lễ lạy kinh điển này, thì cần phải cung kính cúng dường người đó.

Người đó là bậc nắm giữ tạng của Như Lai. Khi ấy Thế Tôn nói kệ rằng:

Dũng mãnh siêu trần lụy
Siêng tu chánh pháp Phật
Trừ diệt chúng quân chết
Như voi đạp cỏ tranh,
Trì pháp phụng giới cấm
Chuyên tinh chớ biếng lười
Để xả dòng sinh tử
Dứt các khổ hữu biên.

Phật thuyết kinh này xong, Đồng chân thắng thượng Hiền Hộ, vương tử Đại Dược, cùng với các Đại Bồ-tát, Tỳ-kheo, Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà… tất cả chúng của đại hội, được nghe Phật dạy, đều hoan hỷ tín thọ phụng hành.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 110

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Pháp sư
Xà-na-quật-na, người xứ Thiên Trúc.

PHÁP HỘI 39: TRƯỞNG GIẢ HIỀN HỘ (PHẦN 2)

Bấy giờ trong hội, có Thắng thượng Đồng chân Nguyệt Thật, từ tòa ngồi đứng dậy, chắp tay bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Làm thế nào thấy được nhân của sắc? Làm thế nào thấy được nhân của dục? Làm thế nào thấy được nhân của kiến, giới và thủ?

Đức Phật dạy:

– Này Nguyệt Thật! Người trí thấy cảnh giới của trí, người ngu thấy cảnh ngu, người trí thấy sắc mỹ miều tốt đẹp, chỉ là một cục thịt nhơ nhớp xấu xa, như gân, xương, máu mủ, đại mạch, tiểu mạch, đại tràng, tiểu tràng, nước miếng, màng, não, gan, thận, sinh tạng, thục tạng, mũ dãi, râu, tóc, lông, móng, đại tiểu tiện lợi, bọc trong một túi da mỏng, ô uế bất tịnh, đáng sợ đáng ghét. Vì thế tất cả sắc, đều sinh từ bốn đại, bốn đại là nhân của sắc.

Nguyệt Thật, như thân này do cha mẹ sinh ra, chất cứng là địa đại, chất lỏng là thủy đại, tánh nóng là hỏa đại, sự rung động là phong đại, sự hiểu biết, suy nghĩ về các giới thanh, hương, vị, xúc và pháp đều gọi là thức.

Nguyệt Thật đồng chân lại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Lúc sắp chết, thần thức bỏ thân này như thế nào? Thần thức ấy di dời đến một thân khác như thế nào? Làm sao biết được thần thức này bỏ thân này như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Này Nguyệt Thật! Chúng sinh tùy nghiệp chịu báo, thần thức lưu chuyển tương tục duy trì thân này không bao giờ đoạn tuyệt, sau khi chịu quả báo của thân này hết rồi, thần thức sẽ bỏ thân này, tùy nghiệp lại di dời đến một thân khác, ví như nước với sữa hòa nấu chung với nhau, do sức

nóng của lửa, mà nước, sữa và các chất béo đều bị phân tán.

Này Nguyệt Thật! Cũng như thế, chúng sinh mạng tận, do sức mạnh của nghiệp, hình hài và thức cùng các nhập giới các căn, mỗi thứ đều phân tán, vì thức là cái được nương tựa, cho nên khi chúng sinh dứt mệnh tức pháp giới của thủ và niệm của pháp giới, bao gồm các nghiệp thiện và ác lại di dời và thọ nhận quả báo khác.

Này Nguyệt Thật! Ví như thang thuốc Đại-cát-thiện-tô, do các vị thuốc tốt cộng với công năng của lửa đem nấu, hòa hợp mà tạo nên, Đại-cát-thiện-tô bỏ tánh phàm tô, duy trì được năng lực của vị thuốc tốt gồm đủ sáu vị: Cay, đắng, chua, mặn, chát và ngọt đã giúp cho cơ thể con người, cùng với con người tạo thành các mùi vị hương sắc. Cũng như vậy, thức bỏ thân này, mang theo nghiệp lực thiện ác và các pháp giới, di dời để chịu nghiệp báo khác.

Này Nguyệt Thật! Chất tô ví như thân này, các thứ thuốc hòa hợp là vị thuốc đại cát thiện, làm cho nhan sắc được vui vẻ tươi mát khỏe mạnh sáng sủa đẹp đẽ, yên ổn không bệnh, cũng như do thiện nghiệp giúp cho thức có được những quả báo an lạc, nếu như uống thuốc tô trái phương pháp, thì nhan sắc sẽ trở nên xấu xí sầu thảm, có thể không còn khí huyết, giống y như xác chết, cũng như vì nghiệp ác, giúp cho thức phải chịu các quả báo khổ đau.

Này Nguyệt Thật! Vị thuốc thiện bảo tô kia không có tay chân mắt, nhưng vẫn duy trì được năng lực của sắc hương vị thuộc về lương dược, thức cũng như thế, thức chấp thủ sự cảm thọ của pháp giới và các thiện nghiệp, sau khi bỏ thân giới này rồi, chịu thân trung ấm, được cái tư tưởng kỳ diệu của vị trời, thấy được sáu tầng trời cõi Dục và mười sáu tầng địa ngục, xem thấy thân mình, tay chân đoan nghiêm các căn đẹp đẽ, thấy chỗ bỏ xác chết, nói đây là thân trước của ta. Lại thấy tướng tốt đẹp thù thắng ở cung trời, mọi thứ cây cối hoa quả trang nghiêm, dây leo tua tủa ánh sáng rực rỡ, giống như vàng ròng mới luyện, trang sức bằng mọi thứ châu báu, người kia thấy rồi, lòng rất vui mừng, nhân vui mừng ái luyến mà thức liền được thác sinh, đây là người thiện nghiệp bỏ thân này chịu thân khác, yên vui không khổ giống như người cỡi ngựa, bỏ một cỡi một, cũng giống như tráng sĩ đã chuẩn bị đủ vũ lực và mưu lược, thấy binh địch đến đã mặc sẵn trong mình mũ sắt áo giáp, cỡi trên lưng tuấn mã thúc ngựa rong ruỗi giữa quân địch mà không hề lo sợ. Cũng như vậy, thức do thiện căn hỗ trợ, khi lâm chung trút hơi thở sau cùng bỏ thân giới nhập này, di dời để trụ thân thù thắng diệu, như

thọ thân Phạm thiên, cho đến thân trời Hữu đảnh.

Khi ấy, trong hội có vương tử Đại Dược từ tòa ngồi đứng dậy, chắp tay bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Khi thức bỏ thân này rồi, sắc tượng của thức ấy như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Lành thay, lành thay! Đại Dược! Chỗ ông hỏi ấy là cảnh giới rất sâu xa của Phật, chỉ trừ Như Lai ra, thì không ai có thể biết được.

Lúc ấy Thắng thượng Đồng chân Hiền Hộ nói với Đức Phật:

– Vương tử Đại Dược hỏi rất sâu xa, trí tuệ thật là vi diệu sắc sảo sáng quyết.

Đức Phật bảo Hiền Hộ:

– Vương tử Đại Dược này đã từng ở chỗ Đức Phật Tỳ-bà-thi, trồng các căn lành, đã từng năm trăm năm đời, sinh trong ngoại đạo, khi làm người ngoại đạo, thường suy nghĩ về nghĩa lý của thức. Thức là gì? Vì sao gọi là thức? Trong năm trăm đời cho đến nay vẫn không quyết đoán biết được sự đến đi của thức như thế nào? Chẳng biết được đầu mối và nguyên do của thức ấy. Nay ta muốn phá gỡ lưới nghi ngờ ấy, khiến cho mở thông và hiểu rõ.

Lúc ấy, Thắng thượng Đồng chân Hiền Hộ, bảo vương tử Đại Dược rằng:

– Lành thay, lành thay! Nhân giả hỏi rất mầu nhiệm sâu xa, so với lời hỏi của Nguyệt Thật, thì Nguyệt Thật hỏi nghĩa đó rất nông cạn hẹp hòi, chẳng khác nào như lời hỏi của trẻ thơ. Tâm du ngoạn cảnh mà bên trong thì lại không biết gì. Chánh pháp được nghe rất hiếm có, chư Phật rất khó được gặp, trí của Phật thì viên mãn sâu rộng, tuệ của Phật thì sâu xa không thể trắc lượng được, cái lý chí diệu ấy phải chuyên tâm khai thỉnh hỏi han Phật, mới có thể biết được.

Khi ấy, vương tử Đại Dược thấy dung nhan của Đức Phật hoan hỷ an vui, không khác hoa sen nở giữa mùa thu, nên vương tử Đại Dược cũng vui mừng hớn hở vô hạn, một lòng chắp tay, bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con rất ái mộ pháp sâu xa, khát ngưỡng pháp sâu xa, con vẫn thường sợ Như Lai nhập Niết-bàn, ở trong cõi đời mạt pháp ô trược mà không được nghe chánh pháp, ngu si không hiểu biết, không biết thiện ác như thế nào, đối với việc thiện thuần thục hay không thuần thục cũng không liễu ngộ được, nên cứ phải luân chuyển trong đường sinh tử

khổ đau.

Phật bảo vương tử Đại Dược:

– Chánh pháp của Như Lai khó gặp khó được, ta ở đời xa xưa chỉ vì nửa già-tha (nửa bài kệ) mà phải ngã từ đỉnh núi cao vời vợi, xả bỏ cả thân mạng, vì cầu chánh pháp, phải trả qua vô lượng trăm ngàn muôn ức thứ khổ não.

Này Đại Dược! Những điều mà ông muốn hỏi ta, ta đều bằng lòng, ông cứ tùy ý hỏi, ta sẽ vì ông phân biệt giải thuyết.

Vương tử Đại Dược bạch Đức Phật:

– Dạ, con xin phụng giáo. Bạch Thế Tôn! Tướng trạng của thức như thế nào? Xin Thế Tôn rủ lòng thương xót khai thị cho con được rõ.

Đức Phật bảo Đại Dược:

– Như ảnh tượng của người hiện trong đáy nước, ảnh tượng ấy không thể nắm bắt, là hiện tượng vô hình không thể biện bạch được, giống như hình ô-lạc-ca, giống như hiện tượng khát ái.

Vương tử Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Khát ái như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Như người vừa ý đối với hình sắc, nhãn căn liền tìm đến, gọi là khát ái, như người soi gương liền thấy được dáng mặt của mình, nếu không soi gương thì hình dáng của mặt mình không xuất hiện được, thức di dời cũng lại như thế, nghiệp hình của thiện ác cùng với sắc tượng của thức đều không thể xem thấy được, giống như người mù, mặt trời mọc, hoặc lặn, ngày, đêm, sáng, tối đều không thấy biết được, thức không thể xem thấy, cũng lại giống như thế, trong thân khát ái thọ tưởng và niệm đều không thể thấy được, các đại, các căn, các ấm của thân, đều là thức cả, các thể có sắc như mắt, tai, mũi, lưỡi và thân, sắc, thanh, hương, vị, xúc… gồm thể vô sắc như tâm thọ khổ vui đều là thức.

Này Đại Dược! Như người nếm thức ăn mà biết được thức ăn ấy có vị ngọt, đắng, cay, chua, mặn, chát… đủ cả sáu vị, lưỡi và thức ăn đều có hình sắc mà vị thì không có hình sắc, lại nhân thân xương tủy thịt máu mà biết được sự lãnh thọ, xương… là vật có hình sắc lãnh thọ sắc vô hình, thức biết được quả báo của phước hoặc không có phước của nó, cũng lại như thế.

Khi ấy, Thắng thượng Đồng chân Hiền Hộ, lễ sát hai bàn chân của Đức Phật bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thức này có thể biết được là có phước hay không có phước không?

Đức Phật bảo:

– Ông hãy lắng nghe cho kỹ! Nếu chưa đắc Kiến đế thì không thể thấy, được thức này, thức này không thể nào xem thấy được, ví như quả A-ma-lặc trong bàn tay. Thức không phải ở trong căn của mắt… vì nếu thức… ở trong mắt, thì khi nếu giải phẫu mắt… thì phải thấy có thức.

Này Hiền Hộ! Chư Phật nhiều như cát sông Hằng thấy thức không có hình sắc, ta cũng như thế, thấy thức không có hình sắc, thức không phải là cái mà phàm ngu có thể thấy được, chỉ có thể dùng thí dụ mà khai hiển thức thôi.

Này Hiền Hộ! Muốn biết tội phước của thức, ông nên phải nghe cho kỹ, ví như có người bị Thiên thần, hoặc Càn-thát-bà… và Kiện-đà… cùng các quỷ thần yểm.

Này Hiền Hộ! Theo ý ông nghĩ thế nào? Người kia bị các Thiên thần quỷ vật yểm, nhưng cái hình thể yểm ấy tìm khắp trong thân thể của người ấy đều không thể thấy được.

Hiền Hộ bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Không thể thấy được. Thiên thần, quỷ vật… yểm ấy, cái hình thể của việc yểm đó vốn không có sắc không có hình, tìm khắp trong ngoài của thân thể người ấy đều không thể thấy được.

Này Hiền Hộ! Nếu người có thắng phước mà bị đại Thiên thần yểm ấy, liền phải dùng các thứ hương hoa, hương đốt tốt nhất, các thức ăn uống mỹ vị thanh khiết dâng cúng và tế giải cũng phải dùng đủ thứ hương vị thanh khiết như thế, như thế thức này sẽ nhờ phước ấy mà được quả báo tôn quý an lạc, hoặc làm nhân vương, hoặc làm tể tướng, hoặc hào vọng quý trọng, hoặc của cải giàu có tự tại, hoặc làm các trưởng thượng, hoặc làm đại thường chủ, hoặc được sinh làm thân cõi trời hưởng thọ quả báo thù thắng ở cõi trời, do thức làm phước trợ giúp cho thân được hưởng quả báo sung sướng an vui. Như người kia Thiên thần thắng phước yểm mà Thiên thần ấy, được hoa hương thức ăn uống thắng diệu liền sinh vui mừng, người bệnh sẽ được yên ổn, nay được tôn quý hào quý tự tại, nên biết đều là do phước trợ giúp mà thân được quả báo an vui.

Này Hiền Hộ! Người đó nếu bị Phú-đan-na… là loại quỷ thần hạ tiện và ác hiểm, yểm trấn, liền thấy ưa thích các thứ vật bất tịnh như phẩn uế, rửa nát, đờm dãi nước miếng, nếu đem những thứ ấy để cúng giải sẽ tự thấy hoan hỷ, người bệnh sẽ khỏi. Người đó bị thần lực của quỷ thần, nên tùy

theo sở dục của quỷ thần ưa thích, những thứ bất tịnh như phẩn uế hôi thối, vì tội trợ giúp cho thức cũng lại như thế, hoặc sinh vào chỗ nghèo cùng, hoặc sinh vào các cõi quỷ đói súc sinh ăn các thứ ô uế, do tội trợ giúp cho thức mà thân mắc phải các tội khổ.

Thắng Thượng Hiền Hộ! Cái hình thể yểm trấn của Thiên thần… không có sắc chất không có hình tướng, mà thọ hưởng thứ khiết cúng dường thanh khiết, phược của thức không có hình tướng, mà vẫn thọ hưởng được lạc báo thù thắng, cũng lại như thế. Phú-đơn-na là các loài quỷ thần hạ tiện, vì bị kia yểm mà phải ăn uống những thứ bất tịnh ô uế, thức giúp cho nghiệp tội mà được thức khổ báo cũng lại như thế.

Hiền Hộ nên biết! Thức không có hình chất, cũng giống như cái thể yểm kia của trời và quỷ thần… do đồ vật ăn uống dâng cúng tốt xấu, giống như giúp cho tội phước mà cảm được quả báo khổ vui khác nhau.

Vương tử Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Làm thế nào mà thấy được nhân của dục?

Đức Phật dạy:

– Này Đại Dược! Do nhân tương tác mà sinh ra dục như dụng cụ lấy lửa, dùng hai mảnh gỗ cọ sát với nhau cộng với công sức của người, mà lửa được phát ra, nhân của thức là như thế và do bởi nam nữ sắc, thanh, hương, vị, xúc… mà có dục sinh, giống như do hoa mà sinh ra quả, trong hoa không có quả, quả sinh hoa diệt, do thân mà hiển thức là như dựa vào thân để tìm cầu thức, thì không thể nào thấy được. Quả nghiệp của thức sinh ra, thì thân liền diệt. Thân, xương, tủy… các vật bất tịnh đều tiêu tan hết. Lại như hạt giống duy trì được mùi vị, sắc, hương, xúc chạm của quả tương lai sinh ra từ việc dời đổi gieo trồng, thức bỏ thân này, duy trì nghiệp thiện ác, cảm thọ tư tưởng, tạo tác ý niệm, nhận lấy quả báo đời sau, cũng lại y như vậy. Lại như nam nữ ái dục hoan lạc giao hội rồi lại phân ly mà đi, thân thức hòa hợp luyến kết ái trược đam mê keo kiệt, báo hết phân ly theo nghiệp chịu báo, nhân duyên cha mẹ, thân trung ấm tiếp đối, do nghiệp lực sinh ra thức được quả của thân. Ái tình và nghiệp đều không có hình chất, do dục và sắc làm nguyên nhân cho nhau mà sinh ra dục, ấy là nhân của dục.

Này Đại Dược! Thế nào gọi là nhân kiến, giới và thủ. Giới là do Phật chế ra giới là những hạnh như: Không được sát sinh, không được trộm cắp, không được tà dâm, không được nói dối, không được uống rượu… Thủ là giữ, giữ là giới, hãy quán sát như thế, nhân là giữ giới, sẽ được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hoàn, quả A-na-hàm, bởi nhân duyên ấy mà có được

những sự thù thắng, như được làm thân người, thân trời… đó đều là thiện hữu lậu không phải thiện vô lậu, thiện vô lậu là không có quả năm ấm nhiệt não, nay giữ giới này là hạt giống hữu lậu được gieo trồng ở nơi thức mà được quả báo thiện hoặc ác, thức không phải hoàn toàn thanh tịnh, vì nhân là phiền não nên phải chịu quả khổ nhiệt não, ấy là nhân của kiến giới thủ.

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thức chịu thân lấy thân trời hoặc thân địa ngục như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Này Đại Dược! Thức và pháp giới duy trì cái thấy rất vi diệu, con mắt thịt không phải là chỗ nương dựa để làm nguyên nhân của cái thấy. Cái thấy vi diệu này hợp cùng cảnh giới của phước, thấy dục cảnh hoan lạc ở cung trời, thấy rồi vui mừng, thức liền bị ràng buộc vào cảnh này, thức khởi ý nghĩ: "Ta sẽ đi đến chỗ kia", thế nhưng vì có nhân ái nhiễm luyến niệm, thấy thân cũ của mình, bỏ nằm bãi tha ma, rồi lại khởi ý nghĩ: "Thây chết này là đại Thiện tri thức của ta, vì nó đã tích chứa các thiện nghiệp, khiến cho ta được quả báo ở cõi trời".

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thức này đối với thây chết có sự ái trọng, sao không nương nhờ vào ở đó?

Đức Phật dạy:

– Này Đại Dược! Giống như có người khi đã cạo bỏ râu tóc rồi, tuy thấy tóc đã cạo bỏ kia, dù thấy sắc đen bóng bảy thơm tho đi nữa, cũng không thể nào đem nó trồng lại mà nó có thể mọc trở lại được không?

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Thưa Thế Tôn! Không thể được!

Đức Phật dạy:

– Cũng như thế đấy. Này Đại Dược! Cái thây chết đã bỏ kia, thức không thể nào có thể gởi lại được nữa để chịu báo.

Đại Dược lại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thức này thật là mù mịt tịch mịch huyền vi, nó không có sắc chất mà có thể giữ lấy được, nó không tướng trạng mà có thể tìm thấy được, nhưng nó làm thế nào mà có thể duy trì được chúng sinh rất to lớn như con voi, cho dù thân nó cứng rắn như kim cương, có thể xuyên suốt được thân của tráng sĩ, sức của nó có thể địch nổi cả chín con voi mà nó vẫn giữ được nguyên vẹn?

Đức Phật dạy:

– Này Đại Dược! Cũng ví như phong đại, nó không có sắc chất không có hình tướng, nhưng nó len lỏi vào tới cả nơi hang sâu, trong cả kẽ khe vách tường, khi phát ra rất mãnh liệt, nó có thể làm cho núi Tu-di siêu đổ nát như bụi phấn.

Này Đại Dược! Núi Tu-di và phong đại sắc tướng như thế nào?

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Phong đại thật là vi tế mầu nhiệm, không chất không hình, thức cũng vô hình chất kỳ diệu như vậy, bao hàm cả thân lớn, thân nhỏ, đều có thể duy trì được hết, hoặc chịu là thân muỗi, hoặc chịu làm thân voi, cũng ví như đèn sáng, ngọn đèn tuy bé nhỏ để ở trong nhà, tùy theo nhà lớn nhỏ, đều trừ hết tối tăm. Thức cũng như thế, tùy theo nhân của nghiệp, nhậm trì được cả lớn nhỏ.

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Các tánh và tướng của nghiệp kia lại như thế nào? Do nhân duyên gì mà hiển hiện được?

Đức Phật dạy:

– Này Đại Dược! Thức được sinh ở cung trời ăn cỗ ngon của cung trời, yên ổn khoái lạc, đó đều là nhân của nghiệp quả tự đem đến, cũng như người bị khát nước khi đi giữa cảnh đồng hoang, cái khổ của sự khát nước hoàn toàn không thể thấy được mà nước mát kia cũng không có ai cho cả, người bị khát kia cũng không có ai cản trở mà không bằng lòng cho nước, đều bởi mặt trăng trên không chia ra hai thân đen trắng; lại như quả sống, do lửa trắng nấu thành ra màu khác, thân này cũng như thế, do phước tăng mà sinh vào nhà vọng tộc, hình tướng tốt đẹp khỏe mạnh, của cải phong phú, vàng bạc đầy rẫy, hoặc sinh nơi các cung trời được sung sướng tự tại, ấy đều là tướng của phước nghiệp hiển hiện, cũng là hạt giống gieo ở dưới đất, quả hiện ở trên cây, nhưng cái hạt giống ấy, chẳng phải từ cành này đến cành kia rồi đến trên cây, đem thân cây bổ chẻ ra cũng không thấy hạt giống, cũng không có người nào đem hạt giống để ở trên cành cây, từ trên cây đến gốc cây dù cho cố tìm tòi cũng không thể thấy được cái hạt giống ở chỗ nào, các nghiệp ác và thiện cũng lại như thế, đều nương nơi thân, nhưng nếu tìm ở nơi thân cũng không thấy được nghiệp ở chỗ nào cả, cũng như nhân có hạt giống mà có hoa, trong hạt giống lại thấy không có hoa, trong hoa không có quả, hoa quả tăng tiến mãi tăng tiến mãi cũng không thấy, vì thân có nghiệp vì nghiệp có thân, trong thân không nghiệp trong nghiệp không thân,

cũng lại như thế, cũng như hoa tàn rụng, quả mới hiện ra, thân nghiệp chín mùi, quả nghiệp mới xuất hiện, cũng như có nhân đầy đủ của hạt giống hoa quả, như thế có thân thì nghiệp nhân thiện và ác đã có đầy đủ ở nghiệp nhân kia rồi, nghiệp nhân không có hình không có tướng chín rụng, cũng như cái bóng của thân mình không chất không ngại, không cầm giữ trói buộc được người, tiến dừng đi lại tùy người vận động, cũng chẳng thấy bóng hình ấy từ trong thân người mà ra, nghiệp của thân như vậy, có thân tốt phải có nghiệp mà nghiệp thì không thể xem thấy được, ràng buộc ở nơi thân cũng không lìa thân mà có nghiệp được, cũng như các mùi vị cay đắng chua chát… của các vị thuốc, có thể chữa khỏi được mọi bệnh ở nơi thân thể, làm cho thân thể được khỏe mạnh, nhan sắc được tươi sáng tốt đẹp, người uống biết là vị thuốc tốt có thể chấp nhận được, nhưng cái làm cho thuốc chín tốt tươi lại không có hình tướng, xem cũng không thấy, tới gần cũng chẳng được, mà nó lại có thể giúp cho con người da dẻ dung nhan tươi đẹp bóng láng. Nghiệp không có hình chất mà có thể giúp được cho thân cũng lại như thế. Người được thiện nghiệp trợ giúp, thì các thứ ăn mặc mọi thứ trong ngoài đều phong phú tốt đẹp, tay chân đoan chánh, hình dung tốt đẹp, nhà cửa tráng lệ, ngọc ma-ni vàng bạc quý giá mọi thứ châu báu chứa đầy nhà, yên ổn khoái lạc, hoan lạc thích ý, nên biết đó là tướng của thiện nghiệp. Sinh vào nơi hạ tiện biên địa bần cùng, tư dụng thiếu hụt, lúc nào cũng mong mỏi được sống sung sướng như những người khác, ăn uống toàn những thứ không ngon, hoặc không được ăn, hình dung xấu xa, chỗ ở hèn kém, nên biết đó là tướng của ác nghiệp. Giống như gương sáng soi rõ dáng mặt tốt hay xấu, các hiện tượng soi sáng của gương hoàn toàn không có hình chất, không thể nắm lấy được, cũng như thức giúp cho nghiệp thiện và ác, sinh trong các cõi người cõi trời, hoặc sinh trong các đường địa ngục, súc sinh…

Này Đại Dược! Do vậy, phải thấy rõ nghiệp cùng với thức hòa hợp biến hóa như thế.

Đại Dược thưa:

– Bạch Thế Tôn! Làm thế nào mà thức vi tế như vậy lại duy trì được các căn, giữ gìn được thân to lớn?

Đức Phật dạy:

– Này Đại Dược! Cũng như thuốc độc của người đi săn bắn trúng thân voi thuốc độc ấy dần dần thấm vào thân thể của con voi, làm cho chi thể căn cảnh của con voi đều bị tán thất, thuốc độc thấm đến đâu làm hại

thân thể của nó biến thành màu sắc xanh hoặc đỏ, vị thuốc độc thiên biến vạn hóa làm cho máu huyết ứ đọng giết chết voi. Theo ý ông nghĩ thế nào? Vị thuốc độc kia cùng với thân voi, nhiều ít, lớn nhỏ, có thể so sánh được không?

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Vị thuốc độc kia cùng với thân voi nhiều ít lớn nhỏ tỷ lượng khác hẳn, không thể đối chiếu được, khác nào như núi Tu-di sánh với hạt cải.

Này Đại Dược! Thức bỏ thân này để chấp thủ các căn và bỏ các giới này theo nghiệp biến hóa cũng như thế.

Đại Dược lại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Làm sao thức vi tế như thế mà lại đảm nhận được thân to lớn mà không mệt mỏi?

Đức Phật dạy:

– Này Đại Dược! Núi Tu-di vua của núi, cao tám vạn bốn ngàn do-tuần, Nan-đà và Ô-ba-nan-đà hai đại Long vương, mỗi Long vương đều quấn quanh núi Tu-di ba vòng, hai đại Long vương này khi thở lớn làm rung chuyển cả núi Tu-di, nước trong biển đều biến thành thuốc độc, hai Long vương này rất dài và to lớn, sức lực cường tráng có thể so sánh ngang bằng với Hòa-tu-cát và Đức-xoa-ca hai đại Long vương. Theo ý ông nghĩ thế nào? Thức của bốn Long vương cùng với thức của một con muỗi có khác gì không?

Đại Dược thưa:

– Bạch Thế Tôn! Thức của bốn Long vương và thức của con muỗi không khác.

Này Đại Dược! Chỉ cần một giọt nhỏ của thuốc độc Bạt-thác-na-bà nhỏ vào miệng của bốn đại Long vương kia liền chết ngay.

Theo ý ông nghĩ thế nào? Chỉ một giọt nước thuốc độc ấy nhỏ vào miệng rồng mà rồng bị trúng độc chết ngay, vị thuốc độc kia đâu phải là to lớn gì đâu?

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Miệng của bốn đại Long vương quả thật là rất to lớn, còn vị thuốc độc kia thì thật rất nhỏ bé.

Này Đại Dược! Chúng sinh thân lớn, sức lực có thể địch nổi chín voi, thức thì rất vi diệu, không sắc không hình, không thể phân biệt so sánh được, tùy theo nghiệp nhậm trì cũng như thế, như hạt Ni-cù-đà cực vi tế,

khi gieo trồng mọc thành cây to lớn hàng trăm ngàn cành. Ý ông nghĩ thế nào? Hạt cây và cây lớn nhỏ có thể tỷ loại được không?

Đại Dược thưa:

– Bạch Thế Tôn! Hạt cây và cây lớn nhỏ thật khác nhau rất xa, khác nào nhỏ như lỗ chỉ khâu sánh với hư không giới.

Cũng như thế, này Đại Dược! Hạt ở trong cây tìm cũng không được, nếu không có hạt thì cây cũng không thể mọc lên được. Hạt Ni-cù-đà cực nhỏ mà có khả năng mọc lên cây rất lớn, cũng như thức cực nhỏ mà có thể sinh ra thật rất lớn, ở trong thức tìm cầu thân, không thể thấy được thân ở chỗ nào, nếu trừ thức ra thì không có thân.

Đại Dược lại bạch Đức Phật:

– Làm sao thức rắn chắc như kim cương không thể hủy hoại được, mà lại ở trong cái thân chơi vơi rất dễ đổ và mục nát?

Đức Phật dạy:

– Này Đại Dược! Ví như người nghèo được của báu như ý, vì sức mạnh của ngọc báu như ý, mà tạo nên được nhà cao cột trạm trổ nguy nga tráng lệ, vườn cây um tùm hoa quả tươi tốt, voi ngựa, kẻ hầu, người hạ vật dụng vừa ý tự nhiên mà đến. Người đó sau khi mất viên ngọc như ý, mọi vật dụng vừa ý đều tiêu diệt hết, nhưng ngọc như ý thần bảo ấy vẫn kiên cố vững chắc bất hoại, dù cho ngàn kim cương đi nữa cũng không thể nào hủy hoại được việc sản sinh ra vật dụng của ngọc như ý thần châu, chỉ có thân này là hư giả vô thường chóng hư chóng hoại mà thôi.

Đại Dược thưa:

– Bạch Thế Tôn! Thức rất mềm mại vi diệu làm sao xuyên vào được trong cái sắc chất rất rắn?

Đức Phật dạy:

– Này Đại Dược! Thể của nước rất mềm mại, nếu chảy xói từ suối cao xuống có thể xuyên thủng cả đá núi, theo ý ông thế nào? Thể chất của nước và đá rắn và mềm như thế nào?

Đại Dược thưa:

– Bạch Thế Tôn! Đá thực rắn chắc như kim cương, còn nước thì thật là mềm mại, xúc chạm nó thật là sung sướng khoái lạc.

Này Đại Dược! Thức cũng như thế, rất mầu nhiệm rất mềm mại, nó có thể xuyên vào sắc chất của một thân lớn cứng rắn hoàn nhập chịu báo.

Đại Dược lại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chúng sinh khi bỏ thân này rồi sinh trong chư Thiên

như thế nào? Cho đến phải sinh trong địa ngục… như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Đại Dược! Chúng sinh khi lâm chung, do phước nghiệp tư trợ, sẽ bỏ cái thấy trước đây mà được cái thấy nhiệm mầu của chư Thiên, bởi cái thấy nhiệm mầu của chư Thiên mà xem thấy được sáu tầng trời cõi Dục, cho đến thấy được cả thân của sáu nẻo dao động, thấy được cung điện của chư Thiên, hoan hỷ viên, tạp hoa viên… lại thấy chư Thiên ở cung điện liên hoa, có các kỹ nữ đẹp đẽ hầu hạ cười đùa, tai đeo bông, mặc áo Kiêu-xà-da, tay đeo vòng xuyến đủ mọi thứ trang nghiêm, khắp nơi hoa thường đua nở không thiếu một thứ gì. Thấy Thiên nữ cõi trời, tâm sinh nhiễm luyến, vui mừng thỏa ý nhan sắc thư thái, mặt như hoa sen, thấy không rối loạn, mũi không cong vạy, miệng không hôi hám, mắt sáng tươi như cánh hoa sen, các lóng đốt trong thân thể không bị đau đớn, mắt, tai, mũi, miệng không hề bị xuất huyết, đại tiểu tiện lợi được điều hòa, không có hiện tượng sợ hãi dựng đứng cả chân lông, bàn tay nõn nà, thân thể trắng muốt, tay chân ngay thẳng không bị co rút, thân tướng rạng rỡ. Thấy trong hư không có cung điện cao lớn, cột điện khắc chạm trăm ngàn hoa văn đẹp đẽ khác nhau, đại điện được treo đủ thứ chuông khánh giao hòa, cùng gió thổi phát ra những thanh âm thánh thót tuyệt vời, cùng với không biết bao nhiêu hương hoa trang nghiêm bảo điện, trên thân thể đồng tử của chư Thiên được trang sức bằng mọi thứ trân bảo quý báu, vui chơi trong nội điện, thấy rồi vui mừng, mỉm cười, răng hiện ra như hoa Quân-đồ, cánh hoa tự không nở lớn cũng không khép kín, tiếng nói hòa nhã, thân thể không lạnh quá cũng không nóng quá, thân quyến vây quanh cũng không buồn khổ. Khi mặt trời vừa lên sẽ bỏ thọ mệnh, chỗ thấy rõ ràng không bị mọi sự làm tối tăm, có mùi hương thơm lạ ngào ngạt từ bốn phương bay đến, thấy Phật Thế Tôn vui mừng kính trọng; thấy rồi thân ái hoan hỷ giã từ mọi người cũng giống như tạm đi xa rồi sẽ trở lại, an ủi thân thích bè bạn quen biết không khiến cho họ buồn rầu, dòng pháp hữu vi là như thế, có sinh phải có tử, chớ vì phân ly mà sinh ra khổ não.

Này Đại Dược! Người thiện nghiệp tới khi lâm chung, ưa thích bố thí, mỗi thứ già-tha, mỗi thứ ca tụng tán thán, mọi thứ giáo xưng nói chánh pháp, giống như ngủ mà không phải ngủ nhẹ nhàng xả thọ, khi sắp xả thọ, thấy Thiên phụ, Thiên mẫu cùng ngồi một tòa, trong tay của Thiên mẫu tự nhiên ra hoa, Thiên mẫu thấy hoa liền bảo Thiên phụ: Thật là phước quả tốt lành kỳ lạ thù thắng hiếm có, ngày nay mới biết, thời gian mừng con không bao lâu, Thiên mẫu lấy hai tay đùa giỡn với hoa, trong lúc đang đùa

giỡn hoa, mạng liền chung tận, cái thức không có hình tướng ấy lìa bỏ các căn, mang các nghiệp cảnh lìa bỏ các giới, đem các sự giới lại chịu báo khác, giống như bỏ ngựa bỏ một cỡi một, như mặt trời yêu dẫn ánh sáng, như cây gỗ sinh ra lửa, lại như mặt trăng hiện ra dưới đáy nước lắng trong, do thức tư trợ lại thọ quả báo cõi trời, giống như luồng gió thổi vào trong hoa di chuyển rất nhanh, Thiên phụ, Thiên mẫu cùng ngồi xem thấy, dục phong cam lộ thổi vào hoa trong bảy ngày, ngọc báu đeo tai bỗng bừng động lúc sáng, Thiên đồng với nhan sắc trắng trẻo hiện ra trên tay của Thiên mẫu.

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thức là vô hình, làm sao mượn sức nhân duyên mà sinh ra có hình được? Làm sao có hình chỉ nhân nội duyên?

Đức Phật bảo Đại Dược:

– Đại Dược! Như cây gỗ hòa hợp tương xúc mà sinh ra lửa, lửa ấy ở trong cây gỗ tìm cũng chẳng được, nếu loại bỏ cây gỗ cũng không có được lửa, do nhân duyên hòa hợp mà sinh ra lửa, nếu nhân duyên hòa hợp mà sinh ra lửa, nếu nhân duyên không đầy đủ sẽ không bao giờ sinh ra lửa được, trong cây gỗ tìm sắc tướng của lửa cũng không thể thấy được, nhưng đều thấy lửa từ trong cây gỗ kia mà hiện ra.

Cũng như thế, này Đại Dược! Thức nhờ nhân duyên hòa hợp của cha mẹ sinh ra có thân hình, trong thân có hình chất tìm thức không được, lìa thân có hình chất, cũng không có thức.

Này Đại Dược! Như lửa chưa xuất hiện, tướng của lửa không hiện, cũng không có cảm xúc nóng, các tướng trạng đều không.

Cũng như thế, này Đại Dược! Nếu chưa có thân thì thọ tưởng, hành và thức tất cả đều không hiện.

Này Đại Dược! Như thấy ánh sáng của vầng mặt trời soi chiếu, mà các phàm phu không thấy được tự thể của mặt trời là đen, là trắng, vàng, đỏ, tất cả đều không thấy được, chỉ khi nào mặt trời có ánh sáng chiếu nóng, mọc hay lặn tuần hoàn có các tác dụng mới biết có mặt trời. Thức cũng như thế, vì có các tác dụng mới là có thức.

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Tác dụng của thức như thế nào?

Đức Phật bảo Đại Dược:

– Đại Dược! Thọ giác tưởng hành, tư ưu khổ não, đều là tác dụng của thức, lại có nghiệp thiện và bất thiện, huân tập làm tác dụng để thức hiển

lộ.

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thức lìa bỏ thân này liền thọ thân khác, thức bỏ thân cũ chưa thụ thân mới, trong thời gian ấy tướng trạng của thức như thế nào?

Đức Phật bảo Đại Dược:

– Đại Dược! Như có người trượng phu tay dài dũng mạnh mang trong mình giáp trụ kiên cố, ngựa phi như gió xông vào trận mạc, giáo gươm giao chiến, tâm thần rối loạn, té xuống ngựa, võ nghệ mất hết, bỏ chạy trốn đi. Thức bỏ thân này rồi trụ thân khác cũng lại như thế. Lại như người thấy địch sợ hãi cỡi ngựa thoái chạy. Thức do thiện nghiệp tư trợ, thấy Thiên phụ mẫu cùng tòa mà ngồi, thức kia liền thác sinh cũng lại như thế.

Này Đại Dược! Như chỗ ông hỏi, thức bỏ thân cũ, đương lúc ấy thức tác tướng như thế nào?

Này Đại Dược! Ví như bóng người hiện ở trong nước, không có sắc chất có thể lấy được, tay chân, mắt mũi và các hình trạng cùng với người không khác, thể chất sự nghiệp trong bóng đều không, không lạnh không nóng cùng với các xúc chạm, các đại nhục đoàn cũng không mệt nhọc, không có tiếng nói, không có tiếng của thân, tiếng khổ vui, thức bỏ thân cũ chưa trụ tướng cũng như thế. Đây là do thiện nghiệp tư trợ mà được sinh chư Thiên.

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thức sinh vào địa ngục như thế nào?

Đức Phật bảo Đại Dược:

– Đại Dược! Người làm ác phải đọa vào địa ngục, ông phải nghe cho kỹ. Trong đây chúng sinh chứa nhóm các căn bất thiện, đến khi mệnh chung liền nghĩ như thế này: Ta nay đối với thân này khi chết, bỏ cha mẹ thân thuộc quen biết, là chỗ yêu thương, rất là buồn khổ, thấy các địa ngục và thấy cả thân của mình ứng hợp vào địa ngục này, thấy chân mình ở trên đầu đảo ngược hướng xuống. Lại thấy một địa ngục thuần là máu, thấy máu ấy rồi, tâm sinh tham trước, vì duyên tâm đắm trược liền sinh vào địa ngục, do sức hủ bại ác thủy xú uế mà thức thác sinh vào trong đó, ví như phẩn uế, chỗ hôi thối, vị lạc hôi thối, chất men rượu hôi thối, vì các nhân lực hôi thối ấy nên trùng sinh ở trong đó. Người phải đọa vào địa ngục thác sinh và vật hôi thối cũng lại như thế.

Thắng thượng Đồng chân Hiền Hộ chắp tay bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chúng sinh trong địa ngục làm sắc tướng gì mà thân lại phải như thế nào?

Đức Phật bảo Đại Dược:

– Đại Dược! Người yêu thích máu sinh vào địa ngục, khắp thân mình có huyết quang toàn thân như màu máu, người sinh thang đọa, toàn thân giống như mây đen, người sinh nhủ thang hà, toàn thân điểm ban làm thành thứ thứ màu sắc, cơ thể rất yếu đuối, giống như thân thể của con nít, thân hình dài lớn bằng tám khuỷu tay, râu tóc lông trên thân đều dài lòng thòng, tay chân mặt mắt thiếu khuyết cong queo không được vẹn toàn, nếu người cõi Diêm-phù-đề thấy từ xa sẽ sợ hãi chết ngay.

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chúng sinh ở trong địa ngục lấy gì mà ăn?

Đức Phật bảo Đại Dược:

– Này Đại Dược! Chúng sinh ở trong địa ngục, khi ăn không có một chút gì là sung sướng cả, mà lúc nào cũng phải sợ hãi rong chạy từ xa trông thấy nước đồng chảy đỏ, ý cứ nghĩ là huyết mà đua nhau chạy tới. Lại có tiếng hô: Nếu mọi người đói có thể mau đến đây mà ăn, liền chạy hướng đến chỗ ấy, đến rồi đứng yên, lấy tay bụm đở lên miệng. Quân ngục lấy nước đồng sôi đổ vào bụm bàn tay, ép buộc phải uống, nước đồng sôi chảy vào trong bụng, xương cốt tan tành cả thân mình bị lửa thiêu đốt.

Này Đại Dược! Những thứ vật mà chúng sinh ở trong địa ngục ăn, chỉ thêm khổ đau mà không có một chút gì được an vui sung sướng cả! Chúng sinh ở trong địa ngục đau khổ như thế đó; tuy thế, thức vẫn buông bỏ sự khổ cũng không hủy hoại sự khổ, thân chẳng khác nào một đống xương mà thức vẫn ở không xa lìa, thân khổ của nghiệp báo chưa hết thức vẫn không bỏ. Trong khi đói khát khổ đau bức bách liền thấy vườn rừng, hoa quả tươi tốt rộng lớn, sầm uất, thấy rồi vui mừng bảo nhau rằng: Đây là vườn cây sầm uất, gió thổi mát mẻ tốt lành, mọi người đều chạy mau vào vườn mong được giây phút tạm vui. Bỗng nhiên cây lá hoa quả đều biến thành dao kiếm chém chặt tội nhân, hoặc chém trúng xẻ thân làm hai mảnh, tội nhân hoặc kêu gào lớn, ruồi chạy bốn mặt (địa ngục). Tất cả quân giữ ngục đều đứng dậy cầm chày kim cương, hoặc cầm thiết bảng, búa sắt, gậy sắt, nghiến răng giận tức, thân thể như lửa bốc, đánh chém tội nhân, ngăn chận không cho ra, đó là do nghiệp ác đã tạo tác mà xem thấy những việc như thế. Quân ngục cứ theo sau tội nhân, bảo tội nhân rằng: Ngươi muốn đi chỗ nào, ngươi cứ việc ở nơi đây đừng có chạy đằng Đông, đằng Tây nữa, người dù muốn trốn đi đâu cũng

không thể được, nay vườn cây này, là những thứ nghiệp trang nghiêm cho ngươi, không thể nào rời khỏi được đâu.

Như thế, này Đại Dược! Chúng sinh ở trong địa ngục nhận lãnh không biết bao nhiêu khổ não, cứ bảy ngày chết, rồi sinh lại vào địa ngục, vì nghiệp lực, giống như ong đi lấy hoa rồi lại về ở chỗ cũ, chúng sinh vì tội nghiệp phải đọa vào địa ngục, đến khi sắp chết thấy sứ giả của tử thần đến kéo cổ bức bách lôi đi, thân tâm vô cùng đau khổ, bước vào sự tối tăm, khác nào như bị giặc cướp bắt bớ đem đi, rồi phát ra lời nói như thế này: Khổ thay! Khổ thay! Ta nay bỏ cõi Diêm-phù-đề này, bỏ cả bao nhiêu người họ hàng bè bạn yêu dấu vào ở nơi địa ngục, ta nay không thấy con đường cõi trời, mà chỉ thấy những khổ sự thôi, khác nào như con tằm nhả tơ lại tự mình ràng buộc lấy mình cho tới chết, ta tự làm tội ràng buộc lấy mình, lưới giây kéo cổ bức bách lôi đi đem vào địa ngục.

Này Hiền Hộ! Tội nghiệp chúng sinh trong địa ngục, tướng của sự khổ là như thế!

Bấy giờ, Hiền Hộ cùng vương tử Đại Dược, nghe Phật nói thế, sợ hãi thân thể dựng cả chân lông, đều đứng dậy chắp tay nói như thế này: Chúng con nay đều đã quy y Phật, xin cứu hộ cho chúng con, nay chúng con nguyện đem công đức nghe pháp này, chưa thoát khỏi hữu lưu, còn phải ở trong vòng sinh tử, sẽ không phải đọa lạc ba đường vào trong địa ngục.

Hiền Hộ lại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nay con có chỗ muốn xin hỏi mong Phật hứa cho.

Đức Phật bảo:

– Hiền Hộ! Ông mong mỏi hỏi điều gì tha hồ ông cứ hỏi.

Hiền Hộ bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chứa là thế nào? Góp là thế nào? Thế nào là ấm? Thế nào là thân không dời đổi?

Phật bảo Hiền Hộ:

– Do trì giới, kiến giới, ý giới và minh giới, bởi bốn giới ấy hòa hợp mà thành thân, bốn giới cảnh thức gọi là chứa góp. Sáu giới, sáu nhập và sáu nhập cảnh, ba giới, hai nhập nhân, tức râu tóc lông móng, da thịt máu mủ, mũi dãi hoàng đàm, mỡ màng tủy dịch, tay chân mặt mắt, đại tiểu chi tiết hòa hợp chứa góp, gọi đấy là góp, giống như lúa đậu vừng tích tập chứa trữ mà thành đống cao gọi đấy là chứa. Đất nước, lửa gió, không, thức gọi là sáu giới, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý gọi là sáu nhập, sắc, thanh, hương, vị, xúc chạm và pháp, gọi là sáu nhập cảnh;

tham, sân, si gọi là nhân của ba cõi, lại gió hoàng đàm cũng gọi là ba nhân, hai nhập là giới và tín, lại có hai nhân gọi là xả và thí, lại có hai nhân gọi là tấn và định, lại có hai nhân là thiện và bất thiện, thọ, tưởng, hành và thức, bốn tên này là vô sắc ấm. Thụ là tướng nhận lãnh khổ vui… là tướng không phải khổ không phải vui. Tưởng là tướng biết khổ vui. Hành là hiện niệm tác ý và xúc. Thức là chủ của thân biến thành các thể, sự hiện hữu của thân được tạo ra đều là do thức cả. Không dời đổi là thanh tịnh thân, khẩu, ý chứng đắc đạo quả, người này sau khi chết rồi thức bỏ hữu ấm, không trùng thọ hữu, không bị trôi dạt trong các đường, rất vui mà dời đi không phải dời trở lại nữa, ấy gọi là không dời đổi.

Lúc ấy Hiền Hộ cùng Vương tử Đại Dược, lễ sát đôi chân của Phật bạch:

– Bạch Thế Tôn! Phật là Bậc Nhất Thiết Trí nói ra pháp tụ đời sau sẽ làm lợi lạc yên vui lớn cho chúng sinh.

Đức Phật dạy:

– Pháp tụ của Như Lai, thường trụ không đoạn, tất cả trí giả biết mà không làm, ta đã trải qua vô lượng kiếp cần khổ, tích tập ánh sáng của trí tuệ, nay nói kinh này, đây là mặt trời chánh pháp soi sáng lớn lao cho tất cả chúng sinh, đức thịnh đầy khắp chảy vào tất cả biển trí tuệ, hay chảy rót cho những ai biết điều phục tâm mà nói. Kinh này để ở nơi nào đọc tụng giải nói, đều được chư Thiên, Quỷ thần, A-tu-la, Ma-hầu-la-già, tất cả đều ủng hộ, đều đi đến lễ bái. Nước lửa vương tặc… mọi sự sợ hãi, đều không thể hại được. Các Tỳ-kheo từ nay trở đi, ở trước người không tin, chớ nói kinh này, người thể nghiên cứu tìm cầu cẩn trọng chớ chỉ ra. Đối với bọn Ni-kiền-tử, Ni-kiền-bộ chúng trong hàng các ngoại đạo cũng chớ nói kinh này, những kẻ bất kính khao khát thỉnh, cũng chớ vì họ nói, nếu làm trái lời dạy của ta, là tổn hại pháp sự, người ấy là người tổn hại Như Lai. Các Tỳ-kheo, nếu có người nào lễ bái cúng dường kinh điển này, nên phải cung kính cúng dường người ấy, vì người này chính là người gìn giữ kho tàng pháp sự của Như Lai.

Khi ấy Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Phải mạnh vượt trần lụy
Siêng tu chánh giáo Phật
Trừ diệt lũ quân chết
Như voi đạp cỏ tranh.
Trì pháp phụng cấm giới

Tinh chuyên không biếng nhác
Để bỏ dòng sinh hóa
Hết các khổ hữu biên.

Phật nói kinh này rồi, Thắng thượng Đồng chân Hiền Hộ, vương tử Đại Dược, gồm các vị Tỳ-kheo, Đại Bồ-tát, Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà… khắp cả chúng đại hội được nghe Phật nói, đều vui vẻ tín thọ phụng hành.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 110 (*)

Bấy giờ trong chúng, có một vương tử Đại Bồ-tát Ma-ha-tát, tên là Đại Dược, từ tòa ngồi đứng dậy chỉnh y phục, chắp tay hướng Phật, bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thần thức kia khi bỏ thân này rồi sẽ có hình sắc như thế nào?

Đức Phật khen Bồ-tát Đại Dược kia:

– Đại Dược! Đúng thế, đúng thế! Cái nghĩa mà ông muốn hỏi ta, nghĩa ấy rất sâu xa, chỉ có Phật Như Lai mới có thể biết được. Thế nhưng thức này trừ Như Lai ra, lại không có người nào có thể biết được.

Khi ấy, Bạt-đà-la-ba-lê bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Vương tử Đại Dược thật là người hiếm có, có thể hỏi việc rất sâu xa, rất vi rất tế, rất sâu rất kín.

Phật bảo Bạt-đà-la-ba-lê:

– Đúng như thế! Bạt-đà-la-ba-lê! Vương tử Đại Dược này, vào thuở xa xưa, đã từng cúng dường Đức Thế Tôn Tỳ-bà-thi, từng gieo căn lành. Này Bạt-đà-la-ba-lê! Vương tử Đại Dược ấy, xưa năm trăm đời làm ngoại đạo, lúc đó thường hay truy vấn nghĩa của thức này, nhưng cũng không thể biết được thức này tại sao đến và tại sao đi, nghĩa ấy không rõ, nay ta sẽ vì đó quyết làm rõ nghĩa ấy.

Khi ấy, trưởng giả tử Bạt-đà-la-ba-lê, khen ngợi vương tử Đại Dược:

– Đại Dược! Lành thay, lành thay! Nhân giả là bậc trí tuệ rộng lớn vô tận, mới có thể hỏi được Thế Tôn nghĩa thâm sâu như thế, tôi nay khuyến thỉnh ngài Đại Dược, xin hỏi Thế Tôn, để có thể vào được tất cả cái khó của thâm nghĩa ấy, xin Trí giả khéo hiểu thâm ý của tôi, đừng để cho Tô-ma-phù-để vui vẻ thiểu sự mà hỏi trước đức Thế Tôn. Vì sao? Vì Tô-ma-phù-để thường thường não loạn, không khéo hỏi Đức Thế Tôn. Phật ra đời rất khó gặp, thế gian tụ tập được pháp hội như thế lại cũng khó, vì thế ông

---

* Đây là quyển trong bản đời Minh, dùng để đối chiếu bản Tống và bản Nguyên.

nay phải khuyến thỉnh Đức Thế Tôn, giải thích nghĩa xứ rất sâu xa ấy.

Bấy giờ, vương tử Đại Bồ-tát Đại Dược, chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn, trông thấy Đức Thế Tôn vui vẻ mỉm cười, giống như hoa sen nở lúc mới sang thu, dưới bầu trời trong mát dịu rồi vui mừng.

Khi ấy vương tử Bồ-tát Đại Dược bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con vì khát ngưỡng muốn được nghe chánh pháp, sợ rằng pháp yếu được Thế Tôn hiển thuyết không trọn với con, không dứt khoát muốn nghi con, lại sợ không còn bao lâu Thế Tôn sẽ nhập Niết-bàn; lại sợ các chúng sinh chẳng biết được nghiệp báo thiện ác, thường phải chịu sinh tử phiền não không xả ly được.

Đức Phật bảo Đại Dược:

– Đại Dược! Ở kiếp xa xưa của ta, vì một bài kệ này, mà ta từ trên núi lớn gieo mình xuống để bố thí, lại làm vô lượng, vô biên khổ hạnh khó làm, làm trăm ngàn ức bao nhiêu việc… Này Đại Dược! Người có chỗ nghi hoặc gì hỏi ta chớ cho là khó, ta sẽ tùy ý ngươi mà phân biệt giảng rõ.

Khi ấy Đại Dược lại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thức này hình sắc như thế nào?

Đức Phật bảo Đại Dược:

– Đại Dược! Sắc này giống như lửa của huyễn sư, như bóng người ở trong nước, như gió luân chuyển không định, không có hình sắc cố định, như chúng sinh mắt thấy hư không giống như sự mến yêu.

Đại Dược lại hỏi:

– Bạch Thế Tôn! Sự mến yêu đó là như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Đại Dược! Giống như người bắn tên, vì có nhãn căn nên thấy mũi tên có đi, như người cầm tấm gương sáng, ở trong gương ấy, thấy rõ hình dáng của hình, nhưng nếu đã bỏ gương đi, thì hình không còn thấy được nữa, thức này cũng vậy, theo thân người mà đổi dời, thức giới chỉ thấy tội phước, cũng ví như người mù, không bao giờ thấy được mặt trời xuất hiện vào sơ thời, trung thời và hậu thời, ban đêm cũng không thấy được mặt trăng khi xuất hiện, khi tối hết đều không thể thấy được, thần thức này cũng lại như thế, ở trong thân cũng không thể thấy được.

Này Đại Dược! Thức ái trước trong thân này cùng với có thủ và tưởng, người trí giả thì chỉ có thức thôi, toàn bộ thân này đều do sự tập hòa hợp mà có. Các giới, các nhập, các ấm… là toàn bộ sắc, mắt, tai, mũi, lưỡi… thuộc về các thọ. Hoặc khổ, hoặc ý lạc… toàn bộ của các sắc, ấy gọi

là thức.

Này Đại Dược! Như người lấy lưỡi nếm mà biết được mùi vị hoặc đắng hoặc cay, mà lưỡi của người có hình sắc, còn mùi vị thì không có hình sắc. Toàn bộ máu thịt xương tủy trong thân này thuộc về hữu sắc, sự cảm thọ là thuộc về vô sắc, ấy gọi là thức thọ tội phước.

Bấy giờ, Bạt-đà-la-ba-lê đầu lễ sát chân Đức Phật bạch Phật rằng:

– Bạch Thế Tôn! Người chịu tội phước là ai?

Đức Phật bảo:

– Bạt-đà-la-ba-lê! Ông phải nghe cho thật kỹ, nhận xét cho thật kỹ, ta vì ông nói rõ. Nếu có người thật sự thấy thức này, cho dù thức này được thấy, nhưng chẳng thể nắm bắt được, giống như quả Am-ma để trong lòng bàn tay có thể thấy được, nhưng thức này không trụ ở nhãn đạo, cũng không thể lấy mắt mà thấy được thức, cũng như hằng hà sa số Như Lai kia thấy thức này, ta cũng vậy: Thức không có sắc có thể thấy được, chỉ có kẻ ngu si mới không biết không thấy như thế, thế nên ta nói chỉ có thức danh, mà không thể thấy được.

Này Bạt-đà-la-ba-lê! Thức này phải chịu tội phước như thế nào, ta sẽ vì ông nói, ông lắng nghe cho kỹ. Ví như có người bị Âm quỷ yếm, hoặc quỷ Dương điên, hoặc quỷ Càn-thát-bà, hoặc Thiên thần. Bạt-đà-la-ba-lê! Theo ý ông nghĩ thế nào? Trong thân của người kia có các quỷ kia, hoặc Âm quỷ có thể thấy được không?

Bạt-đà-la-ba-lê bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Quỷ kia ở trong thân người, hoặc trong hoặc ngoài, thực không thể nào thấy được, các quỷ ở trong thân người, cũng không có hình sắc.

Này Bạt-đà-la-ba-lê! Như Thiên thần tối thắng kia ở trong thân người, chỉ là hương bột, hương thoa, hoa hương tuyệt diệu, cùng các tràng hoa cho đến đồ ăn thức uống; đều toàn là tính chất tối thượng thù thắng. Thế thì khi thân này khi đắc nghiệp thù thắng ấy, chính là vì thức nên lãnh thọ. Chẳng hạn đắc ngôi vua tự tại chuyển hóa và cai trị, hoặc được làm nhà đại trưởng giả giàu có, hoặc lãnh thọ quả báo cõi trời. Như vậy thức lãnh thọ đúng như sự linh diệu của Thiên thần tối thắng kia, như thế thức này hưởng thọ phước báo Thiên thần linh tối thắng như thế, ở trong thân người hưởng thọ những thứ tế tự tối thắng, hoặc thọ vương vị, hoặc hưởng thọ sự giàu sang, làm lợi nhuận cho thân người đó, khiến cho vui mừng, như thế thức này thụ quả báo phước cũng lại như thế.

Bạt-đà-la-ba-lê! Như quỷ thần bất tịnh Tỳ-xá-xà kia, gá vào trong

thân người, hưởng thọ thứ vật xú uế bất tịnh, hoặc ở trong chuồng xí hưởng thọ mọi sự cúng tế, được sự cúng tế rồi liền sinh lòng vui mừng, người bị yếm kia bị năng lực của quỷ thần bất tịnh nên thường ưa ở những nơi xú uế bất tịnh, tâm đã ưa muốn nên khi được vật xú uế bất tịnh liền sinh vui mừng, thức này phải chịu quả báo ác là như thế. Như Thiên thần linh kia, tuy không có hình sắc, lại được hưởng thọ những sự cúng tế thù thắng tối thượng, như thế thức này tuy không có sắc, lại được hưởng thọ quả báo thù thắng tối diệu, tùy nghiệp thọ thân, như quỷ vô sắc Phú-lâu-na kia, dựa dẫn vào thân người thường ưa ăn các phẩn uế. Như thế thức này ở trong nghiệp bất tịnh nên thường ưa chỗ hạ tiện.

Này Bạt-đà-la-ba-lê! Ông nên biết thức bất tịnh này là như thế.

Này Bạt-đà-la-ba-lê! Như hình quỷ kia ở trong thân người mà không có sắc, thức nay chịu quả báo thiện và bất thiện, như quỷ thần kia, ông phải nên hiểu biết và quán sát như vậy.

Bấy giờ vương tử Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Phàm thọ dục như thế nào?

Đức Phật đáp Đại Dược:

– Đại Dược! Khi thấy hai người giao hợp nên phát sinh ý tưởng về dục, như dùng dụng cụ bằng mộc cọ xát tạo lửa, do sức người sau đó lửa mới phát sinh, dục nhận lãnh cái nhân của dục trong người nam, ý tưởng chiêu cảm từ xúc chạm, sau đó sinh ra trạng thái dục. Ví như do hoa mà sinh thành hạt, song trong hoa kia, lúc ban đầu không có hạt, vì có hoa sau đó mới kết hạt, nên thấy như thế, thân này sinh rồi, thế nhưng trong thân đó không thể thấy thức, bởi cớ thức trong thân nên có xương tủy thịt máu… các vật bất tịnh, như hạt giống kia gieo giống rồi mới sinh hoa, do hoa mà lãnh thọ sắc hương vị… đã thành quả rồi lại diệt, cũng như thức này thành thân rồi trở lại hoàn diệt, chỉ thụ lấy tâm tưởng ý thức thiện ác hướng đến đời khác. Nam nữ kia hòa hợp sinh tâm hoan hỷ, vì sự giao hợp kia đối đãi xuất ra tinh khí bất tịnh, xuất ra bất tịnh rồi, lại xa rời nhau, cả hai người kia khi thọ dục lạc xong rồi tâm sinh vui mừng, kia đã thọ dục rồi, không còn tưởng dục nữa, trở lại đều xa rời nhau hoặc sinh lìa chán, dục tưởng là như thế như thế… Thức này vì điều kiện nương nhờ thân sinh tâm vui mừng, tăng trưởng dục tưởng, giống như người nhân thấy nữ sắc liền sinh dục tưởng, quấn quít chặt lấy nhau, thọ dục xong rồi trở lại chán lìa mà đi, thức này cũng vậy, đã thọ thân này rồi trở lại bỏ đi sinh tưởng chán lìa. Lại nữa, vì nhân dục sự cha mẹ đưa đến, trung ấm thọ sinh bám víu lấy nghiệp, thức này nhập

vào trong thai mẹ, nhân của dục mà thành tựu thân này, nhưng nghiệp thì không sắc, nhân của nam tử nữ nhân cũng không sắc, nhưng vì bám víu vào nhau sinh dục tưởng mà liền có sắc, cho nên mới nói là thọ dục tưởng, vì sắc thọ dục tưởng nên gọi là thọ dục.

Lại nữa, này Đại Dược! Vì điều kiện nương nhờ trì giới, cho nên thọ hậu báo, việc ấy như thế nào?

Đức Phật bảo:

– Ta sẽ vì ông nói về người trì giới, thân đoạn sát sinh, không trộm cắp của người khác, không làm việc tà dâm, không nói dối, không uống rượu, không phóng dật đấu loạn, ấy là điều kiện nương nhờ, muốn thọ hậu thế quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, tức thọ hậu hữu hoặc thân trời, hoặc thân người, mà kia có thiện nghiệp, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, thành tựu các ấm… lợi nhuận xứ thức kia, thọ trì hoặc thiện hoặc bất thiện các nghiệp, thành tựu thức, thọ các dục sự rồi, lại tự chán lìa, cho nên gọi nhân này là vì trì giới mà thọ hậu quả báo.

Bấy giờ, vương tử Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thức này khi thụ thân trời như thế nào? Lại hỏi thọ thân địa ngục như thế nào?

Đức Phật bảo vương tử Bồ-tát Đại Dược:

– Đại Dược! Ông nay phải nghe cho kỹ, ta sẽ vì ông mà giảng dạy việc ấy. Đại Dược! Thức này do trì pháp giới nên sinh ra cái thấy của tâm trời, mà cái thấy của trời tự thể của cái thấy, tức là nguyên nhân thuộc về lãnh thọ, cho nên gọi là nguyên nhân lãnh thọ của thấy, mà cái được thấy của người là cái thấy của trời, tức là do phúc nghiệp phan duyên thiện nghiệp thành tựu, liền thấy được cung trời, muốn hưởng thọ mọi thứ dục lạc trong cung trời, thấy như thế rồi liền sinh dục tâm, do như thế mà sinh khởi niệm trí, ta nay nên phải đến chỗ kia mới được. Người kia sinh khởi dục tâm như thế rồi mà phát ra niệm nhiễm trước, tâm giữ lấy hữu tướng. Lại thấy thây chết cũ của mình bỏ ở trong rừng Thi-đà. Người kia thấy như thế rồi, liền nghĩ như thế này: "Đây cũng là thiên thức của ta, thân đó tạo thiện căn rồi, ta đang muốn hướng lên trời".

Khi ấy, vương tử Đại Dược lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thức kia đã đắm trước thây cũ như vậy, tại sao lại không vào ngay trong thây cũ ấy?

Đức Phật bảo vương tử Đại Dược:

– Đại Dược! Ví như có người đã cạo bỏ râu tóc, đã thấy râu tóc rớt

xuống đất, rồi nghĩ như thế này: Râu tóc này của ta đẹp đẽ đen lánh thơm tho tinh khiết thế này, nguyện xin râu tóc này của ta lại dính lại trên đầu ta như cũ.

Này Đại Dược! Theo ý ông nghĩ như thế nào? Tóc ở trên đầu kia sau khi đã cạo bỏ, có thể trở lại dính trên đầu được không?

Đại Dược bạch:

– Bạch Thế Tôn! Không thể được.

Đức Phật dạy:

– Đại Dược! Đúng như thế, đúng như thế! Thần thức của người kia sau khi đã rời thân này rồi mà lại muốn trở lại y trụ nữa, thực không có chỗ ấy được.

Khi ấy, vương tử Đại Dược lại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thức này đã vi tế như thế, không có sắc thái chân chính rộng lớn vô biên nào thì làm sao mà có thể vào được thân của con đại bạch tượng, lại có thể phá được cả thân kim cương? Đã không có sức ngàn voi, làm sao nhân sinh lại nắm giữ được sức cả ngàn voi?

Đức Phật bảo Đại Dược:

– Đại Dược! Ví như phong giới không có sắc, không thấy nó ở trong hang núi, mà nó lại từ trong hang núi phát ra, sức mạnh của nó có thể làm gảy nát rả để cả quả núi to cao như núi Tu-di…

Đại Dược! Theo ý ông nghĩ như thế nào? Phong giới có sắc gì? núi kia lại có sắc gì?

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Gió kia thật mềm yếu không có sắc thân, đúng như con thấy thế.

Đức Phật lại bảo Đại Dược:

– Đại Dược! Như phong giới kia mềm mại không sắc thể, thức kia cũng vậy, mềm mại lại không có sắc thân, nhưng không có gì trở ngại nó, mà nó có thể thành tựu được thân lớn, cũng có thể thành tựu được thân lớn, cũng có thể thành tựu được thân cực kỳ vi tế, thức kia đối với con muỗi và con voi là một loại không khác.

Này Đại Dược! Ví như ánh sáng của cây đèn nhỏ, hoặc để ở dưới tường hay trong nhà, mà có thể diệt trừ được những sự tối tăm rất lớn, thức này cũng lại như thế, tuy lại cực nhỏ, mà có khả năng thành tựu được cả hình sắc lớn và nhỏ, tất cả đều do thọ nghiệp vậy.

Bấy giờ Đại Dược lại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nghiệp kia có sắc gì? Có thể gì? Có bao nhiêu chủng nhân có thể quan sát được?

Đức Phật bảo Đại Dược:

– Đại Dược! Cảnh giới của các nghiệp, có thể hưởng thọ sự khoái lạc nhiệm màu, hưởng thụ được thức ăn uống cõi trời, ví như có hai người cùng đi ở một cánh đồng hoang, song hai người kia, một người chợt gặp được nước trong mát mà uống, còn một người bị khát mà chết, nước kia không thể nào tự chảy vào miệng người kia được, ở đây ai cũng uống được, chỉ vì nhân duyên là một người gặp nước trong uống, còn một người thì không gặp nên bị chết như thế, như thế… Các pháp thiện và bất thiện này cũng lại như vậy, như nghiệp đen tối, nghiệp thanh bạch, thiện và bất thiện hẳn phải sẽ thấy. Ví như trái cây xanh khi chín thì màu sắc biến thành khác, song sắc kia vì sức lửa nhiều, làm cho nó thành chín như thế, như thế … Thân này do phước lực mà được sinh vào nhà đại phú trưởng giả, có nhiều của báu, hiện thọ khoái lạc, sinh ở tại cung trời, hiển hiện thọ khoái lạc ở cung trời, đến sau khi mất hết thế lực tự tại ở cung trời, liền hiển hiện ra cái thế lực vô phước. Nghiệp cũng như hạt giống gieo trồng ở trên đất mọc thành cây, sau đó không thấy có hạt giống hiện ở trên cây, chẳng thấy hạt giống ấy từ cành này dời tới cành khác, cũng chẳng hiển hiện ra ở trong thân cây, cũng không có người nào tay cầm hạt giống ấy để ở trên cây, cũng không thấy từ gốc cây di dời đi mà hạt giống kia hiện ra được như thế, như thế… Các nghiệp hoặc thiện hoặc ác, dựa ở trong thân mà không hiển hiện, cũng như từ hạt giống mà sau mới ra hoa, từ nơi hoa song sau đó mới có hạt, hoa ấy không ở trong hạt giống, hạt giống cũng không ở trong hoa kia, hạt giống và hoa không có hai thể khác nhau cũng như thế…

Các nghiệp ở trong thân này, từ nơi nghiệp mà có thân, thân ấy không có ở trong nghiệp, có thể thấy nghiệp không phải ở trong thân, có thể thấy hoa khi thành thục, sau đó sẽ trở thành hạt giống, như thế thân thành thục rồi, các nghiệp có thể sẽ hiện ra, cũng như hạt giống không kể địa phương nào, có địa phương là có hoa, có hoa, nhưng sau đó sẽ có hạt như thế, như thế… Thân này chỗ có sinh xứ, ở nơi xứ kia, thấy thiện và ác tức liền có hiện, song các nghiệp căn kia đều không có sắc tướng, như người do thân mà có hình, mà hình kia thì vô định, vô sắc hoàn toàn theo người mà đi, nhưng bóng không dựa ở một chỗ, với người cũng không lìa thân mà có bóng hiện ra được, như thế trong thân này hiện tướng thiện ác theo nhau mà không bao giờ lìa nhau, cái chỗ thân làm,

cứ theo đuổi mà làm, nghiệp ấy chốn chốn đeo đuổi, nghiệp ấy không thể lìa thân mà có, cũng không thể lìa thân mà nghiệp hiện ra được, cũng như các thứ thuốc hoặc cay, hoặc ngọt, hoặc đắng… người uống rồi hay trừ được mọi chứng bệnh, khi đã trừ được các ác bệnh ở nơi thân, thân hình trở nên mềm mại hiện ra nhan sắc đẹp đẽ, chúng nhân thấy hình tướng mà biết được, người này gặp được thuốc tốt, song năng lực của các vị thuốc kia đều không có sắc, sắc lực của các vị thuốc ấy đều chẳng thể nắm bắt, mà chỉ có tại thân người hình sắc tốt đẹp có thể hiện ra được mà thôi, như thế như thế… Thiện nghiệp vô sắc này, khi đã đến với thân người, sẽ đem lại cho người đó những thức ăn uống tốt đẹp, thân mặc đồ tốt đẹp, người đó các căn đều được đầy đủ, thân hưởng thọ những thứ khoái lạc, vàng bạc trân bảo trang nghiêm nơi thân này, có hình thể phú quý, đây đều là cảnh giới của thiện nghiệp, khi thất thế không có phúc nghiệp sẽ phải nghèo cùng khốn khổ, xa lìa của cải, luôn luôn thiếu thốn, thèm cầu của cải của người khác, ăn uống sơ sài, đi đứng nằm ngồi đều là hàng hạ liệt, không có bảo dưỡng nuôi thân thể, sinh chỗ nào cũng xấu xa hèn kém, đây đều là cảnh giới bất thiện, cũng như tấm gương sáng, vì gương sáng ấy mà hình mặt xấu xa hiển hiện ra được rõ ràng, hình mặt ở trong gương kia không có sắc như thế, như thế… do vì sức thiện ác, thức ấy hiển hiện ở trong người, hoặc trong địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh.

Này Đại Dược! Phải nên biết như thế, thấy như thế!

Đại Dược lại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thức này thành tựu các căn, được thân lớn như thế nào? Bỏ các căn như thế nào?

Đức Phật bảo Đại Dược:

– Đại Dược! Ví như người thợ săn vào trong rừng sâu, tay cầm cung tên rất mạnh, rồi lấy thuốc độc xoa bôi vào mũi tên bằng sắt nhọn để bắn vào con voi to lớn, vị thuốc độc kia chỉ bằng một giọt rất nhỏ thấm vào máu da của voi, độc khí chạy khắp trong thân voi, đến tất cả các cảnh giới của căn, khiến cho các căn đều bị bế tắc, các lóng đốt bị dập gãy, khiến cho toàn thân máu huyết biến đổi màu sắc, voi ấy liền chết, chất độc ấy tự nhiên thoát ra ngoài bằng chỗ ban đầu mà nó vào.

Này Đại Dược! Thuốc độc chỉ có một giọt rất nhỏ, còn thân của voi thì cực lớn, theo ý ông nghĩ thế nào?

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Kể ra thì thuốc độc rất nhỏ bé, còn với thân của con

voi thì thật lớn như núi Tu-di, mà thuốc độc chạy đến khắp cả cơ thể.

Đức Phật bảo Đại Dược:

– Đại Dược! Cũng như thần thức này khi xả thân, xả các căn, xả các giới, cũng lại tuần tự như thế…

Đại Dược lại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tại sao khi thọ thân to lớn như vậy mà không từng sợ khó?

Đức Phật bảo Đại Dược:

– Đại Dược! Ví như núi Tu-di cao tám vạn bốn ngàn do-tuần, núi ấy có hai Long vương, một tên là Nan-đà, hai tên là Ưu-ba-nan-đà, trụ trì quấn quanh núi này ba vòng, hơi thở gần của Long vương làm cho nước bể không thể uống được, khi thở ra hít vào, núi Tu-di rung động cũng như Long vương, thân to lớn nhiều sức lực. Long vương Bà-tu-cát, Long vương Đức-xoa-ca cũng như thế.

Này Đại Dược! Theo ý ông nghĩ thế nào? Thức của các Long vương kia, tính ra bằng với thức con ruồi chăng? Ông có thấy khác hay không khác?

Vương tử Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Như ý con thấy, thì cái thức của Long vương với thức của con muỗi bình đẳng không khác.

Đức Phật lại bảo Đại Dược:

– Đại Dược! Ví như có một thứ thuốc độc gọi là thuốc độc Bà-ta-na-bà, lại có một thứ thuốc độc gọi là Ha-la-ha-la, giống như hạt cải, đem cho Long vương Nan-đà và Ba-nan-đà… uống, liền bị chết ngay.

Này Đại Dược! Theo ý ông nghĩ thế nào? Độc long với thuốc độc, độc nào có sức mạnh hơn? Độc long lớn hay thuốc độc lớn?

Đại Dược bạch:

– Bạch Thế Tôn! Như ý con thấy, Long vương Nan-đà và Ba-nan-đà độc nhiều, còn thuốc độc Bà-ta-na-bà độc ít.

Đức Phật bảo Đại Dược:

– Đúng thế, đúng thế! Tuy có thân lớn sức địch ngàn voi cũng không có gì trở ngại, thức đó tuy nhỏ vô định sắc không thể thấy được, nhưng thức này, do nghiệp duyên thành tựu nên được thân to lớn.

Này Đại Dược! Ví như hạt Ni-câu-đà, hình thù của hạt thì nhỏ bé, nhưng không trở ngại gì, để trở thành cây đại thụ to lớn, cành nhánh dài rộng che rợp cả vài trăm ngàn thước đất.

Này Đại Dược! Theo ý ông nghĩ thế nào? Hình thù của cái hạt giống kia và thân cây hai thứ, cái nào lớn hơn cái nào?

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thật chẳng khác nào lấy một cái lỗ cực nhỏ mà sánh với cả cõi hư không.

Đức Phật lại bảo Đại Dược:

– Đại Dược! Cây kia không thể ở trong hạt nhỏ bé được, nhưng cũng không thể lìa hạt nhỏ bé ấy mà sinh ra cây được, cũng như do có hạt cực nhỏ kia mà có cây đại thọ to lớn là như thế như thế…, thức không có sắc mà có thể thành tựu đại sắc thân, do có thức cho nên mới hiện ra có sắc thân, có thể thấy sắc thân và thức không phân lìa.

Khi ấy, Đại Dược lại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thức này rắn chắc như kim cương, làm sao thành tựu được thân yếu đuối?

Đức Phật bảo Đại Dược:

– Đại Dược! Ví như người nghèo cùng, không thể tự kiếm sống, chợt gặp được viên ngọc bảo châu như ý, người ấy được bảo châu rồi, cầu làm điều gì cũng được như ý muốn, như kiến tạo lầu quán ao đài cổng thành hào lũy cửa vào cao cùng khắp, vườn rừng hoa trái che phủ khắp cả lên trên thành môn, mọi thứ của cải tư tài, tất cả đều được hóa thành như tâm cầu.

Đại Dược! Tất cả những sự ấy hoàn toàn là mong manh yếu ớt, là pháp rất mau chóng phá hoại ly tán, cũng như người cầm hạt châu như ý kia hốt nhiên bị thất lạc, mọi sự yên vui liền tiêu diệt không còn nữa.

Đại Dược! Hạt bảo châu như ý kia, dù ngàn kim cương cũng không thể phá hoại được, hạt bảo châu này có công năng tùy ý nghĩ muốn điều gì cũng đều có kết quả tức khắc là như thế như thế…, thức này kiên cố cũng như kim cương mà thụ cái thân không kiên cố ấy.

Bấy giờ, Đại Dược lại hỏi Đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Thức kia đã là yếu ớt, làm sao có thể phá hoại được cái thân rắn chắc và di dời đi nơi khác?

Đức Phật bảo Đại Dược:

– Đại Dược! Ví như dòng nước chảy xuống ở trong núi rồi xuyên qua núi mà ra.

Này Đại Dược! Theo ý ông nghĩ thế nào? Nước kia có kiên cố không?

Đại Dược bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thể của núi ấy là kiên cố rắn chắc như kim cương,

mà bản tánh của giọt nước kia là mềm mại, có cảm xúc như sự sung sướng ở trong giấc chiêm bao ấy là như thế như thế…, bản thể của thức kia là mềm mại, hay phá được đại thân mà đi ra.

Khi ấy Đại Dược lại hỏi Phật:

– Bạch Thế Tôn! Lại có chúng sinh từ cõi chúng sinh, sau khi xả thân mệnh chung, thọ thân chư Thiên như thế nào? Lại thọ cái thân ở trong các đường như thế nào?

Đức Phật bảo Đại Dược:

– Đại Dược! Ông nghe cho kỹ, ta sẽ vì ông giải nơi việc ấy.

Này Đại Dược! Phàm có chúng sinh bỏ thân thể của mình, sau khi mệnh chung bởi làm phước nghiệp để thọ thân khác, lại bỏ thân cũ kia, khi thức bỏ thân cõi người rồi, được thấy thân cõi trời, người kia được Thiên nhãn rồi, liền thấy được chư Thiên ở sáu tầng trời cõi Dục, lại thấy cung sáu tầng trời cõi Dục, khi thấy thân cõi người bị phá diệt, lại thấy trên cõi trời có những thứ như vườn cây, vườn cây hoan hỷ, vườn cây hoại hoạn… Chốn kia có tòa cao, áo phủ che bên trên tòa cao ấy, bất cứ nơi đâu cũng đều có lâu đài điện ngọc, vườn cây…, chỗ nào cũng có ngọc nữ đoan chánh tụ họp, thức kia thường thấy có hoa, mọi sự trang nghiêm mà lòng ham thích được thấy, thứ thứ anh lạc, tai đeo châu, tay mang vòng xuyến. Người kia thấy Thiên đồng tử ở trên tòa, Ngọc nữ và Thiên tử hai người cùng thấy vui mừng, Thiên đồng tử kia sinh rồi, lại thấy sinh Thiên đồng nữ. Thiên đồng tử kia thấy đồng nữ rồi liền sinh dục tâm, sinh dục tâm rồi, liền được sự vui mừng, được sự vui mừng rồi thì khắp thân thể tâm ý đều vui mừng, khi tâm ý vui mừng, người kia liền cảm thọ sắc thân biến đổi, sắc giống như hoa sen. Người ấy khi mệnh chung tâm không điên đảo, thấy mũi không bị méo, hơi miệng không hôi, người kia tại mắt giống như sắc hoa sen xanh, lóng đốt đều đặn, không bị chảy máu, không sinh phẩn giải, các lỗ chân lông trên thân mình không bị rụng, tất cả đều không có sắc xanh xám, tay không vàng vọt, tay chân không động cũng không co rút mà mệnh chung.

Này Đại Dược! Người kia mệnh chung trên đầu có Thiên tướng, trước mặt thấy có kiệu đến rước, kiệu kia có hàng ngàn trụ lan can, được trang nghiêm bằng các rềm khánh, âm thanh của tiếng khánh phát ra rất mầu nhiệm, có thứ thứ hương hoa vi diệu tung rải trên đó, đều toát ra những mùi thơm tuyệt diệu. Lại có thứ thứ chuỗi ngọc trang nghiêm ở trên đó, lại có vô lượng chư Thiên đồng tử. Người kia thấy như thế rồi, sinh lòng rất vui mừng. Người kia sinh lòng vui mừng rồi, ở nơi miệng thân mình sinh ra

hai hàm răng trắng sạch như hoa Quân-đà, hiển hiện ra hai mắt không mở quá to không nhắm quá kín, tiếng nói mầu nhiệm rất được ưa thích, gót chân hồng đẹp như hoa sen. Thây chết của người kia sau khi mệnh chung, thân tâm không lạnh không nóng, tất cả họ hàng của người chết không quá sầu bi, vì người kia muốn được như pháp mà mệnh chung. Khi đó cũng chính là lúc mặt trời mới mọc, các phương hướng đều không bị tối tăm, các phương đều thấy rõ các màu sắc, lại có cả các mùi hương thơm thượng diệu biến khắp mà bay đến chỗ người kia. Người đó khi sắp lâm chung hai mắt đều mở, thấy rõ được các phương không nhầm lẫn, lại thấy tượng Đức Như Lai, liền được tín tâm phát ý thanh tịnh, lại thấy tâm mình vui mừng, các họ hàng cũng đem tâm vui mừng ôm lấy người đó, giống như chết rồi lại được sống lại, cũng khác nào người đi xa trở về an ủi họ hàng, nói như thế này: "Các họ hàng đừng có buồn rầu, tất cả cái gì có sinh, đều là pháp phải ly biệt như vậy cả".

Này Đại Dược! Nếu chúng sinh kia có phước nghiệp mạnh, bên trong phát tâm làm việc bố thí, rồi dùng biện tài của mình khen ngợi ca vịnh công đức bố thí, hoặc thứ thứ nhân duyên công đức. Người kia nói lời như thế rồi, tâm ý muốn ngủ nghỉ, thân, tâm đều được an vui, an ổn mà mệnh chung. Sau khi bỏ thân mạng này rồi, thấy chư Thiên cùng ngồi trên giường, thấy cùng ngồi rồi, ngọc nữ lấy tay để trên thân mình, hai tay của ngọc nữ bưng đầy hương hoa, rồi thưa với trời kia rằng: "Rất tốt thay, rất tốt thay! Nguyện có việc lợi tốt lành, thời muốn sinh Thiên đồng tử đã sắp đến". Ngọc nữ kia nói như vậy rồi, tay liền tung hoa, tung rồi lại tung, trong lúc tung hoa, thì chúng sinh kia tức thì mệnh chung, khi người kia bỏ các căn cùng với thức, bỏ các căn cảnh giới, bỏ các đại, bốn âm vô định thể vô sắc, như người muốn cỡi ngựa, hoặc như mặt trời, hoặc như ngọc minh châu, hoặc như ngọn lửa, hoặc như trăng trong nước, hoặc như huyễn hóa, thân gá thiện nghiệp, nhanh chóng như hơi thổi sáo dời đi, thần thức muốn sinh ở chốn kia, nhân hoa kia mà thấy được cha mẹ ngồi trên giường trời, thấy trời kia hòa hợp với thần thức này, ở trong hoa có hình hiện ra, lúc đó có gió thổi vi diệu, như vị cam lộ hòa hợp mà thôi, người kia dậy rồi, thức kia ở trong vòng bảy ngày, đầu đội thiên quan, hiện hữu đồng tử của trời.

Khi ấy Bồ-tát Đại Dược lại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thần thức kia đã không có sắc, thì do nhân duyên gì mà thành tựu được sắc? Và do nhân duyên gì mà hiện thấy?

Đức Phật dạy:

– Đại Dược! Ví như hai thanh gỗ cọ xát vào nhau mà có lửa, không phải ở trên thanh gỗ kia mà thấy được sắc của lửa, bởi vì cứ cọ xát hoài mà thấy có sắc của lửa, cũng không phải lìa ngoài cây mà có sắc của lửa được, là như thế như thế…

Này Đại Dược! Thức kia do cha mẹ hòa hợp cho nên sự việc thọ thân mới thành tựu được, thức ấy cũng không ở trong thân mà có thể thấy được, cũng không lìa bỏ thân mà có được thức kia.

Này Đại Dược! Cũng ví như lửa xuất hiện rồi, xong sau đó mới thấy sắc, cũng chẳng phải vì nóng mà thấy có sắc được, chẳng phải vì đỏ mà nói thấy có sắc được, cũng lại như thế.

Này Đại Dược! Do thần thức kia mà thành tựu được thân này cho nên nói là có thức, cũng không do thọ mà thấy được, cũng không phải do các hành mà thấy được.

Này Đại Dược! Cũng như mặt trời tròn đầy quang minh chiếu sáng, có thể thấy mặt trời có nhiều ánh sáng uy quyền hiển hách, mà các phàm phu thì không bao giờ thấy được sắc, nên hoặc nói sắc đen, hoặc nói sắc trắng, hoặc nói sắc vàng trắng, hoặc nói sắc màu lục.

Này Đại Dược! Không phải bởi thân, chẳng thấy thần thức hoặc đen, hoặc trắng…, cũng như dụ mặt trời, chẳng phải vì sức nóng mà thấy được ánh sáng, mà cái có thể thấy được là phải quan sát khi nó mọc và lặn.

Này Đại Dược! Thần thức nay phàm khi muốn quan sát, phải nắm được các tánh của nó.

Đại Dược lại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thức này có các tánh gì?

Đức Phật dạy:

– Đại Dược! Tánh của nó là thọ tánh, thủ tánh và các hành tánh, ưu sầu tánh, tư duy tánh, não tánh, hỷ tánh, bất hỷ tánh…, các tánh của thức này nên phải quan sát như thế. Lại nữa, thần thức có bản tánh có thể quan sát được. Những gì là bản tánh? Như là thiện tâm bất thiện tâm… là bản tánh của thức.

Khi ấy Đại Dược lại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thức này từ thân này ra rồi lại nhanh chóng đi thọ sinh ở chốn kia như thế nào? Thức từ thân này ra khỏi rồi, trong thời gian chưa đến thọ sinh ở thân kia như thế nào? Thần thức ở chỗ nào? Thần thức ấy nên quan sát như thế nào?

Đức Phật đáp Đại Dược:

– Đại Dược! Ví như có người có cánh tay thon dài, tay chân trên dưới đều đầy đặn khỏe mạnh, cỡi con tuấn mã rất nhanh chóng xông pha vào trong trận mạc, khi nhập trận người này bị dao đồng cung tên làm trúng thương, ở trong trận địa bị tâm thần não loạn ngã ngựa lăn xuống đất, nhưng vì người này khéo giải thông binh khí, tuy đã ngã xuống đất lại đứng dậy ngay được, tay cầm giây cương ngựa cỡi chạy đi thoát ngay được, ví như người khi người bị ngã xuống đất kia, mau chóng nắm bắt được ngựa, được rồi liền cỡi ngay lên con ngựa ấy, như con ngựa kia chạy nhanh chóng, người cỡi ngựa cũng nhanh chóng, thần thức kia cũng như thế, muốn sinh lên cõi trời liền nghĩ đến nương gá cõi trời, thấy cha mẹ trời ngồi chung một tòa, thấy rồi nhanh chóng gá vào đó liền được thụ sinh.

Lại nữa, Đại Dược! Ông hỏi phàm người khi thần thức mới dời khỏi, trong khoảng thời gian thần thức chưa đến, thời ấy sẽ ở tại nơi nào? Tánh của nó phải quan sát như thế nào mới biết được?

Này Đại Dược! Ví như bóng người ở trong nước, tuy lại hiện sắc, nhưng không phải là hình sắc chính của người, nên quan sát như thế.

Này Đại Dược! Hình bóng của người kia tay chân trên dưới đều giống nhau, khi sắc được thành tựu ở trong nước, sắc ấy cũng không nghĩ rằng: "Ta có nhiệt não, ta có rét mướt, thân thân ta tật bệnh, thần thức kia cũng không có lòng nghĩ miệng nói ta là chân thể, như một khối thịt ở trong thai. Hình bóng của người kia không có chỗ nào rối loạn, khi mà hình ảnh của người kia ở trong nước, không có âm thanh được nói ra là khổ thanh hay lạc thanh. Thần thức ấy từ nơi thân này bỏ rồi chưa đến được thân kia, có hình như thế và tánh như thế".

Này Đại Dược! Phàm có chúng sinh hoặc tạo nghiệp bất thiện, bởi nghiệp kia níu kéo nhiếp thuộc, chúng sinh kia sinh ở chỗ này muốn bỏ thân ấy, khi bỏ thân ấy, sinh lòng nghĩ: Ta tức là người kia, từ địa ngục này bỏ thân này, đây là cha mẹ ta. Người kia khi bỏ thân ấy, đồng đẳng thành tựu sắc thân bản tánh hữu, người kia thành tựu như bản thân thể tức là thấy được thân phận. Thần thức người kia khi bỏ thân mạng mà bị sầu não liền thấy thứ thứ địa ngục, thần thức kia khi mới bỏ thân mạng đã ở địa ngục kia, tức thành tựu hữu nghiệp liền thấy địa ngục kia. Hoặc có phương khác nhau như huyết lệ, người kia liền sinh tâm nhiễm trược tướng, sinh nhiễm trược tướng rồi, tức thành thân địa ngục, thần thức kia như bị rơi xuống nơi ẩm ướt dưới đất thối rữa thân sinh ra trùng bọ, cũng như nhà xí hôi thối nhơ bẩn sinh ra trùng bọ, ví như trong chất sữa đặc bị thối rữa có các trùng bọ sinh ra.

Này Đại Dược! Chúng sinh muốn sinh địa ngục cũng lại như thế.

Khi ấy, Bạt-đà-la-ba-lê chắp tay hướng đến Đức Phật bạch:

– Bạch Thế Tôn! Các loài chúng sinh ở trong địa ngục thân của họ có màu sắc gì? Phải chịu thân thể như thế nào?

Đức Phật bảo Bạt-đà-la-ba-lê:

– Nếu có chúng sinh nhiễm trước huyết xứ, thì thân thể của kẻ ấy sẽ sinh ra màu sắc của máu, nếu nhiễm trước Tỳ-la-ni hà, thân ấy sẽ giống như sắc mây không trắng không đen, nếu có chúng sinh nhiễm trước Hôi hà thì thân ấy sinh ra loang lổ, tất cả chúng sinh ấy ở chỗ kia thân thể mềm mại, giống như vương tử an vui nuôi nấng thân đó.

Này Bạt-đà-la-ba-lê! Ở chỗ kia các chúng sinh chịu thân to lớn, dài tám khuỷu tay rưỡi, lông mày đầu tóc rất dài, chân nó ngược hướng về phía sau rất đáng sợ, nếu có người nào ở cõi Diêm-phù-đề, muốn đến địa ngục để xem, thấy người của địa ngục đó sẽ hoảng sợ chết ngay.

Lại nữa, Bạt-đà-la-ba-lê! Chúng sinh ở địa ngục tuy vẫn có ăn uống, nhưng không có lúc nào được an vui cả.

Khi ấy, Đại Dược lại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Các chúng sinh kia khi ăn, có những thức ăn gì?

Đức Phật bảo Bồ-tát Đại Dược:

– Đại Dược! Khi các chúng sinh kia tại địa ngục du lịch, từ xa thấy sắc đỏ, hoặc nước đồng nấu chảy, đá nung chảy, thấy rồi đều cùng nhau xướng rằng: Ô, nhân giả ai muốn được ăn, lại gần cùng nhau cùng ăn. Nghe tiếng ấy rồi, họ đều tụ họp cả một chỗ, hướng về chỗ đồng nấu chảy, đều trụ ở hội đường, đã xin ăn rồi nên há miệng muốn được ăn. Những nước đồng nấu chảy và đá nung chảy, phừng phực phóng ra ánh sáng phát ra thành tiếng Đa-tra-đa-tra, rồi chảy rót vào miệng đốt cháy cả toàn thân.

Này Đại Dược! Các chúng sinh kia vì lý do muốn ăn, mà phải chịu nỗi khổ như thế đấy.

Lại nữa, Đại Dược! Chúng sinh khi ở trong địa ngục kia, thần thức đó chỉ ở trong hài cốt, mà các thần thức kia không lìa hài cốt, thần thức không lìa hài cốt, cho nên không thủ mệnh chung. Tuy nhiên chúng sinh ấy vẫn còn bị đói não, nơi kia cũng không có việc ăn, ở chỗ kia có vườn rừng vi diệu, chúng sinh kia mắt thấy mọi hoa quả, mỗi vườn cây um tùm xanh ngát, cũng thấy đất đai vi diệu rộng lớn, có cỏ non mềm mại phủ trên mặt đất, chúng sinh kia thấy vườn rừng đất đai vi diệu tốt đẹp, ai nấy đều vui vẻ mỉm cười, ai ai cũng khởi niệm và gọi nhau: Lũ người các ngươi, vườn

rừng vi diệu đẹp đẽ như thế đáng nên hưởng thụ sự khoái lạc. Ở trên cây kia có bao nhiêu hoa quả và các cành lá… tất cả đều biến thành sắt, chúng sinh kia liền bị sắt kia, cành lá, hoa quả xé nát thân thể, chúng sinh ở nơi địa ngục kia bị cành lá, hoa quả giống như gốc tre đánh nát thân tội nhân, khi bị đánh đập như thế, miệng kêu gào lớn chốn chốn ruổi chạy, trong lúc như thế, sau đó lại có các người của vua Diêm-la tay cầm rựa bén, hoặc cầm gậy sắt thực đáng sợ, răng nanh rất bén, hoặc cầm gây sắc to lớn, mắt thật đáng sợ, răng nanh bén nhọn, đầu tóc bốc cháy như lửa, toàn thân như một khối lửa to lớn đang cháy, tay cầm thứ thứ khí trượng, tội nhân tùy nghiệp sở sinh, người của Diêm-la cứ đuổi theo sau, miệng xướng lời này: Lũ người kia hãy dừng lại, đừng có chạy, các ngươi do nghiệp đã làm, nay đang ở trong vườn rừng này cớ gì mà phải chạy cho khổ, sao lại không ở đây mà cảm thọ những nghiệp đã làm ấy.

Này Đại Dược! Các chúng sinh kia ở trong địa ngục phải chịu khổ não như thế.

Lại nữa, Đại Dược! Người trong địa ngục qua bảy ngày sau, chịu khổ địa ngục đầy đủ, giống như ong đi hút lấy nhụy hoa rồi về tạo thành mật. Sở dĩ vì sao? Mỗi nhân của "hữu" mà thành thần thức, mới phải chịu lấy các khổ ở địa ngục, mà thần thức kia khi mới xả thân, mà không được tự do, bị mọi khổ bức bách trong tâm không được vui vẻ. Khi mới thấy bóng đen tối lớn đến nơi kia, khác nào như người bị giặc bức bách kéo đi, lòng nghĩ như thế này: "Ô hô! Ta nay cớ sao lại bỏ cõi Diêm-phù-đề vi diệu này, bỏ cả người thân cùng bạn bè yêu thương, nhanh chóng hướng đến địa ngục mà đi tới, ngay nay chẳng thấy được con đường ở trên trời nữa". Người đó vào lúc ấy, khác nào như con tằm bị tơ ràng buộc, kẻ ấy không được tự do, nên nhanh chóng cầu thọ tinh, nhưng vì bị nghiệp lực trói buộc, nên không thể nào được cả, không thể nào ở được.

Này Đại Dược! Chúng sinh ở nơi địa ngục đó, có nhân duyên như thế và phải chịu mọi sự khổ não như thế.

Bấy giờ, vương tử Đại Dược và trưởng giả tử Bạt-đà-la-ba-lê, nghe việc ấy rồi lông trong thân người đều dựng đứng, chắp mười đầu ngón tay hướng về Phật quy y.

Vương tử Đại Dược…, phát tâm nguyện như vầy: Nhờ nhân duyên nghe pháp này, ở trong vòng sinh tử lưu chuyển, nguyện xin đừng phải sinh vào nẻo ác, nguyện không phải chịu khổ nơi địa ngục.

Bấy giờ Bạt-đà-la-ba-lê, lại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con lại muốn hỏi Đức Phật mà lòng con trước đây

vẫn còn nghi hoặc.

Đức Phật bảo Bạt-đà-la-ba-lê:

– Ý ông nghi chỗ nào tha hồ cho ông hỏi.

Bạt-đà-la-ba-lê bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là dồn? Thế nào gọi là chứa? Cái gì gọi là ấm? Thế nào gọi là dời?

Đức Phật dạy:

– Bạt-đà-la-ba-lê! Có bốn pháp giới thành tựu được thân này, những gì là bốn? Các giới hòa hợp, trí tuệ kiến ý, vô minh, các thức của cảnh giới nghĩa tổng quát của điều đó ta đã nói rồi. Dồn là sáu giới và các cảnh của nhập, ở trong sáu giới ấy, phần thô có ba: Một là nhập, lại có hai thủ, trong đó có tóc râu, mọi thứ như lông da thịt huyết mạch nước mắt đờm dãi, năm tạng tay chân đầu mặt, thân phần lóng đốt hòa hợp gọi là dồn, ví như mọi thứ ngũ cốc dồn chứa lại, hoặc là vừng, hoặc là đại tiểu mạch, hoặc đậu hạt dài, gom chung lại gọi là dồn chứa là như thế như thế… Thân này có thần phần, có lóng đốt gom cả lại nên gọi là dồn chứa.

Nói sáu giới, những gì là sáu? Một là địa giới, hai là thủy giới, ba là hỏa giới, bốn là phong giới, năm là không giới, sáu là thức giới.

Nói sáu nhập, những gì là sáu? Một là nhãn, hai là nhĩ, ba là tỷ, bốn là thiệt, năm là thân, sáu là ý.

Nói sáu nhập (sáu căn) cảnh giới. Những gì là sáu? Một là sắc, hai là thanh, ba là hương, bốn là vị, năm là xúc và sáu là pháp, đây gọi là cảnh giới sáu nhập.

Nói các bản thể của thô giới có ba: Những gì là ba? Một là dục, hai là tức giận, ba là nghi. Những thứ này phát khởi có ba, những gì là ba? Một là phong (hơi thở), hai là đờm có màu trắng màu vàng và ba là nước mắt nước mũi.

Nói các nhập thì chỉ có hai, những gì là hai? Một là trì giới và hai là tín. Lại có sáu. Những gì là sáu? Một là thí, hai là tài, ba là tinh tấn, bốn là thiền định, năm là thiện và sáu là phi thiện.

Nói về ấm, sao lại gọi là ấm? Một là thụ, hai là tưởng, ba là các hành và bốn là thức. Bốn ấm này là không có sắc. Nói thọ tức là thọ dụng, nói tưởng tức là phân biệt khổ vui, nói các hành tức là thấy nghe xúc chạm và thọ dụng, đây gọi là thức, làm chủ của thân, hay được tự tại, vì trong tất cả mọi vật được tự tại.

Nói dời là gì? Khéo thành tựu giới thanh tịnh, như thân nghiệp, khẩu

nghiệp và ý nghiệp thanh tịnh, căn của sự thọ dụng khi mệnh đời hoàn toàn chấm dứt, lúc ấy thức kia xả các ấm, lại không thọ dụng đời sống thuộc về sắc pháp, không còn phải trở lại, cho nên chỉ một chiều hướng thọ sự an vui mà thôi, đó gọi là di dời, ngoài đó ra, không gọi là có di dời. Khác với thứ lớp phân biệt như thế, không thể gọi là di dời được.

Khi Đức Phật nói lời như thế rồi, Bạt-đà-la-ba-lê và Bồ-tát Đại Dược, đảnh lễ sát chân Đức Phật tán thán:

– Hay thay, hay thay! Bạch Thế Tôn! Phật có thể vì chúng con, nói chân thật nghĩa Nhất thiết trí như thế, pháp môn này ở đời mai sau, thường làm lợi ích cho các chúng sinh mê hoặc ngu si.

Phật bảo hai người:

– Bạt-đà-la-ba-lê! Đây là các Đức Như Lai, là Bậc Trí Giả không có hư vọng, nếu không phải là Bậc Nhất Thiết Trí, thì không thể nào biết được thể chân thật này. Ta ở trong đời quá khứ làm vô lượng hạnh khổ, huân tu trí quang minh này, những gì được tuyên thuyết của ngày nay không khác, phát quang minh trí này tự chốn này chốn khác lưu bá, hải tạng Nhất thiết trí công đức tiếng đồn này, vì giáo hóa chúng sinh mà nói, những chỗ ở chỗ nói, những chỗ ấy không phải chỉ có người hộ trì, mà các chư Thiên, Tu-la, Ma-hầu-la-già, Nhân và phi nhân… đều lại nơi kia để hộ trì, đầu lễ các chỗ ấy không có mọi sự sợ hãi, huyện quan không làm ác phá hoại được, giặc cướp không tổn hại được.

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

– Này các Tỳ-kheo! Từ này pháp môn này, không được ở bên người không tin mà nói, cũng không được ở bên người hay bắt lỗi mà nói, cũng không được đối với bọn ngoại đạo Ni-kiền… mà nói, cũng không được ở bên bọn Ni-kiền-đà, Thanh văn mà nói, đối với những người chưa vào chốn không nhàn tịnh tĩnh A-lan-nhã cũng không được nói, cũng không được nói đối với người không chí tâm thỉnh cầu. Sở dĩ vì sao? E rằng họ nghiên cứu tìm cầu sai lầm Như Lai thì chân thật không bao giờ sơ sót. Nếu có những Tỳ-kheo xuất gia hay người thế tục tại gia, là người tín thọ tùy thuận việc này, người nói pháp này nên phải tùy thuận bên người kia, nên phải khởi tâm Từ bi, đồng một thứ nhất như Như Lai. Phát tâm Bồ-đề như thế, là người ấy gìn giữ kho tàng của chư Phật.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Vì phát tâm xuất gia
Nên phải hành Phật pháp
Hàng phục chúng ma quân

Như voi hoại tre nhà.
Hay làm được pháp ấy
Cẩn thận chớ phóng dật
Diệt sinh tử phiền não
Sẽ dứt tất cả khổ.

Phật nói kinh này rồi, trưởng giả tử Bạt-đà-la, Bồ-tát Đại Dược và chúng đại Tỳ-kheo, Trời, Rồng, A-tu-la, Càn-thát-bà… nghe Phật nói, rồi vui mừng tín thọ phụng hành.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 111

Hán dịch: Đời Đại Đường, Tam tạng
Pháp sư Bồ-đề-lưu-chí.

PHÁP HỘI 40: TỊNH TÍN ĐỒNG NỮ

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở nước Xá-vệ, tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, cùng với năm trăm chúng đại Tỳ-kheo.

Đại Bồ-tát tám ngàn người, tất cả đều là những bậc được nhiều người biết đến. Các vị đã được Vô ngại biện tài Đà-la-ni, có đủ các nhẫn hàng phục ma đã đạt đến pháp mà Đức Như Lai đắc chứng.

Danh hiệu của các vị ấy là Bồ-tát Trì Thế, Bồ-tát Trì Đạo, Bồ-tát Trì Địa, Bồ-tát Trì Đại Địa, Bồ-tát Lạc Ý, Bồ-tát Linh Tín Lạc, Bồ-tát Diệu Sắc Trang Nghiêm, Bồ-tát Bảo Diệm, Bồ-tát Bảo Tràng, Bồ-tát Bảo Tư, Bồ-tát Bảo Xứ, Bồ-tát Bảo Tuệ, Bồ-tát Bảo Đức, Bồ-tát Bảo Quang, còn có các Bồ-tát Hiền kiếp do Bồ-tát Di-lặc làm thượng thủ, còn có sáu mươi vô đẳng dụ tâm các Bồ-tát do Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi làm Thượng thủ, còn có mười sáu Đại sĩ do Bồ-tát Hiền Hộ làm Thượng thủ, còn có hai vạn Thiên tử của trời Đâu-suất đều ở trong pháp hội.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ngồi tòa Sư tử Đại trang nghiêm tạng, vô lượng trăm ngàn đại chúng vây quanh, quang minh chiếu sáng như mặt trời, mặt trăng, oai đức thù thắng như Đế Thích, Phạm vương, cao vọi vượt bậc như núi Tu-di, tia sáng chói rực như đuốc lửa lớn, nhìn ngó an tường như voi chúa lớn, thuyết pháp vô úy như sư tử hống, che trùm đại chúng như vua La-hầu-la, tướng tốt trang nghiêm oai quang xí thạnh, phát xuất Phạm âm vang khắp tam thiên đại thiên thế giới, vì muốn giác ngộ tất cả chúng sinh khiến đều an trụ thắng nghĩa quyết định, nên ở giữa đại chúng tuyên pháp yếu một cách sâu rộng.

Ái nữ của vua Ba-tư-nặc tên Tịnh Tín tuổi còn thơ bé, dung mạo đoan nghiêm được mọi người ưa nhìn, đời trước gieo trồng gốc lành tu tập Đại

thừa, cùng năm trăm đồng nữ sau trước vây quanh, tay cầm vòng hoa ra khỏi thành Xá-vệ, tiến đến rừng Kỳ-đà, đảnh lễ chân Phật, đi quanh ba vòng đứng qua một phía. Rồi ở trước Đức Phật, nàng nói kệ rằng:

Phước thiện chứa lâu nghiệp thanh tịnh
Đầy đủ vô biên biển công đức
Khiến chúng tin ưa đều vui mừng
Nên con đảnh lễ Đấng Mâu-ni.
Hiển hiện oai quang tướng kỳ diệu
Khai thị pháp môn tạng trân bảo
Thân quang một tầm thường chiếu sáng
Con lễ Đại Tuệ hồ thanh lương,
Cây to công đức phước vô tận
Tối tôn trong đời, người khen ngợi
Bản nguyện giới hạnh đã viên mãn
Nên con đảnh lễ Bậc Ứng Cúng.
An trụ diệu pháp thường yên lặng
Lòng thương chúng sinh như con một
Trí tuệ thiện xảo biết các hành
Chỉ đường bình thản như Đạo Sư.
Nếu có người kiên cố dũng mãnh
Từ bi lợi ích loài chúng sinh
Bồ-tát như vậy chính tu hành
Nguyện mong Như Lai tuyên dạy họ.
Thế nào sẽ được sức vững chắc
An trụ sinh tử hàng phục ma
Thế nào sẽ được pháp bình đẳng
Thế nào thành thục các chúng sinh?
Thế nào như đất, như hư không
Như gió, như nước, cũng như lửa
Thế nào đắc tín trụ trong pháp
Như Tu-di vương Sư tử vương?
Thế nào xa rời lòng ghét thương
Tâm sạch chất trực không siểm khúc?
Thế nào xuất sinh thí giới nhẫn
Tinh tấn, thiền định và giải thoát?
Trí tuệ phá các phiền não tối
Thường an trụ nơi phương tiện lớn
Tam-muội tổng trì vô ngại biện

Trụ bốn vô lượng năm thần thông.
Thế nào được ở gần chư Phật
Thường thọ hóa sinh biết túc mạng
Đầu-đà vô tránh ở lan-nhã
Điều phục tâm mình dứt phiền não?
Trì giới tu tập đạo Bồ-đề
Chứng đạo cam lồ phục ma oán
Cho chúng sinh vui, chuyển pháp luân
Chánh đạo như vậy nguyện tuyên nói.

Đức Thế Tôn bảo đồng nữ Tịnh Tín:

– Bồ-tát nếu thành tựu được tám sức lực, thì ở trong sinh tử kiên cố dũng mãnh không mỏi mệt. Những gì là tám?

1. Sức chí nguyện vì không nịnh dối.
2. Sức thắng giải vì lìa các ác.
3. Sức gia hạnh vì thường tu điều lành.
4. Sức tịnh tín vì thâm tín nghiệp báo.
5. Sức Bồ-đề tâm vì chẳng cầu Tiểu thừa.
6. Sức đại Từ vì chẳng hại chúng sinh.
7. Sức đại Bi vì kham nhẫn các ác.
8. Sức thiện hữu vì luôn luôn cảnh giác.

Này đồng nữ! Đây gọi là tám sức lực, nếu Bồ-tát thành tựu sức lực này, thì kiên cố dũng mãnh ở trong sinh tử không nhiễm trước.

Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

Chí nguyện dũng mãnh
Xa lìa siểm cuống
Thường hành chất trực
Đúng đường Bồ-đề.
Dùng sức thắng giải
Rời xa các ác
Thuần tu hạnh lành
An trụ chánh cần.
Gia hạnh đầy đủ
Hằng khéo quan sát
Tinh tấn kiên cố
An lạc chúng sinh.
Do sức tịnh tín

Biết rõ nghiệp báo
Tin nơi Phật trí
Nhiếp thọ thế gian.
Sức tâm Bồ-đề
Xa lìa Tiểu thừa
Chẳng dứt Phật chủng
An trụ pháp tánh.
Do sức đại Từ
Bình đẳng chúng sinh
Không yêu không ghét
Chẳng làm giận hại.
Do sức đại Bi
Chịu được các ác
Chẳng nhiễm sinh tử
Cũng không mỏi mệt.
Do sức thiện hữu
Thường cảnh tỉnh nhau
Lòng chẳng thoái chuyển
An trụ Bồ-đề.
Người tinh tấn tu
Được tám sức này
Sẽ ngồi đạo tràng
Phá các chúng ma.

Lại nữa, này đồng nữ! Vì Bồ-tát đã thành tựu tám pháp nên an trụ nơi bình đẳng. Những gì là tám?

1. Tất cả chúng sinh bình đẳng vì vốn vô ngã.
2. Tất cả pháp bình đẳng vì các pháp tịch tĩnh.
3. Tất cả thế giới bình đẳng vì đều nhập không giới.
4. Tất cả trí bình đẳng vì bình đẳng thuyết pháp.
5. Tất cả hành bình đẳng vì nhân duyên vô tánh.
6. Tất cả thừa bình đẳng vì đồng vô vi.
7. Tất cả tâm bình đẳng vì tâm như huyễn.
8. Tất cả ma bình đẳng vì phiền não, nên thật sự chẳng thể nắm bắt.

Đây là tám pháp an trụ bình đẳng.

Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

Chúng sinh vốn vô ngã

Niệm niệm chẳng nắm bắt
Người an trụ bình đẳng
Phải quan sát như vậy.
Tất cả pháp bình đẳng
Bản tánh thường không tịch
Văn tự có phân biệt
Các pháp vốn không khác.
Mười phương các cõi nước
Biên tế chẳng thể lường
Tánh nó như hư không
Cõi Phật thường bình đẳng.
Ba đời chư Như Lai
Trụ pháp giới bình đẳng
Vô biên trí giải thoát
Chư Phật đều như vậy.
Chúng sinh vốn duyên khởi
Tất cả đều bình đẳng
Khéo biết họ nghiệp gì
Đúng chỗ khai ngộ họ.
Chúng sinh bao nhiêu loài
Biết rõ như huyễn hóa
Trong ngoài không chỗ nắm
Tự tánh thường thanh tịnh.
Giảng thuyết bao loại thừa
Tánh vô vi bình đẳng
Đạo Sư phương tiện khéo
Phân biệt nói ba Thừa,
Hiện ở ma phiền não
Phiền não vô sở hữu
Thiên ma, uẩn, tử ma
Cảnh giới chúng đều không.

Lại nữa, này đồng nữ! Vì Bồ-tát đã thành tựu tám pháp nên xa lìa ghét thương. Những gì là tám?

1. Từ.

2. Bi.

3. Thường làm lợi ích.

4. Chẳng nhiễm thế pháp.

5. Chẳng luyến thân mình.

6. Thường tu định tâm.

7. Xả ly thân mạng.

8. Quan sát phiền não.

Tu tám pháp này thì có thể xa lìa ghét thương.

Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

Mặc vững áo giáp Từ
Thương xót tất cả loài
An trụ tâm bình đẳng
Chẳng sinh lòng yêu ghét.
Người trí làm lợi ích
Thường ban cho an vui
Được lợi chẳng tự cao
Bị khi chẳng sinh giận.
Chẳng bị tám gió động
Chẳng sinh lòng yêu ghét
Với mình và với người
Chẳng nghĩ tưởng ghét yêu.
Đều bỏ lìa ý tưởng
Không luyến trước cảnh giới
Thường tự xem thân mình
Chẳng luyến tiếc thân mạng.
Người trí nơi khổ vui
Bất động như hư không
Khéo quan sát phiền não
Lìa cả ngã ngã sở
Giữ tâm liền như đất
Thì chẳng sinh yêu ghét.

Lại nữa, này đồng nữ! Vì Bồ-tát thành tựu tám pháp, do vậy ở trong sinh tử không có mỏi mệt. Những gì là tám?

1. Vì thiện căn quảng đại.

2. Vì quan sát chúng sinh.

3. Vì thường được thấy Phật sắm đồ cúng dường.

4. Vì được thấy vô lượng cõi Phật.

5. Vì thường cầu Phật trí.

6. Vì biết rõ sinh tử như mộng.

7. Vì đối với pháp thù thắng không khiếp nhược.

8. Quan sát tiền tế và hậu tế đồng như thật tế.

Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

Nếu những người hành đạo
Tu lành không vết nhơ
Như trăng thanh giữa trời
Độ thoát khổ chúng sinh.
Vì nhiếp các công đức
Ở sinh tử không mệt
Quan sát tánh chúng sinh
Bền vững tu tinh tấn.
Trong vô lượng cõi Phật
Cung kính cúng dường Phật
Thế nên Bậc Thập Lực
Ở sinh tử chẳng mỏi..
Vô lượng, vô biên đời
Thuyết pháp không nghĩ bàn
Chẳng dứt giống Tam bảo
Sẽ thành Đấng Pháp Vương.
Người kiên trì cấm giới
Trong sinh tử chẳng mệt
Biết rõ tánh sinh tử
Như mộng như mây chớp.
Nơi pháp đắc giải thoát
Ở sinh tử chẳng mỏi
An trụ trong Bồ-đề
Lòng mừng luôn vui vẻ.
Đạt đến bờ phương tiện
Ở sinh tử không mệt
Thường tu pháp thù thắng
Như trăng sáng thêm lên.
Ưa thích công Đức Phật
Ở sinh tử không mỏi
Sinh tử không biên tế
Thường an trụ thật tế
Một niệm tuệ tương ưng
Ở sinh tử không mệt.

Lại nữa, này đồng nữ! Vì Bồ-tát thành tựu tám pháp nên tâm giới bình đẳng. Những gì là tám?

1. Tâm như đất.
2. Tâm như nước.
3. Tâm như lửa.
4. Tâm như gió.
5. Tâm như hư không.
6. Tâm đồng pháp giới.
7. Tâm đồng giải thoát.
8 . Tâm đồng Niết-bàn.

Đây gọi là tám thứ tâm giới bình đẳng.

Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

Tâm bình đẳng như đất
Gánh chở tất cả loài
Với thiện và với ác
Không có chỗ tăng giảm.
Tâm bình đẳng như nước
Rửa sạch các bẩn nhơ
Nuôi dưỡng các thế gian
Trừ khô khát phiền não.
Tâm bình đẳng như lửa
Đốt cháy tiêu phiền não
Ánh sáng như đuốc lớn
Không chỗ nào chẳng sáng.
Tâm bình đẳng như gió
Không xứ sở không nương
Thổi bay hương giới văn
Đến khắp cả ba thời.
Tâm bình đẳng hư không
Lìa kiến chấp thanh tịnh
Vào trọn vẹn tất cả
Mà chẳng theo chúng ma.
Tâm bình đẳng pháp giới
Khéo được thường an trụ
Chẳng tăng cũng chẳng giảm
Thường vào trong bình đẳng.
Thanh văn và Duyên giác

Chỗ chứng được giải thoát
Không còn có trói buộc
Cũng không có cởi trói.
Sinh tử và Niết-bàn
Không đến cũng không đi
An trụ nơi tịch tĩnh
Dạo chơi trong ba đời.

Lại nữa, này đồng nữ! Có tám pháp, Bồ-tát thành tựu xuất sinh Bồ-đề. Những gì là tám?

1. Bố thí xuất sinh, do vậy mà xả sở hữu.
2. Trì giới xuất sinh, do vậy không phạm lỗi.
3. Nhẫn nhục xuất sinh, do vậy không sân khuể.
4. Tinh tấn xuất sinh, do vậy chẳng lười biếng thoái thất.
5. Thiền định xuất sinh, do vậy hành phương tiện.
6. Trí tuệ xuất sinh, do vậy thọ trì đa văn.
7. Phạm trụ xuất sinh, do vậy giải thoát tịch tĩnh.
8. Thần thông xuất sinh, do vậy thường tại chánh định.

Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

Người thường hành bố thí
Rời lìa tham nhiệt não
Chẳng mong cầu quả báo
Hồi hướng Phật Bồ-đề.
Trì giới tu Đại thừa
Đập đánh không sân hận
Chí cầu đại an lạc
Trừ tập khí chứng diệt.
Bồ-tát hành tinh tấn
Nhiều kiếp vì chúng sinh
Chịu khổ ở thế gian
Sức tinh tấn tăng trưởng.
Người tu hành thiền định
Rời xa các hý luận
Đến bỉ ngạn thiền định
Mà chẳng theo thiền sinh.
Tuệ lớn không gì bằng
Rời hẳn các chấp kiến
Biết rõ đời không tịch

Si tối dứt không thừa.
Tịch tĩnh tu phạm trụ
Trừ sạch các đường ác
Thường làm Thích, Phạm vương
Siêng tu các nghĩa lợi.
Thần thông dạo cõi Phật
Hầu Phật nghe Phật dạy
Khéo biết các tánh dục
Thuyết pháp độ chúng sinh.

Lại nữa, này đồng nữ. Vì thành tựu tám pháp mà Bồ-tát được Đà-la-ni biện tài vô ngại. Những gì là tám?

1. Tôn trọng Phật pháp.
2. Kính thờ Hòa thượng và A-xà-lê.
3. Cầu pháp không chán.
4. Nghe đúng như vậy mà thuyết pháp.
5. Chẳng bỏn xẻn chánh pháp.
6. Chẳng nêu lỗi của người khác.
7. Yêu kính Pháp sư như Hòa thượng.
8. Chẳng thấy lỗi người và khuyên người chừa lỗi.

Bồ-tát thành tựu hoàn toàn Tổng trì biện tài vô ngại.

Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

Chí nguyện thường cầu pháp
Thờ thầy gần bạn lành
Rời xa ác tri thức
Được trì Vô tận tạng.
Đa văn không chán đủ
Dũng mãnh siêng cầu pháp
Như nghe mà diễn thuyết
Chẳng mong cầu lợi dưỡng.
Được biện tài thanh tịnh
Khiến chúng đều hoan hỷ
Vui thích làm pháp thí
Rời bỏn xẻn ganh ghét.
Hành pháp vô sở trước
Chứng được Đà-la-ni
Hộ giới tự quán thân

Chẳng tìm tội lỗi người.
Từ bi làm chỗ nương
Phát ngữ chẳng phi thời
Sẽ được vô ngại biện
Đến bỉ ngạn ngôn thuyết.
Với người thuyết pháp giỏi
Yêu kính như thầy mình
Ẩn lỗi khuyên rời lỗi
Được biển vô tận trì.

Lại nữa, này đồng nữ! Vì thành tựu tám pháp, mà Bồ-tát hóa sinh trong hoa sen ở trước mặt chư Phật. Những gì là tám?

1. Dù cho đến mất mạng, cũng chẳng nói lỗi người.
2. Khuyến hóa chúng sinh khiến quy y Tam bảo.
3. An trí tất cả trong tâm Bồ-đề.
4. Phạm hạnh không nhiễm.
5. Tạo lập tượng Phật đặt trên tòa sen.
6. Chúng sinh ưu não khiến trừ ưu não.
7. Với kẻ cống cao thường tự khiêm hạ.
8. Chẳng não hại người.

Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

Dù bị khổ bức thân
Vẫn không nói lỗi người
Thường ca ngợi Tam bảo
Hóa sinh ở trước Phật.
Khuyên phát tâm Bồ-đề
Khiến cầu Nhất thiết trí
Thường tu hành phạm hạnh
Hóa sinh ở trước Phật.
Trang nghiêm tượng Phật vàng
Đặt trên tòa sen báu
Trừ ưu não chúng sinh
Hóa sinh ở trước Phật.
Với kẻ kiêu mạn kia
Khiêm hạ như đệ tử
Chẳng để họ não phiền
Hóa sinh ở trước Phật.

Lại nữa, này Tịnh Tín! Có tám pháp, mà Bồ-tát thành tựu công đức hạnh Đầu-đà, thường thích an trụ nơi A-lan-nhã. Những gì là tám?

1. Thiểu dục.
2. Tri túc.
3. Đầy đủ thiện pháp.
4. Dùng việc tự bồi dưỡng mình.
5. Thường duy trì hạt giống Thánh.
6. Thấy khổ sinh tử lòng thường chán lìa.
7. Hằng quán vô thường, khổ, không, vô ngã.
8. Tin sâu vững chắc, chẳng theo lời người khác.

Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

Muốn ít, biết đủ, không phóng dật
Nuôi dưỡng bằng pháp hỷ và thiện
Thường yêu thích tu trong Thánh chủng
Thấy khổ sinh tử sinh lòng sợ,
Do đó thường thích hành Đầu-đà
Như tê giác một sừng cô độc
Quán pháp hữu vi khổ, vô ngã
Tuệ tâm tin sâu trụ chánh cần.
Tự thấy nơi pháp chẳng theo người
Thường ở không nhàn được Phật khen
Đầu-đà viễn ly không não hoạn
Không có tranh luận những tội lỗi
Xa lìa quyến thuộc tuyệt khen tặng
Do đó thích ở A-lan-nhã.

Lại nữa, này Tịnh Tín! Bồ-tát thành tựu tám pháp, hàng phục ma oán. Những gì là tám?

1. Nhập tính không.
2. Tin vô tưởng.
3. Tin vô nguyện.
4. Biết rõ vô tác.
5. Nội tại không nghi hoặc.
6. Nhẫn nơi vô sinh.
7. Biết rõ vô tánh một cách dứt khoát.
8. Nơi tất cả pháp phương tiện quan sát chẳng hoại như như.

Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

Trong Không, Vô tướng và Vô nguyện
Được ba giải thoát hàng ma oán
Hữu vi, vô vi không hai tướng
Chứng ngộ vô sinh đắc giải thoát.
Các pháp Vô sinh nhẫn như vậy
Người này hàng phục các ma oán
Ở trong vô sinh, vô diệt này
Uẩn, giới, vô ngã dường như huyễn,
Biết rõ dứt khoát pháp không tánh
Phương tiện khéo không hoại như như
Phân biệt các pháp là nghiệp ma
Xa lìa phân biệt thì hàng ma.
Trí tuệ phương tiện thực hiện đủ
Hoặc có, hoặc không không chỗ trụ
Tu tập thù thắng pháp như vậy
Được diệu sắc thân phương tiện khéo.

Lại nữa, này Tịnh Tín! Bồ-tát thành tựu tám pháp thì chẳng rời lìa Bồ-đề. Những gì là tám?

1. Chánh kiến, do vậy thành thục chúng sinh tà kiến.
2. Chánh niệm, do vậy bi mẫn chúng sinh tà niệm.
3. Chánh ngữ, do vậy thương các chúng sinh tà ngữ.
4. Chánh nghiệp, do vậy nhiếp các chúng sinh tà nghiệp.
5. Chánh tinh tấn, do vậy độ các chúng sinh tà cần.
6. Chánh mạng, do vậy chẳng bỏ tà mạng chúng sinh.
7. Chánh tư duy, do vậy khiến chúng sinh lìa tà tư duy.
8. Chánh định, do vậy phát khởi tăng tấn các chúng sinh tà định.

Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Người thành tựu chánh kiến
Giáo hóa kẻ tà kiến
Thường tu hành chánh niệm
Thương xót kẻ tà niệm.
Thanh tịnh chánh ngôn thuyết
Thương các kẻ tà ngữ
An trụ trong chánh nghiệp
Nhiếp những kẻ tà nghiệp.
Thường tu hạnh chánh cần

Chẳng bỏ kẻ tà cần
Tương ưng chánh tịnh mạng
Nhiếp các kẻ tà mạng.
Trí giả chánh tư duy
Thương xót kẻ tà tư
Thường an trụ chánh định
Nhiếp những kẻ tà định.
Vô thượng tám Thánh đạo
An ổn qua dòng dữ
Lại độ kẻ phiêu lưu
Là đạo đại Bồ-đề.
Thanh văn và Duyên giác
Bè cỏ chỉ tự độ
Bồ-tát rộng cứu độ
Như thuyền trưởng tối đại.

Lại nữa, này Tịnh Tín! Bồ-tát thành tựu tám pháp, do vậy chứng đạo cam lộ. Những gì là tám?

1. An trụ pháp vô tránh.
2. Khéo giữ tâm không chướng ngại.
3. Thường quán nghĩa như thật.
4. An trụ tâm Bồ-đề tu sáu niệm.
5. Tinh cần tu tập các Ba-la-mật-đa.
6. Dồn chứa căn lành thành thục chúng sinh.
7. An trụ đại Bi, nhiếp thọ chánh pháp.
8. Đắc Vô sinh nhẫn, an trụ địa vị thoái chuyển.

Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

Thường tu hạnh vô tránh
Trụ pháp đại Sa-môn
Xa rời lỗi sân khuể
Dồn chứa các căn lành
Khéo quán nghĩa chân thật
Được những vô tận biện
An trụ tâm Bồ-đề
Thường niệm trong vô niệm.
Tất cả Ba-la-mật-đa
Siêng tu không thoái chuyển
Đắc các phương tiện lực

Do đây độ chúng sinh.
Có thể đem Thánh tài
Từ bi ban tất cả
Mau chứng Vô sinh nhẫn
Không thoái chuyển Bồ-đề.
Nếu tu hành được vậy
Phật pháp chẳng khó được
Chẳng lâu hàng chúng ma
Chứng tối thượng Bồ-đề.

Nghe pháp xong, đồng nữ Tịnh Tín vui mừng hớn hở, bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thành tựu bao nhiêu pháp để có thể chuyển được thân nữ?

Đức Phật dạy:

– Này Tịnh Tín! Thành tựu tám pháp thì sẽ chuyển thân nữ. Những gì là tám?

1. Chẳng ganh ghét.
2. Chẳng bỏn xẻn.
3. Chẳng dua nịnh.
4. Chẳng sân.
5. Thật ngữ.
6. Chẳng ác khẩu.
7. Xa lìa tham dục.
8. Rời các tà kiến.

Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Chẳng tật đố người khác
Lìa bỏn xẻn ưa pháp
Chẳng có lòng siểm cuống
Chán ghét thân nữ nhân,
Lòng Bi xa lìa sân
Thường tu trong lời thật
Trừ tham lìa ác khẩu
An trụ trong chánh kiến.
Nếu chán thân người nữ
Nên tu pháp như vậy
Thì sẽ mau được chuyển
Thọ thân thiện trượng phu.

Lại nữa, này Tịnh Tín! Nếu thành tựu tám pháp, thì có thể chuyển được thân nữ. Những gì là tám?

1. Tôn trọng chư Phật, vui thích sâu xa chánh pháp.

2. Cung kính cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn, trì giới, nhẫn nhục, đa văn.

3. Đối với chồng con và nhà cửa chẳng sinh lòng luyến ái.

4. Thọ trì cấm giới không khuyết phạm.

5. Với tất cả người chẳng sinh tà niệm.

6. Có ý nguyện tăng thượng chán lìa nữ thân.

7. An trụ tâm Bồ-đề pháp đại trượng phu.

8. Xem gia nghiệp thế gian như ảo như mộng.

Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Kính Phật rất ưa Pháp
Tôn trọng giới văn Tăng
Chẳng sinh lòng tham ái
Thân nữ sẽ chuyển mau.
Trì giới đủ tàm quý
Chẳng vọng niệm người khác
An trụ tâm Bồ-đề
Chẳng ưa pháp Nhị thừa.
Do đây mau chuyển được
Thân người nữ bất tịnh
Thắng chí tâm chán lìa
Tất cả đều như huyễn.
Các pháp vốn bất động
Tánh nhân duyên không tịch
Siêng tu pháp như thật
Chóng được thân trượng phu.

Bấy giờ, đồng nữ Tịnh Tín đem tràng hoa vàng mà cô đang cầm tung rải lên trên Đức Phật, hoa ở trên hư không biến thành cung điện lâu các vàng ròng, trong cung điện ấy có Đức Hóa Phật ngồi tòa vàng. Năm trăm đồng nữ cũng cởi đồ trang sức tung lên trên Đức Phật, biến thành lầu các vàng ròng, trên hư không có trướng báu, lọng báu các thứ trang nghiêm. Thấy đại thần biến ấy, năm trăm đồng nữ khác, đồng thốt lời nói kệ rằng:

Thế Tôn thù thắng nhất loài người
Thương xót lợi ích các chúng sinh
Nay con đã phát tâm Bồ-đề

Chí nguyện tương ưng trụ điều phục.
Làm Thầy thế gian ban an lạc
Con phải cúng dường Nhân Trung Tôn
Nghe pháp đã lìa các trần cấu
Chúng con chẳng còn những nghi lầm.
Mới lìa thân nữ nhiều nhiễm ô
Phá hẳn phiền não hàng ma oán
Mười phương vô lượng cầu chư Phật
Con sẽ hoan hỷ thường cúng dường,
An trụ Thí, Giới, siêng Tinh tấn
Nhẫn nhục, Thiền định khéo điều tâm
Trí tuệ phương tiện nhiếp chúng sinh
Sẽ chứng đạo Bồ-đề tối thượng.
Lợi ích vô lượng chúng trời, người
Đều khiến phát khởi tâm Đại thừa
Chúng con sẽ hay sư tử hống
Chúng con sẽ làm Thiên Nhân Sư.

Đức Thế Tôn thị hiện mỉm cười. Theo lệ thường của chư Phật, lúc Đức Phật mỉm cười thì từ miệng Đức Phật có những tia sáng nhiều màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía, pha lê, phóng ra chiếu khắp vô lượng, vô biên thế giới cao đến trời Phạm thế, rồi trở về chiếu quanh Đức Phật ba vòng, lại trở vào đỉnh đầu của Đức Phật.

Trưởng lão A-nan làm lễ bạch:

– Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà thị hiện mỉm cười?

Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Ông có thấy đồng nữ Tịnh Tín chăng?

– Bạch Thế Tôn, con đã thấy!

– Này A-nan! Tịnh Tín và năm trăm đồng nữ này mãn thọ trong loài người, sẽ bỏ thân nữ sinh về cõi trời Đâu-suất, thừa sự cúng dường Thế Tôn Di-lặc và chư Như Lai trong Hiền kiếp. Quá tám vạn bốn ngàn câu-chi na-do-tha kiếp, Tịnh Tín này sẽ được thành Phật tại thế giới Điện quang, hiệu Quang Minh Trang Nghiêm Vương Như Lai, kiếp tên Thường quang, Phật ấy thọ như trời Đâu-suất mười hai ngàn tuổi, có vô lượng, vô biên chúng Đại Bồ-tát làm quyến thuộc, mà năm trăm đồng nữ này sẽ là thượng thủ nhất trong đại chúng ấy, cũng như hiện nay Văn-thù-sư-lợi làm thượng thủ trong sáu mươi Bồ-tát.

Này A-nan! Nếu có nữ nhân được nghe kinh này rồi thọ trì đọc tụng,

khi hết thân nữ này chẳng còn thọ thân nữ nữa và mau chứng được Vô thượng Bồ-đề.

Đức Phật nói kinh này xong rồi, Tịnh Tín với năm trăm đồng nữ và tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la nghe lời Phật dạy đều rất vui mừng tín thọ phụng hành.

□

PHÁP HỘI 41: BỒ-TÁT DI-LẶC HỎI TÁM PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở thành Vương xá trong núi Kỳ-xà-quật, cùng chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người và mười ngàn Đại Bồ-tát đều đến hội họp.

Bấy giờ Bồ-tát Di-lặc đứng dậy, để hở vai áo bên phải gối phải chấm đất, chắp tay hướng về Đức Phật bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nay con muốn đem ít pháp hỏi Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, chẳng hay Thế Tôn có cho phép chăng?

Đức Phật dạy:

– Này Di-lặc! Tùy ý ông hỏi, Như Lai Ứng Chánh Biến Tri sẽ phân biệt giải nói cho ông vui mừng.

– Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát rốt ráo thành tựu mấy pháp chẳng thoái chuyển nơi Vô thượng Bồ-đề, ở trong pháp thắng tiến chẳng thoái chẳng chuyển, lúc hành Bồ-tát hàng phục tất cả ma oán địch, biết như thật tự thể tướng của tất cả pháp, ở các thế gian tâm chẳng mỏi mệt. Do tâm chẳng mỏi mệt nên chẳng dựa vào tha trí, mà mau chóng thành tựu Vô thượng Bồ-đề?

Đức Phật dạy:

– Lành thay, lành thay! Này Di-lặc! Nay ông có thể hỏi Như Lai về nghĩa sâu như vậy. Ông nên nhất tâm lắng nghe, ta sẽ nói cho.

– Bạch Thế Tôn! Con xin vui thích muốn nghe.

Này Di-lặc! Nếu các Đại Bồ-tát rốt ráo thành tựu tám pháp, thì chẳng thoái chuyển nơi Vô thượng Bồ-đề, ở trong pháp thắng tiến chẳng thoái chẳng chuyển, lúc hành đạo Bồ-tát hàng phục tất cả các ma oán địch, biết như thật tướng tự thể của tất cả pháp, ở các thế gian tâm chẳng mỏi mệt, vì tâm chẳng mỏi mệt nên chẳng y nơi tha trí, mau chóng thành tựu Vô thượng Bồ-đề.

Những gì là tám pháp? Đó là các Đại Bồ-tát thành tựu thâm tâm, thành tựu hành tâm, thành tựu xả tâm, thành tựu thiện tri hồi hướng tâm phương tiện, thành tựu tâm đại Từ, thành tựu tâm đại Bi, thành tựu thiện tri phương tiện và thành tựu Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Này Di-lặc! Thế nào là Đại Bồ-tát thành tựu thâm tâm?

Nếu các Đại Bồ-tát nghe khen ngợi Phật và chê bai Phật, tâm họ rốt

ráo vững chắc chẳng động nơi Vô thượng Bồ-đề; nếu nghe khen ngợi Pháp và chê bai Pháp, tâm họ rốt ráo vững chắc chẳng động nơi Vô thượng Bồ-đề; nếu nghe khen ngợi Tăng và chê bai Tăng, tâm họ rốt ráo vững chắc chẳng động nơi Vô thượng Bồ-đề. Đây là các Đại Bồ-tát rốt ráo thành tựu tâm sâu.

Này Di-lặc! Thế nào là Đại Bồ-tát thành tựu hành tâm?

Nếu các Đại Bồ-tát xa lìa sát sinh, xa lìa trộm cướp, xa lìa tà dâm, xa lìa vọng ngôn, xa lìa lưỡng thiệt, xa lìa ác khẩu, xa lìa ỷ ngữ, đây là rốt ráo thành tựu hành tâm.

Này Di-lặc! Thế nào là Đại Bồ-tát thành tựu tâm buông bỏ?

Nếu các Đại Bồ-tát là chủ hay xả hay bố thí cho các Sa-môn, Bà-la-môn, kẻ nghèo và kẻ ăn xin ăn mày, những kẻ hạ tiện, các thứ vật dụng đồ uống ăn, y phục, đồ nằm, thuốc men, đây là Bồ-tát rốt ráo thành tựu tâm buông bỏ.

Này Di-lặc! Thế nào là các Đại Bồ-tát rốt ráo thành tựu tâm khéo biết hồi hướng phương tiện?

Nếu các Đại Bồ-tát có tu bao nhiêu căn lành từ ba nghiệp thân, khẩu, ý, đều hồi hướng Vô thượng Bồ-đề, đây là rốt ráo thành tựu tâm khéo biết phương tiện hồi hướng.

Này Di-lặc! Thế nào là các Đại Bồ-tát thành tựu tâm đại Từ?

Nếu các Đại Bồ-tát rốt ráo thành tựu thân nghiệp đại Từ, rốt ráo thành tựu khẩu nghiệp đại Từ, rốt ráo thành tựu ý nghiệp đại Từ, đây là Bồ-tát rốt ráo thành tựu tâm đại Từ.

Này Di-lặc! Thế nào là các Đại Bồ-tát thành tựu tâm đại Bi?

Nếu các Đại Bồ-tát thành tựu thân nghiệp chẳng thể chê trách, thành tựu khẩu nghiệp chẳng thể chê trách, thành tựu ý nghiệp chẳng thể chê trách, đây là rốt ráo thành tựu tâm đại Bi.

Này Di-lặc! Thế nào là các Đại Bồ-tát thành tựu Thiện tri phương tiện?

Nếu các Đại Bồ-tát khéo biết Thế đế, khéo biết Đệ nhất nghĩa đế, khéo biết cả hai đế, đây là các Đại Bồ-tát rốt ráo thành tựu thiện tri phương tiện.

Này Di-lặc! Thế nào là các Đại Bồ-tát thành tựu Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Nếu các Đại Bồ-tát biết rõ như vầy: Y theo pháp này, có pháp này, y theo pháp này, sinh pháp này, đó là vô minh duyên hành, hành duyên thức,

thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão, tử, ưu bi khổ não, như thế thì chỉ có những khổ lớn tụ họp thôi.

Do pháp này không có nên pháp này không có, do pháp này diệt nên pháp này diệt, đó là vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão, tử, ưu bi khổ não diệt, như thế thì chỉ có khối khổ lớn diệt thôi. Đây là rốt ráo thành tựu Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Này Di-lặc! Đây gọi là các Đại Bồ-tát rốt ráo thành tựu tám pháp chẳng thoái chuyển Vô thượng Bồ-đề, ở trong pháp thắng tiến chẳng thoái chẳng chuyển, lúc hành đạo, Bồ-tát hàng phục tất cả các ma oán địch, biết như thật tướng tự thể tất cả pháp, nơi các thế gian tâm chẳng mỏi mệt, vì tâm chẳng mỏi mệt, trí chẳng vừa vào bất cứ đối tượng nào, nên mau chóng thành tựu Vô thượng Bồ-đề.

Đức Phật nói kinh này rồi, Bồ-tát Di-lặc cùng các Đại Bồ-tát, chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân, tất cả đại chúng nghe lời Phật dạy đều rất vui mừng, tín thọ phụng hành.

□

PHÁP HỘI 42: BỒ-TÁT DI-LẶC HỎI NHỮNG ĐIỂM NGHI

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở nước Ba-la-nại, trong rừng Thí lộc, cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người đều hội họp, tất cả đều là tri thức của đại chúng, danh hiệu các vị là:

A-nhã Kiều-trần-như, Ma-ha Ca-diếp, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Già-gia Ca-diếp, Na-đề Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, A-nan, La-hầu-la… Đều là bậc Thượng thủ.

Còn có một vạn Đại Bồ-tát đều đến hội họp. Danh hiệu các vị ấy là Bồ-tát Thiện Ý, Bồ-tát Tăng Thượng Ý, Bồ-tát Kiên Cố Ý, Bồ-tát Sư Tử Ý, Bồ-tát Quan Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí, Bồ-tát Biện Tích, Bồ-tát Mỹ Âm, Bồ-tát Thắng Tràng, Bồ-tát Tín Tuệ, Bồ-tát Thủy Thiên, Bồ-tát Đế Thắng, Bồ-tát Đế Thiên, Bồ-tát Vô Phan Duyên, Bồ-tát Cụ Biện Tài, Bồ-

tát Thần Thông Diệu Hoa, Bồ-tát Di-lặc, Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử… đều là bậc Thượng thủ.

Đức Thế Tôn có vô lượng trăm ngàn đại chúng vây quanh cúng dường cung kính mà vì họ thuyết pháp.

Bấy giờ Bồ-tát Di-lặc ở trong chúng đứng dậy, để hở vai áo bên phải gối phải chấm đất, chắp tay đảnh lễ mà bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con có chút nghi nay muốn thỉnh hỏi Như Lai, ngưỡng mong cho phép.

Đức Phật dạy:

– Này Di-lặc! Nếu có chỗ nghi cho phép ông hỏi, ta sẽ giải nói cho ông vui mừng.

Được Phật hứa cho, Bồ-tát Di-lặc vui mừng hớn hở bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thành tựu mấy pháp, được lìa ác đạo và ác tri thức mà mau chứng Vô thượng Bồ-đề?

Đức Phật dạy:

– Lành thay, lành thay! Này Di-lặc! Nay ông thương xót tất cả, muốn lợi ích an vui cho trời, người mà hỏi nơi Như Lai về pháp sâu ấy. Ông nên lắng nghe khéo suy nghĩ, ta sẽ vì ông mà phân biệt giải nói.

– Bạch Thế Tôn! Con xin ưa thích được nghe.

– Này Di-lặc! Có một pháp mà Bồ-tát thành tựu thì lìa các ác đạo và ác tri thức, có thể mau chứng đắc Vô thượng Bồ-đề. Đó là phát tâm Bồ-đề ý nguyện thù thắng.

Còn có hai pháp lìa các ác đạo và ác tri thức, có thể mau chứng được Vô thượng Bồ-đề. Những gì là hai?

1. Xa-ma-tha thường siêng tu tập định.

2. Với Tỳ-bát-xá-na thì được thiện xảo.

Còn có ba pháp lìa các ác đạo và ác tri thức, có thể mau chứng được Vô thượng Bồ-đề. Những gì là ba?

1. Thành tựu đại Bi.

2. Tu tập pháp không.

3. Đủ với cả pháp chẳng sinh phân biệt.

Còn có bốn pháp lìa các ác đạo và ác tri thức, có thể mau chứng được Vô thượng Bồ-đề. Những gì là bốn?

1. An trụ tịnh giới.

2. Lìa các lưới nghi.

3. Thích A-lan-nhã.

4. Khởi tâm chánh kiến.

Còn có năm pháp lìa các ác đạo và ác tri thức, mau có thể chứng được Vô thượng Bồ-đề. Những gì là năm?

1. An trụ pháp không.

2. Chẳng cầu tìm lỗi người.

3. Thường tự quan sát.

4. Yêu thích chánh pháp.

5. Nhiếp hộ người.

Còn có sáu pháp lìa các ác đạo và ác tri thức, có thể mau chứng được Vô thượng Bồ-đề. Những gì là sáu?

1. Không có tham dục.

2. Chẳng sinh sân khuể.

3. Chẳng khởi ngu si.

4. Thường lìa lời dung tục.

5. An trụ tánh không.

6. Tâm như hư không.

Còn có bảy pháp lìa các ác đạo và ác tri thức, có thể mau chứng được Vô thượng Bồ-đề. Những gì là bảy?

1. An trụ chánh niệm.

2. Thành tựu trạch pháp.

3. Phát khởi tinh tấn.

4. Thường sinh hoan hỷ.

5. Thân được khinh an.

6. Trụ các thiền định.

7. Có đủ hành xả.

Còn có tám pháp lìa các ác đạo và ác tri thức, có thể mau chứng được Vô thượng Bồ-đề. Những gì là tám?

1. Chánh kiến.

2. Chánh tư duy.

3. Chánh ngữ.

4. Chánh nghiệp.

5. Chánh mạng.

6. Chánh tinh tấn.

7. Chánh niệm.

8. Chánh định.

Còn có chín pháp lìa các ác đạo và ác tri thức, có thể mau chứng Vô thượng Bồ-đề. Những gì là chín?

1. Xa lìa các pháp tham dục, ác bất thiện mà an trụ Sơ thiền tầm tư hỷ lạc tâm nhất cảnh tánh.

2. Xa lìa tầm tư, an trụ nhị thiền, nội tịnh hỷ lạc tâm nhất cảnh tánh.

3. Xa lìa hỷ, an trụ tam thiền xả niệm tuệ lạc tâm nhất cảnh tánh.

4. Xa lìa ưu khổ và hỷ lạc an trụ tứ thiền, xả niệm thanh tịnh vô khổ vô lạc, tâm nhất cảnh tánh.

5. Vượt quá sắc tưởng, không bám víu dị biệt, an trụ vô biên hư không xứ định.

6. Vượt qua vô biên hư không xứ định rồi, có thể an trụ vô biên thức xứ định.

7. Vượt qua vô biên thức xứ định rồi, có thể an trụ vô sở hữu xứ định.

8. Vượt qua vô sở hữu xứ định rồi, có thể an trụ phi tưởng, phi phi tưởng xứ định.

9. Vượt qua phi tưởng, phi phi tưởng xứ định rồi có thể an trụ diệt thọ tưởng định.

Còn có mười pháp xa lìa ác đạo và ác tri thức, có thể mau chứng được Vô thượng Bồ-đề. Những gì là mười?

1. Khéo có thể thành tựu Kim cang Tam-muội.

2. Thành tựu Xứ phi xứ tương ưng Tam-muội.

3. Thành tựu Phương tiện hành Tam-muội.

4. Thành tựu Biến chiếu minh Tam-muội.

5. Thành tựu Phổ quang minh Tam-muội.

6. Thành tựu Phổ biến chiếu minh Tam-muội.

7. Thành tựu Bảo nguyệt Tam-muội.

8. Thành tựu Nguyệt đăng Tam-muội.

9. Thành tựu Xuất ly Tam-muội.

10. Thành tựu Thắng tràng tý ấn Tam-muội.

Này Di-lặc! Thành tựu các pháp như vậy rồi, Bồ-tát lìa các ác đạo và ác tri thức, có thể mau chứng đắc Vô thượng Bồ-đề.

Được nghe pháp rồi, Bồ-tát Di-lặc rất vui mừng để hở vai áo bên phải, gối phải chấm đất chắp tay cung kính ở trước Phật, nói kệ tán thán:

Phật ở kiếp quá khứ
Bỏ vợ con yêu thương
Đầu mắt và xương tủy
Bố thí đến bờ kia.
Phật thường hộ cấm giới
Như trâu mao mến đuôi
Tối thắng không ngang sánh
Trì giới đến bờ kia.
Phật dùng sức nhẫn nhục
Bỏ lìa các đấu tranh
Chẳng cầu tìm lỗi người
Nhẫn nhục đến bờ kia.
Phật dùng sức tinh tấn
Được vô thượng tịch tĩnh
Thường rốt ráo an vui
Tinh tấn đến bờ kia.
Phật dùng sức thiền định
Hay diệt trừ tội nhơ
Làm Đạo Sư trời, người
Thiền định đến bờ kia
Phật dùng sức trí tuệ
Khéo biết rõ các pháp
Tự tánh vô sở hữu
Bát-nhã đến bờ kia.
Phật tại cội Bồ-đề
Hàng phục các quân ma
Đầy đủ trí tối thắng
Thành tựu đạo Vô thượng.
Đạo Sư sức vô úy
Ở nước Ba-la-nại
Chuyển pháp luân thanh tịnh
Dẹp phá các ngoại đạo,
Trí tuệ lớn Vô thượng
Ra khỏi các thế gian
Hay phóng ánh sáng sạch
Khéo nói các pháp yếu,
Như Lai sắc thanh tịnh
Trí tuệ và công đức

Vượt quá các thế gian
Hay đến bờ bên kia.

Trưởng lão A-nan bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Di-lặc này rất hy hữu, hay thành tựu vô lượng biện tài, tùy theo tâm niệm của chúng sinh, mà bình đẳng thuyết pháp, nhưng đối với văn tự không có chỗ chấp trước.

Đức Phật dạy:

– Đúng như vậy! Đúng như lời ông nói! Này A-nan! Bồ-tát Di-lặc đâu phải chỉ có hôm nay ở trước ta nói kệ tán thán Phật, mà từ quá khứ mười vô số kiếp, thuở ấy có Phật xuất thế hiệu Diệm Quang Du Hý Diệu Âm Tự Tại Vương Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Bấy giờ có một Bà-la-môn tên Hiền Thọ, thân tướng đầy đủ ai thấy cũng đều vui mừng, từ trong vườn đi ra thấy Đức Như Lai đoan chánh thù diệu, các căn tịch tĩnh, đắc Xa-ma-tha như ao nước trong sạch không bợn nhơ, có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp kèm theo để tự trang nghiêm, như cây Sa-la nở hoa, như núi Tu-di cao vọi hơn cả, vẻ mặt tươi vui như trăng tròn, chiếu sáng rực rỡ như mặt trời tỏ rạng, thân hình tròn trịa như cây Ni-câu-đà.

Thấy tướng thù thắng của Phật Như Lai, Hiền Thọ sinh lòng tịnh tín, suy nghĩ rằng: "Hy hữu thay! Thế Tôn hay thành tựu vô lượng công đức trang nghiêm như vậy. Tôi cũng nguyện vị lai sẽ thành tựu thân công đức như vậy".

Phát nguyện xong, Hiền Thọ gieo mình xuống đất lại tự nghĩ rằng: "Nếu đời đương lai tôi sẽ được thân Phật, nguyện chân Như Lai đạp lên mình tôi".

Biết ý nghĩ ấy, Đức Phật Như Lai liền lấy chân mình dẫm lên thân Hiền Thọ. Lúc Đức Phật Như Lai hạ chân xuống, Hiền Thọ được Vô sinh pháp nhẫn. Đức Phật Như Lai quay lại bảo chúng Tỳ-kheo rằng: "Các ông chớ đạp lên mình Hiền Thọ. Vì sao? Vì đây là Đại Bồ-tát nay đã chứng Vô sinh pháp nhẫn, lại hay thành tựu Thiên nhãn, Thiên nhĩ tha tâm túc trụ thần cảnh trí thông".

Hiền Thọ liền ở trước Đức Phật Diệm Quang nói kệ tán thán rằng:

Phật ở mười phương cõi
Tối tôn tối vô thượng
Vượt hơn các thế gian
Nay con cúi đầu lạy.

Như Lai đại quang minh
Chói che cả trời trăng
Vượt hơn các thế gian
Nay con cúi đầu lạy.
Ví như sư tử hống
Muông thú đều kinh sợ
Thế Tôn đại oai đức
Xô dẹp các ngoại đạo,
Tướng lông trắng giữa mày
Trong sáng như pha lê
Chiếu khắp các thế gian
Vượt hơn trên tất cả.
Thế Tôn không ai bằng
Lòng chân thiên bức luân
Thanh tịnh hóa thế gian
Hay chấn động trời đất,
Thành tựu đạo xuất ly
Vượt qua biển phiền não
Đem của cải công đức
Tùy ý ban tất cả.
Như Lai giới thanh tịnh
Xuất sinh các công đức
Không có lòng thương ghét
Dường như cõi đại địa,
Do nơi sức trí tuệ
Biết rõ các pháp không
Chúng sinh và thọ giả
Phân biệt chẳng nắm bắt
Khéo rành tánh chúng sinh
Tâm hành và sở nguyện
Làm đèn sáng cho đời
Lợi ích tất cả loài.
Thế gian khổ bức bách
Trôi chìm trong dòng sâu
Phật thường vì chúng sinh
Phát sức tinh tấn lớn.
Thế Tôn lìa phiền não
Sinh, già và bệnh, chết

Ở đời như hư không
Tất cả không nhiễm ô.
Trí tuệ oai quang lớn
Hay phá tất cả tối
Lìa hẳn tham, sân, si
Nay con cúi đầu lạy.

Bồ-tát Hiền Thọ được thần thông đến nay chẳng còn thoái thất. Này A-nan! Hiền Thọ thuở ấy chính là Đại Bồ-tát Di-lặc, nay ở trong hội này.

– Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát Di-lặc từ lâu đã chứng Vô sinh pháp nhẫn, vì sao chẳng được Vô thượng Bồ-đề?

– Này A-nan! Bồ-tát có hai thứ trang nghiêm và hai thứ nhiếp thủ. Đó là nhiếp thủ chúng sinh và trang nghiêm chúng sinh, nhiếp thủ cõi Phật và trang nghiêm cõi Phật.

Thuở quá khứ lúc tu hạnh Bồ-tát, Bồ-tát Di-lặc thường thích nhiếp thủ và trang nghiêm cõi Phật, còn ta thì thường ưa nhiếp thủ và trang nghiêm chúng sinh. Bồ-tát Di-lặc tu hạnh Bồ-tát, trải qua bốn mươi kiếp bấy giờ ta mới phát tâm Vô thượng Bồ-đề, do vì ta có sức dũng mãnh tinh tấn nên siêu việt chín kiếp, ở trong Hiền kiếp này thành Vô thượng Bồ-đề.

Này A-nan! Ta do mười pháp mà chứng Bồ-đề: Một là hay xả thí vật sở ái, hai là hay thí vợ sở ái, ba là hay thí con sở ái, bốn là hay thí đầu sở ái, năm là hay thí mắt sở ái, sáu là hay thí ngôi vua sở ái, bảy là hay thí trân bảo sở ái, tám là hay thí máu thịt sở ái, chín là hay thí xương tủy sở ái, mười là hay thí thân phần sở ái. Ta thực hành mười pháp này mà được Vô thượng Bồ-đề.

Này A-nan! Còn có mười pháp có thể chứng Bồ-đề. Những gì là mười?

1. Hộ giới công đức.
2. Thành tựu nhẫn lực.
3. Phát khởi tinh tấn.
4. Được các thiền định.
5. Có đại trí tuệ.
6. Thường chẳng bỏ lìa các chúng sinh.
7. Khởi tâm bình đẳng đối với chúng sinh.
8. Thường tu tập pháp không.
9. Khéo hay thành tựu chân tính không chân thật.
10. Khéo có thể thành tựu vô tướng, vô nguyện.

Ta thực hành mười pháp này, mà được Vô thượng Bồ-đề.

Này A-nan! Thuở quá khứ lúc hành đạo Bồ-tát, Bồ-tát Di-lặc chẳng có thể xả thí tay chân đầu mắt, chỉ dùng thiện xảo phương tiện đạo hạnh an lạc mà tích tập Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát Di-lặc thuở quá khứ, lúc hành đạo Bồ-tát chỉ dùng thiện xảo phương tiện đạo hạnh an lạc, mà tu tập Vô thượng Bồ-đề?

– Này A-nan! Thuở quá khứ lúc hành đạo Bồ-tát, Di-lặc ngày đêm sáu thời, để hở vai áo bên phải gối phải chấm đất, chắp tay đảnh lễ ở trước chư Phật mà nói kệ rằng:

Nay con quy mạng lễ
Tất cả mười phương Phật
Bồ-tát chúng Thanh văn
Đấng Đại Tiên Thiên nhãn,
Cùng lễ tâm Bồ-đề
Lìa xa các ác đạo
Hay được sinh lên trời
Cho đến chứng Niết-bàn.
Nếu con phạm chút tội
Theo tâm mà sinh ra
Nay con ở trước Phật
Sám hối cho tiêu diệt.
Nay thân, khẩu, ý con
Dồn chứa các công đức
Nguyện làm nhân Bồ-đề
Sẽ thành đạo Vô thượng.
Trong cõi nước mười phương
Những người cúng dường Phật
Và Phật vô thượng trí
Nay con đều tùy hỷ,
Có tội đều sám hối
Phước đức đều tùy hỷ
Nay con lễ chư Phật
Nguyện thành vô thượng trí.
Các Bồ-tát mười phương
Chứng được bậc Thập địa
Nay con cúi đầu lạy

Nguyện mau chứng Bồ-đề,
Được chứng Bồ-đề rồi
Xô dẹp các quân ma
Chuyển pháp luân thanh tịnh
Lợi ích loài chúng sinh.
Thường nguyện ở thế gian
Vô lượng câu-chi kiếp
Gióng trống pháp vang rền
Độ thoát khổ chúng sinh.
Tôi bị ngập bùn dục
Bị dây tham trói buộc
Nhiều các thứ triền phược
Nguyện Phật thương soi xét.
Chúng sinh dù tội nặng
Chư Phật chẳng chán bỏ
Nguyện dùng đại Từ bi
Độ thoát biển sinh tử.
Hiện tại chư Thế Tôn
Quá khứ, vị lai Phật
Bồ-tát đạo đã làm
Nay con nguyện tu học.
Đầy đủ Ba-la-mật-đa
Thành tựu sáu Thần thông
Độ thoát các chúng sinh
Chứng được đạo Vô thượng.
Biết rõ các pháp không
Không tướng cũng không tánh
Không trụ, không biểu thị
Chẳng sinh cũng chẳng diệt.
Lại như Đấng Đại Tiên
Khéo rõ pháp vô ngã
Không Bổ-đặc-già-la
Cho đến không thọ giả.
Với các sự bố thí
Chẳng chấp ngã, ngã sở
Vì an lạc chúng sinh
Thí cho không bỏn xẻn.
Nguyện vật tôi bố thí

Chẳng cần dụng công sinh
Quan sát biết rõ không
Đủ Thí ba-la-mật.
Trì giới không khuyết giảm
Được Phật tịnh Thi-la
Do vì không chỗ trụ
Đủ Giới ba-la-mật.
Nhẫn nhục như bốn đại
Chẳng sinh tâm phân biệt
Do vì không sân khuể
Đủ Nhẫn ba-la-mật.
Nguyện dùng sức thân tâm
Phát khởi đại tinh tấn
Kiến cố không lười biếng
Đủ Cần ba-la-mật.
Do như huyễn như hóa
Và dũng mãnh tinh tấn
Kim cang các Tam-muội
Đủ Thiền ba-la-mật.
Nguyện chứng Tam-muội trí
Nhập vào ba Giải thoát
Rõ bình đẳng ba đời
Đủ Tuệ ba-la-mật.
Chư Phật diệu sắc thân
Quang minh oai đức lớn
Bồ-tát tinh tấn hạnh
Nguyện con đều tròn đầy.
Bồ-tát Di-lặc ấy
Siêng tu hạnh như vậy
Đủ sáu pháp Ba-la-mật-đa
An trụ bậc Thập địa.

Này A-nan! Bồ-tát Di-lặc an trụ thiện xảo phương tiện như vậy, tu tập Vô thượng Bồ-đề.

Này A-nan! Thuở xưa ta cầu đạo, nhận lấy vô lượng khổ mới có thể tu tập Vô thượng Bồ-đề.

Thuở xa xưa, có Thái tử tên Kiến Nhất Thiết Nghĩa, đoan chánh đẹp lạ có đủ các tướng tốt, ai thấy cũng đều vui mừng. Một hôm Thái tử du

ngoạn, thấy một bệnh nhân đau khổ nặng, Thái tử xót thương hỏi thăm: Nay bệnh của ngươi há lại không có thuốc để chữa lành sao?

Bệnh nhân nói kệ đáp Thái tử:

Bệnh tôi khó tìm thuốc
Thế gian chẳng có được
Quốc vương cũng không có
Huống là kẻ mắc bệnh,
Người giỏi nói y phương
Thông đạt các sách vở
Dù muốn trị bệnh này
Thuốc ấy khó có được.

Thái tử nói kệ bảo bệnh nhân:

Vàng bạc châu ma-ni
Cho đến các voi ngựa
Cần gì xin người nói
Để trừ khổ cho người.

Bệnh nhân lại nói kệ bạch Thái tử:

Nếu uống huyết thái tử
Chắc tôi được an vui
Xin thái tử vui lòng
Cho tôi hết đau khổ.

Thái tử liền nói kệ bảo bệnh nhân:

Nếu tôi vì chúng sinh
Mà phải đọa địa ngục
Nhiều kiếp còn chịu được
Huống là thân huyết này.

Lúc ấy Thái tử lấy dao bén đâm vào thân chảy máu, bảo bệnh nhân tùy ý uống chẳng hề có một niệm hối hận.

Này A-nan! Thái tử Kiến Nhất Thiết Nghĩa thuở xưa kia chính là thân ta vậy. Nước bốn biển lớn còn có thể đong lường, lúc hành đạo Bồ-tát ta xả thí máu trong thân mình chẳng tính kể được.

Này A-nan! Thuở xa xưa có Thái tử tên Diệu Hoa, đoan chánh đẹp lạ đủ các tướng tốt, người thấy vui mừng. Một hôm thái tử du ngoạn, thấy một bệnh nhân ốm gầy sinh lòng thương hỏi thăm: Nay bệnh của người lẽ nào lại không có thuốc chữa lành sao?

Bệnh nhân nói kệ bạch Thái tử:

Thế gian có lương y

Chẳng chữa được bệnh tôi
Xin ngài rủ lòng thương
Trừ đau khổ cho tôi.

Thái tử nói kệ bảo bệnh nhân:

Tôi vì lợi thế gian
Tất cả đều bố thí
Thân phần và trân bảo
Cần gì xin người nói.

Bệnh nhân nói kệ bạch Thái tử:

Ví như Đại dược vương
Tùy ý chữa lành bệnh
Cũng như nhật nguyệt sáng
Chiếu khắp các thế gian
Nếu được tủy thân ngài
Thoa khắp thân thể tôi
Bệnh này sẽ tiêu trừ
Mãi mãi được an vui.

Thái tử liền nói kệ bảo bệnh nhân:

Nếu có các chúng sinh
Đập thân tôi lấy tủy
Vì lợi ích thế gian
Lòng tôi chẳng ưu não.

Thái tử liền tự đập nát thân, lấy tủy cho bệnh nhân tùy ý dùng không có chút niệm hối hận.

Này A-nan! Nên biết thuở xưa Thái tử Diệu Hoa kia, chính là thân ta. Nước bốn biển lớn có thể đong lường, thuở xưa ta hành đạo Bồ-tát, xả thí xương tủy nơi thân mình không thể tính kể được.

Này A-nan! Thuở xa xưa có vị vua tên Nguyệt Quang, đoan chánh đẹp lạ đủ tướng tốt, người thấy vui mừng, du ngoạn thấy một người mù ăn xin, chạnh lòng thương nhà vua hỏi: Người cần dùng gì ta sẽ cấp cho, hoặc đồ ăn uống, y phục, đồ trang sức, châu ngọc, trân bảo, tùy ý người muốn ta sẽ ban cho.

Người mù nói kệ thưa quốc vương:

Đại vương như nhật nguyệt
Ánh sáng soi thế gian
Đầy đủ thắng công đức
Chẳng lâu sinh lên trời,

Tất cả màu sắc đẹp
Nay tôi đều chẳng thấy
Xin vua đại Từ bi
Ban tôi mắt của vua.

Vị vua nói kệ đáp người mù:

Người mau đến lấy mắt
Cho người được an vui
Tôi nguyện đến đời sau
Được mắt Phật thanh tịnh,
Tôi hành đạo Bồ-tát
Tất cả đều xả thí
Nếu tôi chẳng cho người
Thì trái với bản nguyện.

Vua Nguyệt Quang liền tự móc tròng mắt mình, thí cho người mù tùy ý dùng chẳng có một niệm hối hận. Này A-nan! Nên biết thuở xưa vua Nguyệt Quang kia chính là thân ta. Núi Tu-di còn có thể đo lường, lúc ta hành đạo Bồ-tát, bố thí con mắt của mình chẳng thể kể đếm được.

Này A-nan! Bồ-tát Di-lặc lúc hành đạo Bồ-tát có phát nguyện rằng: "Nếu các chúng sinh bớt đi tham, sân, si, thành tựu mười điều lành, thì bấy giờ tôi sẽ thành Vô thượng Bồ-đề".

Này A-nan! Đời đương lai, có các chúng sinh, bớt đi tham, sân, si thành tựu mười điều lành, bấy giờ Bồ-tát Di-lặc sẽ thành Vô thượng Bồ-đề. Vì sao? Vì do sức bản nguyện của Bồ-tát.

Này A-nan! Thuở xưa lúc hành đạo Bồ-tát, ta phát thệ nguyện rằng: "Tôi nguyện sẽ ở nơi đời ác năm trược, các chúng sinh ác tham, sân, si quá nặng, họ chẳng hiếu thảo với cha mẹ, chẳng kính bậc tôn trưởng, cho đến quyến thuộc chẳng hòa thuận nhau, bấy giờ tôi sẽ thành Vô thượng Bồ-đề". Do bản nguyện như vậy, nên nay ta vào thành ấp, thôn xóm, có nhiều chúng sinh khinh khi mắng ta, họ dùng pháp đoạn, pháp thường tụ chúng hội họp. Hoặc lúc ta đi khất thực, họ rải đất bụi, họ trộn thuốc độc cho ta ăn. Hoặc họ dùng nữ nhân hủy báng ta.

Này A-nan! Nay ta do sức bản nguyện khởi tâm đại Bi vì các chúng sinh ấy nói pháp.

Trưởng lão A-nan bạch:

– Bạch Thế Tôn! Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác hay làm việc khó làm, hay nhẫn việc khó nhẫn, người chẳng điều phục đều khiến điều phục, gánh vác những chúng sinh tội cấu như vậy, mà nói pháp cho họ.

Đức Phật dạy:

– Đúng như lời ông nói! Vì sao? Vì do đại Bi của Như Lai nhiếp lấy chúng.

– Bạch Thế Tôn! Con nghe thệ nguyện vững chắc của Như Lai, mà toàn thân con lông tóc dựng đứng. Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì, chúng con phải phụng trì thế nào?

– Này A-nan! Kinh này tên là Di-lặc Sở Vấn, cũng tên là Vãng Tích Bản nguyện Nhân Duyên, ông nên phụng trì như vậy.

Đức Phật nói kinh này rồi, Bồ-tát Di-lặc, Tôn giả A-nan, tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà… nghe lời Phật dạy đều rất vui mừng, tín thọ phụng hành.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 112

Mất tên người dịch chữ Phạn ra chữ Hán.

PHÁP HỘI 43: BỒ-TÁT PHỔ MINH

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở thành Vương xá, trong núi Kỳ-xà-quật, cùng chúng đại Tỳ-kheo tám ngàn người đều hội họp. Đại Bồ-tát một vạn sáu ngàn người, đều là bậc không thoái chuyển, từ các cõi Phật đến họp, đều là bậc một đời sẽ thành đạo Vô thượng Chánh chân..

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Trưởng lão Đại Ca-diếp:

– Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn pháp thoái thất trí tuệ. Những gì là bốn?

1. Chẳng tôn trọng pháp, chẳng kính Pháp sư.

2. Được thọ thâm pháp bí ẩn chẳng nói hết.

3. Có người ưa thích pháp thì làm chướng nạn nói các nhân duyên làm phá hoại lòng họ.

4. Kiêu mạn tự cao khinh rẻ người khác.

Này Ca-diếp! Đây là bốn pháp thoái thất trí tuệ Bồ-tát.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn pháp được đại trí tuệ. Những gì là bốn?

1. Thường tôn trọng pháp, cung kính Pháp sư.

2. Tùy theo pháp được nghe, dùng tâm thanh tịnh mà rộng giảng nói cho người chẳng cầu tất cả danh văn lợi dưỡng.

3. Biết rằng từ đa văn mà sinh trí tuệ, nên siêng cầu chẳng lười như cứu lửa cháy đầu.

4. Nghe kinh tụng trì, ưa thích như thuyết, thực hành chẳng theo ngôn thuyết.

Này Ca-diếp! Đây là bốn pháp được đại trí tuệ của Bồ-tát.

Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn pháp mất tâm Bồ-đề. Những gì là

bốn?

1. Khi dối sư trưởng, chẳng cung kính kinh pháp đã thọ.

2. Chỗ không có nghi hối mà làm người khác nghi hối.

3. Người cầu Đại thừa lại mắng rầy chê bai bêu xấu họ.

4. Dùng tâm siểm khúc mà tùng sự nơi người.

Này Ca-diếp! Đây là bốn pháp mất tâm Bồ-đề của Bồ-tát.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn pháp, đời đời chẳng mất tâm Bồ-đề, cho đến lúc ngồi đạo tràng tự nhiên hiện tiền. Những gì là bốn?

1. Dù là nhân duyên mất mạng cũng chẳng vọng ngữ huống là chê cười.

2. Thường dùng trực tâm tùng sự cho người rời lìa siểm khúc.

3. Đối với các Bồ-tát tưởng là Phật hay xưng dương danh hiệu chư vị khắp bốn phương.

4. Tự mình chẳng yêu thích pháp Tiểu thừa, có giáo hóa ai đều khiến họ an trụ Vô thượng Bồ-đề.

Này Ca-diếp! Đây là bốn pháp chẳng mất tâm Bồ-đề của Bồ-tát, cho đến đạo tràng tự nhiên hiện tiền.

Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn pháp, mà pháp lành đã được sinh, không tăng trưởng và bị hoại diệt. Những gì là bốn?

1. Dùng tâm kiêu mạn đọc tụng tu học kinh Lộ-già-gia.

2. Lòng tham lợi dưỡng đến nhà đàn-việt.

3. Ghét và hủy báng Bồ-tát.

4. Với kinh chưa nghe, thì trái nghịch chẳng tin.

Này Ca-diếp! Đây là bốn pháp mà Bồ-tát làm mất thì chẳng tăng trưởng pháp lành đã sinh.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn pháp, mà pháp lành được sinh tăng trưởng chẳng mất. Những gì là bốn?

1. Bỏ lìa tà pháp, cầu chánh kinh điển sáu pháp Ba-la-mật-đa Bồ-tát Pháp tạng.

2. Lòng không kiêu mạn đối với chúng sinh khiêm nhượng nhún nhường.

3. Như pháp được bố thí, biết vừa biết đủ, lìa các tà mạng an trụ Thánh chủng.

4. Chẳng nói tội lỗi hư thực của người, chẳng tìm chỗ dở của người, nếu ở các pháp, lòng mình chẳng thông đạt thì nghĩ rằng: “Phật pháp vô

lượng tùy chỗ ưa thích của chúng sinh mà thuyết pháp cho họ, chỉ có Phật biết chẳng phải chỗ hiểu của tôi, lấy Phật làm chứng, mà chẳng sinh lòng trái nghịch".

Này Ca-diếp! Đây là bốn pháp mà pháp lành đã sinh thì tăng trưởng chẳng mất.

Này Đại Ca-diếp! Có bốn tâm siểm khúc mà Bồ-tát phải xa lìa. Những gì là bốn?

1. Ở trong Phật pháp thì sinh lòng nghi hối.

2. Đối với chúng sinh thì kiêu mạn sân hận.

3. Với lợi dưỡng của người, thì sinh lòng tật đố.

4. Mắng chửi Bồ-tát, nói tiếng xấu cho Bồ-tát.

Này Ca-diếp! Đây là bốn tâm siểm khúc, mà Bồ-tát phải xa lìa.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn tướng trực tâm. Những gì là bốn?

1. Có phạm tội không che giấu mà phát lộ với người, lòng không phiền muộn.

2. Nếu mất nước, thân mạng, tài sản, gặp lúc sự việc gấp ấy cũng chẳng vọng ngữ chẳng nói khác.

3. Tất cả sự ác hủy báng mắng nhiếc đánh đập trói buộc, lúc bị các sự khổ nạn như vậy, chỉ tự trách mình tự y theo nghiệp báo chẳng giận hờn người.

4. An trụ tín lực, nếu nghe Phật pháp thậm thâm khó tin, thì tin mình thanh tịnh có thể đều thọ trì cả.

Này Ca-diếp! Đây là Bồ-tát có bốn tướng trực tâm.

Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn tướng bại hoại. Những gì là bốn?

1. Đọc tụng kinh điển, mà sinh hý luận chẳng thực hành theo pháp.

2. Chẳng có thể cung kính phụng thuận sư trưởng, khiến sư trưởng đẹp lòng.

3. Làm tổn sự cúng dường của người, tự trái bản thệ mà thọ tín thí.

4. Đối với Bồ-tát tốt lành, thì khinh mạn bất kính.

Này Ca-diếp! Đây là Bồ-tát có bốn tướng bại hoại.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn tướng thiện thuận. Những gì là bốn?

1. Kinh chưa được nghe, nghe rồi tín thọ thực hành như lời y chỉ nơi pháp chẳng y theo ngôn thuyết.

2. Tùy thuận sự giáo hóa của thầy, hay biết ý chỉ dễ dàng cùng thưa nói, chỗ làm đều hay giỏi chẳng sai ý sư trưởng.

3. Chẳng thoái giới định, dùng tâm điều thuận mà thọ cúng dường.

4. Thấy Bồ-tát tốt thì cung kính yêu thích, tùy thuận người lành bẩm thọ đức hạnh.

Này Ca-diếp! Đây là Bồ-tát có bốn tướng điều thuận.

Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn tướng sai lầm. Những gì là bốn?

1. Với người chẳng tin được, mà đồng ý với họ.

2. Với chúng sinh chẳng phải pháp thí mà thuyết pháp thậm thâm.

3. Với người thích Đại thừa lại tán thán Tiểu thừa cho họ.

4. Lúc bố thí chỉ cho người trì giới người lành, mà không cho người ác.

Này Ca-diếp! Đây là Bồ-tát có bốn tướng sai lầm.

Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn chánh đạo. Những gì là bốn?

1. Đối với chúng sinh có tâm bình đẳng.

2. Giáo hóa khắp cả chúng sinh, cùng vì Phật tuệ.

3. Đối với chúng sinh bình đẳng thuyết pháp.

4. Làm cho tất cả chúng sinh đồng an trụ chánh hạnh.

Này Ca-diếp! Đây là Bồ-tát có bốn chánh đạo.

Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn điều chẳng phải là Thiện tri thức của Bồ-tát, chẳng phải là bè bạn tốt. Những gì là bốn?

1. Người cầu Thanh văn chỉ muốn tự lợi.

2. Người cầu Duyên giác vui thích ít sự.

3. Đọc ngoại điển Lộ-già-gia-tỳ, trang sức bằng văn từ.

4. Người được thân cận chỉ thêm thế lợi chẳng lợi ích chánh pháp.

Này Ca-diếp! Đây là Bồ-tát có bốn điều chẳng phải là Thiện tri thức, chẳng phải là bè bạn tốt.

Này Đại Ca-diếp! Có bốn hạng Thiện tri thức, bốn hạng bè bạn tốt của Bồ-tát. Những gì là bốn?

1. Người đến cầu xin học là Thiện tri thức, vì là nhân duyên Phật đạo.

2. Người hay thuyết pháp là Thiện tri thức vì sinh trí tuệ.

3. Người hay bảo người khác khiến xuất gia là Thiện tri thức, vì tăng trưởng thiện pháp.

4. Chư Phật Thế Tôn là Thiện tri thức, vì tăng trưởng tất cả Phật pháp.

Này Ca-diếp! Đây là bốn hạng Thiện tri thức và bốn hạng bè bạn tốt của Bồ-tát.

Này Đại Ca-diếp! Có bốn hạng chẳng phải Bồ-tát của Bồ-tát mà là giống Bồ-tát. Những gì là bốn?

1. Tham cầu lợi dưỡng mà chẳng cầu pháp.

2. Tham cầu danh tiếng mà chẳng cầu phước đức.

3. Tham cầu tự vui mà chẳng cứu chúng sinh để diệt pháp khổ.

4. Thích tụ họp đồ chúng mà chẳng thích xa lìa.

Này Ca-diếp! Đây là bốn hạng chẳng phải Bồ-tát mà giống Bồ-tát.

Này Đại Ca-diếp! Có bốn hạng Bồ-tát chân thật của Bồ-tát. Những gì là bốn?

1. Hay tin hiểu nghĩa không mà cũng tin nghiệp báo.

2. Biết tất cả pháp không có cái tôi cái ta, mà đối với chúng sinh khởi tâm đại Bi.

3. Rất ưa thích Niết-bàn mà đi trong sinh tử.

4. Thực hành xả thí, đều vì chúng sinh mà chẳng cầu quả báo.

Này Ca-diếp! Đây là bốn hạng Bồ-tát chân thật.

Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn đại tạng. Những gì là bốn?

1. Nếu Bồ-tát được gặp chư Phật.

2. Hay nghe sáu pháp Ba-la-mật-đa và nghĩa giải của sáu pháp ấy.

3. Dùng tâm vô ngại quán người thuyết pháp.

4. Thích hạnh viễn ly, tâm không lười biếng.

Này Ca-diếp! Đây là Bồ-tát có bốn đại tạng.

Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn pháp vượt qua ma sự. Những gì là bốn?

1. Thường chẳng xa lìa tâm Bồ-đề.

2. Đối với chúng sinh, lòng không giận hại.

3. Biết rõ các tri kiến.

4. Lòng chẳng khinh tiện tất cả chúng sinh.

Này Ca-diếp! Đây là bốn pháp của Bồ-tát hay vượt khỏi ma sự.

Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn pháp thu giữ các thiện căn. Những gì là bốn?

1. Ở chỗ không nhàn rời lìa tâm siểm khúc.

2. Ở trong các chúng sinh hành bốn Nhiếp pháp mà chẳng cầu báo.

3. Vì cầu pháp nên chẳng tiếc thân mạng.

4. Tu các căn lành lòng không chán đủ.

Này Ca-diếp! Đây là bốn pháp của Bồ-tát thu giữ các căn lành.

Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn vô lượng phước đức trang nghiêm. Những gì là bốn?

1. Dùng tâm thanh tịnh mà thực hành pháp thí.

2. Với người phá giới sinh lòng đại Bi.

3. Ở trong các chúng sinh ca ngợi tuyên dương tâm Bồ-đề.

4. Đối với những kẻ hạ liệt thì tu tập nhẫn nhục.

Này Ca-diếp! Đây là Bồ-tát có bốn vô lượng phước đức trang nghiêm.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Gọi là Bồ-tát ấy chẳng phải chỉ danh tự là Bồ-tát mà người hay thực hành pháp lành, thực hành tâm bình đẳng thì gọi là Bồ-tát.

Lược nói người thành tựu được ba mươi hai pháp, thì gọi là Bồ-tát. Những gì là ba mươi hai pháp?

1. Thường vì chúng sinh cầu sâu an lạc, đều làm cho họ được an trụ trong Nhất thiết trí.

2. Lòng chẳng ganh ghét trí tuệ của người.

3. Phá hoại kiêu mạn.

4. Rất thích Phật đạo.

5. Yêu kính rốt ráo thâm sâu thân thích không hư dối.

6. Trong kẻ oán người thân, tâm của mình đồng đến bình đẳng với Niết-bàn.

7. Lúc nói thường mỉm cười để ý thăm hỏi trước.

8. Công việc được làm chẳng bỏ giữa chừng.

9. Hoàn toàn vì chúng sinh mà bình đẳng hành đại Bi, lòng không nhàm mỏi.

10. Đa văn không chán.

11. Tự tìm lỗi mình chẳng nói lỗi người.

12. Dùng tâm Bồ-đề hành các oai nghi.

13. Ban ân cho người chẳng cầu báo đáp.

14. Thực hành trì giới không dựa vào bất cứ sự phát sinh nào.

15. Ở trong các chúng sinh hành vô ngại nhẫn.

16. Vì tu tất cả căn lành mà hành tinh tấn.

17. Xa lìa tư tưởng sinh về cõi Vô sắc mà phát khởi thiền định.

18. Hành phương tiện tuệ, ứng dụng bốn Nhiếp pháp.

19. Với chúng sinh thiện hay ác đều từ tâm vô úy.

20. Nhất tâm nghe pháp.

21. Tâm an trụ viễn ly.

22. Tâm chẳng ham thích các sự thế gian.

23. Chẳng tham Tiểu thừa.

24. Ở trong Đại thừa thường thấy lợi ích lớn.

25. Lìa ác tri thức thân cận thiện hữu.

26. Tựu thành bốn phạm hạnh.

27. Du hý thần thông.

28. Thường y chân trí.

29. Đối với chúng sinh làm các chánh hạnh đều chẳng vứt bỏ.

30. Lời nói thường dứt khoát.

31. Quý pháp chân thật.

32. Tất cả việc làm đều lấy Bồ-đề làm trên hết.

Này Ca-diếp! Nếu người có ba mươi hai pháp này thì gọi là Bồ-tát.

Này Đại Ca-diếp! Vì Bồ-tát phước đức vô lượng, vô biên nên dùng thí dụ nhân duyên để rõ biết.

Ví như đại địa, tất cả chúng sinh thọ dùng, mà đất ấy không có tâm phân biệt chẳng cầu họ báo đáp. Cũng vậy, Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, tất cả chúng sinh đều được nhờ lợi ích, mà tâm Bồ-tát không phân biệt chẳng cầu báo đáp.

Ví như nước, tất cả lúa má, cỏ cây đều nhờ đó mà được tăng trưởng. Cũng vậy, Bồ-tát vì tự tâm thanh tịnh nên từ bi trùm khắp tất cả chúng sinh, đều được tăng trưởng tất cả pháp lành.

Ví như lửa đều có thể làm chín tất cả trái hạt của lúa cây. Cũng vậy, trí tuệ của Bồ-tát đều có thể làm chín mùi tất cả pháp lành.

Ví như phong chủng có thể thành lập tất cả thế giới. Cũng vậy, phương tiện của Bồ-tát đều có thể thành lập tất cả Phật pháp.

Ví như mặt trăng từ lúc sơ sinh ánh sáng hình sắc của nó ngày ngày tăng trưởng. Cũng vậy, do tâm thanh tịnh của Bồ-tát mà tất cả pháp lành tăng trưởng từng ngày.

Ví như mặt trời lúc mới mọc, cùng một lúc phóng ánh sáng chiếu khắp nơi cho chúng sinh. Cũng vậy, Bồ-tát phóng ánh sáng trí tuệ cùng một

lúc chiếu khắp tất cả chúng sinh.

Ví như vua sư tử trong loài thú, đến chỗ nào cũng chẳng kinh chẳng sợ. Cũng vậy, Bồ-tát trì giới thanh tịnh trí tuệ chân thật, ở chỗ nào cũng đều chẳng kinh chẳng sợ.

Ví như vua voi khéo điều thuận, thì có thể làm xong việc lớn nặng mà thân chẳng mệt nhọc. Cũng vậy, Bồ-tát vì khéo điều tâm nên có thể vì chúng sinh, làm lợi ích lớn, tâm không mỏi nhọc.

Ví như các hoa sen sinh trong nước, mà nước chẳng bám dính được. Cũng vậy, Bồ-tát sinh giữa thế gian, mà pháp thế gian chẳng ô nhiễm được.

Ví như có người đốn cây vì còn gốc nên lại mọc. Cũng vậy, Bồ-tát vì có sức phương tiện nên dù đoạn kiết sử, mà còn có căn lành ái nhiễm nên lại sinh trong ba cõi.

Ví như những dòng nước các phương chảy vào biển thì những dòng nước ấy đều biến thành một vị. Cũng vậy, Bồ-tát dùng nhiều pháp môn dồn chứa các căn lành hồi hướng Vô thượng Bồ-đề đều thành một vị.

Ví như núi Tu-di, chư Thiên trời Đao-lợi và trời Tứ Thiên vương đều nương đó mà ở. Cũng vậy, tâm Bồ-đề của Bồ-tát làm chỗ nương ở cho Nhất thiết trí.

Ví như có đại quốc vương, do sức các quan mà xong việc nước. Cũng vậy, trí tuệ của Bồ-tát do sức phương tiện, nên thành tựu được tất cả các Phật sự.

Ví như lúc trời tạnh sáng không có mây mù, ắt không có tướng mưa. Cũng vậy, quả văn của Bồ-tát không có tướng pháp vũ.

Ví như lúc trời đầy mây âm u ắt có thể mưa xuống đầy đủ cho chúng sinh. Cũng vậy Bồ-tát từ mây đại Bi, khởi mưa đại pháp làm lợi ích chúng sinh.

Ví như Chuyển luân vương xuất hiện nơi nào thì nới đó có bảy báu. Cũng vậy, lúc Bồ-tát xuất hiện thì ba mươi bảy phẩm Trợ đạo xuất hiện trên thế gian.

Ví như bảo châu như ý, ở chỗ nào thì có vô lượng vàng bạch, châu báu. Cũng vậy, Bồ-tát xuất hiện ở nơi nào, thì có trăm ngàn vô lượng báu Thanh văn, Duyên giác.

Ví như chư Thiên cõi trời Đao-lợi vào vườn Đồng đẳng thì chỗ thọ dụng đều đồng đẳng. Cũng vậy, vì Bồ-tát tâm chân tịnh, nên ở trong chúng sinh bình đẳng giáo hóa.

Ví như sức chú thuật và thuốc làm cho độc, chẳng hại người. Cũng

vậy, do sức trí tuệ mà Bồ-tát dứt hẳn độc, vì sức của trí tuệ của Bồ-tát mà chúng sinh chẳng đọa đường ác.

Ví như vật ô uế phế thải trong đại thành mà đem đổ vào ruộng mía ruộng nho thì có lợi ích. Cũng vậy, kiết sử của Bồ-tát còn thừa đều là nhân duyên lợi ích Nhất thiết trí.

Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát thường muốn học kinh Đại Bảo Tích này thì phải thường tu tập chánh quán các pháp. Thế nào là chánh quán? Đó là chân thật tư duy các pháp. Người chân thật chánh quán thì chẳng quán ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng. Đây gọi là trung đạo chân thật chánh quán.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Người chân thật quán thì quán sắc chẳng phải thường chẳng phải vô thường, quán thọ, tưởng, hành và thức chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường. Đây gọi là trung đạo chân thật chánh quán.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Người chân thật quán thì quán địa chủng chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường, quán thủy hỏa và phong chủng chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường. Đây gọi là trung đạo chân thật chánh quán.

Tại sao vậy? Vì thường là một bên, vô thường là một bên, còn giữa thường và vô thường thì không có sắc không có hình, không có danh không có tri giác, đây gọi là trung đạo thật quán các pháp.

Ngã là một bên, vô ngã là một bên, còn giữa ngã và vô ngã thì không có sắc không có hình, không có danh không có tri giác, đây gọi là trung đạo thật quán các pháp.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Nếu tâm có thật thì là một bên nếu tâm phi thật cũng là một bên, nếu không có tâm thức cũng không có tâm số pháp, đây gọi là trung đạo thật quán các pháp.

Như thế thì pháp thiện và pháp bất thiện, pháp thế gian và pháp xuất thế gian, pháp có tội và pháp không có tội, pháp hữu lậu và pháp vô lậu, pháp hữu vi và pháp vô vi, cho đến pháp có cấu uế và pháp không có cấu uế cũng đều như vậy, rời lìa hai bên mà chẳng thể thọ được cũng chẳng thể nói được, đây gọi là trung đạo thật quán các pháp.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Hữu là một bên, vô cũng là một bên, còn giữa hữu và vô thì không có sắc, không có hình, không có danh, không có tri giác, đây gọi là trung đạo thật quán các pháp.

Này Đại Ca-diếp! Mười hai nhân duyên đã được ta thuyết pháp tức là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên

thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão, tử, ưu bi khổ não. Nhân duyên như vậy chỉ là họp lại thành, là khối đại khổ. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão, tử, ưu bi khổ não diệt, mà khối đại khổ diệt. Minh cùng vô minh không hai, không khác. Biết rõ như vậy thì gọi là trung đạo thực quán các pháp.

Như thế thì hành và phi hành, thức và sở thức, danh sắc thấy được và chẳng thấy được, các sáu nhập xứ và sáu thần thông, xúc và sở xúc, thọ và thọ diệt, ái và ái diệt, thủ và thủ diệt, hữu và hữu diệt, sinh và sinh diệt, lão tử và lão tử diệt, đều không hai không khác. Biết rõ như vậy thì gọi là trung đạo thật quán các pháp.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Người chân thật quán, chẳng do vì không khiến các pháp không mà pháp tánh tự không; chẳng do vì Vô tướng khiến các pháp vô tướng, mà các pháp tự vô tướng; chẳng do vì Vô nguyện khiến các pháp vô nguyện, mà các pháp tự vô nguyện; chẳng do vì vô khởi, vô sinh, vô ngã, vô thủ, vô tánh, khiến các pháp vô khởi đến vô tánh mà các pháp tự vô khởi đến vô tánh. Người quán như vậy gọi là thật quán.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Chẳng phải vì vô nhân nên gọi là không mà không nó tự không: Tiền tế không, hậu tế không, trung tế cũng không. Nên y nơi không chớ y nơi nhân. Nếu do được không, bèn y nơi không, thì nơi Phật pháp là thoái đọa vậy.

Vì thế nên, này Đại Ca-diếp! Thà khởi ngã kiến chứa bằng núi Tu-di, còn hơn là lấy không kiến khởi tăng thượng mạn.

Tại sao vậy? Vì tất cả kiến chấp do nơi không mà được thoát, nếu khởi không kiến thì chẳng thể trừ được.

Ví như y sư cho thuốc khiến bệnh chuyển động, thuốc ấy ở trong thân người bệnh mà không ra ngoài. Này Đại Ca-diếp! Ý ông thế nào, người bệnh ấy được lành chăng?

– Bạch Thế Tôn! Không lành, thuốc ấy chẳng ra ngoài thì bệnh càng tăng.

– Này Đại Ca-diếp! Cũng vậy, tất cả kiến chấp, chỉ không mới có thể trừ diệt, nếu khởi không kiến thì chẳng trừ được.

Ví như có người sợ hư không kêu khóc đấm ngực mà la lên rằng: "Tôi bỏ hư không". Này Đại Ca-diếp! Ý ông thế nào, hư không ấy có bỏ được chăng?

– Bạch Thế Tôn, không bỏ được!

– Này Đại Ca-diếp! Nếu ai sợ pháp không thì ta bảo người ấy cuồng loạn thất tâm. Vì họ thường đi trong pháp không mà lại sợ pháp không vậy.

Ví như họa sư tự tay vẽ tượng quỷ Dạ-xoa, rồi thấy tượng quỷ lại kinh sợ mê muội té xuống đất. Cũng vậy, tất cả phàm phu tự tạo sắc, thanh, hương, vị, xúc nên qua lại sinh tử thọ các khổ não mà chẳng tự hay biết.

Ví như huyễn sư tự hóa người huyễn rồi trở lại tự tàn hại. Tỳ-kheo hành đạo cũng như vậy, bao nhiêu quán pháp đều không, đều tịch, không có tánh kiên cố, quán ấy cũng không.

Ví như hai khúc gỗ cọ nhau phát sinh ra lửa, lửa ấy trở lại đốt cháy khúc gỗ ấy. Cũng vậy, do chân thật quán nên sinh Thánh trí, Thánh trí sinh rồi trở lại đốt tiêu thật quán.

Ví như thắp đèn thì tối tăm tự không có, tối ấy không từ đâu lại đi cũng không đến đâu, chẳng phải từ phương Đông lại, đi cũng chẳng đến Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên dưới, chẳng từ kia lại, đi cũng chẳng đến đâu. Ánh sáng đèn này không có quan niệm tối hay diệt tối. Chỉ vì đèn sáng mà không tối. Sáng và tối đều không, vô tác vô thủ. Cũng vậy, lúc thật trí sinh thì vô trí diệt. Trí và vô trí đều không, vô tác, vô thủ.

Ví nhà tối suốt ngàn năm chưa từng thấy ánh sáng, nếu lúc thắp đèn. Này Đại Ca-diếp! Ý ông thế nào? Bóng tối ấy chừng có quan niệm rằng tôi ở đây đã lâu chẳng muốn đi chăng?

– Bạch Thế Tôn, không! Nếu lúc thắp đèn, tối ấy vô lực ắt phải diệt mất.

– Này Đại Ca-diếp! Cũng vậy, trăm ngàn vạn kiếp đã kết nghiệp từ lâu, dùng nhất thật quán sát thì liền tiêu diệt. Ánh sáng đèn kia là Thánh trí, bóng tối kia là kiết nghiệp.

Ví như hạt giống mà ở hư không thì chẳng bao giờ sinh trưởng được. Cũng vậy, Bồ-tát chấp thủ sự chứng đắc thì chẳng bao giờ tăng trưởng Phật pháp được.

Ví như hạt giống ở tại ruộng tốt thì hay sinh trưởng. Cũng vậy, Bồ-tát có các kiết sử, rời lìa pháp thế gian có thể tăng trưởng Phật pháp.

Ví như đất khô cao nguyên chẳng sinh hoa sen. Cũng vậy Bồ-tát ở trong vô vi chẳng sinh Phật pháp.

Ví như trong bùn nước ướt thấp sinh hoa sen. Cũng vậy Bồ-tát ở trong sinh tử, chúng sinh tà định thì Phật pháp có thể sinh.

Ví như có bốn biển lớn, trong ấy, đầy sinh tô. Cũng vậy, Bồ-tát hữu

vi căn lành nhiều vô lượng.

Ví như chẻ sợi lông ra làm trăm phần, lấy một phần lông chấm một giọt nước trong biển. Cũng vậy, tất cả hàng Thanh văn căn lành hữu vi cũng rất ít như vậy.

Ví như lỗ rỗng trống của một hạt cải nhỏ. Trí tuệ hữu vi của tất cả hàng Thanh văn cũng nhỏ như vậy.

Ví như khoảng không gian mười phương vô lượng, vô biên. Bồ-tát hữu vi trí tuệ năng lực cũng vô lượng như vậy.

Ví như đại vương dòng Sát-lợi có đại phu nhân thông dâm với kẻ bần tiện mang thai sinh con trai. Này Đại Ca-diếp! Ý ông thế nào? Có phải là vương tử chăng?

– Bạch Thế Tôn, không phải!

– Này Đại Ca-diếp! Cũng vậy, chúng Thanh văn của ta, dù đồng chứng do pháp tánh sinh mà chẳng gọi là chân thật Phật tử của Đức Như Lai.

Ví như đại vương dòng Sát-lợi thông dâm với thể nữ có thai sinh con trai, dù sinh ra từ một cách hèn hạ như vậy mà được gọi là vương tử. Cũng vậy, Bồ-tát mới phát tâm dù chưa có đủ phước đức trí tuệ lại qua sinh tử tùy lực thế của mình mà lợi ích chúng sinh. Đây gọi là Phật tử chân thật của Như Lai.

Ví như Chuyển luân thánh vương có ngàn con trai chưa có một người có tướng Thánh vương, trong ngàn con trai ấy Chuyển luân thánh vương chẳng nghĩ tưởng là con trai mình.

Cũng vậy, dù có trăm ngàn vạn ức Thanh văn quyến thuộc vây quanh mà không có Bồ-tát trong đại chúng ấy, Đức Như Lai chẳng nghĩ tưởng là Phật tử.

Ví như Chuyển luân thánh vương có đại phu nhân mang thai bảy ngày, đứa con trai ấy có tướng Chuyển luân thánh vương, chư Thiên tôn trọng hơn các con trai khác đã có đủ thân thể sức lực. Vì sao? Vì vương tử trong thai non ấy chắc sẽ nối ngôi tôn quý thừa kế dòng Thánh vương. Cũng vậy, sơ phát tâm Bồ-tát dù chưa đủ Bồ-tát căn nhưng được chư Thiên thần vương hết lòng tôn trọng hơn bậc Đại A-la-hán đủ tám giải thoát. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy được gọi là nối ngôi tôn quý chẳng mất hạt giống Phật.

Ví như một viên bảo châu lưu ly hơn cả tòa núi Tu-di thủy tinh. Cũng vậy, Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đã hơn chúng Thanh văn, Bích-chi-phật.

Ví như ngày phu nhân của Đại vương sinh con trai, các tiểu vương

quần thần đều đến bái yết. Cũng vậy, Bồ-tát lúc mới phát tâm, chư Thiên, người đời đều phải lễ kính.

Ví như trong núi Tuyết, sinh những dược thảo, không thuộc về ai không có phân biệt, tùy bệnh mà uống đều có thể chữa trị. Cũng vậy, Bồ-tát dồn chứa trí tuệ, không chỗ phân biệt, bình đẳng cứu hộ khắp tất cả chúng sinh.

Ví như mặt trăng sơ sinh, được mọi người ái kính hơn mặt trăng tròn. Cũng vậy, người tin lời Phật thì ái kính Bồ-tát hơn Đức Như Lai. Vì sao? Vì do các Bồ-tát, mà sinh ra Như Lai.

Ví như kẻ ngu bỏ mặt trăng mà lễ thờ tinh tú. Người trí thì chẳng như vậy, chẳng bỏ lìa người tu hạnh Bồ-tát, để lễ kính hàng Thanh văn.

Ví như tất cả thế gian dù trời hay người, cho dù khéo trau dồi viên ngọc giả, cũng chẳng thể làm thành lưu ly bảo châu được. Cũng vậy, người cầu Thanh văn, dù trì tất cả giới, thành tựu thiền định cũng không thể hoàn toàn được ngồi đạo tràng thành Vô thượng Bồ-đề.

Ví như trau giồi bảo châu lưu ly, có thể xuất sinh vô lượng trân bảo. Cũng vậy, giáo hóa thành tựu Bồ-tát, xuất sinh vô lượng báu Thanh văn, Bích-chi-phật.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Các Bồ-tát phải thường cầu lợi ích cho chúng sinh và tu tập tất cả căn lành, phước có được bình đẳng ban cho tất cả chúng sinh, bao nhiêu trí có được mang đến khắp mười phương chữa trị cho chúng sinh, khiến cho tất cả được rốt ráo.

Những gì gọi là trí dược rốt ráo? Đó là dùng Bất tịnh quán, trị tham dâm; dùng Từ bi quán trị sân khuể; dùng Nhân duyên quán trị ngu si; dùng Không quán, trị các kiến chấp; dùng Vô tướng quán, trị các ức tưởng phân biệt duyên niệm; dùng Vô nguyện quán, trị tất cả nguyện ra khỏi ba cõi, dùng bốn phi đảo trị tất cả đảo; dùng nghĩa các pháp hữu vi vô thường, để trị quan niệm điên đảo chấp thường trong vô thường; dùng nghĩa hữu vi khổ, để trị quan niệm điên đảo chấp vui trong các khổ; dùng nghĩa vô ngã để trị quan niệm điên đảo chấp ngã trong vô ngã; dùng Niết-bàn tịch diệt, để trị quan niệm điên đảo chấp tịnh trong bất tịnh.

Dùng bốn Niệm xứ, để trị những chấp kiến dựa nương thân, thọ, tâm, pháp. Hành giả quán thân, thuận theo thân tướng mà quán chẳng đọa vào ngã kiến, thuận theo thọ tướng mà quán chẳng đọa vào ngã kiến, thuận theo tâm tướng mà quán chẳng đọa vào ngã kiến, thuận theo pháp tướng mà quán chẳng đọa vào ngã kiến. Bốn niệm xứ ấy, hay chán tất cả thân thọ tâm pháp mà mở cửa Niết-bàn.

Dùng bốn Chánh cần hay dứt các pháp bất thiện đã sinh và ngăn các pháp bất thiện chưa sinh, hay khiến các thiện pháp chưa sinh thì xuất sinh và các pháp thiện đã sinh thì hay khiến tăng trưởng. Tóm lại, hay dứt tất cả pháp bất thiện và thành tựu các thiện pháp. Dùng bốn Như ý túc hay trị tất cả thân tâm trầm trọng khiến được như ý thần thông. Dùng năm Căn trị các chúng sinh bất tín lười biếng, không chánh Niệm loạn tâm không có trí tuệ. Dùng năm Lực ngăn chặn sức lực của các ma phiền não. Dùng bảy Giác phần, trị sự ngu si nghi hối sai lầm ở trong các pháp. Dùng tám Thánh đạo trị tất cả chúng sinh đọa vào tà đạo.

Đây là phương thuốc trí tuệ rốt ráo của Bồ-tát mà các Bồ-tát phải thường siêng năng cần mẫn tu tập.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Trong hàng y sư nơi Diêm-phù-đề, Kỳ Vức y vương là tối đệ nhất. Giả sử tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều như Kỳ Vức, nếu có người hỏi thuốc trị bệnh kiết sử phiền não tà kiến nghi hối trong tâm thì những người ấy còn chẳng đáp được, huống là chữa trị được.

Bồ-tát ở trong tam thiên đại thiên thế giới phải nghĩ rằng: Tôi không nên lấy thế dược làm đủ mà phải cầu học tu tập thuốc trí xuất thế, cũng tu tất cả thiện căn phước đức. Bồ-tát như vậy được trí dược rồi, đến khắp mười phương, chữa lành rốt ráo cho tất cả chúng sinh.

Những gì gọi là trí dược của Bồ-tát? Đó là biết các pháp theo duyên hòa hợp mà sinh, tin tất cả pháp không có ngã nhân chúng sinh thọ mạng tri kiến, không có người tạo tác và kẻ thọ nhận, tin hiểu thông đạt không có ngã ngã sở. Ở trong pháp không, không có chỗ nắm bắt ấy, không có kinh sợ, siêng năng tinh tấn mà suy tìm tâm tướng. Bồ-tát suy tìm tâm như vậy. Những gì là tâm? Là tham dục hay sân khuể, ngu si? Là quá khứ, vị lai, hiện tại, nếu là tâm quá khứ thì đã dứt mất hết rồi, nếu là tâm vị lai thì chưa sinh chưa đến, nếu là tâm hiện tại thì không có an trụ. Tâm này chẳng phải nội ngoại trung gian. Tâm này không có sắc không có hình không có đối, không có thức không có tri không có an trụ không có xứ sở. Tâm ấy như vậy, mười phương ba đời chư Phật đều chẳng có cái đã thấy, đang thấy sẽ thấy. Nếu tất cả chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại mà chẳng thấy được tâm ấy thì nó làm sao có được? Chỉ do nơi điên đảo vọng tưởng, nên tâm sinh các pháp nhiều loại sai biệt. Tâm này như ảo huyễn do ức tưởng phân biệt mà khởi các thứ nghiệp và thọ các thứ thân.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Tâm đi như gió vì chẳng nắm bắt được; tâm như nước chảy vì sinh diệt chẳng ngừng; tâm như ngọn đèn vì các

duyên mà có; tâm này như ánh chớp vì niệm niệm diệt dứt; tâm như hư không vì khách trần ô nhiễm; tâm như khỉ vượn vì tham lục dục; tâm như họa sư vì hay khởi các nghiệp nhân; tâm chẳng chuyên nhất vì theo dõi các thứ phiền não; tâm như đại vương vì là chủ tăng thượng các pháp; tâm thường độc hành không hai không bạn vì không có hai tâm đồng thời; tâm như oan gia vì hay khởi tất cả khổ não; tâm như voi cuồng đạp ngã các nhà đất vì hay phá hoại tất cả các lành căn; tâm như nuốt lưỡi câu vì trong khổ mà tưởng là vui; tâm này như mộng vì trong vô ngã mà sinh ngã tưởng; tâm như lằn xanh vì trong bất tịnh mà sinh tịnh tưởng; tâm như giặc dữ vì hay gây sự khổ khảo lược; tâm như ác quỷ vì tìm dịp hại người; tâm thường cao hạ vì tham và sân làm hư hại; tâm như trộm cướp vì cướp mất tất cả căn lành; tâm thường tham sắc như bướm đáp lửa; tâm thường tham thanh như quân đi lâu thích tiếng trống trận; tâm thường tham hương như heo thích nằm trong chỗ bất tịnh; tâm thường tham vị như cô gái nhỏ ham ưa ăn ngon, tâm thường tham xúc như ruồi ưa dầu.

Như vậy, này Đại Ca-diếp! Suy tìm tâm tướng ấy hoàn toàn chẳng thể nắm bắt. Nếu chẳng thể nắm bắt thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại thì vượt hẳn ba đời. Nếu vượt hẳn ba đời thì chẳng phải có, chẳng phải không. Nếu chẳng phải có, chẳng phải không thì không khởi. Nếu không khởi thì không tánh. Nếu không tánh thì không sinh. Nếu không sinh thì không diệt. Nếu không diệt thì không chỗ lìa. Nếu không chỗ lìa thì không đến, không đi, không thoái, không sinh. Nếu không đến, không đi, không thoái, không sinh thì không có hành nghiệp. Nếu không có hành nghiệp thì vô vi. Nếu là vô vi thì là căn bản của tất cả chư Thánh, trong ấy không có trì giới phá giới. Nếu không trì phá thì vô hành cũng vô phi hành. Nếu không có hành không có phi hành thì không có tâm không có tâm số pháp. Nếu không có tâm tâm sở thì không có nghiệp, không có nghiệp báo. Nếu không có nghiệp, không có nghiệp báo thì không có khổ lạc. Nếu không khổ lạc là Thánh tánh, trong ấy không có nghiệp không có người khởi nghiệp, không có thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp, trong ấy không có thượng, trung, hạ, sai biệt, vì Thánh tánh bình đẳng như hư không. Tánh ấy không sai biệt vì các pháp bình đẳng nhất vị. Tánh ấy viễn ly vì lìa tướng thân tướng tâm. Tánh ấy lìa tất cả pháp, vì tùy thuận Niết-bàn tịch diệt vậy. Tánh ấy thanh tịnh vì lìa các phiền não cấu uế vậy. Tánh ấy vô ngã vì lìa ngã, ngã sở. Tánh ấy không cao hạ vì từ bình đẳng sinh. Tánh ấy là chân đế vì là Đệ nhất nghĩa đế. Tánh ấy vô tận, vì rốt ráo bất sinh. Tánh ấy thường trụ vì các pháp thường như vậy. Tánh ấy an lạc vì Niết-bàn là đệ nhất. Tánh ấy thanh tịnh, vì lìa tất cả tướng. Tánh ấy

vô ngã, vì cầu ngã chẳng thể nắm bắt. Tánh ấy chân tịnh vì từ xưa nay rốt ráo thanh tịnh.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Các ông nên tự quán bên trong, chớ duyên theo bên ngoài.

Như vậy, này Đại Ca-diếp! Các Tỳ-kheo đời sau như chó đuổi theo cục đất.

Thế nào là Tỳ-kheo như chó đuổi theo cục đất?

Ví như có người lấy cục đất ném chó, nó liền bỏ người mà đuổi theo cục đất. Cũng vậy, có các Sa-môn, Bà-la-môn sợ tục lụy mà ưa sắc, thanh, hương, vị, xúc, họ đến ở chỗ không nhàn, không bè bạn rời chúng ồn náo, thân họ rời khỏi năm dục mà lòng họ chẳng bỏ. Có lúc hoặc họ nhớ sắc, thanh, hương, vị, xúc tốt, rồi sinh lòng tham muốn mà chẳng quán bên trong, họ chẳng biết thế nào là rời sắc, thanh, hương, vị, xúc. Vì chẳng biết nên có lúc họ đi vào thôn xóm thành ấp ở trong nhân chúng, rồi họ lại bị sắc, thanh, hương, vị, xúc tốt trói chặt. Do họ trì tục giới, nên sau khi chết được sinh cõi trời rồi lại bị năm dục lạc trói chặt. Sau thân trời họ chẳng thoát khỏi được bốn ác đạo: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và A-tu-la. Đây gọi là Tỳ-kheo như chó đuổi theo cục đất.

Thế nào là Tỳ-kheo chẳng như chó đuổi theo cục đất?

Nếu có Tỳ-kheo bị người mắng chẳng mắng lại, bị người đánh chẳng đánh lại, bị người giận hại chẳng giận hại lại, chỉ tự quán bên trong cầu điều phục tâm mình mà suy nghĩ như vầy: "Kẻ mắng kẻ đánh kẻ hại là ai? Người thọ chịu là ai?" Đây gọi là Tỳ-kheo chẳng như chó đuổi theo cục đất.

Ví như người giỏi chăn ngựa, tùy con ngựa trở chứng thế nào đều có thể điều phục. Cũng vậy, hành giả giỏi, tùy tâm mình hướng nơi đâu liền có thể thâu nhiếp, chẳng cho nó phóng dật.

Ví như bệnh nghẹt yết hầu liền có thể chết. Cũng vậy trong tất cả kiến chấp, duy có ngã kiến có thể nhanh chóng đoạn mạng trí tuệ.

Ví như có người bị trói, họ tùy chỗ bị trói mà cầu được mở. Cũng vậy, tùy tâm tham chấp chỗ nào, hành giả phải cầu tháo mở.

Này Đại Ca-diếp! Người xuất gia có hai tâm bất tịnh. Thế nào là hai?

1. Đọc tụng các kinh sách ngoại đạo như Lộ-già-gia…

2. Chứa nhiều y bát tốt.

Người xuất gia còn có hai sự cột chặt. Thế nào là hai?

1. Kiến phược.

2. Lợi dưỡng phược.

Người xuất gia còn có hai pháp chướng. Thế nào là hai?

1. Thân cận bạch y.

2. Ghét bỏ người thiện.

Người xuất gia còn có hai thứ cấu uế. Thế nào là hai?

1. Chịu đựng phiền não.

2. Tham các vật thí của đàn-việt.

Người xuất gia còn có hai thứ mưa đá phá nát căn lành. Thế nào là hai?

1. Khinh chê chánh pháp.

2. Phá giới mà thọ của tín thí.

Người xuất gia có hai nhọt ghẻ. Thế nào là hai?

1. Tìm thấy lỗi người.

2. Tự che lỗi mình.

Người xuất gia còn có hai pháp thiêu đốt. Thế nào là hai?

1. Tâm cấu uế mà thọ mặc pháp y.

2. Thọ sự cúng dường của người lành trì giới.

Người xuất gia còn có hai thứ bệnh. Thế nào là hai?

1. Ôm lòng tăng thượng mạn mà tâm chẳng phục.

2. Phá hoại người phát tâm Đại thừa.

Lại, này Đại Ca-diếp! Hàng Sa-môn có bốn hạng. Thế nào là bốn?

1. Hình phục Sa-môn.

2. Oai nghi khi dối Sa-môn.

3. Tham cầu danh văn Sa-môn.

4. Thực hành Sa-môn.

Thế nào gọi là hình phục sa môn? Có hạng Sa-môn hình dạng và y phục đầy đủ, cạo bỏ râu tóc đắp Tăng-già-lê cầm bát mà thành tựu thân nghiệp bất tịnh, khẩu nghiệp bất tịnh, ý nghiệp bất tịnh, chẳng khéo giữ mình tham lam ghen ghét lười biếng phá giới làm ác, đây gọi là hình phục Sa-môn.

Thế nào gọi là oai nghi khi dối Sa-môn? Có hạng Sa-môn đầy đủ bốn oai nghi, nơi thân Sa-môn đi, đứng, ngồi, nằm nhất tâm an tường, dứt các mùi ngon, tu bốn Thánh chủng, xa rời chúng hội và nhà ồn náo, nói năng dịu dàng, thực hành các pháp, như vậy đều là để dối trá chớ chẳng phải là

vì đạo thiện tịnh, nơi pháp không, họ có chỗ thấy được, với pháp vô sở đắc họ sinh lòng e sợ như sợ rơi xuống hố sâu, với Tỳ-kheo luận đàm pháp không họ quan niệm như oán tặc, đây gọi là oai nghi khi dối Sa-môn.

Thế nào gọi là danh văn Sa-môn? Có hạng Sa-môn do nhân duyên hiện tại thực hành trì giới mà muốn khiến người biết, tự lực đọc tụng, muốn khiến người biết mình đa văn, tự lực ở một mình nơi nhàn tĩnh, muốn khiến người biết mình là A-lan-nhã, thiểu dục tri túc hành hạnh viễn ly, chỉ vì muốn người biết chớ chẳng vì chán lìa, chẳng vì đạo thiện tịch, chẳng vì đắc đạo, chẳng vì bốn quả Sa-môn, chẳng vì Niết-bàn, đây gọi là tham cầu danh văn Sa-môn.

Thế nào gọi là thực hành Sa-môn? Có hạng Sa-môn, chẳng tham thân mạng, huống là lợi dưỡng, nghe các pháp Không, Vô tướng và vô nguyện thì tâm thông đạt tùy thuận thực hành đúng như được dạy, họ chẳng vì Niết-bàn mà tu phạm hạnh, huống là ba cõi, họ còn chẳng ưa khởi kiến chấp không vô ngã, huống là kiến chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, họ lìa pháp y chỉ mà cầu giải thoát phiền não, họ thấy tất cả pháp vốn vô cấu rốt ráo thanh tịnh mà tự y chỉ, cũng chẳng y chỉ nơi người, do chính Pháp thân còn chẳng thấy Phật huống là hình sắc khác, do không, viễn ly còn chẳng thấy pháp huống là tham trước âm thanh ngôn thuyết, do pháp vô vi còn chẳng thấy Tăng huống là thấy có hòa hợp chúng, đối với các pháp không chỗ đoạn trừ không chỗ tu hành, chẳng an trụ sinh tử, chẳng tham trước Niết-bàn, biết tất cả pháp vốn tịch diệt, chẳng thấy trói buộc chẳng cầu giải thoát, đây gọi là thực hành hạnh Sa-môn.

Như vậy, này Đại Ca-diếp! Các ông nên tu tập thực hành Sa-môn, chớ bị danh tự làm hư hoại.

Này Đại Ca-diếp! Ví như người nghèo cùng hèn hạ giả danh giàu sang, ý ông thế nào, có xứng với danh chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Cũng vậy, này Đại Ca-diếp! Người chỉ có danh tự Sa-môn, Bà-la-môn mà không có công đức hạnh chân thật của Sa-môn, Bà-la-môn thì cũng như kẻ nghèo hèn kia mang danh giàu sang giả tạm.

Ví như có người trôi chìm giữa dòng sông lớn, đói mà chết. Cũng vậy, có các Sa-môn đọc tụng nhiều kinh điển mà chẳng thể ngăn được sự thiếu khát tham, sân, si nên trôi chìm trong dòng nước của pháp mà chết, vì phiền não.

Ví như thầy thuốc tay cầm túi thuốc đi mà tự thân bệnh lại chẳng trị được. Cũng vậy, người đa văn có phiền não, dù có đa văn mà chẳng ngăn

phiền não thì chẳng được lợi ích gì cho chính mình.

Ví như có người uống thuốc quý của nhà vua mà chẳng thích hợp nên bị thuốc làm hại. Cũng vậy, người đa văn có bệnh phiền não được thuốc pháp tốt mà chẳng thể tu tập thì tự hại căn lành.

Ví như bảo châu ma-ni rơi vào chỗ bất tịnh thì không thể đeo vào mình. Cũng vậy, người đa văn tham trước lợi dưỡng thì chẳng còn lợi ích được cho trời, người.

Ví như thây người chết đeo chuỗi vàng, Tỳ-kheo đa văn phá giới đắp pháp y, nhận người cúng dường cũng như vậy.

Ví như bậc trưởng giả cắt móng, tắm gội sạch, thoa trầm hương màu tím, mặc y phục trắng mới, đội vòng hoa, trong ngoài tương xứng. Tỳ-kheo đa văn trì giới mặc pháp y nhận người cúng dường cũng như vậy.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Có bốn hạng Tỳ-kheo phá giới mà tựa như trì giới tốt. Thế nào là bốn?

1. Có hạng Tỳ-kheo trì giới đầy đủ, trong các tội lớn nhỏ lòng thường e sợ, giới pháp được nghe đều có thể làm theo, thân nghiệp khẩu nghiệp và ý nghiệp đều thanh tịnh, chánh mạng thanh tịnh, mà Tỳ-kheo này lại tuyên nói hữu ngã luận. Đây là tợ trì giới tốt thứ nhất.

2. Có hạng Tỳ-kheo tụng trì giới luật thực hành đúng như được dạy mà thân kiến chẳng diệt. Đây là tợ trì giới tốt thứ hai.

3. Có hạng Tỳ-kheo trì giới đầy đủ, chấp lấy tướng chúng sinh mà hành từ tâm, nghe nói tất cả pháp xưa nay vốn không sinh thì rất kinh sợ. Đây là tợ trì giới tốt thứ ba.

4. Có hạng Tỳ-kheo thực hành đủ mười hai hạnh Đầu-đà, thấy có sở đắc. Đây là tợ trì giới tốt thứ tư.

Này Đại Ca-diếp! Người thật sự trì giới tốt thì không ngã, không ngã sở, không tạo tác, không phi tác, không có cái được tạo, cũng không có người tạo tác, không hành, không phi hành, không sắc, không danh, không tướng, không phi tướng, không diệt, không phi diệt, không nắm giữ, không xả bỏ, không thể giữ, không thể bỏ, không chúng sinh, cũng không tên gọi chúng sinh, không tâm không tên gọi tâm, không thế gian, không phi thế gian, không y chỉ, không phi y chỉ, không lấy giới đức để tự cao, cũng chẳng chê giới người, cũng chẳng nhớ tưởng phân biệt giới ấy. Đây gọi là giới hạnh được chư Thánh thọ trì, vô lậu chẳng trói buộc, chẳng thọ ba cõi, xa rời tất cả các pháp y chỉ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn sáng tỏ nghĩa này nên nói kệ rằng:

Người trì giới thanh tịnh
Vô cấu vô sở hữu
Trì giới không kiêu mạn
Cũng không chỗ y chỉ.
Trì giới không ngu si
Cũng không có trói buộc
Trì giới không trần ô
Cũng không có trái lỗi.
Trì giới lòng thiện nhuyễn
Rốt ráo thường tịch diệt
Xa rời tất cả niệm
Nhớ tưởng và phân biệt
Giải thoát các động niệm
Là tịnh trì giới Phật.
Chẳng tham tiếc thân mạng
Chẳng dụng pháp hữu vi
Tu tập các chánh hạnh
An trụ trong chánh đạo
Đây gọi là Phật pháp
Chân thật trì tịnh giới.
Trì giới chẳng nhiễm đời
Cũng chẳng nương thế pháp
Thành tựu trí tuệ sáng
Không tối không sở hữu
Không ngã không tưởng ngã
Đã thấy biết các tướng
Đây gọi là Phật pháp
Chân thật trì tịnh giới.
Không bờ này, bờ kia
Cũng không có trung gian
Ở trong không đây kia
Cũng không có sở trước
Không trói buộc không rò rỉ
Cũng không có khi dối
Đây gọi là Phật pháp
Chân thật trì tịnh giới.
Tâm chẳng trước danh sắc
Chẳng chấp ngã ngã sở

Đây gọi là an trụ
Chân thật trì tịnh giới.
Dù hành trì tịnh giới
Mà lòng chẳng tự cao
Cũng chẳng cho là hơn
Gặp giới cầu Thánh đạo
Đây gọi là chân thật
Thanh tịnh trì giới tướng.
Chẳng cho giới tối thượng
Cũng chẳng quý Tam-muội
Vượt qua hai sự nầy
Tu tập chánh trí tuệ
Không tịch vô sở hữu
Tánh thể của Hiền thánh
Trì tịnh giới như vậy
Được chư Phật ngợi khen.
Tâm giải thoát thân kiến
Trừ diệt ngã ngã sở
Tin hiểu nơi chư Phật
Sở hành pháp không tịch
Trì Thánh giới như vậy
Thì không gì sánh bằng.
Y giới được Tam-muội
Do định tu trí tuệ
Nhân nơi tu trí tuệ
Bèn được thanh tịnh trí
Người đã được tịnh trí
Thì đủ giới thanh tịnh.

Đức Phật nói kệ xong, có năm trăm Tỳ-kheo chẳng thọ các pháp, tâm được giải thoát. Ba vạn hai ngàn người xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn tịnh. Có năm trăm Tỳ-kheo nghe pháp sâu xa này chẳng thông đạt chẳng tin hiểu, họ rời chỗ bỏ đi.

Khi ấy, Trưởng lão Đại Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Năm trăm Tỳ-kheo ấy đều đã được thiền định mà vì chẳng thể tin hiểu, đi vào pháp thậm thâm nên họ đứng dậy bỏ đi.

Đức Phật dạy:

– Này Đại Ca-diếp! Các Tỳ-kheo ấy đều là hạng tăng thượng mạn,

họ nghe giới tướng thanh tịnh vô lậu này chẳng tin hiểu được, chẳng thông đạt được lời kệ của Phật nói ý nghĩa thậm thâm. Vì sao? Vì chư Phật, Bồ-đề rất thậm thâm. Nếu là người trồng căn lành chẳng dày, bị ác tri thức nắm giữ, sức tin hiểu ít thì khó tín thọ được.

Này Đại Ca-diếp! Thuở Phật Ca-diếp quá khứ, năm trăm Tỳ-kheo ấy làm đệ tử ngoại đạo, họ đến chỗ Phật Ca-diếp muốn tìm hay dở. Họ nghe Phật thuyết pháp được chút ít lòng tin mà suy nghĩ rằng: Đức Phật đây hy hữu, lời nói lành tốt vi diệu. Do tâm lành ấy nên sau khi chết họ được sinh lên cõi trời Đao-lợi. Khi hết tuổi thọ ở trời Đao-lợi, họ sinh làm người Diêm-phù-đề được xuất gia trong pháp của ta. Các Tỳ-kheo ấy chấp sâu các kiến chấp, họ nghe nói pháp thậm thâm chẳng tin hiểu được, chẳng tùy thuận thông đạt được. Các Tỳ-kheo ấy dù chẳng thông đạt, nhưng do nhân duyên nghe pháp thậm thâm này, họ được lợi ích lớn chẳng sinh ác đạo. Họ sẽ ở thân hiện tại được nhập Niết-bàn.

Đức Phật bảo Trưởng lão Tu-bồ-đề:

– Ông qua nơi kia đem các Tỳ-kheo ấy đến đây.

Trưởng lão Tu-bồ-đề bạch:

– Bạch Thế Tôn! Họ còn chẳng tin được lời Phật dạy, huống là Tu-bồ-đề này.

Đức Phật liền hóa làm hai Tỳ-kheo đi trên đường mà năm trăm Tỳ-kheo ấy đang hướng đến.

Các Tỳ-kheo ấy gặp vị hóa Tỳ-kheo liền hỏi:

– Hai Đại đức muốn đi về đâu?

Hóa Tỳ-kheo đáp:

– Chúng tôi muốn đến chỗ ở riêng để tu Thiền định lạc. Vì sao? Vì chẳng tin hiểu được pháp của Phật nói.

Các Tỳ-kheo nói:

– Này hai Đại đức! Chúng tôi nghe Phật thuyết pháp cũng chẳng tin hiểu được nên muốn đi ở riêng, tu hạnh thiền định.

Hóa Tỳ-kheo nói:

– Chúng ta phải rời lìa lòng tự cao, tranh chấp, trái nghịch, phải cầu tin hiểu nghĩa của Phật nói. Vì sao? Vì không cao không tranh chấp là pháp Tỳ-kheo vậy. Niết-bàn được nói gọi là diệt ấy là diệt những gì? Trong thân này có ngã để diệt chăng? Có nhân, có tác giả, có thọ giả, có mạng giả để diệt chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Trong thân này không có ngã nhân tác giả thọ giả mạng giả để diệt, chỉ vì tham dục, sân khuể, ngu si diệt mà gọi là Niết-bàn.

Hóa Tỳ-kheo nói:

– Tham, sân, si của các vị có tướng nhất định diệt hết được chăng?

Các vị Tỳ-kheo đáp:

– Tham, sân, si chẳng ở trong chẳng ở ngoài chẳng ở tại trung gian, lìa các ức tưởng thì nó chẳng sinh.

Hóa Tỳ-kheo nói:

– Vì thế nên các vị chớ có nhớ tưởng. Nếu các vị chẳng khởi nhớ tưởng phân biệt nơi pháp, thời ở nơi các pháp không nhiễm không lìa. Không nhiễm không lìa thì gọi là tịch diệt. Giới phẩm được có cũng chẳng vãng lai cũng chẳng diệt tận. Định phẩm tuệ phẩm giải thoát phẩm, giải thoát tri kiến phẩm cũng chẳng vãng lai cũng chẳng diệt tận. Do pháp như vậy nên gọi là Niết-bàn. Pháp ấy đều không, đều viễn ly cũng chẳng giữ lấy được. Các vị xả ly tưởng niệm Niết-bàn ấy, chớ theo tưởng, chớ theo phi tưởng, chớ dùng tưởng để xả bỏ tưởng, chớ dùng tưởng để quán nơi tưởng. Dùng tưởng xả bỏ tưởng thì bị tưởng trói buộc. Các vị chẳng nên phân biệt tất cả thọ tưởng diệt định, vì tất cả các pháp không phân biệt. Nếu có Tỳ-kheo diệt dứt các thọ tưởng mà được diệt định thì là hoàn toàn không còn có như trên.

Lúc vị hóa Tỳ-kheo nói pháp ấy, năm trăm Tỳ-kheo chẳng thọ các pháp, tâm được giải thoát, họ trở lại chỗ Đức Phật đầu mặt lạy chân Phật rồi đứng qua một bên.

Trưởng lão Tu-bồ-đề hỏi các Tỳ-kheo:

– Các vị đi đến chỗ nào, nay từ đâu lại?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Như Đức Phật thuyết pháp, không từ đâu đến, đi không đến đâu.

Hỏi:

– Ai là thầy các ngài?

Đáp:

– Thầy chúng tôi từ trước chẳng sinh cũng không có diệt.

Hỏi:

– Các vị nghe pháp từ đâu?

Đáp:

– Không có năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới. Chúng tôi nghe

pháp từ đó.

Hỏi:

– Nghe pháp thế nào?

Đáp:

– Chẳng vì trói buộc chẳng vì giải thoát.

Hỏi:

– Các vị tu tập pháp gì?

Đáp:

– Chẳng vì được, chẳng vì dứt.

Hỏi:

– Ai điều phục các vị?

Đáp:

– Thân không định tướng, tâm không sở hành, là điều phục chúng tôi.

Hỏi:

– Làm sao tâm được giải thoát?

Đáp:

– Vì không dứt vô minh, không sinh vô minh.

Hỏi:

Các vị là đệ tử ai?

Đáp:

– Người vô đắc vô tri kia.

Hỏi:

– Các vị chừng nào sẽ nhập Niết-bàn?

Đáp:

– Nếu Hóa nhân của Đức Như Lai nhập Niết-bàn chúng tôi sẽ nhập.

Hỏi:

– Các vị đã được sự lợi ích của chính mình chăng?

Đáp:

– Vì tự lợi chẳng thể nắm bắt.

Hỏi:

– Các vị chỗ làm đã xong chăng?

Đáp:

– Vì chỗ làm chẳng thể nắm bắt.

Hỏi:

– Các vị tu phạm hạnh chăng?

Đáp:

– Nơi ba cõi chẳng hành, cũng chẳng phải chẳng hành là phạm hạnh của chúng tôi.

Hỏi:

– Các vị đã hết phiền não chăng?

Đáp:

– Tất cả các pháp rốt ráo không có tướng hết.

Hỏi:

– Các vị đã phá ma chăng?

Đáp:

– Ấm ma chẳng thể nắm bắt.

Hỏi:

– Các vị phụng sự Đức Như Lai chăng?

Đáp:

– Chẳng do thân tâm.

Hỏi:

– Các vị an trụ phước điền chăng?

Đáp:

– Không có an trụ.

Hỏi:

– Các vị đã đoạn sinh tử qua lại chăng?

Đáp:

– Không có thường, không có đoạn.

Hỏi:

– Các vị tùy pháp hành chăng?

Đáp:

– Vô ngại giải thoát.

Hỏi:

– Các vị rốt ráo sẽ đến chỗ nào?

Đáp:

– Tùy nơi chỗ đến của Hóa nhân của Đức Như Lai.

Lúc Trưởng lão Tu-bồ-đề cùng các Tỳ-kheo hỏi đáp, trong đại chúng có năm trăm Tỳ-kheo chẳng thọ các pháp tâm được giải thoát. Ba vạn hai ngàn người xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn tịnh.

Bấy giờ Bồ-tát Phổ Minh bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Muốn học kinh Bảo Tích này, Bồ-tát nên trụ thế nào, nên học thế nào?

Đức Phật dạy:

– Bồ-tát học lời được nói trong kinh này đều không có tướng nhất định, chẳng giữ lấy được, cũng chẳng nên chấp trước. Tùy theo đây thực hành có lợi ích lớn.

Này Phổ Minh! Ví như có người ngồi thuyền bằng đất chưa nung chín, để qua sông Hằng, họ dùng sức tinh tấn nào để ngồi thuyền ấy mà qua sông được?

Bồ-tát Phổ Minh bạch:

– Bạch Thế Tôn! Người ấy phải dùng sức đại tinh tấn mới qua sông được. Vì sao? Vì sợ giữa dòng thuyền rã.

Đức Phật dạy:

– Này Phổ Minh! Cũng vậy, Bồ-tát muốn tu Phật pháp nên siêng tinh tấn còn hơn nữa. Vì sao? Vì thân này vô thường không quyết định, nó là tướng bại hoại chẳng dừng được lâu hoàn toàn về nơi dứt diệt, vì sợ chưa được pháp lợi mà giữa chừng hư hoại vậy.

Ta ở dòng nước lớn muốn độ chúng sinh dứt bốn dòng nước vậy, nên tu tập pháp thuyền, rồi ngồi pháp thuyền ấy qua lại sinh tử độ thoát chúng sinh.

Thế nào là pháp thuyền được Bồ-tát tu tập?

Đó là tâm bình đẳng. Tất cả chúng sinh làm nhân duyên của thuyền, tu tập vô lượng phước để làm dây chắc, giới thanh tịnh làm ván, bố thí và quả để làm trang nghiêm, tịnh tâm Phật đạo làm chất gỗ, tất cả phước đức để làm hoàn toàn đủ, nhẫn nhục làm dây kiên cố mềm dài, chánh niệm làm định. Các Bồ-đề phần kiên cường tinh tấn tối thượng diệu thiện sản sinh trong rừng pháp, chẳng thể nghĩ bàn vô lượng thiền định phước đức nghiệp thành, thiện tịch điều tâm, để làm thợ giỏi, rốt ráo bất hoại được đại Bi nhiếp lấy, dùng bốn Nhiếp pháp rộng độ tận xa xôi, dùng sức trí tuệ phòng ngừa các oán tặc, sức phương tiện khéo nhiều thứ tập họp, dùng bốn Phạm hạnh lớn để trang nghiêm, dùng bốn Niệm xứ làm lầu vàng, dùng bốn Chánh cần và bốn Như ý túc làm gió mạnh, năm Căn khéo quan sát rời lìa

hiểm trở, năm Lực càng nhẹ nổi, bảy Giác chi thường giác ngộ hay phá giặc ma, vào đường tám Thánh đạo chân chánh tùy ý đến bờ rìa mé ngoại đạo, chỉ làm điều ngự, quán làm lợi ích, chẳng dính mắc hai bên, có pháp nhân duyên để làm an ổn, Đại thừa rộng rãi biện tài vô tận, tiếng tăm vang xa, hay tế độ mười phương tất cả chúng sinh mà tự xướng lên rằng: "Đến đây lên pháp thuyền theo đường an ổn đến bờ Niết-bàn khỏi bến thân kiến mà đến bến Phật đạo rời tất cả kiến chấp".

Này Phổ Minh! Vì thế mà Bồ-tát phải tu tập pháp thuyền như vậy. Dùng pháp thuyền ấy, trải vô lượng trăm ngàn vạn a-tăng-kỳ kiếp, ở trong sinh tử độ thoát tất cả chúng sinh trôi chìm trong dòng nước lớn.

Lại nữa, này Phổ Minh! Còn có pháp hành có thể làm cho Bồ-tát mau được thành Phật. Đó là các việc được làm đều chân thật chẳng hư, tu tập thiện pháp sâu dày, thâm tâm thanh tịnh, chẳng bỏ tinh tấn, ưa muốn gần bậc sáng suốt để tu tập tất cả các căn lành, thường chính ức niệm vì thích pháp lành, đa văn không chán vì đủ trí tuệ, phá hoại kiêu mạn để tăng ích trí tuệ, trừ diệt hý luận để đủ phước đức, thích an ổn ở một mình, vì thân tâm rời lìa, chẳng ở ồn náo vì xa kẻ ác, sâu cầu chánh pháp vì nương nơi Đệ nhất nghĩa, cầu đại trí tuệ vì thông đạt thực tướng, cầu nơi chân đế vì được bất hoại pháp, cầu nơi pháp không, vì sở hành chân chánh, cầu nơi viễn ly, vì được tịch diệt.

Này Phổ Minh! Đây là pháp hành có thể làm cho Bồ-tát mau thành Phật đạo.

Đức Phật nói kinh này rồi, Bồ-tát Phổ Minh, Trưởng lão Đại Ca-diếp, Trưởng lão Tu-bồ-đề… Tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 113

Hán dịch: Đời Bắc Lương,
Sa-môn Thích Đạo Cửng.

PHÁP HỘI 44: BẢO LƯƠNG TỤ (PHẦN 1)

Phẩm 1: TỨ SA-MÔN

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở thành Vương xá trong núi Kỳ-xà-quật cùng đại Tỳ-kheo tám ngàn người đều hội họp. Còn có sáu ngàn Đại Bồ-tát đều không thoái chuyển nơi Vô thượng Bồ-đề, đều là bậc Nhất sinh bổ xứ từ các Phật thế giới mười phương đến nơi đây hội họp.

Bấy giờ Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Gọi Sa-môn thì thế nào là Sa-môn?

Đức Phật dạy:

– Này Đại Ca-diếp! Gọi là Sa-môn vì tịch diệt, vì điều phục, vì thọ giáo, vì giới thân thanh tịnh, vì nhập thiền định, vì được trí tuệ, vì hiểu biết thật nghĩa được giải thoát, vì ba môn Giải thoát không còn nghi ngờ, vì an trụ pháp sở hành của Thánh nhân, vì khéo tu bốn Niệm xứ, vì lìa tất cả pháp bất thiện, vì an trụ bốn Chánh cần, vì khéo tu bốn Như ý túc, vì thành tựu tín căn, vì tin Phật, Pháp, Tăng, vì thành tựu kiên tín nơi Phật, Pháp, Tăng, vì chẳng tin đạo pháp khác, vì siêng tu lìa tất cả phiền não, vì khéo tu bảy Bồ-đề phần, lìa tất cả bất thiện, như thật tu tất cả thiện pháp, vì khéo biết chánh niệm, chánh trí phương tiện, vì chuyên niệm tất cả các thiện pháp, vì khéo biết định tuệ phương tiện, vì thành tựu năm Lực, vì chẳng bị tất cả phiền não nhiễu loạn, vì khéo tu bảy Bồ-đề phần, vì khéo biết nhân duyên phương tiện trong tất cả pháp, vì khéo biết phương tiện Thánh đạo, vì khéo biết phương tiện chánh kiến, chánh định, vì được sức bốn Biện tài vô ngại chẳng tin ngoại đạo, vì y nghĩa chẳng y ngữ, y trí chẳng y thức, y kinh liễu nghĩa, chẳng y kinh không liễu nghĩa và y pháp không y theo người nói pháp, vì lìa bốn ma, vì khéo biết năm ấm, vì dứt tất cả phiền não, vì được

tối hậu thân, vì lìa đường sinh tử, vì lìa tất cả ái, vì siêng tu biết Khổ, đoạn Tập, chứng Diệt, tu Đạo, vì khéo thấy bốn Thánh đế, vì an trụ trong Phật pháp chẳng tin đạo khác, vì chỗ làm đã xong, vì dứt tất cả lậu, vì tu tám bội xả, vì được Thích, Phạm thiên vương khen, vì từ xưa đến giờ chuyên tâm hành đạo, vì ưa chỗ A-lan-nhã vậy, vì an trụ trong Thánh pháp, vì vui nghi thức Phật pháp, vì tâm chẳng khuynh động, vì chẳng thân cận chúng xuất gia tại gia, vì tâm thích độc hành như tê giác, vì sợ chúng đông nhiều não loạn, vì thích ở một mình, vì thường kinh sợ ba cõi, vì thật sự được quả Sa-môn, vì lìa tất cả hy vọng, vì lìa tám pháp thế gian, đó là đối với lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ khổ lạc tâm, vững chắc bất động như đại địa, vì hộ ý mình ý người không chỗ phạm, vì chẳng trược, vì chính hạnh, vì tâm hành thành tựu như hư không, với các hình tướng tâm không dính mắc, như giữa hư không múa tay không vướng ngại.

Này Đại Ca-diếp! Nếu người hay thành tựu các hành pháp như vậy thì gọi là Sa-môn.

Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp bạch:

– Bạch Thế Tôn! Thật chưa từng có, Như Lai khéo nói đức hạnh của Sa-môn.

Bạch Thế Tôn! Nếu đời sau có các Sa-môn chẳng phải thật là Sa-môn mà tự nói là Sa-môn, người chẳng phải phạm hạnh mà tự nói có phạm hạnh, người như vậy tức là đã xâm tổn Vô thượng Bồ-đề được Như Lai tu tập từ vô lượng, vô số kiếp.

Đức Phật dạy:

– Này Đại Ca-diếp! Tội xâm tổn Bồ-đề của Như Lai như vậy, nói chẳng hết được.

Này Đại Ca-diếp! Sau khi ta diệt độ, ông và các đại đệ tử cũng đều diệt độ, các Đại Bồ-tát ở thế giới này lại đi qua thế giới chư Phật phương khác, bấy giờ trong pháp của ta sẽ có hàng Tỳ-kheo ở nơi sở hành tâm nhiều siểm khúc. Nay ta sẽ nói tội cấu của Sa-môn.

Này Đại Ca-diếp! Trong thời kỳ mạt pháp sẽ có Tỳ-kheo chẳng tu thân, chẳng tu giới, chẳng tu tâm, chẳng tu tuệ, ngu si như đứa trẻ hướng đến tối tăm mà không biết, tâm họ chẳng điều phục nên thành Sa-môn cấu uế.

Này Đại Ca-diếp! Cấu uế của Sa-môn có ba mươi hai thứ mà người xuất gia phải xa lìa. Những gì là ba mươi hai?

1. Dục giác là Sa-môn cấu.

2. Sân giác là Sa-môn cấu.
3. Não giác là Sa-môn cấu.
4. Tự khen là Sa-môn cấu.
5. Chê người là Sa-môn cấu.
6. Tà cầu lợi dưỡng là Sa-môn cấu.
7. Do lợi cầu lợi là Sa-môn cấu.
8. Tổn phước cúng thí của người là Sa-môn cấu.
9. Che giấu tội lỗi là Sa-môn cấu.
10. Thân cận người tại gia là Sa-môn cấu.
11. Thân cận người xuất gia là Sa-môn cấu.
12. Ưa ở đông ồn náo là Sa-môn cấu.
13. Chưa được lợi dưỡng mà phương tiện cầu là Sa-môn cấu.
14. Có lòng hy vọng lợi dưỡng của người là Sa-môn cấu.
15. Với lợi dưỡng của mình lòng chẳng biết đủ là Sa-môn cấu.
16. Tật đố lợi dưỡng người là Sa-môn cấu.
17. Thường tìm lỗi người là Sa-môn cấu.
18. Chẳng thấy lỗi mình là Sa-môn cấu.
19. Chẳng kiên trì giới giải thoát là Sa-môn cấu.
20. Chẳng biết hổ thẹn là Sa-môn cấu.
21. Không có ý cung kính, mà khinh mạn là Sa-môn cấu.
22. Khởi các kiết sử là Sa-môn cấu.
23. Nghịch mười hai nhân duyên là Sa-môn cấu.
24. Nhiếp thủ biên kiến là Sa-môn cấu.
25. Chẳng tịch diệt chẳng ly dục là Sa-môn cấu.
26. Ưa sinh tử chẳng ưa Niết-bàn là Sa-môn cấu.
27. Ưa thích ngoại điển là Sa-môn cấu.
28. Năm triền cái che tâm, khởi các phiền não là Sa-môn cấu.
29. Chẳng tin nghiệp báo là Sa-môn cấu.
30. Sợ ba môn giải thoát là Sa-môn cấu.
31. Chê pháp thâm diệu và chẳng hành tịch diệt là Sa-môn cấu.
32. Ở trong Tam bảo lòng chẳng tôn kính là Sa-môn cấu.

Đây gọi là ba mươi hai cấu của Sa-môn, nếu có thể rời lìa các cấu này thì gọi là Sa-môn.

Này Đại Ca-diếp! Còn có tám pháp chướng che hạnh Sa-môn. Những gì là tám?

1. Chẳng kính thuận sư trưởng.

2. Chẳng tôn kính pháp.

3. Chẳng khéo tư duy.

4. Với pháp chưa nghe, khi được nghe thì phỉ báng.

5. Nghe pháp không có ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng thì sợ.

6. Nghe tất cả hành pháp vô sinh rồi, mà hiểu pháp hữu vi chẳng hiểu pháp vô vi.

7. Nghe nói pháp thứ lớp rồi sa vào chỗ chấp không.

8. Nghe tất cả pháp vô sinh, vô tánh, vô xuất rồi tâm mê một.

Đây gọi là tám pháp che hạnh Sa-môn nên xa lìa.

Này Đại Ca-diếp! Ta chẳng nói cạo đầu, đắp y gọi là Sa-môn, mà ta nói người có công đức và nghi thức đầy đủ gọi là Sa-môn.

Này Đại Ca-diếp! Vị Sa-môn thân mặc ca-sa, tâm phải lìa tham, sân, si. Vì sao? Vì tâm không tham, sân, si ta mới cho phép mặc ca-sa.

Nếu tâm có tham, sân, si mà thân mặc ca-sa, trừ người chuyên tâm trì giới, còn những kẻ chẳng trì giới thì gọi là đốt diệt mất ca-sa. Vì sao? Vì biểu thức của Thánh nhân là người tùy thuận tịch diệt, hành tâm Từ bi, ly dục tịch diệt, mới nên mặc ca-sa.

Này Đại Ca-diếp! Nay ông lắng nghe ta nói biểu thức của Thánh nhân, có mười hai điều. Những gì là mười hai?

1. Trì giới là biểu thức của Thánh nhân.

2. Thiền định là biểu thức của Thánh nhân.

3. Trí tuệ là biểu thức của Thánh nhân.

4. Giải thoát là biểu thức của Thánh nhân.

5. Giải thoát tri kiến là biểu thức của Thánh nhân.

6. Nhập bốn Thánh đế là biểu thức của Thánh nhân.

7. Hiểu mười hai nhân duyên là biểu thức của Thánh nhân.

8. Hành bốn Vô lượng tâm là biểu thức của Thánh nhân.

9. Hành bốn Thiền là biểu thức của Thánh nhân.

10. Hành bốn Định vô sắc là biểu thức của Thánh nhân.

11. Nhập bốn hướng Chánh định là biểu thức của Thánh nhân.

12. Dứt tất cả lậu là biểu thức của Thánh nhân.

Đây gọi là mười hai biểu thức của Thánh nhân. Nếu có Tỳ-kheo chẳng đủ mười hai điều này mà thân họ mặc ca-sa, thì ta gọi họ là hành tà pháp, chẳng phải hành tịch diệt, là lìa Phật pháp, hành chẳng gần Niết-bàn, thuận theo sinh tử, bị ma bắt chẳng khỏi sinh tử, thoái thất chánh pháp, mà hành tà pháp.

Do vậy, này Đại Ca-diếp! Vị Tỳ-kheo thân mặc ca-sa nếu chưa được quả Sa-môn thì nên dùng tám pháp kính trọng ca-sa. Những gì là tám? Đó là đối với ca-sa trên thân tưởng như tháp, tưởng như Phật, tưởng tịch diệt, tưởng Từ bi, kính như Phật, tưởng tàm, tưởng quý, tưởng nó khiến tôi đời sau lìa tham, sân, si, đủ pháp Sa-môn. Đây là tám pháp kính trọng ca-sa.

Này Đại Ca-diếp! Nếu có Tỳ-kheo, chẳng hành tri túc đối với bốn Thánh chủng thì đó là lìa pháp Sa-môn, họ cũng chẳng dùng tám pháp kính trọng ca-sa, mà họ riêng có trong số tợ Sa-môn, phải đọa tiểu địa ngục. Trong tiểu địa ngục ấy, người tợ Sa-môn thọ tội nóng đốt: Y bát trên thân đều cháy đỏ, chỗ ngồi nằm những vật dùng đều cháy đỏ như đống lửa lớn. Vì họ thành tựu thân, khẩu, ý nghiệp bất tịnh, nên họ phải đọa chỗ chịu tội ấy.

Này Đại Ca-diếp! Nếu người chẳng phải Sa-môn mà tự xưng Sa-môn, người chẳng phải phạm hạnh, mà tự nói có phạm hạnh, nếu có người trì giới công đức đầy đủ hữu nhiễu cung kính tôn trọng. Tỳ-kheo phá giới này thọ sự cúng dường cung kính ấy, mà chẳng tự biết xấu, do căn bất thiện này mắc tám tội khinh. Đó là ngu si, miệng câm ngọng, thân lùn xấu, dung mạo xấu xí, mặt nghiêng méo, người thấy chê cười, thọ thân nữ nhân nghèo hèn, thân gầy yếu yểu thọ, người chẳng kính mến, thường mang tiếng xấu và chẳng gặp đời có Phật.

Phá giới Tỳ-kheo nghe pháp này rồi chẳng nên lãnh thọ sự trì giới lễ bái cúng dường của Tỳ-kheo.

Này Đại Ca-diếp! Nếu có người chẳng phải Sa-môn mà tự xưng Sa-môn, chẳng phải phạm hạnh mà tự nói có phạm hạnh, người ấy ở khắp đại địa này, còn không có chỗ để họ nhổ nước miếng, nước mũi huống là chỗ để họ bước đi, co duỗi, lui tới. Vì sao? Vì quá khứ Đại vương đã đem đại địa này bố thí cho người trì giới, có hạnh đức, khiến ở trong ấy hành đạo.

Này Đại Ca-diếp! Chỗ mà Tỳ-kheo phá giới, đặt bàn chân đến thì tất cả tín thí chẳng đến người ấy, huống là Tăng phường và Tăng xá thường trụ, chỗ kinh hành. Người ấy chẳng nên nhận tất cả tín thí như là phòng nhà, giường ghế, vườn rừng, y bát, ngọa cụ, y dược.

Này Đại Ca-diếp! Nay ta sẽ nói người phá giới ấy chẳng thể báo đáp

chừng đầu lông cho tín thí. Vì sao? Vì Thánh chúng phước điền như biển cả tối diệu tối thắng, trong đây nếu có thí chủ do tịnh tâm bố thí, đem hạt giống bố thí gieo trong phước điền, thí chủ này khởi ý tưởng bố thí vô lượng. Ví như chia một sợi lông làm trăm phần, nếu Tỳ-kheo phá giới nhận của thí chủ chừng một phần lông, liền tổn mất phần phước báo đại hải của thí chủ, chẳng thể báo đáp hết được.

Vì lẽ ấy nên các Tỳ-kheo phải thanh tịnh tâm mình mà nhận sự tín thí của người. Phải học như vậy.

Bấy giờ trong đại chúng có hai trăm Tỳ-kheo có tịnh hạnh, thiểu dục, ly khổ, nghe lời trên đây, rồi gạt lệ bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con thà chết chớ chẳng muốn, do chẳng được quả Sa-môn mà nhận của tín thí dù chỉ là một bữa ăn.

Đức Phật dạy:

– Lành thay, lành thay! Này các thiện nam! Các ông xấu hổ lo sợ như vậy, với đời sau dụ như kim cương, còn hiện đời là anh lạc.

Nay ta sẽ nói trong đời có hai hạng người đáng nhận của tín thí. Thế nào là hai?

1. Người siêng tu tinh tấn.

2. Người được giải thoát.

Nếu có Tỳ-kheo, người được giải thoát, người tu pháp lành như ta đã nói, người giữ giới vững chắc, người quán tất cả hành vô thường khổ, tất cả pháp vô ngã, người quán Niết-bàn tịch diệt, nguyện cầu muốn được. Các Tỳ-kheo này nhận của tín thí khối lượng như núi Tu-di cũng quyết có thể báo được phước tín thí. Tỳ-kheo này nhận của tín thí, khiến thí chủ ấy được lợi ích lớn, được quả báo lớn. Tại sao vậy? Vì thường sinh phước đức. Có ba thứ phước: Một là thường thí thực phẩm, hai là thí Tăng phường xá và ba là hành Từ tâm. Trong ba phước này hành Từ tâm là hơn hết.

Nếu có Tỳ-kheo nhận thí nơi thí chủ, những thứ uống ăn y phục, ngọa cụ, thuốc men, thọ rồi nếu nhập vô lượng định, thì khiến thí chủ ấy được vô lượng phước vô lượng báo.

Ví như tất cả biển lớn trong tam thiên đại thiên thế giới, có thể cạn khô, nhưng phước báo của thí chủ ấy vẫn chẳng hết được.

Trái lại nên biết Tỳ-kheo phá giới, làm tổn mất bao nhiêu phước đức ấy của thí chủ. Nếu nhận thí chủ cúng thí rồi mà hành ác pháp thì tổn tín thí ấy.

Này Đại Ca-diếp! Như vậy, ta nói Sa-môn cấu, Sa-môn tội, Sa-môn

siểm khúc, kẻ giặc trong hàng Sa-môn.

Tỳ-kheo trì giới, phải nên chuyên nhớ xa lìa tất cả ác pháp như vậy.

Này Đại Ca-diếp! Gọi là Sa-môn, có nghĩa là người mắt chẳng duyên theo sắc, tai chẳng duyên theo thanh, mũi chẳng duyên theo hương, lưỡi chẳng duyên theo vị, thân chẳng duyên theo xúc và ý chẳng duyên theo pháp.

Sa-môn là người tuyển trạch sáu Căn, liễu đạt sáu thông, chuyên niệm sáu niệm, an trụ sáu kính pháp và hành sáu trọng pháp.

Người như vậy mới gọi là Sa-môn chân chánh.

□

Phẩm 2: TỲ-KHEO

Bấy giờ, Đức Phật bảo Trưởng lão Đại Ca-diếp:

– Được gọi là Tỳ-kheo, vì là người hay phá phiền não, nên được gọi là Tỳ-kheo, vì hay phá ngã tưởng, nhân tưởng, chúng sinh tưởng, nam tưởng, nữ tưởng nên gọi là Tỳ-kheo.

Này Đại Ca-diếp! Vì có tu giới tu tuệ nên gọi là Tỳ-kheo.

Lại vì lìa sự sợ hãi, vì qua khỏi ba hữu bốn lưu, vì thấy lỗi họa của hữu và lưu, vì lìa tất cả hữu và lưu, vì ở an nơi đạo vô úy, đây gọi là Tỳ-kheo.

Này Đại Ca-diếp! Nếu có Tỳ-kheo tự biết chẳng thành tựu các pháp như vậy và các thiện pháp khác, lại lìa bỏ pháp ấy mà hành đạo khác, thì chẳng phải là đệ tử Phật, ta chẳng phải là Thầy của họ.

Này Đại Ca-diếp! Có nhiều ác Tỳ-kheo phá hoại Phật pháp của ta, chớ chẳng phải chín mươi lăm phái ngoại đạo phá hoại Phật pháp được.

Ví như sư tử là chúa muông thú, khi nó chết tất cả hổ lang điểu thú không thể ăn thịt nó được. Trong thân sư tử tự sinh các thứ trùng tự ăn thịt nó.

Cũng vậy, trong Phật pháp ta sản sinh các ác Tỳ-kheo như vậy, họ tham lợi dưỡng, vì lòng tham nên chẳng dứt ác pháp chẳng tu thiện pháp chẳng lìa vọng ngữ. Các Tỳ-kheo này có thể làm hư hoại Phật pháp ta.

Này Đại Ca-diếp! Có bốn pháp thành tựu nên biết là ác Tỳ-kheo. Đó là tham, sân, si và ngã mạn.

Lại có bốn pháp nên biết là ác Tỳ-kheo. Đó là ngạo mạn tự cao, vô tàm, vô Úy và chẳng giữ gìn lỗi của miệng.

Lại có bốn pháp nên biết là ác Tỳ-kheo. Đó là tự điệu động, khinh khi người, tham cầu lợi dưỡng và làm nhiều điều phi pháp.

Lại có bốn pháp nên biết là ác Tỳ-kheo. Đó là có nhiều gian ngụy, huyễn hoặc người, làm nhiều tà mạng và nói nhiều ác ngôn.

Lại có bốn pháp nên biết là ác Tỳ-kheo. Đó là hiện chịu ân người chẳng biết báo đáp, làm ân nhỏ mong báo lớn, trước đã chịu ân người mà chẳng ghi nhớ và xâm tổn thân hữu.

Lại có bốn pháp nên biết là ác Tỳ-kheo. Đó là nhận của tín thí làm tổn thất phước báo của người, chẳng khéo giữ giới, khinh giới đã thụ, chẳng trì luật vững chắc.

Lại có bốn pháp thành tựu nên biết là ác Tỳ-kheo. Đó là luận có ngã, luận có nhân, luận có chúng sinh và luận có thọ mạng.

Lại có bốn pháp nên biết là ác Tỳ-kheo. Đó là chẳng kính Phật, chẳng kính Pháp, chẳng kính Tăng và chẳng kính Giới.

Lại có bốn pháp nên biết là ác Tỳ-kheo. Đó là nếu Tăng hòa hợp thì lòng chẳng vui, chẳng ưa ở một mình, ưa ở trong chúng và khi nói chuyện thường luận thế tục.

Lại có bốn pháp nên biết là ác Tỳ-kheo. Đó là cầu lợi, cầu danh, cầu nhiều tri thức và chẳng an trụ Thánh chủng.

Lại có bốn pháp nên biết là ác Tỳ-kheo. Đó là hệ thuộc nơi ma, bị ma làm hại, ngủ nghỉ nhiều và làm lành chẳng mừng.

Lại có bốn pháp nên biết là ác Tỳ-kheo. Đó là hủ bại trong Phật pháp, tâm nhiều siểm khúc, bị phiền não hại và lìa quả Sa-môn.

Lại có bốn pháp nên biết là ác Tỳ-kheo. Đó là bị dâm dục thiêu đốt, bị sân khuể thiêu đốt, bị ngu si thiêu đốt và bị tất cả phiền não thiêu đốt.

Lại có bốn pháp nên biết là ác Tỳ-kheo. Đó là đi nhiều vào xóm dâm chẳng biết tội lỗi, chẳng biết tri túc dù học vấn nhiều, chẳng biết tri túc nơi vật cần dùng và thường có lòng bỏn xẻn chẳng hay bố thí.

Lại có bốn pháp nên biết là ác Tỳ-kheo. Đó là từ tối vào nơi tối, từ si vào nơi si, chẳng thấy Thánh đế, lòng nhiều nghi hoặc và bị sinh tử cột trói, đóng cửa Niết-bàn.

Lại có bốn pháp nên biết là ác Tỳ-kheo. Đó là thân nhiều gian hành, khẩu nhiều gian hành, ý nhiều gian hành và nghi thức nhiều gian hành.

Những gì là thân gian hành? An tường mà đi là thân gian hành. Chẳng

ngó hai bên là thân gian hành. Nếu ngó hai bên chẳng quá một tầm là thân gian hành. Tà mạng mặc y là thân gian hành. Siểm khúc đi nơi không nhàn mà chẳng cầu pháp hành không nhàn, siểm khúc khất thực mà chẳng quán tướng khất thực, siểm khúc mặc y phấn tảo mà chẳng biết là vì xấu hổ, siểm khúc đi nơi núi rừng dưới cây mà chẳng biết phân biệt mười hai duyên hành, siểm khúc uống thuốc cũ bỏ mà chẳng cầu pháp dược cam lộ đây gọi là thân nhiều gian hành.

Những gì gọi là khẩu nhiều gian hành? Như nói rằng: Họ biết tôi, họ thỉnh tôi, như sở cầu tôi đã được, tôi chẳng cầu lợi dưỡng mà họ đưa đến cho tôi, đồ cúng dường tế diệu tôi đều được, nhiều lợi dưỡng tôi đều được, tôi thường hành thiện pháp đáng nhận cúng dường, tôi vấn đáp giỏi, tôi hay thuận hay nghịch pháp tướng, với tất cả pháp tôi hiểu nghĩa và phi nghĩa, nếu họ hỏi tôi như vậy, tôi có thể đáp như vậy, tôi đáp rồi chế phục họ khiến họ nín lặng, tôi nói như vậy rồi có thể khiến đại chúng vui đẹp cũng khiến mọi người khen thiện tai khiến đại chúng ấy thỉnh tôi cúng dường, cúng dường rồi còn khiến thí chủ thỉnh tôi nhiều lần.

Này Đại Ca-diếp! Nếu người chẳng điều phục khẩu mà có nói ra điều gì, tất cả lời nói đều chẳng phải chánh ngôn, là khẩu nhiều gian hành.

Những gì là ý nhiều gian hành? Lòng luôn nghĩ tưởng tham cầu lợi dưỡng, y bát, ẩm thực, ngọa cụ, y dược mà miệng nói tôi chẳng cần tất cả lợi dưỡng, lòng thì cầu nhiều mà nói gạt là biết đủ, đây gọi là ý nhiều gian hành.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Lòng cầu lợi dưỡng
Miệng nói biết đủ
Tà mạng cầu lợi
Thường không vui sướng.
Lòng họ nhiều gian
Khi dối mọi người
Tâm mà như vậy
Đều chẳng thanh tịnh.
Trời, Rồng, Thần thảy
Người có Thiên nhãn
Chư Phật, Bồ-tát
Đều thấy biết rõ.

Này Đại Ca-diếp! Ác Tỳ-kheo như vậy rời lìa thiện pháp nghi thức mà làm hạnh tà mạng phải đọa ba ác đạo.

Phẩm 3: SA-MÔN CHIÊN-ĐÀ-LA

Đức Phật bảo Trưởng lão Đại Ca-diếp:

– Thế nào là Sa-môn Chiên-đà-la?

Này Đại Ca-diếp! Ví như người Chiên-đà-la không có tâm Từ bi nhìn các chúng sinh, họ thường ở trong gò mả tìm tử thi, họ được thấy tử thi thì lòng họ rất vui mừng. Cũng vậy Sa-môn Chiên-đà-la thường không có Từ tâm, họ đến nhà thí chủ hành tâm bất thiện cầu các lợi dưỡng, cầu được rồi sinh lòng quý trọng, nhận lợi dưỡng nơi nhà thí chủ rồi họ chẳng dạy thí chủ về giới luật Phật pháp, họ vì lợi dưỡng mà thân cận tại gia, chớ chẳng vì Phật pháp, họ cũng không có Từ tâm thường cầu lợi dưỡng. Đây gọi là Sa-môn Chiên-đà-la.

Ví như Chiên-đà-la bị mọi người bỏ rời, những hàng Quốc vương, Đại thần, Trưởng giả, Sát-lợi Bà-la-môn, các thứ dân cho đến kẻ hạ tiện đều xa rời họ chẳng muốn cùng làm tri thức với họ. Cũng vậy, Sa-môn Chiên-đà-la bị tất cả người trì giới có đức đáng kính Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà xa rời, vì biết họ phá giới làm ác. Đây gọi là Sa-môn Chiên-đà-la.

Ví như Chiên-đà-la có những đồ vật dụng như y phục, ẩm thực đều chẳng phải là vật mà người tốt ưa thích, cũng chẳng thọ dụng. Cũng vậy, Sa-môn Chiên-đà-la nếu có y bát vật dụng, đều là do phá giới phi pháp thân, khẩu, ý nghiệp siểm khúc mà được, các vật dụng ấy chẳng được Sa-môn, Bà-la-môn trì giới ưa thích, cũng chẳng thọ dụng, thường sinh lòng thương xót đối với kẻ ấy. Đây gọi là Sa-môn Chiên-đà-la.

Ví như Chiên-đà-la lòng thẹn thùng, cầm chén bát xin ăn nơi người. Cũng vậy, Sa-môn Chiên-đà-la, lòng luôn thẹn thùng khi vào nhà người hoặc đến trong chúng, họ cũng thẹn thùng khi đến chỗ Phật, họ thẹn thùng lễ tháp Như Lai, đến lui, cúi ngửa, đi đứng, ngồi nằm họ đều thẹn thùng, vì họ che đậy ác pháp.

Này Đại Ca-diếp! Nay ta nói chỗ đến của người Chiên-đà-la chẳng đến chỗ lành, vì họ tự hành ác pháp vậy. Cũng thế, Sa-môn Chiên-đà-la chỗ đi đến cũng chẳng đến thiện đạo vì họ làm nhiều nghiệp ác, không ngăn pháp ác đạo. Đây gọi là Sa-môn Chiên-đà-la.

Này Đại Ca-diếp! Thế nào là Sa-môn bại hoại?

Ví như rượu tốt được cất lấy hết khí vị thơm ngon, còn lại cặn bã bị người chê bỏ. Cũng vậy Sa-môn bại hoại rời lìa pháp vị lấy cặn phiền não, họ bỏ hương trì giới mà ngửi mùi hôi phiền não, họ đến chỗ nào đều chẳng thể tự lợi cũng chẳng lợi cho người. Đây gọi là Sa-môn bại hoại.

Ví như thực phẩm được ăn biến thành phân uế hôi thối bất tịnh bị người chán lìa. Cũng vậy, Sa-môn bại hoại thân, khẩu, ý nghiệp chẳng thanh tịnh nhơ uế cũng như vậy.

Ví như hạt giống hư gieo vào đất, hoàn toàn chẳng mọc mầm kết trái. Cũng vậy, Sa-môn bại hoại dù ở trong Phật pháp mà chẳng sinh thiện căn, chẳng được quả Sa-môn.

Này Đại Ca-diếp! Thế nào là tráp Sa-môn?

Ví như cái tráp sơn vẽ, do thợ khéo làm thành, trong ấy đựng các thứ bất tịnh hôi thối. Cũng vậy, tráp Sa-môn ngoài hiện thành tựu tợ hạnh Sa-môn mà nội tâm nhiều thứ cấu uế, hành những nghiệp ác.

Này Đại Ca-diếp! Thế nào là Sa-môn Câu-lan-trà?

Ví như hoa Câu-lan-trà màu sắc sáng đẹp cứng như gỗ đá có mùi hôi thối như trét phân. Người có trí nếu thấy hoa này thì chẳng gần chẳng chạm đến mà tránh đi xa, kẻ ngu chẳng biết lợi hại, họ thấy hoa ấy liền đến gần để ngửi. Cũng vậy, Sa-môn Câu-lan-trà hiện tợ hạnh Sa-môn mà có thô bạo ngạo mạn tự cao ác bất tịnh, họ lại phá giới phá chánh kiến. Người trí chẳng thân cận lễ kính họ, vì họ là ác nhân nên người trí lánh xa. Có kẻ ngu si như trẻ nít thân cận lễ kính họ, tin lời họ nói. Đây gọi là Sa-môn Câu-lan-trà.

Này Đại Ca-diếp! Thế nào là Sa-môn cầu lợi?

Ví như có người siểm khúc, tâm thường bỏn xẻn bị tham che lấp, nếu thấy tài vật người thì hy vọng muốn được, chứa dao bén, gậy cứng, không lòng hổ thẹn không lòng thương xót, thường có lòng tổn hại, lúc đi trong núi chầm thôn ấp có tâm nguyện đối với tài vật người mong cầu muốn được, thường lẫn trốn chẳng cho người thấy. Cũng vậy, Sa-môn cầu lợi lòng thường bỏn xẻn bị tham che lấp, nơi lợi dưỡng đã được, lòng không biết đủ, với tài vật người hy vọng muốn được, khi đến thành ấp thôn xóm thì vì lợi dưỡng chẳng vì thiện pháp, che giấu tội ác, cho rằng các Tỳ-kheo tốt, biết tôi phá giới, đã biết tất lúc thuyết giới hoặc có thể đuổi tôi ra. Người này ở nơi Tỳ-kheo tốt, chỉ sinh lòng e sợ, thường dua nịnh hiện làm nghi thức. Trời, Rồng, Quỷ thần có Thiên nhãn thấy biết Tỳ-kheo này đến là giặc đến, đi là giặc đi, ngồi là giặc ngồi, nằm là giặc nằm, dậy là giặc dậy, lấy y là giặc lấy y, mặc y là giặc mặc y, vào thôn xóm là giặc vào thôn xóm,

xuất thôn xóm là giặc xuất, ăn là giặc ăn, uống là giặc uống, cạo tóc là giặc cạo tóc. Người ngu si ấy đến, đi, cử động đều bị Trời, Rồng, Quỷ thần thấy biết liền quở mắng kẻ ác này chính là kẻ làm hoại diệt pháp của Phật Thích-ca Mâu-ni. Sa-môn cầu lợi này xuất gia trong Phật pháp chẳng sinh được một niệm tịch diệt ly dục huống là được quả Sa-môn. Đây gọi là Sa-môn cầu lợi.

Này Đại Ca-diếp! Thế nào là Sa-môn cỏ dại?

Ví như trong ruộng lúa mọc cỏ dại giống cây lúa khó phân biệt được, nông phu cho là lúa tốt, đến khi trổ bông mới biết chẳng phải là lúa. Cũng vậy, Sa-môn cỏ dại ở trong đại chúng giống như người trì giới có đức hạnh, thí chủ thấy cho là Sa-môn, mà kẻ si này chẳng phải Sa-môn tự nói là Sa-môn, chẳng phải phạm hạnh tự xưng phạm hạnh, từ trước đã bại hoại rời trì giới cũng chẳng vào số Tăng chúng, trong Phật pháp không có trí tuệ mạng sẽ đọa ác đạo như cỏ dại ở trong ruộng lúa. Bấy giờ Trời, Rồng, Quỷ thần có Thiên nhãn thấy kẻ si ấy đọa địa ngục, họ bảo nhau rằng: Đây là người ngu si trước kia tợ Sa-môn mà hành pháp bất thiện nay sẽ đọa trong đại địa ngục. Từ nay về sau hoàn toàn không có được đức hạnh Sa-môn và quả Sa-môn như cỏ dại ở trong ruộng lúa. Đây gọi là Sa-môn cỏ dại.

Này Đại Ca-diếp! Thế nào là bồ sinh Sa-môn?

Ví như cỏ lác mọc trong ruộng lúa, vì nó chẳng chín nên gọi là bồ sinh, vì nó không có hạt bị gió thổi bay nó không có sức cứng nặng, tợ lúa mà chẳng phải lúa. Cũng vậy, bồ sinh Sa-môn thân hình tợ Sa-môn mà không người dạy bảo không có đức lực bị ma phong thổi bay, họ cũng không sức huyết khí trì giới, lìa đa văn, tổn thất định lực, cũng xa trí tuệ chẳng thể phá hoại giặc phiền não, người như vậy yếu kém không có sức lực bị hệ thuộc nơi ma, bị ma nó câu chìm trong tất cả phiền não, bị ma phong thổi bay như bồ sinh trong ruộng lúa.

Này Đại Ca-diếp! Hạt cỏ lác không dùng làm lúa giống được, không mọc mầm lúa được. Cũng vậy, ở trong Phật pháp bồ sinh Sa-môn không có chủng tử đạo, trong pháp Hiền thánh không được giải thoát. Bồ sinh Sa-môn là Tỳ-kheo phá giới làm ác. Đây gọi là bồ sinh Sa-môn.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Thế nào là hình tợ Sa-môn?

Ví như có thợ khéo dùng vàng mạ lên đồng màu sắc tợ vàng mà giá trị chẳng giống với vàng, lúc chà mài mới biết chẳng phải vàng. Cũng vậy, người hình tợ Sa-môn ưa tự nghiêm sức thường tắm rửa đắp y tề chỉnh, nghi thức Sa-môn tất cả đều đủ, đến đi cúi ngước thường đúng nghi thức,

nhưng người này thường bị tham, sân, si làm hại, cũng bị lợi dưỡng cung kính, tán thán làm hại, cũng bị ngã mạn tăng thượng mạn tất cả phiền não làm hại, dù được người quý trọng mà y không trọng pháp, thường siêng trang nghiêm thân, nhưng chỉ cầu ẩm thực chẳng cầu Thánh pháp, chẳng lo sợ đời sau, thấy sự tôn trọng hiện tại chẳng phải vị lai tôn trọng, chỉ lo mập béo thêm, dựa nơi lợi dưỡng chẳng phải dựa nơi pháp, nhiều thứ trói buộc, siêng tạo gia nghiệp thuận lòng người tại gia cũng tùy theo sở thọ của họ, lúc khổ thọ khổ lúc vui thọ vui, bị ghét thương làm hại, nơi pháp Sa-môn, họ không có lòng muốn thực hành rời các nghi thức, tất sẽ đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Người này không có thật nghĩa Sa-môn, không có thật danh Sa-môn, chẳng đồng với Sa-môn. Đây gọi là hình tợ Sa-môn.

Này Đại Ca-diếp! Thế nào là mất huyết khí Sa-môn?

Ví như có nam tử hay nữ nhân, hoặc đồng nam hay đồng nữ bị phi nhân ăn mất huyết khí. Người này gầy yếu xanh xao vì bị mất huyết khí, các thứ thuốc men chú thuật và dao gậy chẳng chữa trị được, tất phải chết. Cũng vậy, Sa-môn không có huyết khí giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến và huyết khí Từ, Bi, Hỷ, Xả, cũng không có huyết khí bố thí điều phục, hộ trì thân, khẩu, ý nghiệp, cũng không có huyết khí an trụ bốn Thánh chủng, không có huyết khí nghi thức Sa-môn, không có huyết khí thanh sinh thân, khẩu, ý. Đây gọi là Sa-môn mất huyết khí. Sa-môn mất huyết khí này, dù nhận pháp dược của Như Lai mà chẳng dùng pháp dược để tự độ như: "Nếu khởi dâm dục phải quán bất tịnh, nếu sinh sân hận phải hành Từ tâm, nếu khởi ngu si nên quán mười hai nhân duyên, với các phiền não nên chánh tư duy, rời lìa lòng ưa thích chúng đông, xả bỏ sở hữu, ba sự xuất gia phải nên yêu mến giữ gìn: Một là trì giới thanh tịnh, hai là điều phục tâm mình và ba là nhập định chẳng loạn". Các pháp dược như vậy được Như Lai tuyên nói, được Như Lai cho phép uống. Người này dù nhận pháp dược ấy mà chẳng dùng tự độ. Lại còn những pháp xuất thế, như là không quán, vô tướng quán, vô tác quán, tỏ ấm giới nhập, biết bốn Thánh đế và mười hai nhân duyên. Các pháp dược như vậy cũng chẳng được người ấy dùng tự độ. Sa-môn này hôi thối bất tịnh vì phá giới vì bạc đức vậy, sẽ sinh chỗ tột thấp vì kiêu mạn. Nơi thân ấy chết tất chẳng sinh nơi nào khác mà quyết sẽ đọa đại địa ngục, như người mất huyết khí quyết rồi sẽ chết. Đây gọi là Sa-môn mất huyết khí.

Lúc Đức Phật tuyên nói như vậy rồi, có năm trăm Tỳ-kheo xả giới hoàn tục. Các Tỳ-kheo khác quở rằng: "Ở trong Phật pháp nếu các Đại đức bỏ mà hoàn tục là phi thiện, là phi pháp".

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các ông chớ nói như vậy. Vì sao? Vì làm như vậy gọi là thuận pháp. Nếu Tỳ-kheo chẳng muốn nhận của tín thí mà thoái lui hoàn tục thì gọi là thuận pháp". Các Tỳ-kheo kia vì tâm tín giải nhiều nên sinh lòng hối lỗi. Họ nghe lời dạy trên kia rồi tự suy nghĩ chúng ta hoặc có thể hành bất tịnh hạnh mà thọ của tín thí, chúng ta phải sinh lòng hối lỗi thoái lui mà hoàn tục.

Này Đại Ca-diếp! Nay ta nói các Tỳ-kheo thoái lui hoàn tục ấy sau khi mạng chung sinh trời Đâu-suất chỗ của Bồ-tát Di-lặc. Thời kỳ Di-lặc Như Lai xuất thế, các Tỳ-kheo ấy sẽ ở trong pháp hội đầu tiên.

□

Phẩm 4: DOANH SỰ TỲ-KHEO

Bấy giờ Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp bạch:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là Tỳ-kheo hay quản lý sự việc trong Tăng chúng?

Đức Phật dạy:

– Này Đại Ca-diếp! Ta cho phép hai hạng Tỳ-kheo có thể quản lý chúng sự: Một là người hay trì giới thanh tịnh, hai là người sợ nơi đời sau, ví như kim cương.

Lại có hai hạng: Một là biết các nghiệp báo, hai là có lòng xấu hổ và lòng hối lỗi.

Lại có hai hạng: Một là A-la-hán, hai là có thể tu tập được tám bội xả.

Này Đại Ca-diếp! Đó là hai hạng Tỳ-kheo được ta cho quản lý chúng sự, tự mình không lầm lỗi. Vì sao? Vì hộ ý của người là việc khó.

Này Đại Ca-diếp! Trong Phật pháp có nhiều hạng xuất gia, nhiều loại tánh, nhiều thứ tâm, nhiều thứ giải thoát, nhiều thứ đoạn kiết sử, hoặc có người A-lan-nhã, hoặc có người khất thực, hoặc có người thích ở núi rừng, hoặc có người thích ở gần thôn xóm thanh tịnh trì giới, hoặc có người hay lìa bốn ách nạn, hoặc có người siêng tu đa văn, hoặc có người biện nói các pháp, hoặc có người hay trì giới luật, hoặc có người hay trì Tỳ-ni nghi thức, hoặc có người du hành các thôn xóm vì người nói pháp. Có bao nhiêu Tỳ-kheo Tăng như vậy, Tỳ-kheo quản lý khéo biết và làm vừa ý mọi người.

Này Đại Ca-diếp! Nếu Tỳ-kheo A-lan-nhã ưa chỗ không nhàn, thì Tỳ-kheo quản sự chẳng nên sai khiến làm tất cả công việc, nếu là lúc họ

phải làm việc trong Tăng chúng thì Tỳ-kheo quản sự nên làm thế, nếu tự mình không làm thì thuê người khác làm thay chẳng nên để họ làm, nếu chẳng phải là giờ hành đạo thì có thể sai làm chút ít.

Nếu Tỳ-kheo khất thực, thì Tỳ-kheo quản sự nên cho họ đồ ăn ngon.

Nếu Tỳ-kheo lìa bốn ách nạn, thì Tỳ-kheo quản sự phải cung cấp các thứ cần dùng như y phục, ẩm thực, ngọa cụ và y dược, chỗ họ ở không được nói to gọi lớn vì muốn phòng hộ ý niệm của họ. Đối với Tỳ-kheo ly ách thì Tỳ-kheo quản sự phải tôn kính tưởng như Đức Thế Tôn và nghĩ rằng: "Tỳ-kheo này có thể làm pháp trụ trong Phật pháp, tôi phải cung cấp các đồ cần dùng cho Đại đức".

Nếu có Tỳ-kheo siêng tu đa văn, thì Tỳ-kheo quản sự phải khuyến khích họ rằng: "Đại đức siêng tu đa văn đọc tụng cho thông thuộc, tôi sẽ vì Đại đức mà lo cung cấp phục dịch". Nếu các Đại đức mà siêng tu đa văn như vậy thì tức là anh lạc tốt trong Tăng chúng có thể lên tòa cao rộng thuyết chánh pháp cũng tự mình sinh trí tuệ. Với các Tỳ-kheo tu đa văn này, Tỳ-kheo quản sự chẳng nên sai làm việc phi thời phải ủng hộ cho họ tu đa văn.

Nếu có Tỳ-kheo giỏi thuyết pháp, thì Tỳ-kheo quản sự nên cung cấp mọi sự, nên dắt Tỳ-kheo ấy đến thôn xóm, thành ấp khuyến dụ mọi người đến để nghe thuyết pháp, chỗ thuyết pháp cũng phải cung cấp đồ cần thiết, vì người thuyết pháp mà đặt tòa cao tốt. Nếu có Tỳ-kheo khác dùng cường lực muốn phá hoại người thuyết pháp thì Tỳ-kheo quản sự nên đến hòa giải và cũng nên thường đến chỗ người thuyết pháp khen: "Lành thay!".

Nếu có Tỳ-kheo khéo trì giới khéo hiểu nghĩa luật thì Tỳ-kheo quản sự phải thường đến hỏi: "Tôi lo công việc thế nào để khỏi phạm tội chẳng tổn mình cũng chẳng hại người?" Tỳ-kheo trì luật nên quan sát tâm của Tỳ-kheo quản sự mà chỉ dẫn việc ấy nên làm, việc ấy chẳng nên làm. Tỳ-kheo quản sự đối với Tỳ-kheo trì luật phải hết lòng kính tin cúng dường.

Nếu chúng Tăng có tài vật dùng chia, thì Tỳ-kheo quản sự phải tùy thời cung cấp cho Tăng chẳng nên cất giấu, tùy lúc Tăng cần dùng nên chia cho Tăng. Phải cho đúng lúc, chẳng vì ác tâm cho, chẳng vì phi pháp cho, chẳng vì tham, vì sân, vì si mà cho, chẳng vì sợ mà cho, theo pháp hành của Tăng chẳng theo pháp tục gia, tùy Tăng chế chẳng tùy tự chế, với tài vật của Tăng chẳng có ý tưởng tự do, cho đến việc nhỏ cũng cùng Tăng phân đoán, chẳng riêng tự đoán. Nếu là vật dụng hoặc vật thường trụ Tăng, vật của Phật, vật bốn phương Tăng, Tỳ-kheo quản sự phải biết rõ, vật của thường trụ Tăng chẳng nên cho bốn phương Tăng,

vật của bốn phương Tăng chẳng nên làm vật thường trụ Tăng, vật thường trụ, vật bốn phương, chẳng nên lộn lạo, cũng chẳng lộn với vật của Phật. Nếu vật thường trụ Tăng nhiều mà bốn phương Tăng cần dùng thì Tỳ-kheo quản sự nên họp Tăng Yết-ma. Nếu Tăng hòa hợp chấp thuận nên đem vật thường trụ Tăng chia cho bốn phương Tăng. Nếu tháp điện Phật có chỗ cần, hay hư cần tu sửa mà vật thường trụ Tăng hay vật bốn phương Tăng nhiều thì Tỳ-kheo quản sự nên họp, Tăng Yết-ma, nếu Tăng hòa hợp chấp thuận cho thì quản sự Tỳ-kheo lấy vật ấy dùng tu bổ tháp điện. Nếu Tăng không hòa hợp chấp thuận thì Tỳ-kheo quản sự nên khuyên hóa hàng tại gia cầu xin tài vật để tu bổ tháp điện. Nếu vật của Phật nhiều nhất thiết không được đem chia cho thường trụ Tăng hay bốn phương Tăng. Vì sao? Vì trong những vật ấy dù là một sợi dây đều là của thí chủ tín tâm thí cho Phật, do đó chư Thiên và người đời đều có ý nghĩ là Phật tháp huống là các bảo vật. Nếu nơi Phật tháp trước đã có cúng y, thì y này nên để cho gió thổi mưa rã chớ chẳng nên đem đổi vật khác dù là bảo vật. Vì sao? Vì vật nơi tháp điện Phật không ai có thể đánh giá được, vả lại Phật không chỗ cần dùng. Với vật của Tam bảo, Tỳ-kheo quản sự tốt trong sạch chẳng nên để lộn lẫn nhau, với tự lợi dưỡng phải có tâm tri túc, nơi vật Tam bảo chẳng có ý nghĩ là của mình.

Này Đại Ca-diếp! Ở nơi người trì giới có đức hạnh lớn đáng lễ kính hữu nhiễu, mà Tỳ-kheo quản sự có sân tâm dùng quyền sai khiến làm việc, vì sân tâm nên Tỳ-kheo quản sự sẽ đọa đại địa ngục, nếu được làm người thì làm tôi mọi bị chủ nhân sai khiến đánh mắng khổ cực.

Nếu Tỳ-kheo quản sự dùng quyền đặt quy chế nặng quá hạn thường của Tăng trách phạt các Tỳ-kheo sai làm phi thời, do cớ này nên quản sự Tỳ-kheo sẽ đọa tiểu địa ngục nhiều đinh bị trăm ngàn mũi đinh đóng căng thân thể cả thân cháy phừng như đống lửa lớn.

Nếu Tỳ-kheo trì giới có đức lớn mà dùng việc nặng để khủng bố, dùng tâm sân để nói, thì Tỳ-kheo quản sự này sẽ đọa trong địa ngục lưỡi dài rộng năm trăm do-tuần, bị trăm ngàn mũi đinh đóng vào phát lửa cháy đỏ.

Nếu thường được tài vật Tăng, quản sự Tỳ-kheo bỏn xẻn cất giấu, hoặc phi thời phát cho Tăng, hoặc làm khó dễ mà cho, hoặc làm khổ mà cho, hoặc cho ít hay chẳng cho, hoặc cho người này chẳng cho người kia. Do cớ này, Tỳ-kheo quản sự sẽ đọa uế ác ngạ quỷ thường ăn phân cục, có lúc ngạ quỷ khác đưa đồ ăn cho coi mà chẳng cho ăn phải thèm muốn khốn khổ. Bị khổ đói khát trong trăm ngàn năm thường chẳng

được ăn. Nếu có được đồ ăn liền biến thành phân nhơ hoặc thành mủ máu. Vì sao? Vì nơi người trì giới đáng lễ kính, mà Tỳ-kheo quản sự ấy làm khó dễ khi đem Tăng vật phát cho.

Này Đại Ca-diếp! Nếu Tỳ-kheo quản sự chuyên tự dùng lộn lạo hoặc vật thường trụ Tăng, hoặc vật bốn phương Tăng, hoặc vật Phật tháp thì mắc báo khổ lớn trong một kiếp hay hơn một kiếp. Vì sao? Vì xâm phạm vật Tam bảo.

Nếu Tỳ-kheo quản sự nghe tội như vậy biết tội như vậy, mà cố sinh lòng sân nơi người trì giới, nay ta nói tội ấy chư Phật Thế Tôn chẳng cứu trị được. Vì thế nên Tỳ-kheo quản sự nghe tội phi pháp như vậy rồi phải nên khéo hộ thân, khẩu, ý nghiệp, tự hộ lấy mình và hộ cho người.

Này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo quản sự thà ăn thịt thân mình chớ quyết chẳng nên tạp dùng vật Tam bảo để làm y bát, ẩm thực.

Bấy giờ Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp bạch:

– Bạch Thế Tôn! Thật chưa từng có, Như Lai dùng lòng Từ bi mà nói pháp như vậy, vì người không xấu hổ mà nói pháp không hổ thẹn, vì người có hổ thẹn mà nói pháp hổ thẹn.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 114

Hán dịch: Đời Bắc Lương, Sa-môn Thích Đạo Củng.

PHÁP HỘI 44: BẢO LƯƠNG TỤ (PHẦN 2)

Phẩm 5: TỲ-KHEO A-LAN-NHÃ

Bấy giờ Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp lại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nếu có Tỳ-kheo nói mình là Tỳ-kheo A-lan-nhã. Bạch Thế Tôn! Hạng người nào gọi là Tỳ-kheo A-lan-nhã? Hạng người nào gọi là Tỳ-kheo khất thực? Hạng người nào gọi là Tỳ-kheo ngồi dưới cội cây? Hạng người nào gọi là Tỳ-kheo ở nơi gò mả và hạng người nào gọi là Tỳ-kheo ở nơi đất trống?

Đức Phật dạy:

– Này Đại Ca-diếp! Gọi là Tỳ-kheo A-lan-nhã tức phải là người ưa chỗ A-lan-nhã và ở chỗ A-lan-nhã. Chỗ A-lan-nhã là chỗ không có tiếng lớn, không có tiếng chúng ồn náo, lìa chồn, nai, cọp, sói và các chim chóc, xa trộm cướp và kẻ chăn súc vật, chỗ thuận với hạnh Sa-môn. Chỗ A-lan-nhã như vậy, nên ở trong đó tu hành.

Tỳ-kheo kia lúc muốn đến chỗ A-lan-nhã phải tư duy tám pháp. Những gì là tám?

1. Tôi nên xả thân.
2. Tôi nên xả mạng.
3. Tôi nên xả lợi dưỡng.
4. Rời lìa tất cả chỗ yêu thích.
5. Tôi ở trong núi chết sẽ như con nai chết.
6. Tôi ở chỗ A-lan-nhã sẽ thụ hạnh A-lan-nhã.
7. Tôi sẽ dùng pháp để tự sống.
8. Tôi chẳng dùng phiền não để tự sống.

Đây là tám pháp A-lan-nhã mà Tỳ-kheo phải tư duy, tư duy rồi sẽ đi

đến chỗ A-lan-nhã.

Này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo A-lan-nhã đến chỗ A-lan-nhã rồi hành pháp A-lan-nhã, dùng tám pháp hành bi, mà sinh lòng thương tất cả chúng sinh. Những gì là tám?

1. Dùng Từ tâm làm lợi ích.
2. Dùng Từ tâm an vui.
3. Dùng Từ tâm không sân hận.
4. Từ tâm chân chánh.
5. Từ tâm không dị biệt.
6. Từ tâm thuận tùy.
7. Từ tâm quán tất cả pháp.
8. Từ tâm tịnh như hư không.

Tỳ-kheo dùng tám pháp hành này sinh Từ tâm đối với chúng sinh.

Này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo A-lan-nhã đến chỗ A-lan-nhã rồi phải tư duy như vầy: "Tôi dù đến nơi xa ở một mình không bè bạn, nếu tôi làm lành hay làm chẳng lành không người dạy răn". Rồi lại nghĩ rằng: "Nơi đây có Trời, Rồng, Quỷ, Thần, các Bồ-tát, chư Phật Thế Tôn biết tôi chuyên tâm. Các vị sẽ chứng cho tôi, nay tôi ở tại đây tu pháp A-lan-nhã, tâm bất thiện của tôi chẳng được tự tại phát sinh".

Rồi lại tự suy rằng: "Tôi đến chỗ rất xa không bạn bè này, không người thân cận, không có sở hữu, tôi nên cảnh giác lòng tham, lòng sân, lòng si, các pháp bất thiện khác cũng phải cảnh giác. Nay tôi chẳng nên chẳng khác với người thích ở chúng đông, chẳng nên chẳng khác với người ưa gần thôn xóm. Nếu chẳng khác mà xưng A-lan-nhã thì là khi dối Trời, Rồng, Quỷ thần. Chư Phật thấy tôi, chính tôi cũng chẳng vui vẻ. Nếu tôi hành đúng pháp A-lan-nhã, tất cả Trời, Rồng, Quỷ thần chẳng quở trách tôi. Chư Phật thấy tôi liền vui mừng".

Này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo A-lan-nhã ở chỗ A-lan-nhã hành pháp A-lan-nhã nhất tâm giữ giới giải thoát một cách vững chắc, khéo giữ gìn nhiều giới, tịnh thân, khẩu, ý, không làm siểm khúc, tịnh trong chánh mệnh, tâm hướng đến các chánh định, pháp được nghe nên ghi nhớ, siêng chính tư duy hướng đến ly dục, tịnh diệt Niết-bàn, sợ các sinh tử quán năm ấm như oan gia, quán bốn đại như rắn độc, quán sáu căn như khối trống không, khéo biết phương tiện, quán mười hai nhân duyên, lìa rời kiến đoạn, chấp thường, quán không có ngã, nhân, chúng sinh, thọ mệnh, hiểu pháp không, đạt vô tướng, lần bớt sở tác mà hành vô tác, lòng thường kinh sợ đi trong ba cõi,

thường xuyên tu hành như cứu lửa cháy đầu, thường tinh tấn hoàn toàn không thoái chuyển, quán thân thật tướng, nên suy nghĩ rằng: "Quán pháp như vậy phải biết gốc khổ, dứt tất cả tập nhân, chứng nơi diệt tận, siêng tu chánh đạo, hành Từ tâm, an trụ nơi bốn Niệm xứ, lìa pháp bất thiện vào môn thiện pháp, an trụ bốn Chánh cần, nhập bốn Như ý túc, hộ bốn Thiện căn, tự tại nơi năm Lực, thấu triệt bảy Bồ-đề phần, siêng hành tám Thánh đạo phần, thọ trì thiền định, dùng tuệ phân biệt các tướng của pháp.

Này Đại Ca-diếp! Nói pháp như vậy để nghiêm sức Tỳ-kheo A-lan-nhã, nghiêm sức như vậy rồi, an trụ núi rừng, đầu hôm cuối đêm siêng tu các công hạnh chớ nên ngủ nghỉ, thường tư duy mong cầu đắc pháp xuất thế.

Này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo A-lan-nhã khi ở chỗ nào đều thường hành đạo mà chẳng trang sức thân thể và các y phục, lượm cỏ khô trải làm chỗ ngồi, tự dùng tọa cụ của mình mà lìa vật của thường trụ Tăng và bốn phương Tăng. Ở nơi A-lan-nhã, Tỳ-kheo biết vừa đủ y phục, dùng để che thân, do vì hành Thánh đạo.

Này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo A-lan-nhã khi khất thực vào thành ấp, thôn xóm phải suy nghĩ như vầy: "Tôi từ chỗ A-lan-nhã đến thành ấp, thôn xóm, hoặc được vật thực hay chẳng được, lòng tôi vẫn không buồn vui. Nếu xin không được nên khởi lòng vui, nhớ nghiệp báo đời trước, nay tôi nên siêng tu tập phước nghiệp. Lại nhớ Đức Như Lai khất thực cũng có lúc không được như vầy".

Tỳ-kheo A-lan-nhã vào thành khất thực phải dùng pháp trang nghiêm. Dùng pháp trang nghiêm xong rồi, sau mới vào thành khất thực. Thế nào là pháp trang nghiêm? Nếu thấy sắc vừa ý chẳng nên tham trước, nếu thấy sắc chẳng vừa ý chẳng nên sinh giận ghét. Với thanh, hương, vị, xúc và pháp cũng chẳng sinh tham sân như vậy, luôn nhiếp hộ các căn, nhìn kỹ một tầm, điều phục tâm mình, pháp vốn đã được mình tư duy không cho phép rời khỏi tâm, chẳng để vật thực nhiễm ô tâm mà hành khất thực, nên tuần tự mà khất thực. Nơi khất thực được, chẳng sinh lòng mừng, nơi khất thực chẳng được, cũng chẳng sinh lòng sân. Nếu đến mười nhà hoặc quá mười nhà mà chẳng được vật thực, thì chẳng nên sinh lòng ưu phiền mà nên nghĩ rằng: "Các trưởng giả, các Bà-la-môn, cư sĩ có nhiều duyên sự nên chẳng rảnh đem vật thực cho tôi, vả lại các người tại gia ấy chưa từng nhớ đến tôi, huống là cho vật thực". Nếu có thể suy nghĩ như vậy thì Tỳ-kheo A-lan-nhã đi khất thực không hề kinh sợ.

Này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo A-lan-nhã đi khất thực trong thành ấp thôn xóm nếu thấy nam nữ, đồng nam, đồng nữ, cho đến súc sinh nên phát tâm Từ bi đối với tất cả chúng sinh phát nguyện tu hành tinh tấn cầu mong chúng sinh, ai thấy tôi cho tôi vật thực đều được sinh lên cõi trời.

Này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo A-lan-nhã đi khất thực được ngon được dở, xem bốn phương mà nghĩ rằng nơi đây ai là kẻ nghèo cùng, tôi sẽ bớt phần ăn cấp cho họ. Nếu thấy kẻ nghèo cùng, liền chia nửa phần ăn cấp cho, nếu không thấy thì nên nghĩ rằng: "Chúng sinh mà mắt tôi không thấy, trong thức ăn này có chỗ ngon, tôi xin thí cho họ, tôi làm thí chủ, họ làm người nhận".

Này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo A-lan-nhã khất thực được rồi, mang về chỗ A-lan-nhã, rửa sạch tay chân, tịnh nghi thức Sa-môn, đủ tất cả tịnh pháp, đúng pháp lấy cỏ trải chỗ ngồi, rồi kiết già phu tọa mà ăn, lòng không ái trước cũng không sân hận, cũng không cống cao, không trược loạn. Lúc sắp ăn suy nghĩ rằng: "Nay trong thân thể này, có tám vạn hộ trùng, nó được ăn chắc sẽ an vui. Nay tôi dùng món ăn giúp nhiếp các hộ trùng ấy, lúc tôi thành Phật sẽ dùng pháp để nhiếp hóa chúng nó".

Này Đại Ca-diếp! Có lúc ăn chẳng đủ, Tỳ-kheo A-lan-nhã nên nghĩ: "Nay thân thể nhẹ nhàng có thể tu nhẫn nhục, dứt các điều ác, lại ít tiểu ít đại tiện, thân thể nhẹ nhàng rồi, cũng được tâm nhẹ nhàng, được ít ngủ cũng chẳng khởi dục".

Này Đại Ca-diếp! Nếu khất thực được nhiều, Tỳ-kheo A-lan-nhã nên biết tri túc, nên giảm lấy một vắt để trên phiến đá sạch và suy nghĩ rằng: "Có chim muông nào có thể ăn được, tôi xin bố thí, chúng nó là kẻ nhận lãnh thức ăn này".

Này Đại Ca-diếp! Ăn xong, Tỳ-kheo A-lan-nhã rửa bát lau chùi sạch khô, súc miệng rửa tay, cất Tăng-già-lê, đúng hạnh A-lan-nhã, không bao giờ xa tướng của các pháp vốn đã được tư duy.

Này Đại Ca-diếp! Lúc hành công hạnh A-lan-nhã, nếu Tỳ-kheo ấy là phàm phu chưa được quả Sa-môn, có lúc hổ lang đến thì chẳng nên có lòng hãi sợ mà nên nghĩ rằng: "Từ trước lúc tôi đến chỗ A-lan-nhã vốn đã có tâm xả bỏ thân mạng, nên tôi chẳng kinh sợ, mà phải phát tâm Từ bi trừ tất cả ác. Nếu hổ lang ấy giết tôi ăn thịt tôi, tôi sẽ được lợi ích lớn, vì đem thân chẳng bền mà đổi thân bền. Hổ lang ấy ăn thịt tôi rồi, nó sẽ được thân tâm an vui".

Tỳ-kheo A-lan-nhã hành pháp A-lan-nhã phải tưởng xả thân mạng như vậy.

Này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo A-lan-nhã hành pháp A-lan-nhã, nếu có phi nhân đến hiện sắc đẹp hay sắc dữ, với phi nhân ấy, Tỳ-kheo không nên sinh lòng yêu, không nên sinh lòng giận.

Nếu có chư Thiên đã từng thấy Phật, đến A-lan-nhã vấn nạn, khi họ vấn nạn rồi, Tỳ-kheo A-lan-nhã tùy sức hiểu biết của mình mà vì họ thuyết pháp. Nếu chư Thiên hỏi pháp quá sâu không thể đáp được, Tỳ-kheo A-lan-nhã chẳng nên lòng kiêu mạn, mà nên nói rằng: "Tôi học chẳng được nhiều, các vị chớ nên khinh tôi, nay tôi sẽ siêng tu học Phật pháp, nếu lúc tôi được thông Phật pháp rồi, sẽ xin giải đáp tất cả". Lại nên thỉnh chư Thiên vì mình mà thuyết pháp để được lãnh thọ và nên tạ rằng: "Xin các vị chớ phiền tôi".

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo A-lan-nhã hành pháp A-lan-nhã khéo tu A-lan-nhã, tưởng mình như cỏ cây ngói đá không có chủ, không có ngã, cũng không sở thuộc, thân thể này cũng vậy, không có ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, không tranh tụng các pháp này đều từ duyên hợp mà sinh, trong pháp này nếu khéo tư duy, tôi sẽ dứt được các kiến chấp, nên thường tư duy pháp không, vô tướng vô tác.

Này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo A-lan-nhã lúc tu pháp A-lan-nhã suy nghiệm bông trái cỏ thuốc và những rừng cây hòa hợp thế nào? Tán diệt thế nào? Các vật ngoài ấy không chủ, không ngã, không sở thuộc, không tranh tụng, nó tự sinh tự diệt không có ai sinh diệt. Như cỏ cây không có chủ, ngã và ngã sở, thân thể này cũng như vậy, không có ngã, không có mệnh, không có con người, không có chúng sinh, không có tranh tụng. Nó do duyên sinh, duyên tán thì nó diệt, trong lẽ như thực ấy không có một pháp nào hoặc sinh hoặc diệt cả.

Pháp như trên đây, Tỳ-kheo A-lan-nhã đến chỗ A-lan-nhã phải nên tu tập.

Này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo A-lan-nhã hành pháp như vậy, nếu học Thanh văn thừa thì mau chứng quả Sa-môn, nếu là người có tội chướng, hiện đời chẳng được quả Sa-môn, thấy một hai hoặc ba Đức Phật, sẽ dứt hết tất cả lậu. Nếu là người học Bồ-tát thừa, thì hiện đời được Vô sinh pháp nhẫn được pháp vô chướng, thấy chư Phật ở đời vị lai mau thành Vô thượng Bồ-đề.

Lúc Đức Phật nói pháp A-lan-nhã, có năm trăm Tỳ-kheo dứt tất cả lậu, tâm được giải thoát.

Phẩm 6: TỲ-KHEO KHẤT THỰC

Phật bảo Trưởng lão Đại Ca-diếp:

– Thế nào là Tỳ-kheo khất thực?

Này Đại Ca-diếp! Nếu có Tỳ-kheo trước an trụ bản thệ: "Tôi y khất thực xuất gia, nay tôi an trụ bản thệ. Tỳ-kheo ấy chuyên niệm không nịnh hót, lìa tất cả thỉnh thực, lìa tất cả sự cúng dường trong Tăng chúng mà vững tự trang nghiêm". Ở trong tất cả vị, Tỳ-kheo khất thực chẳng nên nghĩ tưởng hảo vị. Với vị thượng diệu, Tỳ-kheo ấy nên khuyên nhủ lòng mình mà suy nghĩ rằng: "Tôi như Chiên-đà-la, phải thanh tịnh thân tâm mà chẳng nên tịnh ăn uống. Vì sao? Vì món ngon được ăn xong sẽ thành vật nhơ thối, tôi chẳng nên cầu món ăn ngon". Tỳ-kheo ấy điều phục tâm mình rồi, hoặc vào thành ấp thôn xóm, khất thực tuần tự không điên đảo chẳng nên nghĩ rằng nam tử thí cho tôi chẳng phải nữ nhân, hay nữ nhân thí cho tôi chẳng phải nam tử, đồng nam thí, chẳng phải đồng nữ hay đồng nữ thí, chẳng phải đồng nam, nên được thức ăn tốt chẳng phải xấu, nên được thức ăn ngon chẳng phải dở, nên cố ý thí cho chẳng phải chẳng cố ý cho, nên dễ được chẳng phải khó được, nên mau được, chẳng phải chẳng mau, nên được cung kính, chẳng phải chẳng kính trọng, nên được thức ăn mới, chẳng phải cũ, nên được thức ăn của nhà giàu, chẳng phải của nhà nghèo, mọi người đến tiếp rước tôi. Tất cả pháp bất thiện trên đây, Tỳ-kheo khất thực chẳng nên tư duy, phải tự trang nghiêm như vậy, đây là pháp thông thường được Tỳ-kheo khất thực hành trì.

Lúc khất thực hoặc được hay không được, Tỳ-kheo ấy chớ nên sinh lòng buồn vui, cũng chẳng nên nghĩ thức ăn tốt hay xấu. Vì sao? Vì có nhiều chúng sinh tham trước món ăn ngon, do đây mà tạo ác nghiệp rồi đọa ác đạo. Nếu là người tri túc thì nên bỏ thức ăn tốt mà nhận món xấu, trừ lưỡi dính món ăn, trong lòng luôn tri túc, được món ăn cực xấu cũng tri túc. Người ấy nếu mạng chung sẽ sinh cõi trời hay trong loài người, sinh cõi trời rồi được ăn món ngon cõi trời.

Này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo khất thực như vậy, rời lìa mến luyến món ăn mà điều phục tâm mình, dù cả bảy ngày phải ăn đậu, ăn khoai cũng chẳng sinh lòng lo phiền. Vì sao? Vì vừa đủ nuôi sống thôi. Nay tôi được ăn rồi để đủ hành đạo, vì để hành đạo mà tôi ăn vậy.

Này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo khất thực, được phần ăn rơi vào trong bát, được món ăn đúng pháp, được lợi dưỡng đúng pháp, nên cùng Tỳ-kheo phạm hạnh ăn chung phần ăn ấy.

Này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo khất thực, có lúc phải bệnh không có người giúp việc, không thể đi khất thực, thì nên điều phục tâm mình như vầy: "Tôi cô độc không bạn, một thân xuất gia, chánh pháp là bạn tôi, tôi phải nhớ đến chánh pháp, nay tôi có bệnh khổ, như lời Đức Thế Tôn dạy: Tỳ-kheo phải nhớ pháp. Những pháp tôi đã được nghe, tôi phải khéo suy gẫm. Thế nào là khéo suy gẫm? Quán thân đúng như thật. Quán thân đúng như thật rồi, nếu là người có trí tuệ thành tựu nhất tâm có thể được Sơ thiền, được cái vui của Sơ thiền, hoặc một ngày đến bảy ngày, dùng Thiền duyệt làm món ăn, tâm được hoan hỷ".

Hành pháp như vậy, nếu Tỳ-kheo bệnh ấy, chẳng đắc Sơ thiền, thì nên siêng tu hành an trụ trong thiện pháp, có nhiều người hay biết, Trời, Rồng, Quỷ thần đưa món ăn đến cho, đây là thành quả lìa khổ ách.

Này Đại Ca-diếp! Nếu Tỳ-kheo khất thực, gặp trời mưa lớn hoặc gió bụi nhiều, chẳng đi khất thực được, bấy giờ dùng Từ tâm làm món ăn để tự trang nghiêm, nơi pháp được tu nên an trụ tư duy. Nếu đến hai đêm, ba đêm mà chưa được ăn, thì nên nghĩ rằng: "Có nhiều chúng sinh đọa vào loài ngạ quỷ, vì họ gây nghiệp ác, bị đói khổ bức thiết đến cả trăm năm không nuốt được chút nước miếng. Nay tôi an trụ trong các pháp môn, dù thân tâm yếu kém, tôi vẫn chịu được đói khát siêng tu Thánh đạo chẳng nên thoái chuyển".

Này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo khất thực, chẳng nên thân cận người tại gia những nam tử, nữ nhân, đồng nam, đồng nữ.

Nếu Tỳ-kheo khất thực bảo người tại gia lựa bỏ những vật bất tịnh, nên ngồi tại chỗ mà thuyết pháp cho họ đến lúc món ăn đã tịnh rồi lại thọ món ăn đứng dậy đi.

Này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo khất thực, chẳng nên tự hiện nịnh hót. Thế nào là tự hiện nịnh hót?

Nếu Tỳ-kheo vì người mà nói rằng: "Nay tôi xin được món ăn xấu dở, lại còn chẳng đủ cùng nhiều người ăn chung, tôi ăn ít, nay tôi đói khát, thân thể yếu kém". Đây là tự hiện nịnh hót, mà Tỳ-kheo khất thực phải xa lìa.

Này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo khất thực đối với tất cả sự phải sinh tâm xả bỏ. Những món ăn rơi vào bát hoặc tốt, xấu, ngon, dở, tịnh, bất tịnh, nhiều ít, tất cả đều nên để lòng không buồn vui, thường giữ tâm thanh tịnh

quán các tướng của pháp, vừa đủ nuôi thân, để hành Thánh đạo mà nhận món ăn ấy.

Này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo khất thực, hoặc lúc vào thành ấp thôn xóm thứ tự mà khất thực bát không trở về, thì nên nhớ Đức Như Lai có oai đức lớn, xả bỏ ngôi Chuyển luân vương đi xuất gia, dứt tất cả pháp ác thành tất cả pháp lành, Ngài vào xóm khất thực còn có lúc bát không trở về, huống là tôi bạc phước chẳng trồng căn lành mà chẳng được bát không trở về ư, vì lẽ ấy mà chẳng nên sinh lòng lo phiền. Vì sao? Vì chẳng trồng căn lành thì chẳng bao giờ được món ăn tốt món ăn xấu. Hoặc giả tôi chẳng được món ăn là tự có ma hay ma sai sử hay ma che ngăn các Bà-la-môn, cư sĩ, khiến tôi xin ăn chẳng được. Tôi nên siêng tu rời lìa tứ ma dứt tất cả phiền não. Nếu tôi siêng tu đạo pháp như vậy thì chẳng phải ma Ba-tuần hay sứ giả của ma mà có thể làm được.

Này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo khất thực nên thọ trì Thánh chủng như vậy.

□

Phẩm 7: PHẤN TẢO Y TỲ-KHEO

Đức Phật bảo Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp:

– Tỳ-kheo phấn tảo y giữ y phấn tảo nhặt vật rác rưởi, tự rằng: "Vì tàm quý, chẳng phải vì dùng y để tự nghiêm sức, vì che ngăn gió thổi nắng đốt muỗi mòng bu cắn, vì an trụ Phật giáo, chẳng phải vì cầu sạch tốt". Ở trong đống rác rưởi, Tỳ-kheo ấy lượm lấy vật bỏ. Lúc lấy nên sinh hai ý tưởng: Một là ý tưởng tri túc và hai là ý tưởng dễ nuôi. Còn có hai ý tưởng: Một là ý tưởng không kiêu mạn và hai là ý tưởng trì Thánh chủng. Còn có hai ý tưởng: Một là chẳng dùng nghiêm sức thân hình và hai là khiến lòng thanh tịnh.

Này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo phấn tảo y lúc nhặt lượm vật bỏ trong đống phẩn rác, nếu thấy có các thân hữu tri thức thì thôi không lượm lấy mà nghĩ rằng: "Các người này hoặc có thể rầy trách tôi là người dơ bẩn".

Này Đại Ca-diếp! Ta nói Tỳ-kheo ấy chẳng được tịnh hạnh. Vì sao? Vì Tỳ-kheo phấn tảo y lòng cứng như đá, ngoại vật chẳng nhập cũng chẳng động được.

Này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo phấn tảo y lượm lấy vật phấn tảo rồi nên giặt sạch cho hết dơ bẩn, giặt sạch rồi nhuộm kỹ, nhuộm xong rồi may thành Tăng-già-lê, khéo ráp, khéo vá, khéo may, khéo thọ, thị rồi nên mặc chớ xếp để hư.

Này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo phấn tảo y an trụ trong pháp quán bất tịnh mặc y phấn tảo là để ly dục vậy, tu Từ tâm mặc y phẩn rác là để lìa sân khuể, quán pháp thập nhị nhân duyên mặc y phấn tảo là vì rời ngu si, chánh tư duy mặc y phẩn rác là để dứt tất cả phiền não, nhiếp hộ các căn, mặc y phẩn rác là vì biết rõ sáu căn, chẳng nịnh hót, mặc y phẩn rác là để Trời, Rồng, Quỷ thần vui đẹp.

Này Đại Ca-diếp! Vì sao gọi là y phấn tảo?

Ví như tử thi, mọi người chẳng tham muốn chẳng sinh lòng ngã sở hữu, theo lẽ phải trừ bỏ. Cũng vậy, y phấn tảo chẳng phải ngã, ngã sở, là dễ được, chẳng phải tà mạn, chẳng cầu xin người, chẳng xem nhan sắc người, là vật vất bỏ không khác phân rác, nó cũng chẳng thuộc của ai. Vì thế nên gọi là y phấn tảo.

Này Đại Ca-diếp! Y phấn tảo là pháp tràng phan, vì là Đại tiên nhân, vì do Thánh nhân, vì dùng Thánh chủng để an trụ, vì chuyên niệm nơi thiện pháp nghi thức, vì khéo hộ trì giới tụ, vì hướng đến định tụ vậy, vì an trụ nơi tuệ tụ, vì thân dùng giải thoát tụ, vì thuận với pháp do giải thoát tri kiến.

Này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo mặc y phấn tảo có phước đức lớn, không chỗ mong cầu, không chỗ tham trước, hay lìa lòng kiêu mạn hay bỏ gánh nặng.

Này Đại Ca-diếp! Nếu có Tỳ-kheo mặc y phấn tảo vì tri túc nên Trời, Rồng, Quỷ thần ưa thích muốn thấy. Nếu nhập thiền định thì Thích, Phạm, Tứ Thiên vương quỳ chắp tay đầu mặt đảnh lễ, huống là chư tiểu Thiên khác.

Này Đại Ca-diếp! Nếu có ác Tỳ-kheo siêng cầu y phục để nghiêm sức thân hình, ngoài hiện tịnh hạnh mà trong thì đủ tham dục sân khuể. Dù họ nghiêm sức thân hình xinh đẹp nhưng Trời, Rồng, Quỷ thần chẳng đến kính lễ cúng dường. Vì sao? Vì họ biết Tỳ-kheo ấy nghiêm sức thân hình đẹp mà chẳng trừ cấu uế tâm số pháp, vì biết nên họ bỏ đi xa.

Này Đại Ca-diếp! Ông có thấy Sa-di Châu-na nhặt vật trong đống phẩn rác trong lúc đi khất thực. Ăn xong, Châu-na đến ao A-dậu-đạt để giặt. Bấy giờ bên ao có chư Thiên thần thường ở, đồng tiếp nghênh kính lễ. Chư Thiên thần ấy đều ưa tinh khiết mà họ cầm y phẩn rác bất tịnh của Châu-na đem đi giặt cho sạch bẩn nhơ, họ còn lấy nước giặt y ấy để rửa

thân họ. Chư Thiên thần ấy biết Châu-na hay trì giới thanh tịnh, nhập các thiền định, có oai đức lớn nên phụng nghênh kính lễ.

Này Đại Ca-diếp! Ông có thấy Phạm chí Tu-bạt-đà mặc y sạch mới, khất thực xong muốn đến ao A-dậu-đạt. Bấy giờ chư Thiên thần thường ở bên ao, cách ao bốn phía đều năm dặm họ ra ngăn cản Phạm chí ấy, không cho lại gần ao, họ sợ món ăn bất tịnh và món ăn thừa làm dơ bẩn nước ao.

Này Đại Ca-diếp! Nay ông hiện thấy sự ấy, do Thánh nhân chánh hạnh oai đức nên được quả báo ấy. Vật bất tịnh được Sa-di Châu-na nhặt trong đống phấn tảo mà chư Thiên đem đi giặt giúp lại còn lấy nước giặt ấy dùng rửa thân thể họ. Phạm chí Tu-bạt-đà bị họ ngăn cách xa ao năm dặm không cho lại gần.

Này Đại Ca-diếp! Ai được nghe sự này, thì không ai mà chẳng siêng tu học Thánh pháp. Các Thánh nhân ấy được chư Thiên và thế nhân kính lễ cúng dường.

Này Đại Ca-diếp! Vì muốn cầu Thánh đức như vậy, nên mặc y phấn tảo. Tỳ-kheo mặc y phấn tảo an trụ Thánh chủng chẳng nên sinh lòng lo. Với y phấn tảo nên có ý tưởng là Phật pháp, là Thế Tôn, là xuất thế, không có ngã, ngã sở. Quán tưởng như vậy rồi mặc y phấn tảo, phải điều phục tâm mình như vậy. Do tâm tịnh nên được thân tịnh, chẳng phải do thân tịnh mà được tâm tịnh. Vì thế nên tịnh tâm mình chớ nghiêm sức thân. Vì sao? Vì do tâm tịnh mà ở trong Phật pháp được gọi là tịnh hạnh.

Này Đại Ca-diếp! Tỳ-kheo phấn tảo y hay học như vậy tức là học ở ta cũng học ở ông. Nếu ông hay mặc y thô xấu như vậy, tức là tri túc và hành hạnh Thánh chủng.

Này Đại Ca-diếp! Y Tăng-già-lê của ông hoặc để trên giường hoặc để tại chỗ ngồi trong khi ông mặc y Uất-đa-la tăng kinh hành, có ngàn vạn chư Thiên đến kính lễ y Tăng-già-lê của ông. Y Tăng-già-lê ấy là y được mặc trên thân của người huân tu giới, định, tuệ. Nên biết y của ông còn được tôn trọng kính lễ dường ấy huống là thân của ông.

Này Đại Ca-diếp! Ta xả bỏ ngôi Chuyển luân vương đi xuất gia. Ngày trước ta đã từng mặc y mịn đẹp thượng diệu. Nay ta tri túc hành Thánh chủng hạnh vì các người khác mà xả bỏ y đẹp tốt mặc y phấn tảo nhặt trong gò mả. Vào thời vị lai nếu Tỳ-kheo nghe pháp này của ta thì được học theo ta.

Này Đại Ca-diếp! Ông vốn có kim lũ thượng y đem dâng ta, ta vì ông mà nhận y ấy, chứ chẳng phải do tham, chẳng phải để nghiêm sức thân hình.

Này Đại Ca-diếp! Có ác Tỳ-kheo chẳng thể học theo ta cũng chẳng học theo ông, họ tham chứa để nhiều y bát, tích tụ các món uống ăn, cất đựng chẳng xả. Họ cũng chứa vàng bạc, lưu ly, gạo thóc, bò dê, gà heo, lừa ngựa, xe cộ, đồ cày bừa, đồ dùng tại gia họ đều cầu cất chứa.

Này Đại Ca-diếp! Người có trí dù tại gia mà hay tăng trưởng thiện pháp, chẳng phải kẻ ngu si xuất gia có được phần thiện pháp ấy.

Thế nào là người trí tại gia hay tăng trưởng thiện pháp?

Này Đại Ca-diếp! Nếu có người xuất gia lấy y quấn cổ không có hạnh Sa-môn, có nhiều duyên sự các thứ buộc ràng cầu áo cơm tốt. Họ mặc ca-sa rồi, người tại gia thấy liền lễ kính cúng dường cung cấp y phục, ẩm thực, đồ nằm, thuốc men, đến đi đón đưa. Này Đại Ca-diếp! Người tại gia có pháp lành như vậy, người xuất gia kia không có sự ấy. Vì sao? Vì người xuất gia kia cầu nhiều vật dùng, chẳng thể thí xả cho người khác.

Này Đại Ca-diếp! Trong đời vị lai có các Tỳ-kheo chứa nhiều y bát, có nhiều vật dùng, họ được phần đông người tại gia lễ kính tôn trọng tán thán. Vì sao? Vì họ cho các Tỳ-kheo ấy thọ nhiều thí vật, hoặc có thể đem cho tôi, tôi có cần dùng các Tỳ-kheo ấy có thể luôn luôn cho tôi.

Này Đại Ca-diếp! Trong đời vị lai hoặc có Tỳ-kheo trì giới thấy lỗi họa của đời nên siêng tu thiện pháp để lìa tất cả lậu như cứu lửa cháy đầu. Lòng họ tri túc ít duyên sự siêng tu tự lợi lìa tất cả duyên tập xấu ác. Nhưng Tỳ-kheo này không có người đến chỗ họ ở, không ai thân cận, không ai lễ kính tôn trọng tán thán họ. Vì sao? Vì các người tại gia khinh tháo thiển bạc, thấy lợi hiện tại chẳng thấy lợi đời sau, họ nghĩ rằng: Với Tỳ-kheo này chẳng được lợi ích đâu cần thân cận lễ kính tôn trọng tán thán. Ngoại trừ kẻ nghèo cùng ít căn lành và người có túc duyên nên lễ kính, những người này thân cận lễ kính tôn trọng tán thán Tỳ-kheo trì giới làm Thiện tri thức.

Này Đại Ca-diếp! Nói như vậy rồi vừa ý hai hạng người: Một là hoặc thấy bốn Thánh đế và hai là hoặc thấy lỗi họa sinh tử. Còn có hai hạng người: Một là siêng tu muốn lìa bốn ách và hai là muốn được quả Sa-môn. Còn có hai hạng người: Một là chuyên niệm nghiệp báo và hai là muốn biết nghĩa các tướng của pháp.

Này Đại Ca-diếp! Nay ta đóng bít cửa của tất cả kẻ lười biếng, đó là người chẳng biết nghiệp chẳng biết nghiệp báo, người rời lìa nghi thức lành, người chẳng thấy ác khổ đời sau dụ như kim cương, người thấy lợi hiện đời mà chẳng thấy lợi đời sau, người chẳng sinh một niệm hướng đến môn giải thoát.

Này Đại Ca-diếp! Nay ta nói ác Tỳ-kheo kia chẳng nên mong cầu. Hoặc nói pháp như vậy, hoặc gặp pháp như vậy, nghe pháp như vậy rồi tự biết sở hành, chẳng hiểu pháp sâu, nên phỉ báng. Họ cho rằng pháp sâu ấy chẳng phải Phật nói, là của luận sư làm, hoặc của ma nói để dạy người khác. Ác Tỳ-kheo kia tự hại như vậy cũng hại người khác. Họ tự nhiễm dơ bẩn cũng làm dơ bẩn người khác. Ác Tỳ-kheo kia chẳng thể tự lợi, cũng chẳng lợi người khác.

Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp bạch:

– Bạch Thế Tôn! Vì đại Bi mà chư Phật nói Tỳ-kheo chuyên tu hành ở trong các pháp được tự tại. Như Lai ở trong kinh này đã nói một cách sâu rộng rồi.

Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh đã nghe kinh này, tin hiểu đọc tụng hướng đến pháp như thật, nên biết các chúng sinh ấy đã được chư Phật nhiếp thủ.

Đức Phật bảo Ngài A-nan:

– Này A-nan! Nếu có người thọ trì kinh này thì đã ở nơi chư Phật quá khứ gieo trồng căn lành nên nay muốn được kinh này để đọc tụng thông thuộc, muốn được giải thoát. Các thiện nam, thiện nữ, hoặc người tại gia hay người xuất gia, học pháp môn này thì có thể dứt các lậu cũng được Niết-bàn.

Tôn giả A-nan bạch:

– Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì, chúng con phải thọ trì thế nào?

Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Kinh này tên là Chọn Lựa Tất Cả Pháp Bảo; cũng tên là An Trụ Thánh Chủng Nghi Thức; cũng tên là Nhiếp Thủ Người Trì Giới; cũng tên là Dạy Răn Người Phá Giới; cũng tên là Bảo Lương, cũng tên là Bảo Tụ; cũng tên là Bảo Tạng; cũng tên là Chư Bảo Pháp Môn.

Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp thỉnh hỏi kinh Đại Thừa Bảo Lương xong, chúng Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 115

Hán dịch: Đời Đại Đường, Tam tạng
Pháp sư Bồ-đề-lưu-chí.

PHÁP HỘI 45: BỒ-TÁT VÔ TẬN TUỆ

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Phật ở thành Vương xá trong núi Kỳ-xà-quật, cùng chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người, cùng hội họp ở đây.

Bấy giờ, lại có một vạn Đại Bồ-tát cùng họp, đó là Bồ-tát Tuệ Tràng, Bồ-tát Pháp Tràng, Bồ-tát Nguyệt Tràng, Bồ-tát Nhật Tràng, Bồ-tát Vô Biên Tràng…

Còn có mười sáu tại gia Bồ-tát, Bồ-tát Bạt-đà-bà-la làm Thượng thủ.

Còn có sáu mươi Đại Bồ-tát vô tỉ dụ tâm, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi làm Thượng thủ.

Còn có tất cả Đại Bồ-tát trong Hiền kiếp, Bồ-tát Di-lặc làm Thượng thủ.

Còn có sáu vạn Đại Bồ-tát, Bồ-tát Vô Tận Tuệ làm Thượng thủ.

Bấy giờ Bồ-tát Vô Tận Tuệ đứng dậy để hở vai áo bên phải, gối phải chấm đất, chắp tay lễ Đức Phật, đem các hoa báu phụng tán trên Phật mà bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nói là tâm Bồ-đề ấy, do nghĩa gì mà gọi là tâm Bồ-đề? Bồ-tát lại do bao nhiêu pháp mà thành tâm Bồ-đề? Thế nào là tâm Bồ-đề? Trong Bồ-đề, tâm chẳng thể nắm bắt; trong tâm, Bồ-đề cũng chẳng thể nắm bắt; lìa Bồ-đề, tâm chẳng thể nắm bắt; lìa tâm, Bồ-đề cũng chẳng thể nắm bắt.

Bồ-đề ấy không sắc không tướng chẳng nói năng được, tâm ấy cũng không sắc không tướng, chẳng hiển thị được. Chúng sinh cũng như vậy, đều chẳng thể nắm bắt.

Bạch Thế Tôn! Các pháp như vậy sẽ y cứ nghĩa gì mà được tu hành?

Đức Phật dạy:

– Này Vô Tận Tuệ! Nay ông lắng nghe kỹ và khéo suy nghĩ.

Ta nói Bồ-đề ấy vốn không danh tự ngôn thuyết. Vì sao? Vì trong Bồ-đề danh tự ngôn thuyết chẳng thể nắm bắt. Tâm và chúng sinh cũng lại như vậy, nếu biết như vậy thì gọi là tâm Bồ-đề.

Bồ-đề ấy chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Tâm và chúng sinh cũng chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu biết nghĩa ấy thì gọi là Bồ-tát, nhưng trong ấy cũng chẳng thể nắm bắt.

Với tất cả pháp đều vô sở đắc thì gọi là được tâm Bồ-đề.

Như A-la-hán được quả A-la-hán mà ở trong ấy đều vô sở đắc, chỉ trừ theo thế tục gọi là đắc quả, với tất cả pháp đều vô sở đắc. Được tâm Bồ-đề cũng vậy, vì muốn dẫn nhiếp sơ nghiệp Bồ-tát nên nói tâm Bồ-đề, nhưng ở trong ấy không có tâm. Không có tâm gọi là không có Bồ-đề, không có Bồ-đề gọi là không có chúng sinh, không có chúng sinh gọi là không có Thanh văn, không có Thanh văn gọi là không có Độc giác, không có Độc giác gọi là không có Bồ-tát, không có Bồ-tát gọi là không có Như Lai, không có Như Lai gọi là không có hữu vi, không có hữu vi gọi là không có vô vi, không có vô vi gọi là không có cái hiện được, không có cái sẽ được.

Này Vô Tận Tuệ! Nay ta y theo ngôn thuyết mà giải bày như vầy: Nếu có chúng sinh căn lành rộng lớn vượt các chúng sinh như núi Tu-di cao hơn tất cả, là phát tâm thứ nhất, làm nhân cho Bố thí ba-la-mật-đa. Dường như đại địa khéo có thể an trụ tất cả sự nghiệp, là phát tâm thứ hai làm nhân cho Giới ba-la-mật-đa. Ý chí dũng mãnh an thọ phiền não như vua sư tử, oai phục bầy dã thú, thân không kinh sợ, là phát tâm thứ ba, làm nhân cho Nhẫn nhục Ba-la-mật-đa. Thế lực hùng mạnh nhanh nhẹn hay điều phục phiền não như Na-la-diên xô dẹp mọi kẻ khác, là phát tâm thứ tư, làm nhân cho Tinh tấn ba-la-mật-đa. Các công đức căn lành khai phát như cây ba-lợi-chất-đa, Câu-bệ-đà-la nở hoa, là phát tâm thứ năm làm nhân cho Thiền định ba-la-mật-đa. Trừ bỏ si ám như ánh sáng vô biên của mặt trời, là phát tâm thứ sáu làm nhân cho Bát-nhã ba-la-mật-đa. Công đức ý lạc tất cả trang nghiêm, đều được viên mãn như đại thương chủ, tài vật giàu có hay dùng phương tiện thiện xảo vượt khỏi các hiểm nạn, là phát tâm thứ bảy làm nhân cho Phương tiện ba-la-mật-đa. Chướng ngại đã trừ diệt, ý lạc đầy đủ như trăng tròn sáng, là phát tâm thứ tám, làm nhân cho Lực ba-la-mật-đa. Cõi Phật và chúng sinh đều nghiêm tịnh cả, đầy đủ pháp lành, việc làm thành tựu như người nghèo được vô tận tạng, sở nguyện viên mãn, là phát tâm thứ chín, làm

nhân cho Nguyện ba-la-mật-đa. Phước trí vô biên, như hư không tự tại với tất cả pháp như Chuyển luân vương đã thọ quán đảnh, là phát tâm thứ mười, làm nhân cho Trí ba-la-mật-đa.

Này Vô Tận Tuệ! Nếu tu tập thành tựu mười thứ phát tâm này thì gọi là Bồ-tát, gọi là tối thắng chúng sinh, là vô chướng ngại chúng sinh, là chẳng phải hạ liệt chúng sinh. Nhưng cứ nơi thật nghĩa thì chẳng thể nắm bắt, thế nên trong ấy không có chúng sinh, không có tâm, không có Bồ-đề.

Lại nữa, này Vô Tận Tuệ! Các Bồ-tát hành Thí ba-la-mật-đa lấy mười pháp làm đầu là: Tín căn, tín lực, ý lạc, tăng thượng ý lạc, lợi ích chúng sinh, đại Từ, đại Bi, hành bốn Nhiếp pháp, ái lạc Phật pháp và cầu Nhất thiết trí.

Này Vô Tận Tuệ! Các Bồ-tát hành Giới ba-la-mật-đa, lấy mười pháp làm đầu là Thân nghiệp thanh tịnh, ngữ nghiệp thanh tịnh, ý nghiệp thanh tịnh, không tâm oán hại, trừ sạch ác thú, xa rời bát nạn, siêu hơn bậc Thanh văn và Bích-chi-phật, an trụ công Đức Phật, đầy đủ các sở nguyện và thành tựu đại nguyện.

Này Vô Tận Tuệ! Các Bồ-tát hành Nhẫn nhục ba-la-mật-đa, lấy mười pháp làm đầu là: Bỏ lìa sân hận, chẳng kể thân, chẳng kể mạng, tín giải thành tựu chúng sinh, từ lực, tùy thuận pháp nhẫn, sâu xa pháp nhẫn, quảng đại thắng nhẫn và phá vô minh tối tăm.

Này Vô Tận Tuệ! Các Bồ-tát hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, dùng mười pháp làm đầu là: Tùy theo chỗ làm của chúng sinh mà làm, thân, khẩu, ý nghiệp thường sinh tùy hỷ, không lười biếng, chuyên tiến đến, tu Chánh cần, tu Niệm xứ, phá kẻ thù phiền não, quan sát các pháp, thành tựu chúng sinh và cầu Nhất thiết trí.

Này Vô Tận Tuệ! Các Bồ-tát hành Thiền định ba-la-mật-đa, lấy mười pháp làm đầu là: An trụ thiện pháp, tâm duyên một cảnh, duyên cảnh định, chánh định, thiền giải thoát, định căn, định lực, phá hoại kẻ thù phiền não, định tụ viên mãn và hộ pháp Tam-muội.

Này Vô Tận Tuệ! Các Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, dùng mười pháp làm đầu: Khéo quan sát các ấm, khéo quan sát các giới các xứ, chánh kiến, chánh niệm, biết rõ Thánh đế, bỏ lìa các kiến chấp, Tuệ căn Vô sinh pháp nhẫn, Tuệ lực và vô ngại trí.

Này Vô Tận Tuệ! Các Bồ-tát hành Phương tiện ba-la-mật-đa, lấy mười pháp làm đầu là: Nhập vào sở nguyện, tâm hành của các chúng sinh, dùng sức lực giúp chúng sinh, đại Từ, đại Bi, thành thục chúng sinh không hề chán mỏi, bỏ lìa bậc Thanh văn, Bích-chi-phật, tri kiến thù thắng, tu tập

các Ba-la-mật-đa, quán các pháp như thật, nhiếp lực chẳng thể nghĩ bàn và địa không thoái chuyển.

Này Vô Tận Tuệ! Các Bồ-tát hành Lực ba-la-mật-đa, dùng mười pháp làm đầu là: Biết rừng rậm tâm hành của tất cả chúng sinh, biết rừng rậm phiền não hiện hành của tất cả chúng sinh, biết rừng rậm ý lạc thắng giải hiện hành của tất cả chúng sinh, biết rừng rậm các căn hành của tất cả chúng sinh, biết rừng rậm các thứ giới hành của tất cả chúng sinh, biết rừng rậm tùy phiền não hành của tất cả chúng sinh, biết rừng rậm tử sinh hành của tất cả chúng sinh, biết rừng rậm ba đời nghiệp báo hành của tất cả chúng sinh, biết rừng rậm tập khí phiền não hành của tất cả chúng sinh và dùng tâm không mỏi nhọc thành thục rừng rậm các căn hành của tất cả chúng sinh.

Này Vô Tận Tuệ! Các Bồ-tát hành Nguyện ba-la-mật-đa dùng mười pháp làm đầu là: Biết tất cả pháp không sinh, biết tất cả pháp không tướng, biết tất cả pháp không diệt, biết tất cả pháp không sở hữu, biết tất cả pháp không chấp trước, biết tất cả pháp không đến, biết tất cả pháp không đi, biết tất cả pháp không tự tánh, biết tất cả pháp bình đẳng không có đầu, giữa, cuối và đối với tất cả pháp đầu giữa cuối không phân biệt.

Này Vô Tận Tuệ! Các Bồ-tát hành Trí ba-la-mật-đa dùng mười pháp làm đầu là: Tất cả pháp khéo hành, có thể biết rõ quyết trạch, khéo có thể viên mãn bạch pháp, chứa họp vô lượng tư lương của Bồ-tát, thành tựu tư lương phước trí quảng đại, viên mãn đại Bi, vào các loại thế giới sai biệt, vào nghiệp phiền não của tất cả chúng sinh, tác ý vào cảnh giới Như Lai, tiến vào cảnh giới thù thắng mười Lực, Vô sở úy, pháp Bất cộng và thọ vị quán đảnh thành tựu tướng tối thắng Nhất thiết trí.

Đây là Đại Bồ-tát hành mười Ba-la-mật-đa, đều dùng mười pháp làm đầu.

Lại nữa, này Vô Tận Tuệ! Thế nào là Nghĩa Ba-la-mật-đa? Đó là vì nói rõ siêu quá sở hành của Nhị thừa; vì quảng đại viên mãn trí Như Lai; vì chẳng chấp trước nơi hữu vi vô vi; vì như thật biết rõ lỗi họa sinh tử; vì những kẻ chưa giác ngộ đều khiến giác ngộ; vì được Như Lai vô tận pháp tạng; vì được vô ngại giải thoát; vì dùng Bố thí độ thoát các chúng sinh; vì dùng Trì giới để viên mãn bản thệ nguyện; vì dùng Nhẫn nhục để đầy đủ tướng hảo đoan nghiêm; vì dùng tinh tấn để đầy đủ các Phật pháp; vì dùng Thiền định để sinh ra bốn Vô lượng tâm vậy; vì dùng Bát-nhã để diệt trừ các phiền não; vì dùng phương tiện để dồn chứa các Phật pháp; vì dùng nguyện có thể khiến Phật pháp được viên mãn; vì dùng

lực hay khiến chúng sinh tịnh tín; vì dùng trí để đầy đủ Như Lai Nhất thiết trí vậy; vì được Vô sinh pháp nhẫn; vì được không thoái chuyển; vì nghiêm tịnh cõi Phật; vì thành thục chúng sinh; vì ở đạo tràng Bồ-đề viên mãn tất cả Như Lai trí; vì hàng phục chúng ma; vì du hý bốn Thần túc; vì nơi sinh tử và Niết-bàn đều không an trụ; vì siêu quá công đức của tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật và Bồ-tát vậy; vì xô dẹp tất cả dị luận; vì thành tựu mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Phật Bất cộng; vì chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; vì chuyển mười hai loại pháp luân. Tất cả như vậy là nghĩa của Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, này Vô Tận Tuệ! Lúc Đại Bồ-tát sắp an trụ Hoan hỷ địa thứ nhất, trước tiên có tướng như vầy: Thấy trong tam thiên đại thiên thế giới, có trăm ngàn ức na-do-tha phục tạng các thứ báu.

Đại Bồ-tát sắp an trụ Ly cấu địa thứ hai, trước tiên có tướng này: Thấy tam thiên đại thiên thế giới, mặt đất bằng phẳng như lòng bàn tay, có vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha các thứ hoa sen báu thanh tịnh nghiêm sức.

Đại Bồ-tát sắp an trụ Minh địa thứ ba, trước tiên có tướng này: Thấy tự thân mặc giáp cầm trượng dũng mãnh kiên cố, dẹp và hàng phục oán địch.

Đại Bồ-tát sắp an trụ Diệm địa thứ tư, trước tiên có tướng này: Thấy bốn phương gió thổi các thứ danh hoa rải đầy mặt đất.

Đại Bồ-tát sắp an trụ Nan thắng địa thứ năm, trước tiên có tướng này: Thấy nữ nhân đầu đội vòng hoa A-đề-mục-đa, vòng hoa Bà-lợi-sư-ca, vòng hoa Chiêm-bặc-ca, trên thân đeo các thứ báu trang nghiêm.

Đại Bồ-tát sắp an trụ Hiện tiền địa thứ sáu, trước tiên có tướng này: Thấy ao hoa đầy nước bát công đức lặng trong, đáy ao trải cát vàng ròng, bốn bờ bậc đường bằng chất báu, trong ao trang nghiêm với những hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen đỏ và hoa sen trắng, lại thấy tự thân du hý trong ao ấy.

Đại Bồ-tát sắp an trụ Viễn hành địa thứ bảy, trước tiên có tướng này: Thấy tự thân hai bên tả hữu, đều có địa ngục đi vượt qua các địa ngục ấy mà không bị thương tổn.

Đại Bồ-tát sắp an trụ Bất động địa thứ tám, trước tiên có tướng này: Thấy trên hai vai mình, mang tướng sư tử chúa, tất cả muông thú đều hãi sợ.

Đại Bồ-tát sắp an trụ Thiện Tuệ địa thứ chín, trước tiên có tướng này: Thấy tự thân làm Chuyển luân vương, dùng chánh pháp giáo hóa, được vô

lượng trăm ngàn ức na-do-tha vua chúa chầu hầu vây quanh, có lọng báu trang nghiêm sạch trắng che trên Bồ-tát.

Đại Bồ-tát sắp an trụ Pháp vân địa thứ mười, trước tiên có tướng này: Thấy tự thân làm màu vàng ròng đủ ba mươi hai tướng tốt Như Lai đại trượng phu, viên quang chiếu một tầm, an tọa trên tòa Sư tử cao rộng, vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha Phạm thiên nhiễu quanh, trước sau cung kính cúng dường để nghe thuyết pháp.

Đại Bồ-tát dùng sức Tam-muội hiển hiện tướng trước tiên của mười Địa như vậy.

Lại nữa, này Vô Tận Tuệ! Bồ-tát ở Địa thứ nhất viên mãn Thí ba-la-mật-đa, Bồ-tát ở Địa thứ hai viên mãn Giới ba-la-mật-đa, Bồ-tát ở Địa thứ ba viên mãn Nhẫn ba-la-mật-đa, Bồ-tát ở Địa thứ tư viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa, Bồ-tát ở Địa thứ năm viên mãn Thiền ba-la-mật-đa, Bồ-tát ở Địa thứ sáu viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, Bồ-tát ở Địa thứ bảy viên mãn Phương tiện ba-la-mật-đa, Bồ-tát ở Địa thứ tám viên mãn Lực ba-la-mật-đa, Bồ-tát ở Địa thứ chín viên mãn Nguyện ba-la-mật-đa, Bồ-tát ở Địa thứ mười viên mãn Trí ba-la-mật-đa.

Lại nữa, này Vô Tận Tuệ! Bồ-tát phát tâm đầu tiên được Hiện bảo Tam-muội, phát tâm lần thứ hai được Thiện trụ Tam-muội, phát tâm lần thứ ba được Bất động Tam-muội, phát tâm lần thứ tư được Bất thoái chuyển Tam-muội, phát tâm lần thứ năm được Bảo hoa Tam-muội, phát tâm lần thứ sáu được Nhật luân quang minh Tam-muội, phát tâm lần thứ bảy được Thành tựu nhất thiết nghĩa Tam-muội, phát tâm lần thứ tám được Trí cự Tam-muội, phát tâm lần thứ chín được Hiện chứng Phật pháp Tam-muội, phát tâm lần thứ mười được Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội.

Lại nữa, này Vô Tận Tuệ! Đại Bồ-tát ở trong Địa thứ nhất, được Đà-la-ni Thù thắng gia trì, ở trong Địa thứ hai được Đà-la-ni Vô năng thắng, ở trong Địa thứ ba được Đà-la-ni Thiện trụ, ở trong Địa thứ tư được Đà-la-ni Bất khả hoại, ở trong Địa thứ năm được Đà-la-ni Vô cấu, ở trong Địa thứ sáu được Đà-la-ni Bốn luân đăng, ở trong Địa thứ bảy được Đà-la-ni Thù thắng hạnh, ở trong Địa thứ tám được Đà-la-ni Thanh tịnh phân biệt, ở trong Địa thứ chín được Đà-la-ni Thị hiện vô biên pháp môn, ở trong Địa thứ mười được Đà-la-ni Vô tận pháp tạng.

Lúc ấy ở trong hội có một Thiên tử tên Vô Ngại Quang Minh Sư Tử Tràng, đứng dậy để hở vai áo bên phải, gối phải chấm đất, chắp tay hướng lên Đức Phật bạch:

– Hy hữu thay, Thế Tôn! Hy hữu thay, Thiện Thệ! Pháp môn như

vậy, rất sâu rất rộng lớn, có thể hàm nhiếp tất cả Phật pháp.

Đức Phật dạy:

– Này Thiên tử! Đúng như lời ông nói. Nếu có Bồ-tát ở nơi pháp môn này có thể tạm nghe nhận, tất chẳng thoái chuyển Vô thượng Bồ-đề. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy đã từng trồng căn lành, vì đã thành thục các căn lành, nên được nghe kinh điển như vậy và được kinh điển như vậy ấn chứng.

Này Thiên tử! Nếu có thiện nam, thiện nữ được nghe kinh này thì căn lành được họ trồng, đều thanh tịnh sẽ được thấy Phật nghe pháp cúng dường chúng Tăng, được Đà-la-ni Hải ấn, Đà-la-ni Xuất hiện vô tận, Đà-la-ni Nhập chúng sinh chí nguyện tâm hành, Đà-la-ni Thanh tịnh nhật quang tràng, Đà-la-ni Vô cấu nguyện quang tràng, Đà-la-ni Tức nhất thiết kiết sử, Đà-la-ni Tối diệt vô biên phiền não kiên cố như kim cương sơn, Đà-la-ni Nhập bình đẳng pháp tính ngôn thuyết, Đà-la-ni Nhập chân thật ngữ ngôn âm thanh, Đà-la-ni Như hư không hiển hiện vô biên thanh tịnh ấn sở ấn, Đà-la-ni Thành tựu hiển hiện vô biên Phật thân.

Thành tựu các Đà-la-ni như vậy, Đại Bồ-tát có thể nơi tất cả Phật độ mười phương biến hiện thân Phật giáo hóa chúng sinh mà với pháp tánh không có đến đi, cũng không có giáo hóa chúng sinh, với pháp được nói chẳng chấp trước văn tự bình đẳng vô động. Dù hiện thân sinh tử mà không có khởi diệt, cũng không có pháp đến đi, biết rõ các hành xưa nay vốn tịch tĩnh an trụ Phật pháp. Vì sao? Vì tất cả pháp ấy không có phân biệt.

Lúc Đức Phật nói pháp này, trong chúng có ba vạn Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn, vô lượng Bồ-tát được không thoái chuyển Vô thượng Bồ-đề, vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ-đề, vô lượng Tỳ-kheo được Pháp nhãn tịnh.

Đức Phật nói kinh này rồi, Bồ-tát Vô Tận Tuệ và chúng Tỳ-kheo, tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà… Đều rất vui mừng tín thụ phụng hành.

□

PHÁP HỘI 46: VĂN-THÙ-SƯ-LỢI THUYẾT BÁT-NHÃ (PHẦN 1)

Hán dịch: Đời Lương, Tam tạng
Pháp sư Mạn-đà-la-tiên.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Phật ở nước Xá-vệ tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, cùng đại Tỳ-kheo Tăng cả ngàn người đều đến hội họp. Chúng Đại Bồ-tát mười ngàn người dùng đại trang nghiêm để tự trang nghiêm đều đã an trụ bậc không thoái chuyển. Danh hiệu các vị ấy là Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Vô Ngại Biện, Bồ-tát Bất Xả Thệ… đều là bậc Thượng thủ.

Khi mặt trời vừa ló dạng, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Đồng chân từ trú xứ ở đến chỗ Đức Phật ngự đứng phía ngoài.

Bấy giờ các Tôn giả Xá-lợi-phất, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, Đại Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-diếp, Ma-ha Ca-chiên-diên, Ma-ha Câu-hy-la… các đại Thanh văn cũng từ trú xứ đến chỗ Đức Phật ngự đứng phía ngoài.

Biết chúng hội đã vân tập, Đức Như Lai bước ra trải tòa mà ngồi rồi bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Hôm nay sáng sớm có cớ chi mà ông đến đứng ngoài cửa?

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch:

– Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Đồng chân đã đến trước đứng ngoài cửa, con thật sự đến sau.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Ông quả thật đến đứng đây trước muốn thấy Như Lai chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Con quả thật đến trước muốn thấy Như Lai. Vì sao? Vì con thích chánh quán lợi ích chúng sinh. Con quán Như Lai là tướng như như, tướng không đổi khác, tướng bất động, tướng không tạo tác, tướng không trụ, tướng không diệt, tướng chẳng có, tướng chẳng không, tướng chẳng tại phương chẳng lìa phương, tướng chẳng phải ba đời, chẳng phải chẳng ba đời, tướng chẳng phải hai, chẳng phải chẳng hai, tướng chẳng phải nhơ, chẳng phải sạch. Con chánh quán Như Lai như vậy lợi ích chúng sinh.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nếu có thể thấy Như Lai như vậy thì tâm vô sở thủ cũng vô bất thủ, chẳng phải tích tụ chẳng phải bất tích tụ.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nếu người có thể thấy Như Lai như vậy, như lời Bồ-tát nói, thì rất hy hữu, vì các chúng sinh mà thấy Như Lai như vậy, nhưng tâm chẳng thủ tướng chúng sinh, hóa độ các chúng sinh hướng đến Niết-bàn nhưng chẳng

thủ tướng Niết-bàn, vì tất cả chúng sinh phát đại trang nghiêm, nhưng chẳng thấy tướng trang nghiêm.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Đúng vậy! Đúng như lời Tôn giả nói! Dù vì tất cả chúng sinh mà phát đại trang nghiêm, nhưng tâm vẫn chẳng thấy có tướng chúng sinh. Vì tất cả chúng sinh phát đại trang nghiêm, nhưng chúng sinh giới cũng chẳng tăng chẳng giảm.

Giả sử một Đức Phật trụ thế, hoặc một kiếp hoặc quá một kiếp, một thế giới như vậy còn có vô lượng, vô biên hằng hà sa chư Phật, mỗi mỗi Đức Phật trong một kiếp hoặc quá một kiếp, ngày đêm luôn thuyết pháp chẳng tạm ngừng, mỗi mỗi Đức Phật, độ được vô lượng hằng hà sa chúng sinh đều nhập Niết-bàn, nhưng chúng sinh giới cũng chẳng tăng chẳng giảm. Cho đến tất cả chư Phật mười phương thế giới cũng như vậy, mỗi mỗi Đức Phật thuyết pháp giáo hóa cũng độ được vô lượng hằng hà sa chúng sinh đều nhập Niết-bàn, nhưng chúng sinh giới chẳng tăng chẳng giảm. Vì sao? Vì tướng chúng sinh nhất định chẳng thể nắm bắt vậy, thế nên chúng sinh giới không thêm, không bớt.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nếu chúng sinh giới không thêm, không bớt, tại sao các Bồ-tát vì chúng sinh cầu Vô thượng Bồ-đề thường thuyết pháp cho họ?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Nếu các chúng sinh đều là tướng không, thì cũng không Bồ-tát cầu Vô thượng Bồ-đề, cũng không chúng sinh để vì họ thuyết pháp. Vì sao? Vì trong pháp tôi nói không có một pháp có thể nắm bắt.

Bấy giờ Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nếu không có chúng sinh, tại sao nói có chúng sinh và chúng sinh giới?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Bạch Thế Tôn! Chúng sinh giới tướng như chư Phật giới.

Đức Phật hỏi:

– Chúng sinh giới đó là có lượng chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Bạch Thế Tôn! Chúng sinh giới lượng như chư Phật giới lượng.

Đức Phật hỏi:

– Chúng sinh giới lượng có xứ sở chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Chúng sinh giới lượng không thể nghĩ bàn.

Đức Phật hỏi:

– Chúng sinh giới tướng là có trụ chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Chúng sinh vô trụ, giống như hư không trụ.

Đức Phật hỏi:

– Như thế thì lúc tu Bát-nhã ba-la-mật-đa sẽ thế nào trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Lấy bất trụ pháp làm trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đức Phật hỏi:

– Thế nào bất trụ pháp gọi là trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Bởi không trụ tướng tức là trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đức Phật hỏi:

– Lúc trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy, các thiện căn ấy thế nào tăng trưởng thế nào tổn giảm?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nếu có thể trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy thì các căn lành không tăng không giảm, đối với tất cả pháp cũng không tăng không giảm, tánh chất và hình tướng của Bát-nhã ba-la-mật-đa ấy cũng không tăng không giảm.

Bạch Thế Tôn! Tu Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy thì chẳng xả phàm phu pháp, cũng chẳng nắm giữ Hiền thánh pháp. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy có pháp có thể giữ, có thể bỏ.

Tu Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy cũng chẳng thấy Niết-bàn đáng vui, sinh tử đáng chán. Vì sao? Vì sinh tử còn chẳng thấy, huống chi là chán nhàm, Niết-bàn còn chẳng thấy huống chi là ưa thích.

Tu Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy, chẳng thấy cấu não đáng bỏ, cũng chẳng thấy công đức đáng lấy. Vì sao? Vì đối với tất cả pháp, tâm không tăng giảm, vì chẳng thấy pháp giới có tăng giảm.

Nếu được như vậy, thì gọi là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn! Chẳng thấy các pháp có sinh có diệt là tu Bát-nhã ba-

la-mật-đa. Chẳng thấy các pháp có tăng có giảm, là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Tâm không mong lấy, chẳng thấy pháp tướng có thể lấy, là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Chẳng thấy tốt xấu, chẳng sinh cao hạ, chẳng sinh lấy bỏ. Tại sao? Pháp không có tốt xấu vì rời lìa các tướng. Pháp không có cao hạ, vì pháp tánh bình đẳng. Pháp không có lấy bỏ vì trụ thật tế. Đây là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đức Phật hỏi:

– Phật pháp ấy chẳng phải là thù thắng ư?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Con chẳng thấy các pháp có tướng thù thắng. Như Lai tự giác ngộ tất cả pháp không, có thể chứng biết.

Đức Phật dạy:

– Đúng như vậy! Như Lai chánh giác tự chứng pháp không.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Trong pháp không ấy, sẽ có gì hơn chân như để được chăng?

Đức Phật dạy:

– Lành thay, lành thay! Này Văn-thù-sư-lợi, như chỗ ông nói đó là chân pháp chăng?

Này Văn-thù-sư-lợi! A-nậu-đa-la gọi là Phật pháp.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, A-nậu-đa-la gọi là Phật pháp. Vì sao? Vì không có pháp để được gọi là A-nậu-đa-la.

Tu Bát-nhã như vậy, chẳng gọi là pháp khí, chẳng phải pháp hóa độ phàm phu, cũng chẳng phải Phật pháp, chẳng phải pháp tăng trưởng, đây gọi là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Lúc tu Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy có pháp gì để phân biệt tư duy được.

Đức Phật hỏi:

– Ông ở nơi Phật pháp không tư duy ư?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn, không vậy! Như chỗ con tư duy thì chẳng thấy Phật pháp, cũng chẳng có gì phân biệt được là pháp phàm phu, là pháp Thanh văn, là pháp Bích-chi-phật. Như thế ấy gọi là Phật pháp Vô thượng.

Lại nữa, lúc tu Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy tướng phàm phu, không thấy tướng Phật pháp, không thấy các pháp có tướng quyết định, đây là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa, lúc tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thấy cõi Dục, không thấy cõi Sắc, không thấy cõi Vô sắc, không thấy cõi tịch diệt. Vì sao? Vì không thấy có pháp gì là tướng tận diệt, đây là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa, lúc tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thấy có người làm ân, không thấy có người báo ân, tư duy hai tướng, tâm không có phân biệt, đây là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa, lúc tu Bát-nhã ba-la-mật-đa không thấy có Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng không thấy có Phật pháp để lấy, không thấy có pháp phàm phu để bỏ. Đây là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa, lúc tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thấy có pháp phàm phu để diệt, cũng không thấy có Phật pháp để tâm chứng biết. Đây là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đức Phật khen:

– Lành thay, lành thay! Này Văn-thù-sư-lợi! Ông có thể khéo nói tướng Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đó là pháp ấn được học của các Đại Bồ-tát. Cho đến hàng Thanh văn, Duyên giác cũng sẽ chẳng rời lìa pháp ấn ấy mà tu đạo quả.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu có người được nghe pháp ấy mà không kinh sợ, người này không phải chỉ trồng cội lành nơi ngàn Đức Phật, mà họ đã ở nơi trăm ngàn vạn ức chư Phật gieo trồng các căn lành, nên họ mới có thể ở nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa mà không kinh không sợ.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nay con lại muốn lại nói nghĩa Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đức Phật dạy:

– Ông cứ nói đi.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Bạch Thế Tôn! Lúc tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thấy có pháp nào là nên an trụ, là không nên an trụ, cũng không thấy có tướng được lấy, được bỏ. Vì sao? Vì như chư Phật không thấy tướng cảnh giới của tất cả pháp. Cho đến không lấy cảnh giới chư Phật, huống là lấy cảnh giới Thanh văn, Duyên giác và phàm phu.

Lúc tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, không lấy tướng nghĩ bàn, không lấy

tướng chẳng thể nghĩ bàn, không thấy pháp chư Phật có bao nhiêu tướng. Tự chứng pháp không, không thể nghĩ bàn được.

Đại Bồ-tát như vậy đều đã cúng dường trăm ngàn vạn ức chư Phật gieo trồng căn lành mới có thể không kinh không sợ nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này.

Lại nữa, lúc tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thấy trói buộc, không thấy giải, từ phàm phu cho đến ba thừa không thấy tướng sai biệt. Đây là tu Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đức Phật hỏi:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Ông đã cúng dường bao nhiêu chư Phật?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Con và chư Phật như tướng huyễn hóa, không thấy tướng cúng dường, không thấy người nhận sự cúng dường.

Đức Phật hỏi:

– Nay ông có thể an trụ Phật thừa ư?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Như chỗ con tư duy, chẳng thấy có một pháp, thì thế nào là sẽ được an trụ nơi Phật thừa.

Đức Phật hỏi:

– Ông không được Phật thừa chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Vì Phật thừa ấy chỉ có danh tự, không thể được cũng không thể thấy, như vậy thì con làm sao được, gọi là được an trụ nơi Phật thừa.

Đức Phật hỏi:

– Ông được trí vô ngại chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Con chính là vô ngại. Sao lại đem vô ngại để được trí vô ngại?

Đức Phật hỏi:

– Ông ngồi đạo tràng chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Tất cả chư Phật không ngồi đạo tràng. Nay con sao lại riêng ngồi đạo tràng. Vì sao? Vì hiện tại con thấy tất cả pháp an trụ thực tế.

Đức Phật hỏi:

– Thế nào gọi là thật tế?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Thân kiến v.v… là thật tế.

Đức Phật hỏi:

– Thế nào thân kiến là thật tế?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Tướng như của thân kiến không phải thật, chẳng phải không thật, không đến không đi, cũng là thân cũng là chẳng phải thân, đây gọi là thật tế.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nếu ai đối với nghĩa ấy, mà biết một cách chắn chắn thì gọi là Đại Bồ-tát. Vì sao? Vì được nghe tướng Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy mà họ không kinh sợ không mê nghi.

Bồ-tát Di-lặc bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nếu được nghe pháp tướng Bát-nhã ba-la-mật-đa đầy đủ như vậy, thì tức là gần chỗ Đức Phật ngồi. Vì sao? Vì Đức Phật hiện giác ngộ pháp tướng ấy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Người được nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa mà có thể không kinh sợ không mê nghi, thì phải biết người ấy chính là thấy Phật.

Lúc bấy giờ lại có Vô Tướng Ưu-bà-di bạch:

– Bạch Thế Tôn! Pháp phàm phu, pháp Thanh văn, pháp Bích-chi-phật, pháp Phật, các pháp ấy đều không có tướng, vì thế nên được nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa đều không kinh sợ không mê nghi. Vì sao? Vì tất cả vốn không có tướng.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Nếu có thiện nam, thiện nữ nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy mà được quyết định, không kinh sợ không mê nghi, thì nên biết người ấy chính là người an trụ bậc không thoái chuyển.

Nếu có người nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này mà không kinh sợ, hay tin ưa nghe nhận vui thích không chán, thì tức là có đủ Đàn ba-la-mật-đa, Thi-la ba-la-mật-đa, Sằn-đề ba-la-mật-đa, Tỳ-lê-gia ba-la-mật-đa, Thiền ba-la-mật-đa và Bát-nhã ba-la-mật-đa. Người ấy cũng hay vì người

khác mà hiển thị phân biệt như thuyết tu hành.

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Ông quán nghĩa gì là được Vô thượng Bồ-đề, là an trụ Vô thượng Bồ-đề?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Con không Vô thượng Bồ-đề, con không an trụ Phật thừa, thì sao lại sẽ được Vô thượng Bồ-đề? Như lời con nói đó tức là tướng Vô thượng Bồ-đề.

Phật khen:

– Lành thay, lành thay! Này Văn-thù-sư-lợi! Ông có thể ở trong pháp sâu xa ấy mà khéo nói nghĩa như vậy. Ông ở chỗ chư Phật từ lâu đã gieo các căn lành, dùng pháp vô tướng mà tịnh tu phạm hạnh.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nếu thấy có tướng thì nói không tướng. Nay con không thấy có tướng không thấy không tướng, sao lại bảo là dùng pháp vô tướng mà tịnh tu phạm hạnh?

Phật hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Ông có thấy giới Thanh văn chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn, có thấy!

Đức Phật hỏi:

– Ông thấy thế nào?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Con không thấy phàm phu, không thấy Thánh nhân, không thấy Hữu học, không thấy Vô học, không thấy lớn, không thấy nhỏ, không thấy điều phục, không thấy không điều phục, không phải thấy, không phải không thấy.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nay Bồ-tát quán Thanh văn thừa như vậy, với Phật thừa thì Bồ-tát quán thế nào?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Tôi không thấy pháp Bồ-tát, không thấy tu hành Bồ-đề và người chứng Bồ-đề.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Thế nào gọi là Phật và quán Phật thế nào?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Thế nào là ngã?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Ngã ấy chỉ có danh tự thôi. Tướng danh tự là không.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Đúng như vậy. Vì ngã chỉ có danh tự, Phật cũng chỉ có danh tự, tướng danh tự là không, chính đó là Bồ-đề. Không dùng danh tự để cầu Bồ-đề. Tướng Bồ-đề không có ngôn, không có thuyết. Vì sao? Vì ngôn thuyết và Bồ-đề cả hai đều không.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Tôn giả hỏi thế nào gọi là Phật và quán Phật thế nào?

Không sinh, không diệt, không đến, không đi, không phải danh không phải tướng, ấy gọi là Phật.

Như tự quán thân thật tướng, quán Phật cũng vậy, chỉ có bậc trí mới biết được thôi, ấy gọi là quán Phật.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 116

Hán dịch: Đời nhà Lương, Tam tạng
Pháp sư Mạn-đà-la-tiên.

PHÁP HỘI 46: VĂN-THÙ-SƯ-LỢI THUYẾT BÁT-NHÃ (PHẦN 2)

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Như Bát-nhã ba-la-mật-đa được Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã nói, không phải chỗ có thể hiểu của hàng Bồ-tát sơ học.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Chẳng những hàng Bồ-tát sơ học không biết được, mà hàng Thanh văn, Duyên giác, bậc mà chỗ làm đã xong cũng chưa biết được. Thuyết pháp như vậy không có ai là người hay biết. Vì sao? Vì tướng Bồ-đề thật ra không có pháp gì để được biết.

Bồ-đề như vậy tánh tướng không tịch, không có thấy, không có nghe, không có được, không có niệm, không có sinh, không có diệt, không có nói, không có nghe, không có chứng, không có biết, không có hình, không có tướng, như vậy thì làm sao lại sẽ có người được Bồ-đề?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Đức Phật ở trong pháp giới không có chứng Vô thượng Bồ-đề ư?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Không vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Thế Tôn tức là pháp giới. Nếu đem pháp giới để chứng pháp giới là tranh luận.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Tướng pháp giới là Bồ-đề. Vì sao? Vì trong pháp giới ấy không có tướng chúng sinh, vì tất cả pháp là không. Tất cả pháp không, tức là Bồ-đề, vì là không có hai, không có phân biệt.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Trong không phân biệt thì không có người biết. Nếu không có người biết thì không có lời, không có nói. Không có tướng ngôn thuyết, thì không phải có cũng không phải không, mà cũng không phải không biết. Tất cả các pháp cũng như vậy. Vì sao? Vì tất cả các pháp không thấy nơi nào là tánh quyết định cả.

Như tướng của tội nghịch không thể nghĩ bàn được. Vì sao? Vì thực tướng của các pháp không thể hư hoại. Tội nghịch như vậy cũng không có bản tánh, nó không sinh thiên thượng, không đọa địa ngục cũng không nhập Niết-bàn. Vì sao? Vì tất cả nghiệp duyên đều an trụ thực tế, không đến không đi, không phải nhân quả, không phải không nhân quả. Vì sao? Vì pháp giới vô biên không có tiền không có hậu.

Vì thế nên, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu thấy Tỳ-kheo phạm tội trọng không đọa địa ngục, Tỳ-kheo thanh tịnh không nhập Niết-bàn, Tỳ-kheo như vậy không phải ứng cúng không phải không ứng cúng, không phải tận lậu không phải không tận lậu. Vì sao? Vì ở trong các pháp an trụ bình đẳng vậy.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

– Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào gọi là pháp nhẫn không thoái?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Không thấy chút pháp gì có tướng sinh diệt, gọi là pháp nhẫn không thoái.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

– Thế nào lại gọi là Tỳ-kheo không điều phục?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– A-la-hán lậu tận, gọi bậc đó là không điều phục. Vì sao? Vì A-la-hán đã dứt hết các kiết sử, không còn có chỗ điều phục nên gọi là không điều phục. Nếu người tâm hành thì gọi là phàm phu. Vì sao? Vì phàm phu chúng sinh không thuận pháp giới nên gọi là quá.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Lành thay, lành thay! Nay ngài vì tôi mà khéo giải nghĩa A-la-hán lậu tận.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Đúng như vậy. Tôi chính là lậu tận chân A-la-hán. Vì sao? Vì ý muốn dứt cầu Thanh văn, cầu Bích-chi-phật, do đó mà gọi là lậu tận được quả vị A-la-hán.

Phật hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Các Bồ-tát lúc ngồi đạo tràng có giác ngộ Vô thượng Bồ-đề chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Lúc ngồi đạo tràng Bồ-tát không có giác ngộ Vô thượng Bồ-đề. Vì sao? Vì tướng Bồ-đề không có chút pháp gì để được gọi là Vô thượng Bồ-đề. Bồ-đề không có tướng, ai có thể ngồi được, cũng không có ai phát khởi,

do đó nên chẳng thấy Bồ-tát ngồi đạo tràng, cũng không có sự giác ngộ chứng Vô thượng Bồ-đề.

Bạch Thế Tôn! Bồ-đề tức ngũ nghịch, ngũ nghịch tức Bồ-đề. Vì sao? Vì Bồ-đề và ngũ nghịch không có hai tướng, không có giác, không người giác, không có thấy không người thấy, không có biết không người biết, không có phân biệt không người phân biệt, tướng như vậy gọi đó là Bồ-đề. Thấy tướng ngũ nghịch cũng như vậy.

Nếu ai nói có Bồ-đề để thủ chứng, thì nên biết người ấy là hạng tăng thượng mạn.

Đức Phật hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Ông nói ta là Như Lai, ông cũng cho rằng ta làm Như Lai chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Không phải vậy, bạch Thế Tôn! Con không cho rằng Như Lai làm Như Lai. Không có tướng như có thể gọi được là như, cũng không có Như Lai trí, để có thể biết được như. Vì sao? Vì Như Lai và Như Lai trí không có hai tướng. Không là Như Lai, chỉ có danh tự thôi, như thế thì con sẽ như thế nào gọi là Như Lai được.

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Ông nghi ngờ Như Lai chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Không phải vậy, bạch Thế Tôn! Con quán Như Lai không có tánh quyết định, không có sinh không có diệt, thế nên không nghi.

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nay ông không cho rằng Như Lai xuất hiện nơi đời chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nếu có Như Lai xuất hiện nơi đời thì tất cả pháp giới cũng phải xuất hiện cả.

Đức Phật hỏi:

– Ông cho rằng hằng hà sa chư Phật nhập Niết-bàn chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Tướng của chư Phật duy nhất, không thể nghĩ bàn.

Đức Phật dạy:

– Đúng như vậy! Chư Phật là tướng duy nhất, tướng không thể nghĩ bàn.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nay Phật trụ thế chăng?

Phật bảo:

– Đúng như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Nếu Đức Phật trụ thế thì hằng hà sa chư Phật cũng phải trụ thế. Vì sao? Vì tất cả chư Phật đều đồng tướng duy nhất tướng chẳng thể nghĩ bàn. Tướng không thể nghĩ bàn ấy không có sinh, không có diệt.

Nếu vị lai Phật xuất thế thì tất cả chư Phật cũng phải đều xuất thế. Vì sao? Vì trong tướng không thể nghĩ bàn ấy không có tướng quá khứ, vị lai, hiện tại, chỉ do chúng sinh chấp trước cho rằng có xuất thế, có diệt độ.

Đức Phật bảo:

– Đây là chỗ hiểu biết của chư Như Lai, A-la-hán, Bồ-tát không thoái. Vì sao? Vì ba hạng này nghe pháp sâu xa có thể không phỉ báng, cũng không tán thán.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Tướng chẳng thể nghĩ bàn như vậy, ai sẽ phỉ báng, ai sẽ tán thán.

Đức Phật dạy:

– Như Lai chẳng thể nghĩ bàn, phàm phu cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Phàm phu cũng chẳng thể nghĩ bàn chăng?

Đức Phật dạy:

– Phàm phu cũng chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì tất cả tâm tướng đều chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Nếu như lời nói ấy thì Như Lai chẳng thể nghĩ bàn, phàm phu cũng chẳng thể nghĩ bàn, thì nay vô số chư Phật cầu đại Niết-bàn tự uổng phí nhọc nhằn. Vì sao? Vì pháp chẳng thể nghĩ bàn tức là đại Niết-bàn bình đẳng không có khác.

Phàm phu chẳng thể nghĩ bàn, chư Phật chẳng thể nghĩ bàn như vậy, những thiện nam, thiện nữ huân tập thiện căn, gần Thiện tri thức lâu dài, mới có thể biết được.

Đức Phật dạy:

– Ông muốn Như Lai là bậc tối thắng trong các chúng sinh chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Con muốn Như Lai ở nơi các chúng sinh là tối thắng đệ nhất, chỉ vì

tướng chúng sinh cũng chẳng thể nắm bắt.

Đức Phật dạy:

– Ông muốn Như Lai được pháp chẳng thể nghĩ bàn chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Muốn cho Như Lai được pháp chẳng thể nghĩ bàn mà nơi các pháp không có ai thành tựu cả.

Đức Phật dạy:

– Ông muốn Như Lai thuyết pháp giáo hóa chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Con muốn khiến Như Lai thuyết pháp giáo hóa mà người nói và người nghe đều bất khả đắc. Vì sao? Vì an trụ pháp giới. Pháp giới chúng sinh không có tướng sai biệt.

Đức Phật dạy:

– Ông muốn Như Lai làm phước điền vô thượng chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Như Lai là phước điền vô tận, là tướng vô tận, tướng vô tận là phước điền vô thượng, không phải phước điền không phải không phước điền. Đây gọi là phước điền, không có các tướng sáng tối sinh diệt, đây gọi là phước điền. Nếu có thể hiểu biết tướng phước điền như vậy, là gieo sâu giống lành, nhưng cũng không có tăng không có giảm.

Đức Phật dạy:

– Thế nào là gieo giống phước điền không có tăng không có giảm?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Tướng phước điền không thể nghĩ bàn, nếu người ở trong ấy mà tu tập pháp lành đúng pháp thì cũng không thể nghĩ bàn. Gieo giống như vậy thì gọi là không có tăng không có giảm, cũng là phước điền tối thắng vô thượng.

Bấy giờ do thần lực của Đức Phật, cả đại địa chấn động sáu cách hiện ra tướng vô thường, có một vạn sáu ngàn người được Vô sinh pháp nhẫn, có bảy trăm Tỳ-kheo, ba ngàn Ưu-bà-tắc, bốn vạn ức Ưu-bà-di, sáu ngàn ức na-do-tha chư Thiên cõi Dục, đều xa lìa cấu trần, ở trong các pháp được Pháp nhãn thanh tịnh.

Tôn giả A-nan đứng dậy để hở vai áo bên phải, gối phải chấm đất bạch:

– Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà có sáu cách chấn động ấy?

Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Vì ta nói tướng không sai biệt của phước điền nên hiện điềm ứng ấy. Thuở xưa, chư Phật cũng ở tại chỗ này nói tướng phước điền làm lợi ích cho chúng sinh và tất cả thế gian cũng chấn động sáu cách như vậy.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch:

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thật là chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì pháp tướng được Bồ-tát nói đó chẳng thể nghĩ bàn.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Đúng như vậy! Như lời Xá-lợi-phất nói, những gì ông ấy nói, thật không thể nghĩ bàn.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Chẳng thể nghĩ bàn không thể nói được mà có thể nghĩ bàn cũng không thể nói được. Tánh nghĩ bàn và chẳng thể nghĩ bàn đều không thể nói được. Tướng của tất cả âm thanh không phải nghĩ bàn, cũng không phải không thể nghĩ bàn.

Đức Phật dạy:

– Ông nhập Tam-muội chẳng thể nghĩ bàn chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Không phải vậy! Bạch Thế Tôn! Con tức là chẳng thể nghĩ bàn, không thấy có tâm hay nghĩ bàn thì sao lại bảo là nhập Tam-muội chẳng thể nghĩ bàn. Lúc con phát tâm ban đầu, con muốn nhập Tam-muội ấy, mà nay con tư duy thật không có tâm tướng để nhập Tam-muội. Như người học bắn tập lâu thì giỏi. Lúc sau dù vô tâm mà vì đã quen tập từ lâu nên buông tên ra đều trúng đích cả.

Cũng vậy, lúc ban đầu con học Tam-muội chẳng thể nghĩ bàn, buộc tâm một cảnh duyên, luyện tập thành thục rồi không còn có tâm tướng mà luôn cùng chung với Tam-muội.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Còn có định thắng diệu tịch diệt nữa chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Nếu có định chẳng thể nghĩ bàn thì Tôn giả có thể hỏi còn có định tịch diệt chăng? Cứ như ý tôi hiểu, thì định chẳng thể nghĩ bàn còn chẳng thể nắm bắt, sao lại hỏi có định tịch diệt ư.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

– Định chẳng thể nghĩ bàn không thể có được ư?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Định nghĩ bàn có tướng để được, định chẳng thể nghĩ bàn không có tướng để được. Tất cả chúng sinh, thật sự thành tựu định chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì tất cả tâm tướng tức chẳng phải tâm vậy, đây gọi là định chẳng thể nghĩ bàn. Do đây nên tướng tất cả chúng sinh và tướng định chẳng thể nghĩ bàn đồng nhau không sai biệt.

Phật khen Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Lành thay, lành thay! Ông từ lâu ở chỗ chư Phật đã trồng căn lành tịnh tu phạm hạnh, ông mới có thể diễn nói Tam-muội sâu xa. Nên nay ông an trụ trong Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nếu con an trụ trong Bát-nhã ba-la-mật-đa, có thể nói những lời ấy, thì con có tưởng an trụ ngã tưởng. Nếu an trụ trong có tưởng và ngã tưởng thì Bát-nhã ba-la-mật-đa có xứ sở. Nếu an trụ nơi không có cũng là ngã tưởng, cũng gọi là xứ sở. Rời lìa hai nơi ấy mà an trụ không chỗ an trụ, như chư Phật an trụ, an trụ nơi cảnh giới tịch diệt chẳng thể nghĩ bàn. Chẳng thể nghĩ bàn ấy gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa trụ xứ. Bát-nhã ba-la-mật-đa trụ xứ, tất cả pháp không có tướng, tất cả pháp không có tác. Bát-nhã ba-la-mật-đa tức là chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể nghĩ bàn tức pháp giới, pháp giới tức vô tướng, vô tướng tức chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể nghĩ bàn tức Bát-nhã ba-la-mật-đa, Bát-nhã ba-la-mật-đa tức pháp giới, không hai không khác, không hai không khác tức pháp giới, pháp giới tức vô tướng, vô tướng tức Bát-nhã ba-la-mật-đa giới, Bát-nhã ba-la-mật-đa giới tức chẳng thể nghĩ bàn giới, chẳng thể nghĩ bàn giới tức không sinh không diệt giới, không sinh không diệt giới tức chẳng thể nghĩ bàn giới.

Bạch Thế Tôn! Như Lai giới và ngã giới tức là tướng không hai. Người tu Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy thì không cầu Bồ-đề. Vì sao? Vì tướng Bồ-đề là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn! Nếu biết tướng của ngã mà không nhiễm trước, không biết không trước là chỗ biết chẳng thể nghĩ bàn Phật. Không biết, không chấp trước là chỗ biết của Phật. Vì sao? Vì thể tánh của biết vốn không có tướng thì làm sao có biết có chấp trước. Nếu bản tánh của cái biết không có tướng, không có chấp trước thì gọi là không có vật. Nếu không có vật là không xứ sở không có chỗ dựa nương, không có chỗ trụ. Không có dựa nương không trụ là không sinh không diệt. Nếu không sinh, không diệt, thì là công đức hữu vi và vô vi.

Nếu biết như vậy thì không có tâm tưởng. Đã không tâm tưởng thì không có biết công đức hữu vi vô vi. Vì thế nên cái không biết ấy là chẳng thể nghĩ bàn. Chẳng thể nghĩ bàn ấy là chỗ biết của Phật.

Cũng không có nắm giữ, không có không nắm giữ, không thấy tướng ba đời đến đi, không nắm lấy sinh diệt và những khởi tác, cũng không đoạn chẳng thường. Biết như vậy thì gọi là chánh trí, là chẳng thể nghĩ bàn trí, như hư không, không có đây không có kia, không gì so sánh được, không có tốt xấu, không ngang bằng, không có hình tướng, không có dung mạo.

Đức Phật dạy:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu biết như vậy thì gọi là Trí không thoái chuyển.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Trí vô tác gọi là Trí không thoái chuyển. Ví như quặng vàng, trước hết phải đào luyện, rồi mới biết là vàng tốt hay xấu. Nếu chẳng đào luyện xử lý thì không biết được.

Tướng của Trí không thoái chuyển cũng như vậy, cảnh giới ấy cần phải thực hành mà không niệm không trước, không khởi không tác, hoàn toàn bất động, bất sinh bất diệt, như vậy tướng ấy mới hiển hiện.

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Như chư Phật tự nói trí của mình thì ai có thể tin?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Trí ấy không phải pháp Niết-bàn, không phải pháp sinh tử, là hạnh tịch diệt là hạnh vô động, không dứt trừ tham, sân, si cũng không phải không dứt tham, sân, si. Vì sao? Vì vô tận, vô diệt vậy, không lìa sinh tử, cũng không phải không lìa, không tu đạo hạnh cũng không phải không tu. Người hiểu như đây thì gọi là chánh tín.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Lành thay, lành thay! Như lời ông nói là hiểu sâu nghĩa ấy.

Lúc ấy Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đời sau nếu chánh pháp thâm sâu được nói ra như vậy, thì ai có thể tin hiểu lãnh nhận tu hành?

Phật dạy:

– Nay trong pháp hội này chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, những người được nghe kinh này, trong đời vị lai, nếu được nghe pháp này thì họ quyết có thể tin hiểu, ở nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa họ có thể tin hiểu thọ trì và cũng có thể vì mọi người mà giải thuyết phân biệt.

Ví như trưởng giả đánh mất châu ma-ni, lo sầu khổ sở, về sau được lại ông rất vui mừng. Cũng vậy, này Đại Ca-diếp! Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di này có tâm tin ưa nếu chẳng được nghe pháp sâu thì lòng khổ não, nếu lúc được nghe thì tin hiểu, thọ trì thường thích đọc tụng, lòng rất vui mừng. Phải biết những người ấy tức là đã thấy Phật, cũng tức là thân cận cúng dường chư Phật.

Này Đại Ca-diếp! Ví như chư Thiên cõi trời Đao-lợi, thấy cây Ba-lợi-chất-đa-la nẩy nụ, họ rất vui mừng vì biết chẳng bao lâu cây sẽ trổ hoa. Cũng vậy, nếu các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di được nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa mà có thể sinh lòng tin hiểu thì chẳng bao lâu sẽ nẩy nở tất cả Phật pháp.

Trong đời đương lai, có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa tin nhận đọc tụng, lòng chẳng mê nghi, thì phải biết người ấy đã từng ở tại pháp hội này, đã được nghe và lãnh thọ kinh ấy và cũng hay vì người khác mà rộng tuyên lưu bố. Nên biết người ấy được Phật hộ niệm.

Trong Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy, nếu ai có thể tin ưa không nghi hoặc, người này vốn đã tu học, trồng các căn lành từ lâu nơi chư Phật quá khứ.

Ví như có người tự tay đan kết châu báu, bỗng gặp bảo trân châu ma-ni vô thượng, lòng rất mừng rỡ, phải biết người ấy đã từng thấy bảo châu rồi. Cũng vậy, này Đại Ca-diếp! Nếu thiện nam, thiện nữ tu học các pháp khác, bỗng được nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa mà hay sinh lòng vui mừng, nên biết người này trước đây đã được nghe rồi. Nếu có chúng sinh nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, có thể tin nhận và tột độ vui mừng, những chúng sinh này vốn đã thân cận vô số chư Phật và đã được nghe, được tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa rồi vậy.

Ví như có người trước đây đã đến và thấy thành ấp thôn xóm, lúc sau nghe có ai khen và mô tả thành ấp đó có những vườn tược, ao suối, rặng cây, bông trái, nhân dân đều đáng ưa mến, người ấy nghe xong rất vui mừng khuyên khiến mô tả lại các cảnh đẹp của thành đó, người ấy nghe rồi lại càng vui mừng hơn, đây là vì các người ấy đã từng thấy thành ấp đó rồi vậy. Cũng thế, nếu thiện nam, thiện nữ được nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa mà hay tin nhận và rất vui mừng, thích nghe chẳng nhàm còn khuyên nói nữa, nên biết các người ấy vốn đã theo Văn-thù-sư-lợi nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa rồi vậy.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bạch Đức Phật:

– Nếu đời đương lai có thiện nam, thiện nữ được nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này mà tin ưa nhận lấy, do đây nên biết họ cũng đã ở nơi Phật quá khứ, được nghe và tu học rồi.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

– Thế Tôn nói các pháp vô tác vô tướng đệ nhất tịch diệt. Nếu thiện nam, thiện nữ có thể hiểu chắc nghĩa ấy, đúng như chỗ được nghe mà giải thuyết, thì được chư Phật khen ngợi chẳng xa pháp tướng, tức là lời Phật nói, cũng là tướng Bát-nhã ba-la-mật-đa bộc phát mãnh liệt, đầy đủ Phật pháp, thông đạt thật tướng chẳng thể nghĩ bàn.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Thuở ta hành đạo Bồ-tát tu các căn lành, muốn an trụ bậc không thoái chuyển, thì ta phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa, do vậy muốn thành Vô thượng Bồ-đề phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu thiện nam, thiện nữ muốn hiểu tướng của tất cả pháp, muốn biết tâm hành của tất cả chúng sinh đều đồng đẳng, thì họ phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Này Văn-thù-sư-lợi! Người muốn học tất cả Phật pháp đầy đủ vô ngại, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Người muốn học lúc mà chư Phật thành Vô thượng Chánh giác, đủ tướng hảo oai nghi vô lượng pháp thức, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Người muốn biết chư Phật chẳng thành Bồ-đề Vô thượng, tất cả pháp thức và các oai nghi thì phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì trong pháp không ấy, chẳng thấy có chư Phật Bồ-đề.

Nếu người muốn biết tướng của các pháp như vậy mà không nghi hoặc thì phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa chẳng thấy các pháp hoặc sinh hoặc diệt, hoặc cấu hoặc tịnh.

Người muốn biết tất cả các pháp không có các tướng quá khứ, vị lai, hiện tại thì phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì tánh tướng pháp giới không có ba đời.

Người muốn biết tất cả pháp đồng nhập pháp giới tâm vô chướng ngại thì phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Người muốn ba chuyển, mười hai hành pháp luân và tự mình cũng chứng biết mà chẳng thủ trước thì phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Người muốn được Từ tâm che khắp tất cả chúng sinh không giới hạn, cũng không tưởng nghĩ có tướng chúng sinh, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Người muốn được đối với tất cả chúng sinh không phát khởi tranh

luận cũng chẳng nắm lấy tướng không tranh luận thì phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Người muốn biết cảnh xứ như vậy, không phải cảnh xứ như vậy, mười Trí lực, bốn Vô sở úy, an trụ trí tuệ Phật, được vô ngại biện, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bấy giờ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Con quán chánh pháp: Vô vi, không tướng, không đắc, không lợi, không sinh, không diệt, không đến, không đi, không tri giả, không kiến giả, không tác giả, chẳng thấy Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thấy cảnh giới Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng phải chứng, chẳng phải chẳng chứng, chẳng hý luận, không phân biệt, tất cả pháp vô tận, ly tận, không có pháp phàm phu, không có pháp Thanh văn, không có pháp Bích-chi-phật, không có pháp Phật, chẳng phải đắc chẳng phải chẳng đắc, chẳng bỏ sinh tử, chẳng chứng Niết-bàn, chẳng phải nghĩ bàn, chẳng phải chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải tác chẳng phải bất tác.

Tướng của pháp như vậy, chẳng biết phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa thế nào?

Phật dạy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nếu có thể biết được pháp tướng như vậy, thì gọi là học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu Đại Bồ-tát muốn học Bồ-đề tự tại Tam-muội, được Tam-muội ấy rồi chiếu rõ tất cả Phật pháp sâu xa và biết danh tự của tất cả chư Phật, cũng biết rõ cả thế giới chư Phật không chướng ngại, thì nên đúng như lời Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói Bát-nhã ba-la-mật-đa mà học.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nguyên nhân gì gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Đức Phật dạy:

– Bát-nhã ba-la-mật-đa là không danh, không tướng, không bờ, không mé, chẳng phải tư lương, không nương, không về, không nơi, không chỗ, không tội, không phước, không tối, không sáng, như pháp giới không có chia đều, không có hạn số. Đây gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng được gọi là hành xứ của Đại Bồ-tát, chẳng phải hành xứ cũng chẳng phải không hành xứ. Đều vào Nhất thừa nên gọi là chẳng phải hành xứ. Vì sao? Vì không niệm, không tác.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Phải thực hành thế nào để có thể mau đắc Vô thượng

Bồ-đề?

Đức Phật dạy:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Làm đúng như Bát-nhã ba-la-mật-đa được tuyên thuyết thì có thể mau được Vô thượng Bồ-đề.

Còn có Nhất hạnh Tam-muội, người tu Tam-muội này thì cũng mau đắc Vô thượng Bồ-đề.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Nhất hạnh Tam-muội?

Đức Phật dạy:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Pháp giới nhất tướng, nếu chuyên tâm tin vào một tướng pháp giới, đây gọi là Nhất hạnh Tam-muội.

Nếu thiện nam, thiện nữ muốn vào Nhất hạnh Tam-muội, phải trước nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa rồi tu học đúng như lời, sau đó có thể vào Nhất hạnh Tam-muội, tâm tin vào pháp giới, chẳng thoái chẳng hoại chẳng thể nghĩ bàn vô ngại vô tướng.

Thiện nam, thiện nữ muốn vào Nhất hạnh Tam-muội, người này phải ở chỗ vắng vẻ tịch tĩnh, bỏ ý tưởng tán loạn, tâm chẳng nắm giữ tướng mạo, buộc chặt tâm tưởng vào một Đức Phật, rồi chuyên xưng danh hiệu của Đức Phật ấy, theo phương hướng của Đức Phật ấy ngự mà ngồi ngay thẳng mặt hướng về phía ấy.

Đối với một Đức Phật mà có thể niệm niệm nối nhau không gián đoạn, thì liền trong niệm ấy thấy được chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại.

Vì sao? Vì niệm một Đức Phật, công đức vô lượng, vô biên, so với niệm vô lượng chư Phật, công đức cũng không khác. Chẳng thể nghĩ bàn Phật pháp bình đẳng không phân biệt. Chư Phật đều thừa nhất như mà thành bậc Tối Chánh Giác, đều được vô lượng công đức vô lượng biện tài.

Người nhập nhất hạnh Tam-muội như vậy biết hết tướng pháp giới không sai biệt của hằng hà sa chư Phật.

Cho dù A-nan-đà được nghe Phật pháp, đắc ký ức tổng trì trí tuệ biện tài, là bậc đứng đầu trong hàng Thanh văn, thế nhưng còn trụ lượng số thì vẫn còn giới hạn và ngăn ngại.

Nếu được Nhất hạnh Tam-muội thì pháp môn của các kinh, tất cả đều rành rẽ biết rõ quyết định vô ngại, trí tuệ biện tài hoàn toàn không đoạn tuyệt. Nếu đem biện tài đa văn của A-nan-đà để so sánh thì không bằng một phần trăm một phần ngàn của Nhất hạnh Tam-muội ấy.

Đại Bồ-tát nên nghĩ như vầy: "Tôi phải thế nào để được Nhất hạnh

Tam-muội công đức không thể nghĩ bàn danh xưng vô lượng?" Rồi lại nên nghĩ: "Đức Phật đã dạy, Đại Bồ-tát phải ghi nhớ Nhất hạnh Tam-muội thường chuyên tinh tấn không lười biếng, tuần tự như vậy mà lần lần tu học, thì có thể được nhập Nhất hạnh Tam-muội chứng đắc công đức không thể nghĩ bàn. Trừ người phỉ báng chánh pháp chẳng tin nhân quả phạm tội chướng nặng thì không thể đắc nhập".

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Ví như có người được châu ma-ni đưa cho thợ ngọc xem. Thợ ngọc bảo rằng đây thật là bảo châu ma-ni vô giá. Người ấy yêu cầu thợ ngọc mài giũa chớ để mất màu và ánh sáng. Thợ ngọc trau giồi bảo châu, lấp lánh sáng chiếu suốt trong ngoài. Cũng vậy, nếu có thiện nam, thiện nữ tu học Nhất hạnh Tam-muội, công đức không thể nghĩ bàn danh xưng vô lượng, tùy lúc tu học họ có thể biết được các pháp tướng sáng suốt vô ngại công đức tăng trưởng cũng như vậy.

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Như ánh sáng của mặt trời đầy khắp không có tướng tối tắt. Nếu người được Nhất hạnh Tam-muội thì có thể đầy đủ tất cả công đức không thiếu kém, chiếu sáng Phật pháp như ánh sáng mặt trời.

Này Văn-thù-sư-lợi! Pháp được ta nói đều là một vị là vị xả ly, vị giải thoát và vị tịch diệt.

Nếu thiện nam, thiện nữ được Nhất hạnh Tam-muội này thì pháp của họ diễn nói cũng là một vị. Là vị xả ly, vị giải thoát và vị tịch diệt, họ tùy thuận chánh pháp không có tướng sai lầm.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu Đại Bồ-tát đắc Nhất hạnh Tam-muội này họ có đầy đủ cả pháp trợ đạo nhanh chóng chứng đắc Vô thượng Bồ-đề.

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Nếu Đại Bồ-tát chẳng thấy pháp giới có tướng sai biệt, có tướng đồng nhất thì nhanh chóng chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, tướng không thể nghĩ bàn. Trong Bồ-đề ấy cũng không có Phật nào để chứng đắc. Người biết như vậy thì nhanh chóng chứng đắc Vô thượng Bồ-đề.

Nếu người tin tất cả pháp đều là Phật pháp, chẳng kinh sợ, chẳng nghi hoặc, rõ biết như vậy thì nhanh chóng chứng đắc Vô thượng Bồ-đề.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Do nơi nhân như vậy mà nhanh chóng chứng đắc Vô thượng Bồ-đề ư?

Đức Phật dạy:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Được Vô thượng Bồ-đề chẳng do nhân mà

được chẳng do phi nhân được. Vì sao? Vì chẳng thể nghĩ bàn giới chẳng do nhân được chẳng do phi nhân được.

Nếu thiện nam, thiện nữ nghe nói như vậy mà chẳng sinh lười biếng, nên biết người ấy do đã gieo trồng căn lành với chư Phật đời trước.

Vì thế nên Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này mà chẳng kinh sợ thì tức là theo Phật xuất gia. Nếu Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di được nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này mà không kinh sợ thì tức là thành tựu chỗ quy y chân thật.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu thiện nam, thiện nữ chẳng học tập Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì tức là chẳng tu Phật thừa.

Ví như tất cả cây thuốc đều nương nơi đại địa mà sinh trưởng. Cũng vậy, Đại Bồ-tát đều nương nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tăng trưởng các căn lành, chẳng trái với Vô thượng Bồ-đề.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Trong những thành ấp thôn xóm của Diêm-phù-đề này, nên ở đâu để diễn nói Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy?

Đức Phật dạy:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Trong pháp hội này, nếu có người nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa đều phát thệ rằng: "Đời vị lai tôi thường được tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa". Do sự tin hiểu ấy mà trong đời vị lai được nghe kinh này.

Nên biết người này chẳng từ trong căn lành nhỏ khác mà đến, do vậy họ có thể kham thụ kinh này, được nghe rồi vui mừng lớn.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu lại có người theo ông nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa này, nên nói như vầy: "Trong Bát-nhã ba-la-mật-đa đây không có những pháp Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát, Phật pháp, cũng không có các pháp phàm phu sinh diệt".

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đến hỏi con rằng: "Như Lai nói Bát-nhã ba-la-mật-đa thế nào?" Con sẽ đáp rằng tất cả các pháp không có tướng tranh luận, làm sao Như Lai nói Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì chẳng thấy có pháp có thể cùng tranh luận, cũng không có nhận thức nào của chúng sinh mà có thể biết được cả.

Bạch Thế Tôn! Con sẽ còn nói đến cứu cánh thật tế. Vì sao? Vì tất cả pháp đồng vào thực tế vậy.

A-la-hán không có pháp thù thắng riêng biệt, vì pháp A-la-hán và

pháp phàm phu không đồng, không khác.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Thuyết pháp như vậy thì không có chúng sinh đã được Niết-bàn, cũng không có sẽ được và đang được Niết-bàn. Vì sao? Vì chúng sinh không có tướng quyết định.

Bạch Thế Tôn! Nếu có người muốn nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa, con sẽ nói như vầy: Người nghe pháp ấy, chẳng nhớ, chẳng ham, chẳng nghe, chẳng được. Phải như là huyễn nhân không có phân biệt.

Thuyết pháp như vậy là chân thuyết pháp. Thế nên, thính giả chớ thấy có hai tướng, chẳng bỏ các kiến chấp, mà tu Phật pháp.

Người tu Phật pháp chẳng lấy Phật pháp chẳng bỏ pháp phàm phu. Vì sao? Vì hai pháp là Phật và phàm phu tướng không, không có thủ xả.

Nếu có người hỏi con, con sẽ giảng thuyết như vậy, an ủi như vậy, kiến lập như vậy. Thiện nam, thiện nữ phải hỏi như vậy, an trụ như vậy thì tâm không thoái lui hư mất. Phải biết tướng của pháp rồi tùy thuận Bát-nhã ba-la-mật-đa mà giảng thuyết.

Đức Phật khen Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Lành thay, lành thay! Đúng như lời Văn-thù-sư-lợi nói. Nếu thiện nam, thiện nữ muốn thấy chư Phật thì phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy. Muốn thân cận chư Phật và như pháp cúng dường thì phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy. Nếu muốn nói Như Lai là Thế Tôn của tôi thì phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy. Nếu nói Như Lai chẳng phải Thế Tôn của tôi cũng phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy. Nếu muốn thành Vô thượng Bồ-đề cũng phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy. Nếu muốn chẳng thành Vô thượng Bồ-đề cũng phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy. Nếu muốn thành tựu tất cả Tam-muội phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy. Nếu muốn chẳng thành tựu tất cả Tam-muội cũng phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy. Vì sao? Vì Vô tác Tam-muội không có tướng sai khác, vì tất cả pháp không sinh không xuất.

Nếu muốn biết tất cả pháp giả danh thì phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy. Nếu muốn biết tất cả chúng sinh tu đạo Bồ-đề chẳng cầu tướng Bồ-đề tâm chẳng thoái lui hư mất thì phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy. Vì sao? Vì tất cả pháp đều là tướng Bồ-đề.

Nếu muốn biết tất cả chúng sinh hành tướng phi hành, phi hành tức là Bồ-đề, Bồ-đề tức pháp giới, pháp giới tức thật tế, tâm chẳng thoái lui hư mất, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy.

Nếu muốn biết tất cả Như Lai thần thông biến hóa không tướng không ngại cũng không có phương sở, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di muốn không bị đọa ác thú thì phải học Bát-nhã ba-la-mật-đa một bài kệ, bốn câu thọ trì đọc tụng vì người mà giải thuyết tùy thuận thật tướng. Nên biết người ấy chắc hẳn chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, an trụ Phật quốc.

Nếu người nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy mà chẳng kinh sợ sinh lòng tin hiểu. Nên biết người ấy được Phật ấn khả, là chỗ Phật hành pháp ấn Đại thừa. Nếu thiện nam, thiện nữ học pháp ấn ấy thì vượt khỏi ác thú, không đi vào con đường Thanh văn, Bích-chi-phật.

Lúc bấy giờ, Thiên đế Thích và chư Thiên trời Đao-lợi đem các hoa trời: Hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đầu, hoa Bát-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi, hoa Mạn-đà-la… cùng các thứ hương trời: Hương Chiên-đàn, các thứ hương bột, các thứ Kim bảo, trỗi kỹ nhạc trời để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật-đa cùng chư Như Lai và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.

Cúng dường xong, chư Thiên trời Đao-lợi nguyện: "Chúng tôi thường được nghe pháp ấn Bát-nhã ba-la-mật-đa".

Thiên đế Thích Đề-hoàn Nhân lại phát lời nguyện rằng: "Nguyện cho trong Diêm-phù-đề, các thiện nam, thiện nữ thường được nghe kinh này sẽ chắc chắn chứng đắc Phật pháp, đều khiến họ tin hiểu, thọ trì đọc tụng, giải thuyết cho người, tất cả chư Thiên ủng hộ họ".

Phật bảo Thiên đế Thích Đề-hoàn Nhân:

– Này Kiều-thi-ca! Đúng như vậy! Các thiện nam, thiện nữ ấy sẽ chắc chắn chứng đắc Vô thượng Bồ-đề.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ thọ trì kinh này thì được lợi ích lớn công đức vô lượng.

Bấy giờ do thần lực của Phật, đại địa chấn động sáu cách. Đức Phật liền mỉm cười phóng quang minh lớn chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đó chính là tướng Như Lai ấn chứng Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đức Phật dạy:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Đúng như vậy! Chư Phật thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa xong đều thị hiện điềm lành ấy để ấn chứng Bát-nhã ba-la-mật-đa, khiến người thọ trì không khen không chê. Vì sao? Vì pháp ấn vô tướng

không khen chê được.

Nay Phật dùng pháp ấn này làm cho các Thiên ma chẳng còn cơ hội.

Đức Phật nói kinh này rồi, các Đại Bồ-tát và bốn bộ chúng nghe thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, đều hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 117

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng
Pháp sư Trúc Pháp Hộ.

PHÁP HỘI 47: BỒ-TÁT BẢO KẾ (PHẦN 1)

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Phật ở tại nước La-duyệt-kỳ, núi Linh thứu, cùng bốn vạn hai ngàn chúng Tỳ-kheo.

Tám vạn bốn ngàn Bồ-tát đều từ thế giới chư Phật mười phương đồng đến tập hội. Các Bồ-tát này đều đã thông đạt, tất cả đều là bậc Nhất sinh bổ xứ, được không chấp trước, không chướng ngại, xuất sinh từ dũng mãnh phục Tam-muội, được Thượng liên hoa Tam-muội, Kim cang đạo tràng Tam-muội, Thiện kiên trụ Tam-muội, Thuần thục tu Tam-muội, Tràng anh vương Tam-muội, Kim cương Tam-muội, Tịnh đức sự Tam-muội, phân biệt quyền hành đều được thân cận pháp của chư Phật, ở dưới cội Bồ-đề của Phật hàng phục độ các ma giới mà kiến lập được Phật độ, được thành vô tận thuyết pháp Tổng trì, được biết căn nguyên của tất cả chúng sinh, dùng biện tài vi diệu làm vui đẹp lòng đại chúng, là bước đi sư tử hùng mãnh vô úy, nếu vào giữa thì ứng nguyện thời nghi tuyên nói văn tự cú chúng hội, thành tựu các hạnh thì dùng tướng oai đức để tự nghiêm sức, bỏ các sở hữu thế gian, xa rời các ngoại đạo, công đức hiển bày, tiếng tăm suốt mười phương. Chư Phật ngợi khen công đức vô lượng, đều từ Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ mà thành. Tu tập đạo nghiệp từ vô số kiếp trăm ngàn na-do-tha, thấy biết bệnh của tất cả chúng sinh đúng bệnh cho thuốc, đều khiến lành mạnh, vào pháp duyên khởi thâm diệu để bỏ các sự chấp đoạn diệt và chấp có chấp thường. Đức hạnh thanh tịnh chí nguyện không vết nhơ, tâm tánh sáng suốt, khai hóa quần sinh và đều nhiếp hộ khiến chúng sinh được thành tựu, dạy bảo rõ ràng ý được tự tại, thế lực kiên cường chẳng bỏ tâm từ, đầy đủ bảy Thánh tài: Tín, giới, văn, thí, tàm, quý và trí tuệ, muốn độ chúng sinh nên dùng thiện phương tiện ở

vắng vẻ tịch tĩnh cố sức tu tập thệ nguyện lành tốt, Thánh đức vô lượng, tâm như hư không.

Danh hiệu của các Bồ-tát ấy là Bồ-tát Quang Quán, Bồ-tát Thường Minh Diệu, Bồ-tát Quan Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí, Bồ-tát Sư Tử Ý, Bồ-tát Sư Tử Bộ, Bồ-tát Sư Tử Lôi Âm, Bồ-tát Tôn Ý, Bồ-tát Kim Cang Ý, Bồ-tát Kim Cang Bộ, Bồ-tát Kim Cang Tràng, Bồ-tát Kim Cang Chí, Bồ-tát Bộ Bất Động Tích, Bồ-tát Độc Bộ Thế, Bồ-tát Thiện Minh, Bồ-tát Liên Hoa Mục, Bồ-tát Liên Hoa Tịnh, Bồ-tát Bảo Tịnh, Bồ-tát Câu Tỏa, Bồ-tát Bảo Tràng, Bồ-tát Bảo Sự, Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, Bồ-tát Đức Diệu Vương, Bồ-tát Tịnh Vương, Bồ-tát Chấp Ly Ý Vương, Bồ-tát Điện Quang Nghiêm, Bồ-tát Hư Không Tạng, Bồ-tát Nhuyến Âm, Bồ-tát Vũ Âm, Bồ-tát Bất Ly Âm, Bồ-tát Ý Tịnh, Bồ-tát Lôi Âm, Bồ-tát Giải Phược v.v… Còn có Phổ Thủ Chi v.v… gồm mười sáu vị Chánh sĩ. Chúng Hương Thủ v.v… gồm sáu mươi thánh sĩ, Từ Thị Chi v.v… gồm ba mươi hai Thanh tịnh hạnh sĩ, đều là các Bồ-tát trong Hiền kiếp.

Còn có Thiên tử Hàng Ma, Thiên tử Tịnh Phục Tịnh, Thiên tử Thiện Diệu, Thiên tử Hiền Hộ, Thiên tử Hoạch Thắng. Thiên tử Ý Thắng, Thiên tử Tịch Hóa Âm, Thiên tử Ý Tư v.v… hai vạn Thiên tử đều chí nguyện Đại thừa.

Trời Tứ Thiên vương, Thiên đế Thích, Phạm Thiên vương, Ma vương, Thiên tử Nhuyến Mỹ, cùng vô số Trời, Rồng, Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân và Phi nhân đều đến hội họp.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn thuyết kinh cho đại chúng vô số trăm ngàn quyến thuộc đang vây quanh. Đức Phật ngồi tòa Đại sư tử thanh tịnh dũng mãnh vô úy làm sư tử hống, như mặt trời chiếu khắp, như mặt trăng tròn sáng, như lửa diệt trừ bóng tối, tòa Sư tử ấy sáng chói oai quang hơn hẳn trời Thích, Phạm. Thân Phật lồ lộ như núi Tu-di hiện giữa biển lớn. Kinh điển được Đức Phật nói, trước sau lời ý đều diệu thiện, đầy đủ nghĩa hay rốt ráo thanh tịnh. Đấng Đại Từ diễn bày hạnh Bồ-tát một cách rộng rãi, giảng Bồ-tát pháp. Chỗ nên huân tu gọi là tịnh hạnh.

Phương Đông cách cõi này chín trăm hai mươi vạn cõi Phật, có thế giới tên Thiện biến, Phật hiệu Tịnh Trụ Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác hiện tại đang thuyết pháp. Hai bên Đức Phật ấy có Bồ-tát hiệu La-đà-lân-na-châu cùng chung với tám ngàn Bồ-tát, nơi cõi Phật ấy bỗng ẩn mất, đến cõi Ta-bà này an trụ tại trời Phạm thiên dùng một bảo cái che trùm cõi Ta-bà, làm mưa hoa trời khắp nơi đủ các màu sắc. Các Bồ-tát ấy ở tại trời

Phạm thiên nói kệ rằng:

Chư Thiên nhân dân được lợi lành
Lòng nguyện thấy Phật Thích Sư Tử
Vì tiêu khổ não các việc tục
Tâm nguyện kiên cố tu Phật đạo.
Vô số Bồ-tát như hằng sa
Do sức tinh tấn hạnh siêu việt
Hàng phục chúng ma trăm ngàn ức
Được thành Phật đạo lìa ưu phiền.
Tôi từ phương Đông mà đến đây
Thế giới ấy tên là Thiện biến
Phật hiệu Tịnh Trụ hiện giáo hóa
Tôi muốn được lạy Thích Sư Tử.
Giả sử có người muốn nghe pháp
Hoặc thấy mười phương các Bồ-tát
Như muốn đảnh lễ Đức Thế Tôn
Phải mau mau đến núi Linh thứu.
Chư đại Đạo sư khó được gặp
Pháp yếu kinh điển gặp cũng khó
Thân người khó được, khó giải thoát
Tin chắc cấm giới cũng rất khó.
Ví nay tạo căn bản đức
Thì thấy chúng sinh tối và tà
Có thể khai thị khiến diệt độ
Cùng nhau đến chỗ Đức Thế Tôn.
Nếu muốn giải thoát ba ác thú
Để được chỗ an ổn trời, người
Sớm chứng vô vi tiêu sinh tử
Phải mau đến chỗ Đức Như Lai.
Đấng Đại Y vương thí cam lộ
Đấng Đại Đạo Sư chỉ đường chánh
Đấng đại Pháp Vương cầm Pháp bảo
Hàng phục tất cả loài chúng sinh.

Bảo Kế nói kệ ấy rồi, đem tiếng kệ ấy truyền rao khắp tam thiên đại thiên thế giới.

Nghe tiếng kệ ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tiếng kệ nghĩa vi diệu ấy từ đâu phát xuất?

Đức Phật dạy:

– Này Xá-lợi-phất! Cách đây về phương Đông chín trăm hai mươi vạn cõi Phật, có thế giới tên Thiện biến, Phật hiệu Tịnh Trụ Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác hiện tại thuyết pháp. Hầu hai bên Đức Phật ấy có Bồ-tát tên Bảo Kế cùng chung với tám ngàn Bồ-tát đồng đến cõi Ta-bà này, muốn thấy ta để thưa hỏi kinh pháp, cũng muốn thấy các Bồ-tát mười phương tại pháp hội, nên dừng ở cõi trời Phạm thiên nói kệ và khiến kệ ấy truyền khắp tam thiên đại thiên thế giới cho vô số chúng sinh gieo trồng cội lành đồng đến chỗ ta, tức Thích-ca Mâu-ni Phật.

Bấy giờ Bồ-tát Bảo Kế cùng tám ngàn Bồ-tát và vô số Thiên tử vây quanh, trỗi trăm ngàn kỹ nhạc, mưa các thứ diệu hoa, phóng đại quang minh chấn động tam thiên đại thiên thế giới, đến chỗ Đức Phật đảnh lễ chân Phật, nhiễu quanh Phật bảy vòng rồi đứng trước Phật.

Bồ-tát Bảo Kế bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đức Tịnh Trụ Như Lai kính thăm vô lượng ý chí khương ninh đi đứng khinh tiện thế lực an ổn chăng?

Ngưỡng mong Thế Tôn ban ân lành vì các Bồ-tát mà ban dạy việc phải nên làm. Bồ-tát theo đó được đầy đủ rốt ráo thanh tịnh, mặc giáp tất cả công đức, chứa đầy hạnh lành bình đẳng thanh tịnh tu thân. Thấy sở niệm của tất cả quần sinh, quán sát tướng hành của họ, khai hóa thuận theo họ thì dùng trí tuệ, vì dâm, nộ, si mà giảng giải chánh pháp khiến họ thủ đắc diệu hạnh.

Nếu thấy chúng sinh ở trong tà pháp, thì vì họ mà diễn bày giáo pháp bình đẳng.

Được chư Như Lai hộ niệm giúp đỡ. Tất cả mọi loài chúng sinh đều được nương nhờ. Tất cả chúng ma không thể phá hại, được thấy chư Phật không hề trở ngại, có thể dũng cảm tu hành như thế, tất cả đều thành hạnh thanh tịnh của Như Lai. Những lợi lành như vậy do nhân gì mà được?

Đức Phật dạy Bồ-tát Bảo Kế:

– Lành thay, lành thay! Này Tộc tánh tử! Ông có thể hỏi Như Lai những nghĩa như vậy. Lắng nghe! Lắng nghe! Khéo suy nghĩ. Ta sẽ giải những gì được các Bồ-tát thực hành thanh tịnh.

Bồ-tát Bảo Kế và đại chúng vâng lời dạy lắng nghe.

Đức Phật dạy:

– Này Tộc tánh tử! Bồ-tát có bốn pháp, nếu thực hành theo đây thì được thanh tịnh. Thế nào là bốn?

1. Hành độ vô cực Ba-la-mật-đa.

2. Thường phải tuân tu đạo phẩm của chư Phật.

3. Đầy đủ thần thông.

4. Khai hóa chúng sinh.

Bồ-tát hành Độ vô cực thì được khuyến trợ không đâu chẳng cùng khắp, vào tất cả cội công đức.

Bồ-tát tu đạo phẩm là sử dụng lòng Từ bi lớn, biết rõ đúng thời vào đại trí tuệ.

Bồ-tát có đủ thần thông là phân biệt tâm niệm hành nghiệp thiện ác của tất cả chúng sinh.

Bồ-tát khai hóa chúng sinh là đại Bi kiên cố biết rõ chí nguyện căn tính của tất cả mọi loài.

Này Tộc tánh tử! Sao gọi là Bồ-tát Bố thí độ vô cực thực hành thanh tịnh? Đó là tâm tập xan tham đều vứt bỏ cả, tâm tập bố thí đã có thể phóng xả, phá mất sự tham ái xấu nhơ, khuyên gắng bố thí, tất cả sở hữu ban cho chẳng tiếc. Bồ-tát làm việc bố thí rồi mà ở nơi bốn sự chẳng có quan niệm sai biệt. Thế nào là bốn?

1. Các loài chúng sinh không sai biệt.

2. Tất cả kinh pháp chẳng sai biệt.

3. Được khuyến trợ cũng không sai biệt.

4. Chí tánh bố thí cũng không sai biệt.

Thế nào là ở nơi chúng sinh không có sai biệt? Bồ-tát chẳng quan niệm: "Tôi sẽ thí cho người này không cho người kia, thí người này được phước nhiều, thí người kia được phước ít, hậu thí cho người này, bạc thí người kia, cúng thí đây xong đến thí cho kia, nên thường thí đây, đôi lần thí kia, đích thân mang thí đây, không cần đích thân đến thí cho kia, thí đây đầy đủ, thí kia sơ sài, người này giữ giới, người kia phá giới, người này được đại chúng giúp đỡ, người kia ít được giúp đỡ, người này hay trọn đức chúng giúp đỡ, người kia không được trọn, người này tu chánh, người kia hành tà, người này hay thực hành hạnh bình đẳng người kia đọa lạc nghiệp tà vạy".

Này Tộc tánh tử! Bồ-tát bố thí đều nên vứt bỏ các thứ tâm niệm như vậy, mà tu tâm bình đẳng không sai biệt, thường nhớ đến chúng sinh mà cung ứng với tâm niệm bình đẳng để khai hóa họ, ý chí bình đẳng, Từ bi vui vẻ cứu hộ không hề sót quên. Nói bình đẳng là như hư không chẳng có tăng giảm. Đây gọi là chúng sinh không có sai biệt.

Phật dạy Bồ-tát Bảo Kế:

– Thế nào là các pháp chẳng sai biệt? Giả sử Bồ-tát thuyết pháp về sự bình đẳng, cũng chẳng quan niệm người phụng tu thì tôi sẽ cho kinh, kẻ chẳng thuận pháp sẽ không cho, nếu đủ tất cả pháp tôi sẽ cho, còn người không đủ sẽ không cho, người muốn hưng thạnh đạo giáo, thực hành pháp thí mà bố thí cho phàm phu chẳng gọi là tổn hao sự bố thí của Hiền thánh, chẳng gọi là trưởng ích, lại biết pháp vốn thanh tịnh bình đẳng, không sai biệt, vì lẽ ấy mà chỗ bố thí nên bình đẳng. Đây là ở nơi các pháp chẳng sai biệt.

Thế nào là chỗ được khuyến trợ cũng không sai biệt?

Những vật bố thí cùng đồ cúng dường có được khuyến trợ Bồ-tát cũng không quan niệm sai biệt. Nếu lúc bố thí, Bồ-tát chẳng quan niệm tôi sẽ được phước, mong cầu ngôi vị Đế Thích, Phạm vương, chư Thiên, chẳng mong làm quốc chủ, kẻ giàu có tôn quý, trưởng giả, cũng chẳng cầu năm dục sắc, thanh, hương, vị, xúc, chẳng mong nhiều của, nhiều châu báu quyến thuộc thị tùng, cũng chẳng ham chỗ năm loài sinh tử xoay vần, chẳng cầu thừa Thanh văn, Duyên giác. Chỗ bố thí chỉ dùng chí nguyện cầu đạo Vô thượng chánh chân. Đây gọi là khuyến trợ mà chẳng sai biệt.

Thế nào là chí tánh bố thí chẳng sai biệt? Những gì được phóng xả? Bồ-tát chí tánh ở nơi đạo, không có lòng sai biệt, hợp hội cùng biệt ly tâm Bồ-tát không hề tăng giảm, chẳng mong đền đáp, chỉ mong khai hóa tế độ những kẻ thiếu thốn vượt đến bờ kia, tâm Bồ-tát này chất phác không có dua siểm, hoài bão đốc tín, chí tánh thuần thục chưa từng có hối tiếc biến đổi, khi bố thí vật trân ái, lòng rất vui mừng, có ai đến cầu xin mà có thể thí cho được, thì Bồ-tát này càng vui mừng hơn. Đây gọi là Bồ-tát chí tánh bố thí cũng chẳng sai biệt.

Trên đây là Bồ-tát thí độ vô cực không có sai biệt.

Phật dạy tiếp:

– Còn có tám sự vứt bỏ đương lúc thực hành việc bố thí. Những gì là tám?

1. Chẳng thấy cái ta cái tôi.
2. Chẳng thấy có người.
3. Chẳng thấy có thọ mạng.
4. Chẳng thấy đoạn diệt.
5. Chẳng thấy có thường.
6. Chẳng an trụ ba chỗ.

7. Chẳng thấy chỗ không có.

8. Nếu bố thí thì phải nghiêm tịnh bố thí.

Bồ-tát bố thí trừ bỏ bốn trụ nghiệp. Những gì là bốn?

1. Bỏ phi pháp thì dùng kinh điển khai hóa phàm phu.

2. Bỏ tâm Thanh văn chí cầu đại đạo.

3. Bỏ pháp Duyên giác mà tu pháp bình đẳng.

4. Xa lìa những chỗ dựa nương chấp trước.

Bồ-tát xa lìa bốn trạng thái tư tưởng: Thường tưởng, an tưởng, tịnh tưởng và ngã tưởng.

Còn có bốn sự là bố thí thanh tịnh: Thân tịnh, ngôn tịnh, tâm tịnh và tánh tịnh.

Còn có ba sự bố thí vượt khỏi các trở ngại: Bỏ lòng hy vọng, bỏ lòng hờn giận và lìa Tiểu thừa.

Còn có ba sự xa lìa thì bố thí rời khỏi các sợ sệt: Bỏ cống cao, lìa khinh mạn và xa ma nghiệp.

Còn có bốn sự bố thí, để pháp được ấn chứng: Nội không, ngoại không, nhân không và đạo không.

Còn có bốn sự bố thí chỉ chuyên về tinh tấn: Cho chúng sinh no đủ, đầy đủ Phật pháp, thành tựu đủ tướng hảo nghiêm dung và tịnh trị Phật độ.

Còn có bốn bố thí mà tâm luôn gìn giữ: Ý luôn nhớ đạo pháp, luôn muốn thấy Phật, luôn tu tâm đại Từ và diệt trừ uế cấu trần lao của chúng sinh.

Còn có ba sự bố thí nghiêm tịnh đạo tràng: Thanh tịnh mình, thanh tịnh người và thanh tịnh đạo tràng một cách rốt ráo.

Còn có bốn bố thí được cùng thanh tịnh: Dùng trí tuệ bố thí, hay làm vui lòng chúng sinh, minh giải và quan sát kinh điển.

Này Tộc tánh tử! Đó là những pháp được Bồ-tát tu Bố thí độ vô cực thành hạnh thanh tịnh.

Phật bảo Bồ-tát Bảo Kế:

– Này Tộc tánh tử! Bồ-tát hành Giới độ vô cực, có một sự thành hạnh thanh tịnh. Đó là biết rằng tâm Bồ-tát không thể so sánh, tâm ấy siêu việt tất cả thế gian, tối tôn không thể so sánh, vượt trên tâm các bậc Thanh văn, Duyên giác, tâm ấy hay hàng phục tất cả các ma, vào trong chúng sinh, đến chỗ nào đều thành danh đức tác thành vô lượng châu báu, các pháp được tu tùy thuận, hộ trì tất cả lòng chưa hề quên. Đây là một sự thành hạnh thanh

tịnh.

Còn có hai sự giới độ vô cực thành hạnh thanh tịnh. Thế nào là hai?

1. Thường có lòng từ mẫn không hại chúng sinh.

2. Chí tâm ở nơi trong điều nhu tánh hạnh.

Còn có ba sự Giới độ vô cực thanh tịnh. Những gì là ba?

1. Thanh tịnh thân, đây là một trong ba tịnh giới, nó phải hoàn toàn thanh tịnh không khiếm khuyết.

2. Ngôn thanh tịnh tất cả lời được nói ra không có dua nịnh, gièm pha.

3. Ý thanh tịnh, nghĩa là trừ bỏ các tham dục, sân hại và dơ bẩn.

Còn có bốn sự Giới độ vô cực thanh tịnh. Những gì là bốn?

1. Đủ giới thanh tịnh.

2. Giữ giới cấm chẳng phạm.

3. Dùng giới pháp ấy giáo hóa chúng sinh.

4. Thấy người trì giới thì kính họ như kính Phật.

Còn có năm sự Giới độ vô cực thanh tịnh. Những gì là năm?

1. Chẳng tự khen mình.

2. Chẳng chê người.

3. Bỏ ý chí mong cầu Thanh văn.

4. Lìa ý chí mong cầu Duyên giác.

5. Không hề tham trước.

Còn có sáu sự Giới độ vô cực thanh tịnh. Những gì là sáu?

1. Thường niệm Phật chẳng phạm cấm giới.

2. Thường niệm kinh Pháp thuận tu chánh hạnh.

3. Thường niệm Thánh chúng chẳng trái giáo pháp của Phật dạy.

4. Luôn nghĩ đến bố thí, bỏ hết trần dục.

5. Thường niệm cấm giới, chẳng còn tham mộ tất cả ngũ thú.

6. Luôn nhớ nghĩ đến những căn bản đạo đức được chư Thiên tuyên thuyết.

Còn có bảy sự Giới độ vô cực thanh tịnh. Những gì là bảy?

1. Thúc đẩy đức tin và lòng mến mộ giáo pháp của chư Phật.

2. Vì những trọng trách nên thường thẹn với lòng.

3. Tư duy pháp đạo phẩm rồi xấu hổ với mình, nên chẳng tự cao tự đại.

4. Luôn hòa ái chẳng não phiền người.

5. Không tàn hại sợ tội họa đời sau.

6. Chẳng làm phiền nhiễu người, ngăn lòng lo buồn.

7. Thấy chúng sinh khổ não thì xót thương họ.

Còn có tám sự Giới độ vô cực thanh tịnh. Những gì là tám?

1. Không dua nịnh và gièm pha.

2. Không lòng mong cầu.

3. Chẳng tham lợi dưỡng.

4. Bỏ tham lam, không ỷ lại.

5. Biết vừa đủ với những sở hữu của mình.

6. Hành trì Thiền định của các bậc Hiền thánh.

7. Lòng hoàn toàn đạm bạc, ở chỗ tịch tĩnh không tiếc thân mạng.

8. Thích ở một mình xa lìa chúng hội, ưa đạo pháp, dù sợ ba cõi mà chẳng bám vô vi.

Còn có chín sự Giới độ vô cực thanh tịnh. Những gì là chín?

1. Giáo hóa chúng sinh khiến cho họ đắc độ mà không trái với luật tắc.

2. Dần dần dạy cho họ tu tập thiền định để sửa trị những nguyên nhân căn bản của họ.

3. Khiến cho tâm thức chúng sinh dứt hẳn phiền lụy.

4. Tìm cầu sự tịch mịch ngăn tâm động niệm.

5. Tập làm oai nghi lễ tiết nghiêm chánh.

6. Vượt qua cấm giới chẳng thấy thân mình.

7. Chưa hề khi dễ hay nghi hoặc mà xót thương quần sinh có đủ Đại thừa.

8. Thành tựu rốt ráo giới hạnh chẳng còn thiếu kém.

9. Lòng thường hoài niệm siêng tu đức lành.

Còn có mười sự Giới độ vô cực thanh tịnh. Những gì là mười?

1. Ba việc thanh tịnh thân

2. Bốn việc thanh tịnh khẩu

3. Ba việc thanh tịnh ý

4. Loại bỏ thái độ dua nịnh, gièm pha, tâm tánh chất trực, không ích kỷ nhỏ nhen

5. Tâm tánh vào khắp tất cả, không ai mà không nhờ tế độ

6. Tất cả cảm giác đều biết hạn chế, lấy lòng thương làm gốc cởi mở hết các kiết sử

7. Tâm không cứng rắn giáo hóa chúng sinh, hoàn toàn dùng hạnh điều hòa

8. Thường tu thân mình, thấy kẻ đồng hàng thì khép nép cung kính

9. Với chúng khi giúp đỡ thì khuyên dạy pháp sự

10. Cung cấp áo cơm khiến họ lìa bỏ nghiệp thế gian.

Còn có hai sự Giới độ vô cực thanh tịnh. Những gì là hai?

1. Bị người hủy nhục thà chết chớ chẳng phạm cấm giới, chẳng khởi tưởng niệm, chẳng muốn mộ của cải.

2. Không xoay quanh tham cầu tất cả các pháp, giới hạnh rỗng không vô tướng.

Còn có hai sự:

1. Tịnh trừ bên trong các cảm xúc.

2. Tịnh bỏ bên ngoài các cảnh giới.

Còn có hai sự:

1. Thanh tịnh đạo tâm của mình vì hiểu tướng tự nhiên.

2. Giới phẩm thanh tịnh vì không có các tướng vậy.

Này Tộc tánh tử! Đó là Bồ-tát Giới độ vô cực hạnh thanh tịnh.

Đức Phật dạy Bồ-tát Bảo Kế:

– Này Tộc tánh tử! Thế nào là Bồ-tát Nhẫn độ vô cực hạnh thanh tịnh?

Nếu bị người mắng nhiếc, Bồ-tát nín nhịn không mắng lại là khẩu thanh tịnh, bị đánh chịu đau không đánh trả là thân thanh tịnh, bị người giận thì thương mà không hận là ý thanh tịnh, bị hủy nhục mà không oán hờn là tánh thanh tịnh.

Lại nữa, Bồ-tát nếu nghe có kẻ phát lời thô lỗ vì che chở chúng sinh mà chẳng khởi giận hờn, dù có bị dao gậy chém đập, bị ngói đá ném đánh, vì che chở đời sau nên chẳng có lòng giận hại. Dù bị rã rời chi thể, Bồ-tát chẳng vì đó mà lo buồn bởi thuận theo đạo vậy. Bị người yêu cầu bức bách Bồ-tát chẳng hề hờn giận vì bốn ân mà tế độ vậy. Phát tâm đại Từ mà chẳng sân giận bởi gần Phật đạo. Sinh tâm đại Bi bởi đầy đủ đại nguyện. Công huân bủa rộng nên bất cứ ai cũng phụng mạng, bởi nhiều lòng thương. Lòng nhân từ lời ca ngợi công đức chỗ đem bố thí đều vì đạo pháp, bởi xa hẳn thiên ma. Lại nữa, Bồ-tát niệm Phật đạo mà hành nhẫn nhục vì thành tựu

thân Phật. Nếu niệm giác ý mà hành nhẫn nhục vì đủ mười Lực. Nếu niệm trí tuệ mà hành nhẫn nhục vì để đủ tam đạt không chướng ngại. Niệm thương xót mà hành nhẫn nhục vì thành lòng đại Từ. Niệm độ hư vọng mà hành nhẫn nhục vì trọn lòng đại Bi. Niệm không kinh sợ như sư tử chúa vì vô sở úy. Niệm Vô kiến đảnh tướng mà hành nhẫn nhục vì ở giữa chúng sinh mà không tự cao đại. Niệm đủ tướng tốt mà hành nhẫn nhục vì muốn cứu tế khắp các thế gian. Đủ các Phật pháp mà hành nhẫn nhục vì thành tựu thông tuệ!

Này Tộc tánh tử! Có hai loại năng lực nhẫn nại pháp tịnh: Chuyên ròng tu đạo nghiệp và tập hợp nghĩa lực. Bị người nặng lời mà hay nhẫn nhịn thân tâm an lạc, đó là tập hợp nghĩa lực. Nơi tất cả pháp không hề chấp trước mà hành nhẫn nhục đó là tu đạo nghiệp.

Người có tâm nhẫn thanh tịnh thì hay nhẫn nhịn chúng sinh biết rõ không có người, nhẫn được các pháp, tất cả đều đạm bạc, đây là tịnh nhẫn. Vì sao? Vì ở nơi ấy không có gì là đáng nhẫn và cũng chẳng có gì đáng phải nhẫn. Nơi tất cả pháp không có gì để được mới gọi là nhẫn. Nơi người nhẫn cũng chẳng thấy có, nơi tất cả pháp không chỗ chấp trước mới gọi là nhẫn. Không chỗ nương, không chỗ nhẫn chẳng thọ các pháp đây gọi là nhẫn, chẳng lấy cái được giữ cho là nhẫn nhục.

Người chẳng chấp các pháp ngã, nhân, thọ mạng, thì người đó gọi là nhẫn nhục. Người chẳng chấp có thân mạng và xem thân mạng như loại tường vách, ngói đá mới gọi là nhẫn.

Này Tộc tánh tử! Bồ-tát có hai nhẫn

1. Hiểu rõ cơ cấu của bản thân vốn là ly tán.

2. Biết rõ các pháp đều vốn không, như vậy mới thành nhẫn nhục.

Đây là Bồ-tát Nhẫn độ vô cực hạnh thanh tịnh.

Phật dạy Bảo Kế Bồ-tát:

– Này Tộc tánh tử! Thế nào là Bồ-tát tinh tấn độ vô cực thành hạnh thanh tịnh? Đó là Bồ-tát chẳng bỏ đạo tâm, chưa từng khiếp nhược với những gì đáng cùng sự nghiệp, thường siêng tu tập mà chẳng ngủ nghỉ, chẳng rời cội công đức, chứa hợp công đức, nơi Độ vô cực chẳng thoái chẳng lui, nếu tạo ra phương tiện để hành giả cầu pháp, thì Bồ-tát chịu trách nhiệm diễn giảng kinh pháp cho họ, bảo hộ chánh pháp độ thoát nhiều người, chẳng nhàm đại tuệ khai hóa chúng sinh, nghiêm tịnh Phật độ, độ hàng Tiểu thừa, đầy đủ bản nguyện rốt ráo Thánh tuệ, chưa từng trái mất thí giới đa văn, thân cận quyền tuệ đã đến nhà phước đức, nên dùng ý nào để cứu tế chúng sinh cho họ không kiêu mạn. Trên đây gọi là tinh tấn.

Những gì là tịnh?

Nếu hiểu rõ thân như bóng như vang, nói lời nhu nhuyến, ý niệm chẳng mỏi, trí tuệ rốt ráo mà tâm tịch tĩnh, những việc làm đều làm tận dứt một cách hoàn toàn sáng suốt, phân biệt các diệt pháp dùng tuệ tiêu hóa mà thành nhất tâm, tuệ không có sở khởi, đây là tịnh.

Bồ-tát ấy có ba sự rời lìa tinh tấn là có thể nương chấp nhân duyên, hành điên đảo sự và vọng tưởng nơi diệt pháp. Nếu ở nơi ba cõi mà không sở trước chấp nương gá thì là tinh tấn.

Còn có ba sự là mắt không sở trước, chẳng nương gá nơi sắc trần và chẳng tham nơi thức phân biệt. Như nơi mắt, nơi tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng vậy, đều không sở trước, không gá nhân và không ham phân biệt, đây gọi là tinh tấn.

Không bố thí nhưng chẳng xan tham, không trì giới nhưng chẳng phạm giới, không nhẫn nhục mà chẳng tranh cãi, không tinh tấn mà chẳng lười biếng, chẳng thiền định mà không tán loạn, không trí tuệ mà chẳng ngu si, không tạo đức bản mà không gì là chẳng lành, không cầu Phật đạo cũng chẳng lấy bậc Thanh văn, Duyên giác, không sở hành mà vẫn luôn thực hiện được, được như vậy thì thành tựu hai loại tinh tấn thanh tịnh hạnh:

1. Nội tâm không chỗ trụ mà hưng khởi các nhân duyên.

2. Bỏ ngoại kiến gây tác dụng cho các tưởng các thức.

Đây là hai loại tinh tấn.

Còn có hai hạnh thanh tịnh:

1. Nội tâm tịch định.

2. Chẳng duyên ngoại cảnh cũng chẳng phóng dật.

Đây là hai hạnh thanh tịnh. Căn tánh tinh tấn, nơi các sở hành vẫn không có sở hành cũng không có khinh rẻ đùa giỡn. Đây là Bồ-tát Tinh tấn độ vô cực hạnh thanh tịnh.

Phật bảo Bồ-tát Bảo Kế:

– Thế nào là Bồ-tát tịch độ vô cực hạnh thanh tịnh?

Này Tộc tánh tử! Bồ-tát ân cần trong sự tập hợp nhất tâm quán, chỗ nên quan sát để mà thọ nhận chân chính. Bồ-tát này nếu được nhất tâm thì trong thiền định chẳng chấp trước nơi sắc cảnh, Bồ-tát giảm trừ và vứt bỏ tri kiến sinh tử và tư tưởng về các trạng thái đau đớn ngứa ngáy. Thiền giả như vậy, chẳng chấp trước các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Chẳng chấp trước các trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, chẳng chấp trước các đại địa, thủy, hỏa, phong, không, chẳng chấp trước

các ngôi vị Đế Thích, Phạm thiên, tôn hào, chẳng chấp trước các cõi Dục, Sắc, Vô sắc, chẳng nương đời này đời sau, chẳng an trụ nơi thân thể cũng không có chỗ ở, chẳng nương ngôn từ, tâm chẳng mỏi lười, đều không có sở trụ, chẳng nông nổi chẳng cấp bách, chẳng an trụ biên tế, được không có sở niệm. Thiền giả như vậy chẳng thấy có thân thể, chẳng hưng khởi các kiến chấp, chẳng tham ngã, nhân, thọ mạng, chẳng thấy những sự vi diệu có thể hoặc không có thể, chẳng thấy đoạn diệt, chẳng thấy vô thường, chẳng thấy sinh diệt, hữu xứ vô xứ. Thiền giả như vậy cũng chẳng dứt hẳn nguồn các lậu, chẳng tham trước chư Phật, chẳng nhập chứng tịch diệt, cũng chẳng vĩnh trụ nơi không có sở hành.

Thiền giả như vậy, nhất tâm thấu hiểu nơi Không mà không lấy Không làm chỗ chứng nhập, cầu nơi Vô tướng, Vô nguyện mà Không chứng nhập Vô tướng, Vô nguyện.

Thiền giả này mặc giáp Đại đức, thực hành Từ bi vô cực trụ ở đại Bi, phụng hành tất cả không sự một cách đầy đủ.

Thế nào là phụng hành không sự một cách đầy đủ?

Thiền giả này chẳng nghĩ đến Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ; chẳng nghĩ đến phương tiện thiện xảo cho những khai hóa, chẳng nghĩ đến Từ, Bi, Hỷ, Hộ, cũng chẳng hy vọng nhập Thánh tuệ, chẳng nghĩ đến đạo tâm có chỗ quán sát, chẳng nghĩ đến chí tánh có chỗ sở ứng, chẳng tưởng bốn ân các lợi ích tuệ thí nhân ái lợi ích cho người và tất cả sự cứu tế, chẳng tưởng tâm ý an tường mà có sở tồn, chẳng tưởng Ý chỉ, Ý đoạn, Thần túc, Căn, Lực, Giác ý và tám Thánh đạo, chẳng tưởng tịch mặc mà quán sát các pháp, chẳng tưởng các hạnh diệu định nhu nhuyến, chẳng tưởng hổ thẹn có chỗ hổ thẹn, thường an trụ Phật đạo chưa hề đoạn tuyệt, theo chánh giáo pháp nhãn, cầm đuốc sáng lớn, hàng Thánh chúng thường tu giới đức sạch bóng, an lập chúng sinh thành tựu thân Phật, dùng đức trang nghiêm mà theo Đấng Thế Hùng nghe âm thanh cụ túc, phụng sự Phật Tam-muội được biện tài chánh giác thần túc, thọ mười Trí lực, trụ Vô sở úy, chứng đắc mười tám pháp Phật bất cộng vi diệu, chẳng hợp đồng với Thanh văn, Duyên giác, nhổ bỏ chỗ nương náu của các dục trần ô uế, chẳng rời thần thông dùng bốn biện tài khai đạo chúng sinh, sáng tỏ các pháp hiện đời độ đời, giáo hóa chúng sinh, để họ xuất gia có phẩm chất thành thật siêu việt và đặc biệt với những quần chúng khác, để họ vượt qua dòng chảy xiết, dứt các sở hữu, nơi được ở tự nhiên tĩnh mịch, pháp giáo đạm bạc, quán nơi thân và pháp đều không tham ái, kiên chí nơi Phật pháp, trọn xong trí tự nhiên vượt khỏi các trụ hành, nín bặt lời nói, nếu có nói thì thường

tuyên Phật ngữ, dùng sự chí thành ấy tiêu diệt thường nhiên, những sở dục khai hóa chúng sinh. Đây gọi là đầy đủ hành không.

Này Tộc tánh tử! Ví như trong tam thiên đại thiên thế giới tất cả nhân dân đều làm họa sư, mỗi người đều có sở tập riêng khéo giỏi chẳng đồng nhau, có kẻ chuyên họa nhà cửa mà chẳng thạo vẽ thân hình, có kẻ giỏi mô hình mà chẳng giỏi tô màu, có những người khéo vẽ chân tay, người khéo vẽ mắt mũi, người vẽ đầu mặt chẳng ngay mà thân hình đẹp đẽ, có người vẽ làm vừa lòng kẻ khác, hoặc không vừa lòng, mỗi mỗi thợ vẽ đều có tài năng khác nhau.

Nhà vua triệu tập tất cả họa sư, khiến họ họa các hình tượng trong ba cõi mà truyền rằng: Mỗi người tự họa tượng đều đem trình lên ta.

Các họa sư họp ở một chỗ đều riêng họa hình ba cõi. Trong số ấy có một họa sư tối thượng vẽ được trọn vẹn.

Này Tộc tánh tử! Ý ông thế nào? Họa sư tối thượng ấy có thể hoàn toàn có đủ các sở năng hội họa chăng?

Bồ-tát Bảo Kế bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Có thể đủ sở năng.

Đức Phật dạy:

– Mượn ví dụ được dẫn ra ấy để hiểu nghĩa này. Như một họa sư vẽ đủ các hình tượng đều được đắc thể, chẳng sai chẳng sót. Cũng vậy, người học pháp này ân cần tinh tấn tịnh tu phạm hạnh, đạt đến sự thành tựu Phật pháp dùng một chánh hạnh trọn đủ các sự, do đó mà đầy đủ không hạnh không gì chẳng thông đạt, bèn được thành tựu tất cả Phật đạo, trừ hết trần dục các tưởng điên đảo cống cao tự đại, chẳng thích phóng dật, dù ở trong các uế ác mà chẳng thỏa hợp cùng. Đây gọi là Bồ-tát đầy đủ không hạnh.

Lúc Đức Phật nói lời trên, có tám ngàn Bồ-tát khắp đủ không hạnh được pháp nhẫn.

Đây là Bồ-tát tịch độ vô cực hạnh thanh tịnh.

Phật bảo Bồ-tát Bảo Kế:

– Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát Trí độ vô cực hạnh thanh tịnh?

Có mười hai việc tạo thành hạnh thanh tịnh: Thấy tuệ quá khứ không chướng ngại, thấy tuệ vị lai không chướng ngại, thấy tuệ hiện tại không chướng ngại, các pháp hữu vi, vô vi đều được hiểu rõ, tất cả nghệ thuật thế gian có thể tạo được công dụng đều hiểu rõ để độ đời, phân biệt nói nghĩa chân đế, biết sở tập của chúng mà tuyên rõ gốc ngọn, tất cả chúng sinh căn tánh đến đâu, người ngu liệt, người minh đạt và người

trung dung trí tuệ biết, quá khứ, vị lai, không có chướng ngại, Thánh trí sừng sững cao vời, vượt hơn thế trí. Thấy rõ hành động tạo ra thuộc về tánh tình và ý chí của chúng sinh, hình sắc đổi khác, nghĩa thâm áo khó hiểu khó đạt đến, tiêu hóa các kiến chấp, rời lìa các sự tà, các chỗ ở chướng ngại vào nơi Thánh tuệ, chúng sinh ở khắp mọi nơi đều vào nơi Pháp tuệ, hiểu rõ nghĩa thú trong Thánh tạng, rõ thấu chân tế, trí sáng soi rõ không sai loạn, cũng không chướng ngại, quan sát thời tiết vô lượng thích đáng, sự được thấy đều rành rẽ không hề sót mất, hiểu biết chắc thật chẳng diệt tận, trí này quan sát tất cả vô ngại, bởi dùng một hành duy nhất mà không có sở hành, thấy hết chỗ phụng hành oai nghi lễ tiết của chúng sinh, những khuynh hướng thuộc về tánh ý của nhân dân thế gian, Bồ-tát này đều thấy rõ, chẳng rời thế gian mà siêu độ các cảnh giới của thế gian, dù chưa thành tựu quốc độ Phật mà đều vượt khỏi tất cả nhân duyên sở tác, khai hóa chúng sinh, dấu hiệu các hành rốt ráo tất cả đức hạnh, rộng độ tất cả nhân duyên tâm hành, thấy hết tất cả tâm niệm của chúng sinh, hộ pháp thế gian không đâu mà không gia hộ, chẳng bỏ chỗ làm thế tục, được chúng sinh tín nhiệm, xét ra trong trí tuệ ấy là tịch tĩnh, chẳng phạm hý luận, các căn tịch định chưa hề mỏi lười tán loạn, tương ưng Thánh tuệ, thường hợp Thánh đức, đến cội Bồ-đề ngồi đạo tràng, hàng phục chúng ma, trừ bỏ ngoại đạo, hành đại lợi ích, Thánh trí suốt khắp cũng không có sở thủ, Bồ-tát kiến lập Thánh đạo được chư Phật an trụ và tạo niềm an lạc cho chúng sinh, thấy hết định tuệ vào khắp các nghĩa thú, tất cả các pháp đều đồng một vị, nắm quyền phương tiện Trí độ vô cực đến bờ kia, chẳng đo lường suy luận được.

Đây mới gọi là Trí độ vô cực, Bồ-tát có khả năng hiểu rõ tất cả nhân duyên, ý tưởng phát ra điềm ứng liền hiện, cảnh lạ liền biến, tâm hành niệm khởi, đều được rốt ráo. Đây gọi là đến bờ bên kia.

Lại trí tuệ này có hai điều thanh tịnh:

1. Hạnh vô ngại tuệ tưởng thanh tịnh.

2. Nghiêm tịnh, chẳng có thể ai đương nổi tướng trí tuệ ấy.

Còn có hai thanh tịnh:

1. Trừ sạch phiền não.

2. Bỏ hết các kiến chấp.

Lại nữa, Bồ-tát ấy hiện hành trí tuệ vào tất cả các nơi. Đầy đủ Thánh minh, hiểu rõ chúng sinh, biết thấu kinh điển.

Bồ-tát ấy dùng trí tuệ này, cho dù là thấu triệt vô sở hữu nhưng lại vào khắp trần lao hóa hiện ái dục, sinh trong các loài ở trong các cõi,

kiến lập trí tuệ, đi khắp quốc độ, đều hiểu rõ cảnh giới, trí tuệ chắc thật chẳng vượt kia đây, cũng chẳng ở trung gian. Tuệ ấy vào khắp, thấy cả mười phương vô ngại. Dụng thì không che khuất, đến không biên tế, tuệ thấy chắc thực hiểu rõ tất cả các pháp: Gốc, ngọn, bộ, đảng, thời tiết. Đã có thể biết rành chân đế trí tuệ ý nghĩa đến đâu, không ứng chẳng ứng, không đồng không khác, chẳng lười chẳng lui, chẳng đôi chẳng lẻ, thấy các pháp cũng không ứng hợp.

Này Tộc tánh tử! Nếu Bồ-tát thực hành những chủng loại trí tuệ, dùng trí tuệ làm nhà thì thành phước đường đốc tín danh đức, tột đến đạo pháp an trụ Tổng trì, đầy đủ tất cả phân biệt trí biện, đầy đủ sự nghiệp trí tuệ.

Đây là Bồ-tát phụng tu Trí độ vô cực hạnh thanh tịnh.

Phật giảng dạy lời trên đây xong, trong pháp hội có hai vạn hai ngàn người đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tám ngàn Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn, năm ngàn Tỳ-kheo lậu tận ý giải, một vạn Thiên tử xa lìa trần cấu, đắc Pháp nhãn tịnh.

Lúc ấy chư Thiên lên tiếng khen rằng: "Nếu có chúng sinh nào được nghe pháp môn các Độ vô cực đạo hạnh thanh tịnh này thì được chư Phật thọ ký, huống là người được nghe rồi thọ trì đọc tụng thực hành đã dạy".

Phật dạy Bồ-tát Bảo Kế:

– Sao gọi là Phật đạo phẩm pháp hạnh thanh tịnh của Bồ-tát?

Bồ-tát tự quán thân mình biết vốn không có thân, đây là ý nghĩa hạn chế của thân thôi. Do hai sự mà lập chí mình: Một là xét sự hoang uế của thân, hai là quán hạnh thanh tịnh.

Sao gọi là hoang uế? Bồ-tát xét thấy thân thể vô thường chứa đầy vật bất tịnh, thân này sức mỏng kém yếu, không thế lực, thân này hóa lập như nhà nghiêng xẹo.

Sao gọi là quán tịnh? Bồ-tát suy nghĩ rằng: "Tôi phải dùng thân bất tịnh này siêng cần hiểu pháp không, đắc Pháp thân của thân Như Lai. Pháp thân đồ sộ, đức thân vô hạn vì các chúng sinh mà thị hiện sắc tượng làm an vui và lợi lạc cho tất cả".

Bồ-tát quán thân hai sự như vậy để lập ý chí mình.

Lại nữa, này Tộc tánh tử! Bồ-tát quán thân thấy không có thân rồi được hai pháp thanh tịnh:

1. Thấy vô thường.

2. Xét vô thường.

Thân này vô thường chẳng tồn tại bao lâu, thân này do già bệnh hội

hợp, tất sẽ phải chết. Đã thấu nghĩa ấy nên chẳng đem thân tạo các tà nghiệp. Vì không tham thân nên tu pháp yếu vững bền, thực hành ba pháp vững bền là thân yếu, mạng yếu và tài yếu.

Thân này vô thường mà chúng sinh quý trọng, có lợi ích gì, thật đáng thương xót.

Sao gọi là thân yếu? Thân chẳng phạm ác, khiêm nhường cung thuận đảnh lễ bậc Đại trí.

Sao gọi là mạng yếu? Quy mạng Tam bảo phụng tu mười đức, sáu độ và bốn đẳng.

Sao gọi là tài yếu? Quên mình bố thí cung cấp người nghèo thiếu.

Thân này chẳng phải sở hữu của ta, miệng thốt ra lời, phần nhiều có lỗi, dua nịnh gièm pha thô tục bất chánh, bỏ hết hành vi ấy chẳng còn phạm quấy nữa.

Đã thấy không có thân nên chẳng bảo trì thọ mạng, dù bị hại cũng chẳng gây tội ác. Hiểu thân này vô thường, là thứ chia lìa nên chẳng phạm lỗi. Tất cả sở hữu đem bố thí không tham tiếc. Đã biết không có thân nên được đức lành, công huân hiểu rõ chẳng thể hạn lượng được.

Sao gọi là là hữu thường? Nếu Bồ-tát quán thân thấy không có thân, thì phải nhiếp lấy giữ gìn, tuệ tâm quán chiếu Nhất thiết trí, chẳng trái lời Phật dạy, chẳng mất Pháp ngôn, chẳng hư Thánh chúng, khuyến hóa nhân dân, ngự trị nhân dân, đây gọi là hữu thường. Nói là thường vì là vô tận. Nói là vô tận chính là vô vi vậy. Cùng đạo hợp đồng vô chung vô thỉ, huyền diệu hằng còn, đây gọi là vô vi. Vô vi ấy là thường.

Bồ-tát an trụ nơi ấy, dùng các cội công đức quán sát thông tuệ đến nơi vô vi, đây gọi là hữu thường. Gọi là thường, do vì là Không Vô tướng, Vô nguyện. Bồ-tát tu đạo thường phụng hành Không, quán Vô tướng, chẳng chấp Vô nguyện, có đủ cả hạnh tinh tấn, đây gọi là hữu thường.

Nói là thường, nghĩa là như hư không. Tâm Bồ-tát bình đẳng như hư không, không có tư tưởng. Phụng hành như thế mới là Bồ-tát. Đây gọi là hữu thường vô thượng chánh chân.

Phật dạy Bồ-tát Bảo Kế:

– Bồ-tát quán thân thấy vốn không có thân thì gọi là Ý chỉ. Tất cả thân người đều vốn không có. Bởi biết thân không có nên ý không chấp trước. Bồ-tát quán chúng sinh hiện thân tại Phật thân. Nên quán như vầy: Nếu thân Như Lai không có các lậu thì thân tôi cũng vậy. Xét nơi các pháp mà phụng hành đạo nghĩa chẳng sai lời Phật dạy. Được thân vô lậu

mà quán chúng sinh phân biệt các tướng, dùng thân vô lậu thanh tịnh vô lậu, bản tế cũng thanh tịnh, như cội đức ấy kiến lập các công hạnh khuyến trợ cội đức cũng không có các lậu. Bởi hay kiến lập pháp vô lậu nên có thể an trụ các lậu.

Sao gọi là các lậu? Đó là dục lậu, hữu lậu và kiến lậu.

Bồ-tát dứt hết dục lậu dù có sinh nơi Dục giới, cũng để khai hóa chúng sinh. Đã dứt hữu lậu dạo đi trong sinh tử, lãnh thọ các cảnh để giáo thọ nhân dân.

Lại kiến lậu là lậu vô minh mê tối. Nơi đây, Bồ-tát tinh tấn chẳng lười, rốt ráo tinh tấn, nhổ sạch nguồn gốc nó.

Bồ-tát này nếu quán thân phụng tu Ý chỉ vượt khỏi các hạnh nghiệp chẳng nên làm, từ thuở xa xưa, rời lìa những uế ác mà an trụ tịch tĩnh, đây mới là quán thân.

Bồ-tát này không có sở độ, cũng không có sở sinh không có sở vi, đây mới là quán thân.

Bồ-tát này quán thân rồi, chẳng thấy có thân, cũng không có đối tượng quan sát, bỏ niệm tham thân, chẳng chấp tôi hay ta. Đã không có tôi hay ta thì không có sở tham. Đã không có sở tham thì không có sở tránh. Đã không có sở tránh thì không có hận thù. Đã không có hận thù thì được pháp nhẫn. Đã được pháp nhẫn thì không có sở quy. Đã không có sở quy thì không có vội vàng. Đã không có vội vàng thì không tự cao tự đại thì an trụ nơi pháp. Đã an trụ trong pháp thì chẳng hành phi pháp. Người thuận pháp hành thì thường cùng chung với pháp. Người tu đạo pháp thì được pháp Từ bi. Đã thọ pháp Từ bi thì nghe pháp âm. Đã hành pháp âm thì chẳng nghe âm thanh thế giới. Đã vắng bặt âm thanh thế giới thì được Tam-muội. Đã được chính thọ thì trí quán xác thật. Đã quán sát thật thì không có sở tưởng. Đã không có sở tưởng thì không có sở tác. Đã không có sở tác thì không có phi tác. Đã ở nơi các sở tác không có tác không có phi tác pháp đạt được chánh thân thì các pháp bình đẳng. Đã bình đẳng các pháp thì đến Nhất thiết trí.

Đây là Bồ-tát quán thân biết vốn không có thân để hành Ý chỉ.

Phật dạy Bồ-tát Bảo Kế:

– Sao gọi là Bồ-tát Ý chỉ nơi đau đớn? Bồ-tát quán sát đau đớn vốn không có đau đớn đó là Ý chỉ. Quán các thống khổ đều thấy chúng sinh, những kẻ đang bị hoạn nạn, vì họ mà rơi lệ đầm đìa thành tựu đại Bi. Bồ-tát nghĩ rằng: "Chúng sinh bị khổ não nếu được an ổn thì không có đau đớn", thế nên Bồ-tát vì họ mà dứt trừ tất cả sự nguy hại. Cho đến quán sát

đau đớn, biết đau đớn vốn không. Bồ-tát đã thực hiện Ý chỉ xong, vì chúng sinh Bồ-tát mặc áo giáp đại đức trước tự tiêu sạch các hạnh nghiệp phi pháp nơi thân, cũng chẳng tưởng niệm đã diệt trừ thống khổ của mình. Nếu có gặp sự đau khổ, thì hoàn toàn vì tất cả chúng sinh mà sinh lòng đại Bi, vì họ thị hiện sự an lạc vĩnh viễn, tiêu trừ hẳn các hoạn nạn. Vì người tham dục khởi lòng đại Bi, trước tự trừ tham dục chẳng bị dục tham trói buộc, dù thân bị khổ cũng chẳng lấy làm khó khăn. Vì người sân giận mà phát khởi đại Bi, tự trừ lòng sân giận, quan sát thấy sự đau đớn mà Bồ-tát cũng không cảm nhiễm theo khổ theo vui. Vì người ngu si mà khởi đại Bi diệt trừ dây ngu si của mình, quan sát khổ vui không chấp trước, tiêu trừ các kiết sử mà tự do an ổn, nếu bị khổ đau chẳng lấy đó làm lo buồn, bỏ các hữu vi thì có thể phụng tu, khiến không có khổ vui để phá trừ ngu si, nếu gặp vui khổ lạc thống thì không tích tụ, nếu gặp hoạn nạn thì rõ thân vô thường, quan sát khổ đau vốn không có ta. Bồ-tát quan sát vui khổ tu hành an ổn, quan sát khổ đau vì là bệnh hoạn, thế nên gọi là chẳng vui chẳng khổ. Dù có thấy sự an lạc đều quy về vô thường, còn các sự khổ cũng đều vô ngã.

Bồ-tát quán vui khổ tu hành an ổn, quán đau khổ là bệnh hoạn, vì thế nên gọi là chẳng vui chẳng khổ. Giả sử xem thấy những sự yên vui thì đều quy về vô thường, có những sự khổ thì quán nơi người khổ là chẳng khổ chẳng vui cũng là vô ngã.

Bồ-tát nếu thấy các sự yên vui thì biết rõ tất cả vốn là không yên; quan sát đau đớn biết đau đớn không có gốc, nó vừa sinh khởi thì liền dứt diệt; biết rõ các pháp không thể lâu dài, xét nơi vạn vật như ngọn lửa sinh rồi bỗng tắt; xem tất cả các pháp sinh ra như bóng: Nó từ đâu đến mà liền tan mất; quán nguồn gốc các pháp như nhìn bàn tay từ đâu đến rồi đi đến đâu, liền biết nó không từ đâu lại, đi không chỗ đến. Do quán các pháp như vậy nên chẳng bị trói buộc mà thấy tất cả hoàn toàn chân thật tịch diệt, do đây mà thành đạo, cũng không có sở đắc, chẳng còn thoái thất. Tại sao? Bởi có thể thấy được tất cả chúng sinh căn bản sinh khởi mà cầu tịch diệt, chớ chẳng vì thân mình mà cầu tịch diệt.

Đây là Đại Bồ-tát thiện quyền phương tiện, dùng đại Bi quán sát đau đớn biết rõ không có đau đớn, thực hành Ý chỉ tiêu trừ các kiến chấp, biết rõ nơi đây, chẳng lấy sự diệt trừ các đau đớn vượt qua ba cõi mà thủ chứng chân tế.

Bồ-tát này quan sát những căn bản Phật dạy về sự đau đớn sẽ hiểu thấu các sự đau đớn là tịch mặc điềm đạm, vốn không có sở hữu cũng không

bị khổ hoạn. Vĩnh viễn không bị khổ hoạn, các pháp đều không xa rời cái ta cái tôi, luống thấy các pháp hội hợp đều nương nhân duyên đều không có chủ, cũng không có cái ta cái tôi, bỏ các sở kiến không có nuôi lớn. Bồ-tát quán sát như vậy thì thấy chân đế, nhân duyên hội hợp đều không chỗ đắc, đã chẳng thể nắm bắt thì quan sát đúng như nợ rỗng không của nhân duyên, thế thì các pháp kiến lập từ đó cũng rỗng không. Đã đạt nghĩa không rồi liền là quán đau đớn vốn không đớn đau đấy là thực hành Ý chỉ vậy. Vì đó là thân tịch mịch đạm bạc vì đó là tuyển trạch trí tuệ của các nghĩa Thánh đạo.

Đức Phật dạy:

– Này Tộc tánh tử! Bồ-tát quán rõ tâm vốn vô tâm, vì thực hành Ý chỉ, Bồ-tát lập đạo tâm để đắc lập tâm. Đã được lập tâm liền dùng ý tuệ của mình mà tìm nguồn gốc của tâm, Bồ-tát chẳng thấy ở bên trong tâm, chẳng thấy ở bên ngoài tâm, chẳng an trụ bên trong và bên ngoài. Xét căn bản của tâm ấy chẳng thấy năm ấm, không có các đại chủng, không có các căn, tâm Bồ-tát liền tịch định, tìm chỗ tịch định từ đâu khởi lên? Bồ-tát lại suy nghĩ: "Hễ tâm khởi thì duyên khởi". Rồi lại suy nghĩ: "Tâm ấy khác hay nhân duyên khác?" Liền tự hiểu rằng, giả sử nhân duyên khác tâm ấy khác thì có hai tâm. Giả sử nhân duyên là tâm và tâm là nhân duyên, nếu như vậy thì tâm đạo chẳng thấy được tâm? Người chấp nơi tâm chẳng phải là thấy tâm. Ví như bụi ở trong hư không vốn là hư giả. Cũng vậy như dùng dao bén cắt tay, thì bị đau, khi vết thương lành, không còn thấy đau nữa. Cũng vậy, tâm chẳng thấy tâm, cái mà tâm thấy ấy là không chỗ bị thấy. Nên quán như vầy: "Chỗ tâm an trụ cũng chẳng sinh tội, chẳng thấy đoạn diệt cũng chẳng nghĩ là thường còn. Cũng không có thân, thân thể như tường vách, nhân duyên chẳng sai loạn, chẳng rời, chẳng một, chẳng khác, đây là tâm vậy". Gìn tâm như vầy: "Do pháp mà tâm động, tâm không có sở trụ cũng không có sở hành, tâm chẳng thể thấy, tâm tướng tự nhiên". Hiểu rõ như vậy thì chẳng rời sở kiến mà tâm vắng bặt biết rõ không có bản tánh.

Đây là Bồ-tát quán tâm không có tâm làm Ý chỉ.

Lại nữa, này Tộc tánh tử! Nếu tâm không sinh khởi thì không thấy tâm, không thấy tâm thì không ý tưởng tồn tại, dù ứng hay không ứng cũng không khinh mạn, Bồ-tát liền không phóng dật. Đây là quán tâm. Bồ-tát biết tâm vốn không vì thực hiện Ý chỉ.

Lại như tâm không có sắc, nhân duyên hòa hợp ấy và các biện tài cũng đồng như vậy, đức vốn không có sắc.

Như tâm vô vi, đức cũng không có sắc, đạo tâm được quan sát cũng không có sắc. Nếu đạo tâm và trợ đạo không có hình sắc thì đạo cũng như vậy đều không sở hữu. Vì thế nên nói rằng: Như tâm ấy các hành cũng như thế.

Cũng như nếu xét khuyến trợ đạo thì đạo tâm, nhân tâm ấy vốn thanh tịnh, cũng lại như đạo. Đạo tâm vốn thanh tịnh, tất cả các pháp cũng như vậy. Như hiểu rõ tâm ấy nên hoàn toàn đi vào, đây là Bồ-tát quán tâm không có tâm làm Ý chỉ.

Các khổ hoạn phiền não chưa hề dừng nghỉ, như khỉ vượn, như dòng nước sông chảy xiết, cũng như ngọn đèn dầu ánh sáng tỏa ra, bỗng chiếu đến chỗ xa, không có hình tướng mà dễ thoái chuyển, tham lam các cõi, bị sáu Căn làm hại dùng làm nhà cửa, giây lát biến hoại bỗng tan đi hết. Tâm không có nơi chỗ mà riêng mình du hành, không có vững thực cũng không chẳng thật, vắng lặng riêng mình quán sát.

Đây gọi là quán tâm không có tâm, Ý chỉ thanh tịnh.

Tâm được trí tuệ, pháp giới của tâm là chỗ ở của trí tuệ, sự sáng ấy vốn thanh tịnh sạch sẽ không ô uế, biết tâm chân thật, tâm rõ hiện tại, mắt chỗ được thấy, tâm pháp bình đẳng, trí tuệ cũng như tâm, ba đời tâm bình đẳng. Đã được bình đẳng thì biết tâm tuệ chân thật tự nhiên, không hộ không trì không thể thấy được. Đây gọi là quán tâm không có tâm làm Ý chỉ.

Nếu tâm vốn thanh tịnh thì nó là tánh tự nhiên. Tâm vốn thanh tịnh thì rõ tâm chúng sinh. Vì tâm thanh tịnh mà khai hóa nhân dân, vì họ thuyết pháp để họ hiểu biết có tánh tự nhiên của tâm mình.

Tâm đã tự nhiên, tất cả chúng sinh cũng đều tự nhiên. Nếu hay phân biệt tâm như vậy thì thấy tâm tướng họ mà vì họ thuyết pháp.

Như tâm tướng tự nhiên, chúng sinh tâm tướng tự nhiên như vậy, nếu hay đạt tâm tướng ấy thì hay vì họ mà thuyết pháp. Tâm mình không thì tâm chúng sinh cũng không, mình hiểu không mà vì họ thuyết pháp.

Chế ngự tâm mình bình đẳng thì có thể bình đẳng chế ngự họ mà vì họ thuyết pháp.

Thân mình bình đẳng, tâm mình đã bình đẳng thì bình đẳng chúng sinh. Đã bình đẳng chúng sinh thì bình đẳng các pháp. Đã bình đẳng các pháp thì bình đẳng chư Phật. Hiểu chân đế này thì chẳng khiến tâm mình rời lìa tham dục mà chẳng ở nơi dục. Tâm đã dừng dứt rồi thì vào pháp giới đến nơi tự nhiên, tâm vô sở trụ ở nơi pháp không động.

Đây gọi là Bồ-tát quán tâm không có tâm Ý chỉ thanh tịnh.

Phật dạy Bồ-tát Bảo Kế:

– Này Tộc tánh tử! Bồ-tát quán pháp biết pháp vốn không, đây là thực hành Ý chỉ.

Bồ-tát nghĩ rằng: "Pháp khởi thì khởi, pháp diệt thì diệt, xét nơi gốc ngọn cũng không có thân ta, không có nhân, thọ mạng, chúng sinh, sinh, già, bệnh, chết, cũng không có khuynh hướng diệt mất. Trong các pháp ấy, các pháp hợp hội, vì nó hợp hội mà tạo thành quán tánh, nếu không có duyên hợp hội thì không có pháp ấy. Từ nơi quen thích ấy làm nhân mà có duyên hội hợp, do vậy sinh khởi gốc lành cùng gốc dữ, để rồi quy về vô thường, không có duyên hội hợp. Chẳng từ không có quen ưa mà khởi các pháp".

Bồ-tát quán hiểu rõ các pháp như vậy, thấy chỗ quy về cũng không chỗ có, là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Chỗ làm công đức và không công đức, các việc làm ấy đều như ảo huyễn vô thường, phải hành tinh tấn.

Nếu Bồ-tát hưng khởi nhân duyên, thì có mười điều vô ngại cực độ tuân hành, nếu trừ diệt nhân duyên, chí nguyện Bồ-tát đặt trong đại pháp. Thế nào gọi là thanh tịnh mười thân không cấu uế?

1. Thân thanh tịnh không có cấu uế đủ các tướng tốt.

2. Vô kiến đảnh tướng siêu độ tất cả những sự xâm hại, ý chí và phẩm tính thanh tịnh có đủ mười sự, nội tâm thanh tịnh đầy đủ chánh hạnh.

3. Sáu mươi ức âm thanh từ miệng nói ra làm vui đẹp các chúng sinh.

4. Tâm thường nhân từ thương xót tất cả không hề làm tổn hại.

5. Ý thường tại định không hề tán loạn; biện tài thanh tịnh, phàm có giảng thuyết đều đúng pháp đúng nghĩa biện tài vô tận.

6. Đại Từ thanh tịnh khuyến hóa chúng sinh, khiến tất cả đều thích cảnh Niết-bàn.

7. Đại Bi thanh tịnh vô lượng số kiếp chẳng chán sinh tử.

8. Thanh tịnh mười Trí lực, hiểu rõ căn tánh ý niệm của chúng sinh đều riêng biệt chẳng đồng.

9. Thanh tịnh không sợ hãi phân biệt chấp trì vô ương số pháp, chúng sinh tích tụ muốn đủ pháp bất cộng của chư Phật.

10. Trí tuệ biết ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai vô ngại; pháp thanh tịnh của chư Phật có thể ứng dụng tự tại vì quy hướng Thánh tuệ.

Đây là mười điều.

Bồ-tát đã được mười hạnh đại pháp vi diệu cứu cánh vô ngại rồi xứng lượng tư duy chẳng hề mỏi nhàm, tích tập công huân mà chẳng hư mất, sa

vào hạnh vô đức, luôn ân cần tinh tấn.

Sao gọi là các pháp căn nguyên bản lai khiến không có xứ sở?

Vượt khỏi sở trụ các tích tập trần lao, đã hiểu rõ vạn vật, tất cả đều vô thường thì có thể thành Vô thường Tam-muội. Người được chính định này chẳng rời Tam-muội, theo bản nguyện của mình thị hiện thọ sinh, đến có chỗ sở nhập mà lại xuất sinh, dùng các hạnh công đức tuyên thuyết khai hóa các chúng sinh.

Đây là Đại Bồ-tát thiện quyền phương tiện, diễn thuyết kinh điển một cách toàn diện, quán các pháp thấu biết không có pháp làm Ý chỉ.

Còn có người tuân theo kinh điển tu hành hết sức chính xác. Nếu hay hiểu rõ pháp đạo phẩm, thì chẳng làm các sự lành, chẳng thấy có thường, cũng không chấp trước, chẳng trừ các pháp ác, đạo tâm hiển rõ chẳng dứt, cũng chẳng chấp có thường chẳng đọa đoạn diệt. Nếu có Bồ-tát dứt bỏ các sự chấp thường chấp đoạn, giữ lòng bình đẳng vô sở trụ mà ở trung gian. Sao gọi là trung gian? Không khởi niệm, trừ hết vô minh, đây gọi là trung gian. Không có giáo hóa không có dạy truyền, không có ngôn không có thuyết, đây gọi là trung gian. Nói tóm lại, vô minh, hành, thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thống ái, thủ, hữu, sinh lão, bệnh tử, ưu bi khổ hoạn đều đã trừ hết, đây gọi là trung gian.

Người an trụ trung gian, không bị sai khiến cũng không có kẻ sai khiến, xét sở hữu thì không có giáo lệnh không có dạy truyền, xét gốc ngọn thì không thể biết được, không có xứ sở, chẳng nắm bắt được thì không chỗ chấp lấy, tịch mịch đạm bạc, bỗng nhiên dứt bặt, đây gọi là trung gian.

Này Tộc tánh tử! Ví như tiếng vang không có xứ sở, người thấy chân đế thì rớt vào nơi chân ngụy. Trung gian đây không có ngôn không có thuyết, không có quan điểm cũng không có xứ sở.

Này Tộc tánh tử! Do hưng phát là việc của thức và sắc cùng giáo lệnh, nhân do hợp thành là từ hai duyên đối đãi. Trung gian ấy là không có giáo lệnh không có ngôn thuyết, đây gọi là trung gian.

Nhân duyên hợp thành chẳng cần nghĩa lý. Nghĩa lý ấy chẳng thể nắm bắt. Chẳng thể nắm bắt ấy là chẳng trùng lai. Chẳng trùng lai ấy gọi là trung gian.

Lại người quán ngã thì rõ vô ngã, nơi đây tịch diệt, đối với ngã và vô ngã tự nhiên thanh tịnh, đây gọi là trung gian.

Quán nhân thọ mạng, đối với nhân thọ mạng mà không có sở kiến thanh tịnh tự nhiên, đây gọi là trung gian.

Đối với tưởng và vô tưởng mà không có tưởng vui, đây gọi là trung gian.

Những sự sở đắc điên đảo được hưng khởi mà không có sở hữu, đây gọi là trung gian.

Hư vọng ngu si và giáo thuyết chí thành đều chẳng có được, đây gọi là trung gian.

Bờ đây, bờ kia tiêu hóa thân mình không để có chỗ dính mắc, hữu vi, vô vi chẳng hành chẳng tập, đây gọi là trung gian.

Xả trừ sinh tử mà đến Niết-bàn, đều không có ngôn giáo, đây là ở trung gian.

Này Tộc tánh tử! Người quán sát pháp, biết pháp vốn không có làm tạo tác sự Ý chỉ, chẳng hoại pháp giới, tâm ý tự nhiên mà đắc Ý chỉ, vào pháp giới hiểu rõ các pháp, quán pháp giới ấy cùng với nhân giới, nơi pháp giới kia cũng không hư hoại chẳng hư nhân giới. Pháp giới và nhân giới, hai sự ấy đồng như hư không giới. Bồ-tát này dùng một giới mà thấy khắp các pháp. Dùng Tuệ nhãn mà thấy tức Bồ-tát vận dụng được phép quán pháp giới của Phật.

Giả dụ, có người không chọn lựa pháp, kẻ ấy sẽ không thấy. Vì dù các pháp có nhiều bao nhiêu cũng đều không có gốc, cho nên dù bao nhiêu cũng không thấy.

Nếu do quán pháp mà thấy vốn không có, thì chẳng phải Nhục nhãn thấy, chẳng phải Thiên nhãn thấy, chẳng phải Tuệ nhãn thấy. Vì sao? Vì nhãn ấy rời lìa phân biệt.

Chẳng phải Nhục nhãn thấy thì nhãn ấy chẳng rơi vào hành sinh tử. Chẳng phải Thiên nhãn thấy thì chẳng dùng nhãn ấy hành nơi phóng dật. Chẳng phải tuệ nhãn thấy thì quán pháp rõ pháp vốn không có. Hoàn toàn thấy các pháp không có xứ sở, pháp không có sở trụ. Đã thấy các pháp không có sở trụ thì thực hành ý nghĩa của pháp, thực hành pháp như vậy thì chẳng trái mất thệ nguyện xa xưa. Đây là Bồ-tát tùy thuận lời Phật dạy mà tự lập ý, quán sát các pháp thâm diệu chẳng bỏ tâm Vô thượng Bồ-đề.

Đây là Bồ-tát quán vốn không có pháp, Ý chỉ hạnh thanh tịnh.

Phật dạy Bồ-tát Bảo Kế:

– Đây là bốn Ý chỉ hành bốn tinh tấn. Những gì là bốn?

1. Quán thân không có thân, trừ bỏ chấp kiến điên đảo thấy có thật, bất tịnh cho là tịnh.

2. Quán đau đớn không có đau đớn, trừ bỏ tưởng điên đảo cho khổ là

vui.

3. Quán tâm không có tâm, trừ tưởng chấp vô thường cho là thường.

4. Quán pháp không có pháp, trừ tưởng không ngã cho là có ngã.

Với bốn điên đảo này mà tu bình đẳng thì không có chấp trước.

Bồ-tát nếu có thể tu hành bình đẳng thì có thể thanh tịnh tất cả công hạnh.

Bồ-tát phụng hành công hạnh bình đẳng thanh tịnh vi diệu này thì đến pháp nhẫn được gọi là bốn Ý đoạn pháp nhẫn.

Sao gọi là Ý đoạn?

Hành giả thanh tịnh giảng thuyết đạo pháp, do đây tự nhiên tùy thuận thiện, chẳng theo gốc ác, chẳng phát sinh lỗi lầm. Những mầm mống của gốc ác chưa sinh thì chẳng cho sinh khởi. Vì tu tinh tấn nên những ác ngôn sinh ra sự phi pháp liền dứt diệt. Vì tu tinh tấn nên các sự thiện đúng pháp được khuyến khích phát sinh. Những pháp lành đã khởi thì càng thêm tinh tấn, làm cho viên mãn chẳng để quên mất.

Lại nữa, Bồ-tát vốn tu tịnh nghiệp, hay tự kiềm chế giữ gìn chẳng để mất pháp lành, được an trụ tự tại, lần lần tăng trưởng hiển dương thiện pháp. Thiện pháp đã hưng thạnh rồi, thì chẳng còn quên mất.

Bồ-tát này tu hành thanh tịnh bốn Ý đoạn ấy đầy đủ Bồ-tát hạnh tâm được tự tại tinh tấn chẳng loạn, thanh tịnh vô cấu chẳng trái với trí tuệ Phật, thuận theo đạo giáo thực hành đại Bi, tâm tâm thấy nhau, xem nơi sở niệm chẳng mất tinh tấn, đã hiện hành bình đẳng, đây gọi là được Ý đoạn. Vì sao? Vì từ nơi bình đẳng an lành chẳng cần đối kháng và từ bỏ tà ác. Do nơi an lành chẳng theo tà ác bèn được Ý đoạn bình đẳng Tam-muội. Đã được Tam-muội rồi thì gọi là bốn Ý đoạn bình đẳng.

Phật bảo Bồ-tát Bảo Kế:

– Nếu hay tu hành bốn Ý đoạn ấy, thì có thể phụng hành đầy đủ bốn Thần túc: Dứt trừ tham dục, phụng hành tinh tấn thì làm cho đạo tâm tịch tĩnh không nhiễm uế, ít suy tư. Đã bỏ phi pháp rồi thì được khinh an, thành tựu đại Bi. Tinh tấn khinh an, được phương tiện thiện xảo, do đây mà thành bốn thần túc, thăng tấn vào ngôi nhà đạo pháp được bốn tự tại. Những gì là bốn tự tại?

1. Thọ mạng tự tại, Bồ-tát này đã được thọ mạng lâu dài. Vì thọ đã vô hạn nên ở trong đoản mạng mà đầy đủ vô lượng thọ, khuyến hóa chúng sinh nghe pháp quán sát. Hoặc với người nhàm chán thì hiện đoản mạng, cho họ khát ngưỡng chánh pháp, ân cần cầu học. Bồ-tát này sinh chỗ nào,

hoặc trên trời hoặc nhân gian, đều được tự tại trong thọ mạng của mình.

2. Thân khẩu tự tại, Bồ-tát này thân khẩu như ý, tâm chẳng dựa nơi thân tùy ý hiện hình dung mạo sắc tượng. Vì chúng sinh có các loại oai nghi lễ tiết, thân có xấu tốt, dài ngắn, lành dữ, Bồ-tát này nhập chánh định, tư duy dùng luật nghi nào có thể khai hóa họ? Theo đó Bồ-tát biến hiện hình mạo thành các tướng trạng ngồi đứng tới lui. Trong khoảnh khắc tác ý, Bồ-tát này hóa hiện đủ tất cả nhân sĩ, thân hình nhan sắc đồng loại với họ, rồi vì họ mà thuyết pháp.

3. Thuyết pháp tự tại. Bồ-tát này ở trong ba cõi, nắm giữ chánh pháp độ đời, chẳng làm pháp thế tục. Dù tùy theo tập tục biến hiện các sự cảnh mà chẳng xa rời trí tuệ độ đời, mà cũng không lầm lỗi, luôn hợp với đạo thâm áo trí tuệ vô ngại. Hoặc tại cõi trời, hoặc tại nhân gian, Bồ-tát này tùy theo ngữ ngôn của mọi loài, làm cho vô số chúng sinh thuận hoàn toàn theo luật giáo, đều được quả như chỗ nguyện cầu.

4. Cõi nước tự tại. Bồ-tát này tâm đã được tự tại rồi, nhiếp bao nhiêu biển lớn trong tam thiên đại thiên thế giới hợp vào một biển lớn, cũng không có qua lại để biến hóa. Đem bao nhiêu núi Tu-di lập làm một núi, mà tất cả trời Tứ Thiên vương, trời Đao-lợi đều chẳng hay biết sự hợp tan qua lại ấy. Hoặc hiện rừng cây, hoặc hiện lửa nước đầy cả hư không, hoặc hiện các thứ châu báu, tùy ý kiến lập phương tiện cứu độ chúng sinh. Công việc xong rồi thoạt nhiên hoàn lại như cũ.

Này Bảo Kế! Bồ-tát ấy dùng bốn hạnh Thần túc để tự tu tập, cùng chư Phật mười phương chung đàm công luận, ngồi đứng kinh hành không rời bên Phật. Đồng thời cùng Phạm vương, Đế Thích, Tứ Thiên vương, các Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân và Phi nhân, tất cả mọi loài chúng sinh luận đàm thuyết pháp đứng ngồi đến đi. Vì sao? Vì Bồ-tát này thần túc vi diệu, tự tại quảng đại vô lượng. Vì Bồ-tát từ xa xưa tu hành pháp lành, không hề kém khuyết nên được như vậy.

Sao gọi là tu Thần túc?

Bồ-tát ấy từ xa xưa tu hành pháp lành, coi nhẹ thân mình, cung kính bậc tôn trưởng, phụng thờ hầu hạ chẳng biết mỏi nhàm, khiêm ty hạ ý chẳng có lòng tự đại tự cao, miệng luôn nói lời lành, làm vui đẹp mọi người, kính yêu tất cả, cúi đầu tự quy, đầy đủ lễ tiết, ngôn hạnh tương xứng, lòng dạ mềm mỏng không kiêu không hãnh diện, không có ác ý, luôn luôn khiêm cung điều phục tâm ý, lắng nghe và thừa nhận lời tôn trưởng, thuận giáo quỳ lạy, giữ lòng mềm dịu, chế ngự ý chí, tinh tấn tu hành chưa hề rời bỏ.

Bồ-tát này đầy đủ lễ tiết oai nghi đúng chính giới, hành tướng khác người, lòng chẳng biếng lười khinh mạn, cũng chẳng phóng dật, cũng chẳng thuận theo tâm niệm tham dục, sân khuể, ngu si. Dứt trừ đây rồi thì không có tham lam tật đố, tham của tham ăn tự hết, tịch tĩnh vô sinh, bệnh tật tiêu lành, các cái chướng năm ấm gánh nặng đều dứt khỏi. Đem ân tuệ ban bố cho chúng sinh. Làm cầu làm đò, dùng thuyền lớn đưa tất cả chúng sinh qua khỏi dòng nước sâu rộng. Theo cơ khai hóa chúng sinh: Kẻ loạn làm cho chánh, kẻ rối làm cho định, kẻ vạy làm cho ngay, kẻ hủy báng thì cười, chẳng ngại nghịch cảnh, giải quyết hồ nghi, nói điều hay lạ, trấn an dao động, thương cứu mọi loài, giác ngộ kẻ mê, của quý đem bố thí về sau không hối tiếc, giúp đỡ chúng sinh khuyến khích đạo tâm.

Bồ-tát này nếu thấy có người tích lũy cội công đức thì thay họ mà vui mừng, chưa hề tự khen tự an, thấy người được an thì mừng rỡ khen ngợi.

Bồ-tát này nuôi dưỡng sự tri túc một cách dễ dàng, chẳng mong lợi lộc của người khác.

Bồ-tát này ưa thích xuất gia, khuyên người khác xuất gia tu học đại Từ đại Dũng, đạo tâm kiên cố, kẻ oán người thân đều bình đẳng như hư không. Thấy người nhọc mệt thì sắp đặt xe cộ, thường mang sự không sợ hãi ban cho chúng sinh.

Bồ-tát này thấy bậc học vấn thì kính như Phật, thấy người chưa học thì chẳng khinh mạn, thấy người thiếu thốn thì ban cho của cải nghề nghiệp, người tật bệnh thì cấp cho thuốc men để cứu mạng họ, người cứu hộ thì hiếu thuận để báo ân, thấy người giữ giới tự tu thì cúng dường phụng sự chẳng để trái ý, thấy kẻ không cung cách thì khuyến hóa họ vượt qua thế tục.

Bồ-tát này đi đến đâu đều chẳng phạm lỗi ác, không hề nhiễm thế sự, thường phụng hành các công đức.

Bồ-tát này tu các thần túc vi diệu quảng đại chẳng lui chẳng mất cho đến khi thành Phật.

Đây là Bồ-tát thần túc hạnh thanh tịnh.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 118

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng
Pháp sư Trúc Pháp Hộ.

PHÁP HỘI 47: BỒ-TÁT BẢO KẾ (PHẦN 2)

Phật bảo Tộc tánh tử:

– Thế nào là Bồ-tát tu hành năm Căn thanh tịnh? Đó là không thọ các pháp mà tu đạo nghĩa, là Tín căn. Nguyện qua bờ kia mà không phải vì người ngưỡng cầu, là Tinh tấn căn. Làm tất cả mà không xả đạo ý, là Ý căn. Chấp trì lòng đại Bi thương xót cứu độ khổ ách chúng sinh, là Định căn. Nếu hay phụng hành tất cả các pháp mà tu tĩnh lặng, là Trí tuệ căn.

Lại nữa, này Tộc tánh tử! Nỗ lực tin sâu tất cả pháp của chư Phật, thuận theo vết tích của đạo, là Tín căn. Phụng hành pháp của chư Phật không hề biếng nhác, là Tinh tấn căn. Nhớ nghĩ các pháp của chư Phật, lưu giữ trong tâm Thánh nghĩa không bao giờ quên, là Ý căn. Tu tập Thiền định của Phật không bao giờ lười biếng phế bỏ, là Định căn. Hay trừ được nghi kết của tất cả chúng sinh, nguyện mà không có nguyện nào được niệm hay nhớ nghĩ, là Tuệ căn.

Lại mến mộ Phật đạo, không hề có tâm do dự, là Tín căn. Tánh khí nhu hòa, thuận tu tinh tấn không thoái lui, là Tinh tấn căn. Siêng năng tư trợ đức bản thêm lớn, không tổn thất, là Ý căn. Đem ánh sáng Phật pháp bình đẳng diễn nói soi sáng cho chúng sinh, cứu thoát tâm rối loạn của chúng sinh, là Định căn. Phân biệt nguồn gốc của tất cả mọi người mà thuyết pháp, là Tuệ căn.

Lại mến mộ Phật pháp siêu việt tất cả mọi sự vướng mắc, mà không sở trước là Tín căn. Giải trừ kiết sử cho chúng sinh khiến chúng không còn phải trói buộc nữa, là Tinh tấn căn. Chí tại phụng hành mà không sở trược, một mình đi dạo trong ba cõi, cao vời vợi hơn cả, là Ý căn. Biết rõ do đâu mà có những nhân duyên gây trở ngại, là Định căn. Hiểu rõ các chấp trước dựa vào trí, không gì không đạt được, là Tuệ căn. Lại nữa, Bồ-tát khiến cho được tuân theo mà không khiến cho bị mê hoặc, là Tín căn. Dạy người

không lầm, đúng lúc, thường mang lòng vui mừng, là Tinh tấn căn. Pháp giáo mình theo thường làm trong sạch, pháp mầu nhiệm chúng uế không mê, không quên đạo nghĩa ngày càng tăng tu, là Ý căn. Tâm đó thanh tịnh phụng hành bình đẳng, dùng chính thọ Thánh tuệ quân bình mà được độ, là Định căn. Nếu đối với pháp giới thông suốt không trở ngại, bỏ các thời cơ không đúng lúc, diễn giải minh pháp, là Trí tuệ căn.

Diệt trừ tất cả các gốc phi thiện, tu hành các đức, là Tín căn. Tuân hành tu các gốc lành, thuận theo kinh điển, là Tinh tấn căn. Tích chứa mọi điều thiện không trái với pháp, là Ý căn. Định ý vui mừng không loạn yên vui, phân biệt mọi gốc đức của chúng sinh, là Định căn. Phụng hành mọi điều thiện tùy theo phương tiện, tu mọi đạo pháp, là Tuệ căn.

Lại tinh cần tu hành bỏ các lười biếng, ý không mong cầu, không quên mất, giúp cho định ý không bị mê hoặc, phụng hành trí tuệ, khai hóa ngu si. Lại người tu hành chánh tín tổn bỏ tà pháp. Người tu hành tinh tấn, bỏ cả tôi ta, tâm được chuyên nhất, độ cho thân tham, bởi hay hành định, xé nát các lưới sáu mươi hai kiến. Người có trí tuệ, trừ sạch tất cả đắm trước ân ái.

Tộc tánh tử! Đấy là Bồ-tát tu hành năm Căn thanh tịnh.

Phật bảo Tộc tánh tử:

– Thế nào là Bồ-tát tu hành năm Lực thanh tịnh? Nếu kể năm Căn có thể lập ở đây thì phụng hành không bỏ, hàng phục bốn ma, không theo Thanh văn, Duyên giác thừa, về với Đại thừa, chưa từng thoái lui, tiêu trừ các uế nhiễm, ái dục trần lao, nguyện ấy kiên cố, tâm được tự tại, trí tuệ dũng mãnh, thân đủ thế lực khang ninh cường kiện, các căn đạm bạc, lòng tin không hoại. Tộc tánh tử! Đấy gọi ấy là Tín lực. Chỗ không nên làm thì không làm, chế ngự tâm tánh cho được điều hòa ấy là Tánh tấn lực. Điều gì nên tu thì đều làm hết, ý thế kiên cường, ấy là Ý lực. Đạo nghiệp sở tác chưa từng quên mất, dùng độ tất cả, ấy là Định lực. Không bị các niệm tưởng về sắc, thanh, hương, vị mịn màng gây ra ách nạn, độ thoát tất cả do dự kiết sử, là sở trụ của ý, ấy là Tuệ lực.

Lại Tín lực là sở trụ không phải theo người khác dạy mà có. Tinh tấn lực là chỗ mình đang gìn giữ không để mất mát. Ý lực là đã được Tổng trì bất cộng đạo ý. Định lực là nói pháp bình đẳng không theo thiên lệch. Tuệ lực là quyết đoán những sự nghi ngờ, cởi được lưới trói buộc cho chúng sinh.

Lại Tín lực là đầy đủ thế lực thành tín. Tinh tấn lực, là giải thoát cho kẻ kiên cường, độ kẻ chưa độ. Ý lực là đầy đủ năng lực giải tuệ tri kiến.

Định lực là đầy đủ sức chí tánh rốt ráo. Tuệ lực là đầy đủ tất cả nguồn gốc các hạnh.

Lại Tín lực là hay ức chế được các nạn keo kiệt tham lam nhơ bẩn. Tinh tấn lực là hay bỏ được tất cả sở hữu. Ý lực là hiểu rõ nền tảng đức hạnh khuyến trợ đạo tâm. Định lực là tuân hành tâm bình đẳng bỏ các sở cầu. Tuệ lực là mọi sự nên làm không cầu báo đền.

Lại Tín lực là giải trừ tất cả khối hủy giới. Tinh tấn lực là siêng năng tu hành cấm giới chưa từng phạm mất giới. Ý lực là đầy đủ đạo tâm không sơ hở khiếm khuyết. Định lực là đến được địa vị quy thú nhân hòa. Tuệ lực là đối với các sở hành đều đoạn sinh tử.

Lại Tín lực là lìa tâm gốc tranh tụng giận tức. Tinh tấn lực là sở hành chánh niệm tuân tu nhẫn nhục. Ý lực là đầy đủ đạo hạnh cũng không hủy pháp. Định lực là trước tự chế tâm khiến không phóng túng, ủng hộ tất cả chúng sinh. Tuệ lực là không kế chấp có cái tôi cái ta cũng không có cái tưởng mình người.

Lại Tín lực là bỏ hết sự lười biếng và mọi uế nhiễm trần cấu. Tinh tấn lực là siêu độ tất cả nhân duyên, chẳng bị các ý nghĩa của việc ác. Ý lực là tu hành với đạo đều đầy đủ. Định lực là thân được tự tại, hàng phục được ma quân. Tuệ lực là đối với những cái nên làm không thể không làm.

Lại Tín lực là tiêu diệt các hành vi cong lệch nhơ bẩn. Tinh tấn lực là hội hợp chúng sinh mà khai hóa họ. Ý lực là thường tâm chí chuyên nhất mà khuyến trợ. Định lực là thường hành tĩnh lặng chưa từng rối loạn. Tuệ lực là thông suốt pháp sở hành của mọi người.

Lại Tín lực là bỏ các kiến chấp nhơ bẩn. Tinh tấn lực là cần cầu tu hành, cầu được sự quảng bác. Ý lực là nghiêm tịnh tư niệm ứng với sở hành. Định lực là mau chóng được tâm vô sở sinh. Tuệ lực là chuyên tinh học cho đến khi thành tựu hoàn toàn.

Lại Tín lực là thường được của thất tài chí thành. Tinh tấn lực là hiểu rõ phân biệt ý nghĩa của bảy Giác chi một cách thấu đáo. Ý lực là tâm thường quân bình chưa từng rối loạn. Vượt qua nợ an tọa của bản thức. Tuệ lực là qua cả tám tà mà không chấp trước.

Không thể phá hoại được, tâm thường thanh tịnh, ấy là Tín lực. Phụng hành thanh tịnh mà không thoái lui, vô tịnh bất tịnh, vô ưng bất ưng là Tinh tấn lực. Ý thanh tịnh tập hợp các loại đạo phẩm pháp, vô ý vô niệm, ấy là Ý lực. Tâm tinh tấn tu tĩnh lặng, chánh thọ, ấy là Định lực. Nếu được thanh tịnh, không bị các kiến chấp làm mê hoặc, phụng hành các nền tảng đức hạnh, ấy là Tuệ lực.

Tộc tánh tử! Đấy là sở hành năm Lực thanh tịnh của Bồ-tát.

Phật bảo Tộc tánh tử:

– Thế nào là Bồ-tát bảy Giác phẩm thanh tịnh? Bởi Bồ-tát kia hiển lộ Ý giác phẩm mà được tự tại bất cộng đạo tuệ. Pháp giác phẩm, là quán sát những gì được thực hiện, tài bảo cung ứng bất cứ lúc nào mà không bám chấp. Tinh tấn giác phẩm là siêng tu hành đạt đến trạng thái không trở ngại. Hoan duyệt giác phẩm là chuyển hóa tâm thức không có những niềm vui ràng buộc. Tín giác phẩm là thân ý thoải mái được đến chỗ rốt ráo. Định giác phẩm là lìa sự thưởng thức của ý chí mà đạt đến chỗ thấu đáo. Quán giác phẩm là những cái đáng được tạo thành sự nghiệp thì hoàn toàn thành tựu.

Lại tâm cầu đạo cũng không chỗ được, không chỗ mất là Ý giác phẩm. Nếu hộ pháp tinh tấn ngày mỗi đổi mới là Pháp giác phẩm. Khai hóa chúng sinh không mỏi mệt là Tinh tấn giác phẩm. Thi thiết lạc pháp ân cần huân tu tư nghị là Duyệt giác phẩm. Nếu giáo hóa chúng sinh, diệt trừ trần lao, kiến lập vào đạo là Tín giác phẩm. Nếu trụ ý bình đẳng, tâm không hoại, loạn là Định giác phẩm. Nếu quán sát được trí tuệ của Hiền thánh, kiến lập chúng nhân là Quán giác phẩm.

Không lo không nghĩ cũng như sư tử, hơn cả Thanh văn thừa, Duyên giác thừa là Ý giác phẩm. Tất cả các pháp đều hoàn toàn thanh tịnh, hiểu được như thế, là Pháp giác phẩm. Việc làm thanh tịnh, giữ thân, khẩu, ý không trái phạm là Tinh tấn giác phẩm. Thanh tịnh không bị các đối tượng lôi cuốn, xa lìa ách hại là Duyệt giác phẩm. Nghiêm tu sở hành, chỗ đáng làm đều được thành tựu, là Tín giác phẩm. Chưa từng thuận theo hình thức bình đẳng trần lao chung của thế gian là Định giác phẩm. Chưa từng trụ hành hai pháp, thoát khỏi trôi nổi là Quán giác phẩm.

Phật bảo Tộc tánh tử:

– Thế thì Giác phẩm được gọi là gì? Rõ ràng hiểu rõ pháp không gì không đạt đến, phân biệt đúng đắn những khuynh hướng của nhận thức, hiểu được sở quy của uy nghi lễ tiết, khai hóa chúng sinh, ở những trụ xứ ấy, Bồ-tát tự siêng tu, thực hành đạo nghĩa một cách rộng rãi. Trừ được những sự ràng buộc chằng chịt trói là Ý giác phẩm. Ấy là sở hành của Hiền thánh, không phải sở tu của kẻ ngu phu, nói Thánh hành, không phải sở hành của ma, chẳng phải sở hành của kẻ cống cao tự đại. Thánh hành ấy không kẻ ngoại đạo dị học bì kịp được. Sở hành của bậc Thánh hiền, không hành theo pháp ảo hóa của sắc, thanh, hương, vị. Hành của bậc Hiền thánh không có cái bám chấp nhân duyên của các vọng tưởng.

Cái hành của bậc Hiền thánh không có tuyển chọn xứ sở phương diện, hay có chỗ quên mất. Hành của bậc Hiền thánh là cái hành vô tâm ý thức niệm ngôn. Hành của bậc Hiền thánh là ly pháp kiến văn niệm tri thức. Hành của bậc Hiền thánh là không có tạo niệm tưởng Niết-bàn, đối với tất cả các pháp đều không có sở hành là hành của bậc Hiền thánh. Tu tập kinh điển, tất cả đều không có cái phải nên hoặc cái không phải nên, không có cái niệm hoặc bất niệm, cùng không có tha tưởng là hành của bậc Hiền thánh. Đối với tất cả pháp đều hoàn toàn không chỗ trụ, không mến mộ tôn trọng xứ sở nào là hành của bậc Hiền thánh. An tịnh đối với tất cả pháp, thuận làm chánh nghĩa, đều được như sở đắc là hành của bậc Hiền thánh. Đối với tất cả pháp chưa từng tranh tụng và ngừng hẳn tranh tụng trong tính cách hòa đồng là hành của bậc Hiền thánh. Phụng hành các pháp mà không tưởng các pháp, không mất đạo ý là hành của bậc Hiền thánh.

Này Tộc tánh tử! Đây là bậc Hiền thánh tu thanh tịnh bảy Giác phẩm.

Phật bảo Tộc tánh tử:

– Thế nào là Bồ-tát tu hạnh tám đạo pháp thanh tịnh? Tám đạo hạnh là những gì?

Một là chánh kiến. Thế nào là chánh kiến? Nếu hay phụng hành tất cả các pháp, không trụ không xem xét đối với cái ta và cái không ta. Vì sao? Vì quan sát thân này, tôi ta không sai khác, cũng không trụ quán thân người là không. Vì sao? Vì thân người và vì quán cái không của thọ mệnh con người vì quán tâm bình đẳng, Bồ-tát cũng chẳng quán bao nhiêu sinh tử, xa lìa ý nghĩa về cái không hoàn toàn trống rỗng trước sau. Vì sao? Vì họa hoạn của bao nhiêu sinh tử và bao nhiêu họa hoạn phát sinh từ quan niệm có cái bắt đầu và kết thúc. Vì cái không được Bồ-tát quán sát vẫn luôn bình đẳng. Bồ-tát chẳng an trụ cái không, đoạn diệt, thường kiến, Bồ-tát chẳng trụ quán cái ta hay cái tôi hiện hữu. Vì sao? Vì đoạn diệt và thường kiến là bình đẳng, cũng không kể đến thân và cái không được quan niệm, Bồ-tát cũng chẳng trụ ngoại tại. Vì sao? Vì thân, tôi, ta, không vẫn là bình đẳng. Bồ-tát cũng chẳng trụ quan điểm về hạnh của Phật, Pháp, chúng và cái không được Bồ-tát quán sát, tất cả vốn bình đẳng.

Này Tộc tánh tử! Sự quán sát được thấy đây kia hiện hữu, chính là cái thấy mang tính chánh kiến về Phật, Pháp, chúng, còn tà kiến là tồn tại trong điên đảo. Nếu đối với các niệm mà không có chỗ trụ niệm, chính là trung quán thượng diệu, đó gọi là Chánh kiến. Vì sao? Vì quán kiến như vậy cũng không sai lệch. Thế thì lấy gì để quán? Người quán sát nên lấy

bình đẳng mà quán. Nếu hành giả thấy pháp phàm phu là thấp kém, còn pháp mà Bồ-tát học là tôn quý, quán như vậy là tà quán. Nếu Bồ-tát thấy pháp phàm phu chưa tiêu dứt những hành vi nhơ bẩn, còn pháp của Bồ-tát học là trong sạch không nhiễm trần lao, quán như vậy là tà quán. Bồ-tát thấy pháp phàm phu là hữu lậu, còn pháp vô sở học cho là vô lậu, quán như vậy là tà kiến. Bồ-tát quan niệm là pháp phàm phu có tâm mong cầu cơm ăn, áo mặc, còn pháp của Duyên giác chẳng màng cúng dường. Quan niệm như vậy là tà kiến. Nếu cho rằng, ai có ý nhỏ nhoi, còn có chỗ hy vọng, mà ý của Bồ-tát là tuyệt dứt mong cầu. Quán như vậy tức là tà kiến. Nếu thấy pháp của phàm phu cho là buông lung phóng túng, còn pháp của Bồ-tát cho là vô dục, quán như vậy là tà kiến. Nếu quan niệm pháp phàm phu là pháp của việc hữu vi, còn chánh pháp của Phật là đạo vô vi, quán như vậy là tà quán.

Đức Phật dạy:

– Tộc tánh tử! Vị nào có thể quán sát pháp phàm phu, quán tất cả pháp đều vốn là thanh tịnh, pháp được học của mình cũng vốn thanh tịnh. Vị nào quán các pháp vẫn tự nhiên như vậy, thì quán ấy mới là chánh kiến. Pháp phàm phu và pháp được học cũng trống rỗng, hiểu rõ cái pháp được học là trống rỗng, mới là chánh kiến. Trong nhân duyên, pháp phàm phu là bình đẳng. Hiểu rõ pháp Duyên giác kia đúng như thế. Cả hai pháp đều bình đẳng, mới là Chánh kiến. Pháp phàm phu là tịch mặc, pháp của Bồ-tát cũng đạm bạc, đó mới là Chánh kiến. Pháp của phàm phu là vô sở thành tựu, pháp của chư Phật cũng không cứu cánh, thấy như vậy mới là chánh kiến.

Người chánh kiến thì tâm chẳng vào hai pháp, chẳng thấy hai pháp, Bồ-tát cũng không thấy ta hay tôi và không cho là có hai nhân thân, đây là Chánh kiến.

Không có bao nhiêu thứ thấy, chẳng lấy bao nhiêu thứ thấy làm cái thấy đặc dị, vì là cái thấy bình đẳng, quán bình đẳng như vậy, thì chẳng tưởng niệm tất cả các pháp có thượng trung hạ, ở trong tất cả pháp, mà không có tưởng niệm mới là Chánh kiến.

Người Chánh kiến không có bao nhiêu sự thấy, cũng không có những đối tượng được thấy, không đối tượng thấy mới là Chánh kiến.

Chỗ quan sát được ấy, không có hình sắc, do thấy các pháp không có hình sắc mới là Chánh kiến.

Này Tộc tánh tử! Bồ-tát quán tất cả các pháp hiểu đúng như thế ấy, mới gọi là người ban tuyên pháp luật.

Khi Đức Phật giảng giáo pháp như vậy, trong pháp hội liền có năm trăm Tỳ-kheo được lậu tận ý giải.

Phật bảo Bồ-tát Bảo Kế:

– Hai là Chánh niệm, cái được gọi Chánh niệm là trừ bỏ các niệm và trừ luôn cả bất niệm, hợp hội tịch tĩnh mà quán trí đức đạt đến pháp đạm bạc, hiểu rõ những gì được quán, thấu triệt các pháp đây là bậc tín niệm vậy. Gì là pháp, gì là phi pháp? Biết các pháp đều riêng sai khác chẳng thân cận nhau. Do hiểu rõ như vậy, nên bình đẳng, niệm vốn không huống là niệm sai biệt ư! Trong tất cả niệm không có niệm, không có chẳng niệm, không còn tư duy, không đúng không phải không đúng, đây gọi là Chánh niệm.

Phật bảo Tộc tánh tử:

– Ba là Chánh ngữ. Sao gọi là Chánh ngữ?

Những gì được Bồ-tát thuyết giảng, chẳng thấy thân mình, chẳng thấy người khác, chẳng thấy kia đây, chẳng xâm phạm bản thân mình, cũng chẳng hại người, đây là chánh ngữ.

Lại nữa, Bồ-tát lúc nói, là nói trong bình đẳng, hiểu các pháp, biết tất cả pháp hoàn toàn diệt tận, biết tất cả pháp quy nhập pháp Hiền thánh và pháp giải thoát, đây là chánh ngữ.

Lại nữa, Chánh ngữ là phụng hành Từ tâm bi mẫn tất cả, kẻ thân và người thù không có khác, Chánh ngữ ấy cũng là Không, Vô tướng, Vô nguyện, hoàn toàn không tạo tác, không sinh, không khởi, bình đẳng diễn nói các pháp vô thường, khổ, không vô ngã, tất cả các pháp không có ngã, nhân, thọ mạng. Bình đẳng diễn nói các pháp theo ý duyên khởi, trồng giống nào thì được quả nấy. Bồ-tát bình đẳng chỉ dạy chúng sinh, tuyên giảng kinh pháp khiến chúng tu hành Phật đạo. Được Chánh ngữ thanh tịnh, thì được tất cả chư Phật mười phương ủng hộ. Đây là Chánh ngữ.

Bốn là Chánh nghiệp. Thế nào là chánh nghiệp?

Bồ-tát tiêu hóa tất cả nghiệp đã gây tạo, chưa hề tái tạo căn bản của những gì được làm ra. Công nghiệp được tu là diệt trừ khổ não. Thấy việc làm thường ngày đều là hư giả. Chẳng hưng tạo tà nghiệp, xa lìa trần lao, không có uế trược. Bồ-tát hiểu rõ Chánh nghiệp và các pháp, với những cội công đức, không có tạo tác để tu đức hạnh, đó gọi là vô tác, là không hư. Đây gọi là Bồ-tát hành đạo Vô thượng làm Chánh nghiệp.

Năm là Chánh mạng. Thế nào là Chánh mạng?

Bồ-tát chẳng thấy có ngã, chẳng quan niệm là có linh hồn, đây là

Chánh mạng. Người có Chánh mạng, thì chẳng tích tụ mọi trần lao. Bồ-tát Chánh mạng, thì có thể tịnh tu chí nguyện của chúng sinh, chí nguyện đã thanh tịnh thì chẳng tự chấp thân, cũng không bám chấp thọ mệnh,… mình và người bình đẳng, tất cả pháp cũng bình đẳng, thực hành pháp nghĩa thanh tịnh. Đây là Chánh mạng.

Sáu là Chánh phương tiện. Thế nào là chánh phương tiện?

Đức Phật dạy:

– Này Tộc tánh tử! Cái được gọi là phương tiện chân chánh, đó là chẳng tạo tác việc phi pháp, tâm chẳng xả đức hạnh, phương tiện được thi thiết thì vững vàng không khiếp nhược, Bồ-tát tu tập trong chánh hạnh hầu như thuần thục.

Người có chánh phương tiện thì chẳng làm tà phương tiện. Phương tiện được làm đúng như lời đã nói, chẳng thấy các pháp giống và khác, không có tạo tác cũng không phải không tạo tác. Đúng như pháp tánh mà thực hành, pháp của chư Phật cũng như vậy, đều là tịch tĩnh, phương tiện chân chánh được dựa trên căn bản đó. Các pháp đều bình đẳng không có sai biệt, những gì tác khởi cũng bình đẳng. Vì các chúng sinh mà trừ tà phương tiện, khuyến trợ họ đạt đến trí tuệ. Đây là chánh phương tiện.

Bảy là Chánh ý. Thế nào là Chánh ý?

Đức Phật dạy:

– Này Tộc tánh tử! Cái được gọi là Chánh ý, đó là ghi nhớ Phật đạo, tư niệm đến Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, Từ, Bi, Hỷ, Hộ những trạng thái ấy được Bồ-tát luôn ghi nhớ, đó gọi là Chánh ý. Bồ-tát nghĩ đến sự ân cần, chẳng đoái hoài đến sự nhơ bẩn của trần cao, không theo phương tiện ma quỷ. Những gì được Bồ-tát tư duy, là hướng đến sự sinh động không rơi vào những phương tiện mê mờ. Bồ-tát chế ngự tư tưởng và ý niệm của mình một cách khéo léo, ví như người gác cửa biết khi nào là đóng là mở vậy. Bồ-tát trừ khử mọi tánh chất bất thiện, vô niệm mà Bồ-tát tư duy, không rớt trong tà niệm. Đấy gọi là Chánh ý.

Bồ-tát đã trụ ở Chánh ý này, thì chẳng ở trong đạo tánh tịch diệt mà chấp thủ quả chứng. Đây là hạnh thanh tịnh Chánh ý của Bồ-tát.

Tám là Chánh định. Thế nào là Chánh định?

Đức Phật dạy:

– Này Tộc tánh tử! Cái được gọi là Chánh định, đó là Bồ-tát tùy thuận hạnh Hiền thánh, biết Khổ đế, đoạn dứt Tập đế chủng, chứng Tận đế chủng, phụng Đạo đế chủng, đây là Chánh định. Bồ-tát chánh định, tự thân bình

đẳng, các pháp cũng đều bình đẳng, tự thân thanh tịnh các pháp cũng đều thanh tịnh, tự thân hư thoát, các pháp cũng đều không, chánh ý chánh thọ, được như đây thì vào bình đẳng, chẳng rơi vào Diệt tận định. Trong khoảng phát tâm, những gì mà Bồ-tát thực hành đều bình đẳng, đều hoàn mãn trí tuệ và hoàn mãn tất cả Thánh phước, thấu triệt các pháp. Đây là Bồ-tát Chánh định hạnh thanh tịnh.

Lúc Đức Phật nói Chánh định giác phẩm, một ngàn sáu trăm chúng trời, người từng mến mộ Tiểu thừa, liền được ngộ nhập pháp này, tất cả đều chuyển hướng phát tâm Vô thượng chánh chân.

Đức Phật bảo Tộc tánh tử:

– Thế nào là Bồ-tát thủ hộ giác ý? Đó là nuôi dưỡng tâm mình, không cho động niệm. Bồ-tát trừ khử dâm, nộ, si và bám trước sắc. Bồ-tát tẩy trừ tâm thức hiện hành những tư tưởng thống khổ. Bồ-tát hiện hữu trong ba cõi mà không bám luyến ba cõi, một mình dạo trong ba cõi đạt đến ba cửa giải thoát và đạt đến ba đạt trí một cách trọn vẹn, thấy ba thời không chướng ngại. Bồ-tát khai thị và độ thoát tất cả chúng sinh và trừ sạch những dơ bẩn của họ. Ví như mặt trời, mặt trăng soi khắp nơi, Bồ-tát ứng dụng phương tiện thiện xảo, tùy thời thị hiện, dạo trong ba đời như hoa sen trong nước. Bồ-tát dạo chơi ba cõi như vậy để mà khai hóa tất cả chúng sinh khiến chúng phát khởi đạo ý. Đây là Bồ-tát hộ trì giác đạo ý, hành hạnh thanh tịnh.

Đức Phật bảo Bồ-tát Bảo Kế:

– Thế nào là Bồ-tát thành tựu thần thông thị hiện hạnh thanh tịnh?

Bồ-tát lại do năm sự thấy suốt đầy đủ chứng được quang minh gọi là Thiên nhãn tức soi khắp mười phương, chỗ rất kín tối không đâu chẳng thấy rõ, thấy tất cả Phật khai hóa độ thoát nhiều loài, xa thấy chúng sinh sau trước hướng đến trang nghiêm ý chí. Thấy hết mười phương gồm có tất cả hình sắc tượng mạo chủng loại tốt xấu, dài ngắn, lớn nhỏ. Thiên nhãn ấy không hề bị chướng ngại, ý niệm tịch diệt vô vi hơn cả hàng Bát bộ, Trời, Rồng, Thanh văn, Duyên giác và cũng thấy suốt gốc ngọn của họ. Đây là Thiên nhãn thanh tịnh của Bồ-tát.

Này Tộc tánh tử! Lại do năm sự Bồ-tát thành tựu sự lắng nghe triệt để đối với mọi âm thanh, đây gọi là Thiên nhĩ. Nghe biết âm thanh của tất cả loài người, nghe suốt âm thanh của tất cả phi nhân, cũng nghe tất cả âm thanh đau khổ của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cũng nghe âm thanh thuyết pháp của tất cả Phật mười phương, tất cả ngôn ngữ âm thanh bất đồng của mọi loài hữu tình và trăm ngàn loại âm thanh với mỗi thứ sai biệt, Bồ-tát

đều có thể nghe một cách rất rõ ràng. Đây là Thiên nhĩ thanh tịnh của Bồ-tát.

Này Tộc tánh tử! Lại do năm sự mà Bồ-tát biết tâm niệm của chúng sinh đều biết rõ được gốc ngọn nghiệp nhân của các loài trời, người, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, tâm niệm thiện ác của họ, đến đời sau hoặc thấy họ thụ thân, biết tâm niệm họ hướng về đâu, suốt quá khứ, vị lai, hiện tại quyết định chỗ đến về nơi tà nghiệp, tâm niệm của tất cả chúng sinh và nghiệp hành thiện ác đều biết rõ, xét tâm ý của chúng sinh hoặc có tham dâm, sân hận, ngu si tùy theo bản hạnh của họ mà thuyết pháp. Đây là hạnh thanh tịnh biết các tâm niệm của Bồ-tát.

Này Tộc tánh tử! Thế nào là sự thanh tịnh thần thông mà Bồ-tát thấu hiểu bao đời quá khứ của vạn loài. Đó là do năm sự mà Bồ-tát biết như vậy. Bồ-tát biết rất rõ những ai lãnh thọ dâm, nộ, si; Bồ-tát đạt đến những sự việc ấy một cách hết sức tự nhiên không cần nỗ lực tư duy; Bồ-tát lại hiểu bản thân mình đã trải qua vô số kiếp, chỉ chuyên ròng thực hiện Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ và Từ, Bi, Hỷ, Xả. Do dựa trên định ấy mà đạt được thân này, sự thọ nhận đó cũng do mình gây nên. Những ai quán các tướng nhân duyên, niệm tâm về cái tôi ta, tướng nhân duyên của họ, cũng do mình làm ra mà tự nhiên lãnh thọ. Những ai tư duy tâm mình, tự quán chí hướng mình, họ vào cửa si mê cũng tự nhiên nhận lấy. Đã nhớ biết như vậy, tùy theo thân hình quyến thuộc thế lực danh xưng hào quý hay bần tiện khổ vui, cũng đều tự mình tạo, đều tự nhiên làm mà chịu lấy họa hoạn ấy. Đây là thần thông thanh tịnh Bồ-tát biết rõ thân tâm của đời quá khứ.

Này Tộc tánh tử! Cũng có năm sự Bồ-tát đầy đủ thần túc tức thị hiện mọi sắc thân thần thông tự tại, thị hiện mọi thanh âm thần thông tự tại, thấu suốt tâm ý và hành nghiệp của tất cả mọi loài thần thông tự tại, thần túc phổ biến, làm cho tất cả chúng sinh an lạc, thần túc toàn là đặc dị, người gần gũi được thấy thần túc đến khắp mọi nơi Bồ-tát an tọa mà thấy vô số cõi nước trong mười phương, đi khắp cảnh giới của tất cả Phật, tùy theo tập tục của tất cả chúng sinh mà hiện thân hình khắp mười phương, thuyết pháp cho họ, làm cho họ được thông hiểu phát tâm Bồ-đề. Đây là thần túc thanh tịnh của Bồ-tát.

Này Tộc tánh tử! Bồ-tát tuệ nhãn có đủ Thiên nhãn thanh tịnh không hề chấp trước, cũng đủ thiên nhĩ trước sau thanh tịnh không hề chướng ngại, liền biết rõ tất cả tâm niệm của mọi loài chúng sinh, biết rõ cả những đời quá khứ, vị lai, an trụ hạnh vô vi, vô tác hết hẳn nghiệp hữu lậu sinh tử,

bèn đủ thần túc thanh tịnh thần thông tự tại, đây là cửa Thánh tuệ lậu tận. Ở đây, Bồ-tát dùng năm thần thông ấy mà tự vui thích, tâm Bồ-tát chẳng an trụ nơi tuệ lậu tận.

Này Tộc tánh tử! Ví như đường sá cách xa cư ấp trăm ngàn do-tuần có quốc thành lớn. Con đường ấy gian hiểm nhiều nạn khó kể hết, nào là dốc cao hố sâu quanh co chật hẹp, nào là giặc cướp, sư tử, cọp sói, chúng ác thú ấy trở lại ăn giết nhau. Nếu ra khỏi con đường dữ ấy, thì đến được quốc thành. Người vào thành thì thoát khỏi các họa nạn, an ổn vô lượng. Bấy giờ có một người nghe quốc thành ấy có nhiều ân đức vui sướng, người này vốn chỉ có một con trai rất cưng yêu, khi nghe đến quốc thành kia, người này liền bỏ đứa con trai yêu quý ở lại mà đi, hết sức siêng năng chịu đựng các sự gian nguy khổ nạn ngày đêm chẳng biếng trễ, được gặp bóng mát, thân đủ sáu nghề, tay cầm năm món binh khí vượt khỏi đường hiểm đến bên cửa thành, đứng trên ngạch cửa rồi lần bước lên đến từng cửa thứ hai mở cửa thành ra rồi đứng lại đó, thoạt nhớ đến đứa con trai yêu quý chưa được đến quốc thành, vì ân tình cha con nên người này chẳng vào thành, mà vội trở lại cư ấp mang đứa con trai cùng đến quốc thành an lạc ấy.

Này Tộc tánh tử! Cũng vậy, Bồ-tát mặc áo giáp vô cực, dùng chí ý tinh tấn vững chắc thuần thành hiển phát đại đạo trừ sạch tâm nghiệp, công hạnh thuần thục lành tốt, hết các lậu, khởi đại Bi, vì chúng sinh mà thuyết pháp khai hóa cho họ. Bồ-tát này có trí tuệ dứt trừ các lậu hết hẳn sinh tử thành tựu cứu cánh, vì lòng Từ bi muốn cứu vớt chúng sinh nên lại vào sinh tử hiện thân trong các hạng phàm phu.

Này Tộc tánh tử! Quốc thành ấy dụ cho Thánh tuệ vô thượng hết hẳn các lậu. Con đường hiểm nạn xa trăm ngàn do-tuần là nói trải qua vô lượng sinh tử họa nạn độ thoát chúng sinh chẳng lấy làm khổ. Trộm cướp cọp sói là nói các ma tà kiến những nạn phi pháp. Ăn giết lẫn nhau là nói họa hoạn, thân năm ấm suy hư trong ba cõi. Gặp được bóng mát là nói công hạnh bình đẳng. Sáu nghề và năm món binh khí là nói sáu pháp Ba-la-mật-đa và năm thần thông. Người này đến thành đứng trên ngạch cửa, từ cửa ngoài lần bước đến cửa trong rồi đứng lại mà chẳng tiến vào, là nói Bồ-tát từ hữu vi đến vô vi các lậu đã hết, tâm sáng suốt chẳng bỏ bản nguyện, muốn độ chúng sinh mười phương như nhớ đến đứa con trai duy nhất. Chẳng vào thành mà trở lại cư ấp, là nói Bồ-tát thương xót tất cả chúng sinh trong lòng nhớ mến họ như người cha nhớ con một. Bồ-tát đã diệt trừ họa nạn các lậu sinh tử siêu việt an trụ nơi pháp đảnh, dù đã ra khỏi sinh tử mà chẳng dứt

hết các lậu, liền trở lại ở tại sáu đường để khai hóa chúng sinh. Đây là hạnh đại Bi thiện quyền phương tiện của Bồ-tát.

Bấy giờ, Bồ-tát Bảo Kế bạch:

– Đấng Thiên Trung Thiên chưa từng có, Bồ-tát đại sĩ lòng chứa đại Bi, không thích vui hưởng giải thoát, muốn độ chúng sinh xem như tay mình, trở lại sinh tử mà chẳng chán ghét tử sinh.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tuân tu pháp gì mà chẳng chán ghét sinh tử?

Đức Phật dạy:

– Này Tộc tánh tử! Bồ-tát có hai mươi sự chẳng chán ghét sinh tử.

Những gì là hai mươi sự?

Này Tộc tánh tử! Bồ-tát phụng hành nền tảng của đức, hoàn toàn đạt đến đại Từ vô thượng. Chấp trì đại Từ để nhiếp nguy nạn lớn. Hoài bão đại Bi nhiếp kẻ mê ác, khai hóa chúng sinh, cứu độ tất cả. Thường dùng tinh tấn nhiếp kẻ nhu nhược hạ liệt, dùng tánh hòa nhẫn nhiếp người hận thù, dùng quyền phương tiện nhiếp kẻ chẳng biết tiết độ. Bồ-tát phải dùng trí tuệ nhiếp kẻ ngu tối, dùng nhất tâm nhiếp người phóng dật. Bồ-tát có thể dùng thần thông nhiếp kẻ chẳng thông, hay dùng Thánh minh nhiếp những kẻ tối tăm, hay dùng tùy thời nhiếp những kẻ vô nghĩa, dùng ý chuyên tư duy nhiếp kẻ phiền não, tuân phụng tâm đạo nhiếp kẻ chẳng học. Đối với những kẻ không được cứu giúp, Bồ-tát thi hành bốn ân mà nhiếp họ, dùng bố thí nhiếp kẻ bần cùng, cung kính Giới luật nhiếp các kẻ vô lễ, dùng học rộng nhiếp kẻ ít trí, dùng tổng trì nhiếp kẻ hay quên, dùng biện tài nhiếp kẻ ngu độn, dùng thượng đức nhiếp kẻ vô phước. Bồ-tát do hai mươi sự này mà thành đại trí tuệ chẳng chán ghét sinh tử.

Bồ-tát Bảo Kế lại bạch:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát nên ở nơi sinh tử vì vô số người mà làm lợi ích?

Đức Phật dạy:

– Này Tộc tánh tử! Nếu như Bồ-tát dùng đức để trang nghiêm, thì nên ở sinh tử, dùng phước nhuần thấm kẻ nghèo thiếu nguy ách. Học rộng trang nghiêm thì nên ở sinh tử, dùng biện tài đem nhiều lợi ích hay giữ gìn ý chí chẳng vội quên. Đến được tổng trì thì nên ở sinh tử làm cho tất cả mọi người đều có văn tuệ. Nếu Bồ-tát có thể được bàn tay báu chí diệu, thì nên ở sinh tử, đem sự bố thí thiện lành để tự trang nghiêm, của cải chẳng giảm diệt làm nhiều lợi ích. Lại chẳng phóng dật thì nên ở sinh tử, giảng pháp chẳng chán mỏi, đem lại nhiều lợi ích cho tất cả mọi người. Lại bình đẳng

họp các tướng tốt thì nên ở sinh tử, tu tuệ trang nghiêm cho các chúng sinh. Ngôn hành tương ưng thì nên ở sinh tử, việc làm đều đúng thời chẳng mất tiết độ có nhiều lợi ích cho các chúng sinh. Bố thí tất cả sở hữu. Lòng không hối tiếc bỏn xẻn thì nên ở sinh tử, tùy theo thời mà khai hóa đều được đúng chỗ, thí pháp Ba-la-mật-đa nhiều sự lợi ích cho các chúng sinh. Phụng giới thanh tịnh thì nên ở sinh tử, trang nghiêm trì giới đem nhiều lợi ích lại cho chúng sinh. Nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí tuệ thì nên ở sinh tử, sáu pháp Ba-la-mật-đa đem nhiều lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Này Tộc tánh tử! Thuở xa xưa vô ương số kiếp, có Đức Phật hiệu Phổ Hoại Thế Như Lai Ứng Cúng Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Thế giới ấy được gọi là Thiên quán, kiếp tên Hân dự. Tại sao kiếp ấy tên là Hân dự? Trong kiếp ấy có sáu vạn Đức Phật xuất thế, bấy giờ trời Tịnh cư dùng vô số âm thanh ban tuyên công đức của Phật, trong kiếp ấy có sáu vạn Phật, chư Thiên và người đời đều ca tụng. Nghe tiếng ca tụng ấy không ai là chẳng vui mừng phát sinh thiện tâm. Do duyên cớ ấy mà gọi là Hân dự.

Này Tộc tánh tử! Thế giới ấy an ổn khoái lạc công đức cao vời, chư Thiên và nhân dân chiêm ngưỡng không chán nên gọi là Thiên quán. Cõi ấy vi diệu rất mực trang nghiêm, nhiều thứ hương thơm làm đất, hơi hương bay khắp mười phương vô lượng, vô số cõi nước. Đất thơm ấy tự nhiên mọc lên vô lượng hoa sen chói sáng. Ánh sáng hoa sen thường chiếu sáng thế giới Thiên quán ấy. Nhân dân lớn nhỏ đều có thần túc đều có đức hạnh đầy đủ, hương thơm làm lâu đài, giảng đường tinh xá, hiên lớn, cửa nẻo, giường ghế, nệm mền đều vi diệu mịn láng. Thế giới của Đức Phật Phổ Hoại Thế ấy không phân chia nước ấp, quận huyện thôn lạc. Nhân dân ấy đều dùng thần thông đi đứng trong hư không. Lâu đài giảng đường cũng ở hư không. Nhân dân ngồi ở lâu đài giảng đường ấy chuyên ròng niệm đạo, đọc tụng giảng luận. Cõi ấy không có người nữ, không có bào thai, mọi người đều hóa sinh. Không nghe nói đến người nữ, cũng không có tên ba đường ác, cũng không có các sự phiền não tai họa khổ nhọc. Mọi người dùng thiền định hoan hỷ làm ẩm thực, dốc lòng tin pháp vi diệu chí cầu Đại thừa, không có Thanh văn, Duyên giác hay thừa nào khác. Nhân dân cõi ấy đội mão, y phục nhan sắc như chư Thiên. Giả sử có người xuất thế học đạo thì đều rời bỏ trần lao ái dục không hề có lo khổ.

Đức Phổ Hoại Thế Như Lai ấy cũng chẳng truyền bảo các Bồ-tát phải mặc Pháp phục. Vì sao? Vì người cõi ấy chẳng sinh lòng uế trược. Hình thể

của Đức Như Lai ấy như Phạm thiên. Các Bồ-tát cõi ấy đều đủ oai nghi lễ tiết, ngồi đứng an tường, giảng thuyết kinh pháp.

Giả sử ở cõi nước của chư Phật mười phương, có hàng Bồ-tát thần thông quảng đại, đi suốt các thế giới đến cõi Thiên quán khể thủ quy mạng, nghe Đức Phổ Hoại Thế Như Lai giảng thuyết kinh điển, thấy cõi ấy công đức siêu việt cao vời vô lượng, không thế giới nào sánh kịp, trước khi đi họ đều cất tiếng khen ngợi chưa từng có.

Này Tộc tánh tử! Nếu lúc Đức Phổ Hoại Thế Như Lai vì các Bồ-tát, mà ban tuyên đạo hóa thì bay lên hư không, cách đất sáu mươi sáu trượng ngồi trên tòa Sư tử vi diệu thanh tịnh trang nghiêm, mà luận giáo pháp vô thượng, chỉ nêu phần chủ yếu mà chẳng phân biệt rộng, còn ta ở đây thì ân cần nói nhiều. Vì sao? Vì các Chánh sĩ ấy đều nhập Thánh tuệ, chỉ do một chương một câu liền có thể ngộ nhập trăm ngàn diệu nghĩa, nên Đức Như Lai ấy tuyên gọn kinh giáo mà chẳng nói nhiều.

Đức Phật ấy nói về bốn hạnh thanh tịnh: Ba-la-mật-đa thanh tịnh, đạo phẩm pháp thanh tịnh, thần thông hạnh thanh tịnh và hóa độ chúng sinh thanh tịnh.

Này Bảo Kế! Thuở ấy nơi cõi nước Thiên quán, có Bồ-tát hiệu Trân Bảo bạch hỏi Đức Phổ Hoại Thế Như Lai:

– Thế nào là Bồ-tát nên ở sinh tử làm nhiều lợi ích cho các chúng sinh?

Đức Phật ấy bèn vì Bồ-tát mà phân biệt rộng rãi, nói nghĩa hai câu này: Nơi đạo đại trí tuệ không gì bằng, những gì được Bồ-tát thực hiện luôn ở sinh tử, chứng được trí tuệ làm nhiều lợi ích.

Đức Phổ Hoại Thế Phật vừa nói xong lời ấy liền có sáu vạn Bồ-tát đắc Nhu thuận nhẫn.

Này Tộc tánh tử! Lúc ấy Bồ-tát Trân Bảo lại hỏi:

– Thế nào là Bồ-tát nghiêm tịnh đạo tràng, ngồi nơi cội Bồ-đề?

Phổ Hoại Thế Như Lai bảo:

– Dùng không phóng dật để làm nghiêm tịnh đạo tràng, ngồi nơi cội cây Bồ-đề.

Hỏi:

– Thế nào gọi là không phóng dật?

Đáp:

– Phụng hành kinh điển.

Hỏi:

– Sao gọi là phụng hành kinh điển?

Đáp:

– Lời nói tương ứng với việc làm là không phóng dật. Lại không phóng dật chẳng tự buông lung mà tu vô lượng công đức lớn, chẳng hợp với năm ấm vì vượt khỏi ngũ ấm, bố thí vô lượng vì của cải vô tận, trì giới vô lượng vì hàng chưa học, nhẫn nhục vô lượng vì kham chịu các sự khổ nhọc, tinh tấn vô lượng vì công nghiệp của Chánh sĩ, thiền định vô lượng vì không thoái lui, trí tuệ vô lượng vì không chướng ngại, Từ tâm vô lượng vì khai hóa chúng sinh không hạn cuộc, Bi tâm vô lượng vì thương xót chúng sinh cứu giúp thiếu ngặt, hành Hỷ vô lượng vì dùng pháp khuyên vui chúng sinh, hành Xả vô lượng vì cứu tế dìu dắt quần sinh, sinh tử vô lượng vì nuôi lớn tất cả pháp Phật đạo, hóa độ vô lượng vì an ổn người và mình, chánh pháp vô lượng vì thuận lợi tùy thời kiên trì tinh tấn, đức tuệ vô lượng vì nắm quyền phương tiện và thực hiện đúng thời tiết, phụng sự vô lượng Phật vì đầy đủ trí tuệ, cầu vô lượng văn tuệ vì trí lớn siêu việt, tâm nhập vô lượng vì nhìn thấy chí hướng tánh hạnh của chúng sinh, tiết độ vô lượng vì tinh tấn gìn giữ nhàn tĩnh tri túc, nhàn cư vô lượng vì điều thuận tâm, tịch mặc vô lượng vì chỗ quan sát rộng khắp mau lẹ đầy đủ các thông tuệ. Này Trân Bảo! Đây là những pháp mà những bậc không phóng dật phải tuân theo. Bồ-tát tu hành không phóng dật, thì nghiêm tịnh đạo tràng ngồi dưới cội Bồ-đề.

Đức Phổ Hoại Thế Như Lai lại bảo Bồ-tát Trân Bảo:

– Này Tộc tánh tử! Không phóng dật là căn bản lập nên các phẩm đạo pháp, là nguồn của Thánh tuệ chứng pháp kiên yếu. Dùng không phóng dật tích lũy nền tảng của đức hạnh. Có khả năng không phóng dật, thì chưa hề quên sót pháp được nghe từ xa xưa, có thể nhớ lấy tất cả kinh điển, tiêu hóa tất cả trần lao ấm cái, với đạo nghĩa không bị chướng ngại. Người không phóng dật có thể đốt hết tăm tối ngu si, có thể giữ gìn tất cả kinh pháp, diệt trừ các tướng chấp, ức chế các căn. Người không phóng dật rời bỏ đường tà phụng hành các điều thiện, thế lực siêu việt, có đủ mười Trí lực, như hư không không gì sánh bằng. Người không phóng dật được không sợ sệt, thành tựu đủ tất cả Phật pháp quy nhập nguyên đảnh. Người không phóng dật thì có thể chứng được trí tuệ Phật.

Lúc Đức Phổ Hoại Thế Như Lai ấy nói xong về không phóng dật, có một vạn hai ngàn Bồ-tát chứng được Vô sinh pháp nhẫn.

Đức Phật bảo Bồ-tát Bảo Kế:

– Này Tộc tánh tử! Ý của ông nghĩ sao? Bồ-tát Trân Bảo thuở xa xưa

ấy nay không phải người nào khác, mà chính là thân ông là Bồ-tát Bảo Kế đó.

Nếu Bồ-tát không phóng dật, thì có thể nghiêm tịnh đạo tràng ngồi dưới cội Bồ-đề, chứng nhập Phật đạo vô thượng.

Lại nữa, này Bảo Kế! Thế nào là Bồ-tát khai hóa chúng sinh?

Nếu Bồ-tát hạnh thanh tịnh, thấy chúng sinh tâm hành thiện ác thì có thể khai hóa vô lượng vô hạn các loài chúng sinh chẳng thể nghĩ bàn, khiến họ phụng hành pháp vô thượng. Bồ-tát này ý chí và tâm tánh điều thuận, xét rõ tận tường tự tại khai hóa. Bao nhiêu chúng sinh căn cơ chẳng đồng, sở kiến đều sai khác. Do đây, nên Bồ-tát tùy thời nghi, thị hiện để dạy bảo họ; hoặc có kẻ hay kiên trì cấm giới mới khai hóa được; hoặc có kẻ từ nơi phá giới do đó mà thọ lãnh giáo pháp; hoặc có kẻ dùng y phục vật dụng giao tiếp trao đổi, làm duyên mà chịu đạo hóa. Hoặc dùng mềm dịu, hoặc dùng cứng thô, hoặc dùng tâm độc, hoặc khủng bố, hoặc dùng sự khổ não, hoặc dùng sự an ổn mà họ chịu khai hóa. Hoặc có những kẻ ở nơi ngôn ngữ, nơi sự đắc thắng, từ nhân sinh, từ chí tính, nơi sự bức não, nơi thuận ý, hoặc từ nơi sở hữu, nơi vô sở hữu, từ sự hưng thịnh, từ nơi sở thọ, nơi vô sở thọ, hoặc từ nơi của cải sự nghiệp sinh nhai, hoặc từ nơi yên tĩnh không đổi lấy, hoặc từ nơi ham mộ cầu dung nhan đẹp, hoặc từ nhan sắc xấu, hoặc từ sắc, thanh, hương, vị, xúc mà được khai hóa, hoặc có kẻ từ nơi giận mắng, mùi hôi vị đắng nhám cứng xấu xa mà được khai giải, hoặc từ nơi việc cùng ở chung mà thọ hóa, hoặc từ nơi qua lại thường thường gặp nhau, hoặc nghe Phật, Pháp, Tăng, hoặc từ sự vui mừng, hoặc từ sự lo buồn, hoặc từ vô ngã, hoặc từ tịch âm, hoặc từ âm thanh thí, giới, nhẫn, tiến, nhất tâm, trí tuệ mà chịu khai hóa, hoặc từ sự khổ não của thế gian hữu vi, hoặc nghe trên trời trong người hưởng sự an ổn mà chịu khai hóa, hoặc nghe giáo pháp Thanh văn thừa, hoặc nghe giáo pháp Duyên giác thừa, hoặc nghe giáo pháp Đại thừa mà chịu khai hóa, hoặc có kẻ từ nơi sự thường vui mừng, hoặc từ sự lo khổ, hoặc từ sự buồn rầu chẳng được mừng vui, hoặc từ tài lợi, hoặc từ hớn hở, hoặc từ nơi sự chẳng được yêu kính, hoặc do được lợi, hoặc do suy hao, hoặc từ nơi bốn ân mà được khai hóa, hoặc có kẻ từ nơi nội nghiệp, hoặc từ ngoại nghiệp, hoặc từ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân thể tay chân mà chịu khai hóa, hoặc do vui chơi ca kịch, hoặc do hoa hương mà chịu khai hóa, hoặc từ thân mình luôn bị khổ não hoạn nạn, hoặc từ nơi thường được an vui mà chịu khai hóa, hoặc có kẻ từ nơi tâm mình được phương tiện tịch tĩnh, hoặc từ nơi biến hóa làm tượng Tỳ-kheo, tượng Tỳ-kheo-ni, tượng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di

mà chịu khai hóa, hoặc hiện hình tượng dung mạo Phật mà khai hóa chúng sinh, hoặc hiện tượng mạo Đế Thích, Phạm thiên, Chuyển luân vương mà khai hóa họ.

Phật bảo Bồ-tát Bảo Kế:

– Này Tộc tánh tử! Giả sử Bồ-tát chẳng thị hiện bao nhiêu sự biến hóa như vậy, chẳng quan sát tánh hạnh và theo tâm niệm của chúng sinh, thì không thể hóa độ họ được.

Bồ-tát phải hiểu rõ biết rõ tánh hạnh tâm niệm của chúng sinh rồi, theo đúng bệnh mà cho thuốc, thì chỗ hóa độ mới rộng lớn được.

Nếu Bồ-tát hành Ba-la-mật-đa thì có thể phụng trì thọ pháp phẩm Phật đạo, cũng hay sáng tỏ trí tuệ thần thông, sau đó yên lặng khai hóa chúng sinh.

Bồ-tát có bốn pháp khai hóa chúng sinh:

1. Chẳng chán nhàm hoạn nạn khó nhọc, mà chung thủy dìu dắt, chỉ dạy người chưa bằng mình.

2. Chẳng ham an ổn riêng mình mà nguyện an ổn tất cả.

3. Thường theo đúng thời nghi mà tuyên dạy đạo giáo.

4. Biết rõ tâm tính sở hành của các loài.

Còn có bốn pháp:

1. Nói năng nhu hòa lời lẽ đáng kính.

2. Phụng giới thanh tịnh như mặt trời sáng tỏ.

3. Nhan sắc thường vui vẻ chưa hề hờn giận.

4. Thường có từ tâm.

Còn có bốn pháp:

1. Lòng chẳng hề nghĩ đến sự làm tổn hại người.

2. Sẵn lòng đại Bi.

3. Nhiều thương xót chúng sinh.

4. Thường điều phục tâm mình.

Còn có bốn pháp:

1. Tánh hạnh thanh tịnh.

2. Không dua nịnh.

3. Tinh tấn kiên cường.

4. Nhẫn đối với các sự khổ lạc thiện ác.

Trên đây là bốn pháp mà Bồ-tát khai hóa chúng sinh. Quan sát như

vậy mới có thể kham chịu cứu tế tất cả.

Này Tộc tánh tử! Quá khứ xa xưa vô lượng số kiếp, có Phật hiệu Ly Cấu Quang Như Lai Ứng Cúng Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, thế giới tên Tịch nhiên, kiếp tên Ái kính. Thế giới Tịch nhiên ấy giàu vui an ổn khoái lạc vô lượng, trời, người đông đúc. Chúng Thanh văn có chín mươi sáu ức, Bồ-tát có tám vạn bốn ngàn vị. Phật Ly Cấu Quang thọ ba mươi ba vạn sáu ngàn năm. Bấy giờ có Phạm chí làm đại quốc vương, Thái tử tên Nghiệp Thủ, dung mạo xinh đẹp đoan trang nhìn không chán mắt. Thái tử ấy vừa mười sáu tuổi đắm say hình dáng sắc mạo, mê nơi quyền quý, tự cao tự đại hoang loạn không chịu đến chỗ Phật Ly Cấu Quang để cung kính đảnh lễ.

Phật Ly Cấu Quang nghĩ rằng: "Thái tử Nghiệp Thủ tại sao bỗng nhiên quên mất tâm Bồ-đề vô thượng cội gốc công đức, chẳng biết bản nguyện, mà đi chấp ta tôi hoang mê dung sắc giàu có quyền quý, lại tự cao đại chẳng chịu đến chỗ Phật để kính lễ. Nếu có ai ân cần vì đó mà tuyên nói bản hạnh, tất biết đời trước và sẽ thường đến chỗ Phật lễ lạy thụ giáo".

Bấy giờ, Phật Ly Cấu Quang hội tám vạn bốn ngàn Bồ-tát, bảo bỏ thăm coi ai có khả năng đến chỗ thái tử Nghiệp Thủ, trong tám vạn bốn ngàn năm giáo hóa thuyết pháp chẳng mỏi nhàm chẳng sợ tất cả khổ não bức bách, dù có đến đó thuyết dạy, mà chẳng được tiếp đãi mời ngồi trò chuyện, chỉ có mắng nhiếc hủy nhục chê bai thôi. Lúc ấy dù có bỏ thăm, mà trong hàng tám vạn bốn ngàn Bồ-tát không một ai chịu nhận sứ mạng. Sau đó trong pháp hội có Bồ-tát hiệu là Cực Diệu Tinh Tấn, đứng dậy để hở vai áo bên phải quỳ gối phải chắp tay bạch Phật Ly Cấu Quang:

– Con có thể kham nhẫn trong tám vạn bốn ngàn năm thường qua đến chỗ thái tử Nghiệp Thủ, con cam bỏ tất cả an ổn mà nhận các sự khổ nhọc, dù bị những ách nạn cũng chẳng sờn lòng.

Lúc Bồ-tát Cực Diệu Tinh Tấn bạch vừa xong, thì cả tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách, trăm ngàn chư Thiên ở hư không cất tiếng khen:

– Lành thay, lành thay! Bồ-tát Cực Diệu Tinh Tấn hay mặc áo giáp hoằng thệ.

Bấy giờ, Bồ-tát Cực Diệu Tinh Tấn đến đứng trước cửa ngõ cung của thái tử Nghiệp Thủ. Thái tử vừa thấy liền cả tiếng mắng nhiếc hủy nhục, giận dữ hủy báng, hốt đất ném, liệng ngói đá, dao gậy chém đánh Bồ-tát. Bồ-tát bị mắng nhục đánh đập như vậy mà chẳng giận chẳng hờn

cũng chẳng hối hận lui về, càng thêm bền lòng chắc ý, trí lực càng tăng, sinh lòng đại Bi thương xót thái tử. Như vậy quá một ngàn năm mới vào được cửa thứ nhất, trải qua biết bao khổ nhục hoạn nạn mà chẳng sợ chẳng nản. Quá một vạn năm lại vào đến sân thứ nhất trong vương cung, hai vạn năm vào đến sân thứ hai, hơn tám vạn bốn ngàn năm mới vào được sân thứ bảy, đứng đó bảy ngày bảy đêm. Thái tử Nghiệp Thủ thấy vậy bèn gạn hỏi:

– Tỳ-kheo sao đến đây muốn cầu sự gì?

Bồ-tát đáp:

– Tôi cố ý đến đây để ca ngợi danh đức của thái tử.

Nghe vậy, thái tử thầm nghĩ: "Lạ lùng chưa từng có, nay Tỳ-kheo này giới đức khó lường không ai theo kịp, bị biết bao hủy nhục mà chưa hề hờn giận".

Thấy thái tử vui vẻ, Bồ-tát Cực Diệu Tinh Tấn liền nói kệ rằng:

Thái tử, nay tôi không cầu gì
Chẳng cần uống ăn và y phục
Phải nên hiển bày lòng vô úy
Tôi mang pháp đến nên tới đây.
Đấng Thế Tôn hiệu Ly Cấu Quang
Đại Thánh ra đời nhiều lợi ích
Giảng nói kinh pháp trừ khổ hoạn
Nếu có người nghe được cam lồ.
Chư Phật ra đời thật khó gặp
Vô số ngàn kiếp khó gặp được
Điều phục mọi người khiến thọ pháp
Phật là đuốc sáng của thế gian.
Người vì dục lạc mà phóng dật
Tham của ham sắc tự vui chơi
Mê hoang quyền quý và ngôi vua
Chẳng chịu đến gặp Đấng Pháp Vương.
Của cải vô thường mạng khó giữ
Phật dạy đời sống như sương mai
Thái tử xét mình cũng như vậy
Sao nghe có Phật lại phóng dật?
Ngài cũng đã từng phát đạo tâm
Mời thỉnh chúng sinh muốn độ họ
Đời nay sao bị dục sai khiến

Phóng dật đâu độ được chúng sinh?
Ngài nên phát tâm thương mọi loài
Để khỏi hối hận chuốc sầu não.
Khi thái tử nghe tụng ngôn ấy
Liền tự xả ý phát tín thành
Cúi đầu lễ lạy Cực Tinh Tấn
Con hối vì tội nhục mạ ngài
Con nay buông bỏ mọi luyến ái
Không muốn giàu có tham đất nước
Con nay quy hướng nơi an trú
Vứt bỏ bẩn nhơ cầu lợi ích
Liền cùng một ức tám vạn người
Mỗi người ai cũng cầm hoa hương
Tất cả đồng đi về xứ Phật
Đồng thấy Đấng Vô Thượng ly trần.
Sau khi được đến nơi Phật trụ
Cúi đầu đảnh lễ cúng dường Phật
Rồi cùng lui ra đứng một bên
Lúc đó thái tử nói lời này
Cực Diệu Tinh Tấn là thầy con
Lòng chẳng chán nhàm vui vẻ khuyên
Ân đức dường ấy không gì hơn
Cúng dường thế này chẳng đủ đền
Hối lỗi quy y Đấng Cứu Thế
Con quên lời dạy của Pháp Vương
Nay con chí thành về sám hối
Nguyện Phật nhận cho lòng sám tội.
Nay con phát tâm cầu Phật đạo
Vì tất cả loài khởi lòng thương
Chẳng còn tạo ác và phóng dật
Nay con lập đức thành Phật đạo.

Thái tử Nghiệp Thủ bỏ ngôi, cùng một ức tám vạn bốn ngàn người ở nơi chỗ Phật Ly Cấu Quang làm Sa-môn, phát tâm cầu Phật đạo.

Phật Ly Cấu Quang biết chí nguyện ấy, nên giảng nói Phật đạo tối thượng. Nhiều người nghe pháp thanh tịnh được nhu thuận nhẫn, trở thành những bậc Bồ-tát an trụ pháp vô ngã.

Phật bảo Bồ-tát Bảo Kế:

– Cực Diệu Tinh Tấn thuở ấy nay là thân ta, là Thích-ca Mâu-ni Phật đây. Còn thái tử Nghiệp Thủ ấy nay là Bồ-tát Di-lặc.

Này Tộc tánh tử! Thuở quá khứ, Bồ-tát khai hóa chúng sinh chẳng hề mỏi chán, oai đức cao vời vô lượng như vậy, sở học ngày thêm sâu tinh tấn vô song. Vì thế nên Bồ-tát muốn độ chúng sinh, thì phải nhớ tu học công đức của Bồ-tát Cực Diệu Tinh Tấn của quá khứ ấy.

Này Tộc tánh tử! Bồ-tát có bốn hạnh mà được tự tại, do bốn hạnh này mà nhiếp lấy Phật đạo pháp:

1. Siêu việt các ma ai cũng đều quy phục.

2. Niệm tịnh cõi Phật khiến tu tịnh pháp.

3. Nghiêm thân, khẩu, ý thuận với căn bản của bậc Khai sĩ.

4. Nhóm họp tất cả các Phật đạo phẩm.

Còn có bốn sự được là hạnh Bồ-tát:

1. Trí tuệ hiểu rõ chí tính mà đi vào.

2. Thấy khắp căn nguyên sở quy của chúng sinh.

3. Phân biệt đâu là căn bệnh của các loài rồi cho thuốc đúng bệnh.

4. Biết đi bằng mọi con đường tắt, khiến được tịch mịch chẳng có lòng hờn giận.

Đây là bốn hạnh sở hành của Bồ-tát được tự tại đạo nghiệp.

Bấy giờ, Bồ-tát Bảo Kế lấy viên ngọc Minh nguyệt trong búi tóc ra, châu ấy do từ trăm ngàn công đức cần khổ tu tập trong vô số kiếp cảm thành, giá trị bằng cả tam thiên đại thiên thế giới đem dâng lên Đức Phật mà thưa rằng:

– Nay con đem báu trên đỉnh đầu dâng hiến Như Lai. Do công đức này sẽ gây nên tướng đỉnh đầu không ai thấy được, mãi đến thành đỉnh Thánh tuệ không thể nghĩ bàn của chư Phật.

Ngay khi đó Đức Phật mỉm cười, có ánh sáng năm màu từ miệng Phật chiếu ra soi thấu vô ương số cõi nước chư Phật, rồi trở về nhiễu quanh Phật ba vòng, bỗng ẩn mất vào trên đảnh Phật.

Lúc bấy giờ trong pháp hội có Bồ-tát tên là Kiện Biện, đứng dậy để hở vai áo bên phải, quỳ gối chắp tay tán thán Phật và bạch hỏi rằng:

Đấng Tối Tôn Vô Thượng
Đấng siêu việt thế gian
Vô cấu do ly uế
Ba cõi khen Phật đức.
Lòng Từ không gì sánh

Cao vời hơn Tu-đi
Cớ chi nay Phật cười?
Nguyện thương vì con nói.
Chân đế giới nghiêm định
Đấng thanh tịnh khả kính
Khiến lòng con an ổn
Khéo tu sớm tịch tĩnh.
Thiên Nhân Sư ở đây
Chí Phật rất kiên diệu
Vì cảm ứng những gì
Xót thương mà nay cười,
Thế mạnh khắp mười phương
Quang minh phước soi sáng
Sư tử mạnh phá tối
Vào chúng Vô sở úy,
Ba cõi không ai bằng
Có ai hơn được Phật
Pháp Vương, xin thương nói
Cớ chi mà vui cười?
Ly cấu tánh thường an
Nhan sắc thường hòa vui
Danh đức khắp hư không
Vang lừng không hạn cuộc.
Tiêu trừ những tối tăm
Quang minh chiếu khắp nơi
An trụ vì thông đạt
Cớ chi Phật vui cười?
Tu đức lòng thanh tịnh
Chí như núi vàng báu
Thường dạy bảo hậu học
Người đời đều cúng dường.
Phật là ruộng tốt nhất
Thánh siêu thế độ đời
Thích Sư Tử thuyết pháp
Diễn pháp như hư không,
Trên trời cùng trong người
Không có ai bằng Phật
Tâm bình đẳng rất vững

Tàm quý lành đầy thịnh,
Trăm ngàn đức cao vời
Tướng tốt như hoa nở
Tối Thắng Năng Nhân cười
Xin được giải thích rõ!
Phật tuệ không chướng ngại
Trải rộng suốt ba đời
Với bao nhiêu tâm ý
Lòng Phật vô sở trước,
Đồng thời đều hiểu rõ
Giáo hóa đúng căn cơ
Đấng Sư Tử mỉm cười
Nghĩa ấy là nghĩa gì?
Chư Thiên dừng trên không
Trong tâm nhiều vui đẹp
Nhân dân tại đất liền
Vòng tay quy y Phật.
Năng Nhân Tối Thắng nói
Pháp vị cam lồ lạ
Chư Thiên và người nghe
Dứt sạch tối trần lao.

Phật bảo Bồ-tát Kiện Biện:

– Ông có thấy Bảo Kế đây chăng? Ông ấy đem bảo châu trong búi tóc dâng lên Như Lai, chí cầu đạo Chánh chân vô thượng, đó là cúng dường Phật trí.

Bồ-tát Kiện Biện bạch Phật:

– Vâng con đã thấy, bạch Thế Tôn!

Đức Phật bảo Bồ-tát Kiện Biện:

– Này Tộc tánh tử! Bảo Kế đây, từ hằng hà sa số kiếp cúng dường hằng hà sa số Phật, ông ấy thường tu phạm hạnh khai hóa vô số loài chúng sinh lập nên ba thừa. Đương lai quá mười a-tăng-kỳ kiếp sẽ làm Phật hiệu là Bảo Thành Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, thế giới tên Ly cấu quang, kiếp tên Vô cấu. Thế giới Ly cấu quang ấy bằng bảy báu hiệp thành, thường phát ra ánh sáng chiếu khắp vô lượng cõi Phật trong mười phương, ánh sáng ấy màu tử kim. Nếu chúng sinh nào gặp được ánh sáng ấy, thì tất cả trần lao hẳn nhờ đó mà tiêu diệt.

Thế giới ấy giàu vui, đều là bậc Bồ-tát vô sở trước, không có tướng dị học khác phát khởi, đồng tu đạo báu, do cớ này mà Đức Phật ấy hiệu là Bảo Thành. Các Bồ-tát ấy đều được thần thông, đều có biện tài. Chúng trời, người đều thuần thục tuân hành theo Đấng Đẳng Chánh Giác, không có danh từ vô trí bất cập. Nước ấy cũng không có vua chúa, chỉ do Phật làm Pháp Vương Vô Thượng. Chúng trời, người đều tự nhiên hóa sinh, không có người nữ, không có danh từ ái dục. Nhân dân cõi ấy đều trồng cội công đức không có người vô phước, đầy đủ các căn, đều dùng các tướng tốt trang nghiêm thân thể. Chúng Bồ-tát của Đức Như Lai thuở ấy đông không thể kể đếm. Đức Phật Bảo Thành thọ mười bốn kiếp. Đức Phật không hề đàm luận gì khác, lời Phật chỉ tuyên bày trí tuệ Bồ-tát, các Ba-la-mật-đa, biện tài, đại Bi, thuần một giáo phẩm. Các Bồ-tát ấy đã được dạy bảo, các căn sáng suốt có thể do một câu pháp thôi mà vào được trọn vẹn tất cả đạo pháp của chư Phật. Bảo Thành Như Lai vì các Bồ-tát ấy mà nói Ngôn giáo tổng trì, Từ tâm như đại địa.

Sao gọi là Ngôn giáo tổng trì? Đó là do một tuyệt cú mà vào khắp các chương.

Sao gọi là một tuyệt cú? Đó là câu diệu Thánh, pháp đạo phẩm chẳng thể cùng tận.

Sao gọi là câu vô tận? Đó là ở nơi Phật đạo thì chẳng thể cùng tận.

Sao gọi là vô tận? Phàm luận nơi vô thì gọi là vô tận cú. Đã nhập nơi vô rồi thì thông hiểu toàn bộ văn tự. Đây là một câu mà tất cả văn tự chẳng thể cùng tận được.

Lại còn có hai chữ, trước chưa bao giờ nghe cũng chưa bao giờ làm, mà tuyên lời nói phát xuất từ một chữ. Một chữ ấy chẳng đồng thế lực với hai chữ. Đây là dùng một chữ mà tuyên lời dạy.

Nếu tuyên bố lời dạy này thì không có niệm không chẳng niệm, không có ứng không chẳng ứng.

Câu này không có niệm cũng không chẳng niệm. Do câu vô niệm mà hoàn thành sự khai hóa.

Vì nhập Tổng trì giáo nên Phật Bảo Thành vì các Bồ-tát ấy tuyên nói Ngôn cú tổng trì. Do một câu ấy mà các học nhân kia được vào tất cả ý của Phật một cách hoàn toàn.

Hoặc một kiếp hay quá một kiếp, ta khen ngợi công đức của thế giới Ly cấu quang cũng không cùng tận được. Trí tuệ giảng thuyết Kinh đạo của Như Lai Bảo Thành chẳng thể nghĩ bàn, cao vời siêu tuyệt vô thượng.

Lúc ấy, Bồ-tát Bảo Kế nghe Đức Phật thọ ký vui mừng hớn hở nói

kệ khen Phật:

Biết khắp thấy được hết
Viên mãn Ba-la-mật-đa
Như Lai đều vượt khỏi
Tất cả mọi sai lầm.
Trí tuệ chưa từng có
Biết hết đời trước con
Số cúng dường chư Phật
Phật đều nói đủ cả.
Suốt hết cả ba thời
Gốc ngọn là như vậy
Phật còn biết mạt thế
Cùng tất cả mọi người,
Tôi được Phật thọ ký
Chẳng còn có nghi ngờ
Khai hóa độ thế gian
Căn tánh gốc và ngọn.
Giả sử tất cả nơi
Trời, trăng đều rớt xuống
Lời từ miệng Phật tuyên
Trọn không cải biến được.
Phật nói lời chí thành
Chân thật không hư nhọc
Thọ ký đời vị lai
Thành Phật Nhân Trung Tôn.
Như chí con đã nguyện
Nghiêm tịnh cõi nước Phật.
Lời Phật cũng như vậy
Biết rõ tâm niệm con,
Nghe lời Phật dạy rồi
Vui vẻ không nghi ngờ
Hạnh được tu đệ nhất
Vì muốn độ chúng sinh,
Như hạnh con đã tu
Sẽ còn tăng vô lượng
Nghiêm trị nơi bản tế
Thân con phụng tịnh hạnh,
Tu hành được làm Phật

Chẳng do giải đãi gây
Gắng sức không khiếp nhược
Do từ tinh tấn nên.
Phật nhận con cúng dường
Chứng đạo tâm của con
Chưa hề bỏ tinh tấn
Đến thành Phật đại Bi,
Do vì các chúng sinh
Gốc ngọn là như vậy
Con sẽ khai hóa cả
Thành Phật độ dị học.

Lúc Bồ-tát Bảo Kế nói kệ, có bảy vạn hai ngàn người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nguyện sẽ sinh nơi thế giới Ly cấu quang, đồng thanh nói lời này:

– Lúc Đức Như Lai Bảo Thành thành Phật khiến chúng con đều sinh tại cõi Phật ấy.

Đức Phật đều thọ ký sẽ được sinh tại cõi ấy.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

– Hãy thọ kinh điển này, trì tụng đọc thuyết rộng truyền ý nghĩa cho mọi người, ân cần hỗ trợ kinh điển ấy, cốt yếu sao cho trên trời trong người đều quy y mà cúng dường. Vì sao? Vì ai nghe kinh này thì Phật sẽ thọ ký. Người không tin là do phước đức kém mỏng, người thọ trì kinh này thì phước đức phi phàm. Người tạm nghe kinh này thì đời đời được gặp Phật, huống là nghe rồi thọ trì phụng hành giảng thuyết công đức vô hạn vô lượng.

Nếu có thiện nam, thiện nữ đem bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới, theo thời mà bố thí trọn trăm ngàn năm, người nghe kinh này mà vui mừng tín thọ thì công đức hơn trên.

A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Kinh này tên gì và phụng trì như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Kinh này tên là kinh Bồ-tát Tịnh Hạnh Bảo Kế Sở Vấn, phải phụng trì như vậy.

Đức Phật nói kinh rồi, Bồ-tát Bảo Kế và mười phương các Bồ-tát dự hội, Hiền giả A-nan, Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la và người nghe lời Phật dạy đều vui mừng, tín thọ phụng hành.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 119

Hán dịch: Đời Đại Đường, Tam tạng
Pháp sư Bồ-đề-lưu-chí.

PHÁP HỘI 48: THẮNG MAN PHU NHÂN

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở nước Xá-vệ vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ, vua nước Xá-vệ là Ba-tư-nặc và Mạt-lợi phu nhân mới chứng đạo pháp xong cùng bàn nhau rằng:

– Thắng Man! Con gái chúng ta tư chất thông minh, căn tánh lanh lợi, nếu như được gặp Đức Như Lai thì ở nơi pháp sâu xa sẽ có thể mau thấu hiểu, không còn các sự nghi hoặc. Chúng ta nên tìm người khéo khuyến dụ làm cho con gái phát khởi lòng thành tín.

Bàn luận xong, vua và phu nhân viết thư khen ngợi công đức chân thật của Như Lai, sai quan Chân-đề-la làm sứ giả mang thư đến thành Vô đấu trao cho Thắng Man phu nhân.

Sau khi xem thư của cha mẹ, Thắng Man phu nhân vui mừng thành kính tin theo, rồi quay sang Chân-đề-la mà nói kệ:

Tôi nghe danh tiếng Phật
Thế gian khó được gặp!
Nếu như lời chân thật
Sẽ ban ngươi y phục.
"Nếu Đức Phật Thế Tôn
Vì thế gian xuất hiện
Xin rủ lòng xót thương
Cho con thấy chân tướng!"
Khi khởi ý niệm này,
Phật hiện ngay trên không
Hiển bày thân tuyệt vời

Hào quang chiếu sáng khắp.
Thắng Man cùng quyến thuộc
Đều cùng đến chiêm ngưỡng
Chắp tay đảnh lễ Phật
Tán thán Đại Đạo Sư:
"Như Lai thân sắc đẹp
Thế gian không ai bằng
Thật chẳng thể nghĩ bàn
Thế nên nay kính lạy,
Thân Như Lai vô tận
Trí tuệ cũng như vậy
Tất cả pháp thường trụ
Vì thế con quy y.
Hàng phục tâm tội lỗi
Cùng bốn thứ nơi thân
Đạt Địa chẳng nghĩ bàn,
Thế nên con kính lạy.
Biết các pháp sở tri
Thân và trí vô ngại
Nơi pháp không quên mất
Vì thế con kính lạy.
Cúi lạy Đấng Vô Lượng
Cúi lạy Đấng Vô Đẳng
Cúi lạy Đấng Pháp Vương
Cúi lạy Đấng Nan Tư!
Mong thương gia hộ con
Cho giống pháp thêm lớn
Mãi đến thân rốt sau
Thường ở tại trước Phật
Bao nhiêu phước con tu
Đời này và đời khác
Do sức căn lành này
Mong Phật luôn dìu dắt".

Nói kệ xong, Thắng Man phu nhân cùng quyến thuộc và tất cả đại chúng đảnh lễ chân Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Thắng Man phu nhân mà nói kệ rằng:

Xưa ta vì Bồ-đề
Đã từng khai thị ngươi
Nay ngươi lại gặp ta
Đến đời sau cũng vậy.

Nói kệ xong, Đức Phật ở giữa chúng hội thọ ký Vô thượng Chánh đẳng giác cho Thắng Man:

– Nay ngươi ca ngợi công đức thù thắng của Như Lai, do căn lành này, ngươi sẽ ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp làm vua tự tại trong hàng trời, người đầy đủ đồ thọ dụng. Ngươi sinh tại chỗ nào cũng thường được gặp Phật cúng dường khen ngợi như nay không khác. Ngươi còn sẽ cúng dường vô lượng, vô số chư Phật Thế Tôn. Quá hai vạn a-tăng-kỳ kiếp ngươi sẽ thành Phật hiệu Phổ Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, cõi nước của Phật Phổ Quang ấy không có các ác đạo suy già, bệnh khổ, cũng không có danh từ bất thiện ác nghiệp đạo, chúng sinh cõi ấy hình sắc đoan nghiêm, đủ cảnh đẹp cõi trời, thuần thọ hưởng vui sướng hơn cả trời Tha hóa tự tại. Chúng sinh cõi giới ấy đều hướng về Đại thừa, ai học Đại thừa như vậy đều sinh về quốc độ ấy.

Khi Thắng Man phu nhân được thọ ký xong, có vô lượng trời, người sinh lòng vui mừng hớn hở đều nguyện sinh về thế giới của Phật Phổ Quang. Đức Thế Tôn đều thọ ký cho họ sẽ được sinh cõi nước ấy.

Được nghe Đức Phật thọ ký xong, Thắng Man phu nhân chắp tay đứng trước Phật phát mười hoằng thệ:

– Bạch Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ-đề, con chẳng sinh tâm niệm phạm nơi giới đã được thọ trì.

Bạch Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ-đề, con chẳng sinh lòng kiêu mạn đối với các bậc Sư trưởng.

Bạch Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ-đề, con chẳng sinh lòng giận hờn đối với các chúng sinh.

Bạch Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ-đề, con chẳng sinh lòng đố kỵ với người hơn mình và sự hơn mình.

Bạch Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ-đề, con chẳng sinh lòng bỏn xẻn, dù chỉ có ít thức ăn.

Bạch Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ-đề, con chẳng vì mình mà nhận chứa của cải. Nếu có nhận chứa thì chỉ vì cứu tế loài hữu tình nghèo

khổ.

Bạch Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ-đề, con hành bốn Nhiếp pháp mà chẳng cầu báo ân, không lòng tham lợi, không lòng nhàm đủ, không lòng hạn ngại, luôn nhiếp thọ chúng sinh.

Bạch Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ-đề, thấy có chúng sinh nào không chỗ nương tựa, bị giam cầm trói buộc bệnh tật khổ não các thứ nguy ách, thì con trọn chẳng bỏ lìa họ, quyết mong cho họ được an ổn đem lợi ích lành cho họ.

Bạch Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ-đề, nếu con thấy có ai hủy phạm cấm giới thanh tịnh của Đức Như Lai, nếu thuộc về thành ấp, tụ lạc của con quản nhiếp, kẻ đáng điều phục con sẽ điều phục, kẻ đáng nhiếp thọ con sẽ nhiếp thọ. Vì sao? Vì điều phục nhiếp thọ kẻ phá giới thì làm cho chánh pháp được dài lâu, chánh pháp còn dài lâu thì trời, người đông đúc, mà ác đạo giảm ít có thể làm cho pháp luân của Như Lai được thường chuyển.

Bạch Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ-đề, con nhiếp thọ chánh pháp không để quên mất. Nếu quên mất Đại thừa, thì quên Ba-la-mật-đa, nếu quên Ba-la-mật-đa thì quên Đại thừa. Nếu các Bồ-tát chẳng quyết định nơi Đại thừa thì nhiếp thọ chánh pháp không được bền vững thì chẳng kham siêu việt bậc phàm phu, là mất mát lớn.

Bạch Thế Tôn! Hiện tại và vị lai các Bồ-tát nhiếp thọ chánh pháp phát hoằng thệ này thì đầy đủ vô biên lợi ích rộng lớn.

Đức Thế Tôn dù là chứng biết mà các loài hữu tình căn lành kém mỏng hoặc phát khởi lưới nghi, do đây nên mười hoằng thệ khó thành tựu được, họ sẽ mãi mãi chứa họp các pháp bất thiện, phải chịu những khổ não. Vì lợi ích cho các chúng sinh ấy nên nay con ở trước Đức Phật phát thệ thành thật.

Bạch Thế Tôn! Nay con phát mười hoằng thệ ấy nếu là chân thật chẳng hư dối thì trên đại chúng đây sẽ mưa hoa trời phát âm thanh cõi trời.

Thắng Man phu nhân ở trước Đức Phật nói vừa dứt lời, trên hư không liền mưa hoa trời và phát ra âm thanh trời rằng:

– Lành thay, lành thay! Như lời thệ của Thắng Man phu nhân chân thật không sai khác.

Bấy giờ, chúng hội thấy cảnh lành này dứt lòng nghi hoặc rất đỗi vui mừng đồng thanh xướng rằng: “Nguyện cùng Thắng Man phu nhân sinh

nơi nào đều đồng một nguyện hạnh".

Đức Phật thọ ký cho tất cả đại chúng ấy đều mãn sở nguyện.

Thắng Man phu nhân lại ở trước Phật phát ba hoằng thệ nguyện, do nguyện lực này mà lợi ích vô biên loài hữu tình.

Điều nguyện thứ nhất: Con do căn lành trong tất cả đời được chánh pháp trí.

Điều nguyện thứ hai: Chỗ con sinh nếu con được chánh trí rồi vì các chúng sinh diễn thuyết không hề mỏi mệt.

Điều nguyện thứ ba: Con vì nhiếp thọ hộ trì chánh pháp nên đối với thân thể không tiếc sinh mạng.

Đức Phật nghe ba điều nguyện xong, bảo Thắng Man phu nhân rằng:

– Như tất cả hình sắc đều nhập vào không giới, hằng sa điều nguyện của Bồ-tát đều nhập vào ba nguyện ấy. Ba nguyện ấy chân thật rất rộng lớn.

Thắng Man phu nhân lại bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nay con sẽ nương sức oai thần biện tài của Đức Phật muốn nói đại nguyện, mong Đức Thế Tôn thương mà hứa khả cho.

Đức Phật dạy:

– Này Thắng Man! Cho phép ngươi nói.

Thắng Man phu nhân nói:

– Bồ-tát có hằng hà sa điều nguyện, tất cả đều nhập vào trong một đại nguyện, đó là nhiếp thọ chánh pháp. Nhiếp thọ chánh pháp như vậy chân thật rộng lớn.

Đức Phật bảo:

– Lành thay! Này Thắng Man! Ngươi từ lâu tu tập trí tuệ phương tiện sâu xa vi diệu. Có ai hiểu rõ ý nghĩa của ngươi nói, người này đã vun trồng cội lành từ lâu.

Này Thắng Man! Nhiếp thọ chánh pháp như ngươi đã nói, đều là quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật đã nói, sẽ nói, nay nói. Ta được Vô thượng Bồ-đề cũng thường dùng nhiều thứ tướng để nói nhiếp thọ chánh pháp. Ca ngợi nhiếp thọ chánh pháp như vậy được công đức không ngằn mé. Như Lai trí tuệ cũng không ngằn mé. Vì sao? Vì nhiếp thọ chánh pháp đây có đại công đức có đại lợi ích.

Thắng Man phu nhân bạch:

– Bạch Thế Tôn! Con sẽ nương thần lực của Đức Phật mà nói nghĩa

nhiếp thọ chánh pháp rộng lớn.

Đức Phật dạy:

– Này Thắng Man! Cho phép ngươi nói.

Thắng Man phu nhân nói:

– Nghĩa nhiếp thọ chánh pháp rộng lớn là vì được vô lượng tất cả Phật pháp cho đến hay nhiếp tám vạn hành môn.

Ví như kiếp sơ nổi lên các sắc mây mưa các trận mưa báu. Cũng vậy, mây căn lành nhiếp thọ chánh pháp hay mưa các trận mưa vô lượng phước báu.

Ví như kiếp sơ trong Đại thủy hay sinh tam thiên đại thiên giới tạng và bốn trăm ức các thứ loại lục địa. Cũng vậy, nhiếp thọ chánh pháp xuất sinh Đại thừa vô lượng giới tạng cùng các thứ thần thông lực các thứ pháp môn của Bồ-tát, thế gian và xuất thế gian đầy đủ an lạc mà tất cả trời, người chưa từng có.

Ví như đại địa mang chịu bốn gánh nặng. Đó là biển cả, núi non, cây cỏ và chúng sinh. Cũng vậy, thiện nam, thiện nữ nhiếp thọ chánh pháp thì có thể kham được bốn trọng nhiệm hơn đại địa kia. Đó là đối với các loài hữu tình rời xa bạn lành không nghe pháp phạm các tội lỗi thì dùng căn lành trời, người để thành thục họ, với kẻ cầu Thanh văn, dạy họ Thanh văn thừa, với kẻ cầu Duyên giác dạy họ Duyên giác thừa và với kẻ cầu Đại thừa dạy họ Đại thừa.

Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nhiếp thọ chánh pháp như vậy thì kham được bốn trọng nhiệm hơn cả đại địa, khắp vì chúng sinh làm bạn lành chẳng chờ mời, đại Bi thương xót làm lợi ích cho các loài hữu tình, là mẹ pháp của thế gian.

Ví như đại địa là chỗ sản sinh bốn thứ báu: Đó là các báu vô giá, thượng giá, trung giá và hạ giá. Cũng vậy, thiện nam, thiện nữ nhiếp thọ chánh pháp, các hữu tình gặp rồi thì được bốn báu lớn thù thắng nhất trong các thứ báu, đó là các hữu tình gặp bạn lành này rồi thì hoặc được căn lành trời, người, hoặc chứng Thanh văn, chứng Bích-chi-phật và hoặc được căn lành công đức Vô thượng thừa.

Bạch Thế Tôn! Xuất sinh báu lớn ấy thì gọi là chân thật nhiếp thọ chánh pháp.

Bạch Thế Tôn! Nói nhiếp thọ chánh pháp là chánh pháp không sai khác, nhiếp thọ chánh pháp không sai khác là nhiếp thọ chánh pháp.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật-đa không sai khác, nhiếp thọ Ba-la-mật-đa không sai khác là nhiếp thọ chánh pháp. Nhiếp thọ chánh pháp là Ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ nhiếp thọ chánh pháp, nếu đáng dùng bố thí để thành thục thì dùng bố thí cho đến xả thân mạng tùy thuận ý họ để thành thục họ cho họ an trụ nơi chánh pháp, đây gọi là Bố thí ba-la-mật-đa.

Nếu đáng dùng giới luật để thành thục thì thủ hộ sáu căn tịnh thân, ngữ, ý cho đến oai nghi tùy thuận ý họ mà thành thục họ cho hữu tình ấy an trụ chánh pháp, đây gọi là Giới ba-la-mật-đa.

Nếu người đáng dùng nhẫn nhục để thành thục, thì hoặc có bị người ấy mắng chửi hủy nhục chê bai não loạn liền dùng lòng không giận hờn và lòng làm lợi ích cùng sức nhẫn tối thượng cho đến nhan sắc cũng chẳng đổi khác tùy thuận ý người ấy để thành thục họ cho họ an trụ chánh pháp, đây gọi là Nhẫn ba-la-mật-đa.

Nếu người đáng dùng tinh tấn để thành thục thì đối với người ấy chẳng sinh lòng giải đãi hạ liệt, mà khởi lòng thích muốn tinh tấn tối thượng, trong bốn oai nghi tùy thuận ý người ấy mà thành thục họ cho họ an trụ chánh pháp, đây là Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Nếu người đáng dùng tĩnh lự để thành thục thì dùng tâm không tán loạn thành thục chánh niệm, việc đã làm trọn chẳng quên mất tùy thuận ý họ mà thành thục họ cho họ an trụ chánh pháp, đây gọi là Tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Nếu người đáng dùng trí tuệ để thành thục, người ấy vì lợi ích mà hỏi các pháp nghĩa thì dùng lòng không mỏi chán mà vì họ diễn nói tất cả các luận tất cả Minh xứ cho đến các thứ Công xảo xứ cho được cứu cánh, tùy thuận ý người ấy mà thành thục họ, cho họ an trụ chánh pháp, đây gọi là Trí tuệ ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn! Thế nên Ba-la-mật-đa không sai biệt, nhiếp thọ chánh pháp không sai biệt, nhiếp thọ chánh pháp tức là Ba-la-mật-đa.

Thắng Man phu nhân lại bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nay con nương sức oai thần biện tài của Đức Phật sẽ nói về đại nghĩa. Mong Thế Tôn hứa khả.

Đức Phật dạy:

– Này Thắng Man! Ta cho phép ngươi nói.

Thắng Man phu nhân nói:

– Bạch Thế Tôn! Nhiếp thọ chánh pháp là nhiếp thọ chánh pháp không sai khác. Nhiếp thọ chánh pháp không sai khác là nhiếp thọ chánh pháp. Thiện nam, thiện nữ phải nhiếp thọ chánh pháp như vậy. Nếu thiện nam, thiện nữ nhiếp thọ chánh pháp vì chánh pháp mà xả bỏ thân mạng tài sản. Do xả bỏ thân thể nên những người ấy chứng sinh tử tối hậu lìa xa già, bệnh được Pháp thân Như Lai chẳng hư hoại thường hằng không biến đổi cứu cách tịch tĩnh chẳng thể nghĩ bàn. Do xả bỏ sinh mạng nên những người ấy chứng sinh tử tối hậu lìa hẳn sự chết được vô biên thường trụ, thành tựu các công đức lành chẳng thể nghĩ bàn, an trụ nơi tất cả Phật pháp thần biến, do xả bỏ tài sản nên những người ấy chứng sinh tử tối hậu vượt qua khỏi hữu tình không cùng tận, không tổn giảm quả báo viên mãn có đủ công đức trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn, được các loài hữu tình tôn trọng cúng dường.

Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nhiếp thọ chánh pháp xả bỏ thân mạng tài được chư Như Lai thọ ký.

Bạch Thế Tôn! Lúc chánh pháp sắp diệt, có hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kết bè kết đảng phát khởi những tranh tụng, nếu thiện nam, thiện nữ dùng lòng chẳng siểm khúc chẳng khi dối mến thích chánh pháp nhiếp thọ chánh pháp mà vào trong nhóm bạn lành, người vào nhóm bạn lành này tất được chư Phật thọ ký.

Bạch Thế Tôn! Con thấy người nhiếp thọ chánh pháp có sức mạnh lớn như vậy, Đức Như Lai dùng làm con mắt dùng làm cội gốc pháp, dùng làm pháp dẫn đạo, dùng làm pháp thông đạt.

Đức Thế Tôn nghe Thắng Man phu nhân nói về nhiếp thọ chánh pháp có đại oai lực thì khen rằng:

– Đúng như vậy, đúng như vậy! Lành thay! Này Thắng Man! Đúng như lời ngươi nói, nhiếp thọ chánh pháp có oai lực lớn.

Như đại lực sĩ hơi chạm chà bóp ai thì người ấy đau đớn khổ lắm còn thêm bệnh nặng. Cũng vậy, giả sử chút phần nhiếp thọ chánh pháp cũng làm cho ma Ba-tuần đau đớn sầu não khóc rên than thở.

Này Thắng Man! Ta thường chẳng thấy một thiện pháp nào khác làm cho ma sầu não bằng nhiếp thọ chánh pháp một ít phần.

Này Thắng Man! Ví như ngưu vương hình sắc đoan chánh thân lượng đặc biệt lạ hơn hẳn các loài trâu khác. Cũng vậy, người tu Đại thừa nếu ít phần nhiếp thọ chánh pháp thì hơn hẳn tất cả pháp lành của hàng Thanh văn, Duyên giác.

Lại như núi Tu-di cao rộng trang nghiêm xinh đẹp hơn các núi khác, cũng vậy, người mới đến Đại thừa dùng lòng lợi ích chẳng màng đến thân mạng mà nhiếp thọ chánh pháp thì có thể vượt hơn tất cả căn lành của người ở lâu nơi Đại thừa mà đoái tiếc thân mạng.

Này Thắng Man! Thế nên phải dùng nhiếp thọ chánh pháp mà khai hóa tất cả hữu tình. Nhiếp thọ chánh pháp được phước lợi lớn và quả báo lớn.

Này Thắng Man! Trong vô số a-tăng-kỳ kiếp, ta ca ngợi nhiếp thọ chánh pháp như vậy được công đức vô lượng, vô biên. Nhiếp thọ chánh pháp thì thành tựu vô lượng công đức như vậy.

Đức Phật bảo Thắng Man phu nhân:

– Nay ngươi lại nên diễn tả nhiếp thọ chánh pháp đã được ta nói mà tất cả chư Phật đồng ưa thích.

Thắng Man phu nhân bạch:

– Lành thay! Bạch Thế Tôn! Nhiếp thọ chánh pháp thì gọi là Đại thừa. Vì sao? Vì Đại thừa xuất sinh bao nhiêu pháp lành của tất cả Thanh văn, Duyên giác, thế gian và xuất thế gian.

Như ao A-nậu-đạt phát xuất tám sông lớn, cũng vậy, Đại thừa xuất sinh bao nhiêu pháp lành của tất cả Thanh văn, Duyên giác.

Lại như tất cả cây cỏ lùm rừng đều nương đại địa mà được sinh trưởng, cũng vậy, tất cả pháp lành của Thanh văn, Duyên giác đều nương Đại thừa mà được sinh trưởng. Vì thế nên an trụ Đại thừa, nhiếp thọ Đại thừa, tức là trụ và nhiếp bao nhiêu pháp lành của tất cả Thanh văn, Duyên giác, thế gian và xuất thế gian.

Như Đức Phật Thế Tôn đã nói sáu xứ: Đó là Chánh pháp trụ, Chánh pháp diệt, Biệt giải thoát, Tỳ-nại-gia, Chánh xuất gia, thọ Cụ túc. Vì Đại thừa mà Đức Phật nói sáu xứ ấy. Vì sao? Vì chánh pháp trụ là vì Đại thừa mà nói, Đại thừa trụ thì Chánh pháp trụ. Chánh pháp diệt là vì Đại thừa mà nói, Đại thừa diệt thì chánh pháp diệt. Biệt giải thoát và Tỳ-nại-da, hai pháp này tên khác mà nghĩa một. Tỳ-nại-da là Đại thừa học. Vì sao? Vì Phật mà xuất gia, thọ Cụ túc, thế nên khối giới Đại thừa là Tỳ-nại-da, là Chánh xuất gia, là thọ Cụ túc.

Bạch Thế Tôn! A-la-hán không có xuất gia không thọ Cụ túc. Vì sao? Vì A-la-hán chẳng vì Như Lai mà xuất gia thọ Cụ túc. A-la-hán có ý tưởng sợ hãi mà quy y Như Lai. Vì sao? Vì đối với tất cả hành A-la-hán có tưởng

sợ hãi coi như người cầm kiếm muốn đến hại mình, do đây nên A-la-hán chẳng chứng được giải thoát an lạc cứu cánh.

Bạch Thế Tôn! Quy y nơi chẳng cầu quy y, như các chúng sinh không chỗ quy y, chúng nó sợ hãi nên tìm nơi quy y để được an ổn. Cũng vậy, vì có sợ hãi mà A-la-hán quy y nơi Như Lai.

Vì thế nên hàng A-la-hán, Bích-chi-phật còn có sinh pháp, chưa lập phạm hạnh, chỗ làm chưa xong, sẽ còn có chỗ dứt diệt vì chưa cứu cánh. Họ còn cách xa Niết-bàn. Vì sao? Vì chỉ có Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác chứng được Niết-bàn thành tựu vô lượng, vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn, chỗ đáng dứt đã dứt hết cứu cánh thanh tịnh, được các loài hữu tình chiêm ngưỡng, vượt quá cảnh giới của Nhị thừa và Bồ-tát. Còn hàng A-la-hán thì chẳng phải như vậy. Nói rằng A-la-hán được Niết-bàn đó chỉ là phương tiện của Phật thôi. Thế nên A-la-hán cách Niết-bàn rất xa.

Đức Thế Tôn nói A-la-hán và Bích-chi-phật quán sát giải thoát bốn trí cứu cánh được rồi xong đó, đều là lời Tùy tha ý và thuyết Bất liễu nghĩa của Như Lai. Tại sao vậy? Có hai loại chết: Một là Phần đoạn, hai là Biến dịch. Chết phần đoạn là hữu tình tương tục, chết biến dịch là A-la-hán và Bích-chi-phật cùng bậc tự tại Bồ-tát được ý sinh thân cho đến Bồ-đề. Trong hai thứ chết ấy đem cái chết phần đoạn nói về A-la-hán và Bích-chi-phật là sinh nơi trí ngã sinh đã hết. Vì đã chứng được quả Hữu dư y nên sinh nơi trí phạm hạnh đã lập. Vì tất cả phàm phu ngu muội chẳng làm được, bảy hàng học nhân chưa làm xong và tương tục phiền não đã dứt rốt ráo, nên sinh nơi trí việc làm đã xong.

Bạch Thế Tôn! Nói rằng sinh chẳng thọ lấy thân sau, người trí bảo là A-la-hán và Bích-chi-phật chẳng dứt được tất cả phiền não, trí họ chẳng biết rõ tất cả sự thọ sinh. Vì sao? Vì A-la-hán và Bích-chi-phật còn có thừa phiền não chẳng dứt hết nên chẳng biết rõ được tất cả thọ sinh vậy.

Phiền não có hai loại, đó là Trụ địa phiền não và Khởi phiền não.

Trụ địa phiền não có bốn thứ, đó là Kiến nhất xứ trụ địa phiền não, Dục ái trụ địa phiền não, Sắc ái trụ địa phiền não và Hữu ái trụ địa phiền não.

Bạch Thế Tôn! Bốn thứ trụ địa ấy sinh ra tất cả Biến khởi phiền não. Khởi phiền não nghĩa là sát-na sát-na cùng tâm tương ứng.

Bạch Thế Tôn! Vô minh trụ địa từ vô thỉ đến nay chẳng tương ưng với tâm.

Bạch Thế Tôn! Sức của bốn trụ địa phiền não làm nơi nương tựa cho Biến khởi phiền não, nhưng sánh với Vô minh địa thì tính toán thí dụ cũng không sao bì kịp.

Đúng vậy, đối với Hữu ái trụ địa phiền não thì sức lực của Vô minh trụ địa rất lớn. Ví như Ma vương và chúng quyến thuộc có sắc lực oai đức hơn hẳn chúng trời Tha hóa tự tại. Cũng vậy, Vô minh trụ địa hơn hẳn bốn trụ địa hằng hà sa số lần, nó làm chỗ nương tựa cho phiền não và cũng làm cho bốn thứ phiền não còn mãi. Trí của Thanh văn và Duyên giác chẳng dứt được Vô minh trụ địa, chỉ có trí của Như Lai mới đoạn trừ hết được.

Bạch Thế Tôn! Đúng vậy, đúng vậy! Sức lực của Vô minh trụ địa rất lớn.

Lại như thủ làm duyên nghiệp nhân hữu lậu sinh ra ba cõi, cũng vậy, Vô minh trụ địa làm duyên nghiệp nhân vô lậu sinh ra tùy ý sinh thân của A-la-hán, Bích-chi-phật và đại lực Bồ-tát. Ba bậc này tùy ý sinh thân và nghiệp vô lậu đều lấy Vô minh trụ địa làm chỗ nương tựa, dù là sở duyên nhưng cũng có thể làm duyên. Bạch Thế Tôn! Thế nên tùy ý sinh thân và nghiệp vô lậu đều dùng Vô minh trụ địa làm duyên đồng như Hữu ái trụ địa phiền não.

Bạch Thế Tôn! Hữu ái trụ địa chẳng đồng nghiệp với Vô minh trụ địa. Sự phân ly của Vô minh trụ địa khác với sự phân ly của bốn trụ địa. Khác bốn trụ địa ở đây, chỉ có Phật dứt được hết. Vì sao? Vì A-la-hán và Bích-chi-phật dứt bốn trụ địa mà đối với lậu tận lực chẳng được tự tại, chẳng hiện chứng được. Thế nên A-la-hán, Bích-chi-phật cho đến các Bồ-tát tối hậu hữu vẫn còn bị Vô minh trụ địa ngăn che, nên đối với tất cả các pháp đều không thấu triệt, không thấy. Vì chẳng biết chẳng thấy nên đáng dứt chẳng dứt, đáng hết chẳng hết. Vì ở nơi các pháp ấy chẳng dứt chẳng hết nên được hữu dư giải thoát mà chẳng phải nhất thiết giải thoát, được hữu dư thanh tịnh mà chẳng phải nhất thiết thanh tịnh, được hữu dư công đức mà chẳng phải nhất thiết công đức.

Bạch Thế Tôn! Vì chỉ được hữu dư nên ở nơi Thánh đế, các bậc ấy biết Khổ hữu dư, dứt Tập hữu dư, chứng Diệt hữu dư và tu Đạo hữu dư.

Nếu còn là biết Khổ hữu dư, dứt Tập hữu dư, chứng Diệt hữu dư và tu Đạo hữu dư, thì gọi là thiểu phần diệt độ, chứng thiểu phần Niết-bàn hướng đến Niết-bàn giới.

Nếu biết tất cả Khổ, dứt tất cả Tập, chứng tất cả Diệt và tu tất cả Đạo, thì bậc này ở nơi thế gian vô thường, bại hoại chứng được Niết-bàn thường

tịch thanh tịnh, bậc này ở nơi thế gian không che chở, không nương tựa làm nơi che chở, nương tựa cho thế gian.

Vì sao? Vì người ở nơi các pháp mà thấy có cao thấp thì chẳng chứng được Niết-bàn. Trí tuệ bình đẳng, giải thoát bình đẳng, thanh tịnh bình đẳng mới chứng được Niết-bàn. Vì thế nên Niết-bàn gọi là Nhất vị bình đẳng, đó là vị giải thoát.

Bạch Thế Tôn! Nếu vô minh trụ địa chẳng dứt, chẳng hết thì chẳng chứng được Niết-bàn Nhất vị bình đẳng. Vì sao? Vì vô minh trụ địa chẳng dứt, chẳng hết thì hơn hằng hà sa số những pháp sai lầm sẽ đáng dứt còn chẳng dứt, đáng hết còn chẳng hết. Vì còn hơn hằng hà sa số những pháp sai lầm chẳng dứt chẳng hết nên quá hằng hà sa số các pháp công đức chẳng trọn chẳng chứng được. Thế nên Vô minh trụ địa là nơi sinh ra các tùy phiền não, tất cả pháp lỗi lầm đáng dứt đáng hết. Từ đó sinh ra phiền não chướng tâm, phiền não chướng chỉ, phiền não chướng quán, phiền não chướng tĩnh lự, cho đến chướng Tam-ma-đề gia hạnh trí quả chứng mười Lực, bốn Vô sở úy.

Hơn cả hằng hà sa số các phiền não, các khởi phiền não mà trí kim cang Đẳng chánh giác của Như Lai có thể dứt diệt, tất cả đều nương nơi Vô minh trụ địa, vì Vô minh trụ địa làm nhân duyên vậy.

Bạch Thế Tôn! Từ nơi đó khởi lên các phiền não, sát-na sát-na cùng tâm tương ứng. Từ vô thỉ đến nay Vô minh trụ địa chẳng tương ứng với tâm.

Bạch Thế Tôn! Ví như tất cả giống của cây cỏ đều nương nơi đại địa mà sinh trưởng, nếu đại địa hư hoại thì chúng nó cũng hư hoại.

Cũng vậy, hơn hằng hà sa số các pháp đáng được dứt diệt bởi được trí Kim cang Đẳng chánh giác của Như Lai đều nương nơi Vô minh trụ địa mà sinh trưởng, nếu Vô minh trụ địa đoạn diệt hết thì các pháp phiền não ấy cũng đoạn diệt hết. Vì hơn hằng hà sa số các pháp đáng đoạn diệt cùng tất cả phiền não và khởi phiền não đã đoạn diệt hết nên chứng được quá hằng hà sa số các pháp chư Phật chẳng thể nghĩ bàn, ở nơi các pháp chứng được vô ngại thần thông, được các trí kiến, rời lìa tất cả sai lầm, được tất cả công đức, làm Đại Pháp Vương tự tại nơi tất cả pháp, chứng bậc đối với tất cả pháp Nhất thiết pháp tự tại, như Sư tử hống rằng: "Ngã sinh đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, chẳng còn thọ thân sau". Do đó nên Đức Thế Tôn dùng Sử tử hống, y theo ý nghĩa rốt ráo mà nói thẳng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Trí chẳng thọ thân sau ấy có hai loại. Những gì là hai?

1. Chư Phật Như Lai dùng sức điều ngự hàng phục bốn ma, ra khỏi các thế gian được các loài hữu tình chiêm ngưỡng, chứng Pháp thân thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn, đối với bậc sở tri được pháp tự tại tối thắng vô thượng, không còn bậc nào cao hơn phải làm, không còn địa vị nào cao hơn để đạt tới nữa, đầy đủ mười Trí lực bước lên bậc Tối thắng vô úy, nơi tất cả pháp quan sát vô ngại như Sư tử hống chẳng thọ thân sau.

2. A-la-hán và Bích-chi-phật khi vượt qua được vô lượng sinh tử đầy sợ hãi, thọ vui giải thoát, tự nghĩ rằng: "Nay ta đã rời lìa sinh tử đầy sợ hãi, không còn nhận chịu các sự khổ".

Bạch Thế Tôn! Hàng A-la-hán và Bích-chi-phật quan sát như vậy rồi chẳng thọ thân sau, nhưng họ chẳng chứng được Niết-bàn tịch diệt đệ nhất, vì họ ở nơi các bậc chưa chứng đắc, chẳng gặp được pháp để có thể hiểu biết rằng: "Nay ta chứng được bậc Hữu dư y, thì quyết định sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác".

Vì sao? Vì Thanh văn và Duyên giác đều nhập vào Đại thừa, mà Đại thừa là Phật thừa, thế nên Tam thừa tức là Nhất thừa. Người chứng Nhất thừa thì được Vô thượng Bồ-đề. Vô thượng Bồ-đề tức là Niết-bàn. Nói Niết-bàn đây tức là Pháp thân thanh tịnh của Như Lai. Người chứng được Pháp thân tức là Nhất thừa, không khác Như Lai, không khác Pháp thân. Nói Như Lai ấy tức là Pháp thân. Người chứng Pháp thân cứu cánh tức là Nhất thừa cứu cánh. Người được Nhất thừa cứu cánh tức là rời lìa tương tục.

Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì Như Lai thường trụ không hạn lượng bằng với hậu thế. Như Lai hay dùng đại Bi vô hạn, thệ nguyện vô hạn đem lợi ích lại cho thế gian. Người nói như trên đây thì gọi là lời nói phải.

Nếu lại nói rằng Như Lai là thường còn, là pháp vô tận, là chỗ nương tựa cứu cánh của tất cả thế gian thì cũng là lời nói phải.

Vì thế nên Như Lai đối với thế gian không có sự che chở, không có chỗ nương tựa, làm chỗ quy y vô tận, chỗ quy y thường trụ, chỗ quy y cứu cánh mãi đến về sau.

Nói rằng pháp Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác ấy là đạo Nhất thừa, Tăng là chúng tam thừa, hai chỗ quy y này chẳng phải là Cứu cánh quy y mà gọi là Thiểu phần quy y.

Vì sao? Vì nói đạo Nhất thừa, chứng được Pháp thân cứu cánh rồi sau đó không còn nói đạo Nhất thừa. Chúng Tam thừa vì có nỗi sợ hãi nên

quy y Như Lai cầu xuất gia tu học, vì có chỗ tạo tác, hướng đến Vô thượng Bồ-đề. Thế nên Pháp và Tăng chẳng phải chỗ quy y cứu cánh, mà là chỗ quy y hữu hạn.

Nếu các hữu tình được Như Lai điều phục, quy y nơi Như Lai, được thấm nhuần đạo pháp, sinh lòng tin ưa mà quy y nơi Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Hai sự quy y này do pháp thấm nhuần mà Tín nhập quy y.

Như Lai ấy chẳng phải pháp thấm nhuần tín nhập quy y. Nói Như Lai ấy là Chân thật quy y.

Hai sự quy y kia cứ đối với nghĩa chân thật thì gọi là cứu cánh quy y Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai chẳng khác với hai sự quy y ấy, thế nên quy y Như Lai tức là tam quy y.

Vì sao? Vì nói đạo nhất thừa, là nói Như Lai thành tựu đủ bốn vô sở úy như Sư tử hống.

Nếu chư Như Lai tùy theo sở dục của người mà dùng phương tiện nói pháp Nhị thừa thì đó cũng là Đại thừa. Bởi Đệ nhất nghĩa không có Nhị thừa. Nhị thừa ấy đồng vào Nhất thừa. Nhất thừa ấy tức là Thắng nghĩa thừa.

Bạch Thế Tôn! Hàng Thanh văn và Duyên giác khi mới chứng Thánh đế chẳng phải dùng nhất trí mà đoạn trừ các trụ địa phiền não, cũng chẳng phải dùng nhất trí chứng các công đức như tứ biến tri… cũng chẳng phải dùng pháp hay khéo biết rõ nghĩa bốn pháp này.

Bạch Thế Tôn! Nơi trí xuất thế không có bốn trí tuần tự đến, tuần tự duyên. Trí xuất thế không có pháp lần lượt đạt đến, như Kim cang dụ.

Bạch Thế Tôn! Hàng Thanh văn và Duyên giác dùng các thứ trí Thánh đế để đoạn trừ các trụ địa, họ lại thấy có trí Xuất thế đệ nhất nghĩa.

Chỉ có Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác dùng trí không tánh chẳng thể nghĩ bàn đoạn diệt được vỏ của tất cả phiền não. Trí đoạn diệt được vỏ phiền não cứu cánh ấy gọi là trí Xuất thế đệ nhất nghĩa, chẳng phải cảnh giới của hàng Thanh văn và Duyên giác. Trí Thánh đế sơ khởi chẳng phải trí cứu cánh, mà là trí hướng đến Vô thượng Bồ-đề.

Bạch Thế Tôn! Chân Thánh đế nghĩa ấy thì chẳng phải thuộc về Nhị thừa. Vì sao? Vì hàng Thanh văn và Duyên giác chỉ thành tựu được ít phần công đức, mà gọi là Thánh.

Nói rằng Thánh đế ấy chẳng phải là đế của hàng Thanh văn, Duyên giác, và công đức của họ.

Mà Thánh đế này, chỉ có Như Lai giác ngộ được rồi đem diễn nói khai thị cho thế gian, chúng sinh bị vô minh bao phủ, do đây mà gọi là Thánh đế.

Bạch Thế Tôn! Thánh đế này rất sâu, rất vi diệu, khó thấy khó rõ, chẳng thể phân biệt, chẳng phải cảnh giới suy lường, tất cả thế gian chẳng tin hiểu được, chỉ có Như Lai là biết rõ. Vì sao? Vì Thánh đế này nói về Như Lai tạng rất sâu xa, mà Như Lai tạng là cảnh giới Phật, chẳng phải cảnh giới của hàng Thanh văn, Duyên giác.

Từ nơi Như Lai tạng mà nói Thánh đế nghĩa, Như Lai tạng này rất sâu xa vi diệu, Thánh đế được nói ra ấy cũng rất sâu xa vi diệu. Khó thấy khó, rõ chẳng thể phân biệt, chẳng phải cảnh giới tư lương, tất cả thế gian khó tin hiểu, chỉ có Như Lai mới biết rõ.

Nếu ở nơi Như Lai tạng bị trói buộc bởi vô lượng phiền não mà chẳng nghi hoặc thì đối với vấn đề Như Lai pháp thân tạng ra khỏi tất cả phiền não cũng không nghi hoặc.

Bạch Thế Tôn! Nếu có ai đối với Như Lai tạng này và đối với Như Lai pháp thân, cảnh giới bí mật không thể nghĩ bàn của Phật mà tâm được cứu cánh, thì đối với hai nghĩa Thánh đế đã nói kia hay tin hay hiểu, hay sinh thắng giải.

Những gì là hai nghĩa Thánh đế? Đó là Hữu tác Thánh đế và Vô tác Thánh đế.

Hữu tác Thánh đế là nghĩa bốn Thánh đế chẳng viên mãn. Vì sao? Vì không phải nhân cái khác mà có thể biết được tất cả Khổ, dứt được tất cả Tập, chứng được tất cả Diệt, tu được tất cả Đạo. Do đó nên chẳng biết hữu vi, vô vi và Niết-bàn.

Vô tác Thánh đế là nói nghĩa bốn Thánh đế viên mãn. Vì sao? Vì có thể dùng sức chính mình biết được tất cả Khổ, dứt được tất cả Tập, chứng được tất cả Diệt, tu được tất cả Đạo.

Như vậy là có tám nghĩa Thánh đế, Như Lai chỉ đem bốn Thánh đế ra nói. Đối với nghĩa của bốn Thánh đế vô tác này chỉ có Đức Như Lai là đạt được kết quả cứu cánh, chẳng phải sức lực của A-la-hán và Bích-chi-phật đạt đến được. Vì sao? Vì chẳng phải các pháp thắng liệt hạ trung thượng mà có thể chứng được Niết-bàn.

Thế nào là Như Lai đối với vô tác Thánh đế đạt được kết quả cứu cánh? Chư Như Lai biết khắp tất cả khổ, dứt hẳn khổ tập bị nhiếp bởi tất cả phiền não và khởi phiền não, chứng được khổ diệt, sở hữu của tất cả khối

ý sinh thân và tu tất cả đạo khổ diệt.

Bạch Thế Tôn! Chẳng phải hoại mất pháp mà gọi là khổ diệt. Nói khổ diệt là nói vô thủy, vô tác, vô khởi, vô tận, thường trụ bất động bản tánh thanh tịnh ra khỏi vỏ phiền não.

Bạch Thế Tôn! Chư Phật Như Lai thành tựu hơn cả hằng hà sa số pháp không thể nghĩ bàn, đủ trí giải thoát gọi là Pháp thân. Pháp thân này chẳng rời xa phiền não thì gọi là Như Lai tạng. Như Lai tạng đây là trí Như Lai không tánh mà tất cả hàng Thanh văn và Duyên giác chưa hề thấy chưa hề chứng, chỉ có Phật thấy biết rõ và chứng được.

Bạch Thế Tôn! Trí không tánh Như Lai tạng này lại có hai loại, đó là không và bất không Như Lai tạng. Không Như Lai tạng là Như Lai tạng rời lìa nơi trí chẳng giải thoát tất cả phiền não. Bất không Như Lai tạng là Như Lai tạng có hằng hà sa số pháp không thể nghĩ bàn, trí Phật giải thoát.

Bạch Thế Tôn! Hai thứ không trí này các đại Thanh văn do tin mà được vào. Trí không tánh của tất cả hàng Thanh văn và Duyên giác đối với cảnh giới bốn điên đảo luôn phan duyên mà chuyển hiện. Do đó nên đối với tất cả khổ diệt ấy, tất cả hàng Thanh văn và Duyên giác chưa hề thấy chưa hề chứng, chỉ có Phật hiện chứng, đoạn diệt các phiền não, tu tất cả đạo khổ diệt.

Bạch Thế Tôn! Trong bốn Thánh đế, ba vô thường một thường trụ. Vì ba đế nhập vào trong tướng hữu vi, tướng hữu vi là vô thường. Vô thường ấy là pháp hư vọng, pháp hư vọng thì không chân thật, không thường trú, không phải chỗ để nương. Do Đệ nhất nghĩa nên ba đế ấy chẳng phải chân thật, chẳng phải thường trú, chẳng phải chỗ nương tựa.

Bạch Thế Tôn! Một đế khổ diệt lìa xa tướng hữu vi, lìa tướng hữu vi là tánh thường trụ, tánh thường trụ chẳng phải pháp hư vọng, chẳng phải pháp hư vọng là chân thật, là thường trú, là chỗ nương tựa. Do thắng nghĩa nên Khổ diệt đế là chân thật, là thường trú, là chỗ nương tựa.

Khổ diệt đế này không thể nghĩ bàn, vượt quá cảnh giới tâm thức của các hữu tình, cũng chẳng phải trí của hàng Thanh văn và Duyên giác có thể sánh kịp.

Ví như người sinh ra đã bị mù, chẳng thấy được các màu sắc, trẻ sơ sinh bảy ngày chẳng thấy mặt trời. Cũng vậy, Khổ diệt đế chẳng phải cảnh giới sở duyên của tâm thức hàng phàm phu, mà cũng chẳng phải cảnh giới của hàng Thanh văn và Duyên giác.

Tâm thức hàng phàm phu có hai biên kiến. Trí của hàng Thanh văn

và Duyên giác thì gọi là tịnh trí. Nói biên kiến đó, nghĩa là phàm phu đối với năm thủ uẩn chấp chặt làm ngã rồi sinh ra phân biệt sai khác, đó là thường kiến và đoạn kiến, hai thứ kiến chấp.

Bạch Thế Tôn! Nếu lại có ai thấy sinh tử là vô thường, Niết-bàn là thường, thì chẳng phải kiến chấp đoạn thường mà gọi là chánh kiến.

Vì sao? Vì kẻ kế đạt ấy thấy các thân căn và phân biệt tư duy hiện pháp thấy có diệt hoại, với thân tương tục họ chẳng biết được, là kẻ mù không mắt trí tuệ nên phát khởi đoạn kiến; với tâm tương tục sát-na diệt hoại, họ ngu tối chẳng biết cảnh giới ý thức nên khởi sinh thường kiến. Nhưng những nghĩa ấy vượt quá các phân biệt và kiến thức hạ liệt, do hàng ngu phu vọng sinh ý tưởng khác biệt rồi điên đảo chấp trước cho là đoạn, là thường.

Bạch Thế Tôn! Hàng hữu tình điên đảo đối với năm ấm vô thường tưởng là thường, khổ tưởng là lạc, vô ngã tưởng là ngã, bất tịnh tưởng là tịnh.

Hàng Thanh văn và Duyên giác có tịnh trí, đối với cảnh giới và Pháp thân của Phật chưa hề thấy được, nhưng vì tin Như Lai nên đối với Như Lai sinh ra ý tưởng là thường, là lạc, là ngã, là tịnh, đây chẳng phải kiến chấp điên đảo mà là chánh kiến. Vì sao? Vì Như Lai pháp thân là Thường ba-la-mật-đa, là Lạc ba-la-mật-đa, là Ngã ba-la-mật-đa, là Tịnh ba-la-mật-đa.

Nếu các hữu tình có kiến giải như trên đây thì gọi là chánh kiến. Nếu là người chánh kiến thì gọi là chân Phật tử, từ miệng Phật sinh, từ chánh pháp sinh, từ pháp hóa sinh, được phần pháp của Phật.

Bạch Thế Tôn! Nói rằng tịnh trí ấy là Trí ba-la-mật-đa của hàng Thanh văn và Duyên giác. Tịnh trí này đối với Khổ diệt đế vẫn không phải cảnh giới, huống gì Khổ diệt đế là sở hành của bốn trí nhập lưu. Vì sao? Vì hàng Tam thừa sơ nghiệp, nếu không ngu pháp, có thể đối với nghĩa ấy sẽ chứng đắc, giác ngộ.

Bạch Thế Tôn! Do nghĩa gì mà nói bốn nhập lưu?

Bạch Thế Tôn! Bốn nhập lưu này là pháp thế gian. Chỉ có một nhập lưu đối với các nhập lưu là hơn hết là trên hết, bởi Đệ nhất nghĩa là nhập lưu, là quy y, là Khổ diệt đế.

Bạch Thế Tôn! Sinh tử ấy nương tựa Như Lai tạng. Do Như Lai tạng nên nói rằng tiền tế chẳng biết được.

Bạch Thế Tôn! Do có Như Lai tạng nên có sinh tử, đây là lời nói phải.

Bạch Thế Tôn! Sinh tử ấy, các thọ căn diệt vô gián tương tục thọ căn kế khởi, gọi đó là sinh tử.

Bạch Thế Tôn! Hai pháp sinh tử là Như Lai tạng, nơi pháp thế tục gọi đó là sinh tử.

Bạch Thế Tôn! Nói rằng tử là các thọ căn diệt và sinh là các thọ căn khởi. Như Lai tạng thì chẳng sinh chẳng tử, chẳng thăng chẳng trụy, rời lìa tướng hữu vi.

Bạch Thế Tôn! Như Lai tạng ấy thường hằng chẳng hoại, nên Như Lai tạng là y, là trì, là kiến lập cho tạng trí chẳng lìa giải thoát và cũng là y, trì, kiến lập cho các pháp hữu vi trí rời lìa chẳng giải thoát.

Bạch Thế Tôn! Nếu không có Như Lai tạng thì không có chán khổ vui cầu Niết-bàn. Vì sao? Vì đối với sáu thức này và cảnh sở tri, bảy pháp như vậy không dừng lại ở sát-na nào, không nhận chịu các khổ, không nhàm chán nguyện cầu Niết-bàn. Như Lai tạng ấy là pháp không có tiền tế, không sinh không diệt, pháp nhĩ nhận chịu các khổ, nó là nhàm khổ nguyện cầu Niết-bàn.

Bạch Thế Tôn! Như Lai tạng ấy chẳng phải là có ngã nhân chúng sinh, thọ giả. Như Lai tạng ấy chẳng phải là cảnh sở hành của các hữu tình thân kiến, điên đảo và không kiến.

Bạch Thế Tôn! Như Lai tạng ấy là Pháp giới tạng, Pháp thân tạng, Xuất thế gian tạng, tánh thanh tịnh tạng, là Bản tánh thanh tịnh.

Như chỗ con hiểu thì Như Lai tạng ấy dù bị khách trần phiền não làm ô nhiễm vẫn còn là cảnh giới Như Lai không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì trong sát-na từng tâm bất thiện, tâm thiện cùng khách trần phiền não chẳng ô nhiễm được Như Lai tạng. Vì sao? Vì phiền não chẳng chạm đến tâm, mà tâm cũng chẳng chạm đến phiền não. Pháp chẳng chạm xúc làm sao có thể nhiễm được tâm.

Bạch Thế Tôn! Vì có phiền não nên có tâm tùy nhiễm. Tùy theo phiền não nhiễm ấy khó hiểu khó rõ. Chỉ có Phật Thế Tôn là mắt, là trí, là cội rễ pháp, là tôn thượng, là Đạo Sư, là chỗ nương tựa của chánh pháp mới như thực thấy biết thôi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Thắng Man phu nhân:

– Lành thay, lành thay! Đúng như lời ngươi vừa nói. Tánh thanh tịnh tâm tùy theo phiền não nhiễm khó rõ biết được.

Này Thắng Man! Còn có hai thứ pháp khó rõ biết được, đó là tánh thanh tịnh tâm khó rõ biết được và tâm ấy bị phiền não ô nhiễm cũng khó rõ biết được. Hai pháp này, ngươi và Bồ-tát thành tựu đại pháp mới có thể nghe hiểu nhận lãnh. Các hàng Thanh văn do nơi tín tâm mà hiểu được.

Này Thắng Man! Nếu các đệ tử ta, người có tăng thượng tín tâm tùy thuận pháp trí thì ở nơi pháp này mà được cứu cánh.

Thuận pháp trí là quán sát căn thức và cảnh, quán sát nghiệp báo, quán sát trạng thái miên man của A-la-hán, quán sát tâm tự tại ưa thích thiền duyệt, quán sát Thánh thần thông biến của Thanh văn và Duyên giác, do thành tựu năm pháp quán sát thiện xảo này nên hiện tại và vị lai các hàng Thanh văn đệ tử do nơi tăng thượng tín tâm tùy thuận pháp trí khéo hiểu rõ được tánh thanh tịnh tâm bị phiền não ô nhiễm mà được cứu cánh.

Này Thắng Man! Cứu cánh này là nhân của Đại thừa, nay ngươi nên biết! Người tin Như Lai thì đối với pháp sâu xa, vi diệu chẳng sinh lòng phỉ báng.

Thắng Man phu nhân bạch:

– Bạch Thế Tôn! Còn có các nghĩa hay đem lại nhiều lợi ích, con sẽ nương sức oai thần của Đức Phật mà diễn nói các ý nghĩa ấy.

Đức Phật bảo:

– Lành thay! Nay cho phép ngươi nói.

Thắng Man phu nhân nói:

– Có ba hạng thiện nam, thiện nữ đối với pháp sâu xa, vi diệu rời bỏ sự tự phá hoại, sinh nhiều công đức vào đạo Đại thừa:

1. Người thành tựu sâu xa pháp trí.

2. Người thành tựu tùy thuận pháp trí.

3. Người đối với pháp sâu xa này chẳng hiểu rõ được, mà kính tôn Đức Như Lai, chỉ có Đức Phật mới biết được, đây chẳng phải cảnh giới của mình.

Trừ ba hạng người này, các hữu tình khác đối với pháp sâu xa, vi diệu tùy theo chỗ mình nắm lấy mà chấp trước vọng thuyết, chống trái chánh pháp, huân tập chủng tử hủ bại các ngoại đạo. Dù họ ở phương khác cũng phải đến đó điều phục những kẻ hủ bại ấy. Tất cả trời, người phải cùng nhau điều phục họ.

Nói lời ấy xong, Thắng Man phu nhân và các quyến thuộc đảnh lễ chân Phật.

Đức Phật khen rằng:

– Lành thay! Thắng Man đối với pháp sâu xa, vi diệu phương tiện bảo vệ, hàng phục oán địch, khéo có thể thông đạt. Ngươi đã gần gũi trăm ngàn câu-chi chư Phật Như Lai nên có thể nói được nghĩa ấy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn phóng quang minh thù thắng chiếu khắp đại chúng, hiện thân lên hư không cao bảy cây Đa-la, dùng sức thần thông chân bước trên hư không trở về thành Xá-vệ.

Thắng Man phu nhân và các quyến thuộc chắp tay hướng về Đức Như Lai chiêm ngưỡng không chán, mắt không tạm rời cho đến khi quá tầm nhìn, tất cả đều vui mừng hớn hở cùng nhau ca ngợi công đức của Như Lai và đồng nhất tâm niệm Phật, trở về thành Vô đấu khuyên vua Hữu Xưng kiến lập Đại thừa. Nữ nhân trong thành từ bảy tuổi trở lên đều được Thắng Man phu nhân đem Đại thừa giáo hóa. Vua Hữu Xưng cũng đem Đại thừa giáo hóa các nam tử từ bảy tuổi trở lên. Nhân dân cả nước đều học pháp Đại thừa.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vào rừng Thệ-đa gọi Tôn giả A-nan và nghĩ đến Thiên đế Thích. Ứng theo tâm nghĩ của Phật, Thiên đế Thích cùng quyến thuộc chư Thiên đều đến chỗ Đức Phật.

Đức Thế Tôn bảo Thiên đế Thích:

– Này Kiều-thi-ca! Ông nên thọ trì kinh này rồi diễn thuyết khai thị cho chư Thiên cõi Đao-lợi để họ được an lạc.

Đức Thế Tôn lại bảo Tôn giả A-nan:

– Ông cũng thọ trì vì hàng bốn chúng mà phân biệt diễn thuyết.

Thiên đế Thích bạch:

– Bạch Thế Tôn! Kinh này sẽ đặt tên là gì và phụng trì thế nào?

Đức Phật dạy:

– Này Kiều-thi-ca! Kinh này thành tựu vô lượng, vô biên công đức, năng lực của Thanh văn và Duyên giác đều không quán sát rốt ráo được huống là các hữu tình khác. Nên biết rằng kinh này là khối đại công đức rất sâu xa vi diệu. Nay sẽ vì ông mà nói lược tên kinh. Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ nhớ lấy!

Thiên đế Thích và Tôn giả A-nan đồng bạch:

– Lành thay! Đức Thế Tôn! Kính vâng thọ giáo.

Đức Phật dạy:

– Kinh này tán thán Như Lai chân thật công đức, phải thọ trì như

vậy. Kinh này nói về mười điều hoằng thệ không thể nghĩ bàn, phải thọ trì như vậy. Kinh này dùng một đại nguyện nhiếp tất cả nguyện, phải thọ trì như vậy. Kinh này nói về nhiếp thọ chánh pháp không thể nghĩ bàn, phải thọ trì như vậy. Kinh này nói về sự hội nhập Nhất thừa, phải thọ trì như vậy. Kinh này nói về vô biên tế, phải thọ trì như vậy. Kinh này nói về Như Lai tạng, phải thọ trì như vậy. Kinh này nói về Phật pháp thân, phải thọ trì như vậy. Kinh này nói về nghĩa không tánh che ẩn chân thật, phải thọ trì như vậy. Kinh này nói về nghĩa một Thánh đế, phải thọ trì như vậy. Kinh này nói về một sở y thường trụ bất động tịch tĩnh, phải thọ trì như vậy. Kinh này nói về điên đảo chân thật, phải thọ trì như vậy. Kinh này nói về tự tánh thanh tịnh tâm bị phiền não che ẩn, phải thọ trì như vậy. Kinh này nói về chân Phật tử, phải thọ trì như vậy. Kinh này nói về Thắng Man phu nhân chánh sư tử hống, phải thọ trì như vậy.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Những điều kinh này giảng nói dứt tất cả nghi hoặc, quyết định liễu nghĩa nhập vào đạo Nhất thừa.

Này Kiều-thi-ca! Nay đem kinh Thắng Man phu nhân sư tử hống đã được nói đây giao phó cho ngươi mãi đến thời gian chánh pháp còn tồn tại, nên đem diễn thuyết khai thị khắp mười phương.

Thiên đế Thích bạch:

– Lành thay, Đức Thế Tôn! Kính vâng thọ giáo.

Bấy giờ Thiên đế Thích, Tôn giả A-nan và các chúng trong đại hội, Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà… nghe lời Phật dạy đều rất vui mừng tín thọ phụng hành.

❑

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 120

Hán dịch: Đời Đại Đường, Tam tạng
Pháp sư Bồ-đề-lưu-chí.

PHÁP HỘI 49: TIÊN NHÂN QUẢNG BÁC

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại thành Vô đấu chiến trên bờ sông Hằng, có vô lượng chúng Tỳ-kheo như các Tôn giả A-nan, Ma-ha Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Bạc-câu-la, Ly-bà-đa, A-nhã Kiều-trần-như… Các Tôn giả này việc nên làm đã xong, rời các trần nhiễm, phiền não đã hết, chẳng còn thoái chuyển. Các Tôn giả này luôn tọa thiền, tụng niệm, kinh hành không tạm lười nghỉ, hoặc như bầy nai đi đứng yên lặng, hoặc ở trong rừng thường nhập thiền định. Các Tôn giả này an trụ nơi giáo pháp sáng suốt của Như Lai, điều phục sáu căn được Vô sở úy.

Bấy giờ rừng Ta-la nhánh lá rậm rợp, hoa thơm trải đất. Những chim Câu-chỉ-la, chim Ca-lăng-tần-già, ngỗng chúa, bầy ong bay đậu kêu hót hòa nhã có thể làm cho các chúng sinh rời lìa hôn trầm giải đãi.

Lúc đó Đức Như Lai bảo các Tỳ-kheo:

– Này các Tỳ-kheo! Các ông phải siêng thực hành việc được làm, lấy giới luật oai nghi để tự che chở cho mình.

Liền lúc ấy phương Tây bỗng nhiên chói sáng như ánh sáng mặt trời.

Vì chưa ly dục, Tôn giả A-nan bạch:

– Bạch Thế Tôn! Ánh sáng này là tướng gì?

Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Đây là Pháp tử của Hắc Hương bậc tối thắng thượng năm thông tiên, tên là Quảng Bác. Tiên nhân này tiết thực xấu gầy, thân thể không được sáng cùng chung với năm trăm người đồng hành như là tiên Bất Bạch, tiên Thiên Nhân, tiên Chiêm-ba-dã-na, tiên Đơn-trà-dã-na, tiên Ca-ma-dã-na, tiên Mê-khư-na-tư, tiên Nghi Vị, tiên Độ La… Trước sau vây quanh sẽ đến chỗ ta.

Bấy giờ, Tiên nhân Quảng Bác từ xa thấy Đức Thế Tôn thân tâm tịch tĩnh ở tại rừng rậm được các Tỳ-kheo hầu hạ, liền tự nghĩ rằng: "Lạ thay! Bậc Tôn Quý Nhất Thiết Trí thân tướng đầy đủ, bỏ ngôi vua Chuyển luân cùng các quan và sáu vạn cung nữ, như bỏ món ăn độc, mà tu khổ hạnh nơi núi rừng, lìa những dục lạc, tiếng đồn khắp nơi thật chẳng hư dối".

Trong chúng ấy có một Tiên nhân tên Na-thích-đà từ xa nhìn Đức Thế Tôn sinh lòng vui mừng liền nói kệ khen Phật:

Nhìn kia hoa xanh dưới rừng cây
Như khối vàng tía là người nào
Châu báu Di-lâu chiếu sáng ngời
Cũng như trăng thu không mây khuất.

Các Tiên đều vui sướng chắp tay cung kính đi lần đến chỗ Đức Phật.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các ông xem kia các Tiên trong châu Diêm-phù, tóc xõa rối bời, ở rừng hoang, thoa tro, tịch cốc, hoặc một tháng hoặc nửa tháng nhịn ăn gầy xấu, mặc da nai hoặc vỏ cây, tóc móng không cạo không cắt, ngồi xổm trên đất trống, nhan sắc như khói than đen óng, chú thuật cúng thờ lửa cho là cát tường, ở ngoài trống hay dưới cây, hoặc té từ tảng đá cao, hoặc nhảy xuống vực sâu, dùng lửa đốt thân hay phơi nắng cho phỏng đau, ỷ thị dòng họ, lìa xa trí tuệ vô thượng.

Các Tỳ-kheo nên biết! Các Tiên nhân này kiến thức chẳng thanh tịnh mê say ba cõi luân hồi sinh tử chẳng ra khỏi được.

Các Tỳ-kheo nghe Đức Phật Thế Tôn dạy bảo như vậy rồi liền đồng thanh bạch Đức Phật:

– Nay chúng con nương Như Lai mà siêng tu phạm hạnh, với ba cõi sẽ được ra khỏi hẳn.

Tiên nhân Quảng Bác cùng các Tiên lần đến chỗ Đức Phật, thấy các A-la-hán oai đức tôn nghiêm liền có lòng e sợ. Họ khom mình ngó xuống đều tự cột tóc xõa, thân đeo dây trắng. Dung nhan đen đủi, hai mắt xanh vàng, đầu tóc khô khan thân hình xấu xí, tay cầm ba khúc cây to, hoặc đi trên hư không, hoặc đàm luận sách thế tục.

Tiên nhân Quảng Bác đến trước Đức Phật thưa rằng:

– Bạch Thế Tôn! Nay chúng hội này xin Phật biết cho.

Đức Phật dạy:

– Này Quảng Bác! Ta đã biết rõ sự thọ sinh trong các cõi hữu lậu và tự tánh.

Tôn giả A-nan bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đây là Tiên nhân nào mà được chư Tiên bao quanh, trí sáng lời hay, đầu tóc rối bù.

Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Đây là Tiên nhân Quảng Bác, người sáng tác sách Vi-đà, phụng trì tu tập theo Xa-yết-la giáo làm ra các thứ văn tự thế tục.

Các A-la-hán cùng bảo nhau:

– Tiên nhân này có sở đắc gì mà khổ hạnh như vậy nhưng vẫn không giải thoát được sinh tử.

Các A-la-hán lại tự nghĩ rằng: "Các Tiên nhân này nay đến chỗ Đức Phật sẽ thưa hỏi điều gì, hỏi nhân duyên hay hỏi vô ngã?"

Tiên nhân Quảng Bác chắp tay hướng về Đức Phật bạch:

– Bạch Thế Tôn! Đức Phật xuất hiện khó, pháp hội Thánh chúng cũng khó. Nay con có chút ít điều nghi muốn hỏi, xin Phật thương dạy cho.

Phật bảo:

– Này Đại tiên! Cho phép ông hỏi, ta sẽ giải bày.

Tiên nhân Quảng Bác hỏi:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là bố thí? Gì là nghĩa bố thí? Thế nào là thí chủ? Thí chủ có nghĩa là gì? Thế nào là người bố thí chẳng gọi là thí chủ? Thế nào là thí chủ chẳng gọi là người bố thí? Bố thí thế nào để được phước báu nơi người thọ lãnh? Thế nào bố thí rồi, hoặc hiện đời, hoặc đời sau chứa nhóm thế nào?

Bạch Thế Tôn! Sau khi Đức Phật nhập diệt, cúng dường tháp miếu thì ai là người nhận thọ để được phước báo?

Đức Phật bảo:

– Này Đại tiên! Những điều ông hỏi rất là hy hữu, đó là ông muốn giác ngộ cho hàng mới phát tâm.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong đại chúng, tóc bạc mặt nhăn, lấy tay mặt đỡ lông mày nhìn hồi lâu rồi nói:

– Xưa kia tôi từng nghe người đời khen ngợi Tiên nhân Quảng Bác, sao hôm nay chẳng biết hỏi han như trẻ nít. Sao không hỏi những nghĩa thâm diệu về nhân duyên vô ngã, mà lại hỏi quả báo của sự bố thí.

Tôn giả A-nan đến lạy chân Đức Phật bạch:

– Bạch Thế Tôn! Tiên nhân ấy ham thích nơi bố thí, con xin được giải nói nghĩa bố thí cho ông ấy.

Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Nếu hỏi nơi Đức Như Lai mà hàng Thanh văn giải đáp thì chẳng phải là lời dạy của Như Lai.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nay Tiên nhân này có những điều nghi ngờ ấy, con xin giải đáp.

Đức Phật dạy:

– Không được, trong hàng Thanh văn ông là bậc Thượng thủ nhất, nếu ở trước ta mà ông giải đáp sẽ khiến các chúng sinh phải sa đọa ác thú, vì họ sẽ hủy báng rằng Như Lai chẳng phải bậc có trí tuệ quyết định, hoặc cho rằng Như Lai giác ngộ trọn vẹn rồi mà còn có ngã mạn.

Các Tỳ-kheo nghe Đức Phật nói như vậy rồi đều sinh lòng tin thanh tịnh bạch:

– Bạch Thế Tôn! Tiên nhân Quảng Bác có chỗ nghi hỏi, xin Phật giải đáp cho.

Đức Phật bảo Tiên nhân Quảng Bác:

– Đại tiên nay lắng nghe quả báo của bố thí và nghiệp nhân sai khác.

Nếu người nhận sự bố thí, thì có thể khiến thí chủ sinh được quả báo đó là nghĩa của bố thí. Nếu có chúng sinh nào tâm thanh tịnh đem của cải mình giao cho người chấp sự đem ra bố thí, người chủ của cải gọi là thí chủ, còn người chấp sự gọi là người bố thí. Nếu có người tâm thanh tịnh tự đem của cải ra bố thí, người này gọi là thí chủ mà cũng gọi là người bố thí.

Lại nữa, này Đại tiên! Có ba mươi hai hạng bố thí chẳng thanh tịnh, nay ông nên lắng nghe:

– Nếu có người thấy biết điên đảo mà bố thí thì chẳng gọi là tịnh thí. Bố thí vì báo ân, bố thí chẳng có lòng thương, bố thí vì sắc dục, đều chẳng gọi là tịnh thí. Hoặc bố thí trong lửa, bố thí trong nước cũng chẳng gọi là tịnh thí. Hoặc đe dọa mà bố thí, bố thí cho năm nhà, đem món độc bố thí, đem dao gậy binh khí bố thí, giết hại mà bố thí, đều chẳng gọi là tịnh thí. Hoặc để nhiếp phục người mà bố thí, vì khen ngợi mà bố thí, vì xướng ca kỹ nghệ mà bố thí, vì xem tướng mà bố thí, cầu trang sức đẹp mà bố thí, vì kết bằng hữu mà bố thí, đều chẳng gọi là tịnh thí. Hoặc chim thú vào nhà ăn mà chủ nhà không vui lòng thì chẳng gọi là tịnh thí. Vì học nghề mà bố thí, vì bệnh mà bố thí cho thầy thuốc, trước đánh mắng sau đem của cải bố thí, đều chẳng gọi là tịnh thí. Bố thí mà nghi ngờ được báo hay không được báo thì chẳng gọi là tịnh thí. Hoặc bố thí rồi mà trong lòng bực bội hối tiếc

thì chẳng gọi là tịnh thí. Bố thí mà nói người thọ lãnh sau sẽ làm trâu ngựa, súc vật cho tôi thì chẳng gọi là tịnh thí. Hoặc bố thí mà nói phước báo đây tôi sẽ được hưởng thọ thì chẳng gọi là tịnh thí. Hoặc người trẻ mạnh không lòng tin thanh tịnh, lúc sau bị bệnh khổ, hoặc sắp phải chết, thân thể đau khổ tay chân rời rã, sứ giả của vua Diêm-la vương đùa cợt trước mặt, quyến thuộc nhìn ngó khóc than, bấy giờ mới bố thí thì chẳng gọi là tịnh thí. Hoặc bố thí mà nghĩ rằng khiến các thành ấp khác biết tôi bố thí thì chẳng gọi là tịnh thí. Hoặc có lòng ganh ghét ngạo nghễ mà bố thí thì chẳng gọi là tịnh thí. Ham mộ nhà giàu sang, vì cầu hôn nhân nên đem vàng bạc lụa là bố thí thì chẳng gọi là tịnh thí. Hoặc cầu con trai, con gái và các duyên tạp khác mà bố thí thì chẳng gọi là tịnh thí. Hoặc suy nghĩ nay tôi bố thí đời sau sẽ được phước báo thì chẳng gọi là tịnh thí. Thấy người nghèo cùng chẳng thương xót, trái lại đem tiền của bố thí người giàu sang thì chẳng gọi là tịnh thí. Hoặc tham hoa quả mà bố thí thì chẳng gọi là tịnh thí.

Này Đại tiên! Ba mươi hai loại bố thí ái nhiễm ấy, dường như có người đem hạt giống tốt gieo trồng trên ruộng hoang xấu, nương nơi đất gặp mưa ướt chắc chắn sẽ nẩy mầm lên cây, nhưng thu hoạch ít về bông trái.

Tiên nhân Quảng Bác lại bạch:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là bố thí cho người trì giới người phá giới mà chẳng hư mất?

Đức Phật dạy:

– Này Đại tiên! Nếu có người tịnh tín nhân quả khởi lòng vui mừng vì các chúng sinh mà bố thí không hề hối tiếc cũng chẳng phân biệt là trì giới hay phá giới.

Lại nữa, này Đại tiên! Có năm loại bố thí gọi là bố thí lớn. Đó là bố thí đúng lúc, bố thí cho người hành đạo, người bệnh và người khám bệnh, người giảng thuyết chánh pháp, người đến nước khác.

Còn có năm loại, đó là bố thí chánh pháp, bố thí món ăn, chỗ ở, đèn sáng, hương hoa.

Tiên nhân Quảng Bác lại thưa:

– Bạch Thế Tôn! Những gì là thanh tịnh?

Đức Phật dạy:

– Này Đại tiên! Nếu người khởi lòng tin vì các chúng sinh có lòng thương xót hồi hướng Vô thượng Bồ-đề, với lòng thanh tịnh giải thoát thì được gọi là thanh tịnh.

Còn có năm loại bố thí vô thượng, đó là bố thí nơi Như Lai, nơi chúng Tăng, nơi người thuyết chánh pháp, nơi cha, nơi mẹ. Bố thí năm nơi ấy đều gọi là bố thí vô thượng.

Còn có các loại bố thí gọi là bố thí lớn, đó là bố thí cho quốc vương mất ngôi, người bị quan quyền bức bách không nơi nương cậy, người bị bệnh tật đau khổ, đều gọi là bố thí lớn.

Nếu gặp người bị tội sắp hành hình và người bị nạn nguy đến tánh mạng mà chịu bỏ mạng mình để cứu mạng sống cho người kia, đều gọi là bố thí lớn.

Hoặc nơi người tật bệnh mà bố thí thuốc men thì cũng gọi là bố thí lớn.

Hoặc nơi chúng Tăng đủ giới mà bố thí đúng lúc cũng gọi là bố thí lớn.

Hoặc bố thí cho người cầu trí tuệ cũng gọi là bố thí lớn.

Hoặc bố thí cho súc sinh, chim thú, các loài ếch nhái cũng gọi là bố thí lớn.

Hoặc bố thí cho kẻ thiếu kém khiến cho họ được no đủ cũng gọi là bố thí lớn.

Hoặc khuyên người khác bố thí thanh tịnh cùng tùy hỷ cũng gọi là bố thí lớn.

Lại nữa, này Đại tiên! Trước đây ông có hỏi sau khi Phật diệt độ, gieo trồng thế nào mà được phước báo?

Này Đại tiên! Chư Phật Như Lai đều là Pháp thân mà chẳng phải Sắc thân, hoặc Phật ở tại thế gian hay sau khi diệt độ, nếu có người cúng dường thì phước báo không khác.

Như Chuyển luân vương truyền lệnh khắp cõi nước không cho giết hại các chúng sinh, không được nói dối. Người trong nước hoặc chưa được thấy vua cũng chưa từng hầu gần, họ chỉ nghe lệnh vua truyền mà tuân hành, nhà vua đối với những người này ắt có lòng vui mừng, những người vì được vua vui mừng nên được sinh lên cõi trời. Còn những kẻ trái lệnh vua truyền thì phải đọa vào ác thú.

Này Đại tiên! Có người dù thấy thân ta mà họ chẳng giữ giới của ta dạy thì có lợi ích gì. Như Đề-bà-đạt-đa dù gặp được Phật mà ông ấy vẫn phải đọa địa ngục.

Trong đời sau, có người siêng thực hành đúng giáo pháp của Phật, người này rất hy hữu như đã được thấy Phật không khác.

Này Đại tiên! Như ông đã hỏi phước đức nhân duyên theo thí chủ chứa nhóm thế nào?

Này Đại tiên! Như bó lau sậy vì đốt cháy mà có lửa sáng, ngọn lửa sáng ấy không thể nói là chứa nhóm trong bó lau sậy. Cũng vậy, thí chủ chứa họp phước đức như bóng theo hình, không thể thấy được.

Như trái nho, cây mía lúc chưa ép thì không thấy được nước mật của nó, nhưng nước mật của nó không phải có ở nơi khác. Cũng vậy, quả báo phước đức chẳng thấy ở trong thân trong tay trong tâm của thí chủ, nhưng nó không rời lìa thí chủ.

Như hạt Ni-câu-luật-đà lúc chưa già chín thì không thấy có mộng mầm.

Như người buôn mang hàng đến bán nơi ấp thành lớn được lời lãi nhiều, phước đức của thí chủ cũng vậy.

Như bầy ong lấy mật hoa, như mây trùm trên không, nào có thấy có chứa có nhóm, mà lúc kết quả thì thành mật ngon, mưa nhuần phước đức quả báo của thí chủ cũng vậy.

Quảng Bác bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nghĩa sai biệt của sự bố thí con đã được nghe Đức Thế Tôn giảng giải.

Bạch Thế Tôn! Ở trong thân người, thần thức mến luyến như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Này Đại tiên! Như quốc vương ở trong thành lớn sợ có quân địch đến, nên lo đào hào đắp lũy tích tụ lương thực nuôi dạy quân tướng, dựng bày cờ xí tập luyện voi ngựa, dàn quân bày trận truyền lệnh dự bị chiến đấu, mặc áo giáp dày, cầm đao bén nghiêm hờ. Vì phước quốc vương hết nên thế giặc mạnh phải bị bại vong. Cũng vậy, thần thức ở trong thân người thấy sáu căn bị vô thường xâm hại, nên khởi tín tâm, phát chánh niệm, hành chánh pháp, điều phục ý tưởng tuyên cáo rằng: Nay có quân mạnh vô thường đến hại phải gấp mặc áo giáp bố thí, cầm gươm trí tuệ, mang cung tàm quý, dựng lũy cấm giới phòng ngăn. Quân mạnh vô thường lần lần bức bách sáu căn, thần thức ấy phải bỏ thân, như quốc vương hết phước phải bỏ thành đến ở thành khác.

Quảng Bác bạch:

– Bạch Thế Tôn! Làm thế nào biết là thành phước đức là thành chẳng phải phước đức mà con phải bỏ đi?

Đức Phật dạy:

– Này Đại tiên! Như có người đi thuyền lớn tốt để qua biển lớn, dù gặp cuồng phong sóng to, cá kình hung dữ nhưng nhờ thuyền vững nên đến được bờ kia. Đã an ổn rồi, người ấy tế tự đi nhiễu thuyền ba vòng cung kính xướng rằng: "Lành thay tôi nhờ thuyền này mà vượt được biển lớn".

Này Đại tiên! Cũng vậy, người có phước đức sau khi mạng chung tự suy nghĩ rằng: "Nay tôi được sinh lên cõi trời, thân người trước kia thực là chẳng uổng, nhờ thân người ấy mà tôi được khỏi đọa vào ác thú, lành thay thân trước rất đáng kính yêu".

Này Đại tiên! Như người đi thuyền hư mục để qua biển lớn, ở giữa biển bị chìm, bị lật, người ấy giận ghét nguyền rủa thuyền xấu. Cũng vậy, người tạo nghiệp ác không phước đức sau khi chết phải đọa ác thú, giận ghét mắng nhiếc thân trước, uổng công nuôi nấng nay phải khổ thế này, như đội cỏ dơ khô, như tằm làm kén tự quấn lấy thân, tự chuốc lấy họa.

Này Đại tiên! Người tạo phước đức ở thân kế sau, thần thức ở thai mẹ vừa được bảy ngày liền có thể nghĩ biết tôi từ nơi kia sinh vào đây. Vì có thiện nghiệp nên lòng vui mừng hay làm cho mẹ hiện ra ba tướng lành: Mặt mẹ luôn vui vẻ tươi đẹp, chân phải giẫm đất mạnh vững hơn trước, tay thường xoa hông phải, thích mặc y phục sạch sẽ thêm vẻ xinh đẹp.

Thần thức người gây nghiệp ác cũng ở trong thai bảy ngày tự nhớ nghĩ tôi từ nơi kia đã từng tạo tội ác, nghĩ rồi sinh lòng sầu não hay làm cho mẹ có các hiện tượng xấu, như thân thể hôi dơ gầy gò vàng bủng, như thường buồn bậc choáng váng ói mửa, tai họa cả nhà hoạn nạn bức khổ, như lúc sinh nở hoặc mẹ chết, hoặc con yểu.

Quảng Bác lại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Lúc thần thức mới nhập thai nếu có trí tuệ thì nghĩ nhớ biết những gì?

Đức Phật dạy:

– Này Đại tiên! Thần thức ấy lúc mới nhập thai thấy châu Diêm-phù có nhiều cung điện, ao hồ, vườn tược, rừng cây nơi nơi xinh đẹp, thân tộc tụ họp rất là vui vẻ. Nếu có trí tuệ cõi trời thì tùy niệm nhớ biết vô lượng trăm ngàn đời trước. Chỗ đó tôi sinh ra, người ấy là mẹ cả trăm lần sinh tôi, cả trăm đời nuôi nấng tôi, nghĩ như vậy rồi sinh lòng nhàm lìa, khổ thay, chết đi sống lại ở thế gian này như vậy đã đủ rồi, các cõi cực nhọc mong được vĩnh viễn thoát khỏi.

Quảng Bác hỏi Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thần thức ấy có tưởng nhàm lìa mong thoát ly như vậy, lẽ nào lại chẳng ra khỏi vòng sinh tử ư?

Đức Phật dạy:

– Này Đại tiên! Không thể được. Thần thức ấy không có tướng xuất ly mà được giải thoát thì không bao giờ có. Dù thần thức ấy ở trong sinh tử có quan niệm nhàm chán mong xa lìa, nhưng nó vẫn thọ sinh. Nếu không như vậy thì lẽ ra người tạo phước đức cùng kẻ tạo tội ác, tất cả đều hướng đến quả Niết-bàn.

Này Đại tiên! Như lời ông nói về thần thức suy nghĩ nhớ biết đó là thức hiện hành chớ chẳng phải trí hiện hành. Thức thì hay phân biệt, trí thì hay biết rõ. Thức cùng trí hòa hợp nhau thì mới có khả năng như lời ông nói.

Muốn tuyên lại nghĩa này, Đức Phật nói kệ rằng:

Hay ngừa các tội ác
Hoặc chứa nhiều phiền não
Biết là trí không trí
Là tuệ hay ngu si.
Thấy kiêu mạn vô minh
Thấy biết tất cả đó
Không bao giờ rời trí
Do trí nên biết rõ.
Thức trí chẳng rời nhau
Phật thường nói hòa hợp
Một bánh chẳng thành xe
Hai bánh cũng chẳng thành.
Cũng chẳng ngoài bánh xe
Cần có người và trâu
Gồm đủ căm và trục
Cũng đủ hai càng gọng
Vòng ách và dây cương
Mới được gọi là xe.
Thân thể cũng như vậy
Các giới hòa hợp sinh
Các căn đều đầy đủ
Do thức hay kéo dắt
Lóng đốt dính liền nhau
Gân mạch luôn khắp đủ
Sọ đầu trùm da tóc
Ruột phổi và tim gan

Tỳ vị hòa hợp nhau
Xây dựng nên thân giả.
Vua thức ở trong đó
Ngự trị điều khiển thân
Rõ biết các thể tánh
Gọi là thức trí chung.

Này Đại tiên! Thức ấy vi tế không thể do hình sắc thấy được, không có các căn chẳng lìa các căn. Nếu có người khiếp nhược hoặc hoảng sợ hoặc suy tưởng ngẫm nghĩ, đều là thức hiện hành chẳng phải tác dụng của trí.

Quảng Bác bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào quan sát chúng sinh từ loài địa ngục sinh nơi loài người, cho đến loài trời đến sinh loài người? Có những nghiệp nhân sai khác gì mà sinh loài trời, loài muông thú, loài ngạ quỷ và sinh loài địa ngục?

Đức Phật dạy:

– Này Tiên nhân! Bản tánh của chúng sinh chết đây sinh kia chỉ có Phật là thấy rõ, chẳng phải hàng ngũ thông Tiên nhân biết được, cũng chẳng phải hàng Người, hàng Trời, Phạm vương, Ma vương hoặc bậc Thanh văn, Duyên giác biết được.

Này Đại tiên! Nếu người nào lúc ở nơi pháp của Phật lìa được tham, sân, si phân biệt chứng Sơ quả, cảnh giới của người này còn chẳng phải hàng Đế Thích, hàng trời Na-la-diên cùng hàng ngũ thông Tiên nhân như các ông biết rõ được.

Nghe Đức Phật nói lời này, Tiên nhân Quảng Bác tự nghĩ rằng: "Thánh trí biết rõ nghiệp báo trong vòng luân hồi, thật ta chưa từng có".

Quảng Bác lạy dưới chân Đức Phật bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nay con già suy quên lãng chẳng thể đến được đạo quả, không có khả năng đảm nhiệm gánh nặng Bồ-đề, kể từ nay con và chúng đệ tử của con và hàng quyến thuộc quy y Phật, Pháp, Tăng. Ngưỡng mong Thế Tôn chỉ dạy cho được lợi ích vui mừng, do mặt trời Thánh trí thường ở thế gian trừ bỏ mê mờ phiền não. Lành thay Thế Tôn, xin Phật diễn nói về tất cả chúng sinh, sinh về cõi trời như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Đại tiên lắng nghe! Nay ta sẽ nói về việc ấy.

Nếu có chúng sinh nào bền vững trọn nên công hạnh bố thí tràng hoa

thơm xinh, người này ắt sinh về cõi trời Trì man. Lúc lâm chung, thân thể người này phát ra mùi thơm vi diệu và cảm hiện hoa tươi, lại tự thấy các thứ hoa nhiều màu rải trên thân mình, hoặc lại có thấy đền đài cung điện treo nhiều linh lục lạc châu báu, trang sức với các thứ hoa đẹp, trăm ngàn Thiên nữ ở trong ấy. Sau khi chết, người ấy thấy cha và mẹ trời Trì man hòa hợp như người Diêm-phù-đề, do ái phong thổi người ấy nhập vào thai tạng. Bấy giờ mẹ trời Trì man ấy mang thai bảy ngày, ở dưới nách phải sinh ra con trai. Vừa sinh xong, trước ngực con trai ấy có hoa duyệt ý cõi trời tự nhiên kết thành tràng đủ bảy màu, đó là những màu trắng, đen, vàng, đỏ, xanh biếc, hồng và đồng đỏ. Tràng hoa ấy có ánh sáng chói lòa, mùi thơm của hoa do gió đưa lan khắp một do-tuần, vì thế nên trời ấy gọi là trời Trì man. Trong cung có cây, nước mật nó thơm ngon như chất cam lộ. Trái cây trong vườn đủ tám mùi vị phẩm cao. Trời ấy toàn ăn thứ trái đó, không vật thực nào khác. Lúc cảm thấy đói, trái chín tự hiện ra trên cây. Mặt đất không có gai góc sạn sỏi, toàn là cỏ mềm hoa tươi trải khắp sạch sẽ. Hoặc có cung điện như khối hoa trắng, hoặc có cung điện vàng ròng dựng lên. Thiên nữ xinh đẹp cùng đùa vui dưới mái hiên. Trời Trì man thọ hai trăm năm cõi trời. Lúc trời ấy sắp mạng chung hiện ra hai hiện tượng: Cây trong vườn nhà lá thì héo úa, cành thì rủ xuống, bông hoa mất mùi thơm, tràng hoa trên thân bỗng nhiên héo vàng, gió mát biến thành gió nóng độc, muốn bỏ cung điện nguy nga mà đi. Bấy giờ các Thiên nữ thấy điềm xấu này, cùng nhau vây quanh trời ấy mà kêu khóc rằng, khổ thay cho vô thường không chút xót thương nơi người mà chúng tôi yêu quý bắt lấy chẳng cho tự do, giây lát đây sẽ bỏ lìa chúng tôi. Lúc ấy Thiên tử Trì man đó lần bị bệnh, nóng sốt càng tăng cả thân hiện ra ánh lửa, dù vậy nhưng nội tâm không cảm thấy nóng bức mà vẫn khoái lạc, rời cõi trời sinh vào nhân gian. Ở trong thai thần thức ấy có thể làm cho mẹ thích tràng hoa thơm và các thứ trái ngọt, thường chiêm bao thấy thành ấp chợ búa trang nghiêm đông đúc, khắp nơi giăng rủ chuỗi hoa. Khi đã sinh ra, thân hình sáng đẹp, ưa thích y phục sạch sẽ và tràng hoa xinh tươi, thích đến thân thuộc bạn bè, say mê dục lạc mến yêu nữ sắc, những món y phục quý vườn hoa bông trái không gì chẳng ham, thấy người giàu sang lại càng vui mừng.

Lại nữa, này Đại tiên! Người hướng về trời Tứ Thiên vương thì như sau đây: Nếu có người thấy kẻ nghèo cùng người bệnh tật, bố thí cho ăn uống y phục, thuốc men, hoặc đào ao giếng để bố thí. Lúc lâm chung, thân người ấy không ốm gầy, không thay đổi sắc, mình không hôi hám, tiếng không khàn tắt, không đại tiểu tiện mất tự chủ, các căn không hư tổn có thể thấy tự mình ở trong chúng trời. Sau khi mạng chung thi thể giống như màu

hoa sen hồng, miệng thoảng mùi thơm, lại còn có gió mát thổi hoa thơm phất trên thi thể. Lúc ấy thần thức thấy trời Tứ Thiên vương, cha mẹ vui vầy giao du say đắm tình ái, thiên phụ dùng bàn tay phải xoa lưng Thiên mẫu, liền thọ thai vào nơi vế mẹ, sau bảy ngày thì sinh thân trời đầy đủ các thứ trang sức.

Này Đại tiên! Địa xứ của trời Tứ Thiên vương ngang rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần, hoàng kim, bạch ngân, lưu ly, pha lê xen lẫn trang sức, trong cung điện trời Tứ Thiên vương có hàng trăm ngàn Thiên nữ, trăm ngàn thứ bông trái lớn như hình tượng người đầy trong các khu vườn, ánh sáng ma-ni trời thường chiếu sáng cõi ấy, cành nhánh rừng cây rủ y phục Kiếp-ba và lụa hàng vi diệu. Những cây ấy đều xanh tươi ai xem cũng thích, nơi các đền điện treo đầy nhạc cụ, tiếng tiêu, tiếng sáo tự nhiên phát ra. Các Thiên đồng tử chỉ có một việc là vò vắt món ăn. Cơm ấy thơm ngon, màu như hoa sen hồng, mùi vị hơn cả chất cam lộ, bát đĩa đựng toàn bằng hai chất hoàng kim và bạch ngân, tùy ý thích ưa món ăn đẹp thơm ngon ngọt tự nhiên hiện ra trong ấy. Còn có rượu trời tên là Hoa tửu thơm lạnh đặc biệt, nếu có ai ngửi cũng tự nhiên say. Mỗi Thiên tử trời Tứ Thiên vương đều có thẩm điện riêng tên là Sơ thu, có cả trăm ngàn cây Sa-lan-kê hợp trùm che kín phía trên. Khắp nơi rũ những dây hoa vàng bạc châu báu, còn có các loại giường ghế màn thảm sáng đẹp mịn nhuyễn, có sáu vạn Thiên nữ dung nhan xinh đẹp, y phục sáng bóng, tiếng nói thánh thót, âm vận hợp với Thiên nhạc, các Thiên nữ này được các nhạc thần chỉ dạy nên lúc ca, lúc vũ, khi nói cười khi đi đứng có thể làm cho người thấy phải luyến ái. Trước cung điện có dựng cột phướn trang nghiêm với những vàng bạc gấm lụa, treo phan báu phất phơ theo gió.

Cõi ấy có bốn Thiên vương là Trì Quốc Thiên vương, Tăng Trưởng Thiên vương, Quảng Mục Thiên vương và Đa Văn Thiên vương. Bốn Thiên vương ở cõi trời ấy thường tụ họp các Thiên tử yến ẩm vui vầy. Các Thiên tử cõi trời Tứ Thiên vương sống năm trăm tuổi, tính theo năm cõi trời, không có ai bị chết yểu giữa chừng.

Này Đại tiên! Lúc Thiên tử cõi trời Tứ Thiên vương mãn tuổi thọ sắp chết thì có ba điềm hiện ra: một là mất ánh sáng nơi thân, hai là tràng hoa đeo không còn mùi thơm, ba là chẳng thích nghe các Thiên nữ hòa tấu kỹ nhạc, cũng không thích dạo chơi trong vườn hoa, trên thân thì y phục nhơ bẩn, tràng hoa héo úa, mồ hôi rịn chảy, hai mắt khô rát nhìn lại các món thường ngày thích ngắm nhìn càng thêm mê muội, như cá dưới nước bắt để trên đất nắng mùa hạ, bị nóng bức quá nên lăn lộn trên đất. Các Thiên nữ

thấy Thiên tử ấy sầu khổ như vậy cùng đến vây quanh cùng nhau than khóc:

– Khổ thay, khổ thay! Người mà chúng ta mến yêu sao lại đến thế này, trước kia vui sướng nay thành sầu khổ, ngày nay sao đành bỏ ta cùng những chỗ vui chơi này.

Các Thiên nữ nói kệ than:

Các món vật trang nghiêm
Chỗ của ngài vui chơi
Cung thành phước đức lớn
Lâu đài khắp bốn mặt
Thiên nữ thường đông đúc
Vườn rừng luôn sum suê
Sao ngài đành bỏ hết
Khổ thay cho vô thường.

Các Thiên nữ nói kệ xong nhìn nhau nghẹn ngào, tay mặt cầm hoa tươi rải lên mình Thiên tử ấy mà nói:

– Ngài có đủ phước sẽ sinh nhân gian, nơi ấy là phước địa phải có lòng tin gieo lấy giống lành.

Bấy giờ Thiên tử ấy thấy các Thiên nữ đều xa bỏ mình nên lòng càng thêm bứt rứt, thân tâm nóng bức như nhiều những giọt dầu lên sắt nóng đỏ vụt tự tiêu diệt còn thừa chút khói tro lại bị gió nghiệp thổi tan, như lân hư trần chia làm ngàn ức phần không còn thấy được. Thần thức của Thiên tử ấy từ cõi trời giáng xuống nhân gian thấy cha mẹ hòa hợp sinh lòng vui thích liền nhập vào thai tạng. Vừa có thai mẹ liền xảy ra những việc như: Ăn uống thêm nhiều, không ăn món máu thịt, ưa mặc y phục có bông hoa và thích nơi tụ hội đông người, đối với hàng thân thuộc bạn bè thì thương mến hơn trước. Dù bụng mang thai con mà không hề khó chịu, miệng không chảy nước dãi, thân không nặng nhọc. Sau khi sinh ra, đứa trai ấy tướng người đoan nghiêm, mắt nó xanh biếc như trời xanh, ai thấy nó đều thích. Đứa con trai này nghe nói những sự việc trời Tứ Thiên vương ở cõi trên thì vui mừng lắm. Nó thường ưa bố thí, ưa mặc y phục thơm tho, tánh ham ưa ăn uống, thích ca múa cùng lưu luyến vườn rừng nữ sắc.

Này Đại tiên! Nếu có người nào do lòng tin thanh tịnh mà xa rời sự sát hại và trộm cướp, mang món ăn uống đồ dùng tốt, mang những y phục và của tiền châu báu để cúng dường bố thí, thành kính mang hoa hương cúng dường tháp Phật, người này lúc lâm chung thân không bệnh khổ, không nhơ không hôi, chánh niệm không quên, sắc mặt như màu hoàng kim, sống mũi chẳng xẹp gãy, tâm không nhiệt não, cổ họng không bế tắc

cũng không khò khè, chẳng bị gió nghiệp bức bách, tiếng nói chẳng khàn chẳng ngọng, ngủ ăn bình thường.

Đại tiên nên biết! Người lành trên đây thì các thứ độc không hại được, ăn uống tiêu hóa cùng những sự tổn thương chết yểu cùng tai nạn đều đã xa lìa.

Lúc chết, thần thức người này vì là thần thức cõi trời nên thấy lầu đài trời Tam thập tam hình tượng cá Ma-kiệt bằng hoàng kim trang nghiêm, các cột cổng nhà, mặt đất là chiên-đàn tốt, nước thơm rưới lên, đất ấy mềm dịu sạch sẽ trắng hơn sương tuyết sạch như chuỗi ngọc. Cây hương huỳnh đàn đèn đuốc bằng châu báu cõi trời bày hàng xen lẫn. Các Thiên nữ, Thiên tử vui đùa trong các khu vườn.

Thấy cảnh trời trên đây, thần thức sinh lòng vui thích liền nhập vào tay Thiên mẫu làm thành thai tạng. Lúc ấy bàn tay mẹ do đó mà sinh ra hoa cầm đưa Thiên phụ coi cùng nhau vui mừng. Thiên mẫu lại lấy hai tay xoa nâng bông hoa ấy, Thiên tử liền sinh ra. Thiên mẫu nói với Thiên phụ nay tôi sinh ra một Thiên tử làm cho giống lành càng thêm mạnh. Rồi liền tụ hội chư Thiên để làm lễ khánh hạ.

Sau khi sinh được bảy ngày, Thiên đồng tử ấy có đủ tướng người cõi trời Tam thập tam, nhớ biết đời trước từ chỗ đó chết sinh đến nơi đây, người đó là cha ta, người đó là mẹ ta, ta đã từng làm điều thiện đó, nghĩ nhớ như vậy rồi sinh lòng vui mừng liền ở nơi năm dục sinh lòng say đắm ưa thích, cung điện vườn rừng cõi trời tự nhiên hiện ra. Cánh tay của Thiên đồng tử ấy suông như vòi voi, ngực cao đầy như ngực sư tử, hai vế tròn trịa như thân cây chuối, da thịt sáng bóng sạch sẽ không có tàn nhang, không có nốt ruồi đen, không có lông mọc tạp, không có chút hôi hám, toàn thân thoảng ra mùi thơm vi diệu. Tất cả y phục nhẹ kín chuỗi ngọc tràng hoa cõi trời đều chẳng cần tìm tự nhiên hiện đủ trên thân. Bấy giờ trong cung điện ấy không có Thiên tử, chỉ có những Thiên nữ, họ thấy Thiên đồng tử liền đến vây quanh đồng nói rằng: "Lành thay! Ngài đến đây rất tốt, cung điện này thuộc về ngài, chúng Thiên nữ các em đây trước nay không nơi nương tựa xin được theo hầu ngài". Các Thiên nữ này đều là thanh niên, vú như bình hoàng kim, gương mặt như hoa sen hồng. Sáu vạn Thiên nữ như vậy đưa Thiên đồng tử vào vườn toàn cây Câu-tỳ-la cõi trời sum suê tươi tốt, các thứ nhạc trời, tiếng tiêu tiếng sáo, tiếng trống tiếng đàn tự nhiên phát ra, âm thanh vi diệu người nghe khoan khoái. Lại có tòa Sư tử nghiêm sức với các tràng chuỗi ngọc châu lót bằng gấm lụa. Thiên đồng tử thấy những cảnh nghiêm trang xinh đẹp này liền lên ngồi trên tòa Sư tử như vua quán đảnh.

Lúc Thiên tử ngồi xong thì các thứ trân ngoạn tự nhiên phát ra tiếng rằng, người lành này từ châu Diêm-phù-đề do làm phước trời nên sinh nơi đây, mọi người đều nên đến hầu hạ ngài, đàn hát ca múa làm cho ngài vui vẻ không chán.

Âm thanh ấy phát ra rồi thì trong vườn rừng cung điện tất cả sáu vạn Thiên nữ tay cầm hoa trời, mình mặc y phục trời, hơi thơm từ thân Thiên nữ phát ra như mùi rượu nho, rượu mật, rượu hoa, ngửi mùi hương ấy làm cho người phải say mê. Các Thiên nữ đồng thanh nói: "Ngài đã có chứa phước trời, chúng em xin được phụng sự ngài".

Bấy giờ Thiên tử cùng hàng Thiên nữ dạo chơi trong các khu rừng hoan hỷ, rừng tạp hoa, rừng viên ngọc, rừng cực quang nghiêm, rừng nhật cung viên, cũng dạo chơi nơi các khu vườn tiếng suối reo, vườn tiếng âm nhạc. Các rừng các vườn ấy mát mẻ xinh tươi, không có gió xấu, mùi hoa ngào ngạt, chiếu sáng khắp nơi bằng châu ma-ni bảo xanh, có những điểu vương hót tiếng vi diệu, lông chim ấy chiếu rực như khối châu báu, mỏ chim bằng phệ-lưu-ly cõi trời, các chim bay liệng đầy khắp vườn rừng.

Này Đại tiên! Cõi trời Tam thập tam có ao nước đủ tám công đức theo tháng mà đầy vơi. Nước ao không hề bẩn, luôn trong sạch mát mẻ. Trong ao có những cây hoa thơm bá diệp. Bờ ao có cây ngay hàng, đầy những hoa đẹp. Những ao nước này là nơi mà các Thiên nữ thường đến tắm rửa vui đùa.

Đến giờ ăn thì những bát đĩa bằng châu báu tự nhiên xuất hiện tùy theo ý muốn, các món ăn màu sắc đẹp thơm như hoa câu-ma, trắng hơn ngọc tuyết, có tên là thiên cam lộ. Món ăn ấy đủ mùi thơm ngon cũng dễ tiêu hóa, không hề có vị cay chua đắng chát.

Này Đại tiên! Có hạng trời báo chẳng được thuần nên dù là đồng trong một bát ăn mà hoặc tự cảm thấy màu xanh màu đỏ, hoặc thấy cả màu vàng màu đen hoặc nhiều màu lẫn lộn. Thân hình trời thì không khác nhau mà món ăn có sai khác. Nên biết những hạng trời này đời trước ở nhân gian dù có bố thí, nhưng sau khi bố thí rồi lại ăn năn có lòng hối tiếc nên cảm báo như vậy.

Này Đại tiên! Cõi trời Tam thập tam lại còn có những khu vườn tên là Hợp hôn, cây trái trong đó luôn sum suê. Nơi ấy là chỗ ở của các hàng ly dục tịch tĩnh. Những Thiên tử cùng Thiên nữ mà vào vườn ấy đều chẳng phải vì thích ưa dục lạc.

Này Đại tiên! Đệ tử của ta, bậc Thanh văn cao nhất là Kiều-phạm-bát-đề hiện tại ở tại vườn Hợp hôn ấy. Kiều-phạm-bát-đề là con trai dòng

Bà-la-môn thanh tịnh, trụ trong thiền định Từ bi, dùng Từ tâm Tam-muội mở mắt Từ bi, mỗi lần nhập định là bảy ngày làm hạn mới hiện có hơi thở ra thở vào. Lúc ông ấy nhập định theo ý muốn có gió mát thổi đến. Giả sử có kiếp hỏa đốt cháy đại địa thành một khối lửa lớn, nhưng với thân nhập thiền định của ông ấy chẳng thể làm tổn hại được phần nhỏ như hạt cải.

Thân thể nhập thiền định của Kiều-phạm-bát-đề thường vững vàng như tòa núi Di-lâu.

Nan-đà long vương và Bạt-nan-đà long vương có oai lực lớn phun hơi rất mãnh liệt có thể làm cho núi Di-lâu lay động khua ra tiếng, nước bốn biển lớn biến làm vị mặn. Giả sử hai Long vương này dùng hết thế lực mình có cũng không thể làm nhiễu loạn được Kiều-phạm-bát-đề lúc ông này nhập thiền định.

Này Đại tiên! Kiều-phạm-bát-đề, đệ tử của ta, ở rừng Hợp hôn, các Thiên nữ dù say ái dục mà khi thấy Tôn giả này liền sinh lòng thanh tịnh, đem hoa Mạn-đà-la và những hoa sen đến chắp tay cung kính cúng dường. Các Thiên tử trời Tam thập tam cũng đến vây quanh mang thiên cam lộ đến dâng cúng. Tôn giả Kiều-phạm-bát-đề ở rừng Hiệp hôn nói những Khế kinh, như Trường hàng, Kệ, Trùng tụng, Vị tằng hữu, Vô vấn tự thuyết, Bản sinh, Bản sự, Nhân duyên, Luận nghị, Phương quảng, Thí dụ và Thọ ký. Hàng Thiên tử và Thiên nữ ấy nghe Tôn giả thuyết pháp không ai là chẳng ân cần cung kính tôn trọng.

Còn nữa, này Đại tiên! Trời Tam thập tam có nhà tụ hội. Nhà ấy có bốn vạn tám ngàn cột, toàn làm bằng những hoàng kim bạch ngân, ngọc xa cừ, ngọc mã não cùng với lõi cây chiên-đàn, treo linh thòng lạc vang ra tiếng vi diệu. Trải khắp thiên y, dựng những tràng phan, tiếng nhạc như tiếng tiêu, tiếng sáo, tiếng không hầu, tiếng đàn cầm đàn sắc, tiếng loa tiếng trống, tiếng chiêng tiếng phèn la, các âm thanh vi diệu tự nhiên phát ra làm vui đẹp người nghe. Các Thiên tử, Thiên nữ yêu kính nhau vui mừng gặp gỡ thường tụ họp nơi hội đường ấy. Trong hội đường dùng châu ma-ni bảo để trang sức, mặt đất lót bằng lưu ly trong sáng nhuần bóng sạch sẽ trơn láng như gương, những hương xoa, hương bột cùng các thứ hoa đẹp rải khắp mọi nơi, ở trong ấy không có ai hôn mê ngủ gật, cũng không có ý tưởng biếng lười, gió nhẹ thơm mát phảng phất khắp nơi.

Này Đại tiên! Trời Tam thập tam ấy khắp nơi đều có lầu các bằng châu báu như gỗ quý chiên-đàn giăng màn lưới báu, treo nhiều chuỗi ngọc châu trải khắp hoa thơm. Có trăm ngàn Thiên nữ dù say mê ái dục mà không

hề tật đố, không ghen hờn không cãi không giành, thường hòa thuận nhau. Thiên nữ ấy diện mạo xinh đẹp như trăng tròn sáng, tràng hoa và châu báu nghiêm sức trên đầu trên thân, giọng nói thanh tịnh tiếng ca vi diệu qua lại không ngớt.

Lại nữa, này Đại tiên! Hội đường của trời Tam thập tam ngay ngắn rộng rãi. Hiên đài rộng cao mát như bóng mây. Bốn phía hội đường còn có vườn đều rộng trăm do-tuần, trong vườn nhiều hoa sen tươi màu hoàng kim, trong hoa vang ra tiếng ca vi diệu làm người nghe đều vui đẹp. Ngoài vườn có lùm rừng toàn những cây cõi trời như những cây Câu-ca-na-đà, những cây Ba-lợi-dã-đa, những cây Câu-tỳ-đà-la.

Này Đại tiên! Hội đường Thiện pháp ấy, tất cả những vật trang sức trân ngoạn đều là những khối hoàng kim bạch ngân, những khối ngọc lưu ly, ngọc pha lê, ngọc xa cừ, ngọc mã não và ngọc xích chân châu. Đền đài cũng là khối bảy thứ báu ấy. Kho tàng thì đầy những trân kỳ bảo vật.

Các cung điện đến số trăm ngàn. Vườn tược rừng cây trang sức châu báu liên tiếp xa gần.

Cõi ấy thường nghe sự an vui không hề có sầu khổ, bệnh tật cũng không có họa hoạn.

Các Thiên tử và Thiên nữ trời Tam thập tam vui chơi nơi các khu vườn rừng ấy xong thì họp nhau tại hội đường Thiện pháp ấy để cùng hưởng vui sướng.

Lại nữa, này Đại tiên! Trời Tam thập tam còn có cung điện riêng tên là Thiện kiến. Hội đường Thiện kiến này sáng như giữa ban ngày, sạch trong như gương sáng, vòng quanh bốn phía nhà đều dùng dây châu báu giăng treo trang sức.

Trong hội trường này có một ngàn Thiên nữ, trên mão trang sức bằng những hoa bảy báu, chuỗi châu ngọc chiếu rực rỡ, the chỉ hoàng kim bao trùm.

Đền Thiện kiến ấy có sáu vạn cột, trính kèo cột chói sáng lẫn nhau, trùng trùng điệp điệp những trân kỳ xen lẫn để trang sức. Sơn phết thì màu đỏ thắm, rải đất thì dùng nước chiên-đàn nước trầm hương cùng hương tô hợp thành mùi thơm ngào ngạt.

Nơi ấy voi ngựa xe cộ qua lại tung bay bụi hoàng kim làm cho nơi nơi thành màu hoàng kim.

Thiên đế Thích Đề-hoàn Nhân tay cầm chày Kim cang, có trăm ngàn Thiên nữ theo hầu, đến vào đền báu ấy cùng thưởng ngoạn vui chơi.

Này Đại tiên! Phải biết trong cõi trời Tam thập tam có Thiên vương tên Nhân-đà-la, có sức dũng kiện địch nổi chín ngàn voi lớn. Thiên vương ấy cánh tay duỗi xuống đẹp như vòi voi trời, thân thể như vàng hoàng kim sáng láng. Gân thịt mịn màng rắn chắc, xương cốt và mạch máu không lộ bày, ngực tròn như ngực sư tử chúa, bụng thon, eo lưng nhỏ nhắn. Trên đầu trang sức với những châu báu ngọc quý xâu bằng chỉ hoàng kim buông rũ chiếu sáng. Y phục thướt tha mềm mại, tiếng nói trong trẻo, từ lâu đã thông thuộc và soạn tác những sách luận, khi ăn thì thuần là món cam lộ cõi trời, khi đi thì ngồi voi Y-bạt-la.

Này Đại tiên! Sắc thân khỏe đẹp của Thiên vương Nhân-đà-la ấy chẳng phải là xương thịt thường, mà thuần như hoa báu hợp thành, giọng nói trong trẻo, hơi người thoát ra mùi thơm kỳ lạ. Giả sử như voi say cuồng ngửi được hơi thơm nơi thân Thiên vương ấy thoảng ra thì nó tự điều thiện. Thiên vương ấy hình mạo đoan nghiêm như thân Phật, màu sắc cùng ánh sáng ấy có thể làm cho khối hoàng kim để gần phải mất cả màu sáng vàng chói.

Quảng Bác nói:

– Bạch Thế Tôn! Như Lai hôm nay khen ngợi Thiên đế thật là hy hữu.

Đức Phật nói:

– Này Đại tiên! Thân của Thiên đế ấy là thân vô thường, là thân hạ liệt nào đáng khen ngợi. Thân ấy như những thứ kết bằng cỏ bở, như hoa nhờ kéo hớt, như hình tranh của họa sĩ, cũng như tượng gỗ của thợ điêu khắc, lại cũng như kết hoa làm tràng nào được bền lâu.

Này Đại tiên! Đệ tử có thần thông của Phật như ông A-na-luật, chỉ nương nơi nơi thân do cha mẹ sinh ra, lấy sức mạnh nơi mỗi lóng đốt so với Thiên đế còn hơn gấp bội phần.

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật hiện đang ngồi trong pháp hội nghe lời Đức Phật nói như vậy thì tự nghĩ rằng: "Nay Đức Thế Tôn có ý giác ngộ tôi". Nghĩ xong, Tôn giả liền nhập Tam-muội, thân chiếu sáng như hoàng kim cõi trời, đội mão thù thắng ánh sáng châu ngọc rực rỡ, mặt bóng mịn hơn thoa đề hồ, cặp mắt xanh biếc như ngọc phệ lưu ly. Cánh tay trang sức với châu ma-ni, châu mã não và châu nhật quang. Ánh sáng và hơi thơm từ thân lan tỏa khắp nơi.

Tiên nhân Quảng Bác thấy thân tướng này lòng rất kinh ngạc liền đứng dậy chắp tay cung kính chiêm ngưỡng cho là ít có, to tiếng xướng lên rằng:

– Lạ thay, lành thay! Tôi được thân người thật là chẳng uổng. Nay gặp Đức Thế Tôn phát huy tụ hội xưa chưa từng thấy mà nay được nghe thấy.

Đức Phật hỏi:

– Này Đại tiên! Thân Thiên đế ấy cùng thân của A-na-luật hơn kém thế nào?

Quảng Bác nói:

– Bạch Thế Tôn! Nếu đem so với thân Tôn giả A-na-luật đây thì thân Thiên đế ấy không bằng một phần trăm cũng không bằng một phần ngàn.

Đức Phật dạy:

– Này Đại tiên! Với thân thể này chẳng đủ cho là hy hữu. Vì người đã có phước đức thì tùy ý mình muốn đều được thành tựu thân thể theo sở nguyện cả.

Lúc bấy giờ chúng hội sinh lòng vui mừng chưa từng có bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Xin Phật vì chúng tôi mà lại giảng nói về cõi trời.

Đức Phật dạy:

– Này Đại tiên! Trời Tam thập tam ấy, Thiên đế có bà phu nhân tên là Xá-chi. Bà ấy ở vườn hoan hỷ có trăm ngàn Thiên nữ hầu hạ. Bà phu nhân ấy dung nhan đẹp lạ như bông hoa nở, má như cánh sen hồng, mặt như màu hoàng kim. Bà ấy mặc y phục mịn nhuyễn tươi sáng, hoa báu vi diệu trời trang sức trên đầu, buông những chuỗi châu báu những bội ngọc quý khi lúc lay động khua vang tiếng vi diệu. Trán bà ấy rộng bằng ngay thẳng rủ the lượt hoàng kim, cặp mắt dài nhọn như hoa sắp nở, thân hình bà ấy chẳng mập chẳng ốm chẳng cao chẳng thấp, thể chất thơm sạch không có bẩn xấu. Thường có gió đưa hoa đẹp đến kết thành lọng che. Đối với Thiên đế, bà ấy một lòng chân thành vững chắc không hề hờn giận tranh cãi. Bà ấy cũng không có sự lo về thai nghén.

Đại tiên nên biết! Bà phu nhân Xá-chi ấy say mê ân ái nặng hơn các Thiên nữ khác, bà ấy chí ý kiêu căng còn hơn núi Di-lâu, núi Mạn-đà rậm rạp khó ngước nhìn. Dù vậy, bà phu nhân ấy vẫn có thể phát huy chủng tánh Phật.

Này Đại tiên! Trời Tam thập tam không có những khổ nạn xen tạp, chỉ thuần vui sướng chơi đùa trong các cung điện vườn rừng.

Này Đại tiên! Thọ mạng của trời Tam thập tam là một ngàn tuổi tính theo năm của trời ấy. Lúc người trời ấy sắp lâm chung có năm hiện tượng

xấu.

Nơi ao hồ trong mát làm người tắm vui thích, gió nhẹ thổi các hoa đẹp thơm tươi sáng lung lay tỏa hương thơm, mà nay đối với vị trời ấy lúc sắp sửa tắm rửa liền biến thành mỡ nhớt. Vị trời ấy thấy vậy kinh sợ nhảy lên khỏi nước bẩn chạy vào rừng, các Thiên nữ theo hầu thấy Thiên tử ấy hoảng sợ như vậy cũng cùng nhau chạy đuổi theo. Vị trời ấy dừng ở dưới cội cây buồn rầu nghẹn ngào. Chúng Thiên nữ đồng tiếng nói sao ngài lại vội rời bỏ chúng em mà đứng một mình ở đây?

Vị Thiên tử ấy tiếng nói càng lúc càng thảm thiết bảo các Thiên nữ:

– Từ nào đến giờ chưa từng có chất nhờn bẩn hiện ra trên thân ta.

Vừa nói lời trên xong thì hai nách vị trời ấy bỗng nhiên chảy mồ hôi. Chúng Thiên nữ thấy hiện tượng xấu nhơ ấy liền lánh xa. Đây là tướng suy xấu thứ nhất.

Vị Thiên tử này thấy chúng Thiên nữ lánh xa mình thì rầu rĩ buồn khổ trong lòng thêm nhiệt não. Tràng hoa trên đầu bỗng nhiên úa héo, y phục trời đang mặc cũng thình lình dơ bẩn, không còn thích những trân ngoạn giường ghế báu quý trước. Các Thiên nữ thấy tướng xấu ấy biết là hiện tượng sắp chết vì gớm hơi hôi hám, nên đều lánh xa, chỉ có vói nhìn Thiên tử ấy phát tiếng kêu khóc luyến tiếc nghẹn ngào than:

– Thân trời mịn nhuyễn thơm lành trước kia cùng chúng tôi vui chơi yến ẩm dạo đi trong vườn rừng, cũng cùng chúng tôi tắm lội trong ao hồ mát trong, cũng cùng chúng tôi hội họp nơi nhà Thiện pháp như vua ngỗng, cũng cùng chúng tôi vui đùa trong vườn Hoan hỷ như chim Ca-lan, cùng chúng tôi dạo đi trên sông Mạn-đà như hương tượng, cùng chúng tôi ở vườn Ba-gia và vườn Câu-la như phong vương, cùng chúng tôi ở rừng tạp thụ như mão trời quý đẹp, nay sao lại hiện năm tướng suy sẽ rời bỏ chúng tôi mà đi. Đây là tướng suy xấu thứ hai hiện ra.

Bấy giờ vị Thiên tử ấy nghe tiếng than khóc của chúng Thiên nữ nên càng thêm tức giận, lòng sinh sợ hãi, bèn bị bệnh nhiệt thiêu đốt cả thân mình khô héo, đôi mắt kinh hoàng như nhà đi buôn bị lạc mất đoàn buôn, như ghe thuyền hư bể giữa biển lớn, như người đánh mất châu như ý, như cội cây mục trên ghành núi cao bị ngọn gió lớn thổi lay, như rồng con bị chim kim sí bắt ngậm nơi miệng. Vị Thiên tử ấy kinh sợ hãi hùng chắp tay với nói với chúng Thiên nữ:

– Các nàng đến đây, xin được tay các nàng xoa bóp cho tôi được sống thêm chốc lát.

Dù nghe vị Thiên tử ấy nói như vậy nhưng chúng Thiên nữ không ai

dám đến gần vì gớm mùi hôi hám, chỉ có đứng xa nhìn mà kêu khóc. Chúng Thiên nữ ấy đều cầm các thứ hoa vói ném mà nói:

– Phước trời của ngài đã hết, ngài mau sinh vào Diêm-phù-đề đi.

Nghe lời nói của chúng Thiên nữ, vị Thiên tử ấy biết là họ đã xa bỏ mình nên thán oán:

– Lạ thay tại sao từ lâu trong lâu đài các thứ ngoạn cụ cùng vườn tược này, chúng Thiên nữ ấy cùng tôi sum họp hưởng lạc, mà nay họ lại tránh xa bảo với với tôi là ngài nên mau sinh vào Diêm-phù-đề đi.

Than nói lời trên rồi, nhìn lại cảnh tượng đang ở và các khu vườn trang nghiêm xinh đẹp mà mình đã từng dạo chơi hằng ngày, trong lòng luyến ái buồn thương, vị Thiên tử ấy cất tiếng nói lớn:

– Than ôi nào là hội đường Thiện pháp, than ôi nào là vườn Hoan hỷ, vườn Tạp thụ, vườn Hoàng viêm thạch, vườn Ba-lộ-sa, vườn Ba-lê-gia, vườn Quang thắng, than ôi nào là sông Mạn-đà, ao Thanh lương, than ôi nào là cung ngọc đền vàng, lầu châu các báu, nay tôi đều không còn thọ hưởng được, từ đây phải đọa lạc.

Than nói chưa xong, lại thấy chúng Thiên nữ kinh hoàng đi qua đi lại, tay thì lau nước mắt sụt sùi than thở lộ vẻ lo sợ, bèn than:

– Than ôi nào người thân nào người yêu, tại sao họ thấy tôi sắp chết mà họ không chuyện trò với tôi, tôi đang sắp sửa vĩnh biệt mà họ không chịu tiếp cận tôi để giã biệt, tôi cùng chúng nó sẽ không còn thấy lại nhau. Nay tôi phước trời đã hết nên tự thấy chỗ ở này tối om trống vắng. Than ôi nhạc trời có lẽ không hòa tấu chăng, tại sao tôi không còn nghe. Trong cõi trời này sự vui sướng cao độ nhất, tất cả hàng Thiên tử cùng chúng Càn-thát-bà chư Thần phục vụ tôi, cùng thần tướng sắc đẹp mạnh mẽ cầm chày Kim cang, thần tướng ngàn mắt, than ôi nay tôi không còn được thấy được hưởng. Than ôi cho các thứ hoa trời, nào là hoa Ba-lợi-gia, hoa câu-tỳ-la ở trên đầu tôi sao nó lại héo úa.

Chúng Thiên tử, Thiên nữ thấy vị Thiên tử ấy buồn rầu như vậy thảy đều lo sầu.

Bấy giờ, Thiên đế Thích Đề-hoàn Nhân và phu nhân Xá-chi cùng trăm ngàn chúng Thiên tử, Thiên nữ, thần Càn-thát-bà tấu âm nhạc trời vây đoàn du hành, thấy vị Thiên tử ấy hiện năm tướng suy xấu sắp chết đều sinh lòng thương xót mà đồng than:

– Than ôi! Lạ thay cho vô thường kia không chút tình thương rất hung bạo độc hại.

Thiên đế Thích Đề-hoàn Nhân dùng Phạm âm thanh bảo vị Thiên tử ấy:

– Thôi đi Thiên tử, người chớ quá sầu não, chúng ta rồi đây cũng sẽ như thế này thôi. Ngươi chớ sinh lòng luyến ái mà phải đọa vào ác thú.

Chúng Thiên tử cũng đồng bảo:

– Ngài nên siêng năng làm đủ các điều thiện sinh vào nhân gian, nơi mà tất cả chúng sinh tu tạo nghiệp phước đức.

Vị Thiên tử ấy nghe lời khuyên bảo của Thiên đế và chúng Thiên tử bèn tự nghĩ rằng nay tôi quyết chắc sẽ đọa lạc. Nghĩ rồi chắp tay hướng về chúng Thiên tử mà nói:

– Các ngài an ủi tôi cho tôi vui mừng, nhưng thời gian tôi đọa lạc đã đến.

Nói xong, vị Thiên tử ấy than thở ngắm nhìn, bấy giờ lại hiện ra thêm hai tướng suy xấu: Một là đôi mắt ngầu đỏ như xích liên hoa, hai là các món trang sức trên thân bỗng ẩn mất.

Chúng Thiên tử, Thiên nữ thấy hiện tướng này đồng đem hoa trời rải lên mình vị Thiên tử ấy và cũng tấu Thiên nhạc lên.

Vị Thiên tử ấy thấy chúng Thiên tử, Thiên nữ rải hoa tấu nhạc để tiễn đưa mình liền sinh lòng thích muốn sinh vào Diêm-phù-đề, tự buồn than rơi lệ từ giã cõi trời Tam thập tam sinh vào Diêm-phù-đề, khi đã nhập thai làm cho mẹ phát hiện các tướng tốt, thường ca múa cười vui, thích dục lạc, luôn vui vẻ, ưa những nơi vườn rừng cây hoa quả, ưa mặc các thứ y phục nhiều màu tươi đẹp, thích thường ăn uống, dù mang thai mà mẹ vẫn không hề cảm thấy khó chịu, chẳng ưa tà dục, thích tràng hoa đẹp xinh và các thứ hương thơm lành, lúc ngủ thì chiêm bao thấy cảnh tốt điều lành không bao giờ thấy sự điên đảo.

Này Đại tiên! Thiên tử trời Tam thập tam sinh xuống Diêm-phù-đề, lúc còn ở thai tạng có thể làm cho mẹ phát sinh những việc như vậy.

Đại tiên nên biết! Trong thời gian mang thai ấy, mẹ được khỏi tất cả bệnh hoạn về nội tạng, sau khi sinh luôn khỏe mạnh.

Khi đã sinh ra, trẻ đồng tử ấy thân thể ngay ngắn, chỉ tay đậm rõ những nét tốt đáng mừng, tay chân nhu nhuyến, răng đều kín, eo lưng đẹp, toàn thân dịu dàng, lòng ưa những sự công đức lành thù thắng, tính thích dục lạc tốt, y phục thì thích món nhẹ sạch, thích dạo chơi trong vườn rừng. Thân thể thoát ra hơi thơm dịu, dòng họ sang quý giàu có lớn đầy đủ vàng ngọc châu báu, thường làm những việc giữ giới hạnh và bố thí cúng dường.

Đại tiên nên biết! Nếu vị Thiên tử ấy mà lòng dục quá nặng nhiều thì sẽ sinh vào nhà nghèo, nhưng thân hình vẫn là đoan chánh đầy đủ các căn, không lùn không cao, không đen không quá trắng, tay chân đều ngay ngắn, ai thấy cũng sinh lòng yêu kính. Tánh người này thích luận nghị, tâm luôn hòa dịu ít giận hờn, ưa gần vợ người, đối với vợ nhà chẳng có lòng yêu thích, với bạn bè anh chị em cùng quyến thuộc cũng chẳng thương luyến.

Đại tiên nên biết! Các vị Thiên tử trời Tam thập tam sinh xuống nhân gian, có những sự tướng như vậy.

Nghe Đức Phật dạy khuyên xong, Tiên nhân Quảng Bác cùng tất cả chúng Tiên đều vui mừng đồng tiếng khen ngợi: "Lành thay!"

❑

SỐ 311

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG TAM GIỚI

Hán dịch: Đời Bắc Lương, Tam tạng Đàm Vô Sấm, người xứ Thiên Trúc.

QUYỂN 1

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương xá. Núi này cao lớn, sừng sững, mọi vật ở đây đều phát triển tốt tươi, trên mặt đất mọc lên đủ các loại hoa. Các loài Khẩn-na-la, Càn-thát-bà thường đến dạo chơi ở đây, lại có các chúng sinh như Trời, Rồng, Dạ-xoa, La-sát, Tỳ-xá-giá cũng ở trong núi này. Lại có nhiều loài khác như sư tử, cọp, beo, voi, ngựa, kỳ lân, gấu, nai, trâu, dê, khỉ, vượn đều ở trong núi này.

Lại có rất nhiều loại chim như chim khổng tước, oanh vũ, chim sáo, chim cộng mạng, chim uyển, chim câu, vịt trời, chim oang ương, ngỗng trời, nhạn đen, gà núi, chim trĩ, chim tu hú, chim bồ câu, chim diều hâu, chim tước, giá sa. Các loại chim như vậy đều ở núi này.

Những chúng sinh ở đây do thần lực của Đức Phật, nên đều không bị tham dục, sân, si làm não loạn, không ăn nuốt nhau, mà còn thương yêu nhau như tình mẹ con.

Trong núi chúa này, rừng cây cối tươi tốt, cành nhánh lớn nhỏ đều nguyên vẹn, có rất nhiều cây mọc đứng xen nhau như: cây Thiên-mộc, cây Tất-lợi-xoa, cây Mã-nhĩ, cây Tất-bát-la, cây Phược-thúc-ca, cây Ha-lê-lặc, cây Ha-ma-lặc, cây Tỳ-hê-lặc, cây Đa-la, cây Ca-ni-ca, cây Am-bà-la, cây Diêm-phù, cây Mộc trảo, Bồ đào, Đào-hạnh, Lê-nại, Bà-long-già, cây Hồ đào, An thạch, Lưu trấn, Đầu-già, cây Ni-câu-la, cây Tòng bá, Dự-chương-ba-nại, cây Huân lục, Chiên-đàn, Trầm thủy, Tô hợp. Các loại cây như vậy đều có đủ cả.

Ở trong núi chúa này, các loài hoa mọc dưới nước hoặc ở trên khô đều có đủ như hoa A-đề-mục-đa, hoa Chiêm-bà, hoa Ba-tra-la, hoa-Bà-sư,

hoa Tu-mạn, hoa Tu-càn-đà, hoa Do-đề-ca, hoa Ca-nị-ca, hoa Ngưu tô bách diệp mạn-thù-sa. Như vậy, các loài hoa mọc khắp trên mặt đất, sáng đẹp cả núi chúa.

Lại có các loài hoa mọc dưới nước như hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng và màu xen tạp đều có đủ.

Trong núi chúa này, vào nửa đêm, thường có mây lớn bao trùm. Trời, Rồng làm mây biến thành mưa phùn có hương thơm và tám vị. Trong khoảnh khắc, cơn mưa này thấm ướt khắp cả núi Kỳ-xà-quật. Vào cuối đêm, trời sáng không có mây mù, gió nhẹ, mát mẻ sảng khoái thân tâm.

Trong núi chúa này, tất cả chúng sinh và các loài cây cỏ đều sung túc, tươi tắn, sáng đẹp, cũng như hoa tươi dùng nước tưới lên, làm cho màu sắc tươi sáng của hoa tăng lên gấp bội.

Trong núi chúa Kỳ-xà-quật có các loại cỏ rất mềm mại, màu hồ thủy xanh, trắng, vừa đẹp vừa thơm, đều xoay hướng phải và các màu sắc xen tạp khác rất đẹp giống như cổ chim Khổng tước, hương thơm như bông Bà-sư-la, khi sờ có cảm giác mịn như áo Ca-lăng-già, đất ở đây mịn màng, khi đặt chân xuống, đất lấp bốn ngón chân, khi rút chân lên đất trở lại như cũ.

Trong núi chúa này có nhiều ao nước chảy, nước đầy ao luôn trong xanh mát mẻ, sen mọc đầy hồ đủ màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía, lớn như bánh xe. Khi ngắt hoa, hương thơm phảng phất cả một do-tuần. Trên đỉnh núi chúa xuất hiện một tòa sen lớn tuyệt đẹp, làm bằng báu vô hàng phục, lưu ly xanh biếc làm cọng, vàng Diêm-phù-đàn làm lá, Kiên hắc chiên-đàn làm đài, Mã não bảo vương dùng làm tua. Hoa lớn rộng như biển. Có trăm ức vua A-tu-la thường đến giữ gìn, trăm ức lưới báu chúa đủ màu sắc che phủ ở trên, trăm ức Long vương rưới nước mưa thơm, trăm ức chúa Kim sí điểu ngậm các dải tơ lụa màu, trăm ức chúa Khẩn-na-la vui vẻ chiêm ngưỡng, trăm ức chúa Ma-hầu-la đứng nhìn ngắm, trăm ức chúa Ca-lầu-la ca vịnh tán thán, trăm ức vua cõi trời rưới bột thơm và y phục, hương hoa, cờ, phướn, lọng báu; trăm ức Phạm vương ở hư không chắp tay đứng hầu, trăm ức Thiên chúng Tịnh cư chắp tay kính lễ, trăm ức vua Chuyển luân cùng bảy báu theo hầu đều đến núi này; trăm ức Hải vương từ biển lớn đến để được kính lễ. Ở đây, lại có trăm ức hạt châu báu chúa soi sáng, có trăm ức vật báu chúa Tịnh ma-ni treo xen kẽ, trăm ức vật báu chúa Biến duyệt làm đèn hoa, trăm ức vật báu chúa Quang minh đức soi sáng, trăm ức màu sắc xen tạp của báu chúa Ma-ni chiếu sáng, trang trí bằng vật báu chúa Diêm-phù tràng, trăm ức vật báu chúa Kim cang sư tử không hư hoại để trang nghiêm, trăm ức màu sắc hỗn hợp không thể nghĩ bàn của các báu

chúa phát sinh các màu sắc hỗn hợp, trang nghiêm bằng trăm ức vật báu chúa như ý phát ra ánh sáng không cùng tận.

Hoa sen lớn này là do căn lành của Đức Như Lai xuất hiện ở đời mà có, là do ý chí của Bồ-tát muốn hộ trì mà biến hiện khắp nơi, là từ nơi pháp như huyễn mà sinh nghiệp lành, từ sự trang nghiêm của Pháp nhãn vô tránh, từ pháp như huyễn mộng mà sinh, từ chỗ không hành hóa mà hiện khởi, từ nơi đạo không ngăn ngại mà đến, đầy khắp cả mười pháp giới, là cảnh giới công đức của Phật mà có. Nếu tán thán công đức kia trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, cũng không bao giờ cùng tận.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bước lên đài sen ngồi kiết già, cùng với đại chúng Tỳ-kheo tám ngàn vị, tên các vị ấy là A-nhã Kiều-trần-như, Đại đức Yết-thi-ba-xà, Đại đức Bà-tân, Đại đức Ma-ha-nam, Đại đức Ưu-đà-da, Đại đức Da-xa, Đại đức Phú-na, Đại đức Vô Cấu, Đại đức Kiều-phạm-ba-đề, Đại đức Thiện Tý, Đại đức Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Già-da Ca-diếp, Na-đề Ca-diếp, Ma-ha Ca-diếp, Đại đức Ca-chiên-diên, Đại đức Xá-lợi-phất, Đại đức Đại Mục-kiền-liên, Đại đức A-na-luật, Tu-bồ-đề, Ly-bà-đa, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, Ưu-bà-ly, La-hầu-la, Nan-đà, Đại đức A-nan v.v… đều là các bậc Thượng thủ, tất cả đều vững chắc, thấy rõ tánh như thật và quán sát tánh chân thật, vượt qua biển pháp tánh và các cõi, thực hành hạnh rộng lớn như hư không của Như Lai, những trói buộc vĩnh viễn đoạn trừ, phá sào huyệt của lưới nghi, tin vào biển trí của Phật vượt qua bờ kia, làm người bạn không cần thỉnh vì lợi ích cho thế gian, muốn bảo hộ tất cả chúng sinh, không xả bỏ tâm Từ đối với tất cả chúng sinh, rất khéo diễn thuyết tất cả hạnh nguyện của Đức Phật; giữ gìn Phật pháp, thề nguyện hộ trì Phật pháp, phát triển hoàn hảo hạt giống Phật, để hướng đến Nhất thiết trí.

Lại có tám ngàn vị Bồ-tát lớn như Bồ-tát Phổ Hiền, Văn-thù-sư-lợi v.v… là những Bậc Thượng thủ. Bồ-tát Vô Thượng Trí, Bồ-tát Vô Thượng Bảo Trí, Bồ-tát Vô Ngại Trí, Bồ-tát Hoa Thượng Trí, Bồ-tát Nhật Thượng Trí, Bồ-tát Nguyệt Thượng Trí, Bồ-tát Vô Cấu Thượng Trí, Bồ-tát Kim Cang Trí, Bồ-tát Viễn Trần Trí, Bồ-tát Biến Thuyết Trí, Bồ-tát Quang Tràng, Bồ-tát Sơn Tràng, Bồ-tát Bảo Tràng, Bồ-tát Vô Ngại Tràng, Bồ-tát Hoa Tràng, Bồ-tát Tịnh Tràng, Bồ-tát Nhật Tràng, Bồ-tát Dục Lạc Tràng, Bồ-tát Ly Cấu Tràng, Bồ-tát Biến Duyệt Tràng, Bồ-tát Địa Oai Đức, Bồ-tát Bảo Oai Đức, Bồ-tát Đại Oai Đức, Bồ-tát Kim Cang Trí Oai Đức, Bồ-tát Vô Cấu Oai Đức, Bồ-tát Nhật Oai Đức, Bồ-tát Nguyệt Oai Đức, Bồ-tát Sơn Oai Đức, Bồ-tát Trí Chiếu Oai Đức,

Bồ-tát Biến Oai Đức, Bồ-tát Địa Tạng, Bồ-tát Hư Không Tạng, Bồ-tát Liên Hoa Tạng, Bồ-tát Bảo Tạng, Bồ-tát Nhật Tạng, Bồ-tát Tịnh Đức Tạng, Bồ-tát Pháp Hải Tạng, Bồ-tát Biến Duyệt Tạng, Bồ-tát Thuyền Tạng, Bồ-tát Liên Hoa Đức Tạng, Bồ-tát Nhật Nhãn, Bồ-tát Tịnh Nhãn, Bồ-tát Vô Cấu Nhãn, Bồ-tát Vô Ngại Nhãn, Bồ-tát Biến Kiến Nhãn, Bồ-tát Thiện Lợi Trí Nhãn, Bồ-tát Kim Cang Nhãn, Bồ-tát Bảo Nhãn, Bồ-tát Hư Không Nhãn, Bồ-tát Phổ Nhãn, Bồ-tát Thiên Quan, Bồ-tát Chiếu Pháp Giới Chí Quan, Bồ-tát Đạo Tràng Châu Quan, Bồ-tát Diệt Chư Phương Quan, Bồ-tát Nhất Thiết Phật Hiện Tại Tạng Quan, Bồ-tát Siêu Nhất Thiết Thế Gian Quan, Bồ-tát Biến Duyệt Nhất Thiết Quan, Bồ-tát Vô Hủy Quan, Bồ-tát Phú Nhất Thiết Như Lai Sư Tử Tòa Quan, Bồ-tát Chiếu Nhất Thiết Pháp Giới Hư Không Quan, Bồ-tát Long Chủ Kế, Bồ-tát Phạm Chủ Kế, Bồ-tát Ly Nhất Thiết, Phật Pháp Mang Kế, Bồ-tát Đạo Tràng Kế, Bồ-tát Xuất Nhất Thiết Nguyện Hải Âm Châu Kế, Bồ-tát Phóng Nhất Thiết Như Lai Quan Tràng Châu Kế, Bồ-tát Nhất Thiết Hư Không Vô Hoại Ngữ Bảo Kế, Bồ-tát Chư Phật Thần Thông Biến Chiếu Tràng Bảo Châu Võng Phú Kế, Bồ-tát Xuất Nhất Thiết Như Lai Pháp Luận Thanh Kế, Bồ-tát Xuất Nhất Thiết Tam Thế Danh Thanh Kế, Bồ-tát Đại Quang, Bồ-tát Tịnh Quang, Bồ-tát Bảo Quang, Bồ-tát Ly Cấu Quang, Bồ-tát Nguyệt Quang, Bồ-tát Pháp Quang, Bồ-tát Tịch Quang, Bồ-tát Nhật Quang, Bồ-tát Thần Thông Quang, Bồ-tát Thiên Quang, Bồ-tát Đức Tướng, Bồ-tát Trí Tướng, Bồ-tát Pháp Tướng, Bồ-tát Vô Hoại Tướng, Bồ-tát Quang Tướng, Bồ-tát Hoa Tướng, Bồ-tát Châu Tướng, Bồ-tát Phật Tướng, Bồ-tát Phạm Tướng, Bồ-tát Biến Siêu Tướng, Bồ-tát Phạm Âm, Bồ-tát Hải Âm, Bồ-tát Địa Âm, Bồ-tát Thế Âm, Bồ-tát Thạch Sơn Âm, Bồ-tát Biến Pháp Giới Âm, Bồ-tát Xuất Nhất Thiết Pháp Hải Lôi Âm, Bồ-tát Tối Nhất Thiết Ma Tràng Âm, Bồ-tát Xuất Đại Bi Đạo Lôi Âm, Bồ-tát Diệt Nhất Thiết Thế Khổ Não Âm, Bồ-tát Pháp Dũng, Bồ-tát Tăng Dũng, Bồ-tát Trí Dũng, Bồ-tát Đức Sơn Dũng, Bồ-tát Đức Tăng Dũng, Bồ-tát Danh Xưng Dũng, Bồ-tát Phổ Chiếu Dũng, Bồ-tát Đại Từ Dũng, Bồ-tát Trí Chiếu Dũng, Bồ-tát Như Lai Chủng Tánh Dũng, Bồ-tát Quang Đức, Bồ-tát Thắng Đức, Bồ-tát Pháp Dũng Đức, Bồ-tát Biến Quang Đức, Bồ-tát Pháp Đức, Bồ-tát Nguyệt Đức, Bồ-tát Hư Không Đức, Bồ-tát Bảo Đức, Bồ-tát Tướng Đức, Bồ-tát Trí Đức, Bồ-tát La Vương Đức, Bồ-tát Pháp Chủ Vương Đức, Bồ-tát Thế Chủ Vương, Bồ-tát Phạm Chủ Vương, Bồ-tát Thạch Sơn Chủ Vương, Bồ-tát Chúng Chủ Vương, Bồ-tát Thiên Chủ Vương, Bồ-tát Tịch Chủ Vương, Bồ-tát Bất Động Chủ Vương, Bồ-tát Hóa Chủ Vương, Bồ-tát Bồ-đề

Thắng Chủ Vương, Bồ-tát Tịch Thanh, Bồ-tát Vô Ngại Thanh, Bồ-tát Địa Thanh, Bồ-tát Đại Hải Thanh, Bồ-tát Lôi Thanh, Bồ-tát Chiếu Pháp Thanh, Bồ-tát Hư Không Thanh, Bồ-tát Nhất Thiết Thanh, Bồ-tát Thiện Nhãn Lôi Thanh, Bồ-tát Phát Bản Nguyện Thanh, Bồ-tát Diệt Nhất Thiết Ma Tràng Giác, Bồ-tát Trí Sơn Giác, Bồ-tát Hư Không Giác, Bồ-tát Vô Ngại Giác, Bồ-tát Ngụ Âm Giác, Bồ-tát Chiếu Tam Thế Giác, Bồ-tát Bảo Giác, Bồ-tát Vô Úy Giác, Bồ-tát Biến Chiếu Giác, Bồ-tát Pháp Giới Nhãn Chiếu Giác v.v… tám ngàn vị Đại Bồ-tát như vậy đều đầy đủ hạnh nguyện Phổ Hiền, việc tu hành không còn trở ngại, hiện vô lượng thân hình đến cùng khắp các cõi Phật, mắt được thanh tịnh, thấy không cùng tận, đều có khả năng hiện bày tất cả thần thông của Phật, gieo rất nhiều nhân duyên với chúng sinh. Bất cứ đâu có Như Lai thành Phật, các vị đều đi đến trợ giáo không bao giờ mỏi mệt. Trí sáng của chư vị soi khắp tất cả biển pháp, trong vô lượng ức kiếp tán thán công đức ấy cũng không thể cùng tận. Chư vị thích nói pháp thanh tịnh như hư không, trí tuệ tu hành không còn nương gá, tùy chúng sinh ưa thích mà vì họ xuất hiện không có chướng ngại, hiểu rõ vốn không có chúng sinh và cũng không có các cảnh giới về ngã… Tuệ của chư vị rộng như hư không, như lưới trí sáng ngời, soi sáng khắp tất cả pháp giới, tâm hoàn toàn vắng lặng không bao giờ rối loạn; tất cả Đà-la-ni và cảnh giới Trí chủng, các Tam-muội, Vô úy, đều đạt đến không ngại; nương ở pháp giới có trăm ức tai mắt, tu hành tất cả pháp, không còn sợ hãi, quán sát để vào biển không trí cùng tận, Thiền ba-la-mật-đa đến bờ bên kia, lại được Bát-nhã ba-la-mật-đa, Thần thông ba-la-mật-đa, vượt qua các Tam-muội ba-la-mật-đa ở thế gian khéo được tự tại.

Lại có năm trăm Tỳ-kheo-ni là Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề, Tỳ-kheo-ni An Ổn, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa, Tỳ-kheo-ni Cực Khổ Cù-đàm-di, mẹ của La-hầu-la là Tỳ-kheo-ni Da-du-đà-la v.v… là bậc Thượng thủ của năm trăm Tỳ-kheo-ni.

Lại có năm trăm Ưu-bà-tắc là Ưu-bà-tắc Thiện Oai Đức, Ưu-bà-tắc Thiên Oai Đức, Ưu-bà-tắc Tuệ Quang, Ưu-bà-tắc Danh Xưng Oai Đức, Ưu-bà-tắc Quá Danh Xưng Oai Đức, Ưu-bà-tắc Thiện Chí, Ưu-bà-tắc Nguyệt Đức, Ưu-bà-tắc Nguyệt Hoan Hỷ, Ưu-bà-tắc Đại Hoan Hỷ, Ưu-bà-tắc La-hầu-bạt-đà, Ưu-bà-tắc Đại Hiền v.v… là hàng Thượng thủ của năm trăm Ưu-bà-tắc.

Lại có năm trăm Ưu-bà-di: Ưu-bà-di Đại Quang, Ưu-bà-di Thiện Quang, Ưu-bà-di Thiện Thân, Ưu-bà-di Khả Lạc Thân, Ưu-bà-di Hiền, Ưu-

bà-di Hiền Đức, Ưu-bà-di Nguyệt Quang, Ưu-bà-di Tướng Quang, Ưu-bà-di Đức Quang, Ưu-bà-di Thiện Nhãn v.v… là hàng Thượng thủ của năm trăm Ưu-bà-di. Và các vị Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già v.v… cung kính đi nhiễu quanh Đức Thế Tôn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn diễn nói pháp tên là Tam giới. Đức Thế Tôn phân biệt diễn nói về cảnh giới của tất cả chư Phật Như Lai là pháp tu hành của Bồ-tát, soi khắp cả pháp giới, sáng soi tất cả đạo tràng, pháp giới, thể nhập vào sự thanh tịnh trang nghiêm khắp tất cả pháp giới, phá diệt tất cả ngoại đạo v.v… hàng phục ma oán, làm an vui khắp cảnh giới của tất cả chúng sinh, có thể biết được tất cả tâm mê hoặc của chúng sinh, tùy theo tâm lý chúng sinh mà diễn nói, khéo soi rõ chuyển hóa căn tánh chúng sinh mà chỉ bày cho họ.

Khi ấy Đại đức Ma-ha Ca-diếp, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục, trịch áo bày vai bên phải, gối phải sát đất, chắp tay hướng về phía Đức Phật thưa:

– Bạch Thế Tôn! Nếu các chúng sinh mong cầu pháp Phật, Lực, Vô sở úy, những người như vậy, nên tu tập pháp gì? Nên dùng pháp gì để hộ trì chúng sinh ấy? Nên dùng pháp gì để họ không bị thoái chuyển nơi Chánh đạo vô thượng?

Đức Phật bảo Ca-diếp:

– Lành thay, lành thay! Này Ca-diếp! Ông nay thưa hỏi như thế vì mong được nhiều an lạc, an ổn cho thế gian và làm lợi ích cho trời, người mới hỏi Phật những việc như vậy.

Này Ca-diếp! Ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, ta sẽ phân biệt giải nói cho các ông.

Tôn giả Ca-diếp và tất cả đại chúng nhận lời chỉ dạy, lắng nghe.

Đức Phật bảo:

– Này Ca-diếp! Nếu có chúng sinh mong cầu trí tuệ của Phật, lực Vô úy của Phật thì những chúng sinh ấy đối với tất cả pháp, nên không có sở đắc, không chỗ nương gá mà phát sinh các căn lành. Này Ca-diếp! Nếu Bồ-tát khi cầu đạo chánh chân, nếu còn chấp tướng, hoặc đối với Phật pháp mà sinh khởi chấp trước tướng hữu vi, hoặc đối với Phật pháp mà sinh khởi tướng vô vi, hoặc đối với Phật pháp mà sinh vọng tưởng, tự cho là có tướng, ta hiểu biết Phật pháp, trong những tướng này chấp chặt không xả bỏ, nên nói người này không thể hướng đến đạo Vô thượng.

Vì sao vậy? Người ở trong Phật pháp mà ham muốn hy vọng là

còn chấp ngã, nếu dụng tâm như vậy mà tu thì sự chấp ngã không thể nào diệt trừ, nếu không đoạn trừ thời có hy vọng, đã có hy vọng, lại hy vọng ở trong giáo pháp là có hại, nếu bị hại liền khởi tâm giong ruổi, nếu tâm giong ruổi thì có lưu chuyển, nếu tâm lưu chuyển thời có quán xuyến, nếu hay quán xuyến thời có vọng tưởng, nếu đã có vọng tưởng thời có phân biệt, nếu có phân biệt lại càng tăng thêm vọng tưởng, nếu tăng vọng tưởng thời có suy nghĩ hiểu biết, nếu suy nghĩ hiểu biết là có chấp chặt, nếu đã chấp thời sẽ chạy theo duyên, nếu theo duyên cảnh sẽ có mê hoặc, nếu đã mê hoặc thời sẽ bị mất.

Thế nào là bị mất?

– Nghĩa là người mất an ổn.

Thế nào là an ổn?

– Là tâm không phân biệt.

Nếu khởi tâm phân biệt thời nó thường khởi, nếu nó thường khởi thì có đối nghịch trở ngại, nếu đã đối nghịch trở ngại thời có chỗ trú, nếu đã có chỗ trú thời có sự tương tục, nếu tâm tương tục thời có chống trái, nếu đã chống trái thời càng tăng thêm sự chống trái, nếu thêm chống trái thời có sự hư dối lỗi lầm, nếu tâm hư dối lỗi lầm thời có cuồng loạn, nếu đã cuồng loạn thời có hư dối, nếu đã hư dối thời có buồn phiền, nếu tâm buồn phiền thời có hối hận, nếu đã hối hận thời có tổn hại, chấp chặt theo pháp thiện và bất thiện. Thật ra không có một pháp nào cố định đáng để chấp trước, chỉ do tâm tưởng chuyển biến và bị tư tưởng ràng buộc. Như vậy gọi là tư tưởng trói cột. Tham không có nhất định, sân không có nhất định và si cũng không có nhất định. Nếu khởi tâm vọng tưởng phân biệt thì không thể đạt đến Chánh đạo Vô thượng.

Này Ca-diếp! Như vậy gọi là tham ái.

Thế nào gọi là ái?

Không có pháp nào nhất định gọi là ái, không có pháp đáng ưa, cũng không có chỗ đáng tham ái, chỉ do tâm chấp trước hoặc không chấp trước về ái, nếu chấp trước là có ngã, có chấp trước chúng sinh, có chấp trước về tịnh và bất tịnh.

Này Ca-diếp! Tất cả pháp vốn không, lại vọng tưởng cho là vật, nếu không vật, tưởng là vật, như dùng tâm Bồ-đề làm vật, nếu đem Bồ-đề làm vật là tưởng về ngã, nếu có tưởng về ngã tượng thì không thể gọi là tâm Bồ-đề.

Vì sao vậy? Vì cái tên ấy là do ta tưởng tượng, tuy có cái để tưởng nhưng tưởng là không có thực, tưởng không có thực nên gọi là "Ngã

tưởng". Vì vậy, nói tưởng về ngã là nói mơ hồ không chân thật. Nhưng nếu chúng sinh có thật, thời tâm Bồ-đề cũng có thật.

Thế nào là Bồ-đề? Nghĩa là người thấy được các pháp đều như huyễn.

Thế nào là như huyễn? Nghĩa là không vọng tưởng cho là có ngã, tưởng có thọ mạng, tưởng có chúng sinh. Người nào trong tâm, còn có tưởng hiểu rõ như thế, thì người ấy bị vướng mắc vào tưởng và chẳng phải tưởng. Nếu vướng vào tưởng và chẳng phải tưởng là kẻ cuồng say. Nếu đã cuồng say thời bị tất cả khổ theo đuổi. Nếu bị tất cả khổ theo đuổi, thì Như Lai gọi đó là kẻ rồ dại.

Thế nào gọi là siểm? Là người suy nghĩ vọng tưởng cuồng loạn, nếu có suy nghĩ vọng tưởng thời sẽ chấp ngã và ngã sở, người có ngã và ngã sở thời ưa nói năng. Nếu có nói năng gì thời Đức Như Lai gọi là không nói năng, kẻ kia bị ngôn ngữ, nói năng nắm giữ. Vì vậy nên nói tất cả các pháp từ suy nghĩ mà có, tức là chấp có thật ngã.

Này Ca-diếp! Cũng như trong hư không có những đám mây tụ lại, những đám mây ấy không từ Đông, Nam, Tây, Bắc, bốn phía, trên dưới mà đến. Như thật mà nói, Như Lai cũng không đến từ phương nào trong mười phương. Nếu hiểu được như vậy mới diễn thuyết như thật tùy hiểu nghĩa mà diễn nói, tương ứng với sự thật mà nói. Như vậy, nói mây nhóm không phải là nhóm, mới là mây nhóm. Vì đâu gọi là mây tụ hội? Vì như trong mây có những màu xen tạp, các màu sắc ấy, chỉ từ hư vọng khởi lên, màu sắc đó không thể định là do mây hay sa mù, mà thấy từ mây mù sinh, tuy thấy mây mù mà không thể có tư tưởng nhất định từ đâu có, vì quán sát đến chỗ rốt ráo là không thật có mây mù.

Này Ca-diếp! Cũng như có người nói với người khác: "Chúng ta cùng nhau đi đến chỗ bóng cây để ngồi".

Có người trí tuệ nói: "Tôi không đi".

Người ấy đáp rằng: "Tôi không nói "Ngã" mà chỉ nói có bóng cây".

Người trí nói: "Ngươi nói bóng cây, nếu phân tích thì chẳng phải có bóng cây".

Này Ca-diếp! Ông xét xem người này với một ít ngôn ngữ mà còn không bị trói buộc như vậy.

Này Ca-diếp! Ông hiểu được pháp tánh của Như Lai mà giảng nói, lời đó là tiếng rống của sư tử ở trong đại chúng.

Này Ca-diếp! Như Lai còn muốn đối với pháp bất thiện mà thực hành pháp thiện. Nếu chúng sinh ở đời có tưởng về ngã thì đối với Như Lai là đệ

nhất nghĩa.

Vì sao vậy? Vì Như Lai hiểu rõ tưởng ngã như vậy thời chẳng phải là tưởng. Ngoài ra, vì hàng Tiểu thừa, phàm phu không biết Như Lai tùy cơ nghi nói pháp nên họ cùng tranh chấp với Như Lai. Vì vậy, ta nói: "Thế gian cùng với ta tranh chấp, ta không cùng với thế gian tranh chấp".

Thế nào gọi là thế gian?

– Thế gian cũng gọi là chúng sinh.

Thế nào lại gọi là chúng sinh trong thế gian?

– Như Lai rõ biết thế gian là như như vì vậy gọi là "chúng sinh thế gian". Các phàm phu… khi sinh là biết có sinh có diệt nên cùng nhau tàn hại, nên họ nói rằng: "Muốn được ra khỏi cõi đời".

Vì sao vậy?

Vì những người này quá mê muội, nên chấp trước thế gian, nếu chấp trước thế gian liền có lòng tham, nếu đã tham thì cũng có sân, nếu có sân thì cũng có si, nếu có si thời có tranh chấp, nếu có tranh chấp là có chống trái.

Họ sẽ cùng ai chống trái?

Họ chống trái với Như Lai và Thanh văn Tăng. Nếu chống trái thì tăng thêm tham; nếu họ có tham thì càng tăng thêm chống trái; nếu người mâu thuẫn chống trái thì ưa chấp chặt vào những gì đang có; nếu chấp chặt vào cái đang có thì họ sẽ mong cầu có được nhiều hơn; nếu mong cầu nhiều thì không biết đủ; nếu không biết đủ thì ham thật nhiều, nếu ham nhiều thời có nhiều tham dục; nếu nhiều tham dục thì sẽ thường ở trong cõi Dục, Sắc và cõi Vô sắc; nếu ở trong ba cõi tức có tham trước; nếu có tham trước thì không thể đi ngược dòng; nếu không thể đi ngược dòng thì thường bị sinh tử; nếu đã sinh tử thì không đến được Niết-bàn; nếu không đến được Niết-bàn thì sẽ đến chỗ tối tăm; nếu đến chỗ tối tăm nghĩa là đến địa ngục vậy.

Này Ca-diếp! Tu hành mà không đến chỗ tốt đẹp là không tu, nếu không tu hành không chân chánh thì dễ sân giận, nếu có sân giận thì không suy cầu, nếu không suy cầu thì không biết ngã tưởng, nếu không biết ngã tưởng thì đồng một hợp thể, đồng một vật, nghĩa là có ngã và ngã sở.

Thế nào gọi là ngã?

Chấp trước không chân thật khởi các thứ vọng tưởng, tạo tác các nghiệp. Nếu khởi vọng tưởng, tạo tác (ác nghiệp) thì hay chấp trước có ngã.

Thế nào là ngã sở?

Do không có trí cho nên chấp trước mới có ngã sở, nhưng thân này,

do các vật hòa hợp lại gọi là thân, là chỗ nhóm họp của các quả báo, như do tâm sân giận, khinh khi người khác, do sân giận nên sinh tâm ngã mạn, như gom góp thóc lúa đem về giữ gìn, như vậy gọi là ngã sở. Nếu có ngã sở thì có cuồng loạn mê hoặc, nếu có cuồng hoặc thì liền có ngu si, nếu đã có ngu si liền có phỉ báng, nếu có phỉ báng thì sẽ có sân giận, đã có sân giận liền có tham chấp thiêu đốt, kẻ bị thiêu đốt là do tư tưởng tham thiêu đốt, như là tư tưởng về nam, nữ, tư tưởng thọ mạng, đều chấp ngã, nên gọi là ngã sở. Có ngã sở sẽ có kẻ mắng nhiếc ngã sở ấy, mắng ngã sở như nói: "Người là phàm phu, là chỗ nương dựa, là đường đi của phàm phu", cho nên gọi là ngã sở.

Này Ca-diếp! Nếu không nghe được pháp này, mà biết về Bồ-đề, biết hạnh của Bồ-tát, đây chỉ mới biết về hạnh.

Này Ca-diếp! Hạnh Bồ-tát này đều không thật có hạnh, gọi là Bồ-tát hạnh.

Lại nữa, này Ca-diếp! Bồ-tát tu hành viên mãn, quyết định thanh tịnh hay thanh tịnh rốt ráo? Không có điều đó.

Các vị tinh tấn nói pháp nghĩa rộng lớn, các pháp này như gom dồn hư không, không thể nắm bắt được, pháp của vị này nói ra, rất ứng hợp với Đại pháp, tất cả đều được tương ưng, liền được công đức không còn nương ở chỗ xấu ác, thật có đức hạnh mà chẳng chấp có đức hạnh, mới có thể trì pháp, như vậy mà thọ trì không chấp trước việc thọ trì pháp.

Vì sao vậy?

Vì pháp của Như Lai nói cao tột bậc, là pháp cao quý nhất của Bậc Ứng Cúng, nếu có chúng sinh hỏi đạo thì ta sẽ dùng pháp thù thắng này để giải đáp.

Thế nào gọi là Thắng pháp?

Nghĩa là hiểu biết tất cả các pháp đều từ không do tưởng mà có.

Này Ca-diếp! Bồ-tát hiểu được như vậy là trì giới thanh tịnh, tâm không còn khởi niệm xấu ác không tạo chướng ngại, không phỉ báng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, không thân cận Bạch y thế gian, không sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói lưỡi đôi chiều, nói lời ác, nói thêu dệt, không tham sân, không tà kiến. Không tự mình não hại và không não hại người, không thân cận dục và cũng không tham dục, không chê bai, không đùa giỡn, không tự làm cũng không sai bảo người khác làm, không đến nhà điếm, nhà quả phụ, nhà có gái trẻ, không gần kẻ bắt chim, đánh cá, thợ săn, không gần kẻ hàng thịt Chiên-đà-la, không gần vợ của người tham dục rượu chè, cho đến cũng không cùng nắm tay, cạnh tranh hơn thua, tránh những hạng

người trên như tránh chó dữ, khi tránh xa họ mà không sinh một tâm niệm ác nào, an trụ vào tâm Từ.

Bồ-tát cần xả bỏ hai mươi việc là những gì?

1. Hãy xả bỏ không cùng người nữ giỡn chơi và nói lời thô tục.

2. Không cùng họ luận bàn tranh cãi, để phải bỏ việc cúng dường cha mẹ, việc cúng dường Phật, Pháp, Tăng.

3. Nếu người nữ số lượng ít, không đủ hai mươi người thì không nói pháp, trừ khi có người nam tham dự.

4. Nếu các Tỳ-kheo-ni tập hợp thuyết pháp thì không nên đến chỗ ấy.

5. Không nên tới lui thăm hỏi Tỳ-kheo-ni.

6. Không viết thư tín cho người nữ, qua lại, cũng không viết dùm họ.

7. Người thân tộc thỉnh mời riêng, không nên nhận lời.

8. Trong tâm không hề có ý muốn ở trước người nữ, cũng không nên cùng đi trên đường với họ.

9. Nếu Tỳ-kheo-ni đùa giỡn đi sau, không nên đáp lại.

10. Trong mọi hoàn cảnh không nên nhận y của Tỳ-kheo-ni cúng, trừ trong bốn chúng đệ tử khi diễn nói pháp, có người phát tâm cúng dường y pháp, phải tưởng tâm như đất vậy, sau đó mới thọ nhận và cũng không nhận trước mặt họ.

11. Trong tất cả mọi thời, nếu có Tỳ-kheo-ni khuyến khích hướng dẫn người bố thí y thì không nên nhận.

12. Trong tất cả mọi lúc, dù đang khổ vì bệnh, nếu nhờ ni khuyến khích, có đồ ăn thì cũng không nên ăn, huống gì không bệnh.

13. Trong tất cả mọi thời, nếu có quả phụ mời ăn cơm, nếu chúng Tăng không đủ thì không nhận.

14. Trong tất cả mọi thời, không nên vào chùa Tỳ-kheo-ni.

15. Trong tất cả mọi thời, không thỉnh gọi Tỳ-kheo-ni, thỉnh gọi hoặc chắp tay ngước đầu, buông bỏ hoặc xoay lưng đi.

16. Nếu khi nói pháp, có Tỳ-kheo-ni đến lễ dưới chân, nên chí tâm chắp tay, không nên thấy lạ mà nhìn ngắm, không cử động chân.

17. Chẳng phải vì thân khỏe mạnh mà gọi là trượng phu, nếu tâm vững vàng chánh niệm một chỗ thì gọi là đại trượng phu.

18. Đối với tất cả vật không sinh tâm ưa mến.

19. Trong mọi thời điểm, không bao giờ sân hận.

20. Thường nên chuyên niệm về Nhất thiết trí. Khi được nghe pháp

này rồi cần nên tu học để tăng trưởng.

Này Ca-diếp! Các thiện nam, tín nữ hướng về Bồ-tát thừa, nghe pháp này mà không thể tu học, người này sẽ không đạt được Chánh đạo Vô thượng.

Vì sao vậy?

Này Ca-diếp! Vì do tu học mới đạt được đạo Vô thượng. Chẳng phải không tu học mà đạt được đạo Vô thượng.

Này Ca-diếp! Nếu không tu học mà đạt được đạo Vô thượng thì thỏ, ngựa, mèo cũng được thành đạo Vô thượng.

Vì sao vậy?

Vì ai không tu hành chánh hạnh, sẽ không chứng đắc đạo Vô thượng Bồ-đề.

Này Ca-diếp! Nếu người do âm thanh mà đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, bèn nói rằng: "Ta sẽ làm Phật, ta sẽ làm Phật, mà người ấy thành Phật, thì vô biên chúng sinh cũng thành Phật".

Này Ca-diếp! Chúng sinh đối với hạnh tu khó, chỉ trong một ngày một đêm, họ còn không chuyên chú được, huống gì là một kiếp cho đến ngàn kiếp. Cho nên Như Lai vì việc độ sinh mà xuất hiện ở đời, rất là hiếm có.

Này Ca-diếp! Tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới, nếu trong một kiếp, mười kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, trăm ngàn kiếp, vạn ức kiếp, đều đồng thanh xướng: "Tất cả chúng sinh ngươi sẽ làm Phật, ngươi sẽ làm Phật". Những người nói như vậy không biếng nhác thường nói: "Ngươi sẽ làm Phật, ngươi sẽ làm Phật", miệng nói không dừng, nhưng nếu không khiến cho người kia phát tâm Bồ-đề, mà được thành Phật, thì không có việc như vậy.

Này Ca-diếp! Vào đời mạt pháp, khi Như Lai diệt độ và sau khi các ngươi cũng đã vào Niết-bàn, chư Thiên không ủng hộ, khi ấy tuy có người nghe ta nói pháp, phát tâm Bồ-đề, có các Tỳ-kheo phát tâm Bồ-đề, thì họ trụ vào hai mươi pháp. Hai mươi pháp ấy là gì?

Họ sẽ thân gần Tỳ-kheo-ni, ăn đồ ăn bất tịnh, đắm trước món ăn, nhận đồ ăn do ni khuyến hóa.

Này Ca-diếp! Cũng như ngày nay, các Tỳ-kheo đa văn ở chỗ nhàn tịnh hoặc ở trong chúng hội khiến khích tu tập giáo pháp.

Như vậy, này Ca-diếp! Đến thời ấy các Tỳ-kheo ở gần xóm làng hoặc ở chỗ nhàn tịnh, cùng với Tỳ-kheo-ni học hỏi Phật pháp, nhưng họ sẽ sinh

tâm tham ái, không có tâm học Phật pháp, còn các Tỳ-kheo-ni cũng nhiều tham dục, ít học tập Phật pháp.

Này Ca-diếp! Ông thấy những người như vậy chỉ mang tiếng là ở trong đạo giác ngộ, nhưng họ sẽ đọa vào đường ác rất đáng sợ.

Này Ca-diếp! Ông thấy họ khi ấy lạm dụng Phật pháp để cùng nhau thân cận, khi họ gần nhau thì sẽ bị lửa tham dục thiêu đốt và sẽ nói với nhau những lời nói không trong sạch, khi thân cận họ cũng xem như là đệ tử, lúc đầu cũng như phép thầy trò, cũng lễ kính, nhưng sau đó thì lần lần thay đổi, nếu đã có thay đổi thì chỉ còn hình thức danh từ, mà chỉ danh từ thì trong chỗ riêng tư sống như vợ chồng cùng đường vào ra, có người thấy hỏi là ai, thì bảo đó là người bà con thân thuộc, gọi là chị em nên thường gặp mặt nhau, do thường gặp mặt nhau nên dễ rơi vào chỗ sai lầm, cùng sinh tâm tham ái và hiện tướng tham dục, vì cùng nói năng nên dễ phạm vào hạnh bất tịnh, tập phép của Diêm chúa, sẽ mất đạo quả Bồ-đề, sinh Thiên và vào Niết-bàn, xa lìa Như Lai, xa pháp của Phật, cũng không ích lợi gì cho chúng Tăng. Người này ở đâu cũng sinh tham dục, sân hận, phiền não và tổn hại, xa hạnh nghiệp Bồ-tát và bốn phạm hạnh thanh tịnh. Người này không giống như các vị Bồ-tát khác siêng tu bốn phạm hạnh, mà trái lại người này chỉ siêng tham dục, sân hận… mà thôi.

Này Ca-diếp! Đến thời ấy chỗ ở của người ác này là chỗ ở của giặc, là chỗ ở có đấu tranh.

Này Ca-diếp! Đến lúc các cấm chế của Phật đều bị hủy hoại, người nghe các kinh này liền khinh thường phỉ báng. Nhưng điều căn bản của người tu là phải trì giới, phải thực hành bố thí, sinh hoan hỷ, phát tâm Bồ-đề, sau khi nghe kinh này mà lại phỉ báng sao?

Này Ca-diếp! Đến lúc đó có những hiện tượng như: có người nghe kinh này mà sinh tâm phỉ báng; nếu có Tỳ-kheo tu tịnh giới duy trì chánh pháp, như vậy mà biết như kinh đã nói, thì phải từ bỏ những hạng người như vậy, vì họ không có tâm mến mộ Phật pháp.

Lại nữa, này Ca-diếp! Đến khi ấy những hạng người này tự xướng: "Ta thực hành đạo Bồ-tát, nên tâm cuồng loạn, buông lung", đã bị cuồng loạn phóng dật cho nên tự xưng: "Ta là đại A-la-hán, ta là Duyên giác". Kẻ ấy không thể sửa trị, không thể trở lại an trụ, mà chỉ có hướng đến cõi ác.

Lại nữa, này Ca-diếp! Thời ấy không có người tạo thiện nghiệp nên có nhiều người chê bai đạo Giác ngộ.

Này Ca-diếp! Đến thời ấy người tu hành tướng thô tháo.

Lại nữa, này Ca-diếp! Thời ấy, may lắm mới gặp một người tu hành

tương tợ Ba-la-mật-đa, là vì đời sau này, người ta đa số hình tướng thô lậu.

Lại nữa, này Ca-diếp! Đến thời ấy có kinh nói đến pháp chân thật, những kinh điển như vậy họ đều phỉ báng, nếu họ được thấy thì liền vứt bỏ cho là học thuyết tà kiến.

Này Ca-diếp! Bấy giờ mọi người đều ngu si, không biết đây là sự ngăn cấm của kinh mà lại phá giới.

Này Ca-diếp! Đến thời ấy họ đều là giặc ác tự mình không thấy Phật pháp, không nghĩ đến đạo giác ngộ, yên lặng suy nghĩ trong sự ngu si tối tăm, nên họ phỉ báng cho là không có con đường giác ngộ.

Lại nữa, này Ca-diếp! Đến thời ấy chư Tăng không hòa hợp, lời nói việc làm đều thô tháo.

Lại nữa, này Ca-diếp! Đến thời đó, chúng sinh phần nhiều không biết tri ân, chỉ hăng hái làm điều ác, làm được điều ác gì họ thường ưa rêu rao, như là xưng niệm danh hiệu Phật, đi đến cúng dường.

Lại nữa, này Ca-diếp! Đến thời đó họ ưa chê trách giới giải thoát, không giữ gìn khẩu nghiệp, do không giữ gìn khẩu nghiệp, nên họ cũng không giữ oai nghi, vì vậy đời sống không thanh tịnh, do đời sống không thanh tịnh mà diễn nói Phật pháp, nên giáo pháp của ta khi ấy, lần lần sẽ bị mai một suy tàn.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG TAM GIỚI

QUYỂN 2

Như vậy, lần lần đến lúc Phật pháp suy tàn, ở đời có nhiều người nữ, bỏ bê chồng con đi vào chùa; khi đã vào chùa, Tăng thuyết pháp cho một người nữ, mà cho là chỉ bày pháp giải thoát.

Này Ca-diếp! Ta thấy thời ấy, những việc làm như thế hoàn toàn phi pháp, do vậy mở cửa cho năm trăm điều phi pháp và năm trăm phiền não lọt vào, người không tu hành vào thời ấy, đều do không biết đến giới luật, như kẻ tại gia không khác.

Này Ca-diếp! Đến thời ấy, việc tu hành giữ gìn giới luật thật là đen tối. Nếu có người biết mong cầu tiến tu đạo quả Bồ-đề, không nên thân cận với Tỳ-kheo-ni, không ở lại chỗ họ đang ở, phải bỏ đi không nên thân cận và cũng chớ nên tiếp xúc thân cận, xả bỏ lợi dưỡng ở đời, nương vào hạnh khất thực, bỏ việc ham mê sắc đẹp, chỉ nhận áo vải thô xấu, xa lìa lầu gác, giường nằm, đồ dùng quá xa xỉ, nương vào chỗ núi rừng thanh vắng, nơi hang đá làm chùa, tịnh thất, không nên ham dùng thuốc và phương tiện chữa bệnh loại quý hiếm, chỉ dùng thuốc dễ kiếm, phát khởi tư tưởng thân ái đối với các chúng sinh, luôn tu hạnh Từ tâm, nên nhẫn nại trước những lời nhục mạ, đánh đập của người khác, nên xa lìa tất cả bà con thân tộc quen biết, tự vui với sự nghiệp tu hành, không nên sống giống như người tại gia, mà thường giảng nói giới giải thoát để tùy thuận tu hành.

Này Ca-diếp! Nếu người tu hành trái với giới giải thoát, thì họ sẽ trái với Lực, Vô sở úy… của Đức Như Lai, là trái với chư Phật, Bồ-tát trong ba đời. Nếu nói đến tội báo này, hoặc trong tam thiên đại thiên thế giới, có tất cả chúng sinh đều đọa vào địa ngục, những chúng sinh này chịu thống khổ, so với khổ này trăm phần không bằng một, ngàn phần, trăm ngàn phần, trăm ngàn ức phần, cho đến dùng toán số để thí dụ cũng không thể biết được. Nếu muốn xa lìa những tội khổ này, nên phải xa lìa người si ác ấy hàng trăm ngàn do-tuần, mới vừa nghe tiếng còn nên lánh xa, huống gì vừa nghe vừa thấy họ mà không xa lánh sao?

Người tu nên thân cận một pháp.

Thế nào là một pháp?

Tất cả các pháp vốn không thật có, nếu đối với các pháp ấy mà nhẫn được thì tất cả không còn có tác dụng gì, mà cũng cần phải xa lìa người ác không nên thân cận.

Lại nên thân cận hai pháp.

Thế nào là hai pháp?

Tất cả các pháp vốn không thật có, mong tu tập các pháp mà không có tâm vướng mắc với sự tu tập.

Thế nào là tu tập?

Như cái gọi là tu tập cũng không thể nắm bắt được, ngay trong cái không thể nắm bắt được ấy cũng không nên sinh tâm. Như lìa tà kiến, xả bỏ ba cõi, cũng nên như vậy mà thực hành hạnh Bồ-tát, xa lìa các hình tướng, phát tâm thực hành hạnh Bồ-tát, khi thực hành hạnh Bồ-tát nên xả bỏ như trên đã nói, có tâm xả bỏ như vậy là đã gặp Phật Di-lặc, xa lìa sợ hãi, mà nói:

Vui thay được an lạc! Vui thay đã lìa bè bạn ma! Vui thay xa lìa đường ác!

Này Ca-diếp! Nếu đã được nghe kinh này, mà tâm không sợ hãi là tự biết chính mình có khả năng duy trì Phật pháp. Như Lai cũng biết người này có khả năng duy trì Pháp tạng.

Này Ca-diếp! Cũng như vị trưởng giả có nhiều tiền tài của báu, con của trưởng giả thấy những vật dụng tiền tài khởi tư tưởng là của cha mình, do lúc đầu thấy một ít vật cho là của mình, sau cũng đem những vật ấy tùy chỗ đến ở khác nhau mà cất giữ.

Như vậy, này Ca-diếp! Thời ấy có Tỳ-kheo nghe những kinh điển như thế này liền nghĩ rằng: "Đây là Phạm âm vi diệu do Đức Như Lai diễn nói". Lại cũng có Tỳ-kheo nghe pháp này sinh tâm phỉ báng. Tỳ-kheo trì pháp nên nói rằng: "Đây là lời chư Phật giảng dạy rất là chân thật, chỉ có một ít kẻ bạc nhược, mà họ ở đâu thì cũng có những ý niệm xấu ác được cất giữ".

Này Ca-diếp! Pháp của ta vào thời mạt, người hộ pháp rất là ít có, ta đem những vị này ủy thác, phó chúc cho Đức Di-lặc để làm bạn bè, những vị này nên tu hành pháp xả rộng lớn.

Thiện nam nào nghe kinh này mà như pháp tu hành, thì vị ấy sẽ ở chỗ Đức Di-lặc, gặp hội thuyết pháp đầu tiên, tu hành phạm hạnh, những chúng

sinh chánh kiến sẽ làm bức thành trì bảo hộ chánh pháp.

Này Ca-diếp! Ta không thấy có, dù chỉ một người, không gặp được ta xuất hiện ở đời. Sau năm trăm năm khi pháp sắp diệt, họ nghe kinh pháp này mà không phỉ báng, lại thọ trì đọc tụng, sẽ không có việc như vậy. Nếu đã thấy ta, thân cận cung kính, sau năm trăm năm đến thời mạt pháp, nếu được nghe kinh này, họ mới có thể thọ trì đọc tụng. Những người như vậy không đợi ta nhắc nhở, mà tự tâm của họ đã có Nhất thiết trí, vừa nghĩ đến ta, liền có hoan hỷ, nói như thế này: "Lạ thay, lạ thay! Đức Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn, dạy giáo pháp và giữ gìn hộ niệm cho ta".

Vì vậy, này Ca-diếp! Nên học pháp này, nếu người tu học pháp này, có mong cầu, điều gì đều được thành tựu không khó.

Khi ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Như con ngày nay sẽ vĩnh viễn không còn sợ mất đạo Vô thượng chánh chân.

Bạch Thế Tôn! Nếu con đầy đủ Nhất thiết trí, mới thật là hoan hỷ; nếu con được đạo Vô thượng, sẽ có sắc thân hiếm có.

Đức Phật bảo:

– Này Ca-diếp! Ta không dạy gì cho ông, ta chỉ nhân nơi tánh chất của ông mà nói những lời ấy, khiến cho ông hết nghi hoặc để mau thành tựu đạo Vô thượng chánh chân.

Lại nữa, này Ca-diếp! Chúng sinh nào mong cầu giáo pháp và tu tập theo giáo pháp thành tựu, thì những người này lần lần sẽ đạt được đạo quả Vô thượng, đoạn trừ tất cả trói buộc ngăn che, nên ta nói pháp cho họ.

Này Ca-diếp! Bồ-tát nên thành tựu bốn pháp.

Những gì là bốn?

Một là, Bồ-tát nên hết lòng tinh tấn.

Thế nào là tinh tấn?

Tinh tấn nghĩa là tâm không mong cầu nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Hai là, tu tập pháp vô lậu.

Thế nào là pháp vô lậu?

Không thật có địa đại, nên không nói địa đại, không thật có thủy, hỏa, phong, đại nên không nói có thủy, hỏa, phong đại.

Ba là, tất cả nói năng đều không thật có.

Bốn là, vì vậy Bồ-tát chỉ dùng ngôn ngữ để đạt đến bên kia bờ giác ngộ.

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Như có người hỏi: Như Lai cũng dùng ngôn ngữ nói pháp, pháp ấy cũng không thật sao?

Bạch Thế Tôn! Có người hỏi như vậy, phải trả lời thế nào? Nay con muốn được nghe từ nơi Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Giác.

Đức Phật bảo:

– Này Ca-diếp! Đời sau sẽ có các Tỳ-kheo xấu ác, không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, sân giận mãnh liệt, khẩu nghiệp lỗ mãng, họ sẽ không thọ trì đọc tụng những kinh điển này.

Vì sao vậy?

Vì họ chấp sắc, thọ, tưởng, hành, thức nên các kinh pháp nói những việc như vậy là không hợp, vì ở thế gian sẽ có các Tỳ-kheo chấp thủ năm uẩn này rất nặng. Khi ấy, Tỳ-kheo trụ vào đó, như ở trong nhà mình, không còn suy cứu tìm cầu về Đệ nhất nghĩa.

Này Ca-diếp! Cũng như người mù bẩm sinh, trang sức một vòng hoa đẹp bằng vàng, thì họ cũng không thể tự biết.

Này Ca-diếp! Các Tỳ-kheo sau này cũng như vậy, khi nghe các kinh điển này còn không thể thọ trì bằng văn tự, huống là suy cứu tìm hiểu về Đệ nhất nghĩa.

Này Ca-diếp! Như có người nam hay nữ gặp đấng Trượng phu, bị gạn hỏi quở trách, sau đó, nếu lại nghe tên của đấng Trượng phu kia thì họ sẽ kinh khiếp sợ hãi.

Như vậy, này Ca-diếp! Đến đời sau này, có các Tỳ-kheo nghe kinh này nói: "Tham lam việc ăn mặc thật là lỗi lầm", biết mình có lỗi nên kinh khiếp sợ hãi.

Này Ca-diếp! Cũng như có con khỉ lớn bị trói cột bằng dây, mà con khỉ này mắt không muốn thấy sự trói cột đó.

Như vậy, này Ca-diếp! Các Tỳ-kheo đời sau cũng vậy, nghe những loại kinh như vầy, mắt không ưa thấy họ sẽ quay lưng bỏ đi.

Này Ca-diếp! Cũng như con chó rượt đuổi con chồn, con chồn liền chạy đến chỗ hang ổ hầm sâu nơi gò mả.

Như vậy, này Ca-diếp! Đời sau, có Tỳ-kheo khi nghe kinh này, thái độ cũng như con chồn bỏ chạy. "Con chồn bỏ chạy", nghĩa là phạm cấm giới, nên nghe những loại kinh này, liền sinh tâm phỉ báng.

Này Ca-diếp! Như con chồn chạy đến gò mả.

Như vậy, này Ca-diếp! Đời sau, có Tỳ-kheo nghe kinh này liền chạy

về nhà, là chạy theo sắc dục, chạy đến chỗ người nữ, chạy đến nơi có đấu tranh, theo học nghề thuốc, theo nghề bói toán, nương vào những việc trên, là tạo điều kiện để phạm giới cấm. Ta nói những việc ấy là dụ như con chồn chạy đến ẩn nấp trong hang nơi gò mả.

Này Ca-diếp! Như con chồn chạy đến hang ổ.

Như vậy, này Ca-diếp! Bấy giờ, các Tỳ-kheo không tu, khi thân hoại mạng chung, sẽ bị đọa địa ngục.

Ta nói những việc ấy là chạy đến hang ổ.

Này Ca-diếp! Những con chồn thì chạy đến hầm sâu, sau này, các vị Tỳ-kheo không tu cũng như vậy, thân hoại mạng chung sẽ bị đọa vào địa ngục.

Này Ca-diếp! Ta nói những việc ấy là hướng đến hầm sâu.

Này Ca-diếp! Họ giống như loài chồn, các Tỳ-kheo này không thể suy cứu, tìm cầu, giải thích nghĩa lý trong những kinh này, mà chỉ biết phỉ báng nêu điều xấu ác, nhất định khi chết họ sẽ phải đọa vào đường ác.

Này Ca-diếp! Nếu có Tỳ-kheo nói rằng: "Pháp ông nói đều không chân thật, lời nói của Như Lai mà cho là chân thật, thì không có trí chân thật".

Có vị Tỳ-kheo nói:

– Nay Đại đức chấp việc gì?, là chấp vào vấn đề tất cả các pháp không, hay là chấp về ngôn thuyết?

Đáp rằng:

– Tôi chấp về ngôn thuyết.

Hỏi:

– Như vậy ông là Phật? Vì sao vậy? Vì ông cũng dùng ngôn thuyết để nói.

Đáp:

– Tôi chấp vấn đề pháp không.

Hỏi:

– Việc này nên hiểu rõ ràng.

Vì sao vậy? Không thể phân biệt nữa, gọi là "không".

Ông nói là "không", tức đã có nói năng.

Lại nữa, ông nói về vấn đề "không"? Ngã là không, sở hữu của bản ngã cũng không, chúng sinh cũng không, cho nên gọi là "không"?

Lại hỏi:

– Này Tỳ-kheo! Ý ông nghĩ thế nào? Ông có vui với ý nghĩa "Tất cả pháp đều không" chăng?

Đáp:

– Tôi không vui với vấn đề tất cả pháp đều không.

Lại hỏi:

– Đại đức! Lâu quá nên quên mất pháp của Sa-môn Thích tử sao?

Vì sao? Vì đúng là Đức Thế Tôn nói: "Tất cả các pháp đều là không, không có thật ngã, chúng sinh, thọ mạng, cũng không thật có người nữa".

Đáp:

– Nay tôi vui thích với ý nghĩa "Tất cả các pháp đều không" ấy.

Hỏi:

– Đại đức còn vui với tất cả các pháp đều không, huống là Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Giác.

Này Đại đức! Ý ông nghĩ thế nào? Mắt là Như Lai chăng? Tai, mũi, lưỡi, thân, ý là Như Lai chăng?

Đáp:

– Mắt là Như Lai. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý là Như Lai.

Hỏi:

– Ở đây nên hiểu rõ, nếu đúng như vậy, thì Đại đức cũng là Như Lai?

Đáp:

– Như vậy mắt chỉ là ngôn ngữ, không phải Như Lai. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý là ngôn ngữ, không phải Như Lai.

Hỏi:

– Ở đây nên phân tích, nếu mắt chẳng phải Như Lai. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý là ngôn ngữ chẳng phải là Như Lai thì Đại đức trước đây nói: Như Lai chỉ là ngôn thuyết, nay vì sao lại nói chẳng phải?

Đáp:

– Mắt chẳng phải là Như Lai, chẳng phải lìa mắt là Như Lai, cho đến ý chẳng phải Như Lai, không lìa ý là Như Lai.

Hỏi:

– Như Lai nói mười hai nhập là chúng sinh, ở đây nên phân biệt.

Này Đại đức! Mắt với sắc là Như Lai chăng? Cho đến ý với pháp là Như Lai chăng?

Đáp:

– Mắt với sắc là Như Lai, cho đến ý với pháp là Như Lai.

Hỏi:

– Như ông nói, thì tất cả chúng sinh đều là Như Lai, tất cả đất bằng, tất cả núi non, cây rừng thảo mộc đều là Như Lai sao?

Đáp:

– Mắt chẳng phải là Như Lai cho đến ý chẳng phải Như Lai.

Hỏi:

– Nếu như vậy, thì Như Lai thuyết pháp là pháp hay chẳng phải pháp?

Đáp:

– Sắc chẳng phải Như Lai, cho đến pháp chẳng phải Như Lai.

Hỏi:

– Này Đại đức, pháp chẳng phải là Như Lai chăng?

Đáp:

– Pháp chẳng phải là Như Lai.

Hỏi:

– Nếu như vậy, có các chúng sinh nói không có cha mẹ, không Sa-môn, Bà-la-môn, chủng tánh không thuần thục, sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, ác khẩu, thêu dệt, tham, sân, tà kiến, như ông đã nói đều là Như Lai chăng?

Đáp:

– Chẳng phải bất thiện gọi là Như Lai.

Hỏi:

– Nếu vậy, như ông nói: Pháp chẳng phải Như Lai, phi pháp chẳng phải Như Lai. Nếu pháp và phi pháp chẳng phải Như Lai thì không thể nói như lời Đại đức nói: Không có nói năng gọi là Như Lai.

Này Ca-diếp! Phải nên thường điều phục các người ác như vậy.

Này Ca-diếp! Ta không thấy Trời, Người, Ma, Phạm trong thế gian, có thể cùng vấn đề như vậy mà không đúng như pháp giảng nói và cùng luận bàn, chỉ trừ người sân si không kham nhẫn, người không có nhân duyên, chê bai pháp không, họ mới từ bỏ mà đi.

Vì vậy nên, Ca-diếp! Các ông nên giữ gìn kinh này.

Này Ca-diếp! Đời sau này, người giữ gìn pháp này, sẽ có ba tên gọi, thế nào là ba?

Đó là người nói về đoạn diệt.

Đó là người nói không vật chất.

Đó là người nói không ấm tụ, nên họ không cung kính.

Này Ca-diếp! Đến thời ấy, những kinh điển này sẽ bị phỉ báng.

Này Ca-diếp! Ông quán sát, đến thời ấy họ không cung kính Phật, không cung kính Pháp, không cung kính Tăng. Nếu đã không cung kính Phật, Pháp, Tăng, thì làm gì có Tăng mà gọi là được an trụ, mà chỉ còn nương trên sự nói năng và tên gọi thôi.

Tuy có xướng tên của Phật để nói với mọi người, mà không thể thấy biết thế nào là Phật; tuy miệng nói pháp mà không thể biết Đức Như Lai Thế Tôn vì sao nói pháp; tuy nói đến bốn hướng, bốn quả chứng của vị Tăng Thanh văn theo Phật Thế Tôn nhưng chỉ biết tên gọi mà không biết được thật đức của tên gọi ấy. Họ bị các thứ y phục, ăn uống, đồ nằm, thuốc thang trị bệnh, vì các duyên bên ngoài chi phối nên sinh tâm hủy báng pháp.

Bồ-tát đối với kinh pháp này nên siêng năng tinh tấn tu tập, nếu ít ưa muốn các kinh này, thì cần siêng năng thọ trì đọc tụng.

Vì sao vậy? Vì người này đời sau sẽ là thành trì hộ pháp. Vì rằng, trong chín mươi mốt kiếp sau không ai diễn nói pháp không này.

Này Ca-diếp! Ta nhớ một ngàn kiếp về đời quá khứ, khi ấy có Đức Phật xuất hiện ở đời, hiệu là Tịch Diệt, sống lâu bốn vạn tám ngàn năm, hộ trì hàng Bồ-tát, làm lợi ích thế gian. Lại có Đức Phật Ly Cấu sống lâu hai mươi mốt kiếp, tu hành đạo Bồ-tát, sau đó mới thành tựu đạo Vô thượng.

Này Ca-diếp! Ông quán sát các Đức Như Lai thực hành biết bao nhiêu hạnh nguyện khó làm để nhiếp hóa các chúng sinh.

Này Ca-diếp! Đến lúc kiếp trược đã hết, không nên trách mắng họ.

Vì sao vậy? Này Ca-diếp! Đến lúc kiếp trược đã hết, nếu có một người có thể tin pháp này, thì rất là ít có. Đến thời ấy, người giữ gìn pháp này, sẽ không bị dao, gậy, ngói đá làm hại, cũng rất là ít có.

Vì sao vậy? Này Ca-diếp! Pháp này là pháp rất tốt của đấng Trượng phu. Nghĩa là pháp nói tất cả các hạnh là chẳng phải hạnh. Nếu người có những chấp trước về ngã kiến, chúng sinh kiến, mạn kiến, nhân kiến, mà không cởi mở thông suốt được và người dựa vào kiến chấp ấy, nghĩa là kiến chấp về giới, về Phật, về Pháp, về Tăng, kiến chấp về Niết-bàn, nếu có người sinh khởi kiến chấp về Niết-bàn, thì Như Lai liền biết kẻ đó là tà kiến.

Vì sao vậy? Này Ca-diếp! Như Lai không có Niết-bàn, cũng không chứng đắc Niết-bàn.

Này Ca-diếp! Người nào chấp có Niết-bàn, chứng đắc Niết-bàn, Như

Lai nói họ là người tà kiến, nếu đã có tà kiến thì gọi là người không có trí, không có trí nên bị hại, là người phàm phu ngu muội. Người phàm phu ngu muội được sinh lên cõi trời cũng còn rất khó, huống nữa là được đạo quả Bồ-đề của Phật.

Này Ca-diếp! Trong đời sau, sẽ có Tỳ-kheo tuổi hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, sáu mươi, bảy mươi, tám mươi cho đến một trăm tuổi, già cả không có trí, trang nghiêm bằng y phục, cạo tóc hủy hình. Người già mà ngu si không có oai đức, sinh khởi các nghiệp tà, đến khi lâm chung, lại tạo các điều ác, hủy phạm giới pháp, do ba việc tạo thêm gian trá.

Những gì là ba?

1. Thị hiện oai nghi.

2. Thị hiện trì giới.

3. Giả người hành thiện.

Họ dùng cử chỉ và hiện tướng đúng như pháp này, để nêu rõ các đức của mình, nhưng lại rơi vào việc lường láo, không thật, do tâm đang si mê hối hận mà nhận lấy cái chết, nên khi thân hoại mạng chung liền bị đọa vào địa ngục.

Vì vậy, này Ca-diếp! Ta nay tự nói: Ta là tri thức chân chánh của các ngươi, ta giáo hóa các ngươi vì muốn lợi ích cho các ngươi, thương xót các ngươi, không để cho đời sau phải chịu khổ não.

Này Ca-diếp! Ta thật không chấp nhận cho chúng sinh có nhiều kiến chấp mà được xuất gia. Người chấp chặt ngã kiến, chúng sinh kiến, mạng kiến, nhân kiến mà được xuất gia thì ta thật không chấp nhận, người gắng gượng xuất gia trong pháp của ta, ăn dùng của tín thí, mà không có công đức trì giới chân thật.

Này Ca-diếp! Con người thà chịu nhịn ăn uống trong sáu ngày, không nên chấp trước ngã kiến, chúng sinh kiến, mạng kiến, nhân kiến cho đến chấp trước Niết-bàn kiến, mà thọ nhận đồ ăn của tín thí. Đối với việc này, Bồ-tát phải siêng năng tinh tấn, không chấp trước ngã kiến cho đến Niết-bàn kiến.

Này Ca-diếp! Những kinh điển này ta giao phó cho các vị Thiện trượng phu.

Vì sao vậy? Vì việc làm của những vị này cũng như ta, những vị này là bạn bè của ta.

Khi ấy Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Các chúng sinh khổ não

Đều không ai cứu giúp
Chỉ trừ vị Đạo sư
Bậc không còn hý luận.
Các chúng sinh khổ não
Theo con đường tối tăm
Tham muốn luôn lớn dần
Do đó đọa đường ác,
Không hướng dẫn, bất lợi
Nương ở chỗ nguy hiểm
Đi vào đường bất chánh
Không bao giờ an ổn.
Như người mang của báu
Ham lợi vào đường hiểm
Gặp phải bọn giặc cướp
Bị chúng cướp sạch cả,
Mất của trở về không
Mất lợi thêm khổ não
Theo người khác vay nợ
Do đó càng thêm khổ.
Chúng sinh cũng như vậy
Tạo nghiệp rồi chưa trả
Vốn có tạo nghiệp lành
Trở lại dùng của ấy,
Nương nơi kẻ cướp đoạt
Phàm phu nhiễm tà kiến
Chấp chặt nơi ngã kiến
Mạng kiến và nhân kiến.
Tỳ-kheo nói pháp không
Lại chấp ngã, nhân kiến
Do đó sinh phỉ báng
Mau chóng đọa đường ác,
Càng thêm sự sân giận
Lại cùng nhau khinh chê
Phỉ báng nói không thật
Người này không hổ thẹn,
Thân, miệng tạo việc ác
Ý nghiệp rất gian dối
Chấp chặt các tà kiến

Rơi vào chỗ xấu ác,
Đã tạo các nghiệp ác
Mau chóng đến chỗ ác
Phải chịu nhiều khổ não
Không ai cứu giúp được.
Đời sau này sẽ có
Người quá nhiều sân giận
Làm khổ vị Tỳ-kheo
Hướng đến đạo Bồ-đề,
Đối với các kinh này
Không thích lại hủy bỏ
Chẳng có lòng tin kính
Với pháp Thích sư tử,
Lại cùng nhau tranh tụng
Liền giận dữ cạnh tranh
Ưa chê bai lẫn nhau
Tiếng ác vang khắp nơi,
Tạo các thứ phỉ báng
Họ càng thêm hổ thẹn
Bạn ác tăng thế lực
Người nhu hòa kém yếu
Biết chánh pháp suy yếu
Thế lực pháp ác tăng
Tỳ-kheo nên ẩn tu
Người thương con là ta
Phải đến phương trời nào
Được ở chỗ an ổn
Rời xa các người ác
Không Từ bi với họ.
Đối kinh này của ta
Phải thường nên suy nghĩ
Đạo sư đã giảng nói
Tự lấy đây làm vui,
Ta nên đến nơi này
Là chỗ Phật khen ngợi
Đến khi pháp hủy hoại
Người nhu hòa khó gặp.
Hoặc có người nói rằng

Nên xa lìa chỗ này
Tìm đến Đại Tiên nhân
Sẽ được đạo Vô thượng.
Lại có người nói rằng
Lành thay! Nói lời này
Đức Đạo Sư có dạy
Nên đi lễ các tháp,
Thà đến những chỗ này
Chiêm ngưỡng cây Bồ-đề
Không như người ganh ghét
Sân giận cạnh tranh nhau.
Tỳ-kheo này nên đi
Ta nói cũng cần đến
Được thấy các chỗ ấy
Gọi là trú xứ Phật.
Nơi kinh hành, chỗ ngồi
Phiến đá hoặc khoảng không
Cùng đến chỗ ngồi này
Gặp nhau đều rơi lệ.
Đây chỗ Đấng Đại Tiên
Nơi kinh hành thọ dụng
Phật đã từng ở đây
Nay không còn trông thấy,
Đấng Tiên nhân cao tột
Đã nói pháp Vô thượng
Chúng con không còn thấy
Pháp hữu vi vô thường,
Người và các phi nhân
Trời, rồng đều đến đây
Khéo nói khiến hoan hỷ
Chúng con nay không thấy.
Đã đến trú xứ này
Dưới gốc cây Bồ-đề
Được đến chỗ này rồi
Chánh niệm khéo suy nghĩ,
Khi ấy, Đức Đạo Sư
Được giác ngộ cao tột
Các Ma vương sợ hãi

Hoảng hốt như chồn con,
Đây vốn là đạo tràng
Đức Như Lai an tọa
Phật quá khứ, vị lai
Cũng an tọa chỗ này.
Đây là Đấng Dũng Kiện
Chư Thiên đều cung kính
Ngồi kiết già bảy ngày
Quán sát cây thọ vương,
Đã nhận người cúng dường
Đến vườn Nai nói pháp
Chuyển pháp luân cao tột
Thanh văn và Phạm thế.
Tỳ-kheo đến chỗ kia
Mắt lệ tuôn trào mãi
Đấng Dũng Kiện đến đây
Điều phục năm anh em,
Năm người vừa thấy Phật
Liền sinh tâm không vui
Cùng nhau bàn tính trước
Ngài đến không dậy chào.
Là Thế Tôn đại Bi
Với họ khởi lòng thương
Vì năm Tỳ-kheo nói
Chuyển vận pháp cam lộ,
Lễ nơi chuyển pháp luân
Lại tiếp tục rơi lệ
Lần đến chỗ Niết-bàn
Nơi Đức Phật nhập diệt.
Thời ấy Đức Đạo Sư
Làm lợi ích chúng sinh
Bỏ thân mạng cuối cùng
Ngài diệt độ ở đây.
Quý thay! Phật Thế Tôn
Đấng Năng Nhân Sư tử
Nay chỉ nghe hồng danh
Mà không thấy thân hình
Là Tiên nhân Vô thượng

Thiện hiền, thân sau cùng
Đại trí biết là vậy
Đây là thân rốt sau,
Hoặc du hành mạng chung
Tịch diệt ở trú xứ
Hành hóa rồi mạng chung
Sẽ sinh đến cõi lành.
Sau này đến thời mạt
Phật pháp được lan rộng
Mới nên vào Niết-bàn
Những người giữ tịnh giới,
Hoặc Tỳ-kheo phá giới
Đều cũng được cúng dường
Ăn mặc thọ dụng nhiều
Mau rơi vào đường ác,
Các Tỳ-kheo xem xét
Như có những sai lầm
Người trí liền chấm dứt
Nhanh chóng được sinh Thiên.
Họ là đèn chiếu sáng
Người thương xót thế gian
Bồ-tát trí tuệ lớn
Lòng từ lợi chúng sinh,
Nên nương người tri thức
Tâm hoan hỷ phấn khởi
Ta sẽ được thành Phật
Cũng gặp Đức Di-lặc
Sẽ cúng dường Thế Tôn
Được ở trước đại chúng
Đức Phật thọ ký cho
Như trong lòng suy nghĩ.
Có được năng lực lớn
Ta giảng nghĩa như thật
Tuy không được thấy Phật
Mà như được đối diện
Ta nên tự an ủi
Rồi sẽ được như ý
Đã có phần giác ngộ

Hãy đảnh lễ chư Phật!
Nếu có những người nữ
Hướng giác ngộ cao tột
Ta cũng an ủi họ
Như Chư Phật Thế Tôn.
Xả thân người nữ rồi
Mau chuyển thành thân nam
Được gặp Đức Di-lặc
Liền cung kính cúng dường,
Tất cả những mong cầu
Thảy đều như ý muốn
Theo học hỏi người trí
Đầy đủ lực kiên trì,
Mong muốn và vững chắc
Trì giới, ham nghe nhiều
Liền được Đức Di-lặc
Thân hành thọ ký riêng.
Được lợi ích như thế
Sinh niềm tin hiền thiện
Tin vững lại phát tâm
Nhiếp hóa các chúng sinh,
Không có ai mong cầu
Mà không được toại ý
Có trí tuệ tinh tấn
Được giác ngộ không khó.
Không có tâm quanh co
Luôn thực tập lòng Từ
Thường nương chỗ nhàn tịnh
Gọi là hạnh giác ngộ,
Nếu bỏ việc như vậy
Chỉ nói đến giác ngộ
Đây là loại giặc tham
Tất cả nên xa lìa.
Nếu vì ham ăn uống
Và các việc lợi dưỡng
Dối chấp là chánh pháp
Cùng nhau ưa luận bàn,
Đời sống không trong sạch

Dùng si để sinh sống
Bị điều xấu làm hại
Phải vướng vào đường ác.
Là pháp môn một vị
Chỉ mượn tên Tỳ-kheo
Hay hủy báng chánh pháp
Và giới luật giải thoát.
Nếu có người trì giới
Ta nói pháp cấm giới
Tỳ-kheo giả hủy báng
Họ không đến cõi lành,
Người, trời trong thế gian
Đều lánh xa, lìa bỏ
Bậc trí ở trong đời
Lại càng xa người này.
Nếu thân không nghiệp ác
Khẩu nghiệp cũng hiền thiện
Ý nghiệp liền thanh tịnh
Mau chóng đến Niết-bàn.

Này Ca-diếp! Sau khi Như Lai diệt độ, đến thời mạt pháp, các Tỳ-kheo, có gieo trồng căn lành nơi chư Phật đời trước đều đã vào Niết-bàn. Các chúng sinh thuần thiện cũng đã qua đời hết. Sau năm trăm năm sẽ có hai loại Tỳ-kheo, tham cầu không chán, sân giận tách ra khỏi Tăng chúng, thô tháo độc ác với bộ mặt sân si, buồn rầu. Họ sống theo ba cách. Những gì là ba?

1. Chuyên về nghề thuốc.
2. Nương việc buôn bán.
3. Thân cận người nữ.

Do sống theo ba pháp này nên mất bốn pháp, những gì là bốn:

1. Mất các giới.
2. Mất đường lành.
3. Mất được chứng quả.
4. Mất sự thấy được pháp như thật.

Người đã có bốn pháp này lại tăng thêm bốn pháp, những gì là bốn:

1. Ganh ghét mãnh liệt.
2. Sân giận mãnh liệt.

3. Tham của người khác mãnh liệt.

4. Tham đắm lợi dưỡng nên chứa để thật nhiều, lại tham đắm y phục, tạo các kho chứa, lấy đó làm sự nghiệp nhưng chúng là rỗng không, không thật có, không có cung cách của Sa-môn. Đã có bốn pháp này lại rơi vào bốn pháp khác, đó là:

1. Thường ưa phỉ báng pháp.

2. Nói không đúng lúc.

3. Nói pháp riêng cho người nữ.

4. Lần lượt phạm giới.

Đã nghe các pháp này rồi, liền rơi vào vòng tai họa.

Này Ca-diếp! Cũng như người gặp chó dữ lại đánh nhằm vào mũi nó.

Này Ca-diếp! Ý ông nghĩ sao? Con chó ấy sẽ tăng thêm sự hung dữ chăng?

Tôn giả thưa:

– Bạch Thế Tôn! Đúng vậy, nó sẽ tăng thêm sự hung ác.

Đức Phật dạy:

– Này Ca-diếp! Những người ác này cũng như chó dữ, kia như Tỳ-xá-giá.

Nếu Tỳ-kheo tâm ý thanh tịnh, thọ trì và giảng nói pháp này, mới là người chân thật ít ham muốn, khen ngợi nói về hạnh ít ham muốn. Nhưng hạng người kia nghe rồi kinh hãi, cho là quái lạ không tin, lòng bức rức khiếp nhược, lại càng tăng sân giận, rồi họ sẽ nương vào nghiệp nào đây?

Việc này tuy chưa đến nhưng nay ta nói trước, sau này sẽ có người không tu, khi nghe kinh này họ sẽ phỉ báng, như bị kim châm, lòng rất giận dữ, nói: "Đây chẳng phải kinh do Đức Phật nói, chê bai người ít ham muốn". Đây gọi là người nhiều ham muốn, chẳng phải ít ham muốn.

Này Ca-diếp! Ta thường tìm nhiều cách khen ngợi người tu hạnh ít ham muốn, khen ngợi người biết đủ, người khéo bố tát, người ở với nhau yên ổn, người thực hành hạnh Đầu-đà, người ở chỗ yên lặng, người có nghề sống trong sạch, các ngươi chớ cùng với họ làm các việc ác và cùng đồng lõa với họ.

Vì sao vậy? Vì đây là cách sống tại gia, người tu chớ dùng cách này để xâm phạm lừa dối người, vì là cách sống tại gia nên các ngươi không nên quá sân hận. Các ngươi cũng chớ ham gom góp nhiều tiền tài vật chất, nên xả bỏ tài vật. Các ngươi cẩn thận chớ hiển bày tướng lạ khen ngợi công đức của mình, các ngươi cũng không nên bị trói cột lưu luyến vật chất, ham

cất chứa nhiều, các ngươi cũng chớ nuôi lạc đà, ngựa, bò, lừa, cũng không nên quá biếng nhác, nên siêng năng tinh tấn đoạn trừ pháp bất thiện, tu tập pháp thiện.

Này Ca-diếp! Ta thường dùng các nhân duyên để khen ngợi người ưa thích chỗ thanh tịnh, vắng lặng, không thân cận với nhà người đời.

Đến thời mạt pháp sau này, sẽ có người chống lại pháp của ta, họ đã chống trái với pháp của ta rồi, lại còn muốn tạo các tai họa phỉ báng chánh pháp.

Này Ca-diếp! Cũng như có người khi đang bệnh nóng mà ăn lá tía tô, khi đã dùng lại càng bị khát nước, nên nói với những người khác: "Cho tôi xin một ít nước".

Người kia đáp: "Này đại trượng phu, chớ xin nước vì ông đã dùng lá tía tô, ông có thể chết".

Người kia nóng giận la mắng người này, do không nghe lời người khác, người bệnh kia uống nước liền qua đời.

Cũng vậy, này Ca-diếp! Tỳ-kheo thời sau này chấp thủ về "hữu kiến". Vừa chấp giữ ý ác.

Tỳ-kheo ấy nói: Chỉ việc này là nên nương tựa, còn các pháp khác không nên nương tựa, lại ưa phản đối, sân giận, chê bai, mắng nhiếc, chê bai các kinh giáo pháp của Như Lai.

Vì vậy, này Ca-diếp! Những người này cạnh tranh với Như Lai.

Này Ca-diếp! Ông hãy xem xét Tỳ-kheo Hiền Hộ, khi Như Lai chế giới: "Các Tỳ-kheo Tăng ngày ăn một bữa". Khi nghe xong, Tỳ-kheo ấy sân giận, trong ba tháng ông ấy không đến chỗ ta.

Này Ca-diếp! Khi ấy chư Tăng đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh mà còn như vậy, huống nữa sau khi Như Lai diệt độ, người tham về ăn uống, tham đắm y bát, đồ nằm, thuốc trị bệnh, họ bị mê mờ che lấp, sân giận mãnh liệt, nghe các kinh điển này còn không cung kính với Phật Như Lai, huống gì các vị Tỳ-kheo hành trì đúng như pháp.

Này Ca-diếp! Nếu các pháp này đã bị ẩn diệt, thì cuộc đời thật không tốt lành, lại càng thêm đen tối.

Này Ca-diếp! Thiện nam nào, muốn cầu điều tốt lành, nên tin vào pháp này của ta.

Về sau, đến đời mạt pháp, gặp nhiều xấu ác tai biến, khi giáo pháp của ta đến thời cuối, đời nhiều tạp nhiễm ô uế, con người sân giận hung dữ, khó gặp người lành. Thời ấy, người nào nghe và tin hiểu những kinh điển

sâu xa này, nên tin rằng người ấy đang ứng hợp với Phật pháp, chẳng phải không ứng hợp, nên nói người ấy tin và thọ trì, chẳng phải không tin và thọ trì.

Này Ca-diếp! Nay ta cũng nói: gọi là tương ưng chẳng phải không tương ưng, chẳng phải không tin nhận.

Này Ca-diếp! Cũng như ngựa dữ, gặp người điều khiển ngựa giỏi mà còn chưa cỡi được; nếu hoàn cảnh an tịnh, không ồn ào còn không điều thuận, huống là đang trong cảnh thổi ốc, đánh chuông, khua trống mà chịu đựng được thì không có điều ấy.

Này Ca-diếp! Tỳ-kheo phá giới, mà có thể tiếp nhận được pháp của bậc Thiện trượng phu thì không thể có điều đó.

Này Ca-diếp! Cũng như ngựa dữ dùng roi đánh xuống một lần là ngựa kinh sợ.

Như vậy, này Ca-diếp! Chỉ nghe nói đến pháp không, vô ngã một lần, nếu người chấp trước nơi ngã sẽ kinh hãi sợ sệt mà phải đứng lên tranh tụng, huống lại giảng nói rõ về pháp ấy.

Này Ca-diếp! Cần nên phát khởi nguồn gốc của tâm siêng năng và đại trang nghiêm, để hàng phục trăm, ngàn, vạn, ức các ma, khiến cho chúng hoàn toàn không còn sự tranh tụng.

Thế nào là phát khởi nguồn gốc siêng năng?

Không ham muốn là nguồn gốc siêng năng.

Công đức thực hành hạnh Đầu-đà là nguồn gốc siêng năng.

Không tham lam là nguồn gốc của siêng năng.

Không si, không sân là nguồn gốc của siêng năng.

Không ganh ghét là nguồn gốc của siêng năng.

Xa lìa tham dục là nguồn gốc của siêng năng.

Ở một mình không bè bạn là nguồn gốc của siêng năng.

Xa lìa ngủ nghỉ là nguồn gốc của siêng năng.

Không khởi tất cả tâm ác bất cứ lúc nào là nguồn gốc của siêng năng.

Không khởi tâm tham dục bất cứ lúc nào là nguồn gốc của siêng năng.

Không khởi tâm nghi là rất siêng năng để lìa tất cả nghi, đã lìa tất cả nghi là đại trang nghiêm, phát tâm Bồ-đề không còn nương gá, huống lại còn tư tưởng chấp ngã.

Sau cùng, không nên khởi các tưởng về ngã, tưởng chúng sinh, tưởng mạng, tưởng con người, tưởng nam, nữ; không sinh khởi các tưởng về đất,

nước, lửa, gió; không khởi tưởng về cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc; không khởi tưởng về giữ giới hay phạm giới; không khởi tưởng về không, tức không nên khởi tất cả tư tưởng, cho đến đối với Niết-bàn cũng không nên khởi tưởng.

Thế nào gọi là không nên sinh khởi các tưởng?

Vì các tưởng vốn không thật có.

Này Ca-diếp! Như tham dục là không thật, người biết diệt tham dục cũng không thật.

Này Ca-diếp! Dục không có sự nhất định, chỉ phương tiện tạm nói mà thôi. Vì vậy, Như Lai nói như thật: Dục này không phải là pháp như thật của ta, nó là pháp Tịch diệt.

Thế nào là pháp Tịch diệt?

Nếu chấp cho là ta không chấp trước, thì tư tưởng chấp trước còn lớn hơn núi Tu-di. Nếu người có tư tưởng chấp trước, nên biết người đó thất bại trong pháp của bậc Thánh. Người kia không thể phát khởi pháp của Sa-môn, không thể nương vào pháp của Sa-môn, mà chỉ gọi là người ngu si, do ngu si, nên vĩnh viễn không thể phát khởi pháp của Sa-môn.

Vì sao vậy?

Vì người có tư tưởng chấp thủ, sẽ bị đọa vào địa ngục Vô gián trong vô lượng kiếp.

Này Ca-diếp! Như Tỳ-kheo Quán-cẩu-ca-ly, Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa, Tỳ-kheo Toái Tài, Tỳ-kheo Hắc-kheo-xá, Tỳ-kheo Hải Dữ.

Này Ca-diếp! Như Tỳ-kheo Mã Sư, Tỳ-kheo Mãn-túc, Tỳ-kheo Thiện Tinh, là người gần gũi giúp đỡ ta, thường nghe ta nói pháp, thấy ta kinh hành, thấy ta ngồi thiền, thấy ta vận thần thông đi qua lại trên không, thấy trăm ngàn ngoại đạo bị ta hàng phục. Những người như vậy còn không có tâm tốt đối với ta họ, là con trùng dưới chân chống trái với ta tự dẫn đến đường ác. Nếu ai thật sự muốn nói đến công đức của Như Lai, ông nên dùng bột Chiên-đàn nhiều như núi Tu-di, rải lên trên cao biến thành lọng báu lớn trùm cả ba ngàn thế giới, rồi ở trong hư không đứng hầu vị ấy.

Vì sao vậy?

Này Ca-diếp! Vì người ấy có lòng tin xưng niệm danh hiệu Phật, bởi người thật sự có lòng tin rất ít, huống là người có lòng tin theo Phật xuất gia, xa lìa tham dục, tu thiền không chấp trước, hạng người kia rất ít có.

Này Ca-diếp! Nếu chúng sinh thọ trì giới cấm như ta đã dạy, tin hiểu giáo pháp cam lồ như vậy, lại càng hiếm có.

Này Ca-diếp! Như có quần chúng nhóm họp ở đình miếu cùng làm một hình nộm rất đẹp, vẽ họa sắc sảo, mà bên trong chứa đầy phần dơ, hoặc có người chỉ thấy màu sắc y phục bên ngoài nên mang đi khoe với người. Có người thấy biết hình kia không thật nên liền xả bỏ.

Như vậy, này Ca-diếp! Có Tỳ-kheo, thấy ngôi nhà pháp công đức của Như Lai, trong đó có Tỳ-kheo thì sinh khởi tưởng về ngã.

Này Ca-diếp! Nếu có tưởng về ngã sẽ có tưởng về dục, nếu chấp tướng khác thì người ấy sẽ sinh tham dục.

Này Ca-diếp! Người không có tưởng chấp ngã, nghe các kinh này không sinh sân giận.

Vì sao vậy?

Vì làm thương tổn người khác là việc làm không tốt. Do đó, người nghe pháp này đều là người có tâm tốt. Nếu có nhiễm trước đối với tướng ngã là người tà kiến, người tà kiến khi nghe lời dạy chân thật này, họ sẽ sân giận.

Vì sao vậy?

Này Ca-diếp! Vì có tướng ngã tức là khởi sân hận.

Này Ca-diếp! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nghe những giáo pháp này mà sân giận phỉ báng, thì người này chỉ là Sa-môn trên hình thức và tên gọi mà thôi, ta không phải là thầy của họ, họ cũng không phải là đệ tử của ta.

Vì sao vậy? Vì người nói dối kia chẳng phải là đệ tử của ta, ta cũng không phải là thầy của kẻ nói dối ấy.

Vì sao vậy?

Này Ca-diếp! Vì Như Lai nói lời chân thật, Như Lai nói rằng tất cả pháp vốn không thật có.

Này Ca-diếp! Như Lai Thế Tôn phá tất cả tâm chấp ngã, vì người này tranh với Như Lai, nếu có kẻ tranh với Phật Như Lai, thì gọi là ma. Như Lai không chấp nhận bè đảng ma xuất gia thọ giới Cụ túc.

Này Ca-diếp! Nếu có người nói: ngựa con từ rồng và voi mẹ sinh ra.

Này Ca-diếp! Ý ông nghĩ sao? Lời người này nói đáng tin không?

Tôn giả Ca-diếp bạch rằng:

– Bạch Thế Tôn, không thể tin!

– Này Ca-diếp! Lời này có phù hợp không?

– Bạch Thế Tôn, không phù hợp!

– Này Ca-diếp! Chúng sinh nào chấp trước tưởng ngã, tưởng chúng sinh, tưởng thọ mạng, tưởng về người cho đến tưởng Niết-bàn, mà gọi ta là thầy, càng không thể phù hợp.

Này Ca-diếp! Nếu có người đến nói: Chim chúa đại bàng cánh vàng, từ loài chim thường mà sinh.

Này Ca-diếp! Ý ông nghĩ thế nào? Lời nói như vậy có đáng tin không?

– Bạch Thế Tôn, không thể tin được!

– Này Ca-diếp! Nói năng như vậy là tương ưng hay không tương ưng?

Tôn giả Ca-diếp thưa:

– Bạch Thế Tôn! Như vậy là không tương ưng.

– Này Ca-diếp! Người nào chấp chặt nơi ngã, cho đến chấp trước Niết-bàn, mà gọi ta là Thầy, càng không thể phù hợp.

Này Ca-diếp! Giả sử có người nói: "Có con đom đóm vác núi Tu-di".

Này Ca-diếp! Ý ông thế nào? Người nói lời như vậy có đáng tin không?

– Bạch Thế Tôn, không thể tin!

– Này Ca-diếp! Nói như vậy có phù hợp không?

Này Ca-diếp! Những người ác này, chấp về ngã kiến, chúng sinh kiến cho đến Niết-bàn kiến, gọi ta là Thầy thì càng không thể phù hợp.

Này Ca-diếp! Cũng như có vị Đại vương sai phái một sứ giả. Lại có một người không ai biết, giả làm người sứ giả truyền lệnh vua đến các nhà giàu có lớn, nói rằng: "Đây là lệnh vua, sai ta làm việc này". Khi ấy, các quan và những người nhà giàu, thấy người lạ này dựa thế lực, nên trả lời rằng: "Tôi sẽ làm việc ấy".

Khi ấy, các nhà giàu vì muốn bảo vệ sự sống nên đã đi đến chỗ vua.

Như vậy, này Ca-diếp! Năng lực phước báo của Như Lai đầy đủ tự tại, như vua được an lạc không có thù oán. Vua ở chỗ cung điện rộng lớn ăn uống đầy đủ. Tăng chúng đệ tử của Như Lai cũng như vậy, không có thù oán, ở trong cương giới của Phật pháp thì thực phẩm đầy đủ.

Lại có một người lạ, không ai mời mà đến ở trong chúng, tự nói kiến chấp về ngã, kiến chấp về Niết-bàn, rồi nói: Như Lai nói như vậy, như vậy. Lời này nên làm, lời này không nên làm.

Người có lòng tin với Như Lai, không trái lời Phật dạy, nghe nói như vậy, tự giảm bớt phần ăn mặc của vợ con, dùng phẩm vật tốt đẹp để

dâng cúng, do niềm tin cung kính cúng dường, chỉ biết cúng mà không biết thời gian và cách cúng. Người như vậy cũng như kẻ lạ kia, nhận phẩm vật cúng, ăn xong vui thích ồn ào, luận bàn việc vua, việc giặc; nói toàn chuyện ăn uống, chuyện dâm nữ, bàn chuyện thuốc chữa bệnh, chuyện nguyệt thực, nhật thực, nói chuyện các vương gia. Lại còn nói chỗ này dễ kiếm được đồ ăn, chỗ kia không kiếm được. Như vậy, luận bàn đủ các vấn đề suốt cả ngày, đêm, rồi ở đấy hai đêm, ba đêm cho đến sáu đêm, rồi cùng nhau bàn luận tất cả mọi việc; có đủ những tánh ganh ghét, kiêu mạng, nhiều cách chơi giỡn, cười cợt, nói năng hỗn tạp, nước dãi lòng thòng, loạn tưởng mê ngủ, tùy theo sự vọng tưởng rồi nằm ngủ chiêm bao, thấy chính mình đi đến chỗ kia được người khác nghênh tiếp cung kính, khi ngủ dậy lại cùng nhau đoán mộng: "Này Đại đức! Ban đêm tôi nằm mộng thấy mình đi đến chỗ ấy rồi được thực phẩm như vậy".

Người kia nói: "Đây là mộng lành, ông nên mau đến chỗ ấy". Kẻ kia liền đi đến chỗ thành ấp trong nhân gian, đưa mắt nhìn ngắm, trong lòng nóng nảy bức rức do có quá nhiều hy vọng, trong tâm không thể chuyên nhất, mất hết oai nghi, các căn không vắng lặng, bị tâm rối loạn chi phối, nên khi đến nhà người sẽ dễ phạm cấm giới, một mình nói pháp cho người nữ làm nhân duyên để được giỡn cười, do đó lần lần thể hiện tướng tham dục, dùng những phương tiện đó để được lợi dưỡng, đã được lợi dưỡng mến ưa tham nhiễm, đam mê vướng mắc, thường ở chỗ ấy. Nếu trái với ý đã mong muốn, thời buồn khóc ra đi, tìm đến hai chỗ: Nơi được đón tiếp nồng hậu và nơi được khen ngợi, nếu không được tiếp đãi nồng hậu họ sẽ mắng nhiếc vị thí chủ ấy.

Rồi họ nhóm họp lại hỏi nhau rằng: "Ai bố thí cho các vị? Những người nào được thí? Được bố thí bao nhiêu? Ăn dùng còn nhiều ít?"

Này Ca-diếp! Như vậy, họ làm rất nhiều việc, không tương ưng với giáo pháp mà họ vẫn tiếp tục làm cho đến chết.

Này Ca-diếp! Họ làm những việc không tương ưng như thế là phỉ báng chánh pháp.

Ca-diếp nên biết! Những Tỳ-kheo thô ác như thế chúng ta nên thương xót họ. Vì sao vậy? Vì những người như thế sẽ phải chịu những khổ báo lớn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Giả sử giả nhà vua
Vì bảo dưỡng sự sống

Đi dạo qua nhiều nhà
Nói vua ra lệnh này,
Người kia đã nghe lệnh
Không giận sợ trách phạt
Kẻ ngu ưa dựa thế
Nương thế lực để sống.
Huống là Đức Tối Thắng
Trải qua trăm ngàn kiếp
Bố thí cả tay chân
Thực hành các hạnh khổ,
Phủ nhận Đấng Pháp Vương
Liền rơi vào lỗi lầm
Cũng không hỏi người trí
Việc nên làm hay không?
Tại gia cúng Tỳ-kheo
Đồ ăn uống hảo hạng
Loại y phục tốt đẹp
Đều cung kính cúng dường,
Tự mình nhịn ăn mặc
Cũng giảm phần con cái
Gom vật dụng quý tốt
Để cúng người trì giới.
Tu hành không tương ưng
Ăn rồi liền bỏ đi
Tụ tập lại một chỗ
Hỏi nhau món ăn ngon,
Nào việc vua, việc giặc
Lại nói việc đấu tranh
Cũng bàn việc ăn uống
Vì sao Phật nhóm họp?
Hoặc nói nhật, nguyệt thực
Hỏi việc vua kinh lý
Là sẽ được thành tựu
Hay lại bị thất bại,
Lời nói không tương ưng
Mà lại thường diễn nói
Thật là điều không nên
(Các tạng đều thiếu một câu)

Ưa đi đến nhà người
Là những nơi giàu có
Gặp người chủ keo kiệt
Không dâng món ăn ngon
Lại sinh nhiều ác cảm
Có trăm cách suy nghĩ
Cũng như lừa chở nặng
Cho nên trong khi ngủ
Mơ điều đã suy nghĩ
Thức dậy cùng nhau bàn
Có nhiều cách giải thích
Không lo lại cười lớn:
Ngươi sẽ được an lạc
Mau hoàn thành việc này,
Để chậm sau hối hận
Đến các thôn, thành, ấp
Làm những việc bất chánh
Đảo mắt nhìn tà vạy
Giống như loài khỉ vượn.
Khi đã vào thành ấp
Nói pháp cho người nữ
Xả bỏ kinh Phật dạy
Cùng với Giới giải thoát.
Đã đến nơi này rồi
Sao tránh khỏi thô ác
Sẽ mắng nhiếc thí chủ
Và các Thiện tri thức.
Lại tụ tập nhóm họp
Để cùng hỏi thăm nhau:
Ông được những món gì?
Món ăn ấy ngon không?
Nói những việc như thế
Trải qua nhiều năm tháng
Có tư tưởng như vậy
Lấy đó làm sự sống
Gom hoa thơm, ngâm rượu
Dùng làm thuốc để uống
Cho là ít bệnh đau?

Một Phật hay trăm Phật
Không cứu người không duyên,
Họ bỏ việc tu hành
Sống như người tại gia
Chấp ngã và chấp thường
Kiến chấp thêm trói chặt
Tu hành như thế này
Sẽ dẫn đến đường ác
Bèn phải chịu khổ báo.
Người phỉ báng chánh pháp
Phàm phu ít hiểu biết
Tu tập hạnh tại gia
Các đệ tử Đức Phật
Thực hành hạnh Thanh văn
Không chỉ vì sự sống
Mà hủy phạm giới cấm,
Người trí không vì ăn
Mà sinh khởi vọng tưởng
Quán món ăn không sạch
Thiền định đáp đền ân
Trừ bỏ các dục lậu
Tu tập trừ vọng tưởng
Do phương tiện tu hành
Theo pháp Phật xuất gia
Biết là pháp không tranh
Các nơi nói pháp không
Đều quyết tâm tu tập
Trong không được hiền thiện
Người Dũng Kiện trí tuệ
Biết tu tập pháp không
Quân ma đều sợ hãi
Là báo ân tín thí
Không hề có luyến ái
Chẳng chê bai tánh không
Là Phật tử Dũng Kiện
Đấng Thế Tôn phước điền
Chánh pháp không trường tồn
Do nhiều người làm ác

Ít Tỳ-kheo hiền hòa
Không buông lung lợi người
Người trí lại suy nghĩ
Sự chết đến bất ngờ
Đêm tu tập những gì?
Ngày càng thêm tận tụy
Đời không người cứu giúp
Chỉ trừ Đấng Thế Tôn
Bậc hữu học, vô học
Thảy đều sẽ diệt độ.
Nếu không biết như vậy
Mà tùy nghi nói pháp
Khinh không cung kính Phật
Và chánh pháp Vô thượng
Chánh pháp sắp hủy diệt
Cần nên siêng tinh tấn
Không lâu sẽ được nghe
Mặc dù chỉ ít lời.

❑

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG TAM GIỚI

QUYỂN 3

Khi ấy, Đại đức Ca-diếp bạch Phật:

– Lạ thay, thưa Đức Thế Tôn! Có người nghe những kinh này mà không ưa thích mến mộ.

Đức Phật dạy:

– Này Ca-diếp! Chúng sinh nào có bốn pháp thì nghe kinh này họ không ưa thích.

Bốn pháp đó là gì?

1. Quá nhiều buông lung.

2. Không tin nghiệp báo.

3. Không tin có địa ngục lớn.

4. Không tin ta sẽ chết.

Này Ca-diếp! Đó là bốn pháp khiến họ không ưa thích kinh này.

Này Ca-diếp! Chúng sinh lại có bốn pháp nên không mến thích khi nghe kinh này:

1. Tự ỷ cường tráng.

2. Tự ỷ có sức mạnh.

3. Tham nhiễm năm món dục, đắm mê rượu chè.

4. Không có tâm hiền thiện.

Đây gọi là bốn pháp khiến họ không mến thích kinh này.

Này Ca-diếp! Tỳ-kheo có bốn pháp, sẽ phỉ báng đạo giác ngộ của Đức Phật.

Bốn pháp đó là những gì?

1. Họ vốn đã tạo nhiều điều ác nên ưa chê bai chánh pháp, hiện tại tạo nghiệp ác nên phỉ báng Tỳ-kheo-ni.

2. Có vị tuy gọi là Hòa thượng, A-xà-lê được nhiều người kính trọng, nhưng họ cũng phỉ báng đạo giác ngộ.

3. Những người theo vị ấy học cũng phỉ báng đạo giác ngộ.

4. Do ít thấy nghe học hỏi nên ganh ghét, cũng phỉ báng đạo giác ngộ của Đức Phật.

Này Ca-diếp! Đây gọi là bốn pháp hủy báng đạo giác ngộ của Đức Phật.

Này Ca-diếp! Lại có một pháp Sa-môn, Bà-la-môn nên làm.

Một pháp ấy là gì?

– Đối với tất cả pháp, tâm không trú chấp.

Đó là một pháp mà Sa-môn, Bà-la-môn nên làm.

Này Ca-diếp! Như có người rơi từ trên đỉnh núi cao xuống bất tỉnh mê man không hiểu biết gì, không biết đâu là đất, đâu là cây, tâm tưởng trống không, hơi thở ra vào hoàn toàn chấm dứt.

Như vậy, này Ca-diếp! Người kia chấp tất cả pháp, là chấp chặt tướng về mắt, chấp trước tưởng của mắt, làm theo pháp chẳng phải Sa-môn, pháp chẳng phải Bà-la-môn. Họ chấp chặt nơi tưởng về tai, mũi, lưỡi, thân, ý; chấp chặt nơi tướng của tai, mũi, lưỡi, thân, ý như vậy nên làm chẳng đúng pháp Sa-môn, pháp của Bà-la-môn. Chấp chặt nơi tưởng về sắc, thọ, tưởng, hành, thức; chấp chặt nơi tướng của sắc, thọ, tưởng, hành và thức mà làm những việc không đúng pháp Sa-môn, pháp Bà-la-môn. Chấp việc trì giới thanh tịnh, chấp chặt nơi tướng trì giới để cầu đạo giác ngộ; chấp nghe nhiều, chấp tướng nghe nhiều mà cầu đạo giác ngộ; chấp chặt vào sự hổ thẹn, chấp chặt đối với sự đến đi, mà phải làm chẳng đúng pháp của Sa-môn, pháp của Bà-la-môn. Nếu có chấp chặt thời sẽ bị hại.

Thế nào là bị hại?

Bị tham làm hại, bị sân, si làm hại, chấp tưởng về mắt, là chấp hình tướng con mắt, sẽ bị mắt làm hại, do ưa mà không cảm nhận đúng sắc ấy.

Chấp chặt vào tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng vậy, do chấp thủ nên bị ý làm hại, nghĩa là có pháp vừa ý, có pháp không vừa ý. Nếu đã bị hại thì bị lừa dối, nghĩa là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh cùng với trời, người, các cảnh khổ ấy làm hại do chấp chặt vào đối tượng, nên bị nó làm hại.

Ở đây thế nào là có tưởng chấp chặt?

Nghĩa là có tưởng chấp chặt nơi ý tưởng ngã, chấp chặt nơi ý tưởng ngã sở. Có tưởng chấp chặt vào địa, thủy, hỏa, phong đại. Chấp sự quán tưởng xương trắng, tưởng hư hoại, tưởng bầm xanh, tưởng các loại trùng rút rỉa, tưởng máu thịt thoái rữa, tưởng bào thai, tưởng giải thoát. Đã là cảnh giới giải thoát thì đâu còn vọng tưởng gì nữa, mà lại chấp trước? Nghĩa là chấp rồi cho rằng những cảnh giới trên đây sẽ được giải thoát. Sự chấp

trước này đã có từ vô lượng đời ở quá khứ, chấp là ta đang nhớ nghĩ đến chỗ ở hiện tại. Chấp đời sau và chấp hiện tại sinh khởi tưởng như vậy. Ta ở đời quá khứ cũng như ta ở đời hiện tại, sinh ở chỗ nào cũng đều khởi tư tưởng chấp chặt cho đến cảnh giới Niết-bàn cũng khởi tư tưởng chấp chặt, suy nghĩ và nói: "Ta sẽ đạt được Niết-bàn", khởi tư tưởng chấp trước như vậy.

Này Ca-diếp! Nói tóm lược, cho đến nếu có tưởng đều gọi là chấp, dù tưởng về không cũng đều gọi là chấp chặt nơi tưởng. Như vậy, đều là chẳng phải pháp của Sa-môn, chẳng phải pháp của Bà-la-môn, chẳng phải việc làm của Sa-môn, chẳng phải việc làm của Bà-la-môn. Không phải là pháp của Sa-môn, Bà-la-môn mà Như Lai nói.

Này Ca-diếp! Cũng như hư không cùng với mặt đất không thể nghĩ rằng ta là hư không, là đất bằng.

Như vậy, này Ca-diếp! Sa-môn, Bà-la-môn không thể nghĩ: "Ta là Sa-môn, ta là Bà-la-môn do làm theo pháp này, vậy do nhân duyên gì có tên Sa-môn, tên là Bà-la-môn?"

Này Ca-diếp! Nếu không có ý niệm, mà cho là Sa-môn, Bà-la-môn làm theo pháp này, vậy vì nhân duyên gì làm theo pháp này mà có tên Sa-môn, Bà-la-môn?

Sa-môn, Bà-la-môn không hề có ý niệm: "Ta nên làm vậy, ta không làm vậy, vì Sa-môn, Bà-la-môn hoàn toàn không hề có ý niệm như vậy".

Này Ca-diếp! Cũng như có người, trong đêm tối dùng hai tay quờ quạng trong hư không nhếch môi, hít mũi, tuyên bố: "Ta mân mê đùa bỡn thế gian, ta đùa bỡn thế gian".

Này Ca-diếp! ý ông nghĩ thế nào? Kẻ kia đùa bỡn ai?

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Người ấy chỉ tự đùa bỡn.

Vì sao vậy? Vì trong đêm tối tăm không có người nên không có thể đùa bỡn với ai.

Đức Phật dạy:

– Cũng vậy, này Ca-diếp! Nếu có Tỳ-kheo đến chỗ thanh vắng hoặc dưới gốc cây, hoặc đến ngoài đồng trống, mà nghĩ tưởng mắt là vô thường, cho đến tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều là vô thường. Lại suy nghĩ sắc là vô thường, cho đến thanh, hương, vị, xúc, pháp đều vô thường. Lại tự nghĩ tưởng: "Ta có hướng đến Niết-bàn là tự lừa dối, chẳng phải hạnh của Sa-môn".

Vì sao vậy? Vì lúc đầu chấp chặt vào mắt… Sau tu vô thường, sau lại thực hành vô thường, lầm chấp như vậy. Lúc đầu lại chấp tai, mũi, lưỡi, thân, ý sau tu vô thường, sau lại thực hành vô thường, mà ba chỗ ấy đều không thể chấp. Nếu có tư tưởng chấp chặt vào ba chỗ này, thì khi nào chúng ta được nhất tâm?

Này Ca-diếp! Sự giác ngộ của chư Phật rất là sâu xa, khó được, khó vào, việc sinh tử cũng khó vượt qua.

Này Ca-diếp! Thế nào gọi là nhất tâm?

Khi tìm cầu pháp bên ngoài sẽ không thấy được một pháp, cũng không biết được sự thật của mắt, không biết được sự thật của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Tuy nói tất cả các pháp là không thật, cũng không thể rõ được.

Vì sao vậy? Vì tánh vốn như vậy, mà tánh vốn đã như vậy thời không nên khởi tâm. Nói tất cả các pháp không thật thì đâu còn tâm đạt được, hay không đạt được? Nếu đời quá khứ, vị lai và hiện tại không có niệm không có thực hành nên gọi là vô hành.

Thế nào là vô hành?

Vì không mới, không cũ cho nên gọi là vô hành. Nghĩa là, ở đây không có tâm giải thoát quá khứ, không có tâm giải thoát vị lai, không có tâm giải thoát hiện tại. Nếu không có tâm để có thể nắm bắt được gọi là nhất tâm, đó gọi là nhất tâm.

Này Ca-diếp! Đời sau này sẽ có các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di chỉ trên danh tự, họ sẽ làm mất ý nghĩa ngôn ngữ. Họ đều có tư tưởng chấp thủ về ấm. Như Lai dạy năm ấm như mộng, những người này khi ấy lại nói ấm là thật, mộng này cũng là có, nên nói năng về mộng. Họ cho rằng, nếu nói mộng là không, chúng ta nương vào đâu để làm cơ sở phát khởi tư tưởng, có vấn đề để nói năng, cho nên ở đây chúng ta phải phát sinh mộng, tưởng, họ quyết định năm ấm là có, nên Như Lai mới nói năm ấm như mộng. Nếu họ không cho rằng ấm là thật có thì Như Lai không nói ấm giống như mộng. Vì vậy, những kẻ si này lại nương nơi mộng mà sinh tư tưởng cho là thật, nên khi nghe những kinh này liền phỉ báng.

Lại có Tỳ-kheo-ni đi đến nhà thí chủ, nói: "Vị ấy là La-hán, vị kia cũng là A-la-hán". Những Tỳ-kheo này nương dựa vào kẻ thiếu trí, thân cận Tỳ-kheo-ni, bỏ bê các việc lành, tạo nghiệp bất thiện; có các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di được nghe nói sơ sài về giới, hay một bài kệ, nghe rồi họ liền bỏ đi.

Này Ca-diếp! Đến khi ấy, có các Tỳ-kheo hai mươi hạ cho đến ba mươi hạ lạp, ở chỗ thanh vắng, có các Ưu-bà-tắc chỉ mới tin đạo trong một

ngày, đối với sự hiểu biết về kinh điển của Đức Phật, họ đều như nhau không khác.

Này Ca-diếp! Khi ấy, ở đời họ cùng nhau xướng tên pháp không: "Pháp không này thanh tịnh, pháp không này thanh tịnh".

Thời ấy, có các Tỳ-kheo khi nghe pháp này rồi cùng nhau nhóm họp, họ đã nghe mà không biết lo sợ; lại còn nói: "Kinh này không thích hợp với người xuất gia, cũng không hợp với người tại gia, nên phải cùng xả bỏ, vì chẳng phải do Đức Đạo Sư giảng nói. Vì sao vậy? Vì nó không giống với ta, cũng không giống với các ngươi".

Nếu được nghe Đức Phật nói pháp sâu xa vi diệu, thì cả người tại gia và xuất gia này cũng đều phỉ báng.

Vì sao vậy? Này Ca-diếp! Vì hiện tại người tu phạm hạnh rất thuần tịnh, người có lòng thanh tịnh cũng còn rất ít, huống gì thời ấy. Như vậy, các hàng trí giả lần lượt diệt độ, người tốt ít dần, người hiền ít dần.

Này Ca-diếp! Đến lúc ấy, trong cả ngàn Tỳ-kheo mong có được một Tỳ-kheo chân chánh, thể nhập giáo pháp, hiểu được giáo pháp cũng còn rất khó, như vậy, đâu phải chỉ có một người khinh thường chê cười không học giáo pháp! Cho đến ba ngàn chúng Tỳ-kheo, muốn tìm một người chân chánh, thể nhập chân chánh hiểu rõ giáo pháp, cũng còn rất khó.

Này Ca-diếp! Đến thời ấy, hàng tại gia, xuất gia chỉ biết cùng nhau phỉ báng.

Này Ca-diếp! Đời sau này, có các Tỳ-kheo siêng năng tu hành vì muốn diệt trừ tất cả pháp ác, thành tựu pháp lành, đầu đêm cuối đêm không ngủ nghỉ, sẽ có những kẻ hung ác muốn giết hại người kia, khinh bỉ mắng nhiếc rồi bỏ đi.

Này Ca-diếp! Đến lúc ấy, Phật pháp hủy hoại, các Tỳ-kheo cũng bị tổn hại, trong thời đó người có trí, người có niềm tin sâu xa, người không nhiễm trước, nên cung kính lẫn nhau, hết lòng mến thương nhau, cùng tụ tập ở với nhau tu hành nơi chỗ thanh vắng yên tịnh.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Ta giảng nói pháp này
Nêu rõ Đệ nhất nghĩa
Nói ấm không chắc thật
Quán sát như giấc mộng.
Thời ấy các Tỳ-kheo
Lại cùng nhau đấu tranh
Kia, đây không gì khác

Mà chấp có tướng khác.
Tỳ-kheo lại còn nói:
Người kia nói thế này
Đây mới là Pháp nhãn
Sẽ không có sai khác.
Tỳ-kheo bảo tại gia
Ngươi thật là ít có
Thông hiểu đạo giác ngộ
Ngươi mau được Sơ quả!
Người ấy tưởng thấy pháp
Đến thân cận Tỳ-kheo
Cúng dường vật trân quý
Thường phụng sự bố thí,
Như lời Tỳ-kheo nói
Chân thật không sai khác
Giống với điều ta biết
Thấy pháp nên giảng lại.
Người thí và Tỳ-kheo
Đều không nương chánh pháp
Phá hoại đạo giác ngộ
Sau này sẽ xuất hiện,
Chớ thân kia, gần ta
Ta là người giảng đạo
Ngươi sẽ nhanh chứng đắc
Như ta đã mau chứng.
Là câu nói duy nhất
Cùng luận nói vắng lặng
Kết hợp thành một nhóm
Hủy hoại giáo pháp ta,
Cũng như giặc hung dữ
Giết hại các xóm làng
Khiến xóm làng thành ấp
Tàn hại vơ vét sạch,
Tỳ-kheo sẽ như vậy
Kẻ vô trí ám độn
Ngu si hủy cấm giới
Chấp trước ngã, mạng, nhân,
Ta nói nên xa lìa

Nương sự thấy của mắt
Tự xưng A-la-hán
Thật là Tăng thượng mạn.
Rồi cùng nhau tu tập
Xưng là bậc Tôn túc
Có danh không thật trí
Khó kiếm một người tốt.
Hoặc có những Tỳ-kheo
Tâm ác cho là thật
Nói tà vạy với người:
Chẳng có Phật, Thanh văn;
Hủy báng đạo Bồ-đề
Và cả Đấng Pháp Vương
Chư Thiên rất lo buồn
Ai cũng đều rơi lệ
Ngất xỉu rớt xuống đất.
Chư Thiên có niềm tin
Nói: Pháp Đấng Sư Tử
Nay đã bị hủy hoại
Lạ thay, Phật Thế Tôn!
Lạ thay, Pháp lìa nhiễm!
Lạ thay, Tăng phước điền!
Là con Đấng Thế Tôn
Không còn được nghe pháp
Đức Pháp Vương giảng giải,
Thế giới sẽ tối tăm
Pháp Phật sắp hủy diệt
Tự phát âm thanh lớn
Khắp trời đất, trung gian
Vang tiếng bảo chư Thiên:
Đuốc pháp nay sắp diệt
Chớ để hàng Trời, Rồng
Sau này phải hối hận!
Lòng thành nghe pháp Phật
Nay sẽ không còn nghe
Trải qua nhiều số kiếp
Nếu mình và mọi người
Chấp nhận làm chúng sinh

Khi nào được thành Phật?
Đức Phật dẫn dắt đời
Vì tất cả chúng sinh
Ngài giảng nói chánh pháp
Đến nay sẽ diệt hết.
Pháp hoại đại loạn khởi
Người tạo nhiều bạo ác
Ma chuyển thành cực ác
Người thiểu dục kém yếu,
Kẻ dối trá ngu si
Người hư ngụy phàm phu
Lòng sân giận hẫy hừng
Hủy báng pháp Thiện Thệ.
Nghe tiếng vang trời đất
Chư Thiên đều kinh hoàng
Các vị Tứ Thiên vương
Nghe rồi đều buồn rầu,
Các Dạ-xoa tụ tập
Cùng ở nơi thành trống
Ai cũng buồn, rơi lệ
Tiếng kêu la, khóc lớn,
Gào thét rất thống thiết
Chư Thiên đều nhóm họp
Lại cùng nói với nhau:
Trong tâm có ý nghĩ
Các thành ấp trang nghiêm
Những của báu trong thành
Tất cả không chói sáng
Giống như đống ngói đất
Thành này không oai đức
Không chút gì đáng vui
Thành này không oai đức
Nhưng vốn rất đáng ưa.
Tại chỗ ta giáng sinh
Chư Thiên đều đến đó
Thấy rồi buồn quỳ xuống
Họ cùng bàn với nhau
Chư Thiên đến cõi dưới

Chỗ ấy thật đáng sợ
Pháp chân thật của Phật
Nay đều bị hủy hoại.
Cõi dưới Diêm-phù-đề
Thấy rõ việc hủy hoại
Phật tử thấy đau lòng
Trốn lánh đến chỗ khác,
Thành đẹp trong bảy ngày
Không còn vẻ oai đức
Chư Thiên bảy ngày ấy
Tất cả đều rơi lệ.
Buồn thay, Đấng Dũng Kiện
Chúng con đã diện kiến
Nay không còn được thấy
Phật pháp lại diệt hết!
Nơi trú xứ Xá-vệ
Đến đó lòng cung kính
Đây chỗ Ngài nương ở
Mọi người đều rơi lệ.
Đây chỗ Phật thường ngồi
Thế Tôn ngồi ở đây
Diễn nói Tứ Thánh đế
Chúng con từng được nghe,
Thế gian đều tối tăm
Không cung kính lẫn nhau
Làm ác rồi phải chịu
Rơi vào trong đường ác,
Nhiều cung điện chư Thiên
Đều sẽ thành trống không
Chúng sinh không ai cứu
Diêm-phù-đề là vậy.
Đây là chỗ kinh hành
Hoang vắng và hư hoại
Thế gian không thể vui
Khi Pháp Vương diệt độ,
Chủ Tự tại Đế Thích
Cõi trời Tam thập tam
Rất lo buồn khổ não

Phát ra tiếng than lớn,
Chúng trời Tam thập tam
Quơ tay đều kêu khóc
Như nghe nơi các nước
Chạy quanh ở trong đó.
Có rất nhiều chư Thiên
Luận bàn về Đức Phật
Đạo Sư bỏ chúng ta
Ngài thường hay nói pháp,
Chư Thiên không ăn uống
Không ca hát cười vui
Đế Thích luôn sầu thảm
Trong tâm rất buồn lo.
A-tu-la khi nghe
Phật pháp không sáng tỏ
Nay chúng ta nên đi
Đến cõi Tam thập tam.
Các vua cõi Diêm-phù
Sẽ phá chùa tháp Phật
Trời, A-tu-la nhóm
Thời ấy sẽ như vậy.
Có các vị Tỳ-kheo
Phải đọa vào đường ác;
Cũng có Tỳ-kheo-ni
Rơi vào đường xấu ác
Người tại gia phá giới
Ưu-bà-tắc ở nhà
Nói ra lời thô ác
Sẽ hướng đến đường ác;
Có người nữ xấu ác
Đều cũng đọa đường dữ
Thế giới đều dao động
Thời ấy có việc này
Kẻ chạy vào xóm làng
Người chạy đến rừng sâu
Chúng sinh chạy tản mác
Ít có kẻ sống sót.
Thời ấy nhiều giặc cướp

Và hoạn nạn đói khát
Ngũ cốc bị mất mùa
Do côn trùng phá hoại,
Lúa gạo giá tăng cao
Người sau khi mạng chung
Chết đọa loài ngạ quỷ
Ở đấy chịu khổ đau
Có tất cả chùa tháp
Vật chư Tăng bốn phương
Khi ấy các Tỳ-kheo
Sẽ cùng nhau phân chia.
Các sự khổ như vậy
Sau khi ta diệt độ
Họ sẽ nhanh chóng tạo
Khi ấy có tất cả
Các phàm phu vô trí
Do ngu, không trí tuệ
Sẽ làm việc phàm phu
Nhanh chóng đọa đường ác.
Nên siêng năng đọc tụng
Nếu từ tuệ xuất thân
Dùng tuệ dạy chúng sinh
Mau đến con đường lành,
Dùng tuệ sáng soi rõ
Cần nên học theo ta
Bỏ tất cả phiền não
Mau chóng đến Niết-bàn.
Chánh pháp không trụ lâu
Nên siêng năng tinh tấn
Ta chỉ dạy như vậy
Nên chân chánh tu hành!
Sau khi ta diệt độ
Trong sáu mươi tiểu kiếp
Có nghe danh hiệu Phật
Chẳng có ai quan tâm,
Cùng tụ họp với nhau
Bị đói khát bức bách
Ăn thịt cả mẹ con

Lần lượt giết hại nhau,
Nếu có sinh trẻ nhỏ
Không dám đến nhà khác
Trẻ chỉ ở trong phòng
Cũng còn rất sợ hãi,
Có thấy nghe việc này
Khổ sinh tử là vậy
Ai sống theo tham dục
Luôn dục tưởng người nữ,
Sống không biết trí tuệ
Gốc dục là người nữ
Sinh khởi nguồn gốc khổ
Vì vậy nên bỏ khổ.
Nếu chúng sinh si mê
Ham thân gần người nữ,
Nếu là bậc trí tuệ
Mau thành tựu Niết-bàn.
Tà vạy tạo nghiệp khổ
Quả báo liền ứng hiện,
Đây là quả hữu lậu
Nên bị đọa đường ác.
Nếu là pháp vô lậu
Không tạo không có nghiệp;
Nếu chưa được tĩnh lặng
Cần nên gấp tu hành.

Này Ca-diếp! Như vậy gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp ban đầu. Nếu phát tâm tu hành pháp vô lậu, thì không nên trụ vào tất cả các pháp để giảng nói tất cả các pháp.

Lại nữa, này Ca-diếp! Bồ-tát nên cương quyết trong công việc và vững tâm an trú.

Thế nào là cương quyết trong công việc và vững tâm trong an trú? Nên vững tâm và nên siêng năng tinh tấn.

Ở đây, thế nào gọi là vững tâm, là siêng năng tinh tấn?

Này Ca-diếp! Vững tâm là Bồ-tát nên khởi tâm như thế này: "Nên cúng dường chư Phật nhiều như cát sông Hằng, rồi sau mới phát khởi ý niệm hướng về nhất tâm". Như vậy, tuy trong thời gian nhiều như cát sông Hằng ấy, không có một vị Phật nào xuất hiện, Bồ-tát cũng luôn phát khởi

các tâm nói trên nhiều như cát sông Hằng. Dù được một thân, hay nhiều thân như cát sông Hằng, khi nghe được một câu Phật pháp, nên thực nghiệm lời pháp này để tăng trưởng trí tuệ đạt đến đạo quả Vô thượng, là Bồ-tát nên phát sinh tâm như vậy. Bồ-tát có ý niệm: "Nay ta nên tu hành các hạnh khổ khó thực hành, siêng năng cần mẫn tu hành trí tuệ của Đức Phật, ta nên tìm cầu như vậy".

Này Ca-diếp! Bồ-tát nên vững tâm như vậy.

Này Ca-diếp! Ta sẽ nêu thí dụ, người có trí nhờ thế dụ mà hiểu rõ.

Này Ca-diếp! Nếu khổ hạnh như vậy sẽ được đạo quả Bồ-đề, thì trải qua số kiếp, nhiều như cát sông Hằng cũng không nên biếng nhác, siêng học không lười biếng, siêng học không dừng, trong vô số kiếp học đạo Bồ-đề.

Bồ-tát suy nghĩ: "Nay ta vững tâm quyết chí, nguyện không xả bỏ chánh đạo cao tột".

Này Ca-diếp! Bồ-tát nên vững tâm như vậy.

Này Ca-diếp! Nếu có Bồ-tát vững tâm như vậy, thì không chấp chặt những gì?

Nghĩa là không chấp chặt nơi xứ, không chấp chặt nơi chẳng phải xứ.

Thế nào là không chấp chặt nơi xứ, không chấp chặt nơi chẳng phải xứ?

Nếu đối với xứ và phi xứ người ấy đều không chấp giữ, thì sẽ không chướng ngại đạo quả Vô thượng Bồ-đề, trái lại còn mau chóng thành tựu.

Này Ca-diếp! Giả sử có người đem bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới dùng để bố thí, có người khác lấy những kinh điển Như Lai đang diễn nói để làm con mắt chân chánh hướng đến giác ngộ, luôn suy nghĩ tìm cầu để nương tựa an trú, thì phước của người này có được nhiều hơn gấp bội người bố thí kia.

Này Ca-diếp! Bồ-tát nên vững tâm như vậy, cũng không được đối với sự vững tâm này mà không dừng dứt vọng tưởng.

Thế nào là nghiệp ban đầu? Là gây nhiều nghiệp từ ban đầu.

Thế nào là gây nhiều? Không thể cho rằng nơi một tâm hiểu biết mà gây nhiều nghiệp.

Vì sao vậy? Vì pháp này không thể dùng ngôn ngữ nói rằng, ở đây, sao lại thường gây tạo nhiều nghiệp lúc đầu được. Đó gọi là vững tâm.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói bài tụng rằng:

Chẳng phải tâm, tưởng tâm

Nên thường có sợ hãi
Ta sẽ thành, không thành
Việc này nên thế nào?
Vì thường sinh nghi ngờ
Nương theo các duyên cảnh
Tu tạo thành phương tiện
Làm sao được giác ngộ?
Bởi do tưởng biếng nhác
Không có tâm Bồ-đề
Bèn có các nghi hoặc
Hoặc Phật và Thanh văn,
Hy vọng mà không được
Phật pháp rất hiền thiện
Tuy không dùng âm thanh
Mà đạt được an lạc.
Có lòng tin mong muốn
Gom góp pháp thắng diệu
Chẳng phải ít tư duy
Mà được đạo thù thắng.
Trong tất cả các pháp
Nên nương vào một pháp
Trí giác được tăng trưởng
Tu hành là chứng đắc.

Này Ca-diếp! Khi nói pháp này, nếu có Bồ-tát thành tựu được hạnh tu mà không gặp Đức Phật, nên tự nguyện: "Ta sẽ thành Phật, Như Lai, Ứng Cúng Chánh Biến Giác".

Này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia nên tu hành những gì để được giác ngộ?

Này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia có ba nghiệp cầu đạo giác ngộ. Những gì là ba?

Có tâm mong muốn tu hành.

Với Nhất thiết trí, không chấp trước hạnh tu của mình.

Nên giữ gìn năm giới.

Đầy đủ ba phần này sẽ hướng đến sáu pháp. Sáu pháp là những gì?

Được gặp pháp bậc Thánh.

Các căn đầy đủ.

Không bị đui, mù, câm, điếc.

Thân không thô xấu.

Mau đạt được tín tâm, không sợ pháp thậm thâm.

Nghe pháp mau hiểu, liền được không thoái chuyển.

Nên đầy đủ sáu pháp này và cần biết rõ năm pháp chướng ngại.

Năm pháp chướng ngại là những gì?

Nói hai lưỡi là chướng ngại cần biết.

Không bao giờ nói dối.

Là Bồ-tát, nên thấy chướng ngại của hư dối.

Tham tiếc là chướng ngại, Bồ-tát không bao giờ tham tiếc.

Nếu vướng vào tham dục là chướng ngại của Bồ-tát, nên không bao giờ tham dục.

Đó là năm pháp này làm chướng ngại.

Lại có ba pháp cần phải làm.

Thế nào là ba pháp?

Thường có tâm muốn xuất gia.

Đối với Sa-môn, Bà-la-môn trì giới, nên tôn trọng cung kính, theo các vị ấy để được chỉ dạy.

Những người chấp tướng nói pháp, nên xa lìa.

Vì sao vậy? Vì là việc Bồ-tát không nên học.

Bồ-tát không nên gánh vác công việc mà không thật lòng.

Vì sao vậy? Vì như vậy không phải là Bồ-tát.

Nếu gánh vác công việc mà không thật tâm, là học sự chướng ngại, không phải học tập Phật pháp.

Lại nữa, này Ca-diếp! Bồ-tát nên học ba pháp. Những gì là ba pháp?

Chuyên tâm hướng đến thành tựu quả Phật.

Nên tinh tấn chuyên cần tu tập đọc tụng.

Đối với các chúng sinh, Bồ-tát thường tu hành tâm Tư.

Nên tu tập ba pháp như vậy.

Lại nên thân cận ba pháp.

Những gì là ba?

Từ bỏ việc bắt bớ đánh đập.

Không chê người khác là thấp hèn.

Chúng sinh gặp cảnh sợ hãi, nên cứu giúp họ.

Ba pháp như vậy cần nên thân cận.

Đức Phật nói kệ rằng:

Không gần người thấp kém
Thấy kẻ không ngay thẳng
Đã thấy nên xa lìa
Như xa lánh rắn độc.
Không nên học theo họ
Cũng không nên lễ bái
Cần nên tránh thật xa
Như thấy loài chó dữ.
Người này đọa đường ác
Những kẻ chấp chặt tướng
Tu học theo người này
Sẽ đọa theo với họ.
Không nghi ngờ pháp không
Phật pháp đã được nghe
Tỳ-kheo vui pháp không
Nên cung kính vị này.
Nhờ đó thêm đa văn
Cũng sinh trưởng trí tuệ
Được gần đạo giác ngộ
Tất cả nên kính lễ.
Mau chóng thọ trai giới
Đã thọ siêng đọc tụng
Liền tăng trưởng trí tuệ
Như hồ mọc sen xanh.
Mau chóng thọ trai giới
Nên nghe nhiều Phật pháp
Để tăng trưởng trí tuệ
Dứt trừ các lậu hoặc.
Trí lớn càng tinh tấn
Oai đức lớn vô úy
Tu hành trước tự lợi
Sau cũng để lợi tha.
Không đánh trói cột người
Nên vui sống như thế
Trợ giúp việc giác ngộ
Giáo pháp không bị diệt.
Người này ít bệnh tật

Có thân hình đẹp đẽ
Được mọi người mến yêu
Càng mến mộ Phật pháp.
Nếu tu hành Từ tâm
Là Bồ-tát tại gia
Xa lìa các đường ác
Mau chóng được sinh Thiên.
Đã được sinh cõi trời
Năm dục tự vui sống
Từ cõi trời, khi chết
Sẽ không sinh đường ác,
Mà sinh vào loài người
Dòng quý tộc giàu có
Thân hình rất tốt đẹp
Không ai dám khinh khi,
Không cầu ai giúp đỡ
Người này siêng tu hành
Mau thấy pháp thù thắng
Chúng sinh đều mến mộ.
Khi ngủ được an lành
Khi thức cũng hoan hỷ
Không bao giờ sợ hãi
Được chư Thiên hộ vệ.
Như pháp quán phân nhơ
Bồ-tát hay quán sát
Ở đời cũng như vậy
Nói rộng ra cũng thế,
Sẽ được những người hiền
Ca ngợi và tán thán
Người sợ, bạn không sợ
Là Bồ-tát tại gia
Không thờ cúng chư Thiên
Không mến mộ cõi trời
Là con đường ngay thẳng
Người trí phải tu tập.
Do có căn lành này
Lìa tất cả đường ác
Tam minh, Nhất thiết trí

Khéo học ba điều răn,
Là chỗ tạo công đức
Nơi lễ bái phụng sự
Ai thấy cũng kính lễ
Người ở riêng đáng kính,
Là nơi tạo công đức
Chỗ lễ bái phụng sự
Khiến chúng sinh hướng thượng
Thấy lễ kính chư Phật,
Ở hoàn cảnh tại gia
Phát khởi tâm Bồ-đề
Việc này đáng tán dương
Nay nghe các pháp khác.

Này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia nên thành tựu ba pháp. Những gì là ba?

Cần nên xa lìa hy vọng tốt lành.

Là Bồ-tát tại gia nên sửa sang nhà cửa, để phòng ngừa các chướng ngại.

Siêng tu tập, phải học rộng hiểu nhiều.

Bồ-tát nên đầy đủ ba pháp này.

Lại có ba pháp nữa. Những gì là ba?

Pháp sư nói pháp thông suốt không nên làm trở ngại.

Nên ân cần cầu thỉnh Pháp sư nói pháp.

Thường nên thắp sáng đuốc cúng dường, nên tu hành theo ba pháp này.

Lại nữa, này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia không bao giờ làm ba pháp này, nếu tạo ba pháp này thì sẽ thành người nữ.

Những gì là ba?

Không ngăn cản khiến mẹ không được nghe pháp và không ngăn cản khiến mẹ không được viếng thăm Tỳ-kheo, cũng như không ngăn cản vợ đến viếng Tỳ-kheo.

Không nên cản trở, làm chướng ngại người muốn nghe pháp.

Đối với người nữ, không nên bỏ việc chánh đáng mà làm việc sai quấy.

Ba pháp này đều không nên làm. Nếu tạo nghiệp này sẽ đọa làm thân người nữ.

Đức Phật nói bài kệ rằng:

Nên đốt ngọn đèn sáng
Thường thường dùng tín tâm
Mắt không nhiễm trần cảnh
Để thành tựu Phật nhãn.
Đạo sư dùng mắt này
Thấy biết khắp tất cả
Nếu có được trí này
Thì sẽ được thật trí.
Biết pháp thời quá khứ
Thì hiện tại cũng vậy
Không nhớ tưởng đời sau
Chẳng tạo tác ba tướng,
Nếu có ba tướng ấy
Đều nên bỏ tất cả
Đều cùng đồng một nghĩa
Tướng tức chẳng phải tướng.
Phật nói các nguồn gốc
Thật pháp không nguồn gốc
Do kia không phân biệt
Được giác ngộ cao tột,
Đã thành tựu Phật nhãn
Đều thông suốt tất cả
Là câu nói giác ngộ
Như ở trên đã nói.
Đã nói pháp như vậy
Không phải pháp hủy hoại
Tất cả pháp là không
Nên gọi là nói pháp.
Các ngoại đạo tà kiến
Nói pháp cho tại gia
Như thắp ngọn đèn sáng
Người có mắt sẽ biết.
Không ngăn người nói pháp
Với pháp Thích Sư tử
Không đến với đường ác
Kịp giúp người mù tối,
Nên thường luôn khuyến thỉnh
Diễn nói pháp Thiện Thệ

Sử dụng căn lành này
Vận chuyển bánh xe pháp.
Nếu mẹ muốn nghe pháp
Ngăn cản làm trở ngại
Đọa thân nữ xấu ác
Đui gù rất thô xấu,
Không nhìn thấy hình sắc
Không nghe âm thanh hay
Chỗ ở rất tối tăm
Như rắn ở hang tối;
Tham lam, ganh với vợ
Hay làm việc chướng ngại
Khi thân hoại mạng chung
Sinh thân nữ tệ ác
Đầu vàng và mắt xanh
Đen điu thật khó nhìn
Da vàng chân cong queo
Điếc khùng không biết gì,
Với những chỗ như vậy
Kẻ ác mau nhận chịu
Đàn ông mà ganh ghét
Luôn tạo nhân tham dục.

Lại nữa, này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia không nên làm ba việc. Ba việc ấy là những gì?

Không nên dùng người nữ làm nhân duyên cho tham dục để họ bố thí sữa, sữa đặc và các vật dụng không đúng pháp.

Nếu có người muốn xuất gia thì không nên ngăn cản, người chưa được xuất gia thì khuyến khích, hỗ trợ cho họ xuất gia.

Nếu có người muốn xây dựng tháp Như Lai, thì nên khuyến khích, hỗ trợ chỉ dẫn, không nên cướp đoạt những vật liệu xây dựng ấy.

Như vậy là ba việc Bồ-tát tại gia không nên làm.

Đức Phật nói kệ rằng:

Không đem gái tặng người
Không làm điều phi pháp
Chưa cưới gặp nạn đến
Đều chẳng nên đem cho.
Họ nói đến kia xin

Chắp tay mà làm lễ
Cho rồi cũng nên cùng
Đem tâm lành hoan hỷ.
Còn nhỏ ở trong Tăng
Cho Tăng làm thị giả
Nếu có xin giúp đỡ
Nên hỗ trợ bé ấy.
Chớ quậy nước làm đục
Nếu có cùng nương ở
Không nên làm hại họ
Hoặc khởi tâm sân giận.
Có người muốn xuất gia
Là con hoặc thân quyến
Việc này đối Bồ-tát
Sẽ không làm chướng ngại,
Khiến chúng sinh đều vui
Chứng đắc vào diệt độ
Ta đây vốn mong muốn
Nói pháp Đấng Vô Thượng,
Biết những việc đã qua
Không làm cho thêm xấu
Đêm dài không còn lo
Bị phiền não nhiễm ô.

Này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia còn có ba pháp không nên làm, ba pháp ấy là gì?

Không nên mua bán con trai.

Không nên mua bán con gái.

Không nên phổ biến chất độc hại, nếu có người làm ra chất ấy, chớ nên thân cận.

Đức Phật nói kệ rằng:

Bỏ việc mua con trai
Không mua bán con gái
Không phổ biến chất độc
Người làm cũng lánh xa,
Chư Thiên trách việc này
Chúng sinh bị khổ não
Tùy theo các phương diện

Mũi tên khổ làm hại.
Trong đêm dài lo âu
Bị quá nhiều khổ đau
Chấm dứt khi mạng chết
Vì vậy không nên làm,
Lỗi này và các lỗi
Ta biết chỗ tạo ra
Nay nêu lên một ít
Vì để được giác ngộ.

Này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia không nên làm ba việc, ba việc ấy là những gì?

1. Không đến nhà dâm nữ.

2. Đối với nam hay nữ không phạm vào sự bất chánh.

3. Không nên ở gần chỗ giết trâu bò.

Ba việc như vậy, Bồ-tát tại gia không nên làm. Đức Phật nói bài kệ rằng:

Không đến nhà dâm nữ
Kẻ xấu ác tham dục
Vì vậy không đáng kính
Do gần dục thấp hèn,
Làm thầy đi đến đây
Sẽ bị người khinh khi
Bệnh hoạn đến mau chóng
Chịu như vậy trọn đời.
Nam nữ không chân chánh
Cả hai đều không gần
Người nữ không hoan hỷ
Sao lại xúc phạm họ,
Chỗ giết hại trâu bò
Đều không nên đến đó
Vì chỗ không thích hợp
Bồ-tát là phải vậy.
Các lỗi lầm như thế
Đức Phật đều đã biết
Là việc làm bất chánh
Nay nêu bày rõ ràng,
Đức Phật nói một ít

Chúng Thanh văn nên biết
Nay đối trước Đức Phật
Làm sao đừng để quên,
Chúng sinh tin Hiền thánh
Muốn mau đạt Niết-bàn
Vì vậy nên ta nói
Không là người khó dạy.

Lại nữa, này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia nên thành tựu ba việc. Ba việc đó là những gì?

1. Trong nhà nên đối xử với nhau như khách, không có tưởng chấp ngã.

2. Nếu đã có bố thí cho ai thì nên khởi tưởng gom góp công đức.

3. Với những người ta chưa bố thí giúp đỡ nên nghĩ vì ta xa họ hàng ngàn do-tuần, không có tưởng vì vợ con mà cất chứa vật báu.

Này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia nên thành tựu ba điều trên. Rồi Phật nói bài kệ rằng:

Nên quán tưởng sự chết
Không lâu ta sẽ chết
Vì vậy vật cất chứa
Tiền của ấy không bền.
Nam nữ có việc riêng
Không nên vì lợi ấy
Bỏ thân mạng tài vật
Mau chóng cầu pháp bền.
Chú trọng muốn giác ngộ
Không coi thường việc này
Mong được lợi ở pháp
Nên phải thường chế phục.
Giống như bé gái giỡn
Cũng như lóe sáng hiện
Không tham đắm mùi vị
Người cầu pháp cũng vậy,
Đọc tụng không dừng nghỉ
Pháp lành trang nghiêm
Khó có thể tu tập
Với tất cả chúng sinh.
Pháp tướng tợ như vậy

Ca-diếp, ta đã nói
Nếu có người thông lợi
Ta sẽ biết người này,
Kia biết đã hiểu rõ
Tự mình rất thông suốt
Người này đến lúc ấy
Thường được gặp gỡ ta.

Lại nữa, này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia thành tựu ba việc sẽ không bị thoái thất sự tiến tu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Những gì là ba?

Cha mẹ chưa tin Tam bảo phải khuyến hóa khiến cha mẹ, có niềm tin; cha mẹ hủy giới cấm của Phật nên khuyến khích cha mẹ giữ giới; cha mẹ tham tiếc nên khuyến khích để cha mẹ biết bố thí, tán thán đạo quả Vô thượng. Ở trong đại chúng vì cha mẹ diễn nói chánh pháp. Đây gọi là pháp ban đầu, Bồ-tát tại gia sẽ không thoái chuyển đối với đạo quả Vô thượng chánh chân.

Lại nữa, này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia nên biết rõ vị đáng cúng dường và người không đáng cúng dường, nếu đã biết rõ, những vị đáng cúng dường thì nên thiết trai cúng dường, người không đáng cúng thì không nên cúng, nhưng đối với các vị ấy nên tu tâm Từ bi. Này Ca-diếp! Như vậy gọi là pháp thứ hai làm cho Bồ-tát tại gia không thoái chuyển nơi đạo Vô thượng chánh chân.

Lại nữa, này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia có của cải là do siêng năng cực khổ dành dụm, vì vậy không nên để thất thoái mất mát hết, không đem cho người khác, mà nên cất để vào nơi chắc chắn để bố thí các vị Sa-môn, Bà-la-môn giữ giới thanh tịnh, bình đẳng khắp bờ cõi thôn ấp, đem tiền của bố thí không làm phiền tất cả các vị tu hành thanh tịnh. Này Ca-diếp! Đây là pháp thứ ba khiến Bồ-tát tại gia không thoái chuyển nơi đạo Vô thượng chánh chân.

Đức Phật nói kệ rằng:

Nếu Bồ-tát tại gia
Tu giác ngộ cao tột
Sinh khởi ba món tuệ
Để học đạo Vô thượng,
Nếu là cha hay mẹ
Ác tuệ không niềm tin
Khuyên cha mẹ tin kính

Khiến hướng đến thắng pháp.
Nương giới bỏ tham lam
Không tuệ phát tín tuệ
Hướng giác ngộ cao tột
Khuyến mong đến chỗ ấy,
Nếu đi khắp bốn phương
Cầu người khéo nói pháp
Nên thực hành pháp thí
Để tăng trưởng trí tuệ.
Phạm giới khuyên giữ giới
Người không tin khuyên tin
Không tuệ dạy phát tuệ
Người này không thoái chuyển,
Thấy Tỳ-kheo trí tuệ
Người trì giới nghe nhiều
Nên thân cận cung kính
Luôn được thưa hỏi pháp.
Do thân cận Tỳ-kheo
Thường thường được học hỏi
Nhanh chóng thấu hiểu pháp
Vì vậy không thoái chuyển,
Trí tuệ được tăng trưởng
Biết người trí ở đâu
Trí tuệ đã tăng trưởng
Xả thân để cúng dường.
Đây là tướng tin hiểu
Như ta đã giảng nói
Không thể không lòng tin
Mà hướng đến giác ngộ,
Lần lần thấy tăng thêm
Mau chóng được tăng trưởng
Tất cả lợi ích này
Người kia được không khó.
Đã được thêm lợi ích
Cho mình và cho người
Vui vẻ cùng hướng tới
Trí người này tăng trưởng.
Tùy khả năng kinh tế

Vốn sẵn có trong nhà
Có các vị trì giới
Đem dâng cúng tất cả,
Không nghe lời sai quấy
Cũng không nói quái lạ
Quyết tâm thực hành thí
Mau đạt thành Như Lai.
Nhu hòa dễ ở chung
Người nội lực hiền từ
Vui vẻ xả bỏ hết
Trước sau đều như vậy,
Là thí chủ dũng mãnh
Không mong cầu ở người
Người bố thí bậc nhất
Tất cả đều buông bỏ
Hoặc vàng bạc và tiền
Suốt đời đã bố thí
Mong cầu pháp Vô thượng
Cầu cao tột nhiệm mầu,
Cõi trời và thế gian
Cùng nhau chuyên cúng dường
Gặp người cầu giáo pháp
Thảy đều nên cúng dường,
Người Dũng mãnh tu tập
Dùng pháp làm mạng sống
Có trí tuệ thắng pháp
Người đang cứu thế gian.

Lại nữa, này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia có ba pháp, khiến đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi lại còn rơi vào cảnh giới Niết-bàn của Thanh văn. Ba pháp đó là những gì?

Nếu chỉ một lần tạm thời phát tâm Bồ-đề, lại sợ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, đối với đạo giác ngộ cao tột khởi tư tưởng cho là gánh nặng, mà mong cầu các pháp lành khác, không chuyên tâm suy nghĩ, không ưa căn lành cao tột, người này bị tâm ý làm hại, vì có tưởng về khổ. Này Ca-diếp! Đây là pháp ban đầu khiến Bồ-tát tại gia thoái tâm tu đạo cao tột liền rơi vào Niết-bàn của Thanh văn. Lại nữa, này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia nếu tạm phát tâm Bồ-đề, khi ra thực hành bố thí lòng sân hận phát khởi, sau đó hối hận, thì người này không thể thành tựu trí của Phật. Này

Ca-diếp! Đây là pháp thứ hai khiến Bồ-tát tại gia thoái tâm Bồ-đề, liền bị rơi vào Niết-bàn của Thanh văn.

Lại nữa, này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia nếu tạm phát tâm Bồ-đề, không siêng năng tinh tấn tu tập học rộng hiểu nhiều, thì người này chỉ có một ít căn lành mau vào Niết-bàn. Này Ca-diếp! Đây gọi là pháp thứ ba khiến Bồ-tát tại gia thoái tâm Bồ-đề. Đức Phật nói kệ rằng:

Đã phát tâm Bồ-đề
Không tu hạnh chân chánh
Làm hủy hoại Phật thừa.
Rơi vào Thanh văn thừa
Biếng nhác không niềm tin
Sẽ không được giác ngộ
Tham tiếc không trí tuệ
Đó cũng là chướng ngại.
Biết ân tu tịnh giới
Tâm thường ưa hành xả
Khi xả tâm hoan hỷ
Sẽ mau được giác ngộ.
Tâm tạo các việc ác
Tâm cũng hay bố thí
Chúng sinh tâm vững chắc
Thế gian đáng xây tháp,
Nếu không bỏ Phật pháp
Tâm hướng đến giác ngộ
Sẽ làm Phật ở đời
Làm ruộng phước cho người.

Này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia có ba pháp làm thoái thất tâm Bồ-đề, rơi vào Niết-bàn Duyên giác để nhập Niết-bàn. Những gì là ba?

Là Bồ-tát tại gia đã phát tâm rồi mà còn ham ưa pháp bí mật. Này Ca-diếp! Đó gọi là pháp ban đầu khiến Bồ-tát tại gia bị thoái thất tâm Bồ-đề rơi vào Niết-bàn Duyên giác để nhập Niết-bàn.

Lại nữa, này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia đã phát tâm rồi, mà còn hy vọng giờ tốt, cầu tìm ngày tốt. Này Ca-diếp! Đó gọi là pháp thứ hai khiến Bồ-tát tại gia bị thoái thất tâm Bồ-đề rơi vào Niết-bàn Duyên giác để nhập Niết-bàn.

Lại nữa, này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia biếng nhác; không siêng năng cần cầu cách trợ giúp cho tâm Bồ-đề. Này Ca-diếp! Đó gọi là pháp thứ ba

khiến Bồ-tát tại gia bị thoái thất tâm Bồ-đề rơi vào Niết-bàn Duyên giác để nhập Niết-bàn.

Đức Phật nói kệ rằng:

Tham ưa pháp bí mật
Không giáo hóa người khác
Rơi vào địa Duyên giác
Là thoái thất Bồ-đề.
Ba pháp thoái thất này
Mất lợi lại bị khổ
Dù quá khứ, hiện tại
Do nghi tâm Bồ-đề.
Đã nghĩ về Đại thừa
Còn hy vọng tốt lành
Không phải người tin hiểu
Chớ thân cận kẻ này.
Nếu đã rất chuyên tâm
Quyết cầu đạo giác ngộ
Không lễ lạy nhiều chỗ
Chỉ trừ lễ tháp Phật.
Nếu có tâm kính tin
Không sinh làm chư Thiên
Cũng thành tựu quả lành
Gọi Đấng Thiên Trung Thiên.
Đã phát tâm Bồ-đề
Không cúi lễ kẻ khác
Thân người này tốt đẹp
Dù sinh ra ở đâu.

Này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia có ba việc khiến sắc thân rất đen. Những gì là ba việc?

1. Làm cho đèn bị tắt, tối đen trong điện tháp thờ Phật.

2. Thấy có người khác tranh cãi liền giận. Không liên quan đến việc của riêng mình mà vẫn ưa thay người khác tranh cãi kiện tụng.

3. Thấy người thân sắc đen có ý khinh chê.

Này Ca-diếp! Đây gọi là Bồ-tát có ba việc khiến sắc thân rất đen. Phật lại nói kệ rằng:

Trong tháp đốt đèn sáng
Nếu tắt ánh sáng ấy

Kẻ kia thân bị đen
Giống như hòn đá đen.
Thấy người thân đen xấu,
Ta trắng ngươi quá đen
Là khinh chê người khác
Bị thân đen như than!
Khéo giữ gìn khẩu nghiệp
Tạo nghiệp sẽ không mất
Tùy nghiệp mình đã tạo
Sẽ chịu quả như vậy.

Này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia có ba việc sinh vào nhà thợ thuyền. Những gì là ba?

Này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia phát nguyện thọ năm giới, nếu có người quen biết từ xa trở về tặng rượu mời uống, hoặc dùng rượu để mời người khác uống. Này Ca-diếp! Đây gọi là pháp thứ nhất khiến Bồ-tát tại gia sinh vào nhà thợ thuyền.

Lại nữa, này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia tự nguyện giữ hạnh thanh tịnh, lại cùng với người làm việc tham dục, do nghiệp này nên sinh vào nhà thợ thuyền. Này Ca-diếp! Đây gọi là pháp thứ hai khiến Bồ-tát tại gia sinh vào nhà thợ thuyền.

Lại nữa, này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia nếu thấy người khác hăng hái làm việc pháp, siêng năng đọc tụng kinh điển, người này lại muốn làm đền thờ trời thần. Đã là Bồ-tát mà nói với người ấy rằng: "Ngươi nên bỏ việc đọc tụng làm việc này xong rồi tụng tiếp!", do tạo nghiệp này nên sẽ sinh vào nhà thợ thuyền.

Đức Phật nói bài kệ rằng:

Dùng rượu mời người uống
Và cùng người quen biết
Đem rượu để chiêu đãi
Nghiệp này đọa làm thợ.
Không làm được dao kim
Và các việc tinh xảo
Chỉ biết ngồi ở đó
Dọn đồ nghề vào túi.
Bỏ bê vợ ở nhà
Cùng người bàn dâm dục
Quả báo tạo nghiệp này

Thác sinh nhà thợ thuyền.
Rèn không được dao kim
Không biết dùng đồ nghề
Dạy cầm búa gõ đập
Tập rèn những cái đinh,
Do việc chướng ngại này
Khiến xa bỏ Phật pháp
Sinh vào nhà thợ thuyền,
Người sinh vào nhà này
Không thấy biết đồ nghề
Không thấy búa kìm gắp
Đồ dùng bị phá hoại
Nghiệp báo phải như vậy.
Ca-diếp, giữ khẩu nghiệp
Và giữ gìn ý nghiệp
Tất cả pháp bất thiện
Không nói với người khác,
Sinh tử chịu các khổ
Lại tăng trưởng thêm ái
Vì vậy siêng tu hành
Bỏ tất cả việc ác.

Này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia thành tựu ba pháp này thì được sinh vào cung vua, thân thể đặc biệt, đoan chánh đáng yêu, da dẻ hồng hào sáng sủa, không biếng nhác, lại thông minh sáng suốt.

Những gì là ba?

Này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia chưa từng thấy Sa-môn, Bà-la-môn nếu đã được thấy liền tin tưởng cung kính, biết đây là ruộng phước, người đáng cúng dường, người nên cung kính làm lễ. Do biết là ruộng phước nên tin kính, rồi lại thỉnh mời xin cúng y phục, thực phẩm, đồ nằm và các loại thuốc trị bệnh. Này Ca-diếp! Đây gọi là pháp thứ nhất khiến Bồ-tát tại gia được sinh vào cung vua.

Lại nữa, này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia vững tâm an trú vào lời nguyện của mình, khi an trú vào lời nguyện của mình như lời nói mà an trú, sẽ không nói dối. Này Ca-diếp! Đây gọi là pháp thứ hai khiến Bồ-tát tại gia được sinh vào cung vua.

Lại nữa, này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia đối với các Sa-môn, Bà-la-môn thanh tịnh, thân cận thưa hỏi tu tập theo giáo pháp rất vững chắc. Này Ca-

diếp! Đây gọi là pháp thứ ba khiến Bồ-tát tại gia được sinh vào cung vua.

Đức Phật nói kệ rằng:

Người trí thấy đã biết
Người thanh tịnh đa văn
Liền sinh khởi ý niệm
Đi đến cầu chỉ dạy.
Đã được chỉ giáo rồi
Như thật mà tu hành
Là không vì Niết-bàn
Thực hành không chướng ngại.
Đã được pháp chắc thật
Thường thân cận vị này
Trí tuệ cần tăng trưởng
Nhanh đạt điều khó được.
Có niềm tin như vậy
Mà hướng đến Bồ-đề
Được giác ngộ không khó
Như người trí đã làm.
Có đời sống tốt đẹp
Bỏ tiền tài vật chất
Tu tập pháp thượng diệu
Chứng tịch diệt cao tột.
Thường sinh dòng quý tộc
Có sắc thân đẹp đẽ
Mặc y phục quý tốt
Được Niết-bàn tối thượng.
Biết được pháp như vậy
Người có trí thông tuệ
Tu hành không khiếp nhược
Như Phật đã giảng dạy.
Chí hướng thừa tối thắng
Người đạt thừa thù thắng
Diệt tất cả kiết sử
Như quả tối thượng kia,
Như nghiệp đã tạo tác
Quả báo cũng như vậy
Trước sau đều không mất
Dù qua ngàn muôn kiếp.

Này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia, tuy ở tại gia cũng thành tựu ba pháp, nếu có gieo trồng căn lành này, sẽ không hưởng thụ sự vui của năm dục, cho đến sẽ đạt được Chánh đạo vô thượng.

Này Ca-diếp! Là Bồ-tát tại gia đã thọ trì năm giới thì không khen ngợi cái vui của năm món dục với người khác, không dụ dẫn người nữ, tự mình siêng tu khởi ý nghĩ: "Ta không nên thân cận người nữ". Người này sẽ không ham muốn thú vui năm dục, cho đến sẽ thành tựu Chánh đạo vô thượng. Này Ca-diếp! Đây là pháp thứ nhất của Bồ-tát tại gia, sẽ không tham thú vui của năm dục và sẽ thành tựu Chánh đạo vô thượng.

Lại nữa, này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia nếu nghe kinh điển nhiệm màu, thì có niềm tin thanh tịnh để tu tập. Này Ca-diếp! Nếu kinh điển này truyền đến chỗ chẳng có người tài giỏi, thì họ cần được khuyến khích giúp đỡ.

Này Ca-diếp! Thiện nam này có thể làm cho người khác xả bỏ tâm nghi ngờ, thì Bồ-tát do căn lành có được biện tài vô ngại, được biện luận thông suốt, dù đang sống hay mạng chung, cũng mau được thấy Phật, sau khi qua đời được sinh lên cõi trời, không bao lâu nữa sẽ được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Ca-diếp! Đây gọi là pháp thứ hai của Bồ-tát tại gia, khiến vị ấy sẽ được Chánh đạo vô thượng, không thọ năm món dục.

Lại nữa, này Ca-diếp! Bồ-tát tại gia có căn lành, thảy đều hồi hướng đến Chánh đạo vô thượng, không vui theo ngoại cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, không ham tiền của, không ham tự do, không ham quyến thuộc; phát tâm tu pháp vô lậu sẽ được quả báo vô lậu, mau thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không thọ thú vui của năm món dục. Này Ca-diếp! Đây là pháp thứ ba của Bồ-tát tại gia không ham hưởng thọ thú vui của năm món dục, cho đến thành tựu Chánh đạo vô thượng.

Đức Phật nói kệ rằng:

Tại gia giữ năm giới
Khéo hộ trì giữ gìn
Không thích gần người nữ
Lìa bỏ chỗ thấp hèn
Pháp tương tợ như vậy
Cố tu tập vô lậu
Nếu có ai nghi ngờ
Khuyên dạy mau hiểu rõ.
Tất cả các căn lành
Đều hồi hướng giác ngộ

Do các căn lành này
Mau bỏ vui năm dục,
Có khả năng đa văn
Vì chúng sinh nói pháp
Phát khởi tâm đại Bi
Thành tựu đạo Bồ-đề,
Đã được nghe kinh này
Sinh ý muốn tốt lành
Không còn gần tham dục
Mau chuyển bánh xe pháp.

Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Kinh pháp này đặt tên là gì, để chúng con cùng nhau thọ trì.

Đức Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Kinh này tên là Phật nói ba điều răn cho Bồ-tát cũng gọi là Đức Phật giảng nói về điều răn cấm Bồ-tát cũng gọi là Gom góp tất cả giáo pháp của Đức Phật.

Đức Phật giảng nói kinh này rồi, Đại đức Ma-ha Ca-diếp và tất cả đại chúng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà… nghe Phật giảng nói đều rất hoan hỷ.

❑

SỐ 312

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA BÍ MẬT CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI

Hán dịch: Đời Tống, Tam tạng
Pháp sư Pháp Hộ.

QUYỂN 1

Phẩm 1: THÂN MẬT CỦA BỒ-TÁT (Phần 1)

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại núi Thứu phong thuộc thành Vương xá, cùng với hội chúng bốn vạn hai ngàn vị đại Tỳ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị Bồ-tát đều đã đạt thần thông diệu trí. Các chúng Đại Bồ-tát từ các cõi Phật khác đến hội này, các vị đều đã được pháp Nhẫn bất thoái chuyển Nhất sinh bổ xứ, được các Tổng trì và Tam-ma-địa, đầy đủ biện tài không ngăn ngại, có khả năng vượt qua vô biên cõi Phật; ở trong mười phương vô biên tất cả cõi Phật đã kiến lập thị hiện, dùng thần thông trí dạo chơi tự tại hàng phục chúng ma, chận đứng các dị luận, hiểu rõ tất cả tâm ý sở hành của chúng sinh. Lại còn dùng trí thù thắng khéo phân biệt căn tánh của người khác, thông đạt nghĩa lý của tất cả pháp môn Ba-la-mật-đa, đầy đủ phương tiện thiện xảo, đến bờ rốt ráo tối thượng và được tất cả chư Phật khen ngợi.

Các vị Bồ-tát ấy đã trải qua vô lượng, vô biên trăm ngàn muôn ức kiếp tích tụ đạo hạnh Bồ-đề rốt ráo. Tâm của các vị bình đẳng như đất, nước, lửa, gió nương hư không vô biên, khéo tu Từ quán như lý tương ưng, siêu việt tất cả mọi chấp trước chướng ngại, được thân tướng tốt đẹp như thân Na-la-diên đầy đủ Kim cang kiên cố bất hoại. Các vị đã đạt đức Vô úy tối thắng, có thể ở giữa tất cả chúng hội lớn rống tiếng rống sư tử tuyên diễn pháp âm và có ánh sáng rực rỡ át cả ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. Các vị đã đạt được các pháp như chư Phật ba đời bình đẳng nói, dùng trí quyết định khéo tuyên thuyết pháp yếu thậm thâm tối thượng, thâm nhập tất cả pháp môn duyên sinh, xa lìa hai thứ biên kiến đoạn và thường. Đối

với thiền định giải thoát chánh định, chánh thọ, khi nhập hay khi khởi các ngàI thảy đều biết rõ. Công đức và trí tuệ vang danh khắp mười phương, nắm giữ chánh pháp bảo vương tối thượng, khiến cho hạt giống thánh Tam bảo không bị đoạn tuyệt, tích tụ vô lượng phước trí thắng hạnh như vậy. Tên của các vị là Bồ-tát Bảo Thượng, Bồ-tát Nguyệt Tràng, Bồ-tát Thanh Lương Tràng, Bồ-tát Quang Tràng, Bồ-tát Cát Tường Quang, Bồ-tát Cát Tường Phong, Bồ-tát Cát Tường Mật, Bồ-tát Na-la-diên Thiên, Bồ-tát Long Hỷ, Bồ-tát Long Thượng, Bồ-tát Long Thọ, Bồ-tát Trì Diệu Sắc, Bồ-tát Cao Thiên, Bồ-tát Đức Quang Vương, Bồ-tát Quang Minh Thủ, Bồ-tát Thường Cử Thủ, Bồ-tát Thường Hạ Thủ, Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, Bồ-tát Bảo Thủ, Bồ-tát Phổ Quang, Bồ-tát Tinh Vương, Bồ-tát Kim Cang Thủ, Bồ-tát Kim Cang Tuệ, Bồ-tát Kim Cang Đại Tuệ, Bồ-tát Kim Cang Bộ, Bồ-tát Bất Động Tích Bộ. Bồ-tát Tam Giới Tích Bộ, Bồ-tát Vô Biên Bộ, Bồ-tát Vô Biên Tuệ, Bồ-tát Tinh Diệu Tuệ, Bồ-tát Kiên Cố Tuệ, Bồ-tát Thiện Tuệ, Bồ-tát Diệm Sí Tuệ, Bồ-tát Tối Thắng Tuệ, Bồ-tát Tăng Trưởng Tuệ, Bồ-tát Thường Thảm, Bồ-tát Thường Hỷ, Bồ-tát Hỷ Căn, Bồ-tát Diệt Ác Thú, Bồ-tát Trừ Cái Chướng, Bồ-tát Tự Tướng Trì Vô Cấu Quang, Bồ-tát Dũng Mãnh Tinh Tấn, Bồ-tát Tuệ Tích, Bồ-tát Thường Quán Sát, Bồ-tát Quán Tự Tại, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Cao Phong, Bồ-tát Hư Không Tạng, Bồ-tát Bất Thuấn, Bồ-tát Vô Hy Vọng, Bồ-tát Bảo Thượng, Bồ-tát Bảo Tư Duy, Bồ-tát Thiện Tư Duy, Bồ-tát Thiện Tư Nghĩa, Bồ-tát Quyết Định Nghĩa, Bồ-tát Tổng Trì Tự Tại Vương, Bồ-tát Trì Địa, Bồ-tát Trang Nghiêm Vương, Bồ-tát Sát Độ Trang Nghiêm, Bồ-tát Bảo Tích, Bồ-tát Bí Mật Nham, Bồ-tát Đế Thích Thiên, Bồ-tát Thủy Thiên, Bồ-tát Phạm Võng, Bồ-tát Minh Võng, Bồ-tát Thiên Quang, Bồ-tát Diệu Tý, Bồ-tát Diệu Nhãn, Bồ-tát Hương Tượng, Bồ-tát Tượng Trung Hương Tượng, Bồ-tát Sư Tử Tràng, Bồ-tát Thành Nghĩa Tuệ, Bồ-tát Hải Tuệ, Bồ-tát Thiện Điều Ngự, Bồ-tát Tịch Tuệ, Bồ-tát Từ Thị, Bồ-tát Diệu Cát Tường Đồng Chân. Chúng Đại Bồ-tát như vậy có đến tám vạn bốn ngàn vị và Phạm vương, Đế Thích, các trời Hộ thế trong tam thiên đại thiên thế giới, cùng với các chúng Thiên vương có đại oai đức khác, hoặc chúng Long vương, chúng Dạ-xoa vương, chúng A-tu-la vương, chúng Ca-lầu-la vương, chúng Khẩn-na-la vương, chúng Ma-hầu-la-già vương, chúng Càn-thát-bà vương. Các chúng như vậy đều đến hội họp. Lại còn có Long vương A-na-bà-đạt-đa, Long vương Sa-già-la, Long vương Phược-lỗ-noa, Long vương Ma-na-tư, Long vương Đắc-xoa-ca, Long vương Kim Sắc, Long vương Vô Biên Sắc, Long vương Tô-thi-ma. Các Long vương như vậy cùng với trăm ngàn các rồng quyến

thuộc đều đến hội này, thân gần lễ bái chiêm ngưỡng và nghe Thế Tôn thuyết pháp.

Lại còn có chúng A-tu-la vương như: A-tu-la vương La-hầu, A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la, A-tu-la vương Diệu Tý, A-tu-la vương Sa-la, A-tu-la vương Đa-la, A-tu-la vương Tịnh Giới, A-tu-la vương Đại Tiếu, A-tu-la vương Quảng Phúc, A-tu-la vương Tận Vô Biên. Các A-tu-la vương như vậy cùng với trăm ngàn A-tu-la quyến thuộc đến hội này để thân gần chiêm ngưỡng lễ bái và nghe Đức Thế Tôn nói pháp.

Khi ấy, vua A-xà-thế nước Ma-già-đà cùng với cung tần quyến thuộc cũng đến hội này, thân cận chiêm ngưỡng đảnh lễ và nghe Đức Thế Tôn nói pháp. Cùng với bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều đến hội này.

Lại có chư Thiên ở cõi trời Địa cư, cõi trời Dục, Sắc giới, cõi trời Tịnh cư v.v... các chúng Thiên tử cũng đều đến hội họp, thân gần chiêm ngưỡng đảnh lễ và nghe Thế Tôn nói pháp.

Lúc đó, Đức Thế Tôn ở giữa đại hội, có vô số trăm ngàn đại chúng trời, người cung kính vây quanh muốn nghe Thế Tôn nói pháp, Đức Phật bảo đại chúng:

– Ta có chánh pháp tên là Phổ nhiếp các Bồ-tát Ma-ha-tát thượng thắng hạnh thanh tịnh diệu môn bởi vì pháp môn này có khả năng làm viên mãn tất cả hạnh. Nghĩa là nếu Bồ-tát tu hạnh bố thí thì có thể đem lại sự thành tựu cho tất cả hữu tình. Nếu các Bồ-tát tu hạnh trì giới thì được viên mãn tất cả nguyện thù thắng. Nếu các Bồ-tát tu hạnh nhẫn nhục thì được đầy đủ tất cả tướng hảo. Nếu các Bồ-tát tu hạnh tinh tấn thì viên mãn được tất cả pháp Phật. Nếu các Bồ-tát tu hạnh thiền định thì có khả năng làm cho tất cả điều phục được tâm mình. Nếu các Bồ-tát tu hạnh trí tuệ thì có khả năng đoạn trừ hết tất cả phiền não. Nếu các Bồ-tát tu hạnh thuyết pháp thì có khả năng thành tựu biện tài không ngăn ngại. Nếu các Bồ-tát tu hạnh phước thù thắng thì có thể làm trưởng dưỡng tất cả hữu tình. Nếu các Bồ-tát tu hạnh trí vi diệu thì có thể thành tựu trí không chướng ngại. Nếu các Bồ-tát tu hạnh Xa-ma-tha thì có khả năng khiến tâm nghiệp của chúng sinh được điều phục khoái thích. Nếu các Bồ-tát tu hạnh quán vi diệu thì có khả năng xa lìa tất cả phân biệt. Nếu các Bồ-tát tu hạnh Từ thì được tất cả tâm không chướng ngại. Nếu các Bồ-tát tu hạnh Bi thì thân tâm không biếng nhác mệt mỏi. Nếu các Bồ-tát tu hạnh Hỷ thì có thể dạo chơi trong vườn pháp hỷ. Nếu các Bồ-tát tu hạnh Xả thì có khả năng đoạn trừ hai pháp trái, thuận. Nếu các Bồ-

tát tu hạnh nghe pháp thì có khả năng đoạn trừ tất cả chướng ngại hệ lụy. Nếu các Bồ-tát tu hạnh xuất ly thì có khả năng loại trừ tất cả chấp trước. Nếu các Bồ-tát tu hạnh ở A-lan-nhã thì đạt được các pháp thiện đã làm đều không bị hoại mất. Nếu các Bồ-tát tu hạnh Niệm thì được các môn Tổng trì. Nếu các Bồ-tát tu hạnh Tuệ thì được tuệ thù thắng khéo phân biệt được các pháp. Nếu các Bồ-tát tu hạnh Trụ thì được tâm không ai sánh bằng. Nếu các Bồ-tát tu hạnh Thú hướng thì có khả năng biết được tất cả nghĩa thú. Nếu các Bồ-tát tu hạnh Tứ niệm xứ thì có khả năng quán sát thân, thọ, tâm, pháp. Nếu các Bồ-tát tu hạnh bốn Chánh đoạn thì có khả năng đoạn trừ mọi pháp bất thiện và viên mãn tất cả pháp thiện. Nếu các Bồ-tát tu hạnh bốn Thần túc thì thân tâm được thanh tịnh khinh an. Nếu các Bồ-tát tu hạnh năm Căn thì có khả năng biết được căn tánh của chính mình và người khác. Nếu các Bồ-tát tu hạnh năm Lực thì không bị các phiền não làm khuất phục. Nếu các Bồ-tát tu hạnh bảy Giác chi thì hiểu biết các pháp một cách như thật. Nếu các Bồ-tát tu hạnh tám Chánh đạo thì có khả năng vượt khỏi mọi tà đạo. Nếu các Bồ-tát tu hạnh bốn Đế thì thành tựu được pháp bất động chuyển. Nếu các Bồ-tát tu hạnh bốn Vô ngại giải thì có khả năng đoạn trừ tất cả tâm nghi hoặc của hữu tình. Nếu các Bồ-tát tu hạnh Quy thú thì được trí tự tại. Nếu các Bồ-tát tu hạnh Thiện tri thức thì có thể tích tụ được các công đức. Nếu các Bồ-tát tu hạnh ý lạc thì không trái với tất cả thế gian. Nếu các Bồ-tát tu hạnh Thâm tâm thì được tất cả thú hướng tối thắng. Nếu các Bồ-tát tu hạnh Tương ưng thì có khả năng siêng năng dũng mãnh cứu giúp tất cả hữu tình xuất ly. Nếu các Bồ-tát tu hạnh trụ ở Tăng phường thì được nghe pháp mà không hoại mất. Nếu các Bồ-tát tu hạnh bốn Nhiếp pháp thì có khả năng nhiếp thọ tất cả hữu tình. Nếu các Bồ-tát tu hạnh nhiếp thọ chánh pháp thì không đoạn hạt giống Tam bảo. Nếu các Bồ-tát tu hạnh hồi hướng thì có thể trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh. Nếu các Bồ-tát tu hạnh phương tiện thiện xảo thì có khả năng viên mãn được trí Nhất thiết trí.

Đức Thế Tôn đã tuyên nói chánh pháp rộng lớn "Phổ nhiếp các Bồ-tát Ma-ha-tát tối thượng thắng hạnh thanh tịnh diệu môn" như vậy. Khi Thế Tôn đang nói pháp này, Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ hiện sức oai thần hầu bên phải Đức Phật.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ ra trước Phật bạch rằng:

– Thật hy hữu, thưa Thế Tôn! Như Lai đã khéo nói chánh pháp rộng lớn "Phổ nhiếp các Bồ-tát Ma-ha-tát tối thượng thắng hạnh thanh tịnh diệu

môn". Bạch Thế Tôn! Theo nghĩa lý siêu việt trong lời dạy của Như Lai mà con hiểu thì nếu nay con được tất cả hạnh thù thắng của các Đại Bồ-tát, đều là từ hai hạnh phước và trí mà có. Nên biết tùy theo đối tượng mà thể nhập hai hạnh phước trí. Vì sao vậy? Vì các Bồ-tát tu hạnh phước có khả năng khiến tất cả hữu tình lìa các chướng ngại. Nếu tu hạnh trí thì có khả năng thuyết pháp yếu cho các hữu tình và làm cho chúng vui thích. Bạch Thế Tôn! Vì vậy các Đại Bồ-tát cần phải hòa hợp hai hạnh phước và trí. Vì sao? Vì Bồ-tát tu hạnh phước thì có khả năng viên mãn Phương tiện thiện xảo ba-la-mật-đa. Còn tu hạnh trí thì có khả năng viên mãn Trí tuệ ba-la-mật-đa. Thế nên hai hạnh này chính là hai loại Thánh đạo của Bồ-tát, có công năng thâu nhiếp hết tất cả đạo hạnh. Bồ-tát trụ vào đạo này thì có khả năng hàng phục các nghiệp ma chúng khó điều phục. Bồ-tát đã vượt thoát các đường ác của ma, không thoái chuyển nơi quả vị Chánh đẳng Chánh giác. Đây tức là Bồ-tát không còn thoái chuyển. Nhờ thế mà Bồ-tát có thể khéo làm sáng tỏ sự bí mật thậm thâm của chư Phật Như Lai không để ẩn tàng.

Lúc đó trong hội có Đại Bồ-tát Tịch Tuệ đến trước Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ thưa:

– Thưa Đại bí mật chủ! Bồ-tát thường gần gũi hầu các Đức Như Lai, vậy nay Bồ-tát có thể hoan hỷ nói về pháp bí mật của Như Lai. Xin Bồ-tát vì đại chúng mà nói. Cảnh giới này hàng Thanh văn, Duyên giác còn không vào được, huống nữa là các hạng phàm phu.

Bồ-tát Tịch Tuệ đã thưa như vậy rồi nhưng Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ vẫn đứng im lặng.

Lúc đó Bồ-tát Tịch Tuệ hiểu được sự im lặng ấy, liền ra trước Phật, bạch rằng:

– Cúi xin Thế Tôn lệnh cho Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ, vì chúng hội này mà nói rõ pháp bí mật của Như Lai, để chúng Đại Bồ-tát nghe rồi hoan hỷ và cũng nhờ thế mà rộng tích tụ pháp phần Bồ-đề, thành tựu pháp bí mật của Như Lai, tu tập theo đúng chánh lý.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ:

– Ta nay khuyến thỉnh ông. Ông hãy vì đại chúng trong hội này mà tuyên nói pháp bí mật của Bồ-tát và pháp chân thật bí mật của Như Lai. Hiện nay cả chúng hội này rất muốn được nghe.

Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ vâng lời dạy đến trước Đức Phật, bạch:

– Bạch Thế Tôn! Theo lời Thế Tôn dạy, nay con sẽ tuyên nói pháp bí

mật của Bồ-tát và pháp chân thật bí mật của Như Lai. Trong chúng hội này, nếu có người nào hiểu được chút ít, thì đó cũng là nhờ oai thần của Thế Tôn kiến lập. Ví như trong đêm tối màn đêm bao phủ, nếu có ngọn đuốc sáng chiếu khắp mọi nơi, thì rất dễ nhận ra các cảnh vật. Nay trong chúng hội này cũng lại như vậy, đối với pháp bí mật của Bồ-tát và pháp chân thật bí mật của Như Lai, có người nào nghe hiểu được chút ít, thì nên biết đó đều là nhờ oai thần của Như Lai kiến lập.

Khi ấy, Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ nói với Đại Bồ-tát Tịch Tuệ:

– Này thiện nam! Nay chúng hội này nghe pháp bí mật của Bồ-tát và pháp chân thật bí mật của Như Lai mà không kinh sợ, thì đó là điều vô cùng tốt lành.

Sau khi Bồ-tát Kim Cang Thủ nói như thế, Đại Bồ-tát Tịch Tuệ bèn nói với tất cả đại chúng trong hội:

– Này các nhân giả! Như Đức Phật đã dạy, có bốn điều không thể nghĩ bàn. Bốn điều ấy là gì? Một là không thể nghĩ bàn về nghiệp; hai là không thể nghĩ bàn về rồng; ba là không thể nghĩ bàn về định và bốn là không thể nghĩ bàn về Phật. Các nhân giả nên biết! Trong bốn điều ấy chỉ có Đức Phật Như Lai mới là điều không thể nghĩ bàn tối thượng bậc nhất. Nơi nào có các pháp Bồ-đề của chư Phật Chánh đẳng Chánh giác thì đều là do bốn điều không thể nghĩ bàn ấy thành lập. Thế nên, này các nhân giả! Các vị đối với pháp không thể nghĩ bàn của Bồ-tát và pháp không thể nghĩ bàn của Như Lai, nghe rồi không nên kinh sợ khiếp đảm mà nên sinh tâm vui thích thanh tịnh rộng lớn tối thượng.

Lúc đó Bồ-tát Tịch Tuệ nhờ oai thần của Phật nên biết tất cả đại chúng trong hội này đều muốn nghe và tin theo pháp bí mật của chư Phật, Bồ-tát liền tung rải hoa trời cúng dường, hoa rải đó cao đến gối.

Bấy giờ, Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ nói với Đại Bồ-tát Tịch Tuệ:

– Thiện nam, hãy lắng nghe! Nay ta tuyên nói pháp chân thật bí mật của Bồ-tát. Tịch Tuệ nên biết! Đức Thế Tôn của chúng ta thuở xưa kia ở trong giáo pháp của Đức Như Lai Nhiên Đăng, đang ở địa vị Bồ-tát theo hầu Phật và được Đức Phật ấy thọ ký quả vị Giác ngộ cao tột đạo Chánh đẳng Chánh giác. Từ đó đến nay, ta luôn kề cận Bồ-tát Thích-ca, nhưng chưa từng thấy thân nghiệp của Bồ-tát có gì sai lầm và cũng chưa từng thấy có tướng tà vạy quanh co; miệng không nói sai lầm và cũng chưa bao giờ nghe nói lời hư vọng; tâm không khởi sai lầm và cũng

chưa từng biết đến lỗi lầm đắm trước, mà chỉ thấy thân nghiệp của Bồ-tát hiện tướng oai nghi, vì muốn đem lại sự thành tựu cho tất cả hữu tình chứ không tự khen mình. Do thân tướng oai nghi của Bồ-tát không có cùng tận, cho nên mọi oai nghi của tất cả hữu tình thảy đều hòa nhập vào tướng oai nghi của Bồ-tát. Tuy vậy, nhưng Bồ-tát không cần phải dụng lực, không cần phải tìm hiểu mà vẫn an nhiên. Đối với các hữu tình cần dùng thiền định để hóa độ, liền hiện thiền định để hóa độ. Người cần dùng tiếng đàn, nhạc, ca hát để hóa độ, liền hiện tiếng đàn, nhạc, ca hát để hóa độ. Người cần dùng thân đồng nam để hóa độ, liền hiện thân ấy mà hóa độ. Người cần dùng thân đồng nữ để hóa độ, liền hiện thân ấy mà hóa độ. Người cần dùng thân con trai để hóa độ, liền hiện thân ấy mà hóa độ. Người cần dùng thân con gái để hóa độ, liền hiện thân ấy mà hóa độ. Người cần dùng thân thiếu niên để hóa độ, liền hiện thân ấy mà hóa độ. Người cần dùng thân trung niên để hóa độ, liền hiện thân ấy mà hóa độ. Người cần dùng thân già để hóa độ, liền hiện thân ấy mà hóa độ. Người cần dùng thân thấp hèn để hóa độ, liền hiện thân ấy mà hóa độ. Người cần dùng thân đồ tể để hóa độ, liền hiện thân ấy mà hóa độ. Người cần dùng thân câm ngọng để hóa độ, liền hiện thân ấy mà hóa độ. Người cần dùng thân đui điếc để hóa độ, liền hiện thân ấy mà hóa độ. Người cần dùng tướng ba đường ác và thân người để hóa độ, liền hiện các thứ thân ấy mà hóa độ. Người cần dùng thân trời để hóa độ, liền hiện thân ấy mà hóa độ. Người cần dùng thân Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già v.v... để hóa độ, liền hiện các thân ấy mà hóa độ. Người cần dùng thân Đế Thích để hóa độ, liền hiện thân ấy mà hóa độ. Người cần dùng thân Phạm vương để hóa độ, liền hiện thân ấy mà hóa độ. Người cần dùng thân Hộ thế để hóa độ, liền hiện thân ấy mà hóa độ. Người cần dùng thân Chuyển luân vương để hóa độ, liền hiện thân ấy mà hóa độ. Người cần dùng thân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di để hóa độ, liền hiện các thân ấy mà hóa độ. Người cần dùng thân Thanh văn để hóa độ, liền hiện thân ấy mà hóa độ. Người cần dùng thân Duyên giác để hóa độ, liền hiện thân ấy mà hóa độ. Người cần dùng thân Bồ-tát để hóa độ, liền hiện thân ấy mà hóa độ. Người cần dùng thân Như Lai để hóa độ, liền hiện thân ấy mà hóa độ. Ngài hiện tất cả thân, chỉ trừ ở cõi Vô sắc mà thôi.

❑

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA BÍ MẬT CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI

QUYỂN 2

Phẩm 1: THÂN MẬT CỦA BỒ-TÁT (Phần 2)

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Tất cả oai nghi sắc tướng của hữu tình đều có trong oai nghi sắc tướng của Bồ-tát, nhưng Bồ-tát vẫn không tìm hiểu cũng không phân biệt. Do Bồ-tát có tâm xả bình đẳng, không phân biệt cho nên mới tùy theo thân của chúng sinh mà hiện thân oai nghi, nhưng thân Bồ-tát không bị lay động. Do không lay động cho nên hiện khởi thân nghiệp. Tuy thân lìa tướng nhưng cũng không hoại thân thanh tịnh của Bồ-tát; thân ấy phát ra ánh sáng chiếu khắp địa ngục, làm cho tất cả hữu tình được an lạc.

Lại nữa, Bồ-tát rộng vì tất cả hữu tình mà không tiếc thân mạng. Nếu các hữu tình đều đến xin thịt của Bồ-tát để ăn, Bồ-tát liền hiện ra trước cắt thịt cho họ, cho đến xương, máu, tinh tủy thảy đều cho cả. Tịch Tuệ nên biết! Bồ-tát vì tất cả hữu tình cho thịt trong thân v.v... theo nhu cầu của họ là do Bồ-tát biết thân là vô lượng, nên tùy theo đó mà biết pháp giới cũng vô lượng. Vô lượng tức là vô tận, thân vô tận môn, tức là pháp môn duyên sinh vô tận. Bồ-tát tùy đó mà hiện thân, chỉ vì muốn đem lại sự thành tựu cho tất cả hữu tình. Nếu có người với tâm tham nhiễm đắm trước sắc tướng đoan nghiêm đẹp đẽ, Bồ-tát liền hiện tướng người nữ đẹp đẽ, tùy theo tâm đắm nhiễm của gã nam tử kia mà đáp ứng như ý. Khi ấy người nữ ấy vì nhiễm trước, nên hình dung tiều tụy khô gầy rồi qua đời, căn môn rã ra hôi thối bất tịnh. Chàng nam tử kia vì vô trí nên chán ghét bỏ đi, tức thì thân người nữ bị hoại diệt kia, tự nhiên phát lên tiếng nói pháp trọng yếu, khiến cho tâm chàng nam tử khai ngộ, không thoái chuyển với tâm hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa, này Bồ-tát Tịch Tuệ! Bồ-tát ở trong tam thiên đại thiên thế giới hiện ra thân to lớn, hoặc trong bảo cái hiện ra đầu ngón tay, cho đến kiếp thiêu lửa cháy rừng rực, Bồ-tát liền dùng bàn tay chụp lên lửa, nhưng thân không bị hoại. Lại nữa Bồ-tát còn hiện ra thân tướng, rộng cúng dường chư Phật Thế Tôn, chứa nhóm vòng hoa như núi Tu-di tích tụ hoa báu cao

như ngọn núi, đều đem cúng dường chư Phật Như Lai. Lại đem tam thiên đại thiên thế giới làm thành một vạc lớn chứa đầy nước hương thơm ngang bằng với núi Tu-di, rồi rót vào đèn thắp cháy sáng rực cúng dường các Đức Như Lai. Lại tích tụ vô lượng, vô biên đèn sáng lớn chiếu sáng khắp tất cả để cúng dường Như Lai. Lại nữa, Bồ-tát dùng y đang mặc xối dầu lên, rồi đốt thành đuốc lớn cúng dường hết các Đức Như Lai; đuốc ấy cháy hừng hực, ánh sáng lan ra xa, chiếu đến vô lượng, vô biên cõi Phật. Các hữu tình được chứng kiến Bồ-tát hiện các việc thần thông biến hóa, thấy vậy rồi vô lượng, vô biên hữu tình phát tâm đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột. Trong số đó, có các hữu tình kiêu mạn cống cao, Bồ-tát liền hiện thân đại lực Na-la-diên, hoặc hiện Bồ-tát Kim Cang Thủ tướng thật đáng sợ. Các hữu tình ấy thấy vậy kinh hoàng, liền hướng về Bồ-tát chiết phục tâm quy mạng đảnh lễ cầu xin nghe pháp.

Lại nữa, Bồ-tát ở trong thành lớn và trong khu rừng bỏ tử thi, thấy những nơi ấy đầy ắp vô lượng, vô biên hữu tình, Bồ-tát liền dùng thân to lớn hiện tướng tử diệt, khiến cho loài hữu tình đang đọa làm súc sinh, dứt sạch nghiệp báo súc sinh cùng nhau lấy thịt của Bồ-tát diệt đó mà ăn, ăn rồi mạng chung đều được sinh Thiên. Nhờ nhân duyên như vậy nên đến thân cuối cùng được vào Niết-bàn. Vì thế nên biết, nguyện lực đời trước của Bồ-tát được thanh tịnh rồi, mới có thể ở trong nhiều kiếp đem nguyện đó làm việc lợi ích, mong các hữu tình khi lâm chung ăn thịt của ta mà được sinh cõi trời. Do nhân duyên như vậy, cho nên đến thân cuối cùng được vào Niết-bàn, khiến cho các hữu tình thành tựu ý niệm, thành tựu mong muốn và thành tựu nguyện lực.

Tịch Tuệ nên biết! Đại Bồ-tát có những hạnh nguyện thù thắng như vậy. Ta nhớ đời quá khứ xa xưa, bốn phương của châu Diêm-phù-đề này có tám vạn bốn ngàn thành lớn, lại có trăm ngàn tụ lạc, huyện ấp, trăm ngàn muôn ức dân chúng ở trong đó. Khi ấy trong nước có tai nạn lớn tật bệnh nổi lên, nhân dân trong thành ấy sinh đủ chứng bệnh, hoặc ở trên thân chỗ bệnh chỗ không, bệnh trạng của mỗi người đều khác; hoặc là bệnh nhọt, bệnh sẩy, ghẻ lở, bệnh hủi, hoặc phong, huỳnh, đàm... người bệnh nặng, nhẹ lan tràn khắp nước, cho mời rất nhiều thầy thuốc giỏi, dùng đủ loại thuốc hay, nhưng vẫn không trị được tất cả bệnh khổ của người dân trong nước. Nhân dân do căn bệnh không thể trị liệu, không được cứu hộ, không có chỗ quay về tiếng khóc bi ai than vãn:

– Ai là người có khả năng dứt trừ bệnh khổ của ta, hoặc là Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà... hoặc là người hoặc chẳng phải người, ai có khả năng

dứt trừ bệnh tật của ta, thì ta sẽ đem hết tất cả tài bảo để dâng lên người ấy. Ta luôn vâng theo lời dạy của người ấy và suốt đời ghi nhớ ân sâu ấy.

Tịch Tuệ nên biết! Lúc đó Đức Thích-ca Thế Tôn Như Lai đang làm vua trời Đế Thích tên là Diệu Nhãn, ở trên Thiên cung dùng Thiên nhãn thanh tịnh vượt hơn mắt người, quán thấy dân chúng chịu nhiều thứ bệnh khổ. Lại dùng Thiên nhĩ thanh tịnh, nghe hết tất cả tiếng kêu khóc thảm thiết của dân chúng. Thấy nghe như vậy rồi, Diệu Nhãn liền khởi lên tâm thương xót tự suy nghĩ: "Nay ta nên vì dân chúng đang không có nơi nương tựa, không có người cứu hộ, không có nơi quay về ấy mà làm chỗ nương tựa, làm chỗ cứu hộ, làm chỗ quay về cho họ". Nghĩ vậy rồi, tức thời vua trời Đế Thích ở cách không xa một ngôi thành lớn tên Thiện tác trong cõi Diêm-phù-đề biến thành tướng nam tử tên là Thiện Tịch, ở trên hư không, rộng vì tất cả nhân dân trong cõi Diêm-phù-đề mà nói kệ khai thị:

Thành lớn Thiện tác cách không xa
Có vị nam tử tên Thiện Tịch
Nếu như lấy thịt vị ấy ăn
Thì liền tiêu trừ tất cả bệnh.
Chớ nên kinh sợ hay khiếp đảm
Tùy ý hoan hỷ lấy thịt ăn
Đó là thuốc hay cứu dân chúng
Vị ấy không hại, không hận sân.

Lúc đó tất cả người dân bị nhiễm bệnh khổ trong quốc thành, tụ lạc, huyện ấp đều nghe tiếng kệ trong hư không, liền đến chỗ Thiện Tịch nơi thành lớn Thiện tác. Đến nơi, tất cả đều cắt thịt ăn để trị bệnh. Tuy nhiều người lấy thịt, nhưng thịt trên thân vẫn không hết.

Lúc đó Thiện Tịch lại vì dân chúng mà nói kệ rằng:

Nếu ta chứng quả Phật Bồ-đề
Đây là pháp chân thật vô tận
Do pháp chân thật nên thân ta
Xin cứ lấy thịt cũng vô tận.

Khi ấy, người nhiễm bệnh khắp bốn phương, tất cả dân chúng ở chỗ Thiện Tịch đều tùy ý lấy thịt trên thân, nhưng thân của Thiện Tịch vẫn trở lại như cũ, cũng không tăng giảm, tiếp tục cắt lấy thì liên tục có lại. Tất cả dân chúng trong nước ấy lấy thịt mà ăn, tất cả các thứ bệnh khổ thảy đều tiêu trừ, không còn bệnh hoạn, lo buồn, được an vui khoái lạc. Như vậy lần lượt nhân dân trong cõi Diêm-phù-đề này đều được dứt trừ các bệnh, lại

được khinh an.

Lúc đó, tất cả dân chúng, trai gái, đồng nam, đồng nữ đều tự nghĩ: "Vị thiện nam kia đã vì chúng ta mà dứt trừ các bệnh, khiến chúng ta không còn bệnh hoạn, thân được khinh an. Hôm nay chúng ta hãy đem vật gì để cúng dường".

Sau khi suy nghĩ, mọi người đều tập hợp lại một chỗ, đồng đến nơi Thiện Tịch. Đến nơi, tất cả đều chắp tay cung kính cùng nói kệ khen ngợi:

Ngài, vị y chỉ khéo cứu hộ
Ngài là Y vương, là thuốc hay
Theo lời Ngài dạy đều hết bệnh
Nay phải làm gì để cúng dường?

Khi đó nam tử Thiện Tịch biến mất đi tướng hiện, trở lại thân Đế Thích, rộng vì dân chúng mà nói kệ rằng:

Vàng bạc, tài bảo và ăn uống
Tất cả thứ ấy ta không ưa
Chỉ vì cứu hộ các hữu tình
Mười thiện đạo nghiệp khiến viên mãn
Bồ-đề hạnh nguyện tu kiên cố
Làm nhân lợi lạc các hữu tình
Cùng nhau phát khởi tâm thương mến
Tất cả việc lợi càng thêm tăng
Nghe rồi nên phát tâm Bồ-đề
Lại khởi ý đại Từ tối thượng
Khiến cho tích tụ nhân thù thắng
Thập thiện nghiệp đạo đều thanh tịnh.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Trời Đế Thích khi ấy nói kệ này rồi, liền trở về Thiên cung. Trai gái, đồng nam, đồng nữ, tất cả dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề này, số ấy nhiều vô lượng, không có một ai bị đọa vào đường ác. Các hữu tình ấy sau khi mạng chung đều sinh lên cõi trời Tam thập tam. Sinh lên trời ấy rồi, vua trời Đế Thích liền vì các hữu tình ấy mà nói pháp khai thị chỉ dạy khiến họ được hoan hỷ, lợi lạc và khiến cho tâm hướng về quả vị giác ngộ của họ không còn thoái chuyển. Trong số đó, có các hữu tình xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn tịnh.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Vì thế nên biết các thân nghiệp đã làm của mật thân Bồ-tát được thanh tịnh rồi, liền xả bỏ thân mạng, luôn vì thành tựu vô lượng, vô biên tất cả hữu tình nên cuối cùng chứng được quả Giác ngộ cao tột.

Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ lại bảo Đại Bồ-tát Tịch Tuệ:

– Tịch Tuệ nên biết! Thân Bồ-tát là thân không phá hoại, là thân kiên cố, chân thật không sinh diệt. Nếu các hữu tình đáng dùng thân hữu hoại để hóa độ, liền hiện thân ấy mà hóa độ. Nếu các hữu tình đáng dùng thân không hoại để hóa độ, liền hiện thân ấy mà hóa độ. Đối với tất cả chủng loại đều không phá hoại, lửa không thể đốt, dao không thể cắt đứt, thân này là kiên cố chân thật, không thể phá hoại, là từ Kim cang mà thành. Thế nên, này Tịch Tuệ! Bồ-tát hiện ra thân tướng, chỉ vì đem lại sự thành tựu cho tất cả hữu tình, làm việc lợi ích. Tuy làm như vậy, nhưng Bồ-tát không suy nghĩ, cũng không phân biệt thân tướng ấy, biết rằng thân là lìa tướng, cho nên được pháp lìa tướng, cũng không phải là thân lìa tướng cùng với tất cả pháp lìa tướng có hai sự sai biệt. Nếu tướng tức là thân lìa tướng, thì tướng ấy tức là pháp lìa tướng. Như vậy do lìa tướng nên có thể theo đó mà thể nhập, nghĩa là tự thân lìa tướng cùng với thân lìa tướng của tất cả hữu tình, cả hai đều bình đẳng. Vì sao? Vì tự thân lìa tướng và do thân của tất cả hữu tình lìa tướng nên thể nhập vào tất cả pháp giới lìa tướng. Do pháp giới lìa tướng, nên thể nhập vào pháp lìa tướng, nhưng trong đó thật không có một pháp nhỏ nào có thể nắm bắt được. Vì tự thân là chân như, cho nên thể nhập vào thân chân như của tất cả hữu tình; tất cả thân chân như của hữu tình thể nhập vào tự thân chân như. Lại nữa, tự thân chân như thì thể nhập vào tất cả pháp chân như. Do thể nhập vào pháp chân như cho nên thể nhập vào tất cả chân như của Phật. Lại do tự thân chân như, cho nên thể nhập vào chân như của quá khứ, vị lai, hiện tại; nhưng chẳng phải chân như của quá khứ cùng với chân như của vị lai, hiện tại kia có sự trái nhau. Chân như của quá khứ, vị lai, hiện tại tức là chân như của uẩn, xứ, giới; chân như của uẩn, xứ, giới tức là chân như thanh tịnh. Chân như nhiễm tịnh, tức là chân như của sinh tử Niết-bàn. Chân như của sinh tử Niết-bàn tức là chân như không có tạo tác. Chân như không có tạo tác tức là chân như của tất cả tạo tác.

Này thiện nam! Điều mà gọi là chân như tức là thật tánh; thật tánh tức là như tánh, là không có tánh khác, không có tánh chủng loại, không có tánh sinh, không có tánh tranh luận, không có tánh chấp chặt. Vì chân như không có pháp nào là có thể nắm bắt. Nói pháp chân như là pháp không thể nắm bắt, là do vì chân như ấy không có sự nắm bắt, tức là nắm bắt như thị. Ở trong các pháp thủ, Bồ-tát thị hiện có pháp sở thủ. Nhưng chẳng phải chân như có thủ, có tạo tác. Do không thủ, cho nên không có tranh luận; do không tranh luận, nên đối với các sắc hiện có sở thủ, nhưng chân như ấy cũng không bị lay động. Thế nên dùng trí chân thật ấy để quán sát thân chân thật của Như Lai. Do quán thân Như

Lai là bình đẳng, nên quán tự thân là chân như. Nói tóm lại quán sát kỹ tất cả thân là tánh chẳng phải thân, rốt ráo không sinh; biết rõ tất cả thân đều từ pháp duyên sinh mà thành, biết như vậy rồi mới có thể ngộ nhập vào Pháp thân môn kia. Do thể nhập vào Pháp thân môn ấy nên thành tựu Pháp thân, chẳng phải là uẩn, xứ, giới thân mà là Pháp thân rộng lớn tối thắng. Quán tưởng như thật, từ đó mà hiện thân, làm lợi lạc cho các hữu tình, cho đến tất cả sự thấy nghe hiểu biết đều là vì lợi lạc hữu tình.

Tịch Tuệ nên biết! Ví như y vương Kỳ-bà tích tụ tất cả thuốc hay tối thượng ở thế gian, rồi chế biến tinh diệu hòa hợp làm thành tướng một người nữ sắc đẹp tuyệt vời mọi người ai cũng muốn ngắm nhìn, tùy theo sự thích ứng mà an lập thi tác, hoặc đến hoặc lui, đi, đứng, ngồi, nằm, phân biệt sự tướng, cũng chẳng phải phân biệt, chẳng phải lìa phân biệt. Những ai có bệnh, hoặc quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ đến chỗ người nữ mà y vương Kỳ-bà đã dùng thuốc hay làm thành kia, cùng nhau hòa hợp, hòa hợp rồi thì tất cả bệnh khổ đều dứt trừ, bệnh hết, được khinh an, lại được khoái lạc.

Này Tịch Tuệ! Ông hãy quán vị y vương Kỳ-bà kia. Vị ấy đã dùng trí khéo léo dứt trừ các bệnh cho thế gian, còn các thầy thuốc khác không có trí lực này. Pháp thân tối thắng của Bồ-tát cũng như vậy. Nếu ai có thể như lý chân thật mà quán, thì tất cả trai gái, đồng nam, đồng nữ kia thân bị tham, sân, si thiêu đốt; còn ai có thể như thật mà quán Pháp thân, thì có thể dứt trừ tất cả phiền não, tâm được khinh an, thân lìa sự thiêu đốt. Vì thế nên biết nguyện lực thanh tịnh đời trước của Bồ-tát, Pháp thân rộng lớn thù thắng của Bồ-tát, như thật mà quán thì chính là mật thân thanh tịnh của Bồ-tát.

Tịch Tuệ nên biết! Pháp thân của Bồ-tát không phải do ăn uống mà thành, cũng không phải do đoàn thực nuôi dưỡng. Bồ-tát biết rõ tướng như vậy rồi, vì thương xót tất cả hữu tình mà thị hiện nhận ăn uống. Tuy có sự nắm bắt, nhưng không đắm trước tướng, cũng không phải vì tiếc thân mạng mà có sự nắm bắt trong sự nắm bắt, lại Pháp thân ấy không tăng, không giảm. Vì thế nên biết, Pháp thân của Bồ-tát không sinh, không diệt và cũng không khởi. Nhưng trong đó có thị hiện sinh diệt, tạo tác, chỉ vì đem lại sự thành tựu cho các hữu tình. Diệt tức là không diệt, cũng không tạo tác, đối với tất cả pháp nên biết như vậy. Nếu có sinh tức là nghĩa hòa hợp, đối với tất cả pháp nên biết như vậy. Lại nữa, nên biết tất cả pháp kia sinh tức là không sinh, thân của Như Lai tức là Pháp thân, là pháp thực, là pháp lực, là pháp quy thú. Thân

Như Lai là thân hư không, thân không gì sánh bằng, thân tối thắng trong tất cả ba cõi, thân thông đạt tất cả Như Lai, thân không thể ví dụ, không thể so sánh, thanh tịnh vô cấu, không nhiễm ô; là thân tự tánh sáng suốt, thân tự tánh không sinh, thân tự tánh không khởi, thân lìa tâm ý thức, thân tự tánh bóng trăng đẹp dưới nước, thân thành từ Không, Vô tướng, Vô nguyện; thân mười phương tối thắng rộng lớn như hư không, thân bình đẳng tất cả hữu tình, thân vô biên vô cùng; thân không chủng loại, không phân biệt; thân không hủy không khác, thân đối với trụ mà không trụ, được bất động; thân tự tánh vô sắc; thân tự tánh không có thọ, tưởng, hành, thức; thân không phải do địa giới mà thành, thân không phải do thủy, hỏa, phong giới mà thành; thân chẳng phải do chủng loại, chẳng phải do hòa hợp chủng, cũng chẳng phải do đại chủng mà thành; thân này không phải pháp chủng loại, tất cả thế gian không thể sánh bằng; thân này không phải do mắt sinh, không phải do nương nơi tai, không phải do quan năng của mũi, không phải do quan năng phân biệt của lưỡi, không phải do sự hòa hợp xúc của thân, không phải do ý tác thành... không phải do sự vận động của tâm, không phải do sự vận hành của ý thức, cũng không phải không chuyển, cũng không phải tùy chuyển.

Thiện nam! Do vậy cần phải như thật mà quán thân Như Lai. Vị Bồ-tát ấy đối với thân Như Lai mà trụ vào tánh bình đẳng, được thanh tịnh rồi mới thực hành hạnh Bồ-tát. Cho đến tam thiên đại thiên thế giới, hoặc bốn đại châu, hoặc Diêm-phù-đề, tất cả vương thành, tụ lạc, quận ấp, Bồ-tát đối với tất cả những nơi ấy rộng vì hiện thân, nhưng ở trong đó không có sở hiện, cũng không đối ngại.

Lại nữa, Bồ-tát có thể hiện thành thân ma ở khắp mười phương, ở trong chỗ hiện đó mà hiện không có đối ngại, ở trong chỗ không hiện mà hiện không có đối ngại. Do như vậy cho nên không thấy, không nghe, không hiểu, không biết, hiện ra là vì muốn đem lại sự thành tựu cho tất cả hữu tình. Bồ-tát đối với thân niệm xứ ấy cũng không tăng giảm. Bồ-tát tuy biết thân là vô thường, biết thân là khổ, biết thân là vô ngã, nhưng vì hữu tình mà thị hiện thân ấy để làm việc lợi ích. Bồ-tát biết thân vốn là tịch tĩnh, vì các hữu tình mà khởi lên thân phân biệt làm các lợi lạc. Bồ-tát biết rõ do nhân duyên mà thành ra thân ấy, nhưng đối với mỗi mỗi pháp nhân duyên ấy như thật mà quán, cũng không có người tạo tác, cũng không có người thọ nhận.

Lại nữa, Bồ-tát có năng lực quán thân này là vô tri như cây, cỏ, ngói, gạch. Thân nghiệp Bồ-tát tuy đã thanh tịnh, nhưng vì hữu tình mà thị hiện

thân ấy.

Tịch Tuệ nên biết! Bồ-tát Thích-ca ban đầu ở chỗ Phật Nhiên Đăng phát tâm Bồ-đề, nghiệp của thân, khẩu, ý tất cả đều thanh tịnh và thân nghiệp cũng đầy đủ vô lượng, vô biên công đức. Giả sử quá hằng hà sa số kiếp, hoặc Đức Như Lai nói, hoặc ta nói về thân nghiệp rộng lớn thanh tịnh của thân mật Bồ-tát cũng không thể cùng tận.

❑

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA BÍ MẬT CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI

QUYỂN 3

Phẩm 2: MẬT NGỮ CỦA BỒ TÁT

Đại bí mật chủ Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ lại bảo Đại Bồ-tát Tịch Tuệ:

– Này thiện nam! Sao gọi là ngữ nghiệp thanh tịnh trong mật ngữ của Bồ-tát?

Tịch Tuệ nên biết! Nơi nào Bồ-tát sinh ra thì nơi ấy chính là bản sinh của Bồ-tát. Tùy theo bản sinh của Bồ-tát tức là thể nhập vào âm thanh của Bồ-tát. Tất cả những âm thanh ngôn ngữ của hữu tình, các lời nói, ngôn từ diễn đạt để hiểu, nói chung là tất cả những lời nói về mọi sự tướng qua lại, quán sát kỹ về khổ vui... đều có trong âm thanh của Bồ-tát. Tuy vậy, nhưng Bồ-tát vẫn không chướng ngại, không chấp trước vào tri kiến, tất cả đều tùy chuyển. Cho đến những âm thanh vi tế như tiếng của muỗi, trùng, ruồi, bướm, Bồ-tát đều có thể hiểu rõ và nêu ra được, khiến cho các hữu tình nghe được âm thanh của Bồ-tát thân tâm được khinh an. Tùy theo những gì đã nghe mà nêu rõ ra, đều là từ miệng Bồ-tát nói ra, trong đó nói kệ rằng:

Tùy các hữu tình vô cùng tận
Chủng loại đó cũng nhiều vô kể
Dù trong trăm kiếp nói không hết
Chẳng nghĩ bàn này sao thể nói
Ta dùng thí dụ như nghĩa nói
Nói pháp Bồ-tát cũng không mất
Không tăng, không giảm như hư không
Khởi tâm rộng lớn mà khai diễn.

Lại nữa, này Bồ-tát Tịch Tuệ! Ở chỗ Phạm vương ấy, có tất cả loại âm thanh như loại âm thanh của Đế Thích, loại âm thanh của Thiên vương Hộ thế, loại âm thanh của các hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già..., cho đến mọi loại âm thanh của tất cả hữu tình. Bồ-tát đều dùng âm thanh tùy theo đối tượng mà hòa nhập.

Lại nói kệ rằng:

Phạm âm Bồ-tát hoan hỷ nói
Siêu việt hơn cả tiếng Phạm vương
Lời nói tương ứng hành Từ, Bi
Hỷ, Xả bốn pháp đều hòa hợp
Đế Thích ca vịnh tiếng vừa ý
Âm thanh Bồ-tát lại bao trùm
Tùy chỗ phát tiếng ca vi diệu
Cần nên phân biệt các pháp nghĩa.
Chúng Khẩn-na-la tiếng vi diệu
Tiếng của Bồ-tát vượt hơn cả
Lửa tham thiêu đốt khiến dứt trừ
Theo lời đã nói sinh vui thích.
Tiếng vừa ý của trời cõi Dục
Chư Thiên ca vịnh tiếng đều khác
Pháp nghĩa tùy thuận như lý nói
Khiến cho tất cả sinh hoan hỷ
Các hữu tình tham, sân, si, mạn
Lại thêm kiêu ngạo, dối, nghi hoặc
Nghe tiếng như nghĩa của Bồ-tát
Thảy đều chấm dứt tham, sân, si
Tất cả các chúng trời cõi Sắc
Nghe tiếng của Bậc Thượng Nhân rồi
Tất cả đều sinh tâm hoan hỷ
Nguyện cầu Bồ-đề sinh đường thiện.
Các tiếng âm nhạc của các loài
Ma-hầu, Càn-thát-bà và Rồng
Nghe lời của Bậc Công Đức Hải
Tất cả ai nấy rất mừng vui.
Âm thanh vang khắp cả mọi nơi
Người ở trong cõi Diêm-phù-đề
Nghe tiếng vi diệu của Bồ-tát
Nghe rồi tất cả được giải thoát
Địa cư, Không cư, các cõi trời
Âm thanh Bồ-tát đều hòa nhập
Tùy theo chủng loại tiếng hòa nhập
Tuyên nói chân thật quyết định pháp
Ca-lăng-tần-già, câu-chỉ-la

Ngỗng, nhạn, anh vũ và thu lộ
Khổng tước, cộng mạng, câu-na-la
Chim cát tường và loài uyên ương
Sư tử, hổ, báo, beo, hươu, nai
Voi, ngựa, tê, trâu, mèo, chó, heo
Các loài thú chạy và chim bay
Âm thanh hòa nhập đều hoan hỷ.
Tất cả hữu tình loại bốn chân
Hai chân, nhiều chân và không chân
Âm thanh Bồ-tát đều hòa nhập
Cảnh tỉnh khiến chúng sinh mến, sợ.
Hữu tình trong ba ngàn thế giới
Bậc thượng, trung, hạ đều sai khác
Tam đồ và hàng trời, người kia
Âm thanh Bồ-tát đều hòa nhập.
Tuy thế Bồ-tát không phân biệt
Không chấp, không buộc, không tư tưởng
Tâm trụ thiền định, không tán loạn
Tùy theo thích ứng hiện các tướng
Thanh tịnh nguyện cầu của hữu tình
Âm thanh diễn rõ trăm ngàn cõi
Quá hằng hà sa số cũng vậy
Tâm ấy không trì, không tìm hiểu.
Quân ma trong ba ngàn thế giới
Đều nghe tiếng lớn của Bồ-tát
Nghe rồi kinh sợ vội quy tâm
Chắp tay cung kính xin đảnh lễ.
Các hữu tình thường hay tranh luận
Tâm tăng thượng mạn không quy tín
Nghe giọng thanh tịnh của Bồ-tát
Chắp tay cung kính xin đảnh lễ.
Điếc, ngọng cộng thêm những kẻ câm
Cà lăm phá hoại các hữu tình
Do nhờ tiếng hay của Bồ-tát
Khi đã nghe rồi liền nói được.
Phiền não thiêu đốt thêm bức bách
Tạo tội, gây ác càng chất chồng
Nhờ nghe tiếng thanh tịnh Bồ-tát

Tâm được mát mẻ dứt các ác.
Hữu tình nếu nghe tiếng vô thường
Tức được nghe tiếng Phật, Pháp, Tăng
Pháp Thí, Nhẫn, Giới cũng như vậy
Tinh tấn, Định, Tuệ thảy đều nghe
Tất cả công đức như biển ấy
Trong vô lượng kiếp nói không cùng
Âm thanh vô biên, trí vô biên
Đều trụ tiếng Phật không đoạn mất.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Nên biết trong âm thanh, ngôn ngữ của Đại Bồ-tát không có lời đắm trước, không có lời dữ tợn hung ác, không có lời si loạn, không có lời nhiễm ô, không có lời buộc mở, không có lời cao thấp, không có lời thô lỗ, không có lời ác ngang trái, không có lời khiếm lậu, không có lời ương ngạch cứng cõi, không có lời trái thuận, không có lời thoái thất, không có lời nói theo ác, không có lời nói trái nghịch nhau, không có lời nói tùy nhiễm, không có lời nói bất định, không có lời nói thô tháo, không có lời nói cống cao, không có lời nói giận dữ, không có lời nói chẳng hợp thời, không có lời nói tạp dục, không có lời nói hỷ ái tùy theo hoàn cảnh, không có những lời nói quyến luyến, không có lời nói dài dòng, không có lời nói quá nhanh, không có lời nói phá hoại các căn, không có lời nói hoại âm thanh, không có lời nói phá hoại tâm, không có lời nói tà vạy quanh co, không có lời nói yếu hèn, không có lời nói úp mở, không có lời nói suy thoái, không có lời nói trở mặt lật lưng, không có lời nói thâm hiểm, không có lời nói không xuất ly, không có lời nói không thương xót, không có lời nói phá hoại người khác, không có lời nói làm ly gián giữa mình và người, không có lời nói nói ra nói vào, không có lời nói chấp thủ, không có lời nói không thanh tịnh, không có lời nói không như lý, không có lời nói bất nhẫn, không có lời nói tạp loạn, không có lời nói vu khống hủy báng, không có lời nói phi pháp, không có lời nói cao ngạo đắc thắng, không có lời nói thấp hèn, không có lời nói quá thời, không có lời nói lỗi lầm sai trái, không có lời nói hư dối, không có lời nói tà vạy, không có lời nói mong cầu lợi dưỡng, không có lời nói không quy nhiếp, không có lời nói ngu si nghi ngờ, không có lời nói không khả ái, không có lời nói khoe khoang, không có lời nói khinh mạn, không có lời nói tự cho mình là cao cường, không có lời nói làm cho người khác phải chia lìa, không có lời nói tự khen công năng của mình, không có lời nói phá công năng người khác, không có lời nói chê trách, không có lời nói chèn ép người

khác, không có lời nói không phải việc làm, không có lời nói trái với việc làm, không có lời nói phá hoại bí mật, không có lời nói không phòng hộ, không có lời nói khinh mạn người trí, không có lời nói hủy báng Hiền thánh, không có lời nói trau chuốc cho hay, không có lời nói tâng bốc, không có lời nói nêu lên lỗi lầm của người khác, không có lời nói như tên bắn, không có lời nói bàn về cái quấy của người khác, không có lời nói không cứu giúp, không có nói ra những lời nói tăng thượng mạn, không có lời nói tội nghiệp, không có lời nói không nhiêu ích.

Tịch Tuệ nên biết! Lời nói mà Bồ-tát nói ra đều là Thần thông trí lực từ nơi quả báo phước hạnh mà thành, hạt giống thiện phát triển liên tục không có gián đoạn. Hễ có nói ra thảy đều thành tựu. Có lúc Bồ-tát đi đứng, nằm, ngồi dưới gốc cây, nếu có người đến chỗ của Bồ-tát hỏi:

– Ngài có biết cây này có bao nhiêu lá không?

Lúc đó Bồ-tát không nhìn cây ấy, cũng không đếm lá ấy, liền đáp:

– Cây này có số lá.

Y như lời Bồ-tát nói, số lá của cây ấy không có tăng giảm. Lại có người hỏi Bồ-tát:

– Sông Khắc-già có bao nhiêu cát? Là trăm ư? Là ngàn ư? Là trăm ngàn ư? Là ức ư? Là trăm ức ư? Là triệu ư? Là trăm triệu ư? Là trăm trăm ức ư? Là trăm trăm triệu ư? Là vô lượng ư? Là a-tăng-kỳ ư? Là hơn a-tăng-kỳ ư? Là quá hơn a-tăng-kỳ ư? Là không thể đếm ư?

Lúc đó Bồ-tát không nhìn sông ấy, không đếm số cát ấy liền đáp:

– Con sông này có vô lượng cát.

Y như lời Bồ-tát nói, số cát sông này không tăng không giảm, cũng đồng với số mà trí Như Lai đã biết. Lời của Bồ-tát nói ra như thật không hư vọng, không dựa vào các hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già v.v... và Thanh văn, Duyên giác để chứng biết, mà chỉ có Phật Như Lai mới có thể chứng biết. Này Tịch Tuệ! Các duyên như vậy cần phải biết.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Ta nhớ thời quá khứ rất xa xưa, có một vị Tiên nhân tên là Diệu Ái, có một Bà-la-môn tên là Hắc Tướng. Lúc đó có một cây lớn Ni-câu-đà tên là Hiền thiện, nhành lá rất nhiều; bóng cây rợp mát ngang rộng đến một Câu-lô-xá. Tiên nhân Diệu Ái ở bên cây ấy, trải qua bảy ngày dùng thần lực quán sát kỹ lưỡng, biết rõ số lá của cây ấy. Sau một thời gian, Bà-la-môn Hắc Tướng đi vào thành khất thực, rồi đến dưới gốc cây ấy thọ thực, thọ thực xong bèn đến chỗ của Tiên nhân Diệu Ái, thăm hỏi nhau bằng những lời lẽ tốt đẹp, thật rất hoan hỷ, đàm luận rất lâu,

cả hai đều thích. Lúc đó Tiên nhân hỏi:

– Này đại Bà-la-môn, ngài có biết trong thế gian này ai có thể quán sát kỹ biết được số lá của cây lớn Ni-câu-đà này không?

Bà-la-môn đáp:

– Thưa Tôn giả, thế gian này cũng có người biết đấy.

Tiên nhân hỏi lại:

– Là ai?

Bà-la-môn đáp:

– Chính là ngài đấy. Ngài nên vì tôi mà nói đi.

Tiên nhân nói:

– Đại Bà-la-môn, ngài hãy nói cho tôi nghe.

Lúc đó vị Bà-la-môn không nhìn cây ấy, không đếm số lá ấy, liền đáp bài kệ rằng:

Số lượng đó là tám ngàn triệu
Chín mươi hai ức số lá ấy
Sáu mươi trăm ức số nên biết
Mười sáu ngang bằng số nhánh ấy
Lại nữa ba mươi triệu số lá
Chín mươi sáu trăm trăm ức triệu
Mười ba trăm trăm triệu số lá
Số lượng này đều là lá cây
Cây này có cành thêm có lá
Số lượng như trên không tăng giảm
Ta tùy trí lực như thật nói
Ai nghi tự đếm không hề sai.

Nghe như vậy, Tiên nhân Diệu Ái sinh tâm kinh dị, liền nói kệ rằng:

Này Bà-la-môn trí thần thông
Dùng lời chân thật đã khéo nói
Thọ vương Ni-câu-đà Hiền thiện
Đã biết như thật nhánh lá ấy
Ngài cũng chưa từng nhìn cây ấy
Và chưa bao giờ đếm lá ấy
Số lượng nhánh lá thật khó lường
Ngài dùng tâm trí biết rõ ràng.

Tiên nhân nói kệ xong, lại hỏi:

– Thưa đại Bà-la-môn, theo những lời ngài đã nói thì đó, là tự trí ngài

biết, hay là nhờ vào sự trợ giúp của Hiền thánh mà biết?

Bà-la-môn đáp:

– Thưa Tôn giả! Nay ngài hãy lắng nghe! Tôi dùng trí của con người như thật mà nói, hư không có thể phá hoại được, nhưng lời nói này không có sai lầm.

Bấy giờ, Đại bí mật chủ Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ lại bảo Đại Bồ-tát Tịch Tuệ:

– Này thiện nam! Vị Tiên nhân Diệu Ái thuở đó nay chính là Đại trí Xá-lợi-phất, Bà-la-môn Hắc Tướng nay chính là Thế Tôn Thích-ca Sư Tử. Do như vậy, cho nên Bồ-tát có Ngữ công đức hải, có khả năng an trụ vào công đức chân thật pháp nghĩa như lý.

Tịch Tuệ! Đây là ngữ nghiệp bí mật thanh tịnh của Bồ-tát. Trong số đó nếu có người hiểu được chút ít nào, ta cho rằng người đó là người có trí tuệ tối thượng.

□

Phẩm 3: MẬT TÂM CỦA BỒ-TÁT (Phần 1)

Đại bí mật chủ Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ bảo Đại Bồ-tát Tịch Tuệ:

– Sao gọi là mật tâm, nghiệp tâm thanh tịnh của Bồ-tát? Tịch Tuệ nên biết! Bồ-tát tạo các nghiệp là từ trí mà tạo chứ không phải do mạn tạo, không diệt thần thông diệu trí, mà lại dùng thần thông diệu trí để du hý thị hiện, kiến lập tất cả sự nghiệp thần thông đều từ nơi thế lực rộng lớn mà thành tựu. Trí tướng ấy có khả năng thành lập tất cả hành tướng. Lại nữa, thần thông diệu tuệ ấy có khả năng quán thấy các pháp. Lại nữa, thần thông trí tức là tướng vô tận đối với tất cả mọi nơi đều có thể tùy thuận. Lại nữa, thần thông trí có thể tùy theo đối tượng mà hiện tất cả sắc tướng, do đối với mỗi sắc ấy đều hiện ra khắp cả. Lại nữa, thần thông trí có khả năng hòa nhập vào tất cả âm thanh, do đối với khoảng trước sau âm thanh đều bình đẳng. Lại nữa, thần thông trí có khả năng quán sát hết tất cả tâm hữu tình, do dùng tự tánh của tâm quán sát nên có thể thấy. Lại nữa, thần thông trí có thể nhớ nghĩ việc trong vô biên kiếp, do vì khoảng trước sau không có gián đoạn. Lại nữa, thần thông trí có khả năng biết pháp của tất cả chủng loại, đều do hành tướng của giải thoát trí. Lại nữa, thần thông trí đối với

pháp lậu tận thuận thời mà cầu, vì phân tỏ rõ thời điểm đó không để vượt quá. Lại nữa, thần thông trí tức là xuất thế gian vì là sự lựa chọn quyết định của bậc Thánh. Lại nữa, thần thông trí này hàng Thanh văn, Duyên giác đều không thể thấu triệt được nguồn gốc của nó. Lại nữa, thần thông trí tức là nghĩa thậm thâm, có khả năng hàng phục các tà ma ngoại đạo. Lại nữa, thần thông trí có thể đưa đến Bồ-đề đạo tràng, hiện chứng tất cả pháp Phật tối thượng. Lại nữa, thần thông trí có thể tùy thuận chuyển diệu pháp luân. Lại nữa, thần thông trí có khả năng điều phục mọi việc của hữu tình. Lại nữa, thần thông trí được đại quán đảnh, được tự tại trong tất cả các pháp.

Này Tịch Tuệ! Đấy là mật tâm nghiệp tâm thanh tịnh của Bồ-tát. Do tâm thanh tịnh cho nên không bị nhiễm ô, thanh bạch, trong sáng lìa các phiền não, có khả năng điều phục việc ác, làm các việc thiện, khéo đi vào thiền định giải thoát Chánh định, Chánh thọ, rốt ráo không đọa vào các nẻo. Tận pháp vô sinh tùy niệm liền sinh không bị Dục giới làm động, không do trói buộc sinh; không do trói buộc diệt; không do trói buộc khởi. Vì sao? Vì có khả năng giải thoát tất cả phân biệt, giải thoát mọi tạp nhiễm trói buộc, giải thoát sự điên đảo chấp thủ đeo bám. Như vậy là giải thoát sinh, giải thoát diệt, giải thoát khởi. Tuy là có sinh nhưng không có sở sinh. Như vậy là đầy đủ pháp Đại thừa của chư Phật. Nhưng pháp Phật ấy, trong mười phương nếu tìm cầu kỹ lưỡng chắc chắn thì không có sở đắc, cũng không phải là không sở đắc. Vì tất cả pháp Phật là không có sở đắc, cũng không phải không có sở đắc, cho nên mới có thể tùy theo đó mà được tất cả pháp, tất cả pháp Phật. Thế nên trong tất cả pháp, tất cả pháp Phật, không có pháp, cũng chẳng phải không có pháp. Tại sao vậy? Vì tất cả pháp xét cho kỹ để tìm cầu, thì không có sở đắc, cũng không phải không có sở đắc, tức là không có pháp nào có thể tính đếm được, vì tất cả pháp đã vượt ra ngoài sự tính đếm suy lường. Nếu biết rõ tánh của tất cả pháp là bình đẳng thì trong đó không có pháp cũng không phải không có pháp để chấp trước. Đây tức là nghĩa của các pháp không chấp trước. Nếu thông đạt được nghĩa này thì đó là nghĩa của Đại vô. Nếu không thông đạt thì đó là vô nghĩa, cũng không phải là vô nghĩa, do vì hiện tiền an lập vô nghĩa có thể thấy. Nếu bậc trí tuệ nào có thể biết rõ nó là chướng ngại, thì đó là tuệ vô ngại. Nếu đối với tuệ mà không chướng ngại, thì là không chấp trước. Nếu không chấp trước, thì không trụ. Nếu không trụ thì không tận. Nếu không tận thì không siêng, không nhác. Nếu không siêng, không nhác thì không phải không ngã. Nếu không phải không ngã thì là vô ngã. Nếu vô ngã thì không thủ. Nếu không nắm giữ thì không tranh cãi. Nếu không tranh cải thì là không tranh luận, như vậy là không luận. Đây gọi là pháp Sa-môn, chính là pháp của Sa-môn.

Thí như hư không xưa nay bình đẳng. Do hư không bình đẳng, cho nên không phải Dục giới buộc, không phải Sắc giới buộc, không phải Vô sắc giới buộc. Do vậy nên đối với tất cả mọi nơi không bị trói buộc. Do không trói buộc, cho nên không có hình hiển sắc và các tướng trạng. Do không sắc tướng cho nên tùy thuận với giác liễu. Nếu tùy thuận giác liễu như vậy thì có thể phân biệt sai biệt đối với tất cả.

Bồ-tát Tịch Tuệ hỏi:

– Sao gọi là tùy thuận giác liễu? Sao gọi là phân biệt sai biệt?

Bồ-tát Kim Cang Thủ đáp:

– Không có một pháp nhỏ nào có thể được. Đấy gọi là tùy thuận giác liễu. Do giác liễu, cho nên có phân biệt sai biệt. Thế nên trong pháp đó mới có hai thuyết này.

Tịch Tuệ nên biết! Đấy gọi là mật tâm nghiệp tâm thanh tịnh của Bồ-tát.

□

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA BÍ MẬT CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI

QUYỂN 4

Phẩm 3: MẬT TÂM CỦA BỒ-TÁT (Phần 2)

Đại bí mật chủ Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ lại bảo Đại Bồ-tát Tịch Tuệ:

– Này thiện nam! Mật tâm của Bồ-tát nghĩa là tu hạnh Từ biết là vô ngã, nếu tu hạnh Bi thì không chúng sinh; nếu tu hạnh Hỷ, thì không thọ giả; nếu tu hạnh Xả thì không có nhân; nếu tu hạnh Bố thí thì thân được điều phục; nếu tu hạnh Trì giới, thì tâm được tịch tĩnh; nếu tu hạnh Nhẫn nhục thì tâm được vô tận tướng; nếu tu hạnh tinh tấn thì tâm lìa tướng; nếu tu hạnh Thiền định thì tâm được an định; nếu tu hạnh Tuệ thì tâm không suy xét; nếu tu hạnh bốn Niệm xứ thì tâm không có niệm, cũng không tác ý; nếu tu hạnh bốn Chánh đoạn thì tâm ngay thẳng bình đẳng; nếu tu hạnh bốn Thần túc thì tâm không hý luận; nếu tu Tín căn thì tâm không chấp trước; nếu tu Tinh tấn căn thì tâm không tìm hiểu; nếu tu Niệm căn thì tâm được trí tự nhiên; nếu tu Định căn thì trí tâm được tánh bình đẳng; nếu tu Tuệ căn thì được vô căn bản tâm; nếu tu năm Lực thì được tâm không khuất phục; nếu tu bảy Giác chi thì được tâm có tuệ phân biệt; nếu tu tám Chánh đạo thì tâm được vô sở tu; nếu tu Xa-ma-tha thì tâm được tịch chỉ; nếu tu Tỳ-bát-xá-na, thì được tâm vô sở quán; nếu tu bốn Thánh đế thì được tâm thông đạt Tất cánh không; nếu tu tác ý về Phật thì được tâm vô tác ý; nếu tu tác ý về Pháp thì được tâm bình đẳng với pháp giới; nếu tu tác ý về Tăng, thì tâm được vô trụ; nếu tu hạnh thành thục hữu tình thì được tâm bản lai thanh tịnh; nếu tu hạnh nhiếp thọ chánh pháp thì được tâm pháp giới không sai biệt; nếu tu hạnh trang nghiêm cõi Phật thì được tâm bình đẳng như hư không; nếu tu hạnh Vô sinh pháp nhẫn thì tâm được vô sở đắc; nếu tu hạnh Bất thoái chuyển địa thì được tâm không chuyển mà chuyển; nếu tu hạnh thành tựu các tướng thì được tâm vô tướng; nếu tu hạnh trang nghiêm quả Bồ-đề thì được tâm viên mãn ba cõi; nếu tu hạnh hàng phục các ma thì được tâm rộng nhiếp các hữu tình; nếu tu hạnh hướng đến giác ngộ thì được

tâm tùy giác liễu tự tánh của pháp giới; nếu tu hạnh chuyển pháp luân thì được tâm không chuyển, cũng không phải không chuyển; nếu tu hạnh đại Niết-bàn thì được tâm tùy quán tự tánh của sinh tử.

Này Tịch Tuệ! Nên biết nếu ai tu được, các pháp như trên thì được nhẫn Bồ-tát, được pháp bí mật của tâm, được tâm nghiệp thanh tịnh. Nếu Bồ-tát thanh tịnh như vậy rồi thì tâm của tất cả hữu tình cũng thanh tịnh. Có như vậy Bồ-tát mới có thể hòa nhập vào tâm của tất cả hữu tình, tất cả tâm của hữu tình đều từ tâm quang minh của đại Bồ-đề mà có. Ví như hư không, dù bất cứ nơi nào cũng đều hòa nhập vào cả. Tâm của Bồ-tát cũng lại như vậy, trụ vào tất cả xứ, để rồi hòa nhập tất cả xứ.

Đại bí mật chủ Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ tuyên nói chánh pháp chẳng thể nghĩ bàn về mật thân, mật ngữ và tâm mật của Bồ-tát. Lúc đó có bảy vạn hai ngàn trời và người trong hội phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ, ba vạn hai ngàn Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn, tám vạn bốn ngàn người xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn tịnh; tám ngàn Tỳ-kheo không thọ các pháp, tâm được giải thoát, ý giải lậu tận. Đồng thời tam thiên đại thiên thế giới chấn động ánh sáng rạng ngời chiếu khắp mọi nơi. Hư không tự nhiên mưa các hoa trời, lại trong hư không có trăm ngàn thứ âm nhạc vi diệu không trỗi tự vang, trong tiếng âm nhạc đó phát ra tiếng như vầy: "Nếu các hữu tình đã được thọ ký rồi, thì mới được nghe chánh pháp của Đại bí mật chủ Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ nói, nghe rồi thọ trì đọc tụng như lý tu hành, rồi đem truyền đạt rộng rãi cho người khác, vĩnh viễn không quên mất tâm Bồ-đề. Nên biết người ấy đã trồng nhiều căn lành mới được thành tựu, đã trồng rất nhiều căn lành ở nơi các Đức Phật, siêng năng tu hành tất cả phước hạnh tối thắng, tất cả hữu tình mà làm lợi ích lớn".

□

Phẩm 4: BỒ TÁT CHẤN HỐNG ÂM THANH ĐẾN HỘI

Khi ấy, Đức Phật hỏi Đại Bồ-tát Tịch Tuệ:

– Này thiện nam! Ông có nghe trong hư không có những tiếng nhạc vi diệu không?

Bồ-tát Tịch Tuệ bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Từ đầu con đã nghe, vậy đó là những âm thanh vi diệu gì? Cúi xin Thế Tôn hãy vì con mà nói.

Phật bảo Tịch Tuệ:

– Nay ông nên biết! Có vị Đại Bồ-tát tên là Chấn Hống Âm Thanh, đã từ chỗ Đức Như Lai Vân Âm Vương, thế giới Đại vân đến cõi Ta-bà này, để chiêm ngưỡng thân gần cúng dường ta và muốn nghe Bồ-tát Kim Cang Thủ nói chánh pháp, lại cũng muốn thấy chúng Đại Bồ-tát ở mười phương đến phó hội. Do vậy mà Bồ-tát Chấn Hống Âm Thanh tự ẩn thân tướng trụ giữa hư không, tuôn mưa xuống các hoa đẹp, trỗi các điệu nhạc vi diệu để cúng dường ta, trong tiếng nhạc ấy phát ra âm thanh như vầy: "Thế Tôn Như Lai ở trong đại hội, rộng nói chánh pháp chưa được bao lâu".

Đức Phật nói lời này xong, Bồ-tát Chấn Hống Âm Thanh tức thời từ trên hư không xuống, vào trong Phật hội, đảnh lễ sát chân Phật và nhiễu quanh bên phải bảy vòng rồi đến trước Phật bạch rằng:

– Đức Như Lai Vân Âm Vương ở thế giới Đại vân hỏi thăm Thế Tôn có ít bệnh, ít não không? Đi đứng có nhẹ nhàng không? Khí lực có an ổn không? Đức Phật Như Lai ấy còn nói như vầy: "Đại bí mật chủ Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ có đại phương tiện khéo nói chánh pháp, là nhờ oai thần của Phật kiến lập, nên mới có thể thông đạt tất cả vô lượng pháp Phật".

Lúc đó Đức Thế Tôn khen Đại Bồ-tát Chấn Hống Âm Thanh:

– Hay thay, này Thiện nam! Ông khéo đến trong chúng hội này, muốn nghe Đại bí mật chủ Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ nói pháp bí mật chẳng nghĩ bàn của Như Lai. Vậy nay ông nên lắng nghe.

Phẩm 5: TRÌ QUỐC LUÂN VƯƠNG ĐI TRƯỚC (Phần 1)

Bấy giờ các Bồ-tát trong chúng hội đều khởi lên ý nghĩ như vầy: "Đại bí mật chủ Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ thuở xưa đã ở chỗ Phật Thế Tôn nào? Thân cận nghe pháp và gieo trồng nhiều căn lành, lại phát những đại thệ nguyện gì mà được như vậy; đầy đủ biện tài khéo nói các pháp?"

Đức Thế Tôn biết được tâm nghi của các Bồ-tát, nên bảo Bồ-tát Tịch Tuệ:

– Này thiện nam! Ta nhớ thời quá khứ trải qua a-tăng-kỳ kiếp, lại quá hơn số kiếp a-tăng-kỳ trước vô lượng, vô biên chẳng thể nghĩ bàn, có kiếp tên là Thiện hiện, thế giới tên Trang nghiêm, có Đức Phật ra đời hiệu là Vô

Biên Công Đức Bảo Chúng Trang Nghiêm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư Phật, Thế Tôn.

Tịch Tuệ nên biết! Thế giới Trang nghiêm kia rộng lớn tốt đẹp an ổn sung sướng, nhân dân đông đúc, đất bằng phẳng như lòng bàn tay, không có các thứ sỏi đá, gai gốc nhơ bẩn, cỏ cây vườn rừng xanh tươi rậm rạp, trông thật đáng yêu. Lại còn có danh hoa, cỏ mịn xanh rờn mơn mởn tốt đẹp bao phủ cả mặt đất. Cũng như tướng tốt đẹp của chim Khổng tước, mỗi khi nó quay cổ sang phía bên phải, để lộ ra sắc hương làm cho mọi người vui thích. Khi nó đáp chân xuống đất thì thụt vô bốn ngón, cất cánh lên thì xòe ra bốn ngón. Nó luôn thích hợp với bốn mùa cực lạnh, nóng, vừa, mát. Gió thổi nhè nhẹ làm cho con người sảng khoái. Đất ấy trang nghiêm như Phệ-lưu-ly, nhân dân ở nơi ấy sắc tướng tốt đẹp, ít có tham, sân, si và các phiền não khác. Con người có sẵn lòng hiếu để yêu mến, đầy đủ thế lực, nghe nói những lời hay thì tự hiểu lấy. Trong giáo pháp của Thế Tôn Vô Biên Công Đức Bảo Chúng Trang Nghiêm Vương Như Lai có mười hai triệu chúng Thanh văn và ba mươi hai ức Bồ-tát. Con người thời đó sống đến ba mươi sáu ức tuổi mới mạng chung.

Tịch Tuệ nên biết! Trong kiếp Thiện hiện, thế giới Trang nghiêm ấy, ở bốn đại châu mỗi đại châu rộng đến tám vạn bốn ngàn do-tuần; mỗi một do-tuần lại có một ngàn quốc thành, quận ấp, xóm làng bao bọc xung quanh. Trong thế giới Trang nghiêm ấy có nước lớn, thành trì tên là Cực thanh tịnh, chu vi của thành nước này rất lớn. Phía Bắc sáu mươi bốn do-tuần; phía Nam bốn mươi do-tuần; Đông, Tây cũng vậy. Có mười ngàn vườn làm cảnh trí trang nghiêm. Trong quốc thành ấy lại có mười ngàn châu thành, huyện ấp. Thành của nước ấy rất thanh tịnh, có đại Chuyển luân thánh vương tên là Trì Quốc, đầy đủ bảy báu, làm chủ trong bốn đại châu, đã từng ở chỗ các Đức Phật thuở trước gieo trồng rất nhiều căn lành, phước đức oai quang rất tối thắng, tâm không còn thoái chuyển nơi đạo Giác ngộ.

Này Tịch Tuệ! Quốc thành của Chuyển luân thánh vương Trì Quốc đang ở đó ngang rộng bằng thẳng mười sáu do-tuần, rộng lớn đặc biệt, có bảy lớp tường làm bằng bảy báu, trên đó lại có bảy tầng lầu gác, bảy lớp lưới báu, treo các linh báu, bên trong tường xung quanh có bốn vườn lớn. Một là Chúng hoa; hai là Đức hỷ; ba là Khổng tước hỷ; bốn là Thời phân khoái lạc. Trong các vườn ấy đều có các ao lớn. Một là Hoan hỷ; hai là Hỷ thượng; ba là Hương thượng; bốn là Thuận lưu. Các ao ấy ngang dọc nửa do-tuần, đều dùng gạch báu làm tầng cấp, vàng Diêm-phù-đàn làm đáy, trải

cát bằng vàng, trong ao chứa đầy nước bát công đức, lại có hoa sen mọc đầy cả bên trong. Lại có các loại chim như ngỗng, nhạn, thứu, uyên ương bơi lội trên nước. Chuyển luân thánh vương Trì Quốc có đến bảy vạn cung tần thể nữ tướng mạo đẹp đẽ lạ thường, luôn theo hầu một hoàng hậu quý báu. Các cung tần này đều đã phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ. Vua có một ngàn người con trai, thân tướng đoan nghiêm, mạnh mẽ vô úy, có khả năng hàng phục quân địch. Mỗi hoàng tử đều có đầy đủ hai mươi tám tướng đại trượng phu, có lòng tin thanh tịnh sâu sắc đối với pháp Giác ngộ cao tột.

Này Tịch Tuệ! Đức Thế Tôn Vô Biên Công Đức Báo Chúng Trang Nghiêm Vương Như Lai khi đó, ở trong thành của nước lớn hết sức thanh tịnh. Chuyển luân thánh vương Trì Quốc cùng các Đại thần, Bà-la-môn, Trưởng giả cho đến tất cả nhân dân thảy đều cung kính tôn trọng cúng dường và có lòng tin thanh tịnh đối với Đức Như Lai Vô Biên Công Đức Bảo Chúng Trang Nghiêm Vương và chúng Tỳ-kheo, suốt một ức năm phụng thờ cúng dường, vui vẻ rộng đem các món ăn uống trân châu, y phục tốt đẹp, cho đến những vật thọ dụng đều dâng cúng các Tỳ-kheo, còn đem ba khu vườn dâng cúng để làm nơi dạo chơi nghỉ ngơi cho Đức Phật ấy.

Này Tịch Tuệ! Vị Chuyển luân vương ấy có các thái tử tâm đều thanh tịnh, không buông lung, luôn thân cận Đức Phật và rất thích nghe chánh pháp, không bị dục lạc làm nhiễm trước. Do không buông lung, tâm luôn tịch tĩnh, thích nghe chánh pháp, cho nên không bao lâu các thái tử được năm thần thông, tất cả đều bay lên hư không cũng như Nga vương bay liệng tự tại từ vườn này đến vườn khác, từ thành ấp này đế thành ấp kia, cho đến dạo chơi khắp bốn đại châu; từ trên hư không nói kệ rằng:

Chư Phật ra đời được lợi gì?
Khắp cả nhân gian lợi thâm sâu
Nhân giả nghe pháp tâm tinh tấn
Trải qua trăm kiếp rất khó được
Nay đây Thế Tôn vừa xuất thế
Tuyên nói chánh pháp đạo tịch tĩnh
Nay con thân cận Đấng Thiện Thệ
Nhờ nghe chánh pháp sinh đường thiện
Nghe chánh pháp rồi phá nẻo ác
Nghe chánh pháp rồi đường thiện sinh
Nhờ nghe chánh pháp phiền não diệt
Tâm được mát mẻ vui tối thượng.
Lúc ở hư không nói kệ này

Tất cả đại địa sáu chấn động
Trời, người hư không phát tiếng hay
Tuôn trận mưa hoa ý vui thích
Nếu người thấy được Phật Đại Sư
Thì công đức này nói không hết
Vậy nên đảnh lễ Đấng Lưỡng Túc
Chắp tay chí thành sinh kính tín
Thế Tôn hay biết tâm chúng sinh
Chiếu theo trình độ mà nói pháp
Nghe pháp trải qua ba sáu ức
Mọi người đều trụ đạo Bồ-đề
Lại còn có đến ba trăm ức
Người được Pháp nhãn tịnh tối thượng
Tất cả đều sinh tâm nhàm chán
Quy Phật xuất gia nương chánh giáo
Lại có bốn ức trăm ngàn triệu
Người thọ tịnh giới làm Phật sự
Nghe pháp cúng dường Phật Thế Tôn
Xong rồi tất cả về chỗ cũ.

Các thái tử nói kệ này xong, cùng cúng dường cho cha mình là Chuyển luân thánh vương Trì Quốc, lựa chọn Long kiên, hương Chiên-đàn đẹp dựng lên thành một lầu gác rộng lớn trang nghiêm đẹp đẽ lạ thường ngang dọc ngay thẳng mười do-tuần, phân chia đều bốn phương bốn góc. Lầu quán môn đều làm bằng Long kiên, hương Chiên-đàn, bào gọt tròn trịa như cung điện trời. Hương của Long kiên trị giá gần gấp đôi giá trị của vàng Diêm-phù-đàn. Lầu gác này được xây dựng khéo léo sắc sảo. Lúc đó Chuyển luân thánh vương muốn đến chỗ Đức Thế Tôn Vô Biên Công Đức Bảo Chúng Trang Nghiêm Vương Như Lai, chiêm ngưỡng đảnh lễ và lắng nghe chánh pháp. Đồng thời có các thái tử và các cung tần quyến thuộc theo hầu vua cha vào trong lầu gác lớn bằng chiên-đàn. Nhà vua ngồi trên tòa Sư tử được trang nghiêm bằng hoa sen. Thái tử, cung tần, các thần bề tôi, nhân dân đều tôn trọng dùng vô số vòng hoa, hương xoa và các loại y phục đẹp nhất, tràng phan bảo cái báu, âm nhạc vi diệu rộng đem cúng dường. Lại dùng lưới báu phủ lên lầu gác, mọi người cầm nắm đi trước, tức thời bay vọt lên hư không, cũng như vua loài Ngỗng bay đi tự tại. Đến trước chỗ Phật, tòa lầu gác từ từ hạ xuống mặt đất. Chuyển luân thánh vương Trì Quốc và thái tử, cung tần từ trong lầu bước ra nhẹ nhàng, trang nghiêm đến trước chỗ

Phật đảnh lễ sát hai chân Ngài và chúng Tỳ-kheo. Đảnh lễ xong họ nhiễu quanh bên phải bảy vòng rồi đứng trước Phật, chắp tay lắng nghe chánh pháp.

Lúc đó, Đức Thế Tôn Vô Biên Công Đức Bảo Chúng Trang Nghiêm Vương Như Lai biết Chuyển luân thánh vương Trì Quốc đến trong hội Phật muốn nghe pháp. Đức Phật liền theo ý muốn đó mà tuyên thuyết diệu pháp, chỉ bày được vui vẻ, lợi lạc.

Phật dạy:

– Này Đại vương! Đại vương nay nên biết! Có bốn pháp, nếu ai tu hành đúng như lý thì có thể an trụ Đại thừa hướng đến con đường thù thắng, tất cả thiện pháp không bị hoại mất. Bốn pháp là gì? Này Đại vương! Một là tin pháp, có khả năng hướng đến đạo thù thắng. Sao gọi là tin? Vì có tin thì mới có thể tùy thuận với hạt giống Hiền thánh, những gì không nên làm thì không làm. Hai là tôn trọng, có khả năng hướng đến đạo thù thắng. Do tôn trọng cho nên có thể nghe nhận được diệu pháp của các bậc Thánh nói, khi đã nghe pháp thì tai không nghe những việc bên ngoài. Ba là không ngã mạn, có khả năng hướng đến đạo thù thắng. Do không ngã mạn, nên sinh tâm quy kính đảnh lễ tất cả Hiền thánh. Bốn là tinh tấn, có khả năng hướng đến đạo thù thắng. Nhờ tinh tấn nên thân tâm đều được khinh an, hễ làm các thiện pháp đều được thành tựu.

Này Đại vương! Bốn pháp này nếu tu hành đúng lý, thì có thể trụ vào Đại thừa hướng đến đạo thù thắng.

❑

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA BÍ MẬT CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI

QUYỂN 5

Phẩm 5: TRÌ QUỐC LUÂN VƯƠNG ĐI TRƯỚC (Phần 2)

Lại nữa, này Đại vương! Có bốn pháp, nếu ai hành trì viên mãn, thì có thể trụ vào Đại thừa, thành tựu không buông lung, tâm không phóng đãng. Bốn pháp ấy là gì? Một là giới bảo hộ các căn; hai là quán lỗi lầm của dục; ba là nhiếp thọ tất cả tưởng vô thường; bốn là đối với pháp quyết định là mạng căn tối thượng.

Đại vương, bốn pháp này, nếu ai thực hành viên mãn, thì có thể trụ vào Đại thừa, thành tựu hạnh không buông lung, tâm không phóng đãng.

Này Đại vương! Lại có bốn pháp, nếu các vị vua chúa tu hành đầy đủ, thì gọi là bậc Quân vương nhân từ. Bốn pháp ấy là gì? Một là không rời bỏ tâm đại Bồ-đề; hai là đem pháp Bồ-đề giảng dạy cho người khác; ba là đem các căn lành để hồi hướng Bồ-đề; bốn là khi nghe được sức đại oai đức của Thế Tôn nghe thấy rồi, đối với oai lực của các hàng Trời, Người, Thanh văn, Duyên giác sinh tâm hoan hỷ. Tuy vậy, nhưng chỉ cầu đại lực của Phật mà thôi.

Đại vương, bốn pháp này, nếu các vua chúa tu hành đầy đủ, thì gọi là bậc Quân vương nhân từ. Thế nên Đại vương phải thường tu hạnh không buông lung, lòng tin thanh tịnh hâm mộ chánh pháp, khởi lên sự ham muốn pháp mà siêng cầu chánh pháp, luôn dạo chơi trong vườn chánh pháp, nhưng không đắm trước cảnh giới. Vì sao? Đại vương nên biết! Dục là không bao giờ nhàm chán, mà khi hành giả đã nhàm chán thì là Thánh tuệ.

Lại nữa, này Đại vương! Tuổi thọ thì ngắn ngủi mạng sống không lâu dài, đã qua đời khác thì tội nghiệp đáng sợ. Do vậy nên biết, phải luôn thân cận, cung kính, cúng dường chư Phật Như Lai, đem căn lành mà hồi hướng bốn chỗ. Bốn pháp ấy là gì? Một là hồi hướng quả báo vô tận; hai là hồi hướng pháp môn vô tận; ba là hồi hướng diệu trí vô tận; bốn là hồi hướng biện tài vô tận.

Đại vương, lại có bốn pháp. Một là do thân thanh tịnh nên có thể thành tựu tuệ hạnh; hai là do lời nói thanh tịnh nên có thể thành tựu văn hạnh; ba là do tâm thanh tịnh nên có thể thành tựu giới hạnh; bốn là do tuệ thanh tịnh nên có thể thành tựu trí hạnh.

Lại có bốn pháp: Một là do phương tiện viên mãn nên có khả năng thành thục hữu tình; hai là do tuệ viên mãn nên có khả năng hàng phục các ma; ba là do nguyện viên mãn nên có khả năng hành trì đúng như lời nói; bốn là do gặp Phật nên được viên mãn tất cả pháp Phật.

Khi ấy, Chuyển luân thánh vương Trì Quốc ở chỗ Phật, được nghe chánh pháp, được chỉ bày những điều lợi ích, sinh tâm hoan hỷ thích thú khoái lạc, đem các chân châu diệu bảo vô giá và tất cả sở hữu thọ dụng của vua dâng lên cúng dường chư Phật, nguyện suốt đời tu các phạm hạnh, giữ gìn năm giới. Lúc đó, các cung tần của vua nghe chánh pháp của Đức Phật ấy nói xong, tâm rất vui thích phấn khởi hoan hỷ, đều đem y đang mặc và các món trang sức choàng lên thân Phật, nguyện suốt đời tu các phạm hạnh, giữ gìn năm giới, phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ.

Lúc đó, Chuyển luân thánh vương Trì Quốc được các thiện lợi, tăng ích pháp tài, liền cùng với cung tần quyến thuộc chí thành đảnh lễ sát chân Phật và chúng đại Tỳ-kheo, nhiễu quanh bên phải bảy vòng xong vào trong lầu gác cao lớn vọt lên hư không bay đi tự tại, trở về trong thành của đại quốc rất thanh tịnh.

Sau một thời gian, Chuyển luân thánh vương Trì Quốc chọn ngày trăng tròn, nghiêm giá đi dạo chơi xem ngắm các vườn hoa lớn, đánh trống thổi kèn, tấu lên những bản ca hay, đi trong cảnh thích thú vui nhộn. Lúc đó có hai cung nữ đứng đầu trong đoàn cung nữ, một tên là Vô Hủy, hai tên là Vô Tỷ cùng đến ao Hoan hỷ, tắm rửa sạch sẽ, mặc áo đến ngồi trên tòa Sư tử hoa sen. Ở trong tòa của hai cung nữ này đều có một đồng tử tự nhiên hóa sinh ngồi kiết già. Các đồng tử ấy có tướng mạo đoan nghiêm, đẹp đẽ không ai sánh bằng ai nấy đều thích nhìn ngắm. Trong khoảng sát-na, mỗi đồng tử bèn bay lên hư không, đồng thời trong hư không có tiếng Hiền thánh nói: "Hai đồng tử này, một vị tên là Pháp Tư, một vị tên là Pháp Tuệ". Hai tên này có ra từ đó.

Đồng tử Pháp Tư hóa sinh từ tòa cung nữ Vô Hủy. Đồng tử Pháp Tuệ hóa sinh từ tòa của cung nữ Vô Tỷ. Hai vị đồng tử ấy ngồi kiết già trong hư không cùng nói kệ rằng:

Nhân giả, nay tôi được thiện lợi
Đó là phát sinh tâm Bồ-đề

Đã phát tâm rồi gặp Thế Tôn
Khởi tâm thanh tịnh xin kính lễ:
Biển lớn rộng sâu khó đến đáy
Sinh tử xoay vần không dừng dứt
Rộng cứu hữu tình vượt tử sinh
Tâm Bồ-đề này nguyện giữ mãi.
Có thế giới tên Vô hủy thân
Có Thế Tôn hiệu Thời Phần Vương
Ta từ nơi ấy đến cầu pháp
Muốn thấy công đức của Mâu-ni
Lúc ta mỗi mỗi ngồi kiết già
Hóa sinh từ tòa của hai mẹ
Cha ta, Trì Quốc đại Thánh vương
Nên đến chắp tay xin kính lễ
Mong cha hãy nghe lời con nói
Trăm ức, ngàn kiếp mới được pháp
Cho đến viên thành đại Bồ-đề
Những gì đã được không rời bỏ
Bởi Phật xuất thế thật rất khó
Cha mẹ khó được ở pháp vị
Nếu gặp thiện hữu trong khoảnh khắc
Diệu bảo thanh tịnh tùy ý hiện
Dục và tinh tấn, không phóng dật
Xuất gia được lợi đủ chánh tri
Siêng tu lợi ích tâm điều thuận
Tàm, quý, đa văn đủ thiện giới
Từ bi điều tịch vì hữu tình
Rộng khiến tất cả được pháp nhẫn
Tinh tấn, cần lực, tâm vô trước
Thành thục nhiếp thọ các quần sinh
Vì tâm lìa tướng nên hỷ lạc
Đối với thân mạng không luyến tiếc
Nghĩ nhớ chánh pháp như cứu lửa
Nguyện được công đức của chư Phật
Phụ vương tối thượng rất khó gặp
Con đã tán thán pháp tối thượng
Con từ cõi Phật kia mà đến
Rồi lại trở về nơi cõi kia

Chúng con đã trụ vị Bồ-tát
Rộng hay nhiếp thọ các pháp thiện
Trong sát-na được năm thần thông
Tùy niệm, tùy quán ý hiểu rõ.

Khi ấy, Chuyển luân thánh vương Trì Quốc cùng với cung tần quyến thuộc và hai đồng tử Trí giả Bồ-tát dùng sức thần thông bay lên hư không đồng đến hội của Đức Thế Tôn Vô Biên Công Đức Bảo Chúng Trang Nghiêm Vương Như Lai. Đến nơi tất cả đều đảnh lễ sát chân Phật, tất cả chúng hội đều tôn trọng cung kính.

Lúc đó, Đức Phật ấy quán biết hai đồng tử là Phật tử chân chánh, rất muốn nghe đạo pháp Bồ-tát. Biết được ý đó, Đức Phật ấy liền tuyên nói chánh pháp thậm thâm.

Đức Phật nói:

– Này thiện nam! Nên biết các pháp là từ duyên sinh, trong đó không có chủ tể cũng không có tác giả, bên trong là không, bên ngoài không sở hành. Các pháp đều không, luống dối, không thật, đối với cái thấy và hành động đều là thanh tịnh, cũng như hư không không thể nắm bắt.

Đức Phật ấy có nhiều pháp môn như vậy. Lúc tuyên nói pháp thanh tịnh ấy, có bảy mươi sáu triệu và ba ức người trong chúng hội được Vô sinh pháp nhẫn. Lúc bấy giờ Chuyển luân thánh vương Trì Quốc ở trong hội Phật, cúng dường trải qua bảy ngày đêm, rồi cùng với các con và cung tần quyến thuộc, trong khoảng sát-na đều trở về chỗ cũ.

Sau một thời gian, Luân vương ngồi một mình trên tòa Sư tử hoa sen trong tòa lầu gác nghĩ như vầy: "Một ngàn đứa con của ta đều đã an trụ trong pháp Giác ngộ, nhưng trong số đó đứa nào thành quả vị Giác ngộ trước. Vậy nay ta nên bày ra một cách để thử nghiệm việc này".

Nghĩ vậy rồi, vua liền ra lệnh cho người hầu dùng bảy báu làm thành một cái bình đẹp. Cắt đặt đâu đó hoàn thành rồi, sai viết tên của ngàn đứa con bỏ vào trong bình đó. Sau đó, trong bảy ngày đêm dùng các thứ hương hoa, hương xoa, hương bột vi diệu... đánh trống, thổi loa, ca hát nghiêm thân cúng dường bình được đựng danh tự ấy. Lúc đó, trong hư không có mười ngàn trời, người hỗ trợ rải các thứ tốt đẹp cúng dường. Trải qua bảy ngày đêm cúng dường như vậy rồi mới cho triệu tập hết các cung tần quyến thuộc và ngàn người con cùng hai đồng tử đến tập hợp ở trước, rồi lại đem bình báu để lên giường bằng vàng quý báu, đặt để đâu đó rồi ra lệnh người hầu lấy tên trong bình ra. Vâng lệnh, người hầu đến bên bình lấy một tên đầu tiên, đến dâng lên vua. Tên ấy

chính là thái tử Thanh Tịnh Tuệ. Sau đó, lần lượt lấy hết tên trong bình, tức thì trong khoảng sát-na cả đại địa sáu điệu chấn động, tất cả nhạc cụ mà các cung tần đang nắm đó, không trỗi mà tự nhiên phát ra tiếng ca vi diệu.

Tịch Tuệ nên biết! Thái tử Thanh Tịnh Tuệ, tên được lấy ra đầu tiên từ trong bình thuở đó đâu phải người nào lạ, chính là Đức Quá khứ Câu-lưu-tôn Như Lai trong hiền kiếp này. Người bốc tên kế tiếp là Thái tử Tối Thắng Quân, chính là Đức quá khứ Câu-na-hàm Mâu-ni Như Lai. Người bốc tên kế tiếp là Thái tử Tịch Chư Căn, chính là Đức quá khứ Ca-diếp Như Lai. Người bốc tên kế tiếp là Thái tử Nhất Thiết Nghĩa Thành. Tịch Tuệ nên biết! Chính là ta đây. Người bốc tên kế tiếp là Thái tử Bảo Đới, sẽ thành Phật trong vị lai hiệu là Từ Thị Như Lai. Người bốc tên kế tiếp là Thái tử Ngưu Vương, sẽ thành Phật trong vị lai hiệu là Sư Tử Như Lai. Người bốc tên kế tiếp là Thái tử Điện Thiên, vị lai sẽ thành Phật hiệu là Đại Tràng Như Lai. Người bốc tên kế tiếp là Thái tử Hiền Vương, vị lai sẽ thành Phật hiệu là Diệu Hoa Như Lai. Người bốc tên kế tiếp là Thái tử Tịnh Quang Cát Tường, vị lai sẽ thành Phật hiệu Hoa Thị Như Lai. Người bốc tên kế tiếp là Thái tử Liên Hoa Nhãn, vị lai sẽ thành Phật hiệu là Thiện Túc Như Lai. Người bốc tên kế tiếp là Thái tử Vô Cấu Quang, vị lai sẽ thành Phật hiệu là Diệu Nhãn Như Lai. Người bốc tên kế tiếp là Thái tử Tịnh Trì, vị lai sẽ thành Phật hiệu là Diệu Tý Như Lai. Người bốc tên kế tiếp là Thái tử Tuệ Vương, vị lai sẽ thành Phật hiệu là Minh Diệm Như Lai. Người bốc tên kế tiếp là Thái tử Thiện Trang Nghiêm, vị lai sẽ thành Phật hiệu là Minh Châu Như Lai. Người bốc tên kế tiếp là Thái tử Tăng Trường Phần, vị lai sẽ thành Phật hiệu là Đạo Sư Như Lai. Người bốc tên kế tiếp là Thái tử Tịnh Nghiêm Vương, vị lai sẽ thành Phật hiệu là Trì Thắng Công Đức Như Lai. Người bốc tên kế tiếp là Thái tử Cát Tường Mật, vị lai sẽ thành Phật hiệu là Thắng Tài Như Lai. Người bốc tên kế tiếp là Thái tử Diệu Quang Thân, vị lai sẽ thành Phật hiệu là Trí Tích Như Lai. Người bốc tên kế tiếp là Thái tử Dũng Kiện, vị lai sẽ thành Phật hiệu là Bảo Tích Như Lai. Người bốc tên kế tiếp là Thái tử Bảo Xứng, vị lai sẽ thành Phật hiệu là Phổ Quang Minh Như Lai.

Tịch Tuệ nên biết! Nói rộng như thế, trong một ngàn người con kia tiếp tục bốc, cho đến tên của Thái tử Đại Phong Trang Nghiêm, đương lai sẽ thành Phật hiệu là Vô Biên Công Đức Bảo Xưng Như Lai. Này Tịch Tuệ! Chỉ còn lại một tên duy nhất trong bình tự tại và người bốc cuối cùng là Thái tử Vô Biên Tuệ. Trong một ngàn người con, vị

Thái tử này là nhỏ nhất. Lúc đó các người anh khinh chê, nói:

– Các anh đây sẽ thành Phật, đã làm Phật sự, đã độ hữu tình, còn em cuối cùng làm gì đây?

Thái tử Vô Biên Tuệ liền nói kệ rằng:

Pháp Phật vô biên như hư không
Hữu tình và tuệ cũng vô tận
Hạnh nguyện thanh tịnh giới huân tu
Nên nghe em nói hạnh nguyện này:
Thọ lượng các anh số bao nhiêu
Vương giả chúng hội số bao nhiêu
Thọ lượng của em gom cả lại
Nguyện chúng Thanh văn sẽ như vậy.
Thái tử nói kệ ấy vừa xong
Chúng trời hư không khen: Hay thay!
Bồ-tát ý vui tịnh châu viên
Lợi ích hữu tình vô cùng tận.

Này Tịch Tuệ! Khi ấy, vị Thái tử nhỏ nhất Vô Biên Tuệ sẽ thành Phật hiệu là Lạc Dục Như Lai, vị Phật cuối cùng ở trong hiền kiếp. Tịch Tuệ! Thọ lượng của chư Phật và chúng Thanh văn trong hiền kiếp như thế nào, thì Đức Lạc Dục Như Lai cũng sẽ được như thế đấy. Vì Đức Như Lai kia khéo vui với dục nên Đức Như Lai ấy có tên là Lạc Dục.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Ông hãy quán Đại Bồ-tát này, phương tiện khéo léo, tịnh giới đầy đủ, không hủy đại nguyện, thắng hạnh viên mãn. Chín trăm chín mươi chín vị Thái tử kia, cho đến Thái tử Vô Biên Tuệ, công đức như trên thảy đều thành tựu.

Khi ấy, ngàn vị thái tử đều hỏi hai vị Bồ-tát đồng tử:

– Pháp Tư, Pháp Tuệ! Hai vị thiện nam thuở xưa đã phát nguyện lực thù thắng gì mà nay được như vậy?

Đồng tử Pháp Tư đáp:

– Này các nhân giả! Tôi cùng với các vị đều như Kim Cang Thủ, thắng hạnh của Bồ-tát phải liên tục, không lìa sự bí mật vô thượng của tất cả Như Lai, không lìa tất cả pháp Phật đã dạy và sự tin hiểu.

Đồng tử Pháp Tuệ đáp:

– Nay tôi và các anh đầy đủ nguyện lực thù thắng, mong rằng tôi và các anh đều chứng Bồ-đề. Thành Bồ-đề rồi, ta đều khuyến thỉnh chuyển diệu pháp luân, đúng như nguyện lực của mình ở chỗ Đức Phật ấy đã được thọ ký Bồ-đề.

Tịch Tuệ! Chuyển luân thánh vương Trì Quốc thuở ấy đâu phải người nào lạ, tức là Đức Nhiên Đăng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, thuở xưa nhân ở trong địa vị Luân vương. Một ngàn Thái tử của vị Luân vương ấy chính là một ngàn vị Phật Như Lai ở trong hiền kiếp. Từ Đức Câu-lưu-tôn Như Lai cho đến Đức Lạc Dục Như Lai. Đồng tử Pháp Tư hóa sinh từ tòa của cung nữ Vô Hủy thuở đó tức là Kim Cang Thủ Đại bí mật chủ dùng thần lực hóa ra. Đồng tử Pháp Tuệ hóa sinh từ tòa của cung nữ Vô Tỷ thuở đó chính là Phạm vương Thi-khí.

Tịch Tuệ! Các cung tần của Chuyển luân thánh vương Trì Quốc thuở đó chính là các chúng Bồ-tát trong hội này. Các cung tần ấy được một ngàn Thái tử hóa độ thành thục, đều được tâm an trụ vào Đại thừa không thoái chuyển với đạo Giác ngộ cao. Các cung nữ ấy ở trong hiền kiếp lần lượt được thọ ký Bồ-đề.

Tịch Tuệ! Ông nên quán lý của pháp duyên sinh không trái nhau, các nhân căn lành và quả của hạnh thù thắng mà tâm đã phát không hề hoại mất. Nay các Bồ-tát Đại sĩ trong hội này đều có thể tăng trưởng ý vui tối thắng.

❑

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA BÍ MẬT CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI

QUYỂN 6

Phẩm 6: BỒ-ĐỀ ĐẠO

Phật bảo Bồ-tát Tịch Tuệ:

– Nếu các Đại Bồ-tát muốn chứng quả vị Giác ngộ cao tột, thì nên học theo việc làm của Bồ-tát, không phải chỉ dùng lời nói để được đạo tối thắng mà cần phải tu hành chân thật mới được chánh đạo Bồ-đề.

Sao gọi là Bồ-đề đạo?

Là không gây tổn hại đối với tất cả chúng sinh, mà khởi tâm Từ siêng tu Ba-la-mật-đa, dùng bốn Nhiếp pháp rộng nhiếp tất cả; tu bốn phạm hạnh, siêng hành trì ba mươi bảy Phẩm trợ đạo, viên mãn sự nghiệp sáu Thần thông, dùng thiện phương tiện nhiếp hóa chúng sinh, trưởng dưỡng tất cả pháp hạnh căn lành. Đây gọi là đại Bồ-đề đạo.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Bồ-đề đạo nghĩa là ý tin vui, thâm tâm tôn trọng. Do tâm bình đẳng thanh tịnh ngay thẳng, không nịnh hót, do thực hành pháp bình đẳng, không tạo các tội nên không có sợ hãi. Pháp tăng trưởng Bồ-đề đạo là Bố thí ba-la-mật-đa. Bồ-đề đạo hướng đến an lạc đạo là Trì giới ba-la-mật-đa. Bồ-đề đạo không có tổn hại là Nhẫn nhục ba-la-mật-đa. Bồ-đề đạo kiến lập các pháp là Tinh tấn ba-la-mật-đa. Bồ-đề đạo không có tạp loạn là Thiền định ba-la-mật-đa. Bồ-đề đạo khéo hiểu biết là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Bồ-đề đạo thông đạt phát sinh trí vô ngại là đại Từ. Bồ-đề đạo không thoái chuyển là đại Bi. Bồ-đề đạo được hoan hỷ là đại Hỷ. Bồ-đề đạo hòa nhập chân như là đại Xả. Bồ-đề đạo khử trừ gai gốc là hay lìa nhiễm pháp tham, sân, hại, nghi v.v... Bồ-đề đạo thuận pháp an lạc là tâm không chướng ngại. Bồ-đề đạo lìa hiểm ác là không đắm trước sắc, thanh, hương, vị, xúc. Bồ-đề đạo lìa các pháp tà ngoại là khéo quán uẩn, xứ, giới. Bồ-đề đạo hàng phục các ma là hay trừ khử tất cả phiền não. Bồ-đề đạo pháp rộng lớn là lìa xa ý tưởng Thanh văn, Duyên giác. Bồ-đề đạo thuận với chánh pháp, là khả năng tùy thuận các trước với Đức Phật Như

Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, Bồ-đề đạo rộng lớn có thể chứa nhóm đại pháp bảo là hay tùy thuận tất cả trí bảo. Bồ-đề đạo thường khai sáng là có thể hiển phát trí quang vô ngại. Bồ-đề đạo hay khéo nói là được Thiện tri thức nhiếp thọ. Bồ-đề đạo lìa ý tưởng cao thấp là không trái thuận. Bồ-đề đạo lìa tối tăm thế gian là không sân giận biếng nhác. Bồ-đề đạo hướng đến đường thiện là lìa xa mọi pháp bất thiện. Bồ-đề đạo trụ nơi an lạc là hướng đến chứng pháp Niết-bàn rốt ráo.

Tịch Tuệ nên biết! Các pháp trên đều là những pháp hành trì Đại Bồ-đề đạo của Bồ-tát. Nếu không phải hướng, không phải đạo, thì đó là Thanh văn, Duyên giác. Từ đó kiến lập chân thật Đại Bồ-tát thành tựu Chánh đẳng chánh giác.

□

Phẩm 7: MẬT THÂN CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI (Phần 1)

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Tịch Tuệ đến trước Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ thưa:

– Thưa Đại bí mật chủ! Bồ-tát hãy vì tôi mà lược nói về bí mật của Như Lai. Sao gọi là pháp bí mật của Như Lai?

Bồ-tát Kim Cang Thủ bảo Bồ-tát Tịch Tuệ:

– Này thiện nam! Hãy lắng nghe, lắng nghe! Nay ta nương vào oai thần của Phật vì ông mà nói bí mật của Như Lai. Có ba thứ mật: Một là mật thân; hai là mật ngữ; ba là mật tâm. Sao gọi là mật thân của Như Lai?

Này Tịch Tuệ! Nghĩa là Như Lai ở trong không tư duy, không phân biệt mà có khả năng thị hiện các tướng oai nghi.

Này thiện nam! Hoặc trời hoặc người, nếu có ai muốn thấy Như Lai ngồi rồi mới sinh tâm tôn trọng, liền khiến cho những người ấy thấy Như Lai ngồi; hoặc có trời, người muốn thấy Như Lai đi, liền cho những người ấy thấy Như Lai đi; hoặc có trời, người muốn thấy Như Lai đứng, liền khiến cho những người ấy thấy Như Lai đứng; hoặc có trời, người muốn thấy Như Lai nằm, liền khiến cho những người ấy thấy Như Lai nằm; hoặc có trời, người muốn nghe Như Lai nói pháp rồi mới sinh tâm tôn trọng, liền khiến cho những người ấy thấy Phật nói pháp; hoặc có trời, người muốn thấy Như Lai im lặng, liền khiến những người ấy thấy

Như Lai im lặng; hoặc có trời, người muốn thấy Như Lai thiền định, liền khiến cho những người ấy thấy Như Lai thiền định; hoặc có trời, người muốn thấy Như Lai xả định, liền khiến cho những người ấy thấy Như Lai xả định; hoặc có trời, người muốn thấy Như Lai quán mà mắt không nháy, liền khiến cho những người ấy thấy Như Lai quán sát mà không nháy; hoặc có trời, người muốn thấy thần thông biến hóa của Phật, liền khiến cho những người ấy thấy thần thông biến hóa của Phật; hoặc có trời, người muốn quán tướng sắc vàng của Phật, liền khiến cho những người ấy thấy được thân sắc vàng; hoặc có người muốn thấy tướng màu bạc, màu thủy tinh, màu lưu ly, màu mã não, màu san hô, màu hổ phách, màu châu đỏ, màu châu trắng, cùng với các màu xanh, vàng, đỏ, trắng... như màu mặt trăng, màu mặt trời, màu lửa, màu ánh sáng tụ lại, màu Đế Thích, màu Phạm vương, màu tuyết, màu vàng của giống chim mái, màu châu sa, màu nước, màu hoa Vô ưu, màu hoa Chiêm-ba-ca, màu hoa Tô-ma-na, màu hoa Bà-sư-ca, màu hoa Câu-mẩu-bà, màu hoa Bát-nột-ma, màu hoa Bôn-noa-lợi-ca, màu các loại hoa đẹp, màu Tỳ-sa-môn Thiên vương, màu Trì Quốc Thiên vương, màu hoa sen mới nở, màu tạng bảo cát tường, màu ma-ni bảo, màu đế thanh bảo, màu hư không tịnh quang; các màu sắc tướng như vậy, cho đến sắc tướng vô biên công đức, Đức Như Lai tùy theo sự tin muốn của những trời, người ấy, mà khiến cho chúng thấy được thân sắc tướng của Phật.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Cho đến tam thiên đại thiên thế giới, hằng hà sa số tất cả chúng sinh đều được thân người, các chúng sinh ấy đối với thân hình hiển sắc tướng và oai nghi của Phật Như Lai, tùy theo sự suy nghĩ tin hiểu thảy đều thành tựu. Như một chúng sinh tin hiểu cũng như vậy. Tất cả chúng sinh ấy đối với hình hiển sắc tướng và các oai nghi của Như Lai, suy nghĩ tin hiểu đều được thành tựu. Lại nữa, tâm tin hiểu của chúng sinh mỗi mỗi đều sai biệt.

Tịch Tuệ! Do duyên như vậy, cho nên Như Lai rộng khiến tất cả chúng sinh đều tùy theo sự tin hiểu sự oai nghi mà sinh tâm hoan hỷ, rồi tùy theo khả năng tin hiểu đó khiến các chúng sinh hiểu biết sự oai nghi của Như Lai. Không phải vì thế mà làm cho thân tâm của Như Lai bị loạn động, cũng không tìm hiểu mà có thể biết hành nghiệp tâm ý sai biệt đời trước của tất cả chúng sinh. Thế nên, Đức Như Lai tùy ứng mà rộng hiện oai nghi. Ví như gương tròn trong sáng, đặt ở các nơi để soi các hình sắc, tùy theo treo chỗ nào, thì tất cả hình sắc đều hiện rõ trong gương, những hình sắc được in trong gương đó bình đẳng không tăng, không giảm, mà gương tròn ấy không có suy nghĩ, không có phân biệt.

Này Tịch Tuệ! Đức Như Lai cũng như vậy, biết rõ tâm ý của tất cả chúng sinh, tùy theo sự hiện tướng mà khiến họ hoan hỷ. Tuy vậy, nhưng Phật Như Lai không có suy nghĩ, cũng không có phân biệt, lại không tìm hiểu. Đây gọi là mật thân của Như Lai.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Thân của Như Lai không phải do uẩn, xứ, giới tạo thành, cũng không phải do nghiệp tạo thành, cũng không phải từ phiền não sinh, không từ nơi bào thai cha mẹ sinh ra, không phải Yết-la-lam v.v... đại chủng sinh ra, không phải máu, thịt, nhiễm ô, gân xương liền nhau, hơi thở ra vào v.v... nuôi dưỡng mà sinh ra.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Thân Như Lai chính là chẳng phải thân, nghĩa là Pháp thân như thân hư không, chẳng phải thân sắc tướng, mà là thân lìa các hý luận, không có sở hành. Nếu các chúng sinh để được hóa độ muốn thấy sắc tướng sinh lòng tin tôn trọng, thì Như Lai mới hiện sắc thân các cảnh đối ngại. Nếu các chúng sinh muốn pháp lìa tướng sinh lòng tin tôn trọng, đối với tất cả mọi nơi, tất cả chủng loại, không có cảnh đối ngại, thì ngay cả Thiên nhãn cũng không thể nhìn thấy.

Tịch Tuệ nên biết! Cái thấy của tất cả đại chúng trong hội đều khác. Hoặc có chúng sinh, có người thấy thân Phật, có người lại không thấy. Hoặc có người xa thì thấy, mà gần lại không thấy; hoặc gần thấy mà xa không thấy. Hoặc xa cũng không thấy, mà gần cũng không thấy. Hoặc tâm chuyên chú thì thấy, tán loạn thì không thấy; hoặc tán loạn thì thấy mà chuyên chú thì không thấy. Hoặc người khác quán thì thấy, mình quán thì không thấy; hoặc mình quán thì thấy, mà người khác quán thì không thấy. Hoặc trong cảnh mộng thì thấy, mà khi tỉnh dậy thì không thấy; hoặc lúc thức thì thấy, lúc trong mộng thì không thấy. Hoặc trong định thì thấy, xả định lại không thấy; hoặc xả định thì thấy, mà trong định thì không thấy. Hoặc tưởng thiện thì thấy, tưởng bất thiện thì không thấy; hoặc tưởng bất thiện thì thấy, tưởng thiện thì không thấy. Hoặc tâm tỉnh thức thì thấy, tâm không tỉnh thức thì không thấy, hoặc tâm không tỉnh thức lại thấy, mà tỉnh thức thì không thấy. Hoặc tâm gia hạnh thì thấy, mà không gia hạnh thì không thấy; hoặc tâm không gia hạnh lại thấy, mà gia hạnh thì không thấy. Những thứ sai biệt như vậy và vô lượng tướng khác quán thân Như Lai. Thiên tử ở Sắc giới, thân tướng tịch tĩnh, sở hành tịch tĩnh, oai nghi tề chỉnh, tâm luôn trụ định, khéo tịch tĩnh, khéo điều phục như vậy, nhưng giương mắt lên cũng không thể quán thấy thân lượng sắc tướng của Như Lai. Vì sao? Vì thân Như Lai có đầy đủ vô lượng sắc tướng trang nghiêm, ngang bằng với hư

không lấy Pháp thân làm tánh.

Ví như hư không rộng lớn vô cùng, thân tướng của Như Lai cũng như vậy. Lại như hư không đâu đâu cũng có, thông đạt tất cả; thân tướng của Như Lai cũng lại như vậy, hòa nhập khắp tất cả và thông đạt hết tất cả. Lại như hư không lìa các hý luận; thân tướng Như Lai cũng lại như vậy, lìa mọi hý luận. Lại như hư không nuôi lớn tất cả chúng sinh; thân tướng Như Lai cũng lại như vậy, nuôi lớn tất cả chúng sinh. Lại như hư không không có chủng loại, không có phân biệt; thân tướng Như Lai cũng lại như vậy, không có chủng loại, không có phân biệt. Lại như hư không hòa nhập vào tất cả sắc tướng quang minh; thân tướng Như Lai cũng lại như vậy, hòa nhập vào tất cả sắc tướng quang minh. Lại như tất cả sắc tướng quang minh đều trụ trong hư không; thân tướng Như Lai cũng lại như vậy, tất cả sắc tướng quang minh của chúng sinh đều trụ vào thân Phật. Lại như tất cả thuốc thang, cỏ cây, vườn rừng đều nương vào hư không mà phát triển tươi tốt; thân tướng Như Lai cũng lại như vậy, làm tươi tốt tất cả căn lành của chúng sinh. Lại như hư không, không phải thường, không phải không thường, không thể đem lời nói để trình bày; thân Như Lai cũng lại như vậy, không phải thường, không phải vô thường, không thể dùng lời nói để trình bày, cũng không thể quán đảnh tướng của Như Lai.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Ta không thấy có tất cả Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn v.v... ở thế gian mà có thể quán thấy đảnh tướng của Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì sao? Này Tịch Tuệ! Ta nhớ lúc Đức Thế Tôn Như Lai thành đạo chưa được bao lâu, chuyển diệu pháp luân tại vườn Lộc dã chư Thiên đọa xứ, nước Ba-la-nại. Lúc đó, ở phương Đông có Đức Phật Thế Tôn hiệu là Chiêm-ba-ca Hoa Sắc, thế giới tên là Như huyễn, nước tên Điều oán. Thế giới ấy có vị Bồ-tát tên là Phong Trì, đến thế giới Ta-bà này chiêm ngưỡng đảnh lễ thân gần Đức Thế Tôn Như Lai. Đến rồi, đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh bên phải bảy vòng rồi đứng trước Thế Tôn. Khi ấy, Bồ-tát Phong Trì nương vào oai thần của Phật nghĩ như vầy: "Thân tướng của Phật Thế Tôn to lớn vô lượng, vô biên, không thể quán thấy đảnh của Ngài, nay ta đối với thân vô lượng, vô biên của Thế Tôn cầu xin thân có hạn lượng".

Bồ-tát Phong Trì nghĩ như thế rồi, tự thấy thân mình cao đến sáu vạn tám ngàn do-tuần, thấy thân tướng Phật cao tám trăm bốn mươi vạn do-tuần. Lại nghĩ như vầy: "Ta nay tự dùng sở đắc du hý thần lực để tính xem thân tướng vô biên của Như Lai".

Nghĩ như vậy rồi, Bồ-tát liền thừa oai thần Phật, tự dùng sức thần thông bay lên phương trên vượt qua trăm ngàn ức cõi Phật, có thế giới tên Đại liên hoa, Phật hiệu Liên Hoa Cát Tường Tạng Vương Như Lai, hiện đang nói pháp giáo hóa chúng sinh. Bồ-tát đến rồi, quán sát kỹ lưỡng, nhưng cũng không thể thấy được đảnh tướng của Như Lai, lại cũng không thể tính biết thân tướng Phật là bao nhiêu. Lúc đó Bồ-tát Phong Trì đến trước Đức Thế Tôn Liên Hoa Cát Tường Tạng Vương Như Lai, đảnh lễ sát chân Phật nhiễu quanh bên phải bảy vòng rồi đến trước bạch rằng:

– Bạch Thế Tôn! Con đến đây cách thế giới Ta-bà gần xa bao nhiêu?

Đức Phật ấy đáp:

– Này thiện nam! Quá trăm ngàn ức triệu cõi Phật rồi mới đến thế giới này.

Bồ-tát Phong Trì bạch với Đức Phật ấy:

– Bạch Thế Tôn! Đã cách xa như thế sao con không thấy đảnh tướng của Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni Như Lai và cũng không thể quán biết thân của Phật là bao nhiêu, cho nên con mới từ xa đến đây để thưa hỏi.

Đức Phật ấy đáp:

– Này thiện nam! Giả sử như nay ông dùng hết thần lực bay đến tất cả thế giới ở tận phương trên, trải qua hằng hà sa số kiếp đi chăng nữa, cũng không thể biết được thân vô biên của Phật Thích-ca.

Lại nữa, này thiện nam! Giả sử đem hết tất cả pháp ra để ví dụ cũng không thể ví dụ. Đức Phật Thích-ca Như Lai có Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, đầy đủ các công đức, hoặc thân, ngữ, tâm; hoặc sắc hoặc tướng, đem tất cả pháp ví dụ cũng không thể ví dụ hết được. Vì Đức Như Lai ấy vượt hơn số đếm, chỉ trừ hư không mới có thể ví dụ được.

Những gì được gọi là Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến của Như Lai cũng như hư không; hoặc thân, ngữ, tâm, hoặc sắc hoặc tướng, ở đây nói, tất cả đều như hư không. Vì thế nên biết, hư không vô lượng, nên thân tướng của Như Lai cũng vô lượng.

Tịch Tuệ! Bồ-tát Phong Trì ở chỗ Đức Phật Liên Hoa Cát Tường Tạng Vương Như Lai nghe nói vậy rồi sinh tâm hy hữu, vui vẻ phấn khởi thích thú khoái lạc, đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh bên phải bảy vòng, nương vào oai thần của Phật trong khoảng sát-na rời khỏi cõi Phật ấy, trở về thế giới Ta-bà, đứng trước Phật Thích-ca Mâu-ni, đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh bên phải ba vòng, chắp tay chí thành hướng lên Phật Thế Tôn nói kệ rằng:

Tất cả pháp Phật rất rộng lớn

Ngang bằng hư không thật vô biên
Nếu ai muốn biết ngằn mé ấy
Người ấy chiêu lấy sự tổn hại.
Con đã vượt qua trăm ngàn ức
hằng hà sa số các cõi Phật
Đến thế giới của Phật Như Lai
Vì muốn quán xem lượng thân Phật.
Khi con đến cõi Phật kia rồi
Thế giới tên là Đại liên hoa
Nhưng vẫn không thể thấy đảnh Phật
Cũng không biết được thân bao nhiêu.
Hóa chủ Thế Tôn ở cõi ấy
Hiệu là Cát Tường Tạng Vương Tôn
Phật ấy biết rõ ý tưởng con
Nên đã vì con nói thế này:
Nếu người muốn dùng pháp thí dụ
Để đem dụ pháp Phật vô biên
Đã không biết được thân tướng Phật
Trở lại chuốc lấy tội báng Phật.
Chỉ có một pháp đem ví dụ
Đồng với pháp Phật không có khác
Đó là hư không rộng vô biên
Không thể biết được ngằn mé đó.
Như hư không kia thật to lớn
Công đức của Phật cũng như vậy
Là Giới, Định, Tuệ, Giải thoát môn
Cùng với Giải thoát tri kiến thảy
Như số lượng lớn của hư không
Sắc tướng của Phật cũng như vậy
Đảnh tướng cao rộng không thể quán
Cùng với hư không giới không khác,
Như hư không kia rất bao la
Thân Phật rộng lớn cũng như trên
Do thân rộng lớn thật vô biên
Ánh sáng chiếu khắp cũng như vậy,
Do ánh sáng rạng ngời như thế
Mật ngữ rộng lớn cũng như vậy
Mật ngữ rộng lớn không ngằn mé

Mật tâm to lớn cũng như thế,
Do vì mật tâm lớn như thế
Lòng từ chư Phật cũng như vậy,
Lòng Từ chư Phật rộng vô biên
Trí Phật rộng lớn cũng như vậy,
Bởi do trí Phật lớn như thế
Nên thân Phật lớn cũng như vậy
Bồ-đề phát sinh phước thù thắng
Rộng lớn vô cùng cũng như vậy.
Từ tâm Bồ-đề sinh ra phước
Tướng thù thắng từ phước sinh ra
Hư không giới rộng lớn vô biên
Phát sinh các công đức tối thượng
Chỗ có tất cả chúng sinh loại
Rộng nhiếp tất cả các phước uẩn
Tất cả Bồ-tát cũng như vậy
Đều từ tâm Bồ-đề mà ra
Chỗ có tất cả chúng Bồ-tát
Tuyên nói phước uẩn thật rộng lớn
Nếu hay hộ trì chánh pháp môn
Hộ trì phước, tụ phước hơn nhiều
Giả sử trí Gia hạnh của Phật
Trải qua ức kiếp để tuyên dương
Hộ trì chánh pháp phước vô biên
Không thể biết hết số tận cùng.
Tâm đại Bồ-đề sinh ra phước
Hộ trì chánh pháp phước vô biên
Nếu đem so sánh Không giải thoát
Trong mười sáu phần không bằng một
Không giải thoát môn đã nhiếp thuộc
Cũng lại không lìa tâm Bồ-đề
Hộ trì chánh pháp các phước môn
Tất cả đều cùng nhiếp vào đấy.
Nếu hay hiểu rõ pháp thú này
Thì là Bồ-tát đại danh xưng
Bồ-đề công đức được vô biên
Đây chính là tu hạnh Bồ-tát.
Khi con đã nói kệ này rồi

Trăm ngàn ức cõi đều chấn động
Có trăm ngàn ức hàng trời, người
Đánh trống thổi kèn ca vô số,
Có trăm ngàn ức số chúng sinh
Đều phát tâm Bồ-đề rộng lớn
Nghe đại oai thần Phật như vậy
Nay con, Phong Trì như thật nói
Phật có chẳng nghĩ bàn như vậy
Vô lượng, vô biên, lại vô thượng
Chư Phật rộng hiện các tướng môn
Là trí tự nhiên chân bí mật.

Tịch Tuệ nên biết! Nói như vậy tức là bí mật của Như Lai.

❑

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA BÍ MẬT CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI

QUYỂN 7

Phẩm 7: MẬT THÂN CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI (Phần 2)

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Thân tướng của Như Lai, trong một chúng hội mà có người thấy, có người không thấy. Người được thấy thì hoan hỷ chiêm ngưỡng, còn người không thấy thì im lặng ngơ ngác.

Tịch Tuệ nên biết! Đức Như Lai không nuôi sống bằng đoàn thực. Lại có chúng sinh thấy Phật cũng thọ thức ăn thế gian, có oai lực đầy đủ tu hạnh Bồ-đề, các chúng Hiền thánh thường đi theo sau nhận thức ăn vào trong bình bát. Do vậy nên chúng sinh thấy Phật Như Lai đều đem thức ăn bỏ vào trong bát. Các Hiền thánh ấy đã thọ thực rồi, nếu có chúng sinh ở trong pháp Phật đáng được hóa độ, căn lành đời trước nghiệp chướng đã hết, tuy đang hiện diện khắp nơi, nhưng không được ăn uống, phải chịu đói khát ốm gầy, do nhờ vào thiện lực đời trước đó, cho nên các chúng sinh ấy được ăn các thức ăn dư của Như Lai. Ăn uống no đủ rồi, tâm được khinh an thân thể tươi nhuần, thâm tâm thanh tịnh, liền phát tâm đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột. Nếu các chúng sinh đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, ác thú, không thể phát tâm đại Bồ-đề. Vì lý do đó cho đến tận cảnh giới Niết-bàn. Tịch Tuệ nên biết! Như Lai không thọ thức ăn thế gian, mà Như Lai chỉ nuôi sống bằng Pháp thực. Thân Phật kiên cố như trời Na-la-diên, do chân thật cho nên không bị phá hoại, là từ Kim cang mà thành.

Tịch Tuệ! Thân Như Lai không phải sinh từ thục tạng mà thành, cũng không phải từ sữa mẹ tạp nhạp bất tịnh mà thành. Thân Như Lai là vàng Diêm-phù-đàn, không có khiếm khuyết, không đoạn, lìa các lỗi lầm. Thân Như Lai đầy đủ oai lực, thể lại chắc chắn cũng như Kim cang, rất mềm mại như y Ca-tả-lân-na, ai sờ vào thân Phật đều được diệu lạc.

Tịch Tuệ nên biết! Thuở nọ có các Thiên tử, Thiên nữ đầy đủ oai lực đảnh lễ sát chân Phật, khi đảnh lễ sờ vào chân Phật, sờ xong liền phát tâm đạt được quả vị Giác ngộ cao tột. Vì thế nên biết, Như Lai không sinh từ

tạp nhiễm.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Ở thế gian chúng sinh có tâm tham, chỉ thoáng thấy qua thân Như Lai, tự thân liền sinh tưởng lìa tham. Chúng sinh có tâm sân thoáng thấy qua thân Như Lai, liền khởi lên tâm Từ. Chúng sinh có tâm si thoáng thấy qua thân Như Lai, liền được trí sáng chiếu diệu. Chúng sinh có tâm đẳng phần thoáng thấy qua thân Như Lai, được lìa phiền não. Chúng sinh keo kiệt thoáng thấy qua thân Như Lai, liền tin hiểu xả pháp. Chúng sinh phá giới thoáng thấy qua thân Như Lai, liền tin hiểu giới pháp thanh tịnh. Chúng sinh có tâm giận dữ thoáng thấy qua thân Như Lai, liền được pháp nhẫn. Chúng sinh biếng nhác thoáng thấy qua thân Như Lai, liền khởi lên siêng năng. Chúng sinh có tâm tán loạn thoáng thấy qua thân Như Lai, liền được tịch định. Chúng sinh ngu si thoáng thấy qua thân Như Lai, liền được tuệ thù thắng. Này thiện nam! Nói tóm lại nếu các chúng sinh thoáng thấy qua thân Như Lai, không bao giờ xa lìa thiện pháp, tất cả sự bất thiện, nghi ngờ v.v... các nhiễm pháp thảy đều tiêu trừ, an lập thiện tâm. Tuy vậy, nhưng Như Lai vẫn thường an trụ không có xả phân biệt. Đây gọi là mật thân của Như Lai.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Lại như Đức Như Lai hóa làm người để làm các Phật sự, mà tâm Phật Như Lai không có gia hạnh, không tìm hiểu, cũng không tác ý, cũng không có ý nghĩ như vầy: "Ta có thể hóa thành các hóa nhân, nhưng chúng sinh được hóa độ đó đáng được hóa độ, hoặc thế giới này hoặc thế giới khác, cho đến trăm ngàn ức thế giới tất cả chúng sinh, vì muốn thành thục làm việc lợi ích". Đây gọi là mật thân của Như Lai.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Thân Như Lai phóng ánh sáng lớn, có vô số trăm ngàn màu sắc. ánh sáng ấy chiếu khắp mười phương hằng hà sa số cõi Phật, thành thục khắp tất cả chúng sinh. Tuy vậy, nhưng Như Lai không có tìm hiểu, không gia hạnh, không tác ý. Đây gọi là mật thân trong thân nghiệp thanh tịnh của Như Lai.

Tịch Tuệ nên biết! Đây chỉ lược nói về mật thân trong thân nghiệp thanh tịnh của Như Lai. Nếu nói rộng ra thì trải qua một kiếp hoặc hơn một kiếp cũng không thể hết được.

Khi Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ nói pháp chẳng nghĩ bàn về mật thân của Như Lai, trong hội có mười ngàn người phát tâm đạt được quả vị Giác ngộ, tám ngàn Bồ-tát được Pháp nhẫn.

Đồng thời trong hội có các chư Thiên rải hoa lên trên Đức Phật và cúng dường Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ. Lúc đó Đức Thế Tôn duỗi cánh tay phải sắc vàng rờ lên đảnh đầu của Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim

Cang Thủ khen ngợi:

– Hay thay, hay thay, Đại bí mật chủ! Ông đã khéo tuyên nói pháp chẳng nghĩ bàn về mật thân của Như Lai mà ta đều biết cả. Pháp của ông đã nói ta nay tùy hỷ.

Phẩm 8: MẬT THÂN CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI (Phần 1)

Đại bí mật chủ Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ bảo Đại Bồ-tát Tịch Tuệ:

– Sao gọi là mật ngữ nghiệp ngữ thanh tịnh của Như Lai? Từ đêm Như Lai chứng quả vị Giác ngộ cao tột cho đến đêm Như Lai vào đại Niết-bàn, trong khoảng thời gian đó, Đức Như Lai chưa từng nói một chữ, cũng không có nêu ra. Vì sao? Vì Đức Như Lai luôn ở trong chánh định, Như Lai cũng không thở ra hay thở vào, hoặc tầm hoặc tứ. Do không tầm tứ cho nên lời nói ra lìa các tà vọng. Đức Như Lai không có tầm, không có tứ, không có phân biệt, không có rộng phân biệt, không có nói, không có hiển thị, lại không nêu bày. Nhưng các chúng sinh lại nghe Như Lai tuyên nói, thật ra Như Lai luôn ở trong định. Đối với tất cả loại, tất cả thời, cũng dùng văn tự để nêu ra, nhưng lại không nêu ra. Chỉ vì có chúng sinh do dùng văn tự sinh lòng tin tôn trọng, từ đó họ cho rằng Đức Như Lai vì họ mà nói pháp. Nhưng tâm Phật Như Lai thường an trụ xả, không có phân biệt.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Không phải từ môi, răng, lưỡi, cổ và mặt của Như Lai phát ra âm thanh, mà âm thanh của Như Lai phát ra là từ hư không, nhưng chúng sinh lại cho rằng âm thanh từ miệng Phật Như Lai phát ra.

Tịch Tuệ nên biết! Lời nói của Như Lai có đầy đủ sáu mươi bốn tướng, thù thắng vi diệu: Một là lời nói trôi chảy; hai là nhu nhuyến; ba là ý vui; bốn là đáng mừng; năm là thanh tịnh; sáu là ly cấu; bảy là trong sáng rõ ràng; tám là ngọt ngào; chín là khiến muốn nghe; mười là không yếu kém; mười một là tròn đầy; mười hai là điều thuận; mười ba là không thô rít; mười bốn là không ác; mười lăm là thiện nhu; mười sáu là thích nghe; mười bảy là thân khoái thích; mười tám là tâm sinh dũng mãnh; mười chín là tâm vui; hai mươi là vui thích; hai mươi mốt là không nhiệt não; hai mươi hai là như những lời dạy; hai mươi ba là khéo biết rõ; hai mươi bốn là phân biệt rõ ràng; hai mươi lăm là thiện ái; hai mươi sáu là

khiến sinh hoan hỷ; hai mươi bảy là khiến người khác theo lời dạy; hai mươi tám là làm cho người khác biết rõ; hai mươi chín là như lý; ba mươi là lợi ích; ba mươi mốt là lìa điều lỗi lầm tái phát trở lại; ba mươi hai là âm thanh như sư tử; ba mươi ba là âm thanh như rồng; ba mươi bốn là tiếng như sấm chớp; ba mươi lăm là tiếng như rồng chúa; ba mươi sáu là như tiếng ca hay của Khẩn-na-la; ba mươi bảy là tiếng như Ca-lăng-tần-già; ba mươi tám là tiếng như Phạm vương; ba mươi chín là tiếng như chim Cộng mạng; bốn mươi là như tiếng hay của trời Đế Thích; bốn mươi mốt là như tiếng trống sấm; bốn mươi hai là không cao; bốn mươi ba là không thấp; bốn mươi bốn là hòa nhập vào tất cả âm thanh; bốn mươi lăm là không khuyết giảm; bốn mươi sáu là không phá hoại; bốn mươi bảy là không nhiễm ô; bốn mươi tám là không chấp thủ; bốn mươi chín là đầy đủ; năm mươi là trang nghiêm; năm mươi mốt là biểu thị rõ ràng; năm mươi hai là viên mãn tất cả âm thanh; năm mươi ba là các căn khoái thích; năm mươi bốn là không hủy báng; năm mươi lăm là không khinh khi; năm mươi sáu là không lay động; năm mươi bảy là hòa nhập vào tất cả chúng hội; năm mươi tám là các tướng đầy đủ.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Năm mươi chín là Như Lai nói ra khiến cho tất cả chúng sinh khắp mười phương thế giới sinh tâm hoan hỷ, nhưng Phật Thế Tôn không có ý nghĩ như vầy: "Ta tuyên nói các pháp như Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, Duyên khởi, Bản sự, Bản sinh, Phương quảng, Hy pháp, Luận nghị, Thí dụ". Lại còn pháp bí mật đi trước, nói pháp bản duyên, nói pháp về nhân đời trước, nói gần, nói nhiều, nói rộng, chỉ bày, an lập, phần vị, phân biệt giải thích rõ ràng về những điều Như Lai nói. Các pháp như vậy đối với tất cả đại chúng trong hội như: chúng hội Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Hoặc các chúng hội như: Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già... Đức Phật có khả năng tùy theo căn tánh tinh tấn, trình độ của mỗi chúng sinh mà ban pháp. Tất cả chúng hội nghe pháp rồi đều cho rằng pháp từ miệng Phật nói ra. Nhưng pháp mà Đức Như Lai nói ra đó không có những lời trùng lập lẫn nhau, mà các chúng hội đều tùy theo âm thanh hiểu rõ các pháp.

Tịch Tuệ! đây gọi là mật ngữ của Như Lai.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Sáu mươi là tất cả số lượng chúng sinh ấy thật vô lượng, hạnh của tất cả chúng sinh cũng vô lượng. Đức Như Lai dạy tâm hạnh của chúng sinh lược nói có tám vạn bốn ngàn chủng loại, chỉ vì chúng

sinh căn tánh thấp kém mà khiến cho chúng hiểu rõ lời nói của Như Lai.

Tịch Tuệ nên biết! Tâm hạnh của chúng sinh không có hạn lượng, trong thế gian lại có chúng sinh tham, có chúng sinh sân, có chúng sinh si, có chúng sinh đẳng phần. Tâm hạnh của mỗi mỗi chúng sinh có sự sai biệt. Nếu Đức Như Lai ở trong một kiếp hoặc hơn một kiếp, cho đến Như Lai trụ ở đời trăm ngàn kiếp, dù cho có thọ đến cùng tột đi chăng nữa cũng không thể nói hết tâm hạnh vô cùng của chúng sinh. Nếu Phật chỉ nói tâm hạnh vô biên của chúng sinh thì các chúng sinh không thể hiểu nỗi mà trái lại sinh si mê. Vì thế Đức Như Lai khéo dùng phương tiện trong vô lượng hạnh của chúng sinh lược nói có tám vạn bốn ngàn. Lại nữa, Như Lai đã nói các pháp, tùy theo tâm hạnh sai biệt của chúng sinh mà khiến cho họ được hiểu rõ. Tịch Tuệ! đây gọi là mật ngữ của Như Lai.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Sáu mươi mốt là ngữ bí mật trí của Như Lai, hòa nhập vào tất cả tâm ý của chúng sinh, nhưng lời nói ấy không từ miệng Như Lai nói ra, chỉ từ hư không mà phát ra. Nếu có chúng sinh nào cho rằng lời nói từ miệng của Như Lai nói ra, thì chớ có ý nghĩ như vậy. Vì sao? Có chúng sinh hoặc thấy lời nói của Như Lai phát ra từ nhục kế, hoặc phát ra từ đảnh, hoặc phát ra từ rẽ tóc ngang trán, hoặc phát ra từ lông mày, hoặc phát ra từ trán, hoặc phát ra từ giữa chặng mày, hoặc từ lông trắng giữa mày, hoặc từ mắt phát ra, hoặc từ tai phát ra, hoặc từ mũi phát ra, hoặc từ má phát ra, hoặc từ miệng phát ra, hoặc từ cổ phát ra, hoặc từ cánh tay phát ra, hoặc từ tay phát ra, hoặc từ ngón tay phát ra, hoặc từ hai bên xương sườn phát ra, hoặc trước ngực phát ra, hoặc sau lưng phát ra, hoặc từ rún phát ra, hoặc từ âm tàng phát ra, hoặc từ đùi phát ra, hoặc từ đầu gối phát ra, hoặc từ ống chân phát ra, hoặc từ mắt cá chân phát ra, hoặc từ chân phát ra, hoặc từ tướng tốt phát ra, hoặc từ các lỗ chân lông phát ra. Các chúng sinh như vậy, hiểu biết khác nhau. Tịch Tuệ! đây gọi là mật ngữ của Như Lai.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Sáu mươi hai là lời Như Lai nói ra tùy theo đó các chúng sinh mỗi mỗi tin hiểu, tùy theo các tâm ý của chúng sinh mà thành thục, tùy theo sự thích ứng mà khiến cho tất cả được hiểu rõ, nhưng Phật Như Lai luôn thường trụ xả, không có phân biệt. Ví như thế gian mượn các pháp mà tạo thành các âm nhạc, tùy theo người làm mà thành ra sắc sảo đẹp đẽ. Nhạc cụ này tay không rờ vào cũng không nhờ sức người mà chỉ cần gió thổi nhẹ qua là phát ra tiếng hay, tiếng phát ra đó đều là do gió nghiệp sai biệt đời trước thổi động vào. Lời nói của Như Lai cũng lại như vậy, tùy theo ý vui muốn của tất cả chúng sinh, gió trí thổi kích động vào,

cũng chẳng phải Như Lai dụng lực mà phát ra. Như Lai tùy thuận tất cả nghiệp sai biệt đời trước và cảnh giới của chúng sinh, tùy theo sự thích ứng mà nói. Tịch Tuệ! Ví như tiếng vang tùy chỗ phát ra, chỗ phát ra tiếng ấy không phải ở trong, không phải ở ngoài, không phải ở giữa. Lời nói của Như Lai cũng lại như vậy, nói ra là vì biểu hiện tâm ý của chúng sinh, nhưng tiếng của Như Lai không phải ở trong, không phải ở ngoài, cũng không phải ở giữa. Lại như trong biển cả có bảo châu như ý, gọi là viên mãn tất cả ý vui, đem nó treo lên cây tràng cao, tự nhiên phát ra tiếng. Châu này có khả năng làm cho ý của tất cả chúng sinh vui. Tuy vậy, nhưng châu này không có phân biệt. Như Lai cũng lại như vậy, nói ra lời quý báu, thân tâm thanh tịnh, treo trên tràng đại Bi, tùy theo ý muốn của các chúng sinh, mà Như Lai phát ra lời nói vi diệu khiến cho họ được hiểu rõ, nhưng Phật Như Lai thường trụ xả, không phân biệt. Tịch Tuệ! đây gọi là mật ngữ của Như Lai.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Sáu mươi ba là âm thanh của Phật Như Lai không có mức độ. Ta không thấy các hàng Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian mà có thể biết được ngằn mé và mức độ âm thanh của Như Lai. Vì sao vậy? Ta nhớ thuở nọ Đức Phật đang ở tại núi Thứu phong, thành Vương xá, các chúng Bồ-tát cùng nhau vây quanh tuyên nói pháp môn, âm thanh luôn thanh tịnh, rộng vì chúng sinh diễn bày rõ ràng. Sau đó nhờ lực gia trì của Đại Bồ-tát Từ Thị nên Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghĩ như vầy: "Mức độ âm thanh thanh tịnh của Như Lai vang được bao xa?" Nghĩ như vậy rồi liền ngay nơi tòa ẩn mất không hiện, tự dùng thần lực đến đảnh núi Tu-di để nghe thử âm thanh của Phật vang xa hay gần. Lại vận thần lực bay đến tam thiên đại thiên thế giới, lại quá hơn phía Tây của núi Tu-di, lại quá hơn bốn đại châu thế giới, lại quá hơn núi Thiết vi, núi Đại thiết vi, cho đến tận thế giới, rồi trở lại đứng trên đảnh núi Thiết vi lắng nghe mức độ âm thanh của Như Lai nhưng âm thanh của Như Lai vẫn bình đẳng không có tăng giảm.

Khi ấy Đức Thế Tôn biết việc này rồi liền nghĩ như vầy: "Đại Mục-kiền-liên ý muốn thử xem mức độ âm thanh của ta, nay ta nên nhiếp thần lực". Đức Thế Tôn nhiếp thần lực xong, Đại Mục-kiền-liên nương vào oai thần gia trì của Phật, tự dùng thần thông ở một phần phía Tây của thế giới này, quá chín mươi chín hằng hà sa số cõi Phật, đến một thế giới tên Quang minh tràng, nước ấy có Đức Như Lai hiệu là Quang Minh Vương, hiện đang nói pháp giáo hóa chúng sinh. Khi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đến thế giới ấy rồi, lắng nghe mức độ âm thanh của Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni Như Lai, cũng như nghe tiếng người kia nói cách

mười khuỷu tay, Đại Mục-kiền-liên ở thế giới kia nghe tiếng của Phật cũng lại như vậy, tiếng ấy bình đẳng không có tăng giảm. Thân của Đức Phật Quang Minh Vương Như Lai cao một trăm do-tuần, thân của các Bồ-tát cao năm mươi do-tuần. Lúc đó Đại Mục-kiền-liên tự dùng thần lực đi vòng trên bình bát mà các chúng Bồ-tát kia đang dùng. Các chúng Bồ-tát thấy hình tướng của Mục-kiền-liên như vậy liền chê cười bạch với Đức Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn có một con trùng nhỏ hình tướng của nó sao rất giống Sa-môn, đang đi vòng quanh trên bát.

Đức Phật Quang Minh Vương bảo:

– Này các thiện nam! Các ông chớ sinh tâm khinh mạn. Vì sao? Vì người đang đi trên bình bát này chính là đệ tử bậc nhất trong hàng Thanh văn của Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni Như Lai và cũng là người thần thông bậc nhất trong chúng đại Thanh văn.

Lúc đó Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đến trước Phật Quang Minh Vương Như Lai đảnh lễ sát chân, nhiễu quanh bên phải bảy vòng rồi đứng trước Phật. Đức Phật Quang Minh Vương bảo:

– Này Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Các Bồ-tát ở đây khinh ông đó, vậy nay ông hãy nương vào sự gia trì của Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, mà tự dùng thần lực hiện thần thông biến hóa.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thưa rằng:

– Nay con vâng lời Phật dạy.

Nói xong, Tôn giả liền ngồi kiết già, ở nơi bảo châu này biến hóa các việc.

Đức Phật ấy bảo:

– Nay đã đúng lúc.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền bay lên hư không cao bằng bảy ức cây Đa-la, biến hóa các việc, ở ngang chỗ ngồi hiện ra trăm ngàn ức chân châu, anh lạc trang nghiêm khắp tất cả. Các thứ anh lạc ấy phát ra trăm ngàn ức tia sáng, mỗi mỗi tia sáng đều có hoa sen, trên các đài hoa sen đều có tượng của Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni ngồi; tượng Như Lai ấy tuyên nói chánh pháp âm thanh thanh tịnh. Đại Mục-kiền-liên bạch với Đức Phật Quang Minh Vương rằng:

– Thưa Thế Tôn! Nay con ngồi kiết già, ở tất cả thế giới trong bốn đại châu này, cũng có thể khởi các thần thông biến hóa, cho đến tiểu thiên

thế giới, trung thiên thế giới, tam thiên đại thiên thế giới này đều có thể khởi thần thông biến hóa.

Đức Phật Quang Minh Vương bảo:

– Nay đã đúng lúc.

Khi ấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ứng hiện thần thông biến hóa rồi thâu nhiếp thần lực trở lại đứng trước Phật. Lúc đó các Bồ-tát ấy đều sinh tâm hy hữu, đến trước Phật bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nay Tôn giả Đại Mục-kiền-liên này vì lý do gì mà đến thế giới này.

Đức Phật ấy đáp:

– Này các thiện nam! Đại Mục-kiền-liên này vì muốn thử xem mức độ âm thanh của Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni Như Lai nên mới đến thế giới này.

Thế Tôn Quang Minh Vương Như Lai bảo Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

– Từ nay trở đi, ông chớ có khởi tâm muốn thử xem mức độ âm thanh của Như Lai. Vì âm thanh thanh tịnh của Như Lai không có ngằn mé, không có mức độ. Giả sử có người dùng oai thế thần lực bay qua phía Tây hằng hà sa số kiếp, rốt cuộc rồi cũng không thể biết được ngằn mé âm thanh diệu luân của Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni Như Lai. Vì âm thanh diệu luân của Như Lai không có ngằn mé.

❑

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA BÍ MẬT CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI

QUYỂN 8

Phẩm 8: MẬT THÂN CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI (Phần 2)

Khi ấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên lễ sát chân Phật Quang Minh Vương rồi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Nay con xin sám hối tội, nay con xin sám hối tội, con muốn thử xem âm thanh vô lượng thanh tịnh diệu luân của Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai thật là tội nặng. Lại nữa, Thưa Thế Tôn! Con đến đây đã cách bao xa?

Đức Phật Quang Minh Vương đáp:

– Này Đại Mục-kiền-liên! Ông đã vượt qua chín mươi chín hằng hà sa số các thế giới rồi mới đến cõi này.

Đại Mục-kiền-liên thưa:

– Con từ đó đến đây thật xa, thân sức đã mệt mỏi, không thể trở về cõi Ta-bà được nữa rồi!

Đức Phật Quang Minh Vương bảo:

– Này Đại Mục-kiền-liên! Ý ông nghĩ sao? Ông chớ có khởi lên sự nhận thức rằng ông đã tự dùng thần lực để đến cõi này. Vì sao? Vì nhờ vào lực gia trì của Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai nên ông mới đến được đây. Nay ông muốn trở về cõi Ta-bà thì nên hướng về cõi ấy chí thành đảnh lễ Đức Thích-ca Như Lai.

Này Đại Mục-kiền-liên! Nay ông nên biết! Nếu ông tự dùng thần lực để trở về cõi Ta-bà, thì dù có trải qua một kiếp cũng không thể đến, hoặc trong khoảng thời gian chưa đến đó, ta e rằng ông đã vào Niết-bàn rồi.

Này Đại Mục-kiền-liên! Nay ông đến đây trong bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc, vậy đây là phương nào?

Đại Mục-kiền-liên thưa:

– Tâm con mê muội, không biết hiện nay đang ở tại phương nào?

Đức Phật Quang Minh Vương nói:

– Vì lẽ đó, cho nên ông nay nên biết nếu ông tự dùng thần lực trải qua một kiếp, cuối cùng rồi cũng không thể đến cõi Ta-bà.

Đại Mục-kiền-liên thưa:

– Nay Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni đang ở tại phương nào?

Đức Phật Quang Minh Vương đáp:

– Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni đang ở tại phương Đông.

Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền hướng về phương Đông đảnh lễ năm vóc sát đất, chí thành đảnh lễ Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni Như Lai mà nói kệ rằng:

Lưỡng Túc Thế Tôn nhiếp thọ con
Trời, người cúng dường đại oai đức
Trí tuệ vô biên, tiếng vô biên
Con nay muốn trở về cõi ấy.

Này Tịch Tuệ! Lúc đó tất cả chúng hội tại núi Thứu phong, thành Vương xá nhờ sức oai thần của Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai, nên đều nghe tiếng than khóc của Tôn giả Đại Mục-kiền-liên.

Khi ấy Tôn giả A-nan đến trước Phật thưa:

– Bạch Thế Tôn! Tiếng đang khóc đó là tiếng của ai?

Đức Phật bảo A-nan:

– Đó là tiếng của Tỳ-kheo Mục-kiền-liên đã đến phương Tây cách thế giới này hơn chín mươi chín hằng hà sa số cõi Phật, đến thế giới Quang minh tràng, Thế Tôn cõi ấy hiệu là Quang Minh Vương Như Lai. Hiện nay Mục-kiền-liên đang ở cõi ấy muốn trở về cõi Ta-bà này, do vậy mà có tiếng khóc đó.

A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Vì lý do gì mà Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đến thế giới ấy?

Phật đáp:

– Đại Mục-kiền-liên sắp trở về cõi này, việc ấy rồi ông sẽ tự biết.

Khi ấy, tất cả chúng hội trên núi Thứu phong đều chắp tay cung kính bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con muốn thấy thế giới Quang minh tràng, chiêm ngưỡng Thế Tôn Quang Minh Vương Như Lai và muốn thấy chúng Bồ-tát ở cõi ấy, cùng Tôn giả Đại Mục-kiền-liên.

Đức Thế Tôn nhận lời khuyến thỉnh rồi, tức thời giữa chặng mày phát ra ánh sáng lớn tên Nhất thiết xứ thông đạt. Ánh sáng ấy chiếu khắp chín mươi chín hằng hà sa số cõi Phật, liên tục không gián đoạn và chiếu sáng cả thế giới Quang minh tràng. Lúc đó tất cả đại chúng trong hội đều thấy thế giới Quang minh tràng, chiêm ngưỡng Thế Tôn Quang Minh Vương Như Lai và thấy các Bồ-tát cùng Đại Mục-kiền-liên than khóc năm vóc gieo sát đất hướng đến Phật đảnh lễ.

Lúc đó, Đức Thế Tôn Thích-ca Như Lai bảo Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

– Nay ông nên theo ánh sáng của ta mà trở về cõi này.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nương vào ánh sáng của Phật Thế Tôn trong khoảng một niệm liền trở về cõi Ta-bà, đứng phía trước hướng lên Phật đảnh lễ sát chân và nhiễu quanh bên phải bảy vòng, lại một lần nữa chí thành gieo năm vóc sát đất thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con nay xin sám hối tội, con nay xin sám hối tội! Con đã muốn thử xem âm thanh vô lượng thanh tịnh diệu luân của Thế Tôn, thật là tội nặng. Con đã đến thế giới xa khác để nghe tiếng của Phật, khi con đến cõi kia rồi nghe tiếng Phật cùng với cái nghe ở đây không khác.

Đức Phật bảo Mục-kiền-liên:

– Theo như lời ông nói, âm thanh của Như Lai không có hạn lượng, cũng như hư không không có hạn lượng, không có ngằn mé, không thể lường được. Nếu hư không kia có thể lường được thì âm thanh của Như Lai cũng có thể lường được. Vì sao? Vì hư không rộng lớn. Âm thanh của Đức Như Lai cũng rộng lớn như vậy.

Khi xưa, ở thành Vương xá nói về việc đi về của Tôn giả Đại Mục-kiền-liên có mười ngàn người phát tâm đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột.

Bồ-tát Kim Cang Thủ bảo Bồ-tát Tịch Tuệ:

– Này Tịch Tuệ! Đây là mật ngữ của Như Lai.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Sáu mươi tư là tất cả tâm, tâm sở của chúng sinh chuyển, mà một tâm của một chúng sinh lại nhiều hơn kia.

Bồ-tát Tịch Tuệ hỏi:

– Thưa Đại bí mật chủ! Nếu tâm, tâm sở của một chúng sinh chuyển, giả sử tất cả chúng sinh khắp cả tam thiên đại thiên thế giới đều chứng Duyên giác trải qua một kiếp để suy nghĩ tính đếm, so lường, tìm xét còn không được thay, huống nữa là tìm tất cả chúng sinh.

Bồ-tát Kim Cang Thủ nói:

– Tịch Tuệ! Ta nay bảo ông, để ông hiểu rõ là tâm, tâm sở của tất cả chúng sinh chuyển tức là âm thanh diệu luân của Như Lai phát ra các âm thanh để tuyên nói chánh pháp, khiến cho các chúng sinh đều hoan hỷ, nhưng Phật Thế Tôn thường trụ xả, không phân biệt.

Lúc đó Bồ-tát Kim Cang Thủ nói kệ rằng:

Chúng sinh trong ba ngàn thế giới
Tất cả đều chứng quả Duyên giác
Trải qua một kiếp để so lường
Cũng không hiểu tâm một chúng sinh.
Một chúng sinh trong thế gian này
Chỉ Phật mới hiểu tâm ý ấy
Tuy đã biết rõ tâm chúng sinh
Nhưng Phật không tìm hiểu phân biệt,
Cho đến tất cả loại chúng sinh
Suy nghĩ nói chung có ba thứ
Thế Tôn tùy loại mà đáp ứng
Tuyên nói chánh pháp tiếng vi diệu.
Trong pháp tự tại diễn diệu âm
Tất cả người nghe đều vui thích
Tùy chỗ tuyên nói gọi tướng sinh
Dùng các pháp gọi khéo khai thị,
Hễ có tất cả loại chúng sinh
Sắc tướng, danh tự và tư duy
Một lỗ chân lông phóng hào quang
Như Lai tùy ứng khéo phân biệt.
Nơi mà Thế Tôn đại Từ hóa
Tất cả chân lông phóng ánh sáng
Ánh sáng siêu xuất hơn thế gian
Trong âm thanh luân nói diệu pháp.
Giả sử Thế Tôn trải một kiếp
Dùng các thí dụ khéo tuyên bày
Nhưng Phật ngữ và âm thanh luân
Rốt cuộc không biết được ngằn mé.
Tất cả phiền não không sắc tướng
Tất cả lời nói cũng không tướng
Bởi do lời nói kia không tướng
Phiền não không tướng tự tiêu diệt,
Thế nên ngôn ngữ các sắc tướng

Dù ở tại đâu cũng không được
Do vậy rốt cuộc không thể được
Phiền não sắc tướng cũng như trên.
Bởi do ngôn ngữ là không thật
Lời nói không trong cũng không ngoài
Phiền não không thật cũng như vậy
Tánh nhiễm chẳng trong cũng chẳng ngoài,
Dùng một ít pháp không thể được
Lời Phật nói ra khắp mười phương
Phiền não không được cũng như thế
Vì thế Đức Phật đã nói rõ.
Tất cả lời nói của chúng sinh
Phân chia ba bậc thượng, trung, hạ
Ngữ ngôn không thân cũng không tâm
Trong đó không trụ, chẳng không trụ,
Ví như mượn pháp tạo nhạc cụ
Gió thổi kích vào các tiếng vang
Âm thanh phát ra không từ đâu
Trong đó không có người tạo tác,
Bởi do tánh thiện nơi đời trước
Tất cả chúng sinh gió ý thổi
Nên Phật Thế Tôn nói diệu âm
Nhưng Ngài không có phân biệt tưởng.
Ví như tiếng vang vọng trở lại
Âm thanh không trong cũng không ngoài
Thế Tôn nói ra tiếng vi diệu
Không trong, không ngoài cũng như thế.
Lại như châu báu không phân biệt
Khiến các chúng sinh sinh vui thích
Phật không phân biệt cũng như vậy
Tất cả âm thanh đều viên mãn.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Ngữ bí mật trí của Như Lai hòa nhập vào tất cả chúng sinh tuyên nói các pháp. Tùy theo mỗi chỗ sinh của tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới, Như Lai tùy theo tất cả ngôn ngữ âm thanh của các chúng sinh mà hòa nhập, dùng mỗi mỗi danh tự mà an lập Tứ đế. Này Tịch Tuệ! Đức Như Lai dạy về khổ, về nguyên nhân của khổ, về cái khổ đã được diệt, về con đường dẫn đến khổ diệt ấy. Đối với chư Thiên Địa cư, Như Lai nói như vầy: "Kha phệ, kha phược mâu lê, khâu

phược na duệ, kha phược độ lỗ". Lời nói này tức là khổ, là nguyên nhân của khổ, là cái khổ đã diệt, là con đường dẫn đến khổ diệt.

Đối với chư Thiên Không cư, thì nói như vầy: "Đa rị đế, a phược rị đế, a phược rị đa vĩ nga di, a phược rị đa nĩ tát đa la ni". Lời nói này tức là khổ, là nguyên nhân của khổ, là cái khổ đã diệt, là con đường dẫn đến khổ diệt.

Đối với Tứ đại Thiên vương, nói như vầy: "Y ni, di ni, nại bì, nại la bì". Lời nói này tức là khổ, là nguyên nhân của khổ, là cái khổ đã diệt, là con đường dẫn đến khổ diệt.

Với chúng trời Đao-lợi nói như vầy: "A phược rị đa nĩ, a tây phược đế, xoa dã phược đế, xoa dã nậu nga di". Lời nói này tức là khổ, là nguyên nhân của khổ, là cái khổ đã diệt, là con đường dẫn đến khổ diệt.

Với chúng trời Dạ-ma nói như vầy: "Thâu lê, thâu la tây phược nĩ, thâu la xoa duệ, thâu la xoa dã bà phược nĩ". Lời nói này tức là khổ, là nguyên nhân của khổ, là cái khổ đã diệt, là con đường dẫn đến khổ diệt.

Với chúng trời Đâu-suất nói như vầy: "Ô kha lê, mục kha lê, vĩ phược nỗ, tán tả rị". Lời nói này tức là khổ, là nguyên nhân của khổ, là cái khổ đã diệt, là con đường dẫn đến khổ diệt.

Với chúng trời Hóa lạc nói như vầy: "Đa la đa, tán đa la đa, đa la xoa dã đa la mục kha". Lời nói này tức là khổ, là nguyên nhân của khổ, là cái khổ đã diệt, là con đường dẫn đến khổ diệt.

Với chúng trời Tha hóa tự tại nói như vầy: "Ha ha hô, ha ha vĩ na duệ, ha ha vĩ nga di, kha la nĩ nga di". Lời nói này tức là khổ, là nguyên nhân của khổ, là cái khổ đã diệt, là con đường dẫn đến khổ diệt.

Với chúng Thiên ma nói như vầy: "Áng nga lãm, áng nga la mẫu lam, áng nga la bá độ tang, áng nga la nĩ, tất đế la hát". Lời nói này tức là khổ, là nguyên nhân của khổ, là cái khổ đã diệt, là con đường dẫn đến khổ diệt.

Với Phạm chúng thiên nói như vầy: "Thuật tỳ, thuật tỳ cát rị, thuật tỳ vĩ xá na, thuật bà phược rị đa na". Lời nói này tức là khổ, là nguyên nhân của khổ, là cái khổ đã diệt, là con đường dẫn đến khổ diệt.

Với Phạm phụ thiên nói như vầy: "Di ha rị, tăng ha rị, sa la rị, sa la sa la ni". Lời nói này tức là khổ, là nguyên nhân của khổ, là cái khổ đã diệt, là con đường dẫn đến khổ diệt.

Với Phạm hội thiên nói như vầy: "Một la noa, một la noa tán đề, một la noa, một lỗ ha noa một lỗ ha nỗ ba xá ma". Lời nói này tức là khổ, là nguyên nhân của khổ, là cái khổ đã diệt, là con đường dẫn đến khổ diệt.

Với Đại phạm thiên nói như vầy: "Đa la nột rị, đa la tả câu rị, đa tát bộ rị, câu la phược ha nĩ". Lời nói này tức là khổ, là nguyên nhân của khổ, là cái khổ đã diệt, là con đường dẫn đến khổ diệt.

Với Thiểu quang thiên nói như vầy: "Hý hý, hộ hý, hô hộ, ha la nô tán đề". Lời nói này tức là khổ, là nguyên nhân của khổ, là cái khổ đã diệt, là con đường dẫn đến khổ diệt.

(Đoạn kế tiếp gồm có Vô lượng quang thiên, Quang âm thiên nói Tứ đế, bản tiếng Phạm vốn thiếu).

Với Thiểu tịnh thiên nói như vầy: "Ô hý đa, nĩ phược hý đa, nỉ nga sất đa, nĩ nga ma nĩ". Lời nói này tức là khổ, là nguyên nhân của khổ, là cái khổ đã diệt, là con đường dẫn đến khổ diệt.

Với Vô lượng tịnh thiên nói như vầy: "Tây phược nĩ, tán tây phược nĩ, sát dã tây phược nĩ, a tây phược nĩ". Lời nói này tức là khổ, là nguyên nhân của khổ, là cái khổ đã diệt, là con đường dẫn đến khổ diệt.

Với Biến tịnh thiên nói như vầy: "Ba rị thế nĩ, ba rị thế nõ nại duệ, a phược na câu lê, bồ đà vĩ thuật đề". Lời nói này tức là khổ, là nguyên nhân của khổ, là cái khổ đã diệt, là con đường dẫn đến khổ diệt.

Với Quảng quả thiên nói như vầy: "A ngật rị đa, a ca la ni, a la noa vĩ nga đế, ca la noa nĩ sắt sĩ". Lời nói này tức là khổ, là nguyên nhân của khổ, là cái khổ đã diệt, là con đường dẫn đến khổ diệt.

(Ở chín cõi trời trong đệ Tứ thiền cùng có Vô vân, Phước sinh, Vô tưởng, ba cõi trời đó trong bản văn Phạm còn thiếu).

Với Vô phiền thiên nói như vầy: "A nậu nga ma na, a na nga ma na, a nậu tán đề, a nậu tán đề nga ma na". Lời nói này tức là khổ, là nguyên nhân của khổ, là cái khổ đã diệt, là con đường dẫn đến khổ diệt.

Với Vô nhiệt thiên nói như vầy: "Thuật đề, thuật đà phược đế, thuật đà ba rị thuật đà, đà đà nga ma nỉ". Lời nói này tức là khổ, là nguyên nhân của khổ, là cái khổ đã diệt, là con đường dẫn đến khổ diệt.

Với Thiện kiến thiên nói như vầy: "Hàm ma na, hàm ma di, ma na nậu nga ma dã, ma na nậu nga ma". Lời nói này tức là khổ, là nguyên nhân của khổ, là cái khổ đã diệt, là con đường dẫn đến khổ diệt.

Với Thiện hiện thiên nói như vầy: "Mục ngật để, mục ngật đa phược để, mục ngật đa mẫu lê, mục ngật đa ma đa nậu tán đề". Lời nói này tức là khổ, là nguyên nhân của khổ, là cái khổ đã diệt, là con đường dẫn đến khổ diệt.

Với Sắc cứu cánh thiên nói như vầy: "Nĩ sắt sỉ, a điên đa nĩ sắt sỉ, a

yết lạp ba nĩ, a bát la để tán đề".

Tịch Tuệ nên biết! Các cõi trời như thế mỗi mỗi đều tùy theo ngôn ngữ của từng cõi mà được an lập Tứ đế; cùng với chúng Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già và chúng Kiên thân Dạ-xoa, chúng Trì man Dạ-xoa v.v... mỗi chúng đều tùy theo ngôn ngữ của mình mà được an lập Tứ đế.

Này Tịch Tuệ! Các quốc độ trong châu Diêm-phù-đề này lược nói gồm một ngàn quốc độ, cho đến tất cả dân chúng trong mười sáu nước lớn, tùy theo mỗi địa phương, mỗi mỗi ngôn ngữ, mỗi mỗi âm thanh, mỗi mỗi tâm tưởng, Đức Như Lai đều hòa nhập vào tất cả ngôn ngữ âm thanh đó mà lập ra danh tự diễn nói Tứ đế khiến cho họ hiểu rõ. Từ người nước Thi-ca cho đến người ở tận biên giới, như vậy trong Diêm-phù-đề gồm một ngàn quốc độ, tất cả dân chúng đủ loại ngôn ngữ, đủ loại âm thanh, đủ loại tâm tưởng, cũng lập ra danh tự để nói Tứ đế. Như Lai tùy đó mà hòa nhập vào tất cả ngôn ngữ âm thanh, thảy đều hiểu rõ. Như vậy không phải tâm thức ngôn ngữ của Như Lai trải đều ra cả. Tịch Tuệ! Trong tiểu thiên thế giới này có chín mươi bốn ức triệu trăm ngàn thứ ngôn ngữ danh tự, tất cả đều nói Tứ đế, thâu nhiếp tất cả âm thanh nói ra đều cùng quy về một nghĩa Tứ đế. Đó là Thắng nghĩa đế, là Vô sinh đế, là Như thật đế, là Bất động đế. Tịch Tuệ! đây là mật ngữ của Như Lai.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Lời nói của Như Lai có thể đoạn trừ tất cả nghi hoặc, không quyết định của chúng sinh, bao nhiếp tất cả chúng sinh trong mười phương vô lượng a-tăng-kỳ thế giới, dùng Phật trí biết được chúng sinh giới nhiều hơn địa giới. Tịch Tuệ! Muốn khiến cho tất cả chúng sinh đều được trí tuệ đầy đủ, ngang bằng với Tôn giả Xá-lợi Tử không khác. Vì lý do đó cho nên tất cả chúng sinh mỗi mỗi đều dùng trí tuệ như Xá-lợi Tử, đem việc nghi hoặc trong một kiếp, hoặc hơn một kiếp ra để cùng hỏi nhau suy nghĩ tính đếm, dò xét, như một chúng sinh lại hơn một. Từ đó các chúng sinh này mới đem việc nghi ngờ cùng suy nghĩ với nhau rồi đem hỏi Thế Tôn, chỉ trong một khảy móng tay Đức Thế Tôn đều trả lời hết cả. Thế nên Đức Thế Tôn hiểu rõ tâm niệm khởi lên của một chúng sinh mà rộng nhiếp tất cả chúng sinh. Đức Thế Tôn chỉ dùng một âm thanh tuyên nói cho các chúng sinh, khiến chúng đoạn trừ các lưới nghi, khiến họ đã đoạn nghi hoặc, đều sinh hoan hỷ.

Này Tịch Tuệ! Đấy là ngôn ngữ của Như Lai có khả năng đoạn trừ tất cả nghi hoặc, không dứt khoát của chúng sinh, nhưng tâm và ngôn ngữ

của Như Lai không có lay động, tất cả đều như thật mà nói.

Tịch Tuệ nên biết! Những lời như vậy đều là lời hy hữu bí mật của Như Lai. Đó gọi là ngữ nghiệp thanh tịnh.

Khi Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ nói bí mật ngữ của Như Lai, trong hội có ba vạn hai ngàn chúng sinh phát tâm đạt đến quả vị Giác ngộ cao tột. Các Bồ-tát ở hiền kiếp trong mười phương tất cả cõi Phật, đều tu hành phạm hạnh. ở cõi Phật ấy các Bồ-tát đều cúng dường Phật và Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ, rủ các bảo cái, rải các hoa đẹp, hoa cúng dường đó xoay tròn trong hội rồi tung ra trên thân Phật và Bồ-tát Kim Cang Thủ, rồi mới tung ra khắp tất cả chúng hội. Bảo cái ấy xoay tròn trên không rồi trụ che trên đảnh Phật. Các bảo cái này phát ra tiếng vi diệu như vầy: "Trong hiền kiếp, Bồ-tát chúng con đem bảo cái này dâng cúng Thế Tôn và Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ, cúi xin nạp thọ. Nơi nào mà Đức Như Lai hướng đến tuyên nói pháp chưa từng có, tất cả chúng hội nghe rồi tâm hy hữu càng thêm tăng".

Nói rồi tất cả đều hướng đến Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ chí thành đảnh lễ, sinh ý tưởng tôn trọng tối thượng, tất cả đều nói lên như vầy: "Thưa Đại bí mật chủ, hôm nay chúng tôi quyết chắc được thiện lợi, được nghe Bồ-tát Kim Cang Thủ tuyên nói pháp mật ngữ chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai. Nếu các chúng sinh nghe rồi tin hiểu không còn nghi ngờ, thì các chúng sinh ấy sẽ được thân người, không luống uổng công và được Như Lai hóa độ, không còn thoái chuyển nơi quả vị Giác ngộ cao tột".

❑

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA BÍ MẬT CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI

QUYỂN 9

Phẩm 8: MẬT THÂN CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI (Phần 3)

Khi ấy Đức Thế Tôn khen tất cả chúng hội:

– Hay thay, hay thay!

Rồi lại bảo Bồ-tát Tịch Tuệ:

– Tịch Tuệ nên biết! Lý chân thật của Như Lai, chánh pháp của Như Lai và sự hành hóa của Như Lai tất cả thế gian thật khó tin hiểu. Nhưng chánh pháp này Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ có thể khéo tuyên thuyết. Không bao lâu nữa, nếu các chúng sinh được đầy đủ pháp này thì chánh pháp được tuyên thuyết. Chúng sinh nghe rồi sinh lòng tin hiểu, sinh tin hiểu rồi thọ trì không có kinh sợ và hiểu được nghĩa thú, rõ tánh chân thật, người ấy sẽ được thọ ký quả vị Giác ngộ cao tột.

Lúc Phật Như Lai khen ngợi Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ khéo nói chánh pháp, mười phương vô lượng a-tăng-kỳ thế giới sáu điệu chấn động. Lại có ánh sáng lớn chiếu sáng khắp cả, trên hư không tự nhiên mưa xuống các hoa đẹp, trống kèn ca hát tất cả đều trỗi lên, có vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ-đề, vô lượng Bồ-tát được Nhẫn tùy thuận, vô lượng Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn, vô lượng Bồ-tát căn lành được thành thục và được Nhất sinh bổ xứ. Đồng thời trong đại chúng hội, trước Phật Thế Tôn, đại thủy trong sáu vạn tám ngàn do-tuần địa giới bỗng nhiên vỡ ra, vọt lên như là ác xoa, tụ cao đến không trung, thấu tận Phạm giới. Lúc đó tất cả tam thiên đại thiên thế giới hương thơm ngát cả.

Khi ấy Phật bảo Đại Bồ-tát Tịch Tuệ:

– Này Tịch Tuệ! Ông có thấy nước vọt lên đó không?

Bồ-tát Tịch Tuệ thưa:

– Có thấy, thưa Thế Tôn! Vậy đó là tướng gì?

Phật bảo Tịch Tuệ:

– Nay đại địa bỗng nhiên nứt ra, nước vọt lên đó không phải là điều để suy nghĩ. Nếu có người nào thọ trì chánh pháp này, các chúng sinh kia cũng như vậy, đối với chánh pháp hiểu lý như thật bỗng nhiên khai ngộ, tất cả vô minh kiến v.v... các tội nghiệp của các chúng sinh đều bừng sáng. Pháp quang vô tận tuệ biện tài thù thắng, giáo lý đã nói ra thảy đều xuất hiện. Đó chính là Bồ-tát Kim Cang Thủ vì các chúng sinh mà tuyên nói chánh pháp, khiến cho các chúng sinh sinh tâm hoan hỷ.

Tịch Tuệ nên biết! Chánh pháp này đều là tướng bất cộng thù thắng của Như Lai.

□

Phẩm 9: MẬT THÂN CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI

Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ lại bảo Bồ-tát Tịch Tuệ:

– Sao gọi là mật tâm nghiệp tâm thanh tịnh của Như Lai?

Này Tịch Tuệ! Ví như chúng sinh ở cõi trời Vô sắc sinh ra, đồng lấy một thức làm đối tượng để duyên, sống đến tám vạn bốn ngàn kiếp. Thức ấy cũng không phải tùy theo các thức khác mà chuyển, thọ mạng hết rồi tùy nghiệp thành thục, tùy chỗ mà thọ sinh. Như Lai cũng lại như vậy, vì không trụ thức nên trong đêm Bồ-tát thành tựu quả vị Giác ngộ cao tột và trong đêm Như Lai vào đại Niết-bàn Vô dư y, trong khoảng thời gian đó Đức Phật Như Lai không có tâm chuyển, không có tâm tứ sát, không có tâm không tứ sát, không có tâm tri giải, không có tâm tư niệm, không có tâm hạn lượng, không có tâm tích tập, không có tâm ly tán, không có tâm động loạn, không có tâm cao, không có tâm thấp, không có tâm phòng vệ, không có tâm thú hướng, không có tâm dữ tợn, không có tâm quán sát kỹ, không có tâm não hại, không có tâm lưu đãng, không có tâm tịch định, không có tâm vui thích, không có tâm bức não, không có tâm an xứ, không có tâm biến hành, không có tâm phân biệt, không có tâm sai khác, không có tâm biến kế, không có tâm trụ trong Chỉ, không có tâm trụ trong Quán, không có tâm chạy theo thức, không tự tâm kiến lập, không quán sát tha tâm, không có tâm nương vào mắt; không có tâm nương vào tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không có tâm nương vào sắc, không có tâm nương vào thanh, hương, vị, xúc, pháp, không có tâm trụ vào đối tượng để duyên, không có tâm trụ vào ý xứ, không có tâm trụ nội xứ, không có tâm trụ ngoại xứ,

không có tâm nương vào pháp hành, không có tâm nương vào trí hành, không có tâm quán sát các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại.

Này Tịch Tuệ! Đó là tâm nghiệp thanh tịnh của Như Lai. Tâm của Như Lai không nắm bắt một pháp nào, đối với các pháp Như Lai chỉ dùng tri kiến không chấp trước, không ngăn ngại mà chuyển. Tự tâm của Như Lai đã thanh tịnh, đối với các chúng sinh tâm không thanh tịnh, cũng lại không chấp kiến; không bị hữu kiến và vô kiến làm cho phân biệt. Tuy có thấy, nhưng không có hý luận về cái thấy và cái không thấy. Đây gọi là thấy được trí Như Lai, cái thấy này không tương ưng với cái thấy của Nhục nhãn, không tương ưng với cái thấy của Thiên nhãn, không tương ưng với cái thấy của Tuệ nhãn, không tương ưng với cái thấy của Pháp nhãn, không tương ưng với cái thấy của Phật nhãn, không tương ưng với cái nghe của Thiên nhĩ, không tương ưng với cái biết của Tha tâm trí, không tương ưng với suy nghĩ của Túc trụ tùy niệm trí, không tương ưng với kết quả của thần thông trí, không tương ưng với trí hữu lậu. Đối với tất cả pháp ấy có thể tương ưng là tri của tất cả pháp vô ngại, nhưng Phật Như Lai không có gia hạnh, cũng không tìm hiểu, không tác ý, khéo trụ vào trí sáng của Như Lai mà quán sát tâm hạnh của tất cả chúng sinh, biết rõ tất cả pháp hoặc nhiễm hoặc tịnh. Đức Như Lai có mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Phật bất cộng, không bao giờ rời bỏ trí Như Lai, nhưng Phật Như Lai đối với pháp này không có gia hạnh, không tìm hiểu, cũng không tác ý. Như Lai lìa tâm, ý, thức, thường trụ trong chánh định, nhưng không bỏ tất cả Phật sự, ở trong trí vô ngại đối với tất cả pháp Phật không có chấp trước.

Này Tịch Tuệ! Ví như tượng Như Lai được Như Lai hóa ra, tượng được hóa ra đó không có tâm, ý, thức, không bị thân hành, ngữ hành, ý hành chuyển, nhưng nhờ sức gia trì của Phật nên có thể làm tất cả Phật sự. Đức Như Lai cũng như vậy, cùng với các hóa tượng không khác, do thấy tất cả pháp đều như biến hóa, cho nên không có phân biệt, không khởi phát thân, ngữ, tâm mà lại có thể làm tất cả Phật sự, nhưng không có gia hạnh, không có tìm hiểu, lại không tác ý. Vì sao? Vì Đức Như Lai đã biết rõ tự tánh của tất cả pháp tướng như hóa. Thế nên Như Lai tự giác ngộ rồi, vì thương xót nên bày phương tiện giác ngộ cho tất cả chúng sinh.

Tịch Tuệ nên biết! Trí của Như Lai không trụ hữu vi, không trụ vô vi, không trụ uẩn, xứ, giới; không trụ trong, không trụ ngoài, không trụ thiện pháp, không trụ bất thiện pháp, không trụ vào thế gian, không trụ vào xuất thế gian, không trụ vào có tội, không trụ vào vô tội, không trụ hữu lậu, không trụ vô lậu, không trụ quá khứ, không trụ vị lai, không trụ hiện tại,

không trụ trạch diệt, không trụ phi trạch diệt. Như vậy cho đến không trụ vào thức. Như Lai đối với tâm hạnh ý vui của tất cả chúng sinh, chỉ dùng tri kiến không chấp trước, không ngăn ngại mà chuyển. Tuy nhiên Như Lai không gia hạnh không tìm hiểu cũng không tác ý.

Tịch Tuệ! Đây là mật tâm chẳng nghĩ bàn của Như Lai. Vì thế nên biết, Như Lai thường trụ chánh định, nhưng không lìa bỏ, mà biểu hiện trọn vẹn tâm ý của tất cả chúng sinh.

□

Phẩm 10: TÁN THÁN CÔNG ĐỨC CỦA BỒ-TÁT KIM CANG THỦ ĐẠI BÍ MẬT CHỦ

Khi ấy Tôn giả Xá-lợi Tử đến trước Phật thưa:

– Bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát trong hiền kiếp ở mười phương thế giới hiện đang tu phạm hạnh ở chỗ Thế Tôn, trong số Bồ-tát này Bồ-tát Kim Cang Thủ thường theo sau Bồ-tát nào?

Đức Phật bảo:

– Này Xá-lợi Tử! Thôi, thôi, đấy là hạnh chẳng nghĩ bàn. Trời, người ở thế gian đối với hạnh của Bồ-tát, những người không sinh lòng tin trở lại chấp giữ lấy sự mê loạn. Nếu có chúng sinh được Thiện tri thức nhiếp thọ và nghe được pháp này rồi sinh lòng tin thanh tịnh, thì không còn sinh kinh sợ nữa.

Xá-lợi Tử bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con đối với Như Lai sinh lòng tin thanh tịnh cực độ. Cúi xin Thế Tôn hãy vì con mà nói.

Phật bảo Xá-lợi Tử:

– Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ thường đi sau ta, ông có thấy không?

Xá-lợi Tử thưa:

– Con nhờ vào oai thần của Phật nên nay mới được thấy, chứ không phải tự có thể thấy biết từ trước.

Phật nói Xá-lợi Tử:

– Đúng vậy, đúng vậy! Nay ông nên biết! Với các Bồ-tát ở hiền kiếp

thì Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ thường theo sau, ở tất cả mọi nơi hiện ra hình tướng Bồ-tát Kim Cang Thủ. Đó là nhờ nguyện lực và thần thông lực từ quá khứ nên mới được như vậy.

Xá-lợi Tử, cho đến các loài chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới, Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ cũng hiện hình tướng của mình và thường theo sau, nhưng đối với sở hiện gia trì trí lực vẫn chưa được viên mãn.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Bồ-tát Kim Cang Thủ thường theo sau Bồ-tát Từ Thị, ông có thấy không?

Xá-lợi Tử thưa:

– Bạch Thế Tôn! Nay con mới thấy, chứ không phải đã thấy từ trước.

Phật bảo Xá-lợi Tử:

– Bồ-tát ấy thường theo sau, tự ông không thấy đó thôi. Hoặc các Bồ-tát, hoặc Pháp vương, Đế Thích, trời Hộ thế... ở thế giới khác thường đến thấy Bồ-tát Kim Cang Thủ cầm chày Kim cang theo sau Bồ-tát Từ Thị.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Một thời các Bồ-tát trong hiền kiếp vì Bồ-tát Từ Thị mà hiện trăm ngàn ức việc biến hóa. Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ cũng theo sau các Bồ-tát để hỗ trợ gia trì.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Cho đến khi Như Lai biến hóa, Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ cũng theo sau Phật, đem nguyện lực để hỗ trợ tuyên dương thánh hóa. Xá-lợi Tử, vì thế nên biết những việc như vậy đều là thần thông gia trì trí lực đầy đủ, không thể nghĩ bàn của Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ.

□

Phẩm 11: BỒ TÁT KHỔ HẠNH SIÊU XUẤT THÙ THẮNG, Mượn Duyên Thọ Thực Để Thành Thục Chúng Sinh

Khi ấy, Bồ-tát Tịch Tuệ thưa với Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ:

– Thưa Bí mật chủ! Xin Bồ-tát hoan hỷ nói về việc Bồ-tát tu khổ hạnh, đến Bồ-đề tràng hàng phục ma quân, chuyển chánh pháp luân, trang nghiêm cõi Phật v.v... Nay tôi rất muốn nghe, xin Bồ-tát hãy nói cho. Những việc hy hữu như vậy Bồ-tát hiện chứng biết.

Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ bảo Đại Bồ-tát Tịch Tuệ:

– Tịch Tuệ nên biết! Từ việc Bồ-tát tu khổ hạnh cho đến các việc khác đều có đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm. Giả sử như trọn cả một kiếp cũng không thể rộng nói phân biệt hết được. Ta nay sẽ vì ông mà lược nói.

Này Tịch Tuệ! Bồ-tát tu khổ hạnh không phải là một tướng. Bồ-tát chỉ vì hàng phục các ma và ngoại đạo, cho đến các tướng cấm giới, hoặc năm thứ lửa đốt thân và tất cả oai nghi khác đều là vì hàng phục chúng ma và ngoại đạo, khiến cho chúng được tối thắng tối thượng. Siêu xuất hơn thế nữa là tất cả cấm giới, sự tu hành, các việc khó làm, những việc ấy các hàng ngoại đạo không thể làm được nhưng Bồ-tát đều làm được, khiến cho chúng được thù thắng.

Tịch Tuệ! Hoặc có chúng sinh thấy Bồ-tát đứng co một chân, hoặc thấy Bồ-tát đưa cao hai tay, hoặc thấy Bồ-tát ngó thẳng vào mặt trời, hoặc thấy Bồ-tát để năm thứ lửa đốt thân, hoặc thấy Bồ-tát đi bằng khuỷu tay, hoặc thấy Bồ-tát đứng yên không lay động, hoặc thấy Bồ-tát đưa hai chân lên trời, hoặc thấy Bồ-tát chúi đầu xuống đất, hoặc thấy Bồ-tát nằm trên đống gai, hoặc thấy Bồ-tát nằm trên phân bò, hoặc thấy Bồ-tát ngồi kiết già trên đá, hoặc thấy Bồ-tát nằm trên bức tường, hoặc thấy Bồ-tát nằm trên quả gai, hoặc nằm trên đòn tay, hoặc nằm trên đất, hoặc nằm trên áo tơi, hoặc thấy mặc áo cỏ, hoặc mặc áo da nai, hoặc lấy áo trùm lên thân, hoặc lại lõa hình, hoặc xoay theo mặt trời, hoặc mặc áo bị quăng bỏ ngoài nghĩa địa, hoặc mặc áo da cây, hoặc ăn hạt cỏ dại, hoặc ăn rễ cây, hoặc ăn lá, hoặc ăn hoa, hoặc ăn quả, hoặc ăn cành, hoặc ăn nhánh, hoặc ăn ngó sen, hoặc sáu ngày không ăn, hoặc ăn đậu xấu, hoặc ăn lúa dé, hoặc ăn rơm khô, hoặc ăn đậu lộc, hoặc ăn đậu xanh, hoặc ăn lúa hoặc ăn dầu mè, hoặc ăn gạo, hoặc uống nước để sống, hoặc chỉ ăn váng sữa, hoặc uống mật hay uống sữa, hoặc nhịn mãi, hoặc ở trong chúng ma, hoặc ngồi một mình, hoặc đứng một bên.

Tịch Tuệ! Các việc oai nghi như vậy và vô lượng khổ hạnh khó làm khác, Bồ-tát vì hàng phục ngoại đạo nên đều có thể hiện tướng ác khổ đồng với ngoại đạo. Bồ-tát trải qua sáu năm khổ hạnh như vậy, nhưng chưa bao giờ hủy hoại một tướng oai nghi ấy, thị hiện tu hành đầy đủ cấm giới, tinh tấn trau dồi. Những việc mà Bồ-tát đã làm đều không thoái lui, kiên cố, tối thắng, tối thượng. Sáu năm như vậy hiện ra các tướng, ngoài ra không tin hiểu việc gì khác. Những người tu cấm giới ấy hoặc tu cấm giới khác thấy Bồ-tát tu hành cấm giới như vậy thảy đều hàng phục.

Tịch Tuệ! Dù ở bất cứ nơi nào, Bồ-tát hoặc làm hoặc hiện đều trụ

trong tâm xả, lìa các lỗi lầm.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Khi Bồ-tát tu khổ hạnh như vậy, có sáu mươi bốn triệu trời, người ở trong tam thừa, căn lành thành thục. Tịch Tuệ nên biết! Có các hàng trời, người tin hiểu đầy đủ, làm các thiện nghiệp. Hàng trời, người ấy thấy Bồ-tát ngồi an tường trong tòa lầu gác báu, nhập định A-hàn-pha-na-ca, thọ lạc trong định. Trọn sáu năm rồi Bồ-tát xả định. Trong các hàng trời, người, có người mong muốn pháp, có người chí tâm cầu pháp. Vì muốn thành thục họ, Bồ-tát tùy theo đó mà nói pháp thích ứng. Các hàng trời, người này thấy Bồ-tát và nghe thuyết pháp đều không có sai khác với việc làm. Tịch Tuệ nên biết! Đấy gọi là pháp môn đại trí tích tập đại Bi phương tiện hiểu rõ pháp lý thậm thâm không thể nghĩ bàn hàng phục tất cả tà ma ngoại đạo, nhập khổ hạnh trí thanh tịnh của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Trong sáu năm Bồ-tát thành tựu sự thích ứng như vậy, thị hiện những việc khó làm. Qua sáu năm rồi, Bồ-tát đến sông Ni-liên, tùy thuận theo thế gian xuống sông tắm rửa sạch sẽ, tắm rửa xong liền lên bờ. Lúc đó có một cô thôn nữ trong làng tên là Thiện Sinh, vắt sữa từ một trăm con bò nấu cháo, với lòng tin thanh tịnh bưng sữa đến chỗ của Bồ-tát dâng lên cúng dường. Đồng thời cũng có sáu mươi ức chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già... mỗi vị đều sửa soạn thức ăn ngon thượng diệu dâng lên Bồ-tát. Tất cả đều thưa như vầy:

– Cúi xin Đại sĩ nhận thức ăn của con!

Tịch Tuệ! Lúc đó Bồ-tát trước hết nhận cháo sữa của cô thôn nữ Thiện Sinh, rồi mới nhận hết tất cả thức ăn của sáu mươi ức Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà v.v... cúng, nhưng họ không thấy nhau, nên mỗi vị đều cho rằng Bồ-tát nhận thức ăn cúng dường của mình. Bồ-tát nhận rồi, sẽ chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Bồ-tát rộng vì bố thí cho các chúng sinh, thành thục pháp căn lành của quả vị Giác ngộ cao tột.

Tịch Tuệ! đấy là khổ hạnh siêu xuất thù thắng của Bồ-tát, là hạnh phương tiện thù thắng mượn duyên thọ thực để đem lại sự thành tựu cho chúng sinh.

❑

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA BÍ MẬT CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI

QUYỂN 10

Phẩm 12: BỒ-TÁT ĐẾN BỒ-ĐỀ TRÀNG

Khi ấy Bồ-tát tắm rửa xong, lại nhận thức ăn, thể lực được khỏe mạnh trở lại, liền đến đại Bồ-đề tràng. Đến nơi, Bồ-tát bảo Thiên tử Thiện Địa và các chúng Thiên tử Địa cư bằng kệ rằng:

Mặc cho đại địa không lay động
Bồ-tát lìa ái đoạn trừ hại
Nay ngồi dưới cây chứng Bồ-đề
Các ngươi hãy trang nghiêm đất ấy.
Lành thay! Địa cư thiên hoan hỷ
Khắp ba ngàn cõi đều thanh tịnh
Tung rải hoa thơm đẹp tối thượng
Rảy nước hương thơm đều trong lành
Tất cả Kiên thủ và Trì man
Từ trời Thường kiêu đến Không cư
Hoan hỷ chiêm ngưỡng Đấng Bồ-tát
Rải các hoa đẹp ra cúng dường
Bốn trời Hộ thế và chúng hội
Cho đến tất cả bốn đại châu
Khắp ba ngàn cõi lưới vàng ròng
Phủ lên cúng dường Bậc Tối Thắng
Chúa Đế Thích trong ba ngàn cõi
Cúng dường Bồ-tát đại oai đức
Trang nghiêm như cung trời Quảng thắng
Khắp ba ngàn cõi cũng như vậy
Thiên chúng Dạ-ma đều vui thích
Phủ lưới lưu ly để trang nghiêm
Khắp ba ngàn cõi trân báu lạ
Dâng lên cúng dường Bậc Trung Thiên

Chúng trời Đâu-suất đều vui thích
Trải lưới trân châu để trang nghiêm
Ngọc châu anh giống hình bán nguyệt
Lại rải trân châu xuống như mưa
Vua trời Hóa lạc và Thiên chúng
Vàng Diêm-phù-đàn làm lưới báu
Lưới vàng, chuông báu phát tiếng hay
Khắp ba ngàn cõi nghe đều vui
Trong các cõi đó có diệu bảo
Ánh sáng vô biên chiếu rạng ngời
Trời Tha hóa tự tại trang nghiêm
Cúng dường tất cả nghĩa vô úy
Lại có Rồng và Càn-thát-bà
Ma-hầu-la-già và Tu-la
Đều tự trang nghiêm cung điện mình
Và cũng trang nghiêm nơi Dục giới.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Lúc đó Đại phạm Thiên vương thấy Bồ-tát đến Bồ-đề tràng tối thắng rồi, liền bảo tất cả Phạm chúng Thiên tử:

– Này các nhân giả! Các vị có biết việc này không? Nay Đại Bồ-tát phát đại thệ nguyện, mặc giáp trụ rộng lớn, không bao giờ rời bỏ, lại đối với giáp trụ vững chắc ý không thoái chuyển, khéo thành tựu các hạnh Bồ-tát, tu các Ba-la-mật-đa, vượt qua bờ bên kia, được tự tại trong tất cả địa của Bồ-tát và có thể thanh tịnh tất cả ý vui của Bồ-tát, lại khéo thông đạt mỗi loại căn tánh của tất cả chúng sinh, thâm nhập phần vị bí mật của tất cả Như Lai, đã thoát khỏi các nghiệp ma, với tất cả căn lành đều không bị hoại tín, được kiến lập từ oai thần của chư Phật, rộng chỉ bày con đường giải thoát chân chánh cho tất cả chúng sinh, là bậc Đạo sư phá gãy tất cả cảnh giới của tà ma ngoại đạo. Bồ-tát là Bậc Dũng mãnh trong tam thiên đại thiên thế giới, là Bậc đại Y vương tích tập pháp dược, phủ lụa giải thoát, là Đấng đại Pháp vương phóng ánh sáng tuệ lớn, dựng cờ pháp lớn, tám pháp thế gian không thể làm nhiễm, sinh từ hoa sen chân thật thanh tịnh, đối với tất cả pháp Tổng trì không bao giờ quên, đại hải phát sinh lìa các tăng giảm, không lay không động như núi Tu-di, diệu thiện vô cấu, diệu thiện thanh tịnh, tự tịnh diệu tuệ, phát sinh từ đại ma-ni báu, được vô ngại trong tất cả pháp, sinh từ Đại phạm, tâm nghiệp thư thái, Bồ-tát có đầy đủ công đức như vậy. Nay Bồ-tát đến Bồ-đề đạo tràng, sắp chứng quả vị Giác ngộ cao tột, hàng phục quân ma, vì để viên mãn mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp bất cộng của Như Lai rộng vì tất cả chuyển đại pháp luân,

rống lên tiếng rống sư tử, rộng bố thí pháp cho tất cả chúng sinh, khiến các chúng sinh được Pháp nhãn thanh tịnh, đem chánh pháp để nhiếp phục các dị luận của ngoại đạo, vì muốn viên mãn thệ nguyện thuở xưa, vì muốn thân gần chư Phật Thế Tôn, ở trong các pháp được giàu có tự tại.

Này các nhân giả! Các vị nên phát tâm siêng năng dũng mãnh đến chỗ Bồ-tát thân gần cúng dường.

Lúc đó Đại phạm Thiên vương với tâm thanh tịnh lại nói với tất cả Phạm chúng Thiên tử:

– Này các nhân giả! Nay bậc Bồ-tát ấy đã ở trong trăm ngàn kiếp siêng tu cấm giới, là bậc Đại sĩ thanh tịnh tối thượng, nay đến Bồ-đề tràng sắp thành Chánh giác, các vị nên trang nghiêm đẹp đẽ khắp tất cả tam thiên đại thiên thế giới.

Đại phạm Thiên vương liền nói kệ rằng:

Bồ-tát thanh tịnh giới quyết định
Rộng làm lợi ích khắp trời, người
Trời, người cúng dường Thiên Trung Thiên
Đến Bồ-đề tràng đại tịch mặc
Hàng phục tất cả chúng ma quân
Nhất thiết trí, trí biết chân chánh
Tất cả pháp Phật đều viên minh
Chuyển chánh pháp luân làm lợi lạc
Đại trí rống lên tiếng sư tử
Tất cả chúng sinh nghe đều vui
Do đó khiến khai Pháp nhãn tịnh.
Nhân Trung Tôn đến cây Bồ-đề
Dị luận ngoại đạo đều nhiếp phục
Thệ nguyện thuở xưa đều tròn đầy
Sự nghiệp Chánh giác hiện khiến thành
Nhân Trung Tôn đến cây Bồ-đề
Lành thay, hòa hợp đều chuyên chí
Tất cả các nơi đều trang nghiêm
Trong tam thiên đại thiên thế giới
Thấy khắp cõi Dục đều trang nghiêm,
Như việc trang nghiêm nơi Dục giới
Sắc giới trang nghiêm cũng như vậy.
Lành thay, Phạm chúng tâm thanh tịnh
Trang nghiêm khắp cả ba ngàn cõi

Dục giới đều hiện việc cúng dường
Thượng giới cũng hiện các việc ấy
Tung rải hoa thơm đẹp tối thượng
Tất cả nhạc báu đều trỗi lên
Thiên chúng trong tam thiên thế giới
Thấy nghe hân hoan đều kính lễ,
Cho đến cõi trời Sắc cứu cánh
Tất cả trang nghiêm nơi cõi mình
Càng lên càng trang nghiêm tối thắng
Rộng hiện trang nghiêm các cõi trời
Thiên nữ sáu mươi trăm ngàn ức
Dựng tòa Kim cang Bồ-đề tràng
Nước hương thơm rải khắp tất cả
Lại tung rải các loại hoa đẹp
Xếp các thứ báu trang nghiêm đất
Đại Bồ-đề tràng trông rất đẹp
Không thể nói hết công đức ấy.
Đây có vô lượng thứ trang nghiêm
Bồ-tát quyết định siêng tu giới
Thế gian thiện lợi đại oai đức
Sắp đến ngồi dưới cây Bồ-đề
Hàng phục quân ma các ác tuệ
Tất cả hòa hợp hạnh Thánh giả
Trang nghiêm khắp cả ba ngàn cõi
Bậc Thầy trời, người pháp tự tại
Cúng dường Ngài dược phước vô biên
Phạm chúng nghe đến Bậc Tôn Sư
Trang nghiêm đẹp lạ ba ngàn cõi
Hoa đẹp, tràng báu dùng trang nghiêm
Biến hóa thế giới đều thành báu
Hóa ức bảo cái đẹp trên không
Như ánh nhật nguyệt trông rất đẹp
Các hoa Sa-la thật tối thượng
Hóa hiện giống như vườn Hoan hỷ
Đại tiên đi dạo vui vẻ bước
Biến hóa trang nghiêm thành bảy xe
Hoa sen vàng báu phủ lớp kín
Vây quanh bảy vòng thành ranh giới

Thiên chủ Đế Thích tạo trang nghiêm
Trời, người hy hữu xưa chưa thấy
Thù thắng như cung trời Đao-lợi
Bốn đại châu trang nghiêm như vậy
Dạ-ma, Đâu-suất, Hóa lạc thiên
Tha hóa nghiêm đồng Sắc cứu cánh
Dũng mãnh siêng năng đều vội vã
Cùng trang nghiêm Bồ-đề tối thượng
Trang nghiêm thù thắng như Dục giới
Trời, Rồng các chúng cũng như trên
Trong khoảnh Sát-na đều hóa hiện.
Bồ-tát bước đi trong cảnh ấy
Số trăm ức Thiên nữ bốn phương
Đến cây Bồ-đề cùng vây quanh
Hương xoa, hương bột, các hoa đẹp
Nước hương thơm rảy khắp các nơi
Cây Bồ-đề được trang nghiêm đẹp
Như cây Viên xanh trời Đao-lợi
Bất cứ nơi nào cũng trang nghiêm
Công đức như vậy không kể hết
Chư Thiên kia số trăm ngàn ức
Mỗi mỗi đều trang nghiêm đẹp đẽ.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Bồ-tát đã đến Bồ-đề tràng rồi, trong khi hạ hai chân có tướng thiên bức luân đặt xuống đất, tức thời có ánh sáng rộng lớn xuất hiện. Ánh sáng ấy chiếu tận khắp tất cả các cõi địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ. Những chúng sinh nhận được ánh sáng ấy chiếu đến nên các khổ đều tạm được ngưng nghỉ. Ánh sáng ấy chiếu soi đến tận trong cung của Long vương Ca-lê-ca.

Khi ấy Long vương Ca-lê-ca thấy ánh sáng của Bồ-tát chiếu rồi tâm sinh hoan hỷ phấn khởi vui mừng, liền nói kệ với quyến thuộc trong cung và các Long chúng:

Như tia sắc vàng thật sáng chói
Rực rỡ chiếu khắp cung Rồng ta
Ta mong ánh sáng chiếu đến thân
Từ đó sinh tâm đại hoan hỷ.
Như ta trước kia ở chỗ Phật
Xưa kia từng thấy ánh sáng này
Nay đây lại thấy quyết không nghi

Bậc Đại Vô Úy sắp xuất thế.
Các ngươi đều đem hoa hương đẹp
Hương xoa, hương bột, các vòng hoa
Vàng ròng cùng với ngọc ma-ni
Lại thêm anh lạc và thượng phục,
Cùng trỗi các thứ âm nhạc hay
Châu báu trang nghiêm các lọng phướn
Và báu làm thành diệu cao tràng
Dâng lên cúng Bậc Thiên Nhân Sư,
Cung điện Long vương đẹp lạ thường
Trang nghiêm lộng lẫy đều thanh tịnh
Các ngươi nên sinh tâm hoan hỷ
Vậy hãy cùng nhau đến chỗ Phật.

Bấy giờ, Long vương Ca-lê-ca cùng với cung nhân quyến thuộc của mình và các Long chúng, đều đem theo các thứ hương hoa, y phục, tràng phan, bảo cái thượng diệu cùng với các thứ nhạc cụ, đánh thổi ca hát bay lên hư không, nước hương thơm rảy khắp như mây lại mưa xuống hoa và ngọc báu của rồng. Long vương đã dùng oai lực thần thông như vậy, hiện các việc biến hóa đến chỗ Bồ-tát. Đến nơi cùng các quyến thuộc đảnh lễ sát chân Bồ-tát, trỗi lên âm nhạc vi diệu, chí thành cúng dường. Cúng dường xong, Long vương liền nhiễu quanh bên phải rồi đứng trước Bồ-tát nói kệ vi diệu tán thán:

Bậc Nhân Trung Tôn phóng ánh quang
Chiếu khắp tất cả các cõi Phật
Sát-na ác thú khổ đều dừng
Long chúng chúng con được chiếu sáng
Long chúng được ánh quang chiếu soi
Đều sinh hoan hỷ nói như vầy:
Bồ-tát thành Phật quyết không nghi
Nên ánh sáng vàng chiếu như vậy.
Có trăm ngàn ức chúng Long nữ
Cầm nắm hương hoa rất cung kính
Và y phục đẹp, các tràng phan
Đến chỗ Bồ-tát dâng hiến cúng
Nay ở nơi đây hoa bảo cái
Tất cả đẹp đẽ rộng trang nghiêm
Lại có cỏ thuốc, các cây cối
Đều cúi hướng đến cây Bồ-đề

Sông ngòi ngừng chảy im phăng phắc
Gió im lay động thảy an nhiên
Hôm nay Bồ-tát chứng Bồ-đề
Hàng ma tối thắng ở thế gian
Ánh sáng của Phạm vương, Đế Thích
Và nhật nguyệt đều bị che khuất
Mong ánh sáng chiếu được thanh lương
Vì Phật xuất thế đều hoan hỷ.
Lại có các bình diệu cát tường
Quay tròn uyển chuyển giữa hư không
Tiên chúng, Long chúng ở không trung
Quay tròn bên phải cũng như vậy
Hoặc trời, hoặc người ở thế gian
Tất cả chí thành dâng cúng dường
Hôm nay Bồ-tát chứng Bồ-đề
Vì người cầu tuệ mở chánh đạo.
Hôm nay chúng con ở chỗ Phật
Oai quang càng tăng được thiện lợi
Con xưa cúng dường Câu-lưu-tôn
Và Ca-nặc-ca Đại Thánh Chúa,
Đức Ca-diếp Thế Tôn tối thượng
Cho đến hôm nay cúng Thích-ca
Mong cầu Bồ-đề đại thần thông
Hy hữu tối thắng xưa chưa thấy,
Là Bậc Tối Thượng đức đầy đủ
Phát Đại phạm âm sư tử rống
Vững cầu Bồ-đề tâm quyết định
Tâm đó siêu xuất không gì hơn
Nhật nguyệt có lúc còn rơi rớt
Núi chúa Tu-di có thể phá
Hôm nay không trọn mười tôn lực
Thế gian không thể có việc ấy.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Lúc đó vị Ái phi Thượng thủ của Long vương Ca-lê-ca tên là Kim Quang, cùng với các Long nữ cung kính vây quanh đem các bảo cái đẹp đẽ đặc biệt, các loại y áo đẹp và vòng hoa trời, các loại trân châu anh lạc trang nghiêm khéo léo, các loại châu báu ma-ni đẹp tối thượng và các bình hương thơm vi diệu, trỗi lên những bài ca hay đi đến chỗ của Bồ-tát. Đến nơi lễ kính rải các hoa báu lên cúng dường xong, vị ấy

đứng trước Bồ-tát nói kệ rằng:

Tâm không động loạn không sợ hãi
Không tham, không sân cũng không si
Bậc Vô nhiễm điều phục khó điều
Hay lìa các ác không đắm trước
Nay con đảnh lễ tịnh giải thoát
Đại Tiên hãy nhổ mũi tên nghi
Phóng đại trí quang phá vô minh
Độ các khổ não ở thế gian
Thế gian lạc lõng không người cứu
Bồ-tát làm chỗ nương cứu độ
Ánh sáng chiếu khắp trong ba cõi
Trời, người hoan hỷ tâm thanh tịnh
Hư không mưa xuống các hoa đẹp
Và tung diệu y rộng trang nghiêm
Thắng tướng như vậy con đã biết
Hôm nay Đại Tiên thành Chánh giác
Bậc Tối Thắng đến cây Bồ-đề
Ngài, Bậc Vô Nhiễm hàng quân ma
Dứt trừ lưới hắc ám phiền não
Chứng đại Bồ-đề tâm vắng lặng,
Ngài đã trải qua trăm ức kiếp
Mong cầu Bồ-đề Phật quá khứ
Làm việc khó làm vì thế gian
Hôm nay viên mãn ý thù thắng.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Lúc Bồ-tát sắp thành Chánh giác, có các Hiền thánh dùng sức oai thần loan báo, tức thời có một người cắt cỏ tên là Cát Tường, tự nhiên đứng bên phải Bồ-tát lựa các cỏ sạch. Cỏ này mềm mại như lông cổ của Khổng tước, lại như y Ca-tả-lân-na, sắc hương đầy đủ, tất cả đều quay qua phía bên phải. Người cắt cỏ liền đem cỏ ấy đến trước và dâng lên cho Bồ-tát và phát thâm tâm tối thắng quả vị Giác ngộ cao tột.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Khi ấy người cắt cỏ Cát tường nhờ nguyện vững chắc ở đời trước nên đã phát nguyện rằng: "Con nguyện ở trong hiền kiếp, nơi các Bồ-tát thành Chánh giác, tại Bồ-đề tràng đều trải cỏ sạch". Tại sao vậy? Này Tịch Tuệ! Ta nhớ quá khứ chín mươi mốt kiếp trước, trong hiền kiếp này có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự, Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế

Tôn. Trong giáo pháp của Đức Phật ấy, có một ngàn chúng Đại Bồ-tát viên mãn, tu trì phạm hạnh. Lúc đó Đức Tỳ-bà-thi vì các Bồ-tát trong hiền kiếp mà thọ ký quả vị Giác ngộ cao tột. Có một vị trưởng giả tên là Cụ Tuệ, ở trong đại hội nghe Đức Thế Tôn thọ ký Bồ-đề cho các Bồ-tát rồi, liền phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, lại phát thệ nguyện: "Con nguyện trong hiền kiếp này, ở ngay chỗ Bồ-đề tràng của chư Phật, con đều trải tòa Sư tử thù thắng vi diệu, hoặc là cúng cỏ sạch".

Tịch Tuệ nên biết! Chớ có nghi ngờ, Cụ Tuệ thuở đó đâu phải người nào lạ, chính là người cắt cỏ Cát Tường dâng cỏ sạch cho Bồ-tát Thích-ca lúc thành Chánh giác. Do nhân duyên đó, ông nay nên biết! Người cắt cỏ Cát Tường ấy, từ nguyện lực đời trước ở chỗ Phật, hoặc là cúng cỏ sạch hoặc trải tòa Sư tử đẹp, tùy theo trí lực tin hiểu của các chúng sinh mà thành thục các căn lành, việc ấy là như vậy.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Khi Bồ-tát đã đến cây Bồ-đề, thần cây Bồ-đề ấy và mười ngàn Thiên nữ thảy đều cầm các hoa đẹp và hương xoa v.v... đến trước Bồ-tát rải các hoa hương đẹp ra cúng dường rồi đảnh lễ sát chân Bồ-tát đồng thanh nói kệ rằng:

Quy mạng oai đức Đại Vô Úy
Thiện Tịch khéo điều phá các ác
Lìa lỗi dũng mãnh đại oai quang
Bậc Đạo Sư thanh tịnh vô nhiễm
Cứu người khổ não không nương tựa
Chỉ có Thánh Tôn mới ban vui
Trừ sạch bệnh phiền não thế gian
Là Đại Y Vương trị liệu khắp
Quy mạng Bậc Lừng danh thanh tịnh
Trời hoan hỷ tung rải mưa hoa
Nay quyết định chóng thành Bồ-đề
Khởi tâm đại Bi nhiếp tất cả
Đến cây Bồ-đề lên thắng tòa
Xua tan bóng tối của quân ma
Giác ngộ tịch tĩnh chứng Bồ-đề
Cũng như Phật trước đã giác ngộ
Trải qua ức kiếp tu thanh tịnh
Làm việc khó làm lợi thế gian
Ý vui Đại Tiên nay đã mãn
Ngồi dưới Bồ-đề thành Chánh giác.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Lúc đó Bồ-tát đem cỏ sạch đến Bồ-đề tràng tự trải lên tòa Kim cang. Sau đó mới hướng đến cây Bồ-đề chúa cung kính đảnh lễ, nhiễu bên phải bảy vòng. Sau khi Bồ-tát trải cỏ liền có tám vạn bốn ngàn Thiên tử đem tám vạn bốn ngàn tòa Sư tử trang nghiêm đẹp đẽ dâng lên Bồ-tát. Tòa ấy cao rộng trang nghiêm tráng lệ được trang sức bằng các báu, phủ lưới báu và lưới trân châu, lại rủ anh lạc đan chéo nhau, khéo léo bày biện vô số trăm ngàn y phục vi diệu tối thượng. Khi ấy Bồ-tát liền hiện thân, mỗi thân đều ngồi trên tám vạn bốn ngàn tòa Sư tử. Nhưng các Thiên tử không thấy việc đó cứ cho rằng Bồ-tát ngồi trên tòa Sư tử của mình cúng mà chứng quả vị Giác ngộ cao tột. Do vậy nên các Thiên tử đều sinh tâm hoan hỷ thanh tịnh, tất cả đều không còn thoái chuyển nơi đạo Giác ngộ.

❑

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA BÍ MẬT CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI

QUYỂN 11

Phẩm 13: HÀNG MA

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Bồ-tát ngồi trên tòa Sư tử nơi Bồ-đề tràng rồi, từ lông trắng giữa chặng mày phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp mọi nơi; ánh sáng này gọi là ánh sáng cảnh tỉnh các ma. Lúc ấy, trong tam thiên đại thiên thế giới có trăm ức ma chúng được tiếp xúc với ánh sáng đó, tất cả đều ở yên trong cung điện của mình, lông trên thân đều dựng đứng, lại tự ở trong cung tâm sinh bực nhọc. Ánh sáng ấy che mất làm cho cung ma trở nên tối tăm. Lúc đó các ma nghĩ như vầy: "Vì lý do gì mà cung điện của chúng ta đều trở nên tối tăm thế này? Chẳng lẽ Bồ-tát Thích-ca ngồi Bồ-đề tràng chứng quả vị Giác ngộ cao tột ư?"

Sau khi suy nghĩ như vậy, chúng ma liền quán thấy Bồ-tát đang ngồi tại Bồ-đề tràng. Thấy vậy bọn chúng liền ẩn hết vào trong cung. Mỗi một thiên ma ấy đều có vô lượng, vô số trăm ngàn ức Dạ-xoa theo hầu hạ bảo vệ. Chúng có đủ mọi sắc tướng, đủ mọi diện mạo, đủ mọi thân thể chạy tới chạy lui bàng hoàng kinh sợ. Có loại nhiều đầu, nhiều mắt, có nhiều khí giới, nhiều cờ xí vây tròn lại với nhau, rống lên tiếng đại ác, kêu gào khóc lóc, dựa vào oai lực của ma mà khởi lên nghiệp thông của ma. Các ma thủ lãnh chiếm cứ ngang dọc rộng đến hai vạn do-tuần, quyến thuộc của chúng rộng đến tám vạn bốn ngàn do-tuần đều bị oai lực của Bồ-tát nhiếp hóa đồng đến cây Bồ-đề.

Tịch Tuệ nên biết! Các chúng ma đến nơi, liền vận sức ma nghiệp hóa hiện các tướng mạo xấu ác, cất lên những tiếng không vừa ý, bạo ngược hung tàn, kêu gào chấn động ý muốn thâu phục, hủy hại Bồ-tát, Lúc đó có các chúng sinh chưa lìa tham trong hội nghe tiếng ác đó sinh ra kinh sợ mà chết, hoặc người chưa chết thì chịu nhiều khổ não. Nhưng nhờ oai lực của Bồ-tát, nên tiếng ác kia liền dứt. Bồ-tát liền khởi tâm đại Bi thương xót sự bức não ấy mà dập tắt tướng ác đó để không còn nhiễu hại tất cả chúng sinh nữa.

Tịch Tuệ nên biết! Đây là cảnh giới tối thắng phương tiện thiện xảo của Bồ-tát. Tuy nghe các tiếng cực ác đó, nhưng Bồ-tát vẫn không sinh kinh sợ. Vì sao? Vì Bồ-tát đã nghe các tiếng hoặc tốt, hoặc xấu đều như tiếng vang.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Các chúng ma kia hiện các tướng ác để nhiễu hại Bồ-tát, nhưng có các chúng Hiền thánh tu hạnh Bồ-đề bảo vệ đại Bồ-đề tràng, dùng mười sáu thứ ngôn từ hủy báng các ma:

– Này các kẻ ác kia, hãy chấm dứt ngay, chớ có ngoan cố mà khởi lên tướng xấu ác làm hại Bồ-tát Đại sĩ. Vì sao? Nay bọn ma các ngươi muốn phá hoại Bồ-tát, nhưng lực Bồ-tát tối đại tối thượng, có khả năng hại các ngươi. Như người sức yếu kém mà muốn đọ sức với người khoẻ mạnh. Lại nữa, bọn ma các ngươi muốn thắng Bồ-tát, nhưng sức Bồ-tát có khả năng thắng các ngươi. Như vậy chẳng khác nào như quân yếu hèn đi chống chọi với đại quân hùng dũng. Lại nữa, bọn ma các ngươi muốn thắng vượt Bồ-tát, nhưng sức của Bồ-tát có khả năng thắng vượt các ngươi. Cũng như ánh sáng của các ngôi sao mà so với ánh sáng của mặt trăng. Lại nữa, bọn ma các ngươi muốn phá Bồ-tát, nhưng sức của Bồ-tát có khả năng phá các ngươi. Cũng như cuồng phong thổi trấu lép. Lại nữa, bọn ma các ngươi muốn bẻ gãy Bồ-tát, nhưng sức của Bồ-tát có khả năng bẻ gãy các ngươi, cũng như cây lớn bị chặt hết rễ. Lại nữa, bọn ma các ngươi muốn khủng bố Bồ-tát, nhưng sức của Bồ-tát có khả năng khủng bố các ngươi, cũng như bầy thú gặp phải đại sư tử. Lại nữa, bọn ma các ngươi muốn làm cho Bồ-tát bị khô cằn, nhưng sức của Bồ-tát có khả năng làm cho các ngươi khô cằn, cũng như mặt trời chiếu làm khô cạn nước đọng trong lỗ chân bò. Lại nữa bọn ma các ngươi muốn làm tan hoại Bồ-tát, nhưng sức của Bồ-tát có khả năng làm tan hoại các ngươi, cũng như một nước nhỏ ở biên cương muốn đánh một nước lớn. Lại nữa, bọn ma các ngươi muốn dò xét Bồ-tát, nhưng sức của Bồ-tát có khả năng dò xét các ngươi, như ở chỗ người ác muốn thoát khỏi sự chết. Lại nữa, bọn ma các ngươi muốn làm loạn Bồ-tát, nhưng sức của Bồ-tát có khả năng làm loạn các ngươi, cũng như khách buôn cất giữ của cải trân báu bị lửa thiêu đốt. Lại nữa, bọn ma các ngươi muốn làm cho Bồ-tát sinh đại ưu não, nhưng sức của Bồ-tát có khả năng làm cho các ngươi bị ưu não, như vua làm phi pháp bị mất vương vị. Lại nữa, bọn ma các ngươi muốn khởi tâm nhuế ác với Bồ-tát, nhưng sức của Bồ-tát có khả năng ngăn chặn tâm nhuế ác của các ngươi, cũng như chim Nhạn già bị cắt đôi cánh. Lại nữa, bọn ma các ngươi muốn giết Bồ-tát, nhưng sức của Bồ-tát có khả năng chận đứng tâm sát hại của các ngươi, như người

qua đồng hoang hiểm nạn mà hết tài vật. Lại nữa, bọn ma các ngươi muốn cho Bồ-tát bỏ chạy, nhưng sức của Bồ-tát có khả năng khiến cho các ngươi bỏ chạy kinh hồn, như người muốn bơi qua biển cả lại phá thuyền bè. Lại nữa, bọn ma các ngươi muốn cho Bồ-tát héo gầy, nhưng sức của Bồ-tát có khả năng khiến cho các ngươi đều bị héo gầy, như lửa dữ thiêu rụi cây cỏ. Lại nữa, bọn ma các ngươi muốn đoạn trừ Bồ-tát, nhưng sức Bồ-tát có khả năng đoạn trừ các ngươi, như đại Kim cang đập nát đá nhỏ.

Tịch Tuệ! Các chúng Hiền thánh tu hạnh Bồ-đề bảo vệ Bồ-đề tràng kia, dùng mười sáu thứ ngôn từ như vậy để hủy báng ma chúng, khen ngợi Bồ-tát, nhưng bọn ma vẫn chưa chịu khuất phục.

Khi ấy Bồ-tát liền dùng diệu hạnh tích tụ trăm ngàn ức triệu kiếp. Đó là các pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, thắng tuệ, Từ, Bi, Hỷ Xả, Niệm xứ, Chánh cần, Thần túc, Căn, Lực, Giác đạo, Giải thoát... Công dụng của các pháp này cực thiện nhu nhuyến tốt đẹp. Bồ-tát đưa cánh tay phải sắc vàng rờ trên đảnh ma, làm cho toàn thân ma dứt sạch nóng nảy. Bồ-tát khởi tâm đại Bi nhìn một cách hiền từ, thâm tâm giải thoát tất cả chúng sinh. Chư Phật Thế Tôn trong tất cả thế giới hiện tiền đều tác chứng Chánh niệm Chánh tri. Bồ-tát liền rờ tay sát đất, lúc đó đại địa diễn ra sáu tướng chấn động[1]. Đó là động, biến động, đẳng biến động; chấn, biến chấn, đẳng biến chấn; hống, biến hống, đẳng biến hống; dũng, biến dũng, đẳng biến dũng; bộc biến bộc, đẳng biến bộc; kích, biến kích, đẳng biến kích. Hiện bên Đông, lặng bên Tây; hiện bên Tây, lặng bên Đông; hiện bên Nam, lặng bên Bắc; hiện bên Bắc, lặng bên Nam; hiện ở bên lặng ở giữa; hiện ở giữa lặng ở bên. Sáu tướng chấn động như vậy khởi lên mười tám điệu biến hóa, khắp cả đại địa đều bị lay chuyển, trong khoảng sát-na hiện các tướng kỳ dị. Lúc đó bọn ma bạo ngược hung tàn kêu gào chấn động. Những bọn muốn làm hại và những bọn gây tội nghiệp, thấy tướng như vậy rồi đều sinh kinh sợ. Lại nhờ sức oai thần của Bồ-tát nên chúng nghe trong hư không nói kệ rằng:

Phải nên quy mạng Thánh Đại sĩ
Là Bậc Tối Thượng trong chư Thiên
Rộng thí vô úy đại Từ bi
Khả năng cứu hết các quần sinh.

---

1. Sáu tướng chấn động: 1. Động: rung động; 2. Chấn: vang động; 3. Hống: gầm rống; 4. Dũng: vọt lên; 5. Bộc: nổ.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Các ác ma nghe tiếng ấy xong, trong chúng có tám trăm vạn ức triệu các ác Dạ-xoa nép sát xuống đất than:

– Cứu khổ, cứu khổ! Xin Bồ-tát cứu con!

Còn các chúng ma khác đều muốn bỏ chạy, tuy cố gắng hết sức, nhưng chúng không thể tiến đến trước được. Vì lòng thương xót, nên toàn thân Bồ-tát phóng ra ánh sáng. Do được tiếp xúc với ánh sáng ấy nên các ma đều hết sợ hãi, tất cả đều trở lại trong cung.

Tịch Tuệ! Lúc Bồ-tát vì các chúng ma hiện thần thông, có đến tám trăm vạn ức triệu chúng Dạ-xoa ác đều phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ. Trong hội có đến chín trăm chín mươi vạn ức triệu người phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ, tám vạn bốn ngàn Thiên tử, nhờ thiện lực đời trước đều được Vô sinh pháp nhẫn.

□

Phẩm 14: CHUYỂN PHÁP LUÂN (Phần 1)

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Hoặc có trời, người biết Bồ-tát hàng phục ma quân; hoặc có trời, người biết tất cả các chúng ác ma ấy, nhưng chưa từng đến chỗ của Bồ-tát; hoặc có trời, người vừa biết Bồ-tát trải cỏ Cát tường liền tựu đến tòa Bồ-đề; hoặc có trời, người thấy Bồ-tát Thích-ca ngồi trên tòa Sư tử được trang nghiêm bằng các hoa sen; hoặc có trời, người thấy Bồ-tát ngồi trên đất; hoặc thấy Bồ-tát ngồi an tường dưới gốc cây Bồ-đề; hoặc thấy Bồ-tát ở tại cây Ba-lợi-chất-đa-la; hoặc cây Câu-tỳ-đà-la, hoặc dưới cây Bồ-đề; hoặc thấy Bồ-tát dưới gốc cây Bồ-đề do các báu tạo thành; hoặc có trời, người thấy cây Bồ-đề cao bằng một cây Đa-la; hoặc có trời, người thấy tòa Sư tử cao bằng một cây Đa-la; hoặc có trời, người thấy cây Bồ-đề cao bằng bảy cây Đa-la; hoặc có trời, người thấy tòa Sư tử cao bằng nửa cây Đa-la; hoặc thấy cây Bồ-đề cao đến tám vạn bốn ngàn do-tuần; hoặc thấy tòa Sư tử cao bốn vạn hai ngàn do-tuần; hoặc có trời, người thấy Bồ-tát hàng phục quân ma; hoặc có trời, người thấy một quân ma; hoặc có trời, người thấy nhiều chúng ác ma; hoặc thấy Bồ-tát dùng thần thông du hý phá chúng quân ma; hoặc thấy Bồ-tát ở trong hư không; hoặc thấy Bồ-tát ngồi tòa Sư tử ở trên hư không; hoặc thấy Bồ-tát ngồi trên tòa báu dưới cây Bồ-đề chứng quả vị Giác ngộ cao tột.

Tịch Tuệ nên biết! Bồ-tát thành tựu vô lượng các cảnh giới thanh tịnh

tối thượng, đều là từ đại Bồ-đề tràng tối thượng tối thắng, đầy đủ vô lượng công đức và hiện các tướng thù thắng như vậy.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Bồ-tát ngồi tại Bồ-đề tràng tối thắng tối thượng hàng phục ma quân rồi liền có các chúng Bồ-tát đồng tu phạm hạnh thuở trước trong mười phương a-tăng-kỳ thế giới, đều đến nơi đó nói lên tiếng thanh tịnh vô úy như: tiếng tốt đẹp, tiếng vui thích, tiếng hoan hỷ, tiếng tấn tốc, tiếng lanh lẹ, tiếng lành thay, tiếng bất không, tiếng dũng mãnh, tiếng sĩ phu, tiếng không thoái chuyển, tiếng tăng ích, tiếng cát tường, tiếng không nhiệt não, tiếng đại Bi thương xót, tiếng ý vui đời trước, tiếng không rời bỏ công đức, tiếng vừa ý, tiếng hòa hợp kiên cố, tiếng Bồ-tát du hý, tiếng lợi ích thù thắng, tiếng sát-na tương ưng, tiếng trí Nhất thiết trí, tiếng thành Đẳng chánh giác. Khi các Bồ-tát ấy nói ra những tiếng thanh tịnh như vậy, mười phương thế giới đều đến hội họp. Trong Bồ-đề tràng tối thượng tối thắng, các chúng Bồ-tát lại dùng trăm ngàn ức lời hay đẹp để khích lệ, bày biện các món cúng dường thù thắng vi diệu và dùng những lời khen ngợi tối thắng. Lúc đó các chúng Bồ-tát từng tu thiện hạnh đời trước, cùng với các Đại Bồ-tát ở tại Bồ-đề tràng, từ mười phương thế giới đến hội họp, cùng nhau khích lệ, cúng dường, khen ngợi như thế. Bồ-tát Thích-ca tuy hàng quân ma, nhưng ở chỗ ma không trái không thuận. Vì sao? Vì Bồ-tát đã lìa pháp trái thuận. Tâm Bồ-tát trong một sát-na tương ưng với tuệ thù thắng. Hoặc có sở tri, hoặc có sở kiến, hoặc có sở đắc, hoặc có sở chứng, tất cả những thứ ấy Bồ-tát đều thành tựu.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Như Lai thành đạo quả rồi, chư Phật Như Lai ở mười phương vô lượng a-tăng-kỳ thế giới đều duỗi cánh tay phải rờ thân Bồ-tát và an ủi, khích lệ:

– Thân thể Bồ-tát không mệt mỏi chứ? Tu tập có an lạc không? Dùng Tự nhiên trí để chứng phải không? Chứng đắc mà tâm không chướng ngại mà chứ? Dùng Bình đẳng trí để chứng ư? Tu tập không trở ngại chứ? Mặc áo giáp đại Bi ư? Làm cho hạt giống Tam bảo không đoạn tuyệt chứ? Được tự tại trong tất cả pháp chứ?

Tịch Tuệ nên biết! Lúc bấy giờ, những ai đã có căn lành thành thục rồi, thì có thể đến gần Bồ-đề tràng và biết những việc làm thù thắng. Còn những ai căn lành chưa thành thục, thì không thể thân cận cũng không thể biết gì.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Như Lai thành đạo quả rồi, trong bảy ngày đêm trầm lặng tư duy rõ về pháp lạc chân thật, rồi lại ngắm mãi cây Bồ-đề mắt không nháy. Lúc đó có trăm ngàn Thiên tử chí thành cúng dường

khen ngợi đảnh lễ. Lại có trăm ngàn Thiên nữ đều cung kính đảnh lễ xưng tán. Các Thiên nữ ấy chiêm ngưỡng oai nghi thù thắng của Như Lai rồi, thảy đều phát tâm hướng tới quả vị Giác ngộ.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Sau khi Như Lai thành tựu đạo quả, có bốn đại Thiên vương đều đem bát báu đến hiến cúng cho Thế Tôn. Bốn Thiên vương đó là: Thiên vương Trì Quốc ở phương Đông, Thiên vương Tăng trưởng ở phương Nam, Thiên vương Quảng mục ở phương Tây, Thiên vương Tỳ-sa-môn ở phương Bắc. Bốn Thiên vương này ở bốn đại châu đã đến chỗ Phật. Các chỗ khác cũng lại như vậy, có trăm ức Tứ đại thiên vương ở trăm ức bốn đại châu, đều cầm bình bát báu, cùng đến chỗ Phật cúng dường.

Lúc đó Như Lai nhận bốn trăm ức cái bình bát báu, rồi liền dùng thần lực hợp thành một cái bát. Mỗi mỗi Tứ thiên vương đều khởi tâm như vầy: "Đức Như Lai đã nhận bát cúng dường của ta, rồi đây sẽ lần lượt thọ thực trong bát ấy". Mỗi vị đều sinh tâm hoan hỷ thanh tịnh tối thượng, không còn thoái chuyển với đạo Giác ngộ cao tột.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Sau khi Như Lai thành đạo, có hai vị khách buôn, một vị tên là Đát-la-bố-sa, một vị tên là Phược-lê-ca và hơn sáu vạn Thiên tử đều đến chỗ Phật. Những vị ấy là những vị đầu tiên dâng thức ăn thanh tịnh lên Thế Tôn. Hai khách buôn và các Thiên tử ấy do đời trước vốn đã phát nguyện nên thưa:

– Tôi nguyện dâng thức ăn thanh tịnh đầu tiên lên Thế Tôn. Cúi xin Thế Tôn nhận thức ăn cúng dường đầu tiên của tôi.

Tất cả sinh tâm hoan hỷ và đều được không thoái chuyển với đạo Giác ngộ cao tột.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Khi Bồ-tát mới bước lên đại Bồ-đề tràng tối thắng, lúc đó Nhất thiết trí chưa viên mãn. Nay thành đạo quả rồi trí giác tròn đầy, nhưng chưa chuyển pháp luân rộng lớn, vì lợi ích chúng sinh. Vì sao? Từ lúc mới phát tâm cho đến nay, Bồ-tát ngồi Bồ-đề tràng thành Chánh đẳng giác, chỉ vì muốn làm lợi ích cho chúng sinh. Tịch Tuệ! Vì lý do đó, cho nên ông nay nên biết! Các vị Bồ-tát sau khi thành Bồ-đề rồi, mỗi vị đều như vậy, đều vì vô lượng chúng sinh mà làm lợi ích.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Như Lai thành đạo quả rồi, lúc đó có Phạm vương tên Thi-khí, cùng với sáu trăm tám mươi vạn Thiên tử cõi Phạm chúng đều cung kính vây quanh rời khỏi Phạm giới, đến trước đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu bên phải bảy vòng, chắp tay chí thành khuyến thỉnh Thế Tôn chuyển diệu pháp luân, thưa như vầy:

– Cúi xin Thế Tôn, cúi xin Đấng Thiện Thệ vì chúng sinh mà chuyển diệu pháp luân. Trong hội có những người có đủ pháp khí, có khả năng hiểu biết những lời Phật dạy.

Đó là do Thiên vương Trì Quốc thuở xưa có phát nguyện thù thắng rằng: "Tôi nguyện trong hiền kiếp chư Phật Như Lai thành đạo rồi đều khuyến thỉnh chuyển diệu pháp luân".

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Nay không phải chỉ có Phạm vương Thi-khí khuyến thỉnh Như Lai chuyển diệu pháp luân. Vì sao? Vì Phạm vương Thi-khí vừa thỉnh xong, lại có mười ức chúng Phạm vương, mười ức chúng trời Đế Thích, mười ức chúng Bồ-tát cũng đều khuyến thỉnh Như Lai chuyển diệu pháp luân.

Lúc đó Phạm vương Thi-khí biết Phật Thế Tôn im lặng nhận thỉnh, liền đến vườn nai chư Tiên đọa xứ thuộc nước Ba-la-nại, vì Phật Thế Tôn mà trải tòa Sư tử đẹp đẽ, cao bốn vạn hai ngàn do-tuần trang nghiêm vi diệu đặc biệt, đầy đủ tướng thù thắng, ai cũng thích xem, đem đặt trên đất. Phạm vương Thi-khí vừa thiết tòa Sư tử đẹp xong, theo đó tức thời lại có mười ức chúng Phạm vương, mười ức chúng trời Đế Thích, mười ức chúng Đại Bồ-tát vì Thế Tôn mà thiết lập tòa Sư tử hết sức đẹp đẽ, trang nghiêm đặc biệt, đầy đủ tướng thù thắng, ai cũng thích xem.

❑

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA BÍ MẬT CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI

QUYỂN 12

Phẩm 14: CHUYỂN PHÁP LUÂN (Phần 2)

Bấy giờ Thế Tôn liền đến vườn nai chư Tiên đọa xứ, thuộc nước Ba-la-nại. Đến nơi, Thế Tôn hóa hiện mỗi thân đều ngồi nơi tòa Sư tử. Lúc đó, Phạm vương, Đế Thích, các Đại Bồ-tát ai nấy cũng đều thấy Như Lai ngồi trên tòa của mình cúng; ngồi trên tòa ấy chuyển đại pháp luân. Thấy vậy, các chúng đều sinh tâm hoan hỷ thanh tịnh, không còn thoái chuyển với đạo Giác ngộ cao tột.

Khi Đức Thế Tôn đã ngồi trên tòa Sư tử tối thượng, tức thời mười phương vô biên thế giới đều chấn động, có ánh sáng lớn chiếu sáng khắp nơi.

Lúc đó Đức Thế Tôn liền nhập Vô biên cảnh giới Tam-ma-địa. Khi Thế Tôn vào Tam-ma-địa ấy rồi, lúc ấy tam thiên đại thiên thế giới, tất cả đại địa bằng phẳng như lòng bàn tay. Lại có tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới, hoặc địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người các nẻo, tất cả các loài chúng sinh đều được an lạc, không có một chúng sinh nào bị tham, sân, si và các phiền não nhiễu hại, cùng khởi tâm Từ, tưởng nhau như cha mẹ.

Lại nữa, khi Thế Tôn nhập Vô biên cảnh giới Tam-ma-địa ấy, có vô lượng a-tăng-kỳ Bồ-tát ở mười phương đều tập hội đến lắng nghe chánh pháp. Khi ấy tất cả những hạng có đầy đủ oai lực tận trong tam thiên đại thiên thế giới như Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân, Phi nhân v.v... đều đến Phật hội lắng nghe chánh pháp.

Tịch Tuệ nên biết! Lúc Thế Tôn sắp nói pháp, khắp nơi trong tam thiên đại thiên thế giới, tất cả chúng trời, người đều đến tập hội vây kín xung quanh, đến nỗi một đầu sợi lông xen cũng không lọt. Tất cả đại chúng như vậy đều vì muốn nghe Thế Tôn tuyên thuyết chánh pháp.

Khi biết tất cả trời, người đại chúng đều đã tập hội, Đức Thế Tôn liền xả định phát khởi tâm đại Bi, nhìn khắp tất cả chúng hội với con mắt hiền từ thanh tịnh. Đức Thế Tôn chuyển chánh pháp luân, dù là Sa-môn, Bà-la-môn và tất cả hạng người khác cũng đều cùng một pháp.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Đức Như Lai chuyển pháp luân là vì tất cả chúng sinh, vì khiến cho tâm ý họ được hoan hỷ và để cho tất cả chúng sinh trong chúng hội, mỗi vị đều biết rõ pháp mà Phật nói. Khi Phật Thế Tôn sắp chuyển pháp luân, trước đó có mười phương vô lượng a-tăng-kỳ Bồ-tát đều đến tập hội lắng nghe chánh pháp. Đồng thời cũng có trăm ngàn ức triệu Thiên tử Dục giới, Thiên tử Sắc giới cũng tập hội đến lắng nghe chánh pháp.

Khi ấy Đức Thế Tôn nói như vầy:

– Này các nhân giả! Mắt không phải là thường pháp. Vì sao? Vì nếu lấy Khổ để nói, thì người đáng được độ nghe nói mắt này là khổ? Nếu đem vô ngã để nói, thì người đáng được độ nghe nói mắt là vô ngã. Nếu đem không để nói, thì người đáng được độ nghe nói mắt này là không. Nếu đem tịch tĩnh để nói, thì người đáng được độ nghe nói mắt này là tịch tĩnh. Nếu đem xa lìa để nói, thì người đáng được độ nghe nói mắt này là pháp xa lìa. Nếu đem vô thường để nói, thì người đáng được độ nghe nói mắt này là vô thường. Nếu đem không y chỉ để nói, thì người đáng được độ nghe nói mắt là không y chỉ. Nếu đem như huyễn để nói, thì người đáng được độ nghe nói mắt là như huyễn. Nếu đem như mộng để nói, thì người đáng được độ nghe nói mắt là như mộng. Nếu đem như bóng trăng in nước mà nói, thì người đáng được độ nghe nói mắt như bóng trăng in nước. Nếu đem hình bóng để nói, thì người đáng được độ nghe nói mắt như hình bóng. Nếu đem như tiếng vang để nói, thì người đáng được độ nghe nói mắt như tiếng vang. Nếu đem Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô tác, vô sinh, vô khởi... để nói, thì người đáng được độ nghe nói mắt là Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô tác, vô sinh, vô khởi. Nếu đem duyên sinh để nói, thì người đáng được độ nghe nói mắt là duyên sinh. Nói về mắt đã như thế thì tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Cho đến đem duyên sinh để nói, thì người đáng được độ nghe nói ý là duyên sinh. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nghĩa ấy cũng vậy. Hoặc nghe nói về không, hoặc nghe nói năm uẩn là vô thường hoặc nghe nói mười tám giới là vô thường, hoặc nghe nói mười hai xứ là vô thường, hoặc nghe nói Khổ, hoặc nghe nói Tập, hoặc nghe nói Diệt, hoặc nghe nói Đạo, hoặc nghe nói bốn Niệm xứ, hoặc nghe nói bốn Chánh đoạn,

hoặc nghe nói bốn Thần túc, hoặc nghe nói năm Căn, hoặc nghe nói năm Lực, hoặc nghe nói bảy Giác chi, hoặc nghe nói tám Chánh đạo, hoặc nghe nói Xa-ma-tha, hoặc nghe nói Tỳ-bát-xá-na, hoặc nghe nói về pháp duyên sinh, hoặc nghe nói về pháp tương ưng Thanh văn, hoặc nghe nói về pháp tương ưng Duyên giác, hoặc nghe nói về pháp tương ưng Đại thừa.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Như Lai chuyển pháp luân đều vì tất cả chúng sinh, vì khiến cho tâm ý họ được hoan hỷ nên chuyển pháp luân. Lại nữa, Như Lai chuyển pháp luân là làm lợi ích rộng rãi cho tất cả chúng sinh. Giả sử như có người trí tuệ ngang bằng với Xá-lợi Tử, ý muốn trù lượng để hiểu rõ được pháp này, dù có trải qua trăm kiếp cũng không thể hiểu nỗi, huống là những người khác.

Tịch Tuệ nên biết! Đức Như Lai từ lúc mới phát tâm, đến Bồ-đề tràng hàng phục quân ma, dùng tiếng rống sư tử vang dội trang nghiêm thù thắng, dùng thần thông du hý để chuyển đại pháp luân. Lúc làm việc lợi ích thù thắng như vậy, có tám vạn bốn ngàn trời, người phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ, vô lượng chúng sinh được thành thục trong địa vị ba thừa.

□

Phẩm 15: ĐỐI TƯỢNG DUYÊN (Phần 1)

Khi ấy Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Như pháp mà Thế Tôn đã nói, phải chăng con đối với lời dạy của Như Lai có trái nghịch? Hay là tùy thuận? Lời Như Lai nói thật vô cùng sâu xa rộng lớn, lời Như Lai nói thật vô cùng sâu xa, bí mật. Tất cả thế gian khó tin, khó hiểu thấu được tận nguồn gốc của nó. Bạch Thế Tôn! Tâm của các Như Lai là chân thật quyết định. Con đây hiểu biết được pháp thậm thâm mà Như Lai đã nói, đều là nhờ trí thù thắng của Như Lai ở trong thân con. Đó chẳng phải là con có sẵn lực dụng sĩ phu.

Phật bảo Bí mật chủ:

– Đúng vậy, đúng vậy! Thật đúng như lời ông vừa nói! Vì sao? Nay ông nên biết! Các Đức Như Lai an lập, thí dụ, diễn nói các pháp, mà các chúng sinh đều có trí thù thắng của Như Lai trong thân. Vì sao? Này Bí mật chủ! Chúng sinh ở khắp nơi theo nghe pháp bí mật trong lời dạy của Như Lai, nếu các chúng sinh ấy không tiếp nhận sức gia trì của Như Lai, mà có

thể tùy thuận pháp tánh của Như Lai, thì việc này không thể xảy ra.

Lại nữa, các chúng sinh đối với pháp thậm thâm bí mật của Như Lai đã nói, hoặc nghe, hoặc nói, hoặc hiểu biết, đều là do sức gia trì của Như Lai.

Lại nữa, này Bí mật chủ! Chánh ngữ của Như Lai khi diễn nói, nên biết là từ pháp tánh như thật, pháp tánh chân thường của Như Lai. Lại cũng từ sở hành như thật, sở hành chân thường Như Lai. Thế nên Như Lai dùng chánh ngữ để nói chánh pháp.

Này Bí mật chủ! Chư Phật Thế Tôn trong quá khứ, vị lai, hiện tại vì tất cả thế gian khó tin, khó hiểu chánh pháp Chánh đẳng chánh giác như vậy nên tuyên nói, dẫn dắt, rộng vì họ khai thị. Chúng sinh ấy nếu đối với chánh pháp thậm thâm khó tin, khó hiểu như vậy mà nghe rồi có thể sinh ra tin hiểu. Nên biết các chúng sinh ấy, không phải đã theo hầu gần gũi với một Đức Phật, mười Đức Phật mà đã từng ở chỗ trăm ngàn ức triệu Đức Phật theo hầu gần gũi. Nên biết, người này là Bồ-tát siêng tu phước hạnh.

Lại nữa, này Bí mật chủ! Giả sử khi núi chúa Tu-di bị sụp đổ thì làm sao có người hoặc dùng đỉnh đầu, vai mà mang vác. Nếu chúng sinh ấy không trồng căn lành mà có thể đối với chánh pháp thậm thâm như vậy khởi lên một niệm tin hiểu thanh tịnh, thì không có điều đó. Huống nữa là thọ trì đọc tụng, theo lời dạy tu hành.

Lại nữa, này Bí mật chủ! Nếu có chúng sinh có thể đối với chánh pháp Đại thừa, nghe rồi tin hiểu. Nên biết người này không phải đã theo hầu gần gũi một Đức Phật mà đã từng theo hầu gần gũi nhiều Đức Phật, đã rộng tu các thắng hạnh, gieo trồng căn lành trong pháp Đại thừa.

Khi ấy Đại Bồ-tát Tịch Tuệ đến trước Phật bạch rằng:

– Bạch Thế Tôn! Như Phật Thế Tôn nói pháp Cận chỉ, nghĩa ấy thế nào mà gọi là Cận chỉ? Pháp Cận chỉ này từ đâu mà đến?

Đức Phật dạy:

– Này thiện nam! Cận chỉ tức là chấm dứt ý tưởng phiền não. Chấm dứt phiền não tức là chấm dứt ý tưởng tư duy phân biệt biến kế. Chấm dứt tư duy phân biệt biến kế tức là chấm dứt ý tưởng tác ý. Chấm dứt tưởng tác ý tức là chấm dứt ý tưởng điên đảo. Chấm dứt điên đảo tức là chấm dứt nguyên nhân duyên theo đối tượng. Chấm dứt nguyên nhân duyên theo đối tượng tức là chấm dứt ý tưởng vô minh, hữu ái. Chấm dứt vô minh, hữu ái tức là chấm dứt ý tưởng ngã, ngã sở. Chấm dứt ngã, ngã sở tức là chấm dứt ý tưởng danh sắc. Chấm dứt danh sắc tức là chấm dứt ý tưởng đoạn, thường kiến. Chấm dứt đoạn, thường kiến tức là chấm

dứt ý tưởng hữu thân kiến.

Tịch Tuệ nên biết! Nếu tương ưng với kiến chấp về nguyên nhân duyên theo đối tượng, tức là các phiền não cũng tùy chuyển, tất cả đều từ nơi hữu thân kiến mà khởi. Nếu ai có khả năng chấm dứt hữu thân kiến, thì các kiến ấy chấm dứt. Nếu chấm dứt hữu thân kiến, thì tất cả nguyện cầu cũng chấm dứt. Nếu chấm dứt hữu thân kiến, thì các phiền não cũng dứt.

Tịch Tuệ! Ví như cây lớn bị chặt hết rễ thì tất cả cành, nhánh, lá đều bị khô héo. Hữu thân kiến này cũng lại như vậy. Nếu đã đạt pháp Cận chỉ, thì các phiền não cũng chấm dứt.

Tịch Tuệ nên biết! Bởi do ban đầu chúng sinh không hiểu rõ hữu thân kiến, cho nên các thứ phiền não cứ bám theo đó mà sinh. Nếu người nào có khả năng hiểu rõ hữu thân kiến, thì các thứ phiền não đeo bám không theo đó phát sinh và cũng không bị nó làm hại.

Bồ-tát Tịch Tuệ bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Làm sao để hiểu rõ hữu thân kiến?

Đức Phật đáp:

– Này Tịch Tuệ! Nếu thấy ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả v.v... mà không khởi, thì mới có thể hiểu rõ hữu thân kiến.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Hữu thân kiến không trụ bên trong, không trụ bên ngoài cũng không trụ bất cứ nơi nào. Do không trụ cho nên thấy không chỗ trụ. Tịch Tuệ! Trí vô trụ ấy hiểu rõ hữu thân kiến kia một cách như thật.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Hữu thân kiến tức là ý tưởng không. Nếu người nào tùy thuận với không trí nhẫn, thì không bị chấp thủ kiến. Như vậy người này hiểu rõ hữu thân kiến một cách như thật.

Lại nữa, hữu thân kiến tức là thấy vô tướng, vô nguyện, vô tác, vô sinh, vô khởi v.v... cái thấy này không bị chấp thủ. Đây tức là hiểu biết hữu thân kiến một cách như thật.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Hữu thân kiến tức là không thân, chẳng phải khai, chẳng phải hợp, tất cả đều là phân biệt không thật. Do phân biệt không thật, cho nên không có phân biệt cũng không lìa phân biệt. Do không phân biệt, không lìa phân biệt cho nên không có đối tượng tạo tác, không chướng, không khởi. Do không khởi cho nên không có đối tượng để hành. Do không đối tượng hành cho nên mới gọi là Cận chỉ.

Bồ-tát Tịch Tuệ thưa:

– Sao gọi là Cận tịch?

Đức Phật đáp:

– Này Tịch Tuệ! Có đối tượng duyên theo thì tâm như lửa đốt; nếu không có đối tượng để duyên và đối tượng tạo tác thì không có thiêu đốt, không có pháp thiêu đốt thì gọi là Cận tịch.

Khi lửa cháy dữ, lại thêm củi vào thì lửa càng bốc lên. Nếu không có củi thì lửa liền tắt. Lửa của tâm duyên theo đối tượng cháy cũng lại như vậy. Nếu không có tâm duyên theo đối tượng thì lửa tự tắt.

Tịch Tuệ! Bồ-tát đầy đủ phương tiện khéo léo, đối với các pháp duyên vào Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh, hiểu rõ pháp bình đẳng thù thắng không diệt mất duyên căn lành, ngăn chặn không để khởi lên duyên nhiễm pháp phiền não, luôn tinh tấn với pháp Ba-la-mật-đa thù thắng, vĩnh viễn đoạn diệt duyên nhiễm pháp ma nghiệp phiền não, không bao giờ rời bỏ pháp duyên theo Bồ-đề phần thanh tịnh, không chấp trước vào duyên ý lạc của Thanh văn, Duyên giác, không rời bỏ pháp đối tượng duyên với tâm Nhất thiết trí tối thượng, quán niệm, tư duy thật rõ ràng, sâu sắc về không có đối tượng duyên theo, mong muốn khởi phát duyên tâm đại Bi với tất cả chúng sinh.

Tịch Tuệ nên biết! Bồ-tát đầy đủ phương tiện khéo léo, đối với các pháp duyên theo Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh đều được tự tại; với đối tượng duyên không sinh khởi liền tư duy quyết định; với đối tượng duyên hòa hợp sinh khởi cũng không nhàm chán lìa bỏ; với đối tượng duyên không tạo tác mà lại thể nhập; với đối tượng duyên thực thi các căn lành đều khiến cho thông suốt; với đối tượng duyên không có tướng liền khéo tư duy chọn lấy; với đối tượng duyên theo tâm Bồ-đề thì vĩnh viễn không chán lìa; với đối tượng duyên vô nguyện liền dùng tuệ chân chánh quán sát; với đối tượng duyên theo ba cõi thì không sinh chán bỏ.

Bồ-tát dùng trí tuệ phương tiện đối với tất cả các đối tượng duyên theo không sinh khởi kia đều tự tại chuyển hóa. Nếu thấy đối tượng duyên bất tịnh liền trụ vào thân tâm thanh tịnh của Như Lai. Nếu duyên với vô thường thì trụ vào tâm không mệt mỏi đối với sinh tử. Nếu duyên với khổ sở thì khiến tất cả chúng sinh trụ vào tâm bình đẳng khoái lạc Niết-bàn. Nếu duyên với vô ngã thì trụ vào tâm đại Bi đối với tất cả chúng sinh. Nếu duyên với tham, thì ở trong chúng sinh có tâm tham, trụ tâm, dùng thuốc hay thanh tịnh mà khai sáng. Nếu duyên với sân thì ở trong chúng sinh có tâm sân, trụ tâm dùng thuốc Từ để khai sáng. Nếu duyên với si thì ở trong chúng sinh có tâm si, trụ tâm, đem thuốc hay duyên sinh để khai sáng. Nếu duyên với đẳng phần, thì ở trong chúng sinh đẳng phần, trụ tâm dùng thuốc

hay vô thường tưởng để khai sáng. Nếu duyên với tâm lìa tham thì trụ tâm trong pháp Thanh văn để khai hóa. Nếu duyên với tâm lìa sân thì trụ tâm trong pháp Duyên giác để khai hóa. Nếu duyên với tâm lìa si thì trụ tâm trong pháp Bồ-tát để khai hóa. Nếu duyên với sắc thì trụ tâm liền được sắc tướng tối thượng của Như Lai. Nếu duyên với thanh thì trụ tâm liền được âm thanh vi diệu của Như Lai. Nếu duyên với hương thì trụ tâm liền được giới hương thanh tịnh của Như Lai. Nếu duyên với vị thì tâm liền được tất cả vị tối thượng trong các vị tướng đại nhân thù thắng thanh tịnh của Như Lai. Nếu duyên với xúc, thì trụ tâm liền được tay chân mềm mại mịn màng của Như Lai. Nếu duyên với pháp thì trụ tâm quyết định được tất cả pháp của Như Lai. Nếu duyên với thí thì trụ vào tâm liền được tướng tối thượng của Như Lai. Nếu duyên với Giới thì trụ vào tâm đối với cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh. Nếu duyên với Nhẫn thì trụ tâm liền được Phạm âm thân tướng vàng ròng vi diệu thanh tịnh. Nếu duyên với Tinh tấn thì trụ vào tâm cứu độ tất cả chúng sinh. Nếu duyên với Định thì trụ vào tâm khởi lên thần thông diệu dụng. Nếu duyên với Tuệ thì trụ vào tâm đoạn tất cả phiền não các kiến chấp tương tục của chúng sinh. Nếu duyên với Từ thì trụ tâm khởi lên sự không chướng ngại đối với tất cả chúng sinh. Nếu duyên với Bi thì trụ tâm khởi lên sự hộ trì chánh pháp. Nếu duyên với Hỷ thì trụ tâm khởi lên hoan hỷ thuyết pháp. Nếu duyên với Xả thì trụ vào tâm lìa các sự trái thuận, thành tựu tất cả sự nghiệp của chúng sinh. Nếu duyên với bốn Nhiếp pháp thì trụ tâm khởi lên sự thành thục tất cả chúng sinh.

❑

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA BÍ MẬT CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI

QUYỂN 13

Phẩm 15: ĐỐI TƯỢNG DUYÊN (Phần 2)

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Nếu các Bồ-tát muốn đối trị với đối tượng duyên lỗi lầm keo kiệt thì khởi và trụ tâm xả hết tất cả sở hữu của chính mình. Nếu vì đối trị với đối tượng duyên lỗi lầm phá giới thì khởi và trụ tâm trì giới. Nếu vì đối trị với đối tượng duyên lỗi lầm sân nhuế thì khởi và trụ tâm nhẫn nhục kiên cố. Nếu vì đối trị với đối tượng duyên lỗi lầm biếng nhác thì khởi và trụ tâm tinh tấn thành tựu lực thù thắng của Như Lai. Nếu vì đối trị với đối tượng duyên lỗi lầm tán loạn thì khởi và trụ tâm để được thiền định của Như Lai. Nếu vì đối trị với đối tượng duyên lỗi lầm nhiễm tuệ thì khởi và trụ tâm vào viên mãn trí vô ngại. Nếu vì tác ý với đối tượng duyên của Thanh văn thì khởi và trụ tâm tích tập Đại thừa. Nếu vì đối tượng duyên nhàm chán thì khởi và trụ tâm không tạo các tội. Nếu vì đối tượng duyên ác thú thì khởi và trụ tâm, trong khoảng sát-na cứu độ các ác thú. Nếu vì tác ý với đối tượng duyên cõi trời thì khởi và trụ tâm, hoặc thành hoặc hoại hậu biên. Nếu vì tác ý với đối tượng duyên cõi người thì khởi và trụ tâm không kiên cố. Nếu vì tác ý với đối tượng duyên niệm Phật thì khởi và trụ tâm được chư Phật nhiếp thọ. Nếu vì tác ý với đối tượng duyên niệm Pháp thì khởi và trụ tâm không keo kiệt Pháp. Nếu vì tác ý với đối tượng duyên niệm Tăng thì khởi và trụ tâm được pháp luân không thoái chuyển. Nếu vì tác ý với đối tượng duyên niệm Xả thì khởi và trụ tâm xả hết tất cả. Nếu vì tác ý với đối tượng duyên niệm Giới thì khởi và trụ tâm cầu nguyện Định giác chi thù thắng viên mãn. Nếu vì tác ý với đối tượng duyên niệm Thiên thì khởi và trụ tâm vào trí tuệ gia trì của Phật mà chư Thiên khen ngợi. Nếu vì tác ý với đối tượng duyên là thân thì khởi và trụ tâm, liền được thân thanh tịnh của Phật. Nếu vì tác ý với đối tượng duyên là ngôn ngữ thì khởi và trụ tâm, liền được lời nói thanh tịnh của chư Phật. Nếu vì tác ý với đối tượng duyên là tâm thì khởi và trụ tâm, liền được tâm bình đẳng

thanh tịnh của Phật. Nếu vì duyên theo pháp hữu vi thì khởi và trụ tâm viên mãn trí của Như Lai. Nếu vì duyên theo pháp vô vi thì khởi và trụ tâm viên mãn trí của Phật.

Tịch Tuệ nên biết! Những pháp như vậy hoặc có sở duyên, nhưng các Bồ-tát không thể không trụ vào pháp môn hiện tiền trí Nhất thiết trí. Lại nữa, khi trụ trong tất cả đối tượng duyên, các Bồ-tát đều hồi hướng về đạo Bồ-đề. Đây gọi là phương tiện khéo léo, quán sát thông đạt hiểu biết tất cả pháp của Bồ-tát.

Tịch Tuệ! Ví như tất cả đại địa trong tam thiên đại thiên thế giới sản sinh các loại, các loại ấy đều là vật thọ dụng của tất cả chúng sinh. Các Bồ-tát cũng lại như vậy, có tất cả cảnh sở duyên đều là phương tiện khéo léo. Bồ-tát cùng thọ dụng Bồ-đề đạo phần, không đâu không thành thục Bồ-đề đạo pháp. Lại như sắc pháp, tất cả đều do bốn đại tạo thành, Phương tiện khéo léo của Bồ-tát cũng lại như vậy, hoặc có đối tượng duyên đều là do tướng Bồ-đề thù thắng hòa hợp tương ưng.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Nếu có chúng sinh keo kiệt làm việc ác, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà Bố thí ba-la-mật-đa, Trì giới ba-la-mật-đa một cách viên mãn. Nếu các chúng sinh khởi tâm sân nhuế, biếng nhác, Bồ-tát liền vì họ mà Nhẫn nhục ba-la-mật-đa, Tinh tấn ba-la-mật-đa một cách viên mãn. Nếu các chúng sinh khởi tâm tán loạn và ngu si, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà Thiền định ba-la-mật-đa, Tuệ thù thắng ba-la-mật-đa một cách viên mãn. Nếu các chúng sinh không có lòng thương xót, Bồ-tát đối với chúng sinh ấy không có tâm nghịch hại. Nếu các chúng sinh có tâm nhiêu ích, thì Bồ-tát đối với chúng sinh ấy không có tâm tùy thuận. Nếu các chúng sinh thường được khen ngợi, Bồ-tát đối với chúng sinh ấy không có cao tâm. Nếu các chúng sinh không được khen ngợi, Bồ-tát đối với chúng sinh ấy cũng không có tâm thấp. Nếu thấy tất cả chúng sinh khổ não, Bồ-tát liền khởi tâm đại Bi. Nếu thấy tất cả chúng sinh vui thích, Bồ-tát liền khởi tâm hoan hỷ. Nếu thấy tất cả chúng sinh thô lỗ hung ác, Bồ-tát liền khởi tâm điều phục. Nếu thấy tất cả chúng sinh điều thuận, Bồ-tát liền khởi tâm từ ái. Nếu thấy chúng sinh có đầy đủ duyên lực, Bồ-tát liền khởi tâm ủng hộ. Nếu thấy chúng sinh có đầy đủ nhân lực, Bồ-tát liền khởi tâm nhiếp hóa, nhiếp hóa rồi mới theo đó mà trao truyền. Nếu thấy chúng sinh có trí tuệ sáng suốt, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà tuyên nói pháp thậm thâm. Nếu thấy chúng sinh có đầy đủ trí diễn thuyết, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà nói pháp rộng lớn. Nếu thấy chúng sinh như lý, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà lần lượt nói pháp. Nếu thấy chúng sinh ham thích văn cú, Bồ-tát liền

dùng văn cú nói pháp tóm lược cho họ. Nếu thấy chúng sinh thích dùng Xa-ma-tha để hướng dẫn Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà nói Tỳ-bát-xá-na. Nếu thấy chúng sinh thích dùng Tỳ-bát-xá-na để hướng dẫn, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà nói pháp để thể nhập Tam-ma-địa. Nếu thấy chúng sinh thích trì giới, Bồ-tát trước vì chúng sinh ấy mà nói pháp không cứu cánh, sau lại nói các việc khổ ở địa ngục. Nếu thấy chúng sinh thích đa văn, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà nói pháp không nghi hoặc. Nếu thấy chúng sinh thích Tam-ma-địa, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà nói pháp thể nhập tuệ. Nếu thấy chúng sinh thích ở nơi đồng trống, Bồ-tát vì chúng sinh ấy mà nói pháp tịch tĩnh. Nếu thấy chúng sinh thích tu hạnh Đầu-đà, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà nói pháp căn Thánh tuệ. Nếu thấy chúng sinh độn căn, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà nói pháp Văn tùy thuận. Nếu thấy chúng sinh chấp chặt tham lam, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà nói pháp bất tịnh. Nếu thấy chúng sinh chấp chặt vào pháp sân, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà nói pháp Từ tâm. Nếu thấy chúng sinh chấp chặt vào pháp si, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà nói pháp Duyên sinh. Nếu thấy chúng sinh có tánh đẳng phần, Bồ-tát liền tùy theo từng tánh một mà rộng nói pháp, như là pháp Bất tịnh, pháp Từ tâm, pháp Duyên sinh. Nếu người đáng dùng các pháp tùy thuận để độ, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà nói pháp Giới tăng thượng, pháp Tâm tăng thượng, pháp Tuệ tăng thượng. Nếu thấy chúng sinh đáng dùng tướng thù thắng của Phật để hóa độ, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà nói pháp chân thật tùy thuận Bồ-đề phần. Nếu thấy chúng sinh khinh mạn đáng được hóa độ, trước hết Bồ-tát ngăn chặn tánh khinh mạn rồi sau mới nói pháp. Nếu thấy chúng sinh luôn thích quán Thánh tướng Bồ-tát, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà hiện thân, nếu chúng sinh ấy căn chưa thuần thục thì không nên nói pháp. Nếu thấy chúng sinh ham thích nói pháp đáng được hóa độ, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà dùng duyên khởi thí dụ giải thích nói pháp. Nếu thấy chúng sinh thích pháp thậm thâm đáng được hóa độ, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà nói pháp Duyên sinh, Vô ngã, Vô nhân, Vô chúng sinh. Nếu thấy chúng sinh chấp trước các kiến, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà nói pháp Không. Nếu thấy chúng sinh khởi tâm tìm cầu, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà nói pháp Vô tướng. Nếu thấy chúng sinh khởi lên cầu nguyện, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy nói pháp Vô nguyện. Nếu thấy chúng sinh chấp trước các uẩn, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy nói pháp như huyễn. Nếu thấy chúng sinh chấp trước các cõi, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà nói pháp khéo lựa chọn. Nếu thấy chúng sinh chấp trước các cảnh giới, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy nói pháp như mộng. Nếu thấy chúng sinh đắm trước Dục giới, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy nói pháp

phiền não bức bách. Nếu thấy chúng sinh đắm trước Sắc giới, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy nói pháp các hành là khổ. Nếu thấy chúng sinh đắm trước Vô sắc giới Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà nói pháp các hành là vô thường. Nếu thấy chúng sinh đáng dùng pháp khổ để hóa độ, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy nói pháp, khiến chúng sinh tâm hoan hỷ đối với Thánh chủng. Nếu thấy chúng sinh đáng dùng pháp lạc để hóa độ, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy nói pháp thiền định vô lượng. Nếu thấy chúng sinh đáng dùng pháp lạc thiện thú để hóa độ, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà nói pháp lạc thuần nhất. Nếu thấy chúng sinh đắm trước các tướng đáng được hóa độ, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà nói pháp vô ngã, vô thủ. Nếu thấy chúng sinh ham thích pháp Thanh văn đáng được hóa độ, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà trao truyền pháp thủ chứng. Nếu thấy chúng sinh thích pháp Duyên giác đáng được hóa độ, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy tuyên nói pháp tóm lược sự nghĩa. Nếu thấy chúng sinh thích Bồ-tát mới phát tâm đáng được hóa độ, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy mà nói pháp thâm tâm phát khởi đại Bi. Nếu thấy chúng sinh đáng dùng pháp đạo hạnh mà Bồ-tát đã tu tập từ lâu để hóa độ, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy ở trong luân hồi nói pháp không biết mệt mỏi. Nếu thấy chúng sinh đáng dùng pháp không thoái chuyển của Bồ-tát để hóa độ, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy nói pháp trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh. Nếu thấy chúng sinh đáng dùng pháp Nhất sinh bổ xứ của Bồ-tát để hóa độ, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy nói pháp trang nghiêm đại Bồ-đề tràng. Nếu thấy chúng sinh đáng dùng thân Phật để hóa độ, Bồ-tát liền vì chúng sinh ấy nói pháp hạnh thù thắng bất không tương tục của Bồ-tát.

Tịch Tuệ nên biết! Các pháp như vậy đều là pháp đầy đủ trí tuệ phương tiện của các Đại Bồ-tát, được tự tại trong các đối tượng duyên thanh tịnh, cho nên rộng nói pháp Bất không. Vì khiến tất cả chúng sinh hoan hỷ nên Bồ-tát nói pháp.

Lúc nói pháp này, trong hội có mười ngàn người phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ, năm ngàn Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn.

□

Phẩm 16: THỌ KÝ ĐẠI BÍ MẬT CHỦ BỒ-TÁT KIM CANG THỦ (Phần 2)

Lúc ấy, các Bồ-tát trong hội đều khởi ý nghĩ như vầy: “Còn bao lâu

nữa Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ mới thành tựu quả vị Giác ngộ cao tột? Cõi Phật ấy tên là gì? Bồ-tát thành Phật hiệu là gì? Quyến thuộc viên mãn số ấy bao nhiêu?"

Khi ấy Đức Thế Tôn biết tâm niệm của các Bồ-tát liền mỉm cười; pháp mà chư Phật mỉm cười nhất định là có nhân duyên. Lúc đó, từ mặt Thế Tôn phóng ra vô lượng tia sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía, xanh biếc. Các tia sáng ấy chiếu khắp vô lượng, vô biên thế giới đến tận cả Phạm thế, rồi ánh sáng ấy xoay trở lại chỗ Phật vòng quanh ba vòng bên phải rồi nhập vào đảnh Phật.

Lúc đó Đại Bồ-tát Tịch Tuệ ở trước Đức Phật chắp tay cung kính, dùng kệ vi diệu thỉnh hỏi:

Như tia sắc vàng diệu vô cấu
Mặt như vầng trăng, thể rạng ngời
Ánh sáng nhật quang xua tăm tối
Thế Tôn mỉm cười vì lý gì?
Tư thế tịch định tướng hoa sen
Rống tiếng đại Bi tăng tấn lực
Niệm trí công đức, xông diệu hương
Thiện Thệ liên hoa cớ sao cười?
Niệm như đèn sáng, định như dầu
Đốt đèn Từ bi phá tam cấu
Ánh sáng diệu tuệ xua tối tăm
Thiện Thệ trí sáng vì sao cười?
Vầng sáng Từ bi, tuệ quán sát
Dứt trừ tam cấu, diệt tối tăm
Tịnh khai mắt trí lợi thế gian
Phật nhật diệu quang cớ sao cười?
Phật biết ý ba cõi thế gian
Chiếu thấu tất cả tâm trời, người
Mắt hiền Thế Tôn nhìn chúng sinh
Nay đây duyên cớ Thế Tôn cười?

Bồ-tát Tịch Tuệ nói kệ xong, Đức Thế Tôn liền bảo Đại Bồ-tát Tịch Tuệ:

– Nay Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ này, vào hiền kiếp ở chỗ chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, cầm chày Kim cang, thường xuyên cúng dường đem tâm lợi ích giữ gìn chánh pháp. Nay ở trong giáo pháp bí mật của ta xiển dương rộng rãi. Vì vô lượng tất cả chúng sinh

mà thành thục căn lành Bồ-đề tối thượng. Trong hiền kiếp này, cho đến cuối cùng ở trong pháp của Đức Như Lai Lâu-chí mà nhập diệt, rồi sinh qua thế giới Cực lạc trong cõi của Đức Như Lai A-súc, Đức Như Lai A-súc vì các Bồ-tát mà nói một trăm lẻ tám ấn bí mật. Lúc đó, Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ nghe pháp bí mật ấy rồi, không nhờ gia hạnh mà đã hiểu rõ nghĩa thú, tùy thuận theo lý như thật tu hành. Về sau lại ở chỗ vô lượng, vô số các Đức Như Lai thân gần cung kính tôn trọng cúng dường. Bồ-tát Kim Cang Thủ ở chỗ mỗi Đức Phật ấy, đều tu phạm hạnh hộ trì chánh pháp, rộng vì trăm ngàn ức chúng sinh mà thành thục pháp Giác ngộ. Về sau quá hằng hà sa số kiếp, viên mãn Bồ-đề pháp phần, rồi mới thành Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, hiệu là Kim Cang Bộ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời. Thế giới ấy tên là Phổ tịnh, kiếp tên Thanh diệu. Này Tịch Tuệ! Thế giới Phổ tịnh, cõi nước của Đức Như Lai Kim Cang Bộ, an ổn sung sướng, trang nghiêm thanh tịnh trong suốt đẹp mắt, trời, người đông đúc, Bồ-tát vô kể, đầy đủ bảy báu, trang nghiêm đẹp đẽ lạ thường. Các thứ bảy báu như vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách và ngọc châu đỏ, bảy thứ báu này được cất chứa cao đến tám bước ở trong thế giới ấy. Đất đai bằng phẳng như lòng bàn tay, mềm mại như Ca-tả-lân-ni, ai cũng thích rờ vào. Dựng tràng phan vi diệu, dây báu đan chéo nhau, hoa báu trời vi diệu rơi xuống khắp nơi, các thứ hương thơm tinh diệu xông tỏa, trong hư không âm nhạc tự nhiên trỗi lên, không có các đường ác và hiểm nạn, thọ dụng tối thắng như cõi trời Đâu-suất.

Lại nữa, thế giới ấy, tùy theo ý muốn mà được đầy đủ cung điện, nhà cửa, vườn rừng, lầu gác, ăn uống, y phục và các thứ trang nghiêm khác, tất cả đều đầy đủ tùy ý sử dụng. Sự thọ dụng này cũng giống như trời, người không khác; các trời, người lòng tin rộng lớn, thâm hiểu trí Phật.

Lại nữa, ở thế giới ấy không nghe đến danh tự của hàng Nhị thừa Thanh văn, Duyên giác. Đức Phật ấy nói pháp thuần nhất thanh tịnh của Đại Bồ-tát, Đức Như Lai Kim Cang Bộ có trăm ngàn Bồ-tát làm quyến thuộc. Người trong thế giới ấy không hoại luật nghi, thọ mạng không giảm, không phá giới hạnh, không mất chánh kiến, cũng không có các hạng người điên cuồng, câm điếc, què, lưng gù, xin ăn, hung ác, tranh đấu, các căn khuyết giảm...; tất cả đều trang nghiêm đầy đủ hai mươi tám tướng thù thắng của trời, người. Đức Phật ấy thọ đến tám trung kiếp, trong khoảng thế gian đó không có trời, người chết yểu.

Tịch Tuệ nên biết! Các việc của Đức Như Lai Kim Cang Bộ là như vậy và còn có vô lượng công đức thù thắng khác. Đức Phật Thế Tôn ấy khi muốn nói pháp liền phóng ánh sáng. Các chúng sinh thấy được ánh sáng này, liền biết Như Lai tuyên nói diệu pháp. Nếu có chúng sinh khởi lên suy nghĩ muốn đến chỗ Phật để chiêm ngưỡng nghe pháp, liền nhờ vào sức thần thông trí lực gia trì của Đức Phật ấy mà liền đến chỗ Phật. Hoặc có chúng sinh tự dùng thần lực để đến chỗ Phật, tức thì đại chúng trời, người đều đến tập hội. Lúc đó Đức Thế Tôn ấy liền bay lên hư không cao bằng trăm ngàn cây Đa-la, tất cả bốn đại châu đều thấy thân tướng rộng lớn của Như Lai. Lại mười phương thế giới đều nghe tiếng thanh tịnh vi diệu của Như Lai phát ra, tất cả chúng sinh nghe đều vui thích.

Lại nữa, khi Đức Như Lai ấy tuyên nói chánh pháp cho các Bồ-tát, không có một chúng sinh nào trái với pháp mà Đức Như Lai đã nói. Các chúng sinh ấy căn tánh đều lanh lẹ hiểu biết nhanh chóng. Lại thế giới ấy không có vua, chỉ có Phật Thế Tôn Kim Cang Bộ Như Lai là Pháp vương tối thượng, tất cả chúng sinh ở cõi ấy không chấp, không ngã.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Đức Kim Cang Bộ Như Lai ở trong cõi trời, người đó, muốn đi khất thực, thì lúc đó hoặc trời, hoặc người liền thấy Thánh tượng Như Lai đứng ở trước ôm cầm bình bát. Các trời, người ấy thấy thánh tượng rồi, đều muốn dâng thức ăn thanh tịnh lên Như Lai và tùy theo ý muốn mà các dụng cụ để ngồi, nằm và thức ăn trăm vị... thảy đều trang nghiêm đầy đủ. Đức Phật ấy biết đúng thời mà nhận sự cúng dường. Đức Phật nhận cúng dường rồi, liền rời khỏi nhà trở về Tăng phòng của Như Lai. Các Bồ-tát cũng tùy sự thích ứng mà nhập Tam-ma-địa.

Tịch Tuệ nên biết! Thế giới mà Đức Như Lai kia ở đầy đủ như vậy và còn có vô lượng công đức thù thắng khác nữa, cho nên gọi là thế giới Phổ tịnh.

❑

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA BÍ MẬT CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI

QUYỂN 14

Phẩm 16: THỌ KÝ ĐẠI BÍ MẬT CHỦ BỒ-TÁT KIM CANG THỦ (Phần 2)

Khi Đức Thế Tôn thọ ký cho Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ, trong hội có hai vạn người phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ, tất cả đều nguyện sinh vào cõi của Đức Kim Cang Bộ Như Lai, thế giới Phổ tịnh.

Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ nghe Phật thọ ký như vậy tâm sinh vui thích phấn khởi hoan hỷ, liền ném chày Kim cang, tam thiên đại thiên thế giới sáu cách chấn động, trời mưa các hoa âm nhạc trỗi lên. Lại ở trong tất cả chúng hội, tay phải tự nhiên hiện ra các vòng hoa màu sắc tươi đẹp tối thượng.

Khi ấy, Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ ở trước Phật chắp tay chí thành nói kệ rằng:

Đấng Pháp Vương quảng bác
Diệu pháp tạng vô tận
Vì lợi ích thế gian
Khéo phân biệt các pháp.
Đã ở trong các pháp
Xả trừ ý keo kiệt
Tùy pháp, nương pháp tu
Con quy mạng Thiện Trụ.
Phật tịnh hóa Bồ-tát
Hạnh thanh tịnh viên mãn
Danh xưng Công Đức Vương
Vang khắp cả ba cõi,
Hay ở trong thế gian
Thường trì trí vô tận
Khéo tu hạnh bình đẳng
Đảnh lễ không chướng ngại,

Nguyệt quang thật viên tịnh
Biến tịnh lại thanh tịnh
Nhật quang thật sáng rỡ
Diệu quang càng tụ sáng,
Phạm âm cực diệu âm
Tịnh âm tiếng thâm diệu
Tam bảo vượt kim quang
Nên nay con đảnh lễ.
Thường hiện thân tịnh diệu
Lìa nói năng phân biệt
Tuy là Đại Pháp Sư
Nhưng không sinh pháp tưởng,
Giải thoát các chúng sinh
Nhưng không chúng sinh tưởng
Thế gian làm thế nào
Để báo đại ân Phật?
Trong công đức thắng lợi
Chỉ xuất gia mới báo
Khi nghe Phật trao truyền
Nên chuyển vô úy pháp
Tùy chỗ thọ pháp môn
Chân tu hành như lý.

Khi ấy, Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ và tất cả đại chúng trong hội, đều đem các vòng hoa đẹp rải lên Đức Phật. Nhờ oai thần của Phật nên khi rải vòng hoa, tức thời khắp tam thiên đại thiên thế giới, đều hiện các vòng hoa đẹp trang nghiêm, tất cả tích tụ đến tám bước chân.

□

Phẩm 17: KHÔNG CÓ HAI, KHÔNG NGÔN THUYẾT

Khi ấy Đại Bồ-tát Tịch Tuệ đến trước thưa với Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ:

– Thưa Bí mật chủ! Thế Tôn Như Lai đã thọ ký cho nhân giả rồi ư?

Kim Cang Thủ đáp:

– Này thiện nam! Đức Phật thọ ký cho tôi, tự tánh cũng như mộng.

Tịch Tuệ hỏi:

– Nay Bồ-tát được thọ ký, vậy có sở đắc gì?

Kim Cang Thủ đáp:

– Vì không có sở đắc, cho nên tôi mới được thọ ký.

Tịch Tuệ hỏi:

– Không sở đắc pháp gì?

Kim Cang Thủ đáp:

– Ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả đều là không sở đắc; uẩn, xứ, giới cũng không sở đắc cho đến thiện, bất thiện; tội, không tội; hữu lậu, vô lậu; thế gian, xuất thế gian; hữu vi, vô vi; hoặc nhiễm; hoặc tịnh; sinh tử, Niết-bàn đều không sở đắc.

Tịch Tuệ hỏi:

– Nếu không sở đắc, thì tại sao trong đó lại có thọ ký?

Kim Cang Thủ đáp:

– Do không sở đắc, cho nên trong đó dùng trí thông đạt mà được thọ ký.

Tịch Tuệ hỏi:

– Trí nào có hai mà có thể quán?

Kim Cang Thủ đáp:

– Nếu như có thể quán có hai thể được thọ ký, nhưng vì trí ấy có thể quán có hai, cho nên các Bồ-tát ở trong trí không hai đó mà thọ ký như vậy.

Tịch Tuệ hỏi:

– Nếu trí không hai có thể quán, thì tại sao có chủ thể thọ ký và đối tượng được thọ ký?

Kim Cang Thủ đáp:

– Hoặc chủ thể thọ ký hoặc đối tượng được thọ ký mà dùng tánh bình đẳng ở trong vô nhị tế đều không có sở đắc.

Tịch Tuệ hỏi:

– Thưa Bí mật chủ! Ở trong vô nhị tế thì làm sao có thọ ký?

Kim Cang Thủ đáp:

– Nếu tế kia như vậy thì chính là vô nhị tế. Thế nên, ở trong tế ấy thọ ký như vậy.

Tịch Tuệ hỏi:

– Sao gọi là Tế? Lại đối với xứ nào mới được thọ ký?

Kim Cang Thủ đáp:

– Thọ ký ngã tế xứ, thọ ký chúng sinh tế xứ, thọ giả tế xứ, nhân tế xứ.

Tịch Tuệ hỏi:

– Ngã tế xứ ở tại đâu?

Kim Cang Thủ đáp:

– Tức là Như Lai giải thoát tế xứ.

Tịch Tuệ hỏi:

– Như Lai giải thoát tế xứ tại đâu?

Kim Cang Thủ đáp:

– Như Lai giải thoát tế xứ tại vô minh, hữu, ái tế xứ.

Tịch Tuệ hỏi:

– Vô minh, hữu, ái tế xứ tại đâu?

Kim Cang Thủ đáp:

– Tại rốt ráo, vô sinh, vô khởi tế xứ.

Tịch Tuệ hỏi:

– Rốt ráo, vô sinh, vô khởi tế xứ tại đâu?

Kim Cang Thủ đáp:

– Tại chỗ không biểu hiện.

Tịch Tuệ hỏi:

– Nếu không biểu hiện thì làm sao khai thị?

Kim Cang Thủ đáp:

– Nếu có khai thị tức chẳng phải là không biểu hiện.

Tịch Tuệ hỏi:

– Thế nào là không khai thị?

Kim Cang Thủ đáp:

– Nếu có biểu hiện, thì không khai thị.

Tịch Tuệ hỏi:

– Nếu không khai thị thì làm sao dạy dỗ?

Kim Cang Thủ đáp:

– Nếu có dạy dỗ tức là không khai thị, nếu không khai thị thì không dạy dỗ.

Tịch Tuệ hỏi:

– Làm sao được dạy dỗ?

Kim Cang Thủ đáp:

– Tuy là có biểu hiện, nhưng không có tiếp nhận.

Tịch Tuệ hỏi:

– Sao gọi có biểu hiện mà không có tiếp nhận?

Kim Cang Thủ đáp:

– Nếu không chấp trước vào văn tự, tức là không tiếp nhận.

Tịch Tuệ hỏi:

– Thế nào là không chấp trước văn tự?

Kim Cang Thủ đáp:

– Là nghĩa tùy thuận.

Tịch Tuệ hỏi:

– Sao lại gọi là nghĩa tùy thuận?

Kim Cang Thủ đáp:

– Đối với nghĩa mà không có kiến chấp.

Tịch Tuệ hỏi:

– Tại sao đối với nghĩa mà không kiến chấp?

Kim Cang Thủ đáp:

– Hoặc là nghĩa, hay chẳng phải nghĩa, nếu ở trong đó mà tìm cầu thì không thể được.

Tịch Tuệ hỏi:

– Nếu đối với nghĩa, không phải nghĩa tìm cầu thì không thể được, vậy thì tìm cầu ở đâu?

Kim Cang Thủ đáp:

– Do đối với nghĩa, chẳng phải nghĩa tìm cầu không thể được, cho nên không có pháp để tìm cầu.

Tịch Tuệ hỏi:

– Nếu không có pháp để tìm cầu, như vậy đối với tất cả đều không tìm cầu sao?

Kim Cang Thủ đáp:

– Trong đó không có một pháp nhỏ nào để có thể tìm cầu. Vì sao? Vì không có pháp để tìm cầu, cho nên pháp tức là không pháp.

Tịch Tuệ hỏi:

– Vậy trong đó, cái nào gọi là pháp?

Kim Cang Thủ đáp:

– Tiếng gọi là pháp còn không thể được, thì làm gì có pháp. Này thiện nam! Phải nên biết như vậy. Nếu nói pháp là đối với văn tự, không trước không hành. Thế nên nói tất cả pháp là không có nói năng.

Này thiện nam! Nếu có người nói và lời được nói ra, thì đó không phải là nói. Do không nói cho nên không có pháp cũng không phải như lý.

Tịch Tuệ thưa:

– Thưa Bí mật chủ! Nếu như vậy thì lời nói pháp của Như Lai cũng không phải là nói ư?

Kim Cang Thủ đáp:

– Này Tịch Tuệ! Ông không nghe trước ta đã vì ông mà nói rằng Thế Tôn Như Lai không nói một chữ đó sao? Do không nói cho nên Như Lai mới dùng thần thông nguyện lực tùy theo ý của các chúng sinh mà có nói ra.

Tịch Tuệ hỏi:

– Nếu có nói ra thì bị lỗi lầm gì?

Kim Cang Thủ đáp:

– Nếu có nói ra, thì mắc lỗi lầm về ngữ nghiệp.

Tịch Tuệ hỏi:

– Ngữ nghiệp ấy mắc lỗi lầm gì?

Kim Cang Thủ đáp:

– Mắc lỗi lầm về chấp trước văn tự tư duy.

Tịch Tuệ hỏi:

– Vậy thì làm thế nào để lìa lỗi lầm này?

Kim Cang Thủ đáp:

– Trong tất cả pháp, hoặc có nói ra, hoặc không có nói ra đều không có một pháp nhỏ nào mà có thể biểu hiện rõ. Do không biểu hiện cho nên lìa được lỗi lầm. Lại nữa, đối với bản thân mình mà không có khai thị cũng là lìa lỗi lầm.

Tịch Tuệ hỏi:

– Căn bản của lỗi lầm ấy là gì?

Kim Cang Thủ đáp:

– Lỗi lầm ấy thủ là căn bản.

Tịch Tuệ hỏi:

– Thủ chấp lấy gì làm căn bản?

Kim Cang Thủ đáp:

– Lấy chấp trước làm căn bản.

Tịch Tuệ hỏi:

– Chấp trước lấy gì làm căn bản?

Kim Cang Thủ đáp:

– Lấy phân biệt hư vọng làm căn bản.

Tịch Tuệ hỏi:

– Phân biệt hư vọng lấy gì làm căn bản?

Kim Cang Thủ đáp:

– Tăng thượng sở duyên kiến làm căn bản.

Tịch Tuệ hỏi:

– Tăng thượng sở duyên kiến lấy gì làm căn bản?

Kim Cang Thủ đáp:

– Lấy sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp làm căn bản của tăng thượng sở duyên.

Tịch Tuệ hỏi:

– Thế nào là không sở duyên?

Kim Cang Thủ đáp:

– Ái không liên tục tức là không sở duyên. Tịch Tuệ nên biết! Như Đức Phật đã nói, trong tất cả pháp, nếu đoạn ái tức là không sở duyên.

Lúc Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ nói pháp này, trong hội có năm trăm Tỳ-kheo tâm được giải thoát, hai trăm Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn.

□

Phẩm 18: VÀO THÀNH LỚN KHOÁNG DÃ THỌ THỰC

(Phần 1)

Lúc đó Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ được thọ ký mãn nguyện rồi, tâm được an ủi sinh đại hoan hỷ, vui thích phấn khởi đến trước Phật bạch rằng:

– Bạch Thế Tôn! Nay con ân cần thỉnh Thế Tôn đến nghỉ tại cung Bí mật của con, con xin cúng dường bảy ngày và cung thỉnh Bồ-tát, Thanh văn, đại chúng, ngưỡng mong Phật Từ Bi thương xót nhận thỉnh. Vì sao? Thưa Thế Tôn! Vì trong thành lớn Khoáng dã có rất nhiều Dạ-xoa, La-sát, Cưu-bàn-trà, Tất-xá-tả, Càn-thát-bà, Ma-hầu-la-già... cùng các loài chúng sinh khác đều ở trong đó, để cho chúng được thấy Thế Tôn, từ đó được lợi ích an lạc nhiều kiếp, dứt trừ tâm hung ác tàn bạo. Lại cũng khiến cho Tứ đại Thiên vương và các quyến thuộc được lợi ích an ổn trong nhiều kiếp. Nếu Thế Tôn thương xót con, thì đến cung của con; Bồ-tát, Thanh văn tùy ý thọ cúng. Nhờ công đức đó khiến cho vô lượng chúng sinh tăng trưởng căn lành, lại khiến chúng con viên mãn ý nguyện.

Sau khi Bồ-tát Kim Cang Thủ thưa thỉnh, Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ biết Phật im lặng nhận lời, tâm sinh hoan hỷ phấn khởi vui vẻ, liền đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu bên phải bảy vòng, rồi vội rời khỏi chúng hội, trở về thành lớn Khoáng dã nơi ngài đang ở.

Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ về cung mình rồi, liền suy nghĩ: "Ta nay cúng dường như thế nào? Y theo cảnh giới trang nghiêm nào để trang nghiêm, khiến cho các Thiên tử cõi trời Dục giới, Sắc giới khởi tâm hy hữu, lại khiến các Đại Bồ-tát trong mười phương thế giới đến tập hội đều sinh tâm hoan hỷ. Lúc đó, ta sẽ cúng dường rộng lớn lên Thế Tôn".

Nghĩ như vậy rồi, Kim Cang Thủ tự nhớ lại: "Vào một thuở xa xưa, đêm đó, Đức Phật nhập Tam-ma-địa, định ấy gọi là Tịch tĩnh chẳng nghĩ bàn sở hành quảng đại. Ta cũng theo Phật nhập vào định đó. Về phương Đông, cách thế giới này quá hằng hà sa số cõi Phật, có một thế giới tên là Vô biên công đức bảo trang nghiêm, cõi ấy có Đức Phật hiệu là Trang Nghiêm Vương. Hóa chủ Thế Tôn ở cõi Phật ấy thọ ký Bồ-đề cho mười ngàn Bồ-tát. Lúc đó ta thấy cõi Phật ấy thật là chẳng thể nghĩ bàn, trời, người trang nghiêm, thù thắng hơn tất cả việc trang nghiêm vi diệu. Vậy nay, ta nên theo cách thức trang nghiêm ở cõi Vô biên công đức bảo trang nghiêm mà trang nghiêm, để cúng dường lên Thế Tôn".

Khi ấy, Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ liền nhập vào chánh

định Đại trang nghiêm vương. Ở trong chánh định quán sát như thật, thấy ở thế giới Vô biên công đức bảo trang nghiêm kia đầy đủ các thứ vi diệu đặc biệt. Theo như sự quán biết đó, liền vận thần lực, ở trong thành lớn Khoáng dã này xếp đặt trang nghiêm không khác gì thế giới kia. Thế giới Vô biên công đức bảo trang nghiêm kia, Đông, Tây, Nam, Bắc, ngang dọc bằng phẳng sáu mươi bốn do-tuần, lấy lưu ly xanh làm đất, đế thanh đại bảo làm tường, rủ hoa châu anh lạc, trang nghiêm các thứ báu, vàng Diêm-phù-đàn làm hoa sen, cành lá bằng các báu, các thứ báu anh lạc xen lộn trải ra. Lại có vô số y báu cõi trời, có vô số châu anh trang sức, lại có vô số gấm lụa đẹp đẽ lạ thường, dùng vô số vòng hoa báu đẹp vi diệu rủ xuống, hương đốt, hương xoa các bình quý báu cũng vô số. Ai nấy nhìn thấy, ý sinh vui vẻ cho là lạ thường, hoặc thân hoặc tâm hoan hỷ khoái thích. Xuất hiện vô số báu công đức, lại hiện vô số sắc tướng trang nghiêm, lại có trăm ngàn tòa Sư tử trang nghiêm tuyệt đẹp, gối báu gác chân, võng báu chéo nhau, trang nghiêm hoa báu, rủ lưới chân châu, cất chứa giáp vòng cao đến tám bước. Lại trải ra vô số thiên y, trên hư không lại có lưới báu rủ che. Các thứ trang nghiêm vi diệu như vậy, ở trong các thế giới lớn khác xưa nay chưa từng thấy và cũng chưa từng nghe. Lại sửa soạn thức ăn trăm vị thanh khiết thượng diệu. Lại sắp xếp trăm ngàn tòa Sư tử, trang nghiêm đẹp đẽ đặt trên không trung. Mỗi mỗi tòa Sư tử trên không tự nhiên có các bảo cái đẹp rủ che, trang nghiêm đẹp đẽ lạ thường đầy đủ các tướng.

Bấy giờ Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ ở trong định xếp đặt các tướng thù thắng tuyệt diệu như vậy, bày tòa Sư tử trang nghiêm xong. Sau khi xả định thì trời vừa sáng, sửa soạn thức ăn thanh khiết rồi, thân tâm thanh tịnh chuẩn bị cúng dường Thế Tôn Như Lai và Bồ-tát, đại chúng.

❑

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA BÍ MẬT CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI

QUYỂN 15

Phẩm 18: VÀO THÀNH LỚN KHOÁNG DÃ THỌ THỰC (Phần 2)

Lúc đó, đã quá đêm, Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ bảo Tứ đại Thiên vương:

– Này các nhân giả! Các vị nên biết, nay ta thỉnh Phật và Đại Bồ-tát, các chúng Thanh văn đến cung Bí mật của ta để cúng dường bảy ngày. Đức Thế Tôn vì thương xót ta nên đã nhận lời. Các vị đều có thần lực, có nhiều quyến thuộc, trong bảy ngày đêm chớ sinh buông lung, tâm chớ khởi loạn, cũng nên nghĩ mọi việc, chuyên nhất tinh cần cúng dường Đức Phật. Cho đến tất cả Dạ-xoa, La-sát, Tất-lệ-đa, Cưu-bàn-trà, Tất-xá-tả, Càn-thát-bà, Ma-hầu-la-già... cùng các loài chúng sinh khác ở trong thành lớn Khoáng dã này, đem lời của ta mà nói với họ: "Các chúng nên biết! Bồ-tát Kim Cang Thủ thỉnh Phật Thế Tôn đến thành lớn Khoáng dã này cúng dường bảy ngày. Vậy các chúng nên nhiếp các nhuế ác, phát tâm thanh tịnh, khởi ý hoan hỷ rộng lớn, trang nghiêm cúng dường Đức Thế Tôn, lắng nghe chánh pháp".

Khi ấy Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ bảo người con trưởng Kim Cang Quân:

– Này Hiền giả! Nay ông hãy tự dùng thần lực đến Phạm giới, từ Phạm chúng thiên đến Sắc cứu cánh thiên, đến các chư Thiên ấy bảo rằng: "Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ thỉnh Phật Thế Tôn đến cung Bí mật trong thành lớn Khoáng dã cúng dường bảy ngày. Chư Thiên các vị muốn được thấy Phật, thì nên đến đây".

Kim Cang Quân người con trưởng của Bí mật chủ, vâng lệnh cha và làm y như lời dạy.

Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ lại bảo người con thứ Diệu Tý:

– Này Hiền giả! Nay ông hãy tự dùng thần lực đến Địa cư thiên, rồi

đến Không cư thiên, Đâu-suất thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa tự tại thiên, đến những nơi ấy bảo: "Nay Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ thỉnh Phật Thế Tôn đến cung Bí mật trong thành lớn Khoáng dã cúng dường bảy ngày. Chư Thiên các vị! Ai muốn thấy Phật, thì hãy mau đến đấy".

Thứ tử Diệu Tý theo lời cha và làm y như lời dạy.

Lúc đó, chỉ trong khoảng sát-na có vô số trăm ngàn Thiên tử ở Dục giới, Thiên tử ở Sắc giới, đông đảo đến trăm ngàn do-tuần, đầy chật cả hư không.

Lúc đó đã qua đêm, Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ, liền vì Thế Tôn mà xếp đặt ngọa cụ trang nghiêm xong, gối phải quỳ sát đất chắp tay chí thành hướng về Thế Tôn nói kệ vi diệu khuyến thỉnh:

Lành thay, Nhân Trung Tôn tối thắng!
Lành thay, nhân Trung Tôn Thượng Sĩ!
Thế Tôn thù thắng xin giáng lâm
Khi Phật Đại Mâu-ni đã đến.
Lành thay, Lưỡng Túc Tôn tối thắng!
Lành thay, Lưỡng Túc Tôn tối thượng!
Lưỡng Túc Tối Thắng xin giáng lâm
Khi Phật Đại Mâu-ni đã đến.
Phật, Đại Liên Hoa tịnh giới sinh
Nước định tinh tấn thường tăng trưởng
Như ong tìm hoa đều trở về
Tịch Tĩnh Liên Hoa nguyện giáng lâm.
Trước tiên an lập bốn Thánh đế
Mắt hiền Từ bi quán sát khắp
Thường hay rống lên tiếng vô ngã
Phật, Đại Sư Tử nguyện giáng lâm
Giới là gốc rễ, niệm là cành
Giác chi hoa đẹp thường tươi tốt
Giải thoát trí quả thật tròn đầy
Phật, Đại Thọ vương nguyện giáng lâm.
Diệu tuệ thậm thâm thêm rộng lớn
Nước định vắng lặng càng mát mẻ
Các hạnh tỏa sáng Đại Đạo Sư
Phật, công đức hải nguyện giáng lâm.
Thành tựu đại Bi lễ cát tường
Đại tuệ sáng suốt trang nghiêm khắp

Hoa sen khai giác chúng đều về
Phật, Nhật Quang Minh nguyện giáng lâm.
Chánh ngữ chấn phục các tà luận
Cây thuốc giải thoát cứu bệnh nặng
Bầy nai tiểu căn đều khai sáng
Phật, Đại Sơn Vương nguyện giáng lâm.

Lúc đó Đức Thế Tôn nhận lời cầu thỉnh chí thành ân cần của Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ, biết giờ đã đến liền bảo chúng Tỳ-kheo:

– Các vị hãy đắp y cầm bát đến chỗ của Kim Cang Thủ. Vị ấy đã thỉnh, xin cúng dường bảy ngày. Nay đã đến giờ, chúng Tăng cùng đến, nên nhờ người coi giữ Tăng phòng. Nay trong chúng này, các vị nào đã được thần thông, Bồ-tát, Thanh văn mỗi mỗi đều tự dùng thần lực bay lên hư không mà đi, còn các vị nào chưa đủ thần lực thì nên nương vào ánh sáng tròn đầy thanh tịnh của Như Lai bay lên không mà đi.

Nói rồi, Đức Thế Tôn liền ẩn thân không hiện rời khỏi núi Thứu phong, thành Vương xá. Bồ-tát, Thanh văn cung kính vây quanh, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp nơi. Các thiện nam, thiện nữ kẻ trước người sau ca vịnh tán thán và trỗi lên trăm ngàn ức âm nhạc chấn động đại địa, trời mưa xuống đủ loại hoa báu đẹp lạ thường, ở trong cõi ấy hiện ra các đại oai lực của Phật: Tướng đại thần thông của Phật tướng đại thi tác của Phật, tướng đại biến hóa của Phật, tướng đại cát tường của Phật, tướng đại thắng quang của Phật, tướng đại oai nghi của Phật, đại du hý của Phật v.v... tự tại bay trong hư không, đến thành lớn Khoáng dã.

Đức Thế Tôn bay giữa hư không cũng như con ngỗng chúa, đến đi an tường bay đi tự tại. Các chúng Thiên tử ở Dục giới, Sắc giới, từ xa thấy Thế Tôn bay cao lên hư không cũng như con ngỗng chúa uyển chuyển tự tại, đều sinh hoan hỷ khoái thích vui mừng. Lại như mặt trời mới mọc trong sáng đáng yêu, như trăng tròn trịa rạng ngời vô tận, các sao vây quanh, như chúa trời Đế Thích được thiên chúng vây quanh, như Đại Phạm vương được Phạm chúng quay quanh, Thiên chúng thấy rồi khởi tâm thanh tịnh hy hữu, tất cả đều cầm đủ loại hương hoa cúng dường Đức Phật như: hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-mẩu-đà, hoa Bôn-noa-lợi-ca, hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa Ba-lợi-chất-đa-la, hoa Ma-ha ba-lợi-chất-đa-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-thù-sa, hoa Khả ái, hoa Đại khả ái, hoa Luân đại luân, hoa Lục sinh chư và các loại hương hoa thù thắng vi diệu khác. Các loại hoa này đều có trăm cánh hoặc ngàn cánh cùng với hoa Diệm quang, hoa Quang vị, hoa Biến

hương, hoa Thường hương, hoa Thường khai, hoa Duyệt mục. Các loại hoa này và vô lượng hương hoa thù thắng vi diệu khác, rải khắp lên Đức Phật, rồi lại dựng tràng phan vi diệu đặc biệt, trỗi lên trăm ngàn khúc nhạc lạ thường.

Khi ấy Đức Thế Tôn hiện ra các tướng thù diệu, hương hoa, tràng phan, trỗi các âm nhạc, các việc trang nghiêm như vậy, trong khoảnh khắc đã đến thành lớn Khoáng dã. Nhưng trước đó Đức Phật và đại chúng Bồ-tát, Thanh văn từ trên hư không hạ xuống cung của Tỳ-sa-môn Thiên vương.

Lúc ấy khắp đại địa chấn động, nhưng rất nhu nhuyến, khả ái lạ thường và cũng không nhiễu não tất cả chúng sinh.

Bấy giờ Tứ đại Thiên vương biết Đức Phật Thế Tôn đã đến thành Khoáng dã, đều từ chỗ mình trấn giữ, cùng các quyến thuộc đem đủ loại hương hoa vi diệu lạ thường đi đến chỗ Phật. Đến nơi, họ đảnh lễ sát chân Phật và rải các loại hương hoa vi diệu đang mang theo để cúng dường Đức Phật rồi chắp tay chí thành lui lại đứng sang một bên, các quyến thuộc cũng chí thành đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng chắp tay. Đức Phật liền vì Tứ đại Thiên vương, quyến thuộc và cả chúng hội tuyên nói pháp yếu. Khi ấy có mười ngàn Dạ-xoa, La-sát, Rồng, Càn-thát-bà, Cưu-bàn-trà v.v... trong hội thấy tướng thù thắng của Phật liền phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ. Trong số cung tần, quyến thuộc của Tứ đại Thiên vương, có mười ngàn thiên nữ phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ.

Lúc đó Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ cùng quyến thuộc của mình, theo như thế giới Vô biên công đức trang nghiêm, đem các loại hương hoa, hương xoa, hương bột, tràng phan, bảo cái đẹp đẽ lạ thường, trỗi lên các khúc nhạc, vội đến chỗ Phật nơi cung điện của Tỳ-sa-môn Thiên vương. Đến nơi, họ đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu phải bảy vòng rồi dùng các hương hoa nghiêm khiết chí thành cúng dường lên Thế Tôn. Các quyến thuộc tấu lên âm nhạc vi diệu, nghiêm trang tề chỉnh, quy mạng đảnh lễ nghênh đón Thế Tôn và đại chúng Bồ-tát, Thanh văn về nơi cung mình. Các vị đến nơi, theo thứ tự an tọa.

Đức Thế Tôn ngồi trên tòa Sư tử được trang nghiêm bằng các thứ rất đẹp. Các Bồ-tát, Thanh văn, đại chúng cũng đều ngồi vào tòa.

Khi đó Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ nói với Đế Thích, Phạm vương, Hộ thế v.v... và tất cả Thiên tử khác:

– Các vị hãy siêng năng, tùy hỷ cúng dường Đức Thế Tôn một cách trang nghiêm, trọn vẹn, để được tăng trưởng phước cúng dường.

Lúc ấy các Thiên tử thấy cảnh giới tối thắng và tòa Sư tử được trang nghiêm thù diệu rồi, sinh tâm hy hữu đều nói như vầy:

– Tướng thù thắng được như vậy là từ thần lực nào? Là sức oai thần của Thế Tôn ư? Là sức oai thần của Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ ư?

Ngay lúc đó, tất cả đều nghe tiếng trên hư không nói:

– Các nhân giả! Các tướng thù thắng này đều là sức oai thần của Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ làm ra. Về phương Đông, cách thế giới này quá hằng hà sa số cõi Phật, có một thế giới tên là Vô biên công đức bảo trang nghiêm, Đức Phật hiệu là Trang Nghiêm Vương. Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ thấy được sự trang nghiêm thù diệu ở thế giới ấy, nên đã dùng thần lực trang nghiêm cung điện của mình thù thắng giống với thế giới kia.

Đức Thế Tôn ngồi trên tòa Sư tử thù thắng rồi. Lúc đó tất cả Dạ-xoa, La-sát, Tất-xá-tả, Cưu-bàn-trà, Càn-thát-bà, Ma-hầu-la-già v.v... ở trong thành lớn Khoáng dã đều đến chỗ Phật Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật chắp tay cung kính, lui đứng sang một bên.

Lúc đó Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ bảo Tứ đại Thiên vương và tất cả chúng hội:

– Các vị đến giúp ta, đồng phát tâm chí thành đem thức ăn trang nghiêm thanh tịnh dâng cúng Thế Tôn, nhờ đó mà khiến cho các vị được lợi ích lớn.

Nói rồi, Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ cùng chúng hội quyến thuộc tự tay sạch sẽ thanh tịnh sửa soạn thức ăn trăm vị tối thượng. Bồ-tát với thâm tâm thanh tịnh, phát tâm tối thắng cúng dường Thế Tôn và các Bồ-tát, Thanh văn, đại chúng đều được no đủ. Khi Đức Thế Tôn cùng đại chúng thọ thực xong thì dâng nước hương thơm lên để Phật và đại chúng rửa tay, xong rồi lui ngồi một bên ở trước Phật để nghe pháp.

Lúc đó, tất cả Dạ-xoa, La-sát, Tất-xá-tả v.v... ở thành lớn Khoáng dã, mỗi vị đều chí thành chiêm ngưỡng Thế Tôn, chắp tay cung kính quy mạng đảnh lễ.

❑

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA BÍ MẬT CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI

QUYỂN 16

Phẩm 19: HỘ THẾ (Phần 1)

Bấy giờ Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ khuyến thỉnh Thế Tôn tuyên nói chánh pháp:

– Cúi xin Thế Tôn vì các chúng sinh chưa phát tâm Bồ-đề, tùy nghi nói pháp, khiến cho họ nhập vào pháp lý, phát khởi tâm đại Bồ-đề an trụ không thoái chuyển. Lại còn làm cho Dạ-xoa, La-sát, Tất-xá-tả, Càn-thát-bà, Ẩn mật thần, Ma-hầu-la-già... các chúng hội này khiến cho chúng được tương ưng với các hạnh lành, lợi ích an lạc lâu dài và được tối thượng cao hiển trong tối thắng mà không giảm mất các thiện pháp.

Khi ấy Thế Tôn bảo Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ và các chúng hội:

– Này các nhân giả! Các vị hãy lắng nghe tác ý cực thiện. Nay ta tuyên nói khiến cho tất cả đều nhập vào pháp lý, tu các thiện hạnh lành. Này các thiện nam, thiện nữ, khiến hết tất cả đều được cao hiển tối thắng, đối với thiện pháp không bị hoại mất.

Lúc đó Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ... và chúng hội đều nhất tâm lắng nghe.

Đức Phật bảo đại chúng:

– Này các nhân giả! Nếu thiện nam, thiện nữ nào phát thâm tâm hướng đến quả vị Giác ngộ rồi, mà có lòng tin thanh tịnh, muốn thấy chư Phật, ưa nghe chánh pháp, xả bỏ xan lận, tay buông tất cả, tích tụ lạc thiện, chuyên làm phước hạnh, xả tâm đầy đủ, trong việc bố thí lạc hạnh bình đẳng, tâm không chướng ngại, tâm không nhiễm ô, tin có nghiệp báo, lìa các phân biệt nghi hoặc do dự, nghiệp của thiện ác không có hoại mất. Biết được như vậy rồi, đối với mạng duyên những gì không nên làm thì không làm, không sát sinh, không trộm cắp, không tà nhiễm, không nói dối, không thêu dệt, không hai lưỡi, không nói lời ác, không

tham, không sân, không tà kiến. Đối với mười nghiệp thiện này, phải chứa nhóm giữ gìn chắc chắn; còn đối với mười điều bất thiện nghiệp phải gấp xả bỏ không làm, rộng tu phạm hạnh, lòng tin thanh tịnh, cùng với Sa-môn, Bà-la-môn và những vị có giới, có đức đồng tu phạm hạnh trong pháp chánh đạo. Đối với các thiện pháp phải nghe nhiều, siêng năng hành trì, tác ý kiên cố, tương ưng với thiện hạnh, vắng lặng điều phục, luôn nói với lời từ ái, nhiếp phục các tà luận ngoại đạo, tu thiện lìa ác, không cao không thấp, không khen không chê, khởi lên chánh niệm trụ tâm vào định, đóng cửa ba cõi, diệt trừ các bệnh, lìa các gánh nặng, vượt khỏi nghi hoặc, siêu xuất các cõi. Người biết được như vậy mới là Thiện tri thức ở chỗ chư Phật và đệ tử Thanh văn, Sa-môn, Bà-la-môn, tùy theo sự thích ứng mà thân gần cung kính thừa sự tôn thờ. Những người ấy ở chỗ Thiện tri thức lắng nghe chánh pháp, chỉ bày được lợi ích vui vẻ. Những lời dạy ấy như là nói về bố thí sẽ được quả giàu có, trì giới thì sinh Thiên, đa văn đại trí tuệ, tịnh quán thì không loạn.

Thực hành bố thí được quả báo bố thí, tâm bỏn xẻn thì mắc quả báo keo kiệt, trì giới thì được quả báo trì giới, hủy giới thì chịu quả báo hủy giới, nhẫn nhục thì được quả báo nhẫn nhục, sân nhuế thì chịu quả báo sân nhuế, tinh tấn thì được quả báo tinh tấn, biếng nhác phải chịu quả báo biếng nhác, thiền định được quả báo thiền định, tán loạn chịu quả báo tán loạn, tuệ thù thắng thì được quả báo tuệ thù thắng, ác tuệ phải chịu quả báo ác tuệ, thân làm thiện thì được quả báo thiện, thân làm ác thì mắc quả báo cõi ác, nói điều thiện thì quả báo thiện, nói ác thì được quả báo ác, ý nghĩ thiện thì được quả báo thiện, ý nghĩ ác thì được quả báo ác. Đây là thiện, đây là bất thiện; việc này nên làm, việc này không nên làm. Tạo nghiệp này rồi thì sẽ được lợi ích an lạc tương ưng thiện hạnh trong nhiều kiếp, tạo nghiệp này rồi phải chịu khổ não không có lợi ích, không tương ưng với thiện hạnh trong nhiều kiếp. Những pháp như vậy, ở chỗ Thiện tri thức nghe được những lời dạy ấy được lợi ích vui vẻ.

Lại nữa, quán sát biết pháp khí này, tức là tuyên nói pháp thậm thâm, pháp đó là Không, Vô tướng, Vô nguyện, gia hạnh. Lại nói pháp vô sinh, vô khởi, vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ giả, duyên khởi thậm thâm. Pháp này có thì pháp kia có, pháp này không nên pháp kia không. Pháp này có tức là sinh, pháp này không tức là diệt. Đấy là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục xứ, lục xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh,

sinh duyên lão tử, ưu bi khổ não. Như vậy khối đại khổ uẩn sinh. Nếu pháp này không thì pháp kia không. Đó là pháp diệt. Nghĩa là vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục xứ diệt, lục xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt; thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử, ưu bi khổ não diệt. Như vậy khối đại khổ uẩn diệt. Các pháp này hoặc sinh hoặc diệt, trong thắng nghĩa đế không có một pháp nhỏ nào có thể được. Vì sao? Vì tất cả pháp đều là duyên sinh không có chủ tể, không có người tạo tác. Người thọ nhận do nhân duyên đó cho nên chuyển, nhưng trong đó không có pháp nào có thể chuyển, cũng không phải không chuyển, cũng không có pháp nào khác. Tùy chuyển, hòa hợp, ba cõi, chỉ do nghiệp phiền não chuyển, cho nên có thi thiết. Người ngu mê đối với pháp không thật mà quán cho là thật. Người trí nên biết không có một pháp nhỏ nào có tác giả, có thể nắm bắt. Do tác giả không thể nắm bắt, cho nên không có pháp có thể chuyển, cũng không phải không chuyển. Đã nói pháp thậm thâm như vậy, nếu ai nghe rồi mà không sinh nghi hoặc, thì người ấy nhập vào tất cả pháp tánh không chướng ngại, không chấp vào sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không chấp vào nhãn-sắc, nhĩ-thanh, tỷ-hương, thiệt-vị, thân-xúc, ý-pháp. Nhãn thức cho đến ý thức tin rằng tự tánh của tất cả pháp vốn là không, tự tánh của tất cả pháp vốn là lìa.

Này các nhân giả! Chúng sinh ấy tin Bồ-tát không thoái chuyển, vì tin pháp này, cho nên không có giảm mất. Thấy Phật, nghe Pháp, thừa sự Chúng thanh tịnh, dù sinh ra nơi nào cũng thường được thấy Phật, lắng nghe Chánh pháp, thừa sự Chúng thanh tịnh. Tùy nơi đã sinh ra đó phát khởi tinh tấn, siêng cầu thiện pháp. Vì tinh tấn cho nên đối với hàng bạch y không có việc nghĩa lợi. Đó là vợ, con trai, con gái, nô tỳ, quyến thuộc và những thứ cần dùng thảy đều xả bỏ; đối với việc thanh niên vui chơi thỏa thích không sinh ái trước, mà lại khởi tâm hiền thiện, nguyện ở trong giáo pháp thanh tịnh của chư Phật Thế Tôn chánh tín xuất gia. Được xuất gia rồi luôn gần bậc Thiện tri thức, cùng Thiện tri thức đồng đẳng thiện đạo, lại còn có khả năng đạt chứng thiện đạo, lại còn có khả năng đạt được các thiện ý, lắng nghe thiện pháp. Tùy theo những gì đã nghe được, áp dụng tu hành chân thật, không dùng những lời lẽ trau chuốt, đầy đủ tuệ thù thắng, phát khởi tinh tấn, siêng cầu đa văn. Những gì mà mình đã nghe được đó đem diễn giảng rộng rãi cho người khác, nhưng không có mong cầu. Tuy đã được danh tiếng lợi dưỡng, nhưng tâm không đắm trước, dùng lời nói như thật để nói pháp cho người khác, Tùy theo điều mình nghe, tùy theo chỗ trụ cũng lại như vậy. Như thật mà vì người khác nói pháp, khiến cho

người nghe pháp được đại Từ. Đối với tất cả chúng sinh khởi tâm đại Bi, không bao giờ nhàm chán hay xả bỏ việc đa văn. Còn đối thân mạng chỉ nương thiểu dục, tri túc, tịch tĩnh, viên mãn, thiện hạnh tăng trưởng, ưa chỗ vắng lặng, những pháp đã được nghe rồi phải quán sát kỹ lưỡng về nghĩa của nó, đối với các nghĩa lý thâu nhiếp không cho tán mất, không chấp chặt vào văn mà chỉ hướng đến thật nghĩa, luôn rộng vì tất cả trời, người thế gian, chứ không phải vì mình, siêng năng tu tập thắng hạnh, rộng vì tất cả chúng sinh mà siêng cầu trí tối thắng vô thượng khiến cho chúng sinh ở trong Phật trí không có buông lung.

Sao gọi là không buông lung? Là trước hết nhiếp phục các căn, mắt thấy sắc v.v... không chấp vào tướng, không trước tướng đẹp trong các cảnh sắc; đối với vị, đối với nhiễm biết đúng như thật, cho nên thường mong cầu xuất ly. Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp cũng lại như vậy. Người trí biết rõ như vậy rồi không nắm bắt tướng, không đắm trước tướng đẹp, đối với vị, đối với nhiễm biết đúng như thật, cho nên thường cầu xuất ly. Đây gọi là không buông lung.

Lại nữa, không buông lung nghĩa là có khả năng điều phục tâm mình rồi, lại tùy theo sự thích ứng mà nhiếp phục tâm người khác, khéo dứt trừ phiền não ái nhiễm pháp ái tùy chuyển, chấm dứt mọi dục tầm, sân tầm và hại tầm; tham, sân, si... các căn bất thiện cũng nên chấm dứt không cho chúng hiện hành, lại ngăn chặn thân, ngữ, ý nghiệp các hạnh bất thiện, không cố tác ý và cũng không khởi lên. Nói tóm lại là đoạn trừ tất cả tội bất thiện pháp. Đấy gọi là không buông lung.

Này các nhân giả! Các pháp không buông lung như vậy, Bồ-tát phải siêng năng hành trì, thì mới được lòng tin thanh tịnh, không còn buông lung nữa.

Này Đại bí mật chủ! Các vị nên biết! Nếu tin vào một pháp, thì thanh tịnh rộng lớn, có thể chuyên cầu thiện pháp đúng thời. Nếu tin đầy đủ vào Bổ-đặc-già-la thì sẽ lìa mọi sợ hãi đường ác trong đời khác, tâm không còn rơi vào các ác tác, thường được chúng Thánh khen ngợi.

Lại nữa, này Bí mật chủ! Hành giả trụ pháp thì được chánh pháp thiện thú, thường ưa thấy Phật, an trụ trong Thánh đạo, được đại tự tại, được tự tại rồi, lại khiến người khác được pháp tự tại viên mãn, tâm trụ Bồ-đề được trí Như Lai.

Lại nữa, này Bí mật chủ! Nếu người muốn diệu lạc tối thắng, thì nên tu chánh hạnh, tu pháp Niết-bàn rốt ráo. Đại Bí mật chủ, nay chúng hội này đều nhờ vào sức căn lành đời trước nên mới đến hội này, khéo tu chánh

hạnh, đối với căn lành không bị giảm mất.

Thế nào là được căn lành mà không bị giảm mất? Nghĩa là tu hạnh không buông lung. Thế nên các hàng trời, người có các căn lành đều không bị giảm mất. Vì sao? Vì tâm của những người ấy không có buông lung, khéo hộ các cảnh, cho nên họ có khả năng lìa tất cả tham ái dục nhiễm, học tập pháp ái, ngăn chặn dục, sân, hại tầm. Lại có thể dứt trừ tác ý về các pháp bất thiện không chắc chắn, lìa tham, sân, si, đối với mọi lỗi lầm thô trọng của thân, khẩu, ý thảy đều chấm dứt, cho đến tất cả các thiện pháp, nếu có giảm mất đều không nên làm. Đây gọi là không buông lung. Nếu ai tin hiểu pháp không buông lung, thì có khả năng tùy thuận các việc tinh tấn. Nhờ tinh tấn cho nên không có buông lung, người ấy mới có thể tích tụ được công đức tu trì với niềm tin thanh tịnh. Do tu tập với niềm tin thanh tịnh và pháp tinh tấn không buông lung, cho nên có thể khởi chánh niệm, chánh tri. Nhờ chánh niệm, chánh tri, cho nên đối với tất cả pháp Bồ-đề phần không bị hoại mất. Nếu có đầy đủ niềm tin thanh tịnh, không buông lung, tinh tấn, chánh niệm, chánh tri, thì có khả năng tu tập pháp kiên cố.

Này Đại bí mật chủ! Nếu Bồ-tát ở trong pháp kiên cố mà được giải thoát, thì đối với có, đối với không, biết đúng như thật.

Thế nào là có? Thế nào là không? Nghĩa là tu hành chân chánh pháp Thánh giải thoát. Đây tức là có; nếu không tu hành chân chánh pháp Thánh giải thoát, thì đó là không. Nếu có nghiệp có báo thì đó là có; nếu không nghiệp không báo thì đó là không. Nếu nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý trong thế tục đế thì đó là có; nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý trong thắng nghĩa đế thì đó là không. Bồ-tát phát khởi tinh tấn đối với Bồ-đề thì đó là có; còn đối với đại Bồ-đề mà biếng nhác thì đó là không. Điên đảo khởi lên năm uẩn tức là có; pháp không do đâu mà khởi tức là không. Sắc là pháp vô thường, là khổ, là hoại diệt tức là có; sắc là pháp thường, là chắc chắn, là tương tục, là không hoại diệt, là an trụ tức là không. thọ, tưởng, hành, thức là pháp vô thường, là khổ, là hoại tức là có; thọ, tưởng, hành, thức là pháp thường, là chắc chắn, là tương tục, là không hoại diệt, là an trụ, tức là không. Vô minh duyên hành tức là có, vô minh, hành không thật tức là không. Hành duyên thức tức là có; hành, thức không thật tức là không. Thức duyên danh sắc tức là có; thức, danh sắc không thật tức là không. Danh sắc duyên lục xứ tức là có; danh sắc, lục xứ không thật là không. Lục xứ duyên xúc tức là có; lục xứ, xúc không thật là không. Xúc duyên thọ là có; xúc, thọ không thật là không. Thọ duyên ái là có; thọ, ái không thật là không. Ái duyên thủ là có; ái, thủ không thật là không. Thủ duyên hữu là có; thủ, hữu không thật

là không. Hữu duyên sinh là có; sinh, hữu không thật là không. Sinh duyên lão tử, ưu bi khổ não là có; sinh, lão tử, ưu bi khổ não không thật là không. Bố thí được giàu có là có; bố thí chiêu cảm nghèo là không. Trì giới sinh Thiên là có; trì giới đọa ác thú là không. Đa văn đầy đủ đại tuệ là có; đa văn thành nhiễm tuệ là không. Thiền quán không tán loạn là có; thiền quán tán loạn là không. Không cố tác ý sinh khởi phiền não là có; cố tác ý sinh khởi phiền não là không. Người không khởi tăng thượng mạn hướng đến Niết-bàn là có, người tăng thượng mạn được Phật thọ ký là không. Đối với tất cả chỗ mà thông đạt được không tức là có; đối với bên trong chấp ngã là không. Dùng trí siêng năng hành trì để được giải thoát là có; ngã mạn tương ưng xa lìa là không. Lại nếu ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả đối với năm uẩn không thật mà tìm cầu pháp thật thì là không.

Lại nữa, này Đại bí mật chủ! Bồ-tát siêng năng thực hành không buông lung, tác ý chắc chắn đối với có, đối với không, biết đúng như thật. Tất cả người trí thế gian đều hứa khả. Khi biết đúng như thật rồi, tuy là hành có, nhưng không chấp trước; tuy là hành không cũng không chấp trước. Như vậy là thông đạt thật nghĩa mà Đức Phật Thế Tôn đã nói.

❑

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA BÍ MẬT CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI

QUYỂN 17

Phẩm 19: HỘ THẾ (Phần 2)

Lại nữa, này Đại bí mật chủ! Trong tất cả pháp, Như Lai tóm lược mà nói có bốn pháp ấn.

1. Các hành vô thường. Vì các Sa-môn, Bà-la-môn và Trường thọ thiên chấp tiếng là thường, nên phá tưởng thường đó.

2. Các hành là khổ. Vì để phá các lạc tưởng mà hàng trời, người đã chấp.

3. Các pháp là vô ngã, phá ngã tưởng của các hàng ngoại đạo chấp ngã.

4. Niết-bàn vắng lặng, phá tăng thượng mạn của những kẻ tăng thượng mạn khởi hạnh tìm cầu.

Nói vô thường tức là rốt ráo không có khái niệm pháp thường. Nói khổ là xa lìa ý tưởng nguyện cầu. Nói vô ngã là khái niệm tướng không. Niết-bàn vắng lặng là khái niệm không tướng tác chứng.

Này Đại bí mật chủ! Pháp như vậy, nếu các Bồ-tát tin hiểu chắc chắn, siêng năng thực hành tu tập, thì đối với thiện pháp không bị giảm mất, mau chóng viên mãn pháp Bồ-đề phần.

Khi ấy bốn vị đại Thiên vương Hộ thế đến trước Phật bạch:

– Bạch Thế Tôn! Bốn Thiên vương chúng con được gọi là Hộ thế, vậy phải dùng pháp nào để hộ thế?

Phật bảo bốn vị đại Thiên vương:

– Này các nhân giả! Các vị nên tu hành chánh pháp, thì mới có thể hộ thế. Chánh pháp ấy là mười điều thiện:

1. Không giết hại.

2. Vui với sự giàu có của chính mình mà biết đủ không có so đo.

3. Không khởi nhiễm ô đối với vợ người khác.

4. Không phá hoại chúng người khác.

5. Không nói lời ác.

6. Nói đúng như thật.

7. Lời nói không trau chuốt.

8. Không mong cầu sự giàu có của người khác.

9. Dứt sân hận.

10. Chánh kiến thanh tịnh.

Này các nhân giả! Mười thiện pháp này mới có thể hộ thế.

Lại có tám pháp có thể hộ thế:

1. Hành trì theo lời dạy.

2. Dù bất cứ nơi nào cũng tôn trọng sư trưởng.

3. Thuận hành chánh đạo.

4. Tâm ý ngay thẳng.

5. Tâm luôn mềm mỏng.

6. Thường khởi tâm Từ đối với tất cả chúng sinh.

7. Không tạo các tội lỗi.

8. Tích tụ các căn lành.

Tám pháp như vậy mới có thể hộ thế.

Lại có sáu pháp có thể hộ thế:

1. Thân nghiệp hành trì, đối với Tôn sư và Thiện tri thức đồng phạm hạnh cho đến tất cả chúng sinh, đều khởi ý niệm tôn trọng yêu kính. Đây là đệ nhất thân nghiệp hòa kính.

2. Ngữ nghiệp hành Từ, đối với Tôn sư và Thiện tri thức đồng phạm hạnh, cho đến tất cả chúng sinh, đều khởi ý niệm vui thích tôn trọng. Đây là đệ nhị ngữ nghiệp hòa kính.

3. Ý nghiệp hành trì, đối với Tôn sư và Thiện tri thức đồng phạm hạnh, cho đến tất cả chúng sinh, đều khởi ý niệm vui thích tôn trọng. Đây là đệ tam ý nghiệp hòa kính.

4. Tất cả lợi dưỡng, cho đến ăn trong bát nhiều hay ít được như pháp nên chia đều cho Thiện tri thức đồng phạm hạnh cùng nhau thọ dụng, lại còn khởi ý niệm vui thích tôn trọng. Đây là đệ tứ lợi dưỡng hòa kính.

5. Đối với giới, tu pháp không đoạn, không khuyết, đầy đủ không nhơ, những gì đã nhận không sinh tham đắm chấp thủ, được người trí khen ngợi lìa sự chê bai, đem những giới pháp thanh tịnh như vậy, để cùng nhau tu trì với Thiện tri thức đồng tu phạm hạnh, lại còn khởi ý niệm vui thích

tôn trọng. Đây là đệ ngũ giới tu hòa kính.

6. Đối với các pháp chánh kiến xuất ly và phần quyết trạch thù thắng, tùy theo pháp nào đó mà tu hành chân chánh, cùng với Thiện tri thức đồng phạm hạnh tu trì, lại còn khởi niệm vui thích tôn trọng. Đây là đệ lục đồng kiến hòa kính. Này các nhân giả! Sáu pháp hòa kính này mới có thể hộ thế.

Lại có bốn pháp hộ thế:

1. Không tham, do không tham nên không đọa đường ác.

2. Không sân, do không sân, nên không đọa đường ác.

3. Không si, do không si, nên không đọa đường ác.

4. Không sợ, do không sợ, nên không đọa đường ác.

Này các nhân giả! Bốn pháp như vậy mới có thể hộ thế. Lại có hai pháp có thể hộ thế. Một là có hổ; hai là có thẹn, đầy đủ được hai pháp này mới có thể hộ thế.

Lại có một pháp có thể hộ thế. Đó là hạnh chân thật, do chân thật cho nên có thể hộ thế.

Lại nữa, lời nói thiện không có quanh co, pháp này có thể hộ thế.

Này các nhân giả! Các pháp như vậy, nếu các vị siêng năng hành trì, thì mới có thể hộ thế, tự mình hộ lại còn khuyến khích người khác cùng hộ.

□

Phẩm 20: KHỨ LAI

Lúc đó Đức Thế Tôn liền nghĩ như vầy: "Nay ta nên vì chúng hội này mà tuyên nói chương cú đại thần chú bí mật, khiến cho chúng hội tương ưng với căn lành, pháp đại Bồ-đề được tồn tại mãi ở thế gian". Nghĩ như vậy rồi, liền bảo Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ:

– Ta xưa từng ở trong cung của Long vương A-ba-la-la và lúc mới thành đạo ở Bồ-đề tràng, đem tâm lợi ích nhiếp thọ thế gian, lúc đó ta nói chương cú đại thần chú, nay ông còn nhớ chăng?

Bồ-tát Kim Cang Thủ bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con còn nhớ rõ.

Đức Phật bảo:

– Này Bí mật chủ! Vậy nay ông hãy nói chương cú đại thần chú đó đi.

Lúc đó Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ, từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước Phật, quỳ gối chắp tay lễ sát chân Phật và nói chương cú đại thần chú:

Đát nãnh tha. Hạ hổ la. Hổ la phược đế. Hổ hạ la noa. Tát ngô noa. Tả tả tả tả tả. Nĩ bố noa. Sô đát sát đa. Sát dã sát dạ. Đa sát dã tát ma. Thiết mạt nỉ các la. Hạ lô. Hạ lô phược đế. Thi la phược đế. Khẩn a vĩ thiết dã đế. Nĩ tát la ni. Nhạ nhạ. Nhạ nhạ mạt đế. A phược sất. Nĩ phược tra. Phược lật đa nô sa rị ni. Bộ đa nô tắc mật rị đế. Hô nĩ phược đa nô tắc mật rị đế. Hô na nga nam. Dược xoa noản. Nghiễn đà rị phược noãn ma hô la nga noãn. Sa tất để rị bà phược đế tát rị phược tát đỏa nam vĩ kế lãm đô ma ha bát rị phược đa. Tam dương tha đán Đà-la-ni. Nga rị nhạ đô tam mẫu nại la vĩ nga nhất đế.

Lúc Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ nói chương cú bí mật này, tất cả cung ma thảy đều chấn động, đại địa lung lay, đại hải vọt nước lên, tất cả chúng hội thảy đều kinh sợ, đồng đến trước Phật đảnh lễ cầu cứu.

Khi ấy Đức Thế Tôn lại dùng một chân ấn xuống đất, đại thiên thế giới thảy đều lay động. Đồng thời các chúng đều hướng đến chỗ Phật bạch như vầy:

– Cứu con, thưa Thế Tôn! Cứu con, bạch Thiện Thệ! Tất cả chúng con thảy đều kinh sợ hoảng hốt.

Đức Phật bảo:

– Chớ sợ, chớ sợ, đó là cảnh giới oai thần chương cú đại thần chú của chư Phật, nó có khả năng làm cho đại địa chấn động, đại hải phun nước, mặt trời trên hư không cũng phải lung lay.

Lúc đó Đức Thế Tôn liền vì Bồ-tát Kim Cang Thủ và các chúng hội lược nói pháp yếu theo như điều ứng trên.

Đồng thời trong hội có tám vạn người phát tâm đại Bồ-đề, có vô lượng người trụ vào hữu học địa.

Khi ấy trưởng tử của Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ là Kim Cang Quân đem lưới báu che trên Đức Phật, rồi đến trước bạch Phật rằng:

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát làm thế nào để được không thoái chuyển nơi quả vị Giác ngộ cao tột.

Đức Phật bảo:

– Này thiện nam! Nếu Bồ-tát tu đầy đủ mười pháp, thì được không thoái chuyển nơi quả vị Giác ngộ.

1. Thường hành đại Bi vô ngại.

2. Thường khởi đại Bi không mệt mỏi.

3. Tinh tấn thành tựu các sự nghiệp.

4. Khéo tu Không tam-ma-địa.

5. Hiện tiền thông đạt thắng tu.

6. Thông đạt Nhất thiết xứ.

7. Có khả năng dùng diệu trí thanh tịnh ba đời.

8. Dùng phương tiện vô ngại, quán thật nghiệp báo.

9. Tuy đã hiểu biết không, nhưng vẫn gieo các công đức căn bản.

10. Như trên đã nói tự tánh thanh tịnh, khéo nhập Thánh đạo.

Bồ-tát nếu đầy đủ mười pháp như vậy, thì đối với quả vị Giác ngộ thì được không thoái chuyển.

Kim Cang Quân bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát nên tu pháp nào, để nghe pháp môn chẳng nghĩ bàn của Phật mà vẫn an nhiên không sợ hãi.

Đức Phật bảo:

– Này thiện nam! Bồ-tát nên tu tám pháp thì mới có thể nghe pháp môn chẳng nghĩ bàn của Phật rồi mà vẫn an nhiên, không sinh kinh sợ.

1. Tăng trưởng thắng tuệ.

2. Tăng trưởng diệu trí.

3. Thường được Thiện tri thức nhiếp thọ.

4. Đầy đủ đại tín giải.

5. Khéo thông đạt pháp như huyễn vô sinh.

6. Tin hiểu pháp vô thường.

7. Tâm hành bình đẳng cũng như hư không.

8. Đối với các pháp khéo biết tướng chướng ngại khởi lên.

Bồ-tát nếu đầy đủ tám pháp như vậy, mới có thể nghe pháp môn chẳng thể nghĩ bàn của Phật, mà vẫn an nhiên, không sinh kinh sợ.

Kim Cang Quân lại bạch Phật:

– Bồ-tát nên tu pháp nào mới được tự tại trong các việc làm?

Phật đáp:

– Này thiện nam! Bồ-tát nên tu bốn pháp mới có thể tự tại trong tất cả việc làm.

1. Khéo tu pháp vô diệt hiện tiền, đầy đủ năm thần thông.

2. Khéo quán giải thoát môn thù thắng, đầy đủ bốn thiền định.

3. Siêu xuất hơn Phạm thế, đầy đủ bốn phạm hạnh.

4. Dùng tuệ phương tiện khéo tu vô sinh dù bất cứ nơi nào.

Bồ-tát nếu đầy đủ bốn pháp như vậy, thì mới được tự tại trong tất cả việc làm.

Kim Cang Quân lại bạch Phật:

– Bồ-tát có bao nhiêu pháp môn?

Đức Phật dạy:

– Này thiện nam! Bồ-tát có bốn pháp môn.

1. Trí môn, khéo nhập vào căn tánh của tất cả chúng sinh.

2. Tuệ môn có khả năng phân biệt tuyên nói cú nghĩa.

3. Đà-la-ni môn, khéo nhập vào tất cả ngôn âm Tổng trì.

4. Vô ngại giải môn, khéo tuyên nói các pháp vô tận.

Đây là bốn pháp của Bồ-tát.

Kim Cang Quân lại bạch Phật:

– Bồ-tát có bao nhiêu lực?

Đức Phật dạy:

– Này thiện nam! Bồ-tát có chín lực.

1. Định lực, phát khởi đại Bi.

2. Tinh tấn lực, không thoái chuyển.

3. Đa văn lực, phát sinh thắng tuệ.

4. Tín giải lực, giải thoát viên mãn.

5. Tu tập lực, lìa tán loạn.

6. Nhẫn lực, khéo hộ trì chúng sinh.

7. Bồ-đề tâm lực, hàng phục các ma.

8. Đại Bi lực, thành thục chúng sinh.

9. Vô sinh nhẫn lực, viên mãn mười lực.

Đây là chín lực của Bồ-tát.

Khi Đức Phật Thế Tôn nói pháp này, trưởng tử Kim Cang Quân được Vô sinh pháp nhẫn, chứng pháp nhẫn rồi, lại bạch Phật:

– Cúi xin Thế Tôn kiến lập oai thần, khiến cho chánh pháp này được tồn tại lâu dài trong cung của Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ và làm cho Bồ-tát được đầy đủ pháp khí, chúng sinh được văn tuệ ánh sáng chiếu khắp. Cho đến sau khi Như Lai nhập Niết-bàn, chánh pháp được lưu truyền rộng rãi trong Diêm-phù-đề này không bị diệt mất.

Đức Thế Tôn liền nhận lời khuyến thỉnh của Kim Cang Quân rồi bảo Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ:

– Này Bí mật chủ! Nay ông nên tuyên nói, lúc ta mới thành đạo nơi đại Bồ-đề tràng, ủng hộ các Bồ-tát, hàng phục nhiếp thọ các quân ma, có chương cú đại thần chú kiến lập gia hộ, khiến cho Chánh pháp nhãn tạng tồn tại lâu dài ở thế gian, nhiếp phục các ma pháp tà dị ngoại đạo.

Lúc đó Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ vâng lời Phật dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, vén áo vai phải, gối phải quỳ sát đất chắp tay cung kính đảnh lễ Thế Tôn, nói đại chú rằng:

Đát nãnh đà. Hổ lô. Hổ la. Hổ lê. Đề rị. Ha rị để. A cô thiết la sát duệ. Tả lê. Tả la phược đế. Sa rị sô rị. Sạn đế mạt lợi. Sí di. Sạn đế cát rị. Sát di. Thiết di. Phiến đế cát rị. Hổ hô. A lê. Cật cật rị. Kha rị. A vĩ thiết nỉ. La sa. La sa nĩ. Nhạ duệ. Nhạ dã phược đế. Thể rị. A phược rị đế. Vĩ phược rị đế. A phược rị đa. Nĩ. Mai đế rị bộ đa nam tăng nga la hô. Nại di. Nại ma tam bát nĩ. Đế lan noa đa la duệ. Bộ sa diệm sa tất đế nĩ vĩ tỳ du. Na nghê du. Dược sí tỳ du. Nghiễn đà rị vĩ tỳ du. Dược xoa tây tỳ du. Ma nô sa ma nô thí tỳ dược. Sa tất để rị bà phược đo tát nại tô khiếm.

Lúc nói đại thần chú này, tất cả núi lớn thảy đều chấn động, đại địa rung chuyển, đại hải phun nước, tất cả tà pháp ngoại đạo đều được nhiếp phục quay về chánh pháp, khéo hộ tất cả chánh pháp bảo tạng. Tất cả Thiên chúng cùng nhau vui thích nói kệ rằng:

Đại chú bí mật tuyên nói rồi
Khiến cho chánh pháp mãi trường tồn
Ba ngàn thế giới đều lay động
Cầu Nhân Trung Tôn nguyện cứu hộ
Đại Sư khéo nói lời chân thật
Rộng vì chúng hội thí vô úy
Oai thần kiến lập pháp môn này
Khiến cho chánh pháp trường tồn mãi.

Đức Thế Tôn ở trong cung của Kim Cang Thủ đã trải qua bảy ngày, rộng làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh, cho đến tất cả hữu tình trong thành lớn Khoáng dã, dù bất cứ nơi nào cũng đều được lợi ích. Qua bảy ngày, Đức Thế Tôn liền rời khỏi cung bay lên hư không, Bồ-tát, Thanh văn, trời, người, đại chúng cung kính vây quanh. Lại có vô số trăm ngàn Dạ-xoa, La-sát, A-tu-la, Ca-lầu-la... kẻ trước người sau tiễn đưa Phạm thiên, Đế Thích, trời Hộ thế... trải lưới phát sáng trỗi nhạc vi diệu, mưa

xuống hoa đẹp. Đồng thời các quốc độ đều chấn động. Các việc như vậy đều nhờ vào sức thần thông oai đức gia trì thần biến và các việc oai nghi của Phật. Thí như ngỗng chúa bay lượn tự tại, rồi Đức Phật và đại chúng lần lần trở về núi Thứu phong. Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ nương oai thần của Phật theo sau.

❑

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA BÍ MẬT CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI

QUYỂN 18

Phẩm 21: BỒ-TÁT DŨNG LỰC ĐI TRƯỚC

Lúc đó Thế Tôn cùng các Bồ-tát, Thanh văn, đại chúng trở về núi Thứu phong, sau một thời gian rời khỏi nơi này vì các đại chúng tùy nghi nói pháp.

Hôm đó, vua A-xà-thế biết Phật Thế Tôn đã trở về núi rồi, cùng với cung tần quyến thuộc và sáu vạn người trong thành Vương xá đều cầm các món cúng dường như hương hoa, hương xoa, hương bột vi diệu... ra khỏi thành Vương xá đến núi Thứu phong gặp Phật, đến rồi đảnh lễ sát chân Phật rồi đều đứng qua một bên. Vua A-xà-thế đến trước Phật bạch:

– Bạch Thế Tôn! Sau khi con thiết triều xong trở về an nghỉ, con của con đến thưa: "Thưa phụ vương, Đức Thế Tôn Đại sư phó thỉnh ở cung Bồ-tát Kim Cang Thủ đã xong, nay đã trở về núi Thứu phong". Nghe con của con nói thế, con liền suy nghĩ: "Đức Thế Tôn thật là hy hữu! Đức Phật đối với tất cả chúng sinh tùy chuyển đại Bi. Đối với tất cả chúng sinh, không có một chúng sinh nào mà Đức Thế Tôn buông bỏ; ở trong cung Kim Cang Thủ thành lớn Khoáng dã, phó thỉnh xong trở về đây, rộng vì chúng sinh thành thục lợi ích".

Thưa Thế Tôn! Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ rất là hy hữu, đầy đủ oai lực có khả năng tuyên nói pháp luật của Như Lai, sinh đại hoan hỷ. Như vậy, xưa kia Kim Cang Thủ đã từng gieo trồng công đức căn bản ở chỗ Phật Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác nào, mà nay có khả năng thành tựu biện tài như vậy?

Phật bảo vua A-xà-thế:

– Đại vương nên biết! Nếu chúng sinh không trồng căn lành, thì đối với việc như vậy thật khó tin hiểu, còn nếu quyết trồng căn lành, thì đối với việc này mới tin hiểu nổi!

Này Đại vương! Giả sử mười phương hằng hà sa số thế giới, còn có

thể tính đếm hết được ngằn mé của nó. Còn Đại bí mật chủ Kim Cang Thủ ở chỗ Đức Phật thân gần cúng dường, tu các phạm hạnh, thành tựu biện tài, giả sử như Phật Thế Tôn cũng không thể tính đếm được ngằn mé công đức ấy. Vì duyên đó, Đại vương nên biết nhân duyên xưa. Ta nhớ thời quá khứ a-tăng-kỳ kiếp, lại còn quá hơn đại vô lượng kiếp chẳng thể nghĩ bàn nữa, lúc đó có Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian hiệu là Đa Văn, là Đấng Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Thế giới ấy tên Cực nghiêm, kiếp tên Vô hủy. Đức Thế Tôn ấy vì đại chúng Bồ-tát thanh tịnh tuyên nói Chánh pháp. Đức Phật ấy dạy:

– Này các thiện nam! Các vị nên biết! Nếu có Bồ-tát nào phát đại tinh tấn, đối với thân mạng thảy đều xả bỏ.

Đức Phật ấy vừa dứt lời, trong hội có một Bồ-tát tên là Dũng Lực, đến trước Phật thưa:

– Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Đúng vậy, bạch Thiện Thệ! Như Phật đã nói, nếu có Bồ-tát phát đại tinh tấn đối với thân mạng thảy đều xả bỏ. Như con nay hiểu được nghĩa Phật đã nói. Bồ-tát nếu sinh biếng nhác, thì làm sao chóng thành quả vị Giác ngộ. Vì sao? Vì các Bồ-tát hay phát tinh tấn ở trong sinh tử không khởi lên ý mệt mỏi nhàm chán. Bồ-tát ấy ở trong sinh tử thường được khen ngợi, không thích Niết-bàn, mà chỉ vì muốn thành thục chúng sinh.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát siêng năng tu hành là vì lợi ích chúng sinh, đầy đủ tinh tấn, tín giải, tự có niềm vui ngay trong sinh tử, không ham cái vui Niết-bàn. Vì sao? Vì Bồ-tát làm lợi ích cho chúng sinh, tùy theo sự thích ứng mà thi tác, cũng tùy theo sự thích ứng đó mà được niềm vui. Nếu đã trụ vào Niết-bàn rồi thì làm sao thi tác. Vì thế cho nên các Bồ-tát được niềm vui ngay trong cảnh giới sinh tử. Vì siêng năng làm lợi ích chúng sinh, cho nên thường được thấy vô lượng chư Phật, thường nghe vô lượng chánh pháp thanh tịnh, thường hay thành thục vô lượng chúng sinh. Vì Bồ-tát trụ trong cảnh giới sinh tử, cho nên hay tùy nhập vào cảnh giới của chúng sinh. Nhưng đối với cảnh giới Niết-bàn lại không chấp trước hạnh xả. Bồ-tát trụ trong cảnh giới sinh tử là vì sợ đọa vào không phải cảnh giới. Vì sao? Vì trong không phải cảnh giới đó không thể làm lợi ích chúng sinh, không thể an trụ cảnh giới Như Lai, do không thể trụ cảnh giới Như Lai, cho nên không thể trưởng dưỡng tất cả chúng sinh.

Sao gọi là không phải cảnh giới? Không phải cảnh giới là địa vị của

Thanh văn, Duyên giác. Nếu trụ vào đó tức là xả bỏ chúng sinh, không thể thành thục. Vì sao? Vì cảnh giới Thanh văn, Duyên giác không phải là cảnh giới của Bồ-tát, vì Thanh văn, Duyên giác rất sợ sinh tử. Nếu hay nhiếp thọ vô lượng chúng sinh, thì chỉ có Đại Bồ-tát thanh tịnh vậy. Do đó cho nên Bồ-tát hay trụ cảnh giới sinh tử.

Đại vương nên biết! Lúc đó Đức Đa Văn Như Lai khen Bồ-tát Dũng Lực rằng:

– Hay thay Tráng sĩ! Bồ-tát khéo nói lời này, lại còn tôn trọng những việc làm trong cảnh giới Bồ-tát, không đọa vào không phải cảnh giới.

Bồ-tát Dũng Lực thưa hỏi Đức Phật Đa Văn:

– Thế nào là tự cảnh giới của Bồ-tát?

Đức Phật Đa văn đáp:

– Này thiện nam! Tự cảnh giới của Bồ-tát là nhiếp thọ vô lượng cảnh giới sinh tử mà không sinh kinh sợ, luôn khen ngợi hạnh thù thắng của Bồ-tát mà không thích trụ vào địa vị Thanh văn, Duyên giác. Dùng trí không ngăn ngại mà hòa hợp ba cõi, hoặc bớt hoặc thêm vẫn luôn tăng trưởng tất cả căn lành. Dùng trí tăng ích mà thành thục các đức căn bản. Lại hay dùng Tận trí để thành tựu vô lượng phước hạnh. Tuy là quán vô sinh, nhưng hay thành tựu pháp hữu sinh. Tuy biết là không chúng sinh, nhưng hay thành thục tất cả chúng sinh. Tuy biết các pháp là lìa tánh nhưng hay nhiếp thọ chánh pháp. Tuy biết tự tánh của quốc độ chư Phật như Không nhưng lại dùng Diệu trí trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật. Tuy quán các Pháp thân của chư Phật là không tướng, nhưng luôn khéo cần cầu tướng hảo thù thắng vi diệu của Như Lai. Tuy quán các pháp vốn không tạo tác, nhưng lại dùng diệu trí tinh tấn tạo tác các đức căn bản. Tuy quán pháp hữu vi là không thật, nhưng đối với các sự nghiệp ít tìm cầu ít tạo tác, lại hay vì tất cả chúng sinh mà tùy nghi thi thiết. Tuy quán thân tâm lìa sự đắm trước, nhưng lại dùng diệu trí nói pháp không biết chán. Tuy lìa sự ồn ào, nhưng từ thiền định phát sinh không đắm trước thiền vị. Tuy đã hiểu rõ pháp thậm thâm, nhưng dùng diệu trí tùy các chúng sinh mà mỗi mỗi hành chuyển khéo nói pháp yếu. Tuy biết là vô sinh, nhưng dùng thiện trí khéo suy nghĩ rộng nhiếp ba cõi. Tuy dùng trí quán các pháp đều không, nhưng lại khéo bảo hộ quả sở đắc. Tuy quán cảnh giới Thanh văn, Duyên giác, nhưng lại cầu pháp khinh an giải thoát của Như Lai. Tuy không nhàm chán các hạnh Bồ-tát, nhưng thường quán cảnh giới của chư Phật.

Này thiện nam! Đó tức là tự cảnh giới của các Bồ-tát.

Lại nữa, này Đại vương! Lúc đó Bồ-tát Dũng Lực ở chỗ Đức Đa Văn

Như Lai nghe pháp cảnh giới thanh tịnh như vậy rồi, sinh tâm hy hữu bạch với Đức Phật ấy:

– Hy hữu thay! Đức Thế Tôn đã khéo nói tự cảnh giới môn chánh pháp thanh tịnh của các Đại Bồ-tát. Theo như con đã hiểu nghĩa Phật đã nói, tức là Bồ-tát phải đầy đủ phương tiện thiện xảo, nhập vào tất cả pháp tự cảnh giới môn. Ví như hư không đều chiếu khắp tất cả hình sắc vạn tượng cảnh giới, nhưng lại không chấp trước, tất cả hình sắc vạn tượng cũng không chướng ngại, cảnh giới hư không cũng không chướng ngại. Bồ-tát đầy đủ phương tiện thiện xảo cũng lại như vậy, hiện tiền hiểu rõ tất cả pháp tự cảnh giới. Lại như hư không chiếu khắp tất cả hình sắc vạn tượng cảnh giới mà không chướng ngại, tất cả cây thuốc, cây độc, gai gốc, quả trái hương hoa, tất cả những cây ấy đều lớn lên trong hư không. Nhưng hư không lại không nhiễm, không tịnh, không trái, không thuận. Bồ-tát đầy đủ phương tiện thiện xảo cũng lại như vậy, từ tuệ phát sinh tất cả pháp tự cảnh giới môn, là dị sinh pháp, hữu học pháp, vô học pháp, Duyên giác pháp, Bồ-tát pháp, Như Lai pháp... Vì sao? Vì hiện chứng tất cả pháp. Lại như cỏ cây, rừng rú ở thế gian, lửa không thể bảo hộ. Vì sao? Vì lửa bốc lên thiêu đốt tất cả. Bồ-tát cũng lại như vậy, đối với tất cả pháp tự cảnh giới, tuệ quang phát lên thật rực sáng. Lại như thân Kim cang vững chắc lửa không thể đốt, dao không thể cắt, độc không thể trúng, tha lực không thể nhiếp phục. Bồ-tát cũng lại như vậy, không phải tập nhiễm của Thanh văn, không phải tập nhiễm của Duyên giác, không phải tập nhiễm phiền não của tất cả chúng sinh có thể làm nhiễm. Bồ-tát tùy theo các tập nhiễm đó, mà tinh cần tu tập, tăng trưởng tuệ lực, cho nên hiểu hết tất cả. Lại như Thủy thanh mani bảo châu, có thể làm nước bẩn trở nên trong sạch. Bồ-tát cũng lại như vậy, dùng bảo tuệ thù thắng, làm thanh tịnh tất cả cấu phiền não của chúng sinh. Lại có một loại thuốc tên là lìa độc, nó không thể cùng chung với tất cả ác độc, nhưng có thể dứt trừ tất cả độc. Bồ-tát cũng như vậy, đầy đủ tuệ lực phương tiện, không cùng chung với tất cả phiền não của chúng sinh và phiền não của chính mình, nhưng lại có thể chấm dứt các độc phiền não của tất cả chúng sinh. Những việc như vậy đều là tất cả pháp tự cảnh giới môn.

Đại vương nên biết! Lúc Bồ-tát Dũng Lực nói pháp này, có tám ngàn người phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ, hai trăm Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn.

Đại vương nên biết! Bồ-tát Dũng Lực ở trong pháp của Đức Đa Văn Như Lai thuở đó đâu phải người nào lạ, nay chính là Đại bí mật chủ Bồ-tát

Kim Cang Thủ. Lúc đó vị Bồ-tát này mặc giáp tinh tấn kiên cố, đã từng ở chỗ nhiều Đức Phật, thân gần cung kính trồng nhiều căn lành.

□

Phẩm 22: VUA A-XÀ-THẾ HỎI ĐÁP (Phần 1)

Khi ấy, vua A-xà-thế khởi lên ý nghĩ như vầy: "Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ tay phải cầm chày Kim cang nặng nhẹ bao nhiêu mà sức đại oai lực của Bồ-tát có thể cầm nổi?"

Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ biết được ý nghĩ của vua, nên liền bảo vua A-xà-thế:

– Đại vương nên biết! Chày Kim cang này cũng nặng mà cũng nhẹ.

Vua hỏi:

– Vì lý do gì mà cũng nặng cũng nhẹ?

Kim Cang Thủ đáp:

– Vì muốn điều phục các chúng sinh ngã mạn cống cao, nên chày này nặng. Vì chỉ rõ chúng sinh không có ngã mạn, ngay thẳng nên chày này nhẹ.

Trả lời xong, Bồ-tát Kim Cang Thủ đem chày Kim cang đặt trên mặt đất. Lúc đặt trên đất Bồ-tát dùng thần lực, tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách, rồi bảo vua A-xà-thế rằng:

– Này Đại vương! Đại vương hãy nhấc thử đại chày Kim cang này xem.

Vua A-xà-thế liền dùng dũng lực kiên cố để nhấc chày lên, tuy cố hết sức, nhưng vẫn không lay động bằng đầu sợi lông, liền sinh tâm hy hữu kính trọng đến trước chỗ Phật chắp tay thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con xưa đã từng ở trong chiến trận, một tay cầm bị giáp đại tượng ném ra xa, nhưng nay cỡ chày Kim cang này rất nhỏ, con cố hết sức, vẫn không thể nhấc nổi, huống nữa là đưa lên. Vì sao như vậy?

Đức Phật bảo:

– Này Đại vương! Chớ có buồn, chày Kim cang này thật rất nặng.

Vua A-xà-thế liền thưa với chúa trời Đế Thích:

– Kiều-thi-ca! Hãy nhấc thử đại chày Kim cang này xem.

Vua A-xà-thế vừa dứt lời, chúa trời Đế Thích dùng thần lực dũng

mãnh để nhấc chày lên, tuy cố hết sức, nhưng vẫn không lay động, liền sinh tâm hy hữu kính trọng, đến trước Phật thưa:

– Bạch Thế Tôn! Lúc con cùng A-tu-la đấu với nhau, sức lực của con mạnh mẽ vô địch, tay phải nắm xe lớn rộng bảy trăm do-tuần của A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la. Lúc con nắm kéo xe ấy như là trận cuồng phong, nhưng nay dốc hết sức lực vẫn không lay động nổi chày Kim cang này, chẳng lẽ Thế Tôn dùng đại oai thần đè lại ư?

Phật đáp:

– Này Kiều-thi-ca! Không phải do thần lực ta đè lại, mà là chày Kim cang kia quá nặng mà thôi. Này Kiều-thi-ca! Ý ông nghĩ sao? Núi chúa Tu-di có nặng lắm không?

Vua trời đáp:

– Núi chúa Tu-di rất nặng, nhưng đem ra để dụ cũng không bằng.

Đức Phật nói:

– Này Thiên chủ! Chày Kim cang này còn nặng hơn núi chúa Tu-di, nhưng Bồ-tát Kim Cang Thủ có thể dùng chày này đập nát các núi bao bọc xung quanh thành như trấu lép. Đó là đại thế lực của Kim cang.

Khi ấy vua trời Đế Thích thưa với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên rằng:

– Đức Phật nói Tôn giả là bậc thần thông đệ nhất trong chúng Thanh văn, vậy nay xin Tôn giả hãy nhấc thử đại chày Kim cang này xem.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền suy nghĩ: "Ta nay ở trước trời, người, đại chúng mà không nhấc nổi chày Kim cang này, e chẳng phải ta sinh mạn tâm ư?" Nghĩ vậy rồi liền vận sức thần thông, lúc sắp nhấc chày Kim cang, tức thời tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách, nước trong đại hải vọt lên, khắp cả đại địa đều lo sợ chấn động, chỉ có chày Kim cang là không lay động. Khi ấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đến trước Phật đảnh lễ sát chân thưa:

– Đức Thế Tôn cho rằng con là thần thông đệ nhất trong hàng Thanh văn, đầy đủ oai thần danh tiếng thế lực, có thể đem cả nước trong bốn biển lớn để trong lòng bàn tay, cũng có thể chuyển lay cả tam thiên đại thiên thế giới này. Cũng như có người dùng đồng tiền quay tròn trên đầu ngón tay, con có thể chận đứng mặt trời, mặt trăng trên hư không, ngăn oai quang không cho chuyển động; lại có thể ném núi chúa Tu-di qua cõi Phạm thế; lại có thể điều phục Nan-đà, Ô-ba-nan đà hai đại Long vương; lại có thể đi khất thực khắp thế giới Dương diễm. Nay chày Kim cang này lượng rất nhỏ, mà con cũng không nhấc nổi. Bạch Thế Tôn! Lẽ nào nay thần lực của

con bị hao giảm ư?

Phật bảo:

– Này Đại Mục-kiền-liên! Chẳng phải thần lực của ông bị hao giảm, mà là oai lực của Bồ-tát gia trì, tất cả Thanh văn, Duyên giác không thể lay động nổi, huống là các chúng sinh khác.

Lại nữa, này Mục-kiền-liên! Giả sử như tất cả núi chúa Tu-di trong hằng hà sa số cõi Phật đều lay động, chỉ có chày Kim cang đặt nơi nào thì nơi ấy không bị lay động.

Mục-kiền-liên bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ đầy đủ thế lực lớn, có thể ném chày Kim cang này, thật là hy hữu!

Đức Phật nói với Đại Mục-kiền-liên:

– Giả sử các núi Tu-di trong tam thiên đại thiên thế giới hợp lại thành một núi cũng vẫn bị lay động, nhưng chày Kim cang này không thể lay động.

Khi ấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên sinh tâm hy hữu ở trước Phật thưa:

– Hy hữu thay, thưa Thế Tôn! Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ, đầy đủ thế lực lớn, có khả năng cầm chày Kim cang. Lực của Đại bí mật chủ là cha mẹ sinh ra ư? Là thần lực ư?

Đức Phật bảo:

– Này Đại Mục-kiền-liên! Lực mà cha mẹ sinh ra tùy chỗ, tùy nơi đều có hạn lượng, còn thần thông lực của các Bồ-tát thì vô tận vô hạn. Nếu ta nay đem chỉ bày thì sẽ khiến hàng trời, người thế gian đều sinh mê loạn.

Lúc đó Thế Tôn quán sát khắp chúng hội, rồi bảo Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ:

– Nay ông nên nhấc chày Kim cang lên.

Lúc bấy giờ thần lực của Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ chấn động tam thiên đại thiên thế giới, Ngài liền dùng tay trái nhấc chày ném lên hư không, quay quanh bảy vòng rồi rơi vào nằm trong tay phải của Bồ-tát. Tất cả chúng hội đều sinh tâm hy hữu, chắp tay đảnh lễ Đại bí mật chủ và đồng nói lên như vầy:

– Hy hữu thay, thưa Bí mật chủ! Bồ-tát có đầy đủ đại thế lực như thế, khéo nắm đại chày Kim cang tối thắng. Nguyện cho tất cả chúng sinh đều được lực thù thắng như vậy.

Vua A-xà-thế lại hỏi Phật:

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát phải tu đủ bao nhiêu pháp mới được lực thù

thắng như vậy?

Đức Phật đáp:

– Này Đại vương! Bồ-tát nên tu mười pháp mới được lực thù thắng này:

1. Bồ-tát thà bỏ thân mạng, chứ không bỏ chánh pháp vô thượng.

2. Đối với tất cả chúng sinh khởi lên tâm khiêm hạ, tâm không tăng mạn.

3. Đối với tất cả chúng sinh yếu kém, khởi tâm thương xót, không sinh tổn hại.

4. Thấy chúng sinh đói khát, phải thí thức ăn ngon.

5. Thấy chúng sinh sợ hãi, phải ban cho sự vô úy.

6. Thấy chúng sinh tật bệnh, phải ban thuốc chữa trị.

7. Thấy chúng sinh nghèo cùng, phải ban cho chúng được đầy đủ.

8. Thấy tháp, miếu, hình, tượng Phật phải sửa sang trang nghiêm thanh tịnh.

9. Nói lời hoan hỷ an ủi chúng sinh.

10. Thấy chúng sinh mang vác nặng nhọc khốn khổ, thì nên vì họ mà trừ bỏ gánh nặng đó đi.

Bồ-tát nếu đầy đủ mười pháp như vậy, thì mới được lực thù thắng như thế.

❑

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA BÍ MẬT CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI

QUYỂN 19

Phẩm 22: VUA A-XÀ-THẾ HỎI ĐÁP (Phần 2)

Vua A-xà-thế lại hỏi Đức Phật:

– Bồ-tát nên tu bao nhiêu pháp mới được tự tại, để hướng đến tự tại?

Đức Phật đáp:

– Này Đại vương! Bồ-tát nên tu tám pháp mới được pháp tự tại, để hướng đến tự tại.

1. Lời nói tốt đẹp tâm ý ngay thẳng.

2. Tâm luôn nhu nhuyến.

3. Tâm khéo yêu mến.

4. Tâm thường thẳng thắn bình đẳng.

5. Không quanh co.

6. Không dối gạt.

7. Không ganh ghét.

8. Tâm điều hòa thông suốt. Bồ-tát nếu đầy đủ tám pháp như vậy, mới được pháp tự tại, để hướng đến tự tại.

Vua A-xà-thế lại hỏi Phật:

– Bồ-tát nên tu bao nhiêu pháp mới trụ trong tự tại?

Đức Phật đáp:

– Này Đại vương! Bồ-tát phải tu bốn pháp mới có thể trụ trong tự tại.

1. Nếu sinh trong nhân gian, nguyện làm Chuyển luân thánh vương, gặp Phật ra đời.

2. Nguyện làm Đế Thích gặp Phật ra đời.

3. Nguyện làm Đại phạm Thiên vương, chủ cõi Ta-bà, gặp Phật ra đời.

4. Nguyện làm trưởng giả giàu có thù thắng, gặp Phật ra đời. Bồ-tát

nếu đầy đủ bốn pháp như vậy, mới có thể trụ trong tự tại.

Vua A-xà-thế hỏi Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tịnh tín lấy gì làm rốt ráo?

Đức Phật đáp:

– Này Đại vương! Lấy Thiện tri thức làm rốt ráo.

Vua hỏi:

– Đa văn lấy gì làm rốt ráo?

Đức Phật đáp:

– Đa văn lấy tuệ làm rốt ráo.

Vua hỏi:

– Bố thí lấy gì làm rốt ráo?

Đức Phật đáp:

– Bố thí lấy sự giàu có tột cùng làm rốt ráo.

Vua hỏi:

– Trì giới lấy gì làm rốt ráo?

Đức Phật đáp:

– Trì giới lấy việc sinh đường thiện làm rốt ráo.

Vua hỏi:

– Nhẫn nhục lấy gì làm rốt ráo?

Đức Phật đáp:

– Nhẫn nhục lấy tùy hộ chúng sinh làm rốt ráo.

Vua hỏi:

– Tinh tấn lấy gì làm rốt ráo?

Đức Phật đáp:

– Tinh tấn lấy sự khéo léo viên mãn tất cả pháp Phật làm rốt ráo.

Vua hỏi:

– Thiền định lấy gì làm rốt ráo?

Đức Phật đáp:

– Thiền định lấy Cận tịch làm rốt ráo.

Vua hỏi:

– Thắng tuệ lấy gì làm rốt ráo?

Đức Phật đáp:

– Thắng tuệ lấy sự dứt trừ các phiền não làm rốt ráo.

Vua hỏi:

– Lắng nghe pháp lấy gì làm rốt ráo?

Đức Phật đáp:

– Lắng nghe pháp lấy đoạn trừ mọi nghi hoặc làm rốt ráo.

Vua hỏi:

– Hỏi pháp lấy gì làm rốt ráo?

Đức Phật đáp:

– Hỏi pháp lấy lìa các tạp thuyết làm rốt ráo.

Vua hỏi:

– Ở chỗ vắng lặng lấy gì làm rốt ráo?

Đức Phật đáp:

– Ở chỗ vắng lặng lấy sự chứng đắc thiền định thần thông làm rốt ráo.

Vua hỏi:

– Quán tưởng lấy gì làm rốt ráo?

Đức Phật đáp:

– Quán tưởng lấy sự lìa niệm làm rốt ráo.

Vua hỏi:

– Thanh vô thường lấy gì làm rốt ráo?

Đức Phật đáp:

– Vô thường lấy thanh lìa các chấp trước làm rốt ráo.

Vua hỏi:

– Khổ thanh lấy gì làm rốt ráo?

Đức Phật đáp:

– Khổ thanh lấy việc không chấp giữ làm rốt ráo.

Vua hỏi:

– Vô ngã thanh lấy gì làm rốt ráo?

Đức Phật đáp:

– Vô ngã thanh lấy sự diệt ngã, ngã sở làm rốt ráo.

Vua hỏi:

– Thanh tịch tĩnh lấy gì làm rốt ráo?

Đức Phật đáp:

– Thanh tịch tĩnh lấy Tùy chỉ làm rốt ráo.

Vua hỏi:

– Tác ý sâu xa, chắc thật lấy gì làm rốt ráo?

Đức Phật đáp:

– Tác ý sâu xa, chắc thật lấy phát khởi chánh kiến làm rốt ráo.

Vua hỏi:

– Nếu lìa thân tâm lấy gì làm rốt ráo?

Đức Phật đáp:

– Lìa thân tâm lấy phát khởi thiền định thần thông làm rốt ráo.

Vua hỏi:

– Thánh đạo lấy gì làm rốt ráo?

Đức Phật đáp:

– Thánh đạo lấy quả Tam-muội hiện tiền làm rốt ráo.

Vua hỏi:

– Tín giải lấy gì làm rốt ráo?

Đức Phật đáp:

– Tín giải lấy giải thoát viên mãn làm rốt ráo.

Vua hỏi:

– Chư Phật ra đời lấy gì làm rốt ráo?

Đức Phật đáp:

– Chư Phật ra đời lấy sự thành tựu tất cả pháp Bồ-đề phần làm rốt ráo.

Vua hỏi:

– Như thế nào mới gọi là Phật ra đời?

Đức Phật đáp:

– Này Đại vương, tùy sự phát tâm Bồ-đề tức là Phật ra đời.

Vua hỏi:

– Thế nào là phát tâm Bồ-đề?

Đức Phật đáp:

– Là phát sinh đại Bi.

Vua hỏi:

– Thế nào là phát sinh đại Bi?

Đức Phật đáp:

– Là phát khởi lòng tin thanh tịnh.

Vua hỏi:

– Thế nào là phát khởi lòng tin thanh tịnh?

Đức Phật đáp:

– Nếu phát tâm Bồ-đề tức là phát lòng tin thanh tịnh.

Vua hỏi:

– Làm thế nào để phát tâm Bồ-đề?

Đức Phật đáp:

– Thâm tâm không thoái chuyển là phát tâm Bồ-đề.

Vua hỏi:

– Thế nào là thâm tâm không thoái chuyển?

Đức Phật đáp:

– Là phát khởi đại Bi.

Vua hỏi:

– Làm sao có thể phát khởi đại Bi?

Đức Phật đáp:

– Đối với tất cả chúng sinh, không sinh tâm nhàm chán, buông bỏ tức là đại Bi.

Vua hỏi:

– Làm thế nào để không nhàm chán, buông bỏ chúng sinh?

Đức Phật đáp:

– Là không vướng mắc vào cái vui của chính mình.

Vua hỏi:

– Thế nào là không vướng mắc vào cái vui của chính mình?

Đức Phật đáp:

– Là không bao giờ xa lìa Tam bảo.

Vua hỏi:

– Làm thế nào để không xa lìa Tam bảo?

Đức Phật đáp:

– Nếu luôn trừ khử tất cả phiền não, là không xa lìa Tam bảo.

Bấy giờ vua A-xà-thế một lần nữa, ở trước Đức Phật cung kính bạch:

– Hy hữu thay, thưa Thế Tôn! Hy hữu thay, bạch Thiện Thệ! Như Lai đã khéo nói pháp luật thanh tịnh, Như Lai đã khéo trình bày rõ ràng các học xứ, lại hay tùy thuận với chánh pháp mà chư Phật Thế Tôn đã nói, không hoại nhân quả, lìa xa chấp đoạn, thường, tùy theo những gì đã nói mà thành

tựu sự nghiệp, quả báo thiện ác đều không hoại mất. Những lời Đức Phật đã dạy lìa mọi dối gạt. Giáo pháp thanh tịnh rộng lớn tối thượng như vậy, ai là người dám phá? Ai là người vấn nạn? Và ai sinh tâm hủy báng? Chỉ trừ những người không trồng căn lành, chịu nhiều tội nghiệp.

Bạch Thế Tôn! Con xưa chưa từng trồng căn lành đối với Đức Phật, không thể tự cắt máu thịt để báo thâm ân Phật. Nay nguyện cầu oai lực của Phật gia hộ, tất cả phiền não, tất cả tội nghiệp của con thảy đều tiêu diệt.

Bạch Thế Tôn! Đồng chân Bồ-tát Diệu Cát Tường là Thiện tri thức lợi lạc trong nhiều kiếp, đã dứt trừ các ác tác cho con, phóng ánh sáng pháp soi chiếu cho con, con cũng không thể báo được thâm ân ấy. Thế Tôn, Đấng Đại Từ Đại Thiện Tri Thức đã vì con mà nói về Chánh pháp truyền bá cùng khắp và phạm hạnh tối thượng.

□

Phẩm 23: THIÊN TỬ HIỀN VƯƠNG

Khi ấy Đại Bồ-tát Tịch Tuệ đến trước Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ thưa:

– Những việc biến hóa của chư Phật Thế Tôn; Bí mật chủ! Ngài có thể biến hóa được những việc như vậy không?

Bồ-tát Kim Cang Thủ nói:

– Nay Đức Phật hiện làm chứng cho ta, hằng hà sa số chư Phật Như Lai có các việc biến hóa, ta đây cũng có thể theo Phật mà biến hóa như là các sắc tướng thần thông du hý, chỉ lấy thâm tâm thanh tịnh đời trước mà làm rốt ráo.

Bồ-tát Tịch Tuệ lại thưa:

– Nay tôi khuyến thỉnh Đại bí mật chủ, mong ngài dùng thần lực gia trì hộ niệm, khiến cho chánh pháp năm trăm năm về sau càng được lưu truyền rộng rãi, đem chánh pháp này nhiếp thọ và trao truyền cho các Bồ-tát.

Bồ-tát Kim Cang Thủ nói:

– Này thiện nam! Chư Phật Như Lai đã cùng gia trì chánh pháp này rồi. Vì sao? Vì nay chánh pháp này thành từ văn tự, nhưng văn tự đó không sinh khởi, không tận cùng cũng không diệt mất. Văn tự ấy và nghĩa cũng

không thể ẩn tàng, pháp thậm thâm mà Như Lai đã nói đó cũng không mai một. Vì sao? Vì không có pháp có thể sinh. Nếu pháp đã không sinh, thì không diệt, nên biết như vậy. Như Phật đã nói, dù Phật có ra đời hay không ra đời, các pháp vẫn thường trụ. Pháp ấy là pháp tánh, pháp giới, pháp trụ, chân thật thanh tịnh vì là pháp Như thị.

Như trên đã nói, các pháp là từ duyên sinh cũng không trái nhau. Nếu pháp duyên sinh không trái nhau thì đó là chánh pháp, mà đã là chánh pháp thì không diệt mất. Nói như vậy mới là chánh pháp.

Bồ-tát Tịch Tuệ thưa:

– Thưa Bí mật chủ! Thế nào là mặc giáp tinh tấn nhiếp hộ chánh pháp?

Bồ-tát Kim Cang Thủ đáp:

– Nếu đối với tất cả pháp mà không trái nhau, thì có thể mặc giáp tinh tấn nhiếp hộ chánh pháp. Vì sao? Vì chánh pháp này không trái nhau với tất cả pháp.

Bồ-tát Tịch Tuệ hỏi:

– Vậy thì pháp nào trái nhau?

Bồ-tát Kim Cang Thủ đáp:

– Văn tự trái nhau thì pháp trái nhau, nhưng không trái nhau với sinh pháp. Nếu nó không trái nhau thì là nhiếp hộ chánh pháp.

Bồ-tát Tịch Tuệ hỏi:

– Nhiếp hộ chánh pháp ấy có trái nhau với tất cả thế gian không?

Bồ-tát Kim Cang Thủ đáp:

– Có, này thiện nam! Vì sao? Vì chúng sinh thế gian chấp trước các kiến, chấp lời nói Không. Đó tức là trái với thế gian. Lại còn cho rằng thế gian là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Nhưng thế gian là vô thường, là khổ, là vô ngã, là bất tịnh. Như vậy là trái với thế gian. Lại chúng sinh thế gian là thuận dòng sinh tử, nghịch dòng chánh pháp. Như vậy là trái với thế gian. Lại chúng sinh thế gian tôn trọng pháp đời này, người hộ chánh pháp tôn trọng pháp đời khác. Như vậy tức là trái với thế gian. Lại chúng sinh thế gian chấp uẩn, xứ, giới, người hộ chánh pháp nói tất cả pháp là không chấp trước. Như vậy là trái nhau với thế gian.

Tịch Tuệ nên biết! Vì lý do đó cho nên người hộ chánh pháp trái nhau với thế gian.

Bồ-tát Tịch Tuệ hỏi:

– Thưa Đại bí mật chủ! Bồ-tát làm thế nào để nhiếp hộ chánh pháp?

Bồ-tát Kim Cang Thủ đáp:

– Việc nhiếp hộ của ta là không ngã, không chúng sinh, không pháp. Đó mới là nhiếp hộ.

Bồ-tát Tịch Tuệ hỏi:

– Việc ấy như thế nào?

Bồ-tát Kim Cang Thủ đáp:

– Là lìa ngã, lìa chúng sinh, lìa pháp, lìa ngã-chúng sinh-pháp; lìa quá khứ, lìa vị lai, lìa hiện tại; không lìa quá khứ-hiện tại-vị lai; lìa ba đời, không lìa ba đời; lìa chư Phật, không lìa chư Phật; lìa các cõi độ, không lìa các cõi, lìa pháp, không lìa pháp. Nếu thông đạt pháp như vậy tức có thể nhiếp hộ chánh pháp.

Lúc đó Đức Thế Tôn khen Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ:

– Hay thay, hay thay! Đại sĩ! Ông đã khéo nhiếp hộ chánh pháp. Nếu đối với tất cả pháp mà không chấp, không thủ, tức là nhiếp hộ chánh pháp. Nếu đối với tất cả pháp có tướng hý luận mà không chấp thủ, không tập, cho đến tất cả phân biệt biến kế đều không phân biệt. Như vậy mới là nhiếp hộ chánh pháp.

Khi ấy, trong hội có một vị Thiên tử tên là Hiền Vương ở trước Phật bạch:

– Bạch Thế Tôn! Cận chỉ, Cận tịch là điều mà Thế Tôn đã nói. Theo lời Thế Tôn đã dạy thì tất cả các đối tượng duyên đều tịch chỉ mà không có đối tượng để quán, vì Cận tịch ấy không hòa hợp phát sinh lại các pháp. Tuy pháp Cận tịch vắng lặng, hoàn toàn tịch tĩnh, nhưng lại nắm giữ chánh pháp của Như Lai và cũng không xả bỏ. Tuy nắm giữ, nhưng đối với tất cả pháp không nắm giữ cũng không xả bỏ pháp nào.

Khi vị Thiên tử nói pháp này, trong hội có một ngàn Tỳ-kheo được tâm giải thoát, một ngàn vị Thiên tử được Pháp nhãn tịnh.

Lúc đó, Bồ-tát Tịch Tuệ hỏi Thiên tử Hiền Vương:

– Làm thế nào để được biện tài?

Thiên tử đáp:

– Đoạn trừ tất cả tập khí, lìa đường nói năng, không có ký thuyết. Trong Thắng nghĩa đế, không có một pháp nào có thể nắm bắt, cho nên được biện tài.

Bồ-tát Tịch Tuệ hỏi:

– Này Thiên tử! Làm thế nào để phát sinh biện tài?

Thiên tử đáp:

– Không biện tài, lìa biện tài. Vì sao? Không biện tài ở đây nói là nghĩa không hòa hợp. Lìa biện tài ở đây nói là nghĩa lìa hý luận.

Lại nữa, này thiện nam! Như ông đã hỏi làm sao để được biện tài? Nếu vì người khác mà nêu rõ thức là không chuyển; nếu tự nêu rõ thức cũng không trụ, như vậy mới được biện tài. Nếu đối với các đối tượng duyên dùng ý để nêu rõ, thì lại không chướng ngại. Vì trong pháp tánh không có chỗ trụ, cho nên được biện tài. Lại trong tất cả pháp, trí không có chuyển, không có một pháp nhỏ nào trí có thể biết rõ, cho nên được biện tài. Lại trong pháp không trụ, không xuất, không nhập, siêu xuất các nhiễm pháp, cho nên được biện tài. Lại tất cả pháp không sinh mà sinh, không diệt mà diệt, cho nên được biện tài.

Khi ấy Bồ-tát Tịch Tuệ bạch Phật:

– Hy hữu thay! Thưa Thế Tôn! Thiên tử Hiền Vương này đầy đủ đại Biện tài.

Phật bảo Tịch Tuệ:

– Vị Thiên tử Hiền Vương này từ thế giới Cực lạc trong cõi Phật A-súc đến đây, để nghe chánh pháp Bí mật của Như Lai, do Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ nói. Vị Thiên tử này đã được tùy nhập vào tất cả pháp tướng Đà-la-ni, trong trăm kiếp không có cầu nguyện, mà tự nhiên được vô ngại biện tài, tùy nơi mà tuyên nói biện tài vô ngại.

□

Phẩm 24: NÓI THÍ DỤ KHEN NGỢI CÔNG ĐỨC TỔNG TRÌ VÔ TẬN (Phần 1)

Bấy giờ Bồ-tát Tịch Tuệ bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là tùy nhập tất cả pháp tướng Đà-la-ni?

Đức Phật đáp:

– Này Tịch Tuệ! Tùy nhập pháp tướng nghĩa là trí tùy nhập văn tự vô tận. Như chữ A là tùy nhập tất cả pháp. Lại chữ A là phát sinh ra các pháp. Lại chữ A là các pháp đầu tiên sinh ra hậu tế. Lại chữ A đối với tất cả chỗ thành tựu sự nghiệp, tùy khởi ngữ nghiệp, không hiểu biết, không phải là không hiểu biết. Vì chữ A tùy nhập tất cả pháp. Đó gọi là tùy nhập pháp tướng Đà-la-ni-môn.

Lại nữa, này Tịch Tuệ! Nói tùy nhập nghĩa là đối với tất cả xứ không

có một pháp nhỏ như vi trần nào mà có thể xuất, có thể nhập. Do không có văn tự nên từ đâu mà đến, lại nhập vào đâu và trụ vào chỗ nào. Vì trong văn tự không có trụ, nên nó cũng không đi đến đâu cả. Vì văn tự không hòa hợp, tức là không có văn tự mà có thể ký thuyết, cũng không phải là không thuyết, không tăng, không giảm. Vì không có văn tự, cho nên không có pháp này, cũng không có phi pháp mà có thể phân biệt. Vì không có văn tự cho nên không có pháp có thể sinh, không có pháp có thể diệt, không có pháp có thể thành, không có pháp có thể hoại.

Tịch Tuệ nên biết! Tính đếm văn tự như vậy tức là tâm tính đếm; nếu tâm tính đếm tức là tất cả pháp tính đếm; nếu tất cả pháp tính đếm tức là không phải tính đếm. Vì sao? Vì pháp không thể tính đếm mà được. Vì pháp không tính đếm mà có thể tính đếm, cho nên tất cả pháp không thể tính đếm được. Như thế, tức là tùy nhập pháp tướng, tùy nhập vô sinh xưa nay như vậy. Nếu nhập vô sinh cũng lại không khởi, đây không có một pháp nhỏ nào mà có thể nhập. Thế nên, các pháp không nhập mà nhập.

Này Tịch Tuệ! Nếu có thể nhập vào các tính đếm như vậy, thì đối với biện tài không thể đoạn. Vì sao? Vì pháp tánh không đoạn. Nếu thông đạt như vậy tức là tùy theo sự thích ứng mà vì người khác nói pháp, tùy theo những gì đã được nói ra đó hiện tiền tác chứng. Do tùy nhập vào các pháp tướng như vậy nên tùy nhập vào tướng chúng sinh. Vì tùy nhập vào tướng của chúng sinh nên tùy theo sự tín giải mà khéo nói các pháp.

Này Tịch Tuệ! Bồ-tát được Đà-la-ni này rồi tâm ấy lìa cấu bẩn, ý vui thanh tịnh, chánh hạnh thanh khiết. Tâm ấy tối thắng, sự tu hành khéo trụ vào diệu tuệ tối thượng, chứng được thần thông kiên cố viên mãn, không bị quân ma phá hoại, hàng phục ngoại đạo, ngăn chặn phiền não, giải trừ oán kết, thân có sức lực, tâm không mệt mỏi, biện tài vô tận, diễn pháp vô biên, khéo nói vô cùng; thắng trí vô ngại, đầy đủ trí tuệ thậm thâm vi diệu, khéo nói pháp sâu xa, đa văn như biển; trụ Tam-ma-địa như núi Tu-di; tất cả chúng hội như vua sư tử; thế pháp thanh tịnh như hoa sen, trưởng dưỡng chúng sinh như là đại địa; cắt đứt ái phiền não cũng như nước lớn; thành thục chúng sinh như lửa dữ, khởi tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh cũng như trăng sáng; phá phiền não si ám cũng như mặt trời chiếu; trừ oán phiền não cũng như người có sức mạnh mẽ; khéo điều phục tâm cũng như rồng mạnh; tuyên thuyết pháp âm như sấm sét lớn; rộng thí pháp vũ như trận mưa lớn; trị liệu các bệnh phiền não của chúng sinh như đại y vương; làm đại Pháp vương như vua tự tại; khéo hộ thế pháp như trời Hộ thế; khéo quán trời, người

như chúa trời Đế Thích; tâm được tự tại, đầy đủ lực tăng thượng cũng như Phạm vương; không bị trói buộc cũng như chim bay; sợ những nơi ồn ào cũng như nai, khỉ; đối với tất cả chúng sinh nhẫn nhục các ác cũng như mẹ hiền; dạy dỗ trao truyền tài nghệ đa năng, mở các trường học cũng như cha hiền; thí các pháp bảo chảy hoài vô tận như Tỳ-sa-môn Thiên vương; được phước trang nghiêm, đầy đủ các tướng hảo mọi người thích ngắm nhìn sinh tâm hoan hỷ; đầy đủ bảy báu không bị nghèo cùng khốn khổ, nhiếp hóa người vô trí, khen ngợi người trí. Nhờ đầy đủ trí tuệ cho nên lìa các lỗi lầm; khéo hộ chư Thiên, khéo hộ loài Rồng và chúng Dạ-xoa...; nói pháp tự tại thần thông vô ngại, biết rõ được ý vui của tất cả chúng sinh, tùy nhập vào tất cả căn tánh của chúng sinh, nghe pháp không nhàm chán, không mong cầu tất cả danh tiếng, lợi dưỡng, thuyết pháp không keo kiệt. Do không nhiễm trước nên đầy đủ giới thanh tịnh. Do không oán hại nên nhẫn lực thanh tịnh. Khéo hay thành tựu các sự nghiệp, cho nên tinh tấn thanh tịnh. Do được tự tại nên thiền định thanh tịnh. Do trí trong sáng nên thắng tuệ thanh tịnh. Phạm hạnh tối thượng nên đầy đủ bốn vô lượng, khéo tu xuất thế tĩnh lự đẳng trì, thành tựu Bồ-đề Thánh đạo vô thượng. Do đầy đủ các tướng công đức như vậy, cho nên được quán đảnh Pháp vương vô thượng.

Tịch Tuệ nên biết! Bồ-tát được Đà-la-ni, lại còn được vô lượng công đức như vậy. Nếu lại được thần lực gia trì của Như Lai, thì mọi sự nghiệp đều được công đức Đà-la-ni của Bồ-tát, dù có trải qua trăm ngàn năm xưng tán thí dụ cũng không thể hết được.

Khi ấy Bồ-tát Tịch Tuệ hỏi Thiên tử Hiền Vương:

– Nhân giả! Nay nhân giả chắc chắn được thiện lợi vì đã có thể khen ngợi công đức vô lượng, vô biên của Như Lai.

Thiên tử Hiền Vương thưa với Bồ-tát Tịch Tuệ:

– Thiện nam! Trong thắng nghĩa đế, không có một pháp nhỏ nào được khen ngợi. Vì sao? Vì pháp không có tướng, không phải hình hiển sắc, cho nên không thể khen ngợi hết công đức vô biên ấy. Nếu trong hình hiển sắc ấy quyết định có tướng, thì mới có thể dùng ngôn từ tuyên nói khen ngợi.

❑

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA BÍ MẬT CHẲNG NGHĨ BÀN CỦA NHƯ LAI

QUYỂN 20

Phẩm 24: NÓI THÍ DỤ KHEN NGỢI CÔNG ĐỨC TỔNG TRÌ VÔ TẬN (Phần 2)

Khi ấy Thiên tử Hiền Vương bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tất cả pháp không nhiếp thọ, không ngã, không thủ, không liên tục, không gián đoạn, nhưng lại dùng phương tiện tùy nghi thực hiện. Những người siêng năng tu hành, thì dùng chánh phương tiện hiện tiền được đắc pháp.

Bạch Thế Tôn! Ví như dòng nước ngầm dưới mặt đất, con người phải nhờ đến sức lực, ra công đào hầm, hoặc đào giếng, nhờ nỗ lực cho nên lấy được nước. Nếu không đào hầm, đào giếng thì làm sao mà được nước. Người siêng năng dùng phương tiện cũng như vậy, do nỗ lực cho nên bất cứ ở đâu cũng thông đạt thắng trí. Nếu không siêng năng nỗ lực thì trí từ đâu mà có. Thế nên người cầu Bồ-đề phải luôn siêng năng dùng phương tiện phát khởi tinh tấn, thì mới được Thánh pháp ngay trong hiện tiền. Cũng như người mù ở thế gian, không thể thấy được những hình bóng sắc tướng. Chúng sinh bị phiền não che lấp cũng như thế, đối với pháp được sinh ra mà không thể thấy. Ví như người có mắt tại thế gian, ở trong chỗ tối tăm, nếu không có đèn sáng thì không thể thấy bất cứ hình bóng sắc tướng nào. Người tu Thiên nhãn cũng lại như vậy, nếu không có Thiện tri thức thuyết pháp hướng dẫn thì không thể tin hiểu pháp được. Lại như người đầy đủ Thiên nhãn thanh tịnh, không cần phải nhờ đến ánh sáng thế gian soi rọi. Bồ-tát cũng như vậy, việc làm đã xong không cần phải nhờ đến sự hướng dẫn dạy dỗ của người khác. Lại như người thế gian ở trong thai tạng, không thấy được gì cũng không thấy có sự tăng trưởng. Bồ-tát phát khởi tinh tấn cũng lại như vậy, tuy tu pháp Phật, nhưng không thấy Bồ-đề có tăng trưởng. Lại như đại Tuyết sơn vương, có các loại cây sinh sống nơi ấy, các cây ấy không bị phá hoại hay chết khô. Bồ-tát cũng như thế, siêng hành phương tiện, tu các chánh pháp, nương vào trí mà phát sinh, trong đó không bị phá

hoại hay giảm mất. Lại như Chuyển luân thánh vương xuất hiện nơi thế gian, bảy báu cũng xuất hiện theo, nào là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, nữ báu, chúa tạng thần báu, binh thần báu. Bồ-tát cũng như vậy, nếu phát tâm Bồ-đề thì bảy báu cũng đi theo, nào là Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Thắng tuệ, phương tiện. Lại như Chuyển luân thánh vương thống lãnh bốn đại châu giới, đối với chúng sinh, thương nhớ bình đẳng, không có ý tưởng gì khác. Bồ-tát cũng như vậy, dùng bốn Nhiếp pháp rộng nhiếp chúng sinh không có ý tưởng nào khác. Bốn Nhiếp pháp là Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành và Đồng sự. Lại như Chuyển luân thánh vương đem vương pháp giáo hóa, tất cả đều không chiến đấu tranh tụng. Bồ-tát cũng như vậy, an cư nói pháp không có tất cả việc tà ngoại tranh tụng. Lại như tam thiên đại thiên thế giới trước nhất là thành lập núi đại Tu-di và biển cả. Bồ-tát cũng như thế, mới phát tâm Bồ-đề, trước phải kiến lập đại Bi kiên cố. Lại như mặt trời mới mọc, trước hết là chiếu núi cao. Bồ-tát cũng vậy, trước phát ánh sáng đại trí, khiến các chúng sinh phát khởi căn lành, được ánh sáng trí chiếu soi. Lại như đại địa nhận các hạt giống, tất cả cây cỏ rừng rú, đều nương đất mà sống tươi tốt bình đẳng. Bồ-tát được Đà-la-ni cũng lại như vậy, dùng pháp bình đẳng và tâm không đắm trước đối với tất cả chúng sinh, không có xả bỏ.

Lúc đó Đức Thế Tôn khen Thiên tử Hiền Vương:

– Hay thay, hay thay! Này Thiên tử! Ông đã khéo thí dụ tuyên nói về các pháp của Bồ-tát. Thiên tử nên biết! Giả sử như tất cả cỏ cây rừng rú, danh tướng đẳng tụ, pháp tụ, thanh tụ và hình sắc tụ, nhập vào khắp tất cả tâm hạnh của chúng sinh, dùng mọi danh tướng phân biệt, để tìm xét khắp tất cả chúng sinh, cho đến sự ăn uống thọ dụng của chúng sinh, đều làm thí dụ xưng dương tán thán. Bồ-tát được Đà-la-ni công đức có được không thể cùng tận.

Này Thiên tử! Bồ-tát được Đà-la-ni, dù nói ra một pháp nhỏ nào đi nữa, cũng đều là lời Phật nói.

Lại nữa, tất cả ánh quang minh của Sắc tướng, ánh quang minh của thanh, hương, vị, xúc, pháp thảy đều hiện tiền, có đủ biện tài mà không phải nghe và lệ thuộc vào người khác, không quán tướng khác mà nói. Đối với tất cả nơi chốn, nếu vị ấy hướng đến nơi nào thì đều thông đạt vô tận, vô biên, không dùng oai lực đó biến nhập tất cả, thân không thô lỗ, tâm không duyên theo đối tượng, đối với trăm ngàn chư Phật hiện tiền nói pháp vẫn không nhiễm trước. Bồ-tát nhờ oai thần của chư Phật kiến lập được Đà-la-ni, trí tuệ biện tài, nếu như nói pháp thì không có nhiễm trước, cũng

không còn thoái chuyển.

Này Thiên tử! Bồ-tát có ba pháp không bị đắm trước.

Không chấp ngã.

Không chấp trước chúng sinh.

Không chấp trước pháp.

Lại có ba loại thông đạt thanh tịnh. Ba loại ấy là gì?

Pháp giới thanh tịnh.

Chân như thanh tịnh.

Thật tế thanh tịnh.

Lại có ba thứ thông đạt vô tận. Ba thứ ấy là gì?

Pháp vô tận.

Văn tự vô tận.

Diễn nói vô tận.

Lại có ba thứ được thông đạt lực gia trì. Đó là những gì?

Biện tài gia trì.

Pháp nghĩa gia trì.

Nhập pháp gia trì.

Lại có ba thứ thành tựu hoan hỷ. Thế nào là ba?

Tuệ hoan hỷ.

Trí hoan hỷ.

Đoạn nghi hoan hỷ.

Lại có ba pháp mau chóng. Ba pháp đó là gì?

Niệm mau chóng.

Tuệ mau chóng.

Hành mau chóng.

Khi Phật nói pháp công đức tổng trì tán thuyết thí dụ vô tận này, trong hội có tám trăm Bồ-tát được thể nhập Đà-la-ni môn.

□

Phẩm 25: CHÚC LỤY CHÁNH PHÁP

Bấy giờ, Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ bạch Phật:

– Cúi xin Thế Tôn dùng thần lực gia trì khiến cho chánh pháp năm

trăm năm về sau được lưu truyền rộng rãi trong Diêm-phù-đề này.

Đức Phật bảo:

– Này Đại bí mật chủ! Ta có câu thần chú bí mật mật hộ chánh pháp, ông còn nhớ chăng? Câu thần chú ấy, ta xưa từng ở chỗ Đức Bảo nguyệt Như Lai, gần gũi lắng nghe.

Bồ-tát Kim Cang Thủ bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, con vẫn còn nhớ!

Đức Phật bảo:

– Này Bí mật chủ! Ông nay nên vì chúng hội này, mật hộ chánh pháp khiến cho tồn tại lâu dài ở thế gian. Vậy hãy nói câu thần chú xưa kia!

Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ chắp tay đảnh lễ tất cả chư Phật trong mười phương rồi nói đại thần chú:

– Đát nãnh đà. Nhạ dã. Nhạ dã mạt đế. Nhạ dã thiết đỗ lỗ. A lê. A mạt lê. A lỗ lực đế. Mạt di na mạt mạt tán đề. Ô đế. Ô đát mạt đế. Ô đát la ni. A rị a la ma ni. A rị đát ma ni. A mâu lê. Mâu la phược thất đế. Mâu la nỗ nga đế. A trất. Mạt trất. Mạt trất đế. A ni. Mani. Ma ni đế. Khô lỗ. Khô lỗ tán đề. Đạt rị ma. Nỗ nga đế. Đạt rị ma đát sí. Đạt rị ma bát la vĩ thi. Tát rị. Tát la tát rị. A tỳ nĩ. Tỳ na tán đề. Y hý. Y hạt nĩ. Y na nỗ nga di. Nĩ nga la hý ma la noãn. Nĩ rị già đát nĩ để rị tha dã nam. Mâu hạt na đạt rị ma nại vĩ thi noãn. Vĩ đà mạt na ngật lê xá nam. Ô nhập phược la na đạt rị ma nĩ để rị noản. A lạc xoa đạt rị ma cát thể ca nam. A vĩ thiết na nĩ rị phược noa tả. Bát la nga la hô mạo đề bát rị tả rị ca nam. Bát rị tam tắc đà bát na bát rị sa na. Ca dạ nỗ bát la na nam. Đạt rị ma thiết la phược ni ca nam. Tam mãn án hạt la đát sưu. Tát miệu nga đa nam. A phược lộ cát nam. Tát miệu cát bát la đế bát na nam. A mục khế bà phược đát sưu. Mãn đát la bát na nỉ ma bát la noa thiểm tô. Mãn đát la tán đề la di na ô na hạt lan noa. Nghê dã na a sô noa đa. A na phược mật rị nãnh đa nĩ xá na sa bà phược đát sưu.

Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ nói câu đại thần chú bí mật ấy xong, tức thời tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động, tất cả ma chúng cùng với quyến thuộc trong tam thiên đại thiên thế giới, đồng thời đến chỗ Phật Thế Tôn, đều cúi mình chắp tay đều bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nếu các Pháp sư nói ra câu đại thần chú này, các ma chúng con đều đến thừa sự cung kính, làm cho đại chú oai lực tối thắng này, tất cả trời, người không thể phá hoại. Chúng con luôn âm thầm hộ vệ, khiến cho tất cả không tìm được sơ hở.

Khi ấy Đức Thế Tôn quán sát khắp chúng hội rồi nói câu đại thần chú

bí mật:

– Nhạ duệ nột rị nhạ duệ. Nhạ dã mạt đế. Thiết di. Thiết đỗ lỗ nĩ rị già đát nĩ. A mâu lê. Mâu la bát rị thân nĩ. Ma la tắc nãnh. Vĩ đát la tát nĩ. Mục kết để. Mục kết đa phược đế. Thú đề. A tỳ nĩ. Bà dã mâu tả nĩ. Bà lỗ hạt ni. Nam đế vĩ nại duệ. Vĩ nãnh bát la ngật la mâu.

Rồi nói kệ rằng:

Chánh pháp nhiếp phục lời người khác
Đem chánh pháp dạy khéo nhiếp thọ
Thường hay hộ trì pháp bảo tạng
Như Lai đã nói đại thần chú.

Lại nói đại chú:

– A di. Mạt di. Mạt mạt thân nĩ. A rị thể. A rị đà nỉ tát đa la ni.

Câu đại thần chú này là thần chú triệu mời Tứ Thiên vương.

Lại nói đại chú:

– Đề rị. Đề la phược đế. Hỗ bát đế. Thú tỳ. Thú bà phược đế. Thiết di.

Câu đại thần chú này là thần chú mời triệu chúa trời Đế Thích.

Liền nói kệ:

Đủ Từ khéo thuận đại nhẫn lực
Vì lòng thương xót nói đại chú
Hai pháp Hỷ, Xả đều viên mãn
Phạm vương, Đế Thích đều triệu mời.

Lại nói đại chú:

– A la ni. Phược la ni. Kha khê. A mâu lê. Mâu la du đà nĩ.

Câu đại thần chú này là thần chú nhiếp phục các quân ma.

Thế Tôn nói kệ:

Nay đại thần chú bí mật này
Chấn động hàng phục tất cả ma
Nhân Trung Thánh chủ lực gia trì
Khéo nói kinh này rộng lưu bố
Như Lai đã nói chánh pháp này
Nên biết về sau khi mạt thế
Tuyên nói thần chú mật gia trì
Chấn động cũng như ngày hôm nay.

Khi ấy chúng ma đều tụ tập, nói kệ:

Các Thuyết pháp sư, bậc Đại trí

Các ma chúng con phải mật hộ
Khiến cho về sau khi mạt thế
Chánh pháp này đây mãi lưu truyền.

Khi ấy Thế Tôn bảo Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ:

– Ông nên biết! Nay chánh pháp này, đã được oai thần của Như Lai gia trì nên không có một người nào ở trong chánh pháp này mà có sự động chuyển. Vì sao? Vì ta nhớ vào thời quá khứ xa xưa, có Đức Phật ra đời hiệu là Bảo Nguyệt Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thế giới tên là Vô hủy, kiếp cũng tên là Vô hủy. Trong pháp Phật ấy, có hai vi Pháp sư, có đại oai đức danh xưng, thế lực. Một vị tên là Tuệ Thương; một vị tên là Đế Thọ. Hai vị Pháp sư ấy ở chỗ Đức Phật Bảo Nguyệt lắng nghe thọ trì câu đại thần chú này, trọn mãn nửa kiếp, Đức Bảo Nguyệt Như Lai chuyển chánh pháp luân, khiến cho trăm ngàn ức ma chúng trong tam thiên đại thiên thế giới đều thành tựu Thánh pháp Bồ-đề.

Bồ-tát Tịch Tuệ bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đức Bảo Nguyệt Như Lai hiện đang nói pháp, hay là đã Niết-bàn rồi?

Đức Phật đáp:

– Này Tịch Tuệ! Cách đây trăm vạn ức cõi Phật phương Đông có một cõi Phật tên là Vô hủy, Phật hiệu là Bảo Nguyệt, hiện đang nói pháp. Tuổi thọ của Đức Phật ấy đến mười ngàn kiếp. Trong cõi Phật ấy, có các ma chúng rất hung ác khó điều phục. Nhưng Đức Phật ấy nói câu đại thần chú này, nên bọn chúng đều bị điều phục; được điều phục rồi, tất cả đều thành thục viên mãn pháp Bồ-đề.

Này Bí mật chủ nay ông nên biết! Ta cũng từng ở trong giáo pháp của Đức Bảo Nguyệt Như Lai, tu phạm hạnh thanh tịnh, thành tựu Thánh pháp Bồ-đề. Pháp Sư Tuệ Thượng thuở đó nay chính là ta đây, còn Pháp sư Đế Thọ thuở đó, nay chính là Bồ-tát Kim Cang Thủ.

Tịch Tuệ nên biết! Thuở đó ta cùng với Bồ-tát Kim Cang Thủ siêng năng tinh tấn, tâm không buông lung. Ta ở chỗ Đức Thế Tôn ấy, tôn trọng cung kính rộng cúng dường, lắng nghe Đức Phật tuyên nói câu thần chú bí mật, hàng phục các ma nhiếp hộ chánh pháp.

Lúc đó, Đức Thế Tôn quán sát khắp chúng hội, rồi nói với chúng hội:

– Này các nhân giả! Sau khi Như Lai nhập Niết-bàn, ai có thể kham nhận thọ trì, hộ vệ chánh pháp tối thượng Bồ-đề thắng hạnh mà ta đã tích tập trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp không cho diệt mất?

Khi ấy, có một vạn hai ngàn Bồ-tát trong hội, vì muốn hộ vệ chánh pháp, nên từ chỗ ngồi đứng dậy chắp tay đảnh lễ hướng lên Phật Thế Tôn nói kệ rằng:

Nếu người xả bỏ thân mạng này
Xả rồi không cầu các quả báo
Chỉ vì thọ trì lời Phật dạy
Chánh pháp thanh tịnh thật tối thượng.

Lại có năm ngàn vị Thiên tử thuộc chúng Hiền vương chắp tay đảnh lễ, đến trước Đức Phật bạch:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con đều nguyện thọ trì Thánh pháp Bồ-đề của Như Lai.

Các Thiên tử liền nói kệ:

Rộng vì tất cả mọi chúng sinh
Phát khởi tâm đại Bi kiên cố
Con sẽ thọ trì pháp môn này
Tối thượng thậm thâm Phật đã nói.

Khi ấy vua trời Đế Thích, Phạm vương Thi-khí, Tỳ-sa-môn Thiên vương nói kệ:

Nay chánh pháp này như thuốc hay
Trị liệu tất cả bệnh chúng sinh
Đương lai chúng con đều hộ trì
Xin Phật biết tâm ý chúng con.

Lúc bấy giờ Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ ở trước Đức Phật bạch:

– Bạch Thế Tôn! Con cần phải thọ trì Thánh pháp Bồ-đề Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà Đức Như Lai đã tích tập trong vô lượng kiếp.

Rồi nói kệ:

Các pháp xưa nay không văn tự
Nhưng lại mượn văn tự để nói
Thánh Tôn thương xót nên tuyên bày
Con nên thọ trì truyền lưu mãi.

Lúc đó Đức Thế Tôn bảo Phạm vương Thi-khí:

– Phạm vương nên biết! Bồ-tát có ba loại thừa sự cúng dường tối thượng. Đức Như Lai cũng từ việc thừa sự cúng dường tối thượng mà được phước vô lượng. Một là phát khởi tâm hướng đến quả vị Giác ngộ; hai là giữ gìn chánh pháp của chư Phật; ba là tùy theo pháp mà do mình đã nghe tu hành như thật.

Này Đại phạm! Ba việc cúng dường tối thượng như vậy. Như Lai trụ một kiếp cho đến kiếp tận, hoặc sống đến vô lượng, phước báo cúng dường đó, dù có nói rộng ra cũng không thể hết được. Vì sao? Vì nếu người muốn cúng dường cho các Đức Như Lai một cách tối thượng, thì nên tu ba pháp cúng dường thanh tịnh rộng lớn tối thượng này.

Lại nữa, này Đại phạm! Nếu có người đối với chánh pháp mà Như Lai đã nói, thọ trì một trong bốn câu kệ, thì tức là hộ trì Thánh pháp Bồ-đề của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì sao? Vì chư Phật là từ pháp mà phát sinh giác ngộ. Thế nên, cúng dường Pháp siêu xuất hơn sự cúng dường tiền tài ở thế gian. Pháp cúng dường là tối thắng tối thượng đệ nhất trong các việc cúng dường tối thắng.

Này Đại phạm! Ta nhớ thời quá khứ trong dòng họ Quang Minh Vương, có một thái tử tên là Cụ Tuệ, trong một đêm nọ chợt mộng nghe nói hai bài kệ, nghe rồi ghi nhớ, đến khi thức giấc suy nghĩ: "Ta nay được bảo tàng lớn", liền la lớn lên rằng: "Ta nay được bảo tàng lớn".

Lúc đó, vua cha và mẫu hậu hỏi lý do. Thái tử liền trình bày đầy đủ việc trên rồi nói lại hai bài kệ cho cha mẹ nghe:

Tài bảo thế gian trụ rồi tan
Vua quan, nước, lửa, giặc, trộm cắp
Chư Phật đa văn diệu pháp tài
Dẫu trăm ngàn kiếp không hoại mất.
Pháp cam lộ thường không phóng dật
Phát tâm Bồ-đề lợi chúng sinh
Tâm vắng lặng kiên cố cũng thế
Không chấp vào cái vui tầm thường.

Đại phạm! Khi thái tử nói lại hai bài kệ trong mộng cho cha mẹ nghe, có tám ngàn người thành thục tâm Bồ-đề, bốn vạn hai ngàn chúng sinh được sinh Thiên. Vì lý do đó, cho nên nơi nào có đa văn thanh tịnh pháp tài, thì phải siêng năng tinh tấn nương pháp mà tu hành chánh pháp, thì mới có thể nhiếp thọ người khác.

Lại nữa, này Đại phạm! Có hai pháp có thể làm nhiều việc. Một là không khởi lên sự tổn hại đối với tất cả chúng sinh. Hai là siêng cầu đa văn không biết nhàm chán. Nếu ai có thể hành trì hai pháp này, thì đối với Chánh pháp nhãn tạng không bị đoạn diệt.

Này Đại phạm! Ông ở nơi chư Phật trong hiền kiếp khuyến thỉnh thuyết pháp, hộ trì chánh pháp. Chư Phật Như Lai trong hiền kiếp ấy, nếu có chúng sinh thanh tịnh thì mới gặp Phật xuất thế. Thế nên, nay ông chớ

nên nhàm chán. Vì sao? Này Đại phạm! Trong thời ác trược, nếu có người thọ trì chánh pháp trong một ngày đêm, thì được phước nhiều hơn người thọ trì chánh pháp trăm ngàn kiếp ở cõi Phật thanh tịnh. Thế nên, này Đại phạm! Ông nên phát khởi sức tinh tấn rộng lớn, trong thời ác trược, hộ trì kiên cố chánh pháp của Như Lai.

Đức Thế Tôn quay sang bảo Tôn giả A-nan:

– Nay ông nên thọ trì kiên cố Bộ Nhạ-la Đà-la-ni môn, phẩm Như Lai Bí Mật Kim Cang Thủ, vào đời mạt thế về sau vì người khác mà rộng tuyên nói. Ta nay đem chánh pháp này phó chúc cho ông, trong đời mạt thế đối với những chúng sinh tin hiểu yếu kém thì không nên nói pháp môn này, khiến họ si mê. Vì sao? Vì đối với chánh pháp này không thấu hiểu được tận nguồn gốc của nó. Nếu có người tự tại trong chánh pháp, đã thành tựu các sự nghiệp tối thắng, người ấy là pháp khí, thì nên đem chánh pháp này trao truyền cho họ, nghe rồi mà không sinh kinh sợ. Vì sao? Vì phát sinh chánh pháp vậy.

Lúc đó Tôn giả A-nan ở trước Đức Phật bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nay con nhờ oai lực của Thế Tôn, thọ trì pháp này tùy theo khả năng mà tuyên nói lưu bố.

Đức Phật bảo A-nan:

– Ông nay có thấy Đại sĩ Bồ-tát Kim Cang Thủ siêng năng hộ trì chánh pháp của Phật không?

A-nan bạch Phật:

– Con đã thấy, thưa Thế Tôn!

Đức Phật bảo A-nan:

– Nay ông cũng nên như vậy, đối với chánh pháp này tùy nghi mà nhiếp thọ, hộ trì kiên cố, tùy ứng mà tuyên nói.

A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì? Và chúng con thọ trì như thế nào?

Đức Phật bảo A-nan:

– Kinh này gọi là phẩm Kim Cang Thủ; cũng gọi là Tuyên Thuyết Bí Mật Như Lai; cũng gọi là Pháp Phật Chẳng Nghĩ Bàn; cũng gọi là Vô Lượng Phước Tụ. Những danh tự như vậy ông nên nghi nhận.

Lại nữa, này A-nan! Nay ông nên biết! Nếu có người trụ Bồ-tát thừa, dùng mắt Phật mà quán sát, có người đem các châu báu đầy các cõi Phật, cho đến chứa từ đất lên tới đảnh, đem ra bố thí khắp tất cả, mà không mong

báo đáp lại. Nếu lại có người không đem tâm tài lợi, làm theo điều thiện vì người khác diễn nói chánh pháp này, phước của người này hơn người kia. Đây gọi là Như Lai Bí Mật Vô Lượng Phước Tụ.

Khi Phật nói phẩm Chúc lụy này, trong hội có ngàn ức người phát tâm hướng đến quả vị Giác ngộ, chín vạn sáu ngàn Bồ-tát được pháp nhẫn, tám vạm bốn ngàn người được Pháp nhãn tịnh, một ngàn sáu trăm Tỳ-kheo tâm được giải thoát, một ngàn sáu trăm Tỳ-kheo-ni cũng được tâm giải thoát. Mười phương vô lượng cõi Phật thảy đều chấn động, trăm ngàn trời, người ở trong hư không trỗi các Thiên nhạc, mưa xuống các hoa đẹp cúng dường rồi đồng nói như vầy:

– Mong sao chánh pháp này tồn tại mãi ở thế gian, lưu truyền rộng rãi ở cõi Diêm-phù-đề này.

Phật nói kinh này xong, Đại bí mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ và Bồ-tát Tịch Tuệ... cùng các chúng Bồ-tát, Hiền Vương..., các chúng Thiên tử, vua A-xà-thế... các đại Quốc vương, cùng các Bồ-tát khác, A-nan và các đại Thanh văn, cho đến tất cả thế gian, Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà... nghe Phật nói đều sinh tâm hoan hỷ tín thọ phụng hành.

❑

-oOo-